

CHIẾN THẮNG GIÀNH LẠI ĐƯỢC

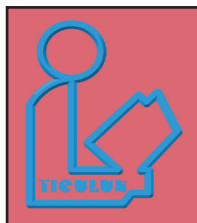
The Vietnam War, 1965-1968

MARK MOYAR



CHIẾN THẮNG GIÀNH LẠI ĐƯỢC

MARK MOYAR



M. Đ. chuyên ngữ

Lời nói đầu

Công trình nghiên cứu lịch sử này được bắt đầu vào cuối thế kỷ XX, với ý định ban đầu là xuất bản một cuốn sách duy nhất về Chiến tranh Việt Nam dựa trên các nghiên cứu lịch sử chuyên sâu khác. Nghiên cứu sơ bộ cho thấy cần phải khai thác các nguồn tư liệu chính nhiều hơn dự kiến, dẫn đến một hành trình kéo dài đến mức phải chia bộ lịch sử thành nhiều phần, với tập đầu tiên kết thúc vào tháng 7 năm 1965. Cuốn sách này, là tập thứ hai trong một bộ ba tập, tiếp nối câu chuyện từ tháng 8 năm 1965 và tiếp tục đến cuối năm 1968 với sự kết thúc nhiệm kỳ tổng thống của Lyndon B. Johnson.

Giống như tập trước là Chiến thắng bị lãng quên, Chiến thắng giành lại được dựa trên các nguồn tư liệu từ tất cả các bên tham chiến. Như trước đây, Merle Pribbenow đã cung cấp bản dịch của hàng trăm tài liệu, hồi ký và công trình lịch sử có giá trị từ phía Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam. Cuốn sách này phản bác lại trường phái «chính thống» trong lịch sử nghiên cứu Chiến tranh Việt Nam, vốn xem sự can dự của Mỹ vào cuộc chiến là sai lầm và phi nghĩa. Nó chủ yếu ủng hộ trường phái sử học phản biện, vốn coi cuộc chiến là

một nỗ lực đáng giá nhưng được thực hiện không đúng cách, bởi vì các sự kiện lịch sử đã dẫn dắt theo hướng đó. Nhiều luận điểm chính của cuốn sách đã từng được đưa ra bởi các nhân vật trong cuộc chiến hoặc các sử gia, nhưng với ít bằng chứng và phân tích hỗ trợ hơn ; một số luận điểm khác thì hoàn toàn mới ¹.

Giống như trong Chiến thắng bị lãng quên, người Việt Nam là những nhân vật trung tâm của câu chuyện. Các bản dịch của Pribbenow và nghiên cứu của một số sử gia Mỹ và Việt Nam đã giúp chúng ta có thể hiểu được quan điểm của người Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam một cách đầy đủ hơn nhiều so với những thập kỷ trước. ² Người Việt Nam ở cả hai chiến tuyến không chỉ xung đột với nhau mà còn với các đồng minh cường quốc và cả những đồng minh người Việt của chính họ. Hành động của người Việt Nam thường ảnh hưởng, hướng dẫn, hoặc lấn át hành động của Hoa Kỳ, Trung Quốc và Liên Xô.

Sự hỗn loạn chính trị ở miền Nam Việt Nam vốn là trọng tâm của tập đầu tiên không có mặt trong giai đoạn được đề cập trong cuốn sách này, ngoại trừ một sự kiện ngắn và sự trở lại đầy ngoạn mục vào mùa xuân năm 1966. Bởi vì Hoa Kỳ khi đó đã hoàn toàn cam kết với cuộc chiến, địa chính trị châu Á không còn quan trọng

trong việc ảnh hưởng đến chiến lược của Mỹ bằng việc bị chiến lược đó chi phối. Ảnh hưởng này được cảm nhận ngay từ sớm, tại Indonesia vào mùa thu năm 1965, và tiếp tục với cuộc cạnh tranh kéo dài giữa các cường quốc lớn, cụ thể là Hoa Kỳ, Liên Xô và Trung Quốc.

Bằng việc chặn đứng con đường mở rộng của chủ nghĩa Cộng sản trên lục địa Đông Nam Á, lập trường kiên quyết của Mỹ tại Nam Việt Nam đã khích lệ các lãnh đạo quân sự Indonesia ngăn chặn cuộc đảo chính Cộng sản ngày 1 tháng 10 năm 1965 và tiêu diệt Đảng Cộng sản Indonesia. Diễn biến này đã làm thay đổi hoàn toàn cục diện Đông Nam Á và tiêm vắc - xin cho quốc gia có giá trị chiến lược nhất trong khu vực chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa Cộng sản và Trung Quốc³. Cuộc biến động ở Indonesia và sự thất bại trong tham vọng của Bắc Việt Nam do sự can thiệp của Mỹ tại Nam Việt Nam đã khiến Mao Trạch Đông của Trung Quốc quay vào trong để tìm kiếm kẻ thù nội bộ, dẫn đến cuộc Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản. Khởi đầu vào mùa hè năm 1966, cuộc Cách mạng Văn hóa này đã cướp đi sinh mạng của hàng triệu công dân Trung Quốc. Nó đã làm suy giảm nhiệt huyết của Trung Quốc trong việc xuất khẩu cách mạng, đồng thời làm giảm sức mạnh kinh tế, ngoại giao và quân sự mà nước này có thể phô trương ra bên ngoài.

Trong giai đoạn được đề cập trong tập này, cả Trung Quốc và Liên Xô đều chia sẻ quan điểm với đồng minh Bắc Việt rằng Chiến tranh Việt Nam là một cuộc đấu then chốt giữa chủ nghĩa Cộng sản và chủ nghĩa tư bản. Cả hai quốc gia đều đổ viện trợ cho Bắc Việt để thúc đẩy sự nghiệp của chủ nghĩa Cộng sản và củng cố tuyên bố của riêng họ về vị thế lãnh đạo trong thế giới Cộng sản. Việc Bắc Việt Nam liên tục ve vãn cả hai bên càng làm gia tăng sự ganh tị và đối đầu giữa cả ba nước.⁴

Mặc dù những biến đổi này đã gây tổn hại nghiêm trọng đến triển vọng của chủ nghĩa Cộng sản ở Đông Nam Á, mối đe dọa Cộng sản đối với khu vực vẫn còn rất lớn. Chính quyền Tổng thống Johnson vẫn duy trì lập luận rằng việc rút lui nhanh chóng khỏi Nam Việt Nam sẽ gây ra sự mất lòng tin vào Hoa Kỳ nghiêm trọng đến mức các quốc gia khác trong khu vực sẽ cúi đầu trước các cường quốc Cộng sản hoặc bị khuất phục bởi họ thông qua các biện pháp chính trị hoặc quân sự. Phán đoán đó đã được chứng minh là đúng.⁵

Vào ngày 18 tháng 8 năm 1965, lực lượng Mỹ và Bắc Việt đã giao tranh trong trận đánh lớn đầu tiên của họ, tại làng Vạn Tường. Các đợt không kích và pháo kích của Mỹ đã tiêu diệt phần lớn lực lượng Bắc Việt trong trận chiến này và một vài trận khác ngay sau đó. Những

minh chứng về ưu thế vượt trội của Mỹ trong hỏa lực và khả năng cơ động đã buộc Hà Nội phải hủy bỏ kế hoạch chiếm Sài Gòn, và theo đuổi một chiến lược tiêu hao kéo dài nhằm làm suy yếu ý chí của nước Mỹ. Vị tướng nổi tiếng nhất của Bắc Việt, Võ Nguyên Giáp, chủ trương dựa vào các chiến thuật du kích để gây ra thương vong, nhưng đa số ủy ban phụ trách chiến lược quân sự của Bắc Việt lại đứng về phía Tướng Nguyễn Chí Thanh, vị tướng chỉ huy cuộc chiến ở miền Nam, người ủng hộ các trận đánh quy ước lớn.

Chỉ huy cấp cao của Mỹ, Tướng William Westmoreland, cũng áp dụng một chiến lược nhấn mạnh vào việc tiêu hao lực lượng địch thông qua giao tranh nhưng với mục đích làm suy giảm khả năng của kẻ thù hơn là ý chí của họ. Bằng cách làm suy yếu lực lượng quân sự của Bắc Việt, Westmoreland dự định mua thời gian cho việc phục hồi chính phủ Việt Nam Cộng hòa và tái khẳng định quyền kiểm soát của chính phủ đối với các làng xã ở miền Nam Việt Nam. Công cụ chiến thuật chính của Westmoreland là hoạt động «tìm và diệt». Lực lượng mặt đất của Mỹ tìm kiếm binh lính địch khắp nơi và khai thác ưu thế vượt trội về hỏa lực và khả năng cơ động của Mỹ để tiêu diệt bất kỳ đơn vị nào họ có thể tìm thấy. Trong khi lực lượng Mỹ săn lùng các đơn vị địch lớn, lực lượng Việt Nam Cộng hòa tập trung vào

chống nổi dậy - các hoạt động an ninh, quản trị và phát triển cần thiết để giành quyền kiểm soát các làng xã ở miền Nam Việt Nam từ tay những kẻ nổi dậy Việt Cộng.⁶

Westmoreland ra lệnh cho các chỉ huy của mình tiến hành các hoạt động tìm và diệt ở những khu vực xa xôi, thưa dân. Những người chỉ trích ông, vào thời điểm đó và rất lâu sau này, đã công kích các hoạt động như vậy như một sự áp dụng sai lầm vô nghĩa của chiến tranh quy ước vào một đối thủ không quy ước. Sự chỉ trích này là không xứng đáng. Tấn công lực lượng địch ở mọi ngóc ngách của miền Nam Việt Nam đã ngăn chặn được các cuộc tấn công của địch vào các mục tiêu dễ bị tổn thương của Việt Nam Cộng hòa và ngăn cản người Bắc Việt duy trì các căn cứ và khu vực tập kết gần các thị trấn và thành phố của Việt Nam Cộng hòa, vốn là mục tiêu cuối cùng của Hà Nội. Việc không có thường dân đã giải phóng lực lượng Mỹ khỏi các hạn chế về hỏa lực vốn được áp đặt khi ở gần khu dân cư. Thường dân Việt Nam Cộng hòa đã tránh được những tàn phá của chiến tranh, và lực lượng Mỹ đã tránh được những Publicity tiêu cực và nỗi đau cá nhân gây ra bởi thương vong của thường dân.⁷

Các hoạt động tìm và diệt cũng diễn ra giữa những vùng nông thôn đông dân cư để ngăn chặn người Bắc Việt lấy lúa gạo của người dân và sử dụng những khu vực này để tổ chức các cuộc tấn công vào các thành phố hoặc các cơ sở quân sự. Lực lượng Mỹ hiếm khi có ý giết thường dân, nhưng hỏa lực trao đổi giữa các đối thủ hùng mạnh đã gây ra thương vong đáng kể cho dân thường và buộc một số lượng lớn người dân phải chạy khỏi làng mạc của họ đến những khu vực an toàn hơn. Tập quán bắt dân thường đi lao dịch của Quân đội Bắc Việt đã làm tăng thêm số người chết trong dân thường.

Các hoạt động tìm và diệt của Mỹ đã gây ra tổn thất lớn cho Bắc Việt trong giai đoạn từ tháng 8 năm 1965 đến tháng 12 năm 1968. Các tài liệu lịch sử quân sự của Bắc Việt được trích dẫn ở đây, nhiều tài liệu trong số đó cho đến nay vẫn chưa được biết đến bên ngoài Việt Nam, đã bác bỏ những cáo buộc lâu nay rằng Tướng Westmoreland và các nhà lãnh đạo Mỹ khác đã thổi phồng rất nhiều những thành công của các hoạt động này trong các tuyên bố và báo cáo thống kê của họ. Ngoài việc đạt được mức độ tiêu hao cao, các hoạt động tìm và diệt của Mỹ còn tàn phá hậu cần của Bắc Việt, áp đặt những hạn chế lớn hơn nhiều đối với các hoạt động quân sự của Bắc Việt so với những gì các sử gia từng nhận thức trước đây.⁸

Những nhà lãnh đạo cấp cao duy nhất đánh giá quá cao một cách thô thiển thành công quân sự của phe mình lại nằm ở Hà Nội. Để duy trì sự sùng ái của cấp trên, các chỉ huy quân sự Bắc Việt ở miền Nam đã thổi phồng các thành tích chiến trường của họ trong các báo cáo gửi đến các cơ quan đầu não cấp trên. Những nhà lãnh đạo Bắc Việt có ảnh hưởng nhất, Tướng Nguyễn Chí Thanh và Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Lê Duẩn, đã coi những báo cáo này như bằng chứng rằng các chiến thuật quân sự quy ước của họ đang có hiệu quả và do đó tiếp tục ra lệnh cho các chỉ huy tham gia các trận đánh lớn, dẫn đến thêm nhiều thất bại lớn của Bắc Việt.⁹

Hà Nội bù đắp cho những tổn thất nặng nề trong chiến đấu bằng cách đẩy mạnh việc đưa lính Bắc Việt thâm nhập vào miền Nam. Tổng thống Johnson đáp trả bằng cách tăng cường sức mạnh quân đội Mỹ. Việc hai bên cùng leo thang và gia tăng thương vong đã lặp đi lặp lại. Đôi khi, người Bắc Việt giảm thiểu tổn thất của họ bằng cách che giấu lực lượng tại các căn cứ xa xôi ở miền Nam Việt Nam hoặc trong các vùng ẩn náu ở Campuchia, Lào và miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, khi giữ lực lượng của mình không tham chiến, Hà Nội không thể đạt được tiến triển hướng tới các mục tiêu chiến lược là gây thương vong cho lực lượng Mỹ và

Nam Việt Nam cũng như kiểm soát dân cư nông thôn của Nam Việt Nam.

Việc Quân đội Nhân dân Việt Nam dựa vào lãnh thổ Lào và Campuchia để né tránh giao tranh và tiếp tế cho lực lượng của mình đã khiến Tướng Westmoreland và các tướng lĩnh cấp cao Mỹ khác thúc giục Tổng thống Johnson đưa quân mặt đất của Mỹ vào các vùng sanctuary. Họ muốn một chiến dịch chiến lược nhắm vào hệ thống hậu cần của Bắc Việt Nam, kiểu như Hoa Kỳ đã tiến hành chống lại Liên minh miền Nam trong Nội chiến Hoa Kỳ và chống lại Đức và Nhật Bản trong Thế chiến II. Bộ trưởng Quốc phòng Robert S. McNamara và Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk đã thuyết phục Johnson không can thiệp vào Lào và Campuchia bằng cách hạ thấp tầm quan trọng của những quốc gia đó và bằng cách dựng lên viễn cảnh Trung Quốc trả đũa. Họ nói rằng sự xâm nhập của địch qua những quốc gia đó có thể bị ngăn chặn thông qua ném bom và các chương trình bí mật sử dụng hóa chất để kích thích mưa và biến đất thành bùn.¹⁰

Các nguồn tài liệu từ Bắc Việt Nam có được sau chiến tranh đã cho thấy rõ rằng các tướng lĩnh Mỹ đã đúng về tầm quan trọng của Lào và Campuchia. Các nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam đã lo sợ rằng sự can thiệp của Mỹ

vào Lào và Campuchia sẽ tàn phá nỗ lực chiến tranh của họ. Những tiết lộ sau chiến tranh cũng cho thấy Trung Quốc không bao giờ quan tâm đến việc chiến đấu chống Mỹ ở Lào, Campuchia hay miền Bắc Việt Nam. Các chương trình ném bom và sử dụng hóa chất của Mỹ đã thất bại trong việc ngăn chặn sự xâm nhập.

Cuộc ném bom của Mỹ vào miền Bắc Việt Nam, với mật danh là Chiến dịch Sấm Rền, đã từ từ tăng cường về cường độ và phạm vi theo chính sách leo thang từng bước của chính quyền Johnson. Các tướng lĩnh Mỹ, cựu Tổng thống Dwight Eisenhower và các điều hâu khác khuyến nghị tăng cường ném bom và rải mìn các cảng của Bắc Việt Nam nhưng không mang lại hiệu quả gì hơn so với giai đoạn trước. Robert McNamara và nhóm «Whiz Kids» của ông tại Lầu Năm Góc nhiều lần thuyết phục Johnson bác bỏ những khuyến nghị đó, đầu tiên bằng cách tuyên bố rằng các hành động đó sẽ kích động địch leo thang, và sau đó, sau khi kẻ thù dù sao cũng đã leo thang, thì lập luận rằng việc ném bom không cản trở được việc Bắc Việt Nam xâm nhập tiếp tế vào miền Nam. McNamara đã ủng hộ cả hai lập luận sai lầm này bằng cách sử dụng sai số liệu thống kê và bác bỏ các ước tính tình báo trái chiều.

Bất chấp những hạn chế của nó, việc ném bom của Mỹ đôi khi cũng gây ra thiệt hại lớn cho năng lực của Bắc Việt Nam, đặc biệt là sau khi nói lỏng các hạn chế tự áp đặt vào giữa năm 1967. Lực lượng mặt đất Bắc Việt Nam thường né tránh giao tranh do thiếu hụt tiếp tế là kết quả của sự kết hợp giữa Sấm Rền, ném bom ở Lào và chiến tranh mặt đất ở miền Nam. Tình trạng thiếu hụt lương thực và đạn dược ngày càng khiến các đơn vị Bắc Việt Nam phải tìm nơi ẩn náu ở các vùng sanctuary bên ngoài. Việc leo thang ném bom năm 1967 đã làm gián đoạn hoàn toàn việc nhập khẩu lương thực của Bắc Việt Nam đến mức nước này tiến gần đến tình trạng chết đói vào cuối mùa hè. Tổng thống Johnson, không biết được mức độ nghiêm trọng của những khó khăn của Bắc Việt Nam, đã cho phép Bắc Việt Nam phục hồi sau đòn này khi ông cắt giảm ném bom vào cuối tháng 8 năm 1967.¹¹

Bằng cách làm giảm áp lực quân sự của Bắc Việt Nam, các hoạt động quân sự của Mỹ đã cho chính phủ Nam Việt Nam thời gian và không gian để ổn định. Vào mùa xuân năm 1966, các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam phải đối mặt với một thách thức nữa từ những người Phật tử quá khích. Như trong cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, phần lớn giới phóng viên Mỹ đã đưa tin một cách tích cực không đáng có về những người Phật

tử, và các quan chức Mỹ thúc giục chính phủ Sài Gòn sử dụng sự kiềm chế và hòa giải nhiều hơn mức chính phủ muốn. Tuy nhiên, không giống năm 1963, các quan chức cấp cao Hoa Kỳ đã đứng về phía chính phủ chống lại những người Phật tử, sau khi kết luận rằng những người Phật tử đang xúi giục cho phe Cộng sản. Một phản ứng mạnh mẽ của chính phủ Nguyễn Cao Kỳ vào tháng 6 đã chấm dứt âm mưu của những người Phật tử một lần và mãi mãi.¹²

Vào tháng 9 năm 1967, Nguyễn Văn Thiệu đã thắng cử trong cuộc bầu cử quốc gia thực sự dân chủ đầu tiên của Nam Việt Nam. Thiệu, một người thường bị người Mỹ đánh giá thấp cả lúc đó và từ đó đến nay, đã dành nhiều năng lượng cho nhiệm vụ quan trọng là bổ nhiệm những nhà lãnh đạo tốt hơn trong chính phủ và lực lượng vũ trang. Dần dần, ông giảm bớt các hạn chế về ngôn luận và hoạt động chính trị, làm nổi bật sự khác biệt về tự do cá nhân giữa hai miền Việt Nam.

Người Bắc Việt Nam, những người trong các tường thuật sau này thường được miêu tả là cực kỳ kiên nhẫn, đã trở nên thiếu kiên nhẫn một cách không thể chịu đựng được với tiến độ và kết quả của cuộc chiến vào giữa năm 1967.¹³ Họ quyết định tìm kiếm một chiến thắng nhanh chóng bằng cách tấn công các thành phố

của Nam Việt Nam vào tháng 1 năm 1968. Khi phát động các cuộc tấn công bất ngờ trong thời gian hưu chiến dịp Tết, họ mong đợi sẽ bắt kẻ thù mất cảnh giác và kích động dân chúng thành thị nổi dậy chống lại chính phủ Nam Việt Nam. Kết quả là, người dân đã quay lưng lại với những người Cộng sản trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, để mặc quân Cộng sản tự xoay sở chỉ với vũ khí nhẹ. Không thể phân tán như khi chiến đấu trong rừng, lực lượng Cộng sản bị nghiền nát trong những nỗ lực vô ích nhằm giữ vững mặt đất. Giới lãnh đạo Bắc Việt Nam đã ra lệnh mở các cuộc tấn công đô thị quy mô lớn vào tháng 5 và tháng 8 năm 1968 bất chấp những phản đối kịch liệt từ các chỉ huy chiến trường và phải chịu những thất bại thảm khốc hơn nữa.¹⁴

Cuộc vây hãm Khe Sanh của Bắc Việt Nam không chỉ là một đòn nghi binh nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của Mỹ khỏi các cuộc tấn công đô thị trong Tết Mậu Thân, như nó hầu như luôn được mô tả.¹⁵ Trên thực tế, đó là một hoạt động tấn công thực sự nhằm giành một chiến thắng quân sự lẫy lừng như chiến thắng của Cộng sản tại Điện Biên Phủ năm 1954. Lực lượng Mỹ đã làm thất bại tham vọng của Bắc Việt Nam tại Khe Sanh bằng cách kiểm soát các ngọn đồi xung quanh Khe Sanh và dẫn dắt các đợt oanh tạc bằng không quân

và pháo binh không lồ vào lực lượng Bắc Việt Nam với sự hỗ trợ của các công nghệ cảm biến mới. Lực lượng vây hãm gồm bốn mươi nghìn binh sĩ Bắc Việt Nam đã phải chịu tổn thất nặng nề trong cuộc chiến kéo dài ba tháng trong khi chỉ giết chết chưa đến năm trăm Thủy quân lục chiến Mỹ.

Theo hầu hết các tường thuật, tuyên bố của Tổng thống Lyndon Johnson về việc ngừng ném bom phía bắc vĩ tuyến 20 và việc ông rút khỏi cuộc đua tổng thống sau Tổng tiến công Tết Mậu Thân là những bước đi đầu tiên hướng tới việc Mỹ rút lui khỏi Nam Việt Nam. Phản ứng nhát nhẽo của Johnson trước Tổng tiến công Tết Mậu Thân, trên thực tế, đã làm tăng sự bất mãn của công chúng đối với sự lãnh đạo của ông và có thể đã giúp thuyết phục ông từ bỏ việc tranh cử nhiệm kỳ mới. Tuy nhiên, Tổng tiến công Tết Mậu Thân không khiến ông đặt Hoa Kỳ vào lộ trình rút quân khỏi Việt Nam. Sau Tết, Johnson đã bác bỏ các khuyến nghị từ phe tự do trong đảng của ông về việc rút quân Mỹ khỏi Việt Nam và ép buộc các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam thành lập một chính phủ liên hiệp với những người Cộng sản. Việc ngừng ném bom mà Johnson tuyên bố vào cuối tháng 3 năm 1968 cũng không phải là điềm báo của sự rút lui. Thay vào đó, đó là sự đình chỉ tạm thời ở những khu vực không thể ném bom hiệu quả trong những tháng

tiếp theo do thời tiết xấu, và nó được thay thế bằng các cuộc ném bom dữ dội ở các địa điểm khác, nơi nó gây thiệt hại cho hậu cần của Bắc Việt Nam nghiêm trọng hơn nhiều so với những gì được biết đến vào thời điểm đó.¹⁶

Khi Tướng Creighton Abrams thay thế Tướng William Westmoreland làm chỉ huy lực lượng Mỹ vào tháng 6 năm 1968, ban đầu ông sử dụng các chiến thuật tương tự như Westmoreland. Sự suy yếu của Quân đội Bắc Việt Nam đạt đỉnh điểm trong cuộc tấn công tháng 8 năm 1968 đã buộc Hà Nội phải chấm dứt các cuộc tấn công đô thị và chuyển sang chiến tranh du kích, điều này sau đó khiến Abrams chuyển hướng lực lượng Mỹ sang bình định. Các hoạt động tìm - diệt không chấm dứt, nhưng chúng diễn ra ít thường xuyên hơn vì chúng đã trở nên ít sinh lợi hơn.¹⁷

Các cuộc tấn công thất bại của Cộng sản năm 1968 và vụ thảm sát tàn bạo thường dân Nam Việt Nam ở Huế vào tháng 2 và tháng 3 năm đó đã thúc đẩy người dân Nam Việt Nam hành động mạnh mẽ hơn. Trong nửa cuối năm 1968, chính phủ Sài Gòn tiến hành chiến tranh với một cường độ mới, cho phép lực lượng vũ trang Nam Việt Nam gánh vác một phần thương vong của đồng minh lớn hơn nhiều so với trước đây. Những

thành tựu rộng lớn trong chống nổi dậy đã theo sau.¹⁸

Bằng cách hạn chế khả năng tiếp cận các làng xã của Nam Việt Nam của Cộng sản, các hoạt động chống nổi dậy đã tước đi lực lượng vũ trang Cộng sản những người miền Nam bản địa. Ý tưởng cho rằng cuộc chiến về cơ bản là một cuộc nội chiến của người Nam Việt Nam có một mức độ đúng đắn vào đầu cuộc chiến, khi nông dân Nam Việt Nam chiến đấu như những du kích dưới sự lãnh đạo của Bắc Việt Nam, nhưng sự thật đó đã bị xói mòn khi hàng chục nghìn binh sĩ Bắc Việt Nam tràn vào miền Nam sau vụ ám sát Ngô Đình Diệm, và giờ đây nó đã bị tước bỏ mọi tính hợp lý do sự chi phối hoàn toàn của miền Bắc đối với nỗ lực chiến tranh.

Chiến tranh tiêu hao của Bắc Việt Nam đã không thể làm suy yếu ý chí của nước Mỹ vào cuối năm 1968. Chiến tranh tiêu hao của Mỹ không làm suy yếu được ý chí của Bắc Việt Nam nhưng đã đạt được các mục tiêu chiến lược quan trọng khác : giành thời gian để củng cố chính phủ Sài Gòn và khôi phục quyền kiểm soát của chính phủ đối với các làng xã của Nam Việt Nam. Việc củng cố Nam Việt Nam cuối cùng có thể thuyết phục Hà Nội nhượng bộ và trong mọi trường hợp sẽ cho phép giảm sự tham gia của Mỹ vào cuộc chiến, điều này sẽ làm giảm bớt tình cảm chống chiến tranh ở Hoa Kỳ và

thúc đẩy tinh thần tự lực ở Nam Việt Nam. Do đó, cuộc chiến tiêu hao đẫm máu từ năm 1965 đến năm 1968 không phải là kết quả của sự thiếu sáng tạo hoặc không quen thuộc với chiến tranh chống nổi dậy của Mỹ, như thường được miêu tả. Cũng không phải việc chiến tranh tiêu hao không thể làm suy yếu ý chí của Hà Nội là sự tiết lộ đáng kinh ngạc về giới hạn quyền lực của Mỹ như các nhà phê bình mô tả, vì giới lãnh đạo Mỹ đã không mong đợi kết quả đó.¹⁹

Trong suốt thời kỳ được đề cập trong cuốn sách này, chế độ Bắc Việt Nam phải đối mặt với áp lực từ Liên Xô và các nước Cộng sản và trung lập khác nhằm đàm phán chấm dứt chiến tranh. Chính quyền Johnson, dưới áp lực từ các đồng minh và một số chính trị gia của chính mình, đã thực hiện một số lần tạm ngừng ném bom để lôi kéo Bắc Việt Nam vào các cuộc đàm phán. Từ năm 1965 đến năm 1967, Hà Nội đã cản trở mọi nỗ lực ngoại giao bằng cách từ chối đàm phán trừ khi Hoa Kỳ trước tiên thực hiện những nhượng bộ đơn phương lớn. Trong khi một số người bi quan ở miền Bắc ngày càng quan tâm đến một thỏa hiệp ngoại giao thực tế, họ đã bị bác bỏ và trong một số trường hợp bị bắt giữ bởi những người theo đường lối cứng rắn của Bắc Việt Nam. Lê Duẩn, nhà cứng rắn hàng đầu, không thấy cần thiết phải đàm phán cho đến khi Bắc Việt Nam giành

thắng lợi trên chiến trường, lúc đó Hà Nội sẽ đàm phán về việc rút quân Mỹ. Trong mắt các nhà lãnh đạo cấp cao Đảng Cộng sản, các đợt ngừng ném bom của Mỹ là những dấu hiệu cho thấy sự yếu kém của Mỹ cần được khai thác, không phải là những cử chỉ thiện chí cần được đáp lại bằng thiện chí cùng chiều hướng và đối thoại ngoại giao nghiêm túc.²⁰

Sau những thất bại thảm khốc của ba cuộc tấn công của Bắc Việt Nam năm 1968, chính phủ Hà Nội trở nên dễ chấp nhận đàm phán hơn. Vào tháng 10 năm đó, Bắc Việt Nam đồng ý đàm phán với các điều khoản có lợi cho Hoa Kỳ và Nam Việt Nam hơn nhiều so với bất kỳ đề nghị nào trước đây. Tổng thống Johnson đồng ý đình chỉ Sấm Rền để đổi lấy những nhượng bộ của Hà Nội. Các cuộc không kích Sấm Rền gần đây ở miền nam Bắc Việt Nam đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho hậu cần của Bắc Việt Nam, nhưng việc thời tiết xấu sắp tới có nghĩa là nỗ lực ném bom sẽ hiệu quả hơn trong những tháng tới nếu nó được chuyển sang Lào, như đã diễn ra vào tháng 11. Liệu Bắc Việt Nam đã sẵn sàng đàm phán một hiệp định hòa bình hay chỉ đơn giản là sử dụng các cuộc đàm phán để giành lấy một sự hoãn binh từ các cuộc ném bom của Mỹ vào Bắc Việt Nam vẫn còn phải chờ xem.²¹

Khi lực lượng mặt đất Mỹ lần đầu tiên tham chiến vào giữa năm 1965, bằng mọi biện pháp, cuộc chiến đã được công chúng Mỹ ủng hộ. Hầu hết các báo cáo hồi tưởng đều khẳng định rằng sự ủng hộ của công chúng giảm mạnh từ năm 1965 đến năm 1968 do hậu quả của số thương vong ngày càng tăng của Mỹ, cú sốc từ Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, và nhận thức ngày càng rõ rằng cuộc chiến không thể thắng.²² Phản đối chiến tranh trên thực tế đã gia tăng trong giai đoạn này trong số các nhóm có tiếng nói lớn - đặc biệt là giới tinh hoa trong giới truyền thông và giới học thuật - nhưng sự ủng hộ dành cho cuộc chiến thực ra lại tăng lên trong toàn thể nhân dân Mỹ. Mặc dù việc hạn chế miễn nghĩa vụ quân sự vào năm 1967 dẫn đến gia tăng các hoạt động phản chiến và trốn lính trong một số bộ phận xã hội được chọn lọc, hàng trăm nghìn thanh niên vẫn tiếp tục gia nhập lực lượng vũ trang mỗi năm với tư cách là tình nguyện viên hoặc lính được gọi nhập ngũ.

Sự dai dẳng của ủng hộ dành cho cuộc chiến phản ánh văn hóa của quốc gia hơn là vai trò lãnh đạo. Tổng thống Johnson cố ý tránh tuyên truyền về cuộc chiến tới người dân Mỹ vì ông lo sợ rằng khơi dậy tình cảm yêu nước sẽ làm cạn kiệt năng lượng dành cho các chương trình trong nước và cản trở những nỗ lực cải thiện quan hệ với Liên Xô của ông. Người dân Mỹ ủng hộ cuộc

chiến cho đến cuối năm 1968 bởi vì họ vẫn coi Chủ nghĩa Cộng sản quốc tế là một mối đe dọa hiện hữu và tin rằng chống lại cuộc chiến sẽ làm suy yếu uy tín của quốc gia và gây hại cho những thanh niên Mỹ đang phục vụ tại Việt Nam.²³ Việc Hubert Humphrey ủng hộ chính sách Việt Nam của Lyndon Johnson vào tháng 8 năm 1968 nhấn mạnh thực tế rằng ngay cả trong Đảng Dân chủ, những người ủng hộ cuộc chiến cũng đông đảo hơn những người phản đối.

Các hoạt động của phong trào phản chiến, dù được truyền thông đưa tin rộng rãi, đã không thể khiến một số lượng đáng kể người Mỹ chống lại cuộc chiến trong giai đoạn này. Phong trào này đã xa lánh phần lớn dân chúng Mỹ thông qua hành vi xấu của những người biểu tình, sự cấu kết với những người Cộng sản, sự khinh miệt văn hóa và xã hội Mỹ, và những đề xuất không thực tế nhằm đạt được hòa bình. Sự ghê tởm đối với phong trào thực sự đã duy trì sự ủng hộ cho cuộc chiến trong số một số người Mỹ vốn đã bắt đầu thấy mệt mỏi vì đổ máu. Tuy nhiên, việc truyền thông đưa tin rộng rãi về phong trào phản chiến đã khuyến khích người Bắc Việt tin rằng sự ủng hộ của công chúng Mỹ đối với cuộc chiến đang giảm dần và do đó khuyến khích họ tin rằng sự kiên trì của họ cuối cùng sẽ dẫn đến sự đầu hàng của Mỹ.²⁴

Vài ngày trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1968, tỷ lệ ủng hộ đang tụt dốc của Hubert Humphrey đã nhận được một cú hích từ thông báo của Tổng thống Johnson rằng Hà Nội đã đồng ý đàm phán. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Thiệu ngay lập tức làm giảm lợi thế của Humphrey bằng cách tuyên bố công khai rằng ông sẽ không tham gia vào các cuộc đàm phán sắp tới. Động cơ của Thiệu không phải là những lời thì thầm âm mưu của Anna Chennault, như người ta thường tin, mà là do tính toán riêng của ông về lợi ích của Việt Nam Cộng hòa.²⁵ Trong khi Humphrey đã nói về việc giảm sự tham gia của Mỹ tại Việt Nam và thực hiện các nhượng bộ ngoại giao lớn với Hà Nội, Nixon là một người chống Cộng sản đến cùng, người mà hầu hết các nhà quan sát kỳ vọng sẽ có đường lối cứng rắn hơn đối với Bắc Việt nếu đắc cử.

Khi Nixon thắng cử tổng thống, Thiệu và hầu hết đồng bào của ông vui mừng, tin rằng họ sẽ có một người ủng hộ mạnh mẽ trong Nhà Trắng trong bốn năm tới. Người Bắc Việt ủ rũ, dự đoán rằng Nixon sẽ mạnh mẽ và kiên quyết hơn người tiền nhiệm. Lời lẽ tranh cử mơ hồ và đôi khi mâu thuẫn của Nixon đã khiến thế giới phải đoán xem ý định chính xác của ông là gì, nhưng riêng ông đã hình thành các ý tưởng chiến lược sẽ hướng dẫn các quyết định của mình. Sau khi chỉ trích

Lyndon Johnson vì không giải thích rõ cuộc chiến cho người dân Mỹ và bác bỏ các khuyến nghị từ các tướng lĩnh Mỹ về những hành động mạnh mẽ hơn, Nixon sẽ có nhiều cơ hội để sửa chữa những sai lầm này và các sai lầm khác trong quá khứ.

Chương 1 - Quân đội nước ngoài

Tháng 8 năm 1965

Làng Văn Tường nằm trên vùng duyên hải của tỉnh Quảng Ngãi, tọa lạc trên dải đất màu mỡ hẹp đã thu hút các quý tộc và nông dân trồng lúa Việt Nam đến đồng bằng ven biển từ một nghìn năm trước. Những cánh đồng lúa trải dài đến đường bờ biển, nơi những bãi biển cát vàng xen kẽ với các vách đá dựng đứng lao xuống năm mươi feet vào những con sóng vỗ về của Biển Đông. Vào mùa mưa, những cánh đồng ngập nước với độ sâu hai feet hoặc hơn, biến đất thành một lớp bùn dày dính chặt vào giày dép và móng guốc.

Khi hàng nghìn người lính từ phía bên kia của hành tinh đổ bộ đến Văn Tường vào giữa tháng 8 năm 1965, những cánh đồng lúa đã khô và do đó dễ dàng di chuyển bằng chân hoặc xe cộ. Nhưng nằm rải rác giữa các cánh đồng là những hàng rào, gò đất và đầm lầy tạo thành những chướng ngại vật tự nhiên đáng gờm đối với bất kỳ kẻ chinh phục nào. Và, như Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ sẽ khám phá ra khi họ rời khỏi trực thăng và tàu đổ bộ vào ngày 18 tháng 8, những người lính Bắc Việt đã biến Văn Tường thành thứ mà họ gọi là «làng chiến đấu». Bằng cách xây dựng các vị trí chiến đấu

được củng cố và rạch khắp khu vực bằng những chiến hào sâu năm feet và rộng mười feet, quân Bắc Việt đã đảm bảo rằng ngôi làng chỉ có thể bị chiếm từ tay họ với một cái giá rất đắt.

Dân cư Vạn Tường có mối liên hệ mật thiết với những người Cộng sản Việt Nam. Năm 1954, nhiều gia đình ở đây đã tiễn con trai ra Bắc, và một số lượng lớn trong số những thanh niên đó đã trở về miền Nam với tư cách là những chiến sĩ khởi nghĩa được đào tạo vào đầu những năm 1960. Tuy nhiên, thời kỳ những người đàn ông địa phương lãnh đạo phe đối lập với chính quyền Sài Gòn ở Vạn Tường đã qua từ lâu trước khi người Mỹ ghé thăm. Vào tháng 8 năm 1965, ngôi làng bị chiếm đóng bởi đơn vị mà người Mỹ gọi là Trung đoàn Việt Cộng (VC) số 1.

Trong suy nghĩ của người Mỹ, thuật ngữ Việt Cộng ngụ ý rằng một đơn vị được điều hành bởi người dân miền Nam Việt Nam, trái ngược với một đơn vị được chỉ định là Quân đội Bắc Việt (NVA), vốn được cho là bao gồm những người gốc miền Bắc. Nhưng Trung đoàn Việt Cộng số 1, giống như hầu hết các đơn vị được gọi là Việt Cộng khác, có đầy đủ binh lính miền Bắc và thuộc cùng một chuỗi chỉ huy với các đơn vị Quân đội Bắc Việt. Với người Bắc Việt, nó đơn giản chỉ là Trung

đoàn 1.²⁶

Mặc dù các kỹ sư Mỹ đã bắt đầu xây dựng một căn cứ quân sự lớn tại Chu Lai, chỉ cách Vạn Tường mười bảy cây số, nhưng chỉ huy trưởng Trung đoàn 1 chắc chắn rằng người Mỹ sẽ không tìm thấy đơn vị của ông. Ông tự tin đến mức vào đầu tháng 8, ông đã đưa tất cả các chỉ huy tiểu đoàn của mình theo cùng đến một hội nghị của các nhà lãnh đạo quân sự ở Tây Nguyên. Do đó, khi người Mỹ đến Vạn Tường, Trung đoàn 1 và bốn tiểu đoàn của nó sẽ nằm dưới quyền chỉ huy của các cán bộ chính trị, những người có thể mạnh nằm ở công tác giáo dục chính trị hơn là khả năng lãnh đạo tác chiến. Một hệ quả nữa là, hai tiểu đoàn của Trung đoàn 1, Tiểu đoàn 45 và 90, vào thời điểm đó sẽ đang thu thập lúa gạo tại một địa điểm cách đó mười lăm cây số về phía nam, chỉ còn lại Tiểu đoàn 40 và 60 tại làng.

Cuộc tấn công của Mỹ vào Vạn Tường, giống như nhiều cuộc điều động sức mạnh quân sự Mỹ sau này, bắt nguồn từ tình báo tín hiệu. Thông qua tam giác hóa các cuộc truyền phát sóng vô tuyến của đối phương, thiết bị tìm hướng của Mỹ đã xác định chính xác vị trí sở chỉ huy của Trung đoàn 1 tại Vạn Tường vài ngày trước đó. Cũng cố thêm cho thông tin tình báo này là một kẻ đào ngũ của địch đã nói với binh lính Nam Việt

Nam rằng Trung đoàn 1 đang tập trung gần Vạn Tường để chuẩn bị tấn công căn cứ Mỹ tại Chu Lai.

Thiếu tướng Lewis W. Walt, chỉ huy Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ cấp cao tại Nam Việt Nam, đã quyết định tấn công đối phương tại Vạn Tường ngay khi biết được sự hiện diện của họ. Mặc dù lực lượng tác chiến Mỹ đã có vài cuộc đụng độ nhỏ với binh lính Cộng sản kể từ lần đầu đổ bộ vào tháng 3 năm 1965, nhưng trước đó họ chưa từng đối đầu với một đơn vị địch quy mô lớn, thay vào đó tập trung vào việc phòng thủ các máy bay và cơ sở vật chất đắt tiền của Mỹ trong khi đồng minh Nam Việt Nam của họ thực hiện các hoạt động tấn công chủ yếu. Tuy nhiên, tính đến đầu tháng 8, các hoạt động tấn công của Cộng sản đã làm suy yếu lực lượng vũ trang Nam Việt Nam đến mức Tư lệnh Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại Việt Nam, Đại tướng William C. Westmoreland, đã quyết định rằng lực lượng Mỹ cần chuyển sang tấn công. Vào ngày 6 tháng 8, ông đã thông báo cho Tướng Walt rằng mệnh lệnh của ông đã thay đổi. Walt và lính Thủy quân lục chiến của ông giờ đây được ủy quyền và khuyến khích tìm kiếm giao chiến với các tập đoàn địch lớn.

Tướng Walt tập hợp ba tiểu đoàn cho cuộc tấn công vào Vạn Tường, được đặt mật danh là Chiến dịch Starlite. Để chỉ huy chiến dịch, ông rút chỉ huy trưởng từ Nhóm Tác chiến Trung đoàn 7 và đặt ông ta chỉ huy ba tiểu đoàn. Sĩ quan đó là Đại tá Oscar «Peat» Peatross, một cựu binh hai mươi lăm năm kinh nghiệm, người đã giành được sự kính trọng của Walt khi còn là một tiểu đoàn trưởng trong Chiến tranh Triều Tiên. Peatross xây dựng một kế hoạch bao vây Vạn Tường từ mọi phía nhằm mục đích bẫy và tiêu diệt quân Bắc Việt. Một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến sẽ tấn công bằng trực thăng, một tiểu đoàn thứ hai sẽ đổ bộ đường biển lên bãi biển, và tiểu đoàn thứ ba sẽ ở trên tàu USS Talladega và USS Iwo Jima ngoài khơi làm lực lượng dự bị, sẵn sàng bay từ sân đỗ trực thăng vào bờ ngay lập tức. Phần lớn binh lính Thủy quân lục chiến trong các tiểu đoàn này chưa từng tham chiến trước đây, nhưng họ đến với sự tự tin của những chàng trai trẻ được đào tạo bài bản và vũ trang tốt, chắc chắn rằng họ có thể nghiền nát lực lượng vũ trang của một chế độ độc tài Cộng sản nghèo nàn, hào hứng vì sẽ thoát khỏi sự nhàm chán của thói quen quân sự để đưa những năm tháng chuẩn bị vào sử dụng thực tế.

Vào lúc 5:00 sáng ngày 18 tháng 8, trong một khung cảnh gợi nhớ đến Tarawa, Saipan và những trận chiến bi hùng khác của Thế chiến II ở Thái Bình Dương, các tàu của Hải quân Hoa Kỳ thả neo ngoài khơi gần Vạn Tường để đổ xuống những chiếc xe đổ bộ Amtrac. Là hậu duệ của những xe đổ bộ có xích đã đưa lính Thủy quân lục chiến trong Thế chiến II lên các bãi biển cấm đầy mìn và súng máy của Nhật Bản, những chiếc Amtracs được trang bị động cơ bảy trăm mã lực có thể đẩy khối thân nặng ba mươi bảy tấn và ba mươi bảy hành khách của chúng vượt biển với tốc độ tám dặm một giờ. Các tàu khu trục Mỹ Orleck và Prichett cùng tàu tuần dương Galveston giám sát diễn biến, các khẩu pháo chính của chúng chĩa vào bờ biển như những móng vuốt của đại bàng trong khi chờ dữ liệu mục tiêu từ các xe Amtrac.

Sự tiếp cận của các phương tiện đổ bộ đường biển đã lọt vào tầm mắt của các lính gác Bắc Việt trên bờ. Những lính gác này vội vã báo cáo về quy mô và hướng đi của hạm đội Thủy quân lục chiến về sở chỉ huy của Trung đoàn 1, nơi cách bờ biển bốn cây số. Dựa trên báo cáo này, ban tham mưu tại sở chỉ huy trung đoàn kết luận rằng trực tấn công sẽ đưa Thủy quân lục chiến thẳng đến vị trí của sở chỉ huy. Chỉ huy trung đoàn tạm quyền ra lệnh cho 150 quân tiến hành một cuộc chiến đấu cầm chân trong khi sở chỉ huy và nhân viên của nó

di dời xa hơn vào nội địa.

Hỏa lực súng nhỏ của lực lượng cầm chân đã bắn trúng một số lính Thủy quân lục chiến khi họ lên bờ. Một trong số đó là Trung sĩ Tham mưu Catfish Campbell, người bị thương ở bùi. Được sơ tán lên một tàu chiến Mỹ, Campbell được khâu vết thương chỉ trong vài giờ và được đưa trở lại trận chiến vào cuối ngày hôm đó. Tuy nhiên, tiểu đoàn đổ bộ đường biển không gặp nhiều khó khăn trong việc chiếm giữ bãi biển. Lính Thủy quân lục chiến tiến lên hai cây số trên các xe Amtrac trước khi gặp phải sự kháng cự đáng kể, vào thời điểm đó tiểu đoàn chậm lại như sên bò trong khi các sĩ quan cân nhắc cách tốt nhất để đẩy mạnh cuộc tấn công.

Những chiếc trực thăng Mỹ đầu tiên hạ cánh lúc 7:00 sáng. Một đại đội Thủy quân lục chiến dự kiến đổ bộ tại mỗi ba điểm đổ bộ, được đặt tên là Đỏ, Trắng và Xanh. Do không có đủ trực thăng để đổ bộ toàn bộ một tiểu đoàn cùng một lúc, Thủy quân lục chiến phải chờ họ đến theo từng đợt, điều này tạo cho địch thời gian để di chuyển lực lượng về phía các điểm đổ bộ trong khi lính Thủy quân lục chiến vẫn đang đến. Tại điểm Đỏ và Trắng, từng nhóm lính Thủy quân lục chiến lần lượt rời khỏi trực thăng UH - 34D Seahorse mà không có sự cố. Tại điểm Xanh, những chiếc trực thăng đầu tiên

không gặp phải sự thù địch nào, nhưng các đợt tiếp theo đã vấp phải hỏa lực dữ dội từ vũ khí tự động và bắn tự động của Tiểu đoàn 60, vành đai phòng thủ của họ nằm rất gần Điểm đỏ bộ Xanh.

Nguy trạng dễ trông giống như những bụi cây, binh lính Bắc Việt tiến về phía điểm đỏ bộ mà không bị phát hiện và sau đó tấn công Thủy quân lục chiến ở cự ly cực gần. «Chúng tôi bị bắn từ khắp mọi nơi», Binh nhất Ernie Wallace nhớ lại.²⁷

Đại đội Thủy quân lục chiến tại Điểm đỏ bộ Xanh - Đại đội Hotel thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 4 Thủy quân lục chiến - chịu một số lượng đáng kể thương vong trong những phút đầu của cuộc giao tranh. Tuy nhiên, vẫn có đủ lính Thủy quân lục chiến của họ tiến đến rìa điểm đỏ bộ để thiết lập một vành đai phòng thủ vững chắc. Các trực thăng vũ trang và máy bay cánh cố định A - 4 Skyhawk cùng F - 4 Phantom vội vã đến hỗ trợ Thủy quân lục chiến, giải phóng những luồng hỏa lực dữ dội khiến Tiểu đoàn Bắc Việt phải lùi lại.

Vào lúc 9:00 sáng, chỉ huy tạm quyền của Trung đoàn 1 kết luận rằng người Mỹ đang đưa phần lớn quân của họ đến Điểm đỏ bộ Xanh, do lượng hỏa lực không chiến được huy động để bảo vệ Đại đội Hotel. Do đó, ông quyết định tập trung Tiểu đoàn 40 và 60, toàn bộ

lực lượng chiến đấu của ông tại Vạn Tường, để tiêu diệt Thủy quân lục chiến tại Điểm đổ bộ Xanh trước khi họ kịp di chuyển vào địa hình phòng thủ tốt hơn và nhận viện binh. Tiểu đoàn 40 hành quân về phía Điểm đổ bộ Xanh thành ba mũi để cùng với Tiểu đoàn 60 thực hiện một cuộc tấn công phối hợp.

Trong khi Tiểu đoàn 40 đang trên đường hành quân, tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ đường biển tiến về sườn phải của Tiểu đoàn 60. Để đáp trả, một phân đội lớn của Tiểu đoàn 60 rút khỏi Điểm đổ bộ Xanh để bảo vệ sườn của mình. Sự di chuyển của tiểu đoàn đổ bộ đường biển Mỹ đã làm chỉ huy trung đoàn Bắc Việt hoảng sợ, khiến ông ta ra lệnh cho tất cả các đơn vị của mình chuyển từ tấn công sang phòng ngự.

Việc giảm áp lực lên điểm đổ bộ Xanh đã thuyết phục chỉ huy Đại đội Hotel, Trung úy Homer K. Jenkins, cử hai trung đội của mình tiến về phía thôn Nam Yên 3, nơi ông tin là được canh gác thưa thớt. Chỉ khi hai trung đội tiến đến rìa thôn, họ mới biết rằng hàng chục binh lính địch đã ẩn nấp trên cây và trong những ngôi nhà kiên cố có tường hạ xuống để bắn. Quân Bắc Việt bắn hạ một số lính Thủy quân lục chiến khi họ đến gần thôn. Những lính Thủy quân lục chiến còn lại cố gắng hết sức phủ vải poncho lên người chết và rút về một bờ đê có

lồm đồm cây cối.

Đằng sau bờ đê, Trung sĩ Jerry Tharp tập hợp lính Thủy quân lục chiến từ trung đội 3 của Đại đội Hotel và quát ra những chỉ dẫn để tái tấn công. Một trong những lính Thủy quân lục chiến nghe anh ta là Binh nhất Richard Boggia. «Khi chúng tôi chờ Trung sĩ Tharp ra lệnh tấn công, tôi thấy anh ấy nhô mình lên khỏi bờ đê», Boggia nhớ lại. «Với một tiếng nổ lớn, anh ấy túm lấy ngực mình và bắt đầu cởi đồ để xem chuyện gì xảy ra. Chỉ trong vài giây, máu chảy ra từ miệng anh ấy và anh ấy ngã xuống.»²⁸ Một lính Thủy quân lục chiến khác bò đến chỗ Tharp nhưng phát hiện anh ta đã chết.

Cái chết của Trung sĩ Tharp không làm chậm đà tiến của Thủy quân lục chiến khi đã có người khác sẵn sàng thay thế vị trí của anh. Sử dụng các chiến thuật đã được huấn luyện trong nhiều tháng tại các căn cứ ở Hoa Kỳ, Thủy quân lục chiến tấn công Nam Yên 3 từ nhiều hướng. Mặc dù họ chịu thêm thương vong khi tiếp cận, nhưng đủ lính Thủy quân lục chiến đã thâm nhập vào thôn để khiến kẻ thù phải chiến đấu quyết liệt. Các nhóm rải rác của Mỹ và Bắc Việt tham gia vào những trận đánh giáp lá cà, với những quả đạn cối và lựu đạn nổ giữa họ theo cách mà ít ai có thể biết được ai đang bắn ai.

Nếu người Bắc Việt hy vọng rằng người Mỹ sẽ không sử dụng vũ khí hạng nặng khi có mặt của thường dân không tham chiến, thì họ đã vô cùng thất vọng. Khi binh lính Bắc Việt bắn vào người Mỹ từ các vị trí phòng thủ kiên cố ở Nam Yên 3, máy bay và xe tăng Mỹ đã biến các công sự và những người ở trong đó thành đồng đồ nát. Người Mỹ không tìm cách làm hại thường dân Nam Việt Nam, nhưng khi buộc phải lựa chọn giữa việc mạo hiểm gây thương vong cho dân thường bằng cách bắn vũ khí của họ và mạo hiểm gây thương vong cho lính Mỹ bằng cách không bắn, họ đã chọn bắn. Điều này cũng đúng với những người Mỹ đi trước họ tại Normandy, Okinawa và Seoul. Giống như thường dân Pháp, Nhật Bản và Hàn Quốc, cư dân Nam Yên 3 sau đó sẽ được nhân viên y tế Mỹ điều trị với số lượng lớn do những vết thương gây ra bởi vũ khí Mỹ nhắm vào các chiến binh thù địch. Hỏa lực Mỹ cuối cùng đã phá vỡ sự kháng cự của Bắc Việt, giúp Thủy quân lục chiến giành quyền kiểm soát Nam Yên 3.

Đại đội India, Tiểu đoàn 3, Thủy quân lục chiến 3, một trong những đại đội đã đổ bộ bằng các xe Amtrac, đã chiếm được ấp có công sự kiên cố An Cường 2 vào cuối buổi sáng hôm đó. Trong trường hợp này cũng vậy, những chiếc xe tăng Mỹ đã đánh bật một số lượng đáng kể lính phòng thủ Bắc Việt khỏi các công sự và

chiến hào. Sau khi tiếng súng ngớt dần, một Thủy quân lục chiến bắt đầu bắn vào những xác chết của địch nằm rải rác trên mặt đất để phòng trường hợp có kẻ giả chết. Một kẻ giả chết trước đó đã gây thương tích cho hai người Mỹ. Chỉ huy đại đội, Đại úy Bruce Webb, ra lệnh cho người lính Thủy quân lục chiến ngừng bắn, với lý do việc bắn đạn vào các thi thể là vô nhân đạo. Vài phút sau, một người lính Bắc Việt vốn đang giả chết đã ném một quả lựu đạn về phía Đại úy Webb, giết chết ông.

Một đoàn xe gồm năm chiếc Amtrac và ba xe tăng phun lửa M67 đã di chuyển từ phía nam đến để tiếp tế đạn dược và nước cho đại đội India 3/3. Do vội vàng, đoàn xe đã chạy qua vị trí của đại đội India, đi thêm bốn trăm mét nữa cho đến khi chạm trán với đại đội 3 của tiểu đoàn 60 địch, vốn đang ẩn nấp trong các hàng rào và bụi cây ven đường. Quân Bắc Việt nổ súng bằng súng không giật 57 mm, súng cối và lựu đạn phóng rocket (RPG). Những loạt đạn đầu tiên của họ đã bắn trượt. Các xe Mỹ quay vòng về phía đông bắc và tấn công vào các hàng rào và bụi cây, một hành động táo bạo nhưng đã đánh giá thấp hỏa lực của địch.

Khi người Mỹ áp sát trong vòng một trăm mét, những khẩu súng không giật của Bắc Việt đã loại khỏi vòng chiến vài chiếc Amtrac. Cuộc tấn công bị dừng lại để

những chiếc xe còn nguyên vẹn có thể đến hỗ trợ những chiếc đã bị hư hỏng. Sĩ quan chỉ huy đoàn cứu viện, Trung úy Robert F. Cochran Jr., đã rời xe và một cách có phương pháp đã tổ chức việc di tản những chiếc Amtrac và xe tăng bị tê liệt, sau đó bố trí các xe khác vào một đội hình phòng thủ. Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ này, ông quay trở lại một trong những chiếc Amtrac. Thay vì hạ thấp đoạn đường dốc xuống, điều có thể gây nguy hiểm cho những người bên trong, Cochran đã trèo lên thành xe để bò qua cửa kíp lái. Hỏa lực thù địch đã bắn trúng ông khi đang trèo lên xe. Bị trọng thương, ông ngã xuống bụi đất.

Những chiếc Amtrac và xe tăng còn lại ở nguyên tại chỗ, điều này khiến cả họ và đối phương dễ dàng bắn trúng hơn. Vũ khí hạng nặng của Bắc Việt nhanh chóng vô hiệu hóa hầu hết các xe, ngoại trừ một chiếc xe tăng đã bỏ chạy khỏi hiện trường trong một hành động mà sĩ quan điều hành của tiểu đoàn sau đó xét xử là một hành động hèn nhát. Một số Thủy quân lục chiến sống sót đã rời xe, chiếm giữ các vị trí trên cánh đồng lúa, và sử dụng súng trường tấn công của họ để bắn hạ những người lính bộ binh Bắc Việt đang cố gắng áp sát những chiếc xe đang bốc khói.

Một nhân viên vô tuyến trên xe Amtrac đã truyền đi một thông điệp nói rằng đoàn xe đang bị bao vây và sắp bị tràn ngập. Anh ta đã quá hoảng sợ trong lúc cầu xin cứu viện đến mức đã giữ nút gọi, điều này khiến anh ta không nghe thấy nhân viên đầu dây bên kia hỏi về vị trí của đơn vị. Anh ta đã giữ ngón tay trên nút gọi đó trong hơn một giờ.

Câu trả lời cho những câu hỏi đó lẽ ra đã có sự trợ giúp rất lớn cho hai đại đội bộ binh mà Đại tá Peatross đã cử đi để giải cứu đoàn tiếp tế. Tiến lên phía trước dựa trên các ước tính mơ hồ về vị trí của đoàn xe, cả hai đại đội đều vấp phải các lực lượng địch lớn và vướng vào các cuộc chiến đấu ác liệt khiến họ không thể tiến xa hơn vào chiều hôm đó. Một báo cáo của Mỹ lưu ý rằng trong các cuộc chạm trán này, «Các Thủy quân lục chiến phát hiện ra rằng một số người tỏ ra hùng dũng nhất trong thời bình lại trở nên rất thận trọng khi những viên đạn thật đang được bắn, và một số người trầm lặng nhất quanh doanh trại lại là những con hổ trong chiến đấu.»²⁹

Trong vài giờ tiếp theo, khi Thủy quân lục chiến bị loại khỏi vòng chiến và đạn dược được sử dụng hết, tiếng súng từ đoàn tiếp tế bị bao vây trở nên yếu dần. Đến giữa buổi chiều, chỉ còn một tá Thủy quân lục

chiến sống sót trong các xe, một số người trong đó bị thương nặng, trong khi năm người khác nằm rải rác trên các cánh đồng lúa. Họ chỉ còn một khẩu súng máy vẫn hoạt động. Việc thiếu liên lạc vô tuyến khiến họ không có sự hỗ trợ của không quân hoặc pháo binh.

Nhận thấy hỏa lực của Mỹ đã suy giảm, một phó chỉ huy đại đội Bắc Việt đã tập hợp thêm binh lính để tiêu diệt những gì còn lại của Thủy quân lục chiến. Được tổ chức thành các tổ ba người, các binh sĩ tấn công nhận được chỉ thị trèo lên các xe và giết những người ở bên trong. Mặc dù người chỉ huy Bắc Việt có thể cử một trăm hoặc hơn binh lính tấn công cùng một lúc, ông ta lại chọn cách đưa họ tiến lên từng nhóm nhỏ. Không có tài liệu nào về trận chiến giải thích quyết định định mệnh này ; rất có thể nó xuất phát từ sự thận trọng, điển hình là khiến các chỉ huy thăm dò địch bằng các đơn vị nhỏ thay vì đồng loạt tung ra các lực lượng lớn.

Nếu quân Bắc Việt tấn công với lực lượng mạnh từ nhiều hướng cùng lúc, họ chắc chắn đã có thể áp đảo được lính Thủy quân Lục chiến Mỹ. Tuy nhiên, bằng cách tấn công từng đợt nhỏ lẻ, họ đã tạo điều kiện cho quân Mỹ tập trung hỏa lực vốn có hạn của mình. Với bản năng sống còn mãnh liệt của những người cận kề cái chết, nhóm Thủy quân Lục chiến nhỏ bé đã bắn

những loạt đạn chính xác vào từng nhóm ba người Bắc Việt tiếp cận các xe Amtrac và xe tăng của họ.

Một số lính Bắc Việt đã tiếp cận được các phương tiện của Mỹ, nhưng không ai trong số họ có thể khống chế được lính Thủy quân Lục chiến. Theo một tài liệu lịch sử của phía Bắc Việt:

«Khi tổ 1 xung phong, toàn bộ đều hy sinh. Tổ 2 tiếp tục xung phong, và cũng bị tiêu diệt hoàn toàn. Tổ 3 mở cuộc tấn công và chịu tổn thất nặng nề. Các tổ tiếp theo tiếp tục lao tới gần các xe địch, nhưng không thể trèo lên được vì xe địch rất cao và trơn. Một số đồng chí đã trèo được lên xe, nhưng bị hỏa lực từ các xe địch khác bắn chết hoặc bị thương.»

Khi hoàng hôn buông xuống, lính Thủy quân Lục chiến vẫn còn sống sót. Tuy nhiên, vẫn chưa thấy dấu hiệu của lực lượng cứu viện lẽ ra đã phải đến nơi. Sau khi trời tối, các lính Mỹ vẫn giữ tay trên cò súng, sẵn sàng cho một đợt tấn công ban đêm của quân Bắc Việt. Nhưng đợt tấn công đó không bao giờ đến - vì phía Bắc Việt đã quyết định rút khỏi khu vực trong đêm. Sáng hôm sau, một chiếc máy bay Mỹ đã phát hiện ra nhóm lính Thủy quân Lục chiến đang bị cô lập và dẫn đường cho lực lượng bộ binh đến giải cứu họ.³⁰

Lực lượng Bắc Việt ở các khu vực khác trên chiến trường cũng rút lui vào cuối ngày. Bộ chỉ huy trung đoàn đã ra lệnh cho các tiểu đoàn 40 và 60 rút khỏi Vạn Tường vì tổn thất sinh mạng nặng nề trong ngày hôm đó. Do những diễn biến bất ngờ của trận đánh, một số đơn vị Mỹ không kết thúc ngày ở đúng vị trí đã được lên kế hoạch, để lại những lỗ hổng trong vòng vây mà lính Bắc Việt có thể lợi dụng để thoát thân. Một số người sống sót của các tiểu đoàn 40 và 60 đã trốn thoát khỏi Vạn Tường qua những khe hở này, trong khi số khác chạy trốn qua hệ thống địa đạo phức tạp. Quân Mỹ đã phát hiện một nhóm khoảng 100 người cố gắng trốn thoát bằng thuyền, và những khẩu pháo chính của tàu USS Orleck và USS Galveston đã nã đạn dữ dội vào họ. Một nhóm khác có quy mô tương tự đang chạy trốn trên bộ khi lính Mỹ phát hiện họ ở khu vực trống trải và gọi máy bay Thủy quân Lục chiến đến dội bom napal và rocket.

Tuy nhiên, Bộ Tư lệnh Trung đoàn 1 của Quân đội Bắc Việt Nam không có ý định kết thúc trận chiến. Tiểu đoàn 45 của họ, vốn đã được thông báo về cuộc chiến và đang trên đường đến Vạn Tường, đã nhận được lệnh tấn công Thủy quân Lục chiến ngay khi đến làng. Vào lúc 02:00, khi tất cả binh lính của Tiểu đoàn 45 có mặt tại Vạn Tường, các sĩ quan của tiểu đoàn báo cáo quân

của họ đã sẵn sàng chiến đấu. Tuy nhiên, khi các sĩ quan trung đoàn kiểm tra tiểu đoàn, họ xác định rằng đơn vị này vẫn chưa sẵn sàng. Các thanh tra viên nói rằng nếu cuộc tấn công bị trì hoãn để hoàn tất các chuẩn bị cần thiết, tiểu đoàn có thể bị hỏa lực Mỹ bắt gặp trên địa hình trống trải sau khi mặt trời mọc, và sẽ phải hứng chịu hậu quả thảm khốc. Do đó, chỉ huy trung đoàn tạm quyền quyết định hủy bỏ cuộc tấn công và di tản toàn bộ trung đoàn khỏi khu vực.

Trong các cuộc lục soát chiến trường vào ngày hôm sau, Thủy quân Lục chiến tìm thấy thi thể của 614 chiến sĩ đối phương. Các cuộc thẩm vấn tù binh tiết lộ rằng Tiểu đoàn 60 đã bị tiêu diệt gần như hoàn toàn và Tiểu đoàn 40 đã bị thiệt hại nặng nề. Từ mùi hôi thối còn tồn tại trên chiến trường rất lâu sau đó và từ các bằng chứng cho thấy các vụ nổ phá hủy cùng các đọt không kích và pháo kích đã giết chết hoặc chôn vùi thêm nhiều binh lính trong các hầm và đường hầm, Thủy quân Lục chiến ước tính tổng số tử vong của đối phương là 1.430 người.

Bộ Tư lệnh cấp cao Bắc Việt Nam coi mức độ tổn thất của họ tại Vạn Tường không khác gì một thảm họa. Do đó, họ ra lệnh cấm các đơn vị chính quy Bắc Việt Nam duy trì các căn cứ trên đồng bằng ven biển. Thay vào đó, họ sẽ lập các căn cứ ở địa hình gồ ghề hơn trong

nội địa, nơi họ có thể tìm được nơi trú ẩn tốt hơn trước sức mạnh nghiền nát của không quân và pháo binh Mỹ, và nơi họ sẽ nằm ngoài tầm bắn của hải pháo Mỹ và các tiểu đoàn Mỹ đổ bộ. Từ những khu vực căn cứ này, họ có thể hành quân ra bờ biển để tiến hành các hoạt động tấn công khi thời cơ chín muồi.

Tổn thất của Thủy quân Lục chiến Mỹ trong Chiến dịch Sao Băng là 45 người chết và 203 người bị thương. Các sĩ quan Mỹ từng chứng kiến các trận đánh trước đó với tư cách là cố vấn cho Quân đội Nam Việt Nam có lẽ đã không ngạc nhiên khi Thủy quân Lục chiến chịu nhiều thương vong như vậy trong một trận chiến như thế. Cái giá bằng máu này, tuy nhiên, lại cao hơn so với dự kiến của những người lính Thủy quân Lục chiến mới đến, vì họ còn chưa quen thuộc với trình độ chiến thuật và sự ngoan cường của kẻ thù.³¹

Chiến dịch Sao Băng đã phô diễn hầu hết những lợi thế mà quân đội Mỹ mang theo đến Nam Việt Nam. Các thiết bị và kỹ thuật tình báo tinh vi đã xác định chính xác vị trí các lực lượng của một kẻ thù khó nắm bắt. Trực thăng, tàu, xe lội nước và xe mặt đất đã vận chuyển hàng ngàn quân Mỹ đến các vị trí thuận lợi trên chiến trường. Thông qua liên lạc vô tuyến và tín hiệu trực quan, lực lượng mặt đất Mỹ đã nhanh chóng chỉ

đạo hỏa lực từ các máy bay trực thăng vũ trang, máy bay tấn công cánh cố định và các khẩu pháo nhắm vào quân địch và các công sự phòng thủ.

Những thế mạnh của Mỹ không chỉ thuần túy về công nghệ. Những chàng trai Mỹ trẻ tuổi sử dụng vũ khí trong Chiến dịch Sao Băng là sản phẩm của một nền văn hóa đã phát triển năng lực chiến tranh qua hàng ngàn năm. Nền văn minh phương Tây đã được mang đến lục địa Mỹ bởi những người Anh bắt đầu định cư ở đó vào thế kỷ XVII và đã được sửa đổi, quốc gia hóa và thể chế hóa trong quá trình tách khỏi mẫu quốc Anh. Đạo Tin lành đã định hình mọi khía cạnh của văn hóa Mỹ, bao gồm cả những khía cạnh mà phần còn lại của thế giới coi là đặc trưng của Mỹ, chẳng hạn như chủ nghĩa cá nhân mạnh mẽ và chủ nghĩa làm việc quá sức.

Bàn tay khổng lồ của địa lý và khí hậu cũng đã góp phần tạc nên quốc gia Mỹ và cách tiếp cận chiến tranh của họ, đồng thời mang lại cho mỗi vùng miền những đường nét văn hóa độc đáo. Những cuộc di cư qua vùng biên giới phía Tây khắc nghiệt đã nuôi dưỡng tinh thần đổi mới thực dụng, sự sẵn sàng sử dụng vũ lực áp đảo để giải quyết tranh chấp, và sự khinh miệt đối với giới trí thức, các chính trị gia xa xôi và các tầng lớp tinh hoa tự phong khác. Những người Mỹ định cư ở vùng đồng

bằng rộng lớn của Trung Tây đã phát triển, trong sự cần cù định cư của đời sống nông nghiệp, những thói quen rõ rệt về sự điều độ, dễ chịu và tính địa phương. Dọc theo các bờ biển Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, các đại dương đã thu hút người Mỹ hướng về hàng hải, thương mại, du lịch quốc tế và các tư tưởng nước ngoài. Ở miền nam, nhu cầu về lao động nông nghiệp có khả năng chịu đựng dịch bệnh và cái nóng đã thúc đẩy việc nhập khẩu nô lệ từ châu Phi, cuối cùng dẫn đến sự tàn phá của khu vực này trong Nội chiến. Sự kiện mang tính thời đại đó đã chấm dứt chế độ nô lệ nhưng hầu như không thay đổi được sự thù địch của miền Nam da trắng đối với chủ nghĩa bình đẳng chủng tộc hay sự ưa thích của họ đối với việc sử dụng vũ lực.

Mãi cho đến lúc này, một trăm năm sau Nội chiến, dân số da trắng của Hoa Kỳ mới bắt đầu hòa nhập người da đen vào xã hội của mình, và không nơi nào nỗ lực đó tiến triển nhanh chóng như trong quân đội. Trong những thời kỳ chiến tranh trước đây, lực lượng vũ trang Hoa Kỳ đã tạo ra các đơn vị chiến đấu gắn kết từ những thanh niên hỗn hợp gốc Đức, Ireland, Ý, Do Thái, Mexico, Trung Quốc và Polynesia, dựa vào những khắc nghiệt và gian truân của nghĩa vụ quân sự để củng cố các mối liên kết của bản sắc dân tộc chung. Giờ đây, lực lượng vũ trang Hoa Kỳ đang thêm người

da đen vào nồi nấu chảy quân sự. Colin Powell, người từng phục vụ hai nhiệm kỳ tại Việt Nam và sau này trở thành người da đen đầu tiên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và Ngoại trưởng, nhớ lại rằng quân đội đã thu hút ông khi còn trẻ vì chế độ nhân tài và sự thờ ơ với bản sắc chủng tộc và dân tộc của nó đã mang lại cho người da đen những cơ hội tiến bộ và lãnh đạo vô song. «Vào thời đó, bạn không thể kể tên một ngành nghề nào khác mà ở đó đàn ông da đen thường xuyên ra lệnh cho đàn ông da trắng phải làm gì và làm như thế nào», Powell kể lại.³²

Người Mỹ những năm 1960 khác biệt theo vùng về thái độ đối với thương mại, ngoại giao, chi tiêu chính phủ và chiến tranh, nhưng họ được đoàn kết bởi niềm tin vào Chúa và đất nước. 97% người Mỹ được khảo sát vào năm 1965 tin vào Chúa, và 93% tự nhận mình là Cơ đốc nhân, trong khi chỉ 2% không theo tôn giáo nào. Ba trong số bốn người Mỹ tin vào cuộc sống sau khi chết, một niềm tin đặc biệt quan trọng đối với người Mỹ chuẩn bị tiến hành chiến tranh.³³ Các công ty thăm dò dư luận không thực hiện các cuộc khảo sát về tình cảm yêu nước vào năm 1965, nhưng theo mọi đánh giá, niềm tự hào dân tộc rất cao. Người Mỹ trẻ và già cùng chia sẻ sự tôn trọng chung đối với các Nhà Lập quốc, Paul Revere, Hiến pháp, lá cờ Mỹ, Davy Crockett, Ngày

D, và bánh táo.

Những thanh niên của thập niên 1960 đã được nuôi dưỡng bằng những cuộc đấu tranh, hy sinh và chiến thắng của nước Mỹ trong Thế chiến II. Khi còn là những cậu bé, họ đã tìm thấy những hình mẫu lý tưởng trong các bộ phim của John Wayne và Robert Mitchum, các cuốn sách của Audie Murphy và Richard Tregaskis, và những câu chuyện của cha chú những người đã chiến đấu ở châu Âu hoặc Thái Bình Dương. Họ đã dành những ngày lễ để xem các cựu chiến binh diễu hành trên phố Main, mặc đồng phục và huân chương làm chứng cho lòng yêu nước và sự nam tính. Nhiều người trong số họ tình nguyện gia nhập quân đội vì họ coi đó là nghĩa vụ và vinh dự cho một người đàn ông khi liều mạng vì đất nước. Tình cảm đó đặc biệt mạnh mẽ ở miền tây và miền nam, do sự đánh giá cao đối với quân đội trong số con cháu của những người khai hoang và phe Liên minh miền Nam, mặc dù nó cũng có thể được tìm thấy ở những khu vực mà văn hóa thượng võ ít thể hiện rõ hơn. Trong số những thanh niên không đủ hào hứng với vũ khí tự động và chiến đấu trong rừng để tự nguyện gia nhập lực lượng vũ trang, một số đã vào quân đội thông qua nghĩa vụ quân sự, vốn được áp dụng từ năm 1940 và tiếp tục ở mức độ giảm bớt trong các thời kỳ hòa bình trước và sau Chiến tranh Triều Tiên.

Người Mỹ cũng đoàn kết trong sự tự tin rằng các nguyên tắc chính trị của họ vượt qua ranh giới sắc tộc và văn hóa và đáng được áp dụng ở mọi góc ngách trên thế giới. Họ khác nhau về việc liệu Hoa Kỳ nên chủ động ép buộc người khác áp dụng hay chỉ tìm cách thuyết phục họ, nhưng đó chủ yếu là chi tiết để các quan chức chính phủ giải quyết. Mặc dù sự chú ý của người dân Mỹ đến các vấn đề quốc tế được biết là giảm sút trong thời kỳ yên bình, người Mỹ đã cùng nhau tiến hành các cuộc viễn chinh ở nước ngoài khi đối mặt với các mối đe dọa chết người. Vào giữa những năm 1960, chủ nghĩa cộng sản quốc tế được công nhận rộng rãi là một mối đe dọa như vậy bởi cả những người tự do lẫn bảo thủ, Đảng Dân chủ cũng như Cộng hòa. Rất ít người lên tiếng phản đối khi Lyndon Johnson bắt đầu triển khai một lực lượng viễn chinh lớn đến Việt Nam trong nửa đầu năm 1965.

Lòng nhiệt thành quốc gia đã giúp có thể huy động người Mỹ cho các hoạt động quân sự quy mô lớn ở phía bên kia thế giới. Trong quá trình vươn lên vị thế bá chủ toàn cầu của nước Mỹ vào nửa đầu thế kỷ XX và các cuộc can thiệp tiếp theo ở Triều Tiên và Việt Nam, Hoa Kỳ đã cho thấy họ có thể triển khai sức mạnh quân sự xa hơn, nhanh hơn và với số lượng lớn hơn bất kỳ quốc gia hay đế chế nào trong lịch sử. Quân đội Hoa Kỳ

không phải lúc nào cũng có nhiều sự tinh xảo như đối thủ, nhưng nhờ có cơ sở công nghiệp khổng lồ, họ luôn có nhiều vũ khí hơn. Khi đối mặt với những đối thủ có ý chí và năng lực đáng kể, chẳng hạn như người Đức và Nhật Bản trong Thế chiến II, Hoa Kỳ có thể áp đảo họ bằng sức mạnh số lượng và sự kiên trì.³⁴

Hành động của người Mỹ tại Vạn Tường phản ánh các chuẩn mực văn hóa của quân đội Hoa Kỳ, nhiều chuẩn mực trong số đó đã được chuyển dịch từ xã hội dân sự. Các sĩ quan Mỹ đưa ra những quyết định đúng đắn trên chiến trường vì họ được lựa chọn dựa trên thành tích chứ không phải địa vị xã hội hay các mối quan hệ cá nhân. Binh lính Mỹ tuân theo lệnh của sĩ quan vì huấn luyện quân sự đã thấm nhuần trong họ sự tôn trọng quyền lực. Khả năng vận hành thiết bị tinh vi của nhân sự Mỹ phụ thuộc vào các hành vi và kỹ năng đã được truyền thụ thông qua giáo dục và đào tạo. Chính việc huấn luyện kéo dài về chiến thuật và vũ khí đã cho phép các đơn vị mặt đất Mỹ tại Vạn Tường chiến đấu hiệu quả khi không thể gọi hỏa lực không quân và pháo binh.

Rất ít quốc gia khác vào thời đó có thể tập hợp được bất cứ thứ gì gần với năng lực quân sự của Hoa Kỳ. Chỉ một số ít nắm vững việc sử dụng các công nghệ tiên tiến

như máy bay trực thăng và tàu sân bay. Tổ chức quân sự của hầu hết các quốc gia bên ngoài phương Tây tụt lại rất xa so với Hoa Kỳ về khả năng lãnh đạo, kỷ luật và tính chuyên nghiệp quân sự, điều này giải thích tại sao Hoa Kỳ chưa bao giờ phải đối mặt với một thách thức quân sự nghiêm trọng từ những quốc gia đó. Ở nhiều xã hội, lòng trung thành với gia đình vẫn lấn át lòng trung thành với quốc gia và lực lượng vũ trang của nó, với kết quả là các gia đình quyền lực gây ảnh hưởng đến việc lựa chọn sĩ quan để mưu lợi cho họ và binh lính bỏ chạy khi đối mặt với kẻ thù nguy hiểm. Những nền văn hóa không coi trọng nghĩa vụ quân sự hoặc đổi mới công nghệ không thể tạo ra các tổ chức quân sự triển khai lực lượng vũ trang với trang thiết bị và huấn luyện tối tân.³⁵

Trong những thập kỷ gần đây, tuy vậy, một số ít quốc gia châu Á đã tiến gần đến tiêu chuẩn phương Tây trong các khía cạnh con người của hiệu quả quân sự bằng cách nhập khẩu ý tưởng văn hóa và chuyên môn quân sự từ các quốc gia phương Tây và Liên Xô. Đây là những quốc gia mà Hoa Kỳ đã vướng vào chiến tranh kéo dài. Nhật Bản là nước đầu tiên, lực lượng của họ gây ra một số thất bại ngoạn mục cho người Mỹ vào năm 1941 và 1942 trước khi suy yếu trước cỗ máy quân sự khổng lồ và vũ khí hạt nhân của Mỹ. Trung Quốc và Bắc Triều Tiên tiếp theo, chiến đấu với Hoa Kỳ trong ba năm trên

Bán đảo Triều Tiên. Kế đến là Bắc Việt Nam. Khi ứng phó với những thách thức này, Hoa Kỳ đã truyền thụ các yếu tố văn hóa quân sự của chính mình cho các đồng minh châu Á.

Những người Cộng sản Việt Nam đã xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh ở Bắc Việt Nam, với sự hỗ trợ rộng rãi từ các đồng minh Trung Quốc và Liên Xô của họ. Nghiêm khắc và cần cù, người dân Bắc Việt Nam tạo ra những người lính chất lượng cao đến mức các quan sát viên châu Âu gọi họ là «người Phổ của châu Á». Người Bắc Việt bao gồm cư dân của Bắc Kỳ, vùng phía bắc của lãnh thổ Việt Nam, cũng như những người sống ở nửa phía bắc của Trung Kỳ, vùng trung tâm. Giống như tất cả người Việt, họ là hậu duệ của nền văn minh Trung Hoa, được hướng dẫn bởi các giáo lý Khổng Tử. Di sản Nho giáo của họ, tuy nhiên, đã bị giới lãnh đạo Bắc Việt đánh đổ, mà những xác tín ý thức hệ đã thúc đẩy họ thanh trừng nền văn hóa khỏi những giá trị bị coi là lạc hậu như lòng trung thành với gia đình và quan tâm đến tài sản tư nhân. Những người cầm quyền Bắc Việt Nam dù vậy vẫn giữ lại các yếu tố truyền thống có thể thúc đẩy dân chúng Bắc Việt hy sinh cho nhà nước và cuộc cách mạng thế giới. Một truyền thống như vậy là tình đoàn kết cộng đồng, vốn đặc biệt mạnh mẽ ở người Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Một

truyền thống khác là chủ nghĩa dân tộc, một lực lượng mà những người Mác - xít Lê - nin - nít phải xử lý một cách thận trọng vì nguồn gốc tư sản của nó và sự sẵn sàng của những kẻ phản bội Cộng sản như Tito của Nam Tư trong việc thỏa hiệp chủ nghĩa quốc tế cách mạng vì lý do dân tộc chủ nghĩa.

Với ý định thống nhất Đại Việt dưới sự cai trị của Cộng sản, Hà Nội trong vài thập kỷ đã tìm cách giành được lòng trung thành của những người sinh ra ở phía nam vĩ tuyến 17 trong cái hiện là Nam Việt Nam. Những người Cộng sản Việt Nam đã thành công nhất ở các làng quê, nơi những nông dân ít học dễ bị lung lạc bởi những cán bộ chính trị ăn nói hay và giết các đối thủ của họ từ chính phủ Nam Việt Nam. Những người tuyền mộ Cộng sản đã thành công kém xa ở các thị trấn và thành phố của Nam Việt Nam, do sự hiện diện liên tục của lực lượng an ninh chính phủ và chủ nghĩa dân tộc chống Cộng của phần lớn cư dân đô thị.³⁶

Chính phủ Nam Việt Nam cai quản Nam Kỳ, phần ba phía nam của Việt Nam, cũng như nửa phía nam của Trung Kỳ. Trong phần lớn lịch sử của mình, các dân tộc của những vùng đất này bị cai trị bởi một chính phủ khác với người Việt ở phía bắc của họ, và địa lý cùng các diễn biến chính trị đã mang lại cho họ những nền

văn hóa và bản sắc khu vực riêng biệt. Người Việt ở Nam Kỳ có tính cá nhân cao hơn và dễ xung đột nội bộ hơn so với những người đồng cấp Bắc Kỳ và Trung Kỳ của họ, mặc dù họ có thể được tập hợp vì một mục đích chung bởi những hoàn cảnh nguy hiểm và những nhà lãnh đạo mạnh mẽ.

Vào năm 1965, dân số Nam Việt Nam sở hữu một mục đích chung, chủ nghĩa dân tộc chống Cộng. Họ phải đối mặt với một mối nguy hiểm chung nghiêm trọng từ một Bắc Việt Nam cực đoan đang thâm nhập toàn bộ các sư đoàn quân đội vào đất nước họ. Các tướng Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ, những người vừa nắm quyền lãnh đạo chính phủ Nam Việt Nam, đang nỗ lực cung cấp sự lãnh đạo sau hai năm bất ổn chính trị do vụ ám sát Tổng thống Ngô Đình Diệm gây ra, nhưng họ vẫn chưa khắc phục được những thiệt hại do các cuộc thanh trừng lặp đi lặp lại các nhà lãnh đạo quân sự và dân sự gây ra.

Mặc dù cuộc chiến ở Việt Nam cuối cùng sẽ được quyết định trên bộ, nó đã được thực hiện nhờ sức mạnh hải quân. Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất trên thế giới có sức mạnh hải quân để triển khai và duy trì vài trăm nghìn quân được vũ trang hạng nặng ở phía bên kia địa cầu. Việc nó sở hữu một hải quân như vậy là kết quả

của một cơ sở công nghiệp có thể sản xuất hàng trăm tàu tinh vi, một công chúng ủng hộ hàng hải và các cuộc viễn chinh quân sự xa xôi, và các thể chế chính trị và quân sự đã chuyển hướng sự giàu có và ý chí quốc gia vào các hoạt động trên biển.

Tài sản quân sự mạnh mẽ nhất mà người Mỹ vận chuyển qua Thái Bình Dương là sức mạnh không quân. Các đội máy bay trực thăng và máy bay cánh cố định của Mỹ cung cấp khả năng cách mạng trong các khía cạnh cơ bản nhất của chiến tranh : hỏa lực và tính cơ động. Không quân nhỏ bé của Bắc Việt Nam không có khả năng tranh giành quyền kiểm soát bầu trời Nam Việt Nam của Mỹ, và việc Bắc Việt Nam sử dụng hỏa lực phòng không trên các chiến trường Nam Việt Nam bị hạn chế nghiêm trọng bởi lao động khổng lồ cần thiết để vận chuyển vũ khí và đạn dược phòng không mà không có phương tiện cơ giới.

Tuy nhiên, người Bắc Việt có những lợi thế ở một mức độ nào đó bù đắp cho những lợi thế của không quân Mỹ. Đáng chú ý nhất là sự xuất sắc của họ trong việc di chuyển bằng chân mà không bị phát hiện, điều này cho phép họ tập hợp lực lượng cho cuộc tấn công một cách nhanh chóng đến mức ngay cả máy bay tấn công và bộ binh cơ động đường không cũng có thể gặp

khó khăn trong việc phản ứng kịp thời. Sự bất đối xứng này sẽ ảnh hưởng lớn đến chiến lược và chiến thuật của cả hai phía trong cuộc chiến trên bộ mà Hoa Kỳ vừa đưa Lục quân và Thủy quân Lục chiến của mình tham gia.

Chiến thắng của Mỹ tại Vạn Tường đã mang lại sự minh chứng đầu tiên cho chiến lược mới của Tướng Westmoreland về việc sử dụng lực lượng mặt đất Hoa Kỳ trong chiến đấu. Việc Thủy quân Lục chiến giành chiến thắng trong trận đánh đã khiến chiến thắng thêm phần trở trêu, bởi các chỉ huy cấp cao của Thủy quân Lục chiến vẫn còn hoài nghi nghiêm trọng về chiến lược của Westmoreland và những chiến thuật đi kèm. Trên thực tế, vào thời điểm Chiến dịch Starlite, Westmoreland đang làm việc hết sức mình để thuyết phục giới lãnh đạo Thủy quân Lục chiến về những ưu điểm trong cách tiếp cận của ông.

Chiến lược của Westmoreland thường được gọi là «chiến lược tiêu hao» vì nó nhấn mạnh vào việc tiêu hao lực lượng địch thông qua các hoạt động quân sự tấn công. Tuy nhiên, cái tên đó đã che khuất các thành phần chính khác của chiến lược, bao gồm việc tăng cường năng lực của Nam Việt Nam và tái khẳng định quyền kiểm soát của Nam Việt Nam đối với dân cư nông thôn.

Theo quan điểm của Westmoreland, kiểm soát dân cư nông thôn là điều cần thiết để thành công, và nó đòi hỏi phải củng cố chính phủ Nam Việt Nam cùng các lực lượng an ninh của họ, bao gồm các lực lượng dân quân và cảnh sát được thiết kế cho việc bình định nông thôn. «Mục đích cuối cùng», Westmoreland tuyên bố trong một chỉ thị gửi các chỉ huy, «là bình định Việt Nam Cộng hòa bằng cách tiêu diệt Việt Cộng - lực lượng, tổ chức, phần tử khủng bố, gián điệp và tuyên truyền viên của chúng - đồng thời tái lập bộ máy chính quyền, tăng cường lực lượng quân sự của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (GVN), xây dựng lại bộ máy hành chính và khôi phục các dịch vụ của chính phủ.»³⁷

Việc tiêu hao có tầm quan trọng trung tâm ngay từ đầu bởi nó là cần thiết để ngăn chặn cuộc tấn công ồ ạt của Quân đội Bắc Việt và sau đó sẽ cần thiết để cung cấp sự bảo vệ cho công cuộc bình định và xây dựng quốc gia. Các đơn vị chiến đấu Hoa Kỳ và các đơn vị chiến đấu tuyển chọn của Nam Việt Nam sẽ sử dụng các chiến thuật «tìm và diệt» để đạt được sự tiêu hao lực lượng quân sự của địch, trong khi phần lớn lực lượng Nam Việt Nam sẽ sử dụng các chiến thuật chống nổi dậy để bảo vệ và quản lý dân cư nông thôn. Quyết tâm chặn đứng địch, Westmoreland chỉ thị các chỉ huy của mình tiến hành nhiều cuộc hành quân tìm và diệt ở

các khu vực không có dân cư nơi địch chuẩn bị trước khi chiến đấu và hồi phục sau đó. «Mặc dù một chỉ huy phải thận trọng», Westmoreland giải thích, «anh ta sẽ không thắng trận nào bằng cách ngồi yên chờ địch đến với mình.»³⁸

Các hoạt động tìm và diệt sẽ cho phép lực lượng Hoa Kỳ đánh tan các đơn vị lớn của Bắc Việt trước khi chúng có thể tập trung để tấn công vào các đồn bốt rải rác và các trung tâm dân cư. Chúng sẽ gây thiệt hại cho khả năng hậu cần của Quân đội Bắc Việt và buộc binh lính của họ phải lãng phí thời gian và tiếp tế bằng cách di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Ngoài ra, Westmoreland lập luận, các hoạt động tìm và diệt sẽ làm giảm sự hiện diện của lực lượng chính quy Bắc Việt gần dân cư nông thôn Nam Việt Nam, giúp các lực lượng an ninh và quan chức dân sự Nam Việt Nam dễ dàng hơn trong việc khẳng định quyền kiểm soát các làng xã.³⁹

Vì các cuộc hành quân lớn của Quân đội Nam Việt Nam với toàn bộ tiểu đoàn hoặc lữ đoàn hiếm khi tiếp xúc được với địch, Westmoreland chủ trương dựa vào việc tuần tra của các đơn vị nhỏ trong giai đoạn tìm kiếm. Ông cũng tin rằng nhiều thông tin có thể thu thập được từ các lực lượng an ninh địa phương Nam Việt

Nam, tín hiệu tình báo, và trinh sát giám sát trên không. Các công nghệ mới như radar trên không nhìn bên (SLAR), radar chống người và thiết bị hồng ngoại hứa hẹn những cơ hội chưa từng có để định vị quân địch không đề phòng từ xa. Một khi tìm thấy địch, người Mỹ sẽ tấn công nhanh chóng bằng cách đưa bộ binh vào bằng trực thăng và hỗ trợ họ bằng các đòn không kích và pháo kích.⁴⁰

Thiếu tướng William E. DePuy, với vai trò là trợ lý tham mưu trưởng phụ trách tác chiến của Westmoreland, đã đóng vai trò lớn trong việc xây dựng chiến lược và chiến thuật ban đầu, tin rằng việc tiêu hao mạnh mẽ lực lượng Bắc Việt thông qua các hoạt động tìm và diệt sẽ khiến Bắc Việt sớm đầu hàng. Về sau, DePuy thừa nhận quan điểm này là sai lầm. Ông cho rằng sai lầm này là do ông không lường trước được sự thâm nhập ồ ạt của Quân đội Bắc Việt, đánh giá thấp quyết tâm của kẻ thù, và sự khoan dung của Nhà Trắng đối với các vùng an toàn (sanctuaries) của địch ở Lào và Campuchia.⁴¹

Westmoreland không chia sẻ sự tự tin của DePuy rằng chỉ riêng việc tiêu hao cũng sẽ làm suy sụp ý chí của Hà Nội. Theo cách Westmoreland nhìn nhận tình hình, một kết quả thuận lợi cho cuộc chiến sẽ đòi hỏi một quá trình xây dựng lại Nam Việt Nam lâu dài. Dự đoán về

một cuộc xung đột kéo dài của Westmoreland được chia sẻ bởi các nhân vật hàng đầu khác trong chính quyền Johnson, bao gồm cả Tổng thống Johnson, người đã nhìn thấy trước thương vong cao trong những năm tới khi quyết định đưa quân mặt đất Mỹ vào cuộc chiến.⁴²

Westmoreland nhận ra rằng Hà Nội có thể hạn chế tác động của chiến tranh tiêu hao của Mỹ bằng cách thay đổi chiến lược và chiến thuật. Họ có thể gửi thêm quân Bắc Việt vào miền Nam và phân tán lực lượng của họ giữa các làng và khu vực không có người ở, nơi họ sẽ khó bị tìm thấy và tiêu diệt. Trong một cuộc chiến kéo dài, Westmoreland nhận thấy, việc tiêu hao sẽ có giá trị hơn trong việc gây thiệt hại cho năng lực của kẻ thù so với việc gây tổn hại cho ý chí của chúng, vì nó sẽ cho chính phủ Nam Việt Nam thời gian và không gian để ổn định chính trị và hồi phục về quân sự.⁴³

Westmoreland chỉ thị các chỉ huy của mình giao nhiệm vụ an ninh làng xã cho lực lượng Nam Việt Nam vì họ phù hợp hơn với nhiệm vụ này so với người Mỹ «về ngôn ngữ, văn hóa và hiểu biết địa phương.»⁴⁴ Giới lãnh đạo quốc gia Nam Việt Nam không muốn có bất kỳ binh lính Mỹ nào trong các vùng đông dân của đất nước, vì tin rằng người Mỹ sẽ gặp khó khăn lớn trong việc phân biệt phiên quân với thường dân và sự hiện

diện của họ có thể gây thù địch với người Nam Việt Nam vốn có tinh thần dân tộc. Tuy nhiên, Westmoreland nhấn mạnh rằng các lực lượng Mỹ đáng kể phải hoạt động ở một số khu vực đông dân để ngăn chặn các đơn vị địch lớn và thúc đẩy người Nam Việt Nam.⁴⁵ «Để có hiệu quả», Westmoreland viết vào tháng Tám, «chúng ta không thể cách ly quân Mỹ khỏi dân chúng cũng như không thể triển khai họ chỉ ở các khu vực rừng rậm, nơi họ có thể bị Việt Cộng bỏ qua và phớt lờ.» Lực lượng Mỹ phải được sử dụng ở những khu vực quan trọng đối với chính phủ và Cộng sản, và «với ít ngoại lệ, các khu vực quan trọng trùng khớp với nơi có dân cư đông đúc.»⁴⁶

Trong những năm sau đó, chiến lược và chiến thuật của Westmoreland sẽ trở thành đối tượng của sự chế nhạo rộng rãi, cả trong số những người Mỹ coi cuộc chiến là hoàn toàn đáng trách và những người Mỹ muốn Hoa Kỳ chiến thắng. Trên thực tế, các công thức chiến lược và chiến thuật của Westmoreland phản ánh sự đánh giá đúng đắn về các sự kiện gần đây và thực tế hiện tại của Việt Nam. Nhiều sự kiện và thực tế trong số đó đã mờ mịt đối với thế giới bên ngoài vào thời điểm đó và sẽ vẫn như vậy trong nhiều thập kỷ sau đó.

Những người chỉ trích Westmoreland đã công kích sự nhân mạng của ông vào việc tiêu hao bằng cách lập luận rằng việc kiểm đếm thương vong của địch không có nhiều ý nghĩa trong một cuộc chiến mà về cơ bản là một cuộc đấu tranh giành lòng trung thành của dân thường. Lập luận đó đã có thể có một số giá trị vào năm 1960 hoặc 1963, khi kẻ thù đang tiến hành một cuộc chiến tranh du kích cường độ thấp ở nông thôn. Việc Hà Nội chuyển sang chiến tranh chính quy cường độ cao vào năm 1965 đã khiến nó trở nên lỗi thời, vì quân số là tối quan trọng trong một cuộc chiến như vậy, đúng như nó vốn có trong hầu hết các cuộc chạm trán giữa các quân đội chính quy từ thời cổ đại. Hai hoạt động quân sự quan trọng nhất đối với mục tiêu cuối cùng của Bắc Việt là chinh phục Nam Việt Nam, tiêu diệt lực lượng đối phương và chiếm các thành phố, đều đòi hỏi số lượng quân lớn.

Các hoạt động tìm và diệt là điều cần thiết để bảo vệ nhân sự chống nổi dậy của Nam Việt Nam khỏi lực lượng chính quy của địch. Sự tự do di chuyển mà các đơn vị chính quy Cộng sản được hưởng trong năm 1964 và nửa đầu năm 1965 đã cho phép các đơn vị này xóa sổ các viên chức làng xã và đơn vị dân quân Nam Việt Nam, những người đã cạnh tranh với các cán bộ nổi dậy và du kích để kiểm soát dân chúng. Một báo cáo từ

ủy ban tình báo của Phái bộ Mỹ vào tháng 7 năm 1965 đã kết luận rằng chống nổi dậy đã có «tiền bộ ổn định dù không đồng đều» ở những khu vực «nơi Việt Cộng không can thiệp bằng các thành phần lực lượng chủ lực lớn.» Ngược lại, «bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào Việt Cộng có thể chủ động và sức mạnh tương đối lớn hơn, đặc biệt là trong các thành phần lực lượng chủ lực, và sẵn sàng cam kết chúng, thì bất kỳ tiến bộ địa phương nào trong [chống nổi dậy] đều trở nên gần như không thể.»⁴⁷

Các nhà phân tích quân sự Bắc Việt nhìn chung coi chiến lược của Westmoreland là một câu trả lời phù hợp và hiệu quả cho chiến lược của Hà Nội. Họ nhận thấy các hoạt động tìm và diệt và các hoạt động chống nổi dậy hỗ trợ lẫn nhau. Một quan sát viên Bắc Việt giải thích rằng chiến lược của Westmoreland bao gồm «các hoạt động quy mô lớn tấn công các căn cứ, các vị trí bàn đạp và lực lượng vũ trang tập trung của chúng ta để tạo điều kiện cho phép thực hiện hiệu quả chương trình bình định ở các khu vực đông dân, và ngược lại, việc thực hiện thành công chương trình bình định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phép địch tập trung lực lượng lớn để mở các cuộc tấn công sâu vào các khu vực căn cứ của chúng ta.»⁴⁸

Tướng Earle Wheeler, chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, cũng như Tướng Harold K. Johnson, tham mưu trưởng Lục quân, đều đồng ý với chiến lược và chiến thuật của Westmoreland. Tướng Wallace M. Greene, tư lệnh Thủy quân Lục chiến, không hoàn toàn đồng ý, và Thiếu tướng Walt cũng vậy. Khi còn là các sĩ quan trẻ, những người Thủy quân Lục chiến này đã học về chống nổi dậy từ các cựu chiến binh của các «cuộc chiến chuối» (banana wars) mà Hoa Kỳ đã tiến hành ở Nicaragua và Haiti trong những năm 1920 và 1930, những người đã dạy rằng lực lượng Mỹ có thể trở thành những lực lượng chống du kích hiệu quả ở vùng đất nước ngoài. Greene và Walt lập luận trong nửa cuối năm 1965 rằng quân Mỹ ở Việt Nam nên dành phần lớn thời gian cho các hoạt động của đơn vị nhỏ ở các vùng ven biển đông dân để giúp bảo vệ các căn cứ Mỹ và loại bỏ binh lính và cán bộ Cộng sản khỏi các vùng trồng lúa đông dân. Họ lưu ý rằng lực lượng Nam Việt Nam không thể tự mình hoàn toàn hoàn thành những nhiệm vụ này.⁴⁹

Ngay từ đầu, Walt và các sĩ quan Thủy quân Lục chiến cấp cao khác phản đối các hoạt động tìm và diệt kéo dài chỉ dựa trên suy đoán về vị trí của địch. Tuy nhiên, khi có tin tức tình báo chắc chắn xác định được lực lượng địch, họ sẵn sàng tiến hành các hoạt động tìm và diệt

để tước đoạt thể chủ động của kẻ thù và chặn đứng các cuộc tấn công của địch.⁵⁰ Với những mục đích đó, Walt đã cho phép tiến hành Chiến dịch Starlite.

Vào cuối mùa hè và mùa thu, Westmoreland cảm thấy buộc phải thúc giục Walt sử dụng Thủy quân Lục chiến của mình thường xuyên hơn trong các hoạt động tấn công quy mô lớn, nhiều tiểu đoàn ở các vùng rừng núi nội địa. Westmoreland không đối đầu trực tiếp với Walt về vấn đề này, mà thay vào đó ra lệnh cho ông ta thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đòi hỏi phải di chuyển Thủy quân Lục chiến ra khỏi các đầu cầu của họ. Việc đối đầu trực tiếp có thể làm sống lại những mối thù hằn cũ và đau đớn giữa Lục quân và Thủy quân Lục chiến. Việc làm mất lòng Tướng Walt sẽ đặc biệt có vấn đề vì ông là người con vàng của Thủy quân Lục chiến và bản thân cũng là một anh hùng nước Mỹ. Trong Thế chiến thứ hai, Walt đã giành được Ngôi sao Bạc và một sự thăng cấp lên đại tá tại chiến trường ở Guadalcanal, sau đó là Huân chương Chữ thập Hải quân tại Cape Gloucester và một cái nữa tại Peleliu. Ông đã được chọn để chỉ huy Lực lượng Viễn chinh III Thủy quân Lục chiến, bao gồm tất cả các đơn vị chiến đấu Thủy quân Lục chiến tại Việt Nam, vượt lên trên tất cả các tướng hai sao trong Thủy quân Lục chiến mặc dù ông có cấp bậc thấp hơn mỗi người trong số họ.⁵¹

Theo quan điểm của Westmoreland, nhu cầu về chiến thuật tìm - diệt đặc biệt cấp thiết ở Quân đoàn I, khu vực phụ trách của Thủy quân lục chiến, bởi vì nó gần Bắc Việt Nam nhất và do đó là nơi dễ dàng nhất để đối phương thâm nhập và tiếp tế cho các đơn vị lớn. Nếu không bị quấy rối xa khỏi bờ biển, các trung đoàn Bắc Việt Nam có thể khai thác địa hình rừng rậm che phủ để lén tiếp cận người Mỹ và áp đảo về quân số lên một căn cứ quân sự hoặc một thành phố. Đáng lo ngại nhất là dải rừng rậm của một dãy núi thuộc dãy Trường Sơn nằm cách bờ biển mười kilômét tại đồng bằng Chu Lai, nơi Thủy quân lục chiến đang tích cực tập trung quân và vật chất.⁵²

Vào cuối mùa hè, Westmoreland chấp thuận yêu cầu của Walt về việc sử dụng một số Thủy quân lục chiến trong nhiệm vụ bảo vệ dân cư, dù với điều kiện là Thủy quân lục chiến luôn hoạt động song song với nhân sự Nam Việt Nam và không bao giờ đi xa khỏi căn cứ của họ. Ở các khu vực đông dân cư phía nam và đông của căn cứ Thủy quân lục chiến tại Đà Nẵng, Thủy quân lục chiến của Walt tuần tra cùng với quân chính quy của Quân đội Nam Việt Nam. Tại căn cứ Phú Bài, trong cái được gọi là Trung đội Hành động Phối hợp (Combined Action Platoons), các tiểu đội Thủy quân lục chiến được ghép cặp với các trung đội dân quân Địa phương

quân Nam Việt Nam. Mặc dù các trung úy Nam Việt Nam trong các trung đội dân quân trên danh nghĩa là chỉ huy chung với các chỉ huy tiểu đội Thủy quân lục chiến, trên thực tế, Thủy quân lục chiến chỉ huy các đơn vị vì các hạ sĩ quan Thủy quân lục chiến thường có kỹ năng và quyết đoán trong lãnh đạo quân sự hơn các sĩ quan Nam Việt Nam. Thủy quân lục chiến cung cấp khả năng lãnh đạo, tài năng chiến thuật và phương tiện hậu cần mà các dân quân thiếu, trong khi các dân quân giúp Thủy quân lục chiến phân biệt Cộng sản với thường dân vô tội và thu thập thông tin từ dân chúng. Những thành công ban đầu của các Trung đội Hành động Phối hợp đã khiến Tướng Walt tìm kiếm sự đồng ý của Nam Việt Nam để chuyển giao thêm Địa phương quân cho chương trình vào cuối năm 1965, điều mà ông nhanh chóng đạt được.⁵³

Một nhóm nhỏ nhưng có tiếng nói của các sĩ quan Thủy quân lục chiến ủng hộ việc chuyển hầu hết lực lượng chiến đấu Mỹ từ các hoạt động tìm - diệt sang các Trung đội Hành động Phối hợp, điều mà họ và một số nhà lý thuyết về chống nổi dậy sau này tin rằng sẽ cho phép Hoa Kỳ thắng cuộc chiến một cách nhanh chóng.⁵⁴ Tuy nhiên, giả thuyết đó dựa trên sự sai lầm rằng phe Cộng sản vẫn đang tiến hành một cuộc chiến tranh du kích cường độ thấp. Nếu không có quân chiến đấu Mỹ

liên tục lùng sục các vùng nông thôn để phát hiện và quấy rối đối phương, các tiểu đoàn Quân đội Bắc Việt Nam có thể tràn vào các làng mà không bị trừng phạt và tiêu diệt các trung đội nhỏ. Trên thực tế, các đơn vị lớn của Bắc Việt Nam sẽ tràn ngập một số lượng đáng kể các Trung đội Hành động Phối hợp trong những năm tới, và chúng sẽ tràn ngập nhiều hơn nữa nếu các hoạt động tìm - diệt không ngừng nghỉ không làm gián đoạn các cuộc cướp phá của chúng.⁵⁵ Do nhu cầu đối phó với lực lượng chính quy của Quân đội Bắc Việt Nam, Thủy quân lục chiến sẽ không bao giờ phân bổ quá 3% nhân lực của họ cho chương trình Trung đội Hành động Phối hợp.⁵⁶

Các hoạt động của Mỹ gần khu vực dân cư không gây ra nhiều ma sát với người dân như các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam lo sợ. Mặc dù một số binh lính Mỹ tỏ ra không ưa thường dân Nam Việt Nam vì nghi ngờ họ bí mật ủng hộ kẻ thù, sự hiện diện của nhân sự Nam Việt Nam trong hầu hết các hoạt động của Mỹ và kỷ luật do các sĩ quan Mỹ áp đặt đã ngăn chặn căng thẳng dẫn đến bạo lực hình sự chống lại thường dân trong tất cả trừ một vài trường hợp.⁵⁷ Tuy nhiên, như Chiến dịch Starlite đã chứng minh, người dân Nam Việt Nam có thể và thường phải chịu thương tích khủng khiếp khi lực lượng Mỹ giao tranh với quân Bắc Việt Nam ở gần

các làng.

Việc triển khai lực lượng Hoa Kỳ ở các khu vực đông dân cư có những hậu quả bất lợi khác không được dự đoán trước. Nơi nào binh lính Mỹ đi đến, thì các thành viên của đội ngũ phóng viên nước ngoài ngày càng tăng cũng đến đó, và một số nhà báo đó sẵn sàng, thậm chí háo hức, đưa ra những bài tường thuật về việc người Mỹ gây thiệt hại cho tài sản và con người dân thường. Sự cố đầu tiên xảy ra tại làng Cẩm Nê vào ngày 3 tháng 8.

Khi một lực lượng hỗn hợp gồm Thủy quân lục chiến và dân quân Nam Việt Nam tiếp cận Cẩm Nê, các súng máy và súng trường tấn công của Cộng sản thò ra từ các hầm hào và công sự ngầm và bắn đạn vào những người ở phía trước. Thủy quân lục chiến bắn trả lại bằng vũ khí nhỏ, rocket và súng phun lửa, khiến một số túp lều bốc cháy. Trong một túp lều, nơi lính Cộng sản đang bắn, các đạn pháo của Mỹ đã giết chết một bé trai mười tuổi và làm bị thương ba thường dân khác. Thủy quân lục chiến chịu ba thương vong trước khi lực lượng thù địch quyết định rút lui.

Sau khi kẻ thù rời đi, quận trưởng Nam Việt Nam chỉ thị cho Thủy quân lục chiến đốt cháy bất kỳ túp lều nào còn lại có chứa hầm hào, công sự hoặc đường hầm.

Tướng Walt, người đã tự mình bay đến hiện trường, đã lập lại mệnh lệnh này cho Thủy quân lục chiến. Tính cả các công trình bị đốt cháy trong và sau trận chiến, tổng cộng năm mươi một túp lều đã bị phá hủy.

Morley Safer, một phóng viên người Canada làm việc cho CBS News, đã đưa ra một báo cáo chỉ trích nặng nề và trên nhiều phương diện không chính xác từ Cẩm Nê. Theo Safer, Thủy quân lục chiến đã phá hủy 150 ngôi nhà và làm như vậy sau khi nhận được lệnh «đốt cháy làng thành bình địa» nếu họ «nhận được chỉ một viên đạn bắn trả của kẻ thù». Người Mỹ đã kêu gọi dân làng rời khỏi nhà của họ trước khi chúng bị phá hủy, Safer báo cáo, nhưng người dân không nghe theo vì họ không biết tiếng Anh, một tuyên bố đã cho người xem CBS ấn tượng sai lầm rằng thường dân đã bị thiêu chết.⁵⁸

Các tổ chức tin tức Mỹ đã có một lịch sử lâu dài trong việc vẽ ra những bức tranh ảm đạm quá mức về lực lượng vũ trang Nam Việt Nam và các nhà lãnh đạo quân sự cấp cao của Hoa Kỳ tại Việt Nam, nhưng trước đây họ chưa từng xuyên tạc hoặc vu khống các chiến binh Mỹ. Cẩm Nê là viên đá đầu tiên xuyên qua cửa sổ đó. Hiện tại, hầu hết các phóng viên phương Tây khác có cái nhìn thuận lợi đối với cuộc chiến và những người tham chiến, giống như họ đã từng trong các cuộc chiến

trước đó, nhưng những bài báo như của Safer sẽ trở nên phổ biến hơn khi thời gian trôi qua.⁵⁹

Mặc dù phần lớn cuộc tranh luận về chiến lược và chiến thuật vào mùa hè và mùa thu năm 1965 tập trung vào Thủy quân lục chiến ở Quân đoàn I, nhu cầu về các hoạt động tìm - diệt lại lớn hơn đáng kể ở Quân đoàn II, do sự khác biệt về địa hình và ý đồ của kẻ thù. Ở cao nguyên trung phần thuộc Quân đoàn II, thuộc phạm vi quản lý của Lục quân Hoa Kỳ, những ngọn núi và thung lũng phủ đầy rừng rậm che giấu sự di chuyển và mở rộng của Quân đội Bắc Việt. Đầu tháng 8, một số sư đoàn Quân đội Bắc Việt đang chuẩn bị lao từ cao nguyên xuống bờ biển theo Quốc lộ 19.

Westmoreland coi các đơn vị Bắc Việt ở tỉnh cao nguyên Pleiku là mối đe dọa trước mắt nhất đối với sự tồn vong của Nam Việt Nam vì ông đã dự đoán đúng rằng chúng sẽ tấn công xuống Quốc lộ 19. Nếu cuộc tấn công của Bắc Việt chạm tới bờ biển, nó sẽ chia cắt đất nước làm đôi. Vì lý do này, Westmoreland dành ưu tiên cao nhất cho cao nguyên trong việc phân bổ các lực lượng chiến đấu Mỹ mới đến trong mùa hè. Ông đã gửi sư đoàn cơ động nhất của mình, Sư đoàn Kỵ binh số 1, đến An Khê, một thị trấn nằm giữa thành phố Pleiku và thành phố ven biển Qui Nhơn.⁶⁰

Ở phía tây tỉnh Pleiku, chính phủ Nam Việt Nam chỉ còn một đồn bót, tại Đức Cơ. Được đồn trú bởi dân quân, Đức Cơ đã bị lực lượng địch bao vây từ tháng 7. Nó phải hứng chịu quá nhiều hỏa lực từ súng cối và súng không giật của Bắc Việt vào đầu tháng 8 đến mức việc tiếp tế bằng trực thăng phải ngừng lại.

Vào ngày 3 tháng 8, Quân đội Nam Việt Nam đã đưa hai tiểu đoàn Nhảy dù tinh nhuệ của mình đến Đức Cơ và lập kế hoạch mở một tuyến tiếp tế trên mặt đất. Các lính nhảy dù quét về phía tây của Đức Cơ để tìm lực lượng địch và sớm tìm thấy chúng, giao tranh với phần lớn một trung đoàn Bắc Việt trong một buổi chiều trước khi quay trở lại đồn bót. Do ưu thế về quân số của kẻ thù và việc chúng chiếm giữ địa hình thuận lợi, các tiểu đoàn nhảy dù không thực hiện thêm các cuộc tấn công từ căn cứ.

Một trong những cố vấn cho lính nhảy dù Nam Việt Nam là Thiếu tá Norman Schwarzkopf, người sẽ chỉ đạo nỗ lực chiến tranh của Mỹ ở Vịnh Ba Tư hai mươi sáu năm sau với cấp bậc Đại tướng Norman Schwarzkopf. «Mỗi đêm chúng tôi đi ngủ với niềm tin chắc rằng trại sẽ bị tràn ngập và chúng tôi sẽ bị giết», Schwarzkopf nhớ lại. Ông học cách lắng nghe tiếng đạn cối của địch mỗi đêm trong giấc ngủ. «Tiếng ‘thịch’ của những viên

đạn rơi vào nòng súng cối có thể nghe thấy từ hàng trăm thước Anh, và khi tôi nghe thấy âm thanh đó, tôi biết mình có thể có khoảng tám giây để chui vào hố cá nhân», Schwarzkopf khẳng định. «Nhiều đêm tôi thấy mình lao nhanh đến hố cá nhân mà không hoàn toàn biết tại sao, nhưng quả thực, những vụ nổ sẽ bùng lên xung quanh. Buổi sáng chúng tôi thức dậy với sự nhẹ nhõm và nhận ra rằng cuối cùng chúng tôi có thể sống sót.»⁶¹

Theo ý kiến của giới lãnh đạo cấp cao Nam Việt Nam, việc mở lại đoạn Quốc lộ 19 giữa thành phố Pleiku và Đức Cơ đòi hỏi một lực lượng đặc nhiệm thiết giáp có quy mô lớn hơn so với khả năng cung cấp ngay lập tức của các đơn vị cơ động của Quân đội Nam Việt Nam. Bộ Tổng tham mưu Liên quân Nam Việt Nam đã yêu cầu Westmoreland di chuyển lực lượng Hoa Kỳ đến thành phố Pleiku để lực lượng đồn trú Nam Việt Nam của thành phố có thể tham gia một cuộc hành quân để giải vây Đức Cơ. Westmoreland đã đáp ứng, gửi Lữ đoàn Nhảy dù 173 đến thành phố bằng đường không.

Các chỉ huy Nam Việt Nam phụ trách nhiệm vụ giải vây đã chứng kiến đủ về Bắc Việt để dự đoán một cuộc phục kích quy mô lớn nhắm vào bất kỳ lực lượng nào di chuyển trên Quốc lộ 19 từ thành phố Pleiku về hướng

Đức Cơ. Xem xét địa hình cùng với các cố vấn Mỹ của họ, họ đã dự đoán chính xác nơi mà Bắc Việt sẽ giăng bẫy. Tuy nhiên, việc chuẩn bị các biện pháp đối phó hiệu quả vẫn là một nhiệm vụ khó khăn, vì Bắc Việt đã chọn vị trí của chúng ở địa hình mang lại cho chúng những lợi thế to lớn.

Lực lượng đặc nhiệm thiết giáp Nam Việt Nam khởi hành từ thành phố Pleiku vào ngày 8 tháng 8. Khi nó đến địa điểm của cuộc phục kích được dự đoán, những tiếng kèn và còi của Bắc Việt xé toạc không khí, ra hiệu cho năm tiểu đoàn Bắc Việt xung phong vào đoàn xe. Khai thác ưu thế về quân số, họ thâm nhập vào đoàn xe Nam Việt Nam ở nhiều nơi và làm hỏng một số phương tiện bằng súng không giật và lựu đạn rocket. Thủy quân lục chiến và Biệt động quân Nam Việt Nam đi cùng đoàn xe phản công với sự hỗ trợ của không lực Mỹ và đẩy lùi nhiều quân Bắc Việt. Các tuyến đầu dao động qua lại trong buổi chiều.

Vào cuối ngày, bộ phận chính của lực lượng đặc nhiệm Nam Việt Nam đã cố gắng rút lui về địa hình tốt hơn để qua đêm và củng cố vị trí của mình. Một lực lượng Bắc Việt đã chặn đứng cuộc tiến công của họ, để họ trên vùng đất thấp và rất dễ bị tổn thương. Thiếu tá William G. Leftwich Jr., một cố vấn Mỹ phục vụ cùng

Thủy quân lục chiến Nam Việt Nam, kể lại, «Bóng tối buông xuống trên một tình huống hỗn loạn và sa sút tinh thần đối với lực lượng Chính phủ. Họ bị kẹt trong một chu vi 200x800 mét với hơn 50 phương tiện xếp dọc đường trong một hình elip chật chội của 1.400 người. Kẻ thù nhìn xuống từ các đường sống núi cả phía đông và phía tây chỉ cách 300 thước Anh. Việc bắn phá bằng cối hạng nặng, nếu không phải là một cuộc tấn công toàn lực, dường như sắp xảy ra.»⁶²

Tuy nhiên, phía Bắc Việt đã bị tổn thất nặng nề hơn so với những gì người Nam Việt Nam và Mỹ biết. Thương vong nặng trong ngày, cộng với những đợt không kích trừng phạt sau khi trời tối, đã ngăn cản Bắc Việt tổ chức một cuộc tấn công nghiêm túc trong đêm. Bắc Tổn thất của Việt Nam (Quân Giải phóng) đã trở nên quá nghiêm trọng vào đầu buổi sáng nên Bộ Tư lệnh Bắc Việt đã chọn cách rút lui không chỉ các đơn vị tại điểm phục kích mà còn tất cả các đơn vị khác trong vùng lân cận Đức Cơ.⁶³

Không có nguồn tài liệu nào của Bắc Việt hiện có đề cập đến tác động chiến lược của trận đánh cụ thể này, nhưng cuộc tàn sát ở Đức Cơ dường như đã làm rung chuyển giới lãnh đạo Bắc Việt. Vào cuối tháng 8, vài ngày sau những thất bại nặng nề tại Đức Cơ và

Vạn Tường, Hà Nội quyết định thay đổi chiến lược. Họ kết luận rằng việc Mỹ đổ quân ồ ạt vào đã khiến cho mục tiêu chinh phục nhanh chóng miền Nam Việt Nam trở nên ngoài tầm với. Do đó, họ đã hủy bỏ cuộc tấn công mùa hè - thu nhằm chiếm Sài Gòn và chuyển sang một chiến lược tương tự như của Westmoreland, kết hợp tiêu hao (attrition) với những nỗ lực kiểm soát dân chúng và xây dựng lực lượng vũ trang tuyển mộ tại chỗ. Lực lượng Cộng sản sẽ tìm kiếm các trận đánh quy ước ở những địa điểm có lợi khắp miền Nam Việt Nam để gây ra số thương vong lớn cho kẻ thù Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.⁶⁴ «Vì thiếu sức mạnh vật chất», Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam kết luận, «chúng ta đang ở trong tình thế phải dùng yếu để chống mạnh, và do đó sẽ đòi hỏi một quá trình chiến đấu lâu dài để tập hợp đủ sức mạnh nhằm đánh bại hoàn toàn kẻ thù.»

Mặc dù chiến lược mới này giống với chiến lược của Westmoreland ở trọng tâm là tiêu diệt lực lượng quân sự của đối phương, nó khác biệt ở chỗ mục tiêu cuối cùng của nó là phá vỡ ý chí chứ không phải khả năng của kẻ thù. Như Ban Chấp hành Trung ương giải thích, chiến lược mới sẽ cho phép Hà Nội «khai thác và làm trầm trọng thêm những điểm yếu chính trị và quân sự của đế quốc Mỹ» và «đập tan ý chí xâm lược của Mỹ.»

⁶⁵ Những người Cộng sản Việt Nam đã từng đuổi được Pháp vào năm 1954 bằng cách làm suy giảm ý chí của họ thông qua chiến tranh tiêu hao, và họ dự định sẽ đánh bại người Mỹ theo cách tương tự.

Chương 2 - Thế Đứng Domino

Tháng 9 - Tháng 10 năm 1965

Do sự thu hẹp chiến lược của Hà Nội, các chỉ huy Bắc Việt ở Tây Nguyên đã hủy bỏ kế hoạch tấn công từ Pleiku ra biển theo Quốc lộ 19. Thay vào đó, các lực lượng ban đầu được phân công cho nhiệm vụ đó sẽ được sử dụng để vây hãm trại LLDB (Lực lượng Đặc biệt) Plei Me. Nằm cách thành phố Pleiku năm mươi kilômét về phía nam, trại Plei Me được bao quanh bởi địa hình lý tưởng cho việc phục kích các lực lượng ứng cứu.

Các chỉ huy Bắc Việt dự đoán rằng Quân đội Việt Nam Cộng hòa ban đầu sẽ cố gắng giải vây cuộc vây hãm bằng một trong những trung đoàn của họ, mà họ (Bắc Việt) dự định tiêu diệt. Sau đó, họ tiên đoán, người Mỹ sẽ gửi một tiểu đoàn hoặc hơn các lực lượng chiến đấu của chính họ, mà họ (Bắc Việt) dự định giao tranh để tìm hiểu cách người Mỹ chiến đấu. Một số sĩ quan Bắc Việt cho rằng họ nên phân đấu tiêu diệt vài đại đội lính Mỹ hoặc toàn bộ một tiểu đoàn. Những người khác cho rằng những mục tiêu như vậy là không thực tế, lưu ý rằng người Trung Quốc đã không tiêu diệt được toàn bộ một tiểu đoàn Mỹ trong suốt cuộc Chiến tranh Triều

Tiên.

Thiếu tướng Chu Huy Mân, chỉ huy Bắc Việt tại Tây Nguyên, giao nhiệm vụ Plei Me cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304. Theo lệnh từ Bộ Tư lệnh đó, Trung đoàn 33 của Quân đội Bắc Việt chuẩn bị bao vây và thăm dò trại Plei Me. Trung đoàn 320 bố trí các vị trí phục kích trên các đường tiếp cận Plei Me.

Cuộc vây hãm bắt đầu vào ngày 19 tháng 10. Các đơn vị của Trung đoàn 33 đã tràn ngập một đồn dân quân bộ tộc bảo vệ sườn phía tây nam của Plei Me, giết chết tất cả hai mươi dân quân. Các cuộc tấn công đe dọa vào trại chính sau đó diễn ra, liên quan đến số lượng lớn binh lính cố gắng thể hiện ý định chiếm trại mà không thực sự chiếm nó.

Người Mỹ phản ứng bằng các đợt không kích, điều mà chắc hẳn Bắc Việt đã lường trước, nhưng sức tàn phá của những đợt không kích đó vượt quá mong đợi của Bắc Việt. Trung đoàn 33 chịu tổn thất nhân sự khủng khiếp, và hệ thống thông tin liên lạc của họ bị phá hủy. Ở một số đơn vị của trung đoàn, sự tàn phá đã khiến kỷ luật tan vỡ và binh lính hoảng loạn bỏ chạy. Một chính trị viên đại đội, trở về sở chỉ huy trung đoàn với chỉ còn bốn người dưới quyền, đã giơ tay lên trong một cử chỉ bất lực và thốt lên : «Chiến trường đã biến thành một

vùng đất hoang !»⁶⁶

Mặt khác, Trung đoàn 320 hầu như vẫn còn nguyên vẹn trong các hang động và sườn núi nhìn xuống con đường tới Plei Me. Họ lặng lẽ quan sát và lắng nghe sự xuất hiện của đối phương từ hướng Thành phố Pleiku. Bốn ngày sau khi cuộc vây hãm bắt đầu, lực lượng ứng cứu xuất hiện ở phía xa. Như Bắc Việt đã hy vọng, đó là một lực lượng Việt Nam Cộng hòa có quy mô trung đoàn.

Một đội tiên phong gồm mười sáu xe tăng và mười lăm xe bọc thép chở quân lăn bánh chậm rãi xuống đường phía trước bộ binh Việt Nam Cộng hòa cho đến khi đoàn quân đến đúng điểm mà chỉ huy Việt Nam Cộng hòa dự đoán có một cuộc phục kích. Các ngọn núi bùng nổ bằng những loạt đạn đại bác, tập trung từ nhiều hướng vào phía trước của đoàn quân Việt Nam Cộng hòa. Xe bọc thép của Việt Nam Cộng hòa bắn trả lại một cách dữ dội. Các máy bay chiến đấu phản lực F - 100 của Mỹ và các trực thăng vũ trang UH - 1 Huey, vốn đã chờ sẵn gần đó, lao vút trên bầu trời để trút kim loại xuống quân Bắc Việt. Như một con cừu đực húc đầu tiên phong, đoàn quân Việt Nam Cộng hòa giữ xe bọc thép ở phía trước, trong khi các máy bay trút vũ khí của chúng với độ chính xác chết người lên các vị trí đã

xác định và nghi ngờ của Bắc Việt.

Quân Bắc Việt kiên trì tấn công vào đầu đoàn quân trong hai giờ, cho đến khi họ nhận ra sự vô vọng của hướng tấn công đó. Xoay chuyển khỏi vị trí phục kích ban đầu, bộ binh Bắc Việt trút cơn thịnh nộ của họ vào các xe tải tiếp tế ở giữa đoàn quân Việt Nam Cộng hòa. Các cuộc tấn công ban đầu của họ đã phá hủy một số lượng đáng kể xe cộ, bao gồm một số xe tải đạn dược và xe bồn xăng bốc cháy và phát nổ. Tuy nhiên, các Biệt động quân Việt Nam Cộng hòa và các binh lính bộ binh Việt Nam Cộng hòa khác đã phản công với sự hỗ trợ của không kích Mỹ và đẩy lui họ. Quân Bắc Việt rút lui khi mặt trời lặn, những người còn khả năng mang theo số lượng lớn người chết và bị thương.

Đêm đó, quân Bắc Việt mở một cuộc tấn công cuối cùng với hy vọng rằng những máy bay Mỹ đã tàn phá họ vào ban ngày sẽ không tìm thấy họ trong bóng tối. Vào lúc ba giờ sáng, một tiểu đoàn Bắc Việt xông vào đầu đoàn quân Việt Nam Cộng hòa. Các pháo sáng chiếu sáng của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa nhanh chóng làm sáng rực bầu trời, cho phép các pháo chính của xe tăng Việt Nam Cộng hòa bắn tĩa những kẻ tấn công bằng đạn beehive (đạn tổ ong). Đạn beehive là một loại đạn đặc biệt chết người, hộp đạn nặng hai mươi pound của nó

chứa mười nghìn mảnh kim loại tủa ra theo kiểu súng săn. Các máy bay tiêm kích - ném bom Mỹ và một máy bay vũ trang AC - 47 Spooky bắn rocket, pháo, súng máy và bom bi vào lực lượng tấn công. Cuộc tấn công của Bắc Việt đã chết chỉ trong vài phút.⁶⁷

Tại một sở chỉ huy tạm thời gần đó, Thiếu tướng Chu Huy Mân đang theo dõi những gian truân của Trung đoàn 33 và 320. Các đơn vị này đã không những không tiêu diệt được một trung đoàn Việt Nam Cộng hòa mà còn không lôi kéo được lực lượng Mỹ vào trận chiến như ông dự định, và cả hai mục tiêu đó giờ dường như ngoài tầm với một cách vô vọng. Ông quyết định rút các trung đoàn của mình về Thung lũng Ia Drang, một thung lũng hẻo lánh ở phía tây tỉnh Pleiku cách biên giới Campuchia mười dặm. Tại đó, dưới tán rừng rậm rạp, họ sẽ hồi phục, tổ chức lại và nhận viện binh, sau đó quay lại Plei Me để giao chiến với người Mỹ vào một ngày khác.

Sau khi thu thập thương vong và đóng gói trang thiết bị, Trung đoàn 33 và 320 đã di chuyển về hướng Campuchia. Ngay khi người Mỹ nhận ra các trung đoàn này đang rút đi, Tướng Westmoreland đã ra lệnh truy kích. Ông giao nhiệm vụ này cho Sư đoàn Kỵ binh số 1, mà chỉ huy của sư đoàn này đã nhiều lần yêu cầu được

có cơ hội tung lực lượng của mình vào tấn công kẻ thù.

Được thành lập vào tháng 6 năm 1965, Sư đoàn Ky binh số 1 là sự kết hợp giữa Sư đoàn Bộ binh số 2 và Sư đoàn Không vận 11, đơn vị sau là một đơn vị thử nghiệm hầu như hoàn toàn di chuyển và tự hỗ trợ bằng trực thăng. Vài năm trước đó, những nhà đổi mới trong Lục quân đã thuyết phục được Bộ trưởng Quốc phòng McNamara thành lập Sư đoàn Không vận 11 bằng cách hứa hẹn rằng họ có thể đưa hàng nghìn người vượt qua các chướng ngại vật và vào sâu trong hậu phương của địch. Đây là một khái niệm thực sự cách mạng, và Lục quân đã thành công trong việc hiện thực hóa nó với Sư đoàn Không vận 11.

Đến giữa năm 1965, các sĩ quan và binh sĩ của Sư đoàn Không vận 11 đã thông thạo chiến tranh bằng trực thăng. Tuy nhiên, nhiều người trong số họ đã không cùng Sư đoàn Ky binh số 1 triển khai đến Việt Nam vì họ đang trong giai đoạn luân chuyển ra đi hoặc được lên lịch luân chuyển sớm. Những người thay thế họ chỉ nhận được những hướng dẫn cấp tốc về các hoạt động bằng trực thăng trước khi xông vào trận chiến.⁶⁸

Chỉ huy của Sư đoàn Ky binh số 1 vào thời điểm này là Thiếu tướng Harry W. O. Kinnard. Trong Thế chiến II, tài năng của Kinnard đã đưa ông thăng tiến nhanh

chóng ở các cấp bậc với một tốc độ không thể tưởng tượng được trong thời bình. Ông chỉ giữ quân hàm sĩ quan được năm năm thì đã trở thành sĩ quan tác chiến của Sư đoàn Nhảy dù 101 trong trận chiến then chốt tại Bastogne vào tháng 12 năm 1944. Chính ông là người đã đề nghị Chuẩn tướng Tony McAuliffe trả lời yêu cầu đầu hàng của Đức bằng câu cộc lốc «Đồ ngốc!». Mặc dù người Đức không hiểu câu trả lời và phải yêu cầu làm rõ, những người lính nhảy dù Mỹ rất thích thú với câu trả lời táo tợn đó, câu nói sau này đã trở thành biểu tượng cho sự kiên cường của Mỹ đã chặn đứng cuộc tấn công Ardennes của Đức.

Sau khi nhận được lệnh truy kích của Westmoreland, Kinnard chỉ thị cho Lữ đoàn 1 của mình đưa các đại đội bộ binh bằng trực thăng vào các khu rừng rậm xa xôi bên ngoài Plei Me. Ông trải rộng các binh sĩ bộ binh thành một lớp mỏng, với ý định sẽ nhanh chóng tăng cường bằng đường không tại những nơi binh lính của ông phát hiện lực lượng lớn của địch. Bằng cách khai thác các đánh chặn tín hiệu, trinh sát trên không, cùng các tài liệu và bản đồ thu được, người Mỹ sẽ xác định vị trí và giao chiến với các tập đoàn quân Bắc Việt đang rút lui.

Trong mười hai ngày tiếp theo, các kỵ binh không vận đã đổ bộ xuống khắp các phía của Trung đoàn 33 và 320 thuộc Quân đội Bắc Việt. Các sĩ quan Bắc Việt bối rối trước khả năng tìm và tấn công lực lượng của họ trong rừng rậm của người Mỹ. Không biết đến các công nghệ nhắm mục tiêu tinh vi mà người Mỹ có, người Bắc Việt kết luận rằng các đơn vị của họ đã bị do thám xâm nhập. Thiếu tướng Hoàng Phương, người được Bắc Việt cử đến khu vực để phân tích tình hình chiến đấu, đã ghi nhận rằng người Mỹ «thả quân xuống gần sở chỉ huy của ta và rất gần các đơn vị của ta. Các đơn vị của ta bị chia cắt, tan rã.» Khi quân Bắc Việt rút lui khỏi một cuộc giao tranh, người Mỹ «thả quân xuống để chặn đường rút của các đơn vị ta.»⁶⁹

Trong một số trận đánh lớn, các đại đội Mỹ đã chạm trán với lực lượng Bắc Việt đông đảo ở cự ly gần và chống trả họ trong khi lữ đoàn điều quân tăng viện và thực hiện các cuộc không kích, pháo kích. Hàng trăm quân Bắc Việt thiệt mạng trong mỗi lần như vậy, trong khi số lính Mỹ tử vong ít hơn nhiều. Đến khi Trung đoàn 33 QĐNDVN tiến vào Thung lũng Ia Drang, hơn hai phần ba quân số của đơn vị đã thương vong. Hiếm khi trong lịch sử chiến tranh, một cuộc truy kích lại có hiệu quả tàn phá đến vậy.⁷⁰

Chiến dịch Starlite và cuộc truy kích ra khỏi Plei Me sẽ trở thành những chiến dịch tiêu diệt - tìm kiếm (search - and - destroy) ban đầu nổi tiếng nhất của Mỹ, nhưng chúng không phải là những chiến dịch duy nhất mang lại những chiến thắng lớn cho Mỹ. Vào giữa tháng 9, trong Chiến dịch Gibraltar, binh lính Mỹ ở tỉnh Bình Định đã tìm thấy và giao tranh với căn cứ huấn luyện của Trung đoàn 2 thuộc Quân đội Bắc Việt. Khi một nửa trung đoàn đó tập hợp lại chống trả, người Mỹ thiết lập một vòng phòng thủ và gọi máy bay tiêm kích đến để tiêu diệt quân Bắc Việt. Các nhóm tìm kiếm của Mỹ đã xác định được 226 thi thể địch sau trận chiến, trong khi phía Mỹ chịu 13 người chết và 28 người bị thương.

71

Đến cuối tháng 10, chuỗi chiến thắng chiến thuật liên tục của Mỹ đã xóa bỏ nỗi sợ hãi của Nam Việt Nam và Mỹ rằng người Bắc Việt sẽ tràn ngập Sài Gòn và các thành phố lớn khác. Chúng cũng đảm bảo sự tiếp tục của thời gian tạm lắng khỏi tình trạng hỗn loạn chính trị đã gây vò Sài Gòn từ tháng 11 năm 1963 đến tháng 6 năm 1965. Một khi những nguy hiểm trước mắt nhất đã qua, sự chú ý bắt đầu chuyển sang các vấn đề dài hạn, mà đáng quan ngại nhất là việc Bắc Việt tiếp tục hỗ trợ cho chiến tranh ở Nam Việt Nam thông qua Lào và Campuchia.

Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân (JCS) một lần nữa khẳng định rằng phải sử dụng thêm lực lượng bên ngoài biên giới Nam Việt Nam để ngăn chặn sự xâm nhập của Bắc Việt. Họ thúc giục Tổng thống Johnson tăng gấp đôi các cuộc không kích Sầm Rền, từ năm trăm lên một nghìn lần mỗi tuần, với trọng tâm đặc biệt vào các vị trí phòng không, sân bay, cơ sở lưu trữ nhiên liệu - dầu - mỡ (POL), cảng, cùng các tuyến đường bộ và đường sắt kết nối Bắc Việt Nam với Trung Quốc. Hội đồng Tham mưu trưởng lưu ý rằng cho đến nay, Sầm Rền mới chỉ gây thiệt hại khiêm tốn cho năng lực của Bắc Việt ở nhiều lĩnh vực, và việc Bắc Việt phân tán và che giấu các doanh trại và kho tiếp tế sẽ làm giảm tính dễ bị tổn thương của họ theo thời gian.⁷²

Hội đồng Tham mưu trưởng ủng hộ việc rải mìn vào các hải cảng chính của Bắc Việt, nơi các tàu nước ngoài đang đến chất đầy vũ khí của khối Cộng sản. Họ khẳng định rằng sự leo thang này sẽ không khiến Trung Quốc trả đũa, vì Trung Quốc sẽ không muốn mạo hiểm một cuộc xung đột lớn với Hoa Kỳ. Cùng cố cho tuyên bố đó là việc Trung Quốc tiếp tục tuyên bố công khai ám chỉ rằng họ sẽ chỉ chiến đấu với Mỹ nếu Mỹ xâm lược Trung Quốc.⁷³

Các nghị sĩ bảo thủ nổi bật của cả hai đảng và cựu

Tổng thống Dwight D. Eisenhower đã ủng hộ các đề xuất của Hội đồng Tham mưu trưởng. Eisenhower nói với Trung tướng Andrew J. Goodpaster, kênh liên lạc chính của ông với Tổng thống Johnson, rằng «việc thiết yếu là phải nhắm vào các kho POL và các tuyến đường giao thông» và «phải rải mìn vào các hải cảng ngay lập tức». Vị cựu tổng tư lệnh tối cao đồng minh trong Thế chiến II nói rằng nếu Mỹ muốn thắng, thì «chúng ta không nên hành động dựa trên nhu cầu tối thiểu, mà nên nhấn chìm kẻ thù bằng sức mạnh áp đảo.» ⁷⁴

Sự ủng hộ của Eisenhower không thuyết phục được Johnson và McNamara từ bỏ sự phản đối của họ đối với các khuyến nghị của quân đội. Trong khi tổng thống và bộ trưởng quốc phòng sẵn sàng để Westmoreland quyết định cách tiến hành chiến tranh trong phạm vi Nam Việt Nam, họ tin rằng các hành động quân sự bên ngoài Nam Việt Nam có nguy cơ rất cao làm bùng lên một cuộc xung đột toàn cầu đến mức các nhà chức trách dân sự trước tiên phải tự mình cân nhắc các hậu quả quốc tế, điều này thường dẫn đến các quyết định chống lại hành động. Để hỗ trợ cho lập luận của mình, McNamara trích dẫn các báo cáo tình báo nói rằng các hành động được đề xuất «sẽ không vào thời điểm này gây tổn hại đáng kể đến khả năng kiên trì của Việt Cộng ở miền Nam hoặc thuyết phục Chính phủ Hà Nội rằng cái giá của sự

kiên trì là quá cao», và «rất có thể dẫn đến một nỗ lực mạnh mẽ hơn của DRV (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) nhằm hỗ trợ Việt Cộng ở miền Nam Việt Nam.» Ông cũng cảnh báo rằng những hành động này có thể kích động các cuộc tấn công đường không của Trung Quốc.

75

Vào thời điểm này, McNamara vẫn chịu ảnh hưởng của lý thuyết «chiến tranh hạn chế», vốn đã hướng dẫn suy nghĩ của ông vào năm 1964 và những tháng đầu năm 1965. Theo lý thuyết này, các quốc gia thù địch có thể ngăn các cuộc chiến tranh cục bộ leo thang thành chiến tranh hạt nhân toàn cầu bằng cách hạn chế sử dụng vũ lực của chính họ. Nếu Hoa Kỳ kiềm chế không tấn công Bắc Việt bằng lực lượng lớn, thì người Bắc Việt và những người ủng hộ họ là Trung Quốc và Liên Xô cũng sẽ thể hiện sự kiềm chế. Đối với McNamara, cựu CEO của Ford Motor Company, không khó để tin rằng các nhà lãnh đạo Bắc Việt điều hành đất nước của họ với sự hợp lý mang tính lâm sàng mà lý thuyết chiến tranh hạn chế quy cho họ, đưa ra các quyết định có thể dự đoán được dựa trên dữ liệu sẵn có. Là một nhà kỹ trị theo khuôn mẫu của phong trào Cấp tiến (Progressive movement), ông bị thu hút bởi các lý thuyết của các chuyên gia hơn là các sự kiện của lịch sử nhân loại, vốn đã tiết lộ những khuynh hướng lặp đi lặp lại của con

người về sự phi lý trí, nhận thức sai lầm và lợi dụng điểm yếu.

Người Bắc Việt đã gây tổn hại nghiêm trọng đến lý thuyết chiến tranh hạn chế khi họ leo thang chiến tranh trên bộ vào đầu năm 1965, nhưng họ vẫn chưa giáng được đòn chí tử. Vào mùa thu năm 1965, người Mỹ vẫn chưa rõ liệu việc bắt đầu ném bom miền Bắc Việt Nam vào tháng 2 năm 1965 có diễn ra trước cuộc tấn công của Bắc Việt hay không, và do đó có thể tin rằng cuộc tấn công này là phản ứng trước các vụ ném bom của Mỹ. McNamara dường như đã chấp nhận cách giải thích này, vì ông vẫn nuôi hy vọng rằng bằng cách tiếp tục hạn chế các cam kết và hành động quân sự của Mỹ, Hoa Kỳ sẽ thuyết phục được Bắc Việt hạn chế cam kết triển khai các đơn vị Quân đội Bắc Việt vào miền Nam.

76

Tổng thống Johnson, vốn hoài nghi các nhà lý thuyết học thuật hơn McNamara, không bao giờ hoàn toàn chấp nhận lý thuyết chiến tranh hạn chế và những dự đoán lạc quan của nó về sự kiềm chế lẫn nhau. Tuy nhiên, ông có chung sự thận trọng của McNamara về leo thang, chủ yếu dựa trên những bài học ông rút ra từ Chiến tranh Triều Tiên, khi sự leo thang của Mỹ đã dẫn đến sự leo thang của Trung Quốc. Do đó, vào thời điểm

này, Johnson vẫn sẵn sàng để McNamara đặt ra các giới hạn cho các hành động quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á.

Cộng đồng tình báo, không phải lần đầu cũng không phải lần cuối, đã đưa ra các báo cáo đánh giá làm dấy lên nghi ngờ về chiến lược ưa thích của McNamara. Vào ngày 22 tháng 9, CIA, Cơ quan Tình báo Quốc phòng (DIA), Cơ quan An ninh Quốc gia (NSA) và Hội đồng Tình báo Hoa Kỳ (USIB) đã dự đoán trong một báo cáo thống nhất rằng việc tăng cường ném bom ở Bắc Việt Nam hoặc Lào sẽ khiến Hà Nội giảm leo thang và đàm phán và sẽ không kích động sự can thiệp của Trung Quốc.⁷⁷ McNamara phản ứng không phải bằng cách xem xét lại lập trường của mình mà bằng cách ủy thác một báo cáo đánh giá mới chắc chắn sẽ mâu thuẫn với phân tích của cộng đồng tình báo và xác nhận chiến lược của chính ông. Nó được thực hiện không phải bởi các chuyên gia tình báo mà bởi các chuyên gia chính sách, dẫn đầu là những người được bổ nhiệm chính trị John McNaughton và William Bundy, những người chia sẻ quan điểm của McNamara về chiến lược và, có thể nói, kiến thức rất hạn chế của ông về Việt Nam. Báo cáo đánh giá này kết luận rằng việc tăng cường ném bom và rải mìn vào các hải cảng sẽ không gây ra những thay đổi thuận lợi trong hành vi của Bắc Việt và sẽ kích động nguy hiểm đến Trung Quốc và Liên Xô.⁷⁸

Khi những chiếc lá ở Washington chuyển sang sắc đỏ thắm và hồ phách và những cây hoa sữa của Hà Nội nở trắng, những nét vẽ đầu tiên mới chỉ xuất hiện trên tấm thảm trận chiến giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt. Hàng nghìn nét vẽ nữa sẽ được tô lên trước khi số phận của hai miền Việt Nam được định đoạt. Các sự kiện ở Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến hàng triệu sinh mạng, ở các quốc gia gần và xa, trong nhiều thập kỷ tới. Tuy nhiên, một số hậu quả lớn nhất và mang tính lan tỏa nhất đã xảy đến gần như ngay lập tức, cách Việt Nam một nghìn năm trăm dặm về phía nam, tại Indonesia.

Vào cuối mùa hè của cái mà Tổng thống Indonesia Sukarno sẽ gọi là năm sống trong nguy hiểm, Sukarno và Đảng Cộng sản Indonesia đã kéo đất nước tiến sâu hơn vào trại quốc tế Chủ nghĩa Cộng sản. Phát biểu công khai vào ngày 17 tháng 8 tại thủ đô Jakarta, Sukarno tuyên bố về sự ra đời của một «trục Jakarta - Bắc Kinh - Bình Nhưỡng - Hà Nội - Phnôm Pênh.» Ông ta nói rằng chiến tranh ở Việt Nam là lỗi của Hoa Kỳ «điên rồ». Sukarno thề sẽ phong tỏa Eo biển Malacca để cắt đứt các tuyến đường biển đông - tây phục vụ lợi ích của «chủ nghĩa đế quốc» nhằm «biến huyết mạch của chủ nghĩa đế quốc thành tử mạch của chủ nghĩa đế quốc.» Quay sang đồng bào của mình, ông tuyên bố, «Những kẻ không cách mạng sẽ không được phép tồn

tại ở Indonesia.»⁷⁹

*Trong tháng 8, Sukarno cho phép các đám đông được Cộng sản xúi giục quấy rối các nhà ngoại giao Mỹ và phá hoại các cơ sở lãnh sự Mỹ. Ông ta không cắt đứt quan hệ với Hoa Kỳ hoàn toàn, mặc dù động cơ của ông về việc này dường như mang tính cá nhân nhiều hơn là chính trị. Trong một cuộc gặp với đại sứ Mỹ, Sukarno tránh nói về mối quan hệ của Indonesia với Hoa Kỳ và thay vào đó yêu cầu người Mỹ chuyển các bản sao tạp chí Playboy cho ông bằng các phương thức bí mật. Sukarno giải thích rằng mặc dù chính ông đã cấm xuất bản Playboy ở Indonesia vì những bức ảnh khiếm nhã của nó, ông thích những bài phê bình phim và kịch hay của tạp chí.*⁸⁰

Sự huênh hoang của Sukarno che giấu sự suy giảm nhanh chóng về sức khỏe của ông ta. Sau vài cơn đau ngực và nôn mửa vào đầu tháng 8, ông đã yêu cầu D. N. Aidit, người đứng đầu Đảng Cộng sản Indonesia, phải trở về ngay lập tức từ chuyến đi Trung Quốc và mang theo các bác sĩ Trung Quốc. Aidit vội vã trở về trên một máy bay quân sự đặc biệt của Trung Quốc, có các bác sĩ Trung Quốc đi theo. Sau khi kiểm tra bệnh nhân, các bác sĩ tuyên bố rằng Sukarno «sẽ chết hoặc trở nên không thể cai trị trong một thời gian ngắn.»⁸¹

Lo sợ rằng tình trạng suy yếu của Sukarno sẽ kích động các tướng lĩnh Indonesia chống Cộng chiếm quyền kiểm soát chính phủ và bóp nghẹt Đảng Cộng sản, Aidit và các thuộc hạ của ông ta đã nghĩ ra một kế hoạch xảo quyệt để chặn trước ban lãnh đạo quân đội. Hai tiểu đoàn quân đội và một tiểu đoàn cận vệ tổng thống, mỗi đơn vị được chỉ huy bởi các sĩ quan có cảm tình bí mật với Cộng sản, sẽ đóng vai trò như bàn tay của nhà phẫu thuật, trong khi một nhóm nhỏ các nhà lãnh đạo bí mật của Đảng Cộng sản sẽ hoạt động như bộ não. Aidit trình bày kế hoạch với Sukarno, người đã chúc phúc cho nó.⁸²

Chiến dịch bắt đầu lúc 2:00 sáng ngày 1 tháng 10, khi ba tiểu đoàn chiếm giữ cung điện, đài phát thanh và tòa nhà viễn thông. Lúc 3:00 sáng, các tiểu đoàn điều quân đi đột kích vào nhà của bảy vị tướng chống Cộng hàng đầu. Kế hoạch là bắt giữ các tướng lĩnh và đưa họ đến trước mặt Sukarno với những cáo buộc giả mạo về âm mưu phản quốc. Theo kịch bản của Aidit, Sukarno sau đó sẽ cách chức các tướng lĩnh tại chỗ và thay thế họ bằng các sĩ quan thân Cộng, đảm bảo quyền kiểm soát vĩnh viễn của Cộng sản đối với quân đội và toàn bộ Indonesia.

Tuy nhiên, các đội bắt cóc đã không được chuẩn bị

đầy đủ cho nhiệm vụ. Do đó, chỉ có ba trong số bảy tướng lĩnh bị bắt. Ba người bị giết, và người kia, Bộ trưởng Quốc phòng Nasution, đã trốn thoát những kẻ truy đuổi bằng cách trèo qua bức tường ngăn cách sân nhà ông với sân của đại sứ Iraq.⁸³

Trong số sáu người không trốn thoát khỏi các cuộc đột kích vào sáng sớm có tổng tham mưu trưởng quân đội, điều đó có nghĩa là quyền chỉ huy quân đội được chuyển giao cho sĩ quan ngay dưới quyền ông, Tướng Suharto. Những người âm mưu đã không nhắm vào Suharto vì họ cho rằng ông là một kẻ cơ hội, người sẽ ngồi yên khi âm mưu diễn ra và ủng hộ các nhà lãnh đạo quân đội mới một khi Sukarno đã đưa họ lên nắm quyền. Trước thời điểm này, Suharto đã thể hiện rất ít quan tâm đến chính trị, không đứng về phe chống Sukarno hay phe ủng hộ Sukarno trong quân đội.⁸⁴ Hơn nữa, những kẻ âm mưu tự tin rằng quân đội không có đủ quân gần trung tâm thành phố để can thiệp trước khi công việc của họ hoàn tất.

Những sự kiện của buổi sáng củng cố nhận thức về Suharto như một kẻ cơ hội. Trong vai trò mới là quyền tư lệnh quân đội, Suharto có trong tay hai đơn vị biệt động dù quân đội ở ngoại ô Jakarta, những đơn vị đã thoát khỏi sự chú ý của những kẻ âm mưu vì họ đáng lẽ

phải được triển khai đến Bắc Borneo vài ngày trước đó. Sự tình cờ thuần túy, do thiếu phương tiện vận chuyển, đã giữ họ lại ở Jakarta. Suharto lẽ ra có thể ra lệnh cho các lính biệt động dù hành động ngay lập tức chống lại các tiểu đoàn đã vô hiệu hóa những người chống Cộng hàng đầu của quân đội. Ngoài ra, ông có thể chỉ đạo các lính biệt động dù hợp lực với những kẻ âm mưu và giành lấy quyền lãnh đạo vĩnh viễn quân đội giờ đây khi các cấp trên của ông đã bị vô hiệu hóa. Ông đã không làm cả hai. Thay vào đó, ông chỉ giới hạn các hoạt động của mình trong sáng hôm đó vào việc thu thập thêm thông tin.

Những điểm dữ liệu khiến Suharto quan tâm nhất là lòng trung thành của các chỉ huy quân sự then chốt trong khu vực Jakarta. Thông tin đó sẽ cho thấy bao nhiêu quân nhân sẽ sẵn sàng cầm vũ khí cho và chống lại ba tiểu đoàn do Cộng sản kiểm soát. Một số chỉ huy này đang duy trì lập trường trung lập nghiêm ngặt, chỉ muốn đứng về phe nào sau khi họ chắc chắn phe nào sẽ chiến thắng. Nếu đủ chỉ huy áp dụng lập trường này, Suharto có lẽ đã kìm giữ quân đội lại, và lịch sử Indonesia sau đó đã có thể rất khác. Tuy nhiên, một số lượng lớn các chỉ huy khác bày tỏ sự sẵn sàng tấn công ba tiểu đoàn. Vào cuối buổi sáng, Suharto kết luận rằng những chỉ huy này đủ đông để đảm bảo khả năng thành

công cao cho một cuộc phản công, và do đó ông quyết định nghiền nát những kẻ âm mưu. ⁸⁵

Ảnh hưởng của các sự kiện ở Việt Nam đối với quyết định trọng đại của Suharto không dễ dàng nhận thấy đối với thế giới bên ngoài. Nhưng sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh trên bộ vài tháng trước đó ám ảnh lớn trong tâm trí của Suharto và các chỉ huy mà những xác tín chống Cộng đã khiến Suharto hành động chống lại cuộc đảo chính. Nếu Nam Việt Nam đã thất thủ trước quân Bắc Việt vào thời điểm này, nhiều sĩ quan quân đội Indonesia hẳn đã kết luận rằng việc chống lại Sukarno và những người hậu thuẫn Cộng sản của ông ta là vô ích trong một châu Á nơi Trung Quốc cười trên đỉnh sóng chiến thắng và Hoa Kỳ vật lộn trong vực thẳm của sự bỏ rơi và thất bại. Những tuyên bố trước đó và sau này của các nhà lãnh đạo quân đội Indonesia về sự liên quan của Việt Nam đến Indonesia, cũng như những nỗ lực sau này của quân đội Indonesia nhằm giành được sự hỗ trợ của Mỹ, đã ủng hộ mạnh mẽ cho kết luận này. ⁸⁶ Mặc dù một vài kẻ chống Cộng ngoan cố đã ủng hộ việc chiến đấu chống lại ba tiểu đoàn bất chấp tỷ lệ cược, họ rất có thể đã quá ít về số lượng để kích động Suharto huy động lực lượng lớn. ⁸⁷

Một trong những chỉ huy quan trọng nhất đã chọn

đứng về phía Suharto, Chuẩn tướng Kemal Idris của Bộ Tư lệnh Chiến lược, đã nói với phóng viên Reuters Nick Turner vài tuần sau sự kiện rằng việc Johnson can thiệp vào Việt Nam là rất quan trọng trong việc truyền cảm hứng cho các chỉ huy Indonesia chống lại những người Cộng sản. Nó đã cho thấy, như Tướng Idris nói, rằng Tổng thống Johnson «cam kết ngăn chặn một cuộc tiếp quản của Cộng sản tại Đông Nam Á.»⁸⁸ Chính Suharto cũng đã nói về chủ đề này vào năm 1970, thông báo cho các quan chức chính phủ Hoa Kỳ rằng lập trường của Mỹ ở Việt Nam đã thuyết phục các tướng lĩnh Indonesia chống lại những người Cộng sản vào ngày 1 tháng 10 năm 1965.⁸⁹

Khi Sukarno biết được Suharto đang di chuyển các lính biệt động dù về phía trung tâm thành phố, ông ta đã công khai can dự vào vụ việc nhiều hơn, trong một nỗ lực tuyệt vọng nhằm ngăn chặn quả bóng phá hủy giờ đang lao về phía các đồng minh Cộng sản của mình. Sukarno tự bổ nhiệm mình làm tư lệnh quân đội và đặt một vị tướng tả phái phụ trách các hoạt động hàng ngày của quân đội. Ông ra lệnh cho Suharto kìm giữ quân đội của mình.

Tướng Suharto và các chỉ huy đã tập hợp bên cạnh

ông phớt lờ tổng thống Indonesia. Theo chỉ đạo của Suharto, các lính biệt động dù chiếm các vị trí gần các tiểu đoàn đảo chính. Suharto dành buổi chiều và đầu buổi tối để sử dụng kết hợp thuyết phục và đe dọa để khuyến khích các sĩ quan của ba tiểu đoàn đầu hàng.

Vào buổi tối, hai trong số ba tiểu đoàn đã chịu khuất phục Suharto. Một khi họ đầu hàng, toàn bộ kế hoạch tan vỡ. Những kẻ cầm đầu âm mưu bỏ trốn hoặc ẩn náu sau vạt áo của Sukarno.⁹⁰

Khi tin tức về chiến thắng của Suharto trước những kẻ đã cố gắng chặt đầu quân đội lan truyền, các lực lượng vũ trang và phần lớn công chúng Indonesia đổ xô ủng hộ vị tướng này. Tổng thống Sukarno triệu tập Suharto đến Bogor và đề nghị ông từ bỏ quyền kiểm soát quân đội, một đề nghị mà Suharto lịch sự từ chối. Ban sự bảo vệ cá nhân của mình cho những kẻ cầm đầu âm mưu, Sukarno thuyết phục quân đội tránh trừng phạt ngay lập tức Đảng Cộng sản Indonesia, với lý do rằng họ đã không tham gia vào vụ việc.⁹¹

Tuy nhiên, quân đội sớm thu được nhiều bằng chứng cho thấy sự dính líu của những người Cộng sản trong âm mưu, và họ không có tâm trạng khoan hồng. Các đơn vị quân đội giết hàng loạt những người Cộng sản Indonesia, và họ dung túng cho những vụ giết người

Cộng sản bởi thường dân chống Cộng. Số người chết cuối cùng sẽ lên tới hàng trăm nghìn.⁹²

Trong vài tháng tới, Tướng Suharto sẽ nhường nhin Tổng thống Sukarno về hầu hết các vấn đề chính trị, vì sự nổi tiếng và uy tín lâu năm của Sukarno.⁹³ Trong khi đó, Suharto lặng lẽ thăm dò người Mỹ để đảm bảo họ sẽ đứng về phía ông chống lại Sukarno. Người Mỹ phản ứng bằng các chuyến giao thiệp bí mật nhỏ và lời hứa sẽ cung cấp thêm viện trợ một khi đất nước trở nên công khai thân Mỹ.⁹⁴ Những sự đảm bảo này, và những thành công của lực lượng viễn chinh Mỹ ở Nam Việt Nam, đã xóa bỏ bất kỳ nghi ngờ nào còn sót lại mà Suharto có thể có về việc loại bỏ hoàn toàn Sukarno.

Sukarno sẽ đưa cuộc tranh chấp đến cao trào vài tháng sau đó bằng cách cố gắng đưa những người có cảm tình Cộng sản vào một nội các mới. Đưa các thành viên nội các vào khuôn viên cung điện bằng trực thăng để tránh những người biểu tình chống Cộng tập trung bên ngoài, Sukarno tuyên bố rằng cuộc cách mạng Indonesia đang đạt đến «giai đoạn cuối của giai đoạn dân chủ dân tộc và tiến đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa.» Bất cứ ai không nắm bắt được sự thật này, theo lời Sukarno, là một «con gà mất đầu ngu ngốc bị tê liệt bởi tư duy tự do.»⁹⁵

Tuy nhiên, những ngày tháng lung lay người Indonesia

bằng lời lẽ xã hội chủ nghĩa khoa trương đã qua. Suharto phản ứng lại sự xác xược của Sukarno bằng cách tước bỏ quyền lực của ông ta và thanh trừng các ảnh hưởng Cộng sản khỏi chính phủ một lần và mãi mãi.⁹⁶ Con domino lớn nhất của Đông Nam Á đã vĩnh viễn thoát khỏi Chủ nghĩa Cộng sản.

Chương 3 - Cuộc chiến tiêu hao

Tháng 11 - Tháng 12 năm 1965

Những người lính của Trung đoàn 33, Quân đội Nhân dân Việt Nam, những người may mắn sống sót sau cuộc rút lui khủng khiếp từ Plei Me, đã lao đảo tiến vào Thung lũng Ia Drang vào đầu tháng 11. Trung đoàn của họ đã bị Sư đoàn Kỵ binh số 1 Hoa Kỳ đánh cho tơi tả đến mức những người còn lại được tổ chức lại thành một tiểu đoàn duy nhất. Ngay sau khi họ đến nơi, những người sống sót kiệt sức của Trung đoàn 320 cũng gia nhập, đơn vị này mặc dù cũng bị tổn thất nặng nề bởi hỏa lực Mỹ nhưng vẫn còn đủ quân để duy trì nhiều tiểu đoàn. Vào ngày 10 tháng 11, Trung đoàn 66 tươi tắn của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã xuất hiện trong thung lũng, vừa hành quân dọc theo Đường mòn Hồ Chí Minh từ miền Bắc Việt Nam xuống.

Các đơn vị này bắt đầu chuẩn bị cho cuộc tấn công tiếp theo vào Plei Me, dự kiến vào ngày 16 tháng 11. Để phối hợp hoạt động, Thiếu tướng Chu Huy Mân chuyển Bộ Tư lệnh Mặt trận B3 của Quân đội Nhân dân Việt Nam, bộ chỉ huy Tây Nguyên, đến khối núi Chư Pông. Giáp góc tây nam của Thung lũng Ia Drang, Chư Pông là một khối tập hợp gồm các ngọn núi đá vôi, rừng núi

và khe núi có kích thước rộng khoảng mười lăm dặm và dài mười dặm. Đỉnh cao nhất của nó nhìn xuống Ia Drang ở độ cao 2.400 feet.⁹⁷

Cùng thời điểm này, Tướng Kinnard rút Lữ đoàn 1 của mình khỏi cuộc truy lùng quân Bắc Việt để cho họ nghỉ ngơi, và thay vào đó là Lữ đoàn 3, do Đại tá Tim Brown chỉ huy. Vào ngày 12 tháng 11, Brown nhận được tin tình báo cho biết lực lượng địch ở khu vực lân cận khối núi Chư Pông và Thung lũng Ia Drang. Ông ngay lập tức ra lệnh cho mỗi tiểu đoàn trong số ba tiểu đoàn của mình đổ bộ bằng trực thăng gần các địa hình này. Brown giao khu vực được cho là có khả năng chứa quân địch cao nhất, khối núi Chư Pông và sàn thung lũng liền kề, cho Tiểu đoàn 1, Kỳ binh 7, vì sự tin tưởng của ông vào chỉ huy của nó, Trung tá Harold G. Moore. «Chúng tôi tin rằng có một trung đoàn lính Quân đội Bắc Việt trong khu vực Khối núi Chư Pông», Brown nói với Moore. «Hãy đưa tiểu đoàn của anh vào đó và tìm diệt chúng.»⁹⁸

Vào lúc 10:30 ngày 14 tháng 11, chiếc trực thăng đầu tiên của Moore đáp xuống Landing Zone (LZ) X - Ray, một bãi đất trống ở rìa Thung lũng Ia Drang ngay dưới chân khối núi. Có hình dạng như một cái phễu, X - Ray dài bằng một sân bóng đá và rộng từ bốn mươi lăm

thước ở một đầu đến chín mươi thước ở đầu kia. Ở giữa nó là một mảng cây còi cọc lớn bằng khoảng nửa sân quần vợt. Bao quanh X - Ray là cây cối, cỏ voi cao năm foot, và bụi rậm rạp, và lẫn trong thảm thực vật là những ụ mồi cao tới tám foot, cung cấp chỗ che phủ tuyệt vời cho bộ binh. Về phía tây của X - Ray, cây cối và cỏ hợp thành khu rừng rậm rạp trải dài lên các chân đồi và sườn dốc của khối núi Chư Pông.

Một số kỵ binh trong đợt đổ bộ ban đầu chiếm các vị trí sau các thân cây hoặc ụ mồi. Những người khác tuần tra bãi đáp để tìm lực lượng thù địch, bắn vũ khí của họ vào các vị trí nghi là địch. Họ không nhận được hỏa lực đáp trả. Một khi bãi đáp đã được an toàn, Moore cử một phân đội tiến về phía khối núi để bắt kỳ binh lính địch nào xuất hiện từ sườn núi đều có thể bị giao chiến ngoài tầm với của X - Ray. Bảo vệ bãi đáp là ưu tiên hàng đầu của ông trong ngày vì những người và vật tư quan trọng dự kiến sẽ được chuyển qua đây trong nhiều giờ tới. Do nhu cầu sử dụng máy bay ở những nơi khác, tiểu đoàn chỉ được phân công mười sáu máy bay trực thăng để vận chuyển, mỗi lần có thể chở tối đa tổng cộng tám mươi người và trang thiết bị của họ. Với căn cứ không quân cách đó mười lăm phút, việc chở hết quân của Moore đến bãi đáp sẽ mất bốn giờ, hoặc lâu hơn nếu thời tiết, trục trặc kỹ thuật, hoặc kẻ địch làm gián đoạn

các chuyến bay.

Cơ hội cắt đứt đường tiếp tế trên không của Mỹ trong bốn giờ đầu tiên đó của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã có thể cao hơn đáng kể nếu các chỉ huy Bắc Việt nghĩ rằng sự can thiệp của Mỹ vào thung lũng là một khả năng thực sự. Khi càng trực thăng đầu tiên của Mỹ ấn xuống đất tại X - Ray, tất cả các chỉ huy của Trung đoàn 66 đều vắng mặt khỏi đơn vị của họ, đã đi khảo sát địa hình để chuẩn bị cho cuộc trở lại Plei Me. Thiếu tướng Chu Huy Mân ở cách đó mười dặm, tại Campuchia, và toàn bộ Trung đoàn 320 cũng vậy.

Chỉ huy Bắc Việt gần hiện trường nhất là Nguyễn Hữu An, Phó Tư lệnh Mặt trận B3 vừa được thăng cấp. Ông đang ngồi trong một hầm chỉ huy cách LZ X - Ray một dặm rưỡi. Ngay khi biết tin về sự xâm nhập của Mỹ, ông ra lệnh cho đơn vị gần nhất, Tiểu đoàn 9 của Trung đoàn 66, tấn công ngay lập tức. Trong sự vắng mặt của chỉ huy tiểu đoàn, chính trị viên tiểu đoàn lẽ ra phải chỉ huy đơn vị vào trận, nhưng ông ta tỏ ra là một người không có khí phách. Nghe tin lính Mỹ vũ trang hạng nặng đang đổ bộ từ trực thăng gần đó, ông ta hoảng hốt bỏ chạy khỏi sở chỉ huy và nằm xuống giữa những người bệnh và bị thương của tiểu đoàn. Với nhiều sĩ quan khác cũng vắng mặt, một trung úy đã đảm nhận

quyền chỉ huy Tiểu đoàn 9 và tổ chức binh lính của tiểu đoàn cho cuộc tấn công. Hồi hả xuống các sườn núi, vũ khí trong tay, những người lính tràn đầy sợ hãi, tức giận và phản kích.

Vào lúc 11:20, một tổ trinh sát Mỹ bắt được một binh lính Bắc Việt. Được đưa đến trước mặt Trung tá Moore và một thông dịch viên để thẩm vấn, người lính này nói với những kẻ bắt giữ mình : «Có ba tiểu đoàn trên núi rất muốn giết người Mỹ nhưng chưa tìm thấy ai.»⁹⁹ Ba tiểu đoàn có lẽ có nghĩa là ít nhất 1.500 quân Bắc Việt. Số lính Mỹ trên mặt đất vào thời điểm này mới chỉ đạt 175, ít hơn một nửa tiểu đoàn của Moore một chút. Để ngăn các tiểu đoàn Bắc Việt tiếp cận bãi đáp, Moore cử thêm người từ đại đội Bravo của mình về phía khối núi.

Các thành phần đi đầu của đại đội Bravo gần như đã chạm tới các sườn núi thì, vào lúc 12:20, họ nhận những phát bắn thù địch đầu tiên. Sau khi trao đổi hỏa lực súng trường lẻ tẻ trong vài phút, mũi tiến công của đại đội Bravo đã khóa sừng với mũi tiến công của Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 66 Bắc Việt đang tràn xuống. Vào lúc 13:15, trung đội 2 của đại đội Bravo, do Trung úy Henry T. Herrick dẫn đầu, tiến lên để bao sườn quân Bắc Việt. Là con trai của một giáo sư thiên văn học tại UCLA, Herrick được biết đến như một sĩ quan hung

hãn, người thúc ép thuộc cấp của mình rất mạnh, quá mạnh theo ý kiến của một số cấp trên của anh. Anh đã nói với chỉ huy đại đội của mình rằng anh khao khát giành được Huân chương Danh dự.

Trung đội của Herrick không đi được xa trước khi chạm vào sườn của một trung đội Bắc Việt đang lao vội dọc theo một con đường mòn về phía trận chiến. Bất quân Bắc Việt mất cảnh giác, những người lính Mỹ đã bắn hạ nhiều binh lính địch mà không phải trả giá bằng tổn thất nào của bản thân. Tuy nhiên, sự tiến quân nhanh chóng của trung đội Herrick đã tách nó ra khỏi phần còn lại của đại đội Bravo, và khoảng trống giữa họ kể từ đó đã bị lấp đầy bởi quân tăng viện Bắc Việt đang đổ xuống từ trên núi.

Nhận ra rằng trung đội Mỹ bị cô lập, quân Bắc Việt bao vây nó. Đại úy John Herren, chỉ huy đại đội Bravo, ra lệnh cho Herrick chiếm các vị trí phòng thủ trên địa hình thuận lợi, trong khi phần còn lại của đại đội chuẩn bị chiến đấu để mở đường đến trung đội. Co cụm trên một gò đất, trung đội của Herrick bắn ra ngoài theo mọi hướng vào quân Bắc Việt, những người đang tụ tập xung quanh gò đất với một tốc độ đáng sợ.

Cuộc tấn công phối hợp đầu tiên của Bắc Việt vào gò đất liên quan đến các đợt tiến công đồng thời từ ba hướng, với vài trung đội binh lính xung phong vào mỗi khẩu súng máy trong số hai khẩu của Herrick. Binh lính Bắc Việt đã giết chết tổ súng máy của một khẩu bằng lựu đạn, sau đó chiếm lấy vũ khí và quay nó chống lại các vị trí còn lại của Mỹ. Ở các phân khu khác của vòng ngoài, quân Bắc Việt đã bị đẩy lùi với sự hỗ trợ từ các khẩu pháo howitzer 105 mm mà Sư đoàn Kỵ binh 1 đã cho chở bằng trực thăng đến các bãi đáp cách đó vài cây số.

Trong đợt tấn công thứ hai của Bắc Việt, 150 người ồ ạt tấn công gò đất ở nhiều điểm. Herrick lao vòng quanh gò đất, ra lệnh, cho đến khi hỏa lực thù địch hạ gục anh. Chảy máu từ hông, anh liên lạc qua radio với Đại úy Herren rằng anh sẽ bàn giao trung đội lại cho Trung sĩ Trung đội Carl Palmer. Herrick sau đó nói với những người lính của mình phá hủy mã tín hiệu, phân phối lại đạn dược, gọi pháo binh, và nếu có thể hãy cố gắng phá vây. Mặc dù bị giày vò bởi nỗi đau khủng khiếp và trên bờ vực sức, Herrick bảo trình sát y tế của trung đội hãy giúp những người bị thương khác trước. Với một trong những trung sĩ của mình, anh nói, «Nếu tôi phải chết, tôi vui lòng hiến dâng mạng sống của mình cho tổ quốc.»¹⁰⁰ Anh ta chết vài phút sau đó.

Trung sĩ Palmer chỉ chỉ huy trung đội được vài phút thì đã trúng đạn vào đầu và rơi vào tình trạng bất tỉnh. Một lúc sau anh tỉnh dậy, chỉ để bị giết bởi một quả lựu đạn Mỹ do một người lính Bắc Việt ném. Người lính này đứng và cười khi quả lựu đạn phát huy tác dụng, nhưng niềm vui của hắn đã bị chặn đứng bởi một người lính Mỹ đang quan sát đã bắn nguyên một băng đạn vào bụng hắn.

Đến lúc này, hầu hết lính của Herrick đã bị giết hoặc bị thương. Tất cả đều buộc phải nằm sát xuống đất để tránh những viên đạn bắn ra từ súng máy và súng trường tấn công của Bắc Việt. Với những người lính Bắc Việt vẫn đang bao vây ngọn đồi và tấn công nó từ mọi hướng, số phận của trung đội dường như đã cận kề. Tuy nhiên, những người lính Mỹ đã thành công, với sự trợ giúp đáng kể từ hỏa lực cối và pháo binh, trong việc đẩy lùi đợt tấn công thứ hai và sau đó là đợt thứ ba. Trung sĩ Robert L. Stokes, người đã tiếp quản trung đội sau cái chết của Palmer, đã bị giết khi đang bò xung quanh để tổ chức một cuộc đột phá. Trung sĩ Ernie Savage, hai mươi một tuổi từ McCalla, Alabama, đã đảm nhận quyền chỉ huy, mà anh sẽ giữ cho đến khi kết thúc cuộc thử thách.

Mặc dù hành động truy kích kẻ địch một cách quyết liệt của Herrick khi bắt đầu trận chiến đã khiến anh và nhiều người lính của mình thiệt mạng, nó lại tỏ ra là một phước lành cho phần còn lại của tiểu đoàn Mỹ. Trung đội đã trở thành một thỏi nam châm thu hút hàng trăm người lính Bắc Việt, những người mà lẽ ra đã bị hút về bãi đổ bộ X - Ray, nơi họ có thể dùng ưu thế về quân số để tấn công bộ binh Mỹ và bắn hạ các trực thăng Mỹ. Trong những giờ đầu tiên của cuộc chiến tại ngọn đồi, từng nhóm lính Mỹ tiếp tục đổ bộ an toàn mỗi nửa giờ tại X - Ray, những người lính mà sau này sẽ tỏ ra không thể thiếu trong việc chống lại Tiểu đoàn 9 của Trung đoàn 66 cũng như hai tiểu đoàn Bắc Việt khác đang tiến về trận chiến từ các vị trí khác, Tiểu đoàn 7 của Trung đoàn 66 và tiểu đoàn trước đây được gọi là Trung đoàn 33.

Phó chỉ huy trung đoàn 66, Phạm Công Cự, đã có mặt tại sở chỉ huy Tiểu đoàn 7 khi nhận được tin quân Mỹ đã đến thung lũng. Ông ngay lập tức phái các sĩ quan, nhân viên trinh sát và liên lạc viên của tiểu đoàn đi khảo sát tình hình. Mặc dù X - Ray chỉ cách đó vài cây số, nhóm trinh sát gặp khó khăn trong việc tìm đường và mãi đến 13:00 mới tiếp cận được anyone từ Tiểu đoàn 9 hoặc Trung đoàn 33, khi họ gặp những người lính bị thương đang trên đường đến trạm cứu thương

trung đoàn. Những người lính bị thương báo cáo rằng phía sau họ có rất nhiều quân Mỹ, mà họ mô tả là «hung hãn và quá tự tin». Họ nói rằng các đợt không kích và pháo kích của Mỹ «ác liệt», và Tiểu đoàn 9 đang trong tình trạng hỗn loạn nghiêm trọng.¹⁰¹

Vào đầu giờ chiều, Trung tá Moore ra lệnh cho Đại đội Alpha tăng cường cho sườn của Đại đội Bravo và giúp họ giải cứu trung đội của Herrick. Alpha đến bên cạnh Bravo vừa kịp lúc để chặn đà tiến của một đại đội Bắc Việt đã vận động vòng qua Bravo và đang tiến vào phía sau của nó. Các đại đội đối địch va vào nhau trong một lòng suối khô. Máu của lính Mỹ và Bắc Việt đổ xuống lòng suối khi những người lính đầy adrenaline đối mặt với nhau với rất ít chỗ che chắn. Sau cuộc chạm trán ban đầu, quân Mỹ rút lui vào địa hình phòng thủ tốt hơn. Quân Bắc Việt đuổi theo họ, phi nước đại băng qua lòng suối, tìm cách đánh bật quân Mỹ trước khi họ kịp sẵn sàng phòng thủ. Tuy nhiên, quân Mỹ đã kịp thiết lập vũ khí trước khi những kẻ truy đuổi đến được chỗ họ. Họ đã hạ gục quân Bắc Việt với số lượng lớn trong khi chỉ chịu tổn thất nhỏ.

Một khi đại đội Bắc Việt đã bị hao mòn khả năng tấn công, Đại đội Bravo tiến lên về phía những người lính của Herrick. Họ bị chặn lại cách ngọn đồi bảy mươi lăm

mét bởi một lực lượng Bắc Việt đông gấp vài lần.

Lúc 14:42, phần cuối cùng của Đại đội Charlie của Moore và phần đầu tiên của Đại đội Delta của ông đáp xuống Bãi đổ bộ X - Ray. Dự đoán một đòn tấn công lớn của địch vào sườn phía nam được phòng thủ mỏng của mình, Moore điều Đại đội Charlie đến tăng cường phòng thủ cho phía đó. Một lần nữa, thời điểm của ông thật hoàn hảo. Chỉ huy Đại đội Charlie, Đại úy Bob Edwards, tổ chức các xạ thủ súng trường và súng máy của mình dọc theo 120 thước Anh của vòng ngoài vừa kịp lúc để đối mặt với hai trăm binh lính Bắc Việt từ Tiểu đoàn 7 của Trung đoàn 66 vừa mới đến. Đại đội Charlie bắn hạ hàng chục lính Bắc Việt trước khi họ có thể tiến vào tầm ném lựu đạn với cái giá chỉ là bốn thương vong của Mỹ. Tiểu đoàn Bắc Việt tiếp tục đẩy quân tiến lên trong chín mươi phút, sau đó rút toàn bộ về.

Sau khi mối đe dọa ở rìa phía nam X - Ray đã tắt lịm, Moore cho Đại đội Alpha và Bravo tiến lên một lần nữa để cố gắng giải cứu trung đội của Herrick. Họ vấp phải hỏa lực súng nhỏ từ vài trăm binh lính Bắc Việt kiên quyết, những người đã khiến bản thân hầu như vô hình bằng cách bò vào các hố nhện hoặc trèo lên cây. Các đại đội Mỹ tiến được 150 mét trước khi thương vong

của họ đạt đến mức khiến các sĩ quan của họ quyết định dừng lại.

Moore kéo hai đại đội đó về gần hoàng hôn dưới sự che chắn của khói phosphor trắng và củng cố vòng ngoài tại X - Ray. Nếu trung đội bị cô lập không thể lên ra được trong đêm, Moore sẽ tấn công về phía vị trí của trung đội trong bóng tối hoặc sáng sớm hôm sau. Nhiệm vụ giải cứu tiếp theo của ông sẽ lớn hơn những lần trước, nhờ sự xuất hiện của một đại đội tăng viện từ một tiểu đoàn Kỵ binh Bay khác, 2/7, đã được đưa vào bãi đổ bộ vào chiều muộn hôm đó theo yêu cầu của ông.

Trong đêm, quân Bắc Việt tấn công ngọn đồi ba lần. Mỗi lần, súng trường, lựu đạn, đạn pháo và bom của Mỹ đã chặn họ lại ngay trước vòng ngoài được phòng thủ mỏng. Trung đội của Herrick, đã giảm từ hai mươi bảy người còn sức chiến đấu xuống còn mười hai người bị thương và bảy người không bị thương trong ngày, bằng cách nào đó không chịu thêm thương vong nào qua đêm. Vì trung đội vẫn trụ được rất hiệu quả, Moore hoãn cuộc hành quân giải cứu lại cho đến bình minh. Bãi đổ bộ không phải đối mặt với một cuộc thử vũ khí đáng kể nào đêm đó, mặc dù giới lãnh đạo Bắc Việt đã muốn thực hiện một cuộc. Trong buổi tối, Thiếu tướng Nguyễn Hữu An đã ra lệnh tấn công X - Ray lúc 3:00

sáng bởi Trung đoàn 66 và Tiểu đoàn H - 15, tiểu đoàn sau vừa mới xuất hiện sau một cuộc hành quân tám giờ. Khi các đơn vị Bắc Việt đang di chuyển đến các vị trí tấn công, quân Mỹ phát hiện sự hiện diện của họ và dội lên họ hàng loạt đạn không kích và pháo kích, gây thương vong nặng nề và làm trì hoãn thời điểm bắt đầu cuộc tấn công. Khi quân Bắc Việt đến được các vị trí tấn công một cách trễ nải, họ phát hiện ra rằng quân Mỹ đã rút vòng ngoài của họ về sau khi trời tối, vì vậy thời điểm tấn công lại phải lùi lại một lần nữa, đến lúc bình minh.

Với những tia nắng đầu tiên lấp lánh, những người lính Bắc Việt đang nạp đạn và nhận chỉ thị cuối cùng. Khoảnh khắc trước khi họ bắt đầu xung phong vào bãi đổ bộ, họ nhìn thấy những toán tuần tra nhỏ của lính Mỹ đang tiến về phía mình. Trung tá Moore đã cử những người này ra để trinh sát mặt đất phía trước lực lượng lớn sẽ đi giải cứu trung đội bị mất. Nếu quân Bắc Việt tiến hành tấn công X - Ray, trước tiên họ sẽ phải chiến đấu với các lực lượng trinh sát này, điều sẽ báo động cho quân Mỹ đang phòng thủ bãi đổ bộ. Sau đó, quân Bắc Việt sẽ phải tiến đến rìa bãi đổ bộ dưới làn hỏa lực. Cân nhắc các rủi ro, người chỉ huy Bắc Việt quyết định tiến hành cuộc tấn công.

Như một đàn trâu xông vào một gia đình thỏ, hàng loạt binh lính Bắc Việt áp vào các lực lượng trinh sát Mỹ. Những người Mỹ không bị giết ngay lập tức vội vã chạy trở lại bên trong vòng phòng thủ của Mỹ. Khi nhận được tin về cuộc tấn công ồ ạt của Bắc Việt, Moore chỉ thị quân Mỹ chuyển từ chuẩn bị tấn công sang phòng thủ, và ông ra lệnh không kích và pháo kích vào các vị trí của Bắc Việt.

Quân Bắc Việt tung đòn tấn công đầu tiên vào X - Ray ở phía bên trái khu vực của Đại đội Charlie. Phóng lên từ cỏ lau, những người lính Bắc Việt áp sát vòng phòng thủ của Mỹ nhanh đến mức không quân và pháo binh không thể bắn vào họ. Các sĩ quan Bắc Việt dẫn dắt quân đội của họ bằng còi và tín hiệu tay. Họ hét vào nhau và vào quân Mỹ. Đại úy Edwards, người đã sắp đặt cuộc tàn sát dễ dàng quân Bắc Việt của Đại đội Charlie vào ngày hôm trước, đã yêu cầu tăng viện cho một trận chiến sẽ khó khăn hơn nhiều. Moore từ chối yêu cầu, tin rằng đòn đâm thọc này của Bắc Việt có thể là một đòn nghi binh.

Hai khẩu súng máy của Edwards gây ra một mức tổn thất kinh hoàng cho những kẻ tấn công. Tuy nhiên, quân Bắc Việt vẫn tiếp tục xung phong, và nhờ vào ưu thế tuyệt đối về quân số, họ đã chọc thủng vòng ngoài của

đại đội. Hai trung đội Mỹ trong khu vực đó đã vướng vào một cuộc hỗn chiến đẫm máu tầm gần với những người lính Bắc Việt đang ập tới. Lúc 07:15, quân địch tiến đến trong tầm ném lựu đạn vào sở chỉ huy của Đại đội Charlie, khiến Edwards đưa ra một yêu cầu tăng viện khác. Lần này, Moore cho Edwards một trung đội từ Đại đội Alpha, nhưng ông giữ lại trung đội của lực lượng dự bị tiểu đoàn vì tiểu đoàn H - 15 của địch vừa tấn công vào khu vực của Đại đội Delta. Tuy nhiên, cuộc tấn công đó sẽ tỏ ra ít rắc rối hơn nhiều khi sáu khẩu súng máy M - 60 của Delta đã hạ gục những kẻ tấn công khi họ còn cách xa vòng phòng thủ.

Để tận dụng lợi thế từ chỗ bị chọc thủng trong vòng phòng thủ của Đại đội Charlie, những người lính Bắc Việt rút khỏi các khu vực khác và tràn vào chỗ vỡ. Vào khoảng 07:30, họ tràn ngập một hàng hố cá nhân của Đại đội Charlie. Kiểm tra từng hố cá nhân, họ bắn chết những người lính Mỹ bị thương mà họ tìm thấy bên trong. Trong những vụ hành quyết này, các nhân chứng Mỹ nhìn thấy những người lính Bắc Việt đang cười, điều mà một số người Mỹ cho là độc ác, số khác cho là do sử dụng ma túy.

Hai mươi binh lính Bắc Việt tiến đủ xa để tấn công sở chỉ huy của Đại đội Charlie. Nhóm chỉ huy đại đội đã sẵn sàng cho họ. Từ các hố cá nhân của mình, nhóm chỉ huy bắn hạ lực lượng tấn công một cách dễ dàng. Quân Bắc Việt đã không thể tiến xa hơn nữa.

Bị đập tan không ngừng bởi hỏa lực áp đảo, khối quân Bắc Việt trong khu vực của Đại đội Charlie dần mất đi ý chí và khả năng chiến đấu. Hai giờ sau khi chọc thủng vòng phòng thủ của Đại đội Charlie, họ rút lui trong hỗn loạn, bỏ lại hàng trăm xác chết. Đại đội Charlie, khởi đầu ngày với 111 binh sĩ sẵn sàng chiến đấu, đếm được 42 người chết và 20 người bị thương.

Những tiếng rít gào của vũ khí rời khỏi thung lũng, thay thế bằng những tiếng vù vù nhẹ nhàng của lưỡi trực thăng khi thêm nhiều quân tăng viện Mỹ bay vào X - Ray và những người bị thương được chở ra. Lúc 13:30, quân Mỹ tiến lên ba trăm mét về mọi hướng để giải cứu trung đội bị mất, thu hồi thương vong, và dọn dẹp các thành phần Bắc Việt còn sót lại. Họ không tìm thấy sự kháng cự nào của kẻ thù, chỉ thấy xác chết và bộ phận cơ thể cùng trang thiết bị của địch vương vãi khắp nơi với số lượng lớn. Vô số vết máu và các cuộn băng gạc chứng tỏ hàng trăm binh lính Bắc Việt nữa đã bị loại khỏi chiến trường trong vòng hai mươi bốn giờ

qua. Người Mỹ chôn xác những người Bắc Việt đã chết như củi, những đồng xác cao đến sáu feet.

Vào khoảng cuối ngày hôm đó, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tiền phương B3 ra lệnh một cuộc tấn công khác vào LZ X - Ray bởi cùng những tiểu đoàn đã bị tàn phá nặng nề vào buổi sáng. Vào lúc 04:22 sáng hôm sau, vài trăm quân Bắc Việt xung phong vào khu vực do đại đội Bravo thuộc tiểu đoàn 2/7 phòng thủ. Một tàu chiến thả pháo sáng của Mỹ, vốn cho đến lúc này được giữ lại để tránh làm lộ trung đội của Herrick trước những kẻ tấn công ban đêm, đã bắn pháo sáng lên vùng đất trống phía trước chu vi phòng thủ. Súng máy và pháo binh Mỹ dễ dàng xử lý những người Bắc Việt được chiếu sáng, xóa sổ hai nhóm tấn công của họ trong nửa giờ đầu tiên. Trong hai giờ tiếp theo, quân Bắc Việt xung phong hai lần từ phía tây nam, với kết quả không khá hơn. Tồn thất của Mỹ nhẹ một cách đáng kể, chỉ bao gồm sáu thương vong với vết thương nhẹ. Quân Bắc Việt lại rút khỏi X - Ray một lần nữa, và là lần cuối cùng.

Chiều hôm đó, tiểu đoàn của Moore bay trở về Camp Holloway để nghỉ ngơi và tái trang bị trong hai ngày, để lại khu vực hạ cánh trong tay hai tiểu đoàn Kỳ binh Bay khác. Trong các cuộc lục soát chiến trường, người Mỹ đã tìm thấy tổng cộng 634 thi thể quân Bắc Việt. Các

sĩ quan Mỹ ước tính rằng thêm 1.215 thương vong Bắc Việt nữa đã được đồng đội của họ di tản. Ước tính đó là hợp lý xét theo nhiều cuộc tấn công thất bại của các đơn vị Bắc Việt lớn và sự quyết tâm mà quân Bắc Việt đã thể hiện trong việc thu hồi thương vong trong trận chiến. Tổng số thương vong của Mỹ tại X - Ray lên tới 79 người chết và 121 người bị thương.¹⁰²

Các sĩ quan Mỹ nhìn vào tỷ lệ thương vong giữa địch và ta với sự hài lòng. Họ lưu ý rằng không quân và pháo binh Mỹ đã chứng tỏ khả năng gây thiệt hại lớn cho các đơn vị địch, và đã đảm bảo rằng lực lượng Bắc Việt không thể tràn ngập các công sự phòng thủ đã được chuẩn bị của Mỹ. Thông qua liên lạc hiệu quả, phân tích địa hình và bố trí vũ khí, bộ binh Mỹ đã có thể đẩy lùi các lực lượng địch lớn khi không có không quân và pháo binh hỗ trợ.

Các nhận định khác từ trận chiến thì ít khả quan hơn. Moore và các nhân chứng Mỹ khác báo cáo rằng quân Bắc Việt đã chứng tỏ mình là những đối thủ đáng gờm và kiên cường. Các chỉ huy Bắc Việt đã liên tục thể hiện sự táo bạo và sự nhạy bén về chiến thuật, và binh lính Bắc Việt đã thực hiện mệnh lệnh một cách kiên trì, ngay cả khi đối mặt với nguy cơ diệt vong gần như chắc chắn. Tốc độ và kỹ năng mà các đơn vị Bắc Việt thực

hiện các cuộc vận động bao vây chống lại số quân Mỹ ít hơn đã thu hút sự chú ý của nhiều người.

Moore còn ấn tượng thêm bởi khả năng bắn tỉa và sử dụng nguy trang của kẻ thù. «Hắn là một tay bắn chết người», Moore nói về người lính Bắc Việt. «Khi chăm sóc những người lính của tôi đã bị giết và bị thương, tôi bị ám ảnh bởi số lượng lớn những người bị bắn vào đầu và phần trên của cơ thể - đặc biệt là vào đầu. Hắn chắc chắn nhắm vào những người chỉ huy - những người đang hét, chỉ tay, nói chuyện với máy radio.»¹⁰³

Nhân viên tình báo Mỹ kết luận rằng các cố vấn Trung Quốc đã đi cùng quân Bắc Việt trong trận chiến tại X-Ray. Một nhóm tìm kiếm đã phát hiện một thi thể với bộ đồng phục khác và vóc dáng lớn hơn người Việt, và các tù binh bị bắt gần Plei Me đã tiết lộ rằng một cố vấn Trung Quốc đang đi cùng mỗi trung đoàn Bắc Việt. Mặc dù chính phủ Mỹ có thể công bố sự hiện diện của các cố vấn Trung Quốc để thổi bùng sự ủng hộ trong nước và quốc tế cho cuộc chiến, nhưng họ đã chọn cách im lặng về vấn đề này. Việc tiết lộ sẽ làm dấy lên những tiếng kêu gọi từ các phần tử điều hâu Mỹ và châu Á về hành động quân sự chống lại Trung Quốc, vào thời điểm mà chính quyền Johnson đang muốn ngăn Trung Quốc tham gia vào cuộc xung đột. Viên sĩ quan Mỹ

đã báo cáo với Westmoreland về nghi vấn có thi thể người Trung Quốc tại X - Ray đã nhận được một lời khiển trách gay gắt khác thường. «Anh sẽ không bao giờ được đề cập đến bất cứ điều gì về binh lính Trung Quốc ở Nam Việt Nam !» Westmoreland quát. «Không bao giờ !»¹⁰⁴

Các tiểu đoàn Mỹ còn lại tại X - Ray đáng lẽ có thể được di tản bằng trực thăng từ đó một cách an toàn, như tiểu đoàn của Moore đã làm. Thay vào đó, họ được lệnh di chuyển bằng chân đến những bãi đất trống cách đó vài cây số để được đón. Sáng hôm sau, Tiểu đoàn 2/5 Kỵ binh đến LZ Columbus mà không có sự cố. Tiểu đoàn 2/7 Kỵ binh hướng đến LZ Albany, nơi họ vấp phải một trong những trận chiến ác liệt nhất trong toàn bộ cuộc chiến.

Trong tất cả các tiểu đoàn Mỹ ở Việt Nam vào tháng 11 năm 1965, có lẽ Tiểu đoàn 2/7 Kỵ binh là đơn vị ít sẵn sàng chiến đấu nhất. Tiểu đoàn này đã được tập hợp một cách vội vàng chỉ vài tuần trước đó bằng cách ghép chung những binh lính từ các đơn vị khác. Chỉ huy của nó, Trung tá Robert McDade, đã chỉ huy tiểu đoàn chưa đầy ba tuần, sau khi tiếp quản từ một sĩ quan bị cấp dưới coi là lảm cẩm. Mặc dù là một cựu chiến binh từ Thế chiến II và Chiến tranh Triều Tiên, McDade đã không

chỉ huy một đơn vị bộ binh trong gần một thập kỷ. Đại đội Bravo của tiểu đoàn vắng mặt vào ngày 17 tháng 11, và thay vào đó là một đại đội từ tiểu đoàn khác, Đại đội Alpha của tiểu đoàn 1/5. Bộ Tư lệnh Lữ đoàn 3 đã cố ý hạn chế việc triển khai tiểu đoàn 2/7 đến những địa điểm được cho là không có lực lượng địch để nó có thể hòa nhập trong điều kiện ít căng thẳng trước khi phải chịu đựng lò lửa của chiến trận chính. Vì những lý do không bao giờ được làm rõ, ban lãnh đạo lữ đoàn đã kết luận rằng không còn lực lượng địch nào ở gần X - Ray, Albany, hoặc ở giữa hai nơi này.

Khi tiểu đoàn của McDade tiến về phía Landing Zone Albany, Đại đội Alpha của nó hành quân đi đầu, theo sau là Đại đội Charlie, Đại đội Delta, nhóm chỉ huy tiểu đoàn, và Đại đội Alpha của tiểu đoàn 1/5. Gần giữa trưa, còn cách bãi đất trống hai trăm mét, đội tiên phong của tiểu đoàn chạm trán hai người lính Bắc Việt và bắt giữ họ bằng súng. Hai người này khai là đào ngũ, nhưng họ đang mang vũ khí và được nuôi dưỡng tốt, khiến những người bắt giữ họ tin rằng họ đang trấn giữ một trạm quan sát.

McDade dừng đội hình và bước lên phía trước để thẩm vấn các tù binh này. Sự hiện diện của những người lính này hay lời nói của họ đều không thuyết phục được

McDade thay đổi kế hoạch. Ông triệu tập các chỉ huy đại đội của mình để thảo luận chi tiết về việc di tản bằng trực thăng.

Các chỉ huy đại đội đi đến phía trước đội hình, mang theo các nhân viên radio và trung sĩ nhất của họ. Những người lính mà họ bỏ lại phía sau, trải dài trên một khoảng cách sáu trăm thước, đã kiệt sức sau bốn đêm với rất ít giấc ngủ. Khi được thông báo về việc tạm dừng, họ chợp mắt, hút thuốc, hoặc ăn thức ăn đóng hộp gọi là C - ration. Họ đã hành quân theo hàng một mà không có các đội hình bảo vệ sườn ở hai bên đội hình chính như các đơn vị Mỹ thường hành quân trong một vùng chiến sự, và các đại đội bố trí rất ít hoặc không bố trí lực lượng bảo vệ sườn trong lúc tạm dừng. Sự bất cẩn này sẽ trở thành một trong những hậu quả nghiêm trọng nhất của các vấn đề lãnh đạo trong tiểu đoàn, nghiêm trọng đến mức thực tế nó sẽ được dạy cho các thế hệ sĩ quan bộ binh Mỹ tương lai như một ví dụ về cách không nên chỉ huy.

McDade ra lệnh cho chỉ huy Đại đội Alpha cho đại đội của anh ta bảo vệ các rìa của bãi đất trống. Sau đó, ông tiếp tục hội ý với các chỉ huy đại đội về việc di tản. Vài phút sau, khi Đại đội Alpha đang tiến vào Landing Zone Albany, họ bắt đầu hứng chịu hỏa lực dữ dội từ

phía trước và sườn phải. Đạn bắn ra từ những tay súng bộ binh và súng máy Bắc Việt ẩn nấp sau các thân cây hoặc ụ mối, trong khi những binh lính Bắc Việt khác chạy xông vào và xung quanh các binh sĩ Mỹ.

Những người lính Bắc Việt này thuộc Tiểu đoàn 8 của Trung đoàn 66, đơn vị đã bỏ lỡ trận chiến tại X - Ray. Một giờ trước đó, họ đang ăn cơm thì nhận được tin rằng một lực lượng Mỹ đang tiếp cận trong khu rừng rậm. Những trinh sát Bắc Việt đã đưa tin chỉ nhìn thấy thành phần dẫn đầu của đội hình Mỹ và kết luận rằng kẻ thù chỉ bao gồm một đại đội súng trường Mỹ. Do đó, chỉ huy tiểu đoàn 8 đã chọn tấn công nhanh, hy vọng áp đảo người Mỹ trước khi họ kịp củng cố vị trí phòng thủ, thay vì để người của mình đào hố cá nhân và thiết lập các vị trí súng máy được bảo vệ vốn sẽ phù hợp nhất để chiến đấu với một kẻ thù Mỹ lớn hơn. Sự vội vàng này ban đầu giúp họ bắt người Mỹ bất ngờ nhưng cũng khiến họ chuẩn bị kém cỏi không kém gì người Mỹ cho những gì xảy ra tiếp theo.

Chỉ trong vài phút, toàn bộ sức nặng của tiểu đoàn Bắc Việt đã đè nặng lên Đại đội Alpha. Vừa mới di chuyển vào bãi đất trống, Đại đội Alpha không có chút thời gian nào để chuẩn bị phòng thủ và do đó không có sự bảo vệ nào trước những viên đạn ngoài một số cây

cối và bụi rậm rải rác. McDade đã làm suy yếu thêm sự bảo vệ của Đại đội Alpha thông qua một sai lầm chỉ huy nghiêm trọng khác. Nhằm lẫn những viên đạn Bắc Việt với đạn của phe ta, ông ra lệnh cho binh lính của mình ngừng bắn, và lặp lại mệnh lệnh này nhiều lần khi tiếng súng liên thanh vẫn dai dẳng và ngày càng lớn hơn. Một số sĩ quan Mỹ khác tin rằng McDade đã mất bình tĩnh, mặc dù có thể việc thiếu kinh nghiệm chiến đấu gần đây của ông chỉ đơn thuần ngăn cản ông phân biệt tiếng nổ chát chúa của khẩu AK - 47 Bắc Việt với tiếng nổ đùng đùng của khẩu M - 16 Mỹ. Một khẩu súng trường tấn công cỡ nòng 5.56 mm mới do Colt sản xuất, khẩu M - 16 mới chỉ được trang bị cho Sư đoàn Kỵ binh số 1 và các đơn vị Mỹ khác. Sau khi rõ ràng là tiếng súng đang nổ không phải là của phe ta, McDade ngồi xuống lặng lẽ dựa vào một thân cây và ngừng chỉ đạo tiểu đoàn, để mặc cho các sĩ quan khác đảm nhận việc chỉ huy.

Tận dụng ưu thế về số lượng, binh lính Bắc Việt đã chọc thủng hai trung đội của Đại đội Alpha và chiến đấu với họ trong một cuộc hỗn chiến cá nhân và tàn bạo kéo dài chín mươi phút. «Nó giống như một cuộc ẩu đả của băng đảng», Trung sĩ John Eader, một trong những người sống sót người Mỹ kể lại, «nhóm nhỏ của chúng tôi chống lại nhóm nhỏ của họ. Nó xuống đến mức dùng dao. Nó xuống đến mức bóp cổ người ta.»¹⁰⁵

Gần như tất cả người Mỹ trong hai trung đội đều đã bị thương hoặc bị giết khi hết chín mươi phút.

Phần còn lại của Đại đội Alpha thiết lập một cứ điểm vững chắc trong một lùm cây ở trung tâm khu vực định làm bãi đáp, từ đó họ đánh lui nhiều đợt tấn công ồ ạt của Bắc Việt. Sau khi chứng kiến người của mình ngã xuống từng đám lớn, vị chỉ huy Bắc Việt quyết định bao vây cứ điểm này, dường như vẫn tin rằng ông ta chỉ đối mặt với một đại đội Mỹ. Hàng trăm quân Bắc Việt vòng sang bên trái với mong đợi bao vây bãi đất trống. Do đó, họ cũng không kém phần ngạc nhiên so với những người Mỹ từ các đại đội Charlie và Delta khi họ chạy ngay vào giữa đội hình Mỹ.

Sau khi hỏa lực súng nhỏ nổ ra tại bãi đất trống, các Đại đội Charlie và Delta đã vội vã tổ chức thành một tuyến phòng thủ mỏng. Họ không thể sắp xếp phòng thủ theo chiều sâu do sự lơ là trong việc bảo vệ sườn cũng như các vấn đề về tầm nhìn do cỏ voi - nơi họ đã dừng chân nghỉ - gây ra. Hơn nữa, khả năng phối hợp hoạt động của họ với ban chỉ huy tiểu đoàn và với nhau bị cản trở do sự vắng mặt của các chỉ huy đại đội, trung sĩ nhất và nhân viên radio, những người đang mắc kẹt ở phía trước đội hình.

Do cỏ voi, quân Bắc Việt và Mỹ không nhìn thấy nhau cho đến khi họ gần như đủ gần để bắt tay. Những tràng đạn bất ngờ bùng lên từ các khẩu súng trường tấn công của cả hai phía, xé toạc đám lá cây dọc theo hàng quân Mỹ. Trong vài phút, quân đội Bắc Việt và Mỹ giáp chiến ở những khoảng cách quen thuộc hơn với những người lính của các thế kỷ trước. Họ giết nhau bằng lưỡi lê, dao, xẻng cũng như đạn và lựu đạn. Sau đó, quân Bắc Việt và Mỹ co cụm lại thành từng nhóm, và định kỳ lại lao vào các đợt giao tranh nguyên thủy.

Trong vài giờ đầu tiên, lữ đoàn Mỹ đã không chỉ đạo các đợt không kích hoặc pháo kích vào khu vực nơi các đại đội Charlie và Delta đóng quân do sự vắng mặt của các nhà điều hành radio và chỉ huy. Các quan sát viên theo dõi trận chiến từ máy bay không thể phân biệt được cây nào và những ngọn cỏ voi đang che giấu lính Mỹ và cây nào đang che chắn cho quân đội Bắc Việt. Việc thiếu radio trong hàng quân cũng ngăn cản chỉ huy lữ đoàn, Đại tá Brown, hiểu được mức độ nghiêm trọng của tình hình, và do đó ông đã không đưa nhanh lực lượng cứu viện đến khu vực bằng máy bay trực thăng.

Mặt khác, phía Bắc Việt đang đưa quân tiếp viện vào trận chiến nhanh nhất có thể. Khi cuộc chiến bắt đầu, tàn quân của một số đơn vị Bắc Việt đã bị đánh tơi tả tại

X - Ray - Trung đoàn 33, Trung đoàn 320 và Tiểu đoàn 7 của Trung đoàn 66 - đã ở gần LZ Albany. Theo lệnh của sĩ quan chỉ huy, họ hành quân về phía âm thanh của trận chiến. Chính xác có bao nhiêu binh lính bổ sung được họ đưa vào cuộc chạm trán là không rõ, nhưng các sự kiện sau đó cho thấy họ đã mang theo hàng trăm người. Khi đến hiện trường, họ tăng cường cho các binh sĩ Bắc Việt dọc theo tất cả các đoạn của hàng quân Mỹ, bao gồm cả đoạn cuối, nơi vào thời điểm này Đại đội Alpha của 1/5 đang đẩy lui các cuộc tấn công.

Ở giữa hàng quân, cường độ chiến đấu dần giảm bớt khi số lượng chiến binh Bắc Việt và Mỹ giảm xuống và những người sống sót di chuyển về địa hình có lợi. Tuy nhiên, nhiều hành động tàn ác vẫn còn thấy rõ. Các binh sĩ Bắc Việt đã có phương pháp lùng sục trong đám cỏ voi để tìm những người lính Mỹ bị thương và bắn vào đầu họ. Bị kích động bởi những tiếng hấp hối của đồng đội, những người lính Mỹ còn sức khỏe tìm cách truy lùng những kẻ hành quyết. Hàng thập kỷ sau, các lãnh đạo Bắc Việt thừa nhận rằng binh lính của họ đã giết những người lính Mỹ bị thương nhưng biện hộ cho hành động này bằng khẳng định rằng các nạn nhân vẫn có khả năng giết binh lính Bắc Việt.

Vào cuối buổi chiều, thông tin liên lạc từ các đại đội Charlie và Delta được cải thiện, mang lại cho các sở chỉ huy tiểu đoàn và lữ đoàn sự rõ ràng về vị trí của lực lượng đồng minh và địch thủ để áp dụng sức mạnh không quân Mỹ. Các máy bay tiêm kích - ném bom phản lực lao ngang qua chiến trường để thả rocket trên không, bom napalm và bom 250 pound. Bay với tốc độ vượt quá năm trăm dặm một giờ, những máy bay phản lực gần như không thể bị trúng đạn từ các súng máy Bắc Việt. Mặc dù các trinh sát và phi công cẩn thận tránh làm hại lực lượng đồng minh, việc quân Mỹ và Bắc Việt ở quá gần nhau đảm bảo rằng một số đạn pháo sẽ gây hại cho binh lính Mỹ.

Trung úy Larry Gwin, một sĩ quan điều hành đại đội, đã theo dõi những thùng napalm đầu tiên rơi từ trên trời xuống. «Tôi thấy chúng trúng vào ngọn cây», Gwin kể lại, «và napalm dạng thạch rơi xuống qua các cành cây và quân NVA đang nhảy dựng lên cố gắng chạy trốn và bị nuốt chửng trong biển lửa.» Gwin chứng kiến cảnh tượng tương tự lặp đi lặp lại suốt buổi chiều.¹⁰⁶ Napalm đã xóa sổ toàn bộ một đại đội Bắc Việt khi họ đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công cách quân Mỹ một trăm mét.

Tin tức về trận chiến đến được lực lượng Mỹ tại LZ Columbus vào giữa buổi chiều. Chỉ huy Tiểu đoàn 2, Ky binh 5 ngay lập tức ra lệnh cho một trong những đại đội của mình hành quân đến Albany. Do Đại úy Walter B. Tully dẫn đầu, đại đội đã đến hiện trường trận chiến lúc 5:00 giờ chiều và liên kết với Alpha 1/5 ở cuối hàng quân Mỹ. Sau khi biết được tình cảnh khó khăn của các đại đội Charlie và Delta, Tully dẫn quân của mình về phía họ, nhưng trên đường đi đã chạm trán một lực lượng lớn quân Bắc Việt ẩn náu trong một hàng bụi rậm rậm rạp. Quân Mỹ tấn công vào hàng cây và, sau một thời gian chiến đấu ác liệt, đã đánh đuổi được kẻ thù. Tuy nhiên, quân Bắc Việt đã cầm chân họ đủ lâu để làm cạn kiệt những phút cuối cùng của ánh sáng ban ngày. Tully quyết định thiết lập phòng thủ qua đêm và sau đó cử các nhóm tìm kiếm ra ngoài để hỗ trợ những người lính bị cô lập của các đại đội Charlie và Delta.

Đột nhập vào bóng tối, quân của Tully và những người lính Mỹ khác từ đầu và cuối hàng quân đã tiếp cận được một số nhóm người bị thương vào đêm đó, bao gồm hai mươi một người bị thương từ đại đội Charlie, những người đã thiết lập một vòng phòng thủ nhỏ. Kẻ thù chỉ gây áp lực nhẹ lên các tuyến phòng thủ có tổ chức của Mỹ trong đêm nhưng đã thành công trong việc hành quyết thêm nhiều người bị thương. Vào buổi sáng, quân

Mỹ di chuyển ra khỏi các vòng phòng thủ của họ, được trang bị cho trận chiến, chỉ để thấy rằng quân Bắc Việt đã rời khỏi khu vực trước khi mặt trời mọc.

Quân Bắc Việt đã bỏ lại rất nhiều thứ, vì những người sống sót quá ít để có thể chuyên chở xác và vũ khí với sự kỹ lưỡng thông thường của các đơn vị Bắc Việt. Quân Mỹ đã thu hồi được 403 thi thể kẻ thù tại hiện trường giao tranh cũng như 222 súng trường tấn công và carbine, 39 súng máy hạng nhẹ, ba súng máy hạng nặng và 6 súng cối 82 mm. Các tài liệu lịch sử Bắc Việt sau này sẽ kể lại rằng trận chiến đã đập tan Tiểu đoàn 8 của Trung đoàn 66, giết chết hoặc làm bị thương gần như tất cả các sĩ quan của nó, bao gồm cả chỉ huy. Về phía Mỹ, thương vong không cao bằng, nhưng nằm trong số những thương vong cao nhất mà một đơn vị Mỹ từng phải chịu trong một ngày của Chiến tranh Việt Nam : 151 người chết, 121 người bị thương và 4 người mất tích trong số khoảng 500 người mà Đại tá McDade đã đưa đến LZ Albany. Đại đội Charlie phải trả giá đắt nhất, với 45 trong số 112 người của đại đội thiệt mạng và 50 người khác bị thương.¹⁰⁷

Các nhà tuyên truyền của Hà Nội sau đó đã tuyên bố chiến dịch Ia Đrăng là một chiến thắng anh hùng của vũ khí Bắc Việt. Mãi đến vài thập kỷ sau, các báo cáo

Cộng sản mới bắt đầu thừa nhận rằng các trận đánh ở Ia Đrăng đã tàn phá lực lượng của Bắc Việt cả về mặt quân sự lẫn tâm lý. Mọi tiểu đoàn Bắc Việt trong vùng nhiều dặm xung quanh đều bị tê liệt vì thương vong. Đã vắt kiệt hệ thống tiếp tế, Quân đội Bắc Việt giờ thiếu lương thực để duy trì các lực lượng còn lại. Những vấn đề này đã khiến chỉ huy Quân khu 5 Cộng sản đề nghị giải thể Mặt trận Tây Nguyên và chuyển các trung đoàn của nó đến các tỉnh ven biển, nơi họ có thể được cung cấp lương thực từ lúa gặt hái được ở các khu vực do Cộng sản kiểm soát. Cấp trên đã bác bỏ đề nghị này, rõ ràng là vì họ không được biết sự thật đầy đủ về các cuộc chạm trán trên cao nguyên và vẫn tin rằng người Mỹ không thể chiến đấu hiệu quả ở các vùng núi và rừng của khu vực.¹⁰⁸

Tinh thần của những binh sĩ Bắc Việt sống sót lao dốc, và kỷ luật tan vỡ theo một cách mà các sĩ quan Bắc Việt chưa từng thấy trước đây. Xét về khả năng lãnh đạo và đào tạo tuyệt vời của Quân đội Bắc Việt, sự sụp đổ này chắc hẳn là do hậu quả tàn phá của hỏa lực Mỹ và sự bất lực của Bắc Việt trong việc đáp trả tương xứng. Cũng có thể bệnh sốt rét, đang hoành hành trong các đơn vị này, đã góp phần gây ra sự tuyệt vọng.

Đặng Vũ Hiệp, một sĩ quan chính trị cấp cao Bắc Việt, đã mô tả một tình trạng gây sốc trong số những người sống sót của Ia Đrăng. «Mối liên hệ của binh lính với đơn vị của họ suy yếu và họ phớt lờ mệnh lệnh từ các cán bộ», ông nhớ lại. «Các chỉ huy càng quát tháo họ, họ càng ít sẵn sàng nghe lời, đẩy các binh lính vào tinh thần tiêu cực và chống đối.» Nhiều binh lính viết thư về nhà nói rằng họ chắc chắn sẽ chết sớm hay muộn trong trận chiến hoặc vì đói hoặc sốt rét. Họ hát những bài hát buồn và bi quan. «Ở một số đơn vị», Đặng Vũ Hiệp lưu ý, «có tới hai phần ba nhân sự của đơn vị dành cả ngày nằm võng, thảo luận đủ loại câu chuyện và chủ đề tiêu cực.»¹⁰⁹

Về phía Mỹ, tinh thần rất cao ở hầu hết những người đã chiến đấu ở Thung lũng Ia Đrăng. Nó không cao như vậy trong ba đại đội đã mất nhiều người ở Albany, nhưng kỷ luật không tan vỡ trong những đại đội đó, và cùng các đơn vị này sẽ chiến đấu tốt trong các trận chiến sau này. Rick Rescorla, một sĩ quan mạnh mẽ, người sẽ sống sót qua Chiến tranh Việt Nam chỉ để tử nạn khi điều phối cuộc sơ tán Trung tâm Thương mại Thế giới vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, đã nhớ lại với niềm tự hào về khả năng phục hồi của những người lính Mỹ đã chiến đấu ở Ia Đrăng. Khi được gọi quay lại hành động một thời gian ngắn sau đó, Rescorla và những

người lính bộ binh đồng đội của mình đã háo hức rời bỏ những tiện nghi của Camp Holloway để trở lại chiến trường. Khi các đầu bếp, người rửa chai, người chiếu phim và những người lính hậu cần khác xếp hàng dọc theo đường băng để xem máy bay trực thăng đón người và đưa họ đến chiến trường, Rescorla nhớ lại, những người lính bộ binh chiến đấu nhìn họ với sự khinh miệt hơn là ghen tị. «Không một người nào trong chúng tôi muốn đổi chỗ với những kẻ béo ị đó», ông khẳng định.

110

Tuy nhiên, những tổn thất tâm lý bắt đầu gia tăng ở hậu phương nước Mỹ, nơi đã trở nên không quen với số lượng thương vong lớn trong mười hai năm kể từ khi kết thúc Chiến tranh Triều Tiên. Betty Jivens Mapson, người có cha bị giết trong ngày thứ hai của cuộc chiến tại X - Ray, kể lại rằng khi thi thử cha cô trở về nhà, «Bạn có thể đã nghe thấy tôi hét lên từ ba tiểu bang cách xa.» Vài thập kỷ sau đó, nhìn lại nỗi đau mà nhiều người thân khác của những người đã khuất đã cảm nhận được nhưng ít người có thể diễn đạt rõ ràng, cô nói, «Tôi rất tự hào về cha mình và ước rằng bằng cách nào đó ông có thể biết điều đó và biết rằng ông vẫn còn sống mãi với chúng tôi. Trong một thời gian dài, đối với tôi dường như ông ấy chỉ đi vắng như thường lệ khi làm nhiệm vụ trong Quân đội, và một ngày nào đó ông ấy sẽ

trở về nhà. Trong nhiều năm, tôi đã chờ đợi và quan sát đường lái xe vào nhà của chúng tôi bởi vì tôi rất muốn ông ấy trở về nhà vì Mẹ tôi và các anh trai tôi và tôi.»¹¹¹

Việc đưa tin rộng rãi của báo chí nước ngoài về các trận đánh ở Thung lũng Ia Đrăng đã biến chúng thành tâm điểm chú ý của quốc tế trong những tháng cuối năm 1965, nhưng lực lượng Mỹ và Bắc Việt đã chiến đấu một số trận đánh lớn khác có ý nghĩa quân sự tương đương trong thời gian này. Vào ngày 8 tháng 11, như một phần của chiến dịch truy quét và tiêu diệt có mật danh Hump, một tiểu đoàn của Lữ đoàn Nhảy dù 173 Mỹ đã chạm trán một trung đoàn của Sư đoàn 9 Quân đội Bắc Việt tại tỉnh Biên Hòa. Tìm cách biến thợ săn thành con mồi, quân Bắc Việt đã ba lần cố gắng bao vây tiểu đoàn Mỹ bị áp đảo về số lượng. Để ngăn các lính nhảy dù Mỹ gọi không kích và pháo kích, các sĩ quan Bắc Việt giữ quân của họ rất sát vành đai phòng thủ của Mỹ. Tuy nhiên, người Mỹ đã ngăn chặn từng cuộc tấn công thông qua việc triển khai nhanh chóng binh lính đến các khu vực bị áp lực nặng nề nhất của các tuyến phòng thủ tạm thời của họ. Quân Bắc Việt đã nhượng bộ vào giữa buổi chiều và rút lui dưới một trận mưa không kích và pháo kích của Mỹ. Phía Mỹ báo cáo 403 xác định được xác nhận, với một số ước tính của Mỹ đưa con số này lên tới 700. Tổn thất của Mỹ là 49 người

chết và 83 người bị thương.¹¹²

Vài ngày sau, tại ấp Bàu Bàng ở tỉnh Bình Dương, Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn Bộ binh 2 Mỹ đã chiến đấu với một kẻ thù thậm chí còn lớn hơn, trên thực tế, lớn hơn cả lực lượng địch mà tiểu đoàn của Hal Moore đã đánh bại tại Landing Zone X - Ray trong cùng tuần. Chỉ huy tiểu đoàn, Trung tá George M. Shuffer Jr. đến từ Palestine, Texas, đã quyết định dựng trại trong một cánh đồng lạc ở phía nam Bàu Bàng vào buổi tối ngày 11 tháng Mười Một. Tăng cường cho các binh sĩ bộ binh trên tuyến phòng thủ đêm đó là các xe bọc thép chở quân M - 113 và xe tăng được biên chế cho tiểu đoàn.

Các tổ trinh sát của Sư đoàn 9 Quân đội Nhân dân Việt Nam đã xác định vị trí của quân Mỹ vào buổi tối. Thông tin trinh sát nhanh chóng được chuyển về Văn phòng Trung ương Cục miền Nam (COSVN), cơ quan đầu não của Đảng Cộng sản tại nửa phía nam của Nam Việt Nam. Cơ quan đầu não này quyết định ra lệnh cho toàn bộ, trừ hai tiểu đoàn của Sư đoàn 9, hành quân ban đêm đến Bàu Bàng và tiêu diệt tiểu đoàn Mỹ vào lúc bình minh.

Hàng nghìn binh sĩ Bắc Việt tập trung tại Bàu Bàng trong màn đêm dày đặc lúc sáng sớm. Các tổ vũ khí bố

trí súng cối trong thôn và đào các hố súng máy và súng không giật ngay phía nam thôn. Các đại đội bộ binh tập hợp phía sau những bụi cỏ cao và những cây cao su gần tuyến phòng thủ của Mỹ, ở một số nơi chỉ trong vòng bốn mươi mét so với các hố cá nhân của lính Mỹ. Với lực lượng đông gấp mười lần quân Mỹ, Sư đoàn 9 sẽ tấn công tiểu đoàn Mỹ vào thời điểm dễ bị tổn thương nhất, ngay sau khi mặt trời mọc, khi quân Mỹ sẽ rời khỏi hố cá nhân và kéo các xe của họ ra khỏi tuyến phòng thủ để chuẩn bị di chuyển.

Vào lúc 06:05, một đội hình khổng lồ của binh sĩ Bắc Việt xuất hiện từ những bụi cỏ cao ngang thắt lưng ở phía tây nam tuyến phòng thủ của Mỹ. Xông thẳng về phía tiểu đoàn Mỹ, quân Bắc Việt có thể thấy những quả đạn cối của phe mình đang nổ âm âm vào doanh trại Mỹ.

Những xe M - 113 của Mỹ đã chuẩn bị di chuyển. Khi trông thấy kẻ địch tập trung đông đảo, chúng lao về phía những kẻ tấn công và khai hỏa các súng máy Browning cỡ nòng .50. Bắn trúng những lỗ to bằng quả bóng gôn trên những người lính Bắc Việt tập trung thành đám, các khẩu Browning đã chặn đứng cuộc tấn công ban đầu. Các đợt không kích và pháo kích của Mỹ vào các khu vực tập trung của Bắc Việt đã gây thiệt hại

nặng nề cho các đơn vị hỗ trợ và các đơn vị bộ binh đang chuẩn bị tham chiến.

Hai cuộc tấn công nữa của Bắc Việt nhanh chóng tiếp nối nhau, từ phía nam và đông nam. Đại tá Shuffer đã chặn đứng chúng bằng cách nhanh chóng điều động thiết giáp và bộ binh tới các điểm tấn công chính. Sau đó, ông ra lệnh cho các xe bọc thép chở quân phản công ở những khu vực này, điều mà họ đã thực hiện rất hiệu quả, bắn hạ những người lính Bắc Việt đang rối loạn và nghiền nát trang thiết bị của địch dưới xích xe. Các vũ khí hạng nặng mà quân Bắc Việt đã đào hố cố thủ trong thôn tiếp tục bắn vào quân Mỹ, nhưng Shuffer không cho nã pháo vào những vũ khí đó vì ông được báo cáo rằng có thường dân trong thôn.

Vào lúc 07:00, quân Bắc Việt mở cuộc tấn công thứ tư và lớn nhất của họ, từ những cây cao su ở phía bắc tiểu đoàn Mỹ. Các vũ khí do tổ chiến đấu của Bắc Việt điều khiển ở phía nam thôn phát ra một hỗn hợp âm thanh hỏa lực để hỗ trợ cho cuộc tấn công mới. Shuffer hỏi cấp trên liệu ông có thể sử dụng pháo binh, không lực, xe tăng và súng máy hạng nặng của Mỹ vào khu vực này bất chấp sự có mặt được báo cáo của thường dân hay không. Quyền được cấp ngay lập tức. Hỏa lực của Mỹ đã chấm dứt hầu hết hoạt động của Bắc Việt

trong thôn, phá hủy hầu hết các công trình dân sự ở khu vực phía nam thôn, và chặn đứng cuộc tấn công thứ tư tại rìa của hàng rào kẽm gai.

Cuộc tấn công thứ năm và cuối cùng diễn ra từ phía bắc lúc 09:00. Nó đã bị ngăn chặn với sự hỗ trợ của bom napalm. Tàn quân của lực lượng Bắc Việt lê bước rời khỏi chiến trường cùng với bất kỳ thương vong và vũ khí nào họ có thể mang theo. Các đợt không kích và pháo kích đã gây thêm thương vong cho họ trong lúc rút lui.

Sau đó, quân Mỹ thu thập được 198 thi thể địch. Xét rằng hầu hết một sư đoàn đã thực hiện năm cuộc tấn công lớn không thành công trên địa hình trống, liên tục bị oanh tạc bởi không quân và pháo binh, và bị nhìn thấy đang kéo theo một số xác chết của họ, tổng số người chết có lẽ cao hơn nhiều. Tồn thất của Sư đoàn 9 buộc nó phải hủy bỏ kế hoạch tấn công thủ phủ quận Dầu Tiếng ở tỉnh Bình Long, củng cố cho luận điểm của Westmoreland rằng các hoạt động tìm - diệt là một phương tiện hiệu quả để ngăn chặn các cuộc tấn công của Bắc Việt vào các trung tâm đô thị. Tồn thất của Mỹ tại Bàu Bàng tổng cộng là hai mươi người chết và bảy mươi sáu người bị thương.¹¹³

Trong báo cáo chính thức mà Sư đoàn 9 gửi về Hà Nội, chỉ huy sư đoàn đã tìm cách che giấu tính chất một chiều của kết quả bằng cách thổi phồng một cách thô thiển những thành tích của đơn vị. Ông ta tuyên bố rằng sư đoàn đã tiêu diệt hai tiểu đoàn Mỹ toàn bộ. Khi vị chỉ huy sư đoàn và một đoàn cán bộ sĩ quan đến thăm tướng Nguyễn Chí Thanh tại một cơ quan đầu não bí mật, vị chỉ huy cao cấp nhất của Bắc Việt nói với họ, «Tôi đã nhận được báo cáo qua radio về chiến thắng của các đồng chí trước quân Mỹ tại Bàu Bàng. Tôi đã rất vui mừng đến mức không thể ngủ được !» Nguyễn Chí Thanh ôm từng người trong số họ, sau đó thốt lên, «Điều này có nghĩa là chúng ta đã có thể chiến đấu và đánh bại quân Mỹ ngay từ hiệp đầu tiên của trận đấu !»

114

Những báo cáo sai lệch về trận này và các trận đánh khác sẽ ảnh hưởng đến tư duy chiến lược của Hà Nội trong một thời gian dài sắp tới. Tướng Nguyễn Chí Thanh và Lê Duẩn, nhà chiến lược dân sự và người ra quyết định cao cấp nhất của Bắc Việt, sẽ ủng hộ thêm nhiều cuộc chạm trán lớn với quân Mỹ với tiền đề rằng lực lượng Bắc Việt đang giành được hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Những tuyên bố táo bạo và đầy tự tin của họ đã chiếm ưu thế so với những cảnh báo thận trọng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các sĩ

quan Bắc Việt khác, những người cho rằng chiến thuật du kích sẽ đáp ứng được các mục tiêu của chiến tranh tiêu hao với cái giá thấp hơn nhiều.¹¹⁵

Hai tuần sau trận Bàu Bàng, các thành phần trinh sát của Sư đoàn 9 phát hiện một trung đoàn thuộc Sư đoàn 5 của Quân đội Nam Việt Nam trong đồn điền Michelin, một vùng rộng lớn cây cao su ở tỉnh Bình Dương. Giống như tại Bàu Bàng, bộ binh Bắc Việt tiếp cận trong các bụi cây vào ban đêm với lệnh tấn công vào lúc ánh sáng ban mai, khi kẻ địch không nghi ngờ đang chuẩn bị di chuyển. Mặc dù trung đoàn Nam Việt Nam lớn hơn lực lượng Mỹ tại Bàu Bàng vài lần và có các cố vấn Mỹ đi kèm với khả năng tiếp cận hỏa lực Mỹ, nhưng sự lãnh đạo kém cỏi và vũ khí nhẹ hơn khiến nó có khả năng tự vệ kém hơn đáng kể. Vào sáng ngày 27 tháng 11, sư đoàn Bắc Việt đã tràn ngập hai trong số ba tiểu đoàn của trung đoàn Nam Việt Nam và sở chỉ huy trung đoàn. Trong vòng vài giờ, quân Bắc Việt gây ra 602 thương vong, một con số thiệt hại của Nam Việt Nam chỉ đứng sau những thiệt hại phải chịu trong trận Đồng Xoài vào tháng 6 năm 1965.

Sư đoàn 1 Bộ binh của Quân đội Mỹ vội vã điều ba tiểu đoàn của mình đến Đồn điền Michelin với chỉ thị phải đập nát quân Bắc Việt. Tuy nhiên, chỉ huy sư đoàn

Bắc Việt đã di tản binh lính của mình trước khi quân Mỹ có thể đụng độ với họ. Các tiểu đoàn của Sư đoàn 1 Bộ binh đã lùng sục địa hình xung quanh vô ích trong hơn một tuần.

Sau đó, đột nhiên, một trong các tiểu đoàn Mỹ chạm phải một căn cứ chứa phần lớn Sư đoàn 9 QĐNDVN. Dù là do số phận hay trùng hợp, tiểu đoàn Mỹ đó lại chính là tiểu đoàn đã chiến đấu với quân Bắc Việt tại Bàu Bàng. Nó đang hành quân trên một con đường rừng ngay phía bắc thôn Nhà Mát thì bắt đầu bị bắn từ các lính gác Bắc Việt. Nghe thấy tiếng súng, các sĩ quan Mỹ và Bắc Việt ra lệnh cho binh lính của họ triển khai đội hình để tấn công.

Mỗi bên đều cố gắng nhanh chóng và không thành công để bao vây bên kia. Đại tá Shuffer sau đó tập hợp lực lượng của mình ở một khoảng cách đủ xa để cho phép sử dụng dồi dào không quân và pháo binh. Sau khi tràn ngập căn cứ địch bằng đạn pháo, quân Mỹ tấn công trực diện. Chiến đấu xuyên qua các lô cốt của địch, quân Mỹ đột nhập vào trung tâm căn cứ địch lúc 1430. Quân Bắc Việt tan rã, bỏ lại những kho dự trữ trang thiết bị khổng lồ cũng như hầu hết xác chết của họ. Thương vong của Bắc Việt được báo cáo là 301 theo đếm xác với ước tính khoảng 100 người chết khác và

204 bị thương, trong khi tổn thất của Mỹ được liệt kê là 42 chết và 102 bị thương.¹¹⁶

Một câu chuyện tương tự về thất bại của Nam Việt Nam sau đó là thành công của Mỹ đã xảy ra vào đầu tháng 12 trong Chiến dịch Harvest Moon (Mặt Trăng Mùa Gặt), một hoạt động tìm - diệt lớn có sự tham gia của cả đơn vị Mỹ và Nam Việt Nam ở tỉnh Quảng Nam. Mục tiêu dự định của Chiến dịch Harvest Moon là Trung đoàn 1 QĐNDVN, đơn vị đã được bổ sung quân mới sau khi bị tàn phá trong Chiến dịch Starlite. Vào ngày 8 tháng 12, một tiểu đoàn Bắc Việt phục kích một trong ba tiểu đoàn Nam Việt Nam tham gia Harvest Moon và tràn ngập nó. Sáng hôm sau, hai tiểu đoàn Bắc Việt đã tiêu diệt một tiểu đoàn Nam Việt Nam khác và một nhóm chỉ huy trung đoàn Nam Việt Nam.

Một trong ba tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ được phân công cho Harvest Moon đã bay đến một bãi đáp gần đó và liên kết với những người sống sót của Nam Việt Nam. Sau đó, họ xác định được một lực lượng địch gồm vài trăm người, mà họ đã đánh toi bời bằng không quân và pháo binh cho đến khi nó không còn khả năng chiến đấu. Trong một cuộc chạm trán sau đó, một cuộc phục kích của Bắc Việt nhằm vào một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến đã bị chặn đứng khi một trong

các đại đội của tiểu đoàn cơ động vòng qua vị trí phục kích và tấn công quân Bắc Việt từ phía sau. Hơn một trăm thành viên của lực lượng phục kích thiệt mạng, và những người còn lại tháo chạy. Theo ước tính của Mỹ, quân Bắc Việt chịu tổng cộng 407 người chết trong Harvest Moon.¹¹⁷

Quân đội Nam Việt Nam hoạt động khá hơn một chút ở Quân khu 4, Đồng bằng sông Cửu Long. Do không có các đơn vị lớn của Bắc Việt ở Quân khu 4, Westmoreland đã không gửi quân Mỹ đến đó và thay vào đó đã tăng cường phòng thủ bằng cách di chuyển quân Nam Việt Nam từ các khu vực khác giờ đã đầy quân Mỹ. Trung tướng Đặng Văn Quang, tư lệnh Quân khu 4, đã tăng cường các hoạt động quân sự trong nửa cuối năm 1965, dẫn đến mức thương vong của Cộng sản gia tăng. Giao tranh ác liệt trong các làng thân Cộng đã khiến nông dân phải chắt những tài sản quý giá nhất của họ lên xe bò và rời bỏ nhà cửa để đến nơi an toàn ở các thủ phủ quận hoặc tỉnh. Các dân làng, cả những người chạy trốn và những người ở lại, vẫn quyết tâm theo phe mạnh hơn, và do đó, phần lớn dân số đồng bằng ngừng tiếp tay cho Việt Cộng và bắt đầu giúp đỡ chính quyền.

Sự thay đổi của thời thế ở đồng bằng được ghi lại trong lịch sử chính thức của Đảng Cộng sản về Quân khu 9, nửa phía nam của đồng bằng. «Các hoạt động quân sự ác liệt cùng với ném bom và các cuộc tấn công bằng hóa chất độc hại [chất diệt cỏ] của kẻ thù đã làm đảo lộn cuộc sống của nhân dân, làm họ sợ hãi và khiến tinh thần của họ dao động», lịch sử viết. Trong những tháng cuối năm 1965, «các du kích làng và thôn của chúng ta đều chạy theo gia đình để sơ tán đến các khu vực an toàn hơn.» Chính phủ Nam Việt Nam đã cho những người tị nạn tiền, gạo, quần áo, vật tư y tế và tôn để xây nhà nhằm «thực hiện chính sách thịnh vượng giả tạo của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ.»

Theo ước tính của chính Đảng Cộng sản, chỉ có 5% đảng viên của họ ở các khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước đây được «giải phóng» bởi Việt Cộng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả. Các cán bộ Việt Cộng địa phương trở nên vỡ mộng với cấp trên ở cấp khu vực, những người từ chối thừa nhận tình hình đã thay đổi. «Khi chúng tôi lên Khu để học tập chính trị», họ càu nhàu, «chúng tôi được huấn luyện rằng kẻ thù mỏng manh như một chiếc lá từ lúa non, nhưng khi chúng tôi trở về đơn vị, chúng tôi thấy lực lượng địch dày hơn cả da một con trâu già.»¹¹⁸

Tại một cuộc họp vào tháng 12 để xem xét các báo cáo cấp làng từ tỉnh Định Tường ở đồng bằng, các nhà lãnh đạo Cộng sản thừa nhận rằng hoạt động quân sự của Nam Việt Nam đã làm giảm mạnh sự ủng hộ của quần chúng đối với cuộc cách mạng. Họ kết luận : «Cường độ chiến tranh ngày càng gia tăng, những cuộc bắn phá và oanh tạc ác liệt và thường xuyên được coi là nguyên nhân thực sự làm suy giảm nhiệt tình của nhân dân. Đó là lý do tại sao tất cả các chính sách của Mặt trận đều gặp khó khăn : số thuế thu được và số thanh niên được tuyển quân giảm đi đáng kể.»¹¹⁹

Đến cuối năm 1965, các chiến dịch truy kích và tiêu diệt của Mỹ và Nam Việt Nam đã tước đoạt quyền chủ động của Quân đội Bắc Việt ở hầu hết Nam Việt Nam. Từ tháng 8 đến tháng 12, các hoạt động của Mỹ đã buộc Bắc Việt phải hủy bỏ các cuộc tấn công vào Chu Lai, Sài Gòn, Pleiku, Plei Me và Dầu Tiếng. Bộ chỉ huy của Westmoreland ước tính tổn thất của Cộng sản trong năm là 35.000 người chết và 6.000 người bị bắt. Ở phía bên kia, tổn thất của Hoa Kỳ trong năm là 1.378 người chết, 6.148 người bị thương và 143 người bị bắt hoặc mất tích, trong khi Nam Việt Nam mất khoảng 14.000 người chết, phần lớn trong số đó là trước tháng 8.¹²⁰

Ước tính về thương vong của Bắc Việt Nam đôi khi bị thổi phồng bởi các sĩ quan Nam Việt Nam hoặc Mỹ với ý định chứng minh thành công. Tuy nhiên, những ước tính quá cao phần lớn được bù đắp bởi những thương vong mà lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam đã bỏ sót. Thông thường, những lực lượng này không tìm kiếm thương vong trên chiến trường, hoặc không tìm kiếm cho đến sau khi phe Cộng sản đã chuyển thương vong của họ đi, hoặc không thể xác định vị trí thi thể kẻ thù vì đạn pháo hạng nặng đã làm biến dạng chúng đến mức không thể nhận ra. Việc xem xét kỹ lưỡng các trận chiến lớn trong năm cho thấy chiến tranh quy ước đã gây ra tổn thất to lớn cho lực lượng Cộng sản, bất kể con số chính xác là bao nhiêu.

Mức độ thương vong của địch và tỷ lệ thương vong của địch so với ta cao lẽ ra đã mang lại nhiều sự an ủi cho các nhà lãnh đạo Mỹ và Nam Việt Nam nếu không phải do khả năng tạo ra các chiến binh mới với tốc độ cao của Bắc Việt Nam và sự thờ ơ rõ ràng của họ trước tổn thất. Đối với phần lớn năm 1965, các nhà phân tích tình báo của Westmoreland đã đánh giá thấp sự phát triển của lực lượng địch ở Nam Việt Nam. Vào tháng 11, họ bị sốc khi phát hiện sự hiện diện của hàng loạt đơn vị mới vừa mới xâm nhập từ miền Bắc qua Lào. Những phát hiện này khiến họ đi đến kết luận rằng sức

mạnh của kẻ thù ở Nam Việt Nam đang tăng với tốc độ gấp đôi so với suy nghĩ trước đây.¹²¹ Theo số liệu thống kê của Bắc Việt, tổng cộng 46.796 người Bắc Việt đã xâm nhập vào năm 1965, một sự gia tăng lớn so với tổng số 17.000 người của năm trước.¹²²

Giờ đây, người Mỹ tin rằng sức mạnh lực lượng chủ lực của Bắc Việt Nam tại Nam Việt Nam đã đạt tới 110 tiểu đoàn, với hơn chín mươi nghìn người, vào cuối năm 1965, tăng 35 tiểu đoàn và bốn mươi nghìn người kể từ giữa năm. 110 tiểu đoàn đó đóng vai trò là những viên gạch xây dựng nên năm sư đoàn bộ binh mới được Bộ Tổng tư lệnh Bắc Việt thành lập trong những tháng cuối năm 1965. Những sư đoàn bộ binh này, cũng như Sư đoàn Pháo binh 69 cỡ sư đoàn, được cho là gồm những «tình nguyện viên» từ miền Nam, nhưng trên thực tế gần như tất cả binh lính và tất cả các sư đoàn trưởng đều là người gốc Bắc Việt Nam.¹²³

Westmoreland đã có thể ra lệnh mở rộng nhanh chóng Quân đội Nam Việt Nam để bù đắp cho sự gia tăng sức mạnh không lường trước được của kẻ thù, nhưng ông đã chọn không đi theo con đường đó vì biết những cạm bẫy sâu xa của nó. Việc sản sinh thêm các tiểu đoàn và sư đoàn sẽ làm căng thẳng thêm đội ngũ sĩ quan vốn đã quá căng thẳng của Nam Việt Nam, đòi hỏi phải tăng

chức cho những cá nhân không có đủ đào tạo và kinh nghiệm và do đó dẫn đến nhiều thảm bại trên chiến trường hơn. Westmoreland và các nhà lãnh đạo quân sự Nam Việt Nam theo đuổi một kế hoạch tăng trưởng ít tham vọng hơn, theo đó Quân đội Nam Việt Nam sẽ tuyển dụng thêm sĩ quan cấp dưới và để họ tích lũy kinh nghiệm trước khi tiến hành mở rộng quy mô lớn quân đội.¹²⁴

Như một biện pháp khắc phục vấn đề sức mạnh ngày càng tăng của kẻ thù, Westmoreland thúc đẩy các chỉ huy hiện trường của mình gây ra thương vong với tỷ lệ cao hơn. Ông khẳng định, thông qua việc thu thập tình báo được cải thiện và các chiến thuật sáng tạo, họ có thể ngăn chặn lực lượng Bắc Việt trốn thoát khi đối mặt với lực lượng Mỹ, như họ thường làm trong những tháng gần đây. Nhưng Westmoreland thiếu tự tin rằng những cải tiến như vậy là đủ. Vào cuối tháng 11, trong chuyến thăm của McNamara, ông đã đề nghị tăng quân số Mỹ lên 400.000 vào cuối năm 1966, cao hơn gần 50% so với đề nghị 270.000 mà ông đã đệ trình vào tháng 7. Ông nói, sự gia tăng này sẽ cho phép lực lượng đồng minh giữ thế chủ động, gây ra tổn thất lớn hơn cho kẻ thù và đảm bảo tiến bộ trong bình định. Westmoreland cảnh báo rằng ngay cả với mức tăng này, sức mạnh của kẻ thù vẫn có khả năng tăng từ 110 tiểu đoàn hiện tại

lên hơn 150 tiểu đoàn vào cuối năm 1966, và do đó có thể sẽ cần triển khai bổ sung tới 200.000 quân Mỹ vào năm 1967.¹²⁵

Sự gia tăng nhanh chóng không ngờ tới về số quân Bắc Việt và lời kêu gọi thêm quân Mỹ của Westmoreland đã đâm một mũi dáo vào hy vọng của Robert McNamara về việc kìm chế kẻ thù bằng cách kìm chế Hoa Kỳ. Lý thuyết «chiến tranh hạn chế» bị một đòn tàn khốc, một đòn mà nó sẽ không bao giờ phục hồi được. Trong chuyến bay trở về Hoa Kỳ, Bộ trưởng Quốc phòng trầm tư và đau khổ. Đến lúc này, ông đã từ bỏ quan niệm trước đây rằng Hoa Kỳ có thể chấp nhận cắt lỗ và rút khỏi Việt Nam sau khi thực hiện các cam kết quân sự ban đầu, có lẽ vì ông đã nhận ra mức độ thiệt hại mà nó sẽ gây ra cho uy tín và danh tiếng toàn cầu của nước Mỹ. Không còn là câu hỏi liệu có nên giữ quân Mỹ ở Việt Nam hay không, mà là liệu có đáp ứng yêu cầu của Westmoreland về bốn trăm nghìn người hay chấp nhận một mức tăng khiêm tốn hơn.

Đến khi trở về Washington, McNamara đã có câu trả lời. Ông sẽ phê chuẩn con số bốn trăm nghìn. Những lập luận của Westmoreland về lợi thế quân sự của việc tăng quân đã thắng thế so với bất kỳ lo ngại nào mà McNamara có thể có về hậu quả trong nước và quốc tế

của việc đào sâu cam kết của Mỹ. Trò chơi kiểm chế lẫn nhau đã thất bại, đã đến lúc cho một trò chơi leo thang lẫn nhau.

Khi các Tham mưu trưởng Liên quân nghe tin McNamara muốn tăng quân số lên bốn trăm nghìn vào cuối năm 1966, họ đã cảnh báo Tổng thống Johnson không nên phê chuẩn việc tăng quân trừ khi ông gọi các đơn vị dự bị của lực lượng vũ trang Hoa Kỳ. Được cấu thành từ những người Mỹ làm công việc dân sự trong tuần và huấn luyện vào cuối tuần, các đơn vị dự bị được thiết kế để cung cấp thêm nhân lực cho việc triển khai nhanh chóng ở nước ngoài trong thời chiến - chính loại triển khai đang được cân nhắc hiện nay. Trong lực lượng dự bị, các vị tướng lĩnh lưu ý, tồn tại những khả năng lãnh đạo quý giá và các kỹ năng kỹ thuật phải mất nhiều năm để phát triển. Lời cảnh báo vô hiệu trước Tổng thống Johnson, người vẫn phản đối việc gọi dự bị như hồi tháng 7 do lo sợ hỗn loạn chính trị.

McNamara, ít quan tâm đến mối lo ngại về nhân sự của các Tham mưu trưởng Liên quân hơn là mối quan tâm chính trị của Johnson, đã nghĩ ra một kế hoạch để có được bốn trăm nghìn quân mà không cần động đến lực lượng dự bị. Theo kế hoạch này, lực lượng vũ trang Hoa Kỳ sẽ tuyển thêm nhiều thanh niên Mỹ và triển

khai số lượng lớn sĩ quan và chuyên gia kỹ thuật có ít hoặc không có kinh nghiệm. Johnson vội vàng phê chuẩn kế hoạch này, khiến các tướng lĩnh phẫn nộ.

Như các Tham mưu trưởng Liên quân đã cảnh báo, việc thay thế lính nghĩa vụ và tình nguyện viên trẻ cho quân dự bị sẽ gây tổn hại nghiêm trọng đến chất lượng của lực lượng Mỹ ở Việt Nam, cũng như lực lượng Mỹ ở các nơi khác trên thế giới. Năng lực lãnh đạo chiến đấu sẽ chịu thiệt hại nhiều nhất. Lệnh cấm gửi lực lượng dự bị cũng ngăn quân đội Mỹ triển khai hầu hết các chuyên gia công tác dân sự của mình, những nhân sự có trình độ tốt nhất để tổ chức các hoạt động phi quân sự. Chỉ 1% lính công tác dân sự của Lục quân Hoa Kỳ từng phục vụ tại Việt Nam.¹²⁶ Tỷ lệ người Mỹ chết trong chiến đấu là lính nghĩa vụ sẽ tăng từ 16% năm 1965 lên 21% năm 1966 và 34% trong các năm 1967 và 1968.¹²⁷

Trong khi các Tham mưu trưởng Liên quân thua trận chiến về lực lượng dự bị vì chính trị trong nước, họ sẽ thua trận chiến lớn tiếp theo với giới lãnh đạo dân sự vì bất đồng về chính sách đối ngoại và chiến lược quân sự. Cuộc tranh cãi của họ với McNamara và Johnson về các hành động chống lại Bắc Việt Nam đã lên đến đỉnh điểm vào cuối năm trong một trong số ít các cuộc họp giữa các Tham mưu trưởng Liên quân và tổng thống.

Cuộc gặp đáng chú ý này sẽ được mô tả chi tiết ba thập kỷ sau bởi một trợ lý của một trong các vị Tướng, Thiếu tá Charles G. Cooper, người tình cờ đang giữ một tấm bản đồ gỗ dán lớn cho nhóm vì nhân viên của Johnson không cung cấp giá vẽ.

Đứng trước tấm bản đồ, các tướng lĩnh trình bày lập luận của họ cho các hành động quân sự mạnh mẽ hơn chống lại Bắc Việt Nam. Các Tướng nói với tổng thống rằng nếu được thực hiện kịp thời, những biện pháp này sẽ buộc Bắc Việt Nam phải ngừng hoặc cắt giảm mạnh các hoạt động quân sự của họ ở Nam Việt Nam, và chúng sẽ không kích động một phản ứng quân sự lớn của Trung Quốc. Nếu Hoa Kỳ không thực hiện những biện pháp này, nó sẽ sa lầy vào một cuộc chiến kéo dài mà không có khả năng giành chiến thắng quyết định.

Sau khi nghe các Tướng, Johnson quay đi một phút, sau đó xoay lại và nổi cơn thịnh nộ với họ. Theo lời kể lại của Thiếu tá Cooper, Tổng thống Johnson «la hét những lời tục tĩu, ông ấy chửi rủa cá nhân họ, chế nhạo họ vì đã đến văn phòng của ông với ‘lời khuyên quân sự’ của họ.» Tổng thống «gọi họ bằng những cái tên bẩn thỉu - đầu cút, đồ ngu ngốc, lũ đạo mạo ngựa đít - và sử dụng ‘chữ F’ như một tính từ thoải mái hơn cả một Thủy quân lục chiến tại trại huấn luyện.» Johnson

nói rằng ông mới là người phải gánh vác sức nặng của thế giới tự do trên vai, và ông buộc tội họ «cố gắng đổ trách nhiệm cho Thế chiến III lên ông.» Để làm rõ thêm, Johnson hét lên, «Làm sao các người có thể làm ngơ những gì Trung Quốc có thể làm, lũ đ*** ngựa đít?»¹²⁸

Trên thực tế, các Tướng đã không bỏ qua những gì Trung Quốc có thể làm. Họ đã kết luận rằng Trung Quốc sẽ không chiến đấu với Hoa Kỳ trừ khi người Mỹ phát động tấn công vào lãnh thổ Trung Quốc. Người Trung Quốc đã nói như vậy vào tháng 1, tháng 5, tháng 7 và tháng 10 năm 1965, và cộng đồng tình báo Hoa Kỳ cũng đã tuyên bố điều tương tự vào tháng 9 năm 1965.¹²⁹ Từ những gì được biết về cuộc họp, các Tướng đã không đề cập đến những sự thật này với Johnson sau khi bị mắng mỏ.

Những tiết lộ thời hậu chiến từ phe Cộng sản sẽ làm tăng thêm sức nặng cho quan điểm rằng Trung Quốc sẽ không chiến đấu với người Mỹ trừ khi người Mỹ tấn công Trung Quốc. Vào một dịp vào mùa thu năm 1965, Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Lâm Bưu thông báo với các đồng chí Cộng sản Đông Nam Á rằng Trung Quốc không cần cung cấp nhiều viện trợ quân sự cho họ vì họ đang chiến đấu chống lại «những con hổ

giấy» mà có thể bị đánh bại thông qua chiến tranh du kích và «tự lực cánh sinh». ¹³⁰ Vào một dịp khác, Mao nói với Hồ Chí Minh rằng việc tăng viện trợ lớn của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam là không cần thiết vì chiến thắng của Bắc Việt Nam là không thể tránh khỏi.

131

Với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam đồng cấp, Hồ bày tỏ thất vọng với Trung Quốc vì đã làm Bắc Việt Nam thất vọng. Nhưng với thế giới bên ngoài, ông chỉ có lời khen ngợi dành cho người Trung Quốc. Khi được một nhà báo phương Tây chất vấn vào tháng 12 năm 1965 về mối quan hệ của đất nước ông với Trung Quốc, Hồ trả lời rằng các nhà tư bản đã bịa đặt ra ý tưởng về căng thẳng giữa Bắc Việt Nam và Trung Quốc để «lừa gạt nhân dân». Ông than thở rằng «vẫn còn nhiều người trong phương Tây, những người không hiểu rằng mối quan hệ mật thiết giữa các nước xã hội chủ nghĩa dựa trên các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.» Quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Trung Quốc, ông nói, là «mối quan hệ anh em thân thiết như môi với răng.» ¹³²

Sự bất mãn với người Trung Quốc rõ rệt hơn trong số các nhà lãnh đạo Bắc Việt trẻ hơn Hồ Chí Minh khoảng một hoặc hai thập kỷ, một nhóm bao gồm những thành

viên có ảnh hưởng nhất trong Bộ Chính trị. Bản thân họ không thù địch sẵn với người Trung Quốc, nhưng họ đã không dành nhiều thời gian như Hồ Chí Minh trong mối quan hệ đối tác thân thiết với người Trung Quốc, và cũng không thân thiết cá nhân với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Một số thành viên trong nhóm này bất bình với giới lãnh đạo Trung Quốc vì đã thúc giục Bắc Việt chiến đấu không ngừng nghỉ trong khi chính bản thân Trung Quốc không muốn đối đầu trực tiếp với Hoa Kỳ hay tăng viện trợ cho Bắc Việt. Theo một báo cáo mật của Đông Đức, những nhà lãnh đạo Bắc Việt này đã trở nên tin chắc rằng «người Trung Quốc sẵn sàng chiến đấu đến người Việt cuối cùng, nhưng ngoài ra thì họ bằng lòng để người Mỹ để họ yên.»¹³³

Các sử liệu Cộng sản thời hậu chiến cũng tiết lộ rằng hoạt động quân sự của Bắc Việt vào thời điểm này bị hạn chế bởi tình trạng thiếu hụt tiếp tế, thứ có thể được giảm bớt bằng viện trợ thêm từ Trung Quốc, và bị trầm trọng hóa bởi các hành động quân sự gia tăng của Mỹ. Để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh chính quy mang tính quyết định, người Bắc Việt đã đưa xuống đường mòn Hồ Chí Minh trong năm 1965 nhiều xe tải hơn hẳn so với những năm trước và vận chuyển 4.379 tấn vật tư xuống đường mòn trong năm 1965, vượt tổng cộng cho các năm 1959 - 1964, nhưng họ vẫn thua xa chỉ tiêu đặt

ra. Ném bom của Mỹ làm chậm lưu thông trên mạng lưới đường bộ, cũng như thời tiết ẩm ướt, biến các con đường thành bùn sâu đến mức lớp xe tải không thể bám được. Vùng B2, bao gồm nửa phía nam của Nam Việt Nam, lẽ ra phải nhận được 2.840 tấn vũ khí trong năm 1965 nhưng chỉ nhận được 880 tấn. Trên toàn quốc, tình trạng thiếu hụt tiếp tế thường xuyên ngăn cản các đơn vị lớn của Bắc Việt tiến hành các hoạt động tấn công.¹³⁴

Sau khi Johnson làm suy yếu các khuyến nghị của các Tổng Tham mưu trưởng về hành động quân sự gia tăng chống lại Bắc Việt, các tướng lĩnh chuyển trọng tâm sang Campuchia và Lào. Sự phụ thuộc của đối phương vào lãnh thổ Campuchia cho hậu cần, triển khai quân, và làm nơi ẩn náu trong trận chiến Ia Drang đã thuyết phục các Tổng Tham mưu trưởng cũng như Westmoreland về sự cần thiết phải tiến hành các hoạt động trên bộ tại Campuchia. Trong các thông điệp gửi tới các nhà hoạch định chính sách dân sự, các tướng lĩnh tìm kiếm sự cho phép cho các cuộc tam xâm nhập vào lãnh thổ Campuchia để chặn đứt các tuyến tiếp tế của Bắc Việt và phá hủy các cơ sở của Bắc Việt. Thiếu tướng Kinnard thậm chí còn đi xa hơn, kêu gọi đóng quân lực mặt đất của Hoa Kỳ tại Campuchia.¹³⁵

McNamara và các quan chức dân sự cao cấp khác đã thuyết phục Tổng thống Johnson loại trừ các hoạt động trên bộ ở Campuchia. ¹³⁶ Đại diện cho nhiều quan chức dân sự, William Bundy viện dẫn «thiếu bằng chứng thuyết phục rằng lãnh thổ Campuchia đang được sử dụng như một căn cứ chính hoặc tuyến đường xâm nhập chính.» ¹³⁷ Các nhà phân tích CIA cho rằng việc Bắc Việt xâm nhập tiếp tế qua Campuchia ít hơn đáng kể so với những gì các nhà phân tích tình báo quân sự Hoa Kỳ tin tưởng. ¹³⁸

Giới lãnh đạo dân sự cũng cho rằng các hoạt động vào Campuchia sẽ cản trở nỗ lực của họ trong việc duy trì thứ mà Bundy gọi là «bề ngoài trung lập của Campuchia», điều mà họ hy vọng sẽ ngăn cản hoạt động lớn hơn của Bắc Việt ở Campuchia. Để duy trì vẻ ngoài này, các nhà hoạch định chính sách ở Washington đã cấm quân đội nói với báo chí rằng lực lượng Bắc Việt đang hoạt động tại Campuchia. Các nhà phê bình nghi ngờ rằng lệnh cấm này cũng nhằm mục đích ngăn chặn việc khuấy động tâm lý điều hâu ở Hoa Kỳ. Dù thế nào đi nữa, những người Mỹ từng chiến đấu với quân Bắc Việt đóng tại Campuchia xem chính sách im lặng này là «không trung thực và đạo đức giả», theo lời Trung tá Hal Moore. ¹³⁹

McNamara ít bác bỏ hơn một chút đối với các đề xuất về hoạt động trên bộ của Mỹ ở Lào. Trước chiến dịch Ia Drang, Thiếu tướng Kinnard đã đề nghị đưa sư đoàn của ông vượt qua eo đất Lào để chặn các tuyến đường xâm nhập. Đề nghị của ông đã nhận được sự ủng hộ của Tổng tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ Harold K. Johnson, Phó Tổng tham mưu trưởng Lục quân Creighton Abrams, và Tướng Cao Văn Viên, chủ tịch Bộ Tổng tham mưu Liên quân Việt Nam Cộng hòa.¹⁴⁰ Làm tăng thêm tính đáng tin cậy của đề xuất là kết luận của một báo cáo đánh giá tình báo quốc gia đặc biệt rằng việc triển khai lực lượng lớn của Hoa Kỳ ở Lào dọc theo Quốc lộ 9 ít có khả năng châm ngòi cho sự can thiệp của Trung Quốc hoặc một sự gia tăng mạnh mẽ trong hành động quân sự của Bắc Việt.¹⁴¹

Các tướng lĩnh và nhà phân tích tình báo đã gây ấn tượng mạnh với McNamara. Vào ngày 3 tháng 11, ông thông báo với Johnson rằng các hoạt động trên bộ quy mô lớn có thể sớm được thực hiện ở Lào.¹⁴² Nhưng sau đó McNamara gặp phải sự phản đối từ vị tướng quan trọng nhất, Westmoreland. Vào cuối tháng 11, nhân viên của Westmoreland thông báo cho McNamara rằng việc chặn đường mòn Hồ Chí Minh bằng lực lượng mặt đất là khả thi nhưng sẽ mất một đến hai năm và ít nhất bốn sư đoàn rưởi cùng quân hỗ trợ, tổng cộng 100.000 đến

150.000 người. Với những yêu cầu đó, Westmoreland tuyên bố, một nỗ lực như vậy sẽ không «đại diện cho việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực sẵn có.»¹⁴³ Như vào tháng 7 năm 1965, Westmoreland đã bị thuyết phục bởi lập luận của Tướng DePuy rằng các hoạt động tìm - diệt trong nội địa Nam Việt Nam có thể gây thiệt hại cho đối phương lớn hơn so với các hoạt động trên bộ ở Lào.

Trong số người Mỹ, cuộc tranh luận nội bộ cuối cùng của năm liên quan đến việc tạm ngừng Chiến dịch Sấm Rền. Những người ủng hộ ca ngợi việc tạm dừng ném bom như một phương tiện để đưa Bắc Việt đến bàn đàm phán. Các đối tác Liên Xô hứa hẹn rằng một đợt tạm dừng mới sẽ thành công hơn đợt tạm dừng bảy ngày mà Tổng thống Johnson đã ra lệnh vào tháng Năm, thứ không thu được gì từ phía Bắc Việt ngoài sự giận dữ. Anatoly Dobrynin, đại sứ Liên Xô tại Hoa Kỳ, nói với người Mỹ rằng đợt tạm dừng tháng Năm đã thất bại vì thời gian ngắn ngủi của nó khiến Bắc Việt coi đó là một mảnh khước vụn vặt. Do đó, đợt tạm dừng mới nên kéo dài từ mười hai đến hai mươi ngày.

Mặc dù Hà Nội trên thực tế chưa bày tỏ sự quan tâm đến đàm phán, với Moscow hay với bất kỳ ai khác, Liên Xô hy vọng sẽ đưa hai bên đến bàn đàm phán bằng

cách thuyết phục cả hai rằng bên kia thực sự muốn hòa bình. Giới lãnh đạo Liên Xô muốn giảm bớt, nếu không loại bỏ, các hành động thù địch ở Việt Nam để ngăn Liên Xô bị cuốn sâu hơn vào một cuộc chiến ngày càng lớn. Liên Xô cũng ủng hộ việc tạm dừng vì, như Ngoại trưởng Liên Xô Andrei Gromyko nói với người đồng cấp Hungary, nó «sẽ cho các chuyên gia Nga đang làm việc tại Bắc Việt thời gian để củng cố hệ thống phòng không.»¹⁴⁴

McNamara cho rằng việc tạm dừng ném bom khó có thể khiến Bắc Việt đàm phán, nhưng ông vẫn ủng hộ nó vì ông tin rằng sự ngoan cố của Bắc Việt trước một đợt tạm dừng như vậy sẽ làm cho việc leo thang ném bom từng bước trong tương lai trở nên dễ chấp nhận hơn đối với dư luận Mỹ và quốc tế.¹⁴⁵ Các Tổng Tham mưu trưởng, Westmoreland, và Tướng Ulysses S. G. Sharp, Tư lệnh Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, cùng nhau phản đối việc tạm dừng. Theo quan điểm của họ, nó sẽ không kéo Hà Nội đến bàn hội nghị, và nó sẽ cho phép Bắc Việt củng cố hệ thống phòng không và giao thông vận tải của họ. Những lời phản đối tương tự xuất phát từ Henry Cabot Lodge, người mà Johnson đã đưa trở lại chức vụ đại sứ tại Nam Việt Nam vào cuối mùa hè vì địa vị cao của Lodge trong Đảng Cộng hòa, và bất chấp sự ghê tởm của tổng thống đối với nhiệm kỳ đại

sứ trước đây của Lodge.¹⁴⁶

Trong trường hợp này, Johnson thừa nhận rằng những phản đối của quân đội về sự hạn chế quá mức có một số giá trị. Trong khi thảo luận với McNamara vào ngày 17 tháng 12, Johnson tỉnh táo nhận xét rằng «các Tổng Tham mưu trưởng sẽ nổi điên khi chúng ta đề cập đến việc tạm dừng này.»

«Tôi có thể đổi đầu với các Tổng Tham mưu trưởng», McNamara trả lời. Trong một màn trình diễn đáng kinh ngạc về sự khinh thường của mình đối với các tướng lĩnh, McNamara nói thêm, «Chúng ta quyết định những gì chúng ta muốn và áp đặt nó lên họ.»

Chuyển sang công chúng, Johnson nhận xét, «Tôi không nghĩ ông có thể thuyết phục người dân Mỹ về mặt lợi ích của việc ngừng ném bom.» Tuy nhiên, sau đó ông cho rằng, việc tạm dừng Sấm Rền là vì lợi ích tốt nhất của người dân Mỹ vì chiến dịch không kích đang cản trở các cuộc đàm phán hòa bình.¹⁴⁷ Vài ngày sau, sau khi tiếp tục do dự, Johnson quyết định bắt đầu một đợt tạm dừng ném bom, với ngày bắt đầu là 24 tháng 12.

Tin tức về việc tạm dừng được chuyển đến Bắc Việt thông qua một loạt thông điệp của Liên Xô khuyên họ đàm phán với người Mỹ. Để tìm kiếm sự hợp tác của Bắc Việt, Liên Xô nói rằng nếu Hoa Kỳ không quan tâm đến các cuộc đàm phán có ý nghĩa, một lời đề nghị đàm phán của Bắc Việt sẽ chỉ nâng cao hình ảnh của Bắc Việt trong mắt Thế giới thứ ba. Hiện tại, Liên Xô đề cập, nhiều nước Thế giới thứ ba cảm thấy khó chịu vì sự không sẵn sàng đàm phán của Bắc Việt.¹⁴⁸

Các phái viên Xã hội chủ nghĩa và Cộng sản từ nhiều quốc gia khác cam đoan với các nhà lãnh đạo Bắc Việt rằng các cuộc đàm phán sẽ kết thúc thuận lợi cho Hà Nội. Tâm trạng chống chiến tranh gia tăng ở Hoa Kỳ, họ nói, sẽ đảm bảo thành công. Một đôi người cánh tả Ý đến thăm Hồ Chí Minh vào cuối năm đã giải thích rằng «phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam ở Hoa Kỳ bao gồm nhiều nhân vật chính trị quan trọng, như Thượng nghị sĩ J. William Fulbright và Thượng nghị sĩ Wayne Morse, và nhiều giáo sư và sinh viên.»

Người Bắc Việt không chấp nhận điều đó. Hồ nói với người Ý, «Chúng tôi sẵn sàng trải thảm đỏ và hoa rôm trên đường họ rút lui để cho người Mỹ rút đi. Nhưng nếu Mỹ không rút, thì chúng tôi phải đánh đuổi họ.» Phòng khi chưa chuyển tải được ý đó đủ mạnh mẽ, ông

nói thêm, «Với Johnson và McNamara, chỉ có hai lựa chọn : thả bom hoặc chúng tôi đá đất họ ra cửa.»¹⁴⁹

Việc tạm dừng ném bom được công chúng Mỹ đón nhận tốt hơn. Đa số người Mỹ sẵn sàng cho kẻ thù thêm một cơ hội để lùi bước trước khi leo thang Sấm Rền. Một cuộc thăm dò ý kiến người Mỹ vào cuối tháng 12 cho thấy 73% ủng hộ lệnh ngừng bắn tạm thời và 59% ủng hộ việc tạm dừng ném bom. Nó cũng cho thấy 61% số người được hỏi tin rằng nếu việc đình chỉ áp lực quân sự không mang lại đàm phán, đã đến lúc tiến hành «các cuộc ném bom toàn lực của Hoa Kỳ vào mọi góc ngách của Việt Nam.»¹⁵⁰

Vào cuối năm 1965, chưa đến 10% công dân Mỹ muốn Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam. Đa số ủng hộ chiến lược của chính quyền Johnson, và 28% muốn «mở rộng chiến tranh ra Bắc Việt với nguy cơ chiến tranh với Trung Quốc đỏ.»¹⁵¹ Mặc dù một vài cuộc biểu tình phản chiến đã diễn ra trong nửa cuối năm, chúng tạo ra nhiều thù địch hơn là đồng cảm, ngay cả trong số hầu hết những người Dân chủ tự do, những người sau này sẽ quay lưng lại với cuộc chiến. Một người Dân chủ tự do như vậy, Thượng nghị sĩ William B. Proxmire của Wisconsin, khẳng định rằng những người biểu tình đang truyền tải ấn tượng sai lầm rằng người dân Mỹ

phản đối chiến tranh và do đó đang khuyến khích kẻ thù. «Nếu những người tuân hành vì hòa bình này muốn hòa bình», Proxmire tuyên bố, «đóng góp tốt nhất mà họ có thể làm là gửi lời kêu gọi của họ đến những người Cộng sản.»¹⁵²

Đối với những người quan sát bình thường, chính trường Hoa Kỳ dường như đang trong giai đoạn trắng茫茫 của cuộc chiến vào cuối năm 1965. Tuy nhiên, một số thành viên trong chính quyền Johnson đã bắt đầu nhận thấy những dấu hiệu của sự bất mãn âm thầm với cách thức xử lý cuộc chiến của tổng thống, và họ đã cầu xin Johnson thay đổi hành vi để ngăn chặn một cuộc bất hòa. Sự im lặng của Johnson, họ cảnh báo, đang làm gia tăng nghi ngờ về sự trung thực của ông và ngăn cản sự ủng hộ của công chúng cũng như Quốc hội dành cho cuộc chiến củng cố đến mức sẽ vẫn vững chắc sau khi làn sóng nhiệt huyết ban đầu lắng xuống.

«Những người thực chất của đất nước đang ủng hộ vững chắc các hành động của chính phủ chúng ta», Maxwell Taylor nói với tổng thống vào ngày 27 tháng 12, nhưng «có nhiều chỉ trích rộng rãi rằng chính phủ không giải thích đầy đủ những gì đang diễn ra.» Taylor, cựu Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và đại sứ tại Nam Việt Nam, vừa hoàn thành một chuyến

đi khắp nước Mỹ trong vai trò hiện tại là cố vấn đặc biệt của tổng thống. «Thậm chí có một số nghi ngờ», ông nói thêm, «rằng chính phủ này đang giữ lại và có lẽ che giấu một số sự thật.»¹⁵³ Taylor và Jack Valenti, trợ lý đặc biệt của tổng thống, đã thúc giục Johnson phát biểu nhiều lần trên truyền hình để cho người dân Mỹ biết lý do tại sao Hoa Kỳ cần chiến đấu ở Việt Nam.

Johnson không đề ý đến họ. Sẽ không có những bài phát biểu khuấy động hay những buổi trò chuyện bên lò sưởi, không có các bài diễn văn truyền hình hay các cuộc họp báo của Nhà Trắng. Valenti sau này nói rằng ông tin rằng Johnson giữ im lặng vì sợ rằng việc kích động đất nước cho chiến tranh sẽ làm cạn kiệt năng lượng dành cho các chương trình đối nội của ông.¹⁵⁴

Tại Bắc Việt Nam, nơi sự bất đồng chính kiến dẫn đến tù đầy hoặc tệ hơn, các nhà lãnh đạo quốc gia không phải lo lắng về dư luận vào cuối năm 1965, nhưng họ phải lo lắng về một tình hình quân sự đã chuyển từ rất hứa hẹn sang cực kỳ đáng thất vọng trong vòng vài tháng. Những nỗ lực của Quân đội Bắc Việt nhằm khắc chế lợi thế về hỏa lực và khả năng cơ động của Mỹ bằng sự lén lút và ưu thế chiến thuật đã thất bại đồng loạt và với cái giá rất đắt. Mặc dù chính quyền Sài Gòn đã làm được ít để tái thiết lập quyền lực của mình ở các làng bên ngoài

Đồng bằng sông Cửu Long, sự kiểm soát của Cộng sản đối với dân cư nông thôn đã bắt đầu suy giảm trên diện rộng khi những thành công quân sự của Mỹ và Nam Việt Nam dập tắt niềm tin của nông dân vào một chiến thắng không thể tránh khỏi của Bắc Việt và đẩy nhanh làn sóng di cư từ các làng quê đến các trung tâm đô thị.

Hơn nữa, các đồng minh của Hà Nội đã tỏ ra rất đáng thất vọng. Trung Quốc nói với người Bắc Việt rằng họ không cần nhiều viện trợ, và Liên Xô tiếp tục thúc giục họ tham gia vào các cuộc đàm phán hòa bình mà họ cho là còn quá sớm. Những lời cầu xin của Liên Xô với người Mỹ đã tạm thời xóa sổ bầu trời Bắc Việt khỏi máy bay Mỹ, nhưng những máy bay ném bom sẽ trở lại trừ khi Hà Nội nhượng bộ.

Giống như Tướng Westmoreland, các nhà lãnh đạo quyền sự Bắc Việt Nam đã buộc phải lựa chọn một chiến lược ưu tiên tiêu hao sinh lực địch. Cả hai bên đều không biết cần bao nhiêu thời gian để đánh bại phe kia. Người Mỹ hy vọng rằng thời gian trôi qua sẽ cho phép người Nam Việt Nam lấy lại sức mạnh, trong khi người Bắc Việt hy vọng rằng nó sẽ làm xói mòn ý chí của Mỹ.

Trong ngắn hạn, người Mỹ dự đoán ít có sự thay đổi trong cuộc chiến ngoài việc tăng quân số ở cả hai phe. Mặt khác, người Bắc Việt dự đoán một sự thay

đổi mạnh mẽ trong năm tới, một sự thay đổi không do họ tạo ra và cũng không hợp ý họ. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 12 của Đảng Cộng sản, được ban hành vào cuối năm 1965, đã sáu lần nêu rõ sự cần thiết phải chuẩn bị khẩn trương cho một cuộc xâm lược của Mỹ vào Bắc Việt Nam. Nghị quyết cũng nhấn mạnh tương tự về việc ra lệnh chuẩn bị cho các hoạt động mặt đất sắp tới của Mỹ chống lại Đường mòn Hồ Chí Minh.¹⁵⁵ Chắc chắn quốc gia hùng mạnh nhất thế giới sẽ sớm thực hiện những động thái chiến lược mang lại lợi ích rõ ràng như vậy.

Chương 4 - Một bước lùi

Tháng 1 - Tháng 2 năm 1966

Trong những ngày đầu tháng 1 năm 1966, chính quyền Johnson đã đẩy mạnh cái mà họ gọi là «cuộc tấn công hòa bình» của mình. Để đóng vai trò trung gian, họ đã chọn chính phủ Ba Lan, nơi cũng muốn kết thúc cuộc chiến nhiều như chính phủ Liên Xô. Averell Harriman, lúc này đang phục vụ Tổng thống Johnson với tư cách là đại sứ lưu động, đã thông báo cho các nhà ngoại giao Ba Lan rằng Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận hai điều kiện tiên quyết chính của Bắc Việt cho các cuộc đàm phán : cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng một ghế tại bàn đàm phán và đưa các nguyên tắc giải quyết chính của Hà Nội vào khuôn khổ đàm phán.

Người Ba Lan chuyển lời đề nghị này tới người Bắc Việt và khuyên họ nên đưa ra ít nhất một số dấu hiệu về sự sẵn sàng đàm phán. Nếu Hoa Kỳ thực sự tìm kiếm một thỏa hiệp thông qua đàm phán, các quan chức Ba Lan giải thích, thì người Bắc Việt có thể tham gia vào các cuộc đàm phán mà cuối cùng sẽ dẫn đến việc Mỹ rút quân. Nếu Hoa Kỳ chỉ đơn thuần sử dụng việc tạm dừng như một mưu kế để leo thang chiến tranh, thì sự cởi mở của Bắc Việt đối với đàm phán sẽ phơi bày sự

gian trá của Mỹ.

«Chúng tôi sợ rằng nếu các bạn bác bỏ những đề nghị này ngay lập tức, điều này sẽ dẫn đến một thất bại trên mặt trận chính trị của các bạn», Jerzy Michalowski của Bộ Ngoại giao Ba Lan nói với Phạm Văn Đồng, thủ tướng trên danh nghĩa của Bắc Việt Nam. «Dur luận quốc tế, những người tiến bộ và cộng sản ở phương Tây sẽ không hiểu các bạn. Cũng sẽ có sự thiếu hiểu biết về lập trường của các bạn trong số những người Mỹ không theo Cộng sản hiện đang đòi hỏi hòa bình.» Michalowski nói thêm rằng sự sẵn sàng đàm phán rút lực lượng Mỹ của Hoa Kỳ sẽ giảm dần theo thời gian khi đầu tư về tài nguyên và uy tín của Mỹ tăng lên.

«Chúng tôi yêu cầu độc lập, giải phóng miền Nam Việt Nam và thống nhất», Phạm Văn Đồng bắn lại. «Tôi không nghĩ rằng vào lúc này Hoa Kỳ đã sẵn sàng đi theo con đường hòa bình phù hợp với những yêu cầu hợp lý của chúng tôi.» Ông ta cho rằng người Mỹ đang có ý định leo thang chiến tranh. Các cuộc đàm phán sẽ đến sau, một khi những người Cộng sản đã khai thác triệt để những điểm yếu quân sự của Mỹ ở Nam Việt Nam và những điểm yếu chính trị của nó trong nước. Các đơn vị mặt đất của Mỹ «hiện đang bị lực lượng của chúng ta đánh tơi bời», Phạm Văn Đồng giải thích, dựa

rõ ràng trên những báo cáo sai lầm mà Hà Nội đã nhận được về những thành công quân sự của Bắc Việt chống lại lực lượng Mỹ.

Tại một cuộc gặp khác, Hồ Chí Minh nói với Michalowski, «Không ai tin rằng chúng ta là những kẻ xâm lược. Chưa ai từng nghĩ như vậy, ngay cả những người không phải là cộng sản.» Người Mỹ «đã bắt đầu cuộc chiến, vì vậy chính họ là những người phải xếp vali và rời đi.»

«Người Mỹ là những kẻ xâm lược hùng mạnh», Michalowski đáp. «Họ muốn cai trị đất nước của các bạn. Bởi vì họ mạnh, họ không muốn xếp vali và về nhà. Họ sẽ tiếp tục gửi thêm quân và thêm máy bay. Chúng tôi hiểu rõ khả năng quân sự của Mỹ. Ví dụ, họ có khả năng sản xuất 500 máy bay mỗi ngày ! Họ có một cỗ máy chiến tranh khổng lồ. Một cuộc chiến khủng khiếp sẽ tiếp diễn thêm năm năm nữa, mười năm nữa. Tại sao chúng ta không nên sử dụng các thủ đoạn chính trị để đạt được kết quả tương tự ? Rất có thể bây giờ Hoa Kỳ muốn rút lui dưới hình thức này hay hình thức khác.»

«Hoa Kỳ mạnh hơn Pháp», Hồ nhận xét, «nhưng ngày nay chúng ta mạnh hơn trước kia. Lịch sử của chúng ta đã chứng minh rằng chúng ta có những kẻ xâm lược có

công nghệ vượt trội hơn ta. Ngay cả khi họ gửi số quân gấp mười lần để chống lại chúng ta, cuối cùng họ chắc chắn sẽ bị đánh bại.»

Michalowski không phải là người dễ bị choáng ngợp bởi những dự báo viễn vông của một nhà cách mạng đáng kính. Ông đã chiến đấu trong Quân đội Ba Lan trong Thế chiến thứ hai và chứng kiến đất nước mình bị tàn phá bởi những trận chiến lớn giữa quân đội Đức và Nga. «Nếu chiến tranh kéo dài», ông nói với Hồ, «sẽ không còn ai để giải phóng.»¹⁵⁶

Khi ngày và tuần trôi qua mà không có phản ứng tích cực của Bắc Việt Nam đối với những đề nghị của Mỹ, sự chế nhạo về việc tạm ngừng ném bom đã vang dội khắp các hội trường của Lầu Năm Góc. Các Tổng Tham mưu trưởng viết hết bản ghi nhớ này đến bản ghi nhớ khác giải thích sự cần thiết phải nối lại Chiến dịch Sấm Rền. McNamara và các quan chức dân sự cấp cao khác muốn dành thêm thời gian cho những sự thăm dò ngoại giao, vì vậy họ phản công bằng các bản ghi nhớ coi thường Sấm Rền. Sáu tháng trước đó, McNamara đã ghi nhận sức mạnh không quân Mỹ trong việc đặt một trần giới hạn cho sự xâm nhập của quân Bắc Việt Nam, nhưng giờ đây ông lại miêu tả việc ném bom là không hiệu quả. Quân đội Bắc Việt Nam, rút cuộc, đã

thổi bay cái trần đó.¹⁵⁷ Trong một cuộc họp với Tổng thống Johnson, McNamara nhận xét, «Tôi đã nói với các Tổng Tham mưu trưởng rằng tôi sẽ khuyên nên nổi lại ném bom nếu các Tổng Tham mưu trưởng có thể chỉ cho tôi thấy chúng ta đang bị tổn hại như thế nào ở miền Nam. Họ không trả lời, điều đó rất đáng khích lệ.»¹⁵⁸

Tuyên bố đó, ít nhất, cũng là gây hiểu lầm. Các Tổng Tham mưu trưởng đã không đưa ra dữ liệu định lượng, nhưng họ cũng không im lặng. Các tướng lĩnh cho rằng quyết định khởi động lại Sấm Rền nên dựa trên khả năng xâm nhập của kẻ thù, chứ không phải bằng chứng không thể chối cãi về sự xâm nhập. Kinh nghiệm trong quá khứ, họ chỉ ra, đã cho thấy rằng những bằng chứng như vậy có thể không có sẵn cho đến khi các đơn vị Bắc Việt Nam mới xâm nhập bắn vũ khí của họ vào những người lính bộ binh Mỹ.¹⁵⁹

Việc McNamara hạ thấp tác dụng của Sấm Rền cũng vấp phải sự chỉ trích từ những người mà lời khuyên của họ được Johnson coi trọng hơn lời khuyên của các Tổng Tham mưu trưởng. Dean Rusk và Maxwell Taylor nói với tổng thống rằng việc ném bom đóng vai trò cản trở quan trọng đối với sự xâm nhập.¹⁶⁰ Từ Sài Gòn, Westmoreland và Lodge báo cáo rằng kẻ thù đang khai thác thời gian tạm ngừng bằng cách tích trữ vật tư và

tập trung lực lượng ngay phía bắc DMZ.¹⁶¹ Thiệu cũng nêu những điểm tương tự với Lodge và cầu nhàu rằng người Bắc Việt Nam đang ca ngợi việc tạm ngừng ném bom như một dấu hiệu của sự yếu kém của Mỹ và Nam Việt Nam.¹⁶²

Tại một cuộc họp vào ngày 25 tháng 1 giữa Johnson và các nhà lãnh đạo quốc hội Hoa Kỳ từ cả hai đảng, mọi thượng nghị sĩ và dân biểu ngoại trừ J. William Fulbright và Mike Mansfield đều thúc giục tổng thống nói lại và tăng cường ném bom. Các nghị sĩ từ các bang Trung Tây theo chủ nghĩa biệt lập, các bang Đông Bắc tự do, và các bang miền nam bảo thủ đã đoàn kết trong một cuộc biểu dương ý chí quốc gia đáng chú ý. Richard Russell của Georgia nói rằng việc tạm ngừng đã kéo dài quá lâu và rằng Hoa Kỳ «sẽ mất nhiều con trai vì hậu quả đó.» Với Tổng thống Johnson, người bạn lâu năm của mình, ông nói, «Vì Chúa, đừng bắt đầu ném bom nữa vội. Hãy để họ biết họ đang ở trong một cuộc chiến. Chúng ta đã giết thương dân trong Thế chiến thứ II và không ai phản đối nó. Tôi thà giết họ còn hơn để các chàng trai Mỹ chết. Làm ơn, ngài Tổng thống, đừng lùi một bước vào đó. Hãy đi đến cùng.» Nếu chính quyền chiến đấu với một tay sau lưng, «người dân Mỹ sẽ không chịu đựng nổi. Đây là một cuộc chiến không được ưa chuộng nhưng người dân muốn chúng ta thắng.»

Everett Dirksen của Illinois, với tư cách là lãnh đạo thiểu số tại Thượng viện, đã góp phần quan trọng trong việc giành được sự ủng hộ của Đảng Cộng hòa cho luật pháp về quyền dân sự của Johnson, nói với tổng thống «hãy vào để thắng. Nếu bây giờ chúng ta không thắng, hãy làm những gì cần thiết để thắng. Tôi không tin ngài có lựa chọn nào khác. Tôi tin đất nước sẽ ủng hộ ngài.»

Thượng nghị sĩ Bourke B. Hickenlooper của Iowa, một đảng viên Cộng hòa từng được bầu làm phó thống đốc bang vào năm 1939 với tư cách là người theo chủ nghĩa biệt lập và giờ bị đồng nghiệp gọi là «người theo chủ nghĩa biệt lập mới», tuyên bố, «Nếu chỉ liên quan đến Việt Nam, tôi sẽ rút ra. Nhưng chúng ta đang đối mặt với thế giới Cộng sản. Hoặc là rút ra hoặc là đánh bại họ. Tôi đã rất bồn chồn với việc ném bom nhẹ của chúng ta. Nếu chúng ta thắng, chúng ta phải triệt tiêu khả năng gây chiến của họ.»

«Chúng ta gặp rắc rối vì để những người Cộng sản tin rằng chúng ta yếu», Russell B. Long, thượng nghị sĩ Dân chủ từ Louisiana, nói. Cách duy nhất để ngăn chặn sự can thiệp của Trung Quốc, ông nói, là thuyết phục Trung Quốc rằng «chúng ta cũng sẽ đánh bại cô ấy. Trừ khi chúng ta cho họ biết chúng ta nhằm mạnh mẽ, và để thắng, chúng ta sẽ gặp rắc rối.»

Thượng nghị sĩ Leverett Saltonstall, một đảng viên Cộng hòa tự do từ Massachusetts, người từng là thống đốc bang đó từ năm 1939 đến 1945 và là thượng nghị sĩ kể từ đó, thúc giục Johnson leo thang mà không quan tâm đến phản ứng của Trung Quốc. «Tất cả bốn Tổng Tham mưu trưởng đều tin rằng người Trung Quốc sẽ không nhảy vào», ông nói. «Đó là một rủi ro phải chấp nhận. Ngài phải cho các chàng trai của chúng ta đầy đủ hỗ trợ.»

«Người dân Mỹ sẽ không theo sự do dự», L. Mendel Rivers của Nam Carolina, chủ tịch Dân chủ của Ủy ban Quân vụ Hạ viện, nói. «Thắng hoặc rút đi. Hãy để quân đội chọn mục tiêu. Ủy ban của tôi sẽ đi theo ngài.»¹⁶³

Tuy nhiên, ngay cả sự đồng thuận lưỡng đảng này cũng không thể thuyết phục Johnson từ bỏ con đường mà McNamara đã vạch ra. Tổng thống tiếp tục chờ đợi một phản ứng từ Bắc Việt Nam. Cuối cùng nó đã đến vào ngày 28 tháng 1, trong một chương trình phát thanh của Đài Phát thanh Hà Nội. Đọc từ một văn bản do Hồ Chí Minh soạn thảo, một quan chức đảng tuyên bố rằng Hoa Kỳ đã thực hiện việc tạm ngừng ném bom như một «trò lừa hòa bình giả tạo» nhằm đơn giản là «che giấu âm mưu leo thang chiến tranh xâm lược của mình.» Không thể bắt đầu đàm phán cho đến khi Hoa Kỳ thể

hiện thiện chí bằng cách «chấm dứt vĩnh viễn và vô điều kiện việc ném bom và tất cả các hành động chiến tranh khác chống lại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.»¹⁶⁴

Tổng thống Johnson đã triệu tập Hội đồng An ninh Quốc gia vào ngày hôm sau để tổng kết sau sự việc. Theo một bộ ghi chép tại cuộc họp, Rusk nhận xét, «Nỗ lực to lớn được thực hiện trong 34 ngày qua đã không mang lại kết quả gì - không chạy, không đánh, không lỗi.» Một người ghi chép khác ghi lại rằng Rusk nói, «Tôi đã thất bại hoàn toàn.»

Các Tổng Tham mưu trưởng nhanh chóng đưa ra các lập luận ủng hộ việc tăng cường ném bom. Tướng John Paul McConnell, Tổng tham mưu trưởng Không quân, nói với hội đồng, «Ném bom của chúng ta không hiệu quả vì các hạn chế đặt ra đối với Không quân. Chúng ta nên dỡ bỏ những hạn chế này và chúng ta sẽ có được kết quả.» Giám đốc CIA William F. Raborn đã hỗ trợ lập luận đó với một dự đoán rằng ném bom có thể cắt giảm một nửa số xe tải Bắc Việt di chuyển qua Đèo Mụ Giạ, con đèo được sử dụng nhiều nhất giữa Bắc Việt Nam và Đường mòn Hồ Chí Minh.¹⁶⁵

Tổng thống Johnson ra lệnh nối lại Chiến dịch Sấm Rền, nhưng không ở mức cao như các Tổng Tham mưu trưởng và các nhà lãnh đạo quốc hội đề nghị. McNamara

và các Cậu bé Kỳ diệu (Whiz Kids) của ông đã thuyết phục ông rằng ném bom cường độ cao hơn sẽ không tạo ra nhiều khác biệt. Kẻ thù, họ lập luận, có khả năng xâm nhập số lượng vật tư lớn hơn nhiều so với hiện tại, và do đó có thể chịu đựng thiệt hại lớn về khả năng hậu cần của họ. Theo số liệu thống kê của họ, người Bắc Việt Nam có khả năng xâm nhập từ 50 đến 300 tấn vật tư mỗi ngày tùy theo mùa, với mức trung bình hàng năm là 200 tấn mỗi ngày, tức là 73.000 tấn mỗi năm, hoặc hơn bảy lần ước tính của cộng đồng tình báo Hoa Kỳ về mức xâm nhập thực tế năm 1965. Họ cho rằng lực lượng Cộng sản ở miền Nam Việt Nam có thể giới hạn nhu cầu cung ứng bên ngoài của họ ở mức 140 tấn mỗi ngày bằng cách từ chối vượt ra ngoài chiến đấu «nhẹ». ¹⁶⁶

Các nhà phân tích của Westmoreland dự đoán nhu cầu cung ứng bên ngoài của Bắc Việt Nam cao hơn nhiều. Theo tính toán của họ, việc mở rộng sự hiện diện của quân Bắc Việt Nam ở miền Nam Việt Nam và hoạt động quân sự gia tăng do sự can thiệp của Hoa Kỳ sẽ đẩy nhu cầu của Bắc Việt Nam lên 260 tấn mỗi ngày vào năm 1966. Nếu người Bắc Việt Nam sử dụng khả năng chiến đấu của họ ở mức tối đa có thể, họ sẽ cần tới 317 tấn mỗi ngày. ¹⁶⁷ Nếu trần hậu cần của kẻ thù là 200 tấn mỗi ngày hoặc thậm chí 250 tấn mỗi ngày, thì bất kỳ

sự hạ thấp trần đó nào cũng sẽ làm giảm thời gian mà các đơn vị địch có thể tham chiến.

Hóa ra, tất cả người Mỹ đều đánh giá quá cao khả năng của hệ thống cung ứng Bắc Việt Nam. Trong năm 1966, Hà Nội sẽ chỉ xâm nhập 13.449 tấn trên Đường mòn Hồ Chí Minh, tức 37 tấn mỗi ngày, và thêm vài nghìn tấn nữa bằng đường biển qua cảng Sihanoukville của Campuchia. Người Bắc Việt Nam đã muốn xâm nhập gần gấp đôi số lượng này trong năm nhưng đã chứng minh là không thể vận chuyển được nhiều như vậy. Nói cách khác, không có công suất hậu cần dư thừa.¹⁶⁸

Số liệu thống kê được người Bắc Việt Nam công bố sau chiến tranh tiết lộ rằng ném bom của Mỹ đã làm giảm đáng kể trần cung ứng. Các cuộc không kích đã làm hư hại hoặc phá hủy một số lượng đáng kể xe tải và hàng hóa của chúng và làm chậm tốc độ giao hàng bằng xe tải bằng cách chặn các cầu, đèo và đường. Trong mùa khô 1965 - 1966, 42 phần trăm xe tải Bắc Việt Nam trên Đường mòn Hồ Chí Minh đã bị vô hiệu hóa, và các cuộc tấn công từ trên không là một nguyên nhân chính cùng với thời tiết và hỏng hóc cơ khí.¹⁶⁹

Đối với các chỉ huy Cộng sản ở phần lớn miền Nam Việt Nam, các vấn đề cung ứng đã đạt đến mức nghiêm trọng trong những tháng đầu năm 1966. Cả việc nhập khẩu vật tư từ miền Bắc lẫn việc thu thập lúa gạo ở miền Nam đều không theo kịp nhu cầu của lực lượng Bắc Việt Nam đang phát triển. Kế hoạch thành lập một Sư đoàn 6 mới vào đầu năm 1966 đã bị hủy bỏ do nguồn cung cấp lương thực và đạn dược không đủ.¹⁷⁰ Trong khi chuẩn bị cho một chiến dịch tấn công lớn ở Thung lũng A Sầu, một sư đoàn Bắc Việt Nam đã cạn kiệt gạo và phải vơ vét củ sắn (khoai mì) và các loại rễ cây rừng khó ăn khác để duy trì một chút hiệu quả chiến đấu.¹⁷¹

Trong khi Tổng thống Johnson phớt lờ lời khuyên của các cố vấn quân sự về việc mở rộng ném bom, ông lại sẵn sàng tiếp thu các đề nghị của họ về việc tăng quân số lớn hơn nữa. Tại một hội nghị ở Honolulu vào đầu tháng Hai, Johnson quyết định tăng quân số Hoa Kỳ ở Việt Nam lên 429.000 vào cuối năm 1966. Khi các Tổng Tham mưu trưởng nhận được tin về lời hứa của tổng thống, họ thông báo với McNamara rằng không thể cung cấp binh lính có kỹ năng kỹ thuật đầy đủ một cách nhanh chóng như vậy nếu không huy động lực lượng dự bị. Johnson từ chối nhượng bộ về vấn đề dự bị, vì vậy McNamara đã dời ngày đạt 429.000 từ cuối năm 1966 sang tháng 7 năm 1967.¹⁷²

Cuối tháng đó, McNamara thú nhận với Johnson rằng ông bắt đầu có những nghi ngờ nghiêm trọng về cuộc chiến. Ông đã đi đến kết luận rằng cơ hội chiến thắng quân sự chỉ là một trên ba, và do đó ông rất mong muốn một nền hòa bình thương lượng. Ông thậm chí sẵn sàng chấp nhận một chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam bao gồm một số người Cộng sản, tương tự như chính phủ ở Lào.

Những lời của McNamara khiến tổng thống hoàn toàn bất ngờ. Sau đó, Johnson nói với Rusk rằng tính toán một trên ba của McNamara đã làm ông choáng váng và rằng ông coi việc đưa người Cộng sản vào một chính phủ liên hiệp là «một lập trường rất nguy hiểm.»¹⁷³ Cả McNamara và Johnson đều biết rằng ở các quốc gia khác nơi những người Cộng sản đã tham gia cùng những người không phải Cộng sản trong các chính phủ liên hiệp, những người Cộng sản hầu như luôn luôn áp đảo những người không Cộng sản và nắm quyền kiểm soát hoàn toàn. Rõ ràng Johnson đã bác bỏ đề nghị về một chính phủ liên hiệp, vì McNamara không đề cập lại nữa.

Westmoreland, người dường như không biết về những ý tưởng mới của McNamara, vẫn tập trung vào thành công quân sự ở miền Nam Việt Nam. Kế hoạch chiến

dịch năm 1966 của ông kêu gọi thâm nhập vào các khu vực căn cứ của địch, tiêu diệt lực lượng địch lớn và bảo vệ các khu vực đông dân cư và các tuyến đường giao thông quan trọng của đất nước. Với số lượng lớn quân Mỹ hiện diện ở mọi vùng trù Đồng bằng sông Cửu Long, Westmoreland đã cho lính Mỹ truy lùng địch quanh các làng ven biển phía đông, dọc các vùng biên giới phía tây và gần khu phi quân sự ở cực bắc.¹⁷⁴ Các mục tiêu định lượng của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa trong năm bao gồm tăng tỷ lệ dân số trong các khu vực an toàn từ 50 lên 60 phần trăm, tăng tỷ lệ các con đường trọng yếu thông suốt từ 30 lên 50 phần trăm, và nâng thương vong của địch lên đến «điểm đảo chiều», điểm mà tổn thất của địch vượt quá số quân bổ sung.¹⁷⁵

Đầu năm 1966, ban tham mưu Lục quân Hoa Kỳ công bố một nghiên cứu có tựa đề «Chương trình Bình định và Phát triển Dài hạn Việt Nam», hay gọi tắt là PROVN, nghiên cứu này sau đó được trích dẫn như một lời buộc tội Westmoreland đã sao nhãng an ninh dân cư và các khía cạnh chính trị, xã hội, kinh tế của chiến tranh chống nổi dậy.¹⁷⁶ Trên thực tế, chiến lược được PROVN đề xuất khác biệt rất ít so với chiến lược của Westmoreland. Cả hai đều nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp chiến tranh quy ước với chiến tranh chống nổi dậy.¹⁷⁷

Cam kết của Westmoreland đối với chiến tranh chống nổi dậy, trên mọi khía cạnh, tiếp tục được chứng minh bằng hành động của ông. Vào tháng 1, Westmoreland đã đảm bảo được sự hợp tác của chính phủ Việt Nam Cộng hòa trong việc nâng cao chương trình Cán bộ Phát triển Nông thôn và biến nó thành trung tâm của chiến tranh chống nổi dậy. Được thành lập vào cuối năm 1965 bằng cách hợp nhất hai chương trình thí điểm thành công của CIA, chương trình Cán bộ Phát triển Nông thôn đào tạo những người đàn ông từ hai mươi một đến hai mươi chín tuổi trong mười hai tuần tại một cơ sở do CIA hỗ trợ ở Vũng Tàu và sau đó triển khai họ về các tỉnh quê hương. Các đội năm mươi chín người đi vào các ấp để thực hiện các nhiệm vụ quân sự, chính trị, xã hội và kinh tế mà các dân vệ ấp chiến lược trước đây đã làm, từ huấn luyện lực lượng tự vệ đến tổ chức các cuộc mít - tinh chính trị đến việc cấp phát thẻ căn cước. Kế hoạch ban đầu kêu gọi đào tạo 19.000 Cán bộ mỗi năm, trong đó 4.500 người đầu tiên sẽ tốt nghiệp vào ngày 21 tháng 5.¹⁷⁸ Trong những giai đoạn đầu, chương trình Cán bộ Phát triển Nông thôn nhận được những lời khen ngợi gần như ngỡ là sự hưng phấn từ một số quan chức Mỹ, đặc biệt là những người tin rằng việc sử dụng sáng suốt các công cụ phi quân sự là chìa khóa để xoay chuyển cuộc chiến. Một số người nhiệt thành này đã

thúc đẩy tăng sản lượng hàng năm lên 39.000 cán bộ.¹⁷⁹

Điểm bất đồng chính giữa nghiên cứu PROVN và Westmoreland là mức độ can thiệp của Mỹ vào chính phủ Việt Nam Cộng hòa. PROVN ủng hộ sự tham gia nhiều hơn của Mỹ vào hoạt động hàng ngày của chính phủ và có ảnh hưởng lớn hơn đến các cuộc bổ nhiệm lãnh đạo. Westmoreland tin rằng những biện pháp như vậy sẽ cản trở sự phát triển năng lực của Việt Nam Cộng hòa và khiến Hoa Kỳ phải chịu trách nhiệm về mọi thứ.¹⁸⁰ Ông thúc giục người Việt Nam Cộng hòa thực hiện cải cách và đưa ra quyết định tốt hơn, nhưng không dùng đến các biện pháp mạnh tay khi họ phớt lờ lời khuyên của ông.¹⁸¹

Chiến lược quân sự của Bắc Việt năm 1966 cũng nhấn mạnh vào việc tiêu diệt lực lượng quy ước của phe đối lập thông qua các hoạt động tấn công không kém gì Westmoreland. «Nếu chúng ta muốn giữ thế phòng ngự, chúng ta nên rút về Ấn Độ», Lê Đức Thọ, một trong những thành viên có ảnh hưởng nhất của Bộ Chính trị Bắc Việt nhận xét. «Trong mùa khô này, nếu chúng ta không tấn công kẻ thù, hẳn sẽ tấn công chúng ta. Do đó, chúng ta phải cố gắng bằng mọi cách để giữ thế chủ động tấn công.»¹⁸² Các chỉ huy Cộng sản được lệnh phát động tấn công «khắp nơi», điều được kỳ vọng

sẽ làm tăng tính dễ bị tổn thương của người Mỹ và Việt Nam Cộng hòa bằng cách buộc họ phải phân tán lực lượng và chiến đấu bên ngoài sự bảo vệ của các vị trí phòng thủ đã được thiết lập.¹⁸³

Đối với năm 1966, Hà Nội đặt mục tiêu gây ra năm mươi nghìn thương vong cho người Mỹ. Đạt được mục tiêu đó sẽ đòi hỏi tỷ lệ thương vong thực tế của Mỹ trong năm tháng cuối năm 1965 phải tăng gấp ba, mặc dù không đòi hỏi mức tăng như vậy nếu dựa vào các báo cáo phóng đại của Bắc Việt về thương vong của Mỹ trong thời kỳ đó. Các mục tiêu thậm chí còn cao hơn được đặt ra cho lực lượng Việt Nam Cộng hòa, với mục tiêu làm cho họ trở nên quá yếu để không thể bảo vệ chính phủ Sài Gòn khi người Mỹ chán chiến và rút về nước.¹⁸⁴

Đảng ủy Quân sự Trung ương chỉ định những khu rừng núi ở Tây Nguyên và các tỉnh phía bắc Sài Gòn là những chiến trường chính cho năm 1966. Các hoạt động tấn công sẽ dâng cao trong ba «đợt», mỗi đợt kéo dài hai tháng, với ngày bắt đầu vào tháng Hai, tháng Bảy và tháng Mười. Các hoạt động sẽ tiếp tục ở mức độ ít căng thẳng hơn trong những tháng khác. Để cung cấp lực lượng cho các cuộc tấn công này, ủy ban đã gửi mười hai trung đoàn bộ binh, ba trung đoàn pháo binh

đã chiến và nhiều đơn vị nhỏ hơn từ Bắc vào Nam. Người Bắc Việt giữ lại một số sư đoàn ở Bắc Việt Nam để sử dụng chống lại cuộc xâm lược của Mỹ vào Bắc Việt Nam hoặc Lào.¹⁸⁵

Với việc cả lực lượng vũ trang Mỹ và Bắc Việt đều chủ ý thực hiện các cuộc tấn công lớn, năm 1966 dường như được định sẵn cho một loạt các cú đâm móc lên và đâm vòng. Thế nhưng, những tháng đầu năm lại không thấy bên nào ra nhiều đòn. Do thiếu lương thực và các nhu yếu phẩm khác, hầu hết các trung đoàn Quân đội Bắc Việt đã dành những tháng đầu năm 1966 ngồi yên bên trong Lào, Campuchia, miền nam Bắc Việt Nam, hoặc tại các căn cứ bí mật ở những vùng xa xôi của Nam Việt Nam.¹⁸⁶ Khi quân Mỹ tiến vào các vùng núi và rừng rậm để tìm trận, quân Bắc Việt hiếm khi chiều theo ý họ. Một số trận đánh lớn, và các hoạt động quấy rối nhiều hơn hẳn của Bắc Việt, tập trung ở các vùng đông dân cư của đất nước, nơi lực lượng Bắc Việt đã đến để tìm kiếm lương thực.

Trong những tháng đầu năm 1966, quân đội Mỹ đã đẩy mạnh nỗ lực xác định vị trí lực lượng Bắc Việt bên trong Nam Việt Nam bằng các phương tiện công nghệ tiên tiến. Kết quả khiến người Mỹ vô cùng thất vọng. Theo trưởng phòng tình báo của Westmoreland, radar

trên không và các thiết bị hồng ngoại được cho là để tìm ra quân địch ẩn náu dưới tán lá rậm rạp hóa ra lại «gần như vô dụng». Một thiết bị mới trên không, gọi là «máy đánh hơi người» (people sniffer), ban đầu tỏ ra hứa hẹn. Được trực thăng mang bay trên các khu rừng rậm, nó có thể phát hiện nước tiểu người qua cả tán rừng dày đặc nhất. Tuy nhiên, người Bắc Việt sớm biết được sự đổi mới này và đã phá hoại nó bằng cách treo những xô nước tiểu ở bất cứ nơi nào họ đi.¹⁸⁷

Tại Quân đoàn III, lực lượng Hoa Kỳ bắt đầu năm mới với các cuộc tấn công phá hoại xung quanh Sài Gòn và dần dần mở rộng bán kính hoạt động. Khoảng 4.600 quân địch ước tính ở khu vực lân cận thủ đô và 39.000 quân khác được cho là trong vòng tám mươi cây số đã rút lui, không muốn giao chiến.¹⁸⁸ Các đơn vị Bắc Việt bỏ chạy khỏi các khu vực căn cứ ngay cả khi điều đó có nghĩa là bỏ lại một lượng lớn vật tư.¹⁸⁹

Nơi duy nhất ở Quân đoàn III mà Cộng sản chọn đứng lại và chiến đấu là hành lang thâm nhập bắc - nam của họ ở tỉnh Bình Dương. Đối với lãnh đạo Hà Nội, hành lang này có giá trị chiến lược quá lớn để tự nguyện nhượng bộ. Cuộc chạm trán lớn đầu tiên xảy ra trong Chiến dịch Rolling Stone, bắt đầu vào ngày 11 tháng 2. Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn Bộ binh số 1 Hoa Kỳ

thực hiện thành phần tìm - diệt của Rolling Stone trong khi Tiểu đoàn Công binh số 1 của sư đoàn sửa chữa các con đường gần Quốc lộ 13. Gần như ngay lập tức, các thành trình sát thuộc Sư đoàn 9 Quân đội Bắc Việt đã phát hiện Chiến dịch Rolling Stone, nhưng chỉ huy sư đoàn, Hoàng Cam, đã tránh tiếp xúc trong hai tuần. Ông quyết định chờ cho đến khi quân Mỹ mắc sai lầm bất cẩn, chẳng hạn như nán lại gần địa hình rừng rậm nơi quân của ông có thể tập trung, trước khi tấn công họ bằng toàn bộ sư đoàn.

Việc xác định một cơ hội tấn công tối ưu tỏ ra khó khăn hơn so với dự đoán của Hoàng Cam. Ông muốn tấn công vào ban đêm hoặc lúc bình minh, nhưng trinh sát Bắc Việt nhận thấy rằng quân Mỹ thay đổi hình dạng, quy mô và vị trí của các tuyến phòng thủ của họ vào nửa đêm, vì vậy một cuộc tấn công trong những giờ đó có thể đánh vào nhầm chỗ hoặc khiến quân tấn công hứng chịu hỏa lực từ các cứ điểm vô hình. «Họ không dùng phép thuật để che giấu vị trí của mình», Hoàng Cam kể lại, «nhưng kẻ thù quả thật rất xảo quyệt.»

Ngày qua ngày, quân Mỹ không tự đặt mình vào những vị trí đặc biệt dễ bị tổn thương. Sự bức bối của Hoàng Cam tăng lên, người không thể chờ đợi vô thời hạn do nguồn cung lương thực hạn chế của sư đoàn.

Cuối cùng ông phải lựa chọn giữa việc rút đi tay không hoặc tấn công trong những điều kiện không lý tưởng. Ông chọn phương án sau.

Một cơ hội nào đó đã xuất hiện vào ngày 23 tháng 2, khi trinh sát Bắc Việt nhìn thấy một lực lượng Mỹ lớn đang dừng chân qua đêm trong một cánh đồng bằng phẳng. Tối hôm đó, Hoàng Cam ra lệnh cho sư đoàn của mình chuẩn bị cho một cuộc tấn công ban đêm. Quân Bắc Việt sẽ phải đối mặt với cả những khó khăn vốn có của các hoạt động ban đêm và những bất lợi vốn có của địa hình trống trải, nhưng họ sẽ có ưu thế về số lượng, và quân Mỹ sẽ chỉ có vài giờ để thiết lập hệ thống phòng thủ dã chiến trước khi lực lượng địch xuất hiện trước cửa.

Vào lúc 01:45 sáng ngày 24 tháng 2, toàn bộ vũ khí của sư đoàn Bắc Việt bắt đầu một trận pháo kích kéo dài. Chìm ngập trong những tia chớp và vụ nổ, những người lính Mỹ đóng tại các trạm gác bên ngoài hàng rào đã cố gắng rút vào bên trong tuyến phòng thủ. Bộ đội Bắc Việt đang tiến lên lao vào chặn đứng họ và giết chết những người bị bắt.

Lực lượng Mỹ đã đóng trại trên cánh đồng bao gồm một tiểu đoàn bộ binh được tăng cường, một đại đội kỵ binh thiết giáp và ba khẩu đội pháo binh. Trong giai

đoạn mở đầu của trận chiến, những người Mỹ trong các đơn vị này ước tính họ đang bị tấn công bởi năm tiểu đoàn Bắc Việt, với khoảng từ 1.500 đến 1.800 người. Con số thực tế tham gia vào cuộc tấn công ban đầu có thể gần với ước tính đó, nhưng lực lượng tấn công bao gồm toàn bộ Sư đoàn 9, có quân số gấp khoảng ba lần.

Ở khoảng cách khoảng bảy mươi lăm mét so với tuyến phòng thủ chính của Mỹ, bộ đội Bắc Việt tập hợp thành từng nhóm ba mươi đến bốn mươi người, sau đó cùng nhau xông lên. Lính bộ binh Mỹ giao chiến với họ bằng hỏa lực tự động và bán tự động trong khi xe tăng và xe bọc thép chở quân Mỹ bắn ra những viên đạn mạnh hơn. Pháo thủ Mỹ bên trong tuyến phòng thủ bắn một số khẩu pháo của họ ở góc cao để đánh vào các khu vực tập kết của Bắc Việt và hạ những khẩu khác xuống song song với mặt đất để bắn trực tiếp vào quân tấn công.

Với đạn và mảnh đạn Mỹ xé nát không khí khắp cánh đồng, từng nhóm tấn công của Bắc Việt lần lượt bị xé nát. Quân Bắc Việt tràn ngập một số hố cá nhân ngoài cùng của Mỹ, nhưng họ không bao giờ thâm nhập được vào các tuyến phòng thủ chính. Lúc 06:45, sau năm giờ tấn công vô ích, Hoàng Cam ra lệnh cho sư đoàn rút lui. Mười lăm phút sau, bộ binh và kỵ binh thiết giáp Mỹ

tiến ra từ tuyến phòng thủ trong một cuộc phản công. Tuy nhiên, Sư đoàn 9, vào thời điểm đó rút lui trên các tuyến đường được che giấu, và chỉ một số ít người của họ bị những người truy đuổi bắt giữ.

Sau đó, người Mỹ tìm thấy 142 thi thể địch trên chiến trường, và họ ước tính rằng thêm 250 người khác đã bị giết. Việc thống kê thương vong trở nên phức tạp do sự hiện diện của những người dân thường gánh vác trong hàng ngũ địch. «Những thường dân tội nghiệp», một nhà quan sát nhận xét. «Việt Cộng buộc họ phải mang đạn dược và vật tư cho họ và đi cùng họ như những người gánh vác. Vì vậy, một số lượng lớn phụ nữ và thanh thiếu niên cũng bị hạ gục.» Tổn thất của Mỹ là 11 người chết và 74 người bị thương.¹⁹⁰

Thất bại của cuộc tấn công này không ngăn được Hoàng Cầm ra lệnh thực hiện một cuộc tấn công khác vài ngày sau đó. Lần này, con mồi dự định của Sư đoàn 9 là tiểu đoàn 2/28 thuộc Sư đoàn Bộ binh số 1 Hoa Kỳ, đang có mặt ở Bình Dương cho Chiến dịch Cocoa Beach. Quân Mỹ đã đóng trại trên một cánh đồng trồng mà đất cứng đến mức không thể đào được bằng các công cụ đào công sự. Hoàng Cầm không viết về trận chiến này trong hồi ký của mình, vì vậy người ta chỉ có thể suy đoán rằng ông ta chọn tấn công vì mong đợi

rằng người Mỹ sẽ phải trải qua đêm mà không có sự bảo vệ của các hố cá nhân và hố vũ khí.

Hóa ra, chỉ huy tiểu đoàn Mỹ đã gửi một yêu cầu về cuộc và xẻng vào chiều hôm đó, và những công cụ này được chuyển đến đủ nhanh để binh lính có thể đào xuống đất trong đêm. Khi Trung đoàn 272 của Quân đội Bắc Việt tấn công vào sáng hôm sau, những hố đào đã cung cấp cho người Mỹ sự bảo vệ cần thiết để đẩy lùi cuộc tấn công với tổn thất nhẹ. Người Mỹ sau đó phản công bằng cách đưa một tiểu đoàn khác, thuộc Lữ đoàn 1/16 Bộ binh, vào phía sau trung đoàn Bắc Việt. Bất lực lượng Bắc Việt mất cảnh giác, những người lính của Lữ đoàn 1/16 Bộ binh đã biến cuộc rút lui của Bắc Việt thành một cuộc tháo chạy tán loạn. Những người lính Mỹ trên mặt đất tìm thấy 199 thi thể địch, và các quan sát viên trên không ước tính rằng ít nhất 300 người khác đã bị giết. Tổn thất của Mỹ là 15 người chết và 15 người bị thương.¹⁹¹

Ở Tây Nguyên, quân Bắc Việt chỉ thỉnh thoảng tấn công lực lượng Việt Nam Cộng hòa trong phần đầu năm 1966, và họ cẩn thận tránh giao chiến với các đơn vị Mỹ. Những cuộc tấn công lớn sẽ chờ đến khi mùa mưa bắt đầu vào tháng Năm, khi mây mưa sẽ cản trở khả năng cơ động và hỗ trợ không quân tầm gần của

Mỹ. Lực lượng Mỹ ở Quân khu II chỉ có thể đưa các lực lượng địch lớn vào trận chiến hai lần trong những tháng đầu năm, điều mà họ đạt được bằng cách nhắm vào các hoạt động thu gom lúa gạo của Bắc Việt tại các làng gần bờ biển.

Trong Chiến dịch Van Buren, bắt đầu vào ngày 19 tháng 1, các thành phần thuộc Sư đoàn Nhảy dù 101 Hoa Kỳ, Lữ đoàn Thủy quân lục chiến Hàn Quốc số 2, và Trung đoàn 47 Quân đội Việt Nam Cộng hòa tiến vào thung lũng Tuy Hòa của tỉnh Phú Yên để tìm và tiêu diệt Trung đoàn 95 Quân đội Bắc Việt. Không muốn từ bỏ lúa gạo của thung lũng, Trung đoàn 95 liên tục cào xé những kẻ xâm nhập. Trong địa hình trống trải, trung đoàn chứng kiến móng vuốt của mình bị hỏng nặng nề bởi sức mạnh không quân Mỹ. Lực lượng Đồng minh ước tính đã giết 679 quân Bắc Việt, bắt giữ 49 người, và khiến 177 người đào ngũ. Với ít người còn khả năng chiến đấu, Trung đoàn 95 chia thành các nhóm nhỏ và di chuyển về phía núi. Phía Mỹ chịu 55 người chết và 221 người bị thương.¹⁹²

Cuộc đối đầu lớn khác diễn ra trên các đồng bằng màu mỡ của phía bắc tỉnh Bình Định. Vào cuối tháng 1, các tiểu đoàn Mỹ và Việt Nam Cộng hòa đã cùng nhau hoạt động trong khu vực này cho một chiến dịch tìm và diệt

ban đầu được đặt tên là Chiến dịch Masher nhưng sau đó được đổi tên thành Chiến dịch White Wing (Cánh Trắng) do lo ngại rằng tiêu đề ban đầu nghe có vẻ quá tàn bạo. Các Trung đoàn 2, 12 và 22 của Sư đoàn 3 «Sao Vàng» thuộc Quân đội Bắc Việt gần đây đã chiếm các vị trí gần tuyến đường huyết mạch Bắc - Nam Quốc lộ 1 và đang chuẩn bị tấn công các thị trấn huyện lỵ Bồng Sơn và Phù Mỹ.¹⁹³ Sư đoàn Sao Vàng chưa sẵn sàng để thực hiện cuộc tấn công của mình thì đã bị Chiến dịch White Wing tấn công bất ngờ.

Sư đoàn Kỵ binh số 1 Hoa Kỳ, Sư đoàn 22 Quân đội Việt Nam Cộng hòa, và sáu tiểu đoàn Nhảy dù Việt Nam Cộng hòa bắt đầu giai đoạn đầu tiên của Chiến dịch White Wing vào ngày 28 tháng 1. Lữ đoàn 3 của Sư đoàn Kỵ binh số 1 nhanh chóng tìm thấy Trung đoàn 12 Quân đội Bắc Việt trên đồng bằng Bồng Sơn ven biển, phía bắc thị trấn Bồng Sơn. Trong một tuần, hai đơn vị giành giật quyền kiểm soát đồng bằng và các làng mạc của nó. Người Mỹ nghe nói rằng người dân Đồng bằng Bồng Sơn đã nằm dưới sự kiểm soát của Cộng sản trong phần lớn thời gian chiến tranh và sẽ cực kỳ thù địch. Tuy nhiên, khi vào các thôn xóm, những người lính Mỹ thấy cư dân ở đây là những kẻ cơ hội, những người sẽ cung cấp thông tin cho người Mỹ tương xứng với sức mạnh của lực lượng Mỹ trong khu vực

của họ.

Quân đội Mỹ cũng học được, như Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã học được trong trận Ấp Bắc năm 1963, rằng một lực lượng đối phương cố thủ trong các thôn xóm được bao quanh bởi ruộng lúa có thể gây ra những tổn thất tàn khốc cho những người lính bộ binh tấn công. Giống như người Việt Nam Cộng hòa trước đó, người Mỹ quyết định dội bom đạn xuống các thôn xóm trước khi tiến vào, thay vì để binh lính của họ bị bắn tan xác khi lội qua những cánh đồng phẳng. Người Mỹ kêu gọi dân chúng sơ tán trước các cuộc tấn công lớn, và họ hạn chế sử dụng các cuộc không kích và pháo kích ở những nơi được cho là có thường dân, nhưng thương vong dân thường không thể tránh khỏi hoàn toàn.

Cán bộ Cộng sản cáo buộc người Mỹ cố tình tàn sát dân chúng. Người Mỹ đổ lỗi cho cuộc tàn sát này là do thói quen của người Bắc Việt sử dụng nhà dân để che đậy và ẩn náu. Tuy nhiên, nhiều người Mỹ thấy cảnh đau khổ đó thật xáo trộn. Hal Moore, lúc này là chỉ huy Lữ đoàn 3 của Sư đoàn Kỵ binh số 1, kể lại : «Chính hỏa lực mạnh mẽ tương tự - pháo binh, không kích và ARA [pháo rocket trên không] - thứ đã cứu mạng chúng tôi ở Thung lũng Ia Drang không có dân cư, thì giờ đây, bất chấp những nỗ lực tốt nhất của chúng tôi, bắt đầu

gây ra cái giá phải trả là những thường dân vô tội bị giết và bị thương tật, làng mạc bị phá hủy, và gia súc bị giết.»¹⁹⁴

Khi kết thúc các cuộc giao tranh trên Đồng bằng Bồng Sơn, lũ đoàn của Moore báo cáo đã giết hơn 600 quân địch theo thống kê thi thể và bắt giữ 357 người. Trung đoàn 12 gần như đã bị tiêu diệt hoàn toàn, và gần như tất cả vũ khí hạng nặng của họ đã rơi vào tay người Mỹ. Tồn thất của Mỹ là 75 người chết và 240 người bị thương.

Vào giữa tháng Hai, khai thác thông tin thu thập được từ một chỉ huy tiểu đoàn Bắc Việt bị bắt, Lữ đoàn 2 của Sư đoàn Kỵ binh số 1 đã tấn công Trung đoàn 2 của Sư đoàn Sao Vàng về phía tây nam Đồng bằng Bồng Sơn, gần Thung lũng Kim Sơn. Ba tiểu đoàn Mỹ đã giao tranh với quân Bắc Việt trong vài ngày và sau đó thực hiện một cuộc rút lui nhanh chóng để máy bay B - 52 có thể trải thảm bom xuống khu vực. Được Boeing phát triển vào những năm 1950 để thả bom nguyên tử xuống Liên Xô từ độ cao lớn, chiếc B - 52 Stratofortress dài 160 feet (48,8m) và có sải cánh 185 feet (56,4m). Khoang bom khổng lồ của nó cho phép B - 52 mang tải trọng lớn hơn nhiều so với bất kỳ máy bay nào khác của Mỹ. Một đợt ném bom của B - 52 có khả năng đặc biệt

trong việc làm vô hiệu hóa sự bảo vệ mà các hồ cá nhân và hầm trú ẩn cung cấp trước các cuộc oanh tạc thông thường của Mỹ.

Hai đợt B - 52 lớn đã tấn công trung đoàn Bắc Việt vào cuối ngày, quá muộn để quân Mỹ có thể kiểm tra kết quả trước khi trời tối. Quân Bắc Việt đã chuyển đi một số xác chết của họ trong đêm đó, nhưng khi quân Mỹ tiến vào sáng hôm sau, họ vẫn tìm thấy 339 thi thể. Người Mỹ suy đoán rằng hàng trăm người khác đã bị mang đi, dựa trên các vết máu, bộ phận cơ thể và mùi hôi còn lưu lại.

Đối với toàn bộ Chiến dịch White Wing, Sư đoàn Kỵ binh số 1 tuyên bố đã giết 1.342 quân địch theo thống kê thi thể và ước tính tổn thất bổ sung của địch là 1.746 người chết và 1.348 người bị thương. Sư đoàn cũng bắt giữ 633 tù binh, một con số cao bất thường đối với một Quân đội Bắc Việt vốn huấn luyện binh lính chiến đấu đến chết. Quân đội Việt Nam Cộng hòa và lực lượng Hàn Quốc báo cáo đã giết 1.150 người trong các hoạt động của họ. Tình báo cho thấy năm trong số chín tiểu đoàn của sư đoàn Sao Vàng đã mất khả năng chiến đấu. Những người sống sót của sư đoàn chia thành các nhóm nhỏ và chạy về phía bắc và phía tây, điều này cho phép chính phủ Việt Nam Cộng hòa giành lại quyền kiểm

soát đối với 140.000 cư dân ven biển Bình Định và kiểm soát hơn 80% vụ thu hoạch lúa của Bình Định.¹⁹⁵

Ở Quân khu I, những tháng đầu năm 1966 chứng kiến binh lính Bắc Việt tràn từ núi rừng phía đông về phía bờ biển. Làn sóng này dày đặc nhất ở các tỉnh cực bắc Quảng Trị và Thừa Thiên, nơi lực lượng Bắc Việt tập trung cho một số cuộc tấn công vào các đơn vị quân đội và dân quân Việt Nam Cộng hòa.¹⁹⁶ Thủy quân lục chiến Mỹ, tập trung ở các vùng đất ven biển, ở quá xa để có thể giải cứu các lực lượng Việt Nam Cộng hòa bị bao vây. Tuy nhiên, một khi các báo cáo về những thất bại thảm khốc của Việt Nam Cộng hòa bắt đầu đến, Thủy quân lục chiến trở nên dễ tiếp thu hơn trước những lời thúc giục của Westmoreland về việc tiến vào nội địa.

Vào cuối tháng Một, Tướng Walt đã cử bốn tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ và Sư đoàn 2 ARVN (Quân lực VNCH) thực hiện một nhiệm vụ tìm và diệt ở vùng nông thôn hẻo lánh của tỉnh Quảng Ngãi. Được đặt tên là Double Eagle (Đại bàng kép), chiến dịch nhắm vào hai trung đoàn địch được cho là đang hoạt động trong khu vực. Thủy quân lục chiến gặp phải rất ít kháng cự khi đổ bộ, và khi họ tuần tra trên bộ, họ chỉ gặp những nhóm nhỏ binh lính địch. Sau ba tuần tiếp xúc nhẹ với địch, lực lượng Thủy quân lục chiến chuyển sang tỉnh

Quảng Tín cho Chiến dịch Double Eagle II, dựa trên tin tình báo cho thấy sự hiện diện của một trung đoàn địch. Double Eagle II, kéo dài đến cuối tháng Hai, cũng chỉ tạo ra những cuộc đụng độ nhỏ.

Việc thăm vắn tù binh tiết lộ rằng quân Bắc Việt đã nhận được cảnh báo trước về các hoạt động Double Eagle và đã chạy trốn trước khi Thủy quân lục chiến đến. Làm thế nào họ có được thông tin vẫn chưa được xác định ; nguồn tin có khả năng nhất là một gián điệp trong Quân đội Việt Nam Cộng hòa hoặc một đội nghe trộm radio của Bắc Việt. Tuy nhiên, Double Eagle I và II đã làm gián đoạn hoạt động của một số trung đoàn địch và giết chết 437 binh sĩ Bắc Việt đã được xác nhận, so với 27 Thủy quân lục chiến Mỹ thiệt mạng và 292 người bị thương.¹⁹⁷

Mặc dù trận chiến vẫn chưa thực sự diễn ra ở Quân khu I, người Mỹ và Bắc Việt giờ đây đang trên một quỹ đạo va chạm, điều này sẽ sớm đưa Thủy quân lục chiến Mỹ vào những trận chiến lớn kiểu mà Quân đội Mỹ đã chiến đấu ở Quân khu II và Quân khu III. Đối với Tướng Walt, những tháng đầu năm 1966 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng ở Quân khu I. «Đầu năm 1966», ông viết sau này, «chúng tôi bắt đầu ngày càng chạm trán những người lính chính quy của Quân đội

Bắc Việt, đi ra từ những ngọn núi phía tây về phía bờ biển với những chiếc áo len ấm trong ba lô để sử dụng trên những con đường mòn trên núi dẫn từ đất nước của họ đến Lào và Nam Việt Nam. Họ là những người đàn ông khỏe mạnh, được nuôi dưỡng tốt với vũ khí và trang thiết bị tốt, mặc đồng phục, có kỷ luật và được tổ chức thành các đại đội, tiểu đoàn và trung đoàn - một sự tương phản về những mặt này so với các du kích.» Theo quan điểm của Walt, sự xuất hiện của các lực lượng này đã biến cuộc chiến từ một xung đột cường độ thấp, vốn có thể được xử lý bằng bộ binh nhẹ sử dụng các chiến thuật chống nổi dậy, thành một cuộc chiến tranh quy ước, đòi hỏi «việc áp dụng toàn bộ nguồn lực : pháo binh hạng nhẹ và hạng nặng, xe tăng, phương tiện vận tải cơ giới, các đoàn tiếp tế khổng lồ, và tất cả các trang thiết bị khác tạo nên sự khác biệt giữa trận chiến bộ binh nhẹ và chiến đấu nặng kéo dài.»¹⁹⁸

Chương 5 - Sự trở lại của phật tử

Tháng 3 - Tháng 4 năm 1966

Đầu tháng 3, Tướng Walt phải đối mặt với một mối đe dọa mới từ lực lượng chính quy của Bắc Việt Nam. Bằng cách luồn lách qua những khu rừng của dãy núi Trường Sơn - điều đã khiến Westmoreland rất lo ngại, Trung đoàn 21 Quân đội Bắc Việt Nam đã len lỏi đến gần bờ biển Nam Việt Nam gần đồng bằng Chu Lai. Họ chuẩn bị khởi động một chiến dịch tấn công bao gồm các cuộc tấn công vào lực lượng Nam Việt Nam và Mỹ, phá hủy các đoàn xe tiếp tế trên Quốc lộ 1, và một cuộc tấn công quy mô lớn vào thành phố Quảng Ngãi hoặc thành phố Chu Lai. Vào ngày 3 tháng 3, các cuộc nghe lén radio của Mỹ và thẩm vấn tù binh đã xác định vị trí của Trung đoàn 21 tại một điểm chỉ cách thành phố Quảng Ngãi bảy dặm. Đêm đó, máy bay Mỹ ném bom vị trí nghi ngờ của trung đoàn, trong khi bộ binh Thủy quân lục chiến Mỹ và lính dù Nam Việt Nam nhanh chóng di chuyển đến các điểm tập kết trực thăng cho một cuộc tấn công đổ bộ bằng trực thăng, có mật danh là Chiến dịch Utah, dự kiến bắt đầu vào sáng sớm hôm sau.

Tiểu đoàn 2, Thủy quân lục chiến Mỹ số 7 và Tiểu đoàn Nhảy dù 1 của QĐVNCH đổ bộ gần dãy núi vào buổi sáng mà không gặp sự cố. Thủy quân lục chiến chiếm được các mục tiêu sơ bộ của họ, hai ngọn đồi, mà không gặp kháng cự. Tình hình khác biệt đối với những người lính dù Nam Việt Nam, họ gặp phải sự kháng cự nặng nề khi họ cố gắng chiếm giữ một ngọn đồi hình bánh donut. Ngay khi những người lính dù đầu tiên lên đến đỉnh, hai tiểu đoàn lính mặc quân phục màu kakhi từ Trung đoàn 21 QĐNDVN tiến lên các sườn dốc về phía họ. Cố vấn Mỹ gọi một loạt không kích và pháo kích xuống quân Bắc Việt, buộc họ phải cúi rúp sau những tảng đá và thảm thực vật dày đặc. Đạn và lựu đạn bay qua bay lại, nhưng không bên nào có thể đẩy lui bên kia khỏi ngọn đồi.

Vào lúc 13:30, chỉ huy tiểu đoàn Nam Việt Nam yêu cầu Thủy quân lục chiến trợ giúp. Thủy quân lục chiến đáp ứng, tiến quân vào sườn đơn vị Nam Việt Nam cho đến khi họ gặp một nhóm lớn binh lính Bắc Việt. Thay vì rút lui và gọi không kích và pháo binh, vị chỉ huy tiểu đoàn Thủy quân lục chiến táo bạo, Trung tá Leon Utter, ra lệnh cho tiểu đoàn của mình tấn công.

Trong khi Thủy quân lục chiến đang hồi hả tiến lên, binh lính Bắc Việt tìm thấy một khe hở giữa lực lượng

Mỹ và Nam Việt Nam. Chỉ huy Bắc Việt nhanh chóng lấp đầy khe hở đó bằng quân và súng máy 12.7 mm. Bắn vào sườn hở của lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam, những khẩu súng máy này đã hạ gục một số lượng đáng kể Thủy quân lục chiến từ đại đội F của Utter. Số còn lại của đại đội F tìm được chỗ che chắn, nhưng cả họ và phần còn lại của tiểu đoàn Thủy quân lục chiến đều không ở trong vị trí để phản công các khẩu súng máy Bắc Việt. Qua radio, Thủy quân lục chiến yêu cầu chỉ huy tiểu đoàn Nam Việt Nam tấn công các khẩu súng máy Bắc Việt. Người chỉ huy từ chối, dựa trên một thỏa thuận trước đó rằng ông ta sẽ không di chuyển cho đến khi thương binh của mình được sơ tán.

Trong vài giờ tiếp theo, quân Mỹ trao đổi hỏa lực dữ dội với hai tiểu đoàn Bắc Việt. Một tiểu đoàn Bắc Việt thứ ba, từ Trung đoàn 1, tham gia trận chiến vào khoảng 16:20. Đến cuối buổi chiều, cả ba đại đội Thủy quân lục chiến Mỹ đều cạn kiệt đạn dược, khiến một số Thủy quân lục chiến phải lấy các khẩu AK - 47 hoặc súng máy 12.7 mm của lính Bắc Việt đã chết.

Khi màn đêm buông xuống, Utter ra lệnh cho Thủy quân lục chiến của mình rút về ấp Châu Nhai 4. Họ không bỏ lại bất kỳ người bị thương nào trên chiến trường, nhưng họ phải bỏ lại hầu hết những người chết

tại nơi họ ngã xuống, một viên đấng cho một quân chủng tự hào về việc không bỏ lại ai phía sau, dù sống hay chết. Những người lính Bắc Việt cố gắng truy đuổi Thủy quân lục chiến vào trong ấp đã bị tiêu diệt bởi bom, rocket và bom napalm của Mỹ.

Cả hai bên đều đưa quân tăng viện vào trận chiến vào ngày hôm sau. Một số tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ và Nam Việt Nam bổ sung đã đến, nâng tổng quân số Nam Việt Nam lên hai nghìn và quân Mỹ lên ba nghìn. Phía Bắc Việt điều các thành phần còn lại của Trung đoàn 1 và 21, mang lại cho họ gần ba nghìn binh sĩ. Trong các phòng bản đồ tại các sở chỉ huy Mỹ và Nam Việt Nam, các sĩ quan vẽ ra vị trí của các đơn vị và chỉ đạo di chuyển lực lượng bạn vào các vị trí bao vây. Giao tranh ác liệt diễn ra suốt cả ngày trên các đỉnh đồi và trong các ấp, cướp đi sinh mạng của nhiều thanh niên.

Khi đêm xuống, các chỉ huy Mỹ và Nam Việt Nam lập kế hoạch siết chặt vòng vây vào lực lượng Bắc Việt vào sáng hôm sau. Tuy nhiên, phía Bắc Việt quyết định rút quân trong đêm, và với sự khéo léo đáng kể, họ đã lần trốn được hầu hết những người sống sót của sáu tiểu đoàn qua mũi của năm nghìn quân Mỹ và Nam Việt Nam. Số tử vong của địch trong Chiến dịch Utah là

636 xác chết được đếm, với 325 trường hợp khác được Mỹ liệt kê là «có thể». Mối đe dọa của Bắc Việt đối với các thành phố ven biển tạm thời đã bị ngăn chặn. Thủy quân lục chiến chịu 83 người chết và 205 người bị thương, trong khi phía Nam Việt Nam chịu 30 người chết và 120 người bị thương.¹⁹⁹

Ngay khi Chiến dịch Utah kết thúc, Tướng Walt nhận được tin về một cuộc tấn công sắp xảy ra xa hơn về phía bắc, ở tỉnh Thừa Thiên. Mục tiêu được báo cáo là trại Lực lượng Đặc biệt của Quân đội Mỹ ở thung lũng A Sầu. Khắc nghiệt và hẻo lánh, thung lũng A Sầu bắt đầu tại một điểm chỉ cách biên giới Lào hai dặm và chạy dài hai mươi lăm dặm từ tây bắc xuống đông nam giữa hai dãy núi cao năm nghìn foot. Đáy thung lũng là một vùng hoang dã nguyên thủy với rừng rậm tán kép, tre trúc và cỏ voi cao mười foot. Phía Bắc Việt coi trại Lực lượng Đặc biệt là một mối đe dọa nghiêm trọng vì nó nhìn xuống ba con đường mòn lý tưởng cho việc thâm nhập của binh lính Bắc Việt từ Lào đến bờ biển tỉnh Thừa Thiên.²⁰⁰

Bốn ngày trước cuộc tấn công, hai binh sĩ Bắc Việt đã bước ra từ đám cỏ voi gần trại với tay giơ cao và đầu hàng một thợ máy xe jeep Nam Việt Nam đang kinh ngạc. Họ tuyên bố thuộc Sư đoàn 325 Quân đội Bắc

Việt, hai người này giải thích rằng gian khổ, sợ chết và chương trình ân xá của chính phủ đã thuyết phục họ đào ngũ. Bốn tiểu đoàn Bắc Việt, họ nói, đang chuẩn bị ập vào trại.

Vào một ngày bình thường, trại có một lực lượng đồn trú gồm 210 bán quân sự, hầu hết trong số họ là từ các dân tộc thiểu số được gọi là Người Thượng hoặc Montagnards, dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan người Việt và được cố vấn bởi mười binh sĩ Lực lượng Đặc biệt Quân đội Mỹ. Để đáp lại lời khai của những người đào ngũ, đội Lực lượng Đặc biệt của trại đã yêu cầu Bộ Tư lệnh Quân đoàn I của Tướng Nguyễn Chánh Thi tăng cường cho lực lượng đồn trú hai đại đội bộ binh. Tuy nhiên, Tướng Thi đang vướng vào các vấn đề chính trị, và ông ta không gửi bất kỳ quân tăng viện nào đến A Sầu. Đơn vị chủ quản của đội Lực lượng Đặc biệt, Nhóm Lực lượng Đặc biệt số 5 của Quân đội Mỹ, sau đó đã lệnh cho một đơn vị khác thuộc quyền của mình, gồm 149 binh sĩ thuộc dân tộc thiểu số Nùng và 7 Biệt kích Mỹ (Green Berets), đến trại. Đến vào chiều muộn ngày 7 tháng 3, lực lượng mới đã chiếm các vị trí phòng thủ bên trong pháo đài trung tâm của trại.

Có hình tam giác đều, pháo đài có tường bao quanh mỗi cạnh dài hai trăm thước. Các khẩu súng máy chia

ra ngoài ở mỗi góc của tam giác và ở điểm giữa của mỗi cạnh. Giữa các lớp dây kẽm gai bao quanh pháo đài, những người phòng thủ đã đặt các mìn claymore với kíp nổ điện tử. Được phát triển bởi Norman McLeod của Tập đoàn Nghiên cứu Chât nổ vào cuối những năm 1950, mìn claymore là một trong những vũ khí chống người mạnh nhất trong kho vũ khí của Mỹ. Chứa đầy thuốc nổ C4, nó phóng ra bảy trăm viên bi thép trong một góc sáu mươi độ, với tầm sát thương lên đến một trăm mét.

Cuộc tấn công diễn ra vào ngày 9 tháng 3 trong đêm khuya. Nghe thấy tiếng cắt dây kẽm gai lúc 1:30, quân đồn trú đã kích nổ một quả mìn claymore ở khu vực phát ra tiếng động. Im lặng trở lại cho đến 3:50, khi không khí tràn ngập tiếng ồn ào của súng cối và súng không giật Bắc Việt. Trong một trận pháo kích kéo dài ba giờ, vũ khí hạng nặng của Trung đoàn 95 Quân đội Bắc Việt đã gây ra sáu mươi thương vong cho những người phòng thủ và phá hủy khu vực cung ứng chính của trại.

Vào ban ngày, Trung đoàn 95 bắt đầu các cuộc tấn công thăm dò vào chu vi của trại nhưng với mức độ khản trương ít hơn so với thông thường của quân Bắc Việt đơn vị. Có lẽ họ đã hành động chậm chạp vì tin

rằng trại nằm ngoài tầm bắn của pháo binh phe ta, điều này là đúng, và rằng thời tiết quá xấu khiến máy bay Mỹ không thể đến, điều mà không hoàn toàn đúng. Hoặc có lẽ họ muốn giữ cho lực lượng đồn trú sống sót tạm thời để như các lực lượng ứng cứu kéo đến.

Lúc 11:20, một máy bay vũ trang Douglas AC - 47 Spooky đơn độc xuất hiện trên bầu trời Thung lũng A Shau. Những người phòng thủ trong trại chào đón sự xuất hiện của nó với những tiếng reo hò âm ỉ, tin rằng giờ đây quân Bắc Việt sẽ phải trả giá bằng sự trừng phạt từ ba khẩu súng Gatling của Spooky, mỗi khẩu có khả năng bắn sáu nghìn viên đạn mỗi phút. Phi hành đoàn của chiếc Spooky này, giống như nhiều phi hành đoàn Mỹ khác tại Nam Việt Nam, sẵn sàng chấp nhận những rủi ro phi thường để giúp đỡ những đồng đội Mỹ đang đứng trên bờ vực cái chết. Máy bay vũ trang AC - 47 thường thực hiện nhiệm vụ chiến đấu ở độ cao ba nghìn foot, nhưng với trần mây phủ trên A Shau chỉ ở độ cao bốn trăm foot, nó sẽ phải bay ở độ cao thấp hơn để nhìn thấy mục tiêu mà nó bắn, và ở độ cao quá thấp như vậy, chiếc máy bay hai cánh quạt chuyển động chậm sẽ cực kỳ dễ bị tổn thương trước hỏa lực phòng không của Bắc Việt.

Chiếc Spooky chỉ thực hiện một lần bay ngang qua kẻ thù trước khi đạn pháo của Bắc Việt trúng vào động cơ của nó. Không thể giữ cho chiếc máy bay vũ trang ở trên không, viên phi công đã hạ cánh khẩn cấp trên sườn núi cách đó năm dặm, với đủ kỹ năng và vận may để cứu sống các thành viên phi hành đoàn. Trèo ra khỏi đồng đồ nát, sáu thành viên phi hành đoàn chuẩn bị đối mặt với kẻ thù, những kẻ không mất nhiều thời gian để tới nơi. Các phi công Mỹ đẩy lùi ba đợt tấn công của Bắc Việt. Vào một thời điểm, Trung úy Delbert R. Peterson, phi công phụ, đã xông vào một vị trí súng máy 12,7 mm của địch với khẩu súng trường tấn công M - 16 và thành công trong việc chiếm được vũ khí. Một trực thăng cứu hộ đã đến và đón ba trong số các thành viên phi hành đoàn, nhưng không phải Peterson, người không thể được tìm thấy tại thời điểm trực thăng đến. Ông không bao giờ được nhìn thấy nữa.

Các hoạt động không quân khác đạt được kết quả tốt hơn. Một trực thăng CH - 3C Sea King đã hạ cánh bên trong chu vi trại, chất lên những người bị thương nặng nhất, và chở họ đến cơ sở y tế gần nhất. Hai máy bay vận tải C - 123 đã thả đạn dược và vật tư y tế cho lực lượng đồn trú ở độ cao thấp. Với sự dẫn đường từ một máy bay A - 1E Skyraider chạy bằng cánh quạt, hai máy bay ném bom phản lực B - 57 đã khai hỏa pháo 20 mm

và thả bom xuống các cụm lớn của quân địch.

Trên mặt đất, nhiều người Thượng, người Nùng, và người Mỹ đã thể hiện xuất sắc trong cuộc chiến sinh tử với quân Bắc Việt. Điều tương tự không thể nói về chỉ huy trại, một sĩ quan người dân tộc Việt đã biến mất vào một boongke và không cung cấp sự lãnh đạo cho ai cả. Vì sự hèn nhát của anh ta, cả một đại đội của lực lượng đồn trú đã từ chối chiến đấu.

Vào đầu giờ chiều, Đội đặc nhiệm Lực lượng Đặc biệt đã yêu cầu tăng viện. Nếu không có họ, những người Mũ Xanh nói, trại khó có thể sống sót qua đêm sắp tới. Thời tiết có dấu hiệu cải thiện, điều này khiến Bộ tư lệnh của Tướng Walt ra lệnh di chuyển một đại đội bộ binh đến trại bằng đường không. Nhưng trước khi quân tăng viện có thể đến được thung lũng, mây dày đặc trở lại, buộc phải hủy bỏ lệnh tăng viện.

Những người phòng thủ trụ vững cho đến đêm. Vài giờ trước bình minh, ba tiểu đoàn Bắc Việt đã phát động các đợt tấn công biển người vào phía nam của trại trong khi các loại súng cối và súng không giật của Bắc Việt biến nhiều công sự phòng thủ còn lại của trại thành đống đổ nát. Bộ binh Bắc Việt chọc thủng bức tường phía nam, nhưng những người phòng thủ đã kiểm chế được sự xuyên phá và củng cố phòng thủ ở phía bắc của

trại, có sự hỗ trợ của máy bay phản lực Thủy quân Lục chiến Mỹ, những chiếc đã thả bom xuyên qua bóng tối và mây dưới sự hướng dẫn của radar.

Liên lạc vô tuyến với những người phòng thủ bị mất lúc 07:30, sau đó được thiết lập lại lúc 08:07 khi những người phòng thủ báo cáo rằng các đợt không kích đang ngăn chặn kẻ thù tràn ngập phần còn lại của trại. Đại úy David Blair đã dẫn đầu ba cuộc phản công vào bức tường phía nam của trại. Tuy nhiên, với chỉ một nhóm nhỏ người Mỹ và người Nùng, việc đẩy lùi số đông hơn nhiều của quân Bắc Việt là điều không thể.

Lúc 11:00, những người phòng thủ báo cáo rằng họ không thể trụ thêm được quá một giờ. Ngay sau đó, họ liên lạc qua radio rằng không nên thả dù tiếp tế đạn dược vì họ sẽ không thể với tới nó. Rất ít vũ khí tập thể còn lại trong tay họ, và những thứ còn lại thì nguy hiểm vì cạn kiệt đạn dược. Tuy nhiên, vũ khí của họ vẫn kìm chân được quân Bắc Việt trong vài giờ nữa, trong khoảng thời gian đó Bộ tư lệnh của Tướng Walt đã lên kế hoạch cho việc di tản họ.

Vào giữa buổi chiều, lực lượng đồn trú trong trại nhận được tin rằng máy bay Mỹ đang chuẩn bị giải thoát họ. Đại úy Blair phản đối, lập luận rằng lựa chọn tốt hơn là gửi quân tăng viện đến trại.

«Tôi không muốn bỏ cuộc», Blair nói sau này. «Nếu bạn là một người lính chiến đấu, bạn chỉ

không muốn bị đánh bại. Thêm vào đó, chúng tôi đang giết rất nhiều chúng.» Việc tiêu diệt càng nhiều kẻ thù càng tốt đã trở thành «nỗi ám ảnh của nhiều người trong chúng tôi», Blair nhớ lại, «bởi vì tôi không nghĩ ai trong chúng tôi nghĩ rằng mình sẽ sống sót qua chuyện này, và bạn vượt qua nỗi sợ hãi và bạn chỉ còn biết chiến đấu.»²⁰¹

Sự phản đối của Blair không thuyết phục được Bộ tư lệnh cấp trên từ bỏ việc tiến hành di tản. Sau khi phá hủy thiết bị thông tin liên lạc, tài liệu mật, và vũ khí hạng nặng, những người sống sót trong trại trèo qua các bức tường parapet ở phía bắc của trại và lao về phía một bãi đất trống cách đó ba trăm mét về phía bắc. Những người còn khả năng chiến đấu lẽ ra phải mang theo những người bị thương, nhưng một số người Việt Nam đã bỏ rơi những người bị thương của họ và chạy về phía khu vực hạ cánh, với viên chỉ huy trại hèn nhất dẫn đầu. Khi trực thăng đến, một số những cá nhân này từ chối chờ đến lượt lên máy bay, và khi không được cho lên máy bay, họ đã bám vào các dây cáp trực thăng, suýt nữa làm rơi máy bay. Người Mỹ dùng dùi cui đánh những kẻ vi phạm, hất một số người trong số họ xuống.

Những người tiếp tục bám vào đã bị bắn.

Chuyến trực thăng đầu tiên đã chở đi 69 người phòng thủ, bao gồm bốn người Mỹ. Hai trực thăng bị bắn hạ, và một số thành viên phi hành đoàn của chúng bị mắc kẹt lại. Những người đàn ông khác bị giết trong khu vực hạ cánh khi vũ khí của Bắc Việt nhắm vào họ. Đêm xuống trước khi các trực thăng bổ sung có thể đến được khu vực hạ cánh, vì vậy những người sống sót còn lại chia thành các nhóm nhỏ và đi vào rừng. Ngày hôm sau, sáu mươi người trong số họ đã được xác định vị trí và di tản bằng trực thăng, và ngày tiếp theo, ba mươi tư người nữa được giải cứu.

Khi tất cả kết thúc, tổng cộng 248 người phòng thủ được báo cáo là tử vong hoặc mất tích. Năm người Mỹ có tên trong danh sách tử vong, và mười hai người Mỹ khác rời chiến trường với vết thương. Số tử trận của địch sau đó được ước tính là một nghìn người.²⁰²

Trong những ngày sau trận chiến, tư lệnh quân đoàn Nam Việt Nam đã yêu cầu Tướng Walt gửi Thủy quân Lục chiến Mỹ vào Thung lũng A Shau để tái lập một trại vĩnh viễn. Sau khi thực hiện trinh sát trên không, Walt quyết định rằng nhiệm vụ sẽ yêu cầu nhiều tiểu đoàn hơn số ông có thể điều động, và do đó không có lực lượng nào được gửi đến thung lũng. Khi quân Bắc

Việt nhận ra rằng họ có Thung lũng A Shau cho riêng mình, họ đã biến nó thành một khu vực căn cứ lớn và hành lang xâm nhập.²⁰³

Westmoreland tìm kiếm các cách khác để phá vỡ các hoạt động xuyên biên giới của kẻ thù do việc Tướng Walt từ chối chiếm lại thung lũng. Đảo ngược lập trường của ông vào tháng 11 năm 1965, giờ đây ông muốn đưa lực lượng mặt đất của Mỹ vào Lào.²⁰⁴ Cùng đồng quan điểm với ông là Bộ Tư lệnh Lục quân Mỹ tại Thái Bình Dương, nơi đề nghị triển khai hai sư đoàn Mỹ vào Lào dọc theo vĩ tuyến 17.²⁰⁵ Westmoreland cũng yêu cầu được phép tiến hành các hoạt động mặt đất ở Campuchia.²⁰⁶

Đại sứ Mỹ tại Lào William Sullivan phản đối mạnh mẽ các đề xuất hoạt động mặt đất ở Lào. Theo đánh giá của ông, chúng sẽ khiến Thủ tướng Lào Souvanna Phouma từ chức, khiến Liên Xô hỗ trợ những người Cộng sản Lào, và khiến quân Bắc Việt tiến vào Lào với quy mô lớn hơn. Thay vào đó, ông đề nghị một cuộc đổ bộ đường biển vào thành phố Vinh ở miền Bắc Việt Nam.²⁰⁷ Sự phản đối của Sullivan đối với các hoạt động mặt đất quy mô lớn ở Lào sẽ thắng thế với McNamara và Rusk. Lập luận của ông về việc xâm lược miền Bắc Việt Nam thì không.

Những người Mỹ than phiền về việc Hà Nội sử dụng Đường mòn Hồ Chí Minh phần lớn không bị ngăn cản đã nhiều năm gọi nó là «Xa lộ Tưởng niệm Averell Harriman», theo tên kiến trúc sư của hiệp định 1962 về trung lập hóa Lào. Hoa Kỳ đã tôn trọng hiệp định đó, rút nhân viên quân sự của mình, trong khi Bắc Việt Nam không ngừng vi phạm nó bằng cách xâm nhập quân và tiếp tế dành cho Nam Việt Nam. Westmoreland giờ đây quyết định đặt cho nó một cái tên mới : «Xa lộ Sullivan». ²⁰⁸

McNamara và Rusk cũng bác bỏ yêu cầu của Westmoreland về việc hoạt động ở Campuchia. Những hoạt động như vậy, họ giải thích, sẽ khiến Campuchia công khai cộng tác với Hà Nội, và lực lượng Cộng sản Việt Nam «sẽ thấy điều đó dễ dàng hơn nhiều so với hiện tại» để khai thác lãnh thổ Campuchia cho căn cứ, xâm nhập và nơi ẩn náu. Họ nói thêm rằng «các vấn đề về pháp lý và về dư luận quốc tế và trong nước cũng có trọng lượng lớn đối với chúng tôi.» ²⁰⁹

Kể từ khi ông Kỳ và ông Thiệu lên nắm quyền vào tháng 6 năm 1965, sự ổn định của chính phủ ở Sài Gòn đã giảm đi như một vấn đề đòi hỏi sự chú ý mạnh mẽ của Mỹ. Khả năng lãnh đạo của họ và những trụ cột hùng mạnh của sức mạnh quân sự Mỹ đã mang lại một

sự yên bình chính trị tương đối trong nửa cuối năm 1965 và tiếp tục vào những tháng đầu năm 1966. Ở Sài Gòn và Washington, một cảm giác nhẹ nhõm đã lắng xuống. Không ai ở cả hai nơi đoán trước được sự phá vỡ sự yên bình vào đầu tháng 3 bởi cuộc khủng hoảng Phật giáo cuối cùng và đẫm máu nhất.

Cuộc khủng hoảng này nảy sinh không phải từ sự đụng độ giữa Phật giáo và chính phủ Nam Việt Nam, như trong những lần trước, mà từ sự bất hòa giữa các nhà lãnh đạo chính phủ ở Sài Gòn và đại diện cấp cao của chính phủ tại Quân khu I, Tướng Nguyễn Chánh Thi. Thủ tướng Kỳ đã cho phép Tướng Thi và các tư lệnh quân đoàn khác có quyền hành rộng rãi trong việc điều hành các tỉnh của họ đến mức một số nhà quan sát có uy tín gọi các tư lệnh quân đoàn là «quân phiệt». Trong tháng 1 và tháng 2 năm 1966, Tướng Thi đã phản bội lòng tin của Kỳ.²¹⁰ Sự thất vọng của Kỳ với Thi bùng lên vào đầu tháng 3 do một sự xúc phạm cá nhân phải chịu trong chuyến thăm Huế. Trong khi trò chuyện với một trợ lý với giọng đủ to để đoàn tùy tùng của Kỳ nghe thấy, Thi đã buông lời xúc phạm, được cho là bao gồm một câu hỏi duy nhất : «Cái gã nhỏ bé này đang làm gì ở đây vậy ?»²¹¹

Triệu tập một cuộc họp với các tướng lĩnh hàng đầu của đất nước vào ngày 9 tháng 3, Kỳ kêu gọi loại bỏ Thi. Các tướng lĩnh trả lời rằng Kỳ nên hỏi ý kiến của Lodge về vấn đề này. Kỳ tiếp tục nói với Lodge rằng ông đang nghĩ đến việc sa thải Thi vì «sự phán đoán của anh ta kém, anh ta có ảo tưởng về sự vĩ đại, anh ta không làm bất cứ điều gì được mong đợi ở anh ta.» Để nói rõ hơn, Kỳ nói rằng khi Thi nhận được mệnh lệnh bằng văn bản từ chính phủ, ông ta đã nguệch ngoạc dòng chữ «chính phủ điên rồ» lên lệnh đó và gửi trả lại.

Lodge trả lời rằng các tướng lĩnh chỉ nên hành động nếu họ có bằng chứng cụ thể về sự bất tuân thủ hoặc hành vi sai trái và chắc chắn rằng Thi có thể bị loại bỏ mà không gây rắc rối. Kỳ nói với Lodge rằng những điều kiện này có thể được đáp ứng.²¹²

Tại một cuộc họp với Lodge sau đó trong ngày, Thiệu, người có tính cách vững vàng hơn khiến ông trở thành nguồn thông tin đáng tin cậy hơn cho người Mỹ, cũng dự đoán rằng việc loại bỏ Thi sẽ rất dễ dàng. «Chúng tôi có thể dễ dàng thay thế ông ta», Thiệu trấn an Lodge. «Sẽ không có phản ứng gì đâu.»²¹³

Vào ngày hôm sau, Kỳ chủ trì một cuộc họp của Hội đồng Quân sự, một cơ quan gồm mười thành viên bao gồm các tướng lĩnh quan trọng nhất của Nam Việt Nam.

Ông yêu cầu các thành viên khác bỏ phiếu tín nhiệm, phiếu mà ông sẽ sử dụng để cách chức Thi. Nếu không nhận được phiếu bầu của họ, Kỳ nói, ông sẽ từ chức thủ tướng và Thi sẽ tiếp tục tại vị. Tất cả chín người trong số họ, kể cả Tướng Thi, đều bỏ phiếu ủng hộ Kỳ. Kỳ sau đó tuyên bố rằng Tướng Thi sẽ bị cách chức, và chỗ của ông ta sẽ do Tướng Nguyễn Văn Chuẩn, tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, đảm nhiệm.

Tướng Thi không lên tiếng phản đối việc bị cách chức, nhưng ông phản đối khi Kỳ nói rằng ông sẽ cần phải rời khỏi đất nước trong vài tháng. Điều đó có thể biến thành một cuộc lưu vong vĩnh viễn, Thi cầu nhàu. Sau khi nhận được sự đảm bảo rằng ông sẽ được phép trở lại đất nước, Thi đồng ý viết một lá thư yêu cầu được giải ngũ vì tình trạng viêm xoang mãn tính. Ông sẽ sớm sang Hoa Kỳ để điều trị căn bệnh này một cách hình thức.²¹⁴

Các quan chức Mỹ tại Việt Nam hoan nghênh sự thay đổi này, mặc dù một số sĩ quan quân đội nể trọng tài năng quân sự của Thi lo ngại rằng đất nước đang mất đi một chỉ huy có năng lực. Trong số các nhà lãnh đạo cấp cao của Hoa Kỳ ở Washington, tâm trạng đều là ăn mừng. McNamara nói với Johnson rằng việc loại bỏ Thi là một ý tưởng tuyệt vời. Taylor nhận xét, «Hắn là

một nhân vật xấu và tốt hơn hết là nên loại bỏ.»²¹⁵ Cung cấp thêm bằng chứng về tính đúng đắn của việc cách chức Thi là việc phát hành các báo cáo mới của CIA chỉ ra rằng Thi đã âm mưu với Tướng Trần Văn Đôn và những người khác chống lại chính phủ của Kỳ.²¹⁶

Việc cách chức Thi đúng là sẽ là một món lợi bất ngờ nếu Thi không làm đảo lộn những dự đoán về một lối ra suôn sẻ. Vào ngày 11 tháng 3, theo sự xúi giục của những người trung thành với Thi trong chính phủ, hai nghìn người tụ tập trên các đường phố Đà Nẵng để yêu cầu phục chức cho Thi. «Đả đảo Bộ Tư lệnh Tướng lĩnh ở Sài Gòn !» họ hô vang. Các cuộc biểu tình bổ sung đã diễn ra ở Đà Nẵng và Huế trong vài ngày tiếp theo. Ảnh hưởng của Thi đối với các đơn vị quân đội và cảnh sát địa phương lớn đến mức không ai trong số họ can thiệp vào các cuộc biểu tình.²¹⁷

Kỳ và Thiệu, những người đang theo dõi sự kiện từ Sài Gòn, đã đánh giá thấp sự nguy hiểm của tình hình. Do đó, họ cho phép Tướng Thi trở lại Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 3 để thu dọn đồ đạc cá nhân. Khi Thi đến Đà Nẵng, ông được đón chào bởi những đám đông reo hò cổ vũ, mà những người lãnh đạo của họ tuyên bố mong muốn Thi tiếp tục tại vị. Thi quyết định thay vì thu dọn đồ đạc, ông sẽ ở lại Đà Nẵng và âm mưu chống

lại chính quyền trung ương. Tái chiếm dinh thự chính thức trước đây của mình, ông cho nhân viên kéo lá cờ của vị tướng trên cột cờ của tòa nhà.²¹⁸

Các cuộc biểu tình đường phố mới tiếp diễn ở Đà Nẵng và Huế. Ít cư dân ở cả hai thành phố bày tỏ sự nhiệt tình với những kẻ kích động ; khi những người tổ chức biểu tình cố gắng làm suy yếu chính phủ quốc gia bằng cách ngừng hoạt động thương mại trong nửa ngày, họ phải dùng sự hăm dọa để buộc các chủ cửa hàng đóng cửa.²¹⁹ Nhưng những bức ảnh chớp nhoáng, kiểu đôi khi được cung cấp trong các báo cáo báo chí hoặc thư tín ngoại giao, lại gợi ý rằng những người biểu tình được hậu thuẫn đáng kể. Nghệ thuật chính trị và tuyên truyền tỏ ra là thế mạnh của những người được Thi bổ nhiệm chính trị, và của các Phật tử và Cộng sản, những người đã trở thành những kẻ khai thác chính vết nứt mà những người trung thành với Thi đã mở ra.

Sự ồn ào ban đầu đã khiến các Phật tử quá khích và Cộng sản bất ngờ.²²⁰ Thành viên của cả hai nhóm đã tham gia vào một số cuộc biểu tình vào ngày đầu tiên, nhưng với vai trò là đối tác cấp dưới của những người ủng hộ cá nhân Thi. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, các Phật tử và Cộng sản đã tận dụng sự hỗn loạn ở Đà Nẵng và Huế để tổ chức các cuộc biểu tình của riêng họ, với

mục tiêu vượt xa việc khôi phục chức vụ cho Thi.²²¹

Trí Quang, nhân vật trung tâm trong các cuộc biểu tình của Phật giáo từ 1963 đến 1965, tái xuất sau nhiều tháng im lặng để đảm nhận vai trò người vận hành và diễn giả chính. Vay mượn nhiều từ kịch bản của các chiến dịch trước đây, Trí Quang và các đồ đệ của ông đã cáo buộc chính phủ đàn áp tôn giáo và yêu cầu lật đổ Kỳ. Dưới danh nghĩa của Phong trào Đấu tranh, các Phật tử quá khích của ông đã tổ chức vô số «nhóm đấu tranh», những nhóm mà chỉ trong chốc lát có thể huy động hàng nghìn người biểu tình theo cách có vẻ như là một biểu hiện tự phát của sự bất mãn trong quần chúng.²²²

Mạnh mẽ không kém, nhưng kín đáo hơn nhiều, các nhà lãnh đạo Cộng sản tìm cách tổ chức các hành động phản đối tại chính những thành phố miền Bắc nơi những người ủng hộ Thi và các Phật tử đang kích động. Một chỉ thị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng hướng dẫn các tổ chức Cộng sản đô thị «phải chuẩn bị sẵn biểu ngữ, khẩu hiệu, truyền đơn, chất nổ, lựu đạn, v.v. để chúng ta có thể hành động trong mọi tình trạng hỗn loạn.» Tại mỗi cuộc biểu tình do một phong trào khác tổ chức, «chúng ta phải ra sức vận động nhân dân tham gia điều hành» và «nỗ lực hết sức để thâm nhập vào cơ quan

lãnh đạo của nó hoặc tranh thủ sự đồng cảm của một số lãnh đạo để chúng ta có thể đưa ra các khẩu hiệu của mình.» Rộng hơn, họ phải xây dựng một phong trào quần chúng đòi hỏi phải tiêu diệt các nhóm nguy hiểm nhất, đặc biệt là các cựu chiến binh của Đảng Cần Lao của Diệm và những «tàn dư của chế độ Diệm - Nhu vẫn còn ỉn nấu trong chính phủ phiến loạn.» ²²³

Một số sử liệu Bắc Việt sau này sẽ kể lại rằng các cán bộ Cộng sản, cải trang thành sinh viên hoặc Phật tử, đã đưa những người dân thành thị không hay biết vào các cuộc biểu tình chống chính phủ và chống Mỹ vào thời điểm này. Thông thường, các cán bộ này tuyển mộ lao động, công chức và sinh viên bất mãn hoặc dễ bị ảnh hưởng vào các tổ chức đối lập bên ngoài là không cộng sản, bao gồm một số tổ chức mà Cộng sản vừa mới nuốt chửng. Theo lời kể lại của một sử liệu Cộng sản, các đặc vụ Việt Cộng ở Đà Nẵng «đã tự đưa mình vào ban quản lý đài phát thanh, hội đồng lãnh đạo hội Phật giáo tỉnh, và lực lượng ‘nhân dân đấu tranh cho cách mạng’ do phe Nguyễn Chánh Thi tổ chức.» Ở Huế, Cộng sản thâm nhập vào ban lãnh đạo của một tổ chức thanh niên Phật giáo nổi bật và một số hiệp hội sinh viên đại học và trung học. ²²⁴

Như những năm trước, các ý kiến nước ngoài rất khác nhau về mức độ tham gia của Cộng sản trong các cuộc náo động. Một số nhà phân tích CIA cho rằng sự tham gia của Cộng sản là tối thiểu. Trong khi thừa nhận rằng Cộng sản đang làm việc chăm chỉ để tuyển mộ thanh niên đô thị, họ duy trì rằng chỉ có «bằng chứng chưa được xác nhận» cho thấy Cộng sản đã thâm nhập vào Phong trào Đấu tranh. Các nhà phân tích này lưu ý rằng hệ tư tưởng Cộng sản ít có sức hấp dẫn đối với thanh niên đô thị có học, nói chung là đúng, nhưng sau đó rút ra suy luận sai lầm rằng Cộng sản không thể thao túng giới trẻ ủng hộ các hoạt động của họ.²²⁵

Về Trí Quang, một đánh giá của CIA kết luận rằng ông ta muốn Hoa Kỳ rút khỏi Nam Việt Nam, nhưng ông «có lẽ mong muốn một Nam Việt Nam độc lập» sẽ «dưới sự kiểm soát của Phật giáo và không phải dưới sự chỉ đạo chính trị của Cộng sản.» Một chính phủ như vậy, các tác giả viết, thực sự có thể cải thiện tình hình bằng cách tập hợp thêm nhiều người quốc gia và Phật tử cho mục tiêu của chính phủ.²²⁶ Các nhà phân tích này dường như không biết rằng các Phật tử đã thống trị chính phủ Nam Việt Nam vào mùa xuân năm 1965 và họ đã làm mất lòng hầu hết những người quốc gia trong thời kỳ đó. Sự xa lánh đó đã đẩy nhanh sự suy giảm trong lực lượng vũ trang Nam Việt Nam và sẽ kết

thúc bằng việc Cộng sản kiểm soát Nam Việt Nam nếu không có sự can thiệp của Mỹ.

Hầu hết các nhà quan sát am hiểu khác tin rằng vai trò của Cộng sản trong các cuộc biểu tình lớn hơn nhiều và các hoạt động của Trí Quang và các Phật tử quá khích của ông ta nguy hiểm hơn nhiều. Một nhân viên CIA ở Sài Gòn báo cáo rằng Cộng sản «chắc chắn có liên quan đến nhiều nhóm Đấu tranh» và đã thâm nhập vào ban lãnh đạo Phong trào Đấu tranh ở Đà Nẵng.²²⁷ Viên lãnh sự Mỹ ở Huế khẳng định rằng Trí Quang đang tham gia vào một «cuộc chơi quyền lực» trong đó ông ta «che đậy nỗ lực của mình bằng một hoạt động tuyên truyền giả tạo cao độ được thiết kế để phóng chiếu một hình ảnh hư cấu về dư luận phản đối chính phủ Sài Gòn và phản nộ với sự hiện diện của Mỹ.»²²⁸ Như trong cuộc khủng hoảng năm 1963, không ai tìm thấy bằng chứng không thể chối cãi rằng Trí Quang đang cấu kết với Cộng sản, nhưng ngày càng có nhiều người kết luận rằng ông ta có làm vậy. Kỳ, người đã từng ca ngợi Trí Quang là một «nhà tiên tri», tuyên bố rằng Trí Quang «là một người Cộng sản và không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta đang đối mặt với một âm mưu Cộng sản lớn nhằm chiếm đoạt chính phủ, yêu cầu người Mỹ rời đi, và trao đất nước cho Hà Nội.»²²⁹

Đại sứ Lodge, người mà sự cảm thông dành cho Trí Quang và phần còn lại của các Phật tử quá khích năm 1963 đã dẫn đến sự lật đổ thảm khốc chính phủ Diệm, giờ là người Mỹ chỉ trích nhà sư này kịch liệt nhất. Trong một bức điện gửi Washington về chủ đề Trí Quang, Lodge viết, «Tôi chắc chắn rằng mọi thứ ông ta đang làm đều hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Cộng sản, rằng Cộng sản đang tận dụng cơ hội mà ông ta tạo ra, và rằng ông ta hoặc không thể hoặc sẽ không bằng bất kỳ cách nào tìm cách ngăn cản họ.»²³⁰ Trong một báo cáo khác, ông nhận xét rằng «việc Trí Quang có phải là một đảng viên Cộng sản chính thức hay không không có nhiều khác biệt, vì những gì ông ta đang làm là đang tích cực giúp đỡ họ.»²³¹ Đề thuyết phục Washington rằng Cộng sản đang cấu kết với những người đối lập Phật giáo và sinh viên bẽ ngoài là không cộng sản ở Đà Nẵng và Huế, Lodge đã chuyển tiếp các báo cáo tình báo chi tiết về các cuộc họp kín giữa họ.²³²

Ở nơi công cộng, Lodge và các quan chức cấp cao Mỹ khác tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ đứng ngoài cuộc xung đột giữa chính phủ và Phong trào Đấu tranh. Một cách bí mật, họ chuyển thông tin về các nhà lãnh đạo Đấu tranh cho các quan chức Nam Việt Nam để bắt họ.²³³ Khi Trí Quang đề xuất với Lodge một kế hoạch loại bỏ Kỳ, Thiệu và các tướng lĩnh khác khỏi chính phủ

dân sự bằng một hội nghị quốc gia, Lodge bác bỏ nó là vô nghĩa và nói rằng chính phủ đang đi đúng hướng.²³⁴ Sự từ chối của Lodge đối với Trí Quang được sự ủng hộ của Tổng thống Johnson, người mà ký ức về việc Bộ Ngoại giao vượt mặt Tổng thống Kennedy năm 1963 đã khiến ông yêu cầu Bộ Ngoại giao phải thông báo cho ông về tất cả các diễn biến chính trị ở Nam Việt Nam.²³⁵

Cả Kỳ và Thiệu đều không tìm cách xoa dịu các nhà lãnh đạo Phật giáo bằng một loạt nhượng bộ hào phóng như một số người tiền nhiệm không may của họ đã làm. Kỳ và phần lớn các nhà lãnh đạo quân sự và dân sự hàng đầu của chính phủ là Phật tử, điều này làm giảm tính dễ bị tổn thương của họ trước những cáo buộc đàn áp tôn giáo của các Phật tử quá khích.²³⁶ Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam đã đề nghị đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang chính phủ dân sự, để dễ dàng làm giảm nhẹ những cáo buộc của Phật giáo về chế độ độc tài quân sự. Cuộc bầu cử sẽ được tổ chức vào cuối năm, Kỳ tuyên bố vào ngày 25 tháng 3. Những người biểu tình phản ứng lại thông báo này bằng cách tăng cường các lời lẽ lên án chính phủ.²³⁷

Khi trở nên rõ ràng rằng biện pháp ngoại giao cá nhân của chính phủ và việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi

sang chính quyền dân sự sẽ không dập tắt được các cuộc biểu tình, Kỳ và phần còn lại của Hội đồng Quân nhân đã lập kế hoạch đàn áp những người biểu tình bằng vũ lực quân sự. Vào ngày 29 tháng 3, Kỳ thông báo về kế hoạch này với Lodge, người đã trả lời rằng Hoa Kỳ sẽ hoan nghênh loại hành động này trong khi cảnh báo Kỳ phải cẩn thận về thời điểm.²³⁸ Giải thích sự chấp thuận của mình trong một bức điện sau đó gửi cho Bộ Ngoại giao, Lodge khẳng định rằng Trí Quang đã quyết tâm lật đổ chính phủ và không thể bị thuyết phục để thay đổi lập trường. «Ông ta sẽ phải được người Việt Nam giải quyết, theo cách của người Việt Nam», Lodge tuyên bố. «Điều này có thể liên quan đến một thỏa hiệp, hoặc một hành động với một biện pháp vũ lực, hoặc chỉ đơn giản là vũ lực thuần túy.»²³⁹

Tin tức về một cuộc đối đầu sắp xảy ra đã kích thích cả sự phấn khích và lo ngại trong Nhà Trắng. Tổng thống Johnson nói với McNamara và Rusk rằng Hoa Kỳ phải ủng hộ Kỳ và kế hoạch chuyển đổi sang chính quyền dân sự của ông ta nhưng đồng thời phải chuẩn bị cho một sự thay đổi chiến lược mạnh mẽ trong trường hợp tình hình tan vỡ. Các lựa chọn chiến lược thay thế có thể xem xét, tổng thống nói, là đưa lên một nhà lãnh đạo Nam Việt Nam mới, từ bỏ Vùng I, và rút lực lượng Mỹ khỏi toàn bộ Nam Việt Nam.²⁴⁰

Johnson chỉ đạo một nhóm nhỏ xem xét lựa chọn cuối cùng này, với giả định rằng Hoa Kỳ sẽ rút về Thái Lan và cố thủ ở đó. Chủ trì nhóm là George Ball, quan chức cấp cao của chính quyền vốn hoài nghi nhất về sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của nhóm, được công bố vài tuần sau đó, nêu rõ việc Mỹ rút khỏi Việt Nam nhanh chóng sẽ chứng minh cho toàn Đông Nam Á thấy rằng Hoa Kỳ không có dạ dày cho chiến tranh và không cam kết với khu vực. Đối với hầu hết người Thái, nhóm kết luận, việc Mỹ rút khỏi Việt Nam sẽ cấu thành «một thất bại của Hoa Kỳ và một bằng chứng rằng Chủ nghĩa Cộng sản từ phương bắc là lực lượng quyết định trong khu vực. Đối mặt với phản ứng này, chúng ta vẫn phải kết luận rằng Thái Lan đơn giản là không thể giữ được trong những hoàn cảnh này, và phần còn lại của Đông Nam Á có lẽ sẽ lần lượt theo sau trong thời gian tới.»²⁴¹

Các tướng lĩnh trung thành với chính phủ Sài Gòn vẫn đang soạn thảo kế hoạch đàn áp bằng vũ lực thì vào ngày 3 tháng 4, một đám đông ba nghìn binh lính Nam Việt Nam diễu hành chống lại chính phủ ở Huế và mười nghìn người biểu tình dân sự với thái độ đặc biệt hung hãn tụ tập ở Đà Nẵng.²⁴² Kỳ phản ứng bằng cách tổ chức một cuộc họp báo để thông báo các chuẩn bị quân sự nhằm tái chiếm Đà Nẵng, một thành phố giờ

đây «bị Cộng sản nắm giữ». Ông lên án thị trưởng Đà Nẵng Nguyễn Văn Man, một nha sĩ được Tướng Thi bổ nhiệm vào chức vụ công, vì đã tài trợ cho các cuộc biểu tình bằng tiền của chính phủ. «Hoặc là chính phủ sẽ phải sụp đổ hoặc thị trưởng Đà Nẵng sẽ bị bắn», Kỳ tuyên bố. «Nhưng có lẽ chúng ta sẽ không phải bắn ông ta. Có lẽ khi nghe thấy giọng nói của tôi nói điều này trên đài phát thanh, ông ta sẽ chạy trốn đến với Việt Cộng.»²⁴³

Tại một cuộc họp vào ngày hôm sau, Kỳ thông báo với Lodge rằng các tướng lĩnh đã quyết định điều động một số tiểu đoàn quân tinh nhuệ đến Đà Nẵng và áp đặt thiết quân luật. Kỳ tin rằng việc khôi phục trật tự ở Đà Nẵng sẽ tạo ấn tượng mạnh với người dân ở những nơi khác tại Việt Nam, đặc biệt là ở Huế. «Tôi sẽ không gặp rắc rối với Huế một khi Đà Nẵng đã được giải quyết», Kỳ hứa hẹn. Lực lượng vũ trang Nam Việt Nam không có đủ máy bay để di chuyển các tiểu đoàn đến Đà Nẵng, vì vậy ông yêu cầu Lodge đóng góp máy bay vận tải Mỹ cho nhiệm vụ này. Lodge đồng ý, gửi cho Tướng Westmoreland một mệnh lệnh cung cấp ngay lập tức các máy bay vận tải cần thiết.²⁴⁴

Đêm đó, Kỳ và một số tướng lĩnh khác bay đến căn cứ không quân Đà Nẵng với hai tiểu đoàn Thủy quân

lục chiến Nam Việt Nam. Một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Nam Việt Nam thứ ba và hai tiểu đoàn Biệt động quân đến ngay sau đó. Nhưng Tướng Chuân, tư lệnh mới của Quân đoàn I, phản đối việc sử dụng các tiểu đoàn này ở Đà Nẵng và chặn các tuyến đường từ căn cứ không quân đến trung tâm thành phố.²⁴⁵

Kỳ cảnh báo các nhà lãnh đạo Phong trào Đấu tranh rằng họ có thời hạn đến nửa đêm ngày 6 tháng 4 để đầu hàng. Nếu họ từ chối, ông sẽ cho xe tăng và bộ binh vào thành phố để nghiền nát họ. Lodge đã khuyến khích Kỳ. «Chính phủ phải thiết lập quyền lực của mình trong thành phố Đà Nẵng», Lodge nói với ông ta. Phong trào Đấu tranh đã được cho nhiều cơ hội để đàm phán, và nếu họ vẫn khẳng khẳng không muốn giải quyết các khác biệt với chính phủ, «thì cuối cùng thời điểm thử thách không thể tránh khỏi.»²⁴⁶ Lodge sau đó thông báo với Washington, «Khi chính phủ tìm cách thỏa hiệp và xoa dịu, các Phật tử đã kiên trì và chắc chắn tiếp tục đưa ra các điều kiện mà chính phủ chỉ có thể chấp nhận nếu sẵn sàng từ bỏ quyền lực.»²⁴⁷ Lời lẽ của Lodge nghe ma quái giống với ngôn ngữ mà những người ủng hộ Mỹ của Ngô Đình Diệm đã sử dụng vào mùa thu năm 1963, khi Lodge đang cố gắng lật đổ tổng thống Nam Việt Nam vì kháng cự lại các yêu cầu của chính những Phật tử này.

Trước khi hạn chót nửa đêm đến, một số nhà lãnh đạo Nam Việt Nam đã thuyết phục Kỳ giữ các tiểu đoàn tinh nhuệ trong doanh trại và tìm kiếm một giải pháp chính trị. Rõ ràng họ đã bị mất tinh thần bởi sự cản trở của Tướng Chuân và cách đối xử gian xảo của ông ta với bộ trưởng quốc phòng, người đã bị Chuân giam giữ khi xuất hiện tại sở chỉ huy của Chuân. Vào ngày hôm sau, Kỳ lại đảo ngược quyết định, nói với Lodge rằng nếu chính phủ Sài Gòn không sử dụng vũ lực bây giờ, toàn bộ phần phía bắc của đất nước sẽ bị mất. ²⁴⁸

Sự dao động của Kỳ làm Tổng thống Johnson bất an. Nhà Trắng đã cho Lodge cảnh báo các tướng lĩnh chống lại việc sử dụng vũ lực với lý do rằng nó sẽ dẫn đến đổ máu và «đẩy các thành phần chính trong phong trào Đấu tranh vào vòng tay của Việt Cộng.» ²⁴⁹ Lời cảnh báo này đã thuyết phục Kỳ rút quân khỏi Đà Nẵng và theo đuổi một chiến lược kiên nhẫn hơn. Ông sẽ cắt nguồn tiếp tế vào các căn cứ của Phong trào Đấu tranh và công bố kế hoạch cho một Hội nghị Chính trị Quốc gia sẽ thành lập một chính phủ mới. ²⁵⁰

Các Phật tử phản ứng lại sự kiềm chế của chính phủ và những lời hứa về chuyển đổi dân chủ bằng các cuộc biểu tình mới và yêu cầu tổ chức bầu cử ngay lập tức để thay thế chính phủ hiện tại. Khi được hỏi liệu một chính

phủ mới được bầu có thể tìm kiếm hòa bình với Cộng sản và yêu cầu rút lực lượng Mỹ hay không, phó tướng của Trí Quang là Thiện Minh nhận xét, «Nếu đó là điều người dân muốn, thì họ sẽ có được điều đó.»²⁵¹ Các nhà lãnh đạo Phật giáo khác thông báo rằng họ đang thành lập các đội «thần phong» gồm thanh niên Phật tử để tấn công lực lượng chính phủ.²⁵²

Westmoreland, trong khi đó, hoạt động sau hậu trường để làm suy yếu sự ủng hộ dành cho Phong trào Đấu tranh trong giới sĩ quan Nam Việt Nam. Như một sự thể hiện sự bất bình của Mỹ, ông rút các cố vấn Mỹ khỏi tất cả các đơn vị quân đội Nam Việt Nam có vẻ như đang cộng tác với những kẻ nổi loạn. Ông chỉ thị cho Tướng Walt nói chuyện phải trái với các sĩ quan Nam Việt Nam và cử một trong những sĩ quan khéo léo nhất của mình, Chuẩn tướng John F. Freund, đến Quân đoàn I với chỉ thị «làm mọi cách có thể để làm cho lực lượng Đấu tranh trở nên xấu xa bằng cách đổ lỗi cho toàn bộ tình hình ở Quân đoàn I trên nhóm sinh viên nóng đầu.»²⁵³ Những hành động đó sớm mang lại kết quả. Các nhà lãnh đạo Sư đoàn 1 ARVN đã rút lại lời lẽ chống Mỹ của họ và hứa sẽ bảo vệ các cơ sở của Mỹ.²⁵⁴

Việc triệu tập Hội nghị Chính trị Quốc gia tại Sài Gòn từ ngày 12 - 14 tháng 4 đã tạm thời làm dịu căng thẳng ở Đà Nẵng và Huế. Hội nghị và lãnh đạo chính phủ đã đồng ý tổ chức bầu cử cho một hội nghị hiến pháp trong vòng ba đến năm tháng, sau đó ngay lập tức thành lập một chính phủ mới. Chính phủ cũng đồng ý ân xá cho những cá nhân đã tham gia các cuộc biểu tình chống chính phủ.²⁵⁵

Trong tuần sau Hội nghị Chính trị Quốc gia, Đà Nẵng và Huế vẫn tương đối yên tĩnh, nhưng thủ đoạn của Phật giáo quay trở lại. Các thành viên của Ủy ban Đấu tranh Đà Nẵng đã đột kích văn phòng của Đảng Quốc gia Việt Nam và bắt cóc hơn một chục nhà lãnh đạo chống Cộng, trong đó ít nhất hai người bị sát hại. Ủy ban thông báo cho cảnh sát trưởng Đà Nẵng rằng ông ta sẽ bị giết trừ khi tuân theo mệnh lệnh của ủy ban.²⁵⁶ Trí Quang nói với một nhà ngoại giao trẻ người Mỹ tên là John Negroponte rằng các Phật tử sẽ không dung thứ cho việc thay thế tư lệnh Quân đoàn I hoặc tư lệnh Sư đoàn 1, những đồng minh mạnh nhất của họ trong chính phủ.²⁵⁷ Trong các đơn vị Quân đội Nam Việt Nam, các tuyên úy Phật giáo kích động binh lính quay lưng lại với chính phủ và tham gia các cuộc biểu tình chống chính phủ.²⁵⁸

Do những vướng mắc chính trị ở Đà Nẵng và Huế đang chiếm phần lớn thời gian của Sư đoàn 1 ARVN, Thủy quân lục chiến Mỹ đã phải hủy bỏ một loạt các hoạt động mà họ đã lên kế hoạch thực hiện cùng với sư đoàn đó.²⁵⁹ Từ góc nhìn của Westmoreland, thời điểm chuyển hướng lực lượng Nam Việt Nam này không thể tồi tệ hơn. Ông rất cần lực lượng để ngăn chặn những binh lính Bắc Việt đã bắt đầu tràn về phía đông qua Thung lũng A Sầu sau sự sụp đổ của trại Lực lượng Đặc biệt.

Westmoreland nghi ngờ rằng quân Bắc Việt đang chuẩn bị tấn công Huế, do tầm quan trọng biểu tượng của thành phố và khả năng sử dụng nó như một bàn đạp cho một cuộc tấn công nhằm chiếm toàn bộ hai tỉnh cực bắc, Quảng Trị và Thừa Thiên. Từ góc độ hậu cần, hai tỉnh đó là dễ dàng nhất trong toàn Nam Việt Nam để phe Cộng sản hỗ trợ, và khó khăn nhất cho người Mỹ và Nam Việt Nam. Quân Bắc Việt có tuyến tiếp tế ngắn nhất vào Quảng Trị và Thừa Thiên, thông qua DMZ và Lào. Người Mỹ và Nam Việt Nam không thể tiếp tế cho Quảng Trị và Thừa Thiên chủ yếu bằng đường biển như họ tiếp tế cho các tỉnh Nam Việt Nam khác vì họ thiếu các cảng nước sâu. Bị tách biệt với phần còn lại của Nam Việt Nam bởi một dãy núi, chúng chỉ có thể được tiếp cận bằng xe tải thông qua đèo Hải Vân, với

con đường hẹp và quanh co tạo ra những cơ hội phục kích hấp dẫn.

Tình báo gần đây ủng hộ giả thuyết rằng quân Bắc Việt có ý định chiếm hai tỉnh cực bắc. Theo một số nhà phân tích tình báo của Westmoreland, hai sư đoàn Bắc Việt nguyên vẹn đã vào Quảng Trị và Thừa Thiên, và quân Bắc Việt đã thiết lập một sở chỉ huy mới lớn cách Huế 20 dặm về phía tây. Nhân Dân, cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã đăng một bài báo tuyên bố rằng một sư đoàn Bắc Việt đang thực hành cách len lỏi lặng lẽ trong năm mươi cây số và sau đó tập hợp cho một cuộc tấn công phối hợp.

Tướng Walt và các sĩ quan cao cấp Thủy quân lục chiến Mỹ khác ít quan tâm hơn Westmoreland một chút về mối đe dọa của kẻ thù đối với Quảng Trị và Thừa Thiên. Họ tin rằng họ chỉ có bằng chứng rõ ràng về một trung đoàn ở phía bắc Quân đoàn I và không nghĩ rằng quân Bắc Việt sắp thực hiện một cú lao lớn vào Huế. Mặc dù lực lượng Bắc Việt liên tục tấn công lực lượng Nam Việt Nam ở Quảng Trị và Thừa Thiên trong tháng 3 và tháng 4, chúng biến mất khi Thủy quân lục chiến đi tìm chúng, điều này dường như cho thấy sự thiếu hụt về sức mạnh và tham vọng.²⁶⁰

Những trận đánh lớn nhất Thủy quân Lục chiến tham gia trong giai đoạn này diễn ra ở tỉnh cực nam của Vùng I Chiến thuật, Quảng Ngãi. Gần cuối tháng Ba, trong Chiến dịch Texas, vài tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ và Quân lực Việt Nam Cộng hòa (QLVNCH) đã chạm trán với ba tiểu đoàn từ trung đoàn 1 và 21 của Quân đội Bắc Việt. Sau khi xác định được vị trí lực lượng Bắc Việt trong một cụm thôn ấp được củng cố phòng thủ, Thủy quân Lục chiến mở màn bằng một bản giao hưởng dài những đợt không kích và pháo kích, khiến màng nhĩ của lính vỡ tung và mặt đất rung chuyển. Sau đó, thiết giáp và bộ binh Mỹ - Việt Nam ồ ạt tấn công vào các thôn ấp.

Các đợt oanh tạc chuẩn bị gây thiệt hại cho các tiểu đoàn địch ít hơn những gì Thủy quân Lục chiến kỳ vọng. Thò đầu ra khỏi các hầm trú ẩn và đường hầm, quân Bắc Việt khai hỏa vào lực lượng đồng minh đang tiến công bằng bazooka, súng cối 82 mm, súng phóng lựu B - 40, súng máy hạng nặng và pháo bao vây. Với việc cả hai bên sử dụng vũ khí hạng nặng ở cự ly gần, thương vong chất đồng nhanh chóng. Quân Bắc Việt bám trụ các vị trí phòng thủ của họ đến cùng, giết càng nhiều đối phương càng tốt trước khi bị nghiền nát.

Thủy quân Lục chiến chịu 99 người chết và 212 người bị thương. Một báo cáo của Mỹ ghi nhận số quân địch chết là 283, trong khi báo cáo khác là 623. Về sau, chính quân Bắc Việt thừa nhận họ không bao giờ có thể xác định được vị trí của 250 binh sĩ đã tham gia trận đánh.²⁶¹

Khả năng các công sự của Bắc Việt chịu đựng được các cuộc oanh tạc của Mỹ sẽ trở thành một đặc điểm lâu dài trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Các nhà nghiên cứu quân sự Mỹ xác định rằng quân Bắc Việt sử dụng công sự trong 63% các cuộc chạm trán với lực lượng Mỹ trong suốt năm 1966. Họ cũng phát hiện ra rằng ngay cả những công sự thô sơ cũng mang lại cho quân Bắc Việt sự bảo vệ đáng gờm trước vũ khí hạng nặng của Mỹ. Một quả bom 750 pound có chưa đến 50% cơ hội gây thương vong cho một đơn vị Bắc Việt đã đào hào, và một quả đạn pháo 105 mm có chưa đến 1% cơ hội. Ngoài ra, nghiên cứu cho thấy công sự của Bắc Việt rất hiệu quả trong việc cản trở các cuộc tấn công của bộ binh, được đo lường bằng mức thương vong cao mà binh lính Mỹ phải chịu khi cố gắng áp sát chúng.²⁶²

Một giải pháp mà các chỉ huy Mỹ thử nghiệm là sử dụng khối lượng cực lớn các đợt không kích và pháo kích vào các vị trí phòng thủ kiên cố của Bắc Việt. Trung tá Boyd T. Bashore, một chỉ huy tiểu đoàn bộ binh Mỹ, đã viết trên tạp chí Army rằng bộ binh nên đơn giản là bước sang một bên trong khi bom và đạn pháo dần dần phá hủy công sự của địch. «Cuộc ‘tấn công truyền thống’ bị trì hoãn cho đến khi vị trí đó bị tàn phá và quân địch bị tiêu diệt đến mức cuộc hành quân trở nên dễ dàng», Bashore tuyên bố.²⁶³

Trên thực tế, cách tiếp cận đó ngày càng trở nên phổ biến. Nhưng nó hiếm khi mang lại kết quả dễ dàng. Sau ngay cả những trận oanh tạc dữ dội nhất, lực lượng tấn công Mỹ thường vấp phải sự kháng cự ngoan cố từ những người sống sót của Bắc Việt. Trong nhiều trường hợp, bộ binh Mỹ không thể chờ đợi quá lâu để tấn công trừ khi họ muốn cho địch cơ hội chạy trốn qua các đường hầm hoặc các lối thoát khác. Hơn nữa, một số sĩ quan bộ binh Mỹ, theo bản năng và được đào tạo, có khuynh hướng tấn công nhanh chóng và mạnh mẽ trong những tình huống mà, theo phân tích lý trí lạnh lùng của một quan sát viên từ xa, có lẽ phù hợp nhất với việc oanh tạc kéo dài. Cuối cùng, hầu hết các chỉ huy Mỹ đối phó với công sự của địch bằng cách luân phiên giữa các cuộc thăm dò tấn công bằng bộ binh và các đợt

không kích, pháo kích, kết thúc bằng một cuộc tấn công trên bộ cuối cùng một khi sự kháng cự của địch đã suy yếu chỉ còn thoi thóp.

Các chỉ huy Mỹ cũng tìm cách né tránh việc địch sử dụng công sự bằng cách giao chiến với quân địch khi chúng đang di chuyển. Việc này có thể thực hiện được bằng cách chặn đánh lực lượng địch, dụ lực lượng địch tấn công, hoặc truy kích lực lượng địch đang rút lui. Trên thực tế, quân Bắc Việt thường sẵn sàng chiến đấu mà không có sự bảo vệ của công sự đã chiến khi họ tin rằng điều đó sẽ ngăn người Mỹ chiến đấu từ trong công sự, bởi vì công sự của Mỹ thậm chí còn hiệu quả hơn của Bắc Việt, được bổ sung bởi các loại vũ khí mà Bắc Việt không có, chẳng hạn như mìn claymore và hỗ trợ pháo binh đã được định vị trước sẵn.

Vào ngày 21 tháng Tư, thông tin tình báo từ một người đào ngũ Bắc Việt đã dẫn lực lượng Mỹ và VNCH đến Trung đoàn 1 của Quân đội Bắc Việt. Kẻ đào ngũ chỉ cho họ vị trí chính xác của bốn tiểu đoàn của trung đoàn ở vùng đồi thoải thoải của tỉnh Quảng Ngãi, đầu tiên trên bản đồ và sau đó từ một chiếc trực thăng. Sau một cuộc oanh tạc kéo dài, hai tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ và ba tiểu đoàn VNCH đã di chuyển bằng trực thăng đến các vị trí gần trung đoàn trong chiến dịch

có mật danh là Hot Springs (Suối nước nóng). Chỉ huy trung đoàn Bắc Việt không hài lòng với những gì ông ta thấy, vì vậy ông ra lệnh cho phần lớn binh lính của mình rút lui trong khi một đội hậu vệ gồm vài đại đội ở lại để ngăn chặn cuộc truy kích.

Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Thủy quân Lục chiến 7 Hoa Kỳ, đã đụng độ với một số đơn vị hậu vệ. Tuy nhiên, hành động quan trọng nhất liên quan đến Đại đội Mike thuộc Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Thủy quân Lục chiến 7, được phái đến thôn mà kẻ đào ngũ đã xác định là vị trí sở chỉ huy của Trung đoàn 1. Khi Đại đội Mike đến gần thôn, súng máy và súng cối của Bắc Việt khai hỏa. Tận dụng hiệu quả chỗ ẩn nấp và che chắn, một số Thủy quân Lục chiến tiến lên để thăm dò vị trí của địch. Họ báo cáo lại rằng quân Bắc Việt rất đông và có công sự sâu. Chỉ huy đại đội, Đại úy Thomas Draude, yêu cầu hỗ trợ hỏa lực. Trong vài giờ, pháo binh, súng cối, máy bay cánh cố định và trực thăng vũ trang lần lượt dội xuống mảnh đất không may mắn đó.

Vào cuối buổi chiều, đại đội Mỹ tiến vào thôn để dọn dẹp bất kỳ binh lính Bắc Việt nào còn sót lại. Một số lượng lớn vũ khí tự động của Bắc Việt nã vào Thủy quân Lục chiến. Trong ba mươi phút, súng máy hai bên nổ nhau từ cự ly gần. Nhận thấy mặt trời sắp lặn, Draude

quyết định lựa chọn duy nhất để đánh bại kẻ thù trước khi trời tối là một cuộc xung phong lưỡi lê. Lệnh được truyền xuống cho binh lính gấn lưỡi lê.

Hai trung đội Thủy quân Lục chiến xông vào các vị trí của địch trong khi trung đội thứ ba yểm trợ hỏa lực ở sườn. Những lưỡi lê đã tiêu diệt một số ít lính Bắc Việt làm đội hậu vệ cuối cùng trong khi phần còn lại của quân Bắc Việt bỏ chạy. Chưa đầy ba mươi phút, Thủy quân Lục chiến đã hoàn toàn kiểm soát ngôi thôn.

Một số binh lính Bắc Việt vừa rời khỏi thôn giờ bắt đầu bắn vào những người chiếm đóng mới. Thủy quân Lục chiến không chắc liệu những phát đạn này là dấu hiệu báo trước một cuộc phản công hay chỉ là mưu kế để trì hoãn cuộc truy kích. Draude quyết định di chuyển đại đội của mình trở lại một vị trí có thể phòng thủ tốt hơn cách đó bốn trăm mét. Sau khi đến vị trí đó, Draude nhận được tin rằng thi thể của một Thủy quân Lục chiến tử trận, Hạ sĩ Frederick Miller đến từ Berlin, Ohio, đã bị bỏ lại phía sau. Những phát súng của Bắc Việt tiếp tục bay vèo vèo qua thôn, và màn đêm đang buông xuống.

Draude quyết định tự mình quay lại thôn để tìm thi thể của Miller, mang theo hai Thủy quân Lục chiến biết sơ qua vị trí của nó. Ba Thủy quân Lục chiến đã có thể

biến mất vào bóng tối và không bao giờ trở lại nếu quân Bắc Việt quay lại ồ ạt, nhưng quân Bắc Việt đã không còn trong thôn. Một số túp lều cháy trong lúc giao tranh vẫn còn cháy, cung cấp đủ ánh sáng để lục soát thôn và tìm thấy Miller. Draude nhắc thi thể và vác trên vai trở về vị trí phòng thủ.

Ngày hôm sau, Draude được chỉ huy tiểu đoàn của mình, Trung tá Charles H. Bodley, đến thăm. Khi Bodley nghe rằng Draude đã mạo hiểm vào thôn với hai Thủy quân Lục chiến để lấy thi thể của Miller, ông đã mắng Draude, nói rằng anh không nên tự đi và nên cử một lực lượng lớn hơn hoặc chờ đến sáng. Bodley nói, Draude đã «ngu ngốc, đại dốt, và đã tự gây nguy hiểm cho bản thân và Thủy quân Lục chiến của mình một cách không cần thiết.» Sau năm phút mắng mỏ, Bodley thề rằng ông sẽ cách chức Draude nếu anh còn làm bất cứ điều gì như vậy nữa.

Draude trả lời, «Tôi hiểu những gì ngài nói, thưa ngài, tuy nhiên, trong tình huống tương tự với một Thủy quân Lục chiến tử trận hoặc bị thương bị bỏ lại phía sau, tôi e rằng tôi sẽ phải làm điều tương tự.»

Vứt bỏ lớp bình tĩnh cuối cùng, Bodley buộc tội Draude trở nên cảm tính. Ông nói rằng Draude không cho ông lựa chọn nào khác ngoài việc sa thải anh, có

hiệu lực ngay lập tức.

Cuộc trò chuyện của họ bị gián đoạn bởi sự tiếp cận của một chiếc trực thăng, những lưỡi dao dài của nó thổi một cơn gió bụi vào mặt họ. Tư lệnh phó sư đoàn, Chuẩn tướng William A. Styles, nhảy ra khỏi trực thăng.

«Chỉ huy đại đội Mike đâu ?» Styles hỏi. Draude đoán rằng vị tướng đã đến để bắt giữ anh chuẩn bị cho một phiên tòa quân sự.

Được dẫn đến chỗ Draude, Tướng Styles bắt tay vị đại úy như máy bơm dầu, vỗ lưng anh, và nói đi nói lại với anh rằng ông tự hào như thế nào khi có anh trong sư đoàn. Sau vài phút chúc mừng, vị tướng quay sang Trung tá Bodley và nhận xét, «Làm sao ngài có thể sai lầm với một chàng trai trẻ tuyệt vời như thế này được?»

Styles lên trực thăng và bay đi. Draude giữ được công việc và sau đó nhận được Huân chương Ngôi sao Bạc (Silver Star) cho hành động của mình trong ngày hôm đó.

Sau trận đánh, Thủy quân Lục chiến thu hồi tổng cộng 257 thi thể địch, 96 vũ khí cá nhân và 14 vũ khí tập thể. Tổng số quân địch chết ước tính là 327. Người Mỹ cũng bắt giữ 16 binh lính địch. Thương vong của

Mỹ tổng cộng là 4 người chết và 27 người bị thương.²⁶⁴

Bên ngoài Vùng I Chiến thuật, cuộc khủng hoảng Phật giáo ít ảnh hưởng đến tình hình quân sự hơn nhiều. Hầu hết sĩ quan VNCH không đồng cảm với các Phật tử quá khích, và họ thực hiện nhiệm vụ không khác gì trước đây. Chỉ có một vài tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến và Nhảy dù VNCH được chuyển hướng từ các hoạt động quân sự bên ngoài Vùng I để đối phó với Đà Nẵng và Huế.

Ở Vùng III Chiến thuật, sự phát triển quân sự lớn của mùa xuân là việc phối hợp giữa Sư đoàn Mỹ số 1 và 25 với Sư đoàn 5 và 25 của QLVNCH. Hai sư đoàn sau là một trong những đơn vị tồi tệ nhất trong Quân đội VNCH do các chỉ huy kém hiệu quả. Các sư đoàn này đã có thói quen hoạt động ở những khu vực được biết là không có lực lượng thù địch và chấm dứt mọi cuộc chạm trán với địch vào đầu giờ chiều để họ có thể tìm chỗ ở an toàn cho buổi tối. Khi người Mỹ cầu xin Bộ Tổng tham mưu QLVNCH cách chức chỉ huy Sư đoàn 25, không có kết quả vì ông ta là bạn thân của Kỳ.²⁶⁵

Vào tháng Ba, binh lính của Sư đoàn 25 Lục quân Hoa Kỳ bắt đầu các hoạt động phối hợp với Sư đoàn 25 QLVNCH ở tỉnh Hậu Nghĩa. Dưới sự chỉ đạo của các sĩ quan Mỹ, binh lính VNCH và Mỹ làm việc cật lực

bên cạnh nhau. Họ cùng nhau tiến hành các hoạt động tìm - diệt và tham gia vào các hoạt động an ninh dân số phối hợp với cảnh sát và các nhà quản lý dân sự Việt Nam Cộng hòa.

Ở các làng xã, quân đội Việt Nam Cộng hòa giúp người Mỹ giao tiếp với dân chúng, và người Mỹ giúp người Việt Nam Cộng hòa không tơ hào đến gà của dân. Chính quyền tuyển mộ 1.100 người đàn ông của Hậu Nghĩa vào lực lượng dân quân, và chương trình Cán bộ RD (Định cư Nông thôn) lan rộng vào các ấp. Người Mỹ tổ chức các «hội chợ quận» mô phỏng theo các sự kiện cùng tên ở Mỹ, trong đó các ban nhạc biểu diễn các bản nhạc Mỹ và các đầu bếp phục vụ thức ăn Mỹ, mặc dù chúng đã bị ngừng lại sau khi xác định rằng nông dân Việt Nam không có khẩu vị cho John Philip Sousa hay khoai tây nghiền. Theo ước tính của Mỹ, sự kiểm soát của chính quyền đối với dân số và nguồn cung lương thực của tỉnh đã tăng từ 20 lên 53 phần trăm trong vài tháng.²⁶⁶

Ở vùng cao nguyên, Westmoreland điều Sư đoàn Kỵ binh số 1 thực hiện các hoạt động tìm - diệt chống lại lực lượng địch và các khu vực tiếp tế trước khi mùa mưa đến. Vào ngày 30 tháng 3, trong Chiến dịch Lincoln, thông tin về sự hiện diện của một vài binh lính Quân

đội Nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) gần khối núi Chư Pông đã dẫn đến việc đổ bộ bằng trực thăng một trung đội Kỵ binh Không quân vào ngay giữa nơi hóa ra là toàn bộ Trung đoàn 18 QĐNDVN. Quân tiếp viện Mỹ đến nhanh chóng, đổ bộ cách nửa cây số rồi tiến bộ binh trong khi các đợt không kích của Mỹ ập xuống Trung đoàn 18. Vài trăm binh lính Bắc Việt đã thiệt mạng trong trận chiến.²⁶⁷ Hầu hết các hoạt động tìm - diệt khác ở cao nguyên đều không thể buộc địch giao chiến, và điều tương tự cũng xảy ra ở vùng đồng bằng của Quân khu II.

Đối với bộ binh của cả hai bên, kẻ thù chính trong hầu hết các ngày là mìn bẫy, muỗi sốt rét, địa, cái nóng ngột ngạt, mưa, bệnh kiết lỵ, sĩ quan tồi, thiếu ngủ và sự nhàm chán. Phần lớn những cuộc nói chuyện phiếm giữa những người lính này, cũng như giữa những người lính từ thuở xa xưa, bao gồm những lời phàn nàn về các vấn đề khác nhau này. Phần lớn, họ gia nhập quân đội để chiến đấu cho đất nước, nhưng giờ đây họ chiến đấu trước hết là vì nhau. Khả năng lãnh đạo tốt, vốn phổ biến mặc dù không phải là hiện diện khắp nơi ở cả hai bên, cũng như tình đồng đội đã duy trì tinh thần của người lính vượt qua khó khăn và chấn thương. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Cyrus Vance, người sau này sẽ trở thành Ngoại trưởng trong chính quyền Carter, báo

cáo với Tổng thống Johnson trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng Tư : «Tinh thần của lực lượng chúng ta thật tuyệt vời. Ngay cả những người lính trong bệnh viện cũng có tinh thần tốt. Họ có ý thức tận tụy và thể hiện năng lực chuyên môn khiến người ta tự hào là một người Mỹ.»²⁶⁸

Tại Washington, nơi các quyết định triển khai lực lượng Mỹ được đưa ra bởi những quan chức dân sự chỉ mơ hồ nhận thức được những gian khổ của người lính bộ binh, các quan chức dân sự đang quan tâm đến các vấn đề quân sự bên ngoài Nam Việt Nam nhiều hơn trước. Khi các Tham mưu trưởng Liên quân và các điều hâu trong Quốc hội tiếp tục vận động hành lang để tăng cường Chiến dịch Sấm Rền (Sấm Rền) và rải mìn các cảng của Bắc Việt, họ có thêm sự ủng hộ của Walt Rostow. Một giáo sư kinh tế theo đường lối điều hâu, Rostow đã thay thế McGeorge Bundy làm cố vấn an ninh quốc gia vào đầu tháng Tư. Giống như những người ủng hộ ném bom khác, Rostow đặc biệt chú ý đến các cơ sở tiếp nhận, lưu trữ và phân phối dầu mỏ, dầu hỏa và dầu bôi trơn (POL) của Bắc Việt. Các cơ sở này đang trở nên ít dễ bị tổn thương hơn từng ngày khi người Bắc Việt gấp rút phân tán các cơ sở POL của họ để đề phòng các cuộc tấn công bằng không quân của Mỹ.²⁶⁹

Dư luận ủng hộ mở rộng ném bom vào các mục tiêu POL và các mục tiêu khác trong khu vực Hà Nội - Hải Phòng đang gia tăng.²⁷⁰ Một báo cáo mới của CIA dự đoán kết quả của việc ném bom ở miền Bắc sẽ tốt hơn so với các ước tính trước đó của CIA, lưu ý rằng những «hạn chế tự áp đặt» của chiến dịch ném bom đã khiến gần 80% ngành công nghiệp hiện đại của Bắc Việt và tất cả các cơ sở, tuyến đường tiếp tế quân sự trọng yếu của họ không bị phá hủy. Về các hệ thống mục tiêu chính ở Bắc Việt, các nhà phân tích CIA tuyên bố, «không có hệ thống nào bị tấn công đủ mạnh hoặc đủ rộng để làm giảm trầm trọng năng lực quốc gia.»²⁷¹

Cả dư luận lẫn ước tính của CIA đều không thay đổi suy nghĩ trong Bộ Ngoại giao, nơi hầu hết các quan chức vẫn phản đối việc mở rộng ném bom. Leonard Unger, trợ lý thứ trưởng ngoại giao phụ trách vùng Viễn Đông, lập luận rằng trong việc thuyết phục Hà Nội từ bỏ ở miền Nam, «chúng ta có thể tác động đến tính toán của họ bằng một đòn tấn công gần như cũng hiệu quả như bằng mười đòn.»²⁷² Các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao tiếp tục cảnh báo rằng ném bom vào các khu vực bất khả xâm phạm Hà Nội - Hải Phòng có nguy cơ dẫn đến chiến tranh với Trung Quốc hoặc Liên Xô, hoặc sự trả đũa của Bắc Việt.²⁷³

Nỗi lo sợ về sự can thiệp từ nước ngoài không tính đến việc Trung Quốc đã nhiều lần thể hiện rõ sự không sẵn sàng can thiệp, cũng như sự bất đồng ngày càng gia tăng trong phe Cộng sản đang khiến khả năng can thiệp càng trở nên ít có khả năng hơn trước. Việc Liên Xô tăng viện trợ cho Bắc Việt bắt đầu từ năm 1965 đã cải thiện quan hệ giữa Hà Nội và Mát - xơ - va, đồng thời làm xấu đi quan hệ giữa Hà Nội và Bắc Kinh.

Vào tháng Ba, Lê Duẩn đã tham dự Đại hội lần thứ 23 của Đảng Cộng sản Liên Xô - một sự kiện mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tẩy chay và kêu gọi các đảng Cộng sản khác cũng nên tránh. Trong con mắt của người Trung Quốc, việc Lê Duẩn chỉ đơn thuần tham dự sự kiện này đã là điều không thể chấp nhận, nhưng điều khiến họ phẫn nộ hơn cả là lời phát biểu của ông rằng Liên Xô là «quê hương thứ hai» của ông.

Phó Thủ tướng Trung Quốc Đặng Tiểu Bình cảm thấy vô cùng lo ngại trước hành động của Bắc Việt, đến mức ông nêu khả năng rút quân Trung Quốc khỏi Bắc Việt Nam. Ông báo với Lê Duẩn rằng nếu Bắc Việt không tin tưởng Trung Quốc, thì Trung Quốc sẽ «thu dọn đồ chơi và về nhà.» Ông chưa chát nhận xét : «Chúng tôi còn nhiều việc phải làm ở Trung Quốc.»

Bắc Việt không muốn quân Trung Quốc rút đi. Nếu điều đó xảy ra, Bắc Việt sẽ buộc phải điều động lực lượng của mình để đảm nhận các công việc xây dựng đường sá, công trình kỹ thuật và phòng không - những nhiệm vụ mà hơn một trăm nghìn binh sĩ Trung Quốc đang thực hiện. Lê Duẩn đã trấn an Đặng Tiểu Bình rằng Hà Nội không hề nghi ngờ động cơ của Trung Quốc, nói rằng «các đồng chí Trung Quốc đến giúp chúng tôi vì tinh thần quốc tế vô sản.» Lê Duẩn còn nói thêm rằng Bắc Việt có thể sẽ cần đến hơn năm trăm nghìn quân Trung Quốc, có lẽ trong trường hợp Mỹ xâm lược lãnh thổ miền Bắc Việt Nam.

Cuối cùng, quân đội Trung Quốc vẫn ở lại miền Bắc Việt Nam trong thời điểm đó. Tuy nhiên, Trung Quốc đã cắt giảm viện trợ cho Bắc Việt như một hình phạt vì đã «tán tỉnh» Liên Xô.

Chương 6 - Đóng nắp hậu cứ

Tháng 5 - Tháng 6 năm 1966

Với sự khởi đầu của những cơn mưa lớn vào đầu tháng Năm, các chỉ huy Bắc Việt ở vùng cao nguyên đã mở ra một loạt cuộc tấn công quy mô tiểu đoàn vào các cứ điểm của Quân đội và dân quân Nam Việt Nam. Mỗi cuộc tấn công được tạo dựng với mục đích ngăn cản lực lượng Mỹ tham chiến với lực lượng Bắc Việt, trừ những điều kiện có lợi nhất cho phía Bắc Việt.²⁷⁴ Các chiến dịch truy kích và tiêu diệt của Mỹ ở vùng cao nguyên trong tháng Năm và tháng Sáu đã không thể buộc quân Bắc Việt tham chiến, chỉ với một vài ngoại lệ, trong đó đáng kể nhất là Chiến dịch Paul Revere.

Được khởi động vào ngày 10 tháng 5 bởi Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn Bộ binh số 25 của Quân đội Hoa Kỳ, Chiến dịch Paul Revere đã bao vây ba trung đoàn Bắc Việt gần khối núi Chư Pông. Sử dụng các cuộc tuần tra nhỏ để xác định vị trí lực lượng đối phương, quân Mỹ đã thường xuyên chạm trán với các đơn vị Bắc Việt và trong một số trường hợp đã biến những cuộc đụng độ nhỏ thành những trận giao tranh lớn. Khi lực lượng Bắc Việt gặp phải rắc rối nghiêm trọng trong những

cuộc chạm trán này, họ vội vã chạy về phía biên giới Campuchia để tìm nơi ẩn náu và thường chạy thoát sang bên kia. Tuy nhiên, Paul Revere được báo cáo là đã tiêu diệt 546 quân Bắc Việt và bắt giữ 69 người.²⁷⁵

Ở cực bắc của đất nước, những thành phần đi đầu của Sư đoàn 324 Quân đội Bắc Việt Nam bắt đầu tiến vào tỉnh Quảng Trị vào tháng Năm, khởi đầu một cuộc tập trung quân sự mà sẽ sớm xóa bỏ mọi nghi ngờ của Thủy quân lục chiến về sự hiện diện của một mối đe dọa kẻ thù chính quy ở Quảng Trị. Không giống các đơn vị Bắc Việt Nam trước đó, vốn đã thực hiện hành trình về phía nam trên đất Lào, Sư đoàn 324 đi thẳng qua Khu phi quân sự (DMZ). Lộ trình này cho phép thâm nhập quân và trang thiết bị trong thời gian ngắn hơn nhiều. Trong khi chuyển đi xuống Đường mòn Hồ Chí Minh mất tối thiểu bốn mươi ngày, thì quân của Sư đoàn 324 hành quân từ rìa phía bắc của DMZ vào vùng nội địa miền núi của Quảng Trị chỉ trong mười hai ngày.²⁷⁶

Các đơn vị Bắc Việt Nam mới đến có ý định nhử Thủy quân lục chiến Mỹ vào giao tranh bằng cách tấn công lực lượng Nam Việt Nam ở vùng nội địa hiểm trở của Quảng Trị và Thừa Thiên. Các mục tiêu được chọn nằm xa bờ biển để Hải quân Mỹ không thể đổ bộ tiếp viện Thủy quân lục chiến một cách đổ bộ cũng như không

thể bắn các khẩu pháo cỡ lớn vào trận chiến. Theo một sử liệu Cộng sản, người Bắc Việt Nam tin rằng họ có thể đánh bại Thủy quân lục chiến trong những ngọn núi phủ rừng của Quảng Trị và Thừa Thiên vì địa hình này «giảm thiểu đến mức tối đa những thế mạnh của quân đội Mỹ nhưng tận dụng tối đa sự quen thuộc của quân đội ta với chiến đấu trong địa hình rừng núi.»²⁷⁷

Vào ngày 19 tháng Năm, các cuộc tấn công cỡ nhiều tiểu đoàn của Bắc Việt Nam đã đập tan các đồn tiền tiêu của Quân đội Nam Việt Nam tại Gio Linh và Cồn Tiên, gần khu phi quân sự. Để đáp trả, Tướng Walt đã phát động Chiến dịch Reno để tìm thủ phạm và bắt kỳ đơn vị Bắc Việt Nam nào khác có thể đang ẩn náu trong khu vực. Thủy quân lục chiến rất tỉ mỉ trong việc hạn chế tính dễ bị tổn thương của họ trước các cuộc tấn công bất ngờ, tỉ mỉ đến mức người Bắc Việt Nam chọn cách tránh xa họ. Kết quả là, Thủy quân lục chiến không thể đưa bất kỳ lực lượng lớn nào của Bắc Việt Nam vào trận chiến trong suốt chiến dịch.²⁷⁸

Trong khi đó, Kỳ đang phải đối phó với sự lớn mạnh của ảnh hưởng Phong trào Đấu tranh đối với Quân đội Nam Việt Nam ở các tỉnh phía bắc. Kỳ tin rằng, nếu phong trào giành được lòng trung thành của các nhà lãnh đạo quân đội then chốt ở đó, những nhà lãnh đạo

đó sẽ cố gắng tách những tỉnh đó ra khỏi phần còn lại của đất nước. Một số sĩ quan quân đội trẻ tuổi đã được cử đến Đà Nẵng vào đầu tháng Tư để chiếm thành phố bất thành đang kêu gọi chính phủ tái chiếm Đà Nẵng bằng vũ lực. Tất cả các chỉ huy quân sự Nam Việt Nam then chốt ở Quân đoàn II, III và IV cũng như các nhà lãnh đạo của Sư đoàn 2 trong Quân đoàn I đều trung thành với chính phủ Sài Gòn, giống như hầu hết các chỉ huy dân quân, và nhiều người trong số họ cũng chán ngán những người Phật giáo và Phong trào Đấu tranh. Như những sĩ quan này biết từ kinh nghiệm, việc tiếp tục khoan dung sự xáo trộn của Phong trào Đấu tranh sẽ khiến chính phủ mất mặt và do đó sẽ làm xói mòn sự ủng hộ dành cho chính phủ trong chính nhân viên của mình cũng như trong dân chúng nói chung.²⁷⁹

Liệu Kỳ có định tuân thủ kế hoạch bầu cử một hội nghị hiến pháp, như đã được Đại hội Chính trị Quốc gia vạch ra hay không, không bao giờ rõ ràng. Những mưu đồ của Phật giáo ở Đà Nẵng và Huế và các trụ sở của các đơn vị Quân đội Nam Việt Nam lân cận vào đầu tháng Năm đã đảm bảo rằng ông ta sẽ không làm thế. Vào ngày 7 tháng Năm, Kỳ đã nuốt lời thỏa thuận với Đại hội Chính trị Quốc gia trong một bài phát biểu tại Cần Thơ. Ông thông báo với một nhóm phóng viên nước ngoài đang túm tụm dưới những chiếc ô trong cơn

mưa gió mùa rằng chính phủ của ông sẽ ở lại ít nhất một năm. Mặc bộ đồ bay màu vàng chanh với chiếc khăn choàng màu oải hương, Kỳ thể hiện sự vui vẻ tương xứng, có thể bắt nguồn từ rượu Jim Beam mà ông đang nhấp nháp từ một cốc giấy giữa những lời phát biểu. «Nếu bầu trời và máy bay và đặc biệt là vợ tôi không buộc tôi từ chức», ông nói đùa, «thì tôi sẽ nắm quyền ít nhất một năm nữa - tại sao không ?»²⁸⁰

Kỳ thực hiện bước đi tiếp theo của mình vào ngày 15 tháng Năm. Mặc dù bề ngoài Đà Nẵng dường như đã trở lại không khí bình thường, Kỳ đã trở nên tin tưởng rằng chính phủ cần khẳng định quyền lực của mình một cách quyết đoán để đàn áp Phong trào Đấu tranh và xua tan nhận thức phổ biến rằng chính phủ yếu thế khi đối mặt với đối thủ của mình. «Bất kỳ người đứng đầu chính phủ nào cũng sẽ cảm thấy tồi tệ nếu, dưới thời ông ta điều hành, thành phố lớn thứ hai của đất nước bị mất», Kỳ bình luận riêng tư. «Bất kỳ người đứng đầu chính phủ nam tính trung bình nào cũng sẽ cố gắng lấy lại nó.»²⁸¹

Kỳ cẩn thận ngăn không cho người Mỹ biết trước kế hoạch của mình. Ông ta dự định thực hiện chiến dịch trong thời gian Westmoreland và Lodge, hai người Mỹ có thể can thiệp nhiều nhất, đi công du nước ngoài.

Trong hồi ký của mình, Kỳ sẽ viết rằng ông đã giữ kín người Mỹ vì «chính phủ Hoa Kỳ không phải lúc nào cũng hiểu vấn đề Phật giáo ở Việt Nam» và vì «Lodge đã nói với tôi, trước khi rời đi Hoa Kỳ, rằng nói chung Nhà Trắng đã bị thuyết phục rằng nếu tôi có thể thiết lập một chính sách cứng rắn thì nó sẽ giúp ích cho nỗ lực chiến tranh.»²⁸²

Theo lệnh của Kỳ, máy bay Nam Việt Nam đã chở các tiểu đoàn Thủy quân lục chiến và Nhảy dù Nam Việt Nam đến Đà Nẵng. Vào ngày 15 tháng Năm, các tiểu đoàn này tiến từ sân bay Đà Nẵng vào thành phố với chỉ thị chiếm trụ sở Quân đoàn I, các đồn trú quân sự và cảnh sát Đà Nẵng, văn phòng thị trưởng, đài phát thanh, và một ngôi chùa phục vụ như trung tâm chỉ huy của Phong trào Đấu tranh. Họ được phép nổ súng vào các lực lượng chống Kỳ chỉ khi bị bắn trước. Đám đông reo hò xếp hàng dọc các con phố khi các đoàn quân trung thành đi qua, trong khi những người lính canh gác các cơ sở mục tiêu tan biến và những kẻ cầm đầu nhóm Đấu tranh rút vào các chùa, nơi họ dựng lên các chướng ngại vật. Các đơn vị Thủy quân lục chiến và Nhảy dù đã chiếm được tất cả các mục tiêu của họ chỉ trong một giờ mười lăm phút.²⁸³

Tại Washington, các cố vấn chính sách đối ngoại của tổng thống ít quan tâm đến thành công nhanh chóng của nhiệm vụ hơn là sự vắng mặt của thông báo trước từ chính phủ Sài Gòn. Sau khi biết được các sự kiện ở Đà Nẵng, Ngoại trưởng Rusk đã viết cho William Porter, đại sứ Mỹ quyền tại Sài Gòn, «Thật không thể chấp nhận được rằng Kỳ nên thực hiện một động thái có tầm xa như vậy chống lại Đà Nẵng mà không tham vấn với chúng ta.» Porter đã thông báo đúng thủ tục cho Thiệu và Kỳ rằng «chính phủ của tôi cực kỳ khó chịu vì các ông đã thực hiện một chiến dịch quan trọng như vậy mà không hề tham vấn hoặc thông báo cho chúng tôi.» Xét rằng số lượng lớn người Mỹ hiện đang chiến đấu ở Nam Việt Nam, Porter nói, việc không tham vấn về vấn đề này «không chỉ rất không đạt yêu cầu, mà còn không thể chấp nhận được.»²⁸⁴

Thiệu và Kỳ đã cố gắng xoa dịu căng thẳng bằng cách đưa ra cho Washington một số lý do mong manh, bao gồm tuyên bố rằng họ không có đủ thời gian để thông báo cho các quan chức Mỹ và rằng họ tin rằng chiến dịch sẽ không gây hại cho bất kỳ người Mỹ nào. Họ ít ngoại giao hơn trong đối phó với Tướng Walt, nếu tin theo hồi ký của Kỳ. Theo lời kể lại của Kỳ, Walt phàn nàn rằng với tư cách là chỉ huy quân sự Mỹ cấp cao trong khu vực, ông ta đáng lẽ phải được thông báo

trước, Kỳ đáp lại, «Đây là một vấn đề nội bộ - nhân dân với chính phủ. Nếu tôi có thể nói thẳng, đó không phải là việc của các ông và các ông không cần phải biết về nó.»²⁸⁵

Như trong các cuộc khủng hoảng trước đây cùng loại, có từ tận năm 1954, các quan chức cấp cao ở Washington đã chọn không công khai bày tỏ sự ủng hộ đối với chính phủ Sài Gòn, và thay vào đó cố gắng đóng vai trò trung gian hòa giải. Họ chỉ thị cho đại sứ quán tìm kiếm một thỏa hiệp giữa chính phủ và các đối thủ của nó để ngăn chặn đổ máu thêm.²⁸⁶ Như trước đây, hành vi này chỉ phục vụ để xa lánh các nhà lãnh đạo của chính phủ ở Sài Gòn, những người bị thuyết phục rằng thỏa hiệp là một công thức làm tổn hại uy tín của chính phủ và khuyến khích nổi loạn.

Kỳ tiếp tục tiến tới đàn áp mạnh mẽ. Vào ngày 18 tháng Năm, ông ra lệnh cho các tiểu đoàn Thủy quân lục chiến và Nhảy dù Nam Việt Nam bao vây các lực lượng Đấu tranh đã tự chốt trong các chùa. Sau đó, ông đưa ra thông báo cho các nhà lãnh đạo Phong trào Đấu tranh và Phật giáo rằng ông sẽ sử dụng vũ lực để chiếm lại các chùa nếu cần thiết vì sự hiện diện của lực lượng nổi loạn bên trong chúng có nghĩa là chúng không còn được coi là nơi thờ cúng nữa.²⁸⁷

Để đáp lại, các Phật tử quá khích đã dựng lên những giàn hỏa thiêu bên ngoài chùa Tịnh Hội và đe dọa sẽ tự thiêu nếu lực lượng chính phủ cố gắng vào. Trí Quang đưa ra những cáo buộc bạo lực sai sự thật chống lại Phật tử, trong khi phó của ông tuyên bố rằng trừ khi chính phủ cung cấp đạn dược và thực phẩm cho lực lượng Đấu tranh, họ sẽ chấp nhận đạn dược và thực phẩm từ Cộng sản.²⁸⁸ Hà Nội tìm cách làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng bằng cách ca ngợi những người đối lập trên Đài Phát thanh Giải phóng của Cộng sản và tuyên bố rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng sẽ sẵn lòng hỗ trợ họ.²⁸⁹

Trong một sự lặp lại khác của những cuộc khủng hoảng trong quá khứ, các nhà báo Mỹ dày dạn như Charles Mohr của tờ New York Times và Ward Just của tờ Washington Post đã cung cấp những báo cáo khá công bằng về tình trạng hỗn loạn chính trị. Họ không chấp nhận các cáo buộc của Phật giáo theo giá trị bề mặt, và họ chỉ ra sự tương đồng giữa tuyên truyền và hành động của Phong trào Đấu tranh với những người Cộng sản. Các phóng viên trẻ tuổi hơn lại đề cao những khía cạnh của cuộc khủng hoảng phản ánh tiêu cực nhất đối với chính phủ Nam Việt Nam, lặp lại những tuyên bố hoang đường của Phật giáo về việc chính phủ giết hại sư sãi và sự phạm thánh đối với chùa chiền, và bỏ

qua bằng chứng trái ngược. Họ tranh giành để trở thành David Halberstam tiếp theo, phóng viên tiếp theo đạt được danh tiếng bằng cách làm mất uy tín chính phủ Nam Việt Nam và những người ủng hộ Mỹ của nó.²⁹⁰

Lodge, người đã cộng tác với Halberstam và các nhà báo cùng chí hướng trong việc phá hủy chính phủ Diệm vào mùa thu năm 1963, hồi hận về con quái vật mà ông đã thả ra. «Thành công mà những người Phật giáo có được trong việc giành được giới báo chí Mỹ về phía họ thật đáng kinh ngạc để chứng kiến», Lodge nhận xét trong một bức điện gửi Washington. «Các nhà báo của chúng ta dường như chấp nhận không thắc mắc sự giả vờ của Viện Phật giáo rằng họ nói thay cho toàn bộ Phật giáo - mà tôi nghĩ là rõ ràng không đúng sự thật. Họ coi Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam với sự hoài nghi và không tin tưởng không che giấu, nhưng nếu một Phật tử nói hoặc làm điều đó, thì nó được đăng tải không thay đổi và không nghi ngờ.»²⁹¹

Nổi bật nhất trong số các phóng viên giật gân vào mùa xuân năm 1966 là Neil Sheehan, một cựu chiến binh của cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, người đã trở lại Việt Nam với một nhà tuyển dụng khác, tờ New York Times. «Mặc dù chính phủ kiểm soát về mặt vật chất hầu hết Đà Nẵng, nhưng dường như họ không

thể củng cố vị thế chính trị của mình», Sheehan đưa tin vào ngày 16 tháng Năm. «Không rõ Nguyên soái Kỳ đã đạt được điều gì bằng cách chiếm Đà Nẵng ngoài việc làm trầm trọng thêm một tình hình vốn đã ảm đạm.» Sheehan gợi ý rằng lỗi cho tình trạng đáng buồn này thuộc về người Mỹ bằng cách viện dẫn những lời này từ một nhà sư Phật giáo cấp cao ở Đà Nẵng : «Cuối cùng thì trách nhiệm cho việc này là với người Mỹ bởi vì Chính phủ đã sử dụng tất cả viện trợ và vũ khí của Mỹ để tấn công nhân dân.»²⁹²

R. W. Apple Jr., một phóng viên khác của tờ New York Times, cũng gây lên những nốt trầm buồn tương tự. Trong một bản tin, ông viết, «Khi tình hình tiếp tục xấu đi ở các tỉnh phía bắc của Nam Việt Nam, với lực lượng chống Chính phủ và thân Chính phủ giao tranh hai trận đấu súng trên đường phố Đà Nẵng, một số quan chức Mỹ nói riêng rằng đất nước đang tiến tới hỗn loạn.»²⁹³ Một bài xã luận của tờ New York Times được xuất bản cùng ngày với bài của Apple đã chỉ trích Kỳ vì đã phá vỡ thỏa thuận với các Phật tử và kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ rút quân Mỹ về căn cứ của họ để «đưa Sài Gòn tỉnh ngộ.» Bài xã luận phản nản rằng «với việc Sài Gòn tập trung vào các cuộc xung đột nội bộ, quân Mỹ đang bị buộc phải gánh vác phần chính của cuộc đấu tranh chống Cộng sản ; thương vong họ hiện nay đang

bắt đầu vượt quá thương vong của Quân đội Việt Nam Cộng hòa.»²⁹⁴

Những bài viết đầy bi quan của các phóng viên và biên tập viên đã làm bào mòn tinh thần của cả giới lãnh đạo Mỹ lẫn người dân Mỹ. Vào ngày 20 tháng 5, Wheeler viết thư cho Westmoreland : «Trước đây chúng ta đã có những phản ứng bất lợi ở đây [Mỹ] phát sinh từ vô số những rắc rối chính trị ở đất nước đó [Việt Nam]», nhưng «ảnh hưởng của tình hình hiện tại đối với công chúng, báo chí và Quốc hội (cả hai nhóm sau trong trường hợp này phản ánh dư luận công chúng sớm và kín đáo) là bất lợi hơn nhiều so với trước đây.»

²⁹⁵ Vào ngày hôm sau, Tổng thống Johnson thông báo cho Lodge bằng điện tín rằng «chúng tôi coi tình hình là cực kỳ nghiêm trọng, cả về thực chất lẫn do các báo cáo báo chí có xu hướng thổi phồng sự việc.» «Tình hình hiện nay đối với công chúng Mỹ dường như đang vượt khỏi tầm kiểm soát với Hoa Kỳ ở vào vị thế bất lực.» Trong bối cảnh này, Johnson đề cập đến một cuộc thăm dò Gallup mới cho thấy 54% người Mỹ ủng hộ rút khỏi Việt Nam nếu tình trạng nội chiến của người Việt Nam leo thang.²⁹⁶

Sự bất mãn ngày càng tăng trong giới báo chí và chính phủ Mỹ đã cho Kỳ thêm động lực để hoàn thành

chiến dịch đàn áp một cách nhanh chóng. Ông ta đã hành động phù hợp. Theo lệnh của Kỳ, các tiểu đoàn Thủy quân lục chiến và Nhảy dù của Việt Nam Cộng hòa đã bao vây các cứ điểm còn lại của Phong trào Đấu tranh ở Đà Nẵng, bao gồm cả các chùa chiền, vào ngày 20 tháng 5. Hai ngày sau, các nhà lãnh đạo phiên quân đề nghị đàm phán, nhưng Kỳ từ chối lời đề nghị và tuyên bố rằng bất kỳ ai không đầu hàng trước 6 giờ tối ngày hôm đó sẽ bị coi là đào ngũ. Hàng loạt binh lính và hạ sĩ quan phiên loạn đã từ bỏ vũ khí trước thời hạn. Đến ngày hôm sau, hầu hết những người khác đã đầu hàng, và tất cả các cứ điểm của phiên quân đã bị lực lượng trung thành chiếm giữ.²⁹⁷

Những người Mỹ vào thành phố sau đó xác định rằng các báo cáo của Phật giáo về thương vong hàng loạt của thường dân và thiệt hại khủng khiếp đối với các ngôi chùa là không có thật. Ước tính của Mỹ về số người thiệt mạng ở cả hai phe trong chín ngày giao tranh ở Đà Nẵng dao động từ 60 đến 150, và các tường thuật có được chỉ ra rằng tất cả hoặc gần như tất cả những người chết đều là các chiến binh vũ trang.²⁹⁸ Trong trường hợp này, cũng như trong các cuộc khủng hoảng chính trị trước đó, việc chính phủ sử dụng vũ lực đã không đẩy người dân vào vòng tay của Cộng sản, mà trái lại còn làm tăng uy tín của chính phủ và khả năng nhận

được sự hợp tác của người dân.²⁹⁹

Tuy nhiên, việc tái chiếm Đà Nẵng đã không chấm dứt những rắc rối ở Huế như Kỳ đã dự đoán. Tướng Thi, các thành phần thuộc Sư đoàn 1, và thường dân vũ trang vẫn tiếp tục kiểm soát thành phố một cách thách thức. Vận động người Mỹ loại bỏ Kỳ, Thi nói với một sĩ quan Mỹ : «Người dân không có niềm tin vào hấn, và sẽ không ủng hộ hấn. Cách ăn mặc và cư xử của Kỳ là một trò hề.»³⁰⁰ Thi đe dọa sẽ sử dụng Sư đoàn 1 để bảo vệ Huế chống lại lực lượng của Kỳ. Trong một buổi phát thanh, ông ta kêu gọi các binh sĩ Việt Nam Cộng hòa quay vũ khí chống lại chính phủ.³⁰¹

Westmoreland, làm việc điên cuồng để ngăn chặn một cuộc đụng độ quân sự, đã đàm phán với Kỳ và Thi và cuối cùng thuyết phục được cả hai gặp nhau vào ngày 27 tháng 5 để nói chuyện riêng. Tại cuộc gặp, Kỳ hứa sẽ cho Thi một công việc mới trong quân đội, và đến lượt mình, Thi nói sẽ giúp chấm dứt các cuộc biểu tình. Rất có thể người Mỹ đã gây thêm ảnh hưởng với Thi sau hậu trường, bởi vì ông ta sẽ sớm rời đất nước mà không nhận được công việc như đã hứa, được cho là để khám sức khỏe ở Washington. Thi và gia đình định cư tại Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam.³⁰²

Việc Thi rút lui khỏi hiện trường đã không làm giảm bớt tình trạng khủng hoảng ở Huế đến mức người Mỹ mong đợi. Vào ngày 29 tháng 5, một ni cô Phật giáo đã tự thiêu đến chết tại trung tâm thành phố trước một đám đông thường dân và các nhà báo nước ngoài. Các nhà sư Phật giáo đã cho báo giới xem một lá thư, được cho là do vị ni cô quá cố viết, cáo buộc chính phủ Mỹ «chấp thuận vụ thảm sát các nhà sư, ni cô và tín đồ Phật giáo của chúng ta.» Khi kết thúc vụ tự thiêu, Trí Quang tuyên bố với các phóng viên của truyền thông quốc tế rằng Tổng thống Johnson đã «lợi dụng viện trợ chống Cộng do nhân dân Hoa Kỳ cung cấp để ủng hộ Thiệu và Kỳ trong nỗ lực tiêu diệt Phật giáo Việt Nam.»³⁰³

Những vụ tự thiêu tiếp theo diễn ra ở Huế và một số thành phố khác. Trong mỗi trường hợp, các Phật tử đều gọi điện cho các phóng viên nước ngoài để thông báo cho họ địa điểm diễn ra vụ tự thiêu.³⁰⁴ Một lần, khi các nhà báo không đến cho đến sau khi ngọn lửa đã tắt, các Phật tử đã đổ thêm xăng lên thi thể đang âm ỉ cháy và châm lửa để quay phim.³⁰⁵ Vào một dịp khác, các Phật tử đã yêu cầu một bác sĩ người Pháp cung cấp morphin để tiêm vào người tự thiệt trước khi cô ta tự châm lửa, điều này cũng có những cáo buộc trước đó rằng các Phật tử đã cho các cá nhân dùng ma túy trước khi thiêu.³⁰⁶

Vào ngày 1 tháng 6, tám trăm người biểu tình tuần hành tới tòa lãnh sự Mỹ ở Huế. Một số người mang theo vũ khí. Người Mỹ đã thuyết phục Tướng Phạm Xuân Nhuan, tư lệnh Sư đoàn 1 QLVNCH, điều quân đến bảo vệ tòa nhà, nhưng những người lính này đã bỏ chạy khi bức tường những người biểu tình vũ trang tiến về phía họ. Đám đông đã giật tung cổng thép của tòa lãnh sự khỏi bản lề và phá vỡ cửa trước. Sau khi thực hiện các hành vi phá hoại khác nhau, bao gồm đập vỡ một bức ảnh của Lyndon Johnson, những kẻ côn đồ đã phóng hỏa đốt tòa nhà. Tối hôm đó, theo một bản tin do R. W. Apple viết, «mọi hình thức quyền lực của chính phủ đã biến mất khỏi các đường phố Huế, và thành phố đã rơi vào tình trạng vô chính phủ.» Các sinh viên mang theo súng carbine, súng lục và lựu đạn thống trị thành phố, không bị binh lính hay cảnh sát thách thức.³⁰⁷

Vụ đốt tòa lãnh sự đã thuyết phục Kỳ và Tướng Hoàng Xuân Lâm, Tư lệnh Quân đoàn I mới, đẩy nhanh kế hoạch đưa lực lượng trung thành vào Huế. Họ dự định điều một trung đoàn thiết giáp từ Sư đoàn 1 vào trung tâm thành phố. Tuy nhiên, Tướng Nhuan đã nghe được kế hoạch và đã điều các đơn vị thiết giáp và bộ binh khác vào Huế trước. Tuyên bố rằng ông sẽ hành động chống lại các Phật tử với tư cách là một tư lệnh mới trung thành, Nhuan khẳng định rằng hành động của

các lực lượng khác là không cần thiết.

Khi vào thành phố, bộ binh của Nhuận đã không thực hiện các cuộc lục soát nhà từng nhà để tìm vũ khí như ông đã hứa, cũng như không can thiệp vào các sinh viên đang đe dọa người dân bằng vũ khí và cướp phá nhà của các quan chức chính phủ. Thay vào đó, họ lái xe đến một công viên trên bờ bắc sông Hương, rời khỏi xe và nằm dài bên bờ sông. Các sĩ quan và binh lính tắm nắng trên những chiếc ghế nhôm và bơi lội trong sông.

308

Trong một nỗ lực khác nhằm ngăn cản việc đưa lực lượng trung thành vào, các nhà tổ chức Phật giáo đã lấp đầy các con phố của Huế bằng những «bàn thờ» tạm bợ, trong nhiều trường hợp chỉ là những chiếc bàn phủ vải nghệ tây và trên đỉnh có đặt những nén hương hoặc tượng Phật. Các Phật tử quá khích lên án bất kỳ nỗ lực nào của lực lượng Việt Nam Cộng hòa di chuyển các bàn thờ là sự báng bổ. Tuy nhiên, những trò diễn kịch này đã gây ra sự lên án từ nhiều Phật tử khác trong thành phố, những người, theo báo cáo của Charles Mohr, «đường như cảm thấy rằng lệnh đặt bàn thờ trên các đường phố đông đúc để chặn giao thông là vô liêm sỉ và báng bổ.»

³⁰⁹ Các nhà lãnh đạo Phật giáo ở Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan đã chính thức lên án việc sử dụng bàn thờ

theo cách này và kêu gọi các Phật tử Việt Nam thanh trừng những phần tử Cộng sản trong hàng ngũ của họ và tránh tham gia sâu hơn vào chính trị.³¹⁰

Ky và Tướng Lâm đã không dung thứ cho những trò láu cá này lâu. Vào ngày 7 tháng 6, hai tiểu đoàn Nhảy dù và một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến đã bay đến sân bay Phú Bài, cách Huế mười dặm về phía nam, và ngày hôm sau họ tiến vào thành phố để chiếm giữ các cơ sở quân sự chính. Nhờ các cuộc đàm phán hậu trường và vẻ ngoài oai vệ của các đơn vị Nhảy dù và Thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng hòa, Sư đoàn 1 đã không kháng cự. Mặc dù các phát ngôn viên của Phong trào Đấu tranh đã thề sẽ «chiến đấu đến chết», những thường dân vũ trang của phong trào đã rút lui một cách nhu nhược trước các tiểu đoàn trung thành đang tiến vào, cuối cùng đầu hàng hoặc chạy trốn khỏi thành phố.

Theo sau các lực lượng tinh nhuệ là các cảnh sát chiến đấu, những người đã tước vũ khí của cảnh sát địa phương và thay thế chỉ huy của họ. Lùng sục thành phố trong hai tuần tiếp theo, lực lượng trung thành đã bắt giữ tất cả các nhà lãnh đạo Phong trào Đấu tranh mà họ có thể tìm thấy và đưa các nhân viên chính phủ trở lại làm việc. Tổng cộng, lực lượng chính phủ đã bắt giữ vài trăm nhà sư và sinh viên Phật giáo, bao gồm Trí Quang,

cũng như một số ít sĩ quan quân đội. Chỉ có một số ít mạng người bị thiệt mạng trong quá trình khôi phục quyền kiểm soát của chính phủ ở Huế.³¹¹

Một khi chính phủ Sài Gòn tái chiếm Đà Nẵng và Huế, sự ủng hộ của công chúng Mỹ đối với chiến tranh đã phục hồi, cũng như niềm tin vào kết quả của cuộc chiến.³¹² Tại Quốc hội Hoa Kỳ, các nhà lãnh đạo bày tỏ sự không chắc chắn về việc liệu tình hình chính trị đã ổn định hay chưa, nhưng nhìn chung họ ủng hộ việc leo thang chiến tranh để ngăn chặn một chiến thắng của Cộng sản.³¹³ Tại Nhà Trắng, Lầu Năm Góc và Bộ Ngoại giao (Foggy Bottom), nỗi lo lắng về khả năng mất một phần hoặc toàn bộ Việt Nam Cộng hòa đã tan biến, thay vào đó là những hy vọng thận trọng rằng chính phủ Sài Gòn đã đóng nắp quan tài vấn đề Phật giáo lần cuối cùng.

Trong lúc cao trào ở Huế kết thúc, sự vô ích kéo dài của các hoạt động «tìm và diệt» của Mỹ ở vùng cao nguyên cũng chấm dứt. Trong Chiến dịch Hawthorne, Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn 101 Nhảy dù đã chạm trán với Trung đoàn 24 Quân đội Bắc Việt (NVA) mới được đưa vào xâm nhập ở tỉnh Kontum. Sau những cuộc đụng độ ban đầu giữa các đơn vị nhỏ của hai bên, chỉ huy Bắc Việt đã ra lệnh cho toàn bộ trung đoàn của mình tham

chiến với quân Mỹ, với kỳ vọng rằng những cơn mưa gió mùa sẽ hạn chế nghiêm trọng việc sử dụng không lực của Mỹ.

Kỳ vọng đó đã tỏ ra sai lầm. Trong một trong những cuộc không vận ấn tượng nhất của cuộc chiến, tổng cộng mười lăm nghìn quân Mỹ đã được đưa đến các vị trí chặn ở tất cả các phía của Trung đoàn 24. Trung đoàn Bắc Việt đã không cố gắng lẩn trốn trước lực lượng lớn của Mỹ, như đã trở thành thông lệ, mà thay vào đó ở lại Kontum và sử dụng sự che phủ của rừng rậm và mây thấp để tìm kiếm các vị trí nhằm tấn công với yếu tố bất ngờ và ưu thế về số lượng.

Vào một số ngày của Chiến dịch Hawthorne, thời tiết gió mùa quả thực đã ngăn cản quân Mỹ sử dụng hỗ trợ không quân tầm gần và triển khai lại pháo binh. Do đó, các lính nhảy dù Mỹ buộc phải chiến đấu một loạt trận đánh nhỏ chống lại Trung đoàn 24 mà trong đó họ không có bất kỳ lợi thế nào về hỏa lực. Họ chiến đấu tốt hơn đối phương, và đánh dấu các vị trí của địch để có thể tiêu diệt khi thời tiết tốt hơn. «Điều đáng kinh ngạc về quân đội của chúng ta là họ đã chiến đấu với tất cả những gì họ có, không bao giờ phàn nàn», Trung sĩ nhất Walter I. Sabralowski, một lính nhảy dù được phỏng vấn ngay sau Chiến dịch Hawthorne, nói. «Những

người lính ngoài đó thật xuất sắc, và nếu tôi phải ra trận lần nữa, tôi hy vọng sẽ có cùng những người như vậy bên cạnh.»

Trung tá A. P. Abood, một chỉ huy tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 101 Nhảy dù trong chiến dịch, đã chứng kiến nhiều người bị thương được sơ tán ra tuyến sau xếp hàng lên máy bay trực thăng tiếp tế để có thể trở về đơn vị của họ. Khi Abood nói với họ rằng họ không đủ điều kiện để chiến đấu, họ trả lời rằng ông đã nhầm. Các tranh luận được giải quyết bằng một bài kiểm tra khả năng. «Những người bị khập khiễng nặng», Abood nói, «được yêu cầu đi mười bước, và khi họ không thể đi được mười bước, họ đã gục ngã và khóc.»³¹⁴

Trong những lúc trời quang mây tạnh, các máy bay ném bom B - 52 được điều đến để gieo rắc sự tàn phá xuống các vị trí do các đơn vị lớn của Bắc Việt nắm giữ. Lực lượng Mỹ phải được rút ra cách các mục tiêu dự kiến ít nhất ba nghìn thước (khoảng 2,7 km) để đảm bảo an toàn cho họ. Trừ khi đối phương nhanh chóng di chuyển ra xa trong lúc quân Mỹ rút lui, bằng không họ sẽ gặp rắc rối lớn. Một sĩ quan Mỹ đã mô tả một khu vực từng bị B - 52 đánh bom trong Chiến dịch Hawthorne như sau : «Thiệt hại, ở một số nơi, giống như những gì có thể mong đợi từ một vũ khí hạt nhân có sức công phá

thấp. Hiệu ứng đổ rạp và tạo hồ bom được tăng cường bởi việc sử dụng bom 1.000 pound, thứ dường như có hiệu quả lớn hơn đáng kể so với bom 750 pound.» Ông ta nói, đợt không kích bằng B - 52 này «đã đóng góp đáng kể vào việc tiêu diệt phần lớn của một tiểu đoàn Quân Bắc Việt (NVA).»³¹⁵

Trung đoàn 24 Bắc Việt trụ lại được một tuần. Sau đó, với sự nhận thức muộn màng rằng vị trí của họ là không thể phòng thủ, những tàn quân tan tác của sư đoàn đã tìm đường chạy sang Lào. Người Mỹ không bao giờ xác định được có bao nhiêu binh sĩ Bắc Việt sống sót chạy tới được Lào, nhưng các cuộc tìm kiếm sau trận đánh khiến họ ước tính số quân Bắc Việt tử trận vào khoảng 1.200 người, con số không xa so với quân số toàn bộ của một trung đoàn Bắc Việt điển hình. Tồn thất của Mỹ trong Chiến dịch Hawthorne là 48 người chết và 239 người bị thương. Trong năm tiếp theo, Trung đoàn 24 không xuất hiện ở miền Nam Việt Nam.³¹⁶

Đầu tháng Sáu cũng chứng kiến sự gia tăng các hoạt động quân sự ở phía bắc Sài Gòn, do sự xuất hiện của Thiếu tướng William DePuy với tư cách là tư lệnh Sư đoàn Bộ binh số 1 Hoa Kỳ. DePuy thay thế Thiếu tướng Jonathan O. Seaman, người mà Westmoreland đã cách chức vì không thôi được tinh thần tích cực tấn công và

sự khéo léo về chiến thuật vốn có thể thấy ở các sư đoàn Mỹ khác. Để tránh một cuộc tranh cãi với những người ủng hộ Seaman trong Lục quân, Westmoreland thăng chức cho ông ta lên làm tư lệnh II Lực lượng dã chiến (II Field Force), tổng hành dinh cấp quân đoàn chịu trách nhiệm về tất cả các đơn vị Mỹ ở Quân đoàn III. Sự thăng chức đó trên thực tế khiến ông ta trở thành sếp trực tiếp của tư lệnh mới của Sư đoàn 1, nhưng tính cách của DePuy và địa vị cao hơn của ông với Westmoreland đảm bảo rằng Seaman sẽ không có tiếng nói trong cách DePuy điều hành sư đoàn.

Với chiều cao 5 foot 8 inch (khoảng 1,73m) và nặng 140 pound (khoảng 63,5 kg), DePuy có vóc người nhỏ hơn đáng kể so với hầu hết các tư lệnh sư đoàn của Lục quân Hoa Kỳ. Ông bù đắp cho thân hình mảnh khảnh của mình bằng cường độ và sự sắc sảo phi thường. Sau này trong sự nghiệp, sau khi đã đeo ngôi sao thứ tư (Đại tướng), ông sẽ vạch kế hoạch viết lại học thuyết của Lục quân Hoa Kỳ, thứ đã thay đổi quân đội thời hậu Việt Nam. Tuy nhiên, vào lúc này, ông không nghĩ về tương lai mà là nghĩ về quá khứ. Trong cuộc đổ bộ Normandy, với cấp bậc sĩ quan hai mươi lăm tuổi thuộc Sư đoàn 90, DePuy đã chứng kiến những chỉ huy Mỹ kém cỏi làm tiêu hao sinh mạng người Mỹ với số lượng kinh hoàng. Quyết tâm ngăn chặn điều tương tự xảy

ra với Sư đoàn 1 dưới quyền chỉ huy của mình, DePuy ngay lập tức xem xét kỹ lưỡng tất cả các chỉ huy tiểu đoàn và lữ đoàn của mình. Chỉ trong vòng vài ngày sau khi nhận quyền chỉ huy, DePuy đã sa thải một số lượng lớn trong số họ và thay thế bằng những sĩ quan nổi tiếng về tính hung hãn, một số người trong đó ông đã giành giật từ các đơn vị khác.

Mặc dù Tướng Seaman chưa bao giờ cách chức bất kỳ chỉ huy nào của mình, ông ta không phản đối bất kỳ thay đổi nhân sự nào của DePuy. Mặt khác, Tổng tham mưu trưởng Lục quân Harold K. Johnson đã gửi cho DePuy một bức thư riêng thông báo rằng Lục quân không có đủ sĩ quan để cho phép cách chức hàng loạt các chỉ huy. DePuy bảo vệ quyết định của mình trong một bản trả lời chi tiết : «Đại tá A là một sĩ quan béo, luộm thuộm, không có bất kỳ phẩm chất nào của một người lính, người đã gây ấn tượng xấu với tất cả những người mà ông ta trình bày với tư cách là đại diện của Sư đoàn 1. Trung tá B hoàn toàn không có tài năng nào. Anh ta không có sáng kiến, không có trí tưởng tượng và liên tục thực hiện nhiệm vụ một cách chậm chạp, ngu ngốc... [Trung tá C] đã mất hoàn toàn quyền kiểm soát tiểu đoàn của mình và phải chịu một số thương vong không cần thiết trong khi không gây tổn thất nào cho Việt Cộng.... [Chỉ huy Tiểu đoàn Pháo binh A] từ chối

thừa nhận trách nhiệm cá nhân hoặc của bất kỳ người nào thuộc quyền về những sai sót nghiêm trọng trong việc bắn pháo dẫn đến thương vong cho dân thường và quân bạn.»³¹⁷

Khi DePuy cách chức một số sĩ quan do chính ông lựa chọn, Tướng Johnson lại khiển trách ông. «Tôi không thể để ông trở thành cái rây lọc cho tất cả những sĩ quan ưu tú nhất mà chúng ta có trong Lục quân để xem họ có đáp ứng được sự chấp thuận của ông hay không», Johnson nói với DePuy trong một cuộc gặp trực tiếp vào cuối năm đó. «Ông được phân công những sĩ quan giỏi nhất của lục quân, và rồi ông cách chức họ. Tôi cần những tư lệnh sư đoàn biết phát huy tốt nhất nguồn nhân lực mà họ được phân công.»

«Tôi không ở đây để điều hành một bãi tập», DePuy phản bác. «Họ làm chết người !»³¹⁸

Mặc dù một số thay đổi nhân sự của DePuy có thể còn đáng ngờ, nhưng sự cải thiện trong hiệu suất chiến đấu của Sư đoàn 1 là không thể nghi ngờ. Chiến dịch lớn đầu tiên của sư đoàn dưới quyền chỉ huy mới là El Paso II, khởi động vào đầu tháng Sáu. Dựa trên các báo cáo tình báo cho rằng Sư đoàn 9 Bắc Việt đang chuẩn bị cho các hoạt động tấn công quy mô lớn, DePuy đã cử hai trong số các lữ đoàn của mình vào tỉnh Bình Long

để thực hiện một cuộc tấn công phủ đầu.

Tướng Hoàng Cầm, vị chỉ huy không thể khuất phục của Sư đoàn 9, không cần nhiều thời gian để xác định sự hiện diện của những kẻ xâm nhập trong khu vực tập kết của mình. Ông ra lệnh cho Trung đoàn 272 của mình chuẩn bị một cuộc phục kích dọc theo Quốc lộ 13, không nao núng trước thực tế là người Mỹ đã hai lần đập tan lực lượng của Sư đoàn 9 gần con đường này kể từ đầu năm, trong các Chiến dịch Rolling Stone và Cocoa Beach. Để chọn địa điểm phục kích, Trung đoàn 272 đã chọn một đoạn dài ba cây số trên Quốc lộ 13 gần làng Tàu Ô. Hai đầu đoạn đường được giới hạn bởi một cây cầu nhỏ, bên dưới chảy những dòng suối đủ lớn để cản trở giao thông xe cộ nếu các cầu bị vô hiệu hóa. Dọc theo đoạn đường này, cả hai bên đường đều có thảm thực vật dày đặc, lý tưởng để che giấu lực lượng phục kích, và chúng được rải rác những ụ súng làm bằng bao cát và thùng phuy chứa đất mà lực lượng Cộng sản đã sử dụng cho các cuộc phục kích ven đường trong những năm trước.

Trung đoàn 272 dự định phá hủy hai cây cầu một khi một đoàn xe vận tải Mỹ bị dàn mỏng ra giữa chúng, do đó ngăn cản không cho đoàn xe thoát về phía trước hoặc phía sau hoặc nhận viện binh. Sau đó, bộ binh Bắc

Việt sẽ tấn công đoàn xe từ hai bên sườn và xé nát nó. Một tiểu đoàn bộ binh của Trung đoàn 272 sẽ chặn đầu đoàn xe Mỹ và tấn công các xe gần phía trước, một tiểu đoàn thứ hai sẽ tấn công vào giữa đoàn xe, và một tiểu đoàn thứ ba sẽ bịt kín phía sau và tấn công những chiếc xe cuối cùng. Ba đại đội vũ khí hạng nặng được bố trí để hỗ trợ hỏa lực, và một đại đội lao công dân sự có mặt để di chuyển tiếp tế và thu hồi thương vong.

Vào ngày 8 tháng Sáu, sau khi quân Bắc Việt đã ngồi trong vị trí phục kích được vài ngày, một đoàn xe thiết giáp Mỹ với quy mô mong muốn

Khi tiếp cận khu vực phục kích, số lính Mỹ trong đoàn xe lên tới 135 người, tức chỉ bằng khoảng một phần mười số lính Bắc Việt đang nằm chờ sẵn. Phần lớn trong số 135 binh sĩ này ngồi trên nóc của 17 xe tăng và xe thiết giáp trong đoàn, do lo ngại nguy cơ bị mìn.

Khi toàn bộ đoàn xe đã lọt vào khu vực phục kích dài ba kilomet, quân Bắc Việt lập tức giăng bẫy. Các chiến sĩ đặc công cho nổ các cây cầu, hỏa lực hạng nặng của Trung đoàn 272 vang lên, và bộ binh từ các hố chiến đấu tràn lên tấn công các xe. Loạt đạn đầu tiên của quân Bắc Việt đã bắn hỏng nhiều xe thiết giáp của Mỹ, buộc các binh sĩ Mỹ phải nhảy vào những xe còn lại hoặc nấp sau xe để tránh hỏa lực. Những xe thiết giáp còn lại

phản ứng nhanh chóng bằng súng máy, và các xe tăng bắn đạn beehive (loại đạn chứa hàng ngàn mũi tên nhỏ). Một chiếc xe tăng được trang bị súng phun lửa đã phun ra một luồng chất lỏng cháy dài 50 mét từ bồn chứa 250 gallon.

Khu vực phục kích nằm ngoài tầm bắn của pháo binh Mỹ - một vấn đề mà sau trận đánh, các nhà điều tra đã chỉ ra và khuyến nghị không tiến hành các chiến dịch trong khu vực nằm ngoài tầm yểm trợ pháo binh. Tuy nhiên, không quân Mỹ nhanh chóng xuất hiện và trút bom, napalm xuống quân Bắc Việt. Các tài xế Mỹ đã điều khiển xe tập hợp lại thành từng cụm, lùi xe vào nhau để có thể bảo vệ lưng cho nhau. Pháo cối 82 mm của Bắc Việt bắt đầu bắn vào các cụm xe, trong khi các đội pháo không giạt tập trung hỏa lực vào những vị trí này.

Cuộc tấn công của quân Bắc Việt nhanh chóng rơi vào hỗn loạn. Các tài liệu lịch sử Bắc Việt sau này quy nguyên nhân là do hỏa lực mạnh của Mỹ và sự chỉ huy kém của phía Bắc Việt. Ở đầu đoàn xe, các đại đội Bắc Việt không phối hợp được hành động với nhau, và một đại đội đã triển khai quá rộng khiến sĩ quan chỉ huy không thể điều khiển binh lính của mình. Tại trung tâm đoàn xe Mỹ, một trung đội trưởng Bắc Việt đã «mất

kiểm soát binh lính của mình», như một tài liệu Bắc Việt mô tả : «Khi anh ta đến được con đường thì phát hiện chỉ còn một người lính đi cùng.»³¹⁹ Trong đợt tấn công vào phía sau đoàn xe, một đại đội Bắc Việt bị lạc đường, và một số đơn vị khác các trung đội tiến quá chậm và không bắn đồng loạt như đã dự định.

Chỉ một vài binh sĩ Bắc Việt may mắn tiếp cận được các xe Mỹ và trèo lên nóc chúng. Họ bị bắn rơi bởi vũ khí từ các xe khác trước khi kịp gây hại cho những người ngồi trong xe. Tuy nhiên, quân Bắc Việt tiếp tục giáng những đòn trừng phạt bằng vũ khí tập thể của họ. Những quả đạn súng không giật (recoilless rifle) bắn trúng thêm một số xe thiết giáp chở quân (APC) và một xe tăng, giết chết các thành viên kíp xe hoặc khiến họ bị bỏng nặng. Một khẩu súng cối của Bắc Việt bắn trúng đích một xe tăng Mỹ khác, khiến nó bốc cháy và giết chết toàn bộ kíp xe trừ người lái, người đã lái chiếc xe tăng xuống một con suối để dập lửa.

Sau bốn giờ, quân Bắc Việt từ bỏ cuộc phục kích. Trong lúc họ rút lui, những lực lượng tăng viện thiết giáp Mỹ đã đụng độ và cán qua một đại đội Bắc Việt. Một số lượng lớn bộ binh Bắc Việt đột nhiên đứng trong cự ly ném lựu đạn vào các xe Mỹ, nhưng họ đã hết lựu đạn, và họ không còn đạn dược cho vũ khí hạng nặng,

vì vậy họ chỉ còn cách ném những vỏ đạn súng không giật rỗng vào các xe. Một cuốn lịch sử của Bắc Việt giải thích rằng chiến thuật này nhằm «đánh lừa và làm kẻ địch khiếp sợ.»³²⁰

Sau trận đánh, người Mỹ đếm được tổng cộng 170 xác địch. Trên một thi thể, họ tìm thấy tài liệu nhận dạng người này là một cố vấn từ Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Họ cũng bắt bốn binh sĩ địch và bốn mươi hai vũ khí. Người điều khiển không lực tiền phương (forward air controller) của Mỹ ước tính rằng từ 200 đến 250 xác chết nữa đã bị kéo đi. Đơn vị kỵ binh thiết giáp (cavalry troop) Mỹ chịu tổn thất 14 người chết và 37 người bị thương.³²¹

Ở các tỉnh cực bắc của Quân khu I, Thủy quân lục chiến bắt đầu đạt được một số thành công trong việc giao chiến với các đơn vị lớn của Bắc Việt. Vào ngày 22 tháng Sáu, Tướng Walt đã cử một lực lượng Thủy quân lục chiến đến Cẩm Lò, ở trung tâm Quảng Trị, trong nỗ lực mới nhất của ông để tìm các đơn vị Bắc Việt đang lảng vảng trong tỉnh. Lần này, địch có mặt ở khắp nơi. Đơn vị tuần tra trinh sát Thủy quân lục chiến đầu tiên và mỗi đơn vị sau đó đều chạm trán với quân chính quy Bắc Việt. «Không một cuộc tuần tra nào có thể ở lại thực địa quá vài giờ, «nhiều người chỉ trong vài

phút», một nhân chứng nhớ lại. Tướng Walt đã chuẩn bị lực lượng lớn để chiến đấu ở trung tâm Quảng Trị.³²²

Tại tỉnh Thừa Thiên, hành động bắt đầu gần vùng ven biển đông dân hơn là ở vùng hoang dã trong đất liền. Vào ngày 25 tháng 6, ngày mở màn của Chiến dịch Jay, hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ đã chạm trán với ba tiểu đoàn Quân đội Bắc Việt đã đào hào cố thủ trong các ấp chiến lược được củng cố. Sự oanh tạc dữ dội từ pháo hạm, pháo binh và máy bay ném bom của Mỹ gần như không làm suy yếu được phía Bắc Việt Nam, và nhiều đợt tấn công của Thủy quân lục chiến vào các ấp đều thất bại. Sau khi trời tối, quân Bắc Việt phản công lại Thủy quân lục chiến nhưng bị đẩy lùi. Cuộc phản công có lẽ chỉ nhằm mục đích thu hút sự chú ý của Thủy quân lục chiến trong khi phần lớn quân Bắc Việt lên đi, vì cả ba tiểu đoàn Bắc Việt đã biến mất khi trời sáng. Thủy quân lục chiến thống kê có hai mươi ba người chết và năm mươi tám người bị thương, trong khi họ thu thập được tám mươi hai xác địch và ước tính rằng khoảng hai trăm người nữa đã thiệt mạng.³²³

Khi thời điểm giữa năm đến gần, cuộc tranh luận ở Washington về Sấm Rền đã chuyển hướng mới do sự quan tâm ngày càng tăng của McNamara vào việc ném bom các mục tiêu POL (xăng dầu, dầu mỡ, dầu nhờn).

McNamara đặc biệt ấn tượng bởi thực tế là việc Bắc Việt Nam gia tăng thâm nhập tiếp tế bằng những chiếc xe tải tấn xăng đã khiến Bắc Việt Nam phụ thuộc nhiều hơn vào POL. Sự thay đổi quan điểm của McNamara về chủ đề này ngay lập tức dẫn đến sự thay đổi của tổng thống.

«Tác động của việc không phá hủy các lô hàng POL đến các lực lượng Bắc Việt Nam trên chiến trường là phải trả giá cao hơn về thương vong của Mỹ», Tổng thống Johnson tuyên bố tại một cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia vào ngày 17 tháng 6.³²⁴ Chưa đầy một tuần sau, Nhà Trắng đã ra lệnh tấn công bảy kho chứa POL trong khu vực Hà Nội - Hải Phòng. Những quả bom đầu tiên dự kiến thả vào ngày 24 tháng 6, nhưng các phi vụ đã bị trì hoãn vì ai đó ở Washington đã rò rỉ kế hoạch cho báo chí, mà việc công bố thông tin này đã cảnh báo trước cho Bắc Việt Nam. Các cuộc tấn công POL đầu tiên diễn ra vào ngày 30 tháng 6.³²⁵

Mặc dù các cuộc tấn công POL đại diện cho một nhượng bộ quan trọng đối với phe điều hòa, Johnson vẫn khẳng định không chịu sử dụng những công cụ quân sự mạnh nhất mà các tướng lĩnh đang thúc giục ông sử dụng. Sấm Rền vẫn tiếp tục hoạt động dưới hầu hết các hạn chế lâu nay ở khu vực Hà Nội - Hải Phòng,

và nó không tấn công các mục tiêu then chốt khác với cường độ và tần suất cần thiết để hủy diệt hoàn toàn và lâu dài. Johnson cũng tiếp tục bác bỏ lời khuyên của Westmoreland về việc đưa chiến tranh vào các nơi ẩn náu của địch ở Lào và Campuchia, những nơi ngày càng trở nên có giá trị khi quân Bắc Việt ngày càng tiến hành các trận đánh lớn gần biên giới Nam Việt Nam.

Vào tháng 6, lãnh đạo Bắc Việt Nam tham gia vào một cuộc tranh luận gay gắt của riêng họ về chiến lược và chiến thuật. Một bên là Nguyễn Chí Thanh, người muốn tiếp tục chiến đấu các trận đánh lớn. Lập trường của ông nhận được sự ủng hộ từ các bài báo nặc danh trên các ấn phẩm chính thức của đảng, hầu hết trong số đó dường như được viết bởi các nhà chiến lược cấp cao khác, mặc dù một bài báo đã ca ngợi Nguyễn Chí Thanh quá nhiều đến mức làm dấy lên suy đoán rằng vị tướng đã tự viết bài đó. Để bảo vệ chiến lược và chiến thuật hiện tại, phe ủng hộ Thanh lập luận rằng lực lượng Bắc Việt ở miền Nam đang tiêu diệt toàn bộ các tiểu đoàn Mỹ với cái giá rất thấp cho chính họ. Chuyển sang chiến thuật du kích, họ cho rằng, sẽ mắc mưu địch vì mục tiêu của Mỹ là buộc các lực lượng chủ lực của Bắc Việt Nam phân tán và chiến đấu theo kiểu chiến tranh du kích.³²⁶

Võ Nguyên Giáp trình bày một lập trường trái ngược trong các cuộc họp kín với phần còn lại của lãnh đạo đảng, và nhận được sự củng cố từ các bài báo nặc danh khác. Theo quan điểm của ông, đã đến lúc cần một chiến lược chiến tranh du kích kéo dài. Ông tuyên bố, chiến tranh quy ước quy mô lớn trong quá khứ gần đây, chỉ dẫn đến thương vong lớn cho Bắc Việt Nam với cái giá tương đối thấp cho người Mỹ.³²⁷ Các nguồn tin Bắc Việt không giải thích tại sao Giáp lại nghĩ rằng cuộc chiến đang diễn biến xấu, nhưng ông chắc chắn đã nói chuyện với các sĩ quan Bắc Việt, những người đã chứng kiến các trận chiến ở miền Nam tận mắt, và ông cũng có quyền tiếp cận các bài báo của các nhà báo phương Tây, những người đưa tin đã nhìn thấy hàng trăm xác lính Bắc Việt sau các trận chiến mà chỉ khiến vài chục người Mỹ thiệt mạng. Rõ ràng là ông tin tưởng những nguồn này hơn là những báo cáo chính thức lạc quan do các chỉ huy chiến đấu Bắc Việt soạn ra để Hà Nội tiêu thụ.

Mặc dù Giáp vẫn nắm giữ các chức vụ tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang, bộ trưởng quốc phòng, và bí thư Ban Cán sự Đảng Trung ương Quân ủy, quyền lực của ông nhỏ hơn những chức danh đó gợi ý, sau khi bị thu hẹp vào năm 1964 trong chiến dịch của đảng chống «chủ nghĩa xét lại.» Các quyết định chiến lược then chốt giờ đây được đưa ra bởi một tiểu ban Bộ Chính trị

năm người gồm Lê Duân, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Phạm Hùng và Giáp, và các thành viên ủy ban khác đã nhiều lần bỏ phiếu để lấy lời khuyên quân sự của Nguyễn Chí Thanh thay vì của Giáp.³²⁸ Ít nhất một số trong số họ đã bị cuốn theo bức tranh miêu tả tình hình quân sự một cách vô tư của Nguyễn Chí Thanh, và chắc chắn đã đứng đằng sau một số bài báo nặc danh ca ngợi tài năng chiến lược của ông.

Tại một cuộc họp vào giữa tháng 6, đa số trong ủy ban năm người đã bỏ phiếu tiếp tục gắn bó với chiến lược tiêu hao và chiến thuật tấn công quy ước lớn. Họ sẽ «giữ cho kẻ thù liên tục bị tấn công» thông qua các hoạt động quy ước, mặc dù sẽ có hai thời kỳ cao điểm. Thứ nhất sẽ là «đợt mùa đông» diễn ra từ giữa tháng 10 đến cuối tháng 11 năm 1966, và thứ hai là «đợt mùa xuân» diễn ra từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 3 năm 1967. Ủy ban cho biết, việc kiên trì các hoạt động tấn công sẽ «buộc Mỹ và ngụy quyền phân tán các lực lượng dự bị cơ động chiến lược của chúng để đối phó với quân chủ lực của Bắc Việt Nam» và «buộc kẻ thù phải phản ứng một cách thụ động trước các hành động của ta», cả hai cùng nhau sẽ «tạo điều kiện thuận lợi cho các chiến trường khác.»³²⁹

Ưu tiên địa lý hàng đầu cho các đợt tấn công là khu vực phía bắc Sài Gòn, tiếp theo là khu vực Quảng Trị - Thừa Thiên, với Tây Nguyên đứng thứ ba. Các nhà lãnh đạo Bắc Việt coi địa hình và thời tiết ở những khu vực này rất phù hợp để tấn công các lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam, và cả ba đều gần các nơi ẩn náu ở Campuchia, Lào hoặc Bắc Việt Nam. Hạn chế về nguồn lực khiến Bắc Việt Nam phải từ bỏ các chiến dịch lớn ở hầu hết các khu vực khác của Nam Việt Nam và do đó nhượng phần lớn lúa gạo của đất nước cho kẻ thù.

Theo Nguyễn Chí Thanh, các cuộc chiến đấu sẽ tiếp tục vào mùa hè năm 1967 nhưng sẽ dẫn đến một «thắng lợi quyết định» vào cuối năm 1967.³³⁰ «Thắng lợi quyết định», Tướng Thanh dường như ngụ ý là sự sụp đổ của lực lượng vũ trang Nam Việt Nam và sự rút quân của quân đội Mỹ. Tuy nhiên, các tuyên bố chính thức về vấn đề này đã được cố ý để mơ hồ. Sau khi đã hứa hẹn một «thắng lợi quyết định» trong năm 1965, một số nhà lãnh đạo Bắc Việt tỏ ra thận trọng với những dự đoán mới, đặc biệt là những dự đoán liên quan đến việc đánh bại cường quốc mạnh nhất thế giới trong một năm. Hy vọng chỉ có thể được nâng lên và tan vỡ một số lần trước khi sự vỡ mộng làm suy nhược ập đến.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Hà Nội cũng biết rằng nhiều lãnh đạo Cộng sản ở cấp thấp hơn, đặc biệt là những người bản địa ở nửa phía nam của đất nước, đang trở nên mất kiên nhẫn. Một sĩ quan Bắc Việt đã đầu hàng chính phủ Nam Việt Nam vào tháng 7 năm 1966 cho biết trong khi các sĩ quan từ miền Bắc đã rèn giũa bản thân cho một cuộc đấu tranh lâu dài và đẫm máu, thì các cán bộ miền Nam «quyết tâm kết thúc chiến tranh ở Nam Việt Nam càng nhanh càng tốt» để họ có thể «trở về đời sống dân sự.»³³¹ Bằng cách nào đó, những người miền Bắc sẽ cần trấn an những người miền Nam rằng Hà Nội có những kế hoạch thực tế để giành chiến thắng mà không hứa hẹn quá mức.

Bắc Việt Nam quyết định ban hành hướng dẫn mới, nhấn mạnh lại chiến lược hiện tại trong khi giải thích lại dự báo chiến thắng năm 1965 và tránh làm dấy lên kỳ vọng. Phó Tổng tham mưu trưởng, Thiếu tướng Nguyễn Văn Vinh, ra lệnh rằng khi thuyết phục những người cấp dưới về cuộc tấn công sắp tới, các lãnh đạo Cộng sản phải giải thích rằng lời hứa năm 1965 của đảng về một «thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn» có thể đã được hiểu quá theo nghĩa đen. «Khi nói về việc giành chiến thắng trước kẻ thù trong chiến tranh đặc biệt», vị tướng giảng giải, «chúng ta không có ý nói đến một thắng lợi hoàn toàn mà là một thắng lợi quyết

định.» Không có giải thích nào về sự khác biệt giữa thắng lợi hoàn toàn và thắng lợi quyết định được đưa ra.

Thiếu tướng Nguyễn Văn Vinh tiếp tục, «Khi chúng ta nói về việc đạt được thành công trong một thời gian tương đối ngắn, điều đó có nghĩa là chúng ta khẳng định quyết tâm của mình.» Ông lưu ý, thật là bi quan quá mức khi loại trừ khả năng đánh bại người Mỹ trong một thời gian ngắn, và thắng lợi hoàn toàn chắc chắn sẽ giành được trong vòng vài năm. Tuy nhiên, «Trong việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ và đảng viên, chúng ta phải nói về cuộc chiến đấu lâu dài và quyết tâm chiến đấu và chiến thắng, và không được phổ biến cho các cấp dưới ý tưởng đạt được thành công quyết định trong vòng vài năm.»³³²

Chương 7 - Đại nguyên soái thực thụ

Tháng 7 - Tháng 9 năm 1966

Vào đầu tháng 7, những tia chớp của Sấm Rền đã giáng xuống các kho dự trữ POL (xăng dầu, dầu mỏ, dầu nhờn) và phương tiện vận tải của miền Bắc Việt Nam. Trong khi các máy bay Douglas EB - 66 Destroyer và Lockheed EC - 121 Warning Star thực hiện các nhiệm vụ gây nhiễu tầm xa trên vịnh Bắc Bộ và phía đông Lào, các máy bay tấn công lao vào không phận miền Bắc Việt Nam để thả trọng tải vũ khí. Phù hợp với lý thuyết leo thang từng bước, tỷ lệ ném bom tổng thể cao hơn từng chút so với những tuần trước đó.

Khi các tổ lái radar phòng không của miền Bắc Việt Nam nhận ra rằng các tín hiệu gây nhiễu của Mỹ đang làm mù thiết bị của họ, họ đã sử dụng tất cả các biện pháp chống nhiễu mà khối Cộng sản biết đến. Tuy nhiên, họ không thể tìm ra giải pháp đối phó với các kỹ thuật mới nhất của Mỹ. Theo một lịch sử chính thức, Binh chủng Phòng không Không quân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa buộc phải kết luận rằng «biện pháp chiến thuật hiệu quả nhất để đối phó với nhiễu của địch là tiêu diệt nguồn phát nhiễu.» Cả đội bay máy bay phản lực lẫn tên lửa mặt đất của miền Bắc Việt Nam đều không

thể bắn hạ bất kỳ chiếc Destroyer hay Warning Star nào đang phát tín hiệu gây nhiễu. ³³³ Mặc dù pháo phòng không của miền Bắc Việt Nam vẫn bắn đạn flak vào bất kỳ máy bay tấn công Mỹ nào mà họ có thể nhìn thấy hoặc nghe thấy, khả năng bắn trúng một máy bay phản lực bay cao sẽ thấp hơn nhiều nếu không có sự dẫn đường của radar.

Chỉ trong vòng vài ngày, những quả bom đã trúng tất cả các mục tiêu POL chính gần khu vực Hà Nội - Hải Phòng. Chúng làm nổ tung dầu được chứa trong các bể chứa, gây ra những vụ nổ thứ cấp lớn, xác nhận rằng các máy bay ném bom đã tìm đúng mục tiêu. Khói đen dày đặc, thỉnh thoảng có những ngọn lửa màu cam xuyên qua, bốc lên từ những đống đổ nát của các bể chứa số lượng lớn. Nó có thể nhìn thấy được ở mọi hướng trong hàng chục dặm.

Việc các cơ sở lưu trữ dầu bị phá hủy đã gây ra sự phẫn nộ và tuyệt vọng trong giới chức và người dân miền Bắc Việt Nam, ngoại trừ những cá nhân âm thầm căm ghét chế độ Cộng sản. Đồng thời, nó cũng là nguyên nhân cho sự vui mừng trong nhóm người ở miền Bắc Việt Nam mà ghét chế độ này một cách thống nhất nhất, những tù binh chiến tranh người Mỹ. Vào giữa năm 1966, người miền Bắc Việt Nam đã bắt giữ và

giam cầm vài trăm quân nhân Mỹ, hầu hết trong số họ là những người trong không quân có máy bay bị bắn rơi trên lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. Ngoại trừ một số ít người sẵn sàng cộng tác với những kẻ bắt giữ họ, những tù nhân người Mỹ ban đầu đã cố gắng tuân thủ Bộ Quy tắc Ứng xử chính thức của Hoa Kỳ, vốn cấm họ tiết lộ bất kỳ thông tin nào ngoài tên, cấp bậc, số seri và ngày sinh. Với lòng yêu nước kiên định, họ ghê tởm ý nghĩ tiết lộ thông tin mà người miền Bắc Việt Nam có thể sử dụng để gây hại cho những người Mỹ đang tiếp tục chiến đấu trong cuộc chiến.

Khi các tù nhân từ chối những yêu cầu ban đầu về sự hợp tác của họ, người miền Bắc Việt Nam đã áp dụng một chương trình có hệ thống gồm tra tấn, làm nhục và tước đoạt, vi phạm các cam kết mà họ đã đưa ra theo Công ước Geneva về Đối xử với Tù binh Chiến tranh. Các nhân viên thẩm vấn tìm cách moi thông tin về chiến thuật và công nghệ quân sự của Mỹ, cũng như những «lời thú tội» về việc tham gia vào các «tội ác» của Hoa Kỳ. Người miền Bắc Việt Nam đặc biệt chú ý đến việc thu thập các lời khẳng định xác nhận luận điệu tuyên truyền của Hà Nội rằng Sấm Rền nhắm vào thường dân miền Bắc Việt Nam một cách có chủ ý.

Việc đưa ra những tuyên bố ủng hộ tuyên truyền của miền Bắc Việt Nam về Sấm Rền đặc biệt ghê tởm đối với những người trong không quân Mỹ bởi vì họ biết, từ kinh nghiệm bản thân, rằng điều đó là gian lận. Trong các phi vụ trên miền Bắc Việt Nam, họ đã bị cấm tấn công các khu dân cư và đã phải gánh chịu những rủi ro đáng kể để tránh làm hại thường dân trong các cuộc tấn công vào mục tiêu quân sự. Các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của chính quyền Johnson đã từ chối nhắm mục tiêu vào các trung tâm dân cư như những người tiền nhiệm của họ đã làm trong Thế chiến thứ hai, bởi vì họ coi việc cố ý ném bom thường dân là trái với đạo đức và tin rằng điều đó sẽ làm suy yếu sự ủng hộ trong nước và quốc tế cho mục đích của Mỹ. Sấm Rền quả thực đã cướp đi sinh mạng của một số lượng lớn thường dân miền Bắc Việt Nam, nhưng chủ yếu là vì họ ở tại hoặc gần các mục tiêu quân sự hoặc bị trúng bom lạc. Tổng số thường dân miền Bắc Việt Nam thiệt mạng tính từ đầu Chiến dịch Sấm Rền vào tháng 3 năm 1965 đến khi kết thúc vào tháng 11 năm 1968, ước tính khoảng năm mươi hai nghìn người, ít hơn số người chết trong các cuộc không kích đơn lẻ vào Tokyo, Hiroshima và Nagasaki vào năm 1945.³³⁴

Phương pháp tra tấn ưa thích của những kẻ tra tấn miền Bắc Việt Nam là treo ngược, một sự tàn ác vừa có nguồn gốc lịch sử từ thời trung cổ vừa thể hiện sự vô nhân đạo. Nhân viên tra tấn bắt đầu bằng cách trói tay nạn nhân ra sau lưng. Sau đó, sử dụng một sợi dây thừng buộc vào cổ tay, họ treo anh ta lên một cái móc treo thịt. Bằng cách siết chặt dây thừng hoặc đặt trọng lượng lên các bộ phận khác nhau của cơ thể, kẻ thẩm vấn có thể siết chặt lưu thông máu và gây ra những cơn đau thể xác khủng khiếp nhất. Nếu nạn nhân không chịu khuất phục ngay lập tức, quy trình này có thể kéo dài trong nhiều ngày, rất lâu sau khi vai anh ta đã bị trật khớp và mô mềm của anh ta đã bị xé nát.

Một người Mỹ sống sót để kể lại trải nghiệm của mình trong «cái dây», như người Mỹ gọi kỹ thuật này, là Gerald Coffee. Một phi công Hải quân đến từ Modesto, California, Coffee đã bị bắn hạ vào ngày 3 tháng 2 năm 1966, khi đang bay một nhiệm vụ trinh sát trên chiếc RA - 5C Vigilante. Việc tra tấn được thực hiện bởi một tên thẩm vấn độc ác người miền Bắc Việt Nam mà những người Mỹ đặt biệt danh là Mất lợn vì khuôn mặt giống lợn và một con mắt bị hỏng. Khi Mất lợn bắt đầu siết chặt dây thừng, Coffee kể lại, «Tôi có thể cảm thấy gân và sụn ở các khớp hông và lưng dưới của mình bị xé toạc.» Một trong những trợ lý của Mất

lợn đứng lên một thanh sắt để giữ chân Coffee không di chuyển, với kết quả là việc siết chặt dây thừng kéo vai của Coffee về phía mắt cá chân và ép chặt phổi của anh. «Tôi gần như không thở được», Coffee nhớ lại, «phổi của tôi bị ép chặt đến mức bị uốn cong thành một quả bóng nhỏ đang siết chặt.» Một khi Mắt lợn bắt đầu nhảy lên vai Coffee, «Nỗi đau là tất cả những gì tồn tại. Nỗi đau ở mọi khớp, xương, cơ trong cơ thể tôi lấp đầy toàn bộ ý thức của tôi.»³³⁵

Các kỹ thuật tra tấn phổ biến khác bao gồm cùm chân, roi da và tra tấn bằng nước. Đối với những tù nhân ngoan cố nhất, các nhân viên thẩm vấn đã sử dụng đến việc bóc móng tay, đốt da thịt bằng thuốc lá và cho sốc điện. Các phương pháp của miền Bắc Việt Nam cuối cùng đã khiến hầu hết các tù nhân phải hợp tác ở mức độ này hay mức độ khác, ngay cả những người đàn ông cứng rắn và có lòng yêu nước phi thường như James Stockdale, sĩ quan hải quân cao cấp nhất trong số các tù nhân, người cuối cùng đã nhận được Huân chương Danh dự của Quốc hội vì vai trò lãnh đạo của ông trong cộng đồng tù binh và sau này tranh cử chức phó tổng thống Hoa Kỳ.

Stockdale và các sĩ quan bị giam cầm khác kết luận rằng do những hành vi ghê tởm của chính phủ Hà Nội, không thể mong đợi các tù nhân tuân thủ nghiêm ngặt Bộ Quy tắc Ứng xử của Hoa Kỳ. Thay vào đó, các sĩ quan cấp cao nói với những quân nhân còn lại rằng hãy tránh hợp tác cho đến khi họ bị ép buộc về thể chất nghiêm trọng. Stockdale giải thích sau đó : «Chúng tôi đặt ra một giới hạn kháng cự mà chúng tôi nghĩ là trong khả năng của mỗi tù binh chiến tranh (POW) có thể giữ được, và chúng tôi quy định rằng không ai được vượt qua giới hạn đó mà không bị tra tấn đáng kể.»³³⁶

Một người đàn ông rất cứng rắn khác bị khuất phục bởi tra tấn là Jeremiah Denton. Khi dây thừng không moi được sự hợp tác của anh, những kẻ tra tấn nhảy lên nhảy xuống một con lăn sắt đặt trên ống chân của anh. Denton đã cầm cự trong vài ngày trước khi nỗi đau trở nên kinh khủng đến mức anh đầu hàng. Anh đồng ý thú nhận các tội ác của Mỹ trên băng video - sau khi nghĩ ra một kế hoạch tinh vi để sử dụng video chống lại các đối thủ của mình. Khi các nhà quay phim Nhật Bản ghi hình Denton vào ngày 2 tháng 5 năm 1966, anh đã chớp mắt nhấn một tin bằng mã Morse : TRA TẤN. Đó là lần xác nhận đầu tiên mà Hoa Kỳ nhận được về cách đối xử của Hà Nội với các tù nhân.³³⁷

Trong tuần đầu tiên của tháng Bảy, khi các tù nhân tụ tập xung quanh những chiếc radio trong trại tù, họ nghe thấy bình luận về chiến dịch ném bom mới từ một phát thanh viên người miền Bắc Việt Nam nói tiếng Anh mà họ gọi là «Hanoi Hannah» (Hanna Hà Nội). Theo mô tả của sử gia John G. Hubbell, người đã phỏng vấn rất nhiều người sống sót sau khi họ trở về Hoa Kỳ, Hanoi Hannah cần nhằn chống lại các cuộc không kích một cách độc địa đến mức các tù nhân trở nên tin chắc rằng «cuối cùng, Washington đã cởi bỏ găng tay và đánh vào kẻ thù ở chỗ nó đau nhất.»³³⁸ Sự u ám của cuộc sống trong tù tan biến, và thay vào đó là niềm hy vọng rằng các vụ ném bom sẽ buộc Hà Nội chấm dứt chiến tranh và trao trả tù nhân cho chính phủ Hoa Kỳ.

Vào ngày 6 tháng 7, lính gác bật mắt và còng tay năm mươi hai tù nhân, sau đó chất họ lên xe tải. Đối với các tù nhân, diễn biến bất thường này dường như xác nhận rằng các vụ ném bom đã thuyết phục chính phủ miền Bắc Việt Nam trả họ về nhà. Tràn ngập niềm vui, những người Mỹ đoán rằng họ đang được chuyển đến Hà Nội để chuẩn bị cho chuyến bay về Hoa Kỳ.

Quả thực, những chiếc xe tải đã đưa những người Mỹ đến Hà Nội. Khi các tù nhân rời khỏi xe tải và được tháo băng bật mắt, họ đang đối mặt với một con phố rộng của

thành phố. Khán đài đã được dựng lên ở cả hai bên của con đường chính, như người ta thường thấy trong một cuộc diễu hành, và chúng chật ních những thường dân miền Bắc Việt Nam. Ở cuối phố là một sân vận động. Các tù nhân không chắc chắn về cảnh tượng này. Một số đoán rằng họ đang được tiễn đưa chính thức trước khi trở về quê hương.

Một người đàn ông với chiếc loa phóng thanh chạy bằng pin ngay lập tức xua tan ý nghĩ đó của người Mỹ. «Bây giờ các người sẽ thấy lòng căm thù của nhân dân Việt Nam», anh ta nói bằng tiếng Anh với các tù nhân. «Chúng tôi sẽ cố gắng bảo vệ các người, nhưng chúng tôi sẽ không giết bất kỳ người Việt Nam nào khi làm việc đó. Vì vậy, nếu người dân muốn giết các người, họ sẽ giết các người. Bây giờ tôi cho các người lời khuyên: đừng nhìn sang phải hoặc sang trái, đừng nhìn ra phía sau. Đừng nói. Đi thẳng về phía trước. Thể hiện thái độ đúng đắn với nhân dân Việt Nam. Cúi đầu xấu hổ vì tội ác của các người.»³³⁹

Bị lính gác thúc giục, các tù nhân tiến lên thành hàng hai, mỗi hàng cách nhau mười feet. Từ khán đài, đám đông bùng lên những tiếng hét giận dữ và những cái nắm đấm giơ lên. Chạy dọc theo hàng để ghi lại diễn biến là một chiếc xe tải chất đầy các nhà báo và nhà

quay phim nước ngoài từ Cuba, Pháp và các nước khác có cảm tình với Hà Nội.

Mặc dù các tù nhân lúc này đã có nhiều nghi ngờ về việc sắp được trở về Hoa Kỳ, nhưng họ cũng nghi ngờ rằng người Bắc Việt nghiêm túc về chuyện để cho đám đông khán giả làm hại tù binh chiến tranh, chứ đừng nói là giết họ. Có lẽ, người Mỹ tự nhủ, người Bắc Việt chỉ muốn chụp vài bức ảnh những người Mỹ tiêu tụy trong các tư thế nhục nhã để sử dụng trong tuyên truyền của họ. Một vài tù nhân đã công khai chống đối. Jeremiah Denton hét lên với những người Mỹ khác, «Các anh là người Mỹ ! Hãy ngẩng cao đầu lên !»³⁴⁰ Anh giơ dấu hiệu chữ V cho Chiến thắng vào máy quay và giơ ngón tay thôi cho những kẻ la hét trên khán đài.

Đột nhiên, một tá người vượt qua các lính gác và xông vào các tù binh, đâm và đá. Các lính gác thờ ơ nhìn. Khán giả coi đó như một tín hiệu để đổ từ khán đài và vĩa hè xuống đường phố. Với khuôn mặt đầy giận dữ và ác ý, những thường dân này khạc nhổ vào người Mỹ và hét lên bảo họ cúi đầu và lạy. Cả đàn ông lẫn đàn bà đều đánh đập các tù nhân và ném đá, gạch, và chai vào họ. Một số lính gác tham gia vào đám đông để đâm và đá các tù nhân, dành sự hung ác đặc biệt cho những ai từ chối cúi đầu.

Chẳng mấy chốc, những người Mỹ bị thuyết phục rằng người Bắc Việt đã không đùa về khả năng bị giết. Một số người trong số họ chống trả lại những kẻ tấn công và đẩy đường tiến về phía trước qua đám đông hướng đến sân vận động, nơi có vẻ an toàn hơn đường phố. Denton thấy những tù nhân phía trước anh đang xô đẩy và chen lấn, và mặc dù anh không biết họ là ai, anh tự hào được gọi họ là đồng bào của mình.

Ở một thời điểm nào đó, các nhà chức trách cấp cao đã cho thấy rõ rằng các tù nhân không được giết, vì các lính gác bắt đầu đẩy những thương dân cuồn cuộn loạn ra xa và hướng dẫn các tù nhân tiến về phía sân vận động. Tất cả các tù nhân đều có thể vào được bên trong sân vận động mà còn sống. Các lính gác, có vẻ gần như nhẹ nhõm như các tù nhân khi thoát khỏi đám đông, đã khóa chặt cửa vào.

Một số người Mỹ tự hỏi liệu bây giờ họ có bị ném cho sư tử ăn thịt không, như trong thời kỳ Kitô giáo sơ khai. Không có nguy hiểm như vậy chờ đợi. Họ có thời gian để tập hợp lại và nhìn nhau. Từ những vết bầm tím và vết rách đầy máu, họ có thể biết rằng không ai thoát khỏi một trận đòn nghiêm trọng.

Qua hệ thống phát thanh công cộng, một giọng nói thông báo cho các tù binh, «Các người đã thấy cơn thịnh nộ chính đáng của nhân dân Việt Nam. Những ai trong các người đã thấy ánh sáng và muốn xin lỗi về tội ác của mình và gia nhập cùng nhân dân Việt Nam sẽ được đối xử khoan hồng và nhân đạo. Nếu các người là người Mỹ thực sự, các người sẽ đi theo con đường của Fulbright, con đường của Morse, con đường của Mansfield.» Nếu không, giọng nói nói, các tù nhân sẽ được trao trả lại cho nhân dân Việt Nam đang chính đáng thịnh nộ.³⁴¹ Các tù nhân được đưa trở lại trại giam của họ và được khuyên nên viết lời thú tội để tránh rắc rối thêm.

Đài phát thanh Hà Nội ngay lập tức đưa ra thông tin chính thức về sự kiện. «Những người dân phần nộ», một phát ngôn viên tuyên bố, đã mắng nhiếc các phi công Mỹ trên đường phố Hà Nội vì họ «đã phạm những tội ác không thể tha thứ bằng việc ném bom và bắn phá các khu vực dân cư, các cơ sở kinh tế và tiện ích công cộng khác.» Bỏ qua không đề cập đến bạo lực, người thông báo khẳng định rằng «người dân Hà Nội, mặc dù sôi sục căm phẫn trước những tội ác do không tặc Mỹ gây ra, đã thể hiện mình có kỷ luật cao. Nếu không, chỉ cần nghĩ đến những tội ác này cũng có thể khiến họ xé xác những ‘chiến binh bầu trời’ của [Lyndon] Johnson.»³⁴²

Không phải lần đầu tiên cũng không phải lần cuối cùng, chính phủ Hà Nội đã tính toán sai về phản ứng của người dân Mỹ. Người Bắc Việt đã dự đoán rằng cuộc diễu hành bạo lực và nhục nhã sẽ làm nhụt chí những người ủng hộ chiến tranh ở Mỹ và buộc chính quyền Johnson giảm bớt ném bom. Thay vào đó, tin tức về sự kiện chỉ làm nhụt chí những người Mỹ phản đối chiến tranh, một số người trong đó thậm chí còn lên án chế độ Bắc Việt. Thượng nghị sĩ Robert Kennedy tuyên bố, «Tôi đã bất đồng ở nhiều điểm về cuộc chiến này và cách tiến hành nó, nhưng tôi đồng lòng với tất cả người Mỹ trong việc coi bất kỳ sự trả thù nào chống lại những thanh niên này là một hành động không thể chấp nhận được - trái với luật chiến tranh, trái với tất cả các hành vi trong quá khứ trong cuộc chiến này, một sự lao vào man rợ.»

Mười chín thượng nghị sĩ phái bỏ câu khác, bao gồm các Thượng nghị sĩ Church, Fulbright, McCarthy, McGovern, và Morse, đã đưa ra một «lời kêu gọi sáng suốt» tới Hà Nội. Trong lời kêu gọi, họ thúc giục người Bắc Việt «kiềm chế bất kỳ hành vi ngược đãi nào đối với các phi công Mỹ», những người «là tù binh chiến tranh, hoàn toàn được hưởng sự bảo vệ dành cho những người mặc quân phục khi bị bắt trong khi đang thực hiện nhiệm vụ.» Các thượng nghị sĩ cảnh báo rằng nếu

chính phủ Bắc Việt xử tử các tù nhân như tội phạm chiến tranh, như đã được báo cáo là đang cân nhắc, điều đó «sẽ làm giảm mạnh mẽ ảnh hưởng của tất cả những người ở Hoa Kỳ đã cố gắng hạn chế chiến đấu» và «sẽ kích động một yêu cầu trả đũa của công chúng, nhanh chóng và chắc chắn.»³⁴³

Bị khiển trách, người Bắc Việt sẽ không tổ chức một cuộc diễu hành tù binh nào nữa. Họ cũng sẽ không bỏ thêm lời ám chỉ nào rằng họ sẽ xét xử các tù nhân như tội phạm. Tuy nhiên, trong thế giới ẩn của «Hanoi Hilton» và các trại giam khác, sự tra tấn vẫn tiếp tục. Trong nhiều năm tới, các tù nhân sẽ bị ép buộc phải lặp lại tuyên truyền của Bắc Việt trên máy quay hoặc với những vị khách thân Hà Nội từ phương Tây. Một trong những tù binh cấp cao nhất, Đại tá Hải quân James A. Mulligan Jr., nói với báo chí sau khi được trả tự do vào năm 1973 rằng 95% tù nhân đã bị tra tấn và 80% đã đưa ra các tuyên bố lên án những tội ác được cho là của Hoa Kỳ.³⁴⁴

Lyndon Johnson cũng không bị đe dọa hơn bất kỳ người Mỹ nào khác bởi cuộc diễu hành ở Hà Nội. Chiến dịch Sấm Rền tiếp tục với tốc độ nhanh. Đến cuối tháng Bảy, nó đã phá hủy tất cả các cơ sở POL lớn ở miền Bắc Việt Nam và làm tê liệt tất cả các tuyến đường sắt

chở các toa chứa POL. Theo ước tính tình báo Hoa Kỳ, chiến dịch tháng Bảy đã phá hủy 78% công suất POL được nhắm mục tiêu.

Tuy nhiên, bất chấp màn pháo hoa ngoạn mục và số lượng lớn tài sản của địch bị phá hủy, chiến dịch không quân đã không có tác động tê liệt như những người ủng hộ Mỹ của nó ban đầu dự đoán. Trong nhiều tháng khi người Mỹ còn đang tranh luận với nhau về việc có nên đánh vào các mục tiêu POL hay không, người Bắc Việt đã phân tán việc lưu trữ dầu vào các thùng chứa nhỏ trên khắp đất nước. Phần lớn dầu bây giờ nằm trong các thùng xếp dọc các con phố thành phố, nơi mà người Bắc Việt biết người Mỹ sẽ không ném bom vì lý do nhân đạo. Việc phân tán đã gây ra những kém hiệu quả mới vào hệ thống hậu cần của Bắc Việt và bổ sung thêm hàng ngàn người vào vài trăm ngàn người Bắc Việt đã hoàn toàn bận rộn với việc chống lại các tác động của Sấm Rền. Tuy nhiên, người Bắc Việt vẫn có thể lưu trữ đủ lượng dầu của Liên Xô nhận được tại Cảng Hải Phòng để cung cấp nhiên liệu cho các đoàn tàu và xe tải vận chuyển vũ khí vào Nam Việt Nam.³⁴⁵

Từ góc nhìn của Nhà Trắng, việc ném bom đạt được kết quả tốt hơn ở Hoa Kỳ so với ở miền Bắc Việt Nam. Một số lượng lớn người Mỹ trước đây phản đối mở

rộng vùng ném bom đã tập hợp lại sau lưng tổng thống một khi bom bắt đầu rơi xuống các mục tiêu POL vốn do liên quan rõ ràng đến cỗ máy chiến tranh của Hà Nội nên dễ chấp nhận hơn đối với một số người Mỹ so với các mục tiêu khác. Trước đây, công chúng Mỹ đã chia rẽ 50 - 50 về việc mở rộng ném bom vào khu vực Hà Nội - Hải Phòng, nhưng sau khi các cuộc tấn công POL bắt đầu, sự ủng hộ của công chúng chuyển sang 85% đồng ý.³⁴⁶ Chiến dịch POL cũng đi kèm với sự gia tăng ủng hộ cho cách xử lý chiến tranh của Johnson, từ 42% lên 54%.³⁴⁷

Khi bằng chứng ngày càng nhiều cho thấy chiến dịch POL sẽ không phá hủy hệ thống cung ứng của Hà Nội, Campuchia trở nên nổi bật hơn như một phương tiện để phá vỡ hậu cần của Bắc Việt. Tình báo MACV báo cáo về việc thâm nhập nặng nề của Cộng sản về gạo và vật tư quân sự từ lãnh thổ Campuchia vào Nam Việt Nam. Theo con số của họ, vật tư của Cộng sản Trung Quốc hiện đang đi qua cảng Sihanoukville với tốc độ hơn một nghìn tấn mỗi năm. Trên cơ sở những báo cáo này, Westmoreland và Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân ủng hộ các hoạt động trên bộ trên đất Campuchia và các hoạt động bí mật ở Campuchia để trả giá cao hơn kẻ thù cho gạo và đạn dược.

Tuy nhiên, CIA cho rằng nhân viên tình báo của Westmoreland đã đánh giá quá cao tầm quan trọng của Campuchia đối với nỗ lực chiến tranh của Bắc Việt ở Nam Việt Nam. Các lực lượng Cộng sản, các nhà phân tích của cơ quan này khẳng định, vẫn phụ thuộc «chủ yếu vào vùng nông thôn Nam Việt Nam» để cung cấp lương thực. Westmoreland coi thái độ của CIA là «đáng lo ngại» và nghi ngờ rằng cơ quan này đang «phản ánh những gì Washington muốn nghe.» Bộ Ngoại giao thời bất sự nghi ngờ đó bằng cách viện dẫn cách giải thích của CIA để từ chối các yêu cầu hành động ở Campuchia của Westmoreland. Các hành động được đề xuất, Bộ Ngoại giao khẳng định, sẽ không có đủ tác động đến các hoạt động của Bắc Việt để biện minh cho những rủi ro khi khiêu khích Sihanouk hợp tác công khai với Hà Nội.³⁴⁸

Nhìn lại, có vẻ như việc hợp tác công khai khó có thể tồi tệ hơn cho Hoa Kỳ so với hiện trạng. Các nhà sử học Bắc Việt đã tiết lộ rằng các hoạt động hậu cần của Bắc Việt ở Campuchia vào thời điểm này còn quan trọng hơn cả những gì Bộ chỉ huy của Westmoreland nhận ra. Việc cắt đứt các tuyến đường thâm nhập đường biển vào bờ biển Nam Việt Nam vào đầu năm 1965 đã khiến Hà Nội tìm kiếm các tuyến đường biển mới cho việc thâm nhập vũ khí và đạn dược, và đến đầu năm 1966,

người Bắc Việt đã lên lịch các chuyến hàng từ Bắc Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô vào Sihanoukville. Vào tháng 7 năm 1966, người Bắc Việt thành lập một công ty bề ngoài là tư bản ở Campuchia, công ty này trả vàng cho lực lượng vũ trang Campuchia để vận chuyển vũ khí và đạn dược từ Sihanoukville đến biên giới Nam Việt Nam.³⁴⁹

Chương trình thâm nhập đường biển mới sử dụng những con tàu làm cho những con tàu trước đây trở nên nhỏ bé. Một tàu chở hàng Trung Quốc cập cảng Sihanoukville vào mùa thu năm 1966 đã giao ba nghìn tấn vũ khí và đạn dược để chuyển tiếp cho lực lượng Bắc Việt.³⁵⁰ Để so sánh, tám mươi chín chuyến hải trình thâm nhập từ Bắc Việt Nam đến bờ biển Nam Việt Nam giữa tháng 2 năm 1962 và tháng 2 năm 1965 tổng cộng chỉ giao được khoảng năm nghìn tấn.³⁵¹ Chỉ trong một lô hàng đến Sihanoukville này, người Bắc Việt đã giao nhiều vũ khí và đạn dược hơn so với Đường mòn Hồ Chí Minh đã giao cho Nam Việt Nam trong cả năm 1965.³⁵²

Việc thâm nhập vũ khí bằng đường bộ và đường biển trong năm 1966 cho phép trang bị cho lực lượng Bắc Việt với số lượng chưa từng có súng trường tấn công, súng máy, súng phóng lựu, súng không giật, súng cối

và súng phun lửa. Trong tay lính Bắc Việt, bắt đầu xuất hiện các vũ khí hạng nặng tối tân của Liên Xô và Trung Quốc, như súng không giật 82 mm và súng cối 120 mm. Loại thứ hai có khả năng bắn trúng các căn cứ Mỹ và Nam Việt Nam từ khoảng cách gấp đôi các súng cối khác, do đó tăng gấp bốn lần diện tích lãnh thổ mà các đơn vị an ninh căn cứ phải tuần tra.³⁵³

Vũ khí cơ hữu của lực lượng chính quy Bắc Việt giờ đây có thể sánh ngang với lực lượng Mỹ, và vượt trội hơn nhiều so với Quân đội Nam Việt Nam. Các nhà máy Mỹ sản xuất đủ súng máy và súng trường tấn công M - 16 để trang bị cho tất cả các đơn vị Lục quân và Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, nhưng còn rất ít để dành cho lực lượng Nam Việt Nam. Phải mất một năm nữa Hoa Kỳ mới sản xuất đủ số M - 16 để phân bổ nhiều súng trường cho Nam Việt Nam như cho các đơn vị Mỹ.³⁵⁴ Bởi vì Quân đội Bắc Việt sở hữu vũ khí tự động nhiều hơn nhiều so với Quân đội Nam Việt Nam, các chỉ huy Nam Việt Nam rất ngại giao chiến trực tiếp với lực lượng địch và thay vào đó dựa nhiều vào các đòn không kích và pháo kích, điều này thường cho phép đối phương thoát khỏi những cuộc chạm trán không mong muốn với cái giá phải trả tối thiểu.³⁵⁵

Người Bắc Việt cũng đang mua lương thực ở Campuchia trên quy mô lớn hơn bất kỳ người Mỹ nào biết. Trong năm 1966, để ứng phó với khoảng cách ngày càng lớn giữa nhu cầu của lực lượng Bắc Việt và nguồn lương thực sẵn có từ các nguồn ở Nam Việt Nam và đường mòn Hồ Chí Minh, nhân viên hậu cần Bắc Việt đã thành lập các tổ chức bình phong ở Campuchia để mua lương thực và vận chuyển chúng về Nam Việt Nam. Để ngăn người Mỹ phát hiện ra âm mưu của mình, họ hoạt động dưới vỏ bọc là chủ đồn điền hoặc doanh nhân, sống trong những biệt thự lớn, lái những chiếc ô tô cỡ lớn và mặc quần áo sang trọng.³⁵⁶ Các tài liệu lịch sử của phe Cộng sản không cung cấp con số về lương lương thực mua mỗi năm, nhưng có tiết lộ rằng lương lương thực đã tăng vọt vào năm 1966 và trong khoảng thời gian từ 1965 đến 1974, người Bắc Việt đã mua một lượng gạo đáng kinh ngạc là 268.000 tấn ở Campuchia, đủ để cung cấp liên tục cho 150.000 binh lính trong suốt mười năm đó.³⁵⁷

Bất chấp sự gia tăng trong việc thu mua lương thực ở Campuchia, người Bắc Việt vẫn không thể cung cấp đủ lương thực cho lực lượng của họ ở Nam Việt Nam trong năm 1966. Vào thời điểm đó, các nhà phân tích của CIA và Bộ Ngoại giao nghi ngờ rằng các đơn vị địch đang trải qua tình trạng thiếu lương thực nghiêm trọng.³⁵⁸

Tuy nhiên, Westmoreland và những người khác trong quân đội kết luận rằng đến tháng 8, tình trạng thiếu lương thực đang hạn chế nghiêm trọng hoạt động của địch, đặc biệt là ở vùng cao nguyên.³⁵⁹ Các nguồn tài liệu của Bắc Việt được công bố sau chiến tranh đã xác nhận tính chính xác trong đánh giá của Westmoreland.

Nguyễn Hữu An, lúc này là một sư đoàn trưởng ở cao nguyên, nhớ lại rằng tình trạng thiếu gạo buộc mọi binh sĩ, từ các chỉ huy cấp cao trở xuống, phải dành một phần thời gian đáng kể để trồng sắn. Loại cây trồng này, được biết đến ở những vùng đất khác là cassava hoặc yuca, rất dễ trồng ở mọi loại đất, và nó có thể chịu được cả hạn hán và mưa gió mùa. Sắn cho ra các củ giống như khoai lang, giàu carbohydrate, có thể duy trì sức lực cho con người trong thời gian dài với rất ít hoặc không có gạo. Nhưng chỉ riêng sắn không thể duy trì được những binh sĩ sẵn sàng chiến đấu, vì không như gạo, nó thiếu protein cần thiết cho các hoạt động gắng sức, như hành quân và chiến đấu kéo dài. Do đó, gạo, dù được trồng ở Nam Việt Nam hay nhập khẩu từ nơi khác, vẫn là nỗi ám ảnh của Quân đội Bắc Việt trong phần còn lại của cuộc chiến.

«Chúng tôi thường đùa với nhau rằng, ‘Gạo là nguyên soái thực sự của quân đội chúng ta,’» Nguyễn Hữu An nhớ lại. «Điều đó là đúng. Nếu chúng tôi muốn phát động một chiến dịch tác chiến dù chỉ trong thời gian ngắn nhất, một trong những câu hỏi lớn là, ‘Chúng ta có đủ gạo không ?’»³⁶⁰

Tình trạng thiếu gạo và thuốc men đã giữ toàn bộ Sư đoàn 7 không tham chiến từ giữa năm 1966, khi nó được phân công danh nghĩa cho hành lang thâm nhập chiến lược gần Quốc lộ 13, cho đến mùa xuân năm 1967.³⁶¹ Lực lượng bị tê liệt này lẽ ra đã rất hữu ích trong trận chiến lớn đầu tiên vào tháng 7, khi Sư đoàn 1 Hoa Kỳ lại giao tranh với Sư đoàn 9 của Quân đội Bắc Việt ở tỉnh Bình Long. Lần này, địa điểm chiến đấu sẽ là đường Minh Thạnh, con đường nối Quốc lộ 13 với sông Sài Gòn. Thành phần tác chiến chính của Bắc Việt sẽ là Trung đoàn 272 thuộc Sư đoàn 9, được bổ sung tám trăm binh sĩ vừa hoàn thành chặng hành quân xuống đường mòn Hồ Chí Minh.

Tình báo Mỹ đã phát hiện sự hiện diện của Trung đoàn 272 từ khá lâu trước cuộc chạm trán, mặc dù các báo cáo của Mỹ về trận đánh không tiết lộ phương thức phát hiện ra nó. Các sĩ quan Bắc Việt rất có thể đã kết luận rằng việc nghe lén radio đã dẫn người Mỹ đến

Trung đoàn 272, vì vào lúc này, các nhà lãnh đạo cấp cao của Bắc Việt đang vô cùng lo ngại rằng việc Mỹ chặn thu liên lạc của họ đang tạo điều kiện cho nhiều cuộc tấn công của Mỹ vào lực lượng của họ. Ban Bí thư Trung ương Đảng vừa ra chỉ thị tuyên bố rằng «bảo vệ bí mật thông tin liên lạc bằng radio là vấn đề quan trọng số một trong cuộc chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch.»³⁶²

Dựa trên tin tức tình báo về Trung đoàn 272, Sư đoàn Bộ binh 1 Hoa Kỳ đã lập kế hoạch nhử quân Bắc Việt vào trận chiến trong những điều kiện có lợi cho người Mỹ. Sư đoàn Bộ binh 1 sẽ treo trước mắt họ một đoàn xe vận tải có vẻ yếu thế hơn, bị cô lập hơn và chất đầy hàng tiếp tế quý giá hơn so với thực tế. Các sĩ quan Mỹ tạo ra một kế hoạch tác chiến giả cho đoàn xe, nói rằng những chiếc xe ủi đất và xe tải chở đầy hàng hóa đang di chuyển trên đường Minh Thạnh chỉ với một lực lượng hộ tống nhỏ là kỵ binh thiết giáp, sau đó chuyển nó cho một văn phòng của Nam Việt Nam bị nghi ngờ là chứa chấp gián điệp. Người Mỹ thực tế đã bố trí cho đoàn xe ba đại đội kỵ binh đầy đủ và một đại đội bộ binh, và bố trí bốn tiểu đoàn bộ binh ở gần đó để làm lực lượng phản ứng nhanh. Trước khi đoàn xe khởi hành, các khẩu pháo đã được nhắm về phía con đường, và máy bay được điều đến bầu trời lân cận.

Chỉ huy sư đoàn, Tướng DePuy, đã nói chuyện với binh lính trước khi họ lên đường. «Trong cuộc chiến này, chúng ta phải giết nhiều địch hơn số họ giết chúng ta để giành chiến thắng», DePuy nói, nhìn vào ánh mắt của những người lính mà khuôn mặt thể hiện sự nghiêm túc vượt quá tuổi tác của họ. «Chúng ta sẽ sử dụng những lợi thế của mình, và chúng ta sẽ giết rất nhiều địch. Và chúng ta sẽ chiến thắng.» Khi kết thúc bài phát biểu, DePuy nói với họ, «Giờ là nhiệm vụ của các bạn. Hãy mạnh mẽ. Hãy hung hãn. Hãy làm tốt nhiệm vụ của mình. Đây là Sư đoàn Bộ binh 1. Chúng ta có một danh tiếng để giữ gìn.»

Đại tá Sidney B. Berry Jr., chỉ huy lữ đoàn đang chỉ đạo chiến dịch, lên tiếng tiếp theo. Trung đoàn 272 là đối thủ chính của họ trong khu vực này của Việt Nam, Berry nói. «Do các hoạt động của chúng ta, lực lượng Trung đoàn 272 giờ không ở lại Nam Việt Nam lâu nữa», ông giải thích. «Họ di chuyển qua biên giới, tấn công một mục tiêu, và rút về các căn cứ nơi ẩn náu của họ ở Campuchia. Đó là một tình huống lý tưởng cho họ - chúng ta không thể theo họ vào Campuchia. Đừng hỏi tôi làm thế nào họ sắp xếp được điều này với Quốc hội của chúng ta.»

Sau Đại tá Berry là Chuẩn tướng James F. Hollingsworth, chỉ huy phó sư đoàn. Một trong những quân nhân được tặng thưởng nhiều nhất của thế hệ sau này được gọi là Thế hệ Vĩ đại nhất, Hollingsworth bước ra từ Thế chiến II với ba Huân chương Chữ thập Dịch vụ Xuất sắc, ba Huân chương Chữ thập Bay Xuất sắc, bốn Ngôi sao Bạc, bốn Ngôi sao Đồng và sáu Trái tim Tím. Là một sĩ quan trong Sư đoàn Thiết giáp 2, ông đã được tôi luyện cho chiến trường bởi những bài diễn văn của Tướng George S. Patton. Âm hưởng của Patton có thể được nghe thấy trong những lời Hollingsworth nói lúc này.

«Lũ khốn nạn này sẽ ngạc nhiên đến chết đi được», Hollingsworth quát lên. «Chúng ta không thường xuyên bắt được chúng như thế đâu.» Vì họ đang ở rất gần biên giới Campuchia, Hollingsworth nói, họ phải tấn công nhanh chóng và truy kích không ngừng nghỉ. «Hãy chuẩn bị cho binh lính của các anh, hãy làm cho chúng hung dữ. Có lúc cần phải hành động chậm rãi, và có lúc cần phải lên đạn - và xông lên. Đây chính là lúc đó, sẽ không có nhiều thời gian đâu. Phải tiến vào đó thật nhanh và di chuyển thật nhanh. Giết thật nhanh. Cuộc phục kích có thể diễn ra cách một ranh giới mà chúng ta không thể vượt qua chưa đầy mười dặm. Điều đó không cho chúng ta nhiều thời gian để lãng vãng. Đừng dừng

lại chỉ vì một người lính của các anh bị thương. Cứ tiến lên. Để lại một nhân viên y tế hoặc một lính gác và tiếp tục tiến lên.»

Ba tiểu đoàn bộ binh của Trung đoàn 272 đã thiết lập các vị trí phục kích có che chắn dọc theo một đoạn đường dài hai cây số trên đường Minh Thạnh. Khoảng cách giữa các hố cá nhân của họ và bề mặt đường đất đỏ laterit dao động từ một trăm đến bốn trăm mét. Đoàn xe di chuyển về hướng của họ với tốc độ chỉ vài dặm một giờ, với một trung đội lính bộ binh Mỹ đi bộ ở hai bên đường theo đội hình nôm. Khi các xe của Mỹ đến đoạn đầu tiên có đất đỏ laterit trên đường Minh Thạnh, bánh xe và xích của chúng cuốn lên những đám mây bụi đất. Bọt đỏ này làm chảy nước mắt và xót phổi của những người ngồi trên xe và khiến cho đội hình của họ bị quân Bắc Việt nhìn thấy từ rất lâu trước khi đội hình này có thể nhìn thấy quân Bắc Việt.

Định kỳ, quân Mỹ bắn súng nhỏ và pháo binh vào các tán cây ven đường, nhằm dụ địch vào trận chiến trước khi đoàn xe đi hoàn toàn vào khu vực phục kích. Tuy nhiên, lực lượng Bắc Việt vẫn duy trì kỷ luật nghiêm ngặt và kiềm chế không khai hỏa sớm.

Ngay khi đoàn xe đến đoạn đường mà người Mỹ đã coi là điểm khởi phát có khả năng cao nhất, vũ khí

hạng nặng của Trung đoàn 272 đã khai hỏa loạt đạn đầu tiên. Binh lính Bắc Việt bật lên khỏi các hố cá nhân và xông về phía các xe. Tấn công vào con đường ở vô số điểm, quân Bắc Việt có ý định cô lập các xe Mỹ và ngăn không cho chúng hình thành các cụm phòng thủ, như xe thiết giáp Mỹ đã làm rất hiệu quả tại Tàu Ô một tháng trước đó.

Những viên đạn xuyên giáp đập mạnh vào chiếc xe tăng dẫn đầu đoàn xe Mỹ và một số xe khác, làm chảy máu các thành viên kíp xe và châm lửa đốt cháy. Các xe khác trong đoàn xe và bộ binh đi kèm khai hỏa trả đũa bằng một kho vũ khí mạnh. Các loạt đạn beehive (đạn mã não - loại đạn chứa nhiều mũi tên nhỏ) được bắn ra từ các pháo chính của xe tăng tỏ ra đặc biệt gây chết người đối với bộ binh đang xông lên. Nỗ lực chia cắt đoàn xe thành nhiều mảnh nhỏ của Bắc Việt đã thất bại, vì các tài xế Mỹ đã giữ các xe của họ sát nhau trong khi tiếp cận và có thể nhanh chóng co cụm lại thành hai cụm.

Pháo binh Mỹ ngay lập tức càn quét một bên đường Minh Thạnh, và các máy bay phản lực Mỹ trút đạn xuống bên kia. Được xếp thành 6 tầng theo độ cao, các máy bay phản lực lần lượt bắn rocket vào quân Bắc Việt và thiêu đốt họ bằng bom napalm. Trong vài trăm mét ở

hai bên đường, mặt đất bị thiêu rụi thành một màu đen khét, lỗ chỗ những xác lính Bắc Việt đã chết và đang hấp hối. Rất ít người Bắc Việt vượt qua được vùng hủy diệt giữa các hố cá nhân của họ và các xe Mỹ.

Trực thăng đổ bộ ba tiểu đoàn lính Mỹ xuống khu vực xung quanh để chặn các lối thoát và mở các cuộc phản công, trong khi một tiểu đoàn Mỹ thứ tư tiến quân bộ qua rừng. Trung úy James E. Parker Jr., một binh sĩ bộ binh đang ở trên một trong những chiếc trực thăng, nhớ lại, «Tôi thấy mình huyết sáo, nhìn về phía trước, căng thẳng. Bụng tôi còn cào.» Parker có thể nghe thấy tiếng nổ, lúc đầu còn nhỏ. Ở phía trước, những máy bay phản lực lao xuống, song song với con đường, và sau đó lại kéo lên, mỗi lần như vậy lại kéo theo sự bùng nổ của một quả cầu lửa khổng lồ. Khi chiếc trực thăng của Parker lao xuống vùng đổ bộ, anh có thể nhìn thấy những cái cây đã bị trụi lá bởi napalm. Giữa chúng là những hố đen đã bị khoét trong khu rừng, được bao quanh bởi những vòng lửa.

Bộ binh Mỹ phản công vào Trung đoàn 272 đang suy yếu ở một số vị trí. Rừng rậm dày đặc một cách bất ngờ đã làm chậm chuyển động của một số đơn vị Mỹ, cho phép một số binh lính Bắc Việt chạy thoát trước khi vòng vây được hoàn tất. Khi quân Bắc Việt rút lui, các

máy trinh sát Mỹ trên không chuyển tọa độ của họ đến các trục thẳng và máy bay phản lực đang chờ sà xuống, dẫn đến tổn thất nhân mạng thêm.

Một lần nữa, Sư đoàn 9 lại phải hứng chịu một thất bại lênh và tàn khốc. Trong khi lục soát chiến trường, người Mỹ tìm thấy 238 xác định, và họ ước tính thêm 305 lính Bắc Việt đã bị giết. Tổn thất của Mỹ là 25 người chết và 113 người bị thương.³⁶³ Sau trận chiến trên đường Minh Thạnh, phần còn lại của Sư đoàn 9 rời tỉnh Bình Long sang Campuchia để phục hồi.

Trong phần còn lại của mùa hè, Sư đoàn 1 Bộ binh tiến hành các cuộc tìm kiếm vô ích cho Sư đoàn 9 tại Bình Long. Nhìn chung, Quân đoàn III tương đối yên ả trong vài tháng sau trận Minh Thạnh. Lực lượng còn lại của Bắc Việt Nam phần lớn chỉ giới hạn các cuộc tấn công của họ vào những đồn đánh nhỏ vào các đơn vị Nam Việt Nam ít quân và vũ trang kém hơn.

Ngoại lệ lớn duy nhất là một cuộc chạm trán vào tháng 8 giữa quân Úc và quân Bắc Việt tại tỉnh Phước Tuy. Là một phần của Chiến dịch Sheffield, một tiểu đoàn Úc tiến vào đồn điền cao su Long Tân vào ngày 18 tháng 8 và đã chạm trán ngay với Trung đoàn 5 Quân đội Bắc Việt và Tiểu đoàn 455 lực lượng địa phương ngay khi họ đang chuẩn bị tấn công một sở chỉ huy của Úc. Mưa

gió mùa ngăn cản quân Úc sử dụng không kích hoặc tăng viện bằng trực thăng, nhưng họ đã sử dụng pháo binh rất xuất sắc và đưa vào một đại đội tăng viện bằng xe bọc thép vũ trang để thực hiện một cuộc phản công tàn khốc. Theo tài liệu thu được, thương vong của Bắc Việt Nam từ trận chiến tổng cộng là tám trăm người chết và một nghìn người bị thương, so với tổn thất của Úc là mười bảy người chết và hai mươi một người bị thương.³⁶⁴

Ở Tây Nguyên, trận chiến lớn duy nhất trong mùa hè diễn ra trong Chiến dịch Paul Revere II, một chiến dịch tìm diệt do Sư đoàn 1 Kỵ binh Hoa Kỳ và lực lượng Hàn Quốc phát động. Cuộc tìm kiếm bắt đầu ở tỉnh Pleiku, gần biên giới Campuchia. Bị dụ dỗ bởi sự gần gũi của lực lượng thù địch với khu vực căn cứ của mình, Trung đoàn 88 Quân đội NVA vượt biên từ Campuchia để tấn công người Mỹ và Hàn Quốc. Được chuẩn bị kỹ lưỡng cho trận chiến, lực lượng đồng minh đã gây thiệt hại nặng nề cho trung đoàn Bắc Việt, giết chết hơn bảy trăm người và bắt gần một trăm tù binh. Trong chiến dịch Paul Revere III tiếp theo, bắt đầu vào ngày 25 tháng 8, quân Bắc Việt đã tránh lặp lại trận đòn bằng cách ở yên trong Campuchia.³⁶⁵

Về phía đông, ở các tỉnh ven biển của Quân đoàn II, sự gia tăng số tiểu đoàn chiến đấu của Mỹ đã nhanh chóng được tiếp nối bằng sự gia tăng các chiến dịch tìm diệt. Nhằm mục tiêu chủ yếu vào các sư đoàn 3 và 5 Quân đội Bắc Việt, các chiến dịch này nhằm tiêu diệt lực lượng địch và ngăn chặn chúng tiếp cận vụ thu hoạch lúa. Các chiến dịch đã đạt được những mục tiêu này và cũng làm gián đoạn hoạt động du kích và chính trị của Cộng sản trong các làng.

Do tình trạng thiếu lương thực, binh lính Bắc Việt phải ăn cắp lúa gạo, gia súc và tài sản khác của người dân, mà theo lời một tài liệu của Bắc Việt, «đã ảnh hưởng đến truyền thống tốt đẹp của quân đội và làm tổn hại đến lòng tin của nhân dân đối với chúng ta.»³⁶⁶

Quân khu I phía nam và trung tâm chứng kiến một trận chiến lớn vào mùa hè, tại Thung lũng Que Son. Nằm giáp ranh giữa các tỉnh Quảng Nam và Quảng Tín, thung lũng này được quân Bắc Việt đánh giá cao vì sản lượng lúa cao và khả năng tiếp cận cả các tuyến đường xâm nhập Lào và bờ biển. Vào tháng 8, trong Chiến dịch Colorado, Sư đoàn Thủy quân lục chiến 1 Hoa Kỳ và sáu tiểu đoàn Nam Việt Nam đã xác định vị trí Trung đoàn 21 Quân đội Bắc Việt trên sân thung lũng, và một loạt các cuộc đấu súng đã diễn ra. Trung tá Tôn Thất

Soạn, chỉ huy các đơn vị Thủy quân lục chiến Nam Việt Nam tham gia chiến dịch, kể lại rằng «khối lượng hỗ trợ không quân do máy bay Mỹ từ Căn cứ không quân Chu Lai và từ Hạm đội 7 Hoa Kỳ ngoài khơi cung cấp thật đáng sợ, chính xác, liên tục và cực kỳ mạnh mẽ.»

367

Trung đoàn 21, bị thiệt hại nặng nề, buộc phải lặn trốn trước khi có thể chiếm được lượng lúa đáng kể hoặc gây thiệt hại nhiều cho lực lượng đối phương. Lịch sử của sư đoàn 2 Quân đội Bắc Việt, đơn vị chủ quản của Trung đoàn 21, đã xác nhận, «mặc dù lực lượng của chúng ta đã có thể tiêu diệt một số quân địch, nhưng hiệu suất chiến đấu của chúng ta thấp và thương vong của chính chúng ta lại cao... Trong quá trình chiến đấu ác liệt, liên tục và căng thẳng, nỗi sợ chiến đấu và sợ chết chóc, hy sinh đã xuất hiện trong số quân lính của một số đơn vị.»³⁶⁸

Một lý do chính cho sự khan hiếm các cuộc giao tranh ở các tỉnh phía nam và trung tâm của Quân khu I là việc phân bổ hầu hết lực lượng cơ động của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ cho tỉnh cực bắc Quảng Trị. Sau sự gia tăng các cuộc phát hiện đơn vị Bắc Việt ở Quảng Trị vào cuối tháng 6, các hoạt động trinh sát gia tăng của Mỹ đã xác định vị trí Sư đoàn 324B trên các vùng núi của

trung tâm phía bắc Quảng Trị, nơi các tầng bụi rậm và tán rừng rậm trăm foot che giấu chín nghìn người của nó khỏi tầm nhìn. Các cơ quan tình báo Mỹ biết được rằng Sư đoàn 324B có ý định tấn công về phía bờ biển, như là mũi nhọn của một cuộc tấn công nhằm giành quyền kiểm soát hoàn toàn các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Ngay sau đó, các báo cáo bổ sung xác nhận rằng hai trung đoàn Bắc Việt nữa đã thâm nhập vào phía tây Quảng Trị và mười lăm nghìn quân Bắc Việt khác đã đóng quân ở Lào giữa Tchepone và biên giới Nam Việt Nam. Các đơn vị này có thể nhanh chóng tăng viện cho sư đoàn 324B ở Quảng Trị hoặc Thừa Thiên.³⁶⁹

Tướng Walt quyết định tấn công Sư đoàn 324B tại bãi tập kết của nó trước khi nó có thể mạo hiểm tiến ra. Sử dụng cùng một logic quân sự như Westmoreland, ông cho rằng một cuộc tấn công phá hoại của Mỹ sẽ tốt hơn là một cuộc tấn công bất ngờ của Bắc Việt vào thời điểm và địa điểm do Bắc Việt lựa chọn. Vào giữa tháng 7, một lực lượng đặc nhiệm gồm bốn tiểu đoàn bộ binh Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ và một tiểu đoàn pháo binh tiến về phía khu vực trung tâm của DMZ để truy lùng sư đoàn 324B. Nam Việt Nam cam kết một phần của Sư đoàn 1 ARVN và năm tiểu đoàn thuộc lực lượng dự bị chiến lược của họ cho chiến dịch, được đặt tên là Chiến dịch Hastings.

Cùng với Chiến dịch Hastings, Westmoreland đã yêu cầu được cho phép không kích bằng B - 52 trong DMZ, nơi ông biết các lực lượng hậu cần của địch đang vận chuyển tiếp tế cho Sư đoàn 324B, và nơi quân tiếp viện của địch có thể đang tập trung. Bộ Ngoại giao cho phép sử dụng máy bay ném bom chiến thuật nhưng từ chối yêu cầu sử dụng B - 52. Họ đưa ra lời giải thích sau : «Vào lúc này, hành động như vậy sẽ bị nhiều giới và báo chí coi là leo thang và thậm chí có thể bị hiểu nhầm là làm mềm đất cho hành động quân sự trực tiếp hơn trên mặt đất.»³⁷⁰ Phản ứng của Westmoreland và các chỉ huy Thủy quân lục chiến trước tuyên bố này không được ghi lại, nhưng khó có thể tưởng tượng họ đồng tình với quan điểm cho rằng ném bom những kẻ vi phạm kích thước sư đoàn vào vùng phi quân sự bằng máy bay lớn sẽ gây ra nhiều lời chỉ trích nghiêm trọng và gây tổn hại hơn so với ném bom chúng bằng máy bay nhỏ hơn.

Điểm tập trung ban đầu của Chiến dịch Hastings là Thung lũng Ngan, nơi được cho là đặt sở chỉ huy của Sư đoàn 324B và 1.500 người của Trung đoàn 90. Vào ngày 15 tháng 7, hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tiến vào Thung lũng Ngan bằng trực thăng trong khi các đơn vị Nam Việt Nam càn quét các khu vực lân cận. Một trong các tiểu đoàn Mỹ chiếm giữ các vị trí chặn,

hướng về phía đó tiểu đoàn kia sẽ quét sạch kẻ thù.

Kế hoạch ban đầu bị cản trở bởi các vấn đề địa hình và thời tiết bất ngờ. Cỏ voi cao bảy foot cùng cái nóng và độ ẩm khắc nghiệt làm chậm bước tiến của tiểu đoàn quét đến mức từ giữa buổi sáng đến giữa buổi chiều, nó chỉ tiến được hai dặm. Trong thời gian đó, nó bắt gặp một bệnh viện hai trăm giường làm bằng tre và một số kho tiếp tế lớn, do một vài binh lính Bắc Việt canh gác, những người mà Thủy quân lục chiến đã bắn chết. Người Mỹ cũng thỉnh thoảng trao đổi hỏa lực với các tay bắn tỉa Bắc Việt, mỗi bên mất vài người.

Vào lúc chạng vạng, tiểu đoàn còn cách mục tiêu kế hoạch một dặm. Đoán rằng lực lượng địch lớn không ở xa, chỉ huy tiểu đoàn thiết lập một vòng vệ suốt đêm thay vì tiếp tục tiến trong bóng tối. Quyết định này có lẽ đã cứu sống nhiều mạng người Mỹ, vì ngay sau khi Thủy quân lục chiến đào hố cá nhân và ăn khẩu phần C, họ bị tấn công bởi một đại đội Bắc Việt được tăng cường mà trinh sát của họ đã phát hiện ra họ vào buổi chiều.

«Trời tối đến mức chúng tôi không thể nhìn thấy bàn tay trước mặt, vì vậy chúng tôi ném đèn hiệu và gọi một máy bay thả pháo sáng trên đầu», Đại úy Robert J. Modrzejewski, một chỉ huy đại đội, nhớ lại. «Chúng tôi

có thể nghe thấy, ngửi thấy và thỉnh thoảng nhìn thấy quân NVA sau đó.»³⁷¹ Quân Bắc Việt tấn công vô ích trong ba giờ trước khi kiệt sức và rời bỏ người Mỹ.

Chuẩn tướng Lowell E. English, chỉ huy lực lượng đặc nhiệm Thủy quân lục chiến, đã hủy bỏ kế hoạch ban đầu vào ngày hôm sau và ra lệnh cho hai tiểu đoàn tập hợp lại. Sau khi liên kết, các tiểu đoàn thăm dò qua cỏ voi trong những giờ ánh sáng còn lại, chỉ tiếp xúc nhẹ với kẻ thù. Đêm đó, họ phải đối mặt với một cuộc tấn công khác của Bắc Việt. Chỉ một Thủy quân lục chiến thiệt mạng và năm người bị thương trong trận chiến, trong khi Thủy quân lục chiến tìm thấy bảy mươi chín xác địch xung quanh vòng vệ của họ vào sáng hôm sau.

Vào ngày 17 và 18 tháng 7, English đưa tiểu đoàn Thủy quân lục chiến thứ ba và thứ tư của mình vào gần Thung lũng Ngan. Không tiểu đoàn nào có thể tìm thấy bất kỳ lực lượng địch nào. Vào cuối buổi chiều ngày 18 tháng 7, ngay khi Thủy quân lục chiến bắt đầu tin rằng kẻ thù đã bỏ trốn, một nghìn quân Bắc Việt tấn công hai trung đội từ Tiểu đoàn 3, Thủy quân lục chiến 4.

Hai trung đội, với sức mạnh tổng cộng sáu mươi lăm người, đang làm nhiệm vụ hậu vệ cho các kỹ sư đang cho nổ đạn dược thu được trong khi phần còn lại của tiểu đoàn di chuyển đến điểm đến tiếp theo. Với kẻ thù

ở sát gần, các chỉ huy trung đội lo ngại rằng việc rút lui theo hướng phần còn lại của tiểu đoàn sẽ kích hoạt một đợt tấn công của địch sẽ bắt kịp họ ở địa hình kém thuận lợi hơn so với vùng đất cao họ đang chiếm giữ. Họ quyết định ở yên, hy vọng sẽ cầm cự đủ lâu để phần còn lại của tiểu đoàn đến.

Một nghìn quân Bắc Việt, mà theo lời kể của các nhân chứng Mỹ đang đi giày tennis, ào ạt tiến về phía hai trung đội bị cô lập. Từ các vị trí thuận lợi trên vùng đất cao, các trung đội Thủy quân lục chiến giữ chân đám đông quân Bắc Việt bằng vũ khí tự động và các đợt không kích, pháo kích. Bom và napalm biến lực lượng Cộng sản từ những khối người có tổ chức tốt, xung phong mạnh mẽ thành hàng với vai gần như chạm nhau, thành những đồng thịt cháy đen. Một nhân viên y tế Mỹ nhận thấy đạn bay dày đặc theo cả hai hướng đến mức anh ta từ bỏ việc cố gắng chăm sóc người bị thương và thay vào đó bắn vào kẻ thù bằng khẩu súng trường của một người Mỹ bị thương. Anh ta giết chết năm binh lính Bắc Việt trước khi bị bắn chết.

Phần còn lại của tiểu đoàn Mỹ đã có thể đến được các trung đội mắc kẹt trước khi quân Bắc Việt làm được. Mở rộng và đào sâu vị trí phòng thủ, họ đảm bảo rằng không Thủy quân lục chiến nào bị tràn ngập. Mặc dù số

lượng và khí thế của quân Bắc Việt đang giảm dần đều, họ vẫn tiếp tục chiến đấu trong phần lớn bốn giờ. Khi rút lui, họ để lại 138 xác chết trên mặt đất. Ước tính của Mỹ cho rằng tổng số quân địch chết lên tới 500. Tổn thất của Mỹ là 14 người chết và 49 người bị thương.

Những nỗ lực tiếp theo của Thủy quân lục chiến nhằm bao vây lực lượng địch ở Thung lũng Ngan chỉ dẫn đến ít tiếp xúc ngoại trừ một cuộc chạm trán trên đỉnh đồi vào ngày 24 tháng 7 giữa một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến và một tiểu đoàn của Sư đoàn 324B. Lực lượng đồng minh kết thúc Chiến dịch Hastings vào ngày 3 tháng 8, sau khi kết luận rằng tất cả những binh lính địch đã lên trở lại qua Khu phi quân sự (DMZ) về Bắc Việt Nam hoặc vào các khu rừng rậm phía tây Quảng Trị và Lào. Tổng số binh lính Bắc Việt Nam bị giết được báo cáo là 736 xác nhận và 600 ước tính. Mười một người khác đã bị bắt làm tù binh. Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ chịu tổng cộng 116 người chết và 448 người bị thương, trong khi phía Nam Việt Nam chịu 21 người chết và 26 người bị thương.³⁷²

Ngay sau khi Chiến dịch Hastings kết thúc, bảy tiểu đoàn bộ binh Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đã tham gia Chiến dịch Prairie ở trung tâm và phía tây Quảng Trị. Mục tiêu của Chiến dịch Prairie là các trung đoàn 31

và 32 mới được phát hiện của Sư đoàn 341 và những tàn quân của Sư đoàn 324B. Trong một loạt các trận đánh nhỏ và vừa diễn ra suốt tháng 8 và tháng 9, các tiểu đoàn Thủy quân lục chiến được báo cáo đã giết 943 binh lính Bắc Việt Nam, mà một số lượng đáng kể trong số đó từng thuộc Sư đoàn 324B. Sư đoàn đó, bị giảm quân số đáng kể, đã lê bước trở lại qua DMZ vào Bắc Việt Nam để tránh thiệt hại thêm.³⁷³ Các cuộc tấn công phủ đầu của Tướng Walt đã chặn đứng cuộc tấn công của Bắc Việt Nam hướng ra bờ biển trước khi nó kịp rời khỏi vạch xuất phát.

Đối với quân đội Hoa Kỳ, chiến thắng này đánh dấu một kết luận phù hợp cho một mùa hè thành công thuận tụy. Các hoạt động tìm - diệt đã liên tục buộc quân Bắc Việt Nam phải giao chiến và nghiền nát họ trước khi họ có thể tấn công theo điều kiện của họ hoặc tiếp cận các khu vực đông dân cư nơi họ có thể thu được lương thực mà họ đang vô cùng cần. Trong số những người Bắc Việt Nam, những thất bại liên tiếp đã cung cấp lý do cho những người suy nghĩ độc lập nghi ngờ về chiến lược và chiến thuật mà vì nó quá nhiều thanh niên đang bị hi sinh.

Tại các thành phố của Nam Việt Nam, các quan chức Nam Việt Nam và Mỹ đã dành mùa hè năm 1966 để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến vào ngày 11 tháng 9. Mục tiêu trung tâm trong kế hoạch chuyển đổi chính trị của chính phủ, Quốc hội Lập hiến sẽ chịu trách nhiệm soạn thảo một hiến pháp mới. Bản hiến pháp, đến lượt nó, sẽ cung cấp nền tảng cho một chính phủ mới, mà lãnh đạo của nó sẽ được bầu vào năm 1967. Ông Kỳ tuyên bố rằng bất kỳ ai cũng có thể tranh cử một ghế trong Quốc hội Lập hiến, với một vài ngoại lệ lớn. Những ngoại lệ đó bao gồm các Phật tử quá khích, các cựu thành viên khác của Phong trào Đấu tranh, và những người trung lập và Cộng sản công khai. Các quan chức Washington bày tỏ không hài lòng về việc vắng mặt các cựu thành viên Phong trào Đấu tranh trên danh sách ứng cử, nhưng Lodge dập tắt sự phản đối của họ bằng khẳng định rằng điều đó «tương tự như việc chúng ta thất vọng ở Hoa Kỳ vì không có một số lượng lớn những người Cộng sản tích cực, có thể đảng, tranh cử vào Hạ viện và Thượng viện.»³⁷⁴ Theo chỉ thị từ Đại sứ Lodge, CIA đã chuyển 10 triệu piastre, tương đương 85.000 đô la, cho trưởng Cảnh sát Quốc gia để sử dụng nhằm hỗ trợ các đồng minh của ông Kỳ đang tranh cử các ghế trong quốc hội.³⁷⁵

Chính phủ Nam Việt Nam đã làm những người hoài nghi ngạc nhiên với hiệu quả của họ trong việc tổ chức và công khai hóa cuộc bầu cử quốc hội. Sự hiện diện của Cộng sản ở nông thôn đã ngăn chính phủ đăng ký khoảng một phần ba số người trưởng thành của đất nước, nhưng ở những nơi các quan chức chính phủ có thể hoạt động, họ đã đăng ký cho gần như every người trưởng thành đi bầu. Họ cũng thực hiện công tác đưa cử tri đến các điểm bầu cử một cách kỹ lưỡng không kém. Vào ngày bầu cử, hơn 80 phần trăm cử tri đã đăng ký, tổng cộng 4,3 triệu công dân Nam Việt Nam, đã bỏ phiếu.³⁷⁶

Các nhà ngoại giao Mỹ vui mừng trước tỷ lệ cử tri đi bầu cao và khả năng của chính phủ Nam Việt Nam trong việc bảo vệ cuộc bầu cử khỏi gian lận và sự can thiệp của Cộng sản. Các quan sát viên bầu cử xác định rằng chính phủ Nam Việt Nam đã không gây áp lực lên người dân để bầu cho các ứng cử viên được chính phủ ủng hộ. Trên thực tế, chỉ có bốn trong số gần một trăm ứng cử viên được ông Kỳ ủng hộ là trúng cử vào quốc hội. Những người chiến thắng trong cuộc bầu cử bao gồm đại diện của tất cả các nhóm chính trị, khu vực và tôn giáo chính, ngoại trừ những nhóm đã bị cấm.³⁷⁷

Những người ủng hộ dân chủ hóa của Mỹ và Nam Việt Nam đã vô tay tán thưởng cuộc bầu cử như là sự khởi đầu của một cuộc cách mạng dân chủ.³⁷⁸

Đại sứ Lodge thì thận trọng hơn trong đánh giá của mình. «Những kẻ hoài nghi cho rằng hầu hết mọi người đi đến các điểm bầu cử đơn giản chỉ để tránh những rắc rối trong tương lai với chính quyền và rằng người dân Việt Nam sợ rằng họ sẽ bị yêu cầu xuất trình thẻ cử tri đã bị hủy bất cứ khi nào họ tiếp xúc với giới quan chức», vị đại sứ viết. «Không nghi ngờ gì đây là một phần của lời giải thích. Nhưng nếu 80,8 phần trăm cử tri đã đăng ký đi bầu cử đơn giản chỉ vì Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (GVN) thúc ép họ làm vậy, ít nhất nó cho thấy rằng GVN có một số uy quyền và địa vị với đại đa số dân chúng. Và sự tuân thủ của dân chúng đối với chính phủ là thứ mà cuộc chiến chính trị - quân sự này hướng tới.»³⁷⁹

Sau cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến, ông Kỳ và ông Thiệu tiến hành các kế hoạch để hoàn thành bản hiến pháp mới và tổ chức bầu cử cho chính phủ quốc gia mới. Họ dường như quan tâm đến việc giữ lại một số vai trò chính phủ nào đó cho quân đội về lâu dài nhưng cũng cho thấy mong muốn chuyển giao trách nhiệm chính trong quản trị sang các nhà dân sự. Sự quan tâm

đến cai trị mà các sĩ quan quân đội Nam Việt Nam đã có được vào năm 1964 và 1965 do sự bất tài của giới dân sự đã bị xói mòn bởi sự nhầm lẫn vô ơn của việc quản trị dân sự và nạn tham nhũng phát sinh từ các khoản thanh toán cho các tướng lĩnh để ủng hộ hoặc chống đối một chính phủ.³⁸⁰

Trong khi uy tín của chính phủ Nam Việt Nam trong dân chúng đang dần được cải thiện, hình ảnh của Hoa Kỳ lại đang chuyển biến theo hướng ngược lại. Khi ngày càng nhiều quân nhân Mỹ đến Sài Gòn và các thành phố khác trong năm 1966, họ thường xuyên hơn gây ra sự xúc phạm đối với xã hội dân sự. Các phương tiện của Mỹ làm tắc nghẽn các đường phố trong thành phố và đôi khi đẩy các phương tiện nhỏ hơn ra khỏi đường hoặc tông vào người đi bộ. Với làn sóng người Mỹ mang theo tiền mặt, lạm phát tăng vọt, làm giảm sức mua của người tiêu dùng Việt Nam. Dân số Nam Việt Nam chứng kiến sự gia tăng mạnh của nạn mại dâm và hẹn hò giữa lính Mỹ và phụ nữ Việt Nam, điều này xúc phạm đến tình cảm của hầu hết người Việt, đặc biệt là những thanh niên Việt Nam, những người than phiền rằng người Mỹ chiếm được những cô gái Việt xinh đẹp nhất vì họ có ví tiền dày nhất.³⁸¹

Mỗi đêm, hàng ngàn quân nhân Mỹ tiêu thụ rượu tại các cơ sở của Nam Việt Nam, đôi khi quá mức. Sự chèn say sưa của họ chắc chắn dẫn đến những hành vi không được xã hội nào coi trọng, đặc biệt không phải là một xã hội trầm lặng như Việt Nam. Vào tháng 8, Lodge nói với nhân viên của mình rằng cảnh sát Sài Gòn đã trở nên cực kỳ chống Mỹ vì «hành vi ồn ào gây rối của một số người Mỹ khắp các con phố và qua các hộp đêm và quán bar - không chỉ một lần, mà đêm này qua đêm khác.»³⁸² Tổng thống Johnson đã phản ứng vào cuối tháng đó bằng cách ra lệnh thực hiện Chiến dịch MOOSE (Move Out Of Saigon Expeditiously - Nhanh chóng Rời khỏi Sài Gòn), vốn cuối cùng sẽ giảm sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ tại Sài Gòn từ bảy mươi một nghìn xuống ba mươi sáu nghìn.³⁸³

Bên trong chính phủ và lực lượng vũ trang Nam Việt Nam, làn sóng quân nhân và đô la Mỹ ồ ạt đổ vào đã dẫn đến tham nhũng ở một mức độ chưa từng có. Quân đội Mỹ tạo điều kiện cho người Nam Việt Nam có thêm thời gian để rút ruột các nguồn lực thông qua các hoạt động bất hợp pháp, và đồng đô la Mỹ nhân lên số lượng tài nguyên có sẵn để rút ruột. Các hành vi như hối lộ, tống tiền, gian lận hợp đồng, và biển thủ công quỹ vốn chỉ thỉnh thoảng xảy ra trong thời kỳ ông Diệm và thường xuyên hơn trong thời kỳ biến động sau vụ ám

sát ông Diệm giờ đây đã trở thành mãn tính. Một sự sao nhãng làm suy yếu lãnh đạo, tham nhũng cũng là một nguồn gốc của sự bất mãn trong số những người Nam Việt Nam không được hưởng lợi từ nó.³⁸⁴

Tuy nhiên, nhiều người Việt Nam vui mừng trước sự hiện diện của những đám đông thanh niên Mỹ với ví tiền dày. Các binh sĩ Mỹ (GIs) không chỉ chi trả tiền cho gái mại dâm và chủ quán bar mà còn cho các doanh nhân nhỏ và người bán hàng rong luôn tụ tập xung quanh các căn cứ của Mỹ. Chính phủ Hoa Kỳ thuê số lượng lớn người Việt để nấu ăn, giặt giũ và bảo trì các cơ sở vật chất của họ, và các nhà thầu Mỹ thuê hàng ngàn người khác cho các dự án xây dựng. «Dường như người Mỹ muốn xây dựng mọi thứ cùng một lúc - nhà kho, doanh trại, đường xá, cầu, bãi đáp trực thăng, cảng, sân bay», một quan chức Nam Việt Nam nhận xét.³⁸⁵

Việc con người không lồ Mỹ đặt chân lên đất Nam Việt Nam cũng đang mua thời gian cho các doanh nhân, nhà tài chính, luật sư, và nhà quản lý Nam Việt Nam học hỏi các nghệ thuật và khoa học của phát triển kinh tế. Người Nam Việt Nam không có một truyền thống lâu đời về doanh nghiệp công nghiệp, nhưng người Hàn Quốc cũng vậy, những người dưới sự hướng dẫn của Mỹ đã tìm ra cách xây dựng các doanh nghiệp lớn và

phức tạp. Giờ đây, mười sáu năm sau khi người Mỹ đến chiến đấu tại đất nước họ, người Hàn Quốc đã bắt đầu phát triển các ngành công nghiệp tiên tiến. Tập đoàn Samsung và Goldstar, tiền thân của LG, đang sản xuất radio, TV và thiết bị nhà bếp. Kia Industries đang sản xuất ô tô theo giấy phép từ Mazda, và một nhà sản xuất ô tô mới mới thành lập tên là Công ty Ô tô Hyundai sắp mở cửa. Nếu người Mỹ có thể ở lại Nam Việt Nam lâu như họ đã ở Hàn Quốc, dường như không có lý do gì mà người Nam Việt Nam không thể xây dựng một nền kinh tế hùng mạnh tương đương.

Chương 8 - Những mâu thuẫn nội bộ

Tháng 10 - Tháng 12 năm 1966

Bộ trưởng Quốc phòng McNamara đã đến Nam Việt Nam vào đầu tháng Mười để nhìn nhận lại tình hình. Mặc dù chính phủ Nam Việt Nam có vẻ ổn định và Quân đội Bắc Việt đang thua trận này đến trận khác, McNamara vẫn bị phiền muộn bởi khả năng của đối phương trong việc huy động binh lính mới và khả năng hạn chế thương vong bằng cách tránh giao chiến trong những hoàn cảnh bất lợi. Số lượng người đã xâm nhập từ miền Bắc và số lượng người được các đặc vụ của Hà Nội tuyển mộ ở miền Nam là những vấn đề gây tranh cãi gay gắt, nhưng giới quan chức Mỹ nhìn chung đều đồng ý rằng tổng số quân Cộng sản ở Nam Việt Nam vẫn đang gia tăng. Các nhà phân tích tình báo dự kiến con số này vào cuối năm 1966 sẽ cao hơn 40 nghìn so với đầu năm.

«Triển vọng rất xấu rằng cuộc chiến có thể được đưa đến một kết thúc thỏa đáng trong vòng hai năm tới», McNamara báo cáo với Tổng thống Johnson sau khi trở về. «Các hoạt động tác chiến quy mô lớn có lẽ sẽ không làm được điều đó ; các cuộc đàm phán có lẽ cũng sẽ không làm được.» Ông trình bày với Johnson một chiến lược mới nhằm đưa cuộc chiến đến một kết thúc có thể

chấp nhận được, dựa trên việc «công khai chuẩn bị cho một cuộc chiến lâu dài hơn và ngay lập tức thực hiện các hành động mà trong vòng 12 đến 18 tháng sẽ đưa ra bằng chứng rõ ràng rằng những chi phí và rủi ro tiếp diễn đối với người dân Mỹ là có giới hạn ở mức chấp nhận được, rằng công thức cho thành công đã được tìm thấy, và rằng việc kết thúc cuộc chiến chỉ còn là vấn đề thời gian.»

Vì lợi ích của việc thúc đẩy đàm phán, McNamara ủng hộ một lần tạm ngừng ném bom khác, và ông đề xuất một mức trần cho các cuộc không kích Sầm Rền nếu việc ném bom phải được nối lại. McNamara khẳng định rằng các cuộc ném bom, bao gồm cả các cuộc tấn công POL gần đây, đã thất bại trong việc ngăn chặn hoặc cản trở nghiêm trọng hoạt động xâm nhập của Bắc Việt, và ông tiên đoán rằng tỷ lệ không kích cao hơn khó có thể gây ra nhiều gián đoạn hơn so với tỷ lệ hiện tại. Khi đưa ra các đề xuất của mình, McNamara thừa nhận rằng những hạn chế đối với việc ném bom sẽ «gây ra những vấn đề tâm lý nghiêm trọng trong số những người đang mạo hiểm tính mạng của họ để giúp đạt được các mục tiêu chính trị của chúng ta ; trong số các chỉ huy của họ lên đến và bao gồm cả JCS (Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân) ; và trong số những người dân của chúng ta, những người không thể hiểu tại sao chúng ta

nên giữ lại hình phạt đối với kẻ thù.»³⁸⁶

Điều mà không ai ngoài tổng thống biết là McNamara muốn đi xa hơn nữa sau cuộc bầu cử giữa kỳ vào tháng 11 năm 1966, bằng cách chấm dứt vĩnh viễn Sấm Rền. «Bản thân tôi ngày càng tin tưởng hơn», ông tâm sự với tổng thống trong một cuộc điện thoại, «rằng chúng ta chắc chắn nên lên kế hoạch chấm dứt ném bom miền Bắc nhưng không phải trước cuộc bầu cử, và tôi thậm chí không muốn nói về nó trước đó vì sợ bị rò rỉ.» McNamara không giải thích lý do tại sao ông muốn đợi sau cuộc bầu cử, nhưng tổng thống không cần được nhắc rằng việc loại bỏ Sấm Rền ngay bây giờ sẽ trao cho Đảng Cộng hòa phiếu bầu của hàng triệu người Mỹ, những người không thể nhìn thấy logic trong việc không trừng phạt kẻ thù.

Một yếu tố trung tâm khác trong kế hoạch dài hạn mới của McNamara, sẽ được giữ bí mật cho đến sau cuộc bầu cử giữa kỳ, là mức trần quân Mỹ ở vào khoảng từ năm trăm nghìn đến sáu trăm nghìn người. Nếu không có mức trần như vậy, McNamara nói với Johnson, mức độ quân số có thể tăng vô hạn, điều này sẽ phá hủy nền kinh tế Nam Việt Nam, khiến đa số người Mỹ chống lại cuộc chiến, và thuyết phục người Bắc Việt rằng người Mỹ không thể đủ khả năng để tiếp tục lâu

hơn nữa. Những kinh nghiệm gần đây ở Việt Nam đã cho thấy việc tăng quân Mỹ quy mô lớn chỉ dẫn đến những gia tăng khiếm tốn trong tổn thất của Cộng sản, McNamara tuyên bố, và người Bắc Việt có thể tiếp tục hạn chế thương vong của họ bằng cách rút lui vào Lào và Campuchia khi cần thiết. Bằng cách giữ mức trần quân Mỹ ở một mức độ hợp lý, chính quyền Johnson có thể giữ được sự ủng hộ trong nước cần thiết để duy trì lực lượng ở mức đó vô thời hạn trong khi người Nam Việt Nam ổn định tình hình trong nước.³⁸⁷

Để củng cố vị thế của Mỹ theo những cách mà sức mạnh không quân và việc tăng quân được cho là không thể, McNamara đã chọn thúc đẩy hai sáng kiến : một hàng rào chống xâm nhập và hỗ trợ gia tăng của Mỹ cho bình định. Đầu năm nay, việc ném bom không thể ngăn chặn sự xâm nhập qua Lào đã khiến McNamara bắt đầu lập kế hoạch thăm dò cho một hàng rào mặt đất chạy dọc theo biên giới phía bắc của Nam Việt Nam và sau đó chạy thẳng về phía tây qua Lào đến Thái Lan. Đến chuyến đi tháng Mười của ông, ông đang ủng hộ hàng rào này với nhiệt huyết của một tu sĩ Carmelite. «Tôi cứ nhìn lại năm năm, và theo tôi thì đó là một thất bại», ông nói với Westmoreland khi nói về các nỗ lực chống xâm nhập. «Tôi cứ tự hỏi chúng ta đã mắc sai lầm ở đâu ? Sai lầm đầu tiên là đã không dựng lên một

hàng rào năm năm trước thay vì bàn về nó ngày hôm nay.» McNamara thề sẽ thúc đẩy nó với sức mạnh tối đa, hứa hẹn, «Tôi hoàn toàn đảm bảo với anh rằng một năm nữa kể từ hôm nay sẽ có một hàng rào ở đó. Tôi đảm bảo điều đó. Nó có thể không phải là tất cả những gì chúng ta đã nói hôm nay, nhưng nó sẽ là 95 phần trăm những gì chúng ta đã nói.»³⁸⁸

Trong khi các tướng lĩnh muốn một hàng rào mặt đất xuyên Lào do lực lượng mặt đất trấn giữ, thì hàng rào mặt đất của McNamara chủ yếu dựa vào lực lượng không quân. Các kế hoạch sơ bộ cho hàng rào, được soạn thảo bởi các nhà khoa học nổi tiếng từ Harvard và MIT theo yêu cầu của McNamara, kêu gọi một hàng rào sâu năm kilômét sẽ được gieo các cảm biến âm thanh và những quả mìn nhỏ trông như sỏi. Khi những quả mìn phát nổ dưới sức nặng của bàn chân người hoặc lốp xe, chúng sẽ gây ra một số thiệt hại nhưng, quan trọng hơn, chúng sẽ tạo ra âm thanh đủ lớn để được các cảm biến thu nhận, sau đó sẽ truyền tín hiệu đến một cơ sở thông tin liên lạc của Mỹ. Dữ liệu vị trí sẽ được chuyển đến các phi công của máy bay Mỹ, những người sẽ tấn công các tọa độ bằng bom cụm Sadeye. Vừa được phát triển dưới tên chính thức CBU - 75, Sadeye bao gồm 1.800 quả bom nhỏ, mỗi quả nặng một pound. Vũ khí tàn bạo này có thể rải những mảnh đạn sắc như dao lên

một diện tích rộng bằng 157 sân bóng bầu dục.³⁸⁹

Chỉ định binh định là «bùa hộ mệnh chính cho thành công hay thất bại cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam», McNamara đề nghị phân bổ một lượng lớn tài nguyên bổ sung của Mỹ và một nửa Quân đội Nam Việt Nam cho binh định. Ông lưu ý rằng giải pháp đòi hỏi không chỉ nhiều tiền và người hơn, mà còn cả hành vi tốt hơn của người Nam Việt Nam. «Cải cách thiết yếu đầu tiên là trong thái độ của các quan chức GVN (Chính phủ Việt Nam Cộng hòa)», McNamara nêu ý kiến. «Họ nhìn chung thờ ơ, và có tham nhũng cả trên lẫn dưới. Thường thì các cuộc bổ nhiệm, thăng chức và hoãn dịch phải được mua ; và việc hoàn lại tiền lương là phổ biến.» Cải cách quan trọng thứ hai, ông tuyên bố, là «về thái độ và hành vi của ARVN (Quân lực Việt Nam Cộng hòa).» McNamara thừa nhận rằng vì những yếu tố con người này, tỷ lệ cược cho thành công trong binh định là «ít hơn một nửa.»³⁹⁰

McNamara cũng ủng hộ một cuộc tổ chức lại lớn về sự hỗ trợ của Mỹ cho binh định. Cuộc tổ chức lại này đã được Robert Komer nghĩ ra, người mà Tổng thống Johnson đã giao phụ trách điều phối các hoạt động hỗ trợ binh định ở Washington vào đầu năm.³⁹¹ Komer ủng hộ một chuỗi chỉ huy duy nhất cho 2.540 nhân sự quân

sự Mỹ tại hiện trường làm việc về bình định, chủ yếu trong lĩnh vực an ninh, và 470 dân sự làm việc trong các lĩnh vực hành chính dân sự, phát triển và thực thi pháp luật. Cá nhân cấp cao nhất ở mỗi tỉnh hoặc huyện, dù là dân sự hay quân sự, sẽ đảm nhận vai trò trưởng nhóm và báo cáo thông qua một chuỗi chỉ huy dẫn lên một quản lý hỗ trợ bình định ở Sài Gòn, người này là phó của Tướng Westmoreland. Komer lập luận ủng hộ việc đặt bình định dưới sự bảo trợ của quân đội Mỹ vì an ninh là hàng đầu trong bình định và vì quân đội sở hữu nhiều nguồn lực con người và vật chất hơn bất kỳ cơ quan dân sự nào.³⁹²

Sự tổ chức lại của Komer sẽ cho phép Hoa Kỳ nói bằng một tiếng nói duy nhất với các tỉnh trưởng và quận trưởng Nam Việt Nam, những nhà lãnh đạo địa phương nắm quyền lực đối với tất cả các hoạt động bình định của Nam Việt Nam ngoại trừ những hoạt động của Quân đội Nam Việt Nam. Nó cũng sẽ buộc tất cả nhân viên Mỹ phải làm việc cùng nhau để theo đuổi một chiến lược thống nhất, mạch lạc. Kinh nghiệm cho thấy rằng, khi để mặc họ tự xoay sở, một số cơ quan sẽ đi theo các hướng khác nhau và không làm gì để hỗ trợ lẫn nhau. Chẳng hạn, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã tài trợ cho các dự án ở các làng mà không thuyết phục được các cố vấn quân sự Mỹ rằng những

làng đó xứng đáng được ưu tiên trong nỗ lực chống nổi dậy, và do đó các cố vấn quân sự đã không yêu cầu người Nam Việt Nam phân bổ quân để bảo vệ những làng đó.³⁹³

Mặc dù McNamara và Tổng thống Johnson thích ý tưởng của Komer, hầu hết các nhà chức trách dân sự khác ở Washington và Sài Gòn đã nổi giận khi biết được điều đó. Một lý do cho sự phẫn nộ của họ là bản thân Komer, người, bên cạnh việc năng động và thông minh, còn tự tin thái quá, gây khó chịu, kiêu ngạo và xảo quyệt, ngoại trừ khi đối xử với Tổng thống Johnson, người mà trước mặt ông ta nịnh hót và tâng bốc như một người đưa tin Florence thế kỷ XVI.³⁹⁴ Tuy nhiên, nguồn gốc chính của sự bất mãn là việc đặt nhân sự của các cơ quan dân sự bên trong một chuỗi chỉ huy quân sự. Theo quan điểm của các nhân viên dân sự tại đại sứ quán và các người đứng đầu cơ quan ở Washington, sự tổ chức lại của Komer sẽ tạo ảnh hưởng quá mức cho các sĩ quan quân sự Mỹ và Nam Việt Nam, những người kém quen thuộc hơn so với các nhân viên dân sự về các thành phần phi quân sự của bình định, và sẽ làm giảm tinh thần của các nhân viên dân sự vì họ sẽ rùng mình khi nghĩ đến việc nhận lệnh từ quân đội.³⁹⁵

Sự phản đối từ Ngoại trưởng Rusk, Đại sứ Lodge và các quan chức dân sự cấp cao khác đã thuyết phục Tổng thống Johnson cho các nhân viên dân sự một thời gian thử nghiệm 120 ngày để chứng minh rằng họ có thể lãnh đạo một cơ cấu bình định thống nhất. Vào tháng Mười Một, Phó Đại sứ William J. Porter được bổ nhiệm làm người đứng đầu một tổ chức mới gọi là Văn phòng Hoạt động Dân sự, và dưới quyền tài phán của ông, mỗi tỉnh và huyện có một quan chức duy nhất có thẩm quyền đối với tất cả nhân viên dân sự Mỹ cũng như nhân viên quân sự «trong phạm vi các chức năng dân sự được giao cho họ.» Khi thời gian thử nghiệm kết thúc, tổng thống sẽ quyết định có làm cho sự sắp xếp này thành vĩnh viễn hay đặt bình định dưới quyền chỉ huy quân sự của Westmoreland.³⁹⁶

Giới quân sự thấy một số khía cạnh trong chiến lược mới của McNamara là hấp dẫn, số khác thì không. Cả Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và Westmoreland đều tán thành việc nhấn mạnh hơn hỗ trợ. Westmoreland cũng ủng hộ hạn mức quân số của McNamara, mặc dù vì những lý do khác với McNamara. Westmoreland lập luận rằng nếu McNamara và Johnson vẫn không muốn gọi lực lượng dự bị, thì việc tăng số quân Mỹ lên trên năm trăm nghìn sẽ làm giảm chất lượng của lực lượng Hoa Kỳ.³⁹⁷

Các tướng lĩnh hoan nghênh sự quan tâm mới của McNamara đối với việc ngăn chặn sự xâm nhập của Bắc Việt, một vấn đề mà họ đã tranh đấu trong nhiều năm. Tuy nhiên, họ có những nghi ngờ nghiêm trọng về tính thực tiễn trong hàng rào chống xâm nhập của ông. Theo quan điểm của họ, kế hoạch của McNamara phân bổ quá nhiều lực lượng chiến đấu Hoa Kỳ cho việc xây dựng và bảo trì phần hàng rào thuộc Nam Việt Nam và dựa quá nhiều vào không lực cho phần thuộc Lào. Số lượng quân bị ràng buộc vào các hoạt động hàng rào sẽ là chủ đề tranh luận gay gắt cho đến cuối năm.

Điều khiến các tướng lĩnh cảm thấy bất an nhất về hàng rào là việc McNamara viện dẫn dự án này như một sự thay thế cho ném bom nặng hơn. Để cản trở nỗ lực thay thế ném bom của McNamara, các sĩ quan quân sự cấp cao đã chê bai khái niệm hàng rào sau lưng ông. Họ gọi nó là Phòng tuyến McNamara, một sự so sánh không hay với Phòng tuyến Maginot đã thất bại trong việc ngăn chặn Đức chinh phục Pháp năm 1940.³⁹⁸

Westmoreland và các Tổng tham mưu trưởng công kích đề xuất giới hạn của McNamara đối với Sấm Rền bằng lập luận rằng Sấm Rền có thể đạt được nhiều hơn nữa nếu nó được tăng cường và thoát khỏi các hạn chế của Nhà Trắng và Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng.

Các tướng lĩnh muốn ném bom các mục tiêu cố định mới ở miền Bắc và đánh lại những mục tiêu cũ để giảm ý chí và khả năng hỗ trợ chiến tranh của Hà Nội. Mặc dù Sấm Rền đang trút bom xuống Bắc Việt Nam với tốc độ gấp ba lần năm trước, nhưng chỉ có ít mục tiêu cố định mới bị đánh kể từ cuối năm 1965. Trong số 242 mục tiêu trong danh sách các mục tiêu cố định tại Bắc Việt Nam của các Tổng tham mưu trưởng, 158 mục tiêu đã bị đánh trong năm 1965, và chỉ có thêm 27 mục tiêu nữa bị đánh trong năm 1966. Trong khi 30% các phi vụ Sấm Rền năm 1965 nhắm vào các mục tiêu cố định, thì chỉ 3% các phi vụ năm 1966 nhắm vào các mục tiêu tương tự, số còn lại nhắm vào xe tải, xe lửa, phòng không, trạm tiếp tế và các mục tiêu di động khác.³⁹⁹

Trong số các mục tiêu cố định, các Tổng tham mưu trưởng đặc biệt quan tâm đến các cảng và sân bay. Đến mùa thu, không có cảng lớn nào trong số sáu cảng lớn của Bắc Việt Nam bị hư hại đáng kể do không kích, và chỉ có bốn trong số mười một sân bay bị đánh.⁴⁰⁰ Máy bay Bắc Việt đang sử dụng các sân bay này để tấn công và quấy rối máy bay Mỹ trong các nhiệm vụ Sấm Rền. Trong ba tháng cuối năm 1966, máy bay MiG của Bắc Việt xuất kích hầu như mỗi ngày.

Các máy bay MiG - 21, có khả năng đạt tốc độ hơn

một nghìn dặm một giờ, đang tìm kiếm giao chiến với máy bay Mỹ ở độ cao lớn, trong khi các máy bay MiG - 17 cận âm thì rình rập gần mặt đất hơn. Sự khéo léo chiến thuật của các phi công Mỹ, sự thiếu hụt kỹ năng và kinh nghiệm của các đối thủ Bắc Việt, và sự vượt trội về kỹ thuật của máy bay Mỹ so với MiG - 17 đã dẫn đến tổn thất của Bắc Việt nhiều hơn nhiều so với tổn thất của Mỹ, nhưng sự hiện diện của MiG đã cản trở các hoạt động của Mỹ và đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa bổ sung làm giảm hiệu quả tác chiến. Trong một đợt ném bom lớn vào tháng 12, các hoạt động của MiG đã buộc 20% các chuyến bay tấn công của Mỹ phải rút bỏ bom.⁴⁰¹

Trong khi đó, người Bắc Việt đang bận rộn tìm cách cải thiện hiệu suất máy bay của họ. Phi công chất lượng cao không thể được đào tạo trong một sớm một chiều, vì vậy Hà Nội tìm kiếm sự giúp đỡ từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Vào mùa thu, chính phủ Triều Tiên đồng ý cử đủ phi công để vận hành ba đại đội MiG của Bắc Việt.⁴⁰² Theo một sĩ quan không quân Triều Tiên đào tẩu sang Hàn Quốc năm 1998, cuối cùng đã có hơn tám trăm phi công Triều Tiên lái MiG của Liên Xô trên bầu trời Việt Nam.⁴⁰³

Điều khiến các phi công và tướng lĩnh Mỹ lo ngại

hơn cả các máy bay MiG là 122 địa điểm tên lửa đất đối không ở Bắc Việt, nhiều nơi trong số đó được bố trí ở những khu vực cấm đối với máy bay ném bom Mỹ. Thoạt nhìn, những tên lửa dường như không gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với Sấm Rền. Chúng bắn trúng rất ít máy bay Mỹ và giết chết nhiều thường dân thân thiện hơn là các phi công Mỹ do tên lửa thường xuyên rơi vào các khu dân cư đông đúc sau khi bắn trượt mục tiêu.⁴⁰⁴ Việc gây nhiễu radar của Mỹ và sự phá hủy các địa điểm radar của Bắc Việt bởi tên lửa không đối đất Shrike của Mỹ đã góp phần vào tỷ lệ thành công thấp. Nhưng chính sách của Mỹ bay máy bay ở độ cao thấp hơn một nửa so với độ cao ném bom ưa thích, mà người Mỹ áp dụng vì nó làm giảm đáng kể khả năng bị tổn thương bởi tên lửa, cũng góp phần vào điều đó. Tuy nhiên, bay ở độ cao thấp hơn khiến máy bay Mỹ dễ bị tổn thương hơn nhiều trước các khẩu pháo phòng không thông thường. Những khẩu pháo đó là nguyên nhân gần như toàn bộ 318 máy bay Sấm Rền bị mất do hành động thù địch trong năm 1966.⁴⁰⁵

Đầu tháng 11, các Tổng tham mưu trưởng thúc đẩy phê duyệt Sấm Rền 52, một gói các cuộc không kích đầy tham vọng hơn bất kỳ gói nào trước đây. Gói này thu hẹp các khu vực an toàn xung quanh Hà Nội và Hải Phòng từ bán kính ba mươi hải lý xuống còn mười hải

lý đối với Hà Nội và từ mười hải lý xuống còn bốn hải lý đối với Hải Phòng. Việc thu hẹp này sẽ biến nhiều mục tiêu quân sự và hậu cần cố định vốn trước đây nằm ngoài vùng cho phép thành mục tiêu hợp lệ. Đề xuất cho Sấm Rền 52 cũng bao gồm các địa điểm công nghiệp, cơ sở hạ tầng và phòng không mới nằm bên ngoài các khu vực an toàn hiện có.⁴⁰⁶

McNamara và Rusk phản đối việc thu hẹp các khu vực an toàn được đề xuất và chỉ đồng ý với một phần ba số mục tiêu cố định mới do các Tổng tham mưu trưởng đề xuất.⁴⁰⁷ Tổng thống Johnson duy trì hầu hết các phản đối của họ, và Sấm Rền 52 đã được sửa đổi cho phù hợp. Johnson ra lệnh rằng việc ném bom Bắc Việt Nam «nên ổn định và ít kịch tính nhất có thể». Theo ông, ném bom quá nhiều có thể làm suy yếu nỗ lực đàm phán với người Bắc Việt bằng cách «lôi họ ra trước ống kính truyền hình». Johnson tin rằng «nếu chúng ta gây thiệt hại cho họ và họ đang bị tổn thất nhưng chúng ta chưa đốt cháy bệnh viện nhi của họ, v.v., tôi nghĩ Moscow có thể nói với Hanoi, ‘Mẹ kiếp, việc này đang trở nên quá tốn kém đối với các anh và đối với chúng tôi và đối với tất cả mọi người. Hãy thử tìm một giải pháp ở đây.’»⁴⁰⁸

Những quả bom đầu tiên của Sấm Rền 52 rơi xuống

vào ngày 22 tháng 11. Khi máy bay Mỹ thực hiện các phi vụ ném bom hàng ngày, các Tổng tham mưu trưởng lại gia tăng áp lực mở rộng danh sách mục tiêu, và ngạc nhiên khi thấy rằng họ bắt đầu có tiến triển với tổng thống. Những lời kêu gọi từ các nhà lãnh đạo châu Á về việc tăng cường ném bom đã khơi dậy một số nghi ngờ đầu tiên của Johnson về cách tiếp cận ném bom của Robert McNamara. Vào ngày 26 tháng 11, McNamara trút bỏ sự thất vọng của mình với Harriman, người đã ghi lại chúng trong một bản ghi nhớ dưới tiêu đề «Cá nhân : Tuyệt đối không cho ai xem». Đánh giá của Harriman, mà McNamara đồng ý, là Johnson đang hành động dựa trên «cảm giác rằng thế giới ủng hộ ông», sau khi bị ảnh hưởng bởi các cuộc thảo luận gần đây «với người Thái và người Hàn Quốc, những người hiếu chiến và muốn giải quyết luôn Trung Quốc, trong khi chúng ta đang ở trong cuộc.»⁴⁰⁹

Hoạt động trên bộ lớn đầu tiên của Mỹ trong mùa thu là Chiến dịch Irving, diễn ra ở tỉnh Bình Định. Đây là hoạt động kế tiếp sau Chiến dịch Thayer của tháng trước, trong đó hai lữ đoàn của Sư đoàn Kỵ binh 1 đã lùng sục cùng khu vực nói chung để tìm Sư đoàn 3 QĐNDBV nhưng chỉ gặp một số ít binh lính Bắc Việt. Nhà sử học quân sự nổi tiếng S. L. A. Marshall, người đang thăm sư đoàn Mỹ vào thời điểm đó, nhận xét rằng

Chiến dịch Thayer đã «cực kỳ nhàm chán, lãng phí và mệt mỏi. Hiếm khi trong chiến tranh, nhiều pháo hạng nặng được mang ra để bắn vào những ống đất sét.» Theo Marshall, các sĩ quan Mỹ cấp cao sau đó nói về «Chiến dịch Thayer - Irving» như thể chúng là một chiến dịch duy nhất trong nỗ lực «cứu vãn toàn bộ bằng cách ngụ ý rằng xưa nay những con chó săn vẫn đang trên đường truy lùng.»⁴¹⁰

Những người tham gia Chiến dịch Irving bao gồm năm tiểu đoàn và một phi đội của Sư đoàn Kỵ binh 1 cũng như một số đơn vị Nam Việt Nam và Hàn Quốc. Vào ngày khai mạc Chiến dịch Irving, ngày 2 tháng 10, các phân đội nhỏ quân đội tỏa ra các cánh đồng lúa, làng mạc và rừng cây để tìm các cụm quân Bắc Việt.

Đại đội Alpha của Phi đội Kỵ binh 1 - 9 được phân công đến Hòa Hội, một ngôi làng gần bờ biển. Hòa Hội dường như là một nơi khó xảy ra nhất để người Bắc Việt đặt quân, và đó có lẽ là lý do tại sao họ lại đặt quân ở đó. Chỉ cách Biển Đông mười hai trăm mét và chỉ một quãng đi bộ ngắn về phía đông của Quốc lộ 1, ngôi làng có thể được tiếp cận nhanh chóng bằng trực thăng, xe tải hoặc tàu đổ bộ. Lực lượng thù địch có thể dễ dàng chặn biển ở phía đông và đường cao tốc ở phía tây, và các bãi cát phía bắc và phía nam làng không cung cấp

chỗ che đây hoặc ẩn náu.

Lúc 08:00, một trực thăng nhẹ H - 13 Sioux hướng về phía ngôi làng chở một nhóm trinh sát từ phi đội kỵ binh được hộ tống bởi hai trực thăng vũ trang UH - 1 Huey. Họ bay «sát ngọn cây», bộ phận hạ cánh chỉ cách ngọn cây hai mươi feet. Chỉ huy nhiệm vụ là Thiếu tá Joseph A. Koehnke, một người tóc vàng ba mươi hai tuổi đến từ Alliance, Nebraska. Marshall viết về vị thiếu tá : «Mặc dù anh ấy nói bằng một giọng rất nhẹ nhàng, nhanh hơn cả một con ngựa chạy nước kiệu, nhưng anh ấy dường như cân nhắc từng lời. Cách cư xử của anh toát lên sự tự tin, điều này cùng với sự ấm áp cá nhân khiến anh trở thành sự kết hợp hạnh phúc - một người đàn ông đáng để đi theo và một kỹ thuật viên hàng đầu.»

Quan sát địa hình từ trực thăng, nhóm trinh sát thoáng thấy một vài người mặc đồng phục màu kaki. Thiếu tá Koehnke gọi các trực thăng vũ trang tiến lên để bắn quét họ. Lượng hỏa lực phản kích nhắm vào các trực thăng khiến người Mỹ kết luận rằng người Bắc Việt có một trung đội trong khu vực, vì vậy một trung đội Mỹ được đưa bằng trực thăng đến một bãi biển gần đó và được lệnh tiến quân về phía kẻ thù. Trung đội này, được đặt tên là Đội Xanh, không gặp ai cho đến khi đến rìa làng, lúc đó vũ khí Bắc Việt nhả ra một lượng đạn thậm

chí còn lớn hơn lượng chúng đã bắn vào các trực thăng. Ba binh sĩ của Đội Xanh ngã xuống chết, và ba người khác bị thương.

Lúc này người Mỹ quyết định rằng kẻ thù có ít nhất một đại đội trong làng. Thiếu tá Koehnke ra lệnh cho Đội Xanh rút về bãi biển và chờ điều động một lực lượng Mỹ lớn hơn. Tuy nhiên, trung đội Mỹ đã bị ghim chặt bởi hỏa lực địch dữ dội bất ngờ và không thể quay trở lại bãi biển. Các trực thăng vũ trang Mỹ bay vào ở độ cao thấp để oanh tạc các vị trí của Bắc Việt đang gây khó khăn cho trung đội. Càn quét các vị trí Bắc Việt bằng súng máy, các trực thăng đã phá hủy một số điểm mạnh của địch, nhưng trong quá trình đó, hỏa lực thù địch đã làm hư hại ba chiếc máy bay, khiến chúng lết đi về phía biển. Cả ba chiếc đều phải hạ cánh khẩn cấp trước khi đến bãi biển.

Các trực thăng chở Tiểu đoàn 1, Kỵ binh 12 đang trên đường đến một mục tiêu khác thì tiểu đoàn được lệnh chuyển hướng đến Hòa Hội. Đại úy Harold T. Fields Jr. đến từ Orlando, Florida, một cựu sinh viên hai mươi tám tuổi tốt nghiệp Học viện Quân sự Citadel, người chỉ huy một trong các đại đội của tiểu đoàn, nói với binh lính của mình : «Chúng ta đã có một mục tiêu thực sự rồi, không nhầm lẫn đâu.» Những người này, sau khi

hoàn toàn thất vọng vì những ngày vô ích và đơn điệu của Chiến dịch Thayer, đã đứng dậy và reo hò.

Đại đội Bravo của 1/12 hạ cánh đầu tiên, tiếp đất ba trăm mét về phía đông của Hòa Hội. Phóng thẳng về phía các vị trí công sự của kẻ thù, đại đội Bravo tràn qua một chiến hào của Bắc Việt ở ngoại vi làng.

Bằng cách thu hút sự chú ý của quân Bắc Việt, Đại đội Bravo đã giảm bớt hỏa lực nhắm vào Nhóm Xanh (Blue Team), cho phép họ thoát ra. Hai đơn vị Mỹ đã liên kết với nhau, và Nhóm Xanh chuyển giao quyền chỉ huy tác chiến cho Đại đội Bravo. Hai nhóm hầu như không nói chuyện với nhau và không chia sẻ thông tin, do những giả định sai lầm mà mỗi bên đã đặt ra về bên kia. Theo Marshall, «Những người mới đến khá dĩ nhiên cho rằng Nhóm Xanh đã hành động quá hung hãn, do đó nhanh chóng bị lộ, và sau đó đã bỏ cuộc giữa chừng.» Mặt khác, Nhóm Xanh «cho rằng họ đã gần như đập tan lực lượng kháng cự của Quân đội Bắc Việt (NVA) và chỉ để lại cho lực lượng lớn hơn công lao cho một nhiệm vụ dọn dẹp mìn mìn.»

Đại đội tiếp theo từ Tiểu đoàn 1, Kỳ binh 12 đến, là Đại đội Alpha, đổ bộ xuống phía tây nam Hòa Hội. Cuộc tiến công của họ về phía ngôi làng buộc một tuyến phòng thủ phía trước của quân Bắc Việt phải tháo chạy

trở lại vào làng. Do không chắc chắn về sự hiện diện của thường dân, quân Mỹ đã không bắn vào các vị trí của địch trong làng mà thay vào đó đã yêu cầu bộ chỉ huy cấp trên chỉ dẫn.

Trong suốt năm 1966, giới truyền thông quốc tế đã đưa tin rộng rãi về thương vong thường dân do các cuộc không kích và pháo kích của Mỹ gây ra. Westmoreland, lo ngại rằng những báo cáo này có thể làm xói mòn sự ủng hộ đối với cuộc chiến ở Nam Việt Nam và Hoa Kỳ, đã phản ứng bằng cách áp đặt các quy tắc tác chiến (rules of engagement) nghiêm ngặt hơn. Quan trọng nhất trong những thay đổi này là yêu cầu các quan chức Nam Việt Nam phải phê chuẩn bất kỳ việc sử dụng hỏa lực mạnh nào ở các khu vực đông dân cư.⁴¹¹ Các hạn chế của Westmoreland cuối cùng sẽ đảm bảo rằng thương vong thường dân không phổ biến đáng kể so với hầu hết các cuộc xung đột khác trong thế kỷ XX. Số người chết trong dân thường trong suốt Chiến tranh Việt Nam là 45% so với số tử vong quân sự, chỉ cao hơn một chút so với 40% trong Thế chiến II và thấp hơn nhiều so với 70% trong Chiến tranh Triều Tiên.⁴¹² Các quy tắc tác chiến sửa đổi cũng trở thành nguồn gây thất vọng sâu sắc cho các binh lính bộ binh Mỹ, những người biết rằng các quy tắc này có thể cho kẻ thù thời gian quý giá để chuẩn bị chiến đấu hoặc chạy trốn.

Trong khi các quan chức Mỹ chờ sự cho phép của Nam Việt Nam để bắn vào Hòa Hội, một chiếc trực thăng Huey bay vòng trên đầu để phát cảnh báo bằng tiếng Việt qua loa phóng thanh. Giọng nói kêu gọi người dân rời khỏi làng và khuyên những người có vũ khí đầu hàng. Trong một giờ, quân Mỹ tạm ngừng sử dụng vũ khí và quan sát những thường dân sợ hãi chạy ra khỏi làng. Tổng cộng 171 thường dân đã đi ra, bị đưa đến các trại tị nạn. Chỉ có một vài binh lính Bắc Việt ra đầu hàng.

Đến khi một giờ trôi qua, người Mỹ đã nhận được sự cho phép từ chính quyền Nam Việt Nam để bắn vào làng, với giả định rằng bất kỳ ai còn lại ở Hòa Hội đều là thù địch. Các trực thăng vũ trang khai hỏa súng máy và rocket vào các cứ điểm của địch trong khi các Đại đội Alpha, Bravo và đơn vị mới đến nhất, Đại đội Charlie, tiến về phía làng. Khi bộ binh Mỹ tiến lên, họ chạm trán với những khẩu súng máy nguy trang của Bắc Việt, những khẩu súng này đã bắn trúng một số lính Mỹ ngay từ những loạt đạn đầu tiên. Quân Mỹ sau đó lùi lại và gọi radio thông báo vị trí vũ khí của địch cho các trực thăng vũ trang Mỹ và các tổ súng không giật (recoilless rifle), những nơi này đã dội lên đó một lượng đạn được lớn.

Tiếp tục cuộc tấn công, bộ binh Mỹ cố gắng tràn ngập tất cả các vị trí của Bắc Việt trước khi ngày tàn. Tuy nhiên, quân Bắc Việt chiến đấu với sức mạnh và sự kiên cường đủ để giữ quyền kiểm soát trung tâm làng khi màn đêm buông xuống. Đến thời điểm này, người Mỹ đã thấy rõ rằng quân Bắc Việt có cả một tiểu đoàn trong làng.

Trong buổi tối, chỉ huy sư đoàn Mỹ đã điều thêm hai đại đội nữa đến Hòa Hội bằng đường không để siết chặt vòng vây quanh làng. Pháo binh Mỹ, tàu chiến và máy bay thay phiên nhau bắn đạn chiếu sáng suốt đêm để tước đi của kẻ thù sự bảo vệ của bóng tối. Với nhịp độ không ngừng, đạn pháo howitzer của Mỹ đã đổ ập xuống trung tâm làng.

Quân Bắc Việt có thể nhìn thấy và nghe thấy quân Mỹ đang đưa quân tăng viện đến và củng cố các tuyến của họ trên khắp các mặt của làng. Không có bất kỳ đường hầm hoặc chiến hào thoát hiểm nào, tiểu đoàn Bắc Việt không thể rời khỏi Hòa Hội ngoại trừ việc lén qua các khe hở trong vòng vây của Mỹ, một việc làm rất khó khăn do sự hiện diện của đạn chiếu sáng và mật độ dày đặc của các tuyến quân Mỹ. Tuy nhiên, người chỉ huy Bắc Việt quyết định rằng chạy trốn là một lựa chọn tốt hơn so với việc cố gắng giữ làng thêm một ngày chống

lại lực lượng Mỹ ngày càng đông đảo và nguồn cung ứng đạn pháo vô tận của họ. Xuất phát theo từng nhóm bốn đến năm người, binh lính Bắc Việt cố gắng tìm các lỗ hổng trong vòng vây của Mỹ.

Quân Bắc Việt đã có một thành tích đáng kể trong việc lén qua vòng vây của người Mỹ. Tuy nhiên, lần này, quân Mỹ quá đông, địa hình quá bất lợi và bầu trời quá sáng. Quân Mỹ đã phát hiện và bắn hạ từng nhóm cố gắng trốn thoát, bao gồm một nhóm cố gắng che giấu mình bằng cách dắt trâu nước đi phía trước. Sau một lúc, người chỉ huy Bắc Việt nhận ra sự vô ích của kế hoạch trốn thoát và ra lệnh cho những binh lính còn lại của mình ở yên trong các vị trí phòng thủ.

Vào buổi sáng, quân Mỹ tiến vào trung tâm làng với số lượng áp đảo. Những người Bắc Việt còn lại nhanh chóng bị giết hoặc bị bắt làm tù binh.

Tổn thất ước tính của Bắc Việt trong hai mươi bốn giờ chiến đấu tại Hòa Hội bao gồm 233 người chết và 50 người bị bắt. Một tiểu đoàn toàn bộ đã bị xóa sổ. Sáu lính Mỹ đã thiệt mạng và 35 người bị thương.

Trong những ngày tiếp theo, lực lượng mặt đất Hoa Kỳ đã bay vào các thung lũng lân cận Hòa Hội và quét qua chúng trên bộ. Các trục thăng chở nặng đã chở máy ủi và máy xúc từ nơi này sang nơi khác để giúp dọn dẹp và cải thiện các bãi đáp. Máy bay B - 52, máy bay chiến thuật, pháo binh và hải pháo đã oanh tạc mặt đất trước, trong và sau các hoạt động của bộ binh. Vào ngày 4, 11 và 16 tháng 10, bộ binh Mỹ và Bắc Việt đã đụng độ với quân số đáng kể, mặc dù sự tàn sát không lan rộng như ở Hòa Hội. Đến khi Chiến dịch Irving kết thúc vào ngày 24 tháng 10, Sư đoàn Kỵ binh 1 đã thêm 450 kẻ thù bị giết và 700 tù binh vào bảng thành tích của mình, so với thêm 16 người của họ tử trận.⁴¹³

Các hoạt động khác của Mỹ, Nam Việt Nam và Hàn Quốc ở Bình Định chống lại Sư đoàn 3 QĐNDVN (NVA) đã ghi nhận thêm vài nghìn thương vong trong tháng Mười. Vào cuối tháng, nhiều căn cứ và kho tiếp tế của Bắc Việt nằm trong đống đổ nát, và hầu hết đất lúa ở Bình Định đã nằm trong tay người Mỹ và chính quyền Nam Việt Nam.⁴¹⁴ Cuộc chiến đã biến gần một phần ba tổng dân số 875.547 người của Bình Định thành dân tị nạn.⁴¹⁵

Cuộc tấn công «đợt mùa đông» mà Bộ Chính trị Bắc Việt đã vạch ra vào tháng Sáu như một bước tiến tới

«thắng lợi quyết định» đã bắt đầu ở vùng cao nguyên vào giữa tháng Mười. Tại các tỉnh Pleiku và Kontum, một số trung đoàn của các sư đoàn 1 và 325B Quân đội Bắc Việt đã tấn công các đơn vị Người Thượng (Uplander) gần biên giới Campuchia. Sư đoàn Bộ binh 4 của Quân đội Hoa Kỳ đã di chuyển đến khu vực biên giới, gây ra một loạt các cuộc đụng độ kéo dài đến tháng Mười Hai. Những ngọn núi và thung lũng nơi họ chiến đấu được phủ kín bởi thảm thực vật rừng rậm đến mức hầu hết các cuộc di chuyển của quân Bắc Việt không thể nhìn thấy từ trên không, và trực thăng Mỹ hiếm khi có thể hạ cánh trừ khi các kỹ sư Mỹ đầu tiên phải dọn một khoảng trống trong rừng bằng cưa máy và chất nổ. Việc chiến sự gần biên giới cũng cho phép lực lượng Bắc Việt tận dụng tối đa vùng đất an toàn (sanctuary) ở Campuchia. Một báo cáo tổng kết sau chiến dịch do Sư đoàn Bộ binh 4 thực hiện nhận xét : «Sự sẵn có của vùng đất an toàn cho phép kẻ thù tích trữ một lượng lớn vật tư ở rất gần phía trước mà không có nguy cơ bị tiêu diệt, rút lui vào vùng an toàn khi lực lượng của họ bị đe dọa, và duy trì các lực lượng đáng kể trong sự an toàn hoàn toàn, lực lượng này có thể được sử dụng tùy ý để tăng cường cho các đơn vị đang tiếp xúc hoặc để tiến hành các cuộc tấn công vào lực lượng Mỹ.»⁴¹⁶

Tuy nhiên, quân Bắc Việt không thể biến những lợi thế đáng gờm này thành thành công trên chiến trường trước Sư đoàn Bộ binh 4. Bằng cách phân tích địa hình một cách cẩn thận, người Mỹ đã tránh xa những khu vực mà họ sẽ dễ bị tổn thương nhất trước một cuộc tấn công lớn. Các chỉ huy Bắc Việt, dưới áp lực từ cấp trên phải giết lính Mỹ, không có lựa chọn nào khác ngoài việc tấn công các đơn vị Mỹ trong doanh trại của họ. Mỗi lần như vậy, vũ khí của Mỹ đã chặn đứng quân Bắc Việt trước khi họ có thể tiếp cận các hố cá nhân (foxhole) của Mỹ. Trong chiến dịch này, số binh sĩ Sư đoàn Bộ binh 4 bị bệnh sốt rét (malaria) sẽ nhiều hơn số người bị thương do hỏa lực địch. Những người Thượng, những người có ít hỏa lực hơn trong tay, đã phải chịu thương vong nặng nề hơn nhiều trong các cuộc chiến với quân Bắc Việt.⁴¹⁷

Các trận đánh mùa đông ở Pleiku và Kontum đã đập tan các trung đoàn 95B, 101B và 101C của Bắc Việt. Khi chiến sự kết thúc vào tháng Mười Hai, Trung đoàn 101C bị giảm cấp xuống thành tiểu đoàn và sáp nhập với Trung đoàn 101B đã bị tổn thất để thành lập Trung đoàn 33, bản thân trung đoàn này cũng quá mỏng về quân số để có thể tham gia vào các hoạt động tác chiến trong năm tiếp theo. Tướng Nguyễn Chí Thanh coi thiệt hại đối với các trung đoàn của ông ở cao nguyên là

ng nghiêm trọng đến mức ông đã ra lệnh cho lực lượng của mình trong khu vực chuyển từ chiến đấu chính quy sang chiến tranh du kích và vận động chính trị, chính những hoạt động mà ông đã phản đối kịch liệt trong các cuộc tranh luận chiến lược vào mùa hè.⁴¹⁸

Ở khu vực phía bắc Sài Gòn, nơi là ưu tiên hàng đầu của Hà Nội cho đợt mùa đông, Quân đội Bắc Việt đã bắt đầu các hoạt động tấn công vào đầu tháng Mười Một. Trách nhiệm chính cho các cuộc tấn công đợt mùa đông trong khu vực này được giao cho Sư đoàn 9, vốn đã được trẻ hóa một lần nữa bằng những đợt tiếp viện lớn từ miền Bắc.⁴¹⁹ Sư đoàn 9 di chuyển đến một khu căn cứ được tiếp tế đầy đủ gần Đồn điền Cao su Michelin, tỉnh Bình Dương, từ nơi đó họ dự định tấn công một số đồn bót của Nam Việt Nam và Lữ đoàn Bộ binh Nhẹ 196 mới đến và còn non trẻ.

Westmoreland đã đặt Lữ đoàn Bộ binh Nhẹ 196 của Quân đội Hoa Kỳ ở một góc tỉnh Tây Ninh mà ông dự đoán sẽ không có các trận đánh lớn. Ngay sau khi lữ đoàn đến, Westmoreland đã thay thế đại tá chỉ huy nó bằng Chuẩn tướng Edward H. de Saussure, vì ông tin rằng các lữ đoàn độc lập như Lữ đoàn 196 nên được chỉ huy bởi một sĩ quan cấp tướng. Mặc dù là một sĩ quan tham mưu xuất sắc và là chuyên gia về pháo binh và tên

lửa, de Saussure chưa từng chỉ huy bộ binh trước đây.

Vào giữa tháng Chín, Lữ đoàn 196 đã khởi động Chiến dịch Attleboro, một hoạt động tìm - diệt (search - and - destroy) lấy tên từ Attleboro, Massachusetts, nơi lữ đoàn đã được tái kích hoạt một năm trước đó để phục vụ tại Việt Nam. Do sự thiếu kinh nghiệm của lữ đoàn, Chiến dịch Attleboro được dự định nhằm cung cấp đào tạo tại chỗ, không phải để gây thiệt hại nghiêm trọng cho kẻ thù. Lữ đoàn hầu như không có tiếp xúc với lực lượng địch trong sáu tuần đầu tiên của chiến dịch. Khi Lữ đoàn 196 cử các đơn vị đi tuần tra vào sáng ngày 3 tháng 11, các sĩ quan của họ mong đợi chỉ là một cú đâm nữa vào khoảng không. Thay vào đó, một trong các đại đội đã chạm trán các đơn vị trinh sát từ Sư đoàn 9 Quân đội Nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) trong đám cỏ voi cao. Quân tiếp viện Bắc Việt nhanh chóng có mặt, chặn các lối thoát có thể của đại đội Mỹ. Trong những trận đánh lẻ tẻ ác liệt sau đó, hàng chục người ở cả hai phe đã thiệt mạng hoặc bị thương. Các đại đội tăng viện Mỹ được đưa bằng trực thăng vào khu vực, và trong buổi chiều họ đã đẩy lui được quân Bắc Việt.

Ngày hôm sau, toàn bộ Sư đoàn 9 QĐNDVN chuyển sang tấn công Lữ đoàn Bộ binh Nhẹ 196. Mỗi trung đoàn trong ba trung đoàn của Sư đoàn 9 tấn công một

mảnh khác nhau của lữ đoàn Mỹ, đạt được ưu thế vượt trội về số lượng nhờ việc lữ đoàn Mỹ bị phân tán thành các đơn vị cỡ đại đội. Quân Bắc Việt không tiêu diệt được bất kỳ đại đội Mỹ nào, nhưng họ đã ghim chân một số đại đội và gây thương vong đáng kể.

Thiếu tướng William DePuy, tư lệnh Sư đoàn 1, và Phó tư lệnh MACV, Trung tướng John A. Heintges, đã đến hiện trường trong ngày để đánh giá tình hình. Cả hai đều trở nên tin rằng de Saussure không hiểu chuyện gì đang xảy ra và đang đưa ra những quyết định tồi. Họ tin rằng nếu ông ta tiếp tục làm hỏng việc, một số đại đội của ông có thể bị tiêu diệt. Theo đề nghị của Tướng Heintges, Tướng DePuy đã nắm quyền chỉ huy tất cả lực lượng Mỹ trong khu vực, biến de Saussure thành cấp dưới của ông. Một trong những phó tư lệnh sư đoàn của DePuy đã gia nhập Lữ đoàn Bộ binh Nhẹ 196 với chỉ thị từ DePuy là thay thế de Saussure và nắm quyền chỉ huy lữ đoàn nếu de Saussure không thực hiện các mệnh lệnh từ tổng hành dinh của DePuy.

Vào buổi tối, bầu trời chập kín trực thăng chở tổng hành dinh sư đoàn của DePuy và một trong những tiểu đoàn của ông đến hiện trường. Các tiểu đoàn Mỹ và Nam Việt Nam bổ sung bắt đầu chuẩn bị triển khai nhanh chóng đến địa điểm chiến sự. DePuy ra lệnh cho

de Saussure ngắt liên lạc với địch vào ngày hôm sau và tập hợp tất cả đơn vị của mình lại để họ có thể thoát ra.

De Saussure tuân thủ. Trong quá trình hợp nhất các đơn vị của mình, một số đại đội Mỹ đã giao tranh những trận đùng độ không dứt điểm với các lực lượng lớn Bắc Việt. Phải mất gần cả ngày để tất cả các đại đội Mỹ tiếp cận được các đơn vị bạn khác.

Giai đoạn đầu của Attleboro đã kết thúc. Sáu mươi lính Mỹ đã chết và 159 người bị thương. Phía Mỹ ước tính tổn thất của Bắc Việt là 200 người chết, một con số có vẻ hợp lý dựa trên báo cáo sau hành động của Bắc Việt nói rằng một tiểu đoàn của Trung đoàn 101 đã mất khả năng tác chiến. DePuy thúc giục Westmoreland sa thải de Saussure và đưa ông ta về Mỹ để chứng minh sự cam kết về trách nhiệm giải trình của bộ chỉ huy và đưa ra cảnh báo cho các chỉ huy khác. Westmoreland do dự, thay vào đó chọn chuyển de Saussure sang một vị trí khác.

Đối với giai đoạn hai của Attleboro, DePuy dự định tập trung sức mạnh của gần hai mươi nghìn quân Mỹ và Nam Việt Nam mà Westmoreland đang không vận đến Tây Ninh. Ông sẽ sử dụng một số để lùng sục các khu vực trọng yếu tìm địch, số khác để chặn các đường rút lui của địch, và những lực lượng khác để làm lực lượng

phản ứng nhanh. Tuy nhiên, DePuy không chờ cho đến khi tất cả lực lượng vào vị trí mới mở màn giai đoạn tiếp theo, vì ông lo ngại quân Bắc Việt sẽ sớm lên về Campuchia. Vào ngày 6 tháng 11, ông vội vã đưa các phân đội nhỏ của Sư đoàn Bộ binh 1 đến các địa điểm nghi ngờ có Sư đoàn 9 của địch. Sau nhiều lần chạm trán trong ngày đầu tiên, quân Mỹ đã gọi một lượng lớn hỗ trợ không quân và pháo binh. Họ báo cáo đã giết 170 quân địch trong ngày hôm đó trong khi chịu tổn thất một người chết và hai mươi ba người bị thương.

Trong những ngày tiếp theo, quân Bắc Việt đã mở một số cuộc tấn công quy mô lớn vào lực lượng của DePuy và đều bị đẩy lui với tổn thất nặng nề. Các tài liệu lịch sử Bắc Việt quy một số thất bại này cho việc thiếu vũ khí chống tăng, điều cho phép các xe tăng M - 41 và M - 48 của Mỹ giày xéo lên các vị trí phòng thủ của Bắc Việt. Họ cũng đổ lỗi nhiều cho các sĩ quan những người «đã không đặt đúng trọng tâm vào chiến thuật đơn vị nhỏ sử dụng lực lượng có quy mô phù hợp và không đủ linh hoạt khi đối mặt với các tình huống bất ngờ.»⁴²⁰

Giao tranh ác liệt cho đến ngày 15 tháng 11, khi những người lính Bắc Việt cuối cùng rời khỏi khu vực. Trên các chiến trường của Chiến dịch Attleboro, phía Mỹ

đếm được 1.106 thi thể quân Bắc Việt, theo báo cáo, bao gồm bốn chỉ huy tiểu đoàn và năm chỉ huy đại đội. Họ cũng bắt giữ 44 tù binh Bắc Việt. Số chiến lợi phẩm thu được bao gồm 2.400 tấn gạo, 19.000 lựu đạn và 400 thủy lôi Bangalore. Tồn thất của Mỹ là 155 người chết và 494 người bị thương. Hy vọng của Hà Nội về một đòn mạnh giáng vào lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam ở Tây Ninh đã bị dập tắt.⁴²¹

Ở cực bắc, dọc theo DMZ, Westmoreland và các nhà phân tích tình báo của ông dự đoán một cuộc tấn công lớn của QĐNDVN sẽ diễn ra trong những tháng cuối năm, sau các cuộc giao tranh lớn vào tháng Bảy, tháng Tám và tháng Chín. Westmoreland và Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân thúc giục McNamara và Bộ Ngoại giao cho phép pháo binh trên bộ và hải quân bắn vào nửa phía bắc của DMZ, nơi quân Bắc Việt đang xây dựng các công sự dã chiến và vị trí phòng không, từ đó một số lượng đáng kể máy bay Mỹ đã bị bắn hạ. Bộ Ngoại giao đã không phản hồi yêu cầu này trước khi năm kết thúc.⁴²²

Ngay phía nam khu phi quân sự, những Thủy quân lục chiến Mỹ đang chờ đợi cuộc tấn công ồ ạt của Bắc Việt chỉ thấy những cuộc thăm dò nhỏ. Trong ba tháng cuối năm 1966, các đơn vị lớn của Cộng sản ngồi yên

trong các nơi ẩn náu trong DMZ hoặc dải lãnh thổ Bắc Việt ngay phía bắc nó. ⁴²³ Một số sĩ quan Thủy quân lục chiến coi sự bất động này như bằng chứng cho thấy mỗi đe dọa của địch ở Quảng Trị đã giảm, và do đó họ chủ trương rút Thủy quân lục chiến khỏi DMZ về các khu vực ven biển để làm nhiệm vụ bình định. Tuy nhiên, Westmoreland vẫn tin rằng kẻ thù sẽ sớm nổi lại các hoạt động tác chiến lớn ở phía bắc Quảng Trị. Ông chỉ thị cho Thủy quân lục chiến xây dựng một mạng lưới các điểm mạnh gần DMZ, được gọi là «hệ thống chướng ngại vật điểm mạnh», nhằm tạo điều kiện xác định vị trí và tiêu diệt những kẻ thâm nhập của địch. Các vị trí tiền phương lớn nhất sẽ là ở Gio Linh, nằm trên Quốc lộ 1, và tại Cồn Tiên, cách đó vài dặm về phía tây. Một tuyến trận địa hỏa lực thứ hai sẽ được xây dựng dọc theo Quốc lộ 9, từ Làng Vây và Khe Sanh ở phía tây Quảng Trị, đến Cam Lô ở trung tâm, và đến thị trấn Đông Hà ở phía đông. ⁴²⁴

Westmoreland đã phải thực hiện một loạt chuyến đi đến Quân khu I để thúc đẩy Thủy quân lục chiến và kiểm tra xem họ có đang tiến triển trong việc xây dựng các điểm mạnh hay không. «Trong những chuyến thăm thường xuyên đến tổng hành dinh của Lew Walt», Westmoreland hồi tưởng, «tôi có ấn tượng rằng Thủy quân lục chiến với sự tự tin tối cao của họ, dù đáng

ngưỡng mộ đến đâu, đang đánh giá thấp khả năng của kẻ thù.» Điều khiến Westmoreland lo ngại nhất là Khe Sanh, cách biên giới Lào sáu dặm. Westmoreland nói với Walt rằng kẻ thù có khả năng sẽ tìm kiếm một Điện Biên Phủ thứ hai trong những tháng tới, và Khe Sanh có vẻ là mục tiêu khả dĩ nhất. Westmoreland ủng hộ tăng cường cho Khe Sanh, không chỉ vì nó sẽ cản trở sự thâm nhập mà còn vì vị trí gần Lào của Khe Sanh biến nó thành một bệ phóng tuyệt vời cho các hoạt động cắt đứt Đường mòn Hồ Chí Minh nếu Washington cho phép. Khi Westmoreland đề nghị Thủy quân lục chiến đặt một tiểu đoàn đầy đủ tại Khe Sanh, Walt ban đầu do dự, tin rằng Khe Sanh ít bị đe dọa hơn so với suy nghĩ của cấp trên, nhưng đã đổi ý sau khi nhận được báo cáo về một cuộc tập trung quân lớn của Bắc Việt chỉ cách Khe Sanh mười bốn km về phía bắc.⁴²⁵

Do tình trạng thiếu lương thực và các nguồn tiếp tế khác hạn chế hoạt động quân sự của Bắc Việt trong suốt năm 1966, lực lượng Mỹ đã không giết được nhiều quân Bắc Việt trong năm như Westmoreland mong muốn. Nhưng sự khan hiếm hoạt động cũng đồng nghĩa với thương vong thấp hơn của Mỹ và Nam Việt Nam, và nó tạo ra khoảng thở cho việc tái thiết chính phủ Nam Việt Nam và hồi sinh công tác bình định. Trong những tháng cuối năm 1966, các tướng lĩnh cao cấp Mỹ

và Nam Việt Nam đồng ý cam kết phần lớn các đơn vị Quân đội Nam Việt Nam vào nhiệm vụ bảo vệ dân cư. Tuy nhiên, các chỉ huy Nam Việt Nam ở cấp quân đoàn trở xuống đã chậm chạp thực hiện các mệnh lệnh triển khai của Sài Gòn, do một sự ưa thích rõ rệt đối với sự hào nhoáng của các hoạt động tấn công hơn là công việc âm thầm của chống nổi dậy.⁴²⁶

Tuy nhiên, sự miễn cưỡng của Quân đội Nam Việt Nam trong việc thay đổi nhiệm vụ không phải là vấn đề lớn nhất của nó. Dù các lực lượng vũ trang nhận nhiệm vụ gì, thành tựu của họ vẫn bị cản trở bởi những thiếu sót trong lãnh đạo. Thương vong nặng nề đảm bảo tình trạng thiếu hụt liên tục các sĩ quan có kinh nghiệm, khiến nhiều đơn vị Nam Việt Nam dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan cấp dưới thiếu kỹ năng cơ bản. «Điểm yếu cơ bản trong RVNAF [Lực lượng Vũ trang Việt Nam Cộng hòa] tiếp tục là sự không đầy đủ của lãnh đạo ở tất cả các cấp», Westmoreland nhận xét vào tháng 12.⁴²⁷ Gần cuối năm, các cố vấn Mỹ đánh giá khả năng lãnh đạo của gần một phần ba số tiểu đoàn Quân đội Nam Việt Nam là «không đạt» hoặc «sát mép.»⁴²⁸

Sự thiếu hụt lãnh đạo cũng gây bất lợi tương tự ở phía dân sự. Mặc dù các hoạt động quân sự của Mỹ và đồng minh khác đang đẩy quân Bắc Việt ra khỏi hàng

trăm ngôi làng, chính phủ Sài Gòn vẫn vật lộn để lấp đầy những ngôi làng đó với những nhà quản lý có năng lực, các Đoàn Cán bộ Phát triển Cách mạng, và dân quân. Chỉ với những nhà lãnh đạo tốt, hàng ngũ mới có thể được thúc đẩy và trao quyền để giữ kẻ thù ra ngoài. Như trong trường hợp của quân đội chính quy, nhiều cá nhân phù hợp nhất để lãnh đạo các tổ chức này đã bị giết trong những năm trước hoặc đã bị buộc phải rời khỏi chính phủ vì ủng hộ Ngô Đình Diệm hoặc các nhân vật chính trị khác.⁴²⁹

Bất chấp sự kém hiệu quả của các chương trình bình định của Nam Việt Nam, sự kiểm soát của chính phủ đối với dân cư đã tăng lên trong nửa cuối năm. Theo một tài liệu Bắc Việt bị thu giữ, số lượng dân thường Nam Việt Nam sống dưới sự kiểm soát của chính phủ vào cuối năm 1966 cao hơn một triệu người so với giữa năm 1965. Các hoạt động quân sự của đồng minh đang làm giảm sự hiện diện của lực lượng và cán bộ Bắc Việt trong các làng và làm xói mòn ý chí chống lại chính phủ Sài Gòn của người dân miền Nam. Nhiều dân thường tiếp tục đổ xô từ các khu vực nông thôn do Cộng sản kiểm soát đến các thị trấn và thành phố do chính phủ nắm giữ do cả việc tái định cư tự nguyện và di dời cưỡng bức. Mặc dù những người tị nạn không nhất thiết phải có thiện cảm với chính phủ Sài Gòn, và một số người

bực bội vì bị dồn vào các cơ sở tị nạn quá đông đúc, họ thường hợp tác với chính phủ và để con trai mình phục vụ trong lực lượng vũ trang của chính phủ.⁴³⁰

Các cuộc phỏng vấn với những người đào ngũ và tù binh Cộng sản trong giai đoạn này kể một câu chuyện về hoạt động và tinh thần Cộng sản giảm sút, một câu chuyện ít khác biệt từ những ngọn núi lởm chởm của Quân khu I đến vùng đồng bằng của Quân khu IV. Một người đào ngũ Cộng sản từ tỉnh Đắk Lắk thông báo với người phỏng vấn rằng các hoạt động quân sự của Nam Việt Nam trong huyện của ông đã «làm nhụt nhuệ khí của các cán bộ. Tất cả những gì họ làm là chạy trốn và ẩn náu. Họ không thể thực hiện các chỉ thị, chính sách và kế hoạch đã được Mặt trận [Giải phóng Dân tộc] đề xuất.»⁴³¹ Một cán bộ chính trị từ Tây Ninh kể lại rằng sự ủng hộ của quần chúng đã chuyển khỏi phe Cộng sản vì «mặc dù họ có những bài phát biểu hay», họ «vẫn cứ chạy trốn khi thấy binh lính VNCH.»⁴³² Ở tỉnh Bình Định, một cán bộ cấp huyện bị bắt giải thích rằng do các chiến dịch quân sự dữ dội của Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa trong nửa cuối năm 1966, nhiều cán bộ đã xin rút khỏi chức vụ. Những người còn ở lại thì «trở nên ít cứng nhắc hơn trong việc thực thi chính sách của Mặt trận, cho phép các tiểu thương có nhiều tự do di chuyển hơn, và tránh càng nhiều càng tốt các xích mích

với dân làng với hy vọng rằng họ sẽ không bị tố giác với quân đội VNCH hay quân Mỹ trong các chiến dịch có thể xảy ra sau này.»⁴³³

Tình trạng thiếu hụt vật tư của Hà Nội, các thất bại quân sự và sự suy giảm kiểm soát đối với dân chúng ở miền Nam còn bị trầm trọng thêm bởi những vấn đề nghiêm trọng trên mặt trận quốc tế. Tại Trung Quốc, Mao Trạch Đông đang phát động cuộc Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản. Mục tiêu của ông là thanh lọc Đảng Cộng sản Trung Quốc khỏi những tham vọng cá nhân, sự gắn bó với tài sản tư nhân, lời lỏng về tư tưởng, xu hướng thân Liên Xô, và văn hóa tư sản, cùng với những vấn đề khác. Theo lời Thủ tướng Chu Ân Lai, Cách mạng Văn hóa là cần thiết vì quá nhiều lãnh đạo đảng «dễ dàng làm cách mạng cuộc sống của người khác, nhưng lại khó từ bỏ những đặc quyền của chính mình.»

⁴³⁴ Những lời buộc tội về tham nhũng và tư tưởng tư sản được sử dụng để tiêu diệt những cá nhân mà thực chất chỉ đơn giản là có quan điểm khác biệt với Mao. Một trong những chủ đề bị kiểm soát tư tưởng nghiêm ngặt nhất là vai trò của Trung Quốc trong việc xuất khẩu cách mạng, và phần lớn sự công kích bắt nguồn từ việc các nỗ lực thúc đẩy cách mạng của Trung Quốc ở Đông Nam Á vào năm 1965 bị thất bại - nổi bật nhất là cuộc phản đảo chính ở Indonesia và sự can thiệp của Mỹ vào

Việt Nam.⁴³⁵

Mao đã tuyển mộ học sinh trung học và sinh viên đại học vào các nhóm kích động viên và khủng bố cấp tiến, được biết đến với cái tên Hồng vệ binh, những người có nhiệm vụ áp đặt triết lý của Cách mạng Văn hóa bằng cách tiêu diệt «những tư tưởng, văn hóa, phong tục và tập quán cũ của các giai cấp bóc lột.» Vào tháng Tám và Chín, Hồng vệ binh phát động một chiến dịch khủng bố ở các thành phố nhằm vào giáo viên, trí thức và các cựu doanh nhân có xuất thân gia đình «tư sản.» Hơn ba nghìn người thiệt mạng và gần bốn trăm nghìn người bị buộc phải rời khỏi thành phố vì là vợ/chồng hoặc con cái của những «quái vật và kẻ dị hợm.» Những người khác bị ép phải dành toàn bộ thời gian trong ngày để cọ rửa nhà vệ sinh. Tra tấn diễn ra phổ biến. Các chiến dịch tiếp theo của Cách mạng Văn hóa sẽ còn giết chết nhiều người hơn nữa. số lượng người, có lẽ vào khoảng hai đến ba triệu, mặc dù tổng số thực tế có thể không bao giờ được biết.⁴³⁶

Các nhà lãnh đạo Bắc Việt, giống như nhiều đồng chí của họ ở các quốc gia Cộng sản khác, đã kinh hoàng trước những hành động thái quá của Lực lượng Hồng vệ binh. Họ không bày tỏ sự bất bình trực tiếp với lãnh đạo Trung Quốc, mà thay vào đó thể hiện nó với thái

độ lạnh nhạt có chủ ý của một người bạn bị ruồng bỏ. Các sĩ quan của Sư đoàn 2 Trung Quốc luân chuyển ra khỏi Bắc Việt Nam vào tháng 10 đã báo cáo rằng sự chào đón nồng nhiệt mà lãnh đạo Bắc Việt Nam dành cho họ khi sư đoàn mới đến vào tháng 6 năm 1965 đã nhường chỗ cho một thái độ lạnh lùng, xa cách.⁴³⁷ Ở Lào, các cố vấn Bắc Việt cho những người Cộng sản Lào đã ngừng chia sẻ tình báo thường lệ với các cố vấn Trung Quốc của họ. Khi chính phủ Trung Quốc gửi một đoàn ca múa đến Lào để giải trí cho binh lính Cộng sản, phái bộ cố vấn Bắc Việt đã cấm các diễn viên Trung Quốc hát các bài hát ca ngợi Mao và phân phát huy hiệu có hình của ông.⁴³⁸

Hành vi của Bắc Việt Nam đã làm dấy lên nghi ngờ của Trung Quốc rằng người Bắc Việt đang trở nên quá thân mật với Liên Xô, vào thời điểm mà mức viện trợ ngày càng tăng của Liên Xô cho Bắc Việt Nam báo hiệu mong muốn của Moscow gia tăng ảnh hưởng tại Hà Nội. Từ góc nhìn của Trung Quốc, người Bắc Việt dường như đang làm theo các khuyến nghị của Liên Xô để tìm kiếm một nền hòa bình thương lượng với người Mỹ. Để làm trật bánh âm mưu được cho là của Liên Xô này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nói với các đồng nhiệm Bắc Việt của họ rằng họ không thể chiến thắng tại bàn đàm phán cho đến khi họ đã thắng trên chiến

trường, điều mà họ nói sẽ đòi hỏi phải chiến đấu ít nhất là cho đến năm 1968.⁴³⁹

Trên thực tế, nỗi sợ hãi của Trung Quốc về ảnh hưởng sâu rộng của Liên Xô tại Hà Nội là vô căn cứ. Người Bắc Việt đã rất ít chú ý đến lời khuyên của Liên Xô và đang khiến Liên Xô mù tịt về lập trường và kế hoạch đàm phán của họ. Ý thức được rằng viện trợ của Liên Xô được thúc đẩy bởi mong muốn giành ảnh hưởng không chỉ ở Bắc Việt Nam mà trên toàn thế giới Cộng sản, người Bắc Việt đang kỳ vọng vào việc viện trợ của Liên Xô sẽ tiếp tục bất kể lập trường của Hà Nội về đàm phán, và đó chính là cách mà sự việc thực sự diễn ra.⁴⁴⁰

Người Bắc Việt đang trở nên quan tâm hơn đến đàm phán trong những tháng cuối năm 1966, nhưng không phải vì mục đích đạt được nền hòa bình mà Liên Xô khao khát. Thay vào đó, họ hy vọng sử dụng những lời hứa về các cuộc đàm phán hòa bình để lừa người Mỹ ngừng Chiến dịch Sấm Rền. Tại một cuộc họp của Bộ Chính trị Bắc Việt vào ngày 18 tháng 10, Hồ Chí Minh tuyên bố rằng «mục tiêu trước mắt của chúng ta là buộc kẻ thù chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam để chúng ta có thể vận chuyển hàng tiếp tế giúp miền Nam Việt Nam và chuẩn bị để phát động các cuộc tấn công mạnh

mẽ hơn.»⁴⁴¹

Bắc Việt chọn dựa vào các trung gian Ba Lan cho một sáng kiến ngoại giao mới, được gọi là Marigold. Trong các cuộc trò chuyện với các quan chức Mỹ trong tháng 11 và đầu tháng 12, các nhà ngoại giao Ba Lan nói rằng Hà Nội đã bày tỏ sự quan tâm nghiêm túc đến đàm phán, dựa trên các điều kiện phần lớn phù hợp với lập trường ngoại giao của Hoa Kỳ. Nhưng danh sách các điều kiện của Hà Nội bao gồm một điểm then chốt mà chính quyền Johnson đã nhiều lần bác bỏ : chấm dứt Sấm Rền trước khi bắt đầu đàm phán.

Bất chấp yêu cầu đó, những nhân vật hàng đầu trong chính quyền Johnson vẫn hy vọng rằng một bước đột phá ngoại giao đang ở trong tầm tay. Bộ Ngoại giao thông báo cho phía Ba Lan rằng Hoa Kỳ đã sẵn sàng đàm phán, nhưng nói thêm rằng một số điều kiện của Hà Nội, đặc biệt là việc ngừng ném bom, sẽ phải được làm rõ. Sau khi nghe phản hồi này thông qua kênh Ba Lan, Bắc Việt đã buộc tội Hoa Kỳ nói lập lờ và yêu cầu người Mỹ chấp nhận các điều kiện mà không thay đổi.

⁴⁴² Sau một cuộc không kích Sấm Rền ngày 4 tháng 12 nhắm vào các khu vực của Hà Nội vốn cho đến lúc đó vẫn được tha, Phạm Văn Đồng thông báo cho phía Ba

Lan rằng vụ ném bom đã cho thấy «sự xảo trá và trơ trẽn cao nhất» của người Mỹ, và do đó Bắc Việt không còn quan tâm đến các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ nữa.

443

Tuy nhiên, Bắc Việt vẫn tiếp tục theo đuổi các cuộc đàm phán giả tạo với mục đích ngăn chặn Sấm Rền. Chuyển từ người Ba Lan sang người Liên Xô, Lê Đức Thọ nói với Tổng Bí thư Leonid Brezhnev vào ngày 15 tháng 12 rằng Bắc Việt muốn Liên Xô tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán hòa bình như một «động thái chiến thuật» sẽ đi kèm với hành động quân sự tiếp tục. Lê Đức Thọ giải thích rằng thời điểm cho các cuộc đàm phán thực sự vẫn chưa đến, bởi vì người Mỹ «vẫn chưa thừa nhận... rằng họ đang thua cuộc chiến.»⁴⁴⁴

Liên Xô không trực tiếp tham gia vào các cuộc đàm phán, nhưng có khả năng họ đứng đằng sau những nỗ lực tiếp theo của Ba Lan nhằm thúc đẩy các cuộc đàm phán. Những nỗ lực đó bao gồm việc thúc giục người Mỹ ngừng ném bom gần Hà Nội như một biện pháp để đưa Bắc Việt đến bàn đàm phán. Mặc dù Tổng thống Johnson vẫn cảnh giác với động cơ của Hà Nội, cuối cùng ông cũng có một nhượng bộ một phần. Vào ngày 24 tháng 12, đại sứ Hoa Kỳ tại Warsaw nói với các quan chức Ba Lan rằng Hoa Kỳ đã tạm ngừng vô thời hạn tất

cả các cuộc ném bom trong vòng mười dặm quanh Hà Nội như một cử chỉ có thiện chí. Người Mỹ nói thêm rằng Bắc Việt có thể thể hiện thiện chí của họ bằng cách ngừng các cuộc tấn công trong vòng mười dặm quanh Sài Gòn.⁴⁴⁵

Phản ứng duy nhất của Bắc Việt là gia tăng lưu lượng quân sự đi về phía nam. Những người Mỹ phản đối việc tự kiểm chế một phe đã viện dẫn sự ngoan cố của Hà Nội như một bằng chứng nữa cho thấy những cử chỉ thiện chí là vô hiệu về mặt chính trị và có hại về mặt quân sự. «Chúng ta vừa mới bắt đầu gây áp lực thực sự lên Hà Nội», Đô đốc Sharp viết cho Tướng Wheeler. «Các cuộc không kích của chúng ta vào bãi đường sắt và kho xe cộ đã đánh trúng kẻ thù ở nơi bắt đầu khiến chúng đau.» Sharp thúc giục nối lại toàn bộ Sấm Rền như là cách duy nhất để kết thúc chiến tranh nhanh chóng, trước khi công chúng Mỹ quay lưng với nó. «Cuộc chiến này là một công việc bản thủ, như mọi cuộc chiến khác», vị tư lệnh Thái Bình Dương của Hoa Kỳ tuyên bố. «Chúng ta cần phải tỉnh táo về nó. Đó là loại hành động duy nhất mà những người Cộng sản cứng rắn này sẽ tôn trọng. Đó là cách để kết thúc cuộc chiến này sớm nhất.»⁴⁴⁶

Năm 1966, giống như các năm 1964 và 1965, kết thúc

với việc lãnh đạo cấp cao của quân đội Hoa Kỳ đau khổ vì những hạn chế và các biện pháp nửa vời của lãnh đạo dân sự. McNamara vẫn kiên quyết hạn chế Sấm Rền và thay thế nó bằng các hoạt động ngăn chặn trên không trên khắp Lào và Khu phi quân sự (DMZ). Ông tiếp tục gạt bỏ các khuyến nghị của quân đội về các hoạt động trên bộ nhằm phá vỡ hoạt động hậu cần đang phát triển của kẻ thù ở Campuchia và Lào. Bộ Tổng Tham mưu Liên quân tin chắc rằng các biện pháp mới vượt ra ngoài biên giới Nam Việt Nam sẽ làm trầm trọng thêm các vấn đề tiếp tế của Bắc Việt vốn đã trở nên nghiêm trọng hơn nhiều so với trước đây, và nghiêm trọng hơn nhiều so với nhận thức của McNamara. Các nhà lãnh đạo ở Hà Nội, những người biết rõ sự thiếu hụt hậu cần và các điểm dễ bị tổn thương của đất nước họ thậm chí còn lớn hơn các tướng lĩnh Mỹ nghĩ, đang cố gắng, thông qua ngoại giao lừa dối, để lừa người Mỹ chấm dứt những tàn phá của Sấm Rền.

Trong nội địa Nam Việt Nam, cuộc chiến đang diễn ra thuận lợi cho người Mỹ vào cuối năm. Đợt tấn công mùa đông của Hà Nội đã không đạt được mục tiêu nắm quyền chủ động và gây ra tổn thất lớn. Bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào Nguyễn Chí Thanh tập trung lực lượng Bắc Việt cho các hoạt động tấn công, người Mỹ đã đập tan họ bằng hỏa lực mạnh và khiến tàn quân

của họ phải tháo chạy. Tình trạng thiếu tiếp tế đang buộc Quân đội Bắc Việt phải cắt giảm các hoạt động quân sự và giữ nhiều lực lượng hơn của họ trong các vùng sanctuary ở Campuchia, Lào và Bắc Việt. Khoảng cách ngày càng xa giữa lực lượng Cộng sản và người dân Nam Việt Nam đang làm giảm khả năng của Hà Nội trong việc khai thác tài nguyên của dân chúng và phá hoại các hoạt động bình định của Nam Việt Nam. Niềm an ủi duy nhất dành cho Nguyễn Chí Thanh, điều có lẽ không an ủi được nhiều cho một vị tướng đầy tham vọng như ông, là sự không sẵn lòng của Lyndon Johnson trong việc thực hiện các hành động cứng rắn hơn ở Campuchia, Lào hoặc Bắc Việt.

Chương 9 - Leo thang

Tháng 1 - Tháng 4 năm 1967

Sau khi đã ngăn chặn được việc Mỹ ném bom gần Hà Nội thông qua những đề xuất đàm phán vào cuối năm 1966, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được truyền cảm hứng để mở rộng mưu kế này vào đầu năm 1967. Trong một bài phát biểu vào ngày 5 tháng 1, Mai Văn Bộ đưa ra viễn cảnh về các cuộc đàm phán để đổi lấy việc ngừng ném bom trên toàn miền Bắc Việt Nam. «Nếu Mỹ chấm dứt vĩnh viễn và vô điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam», ông tuyên bố tại Hội trường Hội nghị Mỹ Latinh ở Paris, «hành động đó sẽ được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cân nhắc.»⁴⁴⁷

Để gia tăng sức ép buộc Tổng thống Johnson ngừng ném bom, người Bắc Việt tranh thủ các nhà báo và trí thức Mỹ những người phản đối việc nước họ tham chiến. Một trong số đó là Harrison Salisbury, phó tổng biên tập tờ New York Times. Chính phủ Bắc Việt cho phép Salisbury vào nước mình và đưa ông đi thăm nhiều địa điểm để chứng kiến những thiệt hại do bom Mỹ gây ra. Trong một loạt bài báo trên tờ Times, Salisbury đăng tải những gì ông nhìn thấy và những gì được chủ nhà

kể lại. Những điều sau bao gồm các cáo buộc rằng Hoa Kỳ đang ném bom bừa bãi vào các mục tiêu dân thường, trái với những tuyên bố chính thức của chính phủ Mỹ. Những người chỉ trích cuộc chiến ở Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác đã nắm lấy bài viết của Salisbury như một bằng chứng cho thấy một chính phủ Mỹ suy đồi về đạo đức đang cố ý nhắm vào thường dân Bắc Việt dưới vỏ bọc tấn công các mục tiêu quân sự. ⁴⁴⁸

Khi phản hồi lại bài viết của Salisbury, các phát ngôn viên của chính quyền Johnson buộc phải thừa nhận rằng bom Mỹ đã vô tình trúng vào một số công trình dân sự ở miền Bắc Việt Nam. Họ nói thêm, một cách trung thực, rằng Hoa Kỳ đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa đặc biệt và đẩy các phi công vào thêm rủi ro để tránh làm hại đến dân thường. Các phát ngôn viên cho biết, thiệt hại duy nhất đối với thường dân và tài sản của họ là do những quả bom trượt mục tiêu dự định gây ra. Họ không đề cập đến việc ít nhất một vài mục tiêu dân sự đã bị trúng bom do nhầm lẫn với các công trình khác. ⁴⁴⁹

Độ tin cậy của Salisbury bị chỉ trích dữ dội chỉ trong vài ngày khi người ta biết được rằng thông tin trong các bài viết của ông đã được lấy thẳng từ các tài liệu tuyên truyền của Bắc Việt. Các cơ sở của Bắc Việt được Salisbury mô tả là «dân sự» trong bài viết của mình

hóa ra lại là những mục tiêu quân sự thiết yếu. Để phản hồi việc Salisbury đăng một bức ảnh mà ông ghi chú là tàn tích bị bom đánh sập của nhà thờ Phát Diệm, chính quyền Johnson đã công bố những bức ảnh trinh sát mới cho thấy nhà thờ vẫn nguyên vẹn.⁴⁵⁰

Trong các cuộc phỏng vấn với Salisbury, các quan chức cấp cao Bắc Việt đã trình bày về tính chính nghĩa trong sự nghiệp của họ. Phạm Văn Đồng đã thực hiện cuộc phỏng vấn quan trọng nhất, một phần bản ghi được đăng trên tờ Times vào ngày 8 tháng 1. Ngồi trên một chiếc ghế sofa Louis XVI trong phòng khách trang trọng của Dinh Tổng thống ở Hà Nội, Thủ tướng Bắc Việt đã nói chuyện với Salisbury về những vấn đề hệ trọng nhất của chiến tranh và hòa bình. «De Gaulle nói rằng người Mỹ đã bắt đầu cuộc chiến này và rằng đây là một cuộc chiến phi nghĩa và đê hèn», Phạm Văn Đồng mở đầu. «Từ đó, ông rút ra kết luận sau : Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Ông nghĩ sao về vấn đề này?»

Theo một bản ghi của Bắc Việt, vốn bao gồm cả những đoạn hội thoại bị Salisbury bỏ qua trong các bài tường thuật sau này về cuộc gặp, Salisbury đã trả lời câu hỏi này bằng cách nói, «Theo ý kiến cá nhân tôi, quan điểm đó là đúng. Tiếc là đó không phải là quan điểm của chính phủ tôi.»

Sau một bài bình luận dài về những thất bại của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, Phạm Văn Đồng bày tỏ sự tin tưởng rằng cuối cùng Hoa Kỳ sẽ phải thừa nhận rằng họ phải rút khỏi Việt Nam. «Tôi nghĩ rằng những người như ông phải góp phần làm sáng tỏ sự thật», ông nói với Salisbury. «Đối với người Mỹ, đây là một cuộc chiến tranh phi nghĩa, vô lý, diễn ra ở một khu vực mà người Mỹ không thể giành được bất kỳ lợi thế nào. Tuy nhiên, đối với chúng tôi, đây là một cuộc chiến tranh chính nghĩa. Đó là cuộc chiến giành độc lập, tự do, và sự sống còn của chúng tôi. Đối với chúng tôi, cuộc chiến này là tất cả, cả cho thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai. Vì lý do đó, chúng tôi quyết tâm chiến đấu và quyết tâm chiến thắng.» Trong cuộc đấu tranh giành miền Nam Việt Nam, «chúng tôi có chính nghĩa, và đó là lý do tại sao chúng tôi sẽ đánh bại người Mỹ. Vì điều này, chúng tôi đã đánh bại người Mỹ. Chúng tôi đang chiến thắng. Nếu phải chiến đấu sang năm tới, chúng tôi sẽ thắng. Nếu phải chiến đấu thêm ba mươi năm nữa, chúng tôi vẫn sẽ thắng, vì lý do tương tự.»

«Tôi không nghi ngờ khả năng các ông có thể chiến đấu thêm mười hay hai mươi năm nữa», Salisbury đáp. «Tôi không nghi ngờ rằng các ông nhận được sự hỗ trợ từ bạn bè. Tôi cũng không nghi ngờ rằng Nhà Trắng vẫn có thể huy động thêm quân, sản xuất thêm máy bay

và thêm bom. Tôi không nghĩ rằng làm như vậy sẽ giúp Mỹ thắng cuộc chiến, nhưng nó sẽ kéo dài cuộc chiến thêm nhiều năm nữa. Cuối cùng, những kẻ đi xâm lược không thể thắng. Vấn đề là, làm thế nào để chấm dứt chiến tranh và giảm bớt đau khổ cho nhân dân.»

Trong một phần khác của cuộc gặp bị Salisbury bỏ qua trong các bài tường thuật, Salisbury đã đóng vai trò người môi giới hòa bình. Ông đề xuất «những sự thăm dò ban đầu» giữa Bắc Việt và Hoa Kỳ, để «có thể tìm thấy cơ sở tin tưởng lẫn nhau hơn, và một giải pháp thực tế có thể được tìm thấy để chấm dứt chiến tranh.» Salisbury gợi ý rằng «nếu Mỹ ngừng ném bom và ngừng đưa thêm quân, thì các ông cũng nên ngừng đưa quân vào miền Nam Việt Nam để duy trì thế cân bằng lực lượng hiện tại. Hoặc có lẽ các ông có thể thực hiện một hành động tương đương khác.»

Phạm Văn Đồng phản đối tính có đi có lại. Ông cũng nói rõ thêm rằng Bắc Việt sẽ không vội vã vào đàm phán. «Chúng ta không thể thúc ép lịch sử tiến lên», ông giảng giải. «Nếu điều này không đến hôm nay, nó sẽ đến ngày mai. Vội vã thì chẳng ích gì. Nếu chúng ta tỏ ra vội vã, sẽ là sai lầm và chúng ta sẽ phải chờ đợi một lần nữa. Chúng ta phải để tình hình chín muồi.»

Phạm Văn Đồng đã trình bày với Salisbury bốn điểm vốn từ lâu đã là lập trường đàm phán chính thức của Hà Nội. Salisbury, người không quen thuộc với lịch sử của các diễn biến ngoại giao, đã hiểu sai chúng như một lập trường mới, mềm mỏng hơn về đàm phán. Ông đã báo cáo như vậy trong bài viết trên tờ New York Times về cuộc trò chuyện, cũng như trong một báo cáo riêng gửi cho Ngoại trưởng Rusk.⁴⁵¹

Khi phân tích của Salisbury xuất hiện trên báo, những độc giả ủng hộ đàm phán đã nắm lấy nó như một bằng chứng về mong muốn đạt được một thỏa thuận hòa bình của Hà Nội và do đó về sự cần thiết phải chấm dứt Chiến dịch Sấm Rền, trở ngại rõ ràng chính đối với ngoại giao. Bốn trăm sáu mươi hai thành viên của khoa Đại học Yale đã ký một bức thư kêu gọi «ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam vô điều kiện», viện dẫn «cuộc phỏng vấn của Phạm Văn Đồng với Harrison Salisbury, trong đó dường như đã cho thấy một sự linh hoạt mới.» Để không ai nghi ngờ về tính chính nghĩa trong sự phấn nộ của mình, những người ký tên khẳng định rằng «chúng tôi tin rằng mình đang nói thay cho những người có thiện chí ở khắp mọi nơi trên thế giới.»⁴⁵²

Các quan chức của chính quyền Johnson và những người ủng hộ cuộc chiến khác đã lên án Salisbury như

một kẻ bị Cộng sản lừa gạt. Arthur Sylvester, trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng phụ trách các vấn đề công chúng, đã công khai chế nhạo ông là «Harrison Appalishury» của «Tờ New Hanoi Times.»⁴⁵³ Thượng nghị sĩ Barry Goldwater tuyên bố, «Thật là một lời bình luận đáng buồn về tình trạng báo chí ở Hoa Kỳ khi tờ có ảnh hưởng nhất... lại trở thành cơ quan ngôn luận cho tuyên truyền Cộng sản.»⁴⁵⁴ Hanson Baldwin, biên tập viên quân sự của chính tờ New York Times, đã gửi một lá thư phàn nàn đến tổng biên tập tờ báo về bài viết của Salisbury, khẳng định, «Tôi không nghĩ rằng công bằng hay chính xác khi đưa ra các đánh giá dựa trên số liệu từ các nguồn Cộng sản và in chúng ra như chân lý mà không có một sự hạn định nào.»⁴⁵⁵

Sau khi Salisbury rời Hà Nội, Bộ Chính trị Bắc Việt vui mừng trước thành công của họ trong việc thuyết phục ông ta rằng họ đã làm mềm lập trường ngoại giao mà trên thực tế thì không. «Việc chúng ta tiếp nhà báo Mỹ Salisbury và họp báo của đại diện chúng ta ở Paris [Mai Văn Bộ] đã có tác động lớn đến dư luận và tạo ra một cơ hội mới để tiến thêm một bước nữa trong [chiến lược của chúng ta]» cuộc đấu tranh đòi Mỹ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam», Bộ Chính trị ghi nhận trong một bức điện mật gửi cho cơ quan đầu não của họ ở miền Nam. «Nước Mỹ đang trải qua sự hỗn loạn và

tranh cãi nội bộ về việc nên tiếp tục hay chấm dứt ném bom.»⁴⁵⁶

Suốt tháng Một, Westmoreland, Lodge và Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân thúc giục Johnson nói lại các cuộc ném bom ở khu vực Hà Nội và tấn công các mục tiêu mới. Theo ý kiến của họ, việc ngừng ném bom không đạt được gì ngoài việc cho phép Hà Nội gia tăng hỗ trợ cho lực lượng Bắc Việt ở miền Nam.⁴⁵⁷ Tuy nhiên, McNamara lại muốn tiếp tục đình chỉ ném bom trong phạm vi mười dặm quanh Hà Nội như một biện pháp để lôi kéo Hà Nội vào các cuộc đàm phán. Ông ta tuyên bố rằng việc đình chỉ không thể gây ra bất kỳ tác động bất lợi nào về quân sự vì các nhà phân tích của ông đã xác định rằng Sấm Rền chưa bao giờ có thể làm giảm sự xâm nhập của con người và vật chất từ miền Bắc Việt Nam.⁴⁵⁸ Người Mỹ không biết rằng, vào đúng thời điểm này, Bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt Nguyễn Duy Trinh đang nói với Hội nghị Trung ương 13 rằng việc ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam sẽ là một món lợi bất ngờ về quân sự cho miền Bắc Việt Nam.⁴⁵⁹

Mặc dù Tổng thống Johnson nghi ngờ rằng những sáng kiến ngoại giao mới sẽ không mang lại kết quả nào, ông vẫn quyết định thực hiện một đề nghị cuối cùng với Bắc Việt trước khi nói lại các cuộc tấn công

Sấm Rền gần Hà Nội. Sau khi đạt được rất ít thông qua các trung gian, ông đã gửi một lá thư cá nhân tới Hồ Chí Minh. «Tôi viết thư cho Ngài với hy vọng rằng cuộc xung đột ở Việt Nam có thể được chấm dứt», bức thư bắt đầu. «Cuộc xung đột đó đã gây ra một cái giá nặng nề - về sinh mạng bị mất, về vết thương gây ra, về tài sản bị phá hủy, và trong sự đau khổ đơn thuần của con người. Nếu chúng ta không tìm ra một giải pháp công bằng và hòa bình, lịch sử sẽ phán xét chúng ta một cách khắc nghiệt.» Johnson đề xuất các cuộc đàm phán trực tiếp và bí mật giữa các đại diện đáng tin cậy của hai bên. Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận việc chấm dứt ném bom vĩnh viễn như một điều kiện tiên quyết cho các cuộc đàm phán nhưng sẽ đồng ý ngừng ném bom và không tăng số quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam nếu Bắc Việt ngừng việc xâm nhập vào miền Nam Việt Nam.⁴⁶⁰

Một tuần sau, một nhà ngoại giao Bắc Việt chuyển phúc đáp của Hồ Chí Minh đến đại sứ quán Mỹ ở Moscow. Hồ cáo buộc chính phủ Mỹ «tội ác chiến tranh và tội ác chống lại hòa bình và chống lại loài người» ở miền Nam Việt Nam và cáo buộc rằng ở miền Bắc Việt Nam, «hàng nghìn máy bay Mỹ đã trút xuống hàng trăm nghìn tấn bom phá hủy các thị trấn, làng mạc, nhà máy, đường xá, cầu cống, đê điều, đập nước và thậm chí cả nhà thờ, chùa chiền, bệnh viện và trường học.» Nếu

Hoa Kỳ muốn đàm phán trực tiếp với Bắc Việt, bức thư nêu rõ, trước tiên họ phải chấm dứt ném bom và «tắt cả các hành động chiến tranh khác» chống lại Bắc Việt.⁴⁶¹

Johnson giờ cao sự từ chối của Hồ để cho người Mỹ thấy rằng Bắc Việt sẽ không đàm phán trừ khi Hoa Kỳ từ bỏ trước con bài thương lượng có giá trị nhất của mình. Ông thông báo với các thành viên Quốc hội rằng Hoa Kỳ không thể có được hòa bình «bằng cách bò bằng bụng. Chúng ta không thể có được nó với chiếc cốc trên tay. Chúng ta không thể có được nó bằng cách cầu xin.» Ông nói với các nghị sĩ, quân đội Mỹ sẽ ở lại miền Nam Việt Nam «cho đến khi chúng ta có một nền hòa bình danh dự và công bằng.»⁴⁶²

Các cuộc thăm dò ý kiến mới cho thấy công chúng Mỹ tin rằng, với tỷ lệ ba trên một, rằng cần phải có những hành động quân sự mạnh mẽ hơn của Hoa Kỳ để đưa cuộc chiến đến một kết thúc thành công. Trích dẫn những con số thăm dò này, Johnson nói với các cố vấn cao cấp của mình vào ngày 17 tháng 2 rằng đã đến lúc phải hành động mạnh mẽ hơn.⁴⁶³ Ông quyết định dỡ bỏ các hạn chế mà ông đã áp đặt cho Sấm Rền vào tháng Mười Hai. Wheeler thúc giục ông đi xa hơn, đánh vào các mục tiêu cho đến nay vẫn bị cấm, bao gồm các nhà máy điện, nhà máy thép và một nhà máy xi măng.

McNamara, người đã hy vọng thuyết phục Johnson chấm dứt Sấm Rền sau cuộc bầu cử giữa kỳ, giờ đây tìm kiếm mục tiêu khiêm tốn hơn là ngăn chặn những nỗ lực của quân đội nhằm mở rộng việc ném bom ra ngoài các thông số của tháng Mười Hai. Ông lập luận rằng việc đánh vào các mục tiêu do các Tư lệnh đề xuất sẽ không ảnh hưởng đến việc vận chuyển tiếp tế vào miền Nam, bởi năng lực hậu cần của Bắc Việt vượt xa mức sử dụng hiện tại. Hơn nữa, McNamara cảnh báo, những cuộc tấn công như vậy có thể khiêu khích kẻ thù của Mỹ tham chiến một cuộc chiến lớn hơn. Sau khi nghe các lập luận, Johnson đã đi theo con đường trung gian giữa các lập trường của McNamara và Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân. Ông ủy quyền ném bom vào một phần nhỏ được lựa chọn trong số các mục tiêu của Wheeler, cũng như tăng tỷ lệ hàng tháng các phi vụ Sấm Rền từ 13.200 lên 14.500.⁴⁶⁴

Trong khi việc mở rộng Sấm Rền này thỏa mãn đa số người Mỹ, nó lại gây ra sự phản đối từ các đảng viên Dân chủ tự do trong Quốc hội, những người ngày càng tin rằng việc ném bom là một trở ngại vô nghĩa cho nền ngoại giao cần thiết để kết thúc chiến tranh. Đứng đầu làn sóng tự do là Robert F. Kennedy. Từng là người ủng hộ nhiệt thành cho Nam Việt Nam với tư cách là Bộ trưởng Tư pháp của người anh trai quá cố, vị Kennedy

trẻ tuổi đã thay đổi lập trường sau cái chết của anh trai vào tháng 11 năm 1963, chủ yếu là do mối quan hệ của ông với Lyndon Johnson trở nên xấu đi. Được bầu vào Thượng viện vào cuối năm 1964, ông đã liên minh với phe tự do của Đảng Dân chủ và chấp nhận lập trường tự do rằng chính quyền Johnson đã không nỗ lực đủ để giải quyết xung đột thông qua ngoại giao. Giờ đây, Kennedy trẻ được coi là người có khả năng cao nhất sẽ tranh cử chống lại Johnson vào năm 1968 nếu những người tự do quyết định từ bỏ tổng thống. Vào ngày 2 tháng 3, Kennedy tuyên bố công khai rằng Hoa Kỳ nên ngừng mọi cuộc ném bom vào Bắc Việt Nam vô điều kiện nhằm mục đích tạo điều kiện cho một giải pháp đàm phán. «Chúng ta không ở Việt Nam để đóng vai một thiên thần báo thù trút sự chết chóc và tàn phá lên những con đường, nhà máy và nhà cửa của một vùng đất tội lỗi», Kennedy tuyên bố.⁴⁶⁵

Ngày hôm sau, Johnson trút sự bức bối của mình với Kennedy và những người tự do cùng chí hướng trong một cuộc điện đàm với Henry «Scoop» Jackson, một thượng nghị sĩ Dân chủ điều hâu từ tiểu bang Washington. Trong một lời châm chọc không che giấu đối với Bộ trưởng McNamara, tổng thống nói rằng ông không mua lập luận được đưa ra tại một cuộc họp nội các gần đây rằng Sấm Rền không mang lại lợi ích quân

sự nào. Jackson trấn an Johnson rằng ông đúng. Nếu việc ném bom không gây tổn hại cho người Bắc Việt, ông nói với tổng thống, thì họ đã không cố gắng hết sức để ngăn chặn nó. «Ngài biết đấy, tôi chỉ là một chàng trai quê mùa», Jackson nói, «nhưng chúng tôi hiểu điều đó ở nhà.»⁴⁶⁶

Tổng thống ngay lập tức chỉ thị Westmoreland tổ chức một cuộc họp báo mô tả những kết quả tích cực của chiến dịch ném bom. Xuất hiện trước các phóng viên báo chí Sài Gòn một ngày sau đó, Westmoreland tuyên bố rằng Sấm Rền «tiết kiệm sinh mạng của người Mỹ và người Việt trên chiến trường» bằng cách hạn chế sự xâm nhập các nguồn lực quân sự của kẻ thù vào miền Nam. Do đó, việc ngừng ném bom sẽ «làm thiệt hại thêm nhiều sinh mạng và có thể kéo dài cuộc xung đột.»⁴⁶⁷

Johnson tiếp tục cân nhắc các hành động tiếp theo chống lại Bắc Việt. Theo yêu cầu của ông, Văn phòng Đánh giá Quốc gia của CIA đã đánh giá một số lựa chọn, trong đó tích cực nhất là kết hợp việc tăng cường ném bom vào các mục tiêu công nghiệp và giao thông của Bắc Việt với việc rải mìn vào các cảng của Bắc Việt. Bản đánh giá, được ban hành vào ngày 12 tháng 4, kết luận rằng lựa chọn tối đa này sẽ «đe dọa khả năng

của Hà Nội trong việc hỗ trợ chiến tranh và duy trì tình hình nội bộ của chính mình.» Theo đánh giá của các nhà phân tích, nó sẽ không khiêu khích sự can thiệp của Liên Xô hay Trung Quốc, và «sẽ có cơ hội tốt để Liên Xô vào thời điểm này bắt đầu nỗ lực hơn nữa nhằm mang lại hòa bình.»⁴⁶⁸

Giống như những dự đoán trước đây về sự kiềm chế của Liên Xô và Trung Quốc, dự đoán này sẽ được xác minh bởi những tiết lộ sau chiến tranh. Đại sứ Liên Xô tại Hoa Kỳ Anatoly Dobrynin viết trong hồi ký năm 1995 của mình rằng Liên Xô quyết tâm tránh một cuộc đối đầu trực tiếp với Hoa Kỳ vào thời điểm này vì lo sợ rằng một cuộc đối đầu sẽ củng cố Trung Quốc và làm suy yếu sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong Liên bang Xô viết.⁴⁶⁹ Vào cuối những năm 1990, Trung Quốc đã công bố bản ghi nhớ cuộc trò chuyện vào ngày 10 tháng 4 năm 1967, trong đó Chu Ân Lai thông báo cho phía Bắc Việt về kế hoạch dự phòng của Trung Quốc cho một cuộc phong tỏa cảng của Mỹ - hành động được đề xuất khiêu khích nhất. Kế hoạch này, Chu nói, không liên quan đến sự can thiệp của Trung Quốc vào Việt Nam mà thay vào đó chuyển hướng các chuyến hàng tiếp tế của Liên Xô vào các cảng của Trung Quốc để chuyển tải sang Bắc Việt bằng đường bộ hoặc đường sắt.⁴⁷⁰

Tuy nhiên, Johnson một lần nữa từ chối tin tưởng vào những dự đoán rằng Liên Xô và Trung Quốc sẽ không sử dụng vũ khí. Ông sẽ không rải mìn vào các cảng. Ông đã ủy quyền tăng dần các cuộc không kích Sấm Rền vào ngày 22 tháng 4 nhằm mục đích gây thêm sức ép lên hệ thống hậu cần của Bắc Việt. Lần lặp lại mới nhất, Sấm Rền 55, bao gồm mười mục tiêu mới trong khu vực Hà Nội - Hải Phòng, trong đó có các tuyến đường giao thông ở đông bắc Bắc Việt, nhà máy xi măng Hải Phòng, trạm biển áp Hà Nội và các sân bay Hòa Lạc và Kép.⁴⁷¹ Sự leo thang này đã gây ra đủ sự kinh hoàng ở Hà Nội đến mức chế độ Bắc Việt rút phần lớn lực lượng phòng không của mình khỏi các tuyến đường xâm nhập và tiếp tế để bảo vệ khu vực thủ đô.⁴⁷²

Ở miền Nam, cuộc chiến đang leo thang cùng với sự gia tăng sức mạnh của lực lượng chiến đấu Mỹ. Chỉ dẫn mà Westmoreland ban hành cho các chỉ huy của mình vào đầu năm 1967 nhấn mạnh vào các cuộc tấn công vào các căn cứ và hậu cần của địch, mà Westmoreland gọi là «gót chân Achilles của VC/NVA (Việt Cộng/ Quân đội Bắc Việt).»⁴⁷³ Nhận thức được giá trị của việc kiểm soát dân cư nông thôn, Westmoreland ra lệnh cho các chỉ huy của mình dành ưu tiên cao nhất cho các lực lượng địch và các khu vực căn cứ gây ra mối đe dọa lớn nhất đối với việc bình định.⁴⁷⁴

Căn cứ địch đầu tiên trong tầm ngắm của Westmoreland vào năm 1967 là Tam Giác Sắt, một khu vực rộng ba trăm dặm vuông gồm rừng rậm, đồn điền cao su và ruộng lúa nằm cách Sài Gòn ba mươi kilômét về phía tây bắc. Đây là căn cứ địa của Bắc Việt gần thủ đô Nam Việt Nam nhất, thế nhưng lực lượng thân hữu đã không đặt chân vào đó kể từ cuộc tấn công của Lữ đoàn Nhảy dù 173 vào tháng 10 năm 1965. Gần hai phần ba các đơn vị chiến đấu Mỹ ở Quân đoàn III sẽ tham gia vào chiến dịch để «khử trùng» tam giác này, được đặt tên là Chiến dịch Cedar Falls.

Trung tướng Jonathan Seaman, chỉ huy Lực lượng Dã chiến II, dự định bắt đầu chiến dịch bằng cách bao vây Tam Giác Sắt bằng lực lượng Mỹ và sơ tán toàn bộ dân thường khỏi khu vực bên trong. Kể từ thời điểm đó, bất kỳ ai được tìm thấy trong tam giác đều có thể bị coi là chiến binh địch. Các đơn vị Mỹ sẽ tìm kiếm và tiêu diệt một sở chỉ huy khu vực của Bắc Việt mà tình báo đã xác định vị trí trong tam giác, cũng như các lực lượng quân sự của địch. Lo sợ gián điệp Bắc Việt trong chính phủ Nam Việt Nam, người Mỹ sẽ không thông báo cho đồng nghiệp Nam Việt Nam của họ về chiến dịch cho đến khi lực lượng Mỹ phong tỏa tam giác, vào thời điểm đó phía Nam Việt Nam sẽ được yêu cầu giúp đỡ trong việc di dời dân thường.

Chiến dịch Cedar Falls bắt đầu vào ngày 8 tháng 1 với một cuộc tấn công bằng không vận của sáu lữ đoàn Mỹ. Một số trực thăng chở bộ binh đến các rìa ngoài của Tam Giác Sắt, trong khi những chiếc khác hướng đến làng Bến Súc, được coi là nơi có khả năng cao nhất sẽ phát triển sự kháng cự của địch. Nằm liền kề một khúc quanh của sông Sài Gòn ở góc tây bắc của tam giác, Bến Súc có dân số ước tính sáu nghìn người, nhiều người trong số đó được cho là phục vụ trong các đại đội hậu cần Việt Cộng, những người vận chuyển gạo và các nhu yếu phẩm khác bằng thuyền tam bản trên sông, bốc dỡ hàng hóa và cất giữ chúng trong rừng gần đó.

Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 26 Bộ binh hướng đến Bến Súc trên các trực thăng UH - 1 Huey. Chỉ huy tiểu đoàn là Trung tá Alexander M. Halg, tương lai là Bộ trưởng Ngoại giao. Máy bay đầu tiên bay theo một lộ trình đánh lạc hướng ở độ cao hành trình, sau đó hạ xuống mức ngọn cây và bay mười hai cây số tới Bến Súc. Khi đến làng lúc 0800 giờ, các trực thăng Huey chia tách và hạ cánh xuống ba khu vực đổ bộ ở ngoại vi làng.

Trong vòng chín mươi giây, tất cả 420 người của tiểu đoàn đã rời khỏi máy bay trực thăng. Khi họ hành quân về phía trung tâm làng, loa phóng thanh từ trực thăng thông báo bằng tiếng Việt, «Chú ý dân làng Bến Súc.

Các người đang bị bao vây bởi lực lượng Việt Nam Cộng hòa và đồng minh. Đừng chạy trốn hoặc các người sẽ bị bắn như Việt Cộng. Ở yên trong nhà và chờ chỉ thị mới.»⁴⁷⁵

Một cuộc oanh tạc vào khu rừng liền kề sau đó diễn ra, chủ yếu như một biện pháp ngăn cản bất kỳ ai rời làng. Các máy bay trực thăng sau đó thông báo dân làng thu thập tài sản của họ và tập trung tại trường học của làng. Đến đầu giờ chiều, 3.500 người đã tập trung trên sân trường.

Ba trung đội của cảnh sát dã chiến Nam Việt Nam và một tiểu đoàn bộ binh Nam Việt Nam đã đến Bến Súc bằng đường không. Cảnh sát dã chiến lục soát đám đông người tại trường học để tìm những nam giới trong độ tuổi quân dịch, và các binh sĩ bộ binh lùng sục trong làng để tìm những người đàn ông đã bỏ qua lệnh triệu tập đến trường học. Tất cả đàn ông tìm thấy trong làng được chở bằng máy bay đến tỉnh lỵ để thẩm vấn, trong khi phụ nữ và trẻ em được di tản bằng thuyền.

Sau khi làm trống Bến Súc khỏi cư dân, người Mỹ di tản tất cả thường dân còn lại khỏi Tam Giác Sắt. Những máy ủi đất và «xe ủi đất có vỏ giáp» (tankdozers) của Mỹ, là những xe tăng hạng trung M - 48 gắn lưỡi ủi, đã san bằng chín cây số vuông địa hình rừng rậm. Các

nhóm tìm kiếm phát hiện các mạng lưới đường hầm và phòng ngầm rộng lớn, vốn được sử dụng để chứa đồ, chữa bệnh, và chế tạo mìn và bẫy mìn.

Để thám hiểm và lập bản đồ các mạng lưới ngầm này, người Mỹ đã cử những tình nguyện viên mang biệt danh thân mật là «chuột đường hầm» (tunnel rat). Những người tình nguyện làm nhiệm vụ này, theo lời của một cuốn lịch sử chính thức của Lục quân Hoa Kỳ, «hoặc là cực kỳ dũng cảm hoặc là cực kỳ đại dột.»⁴⁷⁶ Chuột đường hầm đi vào các đường hầm với một đèn pin, điện thoại dã chiến, súng lắp nòng giảm thanh, và la bàn. Ở mỗi khúc cua, anh ta báo cáo phương vị và khoảng cách ước tính đã di chuyển qua điện thoại. Để đảm bảo chuột đường hầm có thể thở, không khí được bơm vào các đường hầm bằng máy nén khí hoặc động cơ trực thăng phụ.

Những chuột đường hầm của Chiến dịch Cedar Falls đã phát hiện các kho chứa tài liệu khổng lồ, chứa 491.553 trang tài liệu, trong đó 52.797 trang được đánh giá là đủ quan trọng để dịch. Các trinh sát ngầm cũng tìm thấy một trung tâm tín hiệu và mật mã đầy ắp sách mật mã, một cơ sở tình báo mà kẻ thù đã bỏ quên không mang theo một cuốn sổ tay chứa tên của các gián điệp trong lực lượng vũ trang Nam Việt Nam, và một bệnh

viện một trăm giường. Từ các báo cáo của chuột đường hầm, các kỹ sư đã có thể lập bản đồ hàng dặm đường hầm và các phòng ngầm. Các kỹ sư sau đó cho sập các khu phức hợp ngầm bằng chất nổ, trừ khi chúng được bọc bê tông, trong trường hợp đó các kỹ sư bơm đầy khí axetylen vào và châm lửa đốt. Tất cả các cơ sở chính của ban chỉ huy khu vực của địch đều bị phá hủy, bao gồm 400 đường hầm, 1.100 hầm trú ẩn, và 500 công trình khác.

Người Mỹ cũng thu giữ 3.700 tấn gạo trong Tam Giác Sắt. Họ chở đi một phần và phá hủy phần còn lại bằng súng phun lửa, dầu diesel, chất nổ, và máy ủi. Vào thời điểm mà tình trạng thiếu lương thực đang hạn chế nghiêm trọng các hoạt động của Quân đội Bắc Việt, việc mất đi kho dự trữ này là một đòn giáng đau đớn.

Về mặt gây thương vong, Chiến dịch Cedar Falls ít thành công hơn. Các cuộc không kích chuẩn bị của Mỹ đã khiến một số lượng lớn binh lính Bắc Việt chạy khỏi Tam Giác Sắt trước khi lực lượng mặt đất Mỹ đến. Trong số 5.987 người được di tản khỏi Bến Súc, chỉ có 28 người được xác định là quân nổi dậy, và hầu hết trong số họ là dân địa phương cấp thấp. Khi lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam lùng sục Tam Giác Sắt, hầu hết những chiến binh địch còn lại cố gắng lén qua vòng vây

của Mỹ. Người Mỹ thỉnh thoảng giao tranh lẻ tẻ với các tổ và trung đội địch, nhưng hầu hết những người Cộng sản mà người Mỹ chạm trán thuộc về các nhóm công tác nhỏ từ hai đến ba người đi thu hoạch lúa từ các cánh đồng.

Các cuộc đụng độ chiến đấu vẫn diễn ra nhiều, nhiều hơn so với dự kiến nếu xét đến việc rút lui sớm của quân Bắc Việt. Phía Mỹ báo cáo đã giết 738 địch, bắt giữ 283, và giam giữ 512. Một số 543 người khác đào ngũ. Tổn thất của Mỹ là 72 chết và 337 bị thương, và Quân đội Nam Việt Nam chịu 11 chết và 8 bị thương.⁴⁷⁷ Đối với Bắc Việt, việc mất người ít quan trọng hơn so với việc mất lương thực và mất đi một căn cứ an toàn lớn gần Sài Gòn. Tác động cuối cùng của chiến dịch sẽ phụ thuộc vào việc người Bắc Việt có thể bị ngăn chặn khỏi căn cứ đó trong bao lâu.

Đầu tháng Hai, Westmoreland chuyển trọng tâm sang một khu căn cứ khác ở phía bắc Sài Gòn, Vùng C. Với diện tích bốn nghìn cây số vuông, Vùng C lớn hơn nhiều so với Tam Giác Sắt và xa thủ đô hơn nhiều, ranh giới phía bắc và phía tây của nó chạm đến biên giới Campuchia. Quân Bắc Việt đã rất thận trọng trong việc di chuyển nhân sự vào ra Vùng C và liên lạc về các hoạt động của họ, vì vậy Hoa Kỳ chỉ có những thông

tin rời rạc nhất về các đơn vị và cơ sở bên trong. Trong Chiến dịch Atilaboro vào tháng 11 năm 1966, người Mỹ đã thu được một mẫu thông tin cho thấy Vùng C là nơi đặt COSVN (Central Office for South Vietnam - Trung ương Cục miền Nam), ban chỉ huy trung ương của Đảng Cộng sản ở miền Nam. Các mẫu thông tin khác cho thấy ban chỉ huy của Sư đoàn 9 và Trung đoàn 271 của nó cũng đóng trong vùng, và ba trung đoàn khác ở gần đó.

Cuộc tấn công vào Vùng C, Chiến dịch Junction City, sẽ là chiến dịch lớn nhất của cuộc chiến cho đến thời điểm đó. Nó bắt đầu vào ngày 22 tháng 2 với sự di chuyển của hai mươi hai tiểu đoàn Mỹ bằng đường không và đường bộ vào các vùng đầm lầy, rừng, đồn điền cao su và đồi núi trập trùng của vùng. Các thành phần tấn công nhảy dù và cơ động bằng không quân của Mỹ hình thành một móng ngựa xung quanh đầu phía bắc của Vùng C, trong khi bộ binh và kỵ binh thiết giáp tiến vào đầu mở của móng ngựa từ phía nam.

Những người Mỹ tiến vào giữa móng ngựa thấy khu vực này phần lớn đã bỏ hoang. Trong sáu ngày giao tranh nhỏ lẻ, quân Mỹ giết năm mươi tư tên địch với cái giá hai mươi tám người của mình. Không giống như lực lượng Bắc Việt ở Tam Giác Sắt, các đơn vị địch ở

Vùng C không nhận được cảnh báo trước về một cuộc tấn công của Mỹ nhưng đã trốn thoát sau khi người Mỹ tiến vào móng ngựa thông qua các đường hầm họ đã đào cho trường hợp như vậy. Một số người Bắc Việt đã rời đi vội vàng đến mức họ để lại thức ăn nấu chưa chín trong các nhà bếp dã chiến của họ. Các nhóm tìm kiếm của Mỹ phát hiện các căn cứ lớn của địch với những nhà ăn rộng lớn và giảng đường, dường như đã được sử dụng khá gần đây và được gài bẫy mìn rộng rãi.⁴⁷⁸

Vào ngày thứ sáu của Junction City, lực lượng Bắc Việt khởi xướng một loạt cuộc tấn công dọc theo các tuyến đường tiếp tế của Mỹ vào Vùng C. Chiến dịch được nghĩ ra một cách sáng tạo này đánh dấu sự khởi đầu của cuộc tấn công «đợt mùa xuân» mà Hà Nội đã vạch ra trong tháng 6 năm 1966. Đầu tiên là cuộc phục kích một đại đội thuộc Sư đoàn 1 Mỹ bởi một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 101 Quân đội Bắc Việt. Dưới làn đạn dày đặc, đại đội Mỹ thiết lập một vòng đai phòng thủ vững chắc và gọi không kích đến. Trong bốn giờ chiến đấu, tiểu đoàn Bắc Việt gây tổn thất 25 chết và 28 bị thương cho đại đội Mỹ, mặc dù với cái giá rất đắt cho chính họ, để lại 167 xác chết và 40 vũ khí trên chiến trường.⁴⁷⁹

Vào đêm ngày 10 tháng 3, hai tiểu đoàn Bắc Việt tấn công một căn cứ hỏa lực thuộc Lữ đoàn 3, Sư đoàn 1 Mỹ. Các đợt không kích và pháo kích của Mỹ trút xuống những kẻ tấn công với sự nhanh chóng đến mức hầu hết lực lượng tấn công không bao giờ đến gần được hàng rào phòng thủ. Chỉ 3 người Mỹ thiệt mạng và 38 bị thương đêm đó, trong khi một cuộc lục soát khu vực xung quanh vào sáng hôm sau tìm thấy 197 thi thể Bắc Việt.⁴⁸⁰

Tướng Seaman, với tư cách là chỉ huy Chiến dịch Junction City, đã chuyển quân sang phía đông vào ngày 18 tháng 3 để tìm kiếm thêm các đơn vị Bắc Việt. Ông thiết lập các căn cứ hỏa lực mới ở những vị trí khiến chúng trở thành mục tiêu không thể cưỡng lại đối với kẻ thù. Bị cảm dỗ, đặc biệt, là sư đoàn Quân đội Bắc Việt gần nhất với các căn cứ hỏa lực này, Sư đoàn 9.

Sự táo bạo trước đây từng đặc trưng cho Sư đoàn 9 gần đây đã nhường chỗ cho sự thụ động, điều này đến lượt nó tạo ra áp lực từ các ban chỉ huy cấp trên về hoạt động và kết quả. Trong một cuộc rà soát nội bộ, Đảng ủy và ban chỉ huy Sư đoàn 9 đã thừa nhận rằng trong quá lâu đơn vị «đã bỏ lỡ nhiều cơ hội tiêu diệt địch vì sợ xe tăng, pháo binh và không kích của địch», lực lượng của họ «Ưu tiên việc phân tán lực lượng và chỉ giao

tranh ở quy mô nhỏ.» Các căn cứ hỏa lực mới của Mỹ dường như mang lại những cơ hội tốt nhất cho sự đoàn đề làm hao mòn quân Mỹ. ⁴⁸¹

Vào ngày 20 tháng 3, Trung đoàn 273 thuộc Sư đoàn 9 đã tấn công căn cứ hỏa lực của Mỹ tại Bau Bang - ngôi làng nơi, vào tháng 11 năm 1965, xe tăng và xe thiết giáp của Mỹ đã tiêu diệt năm đợt tấn công của lính Bắc Việt trên một cánh đồng trồng lạc. Lúc này, Bau Bang do một đơn vị kỵ binh thiết giáp Mỹ trấn giữ, vừa mới đến với sáu chiếc xe tăng, hai mươi xe thiết giáp chở quân và 129 binh sĩ.

Để có thể bao quát mọi hướng tiếp cận căn cứ bằng hỏa lực hạng nặng, chỉ huy đơn vị - Đại úy Raoul H. Alcala - đã bố trí các phương tiện chiến đấu theo một đội hình tròn gọi là «xe ngựa vây tròn» (wagon train), một cách gọi của lính Mỹ nhằm tri ân các bậc tiền nhân khai phá miền Tây hoang dã.

Khi nghe tiếng vũ khí của quân Bắc Việt, Đại úy Alcala đã gọi máy bay thả pháo sáng để soi sáng bầu trời đêm, sau đó ra lệnh thực hiện hàng loạt cuộc không kích và pháo kích. Xe tăng và xe thiết giáp Mỹ khai hỏa với đủ loại vũ khí vào đội hình quân Bắc Việt. Một số lính xung kích Bắc Việt đã tiếp cận được các xe thiết giáp ở vòng ngoài và trèo lên trên, nhưng bị đánh

bật xuống khi xe tăng Mỹ bắn các loại đạn «beehive» vào các xe thiết giáp đó. Khi đạn beehive hết, lính Mỹ chuyển sang bắn đạn nổ mạnh có ngòi nổ chậm xuống đất phía trước quân Bắc Việt, tạo ra những loạt mảnh văng chết người.

Dù quân Bắc Việt đã sử dụng súng chống tăng RPG để phá hủy một số xe thiết giáp Mỹ, Đại úy Alcala vẫn giữ được vòng phòng thủ bằng cách rút các phương tiện còn lại vào một đội hình chặt chẽ hơn. Sau đó, các đơn vị kỵ binh thiết giáp Mỹ từ những căn cứ lân cận đã đến tiếp viện cho vòng vây.

Cũng giống như trong Trận Bau Bang lần thứ nhất, quân Bắc Việt đã quyết định rút lui sau đợt tấn công vô ích lần thứ năm. Thất bại mà họ phải nhận lần này ít nhất cũng tồi tệ như lần trước. Phía Mỹ báo cáo 227 lính địch chết tại chỗ và 3 bị bắt, trong khi tổn thất của Mỹ là 3 người thiệt mạng và 63 người bị thương.⁴⁸²

Sáng hôm sau, một trung đoàn khác của Sư đoàn 9 đã tấn công Căn cứ Hỏa lực Gold, được thiết lập trong một khu đất trống hình quả trứng hai ngày trước đó bởi Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 22 Bộ binh Mỹ và Tiểu đoàn Pháo binh 77. Mặc dù khu rừng xung quanh bãi đã trống đã bị tía thưa do chất độc khai quang và bom napalm, nó vẫn giữ đủ tán lá để các đơn vị lớn của Bắc Việt Nam tiếp

cận mà không bị phát hiện trong đêm. Vào lúc 0630, một nhóm nhỏ lính Mỹ đang trở về từ một cuộc tuần tra đêm thì chạm trán với binh lính địch đang di chuyển từ trong rừng về phía căn cứ hỏa lực. Một lực lượng lớn của Bắc Việt Nam đã tràn ngập đội tuần tra Mỹ trong vòng năm phút, giết chết hoặc làm bị thương tất cả các thành viên. Trung đoàn Bắc Việt Nam sau đó liên tục tung các đợt quân tấn công Firebase Gold, được định hướng bởi tiếng kèn vang dội.

Từ các vị trí cao trên các cành cây, các tay súng bắn tỉa Bắc Việt Nam bắn vào căn cứ của Mỹ, gây ra hiệu quả chết người. Theo ước tính của chỉ huy Mỹ, các phát đạn bắn tỉa đến từ khoảng cách ba trăm thước Anh (khoảng 274 m) và độ cao bốn mươi foot (khoảng 12 m). Súng trường tấn công M - 16, vốn mới được phân phát cho các đơn vị phòng thủ Firebase Gold, thiếu độ chính xác ở khoảng cách đó, nên những người phòng thủ đã tập hợp một vài khẩu súng trường M - 1 mà đơn vị vẫn còn và bắn chúng vào các cây. Các căn cứ hỏa lực Mỹ lân cận khai hỏa pháo binh vào các lực lượng tấn công Bắc Việt Nam, và thiết giáp cùng bộ binh Mỹ từ các căn cứ đó đã lên đường để hỗ trợ Gold. Tuy nhiên, hỗ trợ không quân bị trì hoãn do chiếc máy bay O - 1 Cessna Bird Dog chở nhân viên điều phối không quân tiền phương bị bắn hạ, và bị cản trở thêm bởi trần mây

cao một nghìn foot (khoảng 300 m).

Vào lúc 07:56, binh lính Bắc Việt Nam đột phá qua phía đông nam của tuyến phòng thủ Mỹ. Phía trước họ là các khẩu pháo Mỹ, thứ mà họ quyết tâm chiếm lấy. Tuy nhiên, trước khi họ có thể áp sát, các pháo thủ Mỹ đã bắn các loạt đạn bi tổ ong vào hàng ngũ của họ. Sự bùng ra của hàng nghìn mũi tên đã chặn đứng cuộc xâm nhập một cách đột ngột. Những cuộc đột phá sau đó ở phía đông và đông bắc cũng chung số phận.

Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Bộ binh 12 Lục quân Hoa Kỳ đã lên đường bộ về phía Firebase Gold sau khi nhận được tin về cuộc tấn công. Họ phải chặt đường xuyên qua 1.500 mét tre để đến được firebase, điều mà họ đã đạt được chỉ trong vòng hai giờ đồng hồ nhờ vào việc chặt đốn hết sức tích cực. Sau khi đến Firebase Gold lúc 08:40, binh lính của họ củng cố tuyến phòng thủ của căn cứ, sau đó bắt đầu các cuộc phản công.

Vào lúc 09:12, một đoàn xe thiết giáp Mỹ đã đến từ phía tây. Đâm sầm vào sườn của lực lượng tấn công chính của Bắc Việt Nam, nó đã bắn các loạt đạn beehive vào bộ binh địch đang lộ diện. Với cuộc tấn công giờ đây hoàn toàn hỗn loạn, chỉ huy trung đoàn Bắc Việt Nam đã yêu cầu và nhận được sự cho phép để chấm dứt tiếp xúc và rút lui.

Đến 10:00, quân Bắc Việt Nam đã rời khỏi hiện trường, và trực thăng Mỹ đang đến để sơ tán những người bị thương. Những cuộc càn quét sau đó tìm thấy 647 thi thể địch, và ước tính thêm 200 quân địch nữa đã bị giết và bị kéo đi. Phía Mỹ thiệt hại 31 người chết và 109 người bị thương.⁴⁸³

Đòn phản kích lớn cuối cùng của Sư đoàn 9 vào Junction City diễn ra vào ngày 1 tháng 4, khi Trung đoàn 271 và Trung đoàn Bảo vệ 70 của họ tấn công Landing Zone George (Bãi đổ bộ George). Hai ngày trước đó, Trung tá Alexander Haig đã đến Landing Zone George cùng với tiểu đoàn của ông, Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn Bộ binh 26. Haig đã chỉ thị binh lính của mình đào những cái đờm gọi là «vị trí chiến đấu DePuy», theo tên Thiếu tướng William DePuy. Mỗi người lính đào một cái hố đủ sâu để anh ta có thể đứng trong đó với mũ sắt trên đầu, sau đó phủ hố bằng các khúc gỗ hoặc thanh thép và ngụy trang trên cùng. Vị trí chiến đấu có hai lỗ châu mai, mỗi lỗ ở một góc bốn mươi lăm độ so với phía trước để binh lính địch tấn công vào vị trí không thể bắn thẳng vào trong và có thể bị hạ gục bởi những người khác bắn vào họ từ các góc.

Nhờ ít nhất một phần vào những ưu điểm của vị trí chiến đấu DePuy, thương vong của Mỹ trong các đợt bắn phá bằng súng cối, rocket và súng không giật ban đầu của Bắc Việt Nam chỉ là mười hai người bị thương. Haig đáp trả bằng bom chùm và pháo binh, thứ gây thiệt hại lớn hơn nhiều cho bộ binh Bắc Việt Nam vì họ tập trung đông và ở ngoài trời. Một số kẻ tấn công đã thâm nhập được vào tuyến phòng thủ của Mỹ, nhưng người Mỹ ngay lập tức đẩy lui họ. Những cuộc càn quét sau trận chiến tìm thấy 609 thi thể. Thương vong của Mỹ là 17 người chết và 102 người bị thương.⁴⁸⁴

Chuẩn tướng Bernard William Rogers, một cựu học giả Rhodes từng là chỉ huy phó Sư đoàn Bộ binh 1 trong Chiến dịch Junction City, đã suy ngẫm về chiến dịch trong một bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm Ngày Yorktown ở Virginia vài tháng sau đó. «Người lính Mỹ này ở Việt Nam là ai?» Rogers hỏi. «Anh ta là một cậu bé, khoảng 19 tuổi, mang vũ khí và mặc quân phục, người đã không chọn đến đó. Anh ta đã thích ở lại nhà, thoải mái, tận hưởng nhiều điểm thu hút và tiện nghi có sẵn cho người Mỹ, an toàn bên gia đình, bạn bè, người yêu. Những suy nghĩ về những người đó ở nhà len lỏi vào tâm trí anh, ngay cả những lúc anh đang cố ép mình tập trung vào trận chiến trước mắt.

«Trong những khu rừng và cánh đồng lúa ở Việt Nam, cậu bé má lúm đồng tiền, mắt sáng, nhiệt tình này trở thành một người đàn ông. Anh sống với nỗi sợ hãi, anh sống với cảnh chết chóc, anh sống với cái chết. Khắc sâu mãi mãi vào trí nhớ của anh là những cảnh tượng xấu xí và những nỗi buồn kinh hoàng mà đôi khi gần như quá sức chịu đựng đối với một cậu bé vừa mới trở thành đàn ông. Anh giết kẻ thù nhưng chất vấn sự lãng phí và sự ngu ngốc của chiến tranh. Anh nhìn thấy bạn mình bị giết bên cạnh và tự hỏi tại sao ? Tại sao hôm nay là lượt của anh ấy ra đi chứ không phải tôi ?

«Anh hả hê trong những chiến thắng mà đơn vị của anh giành được, nhưng anh khóc trong đau buồn khi tham dự các lễ tưởng niệm cho những người bạn đã ngã xuống trong trận chiến. Anh hiểu lý do mà mình đang chiến đấu ; sự nhiệt tình, cống hiến và động lực của anh có sức lan tỏa. Anh nhìn với sự ghê tởm vào các báo cáo về những người ở hậu phương đặt câu hỏi về sự hiện diện và chiến đấu của anh ở nơi xa xôi đó. Anh gạt bỏ những báo cáo như vậy với một cái nhún vai, nhận xét ‘Những kẻ ở nhà đó chỉ không biết chuyện gì đang xảy ra thôi.’»⁴⁸⁵

Các trận đánh do Bắc Việt Nam khởi xướng trong phần sau của Chiến dịch Junction City đã đẩy con số tử vong của Bắc Việt Nam trong chiến dịch lên 2.728. Tuy nhiên, Thiếu tướng John H. Hay, chỉ huy Sư đoàn Bộ binh 1, sau đó thừa nhận rằng chiến dịch đã không gây ra nhiều thương vong cho địch như ông mong đợi. Ông than thở, quá thường xuyên, kẻ thù đã có thể tránh được thương vong khi họ muốn bằng cách lẩn vào rừng hoặc di chuyển qua biên giới vào Campuchia.

Hay đã có thể tìm thấy chút an ủi nếu ông biết rằng chính người Bắc Việt Nam cũng rất không hài lòng với kết quả của Junction City. Sự thiệt hại nặng nề của các đơn vị Sư đoàn 9 trong các cuộc tấn công lớn đã khiến Bộ Tư lệnh cấp cao Bắc Việt Nam đình chỉ các cuộc tấn công quy mô trung đoàn trên khắp miền Nam Việt Nam. Do đó, lực lượng Mỹ đã có thể hoạt động trong các đơn vị nhỏ hơn với ít rủi ro hơn trong những tháng tới. Các hoạt động trên bộ của Mỹ có quy mô tiểu đoàn trở lên đã giảm 40% trong năm 1967 so với năm trước, và do đó các đơn vị Mỹ có thể bao phủ nhiều lãnh thổ hơn trong các cuộc truy lùng lực lượng thù địch.⁴⁸⁶

Khi xem xét lại Chiến dịch Junction City, các nhà phân tích tình báo quân sự Mỹ kết luận rằng các đơn vị Bắc Việt Nam chạm trán trong chiến dịch đã được

trang bị vũ khí vận chuyển qua cảng Sihanoukville của Campuchia, chứ không phải vũ khí vận chuyển từ Bắc Việt Nam qua Đường mòn Hồ Chí Minh. CIA và Bộ Ngoại giao tranh cãi với luận điểm đó, cho rằng lực lượng Bắc Việt Nam ở miền Nam đang nhận được những gì họ cần từ các tuyến đường thâm nhập qua Lào.⁴⁸⁷ Các tài liệu lịch sử Cộng sản thời hậu chiến sẽ tiết lộ rằng một số lượng lớn vũ khí thực sự đến từ Sihanoukville. Vào tháng 2 năm 1967, một tàu Trung Quốc đã đến cảng Campuchia để giao ba nghìn tấn vũ khí. Được vận chuyển đến khu vực căn cứ COSYN ở Vùng chiến thuật C vào cuối tháng đó, chúng sau đó được phân phối cho các đơn vị Bắc Việt Nam, bao gồm một số đơn vị được giao nhiệm vụ chống lại Junction City.⁴⁸⁸

Ở vùng biên giới thừa dân của Quân khu II (II Corps), lực lượng Mỹ tiếp tục săn đuổi quân Bắc Việt Nam vào đầu năm 1967, bất chấp chỉ đạo của Westmoreland về việc bảo vệ bình định. Theo chỉ đạo của Westmoreland, Sư đoàn Bộ binh 4 truy đuổi hai sư đoàn Bắc Việt Nam đã được phát hiện trên cao nguyên gần biên giới Campuchia. Mục tiêu chính, bên trên mục tiêu tiêu chuẩn là gây thương vong, là ngăn chặn kẻ thù thâm nhập vào nội địa tỉnh Pleiku. «Nếu chúng ta để kẻ thù có được một chỗ đứng chân ở đây», Westmoreland cảnh

báo, «họ có thể cắt các con đường đến Pleiku và chúng ta có thể rơi vào tình thế rất khó khăn.»⁴⁸⁹

Vào tháng 1, Sư đoàn Bộ binh 4 khởi động Chiến dịch Sam Houston để tìm và tiêu diệt kẻ thù trên cao nguyên. Sau những tổn thất mà các đơn vị Bắc Việt Nam phải chịu ở vùng cao nguyên vào cuối năm 1966, các chỉ huy Bắc Việt Nam gần Pleiku giờ đây ít có hứng thú với chiến trận. Tận dụng triệt để nơi trú ẩn an toàn ở Campuchia, họ chỉ thỉnh thoảng vượt trở lại vào Nam Việt Nam để chiến đấu trên cao nguyên, khi điều kiện chiến trận cực kỳ có lợi cho họ. Trong bốn tháng của Chiến dịch Sam Houston, chín trong số mười một cuộc chạm trán giữa lực lượng Mỹ và Bắc Việt Nam diễn ra trong vòng năm cây số từ biên giới Campuchia và hầu hết bắt đầu bằng các cuộc phục kích của Bắc Việt Nam vào các đại đội Mỹ đang di chuyển qua các địa hình rất thích hợp cho việc phục kích. Tổng số thương vong của Mỹ trong Sam Houston là 172 người chết và 767 người bị thương. Phía Mỹ ước tính số người chết của Bắc Việt Nam là 733. Mặc dù sự khan hiếm các trận đánh làm các chỉ huy Mỹ thất vọng, chiến dịch này đã đạt được mục tiêu giữ cho Pleiku an toàn.⁴⁹⁰

Ở phía đông, trong Chiến dịch Pershing, Sư đoàn Kỵ binh 1 tìm cách quét sạch Sư đoàn Quân đội Bắc Việt

3 khối phía bắc tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Ngãi. Lực lượng Bắc Việt Nam thỉnh thoảng phục kích quân Mỹ, nhưng phần lớn cố gắng tránh xa họ. Đến tháng 4, phần lớn Sư đoàn 3 đã trốn trong các khu rừng của tỉnh Quảng Ngãi, nơi, với chỉ rễ cây và lá để ăn, họ không có đủ thức ăn cần thiết để chiến đấu. Việc Sư đoàn 3 không thể giao chiến với quân Mỹ đã khiến chỉ huy Bắc Việt Nam của khu vực sa thải chỉ huy sư đoàn và ra lệnh cho người thay thế ông ta đưa sư đoàn trở lại chiến đấu.⁴⁹¹

Ở cực bắc của đất nước, sự tĩnh lặng tương đối của cuối năm 1966 tiếp tục kéo dài đến tháng 1 năm 1967. Nó kết thúc đột ngột vào tháng 2 khi các cuộc tuần tra của Sư đoàn Thủy quân lục chiến 3 nhận được hỏa lực nặng và chính xác từ súng cối của Bắc Việt Nam trong DMZ (Khu phi quân sự). Westmoreland đã tìm kiếm và nhận được sự cho phép từ Washington để bắn pháo vào DMZ và miền nam Bắc Việt Nam.⁴⁹²

Khi các đạn pháo bay qua lại trên DMZ, các quan chức ở Washington và Sài Gòn tranh cãi về kế hoạch xây dựng hàng rào chống thâm nhập của McNamara. Những người ủng hộ hàng rào này ca ngợi một loạt các cảm biến ngày càng đa dạng sẽ được triển khai vào khu vực hàng rào, bao gồm hệ thống áp suất cân bằng, được chôn trong lòng đất và có thể cảm nhận sự thay đổi áp

suất do bước chân người gây ra ; cảm biến địa chấn, phát hiện các rung động mặt đất như từ sự di chuyển của người hoặc xe cộ ; và hệ thống hồng ngoại, được kích hoạt khi một vật thể đi qua giữa chùm tia hồng ngoại và một cảm biến. Những người đam mê công nghệ cũng ca ngợi các radar xung doppler có thể phát hiện nhân sự và xe cộ từ xa đến mười nghìn mét, và các kính quan sát ban đêm sử dụng ánh sáng phản xạ của mặt trăng và các ngôi sao để cung cấp khả năng nhìn đêm với tầm xa một nghìn mét.⁴⁹³

McNamara giành được một mức độ ủng hộ từ Westmoreland bằng cách kết hợp hệ thống chướng ngại vật điểm mạnh (strong point obstacle system) của Westmoreland vào các kế hoạch xây dựng hàng rào. Những người ủng hộ hàng rào khẳng định rằng các điểm mạnh sẽ ngăn chặn lực lượng địch di chuyển qua vùng đất bằng phẳng của Quảng Trị phía đông và tiến công về Huế. Do đó, để vượt qua Khu phi quân sự (DMZ), người Bắc Việt sẽ phải di chuyển qua các vùng núi phía tây Quảng Trị, vốn không thuận lợi cho việc vận chuyển quy mô lớn các tiếp tế.⁴⁹⁴

Sự phản đối đối với hàng rào và hệ thống chướng ngại vật điểm mạnh của nó lan rộng trong giới tướng lĩnh, bao gồm Tướng Walt và các Tham mưu trưởng

Liên quân. Họ cho rằng các điểm mạnh sẽ làm phân tán 11.500 quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa để đối lấy ít lợi ích. Rất ít kẻ xâm nhập và thậm chí còn ít hơn các nguồn tiếp tế di chuyển qua ba mươi kilômét phía đông Quảng Trị, nơi các điểm mạnh sẽ được tập trung. Họ khẳng định rằng địch không cố gắng vận chuyển tiếp tế qua bất kỳ khu vực nào của khu phi quân sự liền kề với Quảng Trị, mà thay vào đó đang sử dụng các tuyến đường an toàn hơn trên Lào. Thay vì hàng rào của McNamara, Tướng Walt ủng hộ các hoạt động cơ động của các tiểu đoàn Thủy quân lục chiến đóng dọc theo Quốc lộ 9, tuyến đường chính đông - tây gần DMZ.⁴⁹⁵

Những phản đối của các tướng lĩnh không gây ấn tượng gì với McNamara. McNamara ra lệnh rằng việc phát quang mặt bằng cho hàng rào sẽ bắt đầu vào tháng Tư. Sư đoàn Thủy quân lục chiến 3 được giao nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng hệ thống điểm mạnh.

Như thế để xác nhận những phản đối của các tướng lĩnh Mỹ đối với hàng rào, hai sư đoàn Quân đội Bắc Việt lúc này bắt đầu hành quân băng qua DMZ vào các vùng núi phía tây Quảng Trị. Nguồn tiếp tế của họ đi xuống theo Đường mòn Hồ Chí Minh, di chuyển về phía nam qua Lào, vượt qua vĩ tuyến 17 trước khi men theo

hướng đông vào Quảng Trị để đến với người sử dụng. Các đơn vị Bắc Việt bổ sung đang sử dụng Đường mòn Hồ Chí Minh để đến tỉnh Thừa Thiên.

Những mối đe dọa mới này buộc Westmoreland phải triển khai lại lực lượng Thủy quân lục chiến và tăng cường cho Quân đoàn I với Lực lượng Đặc nhiệm Oregon cỡ sư đoàn, một lực lượng hỗn hợp gồm ba lữ đoàn Lục quân. Đây là lần đầu tiên trong chiến tranh, các đơn vị Lục quân Hoa Kỳ lớn hoạt động tại Quân đoàn I, vốn trước đây là khu vực độc quyền của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ.⁴⁹⁶ Westmoreland cũng yêu cầu chuyển Lữ đoàn Thủy quân lục chiến Đồ bộ 9, một đơn vị dự bị chiến trường, từ Okinawa đến vùng biển ngoài khơi Quảng Trị. Đóng quân trên tàu, lực lượng đồ bộ đặc biệt của lữ đoàn có thể bay bằng trực thăng đến các chiến trường Quảng Trị chỉ trong vài phút. «Chiến dịch mùa hè sắp tới tại Quân đoàn I có thể là một giai đoạn quyết định của cuộc chiến», Westmoreland thông báo với các Tham mưu trưởng Liên quân khi đưa ra yêu cầu. «Điều cần thiết là chúng ta phải cung cấp mọi sự tăng viện có sẵn để đảm bảo rằng chiến dịch thành công và kẻ thù phải chịu một thất bại quyết định.»⁴⁹⁷ Bộ trưởng Quốc phòng McNamara đồng ý triển khai lữ đoàn thủy quân lục chiến.

Cùng thời điểm này, Westmoreland phê chuẩn một đề nghị từ Thiếu tướng DePuy về việc tăng cường sự tham gia trực tiếp của quân đội Mỹ vào an ninh thôn xã. DePuy vừa trở về Washington để trở thành trợ lý đặc biệt về chống nổi dậy và các hoạt động đặc biệt cho các Tham mưu trưởng Liên quân. Vào đầu mùa xuân, ông đã nói với Westmoreland rằng các lực lượng vũ trang Nam Việt Nam tiếp tục hoạt động kém trong nhiệm vụ chính là bình định dân cư nông thôn Nam Việt Nam do những thiếu sót về lãnh đạo. Công tác bình định đã được cải thiện khi lực lượng Mỹ có mặt trong hoặc gần các làng xã, nhưng khi lực lượng Mỹ rời đi để chiến đấu với các đơn vị địch lớn ở những địa điểm xa xôi, đã có «một tác động tiêu cực rõ rệt.»⁴⁹⁸ Lệnh của Westmoreland về việc tăng cường sự tham gia của Mỹ vào cuộc chiến tranh làng xã sẽ khiến tỷ lệ lực lượng Mỹ tham gia hỗ trợ trực tiếp cho chiến tranh chống nổi dậy tăng từ 22% lên 40% trong năm 1967.⁴⁹⁹

Bằng cách phân bổ thêm lực lượng Mỹ để bảo đảm an ninh các làng xã nơi lực lượng Nam Việt Nam đã thất bại, Westmoreland sẽ hạn chế khả năng tiếp cận của địch đối với tân binh, lương thực và thông tin. Nhưng ông cũng sẽ làm giảm áp lực lên các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam trong việc tiến hành chiến tranh mạnh mẽ và hiệu quả hơn. Tướng Nguyễn Đức Thắng, một trong

những vị tướng năng động nhất của Nam Việt Nam, sau này đã phàn nàn rằng việc quân đội Mỹ sẵn sàng đảm nhận các nhiệm vụ từ phía Nam Việt Nam «đã được nhiều nhà lãnh đạo ARVN chấp nhận như một cái cớ để dành nhiều thời gian hơn cho các công việc cá nhân, ích kỷ», chẳng hạn như chuyển hướng ngân sách chính phủ cho mục đích cá nhân và nuôi nhân tình tại các quán cà phê và hộp đêm.⁵⁰⁰ Trong khi 9.378 người Mỹ sẽ tử trận trong năm 1967, tương đương mức tăng 87% so với tổng số của năm trước, thì tổng số thương niên của phía Nam Việt Nam hầu như không thay đổi.⁵⁰¹

Nhu cầu về lực lượng Mỹ trong cả việc hỗ trợ bình định và chiến đấu với các đơn vị Bắc Việt trong rừng núi, vào thời điểm tình trạng xâm nhập của Bắc Việt vẫn ở mức cao, đã thuyết phục Westmoreland vào tháng Ba rằng ông cần phải nâng mức trần quân số một lần nữa. Vào ngày 18 tháng Ba, ông yêu cầu Washington tăng số quân Mỹ ở Việt Nam từ 470.000 lên 550.000. Ông tuyên bố rằng quân số tối ưu sẽ còn cao hơn nữa, ở mức 678.000.⁵⁰²

Việc Westmoreland đưa ra con số 678.000 đã gây ra một sự bác bỏ thẳng thừng từ Tướng John P. McConnell, tham mưu trưởng Không quân, người tin rằng đề xuất này không đánh giá đúng trọng lượng khả năng của

quân chủng ông. McConnell duy trì quan điểm rằng «việc áp dụng hiệu quả sức mạnh không quân và hải quân ưu việt của chúng ta nhằm vào các điểm yếu của Bắc Việt» sẽ loại bỏ nhu cầu tăng quân với quy mô như vậy. Sức mạnh không quân và hải quân có thể «làm tê liệt khả năng tiếp tục hỗ trợ chiến tranh của hấn» và «phá hủy quyết tâm tiếp tục của hấn.» McConnell đã thuyết phục các Tham mưu trưởng Liên quân khác rằng họ nên yêu cầu McNamara một mức tăng quân số nhỏ hơn, sẽ đưa tổng số lên 568.000, cùng với các kiến nghị tăng cường sử dụng sức mạnh không quân và hải quân và gọi lực lượng dự bị.⁵⁰³

Cuối tháng Tư, Westmoreland đã trình bày lý do cho việc tăng quân với Tổng thống Johnson trong một chuyến thăm Washington. «Nếu không có những lực lượng này, chúng ta sẽ không gặp nguy hiểm bị đánh bại», vị tướng thông báo với tổng thống, nhưng «tiến trình sẽ bị chậm lại.» Westmoreland lưu ý rằng tháng trước, lực lượng thân thiện đã đạt đến «điểm giao nhau» (crossover point). Đó là điểm mà tổn thất của địch vượt quá mức tăng của địch từ việc xâm nhập và tuyển mộ. Westmoreland lập luận rằng thêm quân Mỹ sẽ đảm bảo đà tiến triển được duy trì ngay cả khi việc xâm nhập quân của Bắc Việt tăng lên.

«Khi chúng ta thêm sư đoàn, chẳng lẽ địch không thể thêm sư đoàn sao ?» tổng thống hỏi. «Nếu vậy, rốt cuộc sẽ đi đến đâu ?»

«Địch có tám sư đoàn ở Nam Việt Nam», Westmoreland trả lời. «Hắn có khả năng triển khai mười hai sư đoàn, mặc dù hắn sẽ gặp khó khăn trong việc hỗ trợ tất cả số này.» Nếu Hoa Kỳ không tăng mức quân số, «cuộc chiến có thể kéo dài năm năm», trong khi «với mức lực lượng 565.000 người, cuộc chiến rất có thể sẽ kéo dài ba năm. Với mức tăng thứ hai gồm 2 - 1/3 sư đoàn, dẫn đến tổng số 665.000 người, nó có thể kéo dài hai năm.»

Westmoreland cũng nhân cơ hội này đề nghị các hoạt động trên bộ quy mô lớn ở Lào, điều mà giờ đây ông tin là thiết yếu cho thành công.⁵⁰⁴ Ông thúc giục tổng thống phê chuẩn Chiến dịch High Port, trong đó một sư đoàn Nam Việt Nam sẽ tiến vào Lào với sự hỗ trợ của hỏa lực và hậu cần Mỹ. «Lào sẽ ngày càng trở thành chiến trường và điều này sẽ làm giảm áp lực lên miền Nam», Westmoreland giải thích. Ông cũng ủng hộ các hoạt động trên bộ ở Campuchia và một cuộc đổ bộ đường biển vào Bắc Việt.⁵⁰⁵

Cả những lập luận của Westmoreland về số quân lẫn những lập luận của các Tham mưu trưởng Liên quân đều không thuyết phục được Johnson. Tổng thống cũng

không tiếp nhận các đề xuất về các hoạt động không quân, hải quân hoặc mặt đất bên ngoài Nam Việt Nam, bất chấp các ước tính của cơ quan tình báo rằng những hành động này hứa hẹn phần thưởng cao với rủi ro thấp. Về hầu hết các chủ đề, ông vẫn tin tưởng McNamara hơn là các chuyên gia tình báo. Chỉ về vấn đề Sấm Rền, ông sẵn sàng đoạn tuyệt với McNamara và lắng nghe một số khuyến nghị của phe điều hậu.

Bất chấp tầm quan trọng của nó, cuộc họp này không phải là mục đích chính của chuyến đi tháng Tư của Westmoreland đến Washington. Tổng thống Johnson đã triệu tập vị tư lệnh đến Hoa Kỳ để nói chuyện với báo giới, và sau hai lần từ chối yêu cầu của tổng thống về việc phát biểu ở Hoa Kỳ vào năm trước, Westmoreland đã không thể từ chối lần này. Những tuyên bố tự tin về tiến triển quân sự từ Westmoreland đầy sức hút, Nhà Trắng hy vọng, sẽ dập tắt sự bất mãn ngày càng tăng của công chúng đối với chiến tranh.

Đầu tháng Tư, Gallup đã báo cáo rằng tỷ lệ tán thành cách xử lý chiến tranh của Johnson đã giảm xuống 42%. Tỷ lệ không tán thành đã tăng lên 45%, và trong số những người Dân chủ, con số này đã đạt 38% - gấp đôi so với một năm trước đó. Đa số người Dân chủ và gần hai phần ba tổng số người được khảo sát nói rằng

chính quyền không nói cho người Mỹ biết mọi điều họ cần biết về cuộc chiến.⁵⁰⁶

Vào ngày 4 tháng Tư, Mục sư Tiên sĩ Martin Luther King Jr. đã kêu gọi người da đen và «tất cả những người da trắng có thiện chí» tẩy chay cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông nói những thanh niên trẻ nên tránh nghĩa vụ quân sự bằng cách tuyên bố mình là người phản đối vì lương tâm. «Người da đen và người nghèo nói chung đang gánh chịu gánh nặng nề nhất của cuộc chiến này», King quát lên. Chính phủ Hoa Kỳ là «kẻ ban phát bạo lực lớn nhất trên thế giới ngày nay», và việc sử dụng vũ khí mới của Mỹ ở Việt Nam có thể so sánh với việc Đức Quốc xã thử nghiệm «thuốc mới và các hình thức tra tấn mới trong các trại tập trung ở châu Âu.» King yêu cầu chấm dứt mọi cuộc ném bom ở Bắc và Nam Việt Nam, một lệnh ngừng bắn đơn phương ở Việt Nam, ấn định ngày để tất cả quân đội Mỹ rời đi, và giảm viện trợ của Mỹ cho các nước Đông Nam Á khác để ngăn chặn chiến tranh ở đó.⁵⁰⁷ Cuối cùng, ông đề xuất sáp nhập phong trào dân quyền với phong trào phản chiến.

Bài phát biểu của King đã vấp phải sự khiển trách gay gắt từ các nhà lãnh đạo dân quyền khác, nhiều người trong số họ không phản đối chiến tranh. Theo quan điểm

của họ, sự liều lĩnh trong những cáo buộc của King về Việt Nam đã làm suy giảm uy tín của ông và của sự nghiệp dân quyền, và cho thấy những rủi ro đối với phong trào dân quyền khi gắn nó với một phong trào phản chiến mà lời lẽ của nó có thể làm xa lánh những người ôn hòa Mỹ. Một bài xã luận trên tờ Washington Post đã chỉ trích King vì đã thốt ra «những phát minh thuần túy của trí tưởng tượng không được hỗ trợ.» King «đã gây tổn hại nghiêm trọng cho những người vốn là đồng minh tự nhiên của mình» và «một tổn hại thậm chí còn nghiêm trọng hơn cho chính bản thân mình.» Tờ Life, nơi ba năm trước đã phong King là nhân vật của năm, đã lên án bài phát biểu như một «sự vu khống mị dân nghe như một kịch bản cho Đài phát thanh Hà Nội.»⁵⁰⁸ Vào ngày 11 tháng Tư, hội đồng sáu mươi thành viên của NAACP đã bỏ phiếu nhất trí chống lại đề xuất sáp nhập phong trào dân quyền và phản chiến. Trong một tuyên bố công khai, hội đồng khẳng định, «Các trận chiến dân quyền sẽ phải được đấu tranh và giành chiến thắng dựa trên giá trị riêng của chúng, bất kể tình trạng chiến tranh hay hòa bình trên thế giới.»⁵⁰⁹

Bước vào cuộc tranh cãi đảng phái và tình trạng bất ổn này, Westmoreland đã lên tiếng nói những điều lẽ ra tổng thống nên nói trong hai năm qua. Xuất hiện tại cuộc họp thường niên của Associated Press ở khách

sạn Waldorf Astoria, New York, vị tướng tuyên bố rằng Hoa Kỳ và các đồng minh Nam Việt Nam của mình đang tham gia vào «một cuộc đối đầu duy nhất, toàn diện, trong đó số phận của nhân dân Việt Nam, nền độc lập của các quốc gia tự do châu Á, và tương lai của các quốc gia đang trỗi dậy, cũng như danh tiếng và chính danh dự của đất nước chúng ta, đang bị đe dọa.» Nam Việt Nam đang phải đối mặt không phải với một cuộc nội chiến mà với «một chiến dịch lớn «sự xâm lược từ bên ngoài của Bắc Việt Cộng sản.» Trong chín năm qua, Westmoreland nói, những người Cộng sản Việt Nam đã giết hoặc bắt cóc năm mươi ba nghìn thường dân Nam Việt Nam, «một phần lớn trong số họ là giáo viên, cảnh sát và những nhà lãnh đạo dân cử hoặc tự nhiên», điều mà ở một quốc gia với dân số như Mỹ «sẽ là hơn 600.000 người.»

Westmoreland tuyên bố rằng cuộc can thiệp quân sự của Mỹ đã giải cứu Nam Việt Nam khỏi thất bại và gây ra tổn thất to lớn cho kẻ thù, nhưng kẻ thù vẫn chưa sẵn sàng từ bỏ. «Tôi dự đoán, trong những tháng tới, sẽ có một số trận chiến ác liệt nhất của cuộc chiến», ông trình trọng nói. «Tôi tin tưởng vào khả năng chiến trường của chúng ta. Và tôi tự tin về sự hỗ trợ mà chúng ta và các đồng minh sẽ tiếp tục nhận được từ Tổng thống và từ Quốc hội. Những người đàn ông và phụ nữ tuyệt

vời mà tôi chỉ huy ở Việt Nam đã giành được sự hỗ trợ thống nhất của nhân dân Mỹ.»

Trong bài phát biểu của mình, Westmoreland cảnh báo rằng các cuộc biểu tình phản chiến ở Hoa Kỳ đang khiến kẻ thù tin rằng tinh thần của Mỹ đang suy sụp, vì người Bắc Việt không hiểu vai trò của tranh luận trong chính trị Mỹ. Nhận thức này đang mang lại hy vọng cho Hà Nội và củng cố ý chí kiên trì của họ. Liên quan đến việc đốt một lá cờ Mỹ tại một cuộc biểu tình phản chiến gần đây ở Công viên Trung tâm Thành phố New York, Westmoreland tuyên bố rằng ông và quân đội của mình «bối rối» trước «những hành động không yêu nước gần đây ngay tại quê nhà.»⁵¹⁰

Những người phản đối chiến tranh, vốn cho đến lúc đó ít khi bị các quan chức chính phủ khiển trách công khai, đã bùng nổ phản đối bài phát biểu của Westmoreland. Thượng nghị sĩ Fulbright khẳng định rằng chính quyền Johnson đang miêu tả sự bất đồng chính kiến tương đương với phản quốc. Theo Thượng nghị sĩ George McGovern, những tuyên bố của vị tướng thể hiện một nỗ lực của chính quyền nhằm đổ lỗi cho chính sách thất bại của mình lên các nhà phê bình. Trên tờ New York Post, một chuyên gia gọi bài phát biểu của Westmoreland là «một diễn đàn của chiến tranh tâm lý trong nước.»⁵¹¹

Những tuyên bố của Westmoreland nhận được lời khen ngợi từ các tiếng nói khác, bao gồm tờ Denver Post, khẳng định rằng bình luận của Westmoreland về các cuộc biểu tình phản chiến «nên kích thích sự đánh giá lại của nhiều người trong số những người phản đối sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Việt Nam.»⁵¹² Mặc dù nhiều nhân vật văn hóa có ảnh hưởng vào thời điểm này đã tham gia phong trào phản chiến, những người khác lại bày tỏ sự đồng ý với mỗi quan tâm của Westmoreland về sự bất đồng chính kiến trong thời chiến. Nhóm này bao gồm một số nhà văn hàng đầu thời đó, trong đó có John Steinbeck, John Dos Passos, Ralph Ellison, John Updike và Jack Kerouac.⁵¹³

Steinbeck vào lúc này đang kết thúc chuyến đi bốn tháng đến Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác. Trong một trong những bản tin của mình, ông báo cáo, «Người phản đối cuộc chiến này một cách cuồng loạn nhất là người đàn ông hoặc phụ nữ ở xa nó nhất.» Không có sự phản đối chiến tranh nào được tìm thấy trong số người Nam Việt Nam, Úc, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào hay Malaysia. Steinbeck ước rằng những người Mỹ phản chiến «sẽ đến nơi có chiến đấu - ngồi sau những bao cát với những đứa trẻ mà họ gọi là kẻ giết người, bay với các phi công, hoặc nếu họ đặc biệt mạo hiểm, hãy đi theo một cuộc tấn công của Sư đoàn Kỵ binh 1,

đáp xuống đất và tìm chỗ ẩn nấp, hoặc nếu họ thực sự muốn biết điều gì đó về nỗi sợ hãi và sự dũng cảm, tôi có thể ước rằng họ có thể tham gia một cuộc tuần tra ban đêm ở Đồng bằng Sông Cửu Long, nơi mỗi cụm cỏ có thể ‘ợ’ lên một tràng đạn và bất kỳ cơn đau nhói nhỏ nào cũng có thể là một cái cọc chông nhọn hoắt bôi phân người và độc như vết rắn cắn.»⁵¹⁴

Trong chính phủ Hoa Kỳ, dự báo của Westmoreland về các cuộc chiến đấu bạo lực hơn trong những tháng tới đã vấp phải một số hoài nghi. Ngay trước chuyến đi đến Hoa Kỳ của ông, Vụ Đánh giá Quốc gia đã kết luận rằng người Bắc Việt sẽ kiên trì theo chiến lược hiện tại là làm suy yếu ý chí của Mỹ thông qua một chiến lược dựa trên sự hao mòn, thay vì đẩy mạnh chiến đấu ở miền Nam để theo đuổi một chiến thắng nhanh chóng. Các nhà phân tích suy đoán rằng Hà Nội hài lòng với chiến lược này vì sự tự tin thái quá do báo cáo gửi về Hà Nội phóng đại quá mức về thương vong của đồng minh.⁵¹⁵

Các chỉ huy Bắc Việt thực sự đang thời phòng một cách thô bạo tổn thất của Mỹ và Nam Việt Nam, nhưng các nhà lãnh đạo Bắc Việt đang nhận thức rõ hơn về vấn đề đó và do đó hoài nghi hơn về chiến lược hiện có của họ. Vào tháng Tư, lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu Quân

đội Bắc Việt đã họp để đánh giá chiến lược đó và cân nhắc các lựa chọn thay thế. Các cuộc thảo luận mở đầu bằng một phân tích tình hình hiện tại từ Cục Tác chiến, đưa ra một số sự thật và nhận xét đáng suy ngẫm. Đặc biệt, nó làm nổi bật sự không tương xứng giữa các báo cáo về tổn thất cao của địch và sức mạnh dai dẳng của địch. «Mỗi năm chúng ta đã tiêu diệt hoặc làm tan rã 200.000 đến 250.000 nhân sự địch», cục báo cáo, trích dẫn các con số chính thức của Hà Nội, và thế nhưng «quân đội nguy vẫn cơ bản có số quân nhân như trước.»

Sau phần trình bày của cục, Tư lệnh Bộ Tổng tham mưu, Văn Tiến Dũng, mô tả cuộc chiến với những thuật ngữ ảm đạm hơn nữa. Ông nhận xét rằng Cục Tác chiến đã đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của những khó khăn quân sự của Cộng sản ở miền Nam. Đáng chú ý nhất, ông nói, phân tích của cục đã không xem xét đầy đủ khả năng không thể thắng các trận đánh lớn của Quân đội Bắc Việt.

Sau nhiều thảo luận và tranh luận, lãnh đạo cấp cao quyết định từ bỏ trọng tâm chiến lược, có hiệu lực từ tháng 8 năm 1965, là làm suy yếu ý chí của Mỹ thông qua sự hao mòn kéo dài. Bắc Việt giờ sẽ áp dụng một chiến lược nhằm phá vỡ ý chí của Mỹ nhanh hơn, thông qua leo thang quân sự mà đỉnh điểm là các cuộc nổi dậy

ở đô thị. Quân đội Bắc Việt sẽ khởi động một chiến dịch các hoạt động quân sự được tăng cường, kéo dài từ giữa năm 1967 đến giữa năm 1968, để gây tổn thất tàn khốc cho lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam. Vào giữa chiến dịch này, các đơn vị Bắc Việt sẽ tấn công các thành phố lớn và các thủ phủ tỉnh, điều sẽ châm ngòi cho các cuộc nổi dậy đô thị quy mô lớn chống lại chính phủ Nam Việt Nam, có thể so sánh về tác động với cuộc nổi dậy ở Hà Nội năm 1945.

Những người đàn ông ở Hà Nội dự đoán rằng những chiến thắng quân sự của Bắc Việt và việc huy động quần chúng đô thị sẽ thuyết phục Hoa Kỳ rút quân khỏi Nam Việt Nam. Mất đi sự bảo vệ của Mỹ, tàn dư của chính phủ Sài Gòn và lực lượng vũ trang của nó sẽ nhanh chóng sụp đổ. Việc thống nhất Việt Nam bởi Đảng Cộng sản chắc chắn sẽ theo sau.⁵¹⁶

Chương 10 - Những Tổn Thất Kỷ Lục

Tháng 5 - Tháng 8 năm 1967

Trên đồng bằng phía đông Quảng Trị, hai ngọn đồi cao 158 mét nhô lên từ vùng đất đỏ bằng phẳng tại một địa điểm cách Biển Đông Nam Trung Hoa mười bốn dặm và cách khu phi quân sự hai dặm. Từ lâu, các nhà truyền giáo Pháp đã đặt tên cho nơi này là Cồn Tiên, trong tiếng Việt có nghĩa là «Ngọn đồi của những thiên thần.» Mike McKenna, một nhân viên vô tuyến điện Thủy quân lục chiến mười tám tuổi, đã rất ấn tượng khi biết vào mùa xuân năm 1967 rằng anh sẽ được gửi đến Ngọn đồi của những thiên thần. Tuy nhiên, khi đến Cồn Tiên, anh phát hiện ra rằng những ngọn đồi căn cỗi «giống Golgotha, Nơi của những Hộp sọ, địa điểm của sự đóng đinh trên thập tự giá hơn.»⁵¹⁷

Vào tháng 2 năm 1967, Thủy quân lục chiến đã biến Cồn Tiên thành một tiền đồn chiến đấu, biến nó thành một trong những điểm mạnh trong hàng rào McNamara. Giờ đây nó là căn cứ Mỹ gần Bắc Việt Nam nhất. Đối với các quan chức và sĩ quan quân đội Mỹ, Cồn Tiên là một trạm quan sát, một căn cứ hỏa lực, một dây chần, hoặc một vị trí lồi. Đối với những người chỉ trích chiến lược quân sự Mỹ, Cồn Tiên là một hành động ngu xuẩn,

một thỏi nam châm hút đạn, một miếng mồi, hoặc một cái bẫy chết chóc. Đối với những người bảo vệ nó, Cồn Tiên là sự nhàm chán kéo dài được chấm phá bởi những cơn bùng nổ của khủng bố.

Hai đỉnh núi sinh đôi của Cồn Tiên cho phép quan sát lý tưởng khu phi quân sự và các hành lang thâm nhập Bắc - Nam. Vào một ngày trời quang, Thủy quân lục chiến nhìn về hướng bắc có thể thấy một lá cờ Bắc Việt bay phấp phới trên đỉnh một cây cột ở phía xa bên kia DMZ, và về phía đông nam họ có một tầm nhìn tuyệt vời về trụ sở chính của Thủy quân lục chiến trên vùng đất cao tại Đông Hà, cách đó mười dặm. «Những người đến thăm Cồn Tiên có thể nhìn lại khu phức hợp hậu cần rộng lớn tại Đông Hà và ngay lập tức hiểu tại sao Thủy quân lục chiến phải giữ ngọn đồi này», Đại tá Richard B. Smith, chỉ huy Trung đoàn Thủy quân lục chiến 9 nhận xét. «Nếu địch chiếm được nó, họ sẽ nhìn thẳng xuống cổ họng chúng ta.»⁵¹⁸

Thủy quân lục chiến đã ủi đỉnh của mỗi ụ đất thành một cao nguyên nhỏ, có kích thước khoảng bằng một sân bóng rổ. Họ đã đào các ụ pháo, boong - ke và chiến hào vào trong đất. Để ngăn chặn các cuộc tấn công trên bộ, họ đã rải các cuộn dây kẽm gai xung quanh các cao nguyên và yên ngựa cỏ giữa chúng. Hai đại đội bộ binh

Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ, một đơn vị CIDG của Nam Việt Nam và ba xe tăng M - 48A3 đang canh giữ Cồn Tiên vào ngày 8 tháng 5, ngày quân Bắc Việt tấn công.

Ngày 8 tháng 5 đánh dấu kỷ niệm lần thứ mười ba ngày thất thủ Điện Biên Phủ. Tuy nhiên, việc chọn ngày tấn công có lẽ liên quan nhiều hơn đến thời tiết so với việc tưởng niệm lịch sử, vì cuộc tấn công sẽ diễn ra trong một cơn bão gió mùa nặng nề làm giảm bớt sức mạnh của không lực Hoa Kỳ. Quân Bắc Việt dự định tràn ngập căn cứ, chiếm giữ các công sự của nó và phòng thủ chống lại một cuộc phản công của Mỹ. Các lực lượng Bắc Việt khác trong vùng lân cận DMZ sẽ lao ra từ nơi ẩn náu và siết chặt hàm của chúng vào các đội hình Thủy quân lục chiến không nghi ngờ đang tiến đến giải vây cho Cồn Tiên.

Vào lúc 02:50, một binh sĩ Bắc Việt bắn một pháo sáng màu xanh lá cây. Năm phút sau, súng cối và pháo binh Bắc Việt dội xuống Cồn Tiên, và các công binh Bắc Việt tràn về phía chu vi căn cứ, với bộ binh theo sát phía sau. Sử dụng thủy lôi Bangalore, các công binh đã đục các lỗ trên dây kẽm gai, sau đó bò qua các lỗ hồng và ném các bịch chất nổ vào các chiến hào và boong - ke bên ngoài, làm chúng sụp đổ thành những đồng dâm

gỗ vỡ vụn và cát.

Hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 812 của Quân đội Bắc Việt tấn công Đồi Thiên Thần lúc 04:00. Do mây mưa thấp, tàu pháo sáng của Mỹ được phái đến để cung cấp ánh sáng cho đồn trú đã bị trì hoãn đến nơi, điều này cho quân Bắc Việt thêm những phút quý giá trong bóng tối. Các súng phun lửa Bắc Việt lóe lên rồi tắt, thiêu chết một số Thủy quân lục chiến. Lựu đạn rocket đã vô hiệu hóa hai xe tăng Mỹ.

Bộ binh Bắc Việt đã chọc thủng vành đai phòng thủ ở hai nơi. Tuy nhiên, nỗ lực khai thác các chỗ vỡ của họ đã bị Thủy quân lục chiến ngăn chặn, những người nhanh chóng điều quân đến để kiểm chế chúng. Thủy quân lục chiến đã giữ chân quân Bắc Việt trong hai giờ tiếp theo. Với sự tiếp cận của binh minh, chắc chắn sẽ mang theo máy bay Mỹ, quân Bắc Việt quyết định rút lui.

Không biết rằng, trong những giờ qua, Thủy quân lục chiến đã điều các đơn vị lân cận đến chặn các tuyến đường rút lui tiềm năng. Các xe bọc thép đã đặt mình giữa Còn Tiên và DMZ, bẫy một số lượng lớn binh lính Bắc Việt. Không muốn đầu hàng, quân Bắc Việt chiến đấu tại chỗ và bị tàn sát trong ánh sáng ban mai.

Trong ngày hôm đó, tổn thất của Thủy quân lục chiến là 44 người chết và 110 người bị thương. Về phía CIDG, 14 người chết và 16 người bị thương, và 4 cố vấn Lực lượng Đặc biệt Hoa Kỳ của họ bị thương. Thương vong của Bắc Việt được báo cáo là 212 người chết và 8 người bị bắt.⁵¹⁹

Người Mỹ không cần nhiều thời gian để xác định một cách dứt khoát rằng những người Bắc Việt tham gia cuộc tấn công Cồn Tiên đã sử dụng khu phi quân sự làm bãi tập kết. Khi được trình bày sự thật đó, Nhà Trắng đã cho phép Thủy quân lục chiến tiến hành các hoạt động trên bộ vào DMZ phía nam và bắn vũ khí vào nửa phía bắc. Tám tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ và năm tiểu đoàn Nam Việt Nam đã chuẩn bị cho Chiến dịch Hickory, một cuộc tấn công vào nửa phía nam của DMZ, dự kiến bắt đầu vào ngày 18 tháng 5.

Để chuẩn bị lên đường, Thủy quân lục chiến được cấp phát tiếp liệu với số lượng dồi dào mà ít người từng chứng kiến. Mỗi tiểu đoàn nhận được đồ dùng dã chiến mới, thùng đạn súng trường, thùng lựu đạn và đai đạn súng máy. Tổng tải trọng cho mỗi Thủy quân lục chiến - bao gồm thực phẩm, nước, vũ khí, dụng cụ và đạn dược - lên tới khoảng một trăm pound. Đối với hầu hết Thủy quân lục chiến, sự hào phóng này là dấu hiệu đầu

tiên cho thấy chiến dịch sẽ khác với những chiến dịch trước đó.⁵²⁰

Một số tiểu đoàn Mỹ và Nam Việt Nam vượt vào DMZ bằng xe tải và xe bọc thép. Những đơn vị khác đến bằng thuyền hoặc đường không. Vào ngày đầu tiên của chiến dịch, nhiệt độ lên tới 106 độ Fahrenheit, với độ ẩm cao. Hơi nóng ẩm ướt rút năng lượng từ những người Mỹ, ngoại trừ những người đến từ các bang đông nam, những người dường như không bận tâm. Các nhà hậu cần phải gửi thêm nước ra phía trước để bù đắp cho lượng mồ hôi đổ ra hàng gallon của quân đội.

Chiến dịch Hickory đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt ở một số nơi, thường là nơi quân Bắc Việt có thể chiến đấu từ các boong - ke được ngụy trang khéo léo. Thường xuyên hơn, lực lượng đồng minh chỉ tìm thấy các công sự và đường hầm bỏ hoang. Trong mười một ngày của Chiến dịch Hickory, quân Bắc Việt phải chịu 789 người chết và 37 người bị bắt, theo số liệu của Mỹ. Thương vong của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ là 142 người chết và 896 người bị thương, và Quân đội Nam Việt Nam ghi nhận tổn thất 22 người chết và 122 người bị thương. Cuộc tấn công này đã chấm dứt các hành động tàn phá của Bắc Việt đối với Cồn Tiên và các cứ điểm khác gần DMZ.⁵²¹

Cuộc tấn công vào Côn Tiên tạo thành màn mở đầu cho cuộc tấn công giữa năm được Bộ Chính trị Bắc Việt phê chuẩn vào tháng Tư. Quân khu I sẽ chứng kiến nhiều bạo lực nhất trong giai đoạn đầu của cuộc tấn công do cả hoạt động gia tăng của Bắc Việt và sự xuất hiện của lực lượng Quân đội Hoa Kỳ. Tại tỉnh Quảng Ngãi, các đơn vị của Sư đoàn Dù 101 và Sư đoàn Ky binh 1 đã dành tháng Năm để đánh bại ba trung đoàn Bắc Việt, mỗi trung đoàn đều chịu tổn thất nặng nề buộc họ phải rút đến các địa điểm xa xôi hơn.⁵²²

Về phía bắc, tại các tỉnh Quảng Tín và Quảng Nam, Sư đoàn Thủy quân lục chiến 1 đã giao chiến với hai trung đoàn từ Sư đoàn 2 QĐNDVN đang cố gắng kiểm soát lòng chảo Que Son. Đối với Thủy quân lục chiến, việc đối đầu với một lực lượng địch lớn sẵn sàng đứng lại và chiến đấu là một sự giải tỏa đáng hoan nghênh sau những khoảng thời gian kéo dài tìm kiếm không kết quả. Đại úy Jim McElroy, một đại đội trưởng trong Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn Thủy quân lục chiến 5, đã kể lại tâm trạng phổ biến trên bờ vực chiến đấu. «Tôi chưa bao giờ thấy binh lính nào phấn khích như vậy trong đời», ông nhớ lại. «Chúng tôi đã đi loanh quanh đó hai tuần rưỡi, và cuối cùng họ cũng đã dính vào trận. Tôi chỉ kinh ngạc. Tôi có những gã mà tôi nghĩ là đàn độn đang vẽ bản đồ tọa độ của chúng tôi và bố trí qua đêm.»

⁵²³ Trong các trận chiến trong và xung quanh lòng chảo Que Son, Thủy quân lục chiến được báo cáo đã giết 1.566 quân địch so với thương vong của Thủy quân lục chiến là 220 người chết và 714 người bị thương. ⁵²⁴

Ở cực tây bắc của đất nước, Thủy quân lục chiến tham gia chiến đấu ác liệt xung quanh cao nguyên Khe Sanh trong tháng Năm. Thủy quân lục chiến quét ra khỏi căn cứ chiến đấu chính của Khe Sanh vào đầu tháng Năm để chiến đấu với binh lính của Trung đoàn 18 QĐNDVN đã bắt đầu ẩn nấp trong các ngọn đồi gần đó. Được yểm trợ bởi pháo binh và không lực, Thủy quân lục chiến đã đẩy lui quân Bắc Việt khỏi vùng đất cao xung quanh Khe Sanh trong vòng hai tuần. Số quân địch chết được xác nhận là 940, và Thủy quân lục chiến ước tính hàng trăm người khác đã thiệt mạng. Thương vong của Mỹ là 155 người chết và 425 người bị thương. ⁵²⁵

Một số trận chiến ác liệt nhất trong tháng Năm diễn ra ở tỉnh cao nguyên Pleiku, nơi lực lượng Bắc Việt tiến hành một loạt cuộc tấn công cỡ tiểu đoàn dọc theo biên giới Campuchia. Để nhử các đại đội Mỹ vào trận địa phục kích, một nhóm nhỏ binh sĩ Bắc Việt sẽ phơi mình và sau đó chạy về phía một địa điểm nơi một tiểu đoàn đang mai phục. Tiểu đoàn Bắc Việt nhín bắn cho đến khi người Mỹ đến rất gần, để ngăn họ sử dụng không

lực và pháo binh.

Các tiểu đoàn Bắc Việt thường thành công trong việc phục kích các đơn vị Mỹ cỡ đại đội ở cự ly gần, nhưng họ không thể tràn ngập bất kỳ đơn vị nào trong số đó. Khi không thể sử dụng không lực và pháo binh, như thường lệ, các đại đội Mỹ đã đánh lui quân Bắc Việt bằng cách giữ vững đội hình và phối hợp sử dụng súng trường, súng máy, lựu đạn và mìn claymore. «Những cuộc chạm trán này được giành chiến thắng trong một khu vực năm mươi thước đất đầy rừng rậm nơi cuộc chiến diễn ra giữa người với người, lính của chúng ta chống lại những tên xấu», Đại tá Charles A. Jackson, chỉ huy Lữ đoàn 1 của Sư đoàn Bộ binh 4 nhận xét.⁵²⁶

Trong chín ngày chiến đấu ở Pleiku, Sư đoàn Bộ binh 4 báo cáo đã tiêu diệt 369 quân địch, chủ yếu bằng vũ khí nhỏ. Tổng tổn thất của Bắc Việt trong khoảng thời gian chín ngày rất có thể cao hơn nhiều, do các cuộc ném bom dồi dào vào các căn cứ và bãi tập kết của địch mà sau đó không được khám xét. Tổn thất của Mỹ trong chín ngày tổng cộng là 69 người chết và 259 người bị thương.⁵²⁷

Quân Bắc Việt sử dụng các chiến thuật tương tự ở tỉnh Kontum lân cận. Mặc dù kết quả thường giống với ở Pleiku, quân Bắc Việt đã thành công trong một trường

hợp gây tổn thất nặng nề cho một đại đội Mỹ, Đại đội Alpha thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Bộ binh 503. Vật lộn với một tiểu đoàn Bắc Việt cách thị trấn Đắk Tô năm cây số vào ngày 22 tháng Sáu, đại đội Mỹ đã gọi điện về sở chỉ huy tiểu đoàn xin tiếp viện. Các tiểu đoàn bộ binh Mỹ thường bố trí các đại đội của họ đủ gần nhau để bất kỳ đại đội nào cũng có thể được một đại đội bạn tăng cường nhanh chóng. Tuy nhiên, trong trường hợp này, đại đội bạn gần nhất, Charlie, đã phản ứng cực kỳ chậm chạp trước các báo cáo về cuộc chạm trán ban đầu, một vấn đề mà sau này chỉ huy đại đội Charlie và chỉ huy tiểu đoàn của anh ta sẽ đổ lỗi cho nhau. Để phòng tránh một cuộc phục kích của địch, Charlie tiến quân với các chiến thuật thận trọng và tốn thời gian nhất.

Trong nhiều giờ, đại đội Alpha một mình cầm cự chống lại tiểu đoàn Bắc Việt. Quân Bắc Việt tấn công vào mọi phía của đại đội Mỹ và thành công trong việc giết chết tất cả các trung đội trưởng người Mỹ. Những người Mỹ còn khả năng chiến đấu cuối cùng rút về sở chỉ huy đại đội, bỏ lại phía sau một số lượng lớn những người bị thương nặng. Sở chỉ huy đại đội cầm cự cho đến khi đại đội Charlie đến vào đầu giờ chiều, hơn năm giờ sau khi nó bắt đầu di chuyển. Đối mặt với các súng máy Bắc Việt được bố trí tốt, chỉ huy đại đội Charlie đã

không cố gắng giải cứu những người sống sót mắc kẹt của đại đội Alpha trong suốt buổi chiều hoặc đêm đó.

Các cuộc tuần tra do đại đội Charlie cử đi vào sáng hôm sau đã phát hiện ra một cảnh tượng tàn sát kinh hoàng. Trong số bảy mươi sáu người Mỹ được tìm thấy đã chết, bốn mươi ba người đã bị thương ở đầu ghê rợn ở cự ly gần, một dấu hiệu rõ ràng cho thấy họ đã bị quân Bắc Việt xử tử. Tai và ngón tay bị mất trên một số thi thể người Mỹ. Các cuộc tuần tra cũng xác định vị trí của một vài lính dù đã sống sót qua đêm bên ngoài vòng vây của Mỹ bằng cách giả vờ chết. Một trong số những người này đã nằm bất động trong khi một người lính Bắc Việt dùng dao chiến hào chặt đứt ngón tay của anh ta.

Báo cáo chính thức của Mỹ về trận đánh nêu rõ 106 thi thể địch đã được tìm thấy và thêm 407 người khác bị giết bởi hỏa lực pháo binh khi đối phương rời khỏi khu vực. Những người Mỹ từng có mặt trên chiến trường nghi ngờ rằng con số thực tế thấp hơn đáng kể. Nhân chứng báo cáo chỉ tìm thấy 18 thi thể địch trên chiến trường và không có thi thể nào trong các khu vực mà pháo binh đã bắn vào. Tuy nhiên, phía Bắc Việt Nam đã có đủ thời gian để di tản thương vong của họ, và cường độ khốc liệt của trận chiến cho thấy tổn thất của Bắc

Việt Nam có lẽ rất cao, nếu không muốn nói là cao như những gì người Mỹ báo cáo. ⁵²⁸

Ước tính của Mỹ về quân địch bị tiêu diệt trong hành động trong tháng 5 và tháng 6 đã gần như gấp đôi con số của cùng kỳ năm 1966. Con số thống kê tháng 5 là 9.808 người, thiết lập một kỷ lục mới về số quân địch bị giết nhiều nhất trong một tháng. Tồn thất cao nhất của Bắc Việt Nam được báo cáo ở Quân khu I, nơi có tới 6.119 người bị giết chỉ riêng trong tháng 5. Đi kèm với sự gia tăng mạnh về tồn thất của địch là mức tăng tương tự lớn về thương vong của Mỹ. Trong tháng 5, tổng số người chết hàng tháng của Mỹ vượt quá 1.000 người lần đầu tiên. ⁵²⁹

Cường độ chiến đấu gia tăng hầu như không làm suy giảm quyết tâm của binh lính Mỹ. Đó là kết luận của Philippa Schuyler, một nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng, người đã tường thuật về cuộc chiến cho tờ Manchester Union Leader trong giai đoạn này. Đi từ đầu này đến đầu kia của đất nước, Schuyler đã thăm dò ý kiến của người Mỹ thuộc mọi cấp bậc, chủng tộc và tôn giáo. Hầu hết những quân nhân cô gặp đều bày tỏ sự bất mãn với những hạn chế do tự áp đặt lên sức mạnh quân sự Mỹ, nhưng họ đều nhất trí trong niềm tin rằng Hoa Kỳ nên ở lại Việt Nam cho đến khi chiến tranh thắng lợi.

«Chưa bao giờ tôi gặp bất kỳ người Mỹ nào cảm thấy chúng ta nên rút đi mà không đạt được chiến thắng», Schuyler báo cáo. Sự ủng hộ dành cho cuộc chiến, cô nói thêm, cũng mạnh mẽ như nhau ở cả binh lính da đen và da trắng, và ở những người lành lặn ngoài chiến trường lẫn những người bị thương trong các bệnh viện quân đội.⁵³⁰

Ở mặt trận bình định, tháng 5 chứng kiến Tổng thống Johnson đưa ra quyết định về việc tổ chức lại sự hỗ trợ của Mỹ. Sau khi bị Robert Komer thuyết phục rằng Văn phòng Hoạt động Dân sự thí điểm đã là một thất bại, Johnson đã bãi bỏ văn phòng đó và tạo ra một thực thể mới thuộc Bộ Quốc phòng để quản lý phía Mỹ trong công tác bình định, có tên là Hỗ trợ Hoạt động Dân sự và Phát triển Cách mạng (CORDS). Nó được đặt trong cơ cấu chỉ huy quân sự của Tướng Westmoreland, giúp nó có quyền tiếp cận các nguồn lực dồi dào của Bộ chỉ huy. Johnson bổ nhiệm Komer làm người đứng đầu.⁵³¹

Ở mỗi cấp tổ chức, xuống tận cấp quận/huyện, CORDS phân công một thẩm quyền Mỹ duy nhất quản lý tất cả nhân sự Hoa Kỳ tham gia vào bình định. Nếu cá nhân đó là dân sự, thì phó của họ là một sĩ quan quân đội, và ngược lại. Những nhân viên dân sự nghĩ rằng họ có thể tiếp tục làm việc độc lập đã sớm nhận ra rằng giờ

đây họ phải nhận chỉ đạo từ các quan chức của Komer. Các công cụ quyền lực của Mỹ cuối cùng cũng đi theo cùng một người chỉ huy.⁵³²

Komer thuyết phục Westmoreland thành lập một chương trình tình báo mới dưới quyền CORDS, tách biệt với các tổ chức tình báo quân sự hiện có, để tập trung vào «Hạ tầng Việt Cộng». Thuật ngữ này đề cập đến các cán bộ chính trị và những phần tử phá hoại ngầm khác, những người nắm quyền kiểm soát chính trị đối với các làng xã và tạo điều kiện cho việc di chuyển, che giấu và cung cấp lương thực cho các du kích và binh lính Cộng sản. Theo quan điểm của Komer, các chương trình tình báo của quân đội Mỹ tập trung quá mức vào các chiến binh vũ trang và không có khả năng xác định và định vị các thành viên của chính phủ ngầm này.

Tên đầu tiên được gán cho chương trình tình báo này là Cơ quan Điều phối và Khai thác Tình báo (một cái tên vô thưởng vô phạt). Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, nó sẽ nhận được cái tên mà nó trở nên nổi tiếng và tai tiếng : Chương trình Phoenix. Komer, người đã phục vụ trong CIA mười ba năm, đã trao cho CIA một vai trò hàng đầu trong chương trình do cơ quan này quen thuộc với chủ đề và là nhà tài trợ của một số tổ chức tình báo then

chốt. Người đứng đầu chương trình mới, sĩ quan CIA Evan J. Parker Jr., đã thành lập các trung tâm điều phối tình báo tại các trụ sở quận/huyện và tỉnh, nơi các cơ quan liên quan cử đại diện đến. Komer yêu cầu Parker theo đuổi cách tiếp cận «bắn tỉa», loại bỏ các thủ lĩnh địch cá nhân bằng các cuộc tấn công quân sự chính xác, thay vì cách tiếp cận «bắn chim» được sử dụng bởi các lực lượng thông thường, theo đó quân đội bao vây một ấp và lục soát nó để tìm những cá nhân đáng ngờ.⁵³³

Các chương trình của Komer chỉ tổ chức lại phía Mỹ của công tác bình định, chứ không phải phía Nam Việt Nam, vốn là vấn đề lớn hơn rất nhiều. Komer nhận ra, như hầu hết các quan chức Mỹ khác, rằng hiệu quả của bình định phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng của các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam, chứ không phải vào chất lượng của các cố vấn Mỹ của họ. Ông cũng tin, một cách gây tranh cãi hơn, rằng người Mỹ nên gây ảnh hưởng lớn hơn để cải thiện chất lượng của Nam Việt Nam. Komer thúc giục Westmoreland sáp nhập tất cả các lực lượng vũ trang Nam Việt Nam vào Bộ chỉ huy quân sự Mỹ để người Mỹ có thể bổ nhiệm các sĩ quan Nam Việt Nam dựa trên thực tài, chứ không phải dựa trên các cân nhắc chính trị hoặc cá nhân như thường thấy lúc bấy giờ. Westmoreland đã bác bỏ đề xuất này, như ông đã làm khi nghiên cứu PROVN đề xuất sự sáp

xếp tương tự vào năm 1966.⁵³⁴

Sau khi thành lập CORDS và Phoenix, những thiếu sót về lãnh đạo tiếp tục gây khó khăn cho tất cả các tổ chức Nam Việt Nam tham gia vào bình định, ngoại trừ các Đơn vị Trinh sát Tỉnh (Provincial Reconnaissance Units), một lực lượng tinh nhuệ được CIA hỗ trợ với vài nghìn người.⁵³⁵ Một quan chức Mỹ lưu ý vào mùa thu rằng các nhà lãnh đạo của các đội Cán bộ Phát triển Cách mạng «thường gây ấn tượng về những người mù đất người mù.»⁵³⁶ Tỷ lệ hao hụt cán bộ tăng lên 36% vào giữa năm 1967, và quy mô trung bình của các đội áp giảm xuống còn ba mươi cán bộ, vốn vẹn một nửa so với con số năm mươi chín người theo sổ sách.⁵³⁷ Các lực lượng an ninh khác của Nam Việt Nam, vốn bị bao vây bởi những khó khăn về lãnh đạo của riêng họ, thường thất bại trong việc bảo vệ các đội cán bộ khỏi sự tàn phá của du kích và binh lính Cộng sản.⁵³⁸

Trong khi Westmoreland và Komer đang thúc đẩy các chương trình của họ ở miền Nam, Đô đốc Sharp đang ném bom các mục tiêu gần Hà Nội và Hải Phòng vốn trước đó đã được tha. Để phản ứng lại sức tàn phá chưa từng có của Chiến dịch Sấm Rền 55, Bộ Tư lệnh phòng không không quân Bắc Việt Nam đã điều các máy bay MiG của mình lên bảo vệ bầu trời với số lượng chưa

từng thấy. Khi người Mỹ đến các căn cứ không quân Hòa Lạc và Kép, các máy bay MiG đã bắn rơi ba máy bay Mỹ, nhưng không thể ngăn chặn bom Mỹ phá hủy các đường băng và cơ sở vật chất. Lo sợ số phận tương tự sẽ xảy ra với các sân bay còn lại của mình, Bắc Việt Nam đã di chuyển phần lớn số MiG còn lại đến các căn cứ ở Trung Quốc. Sau đó, máy bay Bắc Việt Nam xuất kích từ Trung Quốc vào lãnh thổ của chính họ, và với cái giá rất đắt.

Trong tháng đầu tiên của Sấm Rền 55, máy bay Mỹ đã phá hủy ba mươi máy bay MiG trong các cuộc không chiến, chỉ kém mười hai chiếc so với tổng số của hai mươi hai tháng trước đó cộng lại. Chỉ có mười một máy bay Mỹ bị mất trong 1.600 phi vụ, một sự cải thiện rõ rệt so với các đợt Sấm Rền trước đó.⁵³⁹ Góp phần vào tỷ lệ tổn thất thấp là việc triển khai hai thiết bị mới lắp trên máy bay Mỹ : QRC 160 - 1, gây nhiễu radar Bắc Việt, và QRC 248, cho phép máy bay Mỹ giải mã thông tin liên lạc của bộ phát đáp trên máy bay MiG.⁵⁴⁰

Chiến dịch không kích gia tăng đã tàn phá các nhà máy điện và cơ sở hạ tầng điện lực khác của Bắc Việt Nam. Nó xóa sổ ước tính 165.000 kilowatt công suất phát điện, tương đương 87% tổng công suất quốc gia. Việc mất điện này đã ngừng hoạt động công nghiệp ít

ôi còn lại ở Bắc Việt Nam và làm chậm việc dỡ hàng và vận chuyển hàng hóa tại cảng Hải Phòng. Theo ước tính của CIA, Bắc Việt Nam sẽ cần từ ba tháng đến một năm để sửa chữa các cơ sở bị hư hại và đưa chúng trở lại hoạt động.⁵⁴¹

Được khích lệ bởi những thành tựu này, các Tổng Tham mưu trưởng kêu gọi nói lỏng thêm các hạn chế của Sấm Rền.⁵⁴² Tuy nhiên, McNamara đã hạ thấp tác động của các đợt tấn công mới nhất và ủng hộ việc thu hẹp thay vì mở rộng ném bom. Ông khuyên Tổng thống Johnson nên ngừng hoàn toàn Sấm Rền ở các khu vực phía bắc của Bắc Việt Nam vì tỷ lệ tổn thất máy bay ở đó cao gấp sáu lần so với ở miền nam Bắc Việt Nam và các báo cáo tình báo chỉ ra rằng việc ném bom ở các khu vực này đã không làm suy giảm khả năng tiến hành chiến tranh ở miền Nam của Hà Nội. «Chúng ta không thể thông qua ném bom để đạt đến mức độ đau đớn tới hạn ở Bắc Việt Nam», một bản ghi nhớ do McNamara, Vance và McNaughton cùng viết nêu rõ. «Dưới mức đó, sự đau đớn chỉ làm tăng thêm ý chí chiến đấu.»⁵⁴³

Những lời cuối cùng đó đặc biệt chọc tức các Tổng Tham mưu trưởng, những người mà xem đó như là hành động kiêu ngạo mới nhất của những «trí thức trứng» dân sự, những kẻ nghĩ rằng họ biết nhiều hơn các sĩ

quan quân đội dày dạn trận mạc.⁵⁴⁴ Trong một lời đáp lại bằng văn bản, các Tổng Tham mưu trưởng khẳng định, «Bất cứ ai nói rằng ‘sự đau đớn chỉ làm tăng thêm ý chí chiến đấu’ chỉ có thể nói từ sự thiếu hiểu biết về chiến trường.»⁵⁴⁵ Tỷ lệ tổn thất máy bay cao hơn ở các vùng ném bom phía bắc, các tướng lĩnh lập luận, vì Bắc Việt Nam đã tập trung vũ khí phòng không ở đó, điều này hẳn phải phản ánh quan điểm rằng Bắc Việt Nam có nhiều tài sản giá trị cần bảo vệ ở những khu vực đó hơn so với các khu vực phía nam. Nếu Hoa Kỳ chọn cắt giảm ném bom, điều đó sẽ thuyết phục Bắc Việt Nam rằng ý chí của Mỹ đang dao động và do đó sẽ cứng rắn hóa lập trường đàm phán của họ.⁵⁴⁶

CIA đã đứng về phía các Tổng Tham mưu trưởng. Sau khi nói chuyện với các chuyên gia hàng đầu về Việt Nam của cơ quan, Giám đốc CIA Helms báo cáo với Tổng thống Johnson rằng theo quan điểm của các chuyên gia này, việc ngừng ném bom hoặc tập trung nó vào các khu vực phía nam của Bắc Việt Nam «sẽ được Hà Nội coi là một chiến thắng và sẽ tăng cường quyết tâm kiên trì đấu tranh của Hà Nội. Nó sẽ làm cứng rắn thêm lập trường của Hà Nội và sẽ không làm Hà Nội dễ chịu hơn trong đàm phán hoặc dàn xếp.»⁵⁴⁷

Các lập luận của quân đội và CIA đã không thay đổi quan điểm của McNamara. Vào ngày 22 tháng 5, ông đã thuyết phục Johnson rút lại tất cả các ủy quyền tấn công các mục tiêu trong vòng mười hải lý tính từ Hà Nội.⁵⁴⁸ Tuy nhiên, Johnson có phần lưu tâm đến kết luận của các tướng lĩnh và các chuyên gia tình báo, vì ông đã bác bỏ khuyến nghị của McNamara về việc ngừng ném bom các mục tiêu khác ở miền bắc Bắc Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo dân sự và quân sự của Lầu Năm Góc, cùng lúc đó, đang mâu thuẫn gay gắt về vấn đề trần quân số. Vào ngày 19 tháng 5, McNamara đã gửi cho Tổng thống Johnson một bản ghi nhớ dài đề nghị ông giới hạn mức quân số Mỹ ở năm trăm nghìn người và tránh gọi lực lượng dự bị. Bộ trưởng quốc phòng tuyên bố rằng kế hoạch tăng quân số lớn hơn nhiều và gọi dự bị của quân đội sẽ làm tăng sự phản đối chiến tranh và «kích thích những áp lực không thể cưỡng lại ở Hoa Kỳ nhằm leo thang hơn nữa chống lại Bắc Việt Nam, và cho các hành động trên bộ chống lại các ‘khu vực an toàn’ ở Campuchia và Lào.» Sự leo thang như vậy, ông cảnh báo, «có khả năng đẩy chúng ta vào tình thế còn sâu hơn nữa ở Đông Nam Á và vào một cuộc đối đầu nghiêm trọng, nếu không muốn nói là chiến tranh, với Trung Quốc và Nga.» McNamara thừa nhận

rằng Hà Nội khó có thể xem xét thay đổi lập trường đàm phán cho đến khi họ thấy kết quả của cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1968, nhưng ông duy trì rằng chiến lược của ông sẽ «đặt nền móng bằng các cuộc thăm dò hòa bình định kỳ.»⁵⁴⁹

Khi bản ghi nhớ này được chuyển đến bàn làm việc của các Tổng Tham mưu trưởng, nó đã đưa mối quan hệ giữa các tướng lĩnh và bộ trưởng quốc phòng đến mức thấp. Những tin đồn lan truyền rằng các Tổng Tham mưu trưởng Liên quân đang lên kế hoạch từ chức đồng loạt.⁵⁵⁰ Các tướng lĩnh đã không từ chức, nhưng họ đã đưa ra một lời bác bỏ gay gắt đối với tuyên bố của McNamara rằng duy trì sự ủng hộ của công chúng đòi hỏi phải từ chối việc tăng quân và gọi dự bị. «Các Tổng Tham mưu trưởng Liên quân tin tưởng chắc chắn rằng người dân Mỹ, khi được thông tin đầy đủ về những vấn đề đang bị đe dọa, mong đợi Chính phủ của họ thực hiện các cam kết», các Tổng Tham mưu trưởng viết. «Lịch sử cho thấy rằng đến lượt mình, họ sẽ ủng hộ Chính phủ của họ trong những hành động cần thiết.» Họ lưu ý rằng lựa chọn của McNamara có thể ít gây chỉ trích từ công chúng Mỹ trong ngắn hạn, nhưng về lâu dài nó sẽ tạo ra nhiều vấn đề hơn vì người dân sẽ trở nên vỡ mộng với tốc độ tiến triển chậm chạp.⁵⁵¹

Cổ vấn An ninh Quốc gia Walt Rostow tán thành các kiến nghị của các Tổng Tham mưu trưởng Liên quân về việc tăng thêm quân và gọi dự bị, nói với tổng thống rằng «không điều gì ngài có thể làm sẽ gây ấn tượng mạnh hơn đối với Hà Nội rằng trò chơi đã kết thúc.» Rostow tuyên bố, nếu tổng thống đưa thêm cho Westmoreland hai trăm nghìn người nữa, «Chúng ta có thể sẽ không bao giờ phải sử dụng 200.000 người đó - cũng như chúng ta đã không bao giờ phải tiến hành cuộc tấn công lớn năm 1919 hoặc thực sự xâm lược Nhật Bản vào cuối năm 1945.»⁵⁵²

Johnson im lặng xem xét các quan điểm đối lập. Ông sẽ đợi đến mùa hè mới quyết định về mức trần quân số và lực lượng dự bị.

Bên kia sông Potomac từ Lầu Năm Góc, tại Foggy Bottom (Trụ sở Bộ Ngoại giao), các nhà lãnh đạo Bộ Ngoại giao vào thời điểm này đang bận tâm đến một phần khác của vấn đề Việt Nam, đó là việc hồi sinh chính phủ Nam Việt Nam. «Nếu chúng ta có thể có được một cấu trúc chính trị GVN (Chính phủ Việt Nam Cộng hòa) tương đối vững chắc và hiệu suất làm việc của GVN ở mọi cấp», William Bundy viết vào cuối tháng Năm, «những xu hướng thuận lợi có thể trở nên thực sự rõ rệt trong vòng 18 tháng tới, cuộc chiến trên thực tế sẽ

thắng ở một thời điểm nào đó, và hòa bình đạt được sẽ được bảo đảm.» Không có những kết quả này, «không một nỗ lực nào của Hoa Kỳ sẽ đạt được mục tiêu cơ bản của chúng ta ở Nam Việt Nam.» Theo quan điểm của Bundy và các nhà lãnh đạo Bộ Ngoại giao khác, sự trẻ hóa của người Nam Việt Nam phụ thuộc vào cuộc bầu cử tổng thống sắp tới của họ, dự kiến vào đầu tháng Chín.⁵⁵³

Bảo vệ lợi ích của Mỹ trong các cuộc bầu cử Nam Việt Nam sẽ là nhiệm vụ của người vừa thay thế Henry Cabot Lodge làm đại sứ Hoa Kỳ, đại sứ Ellsworth Bunker. Giống như Lodge, Bunker là một quý tộc cao lớn, tóc bạc từ giới tinh hoa Protestant (Tin Lành) đông bắc. Ông có thể truy nguyên tổ tiên của mình qua nhiều thế hệ thủy thủ Nantucket đến George Bunker, người đã đặt chân đến Boston năm 1634. Là thành viên khóa 1916 của Yale, ông đã chèo thuyền trong đội tuyển chèo với hai người khổng lồ khác trong tương lai của nền ngoại giao Mỹ, Dean Acheson và Averell Harriman. Sau khi tốt nghiệp Yale, Bunker làm việc cho công việc kinh doanh của cha mình, Công ty Lọc đường Quốc gia (National Sugar Refining Company), nơi ông đã trải qua mùa xuân và mùa hè của sự nghiệp.

Đầu năm 1951, suy nghĩ của Bunker đang hướng đến một cuộc nghỉ hưu thanh lịch thì Acheson, lúc đó là ngoại trưởng, đề nghị ông phục vụ với tư cách là đại sứ của Harry Truman tại Argentina. Bunker đồng ý rời công ty và nhận chức đại sứ, và ông phục vụ chính quyền Truman tốt đến mức chính quyền Eisenhower quyết định giữ ông lại. Dưới thời Eisenhower và sau đó dưới thời Kennedy và Johnson, Bunker lần lượt giữ các chức vụ đại sứ, trong thời gian đó ông thể hiện khả năng ảnh hưởng người nước ngoài và giải quyết tranh chấp một cách kỳ lạ. Bunker tạo điều kiện chấm dứt mối thù truyền kiếp giữa Hà Lan và Indonesia về Tây New Guinea và giúp các phe phái cạnh tranh ở Cộng hòa Dominicana thành lập một chính phủ mới sau vụ ám sát Rafael Trujillo. Những màn trình diễn tài năng ngoại giao xuất chúng của ông đã khiến ông trở thành ứng cử viên hấp dẫn nhất cho chức vụ đại sứ quan trọng nhất thế giới.

Mặc dù Bunker đã bảy mươi ba tuổi khi Lyndon Johnson bổ nhiệm ông làm đại sứ tại Nam Việt Nam, ông sở hữu năng lượng và vẻ ngoài của một người đàn ông trẻ hơn vài thập kỷ. Cao sáu foot hai (khoảng 1,88m), ông di chuyển uyển chuyển với dáng vẻ thể thao và đẳng cấp hoàng gia. Một nhà báo nhận xét rằng vào thời điểm ông lên đường đến Việt Nam, Bunker

có «vẻ như đã tắm mỗi ngày trong đời bằng nước suối lạnh.»⁵⁵⁴

Nghiêm túc và kín đáo trong tính cách, Bunker thích công việc hơn là việc chiêu đãi các nhân vật nước ngoài và các quan chức Mỹ đến thăm. Tại Sài Gòn, ông làm việc bảy ngày một tuần, thỉnh thoảng mới nghỉ ngơi để đọc sách - tác giả yêu thích của ông là Robert Conrad - hoặc xem phim về đội bóng bầu dục Yale. Mặc dù có sự thân thiện với sự cô độc, tuy nhiên, Bunker toát lên sự ấm áp và duyên dáng cá nhân. Tính khí của ông ngay lập tức nhận được lời khen ngợi từ nhân viên đại sứ quán và các nhà ngoại giao nước ngoài, những người thấy ông là một sự tương phản mới mẻ so với người tiền nhiệm kiêu ngạo của ông.

«Ông ấy toát lên một vẻ bí ẩn khó lường, một tầm khiên phẩm giá đã ngay lập tức đánh dấu ông là một quý tộc», một quan chức Nam Việt Nam nhận xét, nhớ lại ấn tượng đầu tiên về Bunker. «Chẳng bao lâu sau, thái độ điềm tĩnh đó đã mang lại cho ông biệt danh Ông Già Tủ Lạnh (Old Man Refrigerator) trong số người Việt.» Tuy nhiên, theo thời gian, người Nam Việt Nam nhận ra rằng họ «có ở Bunker một người bạn tận tâm, người có thái độ xa cách che giấu trái tim ấm áp của mình.»⁵⁵⁵

Ngay trước khi Lodge rời đi, vị đại sứ sắp mãn nhiệm đã đánh giá Thiệu là ứng cử viên khả dụng tốt nhất cho chức tổng thống. Lodge đã tuyên bố, trong vai trò hiện tại là nguyên thủ quốc gia, Thiệu «đã nổi bật, nhưng đang hoang, điều mà người Việt Nam coi trọng, đồng thời tránh kết nối công khai với các vấn đề gây tranh cãi.»⁵⁵⁶ Đánh giá này phản ánh sự hiểu biết về chính trị và văn hóa Việt Nam mà đáng tiếc là đã thiếu vắng bốn năm trước đó khi Lodge chủ mưu cuộc đảo chính thảm khốc chống lại Ngô Đình Diệm.

Bunker có đầu óc sáng suốt và cởi mở hơn Lodge, nhưng ông cũng đến đất nước này mà không đánh giá đầy đủ các đặc điểm văn hóa đặc thù của Việt Nam, chẳng hạn như tầm quan trọng đặc biệt được gán cho phẩm giá và uy tín. Trong cái nhìn đầu tiên của Bunker, Thiệu có vẻ ít hứa hẹn hơn Kỳ như một ứng cử viên tổng thống vì Thiệu không thể hiện vẻ ngoài hoặc hành vi của một chính trị gia phương Tây. Một trong những bức điện đầu tiên của Bunker từ Sài Gòn nói rằng Thiệu có khả năng sẽ đứng ngoài cuộc đua tổng thống vì ông «không phải là kiểu người thích sự tranh cãi công khai gay gắt của một chiến dịch tranh cử. Trong suốt nhiệm kỳ nguyên thủ quốc gia của mình, ông vẫn luôn ở trong hậu trường, để ánh đèn sân khấu cho Kỳ.»⁵⁵⁷

Tuy nhiên, ý kiến của Bunker về Kỳ sớm bắt đầu xấu đi, do những cáo buộc rằng các tay chân của Kỳ đang làm suy yếu Thiệu thông qua hối lộ, vu khống, đe dọa và kiểm duyệt. Người tổ chức chính của những trò bẩn thỉu được cho là Tướng Nguyễn Ngọc Loan, người đứng đầu Cảnh sát Quốc gia và Cơ quan An ninh Quân đội. Vào ngày 30 tháng 5, Bunker đã răn đe Kỳ tránh «các hành vi đàn áp và sử dụng kiểm duyệt báo chí bừa bãi» vì «điều cần thiết là cuộc bầu cử phải được tiến hành công bằng và một cách trung thực.» Bunker cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải duy trì sự đoàn kết trong lực lượng vũ trang trong trường hợp cả ông và Thiệu đều tranh cử tổng thống. Kỳ trả lời, «Đừng lo. Tôi biết cách xử lý tình huống. Nó giống như một bộ phim miền Tây, rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi.» Trong báo cáo của Bunker về cuộc trò chuyện, ông bình luận rằng «tôi hy vọng anh ta đứng và cái kết có hậu của bộ phim miền Tây mà anh ta hình dung sẽ không được đi trước bởi cảnh bắn súng vốn là một phần bình thường của mọi phim miền Tây.»⁵⁵⁸

Cảnh báo của Bunker không chấm dứt được những âm mưu gian trá. Những thuộc hạ của Kỳ được cho là đã cố gắng ép buộc Thiệu rút khỏi cuộc đua bằng cách đe dọa tính mạng ông. Trong một thông điệp gửi tới Rusk thông qua kênh CIA, Bunker than thở về «những thủ

thuật gian lận bầu cử khá trắng trợn của Tướng Loan», điều mà «được biết đến rộng rãi đến mức, chừng nào ông ta còn ở vị trí hiện tại, kết quả của cuộc bầu cử tháng Chín sẽ vẫn còn nghi ngờ bất kể cuối cùng nó có thể được tiến hành tốt đến đâu.»⁵⁵⁹

Giải pháp của Bunker vào thời điểm này là cải cách Kỳ, điều mà ông biện minh bằng lập luận rằng Kỳ «gần như chắc chắn sẽ thắng, cho dù bằng các biện pháp thích hợp hay không thích hợp», và «nhìn chung là ứng cử viên khả dụng tốt nhất, mặc dù không hẳn là một gói giải thưởng.» Bunker đề xuất với Nhà Trắng rằng Hoa Kỳ nên nói nhỏ với Kỳ rằng họ sẽ ủng hộ ông trong cuộc đua tổng thống và tài trợ cho chiến dịch tranh cử của ông với điều kiện ông phải loại bỏ Tướng Loan. Bunker yêu cầu Bộ Ngoại giao khảo sát khả năng thay thế Loan bằng cách gửi ông ta đi đào tạo quân sự tại Hoa Kỳ. Ngoài ra, Bunker đề nghị xem xét «các biện pháp mà chúng ta có thể thực hiện để gây áp lực hậu trường lên Thiệu để rút khỏi cuộc đua Tổng thống.»

Đề xuất này vướng cạn ngay khi đến Washington. Các quan chức Nhà Trắng phản đối rằng nếu Hoa Kỳ đứng về phía Kỳ, chắc chắn tin tức sẽ lan ra, điều này sẽ làm suy yếu tính hợp pháp của cuộc bầu cử và làm xa lánh Thiệu, người khó có thể rút lui ngay cả dưới áp

lực. Một nỗ lực nhằm loại bỏ Loan có thể kích động ông ta thực hiện một cuộc đảo chính, và nếu không kích động được ông ta, Kỳ còn có những tên côn đồ khác ngoài Loan có thể tiếp tục thao túng quá trình bầu cử. Vào ngày 20 tháng 6, Bộ Ngoại giao thông báo cho Bunker rằng Hoa Kỳ sẽ thúc giục Kỳ kiểm soát Loan nhưng sẽ không đứng về phía Kỳ hoặc bất kỳ ứng cử viên nào khác.⁵⁶⁰

Mười ngày sau, mà không có bất kỳ sự thúc giục rõ ràng nào từ Hoa Kỳ, một nhóm các tướng lĩnh hàng đầu của Nam Việt Nam đã cố gắng thuyết phục Thiệu rút khỏi cuộc đua tổng thống. Trong một căn phòng đầy khói thuốc, với sự có mặt của Thiệu và Kỳ, các tướng lĩnh hứa với Thiệu các chức vụ cả bộ trưởng quốc phòng và chủ tịch Tổng Tham mưu trưởng Liên quân để đổi lấy sự hợp tác của ông. Thiệu từ chối rút lui, nói rằng nếu cần thiết ông sẽ từ chức khỏi quân đội và tranh cử tổng thống với tư cách là một thường dân. Một số tướng lĩnh phản ứng rằng việc có hai tướng trong cuộc đua tổng thống sẽ phá hỏng sự đoàn kết của lực lượng vũ trang. Đa số sau đó yêu cầu Thiệu và Kỳ cùng tranh cử trên một liên danh và thề rằng việc từ chối chấp nhận giải pháp này sẽ khiến tất cả các tướng lĩnh từ chức. Mối đe dọa đó đã buộc Thiệu và Kỳ phải hứa sẽ cùng nhau tranh cử.

Sau đó đến câu hỏi hóc búa về việc ai sẽ đứng đầu liên danh. Cả Thiệu và Kỳ đều không tình nguyện nhận vị trí số hai. Do đó, các tướng lĩnh quyết định tuân theo nghi thức quân sự và dựa vào cấp bậc. Thiệu giữ ba sao so với hai sao của Kỳ, và do đó Thiệu sẽ tranh cử làm tổng thống và Kỳ làm phó tổng thống. Để xoa dịu Kỳ, các tướng lĩnh hứa rằng ông sẽ được chọn các thành viên nội các và kiểm soát lực lượng vũ trang.⁵⁶¹

Sau cuộc họp, Kỳ và một số người ủng hộ ông cho rằng sự sắp xếp này đặt tất cả quyền lực thực sự vào tay Kỳ, để lại cho Thiệu chỉ là một bù nhìn. Nhưng những người khác có mặt trong căn phòng đầy khói thuốc không có chung ấn tượng đó. Theo phiên bản của họ về sự kiện, cuộc họp đã không dẫn đến một sự phân định rõ ràng về thẩm quyền của tổng thống và phó tổng thống. Nhiều người trong chính trại của Kỳ không hài lòng với kết quả vì nó dường như trao cho Thiệu vị trí có nhiều uy tín và quyền lực nhất.⁵⁶² Liệu cuối cùng Kỳ hay Thiệu sẽ trở thành nhà lãnh đạo thực tế của quốc gia vẫn chưa được giải quyết.

Khi cuộc bầu cử đến gần và Bunker tìm hiểu thêm về Nam Việt Nam, ông trở nên ám áp hơn với Thiệu. Trong một bức điện gửi Washington, đề ngày 23 tháng 8, vị đại sứ mới báo cáo, «Tôi nghĩ Thiệu đã tạo ấn tượng tốt

trong chiến dịch này. Ông ấy đã cư xử với phẩm giá, sự kiềm chế và khiêm tốn và đã không phản ứng lại những chỉ trích của các ứng cử viên khác. Trong các chuyến tham quan vùng nông thôn và trong các cuộc tiếp xúc với báo chí, ông ấy khá nhất quán trong việc những nhận xét mang tính xây dựng, phản ánh một cách tiếp cận tỉnh táo và chín chắn đối với quá trình phát triển của tiến trình hiến pháp.»⁵⁶³

Trong khi Bunker theo dõi tình hình chính trị ở Sài Gòn, Westmoreland thì tập trung vào Quân đoàn I, nơi ông ta dự đoán quân Bắc Việt sẽ mở đợt tấn công lớn nhất trong mùa hè. Tình báo Mỹ chỉ ra rằng phần lớn lực lượng Quân đội Bắc Việt đang ở trong hoặc gần Quân đoàn I, với ba sư đoàn ở DMZ, hai ở các tỉnh cực bắc của Nam Việt Nam, và hai ở phía nam Quân đoàn I. Để duy trì thế chủ động, Westmoreland bắt đầu một cuộc tấn công lớn của riêng mình trước khi quân Bắc Việt có thể bắt đầu cuộc tấn công của họ.⁵⁶⁴

Lực lượng Bắc Việt ở Quân đoàn I giữ khoảng cách với các hoạt động ban đầu của Mỹ, cho thấy mức độ sẵn sàng chiến đấu thấp hơn so với dự đoán của Westmoreland. Đòn phản kích lớn đầu tiên của họ không đến từ bộ binh mà từ pháo binh trong DMZ. Vào cuối tháng Sáu, các khẩu pháo Bắc Việt tái khai hỏa bắn

phá Cồn Tiên, chấm dứt thời gian tạm nghỉ mà Thủy quân lục chiến đã giành được bằng cách vượt qua DMZ trong Chiến dịch Hickory. Để ngăn người Mỹ xác định vị trí chính xác của pháo binh, quân Bắc Việt định kỳ di chuyển vũ khí của họ quanh DMZ.

Lần này, Westmoreland không thể xin được phép của Nhà Trắng để đưa quân vào DMZ nhằm chấm dứt những hành động gây rối của Bắc Việt. Các sĩ quan và hạ sĩ quan Thủy quân lục chiến tại Cồn Tiên mỗi sáng đi vòng quanh để trò chuyện, động viên tinh thần cho những lính chiến trẻ mười tám, mười chín tuổi, những người đang tuyệt vọng vì không thể đánh trả kẻ thù. Bản thân Westmoreland cũng bay vào căn cứ bằng trực thăng để nói chuyện cổ vũ. Trong khi ông thị sát căn cứ, một Thủy quân lục chiến nói với ông, «Thưa Thiếu tướng, hôm qua tôi đã mất người bạn thân nhất vì đạn pháo bắn tới, tại sao chúng ta không thể vào DMZ để truy đuổi những tên khốn đó ?» Westmoreland trả lời, «Này con trai, ta ước gì chúng ta có thể, nhưng tình hình chính trị lúc này là chúng ta không thể vi phạm DMZ.»⁵⁶⁵

Khi thương vong của Thủy quân lục chiến tăng lên, một số sĩ quan Thủy quân lục chiến đề nghị rút đồn trú tại Cồn Tiên về các vị trí xa hơn DMZ, nằm ngoài

tầm bắn của các khẩu pháo howitzer của Bắc Việt. Westmoreland bác bỏ lựa chọn đó. Ông ta tin rằng, quân Bắc Việt sẽ phản ứng lại việc bỏ rơi tiền đồn bằng cách di chuyển pháo binh đến Cồn Tiên và các điểm xa hơn về phía nam, cho phép họ bắn phá các căn cứ nằm gần các khu vực đông dân cư hơn.⁵⁶⁶

Đến đầu tháng Bảy, cả Westmoreland lẫn Thủy quân lục chiến đều không thể chịu đựng được tình trạng hiện tại thêm nữa. Nếu họ không thể vào DMZ, ít nhất họ cũng có thể thăm dò các khu vực gần DMZ để tìm lực lượng địch. Bằng cách hoạt động trên thực địa và liên tục di chuyển, Thủy quân lục chiến sẽ khó bị pháo binh Bắc Việt nhắm làm mục tiêu hơn. Vào ngày 2 tháng Bảy, trong chiến dịch có tên là Operation Buffalo (Chiến dịch Trâu), Thủy quân lục chiến hành quân ra khỏi cồng Cồn Tiên và tiến về phía bắc.

Vào ngày đầu tiên của chiến dịch, một đại đội Thủy quân lục chiến Mỹ đã lọt vào một trận phục kích lớn. Hai tiểu đoàn Bắc Việt đã bày binh bố trận trên một con đường mòn rộng tám foot (khoảng 2,4 m) có hai bên là những hàng rào cây. Để đánh lừa đại đội Mỹ nghĩ rằng họ có ưu thế về số lượng, ban đầu chỉ có vài người lính Bắc Việt nổ súng. Khi Thủy quân lục chiến cố gắng bao vây sườn quân Bắc Việt, họ chạm trán với những tập

trung lớn binh lính địch, những người này giữ chân họ tại chỗ trong khi các bộ binh Bắc Việt khác tấn công vào sườn của Thủy quân lục chiến. Súng phun lửa của Bắc Việt đốt cháy các hàng rào cây, buộc lính Thủy quân lục chiến phải chạy ra những khoảng trống, nơi họ trở thành mục tiêu dễ dàng cho súng trường và súng máy. Quân Bắc Việt bắn pháo hạng trung và rocket 122 mm để yểm trợ cho bộ binh của họ, đây là lần đầu tiên họ làm điều này trong chiến tranh.

Hỏa lực Bắc Việt đã giết chết chỉ huy đại đội Mỹ, Đại úy

Sterling K. Coates, đặt đại đội dưới quyền chỉ huy của nhân viên điều khiển không lực tiền phương, Đại úy Warren Keneipp. Vốn là một phi công tiêm kích, Keneipp mới tham gia đại đội Thủy quân lục chiến chỉ hai tuần trước và được lên kế hoạch ở lại đơn vị chỉ vài ngày nữa trước khi được điều chuyển sang chương trình phi hành gia của NASA. Keneipp không thể thiết lập liên lạc vô tuyến với hai trung đội. Trong lần liên lạc cuối cùng với sở chỉ huy tại Cồn Tiên trước khi chết, Keneipp nói, «Tôi không nghĩ mình sẽ lại nói chuyện với các anh nữa. Chúng tôi đang bị tràn ngập.»⁵⁶⁷

Các tổ hỏa lực nhỏ, rải rác của Thủy quân lục chiến tiếp tục cầm cự. Các đại đội bạn từ Tiểu đoàn 1, Thủy quân lục chiến 9 và một số xe tăng đã đến hỗ trợ đại đội bị thiệt hại nặng, giúp nó thoát khỏi sự tiêu diệt hoàn toàn. Khi lực lượng ứng cứu bắt đầu sơ tán thương vong, pháo binh và súng cối của Bắc Việt bám theo lộ trình của họ, bắn trúng các nhân viên cứu thương, người khiêng cáng, và những người bị thương trước đó. Tiểu đoàn 3, Thủy quân lục chiến 9 đến vào cuối buổi chiều và tấn công vào sườn quân Bắc Việt lúc chập tối, điều này khiến quân Bắc Việt rút lui.

Tổng tổn thất Tiểu đoàn 1, Thủy quân lục chiến 9 phải chịu trong ngày hôm đó là 84 người chết, 190 người bị thương và 9 người mất tích. Các đội thu hồi thương vong của Mỹ phát hiện ra rằng một số lượng đáng kể lính Thủy quân lục chiến đã bị giết ở cự ly rất gần. Một số không thể tự vệ vì đã bị thương, trong khi những người khác bị hạ gục vì súng trường M - 16 của họ - một loại vũ khí mà Thủy quân lục chiến chỉ mới bắt đầu trang bị gần đây - đã bị kẹt đạn. Những khẩu M - 16 đầu tiên mắc một số lỗi thiết kế, vấn đề sẽ được khắc phục vài tháng sau đó bằng cách thêm buồng đạn mạ crom và giảm tốc độ bắn.⁵⁶⁸ Người Mỹ cũng nhìn thấy rằng quân Bắc Việt đã cắt bộ phận sinh dục của một số xác chết lính Mỹ và nhét chúng vào miệng những người

lính đó.

Một trong những Thủy quân lục chiến chứng kiến những thi thể bị cắt xéo là Hạ sĩ David J. Gomez. «Tôi chưa bao giờ thấy nhiều người sẵn sàng đá đít ai đó đến thế», ông nhớ lại. «Chúng tôi muốn chiến đấu. Chúng tôi muốn trả thù. Chúng tôi muốn chứng minh cho NVA (Quân Bắc Việt) thấy rằng chúng mày không thể làm thế rồi bỏ đi được. Tôi không thể tin rằng con người lại có thể làm điều đó với những con người khác, và tôi không thể tin - mặc dù tôi đã làm - rằng bạn có thể trở thành một con thú đến mức nào một khi bạn đã chứng kiến điều như vậy, một khi bạn đã thấy những gì chúng làm với anh em của bạn. Sự phẫn nộ đó trở thành quyết tâm trở thành lính Thủy quân lục chiến chiến đấu giỏi nhất, và khi có cơ hội bạn sẽ làm y chang những gì chúng làm với bạn cho chúng.»⁵⁶⁹

Chiến dịch Buffalo vẫn tiếp tục bất chấp khởi đầu không mấy tốt đẹp và bất chấp sự bất mãn mà thảm họa ban đầu đã gây ra trong hàng ngũ Thủy quân lục chiến, những người nghi ngờ rằng điều đó lẽ ra có thể tránh được nếu Washington cho phép họ bắn trả vào DMZ. Trong những ngày tiếp theo, bảy tiểu đoàn Mỹ thỉnh thoảng giao tranh với lực lượng Bắc Việt gần DMZ, cả hai bên đều sử dụng rộng rãi pháo binh. Máy bay Mỹ

phát hiện một số nơi tập trung quân lớn của Bắc Việt ở nơi trống trải, những nơi này bị trừng phạt bởi những đòn đánh của pháo binh và không lực Mỹ. Trong hai dịp, một nhóm trinh sát Thủy quân lục chiến đã gọi pháo binh bắn vào những đơn vị Bắc Việt không hay biết, dẫn đến 152 cái chết. Tổng số tổn thất của Bắc Việt được báo cáo trong Chiến dịch Buffalo là 1.290 người chết, trong khi tổn thất của Thủy quân lục chiến là 159 người chết và 345 người bị thương. Một nửa số thương vong của Thủy quân lục chiến là do pháo binh Bắc Việt gây ra.⁵⁷⁰

Trong tháng Bảy, các máy ủi của Mỹ bắt đầu dọn một dải đất rộng sáu trăm mét gần DMZ cho phần phía đông của hàng rào McNamara. Đến cuối tháng, dải đất này kéo dài từ bờ biển vào sâu trong đất liền mười ba kilômét. Kế hoạch chính thức yêu cầu hoàn thành giai đoạn đầu tiên, bao gồm bốn điểm chốt và ba khu vực căn cứ tiểu đoàn, muộn nhất là ngày 1 tháng Mười Một. Giai đoạn hai, sẽ thiết lập các điểm chốt phía tây Cồn Tiên để chặn sự thâm nhập qua các vùng núi phía tây Quảng Trị, sẽ được hoàn thành sau mùa mưa, vào tháng 7 năm 1968.⁵⁷¹

Tại Quân đoàn III, Westmoreland đã dự kiến rằng sự bắt đầu của gió mùa tây nam sẽ khiến chiến sự giảm bớt trong mùa hè. Tuy nhiên, quân Bắc Việt lại chọn tập trung phần lớn hoạt động chiến đấu trong mùa hè vào Quân đoàn III, với các sư đoàn 7 và 9 một lần nữa cố gắng gây thương vong nặng nề cho Sư đoàn Bộ binh 1 Mỹ ở phía bắc Sài Gòn. Mặc dù thời tiết mùa mưa làm phức tạp hậu cần của Bắc Việt, những cơn mưa như trút không dứt và trần mây thấp cũng cản trở các hoạt động không quân của Mỹ. Quân Bắc Việt sử dụng chiến thuật thông thường là tấn công các phân đội nhỏ của Mỹ ở cự ly gần để giành ưu thế về số lượng và ngăn chặn việc sử dụng pháo binh và không kích của Mỹ. Trong gần như mọi trường hợp, nỗ lực của họ kết thúc với những tổn thất của Bắc Việt vượt xa tổn thất của Mỹ.⁵⁷²

Quân Bắc Việt cũng thực hiện một số cuộc tấn công lớn vào các đồn bót của Nam Việt Nam ở phía bắc Sài Gòn. Vào ngày 11 tháng Bảy, Trung đoàn 141 thuộc Sư đoàn 7 tấn công Tân Hưng, cách thủ phủ tỉnh An Lộc mười kilômét. Với kích thước 200 x 175 mét, trại này được một người Mỹ mô tả là «một sân bóng bầu dục cỡ lớn được cắt ra từ giữa một đồn điền cao su rộng lớn». Chặt ních bên trong chu vi Tân Hưng là một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 9 Quân đội Nam Việt Nam.

Đêm đó, các binh sĩ của Trung đoàn 141 NVA tiến đến các vị trí tập kết gần Tân Hưng. Một tấm chăn mây trút mưa xuống họ và che khuất mặt trăng, gây khó khăn cho việc định hướng trên những con đường mòn trong rừng xa lạ. Hơn nữa, vì trung đoàn đầy rẫy bệnh sốt rét, tất cả ngoại trừ những binh sĩ nhiễm bệnh nặng nhất đều phải tham gia chiến dịch, và do đó bệnh sốt rét làm suy giảm thị lực ban đêm của nhiều người có mặt. Một số tiểu đoàn mất liên lạc với sở chỉ huy trung đoàn và không đến kịp vị trí tấn công của họ đúng giờ. Chỉ huy trung đoàn phải lùi giờ bắt đầu lại ba lần khi chờ lực lượng của mình đến.

Trong khi các đơn vị tấn công của Bắc Việt đang tập trung tại các vị trí tập kết, một tuần tra của Nam Việt Nam đã phát hiện ra một trong số chúng. Đội tuần tra báo cáo với chỉ huy trại, người này đưa ra cảnh báo cho tất cả cấp dưới. Mọi người trong tiểu đoàn Nam Việt Nam sẽ thức tỉnh vào thời điểm cuộc bắn súng bắt đầu.

Lúc 02:15, lệnh tấn công của Bắc Việt cuối cùng cũng được ban ra. Những quả đạn cối bay vào trại, và bộ binh Bắc Việt ào ạt tấn công các phía bắc và đông. Quân Bắc Việt thâm nhập vào chu vi tại một số điểm, nhưng quân Nam Việt Nam điều quân tiếp viện đến để đẩy họ ra, và họ đã thành công trong việc tiêu diệt mọi binh sĩ Bắc

Việt nào lọt được vào trong. Theo một báo cáo của một cố vấn Mỹ, các chỉ huy đại đội Nam Việt Nam «đã xuất sắc và thể hiện sự chủ động lớn. Mỗi người lãnh đạo phản ứng nhanh chóng với mỗi điểm thâm nhập, thực hiện các cuộc phản công khi cần thiết mà không cần chờ chỉ dẫn.»

Quân Bắc Việt rút lui trước bình minh. Vào buổi sáng, những người chiến thắng Nam Việt Nam tìm thấy bảy mươi hai thi thể Bắc Việt bên trong chu vi của họ và bảy mươi hai thi thể nữa bên ngoài. Họ cũng bắt sống mười binh sĩ Bắc Việt. Về phía quân phòng thủ, mười chín người chết, bốn mươi bảy người bị thương và năm người mất tích.⁵⁷³

Tháng tiếp theo, một trung đoàn Bắc Việt khác tấn công trại CIDG Tổng Lê Chân trong Vùng C, một tiền đồn mà Lực lượng Đặc biệt Quân đội Mỹ đã thiết lập sau Chiến dịch Junction City để ngăn chặn kẻ thù quay trở lại. Các vấn đề thị lực do sốt rét một lần nữa làm chậm bước tiến của trung đoàn tấn công. «Các đội hình hành quân thường xuyên bị tách ra và chia cắt, và các binh sĩ phải nắm tay nhau để giữ liên lạc», một lịch sử Bắc Việt thuật lại. Trung đoàn cần gần như cả đêm để đến được vị trí tấn công của mình.

Sau một trận pháo kích chuẩn bị, các công binh Bắc Việt đã sử dụng mìn định hướng DH - 10 và ngư lôi Bangalore để phá thông qua các hàng rào dây thép gai và hàng rào quanh trại. Hàng trăm binh lính Bắc Việt ulla qua các khoảng trống. Các máy bay trực thăng vũ trang Mỹ đã đến kịp lúc để hạ gục đợt tấn công đầu tiên, nhưng đợt thứ hai đã tràn vào được một khu vực của trại. Hai mươi người trong số những người phòng thủ LLDBH (CIDG) đã giơ tay đầu hàng, chỉ để bị bắn chết. Trong khi phần còn lại của lực lượng đồn trú cố gắng ngăn chặn quân Bắc Việt, kho đạn của trại phát nổ, làm nhiều người ở cả hai bên thiệt mạng. Hỏa lực giảm dần khi những người sống sót choáng váng cố gắng xác định vị trí và chữa trị cho những người bị thương. Quân Bắc Việt tấn công thêm hai lần nữa trong đêm đó nhưng đều bị cản trở bởi hỏa lực súng máy và các cuộc không kích được sắp xếp hợp lý. Vào lúc bình minh, lực lượng đồn trú của trại phản công lại quân Bắc Việt, những người lúc đó đã bắt đầu rút lui. Quân Bắc Việt bỏ lại 152 xác chết và 60 vũ khí. Lực lượng đồn trú chịu 26 người chết và 87 người bị thương.⁵⁷⁴

Dưới ánh sáng ảm đạm của những thất bại vào mùa xuân và đầu mùa hè, các nhà lãnh đạo quân sự cấp cao Bắc Việt đã tổ chức một hội nghị khác tại Hà Nội để xem xét lại chiến lược của họ. Cục Tác chiến của Tổng

Tham mưu đưa ra một phân tích về tình hình quân sự thậm chí còn bi quan hơn so với phân tích được trình bày vào tháng Tư. «Ngoại trừ tiểu đoàn Mỹ mà quân ta tiêu diệt ở thung lũng Ia Đrăng vào tháng 11 năm 1965», cục này báo cáo, «quân ta đã không thể tiêu diệt hoàn toàn một đơn vị Mỹ nào khác, vì hỏa lực không quân và pháo binh của Mỹ quá mạnh, vì họ có tính cơ động cao, và vì các chỉ huy cấp chiến dịch của Mỹ thường không đi cùng đơn vị của họ trên mặt đất trong chiến đấu.»⁵⁷⁵

Một số nhà lãnh đạo Bắc Việt đề nghị quân đội tránh mọi cuộc tấn công quy mô lớn và chỉ tập trung vào chiến tranh du kích. Tướng Nguyễn Chí Thanh phản bác rằng việc chỉ dựa vào chiến tranh du kích sẽ làm lợi cho người Mỹ, những người có ý định phân tán các đơn vị chủ lực Cộng sản và giới hạn họ trong các hoạt động du kích. Ông nói, điều đó sẽ cho phép Hoa Kỳ «kết thúc chiến tranh bằng cách phát động các cuộc tấn công lớn, để bước vào thời kỳ bình định, dập tắt chiến tranh du kích và củng cố hậu phương.»⁵⁷⁶

Lê Duẩn đồng tình với Nguyễn Chí Thanh. Ông dồn sức ủng hộ cuộc tấn công liên tục ở miền Nam và cuộc tổng tiến công và nổi dậy quyết định vào tháng 1 năm 1968 mà ban lãnh đạo đảng đã phê chuẩn vào tháng Tư.

Ông khẳng định lực lượng Cộng sản sẽ chiến thắng bằng cách tấn công «kẻ thù ngay tại sào huyệt của chúng, trong các thành phố và tỉnh lỵ», nơi là «các trung tâm thần kinh của lực lượng địch.»

Trong các thành phố của Nam Việt Nam, Lê Duẩn nói, đảng giờ đây có một cơ hội tuyệt vời để vận động các công đoàn, trí thức, học sinh trung học và sinh viên đại học, và các nhóm tôn giáo. Việc giành chính quyền ở Hà Nội vào tháng 8 năm 1945 đã chứng minh làm thế nào một chiến thắng quyết định có thể đạt được nhanh chóng thông qua một cuộc nổi dậy của quần chúng. «Khi thảo luận về khả năng bùng nổ cách mạng», Lê Duẩn giải thích, «Lênin đã nói rằng cách mạng có thể bùng nổ ở bất cứ nơi nào mạng lưới của chủ nghĩa đế quốc yếu, và khi nó bùng nổ, cách mạng tự nó sẽ tiến lên với một lực lượng to lớn, một lực lượng đủ để chống lại và đánh bại bạo lực của quân đội kẻ thù.»⁵⁷⁷

Giáp phản đối rằng thời điểm cho các cuộc nổi dậy đô thị chưa đến. Ông lập luận rằng chỉ khi nào lực lượng vũ trang Mỹ và Nam Việt Nam bị suy yếu, thì quần chúng đô thị mới cùng với cách mạng lật đổ chính phủ. Ông đã không thuyết phục được các nhà lãnh đạo cấp cao khác.

Khi kết thúc, Đảng ủy Quân sự Trung ương tái khẳng định các kế hoạch chiến lược hiện tại. Các chỉ huy trưởng mặt trận được thông báo rằng các hoạt động quân sự quy mô lớn, với quy mô tiểu đoàn, sẽ tiếp tục trong phần còn lại của năm 1967. Để vạch ra chi tiết cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy sắp tới, ủy ban đã tổ chức một loạt cuộc họp. Giáp bị loại khỏi các cuộc họp này, có lẽ vì sự bi quan của ông.⁵⁷⁸

Tướng Thanh đã ở Hà Nội vào đầu tháng Bảy để chuẩn bị cho các hoạt động sắp tới thì đột ngột qua đời vì một cơn đau tim. Theo một phiên bản của phía Bắc Việt Nam, ông đã tiêu thụ quá nhiều rượu và bị lên cơn co giật tim trong bồn tắm, nơi ông qua đời.⁵⁷⁹ Một phiên bản khác cho rằng ông được đưa vội đến bệnh viện để cấp cứu và qua đời trên bàn mổ.⁵⁸⁰ Dù thế nào đi nữa, Bắc Việt Nam đã mất một chỉ huy chiến đấu có năng lực, mặc dù không phải là một nhà chiến lược giỏi lắm. Trách nhiệm thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy quyết định sau đó sẽ được giao phó cho Phạm Hùng, phó thủ tướng Bắc Việt, người đã vào Nam để đảm nhận hai chức vụ trước đây do Nguyễn Chí Thanh nắm giữ : Bí thư Đảng Cộng sản và Chính ủy Quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Việc Hà Nội xem xét lại chiến lược của mình trùng hợp với chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng McNamara đến Nam Việt Nam để thảo luận về chiến lược của Mỹ với Westmoreland. Các điểm chính trong chương trình nghị sự của McNamara là yêu cầu thêm quân của Westmoreland và tương lai của Chiến dịch Sấm Rền (Sấm Rền). Theo tướng Douglas Kinnard, người được Westmoreland giao nhiệm vụ thuyết phục McNamara về việc tăng quân, Westmoreland tin rằng chuyến thăm này là cơ hội cuối cùng của ông để có thêm lực lượng. Do đó, Kinnard kể lại, «một năng lượng không lồ đã được sử dụng để làm cho các bài báo cáo cho McNamara trở nên thuyết phục nhất có thể.»⁵⁸¹

Westmoreland và nhân viên của ông giải thích cho McNamara một cách chi tiết tỉ mỉ lý do tại sao cần thêm quân, nhấn mạnh việc thâm nhập gia tăng của Bắc Việt và hiệu suất yếu kém của lực lượng Nam Việt Nam trong bình định. Đô đốc Sharp và nhân viên của ông đã trình bày các lý lẽ ủng hộ việc mở rộng Chiến dịch Sấm Rền và rải mìn cảng Hải Phòng. Bất chấp chất lượng cao của các bài thuyết trình, McNamara tỏ ra đã quyết định chống lại các khuyến nghị của quân đội.⁵⁸²

«McNamara đã cố tình thể hiện sự thiếu quan tâm kiêu ngạo của mình đối với các bài thuyết trình», một sĩ quan quân đội chứng kiến các cuộc họp nhớ lại. «Trong phần lớn thời gian báo cáo, ông ta đọc hoặc làm việc trên các tài liệu trải ra trước mặt, và ông ta hầu như không hỏi gì những người báo cáo.»⁵⁸³ Sau khi Đô đốc Sharp trình bày một bài báo cáo, McNamara đã thể hiện sự khinh miệt của mình bằng cách hoàn toàn phớt lờ Sharp và chỉ nói chuyện với Westmoreland.⁵⁸⁴

Khi đến lúc McNamara chia sẻ suy nghĩ của riêng mình, ông thông báo với Westmoreland rằng không cần quá bốn mươi lăm nghìn quân bổ sung. Con số đó đã được cung cấp bởi một trong những chuyên gia phân tích số liệu hàng đầu của ông, Alain Enthoven. Một nhà kinh tế học ba mươi sáu tuổi có bằng Tiến sĩ từ Học viện Công nghệ Massachusetts, Enthoven là một Thần đồng xuất sắc, tin rằng phân tích định lượng là trung tâm của mọi tư duy chiến lược và do đó khả năng sắp xếp số liệu thống kê của ông chứng minh sự vượt trội trong những hiểu biết chiến lược của mình so với các chỉ huy ngoài chiến trường.

Theo tính toán của Enthoven, bốn mươi lăm nghìn là số quân tối đa có thể được cung cấp mà không cần gọi lực lượng dự bị.⁵⁸⁵ Ngoài ra, ông lập luận rằng một mức

tăng lớn hơn là không cần thiết vì so sánh quân số đồng minh và thương vong của địch ở các thời điểm khác nhau cho thấy «quy mô lực lượng chúng ta triển khai có ít ảnh hưởng đến tỷ lệ tiêu hao lực lượng địch.» Quân Bắc Việt đã cho thấy khả năng tránh né lực lượng Mỹ khi họ muốn, và do đó, tùy thuộc vào Hà Nội quyết định Bắc Việt sẽ chịu bao nhiêu thương vong.⁵⁸⁶ Enthoven cũng cho rằng việc gửi thêm quân Mỹ sẽ không cải thiện tình hình binh định, viện dẫn bằng chứng là sự sụt giảm số dân thường Nam Việt Nam sống trong các khu vực an toàn của Quân khu I trong năm 1966 bất chấp sự gia tăng đồng thời sự hiện diện của Thủy quân lục chiến Mỹ. Vì việc bổ sung quân Mỹ sẽ không giúp ích gì cho cả việc tiêu hao lực lượng lẫn binh định, nó sẽ chỉ làm giảm sự kiên nhẫn của công chúng Mỹ với cuộc chiến và làm người Nam Việt Nam nản lòng trong việc chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề của chính họ.⁵⁸⁷

Mặc dù nhấn mạnh vào lập luận định lượng, nhưng chính việc sử dụng số liệu thống kê của Enthoven cũng tốt nhất là gây hiểu lầm. Trên thực tế, có mối tương quan chặt chẽ giữa quy mô lực lượng Mỹ và sự tiêu hao lực lượng địch. Giữa nửa đầu năm 1966 và nửa đầu năm 1967, khoảng thời gian so sánh dài nhất có sẵn, lực lượng Mỹ đã tăng 83% về số lượng, và thương vong của địch đã tăng 85%.⁵⁸⁸

Phân tích của Enthoven cũng mắc phải sự thiếu hiểu biết về bối cảnh và tính phức tạp địa phương. Kẻ thù có thể và đã hạn chế thương vong bằng cách ẩn náu ở Lào và Campuchia hoặc các vùng xa xôi của Nam Việt Nam, nhưng nếu kẻ thù muốn ảnh hưởng đến các sự kiện ở Nam Việt Nam, họ phải ở gần các vùng đông dân của đất nước. Càng phải đối mặt với nhiều quân đồng minh ở những khu vực này, họ càng có khả năng đựng độ một tuần tra thù địch và do đó phải chiến đấu trong những điều kiện không do họ lựa chọn. Điểm này đã được xác minh bởi một phân tích sau đó của CIA về giai đoạn 1965 đến 1967, kết luận rằng số tiểu đoàn đồng minh càng lớn thì hiệu quả của mỗi tiểu đoàn trong việc gây thương vong cho kẻ thù càng cao.⁵⁸⁹

Những thiếu sót tương tự cũng được tìm thấy khi nói đến tác động của quân số Mỹ đối với bình định. Như Tướng DePuy đã nêu bật trong đánh giá tháng Tư của mình, sự gia tăng sự hiện diện của Mỹ gần các làng xã kẻ thù giữa năm 1965 đã làm giảm đáng kể sự kiểm soát của địch đối với các làng, trong khi việc rút lực lượng Mỹ khỏi các khu vực đông dân cư đã dẫn đến những thất bại trong bình định. Việc liên hệ mức độ quân Mỹ với những khó khăn trong bình định năm 1966 ở Quân khu I là bỏ qua thực tế là nhiều trong số những quân nhân đó đã được chuyển hướng từ các làng sang các

vùng nông thôn vì Hà Nội đã tràn ngập Quân khu I bằng các đơn vị quy ước.

Trong các cuộc họp với McNamara, Westmoreland cũng ủng hộ các cuộc đột kích của các đơn vị Nam Việt Nam, với quy mô tiểu đoàn hoặc lữ đoàn, vào các căn cứ địch ở Lào. Khuyến nghị này đã nhận được sự ủng hộ của Đại sứ Bunker. Bunker đã nhận thấy rằng các hoạt động trên bộ ở Lào là phương tiện khả thi duy nhất để ngăn chặn người Bắc Việt không ngừng đưa quân thay thế vào miền Nam để bù đắp tổn thất nặng nề.⁵⁹⁰

Đối với McNamara và các Whiz Kids của ông, Bunker theo nhiều cách là một đối thủ đáng gờm hơn Westmoreland. Trong khi các nhà trí thức quốc phòng của Lầu Năm Góc, với bằng cấp học thuật cao quý và phương pháp khoa học xã hội, được biết là chê bai Westmoreland và Sharp là những kẻ quê mùa thô lỗ với trí tuệ tầm thường, thì Bunker là hình mẫu tiêu biểu của giới tinh hoa Ivy League vùng Đông Bắc. Tuổi tác, sự giàu có và dòng dõi theo đạo Tin lành vùng Đông Bắc của ông đã đặt ông trên một bình diện xã hội mà một người Công giáo gốc Ireland năm mươi một tuổi xuất thân trung lưu như McNamara buộc phải ngược nhìn. Dù là do kính trọng Bunker hay vì động cơ nào khác, McNamara nói rằng ông sẽ đồng ý cho các hoạt động

của Quân đội Nam Việt Nam với quy mô tiểu đoàn bên trong Lào.⁵⁹¹

Tính chân thành của lời hứa đó sớm bị nghi ngờ, bởi vì nó sớm bị phá vỡ. McNamara không bao giờ tiết lộ liệu ông có ý định thất hứa ngay từ đầu, hay đã đổi ý để đáp lại sự phản đối sau đó từ Đại sứ Sullivan hoặc những người khác. Theo thông lệ, Sullivan đã lên tiếng phản đối ngay khi thoáng nghe thấy ý định đưa quân Nam Việt Nam vào Lào. Danh sách phản đối mới nhất của ông đối với biện pháp này bao gồm dự đoán rằng lực lượng Nam Việt Nam sẽ bị tiêu diệt ở Lào, và dự đoán rằng người Bắc Việt sẽ kiểm soát toàn bộ thung lũng sông Mê Kông.⁵⁹²

Sullivan đang đề xuất rằng việc xâm nhập qua Lào có thể bị ngăn chặn bằng hai chương trình bí mật đã cho thấy triển vọng trong giai đoạn thử nghiệm : Popeye và Co mmando Lava. Theo chương trình Popeye, máy bay Mỹ phun hóa chất vào các đám mây để gây mưa lớn. Các máy bay được giao nhiệm vụ cho Co mmando Lava thả hóa chất xuống các tuyến đường di chuyển của đối phương, các hóa chất này phản ứng hóa học dưới mưa đến mức đất biến thành một lớp bùn loãng, sền sệt đến nỗi không thể cho xe cộ di chuyển được. Theo Sullivan, những chương trình này, cùng với hàng rào điện tử và

ném bom của McNamara, có thể «khiến việc di chuyển của địch qua dãy núi Trường Sơn gần như là không thể.» Thỏa thích với một trong những lời văn hoa mỹ đáng nhớ nhất của mình, Sullivan đã nói đùa, «Tóm lại, phản ứng chelate có thể chứng tỏ tốt hơn leo thang. Hãy tạo bùn, chứ không gây chiến !» ⁵⁹³

Gợi ý về ảnh hưởng của Sullivan trong việc thuyết phục McNamara gác lại các kế hoạch cho các hoạt động của Nam Việt Nam tiến vào Lào là vai trò của ông, vài tuần sau chuyến đi của McNamara, trong việc bác bỏ một đề xuất từ trụ sở của Đô đốc Sharp nhằm đưa quân mặt đất Mỹ vào Lào. Việc đưa lực lượng Hoa Kỳ vào Lào, Sullivan phản đối trong một bức điện gửi Bộ Ngoại giao, sẽ làm mất lòng người Soviet, điều này sẽ là thảm họa vì áp lực ngoại giao của Soviet lên Hà Nội là phương tiện duy nhất để đưa cuộc chiến đến một kết thúc chấp nhận được. ⁵⁹⁴ Trong một bức điện khác, Sullivan viết rằng sĩ quan đã đưa ra đề xuất «tốt hơn nên mang theo 200.000 quân Mỹ để ‘bình định’ khu vực mà hắn ta muốn chiếm đóng ở Lào và để phòng thủ nó trước các lực lượng Bắc Việt đang hoạt động chống lại nó với các tuyến hậu cần ngăn kiểu DMZ.» Sullivan nói thêm, «Tôi thất vọng vì những bức điện kiểu này được phép lưu chuyển trong các kênh chính thức và được phổ biến rộng rãi. Đó là kiểu việc khiến cho cần

sa (marijuana) có được danh tiếng tốt.»⁵⁹⁵

McNamara trở về Washington từ Sài Gòn vào ngày 12 tháng 7, mà chẳng đạt được gì nhiều ngoài việc chứng minh, một cách khá không thuyết phục, rằng ông muốn xem xét quan điểm của các nhà lãnh đạo tại hiện trường trước khi đưa ra khuyến nghị của mình cho tổng thống. Không có thay đổi nào được thực hiện đối với chương trình ném bom. Quân số Mỹ sẽ được tăng thêm bằng số lượng mà McNamara đã nghĩ ra trước chuyến đi, 45.000, nâng tổng số lên 525.000.

Với thâm hụt ngân sách liên bang đã tăng vọt, Tổng thống Johnson quyết định tìm kiếm thêm nguồn thu từ thuế để trả cho số quân tăng thêm. Vào ngày 3 tháng 8, ông kêu gọi Quốc hội áp đặt một khoản phụ phí thuế 10 phần trăm. Các nhà bảo thủ phản đối việc tăng thuế với lý do rằng việc đánh thuế bổ sung sẽ làm giảm áp lực lên Johnson trong việc kiềm chế chi tiêu trong nước. Các nhà tự do phản đối vì họ cho rằng điều đó sẽ che chắn Johnson khỏi áp lực phải giảm bớt các cam kết của Mỹ ở Việt Nam.⁵⁹⁶

Cuộc tranh luận về thuế cũng làm gia tăng sự bất mãn chung với cách tiếp cận chiến tranh của Johnson. Các thượng nghị sĩ và dân biểu từ cả hai đảng đã nhân cơ hội này để công khai chất vấn tính hợp lệ của Nghị

quyết Vịnh Bắc Bộ và sự trung thực của chính quyền khi trình nghị quyết này lên Quốc hội. Lãnh đạo Thiểu số Hạ viện Gerald Ford của Michigan tuyên bố rằng Hoa Kỳ không cần thêm thuế hay thêm quân, mà thay vào đó cần dỡ bỏ các hạn chế đối với Chiến dịch Sấm Rền và tiến hành phong tỏa bằng hải quân đối với Hải Phòng.⁵⁹⁷

Trong mùa hè, Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ J. William Fulbright trở thành thành viên quốc hội nổi bật đầu tiên hoàn toàn chống lại cuộc chiến. Sự phản bội này đặc biệt gây nhục nhã cho Johnson vì Fulbright đã có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn thông qua Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ tại Quốc hội.⁵⁹⁸ Tại một cuộc họp vào ngày 25 tháng 7, Fulbright gây thêm xấu hổ bằng cách chế nhạo tổng thống trước mặt hầu hết các nhà lãnh đạo quốc hội.

«Thưa Tổng thống, điều ngài thực sự cần làm là chấm dứt chiến tranh», Fulbright quả trách. «Chiến tranh Việt Nam là một cuộc phiêu lưu vô vọng. Không ai thích nó.»

Johnson bùng nổ cơn thịnh nộ. «Bill, không phải ai cũng có điểm mù như ông đâu», ông đáp lại. «Ông nói đừng ném bom Bắc Việt Nam trong hầu hết mọi việc. Tôi không có giải pháp đơn giản như ông. Chúng ta vẫn

chưa khuất phục đợc Hồ. Mọi thứ đợc đề xuất với Hồ đều bị từ chối. Về việc ngừng ném bom Bắc Việt Nam, tôi sẽ không bảo những người lính của chúng ta ngoài chiến trường đặt tay phải ra sau lưng và chỉ chiến đấu bằng tay trái. Tướng Westmoreland đã nói với tôi khi ông ấy ở đây rằng việc ném bom là vũ khí tấn công của chúng ta. Và sẽ giống như trói tay phải của ông ấy lại sau lưng nếu chúng ta ngừng nó.» Nhắc đến Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ, Johnson nói, «Nếu các ông muốn tôi rút khỏi Việt Nam, thì các ông có đặc quyền thu hồi nghị quyết mà dựa vào đó chúng ta đang ở đó hiện nay. Các ông có thể bãi bỏ nó vào ngày mai. Các ông có thể bảo quân về nhà. Các ông có thể bảo Tướng Westmoreland rằng ông ấy không biết mình đang làm gì.» ⁵⁹⁹

Thực tế là sự phản đối quyết liệt nhất đối với sự hiện diện của Mỹ ở Việt Nam lại đến từ chính đảng của Johnson đã khiến tổng thống bức bối. Vào ngày 16 tháng 8, Lady Bird Johnson đã ghi trong nhật ký của mình, «Lyndon và tôi đã xem Thượng nghị sĩ John Tower đảng Cộng hòa và Thượng nghị sĩ Joe Clark đảng Dân chủ trên truyền hình - chương trình Today - nói về Việt Nam. Thật là một sự trớ trêu của số phận khi thấy Chính quyền - thậm chí là chúng ta - đợc giải thích, ủng hộ - vâng, thậm chí đợc bảo vệ - bởi John Tower, trong khi tên Dân chủ nóng máu Joe Clark công

kích chính sách của chính quyền với sự hằn học và cảm xúc.»⁶⁰⁰

Sự chia rẽ giữa giới tinh hoa tự do và những người Mỹ thuộc tầng lớp lao động, những người mà họ là những người bảo vệ bề ngoài, cũng ngày càng rõ rệt hơn. Những công nhân nhà máy, lái xe tải, lao động nông trại, công nhân bốc xếp và thợ mộc đã từng ào ạt tham gia lực lượng vũ trang Mỹ trong Thế chiến II vô cùng tự hào về nghĩa vụ quân sự của họ và về số lượng lớn con trai của họ hiện đang phục vụ ở Việt Nam. Những gia đình này, giống như nhiều gia đình Mỹ khác có con trai ở Việt Nam, có xu hướng xem sự phản đối chiến tranh của giới tinh hoa tự do là không yêu nước và có hại cho những người Mỹ đang chiến đấu trong chiến tranh. Đặc biệt xúc phạm đến họ là việc đốt thẻ quân dịch và phát cờ Việt Cộng của những thanh niên giàu có đã tìm cách trốn nghĩa vụ quân sự.

Người Mỹ thuộc tầng lớp lao động chiếm một phần lớn trong số những người tham gia một cuộc diễu hành lớn diễn ra tại Thành phố New York vào ngày 13 tháng 5. Cuộc diễu hành «Chúng tôi Ủng hộ Các Chàng trai của Chúng ta ở Việt Nam», như tên gọi của nó, đã nhận được sự ủng hộ và các đoàn người diễu hành đông đảo từ các nhóm cựu chiến binh, tổ chức tôn giáo và công

đoàn lao động mà thành phần chủ yếu là tầng lớp lao động. Trong số này có Liên đoàn Mỹ, Cựu chiến binh Chiến tranh Nước ngoài, Công đoàn Lái xe, Hiệp hội Công nhân Bốc xếp Quốc tế, Liên hiệp Hàng hải Quốc gia, Hiệp sĩ Columbus, và Sở Cảnh sát và Cứu hỏa Thành phố New York.⁶⁰¹

Mặc dù ban tổ chức cuộc diễu hành đã tuyên bố rằng sự kiện này không phải là sự ủng hộ cho bất kỳ chính sách cụ thể nào ở Việt Nam, một số nhà tổ chức thừa nhận rằng nó nhằm mục đích ảnh hưởng đến các sự kiện theo hướng có lợi cho Mỹ. «Chúng tôi muốn cho các chàng trai của chúng ta ở Việt Nam thấy rằng không phải tất cả người Mỹ đều là những kẻ gàn dở», Thomas W. Gleason, chủ tịch Hiệp hội Công nhân Bốc xếp Quốc tế, giải thích. «Hơn thế nữa, chúng tôi muốn cho Việt Cộng, Trung Quốc Đỏ và bất kỳ ai khác nghĩ rằng chúng ta mềm yếu và hèn nhát thấy rằng chúng ta không phải vậy.»⁶⁰²

Trong chín giờ, những người diễu hành với số lượng ở đâu đó giữa 70.000 và 140.000 người đã diễu hành xuống ba mươi bốn dãy nhà trên Đại lộ Fifth của New York. Những biểu ngữ họ mang theo cho thấy mong muốn sử dụng mạnh mẽ sức mạnh quân sự của Mỹ chống lại những người Cộng sản Việt Nam, hay «bọn

Đỏ» như nhiều người viết biểu ngữ gọi. Trong một báo cáo tin tức về sự kiện, Murray Schumach của tờ New York Times viết rằng «những khán giả nhiệt tình, thường đứng thành đám đông dày ba lớp, đã vỗ tay và reo hò dưới ánh nắng mặt trời hàng giờ trong khi các đoàn quân với cờ và cờ hiệu của họ cuốn đi, hát, hô vang, la hét.»⁶⁰³

Một nhà báo khác có mặt, Leroy F. Aarons của tờ Washington Post, lưu ý rằng nhiều người diễu hành có «bàn tay thô ráp và những bộ vest kẻ ô không hợp thời trang của người lao động.» Trong khi những người biểu tình tại các cuộc mít tinh hòa bình đã đưa cho Aarons vô số câu trả lời khi được hỏi cần phải làm gì đối với Việt Nam, thì những người biểu tình trong ngày hôm nay đều đưa cho ông về cơ bản cùng một câu trả lời. «Tôi sẽ ủng hộ các chàng trai của chúng ta ở đó», một người trả lời điển hình nói. «Tôi sẽ không đi đốt cờ và đốt thẻ quân dịch của mình. Tôi sẽ ném bom Hải Phòng và kết thúc toàn bộ chuyện quái quỷ đó.»⁶⁰⁴

Một nhóm mười tám người đàn ông và phụ nữ tự gọi mình là «Lữ đoàn Hoa» đã xuất hiện để phản đối chiến tranh. Do nhà hoạt động cấp tiến Abbie Hoffman dẫn đầu, họ thuộc về phong trào Quyền lực Hoa, một yếu tố hàng đầu của phản văn hóa đang nở rộ, mà những tâm

nhìn không tưởng của nó hứa hẹn sự giải phóng khỏi những sai lầm của các truyền thống chính trị và văn hóa Mỹ. Hoffman và những đứa trẻ Flower Children đồng hành của mình thông báo với những người tham dự cuộc diễu hành rằng họ ủng hộ quân nhân, chỉ không ủng hộ chiến tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên, ít nhất một số người nghe được thông tin này lại không có quan điểm cho rằng phản đối chiến tranh là tương thích với việc ủng hộ quân nhân. Những người diễu hành giật các biểu ngữ từ tay những đứa trẻ Flower Children và xé nát chúng. Những người khác xịt sơn vào họ. Cuối cùng, cảnh sát quyết định tốt nhất là hộ tống Hoffman và lũ đoàn của anh ta rời khỏi cuộc diễu hành.⁶⁰⁵

Tinh thần thượng vũ được thể hiện trong cuộc diễu hành đã khích lệ những con điều hâu trong chính quyền Johnson, nhưng sự khích lệ này bị pha trộn với những lo ngại rằng tinh thần đó có thể bị tan biến bởi sự phản đối ngày càng tăng đối với cuộc chiến từ các nhà báo, giáo sư và nghị sĩ tự do. Bốn ngày sau cuộc diễu hành «Chúng tôi Ủng hộ Các Chàng trai của Chúng ta ở Việt Nam», cố vấn chính trị Nhà Trắng James Rowe đã nêu rõ điểm này với Tổng thống Johnson. «Những người dân thường, dưới hình thức của American Legion, các công đoàn lao động, những thợ đóng nồi hơi và những người pha chế rượu, có thể diễu hành xuống Đại lộ Fifth

để ‘ủng hộ các chàng trai’ ở Việt Nam», Rowe nhận xét, nhưng «những ‘người tạo dư luận’ trên báo chí, trên các tạp chí và trong các trường đại học ngày càng tấn công chính sách Việt Nam.» Rowe cảnh báo tổng thống rằng «cuối cùng những ‘người tạo dư luận’ này có thể cải đạo được dân chúng, đặc biệt nếu không bị chống đối.»⁶⁰⁶ Lời cảnh báo này tỏ ra không hiệu quả hơn những lời cảnh báo trước đó trong việc thúc giục các quan chức chính quyền bác bỏ những con bò câu.

Và chính quyền cũng không đối phó hiệu quả với những chỉ trích từ phe điều hậu. Những chỉ trích đó sắp đạt đến đỉnh điểm nhờ vào Thượng nghị sĩ John Stennis. Một đảng viên Dân chủ bảo thủ từ Mississippi, Stennis là hiện thân của sự thiếu kiên nhẫn của các nhà bảo thủ trong cả hai đảng với chiến lược leo thang từng bước. Để gây áp lực buộc chính quyền dỡ bỏ những xiềng xích khỏi Sấm Rền, thượng nghị sĩ đã lên lịch các phiên điều trần về chiến dịch ném bom, bắt đầu vào ngày 9 tháng 8.

Các tác động bắt đầu được cảm nhận ngay cả trước khi các phiên điều trần bắt đầu. Vào ngày 8 tháng 8, McNamara đã báo cáo với Tổng thống Johnson về những khuyến nghị ném bom mới nhất nhận được từ các Tổng Tham mưu trưởng. Các tướng lĩnh muốn đánh

lại nhà máy nhiệt điện Hà Nội, nơi đã bị đánh trúng vào tháng 5 nhưng đã hoạt động trở lại ở 75% công suất. Các Tổng Tham mưu trưởng cũng chủ trương đánh Cầu Paul Doumer ở Hà Nội, một số mục tiêu bổ sung trong khu vực Hà Nội - Hải Phòng, và mười mục tiêu gần biên giới Trung Quốc. McNamara phản đối tất cả các mục tiêu này ngoại trừ nhà máy điện. Ông ấy nói rằng, việc ném bom bổ sung gần Hà Nội và Hải Phòng đã gây ra rủi ro không đáng có về thương vong dân thường, đầu độc môi trường đàm phán, và khơi dậy sự phản đối trong nước đối với chính sách của chính quyền. Các cuộc không kích gần Trung Quốc có thể dẫn đến việc máy bay Mỹ vô tình xâm phạm không phận Trung Quốc.

Johnson chia sẻ sự ác cảm của McNamara đối với các cuộc không kích gần Hà Nội, Hải Phòng, và biên giới Trung Quốc, và vì những lý do tương tự. Nhưng ông muốn ném bom nhiều mục tiêu hơn, vừa để đạt được hiệu quả quân sự vừa để làm dịu đi những chỉ trích từ phe điều hòa. «Chúng ta phải làm gì đó để chiến thắng», tổng thống nói. «Hiện giờ chúng ta đang không làm được gì nhiều.» Johnson đã phê chuẩn cuộc không kích vào nhà máy điện.⁶⁰⁷ Sáng hôm sau, ngay khi phiên điều trần Stennis bắt đầu, tổng thống đã cho phép ném bom Cầu Doumer và các cầu đường sắt, bãi đường sắt,

và phương tiện vận chuyển gần Trung Quốc.⁶⁰⁸

Việc Johnson đột ngột cho phép tấn công các mục tiêu mà ông đã từ chối không kích trong ba năm qua đã khiến phe điều hâu trong Quốc hội và quân đội lên án đó là một mưu đồ rẻ tiền nhằm phá hoại những luận điểm mà họ sẽ đưa ra trong các phiên điều trần. Đô đốc Sharp, nhân chứng đầu tiên được gọi ra vào ngày 9 tháng 8, sau đó đã nói, «Đối với tôi, rõ ràng là Bộ trưởng Quốc phòng đã hy vọng chặn họng súng của tôi bằng cách chấp thuận những mục tiêu mới ngay trước khi tôi sắp điều trần.»⁶⁰⁹

Trong ba tuần tiếp theo, Stennis và ủy ban của ông đã lắng nghe lời khai của mười sĩ quan cấp tướng, bao gồm tất cả các Tham mưu trưởng Liên quân.⁶¹⁰ Các vị tướng đều có cùng một câu chuyện cơ bản để kể. Kể từ khi Chiến dịch Sấm Rền bắt đầu, họ đã phản đối chủ nghĩa từng bước của chiến dịch ném bom, đưa ra các kiến nghị cho các cuộc không kích dồn dập nhưng đã bị bác bỏ hết lần này đến lần khác. Cường độ ném bom thấp trong những giai đoạn đầu, các vị tướng giải thích, đã cho đối phương thời gian để phân tán tiếp tế và xây dựng hệ thống phòng không. Trong mười tám tháng qua, số lượng tên lửa đất đối không ở miền Bắc Việt Nam đã tăng hơn gấp đôi, và súng phòng không đã

tăng 250 phần trăm.

Dù có tất cả những vấn đề do tự mình gây ra, các vị tướng nói, Sấm Rền đã hạn chế khả năng tiếp tế chiến tranh của kẻ thù ở miền Nam, đặc biệt là khi các cuộc ném bom đã tăng về quy mô và phạm vi trong vài tháng qua, và do đó đã cứu được mạng sống của lính Mỹ. Các Tham mưu trưởng Liên quân giải thích rằng họ đã nghiên cứu ý tưởng của McNamara về việc hạn chế ném bom ở khu vực phía nam miền Bắc Việt Nam và đã tìm thấy sai sót trong tiền đề chính của nó, đó là các mục tiêu ném bom phù hợp ở phía bắc miền Bắc Việt Nam đã bị cạn kiệt. Vẫn còn một trăm mục tiêu cố định quan trọng ở Hà Nội, Hải Phòng, và khu vực gần biên giới Trung Quốc, tất cả những mục tiêu mà các vị tướng muốn tấn công để giảm thiểu sự thâm nhập của vật liệu chiến tranh vào miền Nam và rút ngắn thời gian cần thiết để khiến Hà Nội nhượng bộ. Các nhà quân sự nhìn thấy một nhu cầu đang diễn ra là phải tấn công các mục tiêu cố định này vì khả năng tái tạo và di dời chúng của chính phủ Bắc Việt.

Các vị tướng thông báo với ủy ban rằng Sấm Rền đã buộc Bắc Việt Nam phải chuyển hướng từ năm trăm nghìn đến sáu trăm nghìn người để sửa chữa thiệt hại do bom và chuyển hướng tiếp tế. Sự chuyển hướng này đã

làm giảm khả năng có sẵn nhân lực cho lao động nông trại, đến lượt nó khiến phải nhập khẩu nhiều lương thực hơn vào Bắc Việt Nam. Sấm Rền cũng đang buộc người Bắc Việt phải nhập khẩu một lượng lớn đạn dược cho phòng không, được quân đội Mỹ ước tính là 300.000 tấn đạn phòng không mỗi năm. Con số đó đặt ra nghi vấn nghiêm trọng về ước tính của một số nhà phân tích tình báo Mỹ rằng người Bắc Việt chỉ nhập khẩu 125.000 tấn vũ khí và đạn dược hàng năm.⁶¹¹

Các vị tướng đề nghị rải mìn ở Cảng Hải Phòng như một biện pháp cắt giảm mạnh việc nhập khẩu vũ khí, đạn dược, dầu mỏ, và các tiếp tế thiết yếu khác của Hà Nội. Một số người trong số họ nói với ủy ban rằng họ đã phản đối hàng rào ngăn chặn của McNamara, thứ mà họ cho là đặc biệt vô ích nếu Hoa Kỳ vẫn không sẵn sàng chặn Đường mòn Hồ Chí Minh hoặc rải mìn các cảng. «Nó giống như đóng cửa sổ và để cửa mở», Tướng Johnson, tham mưu trưởng Lục quân, nhận xét.⁶¹² Việc McNamara bác bỏ mức quân số do Westmoreland đề nghị cũng làm dấy lên những chỉ trích. Tướng Greene, tư lệnh Thủy quân Lục chiến, lưu ý rằng để đánh bại kẻ thù nhanh chóng sẽ cần thêm Thủy quân lục chiến để đáp ứng đầy đủ hai mệnh lệnh song song là ngăn chặn các cuộc tấn công quy mô lớn của địch vào Quân đoàn I và hỗ trợ bình định.

Tổng thống Johnson theo dõi trận lở tuyết của sự khiển trách với sự bồi rôi ngày càng tăng. Sau này ông sẽ nói với Wheeler rằng các vị tướng «gần như đã phá hủy chúng ta với lời khai của họ trước ủy ban Stennis. Chúng ta bị giết chết trong các phiên điều trần.»⁶¹³ Vào giữa tháng 8, Johnson đã cho phép thực hiện các cuộc không kích Sấm Rền bổ sung trong một nỗ lực nhằm giảm bớt chỉ trích. «Tôi muốn có thể nói rằng chúng ta đã đánh trúng sáu trong số bảy mục tiêu được yêu cầu», ông nói với các cố vấn hàng đầu của mình. Để đạt được mục tiêu đó, ông nói, «Hãy tìm những mục tiêu ít nguy hiểm nhất và hiệu quả nhất.» Chỉ dẫn đó, thật không may, đã bỏ qua logic cơ bản của hệ thống phòng không Bắc Việt. Người Bắc Việt đã đặt các hệ thống phòng thủ nguy hiểm nhất của họ xung quanh những mục tiêu hiệu quả nhất.⁶¹⁴

Vào ngày 24 tháng 8, chỉ một ngày trước khi McNamara xuất hiện trước ủy ban, Johnson đã làm suy yếu nỗ lực leo thang của chính mình bằng cách áp đặt một lệnh ngừng ném bom gần Hà Nội. Hành động này bắt nguồn từ một sáng kiến hòa bình đã bắt đầu từ tháng trước. Herbert Marcovich và Raymond Aubrac, những giáo sư người Pháp theo cánh tả có cảm tình với Bắc Việt Nam, đã đến Hà Nội vào tháng 7 để trình bày một đề xuất ngoại giao nhận được từ một đồng nghiệp học

giả người Mỹ, Giáo sư Henry Kissinger. Đề xuất này, Kissinger đã thông báo với họ, đã được Nhà Trắng phê chuẩn.⁶¹⁵

Marcovich và Aubrac đã trình bày đề xuất trong một cuộc họp với Phạm Văn Đồng vào ngày 24 tháng 7. Hoa Kỳ sẽ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, những người Pháp giải thích, và tất cả các bên sẽ giữ hỗ trợ quân sự bên ngoài cho miền Nam Việt Nam ở mức hiện tại. Sau đó, các cuộc đàm phán sẽ bắt đầu. Phạm Văn Đồng trả lời rằng Hà Nội sẽ tham gia đàm phán nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom, nhưng ông phản đối điều khoản về mức độ hỗ trợ quân sự. «Chúng tôi sẽ không đồng ý với bất kỳ hành động có đi có lại nào», ông nhấn mạnh. «Chúng tôi ở trong đất nước của chúng tôi. Họ, không phải chúng tôi, là những người leo thang chiến tranh.... Họ là những người đã đến đây. Họ phải ra đi!» Tuy nhiên, Phạm Văn Đồng nói thêm rằng quân đội Mỹ có thể rút đi dần dần theo một thỏa thuận hòa bình.⁶¹⁶

Lập trường này về cơ bản không khác với các lập trường trước đây của Bắc Việt, nhưng giọng điệu ít thù địch hơn một chút của Bắc Việt đã thuyết phục Johnson, người khao khát hòa bình, theo đuổi bằng một cử chỉ thiện chí khác. Thông điệp trả lời của ông gửi Hà Nội, do Kissinger cung cấp vào ngày 18 tháng 8 tại nhà của

Marcovich ở Paris, nêu rõ Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam nếu điều đó «dẫn đến các cuộc thảo luận hiệu quả một cách nhanh chóng» và nếu người Bắc Việt «không lợi dụng» việc ngừng ném bom bằng cách tăng cường di chuyển quân và tiếp tế vào miền Nam.⁶¹⁷ Như một sự chứng minh rằng chính phủ Hoa Kỳ nghiêm túc với lộ trình đàm phán này, chính quyền Johnson sẽ không ném bom trong phạm vi mười hải lý tính từ khu vực Hà Nội trong mười ngày, từ ngày 24 tháng 8 đến ngày 4 tháng 9.⁶¹⁸

Do đó, McNamara có thêm một lý do để phòng thủ khi ông xuất hiện trước ủy ban Stennis vào ngày 25 tháng 8. Lời khai của ông bắt đầu lúc 10:10 sáng trong phòng 224 của Tòa nhà Văn phòng Thượng viện Cũ. Sau khi đọc một tuyên bố soạn sẵn trong đó ông bảo vệ cách xử lý chiến tranh trên không của chính quyền, ông phải đối mặt với một loạt câu hỏi từ các thành viên ủy ban, kéo dài phiên điều trần đến buổi chiều.

Thượng nghị sĩ Howard Cannon, đảng Dân chủ từ Nevada, đã hỏi McNamara tại sao ông và tổng thống lại thường xuyên từ chối các kiến nghị của các Tham mưu trưởng Liên quân về Sấm Rền. McNamara đã tránh né, chỉ nói rằng «có rất, rất nhiều lý do, lý do chính trị và các lý do khác.»⁶¹⁹ Thượng nghị sĩ Margaret Chase

Smith, đảng Cộng hòa từ Maine và chủ tịch Hội nghị Cộng hòa, đã hỏi McNamara liệu ông có đồng ý với các nhân chứng trước đó rằng việc ném bom miền Bắc nhiều hơn trong hai năm qua sẽ làm giảm thương vong của Mỹ ở miền Nam hay không. McNamara trả lời rằng ông chưa thấy thông tin nào ủng hộ quan điểm đó và có rất nhiều thông tin ủng hộ quan điểm ngược lại.

Thượng nghị sĩ Stuart Symington, đảng Dân chủ từ Missouri, đã đưa ra một tuyên bố của Tướng Walt rằng một lệnh ngừng ném bom trước đó đã cho phép kẻ thù mang theo thiết bị hạng nặng vào Quân đoàn I, dẫn đến thương vong nhiều hơn cho Thủy quân Lục chiến. McNamara bỏ qua trường hợp cụ thể đó và quay lại lập luận chung mà lâu nay ông vẫn đưa ra riêng tư. «Tất cả các bằng chứng cho đến nay là chúng ta chưa thể tiêu diệt một lượng đủ để hạn chế hoạt động ở miền nam dưới mức hiện tại, và tôi không biết liệu chúng ta có thể làm được trong tương lai hay không», McNamara trả lời. Đối với một tiểu đoàn Bắc Việt trung bình ở miền Nam, ông nói, mức hiện tại có nghĩa là chiến đấu một ngày trong ba mươi ngày. Người Bắc Việt có khả năng hậu cần dư thừa để chịu đựng thêm ném bom, vì họ chỉ cần chuyển bảy mươi lăm tấn mỗi ngày vào miền Nam, trong khi hệ thống thâm nhập của họ có khả năng hơn hai trăm tấn mỗi ngày.⁶²⁰

Như các tướng lĩnh Mỹ đã chỉ ra trước đó trong các phiên điều trần, Quân đội Bắc Việt đã muốn chiến đấu thường xuyên hơn nhiều so với một ngày mỗi tháng, vì mục tiêu chính của họ là gây thương vong cho đối phương.⁶²¹ Người Bắc Việt cũng muốn sử dụng vũ khí hạng nặng nhiều hơn trong ngày đó khi họ chiến đấu, vì vũ khí hạng nặng làm tăng sự sát thương của hầu hết các hoạt động của họ. Lực lượng Bắc Việt không chiến đấu nhiều ngày mỗi tháng hoặc sử dụng thoải mái vũ khí hạng nặng vì họ thiếu lương thực và đạn dược cần thiết, đó là bằng chứng cho thấy hệ thống thâm nhập của họ không có khả năng dư thừa. Do đó, mỗi chiếc xe tải, bao gạo, và thùng đạn bị phá hủy bởi Sấm Rền đồng nghĩa với việc giảm thêm lượng nhân lực và hỏa lực mà Quân đội Bắc Việt có thể dồn vào chiến trường.

Ở một thời điểm trong lời khai, dưới áp lực nặng nề phải giải thích việc từ chối nghe theo lời khuyên quân sự của mình, McNamara đã buột miệng nói, «Tôi không tin rằng có một vực thẳm như vậy giữa các nhà lãnh đạo quân sự và các nhà lãnh đạo dân sự trong ngành hành pháp.» Trong một giờ giải lao, McNamara nói với báo chí rằng «Chính sách của tôi không khác với những chính sách của các Tham mưu trưởng Liên quân và tôi nghĩ họ sẽ là những người đầu tiên nói điều đó.»⁶²²

Khi phiên điều trần kết thúc, McNamara leo lên xe riêng của mình và hướng về Lầu Năm Góc. Trên đường đi, ông nhận được một cuộc điện thoại từ tổng thống, người đã chỉ thị ông đến Nhà Trắng. Trong ba giờ đồng hồ, Johnson đã mắng xối xả McNamara về màn trình diễn của ông trước ủy ban Stennis.⁶²³

Theo nhà báo Mark Perry, lời khai của McNamara đã châm ngòi cho một cuộc họp khẩn cấp của các Tham mưu trưởng Liên quân, tại đó các vị tướng đã quyết định từ chức cùng nhau để phản đối sự coi thường và gian trá của chính quyền đối với lời khuyên của họ. Được cho là họ đã đồng ý vào ngày hôm sau sau khi kết luận rằng một sự từ chức tập thể sẽ chỉ dẫn đến việc họ bị thay thế bằng những kẻ xu nịnh.⁶²⁴ Một số sĩ quan cấp cao và người thân của các Tham mưu trưởng Liên quân được cho là đã xác nhận câu chuyện này, nhưng hai trong số các Tham mưu trưởng Liên quân sau đó đã phủ nhận nó.⁶²⁵

Vào ngày 31 tháng 8, ủy ban Stennis đã ra báo cáo. Như một dấu hiệu cho thấy sự đồng thuận lâu dài giữa những người ôn hòa và bảo thủ của cả hai đảng, văn kiện này nhận được sự ủng hộ của tất cả các thành viên Đảng Dân chủ và Cộng hòa trong ủy ban. Báo cáo chỉ trích các nhà chức trách dân sự Mỹ đã làm suy yếu Chiến

dịch Sấm Rền thông qua chủ nghĩa tiệm tiến và vì liên tục phản đối các đề nghị từ quân đội nhằm leo thang chiến dịch không kích. Bác bỏ tuyên bố của McNamara rằng việc rải mìn tại Cảng Hải Phòng sẽ đạt được rất ít kết quả, ủy ban khẳng định rằng các nhân chứng quân sự đều đã khai rằng việc rải mìn tại cảng cùng với các cuộc không kích mạnh mẽ «là điều quan trọng duy nhất có thể được thực hiện» và rằng nó vẫn có thể «có tác động đáng kể đến diễn biến của cuộc chiến và thương vong của Mỹ cùng đồng minh ở miền Nam.»⁶²⁶

Hậu quả từ các phiên điều trần Stennis đã buộc Johnson làm điều mà ông hầu như chưa bao giờ làm : tổ chức một cuộc họp báo về Việt Nam. «Mặc dù các Tổng tham mưu trưởng và Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Ngoại giao và Tổng thống, không hoàn toàn đồng ý về mọi thứ, nhưng không có sự chia rẽ sâu sắc nào», Tổng thống Johnson nói với giới truyền thông vào ngày sau khi ủy ban công bố báo cáo chỉ trích nặng nề. «Có một sự đồng thuận rất đáng ngạc nhiên và rất dễ chịu, với những người đàn ông có chung quan điểm chung. Không có tranh cãi, không có đối kháng.» Trên thực tế, tổng thống nhận xét, trong suốt ba mươi sáu năm ở Washington của ông, «Tôi chưa bao giờ biết đến một giai đoạn nào trong thời gian đó mà tôi nghĩ rằng có nhiều sự hài hòa, đồng thuận chung hơn, và thái độ

hợp tác hơn.» Để làm bằng chứng cho sự hài hòa đó, Johnson tuyên bố rằng ông đã cho phép ném bom 300 trong số 350 mục tiêu do Tổng tham mưu trưởng Liên quân đề nghị, tức sáu trên bảy mục tiêu mà trước đó ông đã đề cập với nhóm cố vấn thân cận của mình.⁶²⁷

Những tuyên bố gây hiểu lầm của McNamara và Johnson về sự đồng thuận đã làm trầm trọng thêm sự tức giận của những người ôn hòa và bảo thủ trong Quốc hội và công chúng nói chung về những gì họ đã nghe được trong các phiên điều trần Stennis. Đồng thời, việc chính quyền tăng cường Sấm Rền vào đầu các phiên điều trần đã làm xa lánh những người tự do. Một cuộc thăm dò của Harris cho thấy tỷ lệ tán thành của công chúng đối với cách xử lý cuộc chiến của Johnson giảm từ 47% vào giữa tháng 7 xuống còn 33% vào cuối tháng 8.⁶²⁸ Một cuộc thăm dò khác cho thấy tỷ lệ phần trăm người Mỹ hài lòng với cách tiến hành chiến tranh chỉ là 13%, giảm từ 39% một năm trước đó, trong khi tỷ lệ phần trăm những người không hài lòng tăng từ 54% lên 75% trong cùng thời kỳ.⁶²⁹

Nếu các cuộc thăm dò được thực hiện ở miền Bắc Việt Nam, chúng cũng sẽ cho thấy sự bất mãn với cách lãnh đạo nhà nước xử lý cuộc chiến. Sau khi phải chịu những thất bại quân sự tốn kém vào đầu năm, Hà Nội

đã giảm quy mô tấn công và dựa nhiều hơn vào các trận chiến gần biên giới Nam Việt Nam, nhưng họ không thể giành lại quyền kiểm soát các làng, gây thiệt hại lớn hơn cho kẻ thù hoặc giảm thương vong của chính mình. Như ở Mỹ, những khó khăn liên tục thúc đẩy cả tình cảm ủng hộ và phản đối leo thang. Nhưng trong khi những người ủng hộ leo thang ở Mỹ đang đạt được những thay đổi khiêm tốn trong chiến lược của Mỹ bằng cách ảnh hưởng đến một nhà ra quyết định do dự, thì những người ủng hộ leo thang ở Bắc Việt Nam lại bao gồm chính những nhà ra quyết định. Tuy nhiên, người Bắc Việt Nam không có đủ nguồn cung để leo thang nhiều như họ muốn, vì vậy họ sẽ phải tiếp tục leo thang với chi phí thấp cho đến thời điểm các thành phố nổi dậy.

Chương 11 - Chuyến bay của samson

Tháng 9 - Tháng 12 năm 1967

Công dân Nam Việt Nam tụ tập tại các điểm bỏ phiếu vào ngày 3 tháng 9 để bỏ phiếu bầu chức vụ tổng thống. Lực lượng an ninh của quốc gia, được bố trí với số lượng lớn xung quanh các cơ sở này, đảm bảo rằng có rất ít hành vi bạo lực làm gián đoạn việc bỏ phiếu. Theo báo cáo của các quan sát viên nước ngoài, cuộc bầu cử nhìn chung được tiến hành tự do và công bằng, với rất ít bằng chứng về những điều bất thường.

Một khi phiếu bầu được kiểm, liên danh Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ được tuyên bố là người chiến thắng. Không có gì ngạc nhiên khi những người đàn ông quyền lực nhất đất nước thắng cử trong một cuộc bầu cử ở Việt Nam, nhưng tỷ lệ phiếu bầu của họ trên tổng số lại khác xa so với con số 99,9% thông thường, chỉ đạt 34,8%. Phần lớn phiếu bầu cho liên danh Thiệu - Kỳ được bỏ ở các khu vực nông thôn. Phan Khắc Sửu, người đứng đầu nhà nước trong thời kỳ hỗn loạn cuối năm 1964 và đầu năm 1965, nhận được nhiều phiếu nhất ở Huế và Đà Nẵng, tổng cộng đạt 10,8%, trong khi cựu thủ tướng Trần Văn Hương nhận được nhiều phiếu nhất từ cử tri Sài Gòn và đạt 10%. Trương Đình Dzu,

một kẻ mị dân đã vận động với một lời hứa viễn vông là sẽ đàm phán để rút ngay lập tức tất cả lực lượng miền Bắc Việt Nam, nhận được 17,2% số phiếu.⁶³⁰

Một số nhà quan sát Mỹ và Nam Việt Nam ca ngợi tỷ lệ phiếu bầu thấp dành cho Thiệu và Kỳ là bằng chứng cho thấy Nam Việt Nam đã chuyển đổi từ các cuộc bầu cử gian lận sang nền dân chủ hợp pháp. Những người khác lại diễn giải nó như bằng chứng về việc thiếu sự nhiệt tình phổ biến dành cho cặp đôi này, thiếu sự quen thuộc với tất cả các ứng cử viên, hoặc thiếu sự đoàn kết dân tộc. Một số người khác tin rằng cuộc bầu cử không tạo ra nhiều khác biệt đối với người dân hay quốc gia Nam Việt Nam, do đất nước thiếu truyền thống dân chủ. Từ góc nhìn của giới tinh hoa cầm quyền ở Sài Gòn và Washington, hậu quả quan trọng nhất của cuộc bầu cử là củng cố vị trí của Thiệu với tư cách là nhà lãnh đạo quốc gia.⁶³¹

Hoạt động quân sự của Bắc Việt gia tăng tại Quân khu I vào đầu tháng Chín, bắt đầu như vào tháng Năm và tháng Sáu với việc bắn các đạn pháo cỡ lớn vào Cần Tiên. Hơn ba trăm quả đạn cối, pháo binh và rocket bay mỗi ngày từ khu phi quân sự vào Cần Tiên. Được giấu trong các hang động phía bắc Sông Bến Hải, vũ khí của Bắc Việt khó để người Mỹ xác định vị trí và

thậm chí còn khó hơn để gây thiệt hại bằng các cuộc không kích. Như vào tháng Bảy, Thủy quân lục chiến Mỹ không được phép vào khu phi quân sự. Họ tuần tra trên mặt đất gần Cồn Tiên và giao tranh với bộ binh Bắc Việt, mặc dù người Bắc Việt không xuất hiện trong các đội hình đa tiểu đoàn như họ đã làm trong Chiến dịch Buffalo. Đồn trú tại Cồn Tiên chịu gần hai trăm người chết và hai nghìn người bị thương trong tháng Chín.⁶³²

Sự bức bối với tình hình tại Cồn Tiên dâng cao trong lòng Tư lệnh Thủy quân lục chiến, Tướng Greene, cho đến khi, vào ngày 24 tháng 9, ông trình bày vấn đề với các Tổng tham mưu trưởng khác. «Mức độ thương vong hiện đang được các Thủy quân lục chiến ở khu vực DMZ phải gánh chịu là quá cao, xét trên những lợi ích hoạt động nhận được», ông thông báo với các tướng lĩnh đồng cấp. Greene đề nghị tăng cường cho Cồn Tiên hai trung đoàn và tăng cường hỏa lực hải quân và không kích vào DMZ.⁶³³

Lời phàn nàn của Greene đã thuyết phục Tướng Westmoreland tung ra một loạt hỏa lực mới nhằm vào khu phi quân sự. Khu vực phía bắc Cồn Tiên bị tàn phá bởi một trận mưa hỏa lực chưa từng có từ hải pháo, các đợt ném bom B - 52, không kích chiến thuật và hỏa lực pháo binh. Như Westmoreland mô tả với Tổng thống

Johnson, đó là «nhiều hơn nhiều so với những gì đã từng đổ xuống Berlin hay Tokyo.»⁶³⁴ Cuộc tập trận hủy diệt không lồ này dẫn đến việc giảm bớt cuộc oanh tạc của Bắc Việt vào Côn Tiên vào cuối tháng Chín.⁶³⁵

Ở những nơi khác trong Quân khu I, quân Bắc Việt di chuyển với số lượng lớn để thu thập lúa gạo và giao chiến ở những nơi có điều kiện thuận lợi. Trong tháng Chín, toàn bộ Sư đoàn 2 của Quân đội Bắc Việt tràn vào Thung lũng Quế Sơn để cướp lấy vụ thu hoạch lúa. Sức mạnh và sự mãnh liệt của cơn bão Bắc Việt đến mức Westmoreland đã phái cả một lữ đoàn thuộc Sư đoàn Kỵ binh Không quân số 1 đến để đánh họ. Trong Chiến dịch Wallowa, các kỵ binh tiến vào thung lũng trên một đội tàu trực thăng khổng lồ, làm bão hòa bầu trời theo một cách mà cả Thủy quân Lục chiến từng hoạt động trong thung lũng trước đây lẫn quân Bắc Việt từng chiến đấu với họ đều không biết đến. Đối với những binh sĩ Bắc Việt quen đi lại trong thung lũng mà không bị quấy rầy vào ban ngày, sự xuất hiện đột ngột của các trực thăng vũ trang bắn súng máy và rocket là một bất ngờ hết sức khó chịu. Các trực thăng vũ trang được báo cáo đã giết chết 210 quân Bắc Việt trong hai tuần đầu tiên của Chiến dịch Wallowa. Các kỵ binh rời khỏi trực thăng để vật lộn với quân Bắc Việt trên mặt đất thung lũng, đẩy tổng số thương vong của địch lên 1.600 vào

cuối tháng Mười.⁶³⁶

Tại Quân khu II, lực lượng đồng minh cũng có hiệu quả tương tự trong việc phá vỡ các sáng kiến của Bắc Việt vào đầu mùa thu. Sư đoàn Bộ binh số 4 của Quân đội Hoa Kỳ triển khai Chiến dịch Francis Marion chống lại lực lượng Bắc Việt ở Pleiku, giết chết hoặc bắt giữ hơn 1.600 quân địch với cái giá 300 lính Mỹ. Khi quân Bắc Việt di chuyển lực lượng lớn từ vùng núi về phía các nông trại ven biển của tỉnh Phú Yên để lấy vụ thu hoạch lúa, lực lượng Việt Nam Cộng hòa và Hàn Quốc đã xông ra và chặn đánh họ tại một số thôn ấp phía tây thủ phủ tỉnh Tuy Hòa. Thể hiện sự hạn chế trong việc sử dụng hỏa lực để tránh làm hại thường dân, quân Việt Nam Cộng hòa và Hàn Quốc mất một tuần để trục xuất quân Bắc Việt khỏi các thôn ấp và chịu nhiều thương vong trong quá trình đó. Khi quân Bắc Việt tái chiếm cùng các thôn ấp đó một tuần sau đó, quân Việt Nam Cộng hòa và Hàn Quốc sử dụng không quân và pháo binh nhiều hơn vào các thôn ấp để hạn chế thương vong cho bộ binh của họ. Họ được báo cáo đã giết chết 400 binh sĩ Bắc Việt và đuổi phần còn lại trở lại vào vùng núi, nhưng cũng phá hủy 3.700 ngôi nhà, tạo ra 20.000 người tị nạn, và giết chết hoặc làm bị thương một số lượng không xác định được thường dân.⁶³⁷

Phía bắc Sài Gòn, các Sư đoàn 7 và 9 của Quân đội Bắc Việt và Nhóm Pháo binh 69 tập trung vào tháng Mười gần Lộc Ninh, một thủ phủ quận gần biên giới Campuchia. Cuộc tấn công của họ phần lớn theo đúng khuôn mẫu của những cuộc tấn công trước đây ở các vùng biên giới, với các tiểu đoàn và trung đoàn Bắc Việt tấn công các đại đội Mỹ và chịu tổn thất lớn hơn nhiều so với người Mỹ. Cuộc tấn công gây thiệt hại nặng nề nhất của Bắc Việt diễn ra vào ngày 17 tháng Mười tại suối Ông Thắng, nơi Trung đoàn 271 của QĐBVN tấn công hai đại đội thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 28 Bộ binh của Quân đội Hoa Kỳ. Quân Bắc Việt giết chết năm mươi sáu lính Mỹ, bao gồm chỉ huy tiểu đoàn, Đại tá Terry de la Mesa Allen Jr., người đã chọn ở lại với những người bị thương nặng trong khi những người còn khả năng rút lui, và Thiếu tá Donald W. Holleder, một cựu cầu thủ bóng bầu dục toàn Mỹ tại West Point, người đã bị bắn chết bởi một tay bắn tỉa của địch khi đang cố gắng giải cứu những người Mỹ kiệt sức.⁶³⁸

Ở mặt trận ngoại giao, phía Bắc Việt vẫn không cam kết về

các cuộc đàm phán cho đến ngày 4 tháng Chín, ngày mà lệnh ngừng ném bom mười ngày của Johnson

hết hạn. Tuy nhiên, Johnson lại gia hạn thêm ba ngày

nữa, không có kết quả, rồi lại gia hạn thêm một khoảng thời gian không xác định trong khi gửi tin đến Bắc Việt rằng sự kiên nhẫn của ông đang cạn kiệt. Vào ngày 10 tháng Chín, Bắc Việt trả lời rằng họ từ chối đề nghị của Mỹ vì họ sẽ không chấp nhận bất kỳ điều kiện tiên quyết nào cho việc ngừng ném bom. Johnson đã nổi lại việc ném bom vào ngày hôm sau.⁶³⁹

Vào ngày 26 tháng Chín, Thứ trưởng Ngoại giao Katzenbach thúc giục Johnson cho phép một lần ngừng ném bom nữa để tạo điều kiện cho liên lạc và đàm phán. Tuy nhiên, sự kiên nhẫn của tổng thống thực sự đã cạn kiệt. «Tôi nghĩ họ đang xem chúng ta như những kẻ ngốc», Johnson bật ra. «Họ không có ý định nói chuyện hơn là chúng ta đầu hàng.»⁶⁴⁰ Tại một cuộc họp sau đó, Johnson nói rằng người Bắc Việt đang khai thác sự quan tâm của Mỹ vào đối thoại thông qua kênh Marcovich - Aubrac chỉ để giành lấy một khoảng thời nghỉ ngơi từ Sấm Rền. «Tôi biết nếu họ đang ném bom Washington, đánh vào cầu, đường sắt và đường cao tốc của tôi, tôi sẽ rất vui lòng đánh đổi các cuộc thảo luận thông qua một trung gian để lấy một sự hạn chế về ném bom.»⁶⁴¹

Một lần nữa, Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân thúc ép tăng cường Sấm Rền, và một lần nữa họ phải hứng chịu một loạt phản đối từ McNamara.⁶⁴² Bộ

trưởng quốc phòng viện dẫn một báo cáo tháng Chín của CIA mô tả việc Bắc Việt sử dụng các biện pháp đối phó và các tuyến đường thay thế là hiệu quả đến mức «hệ thống vận tải của Bắc Việt đã xuất hiện sau hơn 30 tháng ném bom với năng lực và tính linh hoạt lớn hơn so với khi chương trình Sấm Rền bắt đầu.» Hệ thống thâm nhập tiếp tế từ Bắc vào Nam vẫn đang hoạt động tốt dưới mức công suất, CIA lập luận, và do đó «các vấn đề hậu cần đã không đặt ra một mức trần nào đối với cơ cấu lực lượng hoặc mức độ chiến đấu.» ⁶⁴³

Rostow tranh cãi phân tích này của CIA, lưu ý rằng nếu kẻ thù có nhiều năng lực hậu cần như vậy, người ta sẽ mong đợi người Bắc Việt tăng gấp đôi hoặc gấp ba lần sự thâm nhập tiếp tế để các đơn vị Cộng sản ở miền Nam có thể tăng gấp đôi hoặc gấp ba số ngày chiến đấu mỗi tháng. ⁶⁴⁴ Vài tháng sau, chính CIA sẽ tự rút lui khỏi khẳng định mạnh mẽ rằng Sấm Rền không hạn chế các hoạt động chiến đấu của Bắc Việt ở miền Nam. Trong một đánh giá được sản xuất chung với Cơ quan Tình báo Quốc phòng, nó khẳng định rằng «những tác động tích lũy của các đợt không kích rõ ràng đã làm suy giảm khả năng của Bắc Việt trong các hoạt động quân sự quy ước quy mô lớn kéo dài chống lại Nam Việt Nam.» ⁶⁴⁵

Hàng thập kỷ sau, các tài liệu lịch sử của Bắc Việt được công bố xác nhận rằng các vấn đề hậu cần tiếp tục đặt ra một mức trần đối với các hoạt động quân sự của họ trong giai đoạn này. Người Bắc Việt đã muốn tấn công thị trấn cao nguyên Đắk Tô vào tháng Mười năm 1966 nhưng không thể làm được cho đến tháng Mười năm 1967 vì họ cần một năm để tích trữ các tiếp tế cần thiết, bao gồm chín trăm tấn gạo, đạn dược và vũ khí.⁶⁴⁶ Lịch sử của Sư đoàn 9 QĐBVN tiết lộ rằng đơn vị bị hạn chế trong các hoạt động của mình ở phía bắc Sài Gòn do tình trạng thiếu lương thực nghiêm trọng gây ra bởi số lượng tiếp tế thấp từ các nguồn bên ngoài cũng như bởi các cuộc càn quét của địch.⁶⁴⁷

Việc tăng cường Sấm Rền đang mang lại những phần thưởng thậm chí lớn hơn ở Bắc Việt, mặc dù chúng thậm chí còn ít được thế giới bên ngoài nhìn thấy. Việc ném bom các điểm vào từ Trung Quốc vào Bắc Việt trong mùa hè đã làm giảm đáng kể việc nhập khẩu các tiếp tế quan trọng vào Bắc Việt, mà quan trọng nhất là lương thực. Đạn dược của Mỹ đã thổi bay một nhịp của Cầu Paul Doumer, cây cầu duy nhất bắc qua Sông Hồng giữa Hải Phòng và Hà Nội, và phá hủy các mục tiêu giao thông bổ sung mà rất quan trọng đối với việc phân phối lương thực và vũ khí.⁶⁴⁸

Các nhà phân tích tình báo Mỹ sở hữu rất ít thông tin về tình hình cung ứng ở Bắc Việt. Người Bắc Việt, biết rằng kẻ thù của họ sẽ tìm cách khai thác bất kỳ điểm yếu nào, đã tránh né mạnh mẽ việc thừa nhận công khai tình trạng thiếu hụt lương thực và các nhu yếu phẩm khác. Với thế giới bên ngoài, họ tuyên bố rằng hệ thống nông nghiệp của Bắc Việt đang đạt được sản lượng cực kỳ cao. ⁶⁴⁹ Họ cũng tránh xa chủ đề nhập khẩu lương thực trong các thông tin liên lạc nội bộ, có lẽ vì sợ rằng tình báo Mỹ sẽ tiếp cận được những thông tin liên lạc đó.

Số ít người nước ngoài từ các nước không cộng sản đến thăm Bắc Việt trong mùa hè và mùa thu năm 1967 không được phép di chuyển tự do hoặc nói chuyện với công dân bình thường mà bị dồn đến các làng Potemkin và đến các cuộc gặp gỡ với những người trung thành với chế độ, những người bám sát đường lối của đảng. Theo đường lối đó, không điều gì những kẻ đế quốc Mỹ làm có thể ngăn cản bước tiến vinh quang của Bắc Việt hướng tới chiến thắng. ⁶⁵⁰ Những khách thăm quan đáng tin cậy từ các nước cộng sản có thể tìm hiểu nhiều hơn, nhưng họ thường biết phải ngậm miệng ở nơi công cộng. Tuy nhiên, một khách thăm quan Hungary đến Hà Nội đã bình luận về cuộc khủng hoảng lương thực với một hãng tin tức phương Tây sau khi rời khỏi đất

nước. Istvan Szabo, biên tập viên tin tức nước ngoài của tờ báo chính thức của Đảng Cộng sản Hungary, nói với một phóng viên của United Press International rằng trong một chuyến thăm gần đây, ông thấy rằng «người Bắc Việt đang phụ thuộc chủ yếu vào nguồn tiếp tế từ các nước cộng sản anh em nhưng mặc dù có sự giúp đỡ này, các vấn đề phân phối do kết quả của các vụ ném bom đã gây ra tình trạng thiếu lương thực nghiêm trọng.»⁶⁵¹

Vào ngày 10 tháng Mười, một bức điện tình báo của CIA về tình hình kinh tế của Bắc Việt đã đến bàn làm việc của Lyndon Johnson. Thông tin trong báo cáo được ghi nhận vào cuối tháng Tám, và nguồn được liệt kê là Trương Công Đồng, một thành viên của «phái đoàn thường trực» của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tại Hà Nội. «Tình hình lương thực có thể được gọi là nạn đói kinh niên», báo cáo nêu. «Đa số dân chúng chỉ ăn một bữa một ngày, gồm cơm, rau và trái cây.» Theo báo cáo, «Tất cả các sản phẩm lương thực đều được phân phối theo định lượng, và các khẩu phần ban đầu cung cấp cho nhiều sản phẩm như thuốc lá, trà, đường và thịt, gần đây đã bị cắt giảm.»⁶⁵²

John Colvin, tổng lãnh sự Anh, là một trong số ít nhà ngoại giao phương Tây sống ở Hà Nội vào thời điểm

này và do đó là một trong số ít người phương Tây có thể nhìn thấy bên ngoài những ngôi làng Potemkin. Những quan sát của ông từ thời kỳ đó, được công bố trong một hồi ký thời hậu chiến, đã cung cấp phân tích chi tiết nhất về tình hình và những hàm ý của nó. Đến đầu tháng Chín, Colvin quan sát thấy, việc mất nguồn cung lương thực từ Trung Quốc đang làm suy yếu khả năng phục hồi thông thường của dân số Bắc Việt. «Bằng chứng về suy dinh dưỡng giờ đây đã rõ ràng, và ở cả người lớn lẫn trẻ em», Colvin kể lại. «Trên các đường phố, trong văn phòng và nhà máy, dân chúng hầu như không thể thực hiện nhiệm vụ của mình.... Các bệnh viện chật cứng những ca phù thũng do đói cũng như các vết thương.»

Bởi vì nạn đói và sự gián đoạn hậu cần của Bắc Việt do ném bom, nền kinh tế của Bắc Việt «cuối cùng đã sụp đổ», Colvin kết luận. «Đất nước và người dân của nó đã gần với sự sụp đổ mà, lần đầu tiên, không có bao nhiêu lời thúc giục kích động có thể sửa chữa được.» Bước ngoặt này khiến ông từ bỏ quan điểm trước đây rằng người Bắc Việt «sẽ theo đuổi cuộc xung đột ngay cả khi họ phải, như Samson, kéo những cây cột đỡ xuống chính họ và tất cả chúng ta.» Nếu người Mỹ tiếp tục gây áp lực quân sự lên miền Bắc lâu hơn nữa, Colvin tin rằng, người Bắc Việt sẽ phải thừa nhận thất bại ở miền

Nam.⁶⁵³

Mặc dù các tài liệu đương thời của Bắc Việt im lặng về nạn đói, chủ đề về sự phụ thuộc của Bắc Việt vào nhập khẩu lương thực sẽ xuất hiện trong một tài liệu của đảng được lưu hành vào tháng Năm 1969, sau khi miền Bắc không còn bị tấn công từ trên không. Trong tài liệu đó, Lê Duẩn tiết lộ rằng nếu Bắc Việt «không nhận được 900.000 tấn gạo mà họ [người Trung Quốc] cho chúng ta, chúng ta sẽ phải đối mặt với những vấn đề không thể tưởng tượng được», và «chúng ta sẽ không thể giành chiến thắng.» Trong một gợi ý có thể là về nỗi thống khổ gây ra bởi việc xuyên thủng điểm yếu này vào năm 1967, Lê Duẩn nhận xét, «Nếu chúng ta không nhận được mấy trăm ngàn tấn gạo này, dân ta sẽ chết đói !»⁶⁵⁴

Các báo cáo rời rạc về nạn đói ở miền Bắc Việt Nam xuất hiện vào thời điểm đó hầu như không gây ấn tượng với các nhà phân tích tình báo và quan chức chính sách Mỹ. Mặc dù cộng đồng tình báo biết rằng miền Bắc Việt Nam đang nhập khẩu hàng trăm nghìn tấn lương thực từ Trung Quốc, các báo cáo ước tính tình báo và các văn bản chiến lược từ thời kỳ này không đề cập đến tính dễ bị tổn thương của nguồn lương thực nhập khẩu trước các hoạt động ngăn chặn cũng như những bằng

chúng hạn chế cho thấy Chiến dịch Sấm Rền đã làm gián đoạn các nguồn nhập khẩu này.⁶⁵⁵ McNamara và nhiều nhà phân tích tại CIA và DIA đã đầu tư rất nhiều vào niềm tin rằng không có mức độ ném bom nào có thể khuất phục được miền Bắc Việt Nam, và họ có một lịch sử bám lấy niềm tin này cùng những niềm tin lâu đời khác khi bằng chứng trái chiều xuất hiện.⁶⁵⁶

Nếu cộng đồng tình báo nói với Johnson rằng miền Bắc Việt Nam đang trên bờ vực của nạn đói, có lẽ ông ta đã duy trì Chiến dịch Sấm Rền ở mức tối đa cho đến khi miền Bắc Việt Nam phải khuất phục. Bỏ đói kẻ thù để buộc họ đầu hàng không phải là phương pháp chiến thắng quân sự được ưa chuộng của hầu hết các quốc gia, đặc biệt là những nước như Hoa Kỳ vốn khao khát thúc đẩy sự công bằng trên vũ đài thế giới, thế nhưng nó thường trở thành phương pháp chiến thắng thực tế sau khi các phương pháp khác đã thất bại. Trong năm cuối cùng của Nội chiến Hoa Kỳ, Abraham Lincoln đã gây ra nạn đói cho Liên minh miền Nam thông qua việc phá hủy mùa màng và đường sắt. Các cường quốc Đồng minh đã buộc các cường quốc Trung tâm đầu hàng vào năm 1918 bằng các cuộc phong tỏa khiến hàng trăm nghìn thường dân chết đói. Vào tháng 4 năm 1945, Hoa Kỳ đã phát động Chiến dịch Đói để ngăn chặn việc nhập khẩu lương thực và các nguồn cung khác vào Nhật Bản,

mặc dù chiến dịch bị rút ngắn do thảm họa nguyên tử tại Hiroshima và Nagasaki.

Liệu chính phủ miền Bắc Việt Nam có thể tiếp tục nắm quyền và tìm cách tiếp tục cuộc chiến trước những đợt ném bom liên tục của Mỹ hay không sẽ không bao giờ được biết, bởi vì các cuộc ném bom đã không được duy trì. Lệnh tạm ngừng ném bom của Johnson quanh Hà Nội vào cuối tháng Tám, vốn được kéo dài đến cuối tháng Mười, đã cho phép các kỹ sư miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc hồi sinh mạng lưới tiếp tế. Cầu Doumer và các tuyến đường giao thông then chốt khác đã hoạt động trở lại vào cuối tháng Chín.⁶⁵⁷

Vào giữa tháng Mười, McNamara thúc giục Johnson thực hiện một lần tạm ngừng ném bom khác. Để hỗ trợ cho lập luận của mình, ông đưa ra một lập luận mới vòng vo không kém bất kỳ lập luận nào ông từng đưa ra trong gần bảy năm tại nhiệm. McNamara cho rằng người Bắc Việt sẽ không đồng ý đàm phán có tính chất thực chất cho đến khi họ bị thuyết phục rằng họ không thể đánh bại Nam Việt Nam bằng vũ lực, và cách duy nhất để thuyết phục họ về điểm đó là chứng minh rằng nhân dân Mỹ kiên định trong sự ủng hộ của họ đối với một Nam Việt Nam độc lập. Sự kiên định của nhân dân Mỹ, McNamara tiếp tục, sẽ được củng cố nếu họ biết

rằng Johnson đang tạm dừng ném bom để khai thác mọi con đường có thể hướng tới hòa bình. ⁶⁵⁸

Vào thời điểm này, McNamara gần như là người cô đơn trong số các quan chức cấp cao tin rằng một lần tạm dừng đơn phương khác sẽ phục vụ lợi ích của Mỹ. Hầu hết các cố vấn khác của Johnson giờ đây phản đối việc đình chỉ ném bom vì họ cho rằng nó sẽ tạo ra tác dụng ngược lại với những dự đoán của McNamara, làm suy giảm tinh thần của nhân dân Mỹ và củng cố ý chí của Hà Nội để tiếp tục. Khi CIA được yêu cầu dự đoán kết quả của một lần tạm dừng, các nhà phân tích của họ trả lời rằng người Bắc Việt sẽ coi việc tạm dừng như «một dấu hiệu cho thấy ý chí của Hoa Kỳ đang suy yếu» và từ đó sẽ bác bỏ các đề xuất ngoại giao trừ khi Hoa Kỳ nhượng bộ trên những điểm mà trước đây họ từ chối nhượng bộ. ⁶⁵⁹

Clark Clifford, trở về từ chuyến đi cùng Taylor đến Đông Nam Á, báo cáo về sự phản đối mạnh mẽ đối với việc ngừng ném bom trong số các nhà lãnh đạo Đông Nam Á. «Nếu không có ném bom, người Đông Nam Á cảm thấy không có sự thúc đẩy nào để người Bắc Việt tìm kiếm hòa bình», Clifford, một chính khách kỳ cựu của Đảng Dân chủ đang giữ chức chủ tịch Hội đồng Cố vấn Tình báo Đối ngoại của Tổng thống, tuyên bố.

«Chuyện này có thể kéo dài hai mươi năm. Nếu chúng ta ngừng ném bom, họ sẽ xây dựng lại các ngành công nghiệp, các tuyến đường giao thông, nguồn cung lương thực và thông tin liên lạc của họ.»⁶⁶⁰

Trong một thất bại nặng nề đối với McNamara, làn sóng phản đối việc tạm dừng ném bom đã chiếm ưu thế. Vào ngày 23 tháng Mười, Johnson đã phê chuẩn Chiến dịch Sấm Rền 58, không chỉ mở rộng chiến dịch không kích mà còn tăng cường nó. Danh sách mục tiêu bao gồm các địa điểm mà tổng thống đã liên tục từ chối ném bom trong quá khứ, đáng chú ý nhất là Sân bay Phúc Yên, cũng như các địa điểm gần Hà Nội mà đã bị cấm từ cuối tháng Tám.⁶⁶¹ Sáu mươi tư máy bay Mỹ đã ném bom Phúc Yên ngay ngày hôm sau, và các nhóm nhỏ hơn lại tấn công nó trong hai ngày nữa, phá hủy ba chiếc MiG, làm hư hại thêm ba chiếc nữa, và làm cho đường băng ngừng hoạt động.⁶⁶² Chiến dịch Sấm Rền 58 sẽ đẩy tổng khối lượng đạn dược thả xuống miền Bắc Việt Nam trong năm 1967 lên 246.328 tấn, gần gấp đôi tổng số của năm trước.⁶⁶³

Việc Johnson đoạn tuyệt với McNamara về vấn đề ném bom dường như là một nguyên nhân hàng đầu dẫn đến một sự rạn nứt lớn hơn giữa hai người, một sự rạn nứt sẽ dẫn đến việc McNamara rời khỏi chính quyền.

Đầu đó trong mùa thu, cả Johnson và McNamara đều tin rằng McNamara nên chuyển sang một công việc mới, mặc dù không bao giờ rõ ai là người đưa ra kết luận đó trước. Ngân hàng Thế giới được chọn là điểm đến tiếp theo của McNamara và tháng 2 năm 1968 là ngày ông ra đi. Để kế nhiệm McNamara làm Bộ trưởng Quốc phòng, Johnson đã chọn Clark Clifford.⁶⁶⁴

Một lý do khác cho sự sa sút của McNamara có lẽ là sự miễn cưỡng của ông trong việc tiếp tục cổ vũ cho các chính sách của chính quyền. «Đã đến lúc chính quyền này ngừng việc ngồi yên và chịu đựng những chỉ trích về Việt Nam», Johnson nói tại một cuộc họp Nội các vào tháng Mười. «Chúng ta có một cuộc chiến tâm lý cũng như một cuộc chiến quân sự trong tay và phe Cộng sản đang thắng cuộc chiến tâm lý với sự trợ giúp của chúng ta.» Các nghị sĩ từ chính đảng của ông, ông than phiền, đang nhai lại tuyên truyền của kẻ thù. Theo như ông có thể nhận thấy, người duy nhất bênh vực chính quyền là Lãnh đạo Thiểu số Đảng Cộng hòa tại Thượng viện Everett Dirksen.⁶⁶⁵

Các hoạt động của phong trào phản chiến đang bùng nổ vào thời điểm này, do sự gia tăng của tâm trạng phản chiến trong các trường đại học. Một số sinh viên đại học thấy chiến tranh là đáng phản đối vì họ phản đối

chiến tranh nói chung. Những cá nhân như vậy có thể được miễn thi hành nghĩa vụ quân sự thông qua việc xin làm người phản đối vì lương tâm (conscientious objection), điều này đòi hỏi phải chứng minh với hội đồng nghĩa vụ địa phương một niềm tin sâu sắc về chủ nghĩa hòa bình. Tuy nhiên, những người phản đối vì lương tâm chỉ là một thiểu số rất nhỏ. Trong năm 1967, khi hơn ba mươi bốn triệu nam giới Mỹ đã đăng ký với Cục Tuyển chọn Nghĩa vụ Quân sự (Selective Service), chỉ có 22.733 người, tức khoảng 0,07%, có tình trạng là người phản đối vì lương tâm.⁶⁶⁶ Nhiều người trong số những người phản đối vì lương tâm, cần phải nói thêm, sẵn sàng hỗ trợ sự nghiệp của quốc gia ở Việt Nam đến mức họ đã đến Việt Nam để phục vụ trong các vai trò không chiến đấu.

Những sinh viên khác phản đối chiến tranh với lý do nó không cần thiết về mặt chiến lược hoặc sai trái về mặt đạo đức. Từ giữa năm 1965 đến giữa năm 1967, kiểu phản đối này đã không phổ biến đáng kể trong các trường đại học so với những nơi khác ở Mỹ. Sau đó nó tăng vọt. Các trường học đột nhiên trở thành những hòn đảo của hoạt động phản chiến trong một biển nước Mỹ không hề có một sự thay đổi tương tự. Một số sinh viên bị thu hút về phía quan điểm của các chính trị gia Dân chủ tự do vốn đã quay lưng lại với chiến tranh, trong

khi những người khác liên kết với các nhóm cấp tiến như Sinh viên vì một Xã hội Dân chủ và Ủy ban Điều phối Bất bạo động Sinh viên vốn thông cảm với những người Cộng sản Việt Nam.

Sự gia tăng hoạt động phản chiến trong sinh viên đại học có nhiều nguồn gốc. Một là sự thay đổi thế hệ. Thế hệ Bùng nổ Dân số (Baby Boom) đã bắt đầu đến các trường đại học vào năm 1964, và đến năm 1967 nó chiếm phần lớn dân số đại học. Được nuôi dạy bởi Thế hệ Vĩ đại nhất (Greatest Generation), thế hệ đã vượt qua những khó khăn của cuộc Đại suy thoái và đưa Hoa Kỳ đến chiến thắng trong Thế chiến II, thế hệ Baby Boomers đã lớn lên trong sự thịnh vượng và tiện nghi chưa từng có của những năm 1950 và 1960. Thay vì tạo ra lòng biết ơn và sự tôn trọng, như Thế hệ Vĩ đại nhất đã hy vọng, sự thịnh vượng và hưởng thụ đã lấp đầy các phần lớn của thế hệ Baby Boom bằng sự tự cho mình là trung tâm và tự nuông chiều bản thân, với cái giá phải trả là tinh thần yêu nước đã từng thúc đẩy cha mẹ họ vượt đại dương để tiêu diệt các cường quốc Trục.⁶⁶⁷ Một thành viên của Thế hệ Vĩ đại nhất, giáo sư lịch sử Harvard John V. Kelleher, đã nói thay cho nhiều người khi ông mô tả thế hệ Boomers là «những đứa trẻ hư với ý thức kém phát triển về lịch sử và sự khéo léo trong việc tự bảo vệ bản thân.»⁶⁶⁸

Sự lan rộng của các tư tưởng tả khuynh tại các trường cao đẳng và đại học Mỹ cũng đóng một phần trong cuộc nổi loạn của giới trẻ, đặc biệt là các yếu tố cực đoan hơn của nó. Trong vài thập kỷ, giới giáo sư đã tích lũy nhiều người ủng hộ các hệ tư tưởng cấp tiến như chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Freud, chủ nghĩa vô thần, chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa cấu trúc và chủ nghĩa hư vô. Các trí thức sinh ra ở châu Âu như Herbert Marcuse, Claude Lévi - Strauss, Paul de Man, Jacques Derrida và Theodor Adorno đã mang nhiều tư liệu này vượt Đại Tây Dương, và suy nghĩ của họ đã truyền cảm hứng cho một loạt các trí thức công chúng và giáo sư Mỹ, từ Benjamin Spock và Richard Hofstadter đến Angela Davis và Abbie Hoffman. Các dòng chảy cấp tiến khác phần lớn có nguồn gốc trong nước, chẳng hạn như Cơ đốc giáo bị chính trị hóa của William Sloane Coffin và Martin Luther King Jr. và văn hóa phản kháng Beat của Alan Ginsberg và William S. Burroughs.

Những người cấp tiến đã gặp rất ít thánh giả dễ tiếp thu trong số Thế hệ Im lặng, nhóm người nói chung là bảo thủ kẹp giữa Thế hệ Vĩ đại nhất và thế hệ Baby Boom. Với giới trẻ bòn chôn của thế hệ Baby Boomers, những người tự cho mình là trung tâm và ít khi tiếp xúc với những nỗi đau và bi kịch của cuộc sống khiến

họ ít tôn trọng truyền thống và thẩm quyền hơn, những người cấp tiến đã tìm thấy một đối tượng khán giả chào đón họ nhiều hơn. Các giảng viên tả khuynh đã thu hút sự phù phiếm của thế hệ Boomers bằng cách hứa hẹn tư cách thành viên trong một tầng lớp tinh hoa văn hóa mới và thỏa mãn khát khao phiêu lưu và ý nghĩa của họ bằng cách hứa hẹn giải phóng khỏi cuộc sống tầm thường của xã hội tư sản.⁶⁶⁹

Các giáo sư cấp tiến đặc biệt là chất xúc tác hiệu quả cho sự lên men phản chiến ở những nơi họ có đủ số lượng để củng cố lẫn nhau. Tại Đại học Wisconsin, chẳng hạn, sức nặng kết hợp của các giáo sư cấp tiến như Harvey Goldberg, George Mosse, William Appleman Williams, và John R. W. Smail đã giúp biến sinh viên thành một trung tâm của sự phản đối chiến tranh. Trong một bài tường thuật nhìn lại về phong trào phản chiến của trường đại học, nhà báo David Maraniss mô tả cảnh tượng năm 1967: «Goldberg và Mosse thu hút đám đông lớn nhất, các giảng đường của họ râm ran với hàng trăm sinh viên lấp đầy các lối đi và nghiêng người trên các ban công. Sinh viên cấp tiến hình thành một giáo phái xung quanh Goldberg và ngồi say mê khi ông đưa ra các bài giảng có lòng ghép những ám chỉ cách mạng, giai thoại văn hóa, tham khảo văn học, suy ngẫm về tờ New York Times trong ngày, và các dữ liệu xã hội học

huyền bí từ các kho lưu trữ của Pháp.»⁶⁷⁰

Tuy nhiên, có ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với các giáo sư cấp tiến là lệnh gọi nhập ngũ. Chính phủ liên bang đã cắt giảm các hoãn dịch cho sinh viên vào tháng 7 năm 1967, điều này làm tăng vọt các lệnh gọi nhập ngũ đối với sinh viên đại học. Nam sinh viên muốn tránh những nguy hiểm và sự bất tiện của nghĩa vụ quân sự đã bám vào sự phản đối chiến tranh như một phương tiện để đẩy nhanh sự kết thúc của chiến tranh và lệnh gọi nhập ngũ, và để biện minh - cho bản thân và cho người khác - việc theo đuổi các cơ hội kém danh dự để tránh nghĩa vụ quân sự, phổ biến nhất là việc sử dụng gian lận các hoãn dịch vì lý do y tế.

Tại Yale, một cuộc thăm dò năm 1966 cho thấy hơn hai phần ba sinh viên ủng hộ chính sách Việt Nam của chính quyền Johnson, và chỉ có 10 phần trăm ủng hộ việc rút quân. Tuy nhiên, khi các hoãn dịch bị cắt giảm, sự ủng hộ dành cho chiến tranh lao dốc, và các nhóm phản chiến mọc lên như nấm. Michael Medved, người trở nên tích cực trong phong trào phản chiến ở Yale vào thời điểm này, nhớ lại, «Đối với sinh viên đại học cuối những năm 1960, sự phản đối chiến tranh kịch liệt của chúng tôi không phải là nguồn cảm hứng cho quyết tâm né tránh nghĩa vụ quân sự áp đảo của chúng tôi ;

mà ngược lại, quyết tâm áp đảo né tránh nghĩa vụ quân sự của chúng tôi đã khơi nguồn cho sự phản đối chiến tranh kịch liệt của chúng tôi.»⁶⁷¹

Một sự chuyển hướng tương tự trong thái độ đối với chiến tranh và nghĩa vụ quân sự đã diễn ra tại Harvard. Vào mùa thu năm 1966, việc các sinh viên phản chiến la hét, chế nhạo Robert McNamara trong một bài phát biểu trong khuôn viên trường đã gây ra nhiều sự phẫn nộ đến mức một con số đáng kinh ngạc 2.700 sinh viên đại học Harvard đã ký vào một bản tạm lỗi gửi McNamara. Sự ủng hộ dành cho chiến tranh và chính quyền Johnson vẫn tồn tại trong số sinh viên cho đến khi việc sửa đổi các hoãn dịch diễn ra vào giữa năm 1967, vào thời điểm đó thì nó lao dốc. «Khi chúng tôi trở lại vào mùa thu», sinh viên Steven Kelman kể lại, «đột nhiên mọi người đều chống lại chiến tranh.»

Kelman, một người tự nhận là xã hội chủ nghĩa cấp tiến, vài năm sau đó đã suy ngẫm rằng «sinh viên lẽ ra nên nhận ra rằng trong nhiều trường hợp, không phải chủ nghĩa lý tưởng và sự nhạy cảm thường được ca ngợi của chúng tôi - những đặc điểm mà chúng tôi thường xuyên và ngu ngốc tin rằng chúng tôi là thế hệ đầu tiên trong lịch sử thế giới sở hữu - đã dẫn dắt chúng tôi đến với các hành động tập thể chống lại chiến tranh. Mà là

một cái gì đó gần với lợi ích cá nhân.» Tuy nhiên, thay vì sự suy ngẫm khiêm tốn, «một sự tự cho mình là đúng đắn, kiểu như bao trùm lấy những kẻ vừa cải đạo hoặc những lương tâm mặc cảm tội lỗi, một thứ chủ nghĩa Cotton Mather mới với sự cuồng nhiệt bùng cháy, đột nhiên bao trùm Harvard trong những tháng giữa tháng Chín và tháng Mười Một... . Nói rằng một người ủng hộ chiến tranh ở Việt Nam nhanh chóng trở thành tương đương với việc nói rằng người đó ủng hộ những chú chó cảnh sát của Bull Connor ở Birmingham.»⁶⁷²

Sinh viên Harvard James Glassman nhớ lại rằng vào năm 1966, việc nghe thấy sinh viên công kích nghĩa vụ quân sự là «phân biệt đối xử cao độ, thiên vị người giàu có» là chuyện bình thường. Họ tin rằng, chế độ quân dịch đang nhập ngũ quá ít thanh niên từ các gia đình giàu có, những loại đàn ông theo học Harvard và các trường đại học khác. Nhưng khi quân dịch bắt đầu gom một số lượng lớn sinh viên đại học vào năm 1967, họ không còn ủng hộ việc gọi nhập ngũ người giàu mà thay vào đó phản đối hoàn toàn chế độ quân dịch và cùng với nó là cuộc chiến. «Chủ nghĩa vị tha đã bị lãng quên», Glassman kể lại. «Điều quan trọng nhất lúc này là cứu lấy bản thân mình.»⁶⁷³

Một sinh viên Harvard khác trong thời kỳ này, James Fallows, vài năm sau đó đã viết về sự khác biệt trong kết quả mà anh chứng kiến giữa các sinh viên Harvard và những người da trắng nghèo ở Boston trong buổi sàng lọc của hội đồng nghĩa vụ tại Boston Navy Yard. Bốn trên mỗi năm người đàn ông Harvard xuất hiện cùng Fallows đã tìm cách tránh nghĩa vụ quân sự bằng cách giả vờ có suy nghĩ tự tử, giảm cân với số lượng lớn, gian lận trong các bài kiểm tra mù màu, hoặc ném mẫu nước tiểu vào mặt các nhân viên phụ tá. Bốn trên mỗi năm người đàn ông thuộc tầng lớp lao động trải qua cuộc sàng lọc được chấp nhận nhập ngũ.

Fallows kết luận, một cách đáng thương, rằng những người đàn ông trẻ thuộc tầng lớp lao động chưa bao giờ nghĩ rằng họ có thể tìm cách để lẩn tránh nghĩa vụ quân sự.⁶⁷⁴ Tuy nhiên, cũng có thể, những người đàn ông này biết rằng có thể trốn tránh nghĩa vụ quân sự nhưng đã chọn không làm theo cách đó vì họ xem đó là không yêu nước, không nam tính, và không công bằng với những người đàn ông ở tuổi quân dịch khác. Hoặc như Thomas Gleason đã nói, là «nhút nhát và yếu đuối».

Fallows tiếp tục suy luận điều mà nhiều người khác cũng kết luận : rằng hầu hết những thanh niên Mỹ đến Việt Nam là những người không có học thức, nghèo, và

không phải da trắng, những người thiếu sự hiểu biết và đặc quyền để tránh nghĩa vụ quân sự.

Lập luận đó đã sai lầm ở một số khía cạnh quan trọng. Một là giả định rằng những người bị gọi nhập ngũ chiếm phần lớn những người đã chiến đấu và hy sinh ở Việt Nam. Trên thực tế, hai phần ba trong số những người phục vụ ở Việt Nam đã không bị gọi nhập ngũ, mà thay vào đó đã tình nguyện nhập ngũ hoặc tham gia vào quân ngũ sĩ quan. Trên thực tế, những tình nguyện viên chiếm tỷ lệ lớn hơn nhiều trong lực lượng nhân lực Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam so với Thế chiến II, một cuộc chiến được cho là đã truyền cảm hứng tình nguyện yêu nước ở mức độ cao hơn. Người Mỹ tình nguyện phục vụ trong Thế chiến II chỉ đáp ứng một phần ba nhu cầu của quân đội, khiến việc sử dụng chế độ quân dịch là cần thiết để có được hai phần ba còn lại.

Đối với những thanh niên của Chiến tranh Việt Nam, cũng như những người của các cuộc chiến trước đó, động cơ tình nguyện dao động từ vị tha đến vụ lợi, và không có cách nào để đo lường tỷ lệ phần trăm của các cá nhân nằm ở mỗi điểm dọc theo phổ đó. Nhiều tình nguyện viên đã xác định cảm giác về nghĩa vụ yêu nước là một yếu tố hàng đầu trong quyết định gia nhập quân đội của họ. Nhiều người cũng viện dẫn niềm tin vào

sự nghiệp chống Cộng sản như một động lực. Những người khác, những người có xu hướng dè dặt hơn, tình nguyện chủ yếu để có được một công việc tốt hơn hoặc ít nguy hiểm hơn so với một người bị gọi nhập ngũ thường lấy.

Trong khi việc gian lận hệ thống quân dịch trở nên phổ biến trong một số nhóm trong xã hội vào cuối năm 1967, những nhóm này không được xác định thuần túy bởi tuổi tác, học vấn, giai cấp hay chủng tộc. Khu vực và dân tộc cũng là những yếu tố lớn, đặc biệt là khi nói đến sinh viên đại học. Trong khi sự kháng cự quân dịch và phản đối chiến tranh gia tăng mạnh ở các trường Ivy League của Đông Bắc và các trường đại học lớn của vùng Trung Tây thượng và Tây Bắc Thái Bình Dương, chúng lại không nổi bật tại các khuôn viên trường của miền Nam và miền Tây.⁶⁷⁵

Trên toàn quốc, những người có học thức, giàu có và da trắng đã gánh chịu một phần lớn trong chiến đấu và hy sinh. Người Mỹ phục vụ ở Việt Nam nhìn chung có học thức cao hơn đáng kể so với những người đã phục vụ trong Thế chiến II, nhờ vào các tiêu chuẩn tuyển quân khắt khe hơn mà quân đội có thể duy trì khi chiến đấu trong một cuộc chiến nhỏ hơn. Tám mươi phần trăm trong số họ có bằng tốt nghiệp trung học, so với

chỉ 45 phần trăm cựu chiến binh Thế chiến II. Những người đàn ông được gửi đến Việt Nam cũng có học thức cao hơn tổng dân số nam trong độ tuổi quân dịch trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam ; chỉ 65 phần trăm trong nhóm đó sở hữu bằng tốt nghiệp trung học. Trong số các sĩ quan Mỹ ở Việt Nam, một nhóm chiếm 12,5 phần trăm tổng lực lượng ở Việt Nam, hầu hết đều có bằng đại học, trái ngược với Thế chiến II, khi một phần lớn những người không có bằng đại học đã được phong làm sĩ quan để đáp ứng nhu cầu của một cuộc xung đột toàn cầu. ⁶⁷⁶

Người Mỹ có học thức nói chung nhạy bén hơn người Mỹ trung bình trước các mối đe dọa mà Chủ nghĩa Cộng sản gây ra cho Hoa Kỳ. Họ quen thuộc hơn với nhiều chương đen tối mà Chủ nghĩa Cộng sản đã viết vào lịch sử trong năm mươi năm đầu tiên của nó, bao gồm Khủng bố Đỏ của Lenin, các cuộc thanh trừng và nạn đói của Stalin, Đại Nhảy Vọt của Mao và Cuộc Cách mạng Văn hóa, sự lật đổ các chính phủ liên minh ở Đông Âu, cuộc xâm lược Hàn Quốc của Bắc Triều Tiên, và việc đàn áp cuộc nổi dậy ở Hungary. Mặc dù tâm lý phản đối chiến tranh đang gia tăng tại nhiều trường đại học Mỹ, nó không lấn át được các quan điểm đối lập. Giới học giả Mỹ vào cuối những năm 1960 bao gồm một số lượng lớn các cựu chiến binh Thế chiến II và Chiến

tranh Triều Tiên, những người ủng hộ chiến tranh và khuyến khích sinh viên tham gia quân đội. Các sự kiện và ấn phẩm phản chiến đã kích động một làn sóng phản đối ngược lại, thể hiện qua các hoạt động của các nhóm hiện có như Viện Nghiên cứu Liên đại học và Ủy ban Quốc gia Đảng Cộng hòa Đại học, cũng như các nhóm mới như Thanh niên Mỹ vì Tự do và Hiệp hội Chiến thắng tại Việt Nam.⁶⁷⁷

Mặc dù một số nhóm người Mỹ giàu có và có học thức đã né tránh nghĩa vụ quân sự thường xuyên hơn so với phần còn lại của dân số, hành vi này không dẫn đến tình trạng thiếu đại diện nghiêm trọng của tầng lớp trung lưu và thượng lưu trong lực lượng chiến đấu. Sau chiến tranh, các nhà nghiên cứu tại MIT đã phân tích một mẫu ngẫu nhiên gồm 1.510 người Mỹ thiệt mạng ở Việt Nam và phát hiện rằng người Mỹ ở mọi mức thu nhập đều được đại diện đầy đủ. Tồn tại sự chênh lệch giữa tầng lớp thấp và cao, nhưng không phải là sự chênh lệch lớn như người ta thường giả định ; 34% số người tử trận đến từ các gia đình nằm trong 30% có thu nhập thấp nhất xã hội, trong khi 25% đến từ các gia đình thuộc nhóm 30% có thu nhập cao nhất.⁶⁷⁸

Trong những năm đầu của cuộc chiến, binh sĩ da đen tử trận trong chiến đấu với tỷ lệ cao hơn binh sĩ da trắng, điều chưa từng xảy ra trong lịch sử Mỹ. Người da đen chiếm 20,8% số người Mỹ thiệt mạng trong các năm 1965 và 1966, gần gấp đôi tỷ lệ của họ trong dân số chung. Trước đó, tỷ lệ người da đen tử trận trong Chiến tranh Triều Tiên - cuộc chiến đầu tiên có các đơn vị chiến đấu tích hợp chủng tộc - là 8,4%, và chiếm tỷ lệ nhỏ hơn nhiều trong các cuộc xung đột trước đó, khi phần lớn người da đen phục vụ trong các đơn vị hậu cần tách biệt. Đối với một số người Mỹ, sự gia tăng số lượng binh sĩ da đen tham chiến là dấu hiệu của tiến bộ trong việc hội nhập chủng tộc. Nhưng đối với những người khác, điều đó thể hiện sự phân biệt đối xử và coi thường sinh mạng người da đen. Những lời phàn nàn từ quan điểm sau đã khiến quân đội phải giảm số lượng binh sĩ da đen được phân bổ vào các đơn vị chiến đấu, và kết quả là, tỷ lệ thương vong trong toàn bộ cuộc chiến sau này phản ánh đúng tỷ lệ của mỗi nhóm sắc tộc trong dân số nói chung. Trong tổng số người Mỹ thiệt mạng ở Việt Nam, 85,6 phần trăm sẽ là da trắng và 12,4 phần trăm sẽ là da đen.⁶⁷⁹

Vào ngày 16 tháng 10, gần một nghìn thanh niên tại mười tám thành phố của Mỹ đã nộp thẻ quân dịch của họ cho những người tổ chức Tuần lễ Ngày Quân dịch

Quốc gia. Những tấm thẻ được chuyển đến Washington, DC, nơi chúng được tiếp nhận bởi một nhóm trí thức bao gồm tuyên úy Yale William Sloan Coffin, giáo sư Harvard George Williams, bác sĩ nhi khoa Benjamin Spock, và tiểu thuyết gia Norman Mailer. Dẫn đầu một cuộc tuần hành đến Bộ Tư pháp, các trí thức tuyên bố rằng họ ủng hộ những người kháng cự quân dịch và sẵn sàng bị bắt vì tội xúi giục những người đã giao nộp thẻ.

«Trước mặt những gì đối với chúng tôi là điên rồ và vô nhân đạo, chúng tôi không thể im lặng cũng không thể phục tùng», Coffin, phát ngôn viên chính của họ, tuyên bố. «Chúng tôi cũng không thể giáo dục những thanh niên trở nên có lương tâm chỉ để bỏ rơi họ trong giờ phút thể hiện lương tâm của họ.» Một viên chức Bộ Tư pháp đồng ý gặp nhóm trong một phòng họp, nhưng ông ta từ chối nhận các thẻ quân dịch hoặc bắt giữ bất kỳ người nào trong số những người giao nộp. Không chuẩn bị cho một phản ứng nhạt nhẽo như vậy, các trí thức kết thúc vấn đề bằng cách để những tấm thẻ quân dịch trên bàn phòng họp và bước ra ngoài.⁶⁸⁰

Các nhà hoạt động phản chiến khác tổ chức một cuộc tập trung lớn hơn nhiều ở thủ đô của quốc gia, được lên lịch vào ngày 21 tháng 10. Khi ngày đó đến gần, Bộ trưởng Tư pháp Hoa Kỳ Ramsey Clark thông báo với

Tổng thống Johnson rằng những người tham gia sẽ bao gồm vô số người từ «các nhóm Cánh tả cực đoan với hàng dài những mối liên hệ với Cộng sản.» Clark trấn an tổng thống rằng các nỗ lực của chính phủ đang được tiến hành để hạn chế sự tham dự bằng cách tạo ra «các sự kiện đánh lạc hướng khác vào ngày và đêm của cuộc tuần hành.» Lệnh Tình báo Lục quân và FBI cử các đặc vụ thường phục đến xâm nhập các nhóm biểu tình và thuyết phục một số người quản lý xe buýt thuê hủy các chuyến xe buýt đến Washington mà lẽ ra sẽ chở những người biểu tình.⁶⁸¹

Bất chấp những nỗ lực của chính quyền, hơn năm mươi nghìn người biểu tình đã tham dự cuộc biểu tình. Hầu hết là sinh viên đại học. Tập trung tại Đài tưởng niệm Lincoln, họ lắng nghe các bài phát biểu và âm nhạc và tham gia vào các khẩu hiệu phản đối quân dịch «Không, chúng tôi không đi !»

Những lời thu hút được sự chú ý nhiều nhất của giới truyền thông đến từ Tiến sĩ Spock, vị bác sĩ nhi khoa đã nổi danh nhờ việc viết cuốn Sách Chăm sóc Trẻ em và Trẻ nhỏ theo Lẽ thường, thứ đã thuyết phục hàng triệu người Mỹ ngừng trừng phạt thân thể con cái họ. «Chúng tôi không coi người dân Việt Nam - miền Bắc hay miền Nam - là kẻ thù», giọng nói của Spock vang

vọng qua các loa phóng thanh. «Họ không mong muốn gây hại cho Hoa Kỳ. Họ chỉ đang bảo vệ đất nước mình khỏi cuộc tấn công bất công bằng vũ khí và máy bay.» Phòng khi có ai không nhận ra nguồn gốc của sự bất công này, Spock tuyên bố rằng «kẻ thù, chúng tôi tin một cách chân thành, là Lyndon Johnson, người mà chúng ta đã bầu làm ứng viên hòa bình vào năm 1964 và người đã phản bội chúng ta trong vòng ba tháng, kẻ đã ngoan cố dẫn dắt chúng ta ngày càng sâu hơn vào một vũng lầy đầm máu nơi hàng trăm ngàn người Việt Nam không đếm xuể, gồm đàn ông, phụ nữ và trẻ em, đã thiệt mạng, và 13.000 thanh niên Mỹ cũng vậy.»⁶⁸²

Rõ ràng là Tiến sĩ Spock đã không theo dõi những tuyên bố công khai gần đây của Bắc Việt Nam, phần lớn trong số đó mô tả mục tiêu của chính phủ Hà Nội mang tính tấn công hơn là phòng thủ và gọi Hoa Kỳ là mục tiêu chính của hoạt động tấn công. «Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và những thành công của nó chưa bao giờ tách rời khỏi cách mạng thế giới», Lê Duẩn đã tuyên bố trong một chương trình phát sóng của Đài Phát thanh Hà Nội. «Sức mạnh to lớn của cách mạng thế giới không gì khác hơn là sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng chính trị mà từ các hướng khác nhau tấn công chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu.»⁶⁸³ Trong mùa thu đó, các nguyên thủ

quốc gia của Indonesia, Malaysia và Singapore đều bày tỏ lo sợ về tham vọng tấn công của Bắc Việt Nam và Trung Quốc và nói rằng đất nước của họ sẽ khuất phục trước những tham vọng đó nếu Hoa Kỳ rút khỏi miền Nam Việt Nam.⁶⁸⁴

Sau các bài phát biểu tại Đài tưởng niệm Lincoln, những người biểu tình diễu hành băng qua Cầu Tưởng niệm (Memorial Bridge) hướng về Lầu Năm Góc. Một số người được nhìn thấy vẫy cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, nửa đỏ nửa xanh với một ngôi sao vàng ở giữa. Những người khác vẫy cờ Hoa Kỳ.

Tại Lầu Năm Góc, những người biểu tình chế nhạo 2.500 binh sĩ đã được bố trí xung quanh tòa nhà cho mục đích bảo vệ. Họ nhổ các cọc bãi đậu xe, đốt lửa trại, rồi ném các thẻ quân dịch vào ngọn lửa. Trong một vài dịp, đám đông cố gắng chọc thủng hàng rào binh sĩ, nhưng bị đánh lui bằng băng súng, dùi cui và nắm đấm. Một nhóm nhỏ từ Tổ chức Sinh viên vì một Xã hội Dân chủ (Students for a Democratic Society) đã chui được qua cửa vào bên trong Lầu Năm Góc nhanh chóng bị khuất phục và bắt giữ bởi các Nhân viên US Marshals (Hiến binh Liên bang) và quân nhân bên trong. Nhà chức trách đã bắt giữ ít nhất 250 người biểu tình.⁶⁸⁵

Vài ngày sau, Johnson yêu cầu CIA đánh giá mức độ đồng lõa của nước ngoài với các nhóm phản chiến Mỹ. CIA báo cáo lại rằng «liên lạc giữa Hà Nội và các nhà lãnh đạo của phong trào hòa bình Hoa Kỳ đã phát triển đến mức giờ đây gần như liên tục.» CIA không tìm thấy bằng chứng cho thấy các nhóm hòa bình chịu sự kiểm soát trực tiếp của nước ngoài, nhưng xác định rằng những người Cộng sản Mỹ có ảnh hưởng rất lớn trong ban lãnh đạo của các tổ chức phản chiến. CIA kết luận rằng nhiều người tổ chức cuộc biểu tình ngày 21 tháng 10 đã «biết và có quan hệ với những người Cộng sản và các nhóm mặt trận Cộng sản trong nhiều năm.»

686

Đối với người Bắc Việt Nam, các cuộc biểu tình cung cấp bằng chứng đáng khích lệ về ý chí suy giảm ở Hoa Kỳ.⁶⁸⁷ Các cuộc thăm dò ý kiến công chúng cho thấy sự ủng hộ dành cho cuộc chiến trong dân chúng Mỹ giảm sút cũng vậy. Đầu tháng 11, tỷ lệ ủng hộ công chúng đối với cách xử lý vấn đề Việt Nam của LBJ đã giảm xuống mức thấp nhất mọi thời đại là 23%.⁶⁸⁸

Như chính Johnson nhận ra, sự im lặng của tổng thống trước các cuộc biểu tình là một lý do chính cho sự sụt giảm ủng hộ dành cho tổng tư lệnh và cuộc chiến. Trong một cuộc họp kín đáng chú ý với Robert Manning

của The Atlantic vào ngày 19 tháng 10, Johnson thừa nhận rằng ông đã tránh việc tập hợp người dân Mỹ xung quanh cuộc chiến vì ông «phải cẩn thận để không đẩy đất nước vào một cơn cuồng chống cộng.» Ông nói rằng một cơn cuồng như vậy sẽ «xé nát những gì chúng ta đã đạt được với Liên Xô», chẳng hạn như Công ước Lãnh sự và Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hạt nhân. «Nếu lịch sử buộc tội chúng ta về Việt Nam», Johnson tâm sự với Manning, «thì đó sẽ là vì đã chiến đấu một cuộc chiến mà không cố gắng khơi dậy lòng yêu nước.»

689

Do vẫn miễn cưỡng nói chuyện với người dân Mỹ về cuộc chiến và thiếu tự tin rằng McNamara và các quan chức nội các khác sẽ thay mặt ông phát biểu, Johnson lại dựa vào Westmoreland.⁶⁹⁰ Nhà Trắng triệu tập Westmoreland và Bunker về Hoa Kỳ trong mười ngày để xuất hiện trước công chúng và truyền thông, bắt đầu từ ngày 13 tháng 11. Hai người quyết tâm làm nổi bật những mặt tích cực, vừa do áp lực từ Nhà Trắng vừa do niềm tin của chính họ rằng họ cần phải chống lại những đưa tin báo chí tiêu cực quá mức. «Giới truyền thông có xu hướng nhấn mạnh vào mặt tiêu cực», Westmoreland sau này nói về giai đoạn này. «Để cân bằng bức tranh», ông và các nhà lãnh đạo cấp cao khác «có khuynh hướng và được Washington khuyến khích để nhấn mạnh mặt

tích cực.»⁶⁹¹

Trong các buổi xuất hiện theo lịch trình, Westmoreland và Bunker báo cáo về những tiến bộ trong bình định và nhấn mạnh hiệu quả của Chiến dịch Sấm Rền (Sấm Rền) trong việc ghim chân nhân sự Bắc Việt và cản trở sự xâm nhập. «Tôi chưa bao giờ được khích lệ nhiều hơn trong bốn năm ở Việt Nam của mình», Westmoreland tuyên bố tại một cuộc họp với các phóng viên. Trên chương trình Meet the Press của NBC, ông khẳng định, «Tôi thấy một thái độ tự tin và lạc quan ngày càng tăng. Nó lan tỏa khắp đất nước, và đối với tôi đây là bằng chứng quan trọng nhất mà tôi có thể đưa ra cho bạn rằng sự tiến bộ liên tục, thực sự đang được thực hiện.» Ông cũng mạo hiểm, mặc dù thận trọng, vào việc dự báo các cam kết tương lai của Hoa Kỳ, nói rằng, «Có thể hình dung rằng trong vòng hai năm hoặc ít hơn, kẻ thù sẽ suy yếu đến mức người Việt Nam sẽ có thể đảm đương một phần gánh nặng chiến tranh lớn hơn.»⁶⁹²

Như Johnson hy vọng, những màn trình diễn lạc quan của Westmoreland và Bunker đã được theo sau bởi sự gia tăng trong dư luận quần chúng. Từ đầu đến cuối tháng 11, sự ủng hộ của công chúng đối với cách xử lý cuộc chiến của Johnson đã tăng từ 23% lên 34%.⁶⁹³ Tâm lý ủng hộ leo thang chiến tranh đạt mức cao chưa

từng có, với 63% người Mỹ ủng hộ hành động quân sự gia tăng. Khi được hỏi vào tháng 12 về quan điểm của họ về một cuộc xâm lược trên bộ vào Bắc Việt Nam, 49% người Mỹ nói rằng họ ủng hộ và chỉ 29% phản đối.⁶⁹⁴

Johnson và nỗ lực chiến tranh cũng được hưởng lợi từ một phản ứng dữ dội ngày càng tăng của quần chúng chống lại phong trào phản chiến. «Một phản ứng dâng cao chống lại các cuộc biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam đang phát triển trong nhân dân Mỹ», nhà thăm dò ý kiến Louis Harris nhận xét vào tháng 12. Công chúng đã phản ứng trước các cuộc biểu tình phản chiến với «một sự củng cố hỗ trợ dành cho Tổng thống Johnson và nỗ lực quân sự ở Việt Nam.» Trong một cuộc khảo sát do Harris thực hiện, 76% số người được hỏi nói rằng họ tin rằng các cuộc biểu tình phản chiến gần đây «khuyến khích những người Cộng sản chiến đấu hết sức hơn nữa», và 68% nghĩ rằng các cuộc biểu tình đó tương đương với «những hành vi phản bội đối với các chàng trai ở Việt Nam.»⁶⁹⁵

Trong chuyến thăm Washington của Westmoreland, ông đã gặp riêng với các Tham mưu trưởng Liên quân để trình bày kế hoạch cho năm tới. Những kế hoạch đó bao gồm các hoạt động trên bộ vào Bắc Việt Nam

và Lào. Các nhà hoạch định của Westmoreland đang soạn thảo Kế hoạch York (Operation York), một hoạt động nhiều giai đoạn mà đỉnh điểm là việc đưa quân Mỹ vào miền nam Bắc Việt Nam bằng đường biển và đường không.⁶⁹⁶ Họ cũng đang làm việc về Kế hoạch El Paso (Operation El Paso), trong đó hai sư đoàn Mỹ và một sư đoàn Nam Việt Nam sẽ được không vận vào Lào. Các sư đoàn này sẽ thiết lập các căn cứ dọc theo Đường 9, từ đó họ sẽ tấn công các đơn vị địch và các khu phức hợp hậu cần và chặn các ngã tư đường tại Tchepone, Muong Phine, và Ngã tư Đông Dương (Four Corners), những điểm then chốt mà tất cả các xe tải đi về phía nam trên Đường mòn Hồ Chí Minh phải đi qua. Để cung cấp cho các sư đoàn Mỹ và Nam Việt Nam, các đoàn xe tải sẽ di chuyển từ Nam Việt Nam vào Lào trên Đường 9. Mặc dù các đoạn đường thuộc Lào của Đường 9 lúc này đang trong tình trạng tồi tệ, các kỹ sư Mỹ tin rằng họ có thể làm cho chúng có thể cho xe tải đi qua, với công suất 750 tấn Mỹ (short tons) mỗi ngày, trong vòng ba tuần.⁶⁹⁷

Đại sứ Sullivan vào thời điểm này cũng đưa ra những lập luận mới chống lại việc sử dụng lực lượng mặt đất của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ở Lào. Ông cho rằng việc ném bom Đường mòn Hồ Chí Minh giờ đây cực kỳ hiệu quả, hiệu quả đến mức nó đang ngăn chặn việc

vận chuyển gần như toàn bộ hàng hóa dự trữ mà người Bắc Việt đã tích lũy để vận chuyển trong mùa khô.⁶⁹⁸ Các báo cáo từ các quan sát viên quân sự Trung Quốc, được chính phủ Trung Quốc công bố sau chiến tranh, chỉ ra rằng các cuộc ném bom thực sự đang gây thiệt hại nghiêm trọng cho các lô hàng tiếp tế gửi xuống đường mòn, phá hủy hơn một nửa tổng số hàng hóa trên đường đi.⁶⁹⁹ Tuy nhiên, Chiến dịch Popeye (gieo mây tạo mưa) và Chiến dịch Co mmando Lava (tạo bùn) không làm tắc nghẽn các tuyến đường xâm nhập. Mặc dù Popeye đã thành công trong việc tạo thêm lượng mưa, Co mmando Lava đã không thể tạo ra bùn với số lượng như mong đợi.⁷⁰⁰

Các xe tải vẫn tiếp tục di chuyển, và một số trong đó vẫn tiếp tục chạy qua được. Bằng cách đưa thêm vật tư vào đầu đường mòn, người Bắc Việt đã có thể tăng lượng hàng tiếp tế tới được miền Nam Việt Nam. Như một cuốn lịch sử của Bắc Việt Nam cuối cùng sẽ tiết lộ, lượng vật tư được chuyển đến miền Nam Việt Nam qua Đường mòn Hồ Chí Minh đã tăng lên 25.536 tấn vào năm 1967, so với 7.903 tấn vào năm 1966.⁷⁰¹

Chủ đề về các hoạt động trên bộ ở Bắc Việt Nam, Lào và Campuchia đã xuất hiện công khai vào cuối tháng 11 trong một cuộc phỏng vấn truyền hình với hai trong số

những nhân vật quốc gia lỗi lạc nhất của nước Mỹ. Một trong số họ, Dwight Eisenhower, lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ các cuộc tấn công xâm nhập vào các quốc gia này và xem nhẹ quan điểm cho rằng Hoa Kỳ phải tôn trọng các biên giới quốc gia mà kẻ thù đã không tôn trọng. «Việc tôn trọng những đường ranh giới trên bản đồ này, tôi nghĩ các bạn có thể làm quá», cựu tổng thống nhận xét.⁷⁰²

Người kia trong cuộc phỏng vấn là Tướng Omar Bradley, người giống như Eisenhower là một trong năm người duy nhất trong lịch sử Hoa Kỳ đạt được cấp bậc đại tướng năm sao. Trong Thế chiến II, Bradley đã chỉ huy Tập đoàn quân số 12, với năm mươi bốn sư đoàn, là đơn vị quân sự lớn nhất từng được tập hợp của Hoa Kỳ, và sau chiến tranh, ông trở thành chủ tịch đầu tiên của Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân. Bradley tập trung bình luận của mình vào vai trò của ý chí Mỹ trong việc đảm bảo chiến thắng. Ông nói rằng người Bắc Việt đang trông mong vào việc làm suy yếu ý chí của nước Mỹ, như họ đã làm với nước Pháp. «Tôi chỉ không tin người dân Mỹ yếu đuối đến vậy», Bradley khẳng định. «Tôi nghĩ sức mạnh của họ lớn hơn thế. Họ sẽ không từ bỏ và rút lui.»⁷⁰³

Westmoreland vẫn còn ở Washington khi một trong những trận đánh lớn nhất trong năm đi đến hồi kết. Nguồn gốc của cuộc đụng độ bắt nguồn từ cuối tháng 10, khi tình báo tin hiệu Mỹ và các cuộc tuần tra trinh sát tầm xa đã tiết lộ sự di chuyển của bốn trung đoàn Bắc Việt từ các căn cứ của họ ở Campuchia và vượt qua biên giới Nam Việt Nam vào tỉnh Kontum. Các trung đoàn đang trên đường đến Đắk Tô, một thị trấn nhỏ cách giao điểm biên giới Lào, Campuchia và Nam Việt Nam mười lăm dặm.⁷⁰⁴

Ngay khi thông tin này đến được Sư đoàn Bộ binh số 4 của Mỹ, chỉ huy sư đoàn đã điều các đơn vị chiến đấu đến phòng thủ Đắk Tô. Lữ đoàn 1 của sư đoàn di chuyển bằng đường không đến trại Lực lượng Đặc biệt Đắk Tô, nơi họ thiết lập ban chỉ huy trước khi điều bộ binh đi trinh sát các đường sông núi và đồi bên ngoài thị trấn. Máy bay Mỹ quét khu vực bằng cảm biến hồng ngoại và máy dò người. Chẳng mấy chốc Bộ chỉ huy Mỹ nhận nhịp với các báo cáo về các cuộc di chuyển quân lớn của đối phương và việc xây dựng các khu vực kho đạn và các căn cứ hỏa lực.⁷⁰⁵

Lý do chính xác tại sao Quân đội Bắc Việt đang tiến về Dak To vẫn là một câu đố đối với người Mỹ và người Việt Nam Cộng hòa.

Ý định thực sự của Bắc Việt là nhử lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa vào trận chiến ở những ngọn đồi phía nam Dak To. Với vẻ ngoài đầy ám ảnh, những ngọn đồi đó cung cấp cho Bắc Việt một số địa hình phòng thủ tốt nhất trên toàn miền Nam Việt Nam. Một tán cây rậm rạp với các cây tẻch và gỗ gụ, cao tới hai trăm feet, che khuất tầng rừng khỏi tầm nhìn từ trên cao. Những bụi tre, dây leo và cây bụi mọc dưới những tán cây, và giữa thảm thực vật là vô số suối và sông ngòi khiến quân đội không thể di chuyển nhanh chóng trên mặt đất. Đất đỏ bazan lý tưởng cho việc đào hào, hầm trú ẩn và các vị trí chiến đấu.

Bộ Tổng tư lệnh Bắc Việt giao phó chiến dịch Dak To cho một trong những vị tướng giỏi nhất của họ, Nguyễn Hữu An. Được điều động từ một đơn vị khác, vị tướng được đưa vào chỉ huy Sư đoàn 1 QĐNDVN, nơi mà bốn trung đoàn tham gia được biên chế. Trên đường đến sở chỉ huy Sư đoàn 1 ở Campuchia, Nguyễn Hữu An nhận được các báo cáo về tình trạng bệnh tật lan rộng và tinh thần sa sút trong đơn vị. Khi ông đến sở chỉ huy của sư đoàn, «tình hình thậm chí còn tồi tệ hơn những gì đã được báo cáo», ông kể lại. «Những người lính nằm bất động trong những túp lều, cả những người khỏe mạnh lẫn những người ốm yếu, và một vài người đứng xung quanh thành từng nhóm nhỏ bên ngoài túp lều thì thầm

với nhau một cách thờ ơ. Tôi thấy rất ít nụ cười mà tôi mong đợi trên khuôn mặt của những chàng trai trẻ.»

Một phần của vấn đề, Nguyễn Hữu An phát hiện ra, là sự khác biệt giữa những gì binh lính nghe được trong huấn luyện và giáo dục chính trị ở miền Bắc và những gì họ chứng kiến về chiến tranh ở miền Nam. Tại các trại huấn luyện, các cán bộ tuyên truyền đã nói về những chiến thắng vẻ vang trước các đối thủ Mỹ và Việt Nam Cộng hòa và về sự thống nhất đất nước sắp tới. Khi những người lính mới bắt đầu cuộc hành quân về phía nam, họ nói với nhau, «Di chuyển nhanh lên. Nếu chúng ta quá chậm, tất cả những gì còn lại để chúng ta làm là nhặt vỏ đạn đã qua sử dụng !»

Khi những người xâm nhập tiến xuống đường mòn Hồ Chí Minh, họ chạm trán với bạn bè và người quen trở về từ miền Nam, những câu chuyện và những cánh tay chân bị mất của họ đã tiết lộ một bức tranh hoàn toàn khác về chiến trường. Những người xâm nhập tổ chức những buổi thì thầm về mỗi câu chuyện khó chịu nhận được từ các cựu chiến binh. «Những lăng kính màu hồng mà họ được phát ở hậu phương bắt đầu rơi khỏi mắt họ», theo lời của Nguyễn Hữu An.⁷⁰⁶

Bằng sức mạnh cá nhân, Nguyễn Hữu An đã khôi phục được phần nào tinh thần chiến đấu trong Sư đoàn

1. Trong những ngày cuối tháng Mười, bốn trung đoàn bộ binh dưới quyền chỉ huy của ông rời các căn cứ ở Campuchia và hành quân về phía Dak To trên những con đường mòn trên núi, mà sĩ quan của họ đặt tên là Con đường tiêu diệt Mỹ. Các pháo thủ Bắc Việt mang theo các bộ phận rời của các khẩu pháo howitzer và súng không giật, và nhân viên hậu cần chở đạn dược và lương thực bằng xe đạp. Mưa xối xả trên các ngọn núi, khiến những con đường đất trở nên lầy lội và những con đường đá trơn trượt. Khi vượt qua các sườn núi dốc, một số người đã trượt chân và rơi xuống vực chết.

Khi các trung đoàn Bắc Việt đến các ngọn đồi rừng rậm phía nam Dak To, họ bắt đầu xây dựng các công sự kiên cố trên các sườn dốc. Nguyễn Hữu An yêu cầu quân của mình hoàn thành nhiệm vụ đó trong vòng hai tuần. Sau đó, vào ngày 15 tháng 11, họ sẽ khai hỏa các khẩu pháo lớn vào Dak To và căn cứ lân cận Tân Cảnh để nhử người Mỹ. Khi người Mỹ đến giao chiến với họ trên các ngọn đồi, một số bộ binh của ông sẽ chờ đợi họ trong những công sự mạnh mẽ đến bất ngờ, và những binh sĩ Bắc Việt khác sẽ xuất hiện từ những nơi ẩn náu gần đó để tấn công những người Mỹ không nghi ngờ từ hai bên sườn và phía sau. Bắc Việt đặt mục tiêu tiêu diệt một đến hai tiểu đoàn Mỹ trong giai đoạn đầu của trận chiến và thêm một đến hai tiểu đoàn Mỹ nữa mà họ dự

đoán sẽ được điều động làm quân tiếp viện sau trận đồn ban đầu.

Tình hình diễn biến đã đẩy nhanh một cuộc chạm trán vũ trang sớm hơn nhiều so với Nguyễn Hữu An mong muốn. Vào ngày 2 tháng 11, trong khi các đơn vị Bắc Việt vẫn đang đến các ngọn đồi bên ngoài Dak To, một binh sĩ Bắc Việt đã đầu hàng người Mỹ và tiết lộ toàn bộ kế hoạch chiến dịch của Bắc Việt. Người lính đó, Trung sĩ Vũ Hồng, khai rằng chín nghìn quân Bắc Việt đang tập trung về Dak To, và anh ta cung cấp những chi tiết chính xác về vị trí và quy mô của các cuộc tấn công dự kiến của Bắc Việt.

Tại sở chỉ huy Lữ đoàn 1, Sư đoàn Bộ binh 4, câu chuyện của Hồng đã vấp phải sự hoài nghi từ phần lớn nhân viên tham mưu. Vị trung sĩ trẻ dường như biết quá nhiều so với cấp bậc của mình. Đúng là kiểu của người Bắc Việt khi cử một kẻ đào ngũ giả để đánh lừa đối phương về kế hoạch của họ. Nhưng khi người Mỹ kiểm tra thông tin của Trung sĩ Hồng với các nguồn tình báo khác, những nguồn đó đều xác nhận câu chuyện của anh ta không ngoại lệ. Một khi người Mỹ tin vào tính xác thực của vị trung sĩ, họ quyết định điều động thêm các tiểu đoàn bộ binh và pháo binh đến Dak To để mở các cuộc tấn công phủ đầu.

Tại sở chỉ huy Sư đoàn 1 QĐNDVN, nơi Hồng từng công tác, sự vắng mặt của vị trung sĩ nhanh chóng được phát hiện. Khả năng một người có hiểu biết toàn diện như anh ta đã đào ngũ hoặc bị bắt làm báo động các sĩ quan của sư đoàn, lên tận người chỉ huy. Nguyễn Hữu An hồi tưởng rằng khi biết tin trung sĩ mất tích, «Tôi cảm thấy như đầu mình sắp nổ tung.» Lo sợ các đơn vị của mình sớm bị tấn công bởi người Mỹ, Nguyễn Hữu An ra lệnh cho tất cả binh lính đào công sự dã chiến và báo cáo ngay lập tức bất kỳ dấu hiệu nào của hoạt động địch.

Đến sáng hôm sau, Nguyễn Hữu An đã nhận đủ các báo cáo về các cuộc di chuyển quân Mỹ để không còn nghi ngờ gì rằng người Mỹ đang điều lực lượng đến tất cả những nơi mà binh sĩ Sư đoàn 1 của ông định đến. Vì lý do này, ông thay đổi kế hoạch và đẩy nhanh việc thực hiện nó. Vị tướng chỉ thị cho quân đội của mình ở nguyên vị trí và tiếp tục đào cho đến khi họ có công sự vững chắc, lúc đó họ sẽ sử dụng lợi thế của địa hình và công sự để đẩy lùi tất cả những người Mỹ nào xuất hiện. Những ai không thể xây dựng công sự đầy đủ trước khi lực lượng Mỹ đến thì phải tấn công người Mỹ từ hai bên sườn và phía sau càng sớm càng tốt để ngăn chặn họ củng cố các vị trí phòng thủ.

Cuộc chạm trán đầu tiên diễn ra vào ngày 3 tháng 11. Trên một rặng núi phía nam Dak To, một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn Bộ binh 4 của Mỹ chạm trán một đại đội từ Sư đoàn 1 QĐNDVN đang trong quá trình đào hào. Vứt xẻng xuống và chộp lấy vũ khí, quân Bắc Việt đã tạo đủ hỏa lực để ngăn cản người Mỹ xông vào họ. Chỉ huy tiểu đoàn Mỹ ra lệnh cho binh lính rút lui để ông ta có thể làm suy yếu quân Bắc Việt bằng pháo binh và các đòn không kích chiến thuật.

Sau đợt bắn phá, bộ binh Mỹ tấn công vào vị trí của Bắc Việt nhưng thấy rằng sự kháng cự của địch vẫn dai dẳng. Một lần nữa, chỉ huy Mỹ rút quân và triệu tập pháo binh và máy bay ném bom. Sau cuộc oanh tạc này, bộ binh Mỹ đã có thể đánh bật quân Bắc Việt khỏi rặng núi. Phía Mỹ thiệt hại bốn người chết và đếm được mười ba thi thể Bắc Việt, mặc dù họ tin rằng nhiều quân Bắc Việt khác đã bị kéo đi hoặc bị chôn vùi trong đồng cỏ nát. Như một điềm báo cho những trận chiến sắp tới, người Mỹ phát hiện ra rằng các vị trí chiến đấu của Bắc Việt đã được bao bọc bằng những khúc gỗ gụ dày, được đẽo từ khu rừng xung quanh bằng cưa tay, giúp bảo vệ những người ở trong khỏi hầu hết mọi thứ ngoại trừ một cú đánh trực tiếp bằng bom hoặc đạn pháo.

Trong hai tuần tiếp theo, những cảnh tượng tương tự diễn ra không liên tục trên những ngọn đồi phía trên Dak To. Sau khi bộ binh Mỹ xác định vị trí của Bắc Việt, họ vội vã rút đi và chứng kiến bom Mỹ và chất diệt cỏ phá trụi thảm thực vật che giấu vị trí của Bắc Việt. Trong một số trường hợp, bom napalm được sử dụng để thiêu rụi các hầm trú ẩn và những người ở trong đó. Các cuộc tấn công của bộ binh Mỹ tiếp theo, và chu kỳ này được lặp lại cho đến khi quân Bắc Việt quá yếu ớt không thể chống đỡ một cuộc tấn công phối hợp. Tồn thất của Bắc Việt vượt xa so với Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

Vào ngày 14 tháng 11, Nguyễn Hữu An quyết định đã đến lúc thu hút lực lượng Mỹ về phía Đồi 875. Ngọn đồi này, xa Dak To hơn so với những ngọn đồi khác mà quân của ông đã chiếm giữ, vẫn chưa hề hứng chịu một vũ khí nào. Binh lính và công binh Bắc Việt đã củng cố nó một cách yên ổn trong suốt hai tuần lao động mà Nguyễn Hữu An ban đầu muốn dành cho toàn bộ lực lượng của mình. Đồi 875 nhìn ra một thung lũng có thể được sử dụng làm đường thoát cho lực lượng Bắc Việt rút khỏi Dak To về Campuchia và do đó sẽ được cả hai phe tranh giành khi Bắc Việt cố gắng quay trở lại nơi ẩn náu của họ.

Quân Bắc Việt đã xây dựng một pháo đài ngầm công phu trên Đồi 875, đào các lớp hào chiến đấu và một loạt hào thông tin sâu cho phép những người ở trong đó tập trung và chiến đấu trên cả bốn mặt. Dọc theo tường sau của các đường hào là những lỗ nhỏ nơi binh lính có thể trú ẩn trong một cuộc oanh tạc. Quân Bắc Việt đào các hầm trú ẩn bên dưới rễ của những cây to để vừa che giấu vừa làm nơi ẩn nấp, và họ đào một đường hầm vào sâu trong lòng đồi để chứa thực phẩm, nước uống và che chở cho những người bị thương.⁷⁰⁷

Để chuẩn bị cho trận chiến được cho là then chốt, Nguyễn Hữu An đã tập trung vài nghìn quân ở các vị trí ẩn náu trên và xung quanh Đồi 875. Để đánh lừa người Mỹ gửi một lực lượng tương đối nhỏ đến ngọn đồi, các nhân viên vô tuyến điện Bắc Việt gửi đi các thông điệp cho thấy một lực lượng nhỏ hơn nhiều đang chiếm giữ ngọn đồi, và các đơn vị Bắc Việt trên đồi được lệnh chỉ bắn một lượng hỏa lực khiêm tốn vào người Mỹ khi họ mới đến. Một khi quân Mỹ bắt đầu leo lên các sườn dốc, phần lớn sư đoàn của Nguyễn Hữu An sẽ ập vào họ từ tất cả các phía.

Vào ngày 18 tháng 11, người Mỹ quyết định chiếm Đồi 875 sau khi nhận được các báo cáo tình báo cho rằng nó bị chiếm giữ bởi những tàn quân tan nát của

Trung đoàn 66 QĐNDVN. Như Nguyễn Hữu An hy vọng, việc đánh giá thấp sức mạnh của Bắc Việt đã khiến người Mỹ chỉ gửi một tiểu đoàn. Chuẩn tướng Leo H. Schweiter, chỉ huy Lữ đoàn Dù 173, đã điều Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn Bộ binh 503 đến chiếm Đồi 875 và tiêu diệt quân Bắc Việt đang rút lui trước khi họ có thể trốn thoát sang Campuchia.

Tiểu đoàn 2/503 đã đến Dak To hai tuần trước với 450 quân, nhưng đến thời điểm này, các trận chiến trên đồi đã làm giảm quân số của họ xuống còn 290. Vào tối ngày 18 tháng 11, ba đại đội của tiểu đoàn đóng quân ở phía bắc Đồi 750 mét. Trung tá James R. Steverson, chỉ huy tiểu đoàn, đã gặp gỡ các chỉ huy đại đội của mình để xem xét kế hoạch tấn công. Họ sẽ di chuyển vào sáng sớm trong đội hình bộ binh tiêu chuẩn, với hai đại đội tấn công lên sườn phía bắc của Đồi 875 và đại đội thứ ba ở lại dự bị tại doanh trại. «Nếu gặp phải hỏa lực mạnh, hãy rút lui», Steverson nói. «Sau đó chúng ta sẽ ném bom dồn dập vào chúng.»⁷⁰⁸

Đêm trôi qua không có sự kiện gì. Sáng sớm ngày 19 tháng 11, vị tuyên úy Công giáo bốn mươi tuổi của tiểu đoàn, Thiếu tá Charles J. Watters, đã cử hành thánh lễ. Số người tham dự cao bất thường, với nhiều người không theo Công giáo tham dự. Sau buổi lễ, sự im lặng

bao trùm khắp tiểu đoàn, ngoại trừ âm thanh của việc thu dọn trang bị.

Ngay sau khi mặt trời mọc, các đại đội Charlie và Dog hành quân ra đi, dưới sự chứng kiến của những người lính thuộc đại đội Alpha, lực lượng dự bị của tiểu đoàn. Khi những người lính mang theo ba lô nặng của họ tiến về Đồi 875, họ nghe thấy tiếng động cơ phản lực của những chiếc F - 100 Super Sabre lao vút qua, sau đó nhìn thấy máy bay thả bom chùm xuống sườn đồi. Tiếp theo là các đợt pháo kích.

Hai đại đội Mỹ bắt đầu leo lên đồi lúc 0943. Không ai nói chuyện. Phía trước, họ nhìn thấy những đồng truyền đơn rải rác khắp sườn đồi. «Các bạn ở đây theo lệnh của Chính phủ Đế quốc của các bạn», những tờ truyền đơn viết bằng tiếng Anh. «Hãy ngồi xuống và giao vũ khí lên đầu. Các bạn sẽ không bị bắn.»

Những lời lẽ đó không làm cho Chuyên viên Bậc 4 Raymond Zacccone sợ hãi, nhưng sự hiện diện của những tờ truyền đơn thì có. Nếu những tờ truyền đơn ở đây, anh ta nghĩ, thì những người Bắc Việt đã đặt chúng trên mặt đất hẳn phải ở gần đây. Để cố gắng trấn tĩnh thần kinh, Zacccone đọc lại một câu nói phổ biến trong giới bộ binh Mỹ : «Dù ta bước qua thung lũng của Bóng tối của Tử thần, ta sẽ không sợ điều ác nào vì ta là thằng

khôn nạn nhất trong thung lũng.»⁷⁰⁹

Lúc 1030, các tổ điểm đầu chạm đến một khoảng trống trong thảm thực vật, vừa được tạo ra bởi vụ nổ bom của Mỹ. Khi một vài người lính mạo hiểm tiến vào khoảng trống, bức tường rừng phía trước họ bùng nổ trong làn đạn. Quân Bắc Việt nhắm ba phát đạn vào người Mỹ đi đầu, Chuyên viên Kenneth Jacobson, và ít nhất một viên đạn trúng vào đầu anh ta. Một nhân viên quân y, thấy máu và não phun ra từ đầu Jacobson, bò về phía anh ta. Người nhân viên quân y lập tức bị bắn chết.

Những người Mỹ khác vội vã tìm chỗ ẩn nấp. Không thể nhìn thấy bất kỳ kẻ thù nào, họ bắn loạn xạ về phía mà họ nghe thấy tiếng súng địch. Vũ khí của Bắc Việt đang gầm rú âm ỉ hơn hầu hết những gì người Mỹ từng nghe thấy, bất chấp mệnh lệnh của Nguyễn Hữu An với quân đội của ông ta là chỉ bắt đầu trận chiến với liều lượng đạn khiêm tốn. Hỏa lực trả đũa của Mỹ ban đầu không ồn ào bằng, nhưng dần dần cũng tăng lên khi nhiều lính dù tiến lên sườn dốc đến tuyến đầu.

Trung tá Steverson, người đang bay trên không trong một trực thăng chỉ huy và kiểm soát, ra lệnh cho hai đại đội tiến lên. Một trong những người trên mặt đất liên lạc qua radio nhắc Steverson rằng ông đã chỉ đạo họ rút lui nếu họ tiếp xúc nặng với kẻ thù. Không tin rằng tình

hình hiện tại là tiếp xúc nặng, Steverson trả lời rằng các đại đội nên tiến lên.

Trong một khoảng lặng của hỏa lực địch, các lính dù bắt đầu leo lên một lần nữa. Trung đội đầu tiên di chuyển lên phía trước đã bị chặn lại sau năm mét bởi những loạt đạn. Một trong những chỉ huy đại đội thúc giục Steverson rút quân xuống một độ cao thấp hơn và dội pháo binh và bom vào kẻ thù, và lần này chỉ huy tiểu đoàn đồng ý. Sau khi các trung đội Mỹ di chuyển xuống sườn dốc, họ bốc khói và báo cho máy bay đồng minh thả bom phía trên những đám mây khói.

Sau cuộc oanh tạc, các lính dù cố gắng tiến lên đồi một lần nữa. Sau ba mươi mét, hỏa lực thù địch buộc họ phải dừng lại, vào thời điểm đó Steverson ra lệnh một đợt không kích khác. Lúc 1258, bốn chiếc F - 100 bắt đầu các đợt ném bom và bắn phá kéo dài gần một giờ. Người Mỹ lại tiến lên.

Với hai đại đội Mỹ giờ đã lên cao trên sườn đồi, Nguyễn Hữu An tung ra các đơn vị mà ông ta đã giấu gần đó để tấn công vào sườn và phía sau của quân Mỹ. Sử dụng các đường hầm, bộ đội Bắc Việt xuất hiện từ những boongke mà quân Mỹ đã dọn sạch trên đường đi lên. Khi các đại đội Charlie và Dog nhận ra họ đang bị tấn công từ mọi phía, họ ngừng mọi nỗ lực trèo lên đồi

và chuẩn bị tự vệ. Steverson ra lệnh cho đại đội Alpha di chuyển từ vị trí trại đến Đồi 875 để hỗ trợ Charlie và Dog.

Đại đội Alpha phải vượt qua 750 mét để đến được ngọn đồi. Chỉ sau vài trăm mét, một nhóm lớn bộ binh Bắc Việt xuất hiện từ những cây cối ở phía tây ngọn đồi và ập vào sườn của nó. Bộ đội Bắc Việt áp đảo nhóm chỉ huy của đại đội Alpha, giết chết chỉ huy đại đội và tất cả những người khác. Tuy nhiên, đại đội vẫn còn nguyên vẹn, và họ đã có thể lên được đồi với sự giúp đỡ của Binh nhất Carlos J. Lozada, người đã giữ một số lượng lớn quân Bắc Việt bận rộn trong vài phút với khẩu súng máy M - 60 của mình trong khi phần còn lại của đại đội Alpha di chuyển về phía các đại đội Charlie và Dog. Từ chối rút lui, Lozada cuối cùng đã bị bắn chết bởi quân Bắc Việt. Anh được truy tặng Huân chương Danh dự.

Những người sống sót của đại đội Alpha chiến đấu leo lên đồi cho đến khi họ gặp được phần còn lại của tiểu đoàn. Những người mới đến làm dày thêm vòng phòng thủ trong khi các đợt không kích trừng phạt phần còn lại của ngọn đồi. Vào cuối buổi chiều, các sĩ quan Mỹ quyết định ẩn nấp qua đêm và nối lại cuộc tấn công lên đồi vào buổi sáng với sự giúp đỡ của quân tiếp viện được báo cáo là đang trên đường đến. Tiểu đoàn đã chịu

tồn thất từ ba mươi đến bốn mươi người chết và một trăm người bị thương trong cuộc chiến trong ngày.

Ngay trước 7:00 giờ tối, một máy bay Mỹ chạy bằng cánh quạt bay qua Đồi 875 trong một phi vụ ném bom, xác định mục tiêu của nó bằng sự gần gũi với một đám cháy đang cháy mà một máy bay trước đó đã đặt làm điểm tham chiếu. Người phi công không biết rằng ngọn lửa được xác định trước đó đã tắt và một ngọn lửa mới đã bắt đầu ở một địa điểm khác. Do đó, phi công đã ném bom nhằm vào một mảnh đất. Mảnh đất đó tình cờ lại là trạm cứu thương của tiểu đoàn Mỹ.

Vụ nổ đã giết chết hai mươi người và làm bị thương từ hai mươi đến ba mươi người. Những người thiệt mạng bao gồm Đại úy Harold J. Kaufman, người với tư cách là chỉ huy đại đội Charlie là sĩ quan bộ binh cấp cao nhất trên mặt đất, và Thiếu tá Watters, vị tuyên úy. Watters đã rời khỏi vòng phòng thủ của Mỹ sáu lần trong ngày hôm đó để tìm kiếm những lính dù bị thương, vì điều đó ông sẽ được truy tặng Huân chương Danh dự.

Thảm họa hỏa lực đồng minh đảm bảo rằng người Mỹ không thể thu thập tất cả người chết và người bị thương của họ trước khi trời tối. Nó cũng phá hủy đạn dược dự trữ và tiêu diệt phần lớn nhân viên y tế của tiểu đoàn. Chỉ còn hai trong số mười ba nhân viên quân y

sống sót, và cả hai đều bị thương.

Người Mỹ dự kiến quân Bắc Việt sẽ tấn công khi trời tối. Họ củng cố vòng phòng thủ của mình và chuẩn bị cho một trận chiến nghèo nàn, chỉ bắn nguồn cung cấp đạn dược còn lại ít ỏi của họ khi thật sự cần thiết. «Nếu QĐNDBV (NVA) biết chúng tôi có ít đạn dược như thế nào», Trung sĩ Ed Placencia nói sau này, «chắc chắn họ đã tràn ngập chúng tôi.»⁷¹⁰

Nguyễn Hữu An đã quyết định chờ đến sáng hôm sau để nối lại cuộc chiến. Trong đêm, ông ta tập trung vào việc thiết lập các điều kiện thuận lợi cho vòng tiếp theo. Ông ra lệnh cho quân đội của mình bắn vào những người lính Mỹ cố gắng rời khỏi vòng phòng thủ của họ trong bóng tối để tìm kiếm những người bị thương. Bằng cách giữ những người lính Mỹ bị thương mắc kẹt trong vùng đất không người, Nguyễn Hữu An sẽ buộc người Mỹ tấn công vào không gian đó vào buổi sáng, phơi bày họ trước thiệt hại thêm.

Tuy nhiên, sáng hôm sau, tình trạng thiếu đạn dược của tiểu đoàn Mỹ đã ngăn cản họ phát động bất kỳ cuộc tấn công nào. Trục thẳng đến để cung cấp tiếp tế và quân, nhưng một phản ứng dữ dội của Bắc Việt buộc họ phải quay lại. Tiểu đoàn lính dù bị vây hãm vẫn trong thế phòng thủ co cụm suốt buổi sáng và đầu giờ chiều,

chờ đợi sự xuất hiện của quân tiếp viện trên mặt đất.

Tiểu đoàn 4, Trung đoàn Bộ binh 503 đã rời khỏi trại của mình để đến Đồi 875 vào sáng hôm đó. Sau một cuộc hành quân mệt mỏi qua khu rừng rậm, tiểu đoàn đã đến ngọn đồi lúc 4:00 giờ chiều. Nguyễn Hữu An, sau khi đã mất nhiều quân và tiêu hao một lượng lớn đạn dược, đã không tấn công những người mới đến khi họ leo lên đồi để liên kết với tiểu đoàn Mỹ bị vây hãm. Ông ta sẽ chờ người Mỹ tấn công các đơn vị phòng thủ kiên cố của ông ta xa hơn trên ngọn đồi. Hai tiểu đoàn Mỹ dành buổi tối để mở rộng các khu vực hạ cánh cho máy bay mang theo tiếp tế và sơ tán những người bị thương.

Sáng hôm sau, máy bay Mỹ tập trung trên bầu trời phía trên Đồi 875 và lần lượt dội xuống đó những vũ khí hủy diệt nhất của chúng. Trong khoảng thời gian sáu tiếng, chúng thả mười lăm tấn bom và bảy tấn bom napalm xuống các vị trí địch nghi ngờ, bao gồm một số vị trí rất gần bộ binh Mỹ. «Các đợt tấn công gần đến mức sức công phá của các quả đạn nâng bật bạn khỏi mặt đất», Trung úy Mercer Vandenberg nhớ lại. «Tôi đã cầu nguyện rằng chúng tôi sẽ chỉ thấy đất nát vụn trên đỉnh đồi.»⁷¹¹

Vào lúc ba giờ chiều, bản giao hưởng trên không kết thúc, đó là tín hiệu cho Tiểu đoàn 4 của Trung đoàn 503 xung phong lên đồi. Một đại đội tiến thẳng đến đỉnh đồi với tốc độ nhanh trong khi một đại đội khác tiến lên ở sườn trái của nó. Họ sớm chạm vào các công sự của địch vẫn được nguy trang, được củng cố và có người sống chiếm giữ. Những lính dù Mỹ ngã xuống với số lượng đáng kể vì vũ khí nhỏ và những quả đạn cối của Bắc Việt bắt đầu rơi xuống giữa đội hình của họ. Lựu đạn bay tới tập theo cả hai hướng. Việc ném lựu đạn vào các khe bắn hẹp của Bắc Việt thường là phương tiện duy nhất để người Mỹ có thể tiến lên.

Trong hai giờ tiếp theo, người Mỹ từ từ leo lên đồi trong cuộc chiến đấu ác liệt. Ngay khi họ dường như sắp chiếm được đỉnh đồi, họ được lệnh rút lui để không quân và pháo binh có thể dội thêm một lần nữa vào những người phòng thủ còn lại. Một số lính dù tin rằng họ có thể nhanh chóng chiếm được ngọn đồi bằng cách tiếp tục tiến lên, nhưng họ đã bị các sĩ quan tại các sở chỉ huy cấp cao hơn bác bỏ, những người thích cách tiếp cận ít tốn kém và rủi ro hơn là bắn phá đỉnh đồi và chờ đến sáng hôm sau để thực hiện cuộc tấn công cuối cùng.

Vào cuối ngày, Nguyễn Hữu An leo lên một trạm quan sát gần Đồi 875 để quan sát chiến trường qua ống nhòm. Ông ta hầu như không nhận ra địa hình. «Khi chúng tôi thực hiện trinh sát khu vực, toàn bộ khu vực rộng lớn của Đồi 875 được bao phủ bởi những lùm tre và những cụm cây rừng rậm rạp», ông kể lại. «Giờ đây, màu xanh đã bị xé toạc khỏi mặt đất, để lộ lớp đất đỏ thô, gần như màu máu. Quân đội của chúng tôi trong các vị trí kiên cố trên đỉnh đồi phải nguy trang vị trí của họ bằng những thân cây cháy đen. Nhiều đoạn chiến hào của họ đã bị cày phẳng bởi bom đạn.»⁷¹²

Vào sáng ngày 22 tháng 11, hai đại đội tươi từ Sư đoàn Bộ binh 4 đã đến bằng trực thăng để tham gia vào cú đánh cuối cùng (coup de grâce). Đến giữa buổi sáng, các đại đội này đang tiến lên sườn phía nam của Đồi 875. Gặp phải sự kháng cự quyết liệt của Bắc Việt gần đỉnh đồi, họ đã có phương pháp đẩy lùi quân Bắc Việt khỏi những các điểm kiên cố, trong một số trường hợp còn giao chiến giáp lá cà với quân Bắc Việt ngay bên trong chiến hào của họ. Một lần nữa, những người lính bộ binh Mỹ gần như đã chạm tới vạch đích thì lại bị rút lui vì lợi ích của việc hạn chế thương vong cho phe ta, để một đợt hủy diệt nữa có thể được giáng xuống từ trên cao. Những thùng thiếc chứa bom napalm đổ ập xuống đỉnh đồi, thiêu rụi những cây tẻch cuối cùng còn sót lại.

Vào lúc 13:00 giờ, Nguyễn Hữu An tập hợp các sĩ quan dưới quyền. Ông nói đã đến lúc rút khỏi Đăk Tô. «Các mục tiêu của chiến dịch đã đạt được», ông giải thích. Sư đoàn đã «tiêu diệt hoàn toàn hai tiểu đoàn Mỹ» và «gây thiệt hại nặng nề cho một số tiểu đoàn Mỹ khác.» Không rõ liệu ông có đề cập đến lý do cấp bách nhất cho việc rút quân, một lý do mà ông tiết lộ sau chiến tranh hay không. Nguyễn Hữu An viết trong cuốn tự truyện của mình rằng sư đoàn phải rút đi vào thời điểm này vì «chúng ta đã tiêu hao hết toàn bộ tiếp tế.»⁷¹³

Dù cố ý hay không, Nguyễn Hữu An đã thổi phồng một cách thái quá những thiệt hại mà sư đoàn của ông gây ra cho quân Mỹ. Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Bộ binh 503, đơn vị phải hứng chịu phần lớn sự phẫn nộ của quân Bắc Việt sau khi sa vào cái bẫy công phu của Nguyễn Hữu An, đã chịu 95 người chết, trong đó 20 người là nạn nhân của vụ hỏa hoạn liên quan đến hỏa lực phe ta. Tiểu đoàn 4, Trung đoàn Bộ binh 503, mất 18 người chết trong chiến đấu. Hai tiểu đoàn này được báo cáo đã tiêu diệt 322 binh sĩ Bắc Việt.

Xét toàn bộ chiến dịch Đăk Tô kéo dài ba tuần, con số chính thức của Mỹ liệt kê 2.188 quân Bắc Việt bị giết so với 283 lính Mỹ và 61 lính Nam Việt Nam. Như

thường lệ, con số của Mỹ về số quân Bắc Việt tử trận bao gồm cả ước tính số người đã bị xé nát đến mức không thể nhận dạng, được đồng đội khiêng đi, hoặc bị giết ở những khu vực quân Mỹ chưa từng khám xét. Theo một báo cáo tình báo Mỹ, Sư đoàn 1 của Quân đội Bắc Việt đã vào Nam Việt Nam với 6.600 quân và rút lui với 5.000 quân. Nếu báo cáo đó thực sự chính xác và đó là lực lượng duy nhất chiến đấu ở Đắk Tô, thì con số tổng cộng 2.188 quân địch bị giết mà Mỹ đưa ra cao hơn 37% so với con số thực tế là 1.600, một tỷ lệ thổi phồng đáng kể, mặc dù không quá nghiêm trọng như những người hoài nghi thường cho là thông lệ tiêu chuẩn của Mỹ. Tuy nhiên, cũng có khả năng là một số lượng đáng kể binh lính Bắc Việt bổ sung đã tham gia trận chiến, như được gợi ý trong tuyên bố của Vũ Hồng, một người am hiểu tình hình, rằng một lực lượng gồm chín nghìn người đang tấn công Đắk Tô, và do đó các cuộc chặn bắt liên lạc không nói lên được toàn bộ mức độ tổn thất của Bắc Việt.⁷¹⁴

Tại Đắk Tô, quân Bắc Việt một lần nữa đã xác định địa điểm chiến trường và buộc quân Mỹ phải chiến đấu trên địa hình có lợi cho họ. Thực tế đó thu hút sự chú ý nhiều hơn so với những lợi ích chiến thuật mà quân Mỹ giành được khi tấn công sư đoàn NVA trước khi nó kịp củng cố vị trí. Thương vong của Mỹ và Nam Việt

Nam trong trận chiến đã làm dấy lên làn sóng bàn tán, phản nản về chiến thuật của Westmoreland là chiến đấu với lực lượng địch bất cứ khi nào chúng xuất hiện gần biên giới. Sự chỉ trích chiến thuật này nhận được quá nhiều sự chú ý đến mức Westmoreland quyết định viết một bài bác bỏ đầy sức thuyết phục, mà ông chuyển cho Tướng Wheeler.

Tài liệu này là một trong những lời biện hộ thuyết phục nhất cho các chiến thuật của Mỹ ở Việt Nam mà Westmoreland từng đưa ra. Nếu các lực lượng đồng minh cho phép quân Bắc Việt tự do hoạt động gần biên giới Nam Việt Nam, ông viết, họ sẽ tràn ngập các căn cứ và thị trấn của chính phủ, thu về những thắng lợi về tuyên truyền và làm suy giảm tinh thần của người Nam Việt Nam. Nếu không bị kiểm soát, quân Bắc Việt có thể len lỏi từ các vùng biên giới đến các khu vực đông dân cư ở nội địa, nơi đồng minh không thể sử dụng không quân và pháo binh một cách tự do và nơi kẻ thù có thể lấy lương thực từ dân chúng. Các sư đoàn Bắc Việt đã tiến vào nội địa đang gây ra thương vong cho lực lượng Mỹ với tỷ lệ tương tự như ở Đăk Tô và đang trói chân các sư đoàn Mỹ trong nhiều tháng, trong khi lực lượng Mỹ được cử đến Đăk Tô có thể trở lại các nhiệm vụ khác chỉ sau ba tuần.⁷¹⁵

Sau khi Sư đoàn 1 của Nguyễn Hữu An rời Đắk Tô, tình báo Mỹ đã theo dõi họ quay trở lại nơi ẩn náu ở Campuchia. Thông qua các cuộc xâm nhập nông qua biên giới Campuchia, các nhóm trinh sát Mỹ từ Nhóm Nghiên cứu và Quan sát (SOG) đã xác định được vị trí các căn cứ của sư đoàn. Đầu tháng 12, Westmoreland yêu cầu được phép ném bom sư đoàn này bên trong Campuchia bằng máy bay ném bom B - 52 trong ít nhất bảy mươi hai giờ.⁷¹⁶

«Các hoạt động nguy hiểm của kẻ thù đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để chứng minh cho khái niệm truy kích nóng», Westmoreland báo cho Bộ Tổng Tham mưu Liên quân. «Các báo cáo cho biết các đơn vị địch không bố trí trong tư thế cảnh giác hoặc phòng thủ ; thay vào đó, họ đang sử dụng nơi ẩn náu ở Campuchia để nghỉ ngơi, tổ chức lại và tái thiết một cách công khai và không bị quấy rối. Không có bằng chứng nào về việc xây dựng hầm kiên cố.» Westmoreland chỉ ra rằng vì khu vực này hẻo lánh, nên không có thường dân vô tội, và cũng không có các quan sát viên vô tư nào sẽ báo cáo việc máy bay ném bom Mỹ đến. Đô đốc Sharp và Đại sứ Bunker tán thành đề nghị của Westmoreland.⁷¹⁷

Chỉ vài giờ sau khi nhận được đề nghị của Westmoreland, Tổng thống Johnson đã ngồi lại với các cố vấn cao cấp của mình tại Nhà Trắng để thảo luận về vấn đề này. «Đây là những lính đã bị đánh bại tại Đắk Tô», Tướng Wheeler giải thích với tổng thống. «Họ đang liếm vết thương, trang bị lại và bổ sung nhân lực.» Một khi sư đoàn Bắc Việt bình phục, nó «sẽ ra khỏi Campuchia và tấn công quân ta.» Để trả lời câu hỏi của tổng thống về kết quả dự kiến của các đợt không kích, Wheeler nói rằng Westmoreland hy vọng rằng chúng sẽ giết chết năm trăm quân và san bằng các kho tiếp tế cùng cơ sở hạ tầng giao thông của địch.

«Chúng ta có thể để cho Sihanouk tiếp tay bảo vệ cho kẻ thù kiểu này trong bao lâu nữa ?» Johnson chất vấn các cố vấn dân sự của mình.

Ngoại trưởng Rusk lên tiếng phản đối một chính sách cứng rắn hơn với Campuchia. «Hành động mà Tướng Westmoreland đang đề xuất sẽ là một hành động chiến tranh đáng kể chống lại Campuchia», ông nêu ý kiến. «Điều này sẽ thay đổi toàn bộ tính chất của cuộc chiến. Nếu Campuchia bị tấn công, họ có thể yêu cầu Trung Quốc đứng về phía họ. Rồi chúng ta sẽ thực sự có một cuộc chiến mới trong tay.»

«Dù biết rõ những sai lầm mà các tướng lĩnh đã mắc phải trong quá khứ, tôi đặt rất nhiều niềm tin vào Tướng Westmoreland», tổng thống nói với nhóm. «Cả ông ấy và Đại sứ Bunker đều khuyến nghị hành động này. Chúng ta phải nói với Campuchia rằng chúng ta sẽ không tiếp tục cho phép họ chứa chấp và bảo vệ những kẻ giết người này.»

McNamara đứng về phía Rusk. «Thưa Tổng thống, tôi tin rằng việc mở rộng chiến tranh ra ngoài biên giới Nam Việt Nam là điều hết sức không khôn ngoan»,

Bộ trưởng Quốc phòng nhận xét. «Hành động này sẽ còn chia rẽ đất nước chúng ta hơn nữa. Hành động này sẽ càng làm gia tăng thêm các vấn đề của chúng ta tại Liên Hợp Quốc.»

«Bộ Tổng Tham mưu Liên quân cũng không muốn mở rộng chiến tranh», Wheeler phản bác. «Chúng tôi chỉ mong Campuchia trung lập - thành thật mà nói, là trung lập thực sự. Bất kỳ ai khác sẽ không cho phép quân địch sử dụng lãnh thổ của họ làm nơi ẩn náu.»

Johnson cân nhắc các lập luận ủng hộ và phản đối. «Tôi không mong chờ đến ngày ai đó sẽ nói rằng Tướng Westmoreland đã yêu cầu hành động này và chúng ta đã từ chối nó và rồi nhiều con trai Mỹ đã bị giết vì kết quả

đó», ông nói. Tuy nhiên, «hành động này có thể dẫn đến việc Campuchia tuyên chiến với chúng ta và mời người Trung Quốc vào.»

Clark Clifford đưa ra một thỏa hiệp nào đó. Thay vì thả bom xuống sư đoàn Bắc Việt, Hoa Kỳ nên chụp ảnh lực lượng Bắc Việt từ máy bay và sau đó sử dụng những bức ảnh đó để gây áp lực buộc chính phủ Campuchia trục xuất quân Bắc Việt.

Johnson thấy ý tưởng của Clifford hấp dẫn. Kết thúc cuộc thảo luận, tổng thống ra lệnh thu thập bằng chứng hình ảnh về sự hiện diện của Bắc Việt tại Campuchia để trình lên Sihanouk. «Tôi nghĩ chúng ta đã sao lãng trong nhiệm vụ của mình khi không đưa vấn đề này đến hồi kết», ông khẳng định khi họ giải tán. «Hãy ưu tiên hàng đầu cho nó.»⁷¹⁸

Sau đó, người Mỹ gửi những bức ảnh chứng minh sự hiện diện của sư đoàn Bắc Việt cho Sihanouk. Nhà lãnh đạo Campuchia đã nói chuyện với một nhà ngoại giao Mỹ và hứa hẹn sẽ giải quyết vấn đề, nhưng sau đó không làm gì để thực hiện những lời hứa đó. Johnson phàn nàn về sự bất động của Sihanouk trong riêng tư nhưng bản thân cũng không có hành động nào.⁷¹⁹

Sự miễn cưỡng hành động của Johnson ở Campuchia và nỗi sợ can thiệp của Trung Quốc thúc đẩy nó có lẽ đã giảm đi đáng kể nếu Nhà Trắng được thông tin tốt hơn về tình trạng suy thoái trong quan hệ giữa Trung Quốc và Bắc Việt vào thời điểm này. Sự tiếp diễn của Cách mạng Văn hóa Trung Quốc đã nhiều lần bơm chất độc vào những mối quan hệ đó trong suốt vào năm 1967, thông qua các cơ quan truyền thông chính thức của Đảng, các quan chức Trung Quốc và Việt Nam đã trao đổi những «quả lựu đạn hùng biện». Một cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Bắc Việt đã so sánh đức tính của Hồ Chí Minh với một nhà lãnh đạo không được nêu tên nhưng nghe có vẻ rất giống Mao Trạch Đông. Tác giả viết «Nếu một nhà lãnh đạo nào đó, vào một thời điểm nào đó, bất chấp các quy luật và tình hình khách quan, hành động theo ý muốn chủ quan của mình, thì ông ta sẽ không thể tránh khỏi rơi vào tình trạng mọi hành động đều trở nên vô ích, giống như cuộc chiến đấu của Don Quixote chống lại cối xay gió.» Bài viết cũng khẳng định «Các đảng Marxist - Leninist đã đưa ra nguyên tắc lãnh đạo tập thể» nhằm ngăn chặn «những quyết định phiến diện và sai lầm.»⁷²⁰

Bằng cách quay vào trong để giải quyết các «căn bệnh» chính trị nội bộ, Cách mạng Văn hóa đã làm giảm sự quan tâm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc đối với

các cuộc vận động tư tưởng ở nước ngoài. Khả năng hỗ trợ các cuộc vận động đó cũng bị suy giảm do các cuộc thanh trừng trong bộ máy an ninh và sự suy thoái kinh tế do biến động gây ra.⁷²¹ Khi Bộ Chính trị Bắc Việt cử một phái đoàn sang Trung Quốc vào mùa hè năm 1967 để yêu cầu viện trợ vũ khí, đạn dược và các hỗ trợ khác, các nhà ngoại giao Bắc Việt nhận thấy Trung Quốc không còn mong muốn chiến đấu chống lại người Mỹ hay các đồng minh của họ ở Campuchia, Lào hoặc Việt Nam. Người Trung Quốc đã khuyến nghị phía Bắc Việt nên tập trung hoạt động quân sự ở miền Nam miền Nam Việt Nam và tránh các cuộc tấn công lớn ở miền Bắc miền Nam Việt Nam. Điều này khiến các nhà ngoại giao Bắc Việt, theo lời của một thành viên trong đoàn, tin rằng người Trung Quốc «lo sợ rằng nếu chúng ta mở các cuộc tấn công mạnh ở phía Bắc, kẻ địch sẽ xâm lược miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc có thể bị kéo vào cuộc chiến.»⁷²²

Những tranh cãi đang diễn ra trong nội bộ Mỹ về tình báo liên quan đến các cường quốc cộng sản lại được bổ sung thêm bằng một loạt các tranh cãi tình báo mới liên quan đến miền Nam Việt Nam trong những tháng cuối năm 1967. Bộ Tư lệnh Quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (MACV) của tướng Westmoreland và Cục Tình báo Trung ương (CIA) đã vướng vào một cuộc tranh

cãi về việc nên bao gồm những loại lực lượng địch nào trong «trật tự tác chiến» - thuật ngữ quân sự chỉ danh sách các lực lượng chiến đấu của đối phương. Một số nhà phân tích của CIA đã châm ngòi cho cuộc tranh cãi bằng cách đề xuất đưa vào danh sách khoảng 200.000 người thuộc các lực lượng này. các loại hình cán bộ chính trị, dân quân tự vệ và dân quân tự vệ bí mật.

Westmoreland, Bunker, và một số lượng lớn các chuyên gia tình báo phản đối đề xuất của CIA với lý do rằng thông tin về các loại hình này còn sơ sài và các cá nhân trong các loại hình này không phải là mối đe dọa trực tiếp đối với lực lượng Hoa Kỳ vì họ thường là những thường dân không vũ trang, những người chỉ hỗ trợ không thường xuyên cho phe Cộng sản. Westmoreland và Bunker cũng lo ngại rằng việc đột ngột bổ sung thêm hai trăm nghìn người vào bảng đơn vị tổ chức sẽ bị báo chí hiểu sai như là bằng chứng cho thấy kẻ thù đang trở nên mạnh hơn, trong khi trên thực tế sức mạnh của kẻ thù đã bắt đầu suy giảm từ tháng Ba.⁷²³

Trong tháng Chín, lãnh đạo CIA và các sĩ quan tình báo của Westmoreland đã đi đến một thỏa thuận để loại trừ các loại hình dân sự ra khỏi bảng đơn vị tổ chức.⁷²⁴ Đến cuối năm, cuộc tranh cãi đã lắng xuống. Nó đã có thể chỉ là một phần rất nhỏ trong câu chuyện về Việt

Nam nếu không nhờ vào sự nhiệt thành của một trong những nhà phân tích CIA, Samuel Adams, người trong nhiều năm sau đó đã cáo buộc Westmoreland và các quan chức khác âm mưu che giấu sức mạnh thực sự của kẻ thù với Nhà Trắng và người dân Mỹ. Những nỗ lực của Adams sẽ đạt đến đỉnh điểm trong một chương trình tin tức của CBS sau chiến tranh, trong đó nhà báo Mike Wallace cáo buộc rằng «một âm mưu ở cấp cao nhất của tình báo quân sự Mỹ» đã tìm cách «đàn áp và thay đổi các thông tin tình báo quan trọng về kẻ thù.»

Bộ phim tài liệu của CBS sẽ ám chỉ rằng Westmoreland đã đàn áp các báo cáo tình báo cho thấy miền Bắc Việt Nam có thêm hai trăm nghìn quân so với nhận định trước đó và đang xâm nhập hai mươi lăm nghìn người mỗi tháng vào cuối năm 1967. Để giữ Tổng thống Johnson và người dân Mỹ trong bóng tối, theo cáo buộc, Westmoreland đã buộc nhân viên của mình giữ ước tính về quân số địch dưới ba trăm nghìn bằng cách giảm ước tính về lực lượng du kích và loại trừ nhân sự tự vệ khỏi bảng đơn vị tổ chức.

Trung tá Everette Parkins và Trung úy Richard McArthur được cho là đã bị sa thải vì từ chối chịu khuất phục trước áp lực phải giảm các con số ước tính.⁷²⁵

Westmoreland, lúc đó đã về hưu, tin rằng các nhà sản xuất bộ phim tài liệu đã xoắn các sự thật một cách thô bạo đến mức ông kiện CBS vì tội phỉ báng. Vụ việc được đưa ra xét xử, dẫn đến việc giải mật một số lượng lớn tài liệu và ghi lại lời khai từ vô số nhân chứng tại hiện trường. Cuối cùng, Westmoreland không thể thu thập được bồi thường thiệt hại vì điều đó đòi hỏi phải chứng minh rằng CBS đã hành động với ý định ác ý, điều mà các luật sư của ông không thể chứng minh được. Nhưng vụ việc đã tiết lộ hàng loạt những điểm không chính xác trong sản phẩm của CBS và trong câu chuyện của Sam Adams làm nền tảng cho nó.⁷²⁶

Các luật sư bào chữa của CBS đã đưa ra các tài liệu và nhân chứng cho thấy Westmoreland đã đôi khi cố gắng giới hạn quy mô ước tính của lực lượng địch, bao gồm cả các cán bộ chính trị, xuống còn ba trăm nghìn vào mùa hè năm 1967. Một số thành viên trong ban tình báo của ông đã làm chứng rằng các ước tính về các loại hình quân hỗ trợ và bất quy tắc được giữ ở mức thấp hơn so với mức mà một số nhà phân tích mong muốn.⁷²⁷ Tuy nhiên, bằng chứng cũng cho thấy, Westmoreland đã đồng ý với một ước tính tình báo vượt quá trần ba trăm nghìn.⁷²⁸

Các bản khai có tuyên thệ từ các nhân chứng quan trọng đã làm suy yếu các cáo buộc rằng Westmoreland đã ép buộc cấp dưới làm giả hoặc đàn áp thông tin. Everette Parkins xác nhận rằng ông không bị áp lực phải báo cáo các con số sai cũng như không bị sa thải vì từ chối tham gia vào một âm mưu.⁷²⁹ Một nhân chứng khác kể lại rằng Trung úy Richard McArthur bị cách chức không phải vì phản đối các con số của Westmoreland mà vì ông đã phát triển vấn đề nghiện rượu và đã biến mất trong ba ngày mà không nói với ai.⁷³⁰ Walt Rostow và một số nhân chứng khác tuyên bố rằng Westmoreland đã không giấu bất kỳ chi tiết nào của cuộc tranh luận với Tổng thống Johnson.⁷³¹

Vụ kiện cũng tiết lộ rằng vào mùa hè năm 1967, các nhà phân tích tình báo Mỹ đã điều tra câu hỏi liệu hai trăm nghìn cán bộ chính trị, dân quân tự vệ và dân quân tự vệ bí mật có tạo thành mối đe dọa đủ lớn đối với các đơn vị Mỹ và Nam Việt Nam để được xếp là chiến binh hay không. Các nhà phân tích đã kết luận rằng các nhóm này không tạo ra mối đe dọa như vậy, ngoại trừ ở một vài nơi tại Đồng bằng sông Cửu Long nơi họ đã bắn tỉa vào các cuộc tuần tra của Quân đội Nam Việt Nam.⁷³² John L. Hart, người đã từng là trưởng trạm CIA tại Sài Gòn vào năm 1967, đã chỉ trích nặng nề Sam Adams và CBS vì đã phóng đại tầm quan trọng của

các nhóm này trong một bài báo ý kiến trên Washington Post được xuất bản trong phiên tòa. «Khi định nghĩa lại và thu hẹp cách đếm của mình về kẻ thù», Hart viết, «Westmoreland không chỉ đơn thuần thực hiện một đặc quyền, mà quan trọng hơn, là hoàn thành một nhiệm vụ, khi ông xác định lực lượng địch nào là then chốt đối với cuộc chinh phục miền Nam của Bắc Việt Nam, và lực lượng nào không.» Hart, giống như Westmoreland, đã kết luận rằng chiến tranh quy ước của kẻ thù từ lâu đã thay thế chiến tranh du kích như là mối đe dọa chính đối với Nam Việt Nam, và «do đó, không phải bằng đơn vị tổ chức đã được sửa đổi của Westmoreland, mà là những người đánh giá quá cao cuộc cách mạng nhân dân ở miền Nam so với cuộc xâm lược từ miền Bắc, những người, nếu bạn thứ lỗi cho cách diễn đạt, ‘đã đánh lừa tổng thống.’»⁷³³

Bằng chứng tích lũy cho phiên tòa tiết lộ rằng các ước tính về hai mươi lăm nghìn người xâm nhập mỗi tháng vào cuối năm 1967 đến từ một vài nhà phân tích đã suy luận từ các cuộc thẩm vấn tù binh, tài liệu thu được và báo cáo của điệp viên. Những nhà phân tích đó đã không tính đến các thông tin liên quan khác, đặc biệt là tình báo tin hiệu mật, vì họ không có quyền truy cập vào thông tin đó.⁷³⁴ Trong năm 1967, Bộ chỉ huy xâm nhập miền Bắc Việt Nam đã tăng cường sử dụng liên

lạc thoại không mã hóa để truyền thông tin nhanh hơn, cho phép Cơ quan An ninh Quốc gia Hoa Kỳ chặn bắt và phân tích vô số thông điệp về hoạt động xâm nhập Bắc - Nam. Mỏ vàng tình báo này, có biệt danh là «Cửa sổ Vinh», đủ phong phú để cho phép đếm chính xác lượng người di chuyển trên Đường mòn Hồ Chí Minh vào mùa thu năm 1967.⁷³⁵ Theo dữ liệu từ Cửa sổ Vinh, trong bốn tháng cuối năm 1967, mức trung bình hàng tháng của hoạt động xâm nhập từ miền Bắc Việt Nam là 7.387. Thông tin này đã khiến Westmoreland và những người khác có quyền tiếp cận nó phải giảm bớt ước tính 25.000 người mỗi tuần.⁷³⁶

Cuộc tranh cãi về quy mô của bảng đơn vị tổ chức đã che khuất thực tế là Adams và những người khác tại CIA không khác biệt nhiều so với ban tình báo của Westmoreland trong các ước tính của họ về những gì được công nhận rộng rãi là lực lượng chiến đấu chính của kẻ thù : quân chính quy, du kích và quân hỗ trợ. Theo ước tính của Mỹ, sức mạnh của những lực lượng đó giảm từ 278.000 xuống 220.000 giữa đầu và cuối năm 1967. Tổng sức mạnh địch, cũng bao gồm các cán bộ chính trị và dân quân tự vệ, đã giảm khoảng 55.000 trong năm.⁷³⁷ Các ước tính đã được sửa đổi, được đưa ra vài năm sau đó dựa trên thông tin bổ sung, nhận thấy rằng số lượng chiến binh địch đã không giảm mạnh

trong năm, giảm từ 290.000 xuống 262.000.⁷³⁸

CIA cũng đồng tình với các ước tính của quân đội Hoa Kỳ về tổn thất nhân lực của địch trong năm 1967, tổng cộng là 169.000. Con số đó bao gồm khoảng 88.000 người chết, 32.000 người bị thương vĩnh viễn mất khả năng chiến đấu, 18.000 người đào ngũ, 7.000 người bị bắt làm tù binh và 24.000 thương vong không do chiến đấu. Xu hướng của một số người Nam Việt Nam và Mỹ thời phòng con số thương vong của địch cuối cùng sẽ tạo ra sự hoài nghi đáng kể về tính chính xác của các con số tổng hợp, nhưng những con số này không chỉ dựa trên các báo cáo về thương vong của địch trong các cuộc giao tranh. Chúng còn phản ánh thêm thông tin chứa trong các tài liệu của Cộng sản bị thu giữ, mà nhìn chung cho thấy các ước tính của Mỹ về tổn thất của Cộng sản khá gần với con số của chính phe Cộng sản.⁷³⁹

Không ai ở phía Mỹ nắm giữ thông tin chắc chắn về con số nhân lực then chốt khác, đó là việc tuyển quân của Cộng sản ở miền Nam. Vào tháng Mười Một, sự đồng thuận của cộng đồng tình báo đặt mức tuyển quân của địch cho các lực lượng chính, địa phương và du kích trong năm 1967 vào khoảng từ ba mươi sáu nghìn đến sáu mươi nghìn, một mức giảm mạnh so với ước tính

cho năm 1966. ⁷⁴⁰ Những tiết lộ đến, muộn hơn nhiều, từ các nguồn miền Bắc Việt Nam sẽ cho thấy rằng việc tuyển quân của Cộng sản ở miền Nam đã giảm xuống nhiều hơn rất nhiều trong năm 1967 so với nhận thức của các quan chức tình báo Hoa Kỳ. Theo lịch sử chính thức của Quân đội Bắc Việt Nam, phe Cộng sản chỉ tuyển mộ được 7.600 quân mới ở Nam Việt Nam trong năm 1967. ⁷⁴¹ Một báo cáo khác lưu ý rằng tại chiến trường B2, bao phủ nửa phía nam Nam Việt Nam, việc tuyển quân tại chỗ lao dốc từ 6.351 năm 1966 xuống chỉ còn 1.000 năm 1967. ⁷⁴² Những con số này có lẽ không bao gồm các cá nhân được tuyển mộ làm du kích, quân hỗ trợ hoặc cán bộ chính trị, nhưng chúng đã cung cấp bằng chứng thuyết phục về sự sụt giảm mạnh mẽ trong tổng số tuyển quân.

Việc tuyển quân của Cộng sản ở miền Nam lao dốc tạo thành một trong những diễn biến quan trọng nhất của năm, vì nó nhún lên những khó khăn về nhân lực của Hà Nội vào thời điểm tổn thất chiến đấu nghiêm trọng và đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho dòng người trẻ tuổi hơn gia nhập vào lực lượng vũ trang Nam Việt Nam. Sự sụt giảm này phản ánh việc những người tuyển quân Cộng sản tiếp cận dân chúng bị hạn chế cũng như sức hấp dẫn ngày càng giảm của việc phục vụ cho một sự nghiệp đã phải chịu hết thất bại quân

sự này đến thất bại quân sự khác. Nguyên nhân gốc rễ của những diễn biến này là sự tham gia ngày càng tăng của lực lượng mặt đất Hoa Kỳ trong việc đẩy lực lượng Cộng sản ra khỏi các làng mạc của Nam Việt Nam.⁷⁴³

Theo ước tính của Hoa Kỳ, số công dân Nam Việt Nam sống trong các khu vực thuộc quyền kiểm soát của chính phủ đã tăng 1,2 triệu trong suốt năm 1967. Tỷ lệ những người trải qua sự thay đổi này mà không có chấn thương di dời cao hơn so với những năm trước ; 61% tổng số vẫn ở lại làng của họ khi chính phủ Nam Việt Nam đảm nhận an ninh và quản trị, trong khi chỉ 39% di cư từ các làng do Cộng sản nắm giữ đến các thị trấn hoặc thành phố.⁷⁴⁴ Các con số của Bắc Việt Nam cho thấy sự thay đổi trong kiểm soát dân số nông thôn có thể còn lớn hơn so với các nhà ước tính Mỹ nhận ra. Tại chiến trường B2, khu vực duy nhất có số liệu được công bố, phía Bắc Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm dân số sống trong các vùng «giải phóng» hoặc «tranh chấp» từ 5,6 triệu xuống 3,4 triệu trong năm.⁷⁴⁵

Cuộc tranh cãi tình báo lớn khác vào cuối năm 1967 liên quan đến ý định quân sự của Hà Nội trong năm tới. Vào tháng Mười Một, các cơ quan tình báo Hoa Kỳ đã thu được nhiều tài liệu của Cộng sản chỉ ra một cuộc tấn công quy mô lớn vào đầu năm 1968. Một khối lượng

các cuộc tấn công thăm dò bất thường cao vào các thủ phủ quận và tỉnh đã cho nguyên nhân để suy đoán rằng phe Cộng sản đang mài giũa dao kiếm để chuẩn bị cho những nhát cắt mạnh mẽ vào các trung tâm đô thị.⁷⁴⁶

Vào ngày 19 tháng 11, Sư đoàn Dù 101 Hoa Kỳ đã thu được một cuốn sổ tay của một cán bộ Bắc Việt Nam mô tả các mệnh lệnh cho «một cuộc tổng tấn công và nổi dậy tổng lực để đạt được một chiến thắng quyết định cho Cách mạng trong mùa Đông 1967 và mùa Xuân và Hè 1968.» Theo cuốn sổ tay, Bộ chỉ huy trung ương Bắc Việt Nam đã chỉ đạo lực lượng của mình «sử dụng các cuộc tấn công quân sự rất mạnh phối hợp với các cuộc nổi dậy của dân chúng địa phương để chiếm các thị trấn và thành phố. Quân đội nên tràn ngập các vùng đất thấp. Họ nên tiến về phía giải phóng thủ đô [Sài Gòn], nắm quyền và cố gắng tập hợp các lữ đoàn và trung đoàn địch về phía chúng ta từng cái một.»⁷⁴⁷

Khám phá này, cùng với các phát hiện gần đây khác, đã dẫn đến việc nhà phân tích CIA Joseph Hovey dự đoán rằng Bắc Việt Nam có ý định tấn công các thị trấn và thành phố của Nam Việt Nam vào tháng 1 năm 1968. Báo cáo của Hovey được chuyển đến Tướng Westmoreland vào cuối tháng 11 và đến Tổng thống Johnson vào ngày 15 tháng 12. Tuy nhiên, các nhà

phân tích khác của CIA tìm thấy sai sót trong phân tích của Hovey. Họ cho rằng tình báo tín hiệu (signals intelligence) mà Hovey không có được đã mâu thuẫn với các dự đoán của ông. Với những chỉ trích này đính kèm, báo cáo mất uy tín ở Sài Gòn và Washington. Hầu hết các quan chức quân sự và tình báo Hoa Kỳ kết luận rằng Bắc Việt Nam đang chuẩn bị cho các hành động quân sự gia tăng ở những khu vực mà họ đã hoạt động mạnh nhất trong năm 1967, các tỉnh phía bắc và các vùng biên giới.⁷⁴⁸

Bắc Việt Nam cũng có những tranh cãi tình báo nội bộ liên quan đến cuộc tấn công sắp tới. Các cán bộ Cộng sản di chuyển từ Nam Việt Nam ra Hà Nội vào cuối năm để báo cáo với Bộ Chính trị đã đưa ra những đánh giá trái ngược về triển vọng của cuộc tấn công. Một số bày tỏ sự tự tin rằng cuộc tấn công sẽ dẫn đến các cuộc nổi dậy ở đô thị và tiêu diệt chính phủ Nam Việt Nam. Những người khác nói rằng họ không chắc liệu quân chúng có nổi dậy hay không, hoặc liệu quân tấn công có thể giữ vững vị trí của họ trong các thị trấn và thành phố.⁷⁴⁹

Trong một số giới tinh hoa ở Hà Nội, những lo ngại về số phận của cuộc tấn công làm trầm trọng thêm cảm giác lo lắng vốn đã tích tụ theo thời gian bởi sự tàn phá

của Chiến dịch Sấm Rền ở miền Bắc và các cuộc tàn sát lực lượng Bắc Việt Nam của Mỹ ở miền Nam. Để ngăn chặn sự tàn phá thêm, một số quan chức Bắc Việt Nam đã bắt đầu đề nghị đàm phán hòa bình với Hoa Kỳ. Những phần tử cứng rắn trong chế độ bị báo động bởi sự phổ biến của tâm trạng này và bởi các báo cáo rằng những người ủng hộ đàm phán đang cấu kết với Liên Xô. Theo một số nguồn tin mật của chính phủ Hà Nội, một nhóm các nhà lãnh đạo Bắc Việt thân Liên Xô đang âm mưu lật đổ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các phần tử cứng rắn trở nên quá sợ hãi vào cuối năm đến mức họ quyết định thả lỏng các cơ quan an ninh nội bộ. Cảnh sát mật đã bắt giữ ba trăm sĩ quan quân đội, quan chức dân sự, giáo sư, nhà văn và nhà báo vì bị nghi ngờ âm mưu với Liên Xô. Khoảng ba mươi người là nhân vật cấp cao của đảng và một số có mối quan hệ thân thiết với Đại tướng Giáp. Về sau người ta biết được rằng những người thẩm vấn đã tra hỏi các tù nhân về sự dính líu của Tướng Giáp trong âm mưu thân Liên Xô. Rõ ràng là những người thẩm vấn đã không thu thập được nhiều thông tin buộc tội, vì Giáp không bị bắt.⁷⁵⁰ Chế độ này cũng trấn áp những người bị nghi ngờ là phe đối lập trong dân chúng nói chung. Vào cuối năm 1967, họ đã đưa 230.000 người vào các «trại cải tạo» vì bị cáo buộc chống đối chính phủ.⁷⁵¹

Mặc dù việc bắt giữ những người bạn của Liên Xô ở Hà Nội chắc chắn làm các nhà lãnh đạo Liên Xô không hài lòng, nhưng nó không khiến họ ngừng viện trợ cho Bắc Việt Nam. Trong những tháng cuối năm 1967, các tàu của Liên Xô cập cảng Hải Phòng để dỡ xuống số lượng vũ khí quân sự chưa từng có, phần lớn trong số đó Hà Nội dự định sử dụng trong cuộc tấn công sắp tới. Danh sách hàng hóa bao gồm máy bay, vũ khí phòng không, pháo, đạn dược, sản phẩm dầu mỏ, kim loại đen và màu, vật tư y tế và thực phẩm. Viện trợ của Liên Xô cho Bắc Việt Nam, vốn chiếm 37% tổng viện trợ mà Bắc Việt Nam nhận được vào đầu năm 1967, đã lên tới một nửa tổng số vào cuối năm.⁷⁵²

Vào ngày 30 tháng 12, Bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt Nam Nguyễn Duy Trinh đã ra một tuyên bố công khai về đàm phán. Nó nhằm mục đích đánh lạc hướng Hoa Kỳ và chống lại ấn tượng ở các nước khác rằng người Mỹ quan tâm đến hòa bình hơn người Bắc Việt. «Sau khi Hoa Kỳ ngừng, không điều kiện, các cuộc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống lại VNDCCH, VNDCCH sẽ nói chuyện với Hoa Kỳ về những vấn đề thích hợp», vị bộ trưởng ngoại giao tuyên bố. Lời lẽ này không gây nhiều ấn tượng với chính quyền Johnson, vốn đã nhận được đề nghị một chiều tương tự kể từ giữa năm 1965, mặc dù chính việc công

bố nó đã khơi dậy sự quan tâm ở phương Tây trong số những người thiểu số tin tưởng các nhà lãnh đạo ở Hà Nội hơn những người ở Washington.

Sau bài phát biểu, một nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam ở Hà Nội đã tâm sự với một nhà ngoại giao Liên Xô rằng tuyên bố của bộ trưởng ngoại giao là một «quả bóng tuyên truyền» được tung lên để đáp lại những «quả bóng» do Tổng thống Johnson thả. «Các cuộc đàm phán sẽ bắt đầu», ông Đồng nói, «khi người Mỹ đã gây ra một thất bại cho chúng ta hoặc khi chúng ta đã gây ra một thất bại cho họ. Mọi thứ sẽ được giải quyết trên chiến trường.»⁷⁵³

Chương 12 - Tết mậu thân

Tháng 1 năm 1968

Thiếu tá James F. MacGill đến từ Fayetteville, North Carolina, thức dậy vào ngày 31 tháng 1 vào giờ thường lệ là 6:00 sáng, cạo râu và mặc quân phục. Sau đó, ông đi đến trung tâm tác chiến của tiểu đoàn mình, Tiểu đoàn Bộ binh 3/7 thuộc Lữ đoàn Bộ binh Nhẹ 199. Tiểu đoàn có biệt danh là Tiểu đoàn Cottonbaler, vì vào năm 1815, họ đã chống lại quân Anh tại New Orleans từ những công sự làm bằng những kiện bông. Với lệnh ngừng bắn trong dịp Tết đang có hiệu lực, MacGill dự kiến sẽ thấy trung tâm tác chiến yên tĩnh và không có sự kiện gì. Thay vào đó, ông phát hiện ra một tổ ong hoạt động, nhân viên hỗn loạn với năng lượng căng thẳng, tiếp nhận một lượng báo cáo tràn ngập về lực lượng thù địch và chiến đấu.

«Mọi đơn vị mà chúng tôi có thể nói chuyện hoặc nghe nói đến đều đang tiếp xúc với kẻ thù», MacGill nhớ lại. «Chúng tôi đang tự hỏi tại sao chúng tôi lại là những người duy nhất không tiếp xúc.»⁷⁵⁴

Lúc 08:08, Tiểu đoàn Cottonbaler nhận được một cuộc gọi khẩn cấp cầu cứu từ Sài Gòn. Một trung đội cảnh sát quân sự Mỹ đang bị bao vây và bị tấn công gần

trường đua Phú Thọ. Chỉ huy tiểu đoàn, Trung tá John K. Gibler, quyết định tiến hành một chiến dịch giải cứu, mà ông giao phó cho đại đội tốt nhất của mình, do Đại úy Antonio V. Smaldone chỉ huy. Trong mắt Gibler và MacGill, Smaldone là hiện thân của một chỉ huy chiến đấu tuyệt vời, người phát triển mạnh trong chiến tranh và sẽ chẳng đi đến đâu trong quân đội thời bình.

Smaldone cho đại đội của mình lên một đoàn xe tải và xe bọc thép chở quân. Trong khi đó, MacGill lên một máy bay trực thăng quan sát hạng nhẹ OH - 23 để giám sát chiến dịch. Với tư cách là sĩ quan tác chiến của tiểu đoàn, MacGill có nhiệm vụ trình sát chiến trường và chỉ đạo sự di chuyển của hai đại đội còn lại của tiểu đoàn, vốn đang chuẩn bị được không vận vào thành phố. Đến khi các phương tiện sẵn sàng rời căn cứ, mặt trời đã lên cao khỏi đường chân trời, và MacGill có thể nhìn thấy những cột khói bốc lên từ Sài Gòn.

Khởi hành lúc 09:05, các phương tiện mặt đất di chuyển thành một hàng với tốc độ ba mươi dặm một giờ. Chuyển đi đến trường đua Phú Thọ, một đường thẳng trên Quốc lộ 4, dự kiến mất khoảng một giờ. Khi đoàn xe tiến về phía trước, những xác chết của người Việt Nam hiện ra dọc theo đường cao tốc. Người Mỹ không thể biết những cái xác đó là của thương dân vô

tội, của cán bộ Cộng sản mặc thường phục, hay của binh lính Nam Việt Nam đang nghỉ phép. Chẳng mấy chốc, họ cũng bắt đầu nhìn thấy những người lính Mỹ đã chết, gục trên xe jeep của họ hoặc nằm rải rác trên đường. Dừng lại để thu thập những người Mỹ, đại đội của Smaldone đã chất đầy một xe tải xác người trên đường đến trường đua.

Tại một giao lộ ở ngoại ô thành phố, các ngôi nhà và mái nhà bùng nổ với tiếng súng. Đại úy Smaldone ra lệnh cho bộ binh xuống xe. Trung úy Richard W. Harper, đang ở trên một xe bọc thép chở quân ở đầu đoàn, đã phá hủy vị trí chủ lực của địch bằng một khẩu súng không giật 106 mm. Sự kháng cự của kẻ thù đã bị phá vỡ, binh lính vội vã trở lại xe tải, và cuộc hành quân tiếp tục.

Xe bọc thép dẫn đầu của Harper rẽ trái về hướng bắc vào một con phố nhỏ, và phần còn lại của đoàn xe đi theo. Tài xế và hành khách liếc nhìn về mọi hướng để tìm dấu hiệu của kẻ thù. Ở phía trên vài trăm feet, MacGill trên chiếc trực thăng của mình liên lạc vô tuyến chỉ dẫn cho Smaldone. Mặc dù Nam Việt Nam không phải là quê hương của họ, MacGill và Smaldone biết thành phố này rõ hơn hầu hết các đối thủ của họ vì cả hai đã dành thời gian ở đó trong các chuyến công tác trước đây. Trong

việc tìm đường và phối hợp di chuyển, họ sử dụng các quán bar và nhà thổ làm điểm mốc.

Cách trường đua một cây số, đoàn xe bị một đại đội địch mai phục kín phục kích. Một quả rocket chống tăng lao vào chiếc xe dẫn đầu, giết chết Trung úy Harper. Hỏa lực súng máy bắn xối xả dọc theo đoàn xe. Một số lính Mỹ bị thương, nhưng họ từ chối được sơ tán. Để tránh bị sa lầy tại một nơi do địch chọn, Smaldone ra lệnh cho các xe của mình lùi lại và đi một tuyến đường khác đến mục tiêu.

Cách trường đua vài dãy nhà, những người lính Cottonbaler lại một lần nữa vấp phải hỏa lực súng máy. Nhảy ra khỏi xe tải và xe bọc thép chở quân, các binh sĩ bộ binh thăm dò cơ hội để vượt qua hoặc tràn ngập địch. Cấp trên đã cấm lực lượng ứng cứu sử dụng súng cối, pháo binh và không kích chiến thuật trong thành phố, nhưng cho phép sử dụng chất nổ nhựa cũng như súng không giật, cả hai đều có thể phá hủy các công trình xây bằng gạch đá che chắn cho quân địch. Bằng cách đánh bật qua những ngôi nhà san sát và những bức tường sau vườn trong khu phố, người Mỹ tiến dần về phía các ổ súng máy địch.

Vào giữa buổi chiều, người Mỹ tiến đến con đường lớn cuối cùng ngăn cách họ với trường đua. Chặn đường họ là một khẩu súng máy địch, với vị trí đặt ở tầng trên của một tòa nhà cho phép tổ súng có khả năng tước bất kỳ đoạn đường nào bằng những dòng đạn. Khẩu súng máy này đẩy lùi mọi cuộc thăm dò của người Mỹ hướng về con phố.

Smaldone bước xuống xe bọc thép chở quân để do thám cứ điểm của địch. Di chuyển bộ cùng tài xế và xạ thủ của mình, ông phát hiện ra vị trí chính xác của khẩu súng máy ở một góc cửa sổ của tòa nhà. Trở lại xe bọc thép, Smaldone ra lệnh cho các binh sĩ bộ binh yểm trợ hỏa lực trong khi chiếc xe của ông cơ động đến một vị trí có tầm nhìn thông suốt vào mục tiêu.

Ngay khi tài xế của Smaldone đến được vị trí dự định, xạ thủ đã bắn một quả đạn súng không giật 106 mm vào ổ súng máy. Di chuyển với vận tốc 1.100 dặm một giờ, viên đạn ngay lập tức trúng đích và phát nổ. Vụ nổ đã xóa sổ khẩu súng máy và làm phát nổ một kho đạn cối, tạo ra một phản ứng dây chuyền của những vụ nổ lớn hơn. Những ngọn lửa đỏ rực và những mảnh vụn đen bị bắn vọt lên cao hàng trăm foot.

Những người lính của Lữ đoàn Bộ binh Nhẹ 199 th tràn ngập qua đường. Trước khi họ đến được trường đua, họ gặp phải một cứ điểm địch khác, cứ điểm này được bảo vệ bởi các tay bắn tỉa. Hỏa lực bắn tỉa buộc bộ binh Mỹ phải nép sau các bức tường và chờ vũ khí hạng nặng. Một trong những người Mỹ chứng kiến kỹ năng của các xạ thủ địch là Chuyên gia Hạng Tư Doug McCabe, người đã rời Đại học Bách khoa California để nhập ngũ vì, như anh nói, anh «phát bực với những giáo sư trốn lính đến mức tôi không thể chịu đựng được nữa.» Tại tuyến tiếp xúc, McCabe quan sát thấy, những người Cộng sản «được huấn luyện tốt và là những xạ thủ cừ khôi bởi vì chỉ sau ba bước họ đã bắn vào chúng tôi và một viên đạn sượt qua đỉnh mũ sắt của tôi còn một viên khác trúng vào đạn súng máy tôi đang mang trên lưng.»⁷⁵⁵

Kháng cự của Cộng sản vẫn còn ngoan cố đến mức Gibler đã yêu cầu và được cho phép điều các trực thăng vũ trang đến hỗ trợ bộ binh. Vũ khí tự động mạnh mẽ của các trực thăng vũ trang khiến lực lượng địch phải cắt đứt tiếp xúc với đại đội của Smaldone và vội vã rút lui vào trong trường đua. Sau khi chặn các lối vào đường đua, họ hòa vào cùng các binh lính Cộng sản khác, những người đang án ngữ phía sau các hàng ghế bê tông hoặc trong các tháp canh bê tông trên khán đài.

Nỗ lực đầu tiên của Smaldone nhằm đột phá các bức tường của công trình hình lòng chảo đã bị đình trệ trước sự kháng cự quyết liệt của địch. Ông rút quân và xe về và đưa họ đến một khu vực khác, ở góc đông nam. Một xe bọc thép chở quân liên tục đâm vào bức tường gạch xi của trường đua cho đến khi tạo ra một lỗ hổng. Súng không giật và trực thăng vũ trang của Mỹ dội hỏa lực vào những kẻ phòng thủ gần chỗ vỡ trong khi lính Mỹ tràn vào.

Các chiến sĩ Cộng sản rút lui đến những khu vực cao nhất và dễ phòng thủ nhất của khán đài. Tuy nhiên, một khi quy mô đầy đủ của lực lượng Mỹ trở nên rõ ràng, họ quyết định di tản toàn bộ trường đua. Bộ binh Mỹ tìm cách ngăn cản cuộc di tản trong khi đồng thời đối phó với các tay bắn tỉa đóng trên các tòa nhà xung quanh.

Lúc 15:55, Đại úy Smaldone báo cáo rằng ông đã chiếm được trường đua với cái giá chỉ ba Cottonbaler tử vong và mười lăm người bị thương. Thiếu tá MacGill chỉ thị hai đại đội còn lại của tiểu đoàn đổ bộ bằng trực thăng xuống trường đua, nơi có chiều dài nửa dặm và rộng một phần tư dặm, tạo thành vùng đổ bộ lớn nhất trong thành phố. Để giết thời gian hai mươi phút cho đến khi các đại đội khác đến, Smaldone ngồi xuống một chiếc ghế xếp trên sân trong của trường đua và mở một

tờ Wall Street Journal. Trung úy Bill Trotter nhớ lại, «Nó có tác dụng trấn an những người lính khi thấy ông già đọc tờ Wall Street Journal của mình trong khi hỗn loạn đang diễn ra khắp nơi.»⁷⁵⁶

Các trục thăng Huey và Chinook đáp xuống trường đua với những người lính tươi tắn, nguyên vẹn. Trong số những hành khách đến có Trung tá Gibler, người đã thiết lập một sở chỉ huy trong văn phòng của giám đốc trường đua. Một nhóm lính Mỹ trẻ năng động đã tìm thấy một tá ngựa Việt Nam nhỏ trong chuồng ngựa của trường đua và cưỡi chúng phi vòng quanh đường đua, bất chấp những viên đạn bay vèo vèo trên đầu. Các sĩ quan đuổi theo những người cưỡi ngựa, quát họ xuống ngựa trước khi các tay bắn tỉa bắn trúng họ.⁷⁵⁷

Những người lính Cottonbaler của Smaldone vui mừng vì sự trừng phạt mà họ đã giáng xuống đối thủ và vì số thương vong thấp mà họ phải chịu khi làm như vậy. «Thật bức bối khi cứ loanh quanh đánh nhau trong rừng và đồng lúa suốt và chỉ có những cuộc chạm súng lẻ tẻ, khi kẻ thù muốn, theo điều kiện của chúng», William A. Johnson từ Dixon, Tennessee, một nhân viên vô tuyến điện mười chín tuổi, nói. «Lần này chúng đến với chúng ta, và chúng phải trả giá đắt cho điều đó.»

Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân là kết thúc bất ngờ cho một tháng trời suy đoán của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa về động thái tiếp theo của Hà Nội. Tháng Một chứng kiến sự gia tăng các tài liệu của Bắc Việt bị thu giữ có đề cập hoặc ám chỉ đến một cuộc tấn công sắp xảy ra. Trong một báo cáo gửi Washington ngày 15 tháng 1,

Tướng Westmoreland ước tính rằng có 60% khả năng là phe Cộng sản sẽ thực hiện một cuộc tấn công lớn trước Tết và 40% khả năng là nó sẽ đến sau Tết. Cả ban tình báo của Westmoreland và CIA đều chia sẻ quan điểm của ông về thời điểm có khả năng xảy ra cuộc tấn công của Bắc Việt.⁷⁵⁸

Một cuộc tấn công trong dịp Tết, lễ kỷ niệm kéo dài một tuần của Năm Mới Âm lịch, dường như trái với lý lẽ. Người Bắc Việt đã tôn trọng lệnh ngừng bắn vào dịp Tết trong những năm gần đây, và vi phạm lệnh ngừng bắn ngày lễ sẽ mang lại rủi ro cao là làm mất lòng dân chúng bởi vì Tết vượt xa tất cả các ngày lễ khác của Việt Nam về sự nhộn nhịp và lòng thành kính. Bất chấp những khó khăn của chiến tranh, các hộ gia đình Việt Nam vẫn bán đi những tài sản quý giá để tổ chức một lễ Tết đàng hoàng cho gia đình họ. Anh em từ hai phe đối lập rời đơn vị của mình vài ngày để sum họp tại nhà của

cha mẹ họ. Dường như không ai ở phía Mỹ biết rằng cuộc chiến đã bắt đầu bằng một cuộc tấn công vào trụ sở Trung đoàn 32 ARVN trong dịp Tết năm 1960, hoặc rằng quân đội Việt Nam đã tấn công quân chiếm đóng Trung Quốc trong dịp Tết năm 1789.

Về địa điểm của cuộc tấn công, người Mỹ tiếp tục bác bỏ khả năng người Bắc Việt nhắm vào các trung tâm dân cư lớn của Nam Việt Nam. Những kẻ đào ngũ và người cung cấp tin tức Cộng sản đã nói về việc chuẩn bị tấn công các cơ sở quân sự và chính phủ khác nhau ở các thị trấn và thành phố của Nam Việt Nam, nhưng bằng chứng này đã bị giải thích là những mối nhử đánh lạc hướng. Việc tấn công đồng loạt một số lượng lớn các khu vực đô thị là không hợp lý về mặt quân sự.⁷⁵⁹ Các thị trấn và thành phố đông đúc cảnh sát và binh lính chính phủ chỉ có thể bị chiếm bằng các cuộc tấn công lớn, điều này sẽ khiến những kẻ tấn công phơi mình trước các cuộc phản công tàn khốc. Hơn nữa, hầu hết các thị trấn và thành phố quan trọng đều nằm xa các tuyến hậu cần của Bắc Việt ở Lào và Campuchia. Trung tướng Phillip B. Davidson, sĩ quan tình báo cao cấp của Westmoreland lúc bấy giờ, sau này nhận xét, «Ngay cả khi tôi biết chính xác điều gì sắp xảy ra, nó quá vô lý đến mức tôi có lẽ đã không thể thuyết phục được bất kỳ ai.»⁷⁶⁰

Westmoreland, Davidson và hầu hết các nhà phân tích tình báo Mỹ thích dựa các dự báo của họ trên năng lực của các lực lượng đối phương, hơn là ý định của họ. Thông tin đáng tin cậy về vị trí và số lượng quân địch dễ thu thập hơn nhiều so với thông tin đáng tin cậy về ý định chiến lược của kẻ thù, và một đối thủ chỉ có thể đạt được chiến thắng lớn nếu họ có thể mang lại sức mạnh vượt trội. Suy đoán về ý định của kẻ thù mà không tính đúng mức đến năng lực có thể dễ dàng dẫn đến thảm họa nếu suy đoán đó sai lầm, như đã từng xảy ra vào cuối năm 1964 và đầu năm 1965, khi người Mỹ đã dự đoán sai rằng Hà Nội sẽ không cam kết các lực lượng sẵn có của mình vào trận chiến ở Nam Việt Nam. Phân tích năng lực dẫn Westmoreland và các sĩ quan tình báo quân sự cấp cao của ông đi đến kết luận rằng mục tiêu chính trong kế hoạch tấn công của Cộng sản vào đầu năm 1968 nằm ở hai tỉnh cực bắc, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Trong tháng Một, Quảng Trị và Thừa Thiên chứng kiến sự xuất hiện của một số lượng binh lính Bắc Việt đáng báo động, bao gồm hầu hết đợt thâm nhập đã đưa hai mươi ba nghìn người vào Nam Việt Nam trong tháng đó.⁷⁶¹ Tại Khe Sanh, một tập đoàn quân Bắc Việt gồm bốn mươi nghìn binh sĩ đã bao vây căn cứ tác chiến Thủy quân Lục chiến vào giữa tháng Một. Với

lượng pháo binh trang bị chưa từng có trước đây, người Bắc Việt bao vây Khe Sanh bằng năm trung đoàn pháo binh, bốn khẩu đội pháo riêng lẻ và hai trung đoàn pháo phòng không, được trang bị pháo howitzer cỡ nòng lên đến 152 mm, rocket 140 mm, và súng cối 120 mm và 82 mm.⁷⁶² Nếu các tình cực bắc rơi vào tay Bắc Việt, sự biệt lập về địa lý và thiếu các cảng nước sâu của chúng sẽ khiến việc tái chiếm chúng trở thành một vấn đề hết sức khó khăn đối với người Mỹ.

Sau chiến tranh, một số ít lãnh đạo Bắc Việt tuyên bố rằng họ đã không lên kế hoạch đánh chiếm căn cứ Thủy quân Lục chiến tại Khe Sanh mà chỉ đưa quân đến đó để thu hút lực lượng đồng minh ra khỏi các mục tiêu của Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân. Tuy nhiên, một số tướng lĩnh hàng đầu của Hà Nội và nhiều tài liệu lịch sử của Bắc Việt đã bác bỏ dứt khoát tuyên bố đó. Các nguồn này tiết lộ rằng mục tiêu của Hà Nội trong việc tấn công Khe Sanh bao gồm cả việc thu hút lực lượng Mỹ ra khỏi các mục tiêu Tết Mậu Thân và đánh chiếm Khe Sanh.

Không ai biết rõ hơn Bắc Việt đang cố đạt được điều gì ngoài Tướng Trần Quý Hai. Vào đầu năm 1968, Tướng Hai là Tư lệnh Mặt trận Đường 9 của Bắc Việt, lực lượng quân sự Bắc Việt vùng bao quanh Khe Sanh.

Trong một cuốn sách viết sau chiến tranh, ông tuyên bố rằng «mục tiêu chính của chiến dịch do Lực lượng Vũ trang Giải phóng Nhân dân tiến hành dọc theo Quốc lộ 9 vào đầu năm 1968 là để tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Khe Sanh, và hỗ trợ các chiến trường khác của chúng ta trên khắp miền Nam Việt Nam.»⁷⁶³ Một báo cáo khác, một cuốn lịch sử chính thức của Cộng sản về cuộc chiến ở các tỉnh phía Bắc, khẳng định rằng lực lượng Bắc Việt ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị có chủ đích «giải phóng Khe Sanh, đập tan một mảng phòng tuyến của địch, và tiêu diệt và thu hút thêm nhiều lực lượng địch để hỗ trợ các mặt trận hoạt động khác của chúng ta.»⁷⁶⁴

Với một lực lượng bốn mươi nghìn người cùng một phần lớn đạn dược và pháo binh đã được vận chuyển vất vả xuống đường mòn Hồ Chí Minh trong những tháng gần đây, Quân đội Bắc Việt chỉ giam chân có sáu ngàn lính Mỹ. Nếu người Bắc Việt không có ý định chiếm lĩnh Khe Sanh mà chỉ đe dọa nó để thu hút lực lượng Mỹ ra khỏi các thị trấn và thành phố, thì logic quân sự đã ra lệnh phải dành nhiều lực lượng hơn cho các cuộc tấn công đô thị và ít hơn cho Khe Sanh. Nó cũng đã ra lệnh ngừng các hoạt động tấn công của Bắc Việt tại Khe Sanh sau khi cuộc tấn công đô thị đã kết thúc, thế nhưng những hoạt động đó không suy giảm

cho đến nhiều tuần sau đó.⁷⁶⁵

Đối với giới lãnh đạo Bắc Việt, Khe Sanh đã trình diện một cơ hội để lập lại chiến thắng tại Điện Biên Phủ năm 1954. Trong trận chiến then chốt đó, Việt Minh đã tràn ngập một căn cứ biệt lập của Pháp bằng cách tập hợp số quân vượt trội, phá vỡ hậu cần của Pháp bằng pháo binh, và từ chối nao núng sau khi chịu thương vong trên quy mô khủng khiếp. Các nhà lãnh đạo Hà Nội nghĩ rằng lần này họ có thể chiến thắng theo cách tương tự.

Những chuẩn bị ban đầu cho trận chiến đã nuôi dưỡng sự tự tin của Hà Nội rằng họ có thể đạt được một Điện Biên Phủ thứ hai. Bằng cách khai thác vị trí gần với nơi ẩn náu và các tuyến tiếp tế của Lào của Khe Sanh, Quân đội Bắc Việt đã có thể tập trung lực lượng gần Khe Sanh với số lượng vượt xa lực lượng đồn trú sáu ngàn người. Các đơn vị pháo binh Bắc Việt đã có thể đưa số lượng lớn pháo howitzer vào trong tầm bắn của đường băng căn cứ. Vào giữa tháng Một, người Bắc Việt cắt đứt các con đường vào Khe Sanh, khiến căn cứ và các cứ điểm vệ tinh của nó phụ thuộc vào nguồn tiếp tế bằng đường không, thứ mà có thể bị bắn hạ bởi pháo binh Bắc Việt hoặc bị ngừng hoạt động bởi thời tiết xấu vốn hoành hành Khe Sanh vào thời điểm này trong năm.

Sự tương đồng giữa Khe Sanh và Điện Biên Phủ đã rõ ràng đối với người Mỹ cũng như đối với người Bắc Việt. Một số chuyên gia quân sự Mỹ tin rằng Hà Nội có cơ sở để tin rằng các điều kiện thuận lợi cho một màn tái diễn năm 1954. Người nổi bật nhất trong số họ, Maxwell Taylor, đã khuyến nghị tổng thống từ bỏ căn cứ.⁷⁶⁶

Westmoreland đồng ý rằng kẻ thù đang tìm cách lập lại Điện Biên Phủ, nhưng ông tin chắc rằng Khe Sanh có thể và nên được giữ. Nếu người Bắc Việt chiếm được Khe Sanh, Westmoreland lập luận, họ sẽ có thể tiếp cận tỉnh Quảng Trị phía đông dễ dàng hơn. Theo ý kiến của ông, việc mất Khe Sanh «sẽ là một chiến thắng tuyên truyền lớn cho kẻ thù» và «sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của người Việt Nam và Hoa Kỳ.»⁷⁶⁷ Sự sụp đổ của Khe Sanh cũng sẽ làm rối loạn kế hoạch của Westmoreland về việc chuyển quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa vào Lào sau đó trong năm theo Kế hoạch El Paso, vì nó sẽ tước đi của ông căn cứ tốt nhất sẵn có gần biên giới Lào. Westmoreland còn tin rằng, hơn nữa, Khe Sanh đã trình diện một cơ hội để tiêu diệt một phần lớn của Quân đội Bắc Việt. Xa cách dân thường và những hạn chế mà sự hiện diện của họ áp đặt lên sức mạnh quân sự Mỹ, Khe Sanh có thể hoạt động như một khúc gỗ chịt trên đó vài sư đoàn Bắc Việt có thể bị chịt

thành từng mảnh.

Người Mỹ sẽ làm thất bại ý đồ của kẻ thù nhắm vào Khe Sanh vào năm 1968, Westmoreland khẳng định, bởi vì họ đã tạo ra điều kiện chiến đấu tốt hơn so với người Pháp tại Điện Biên Phủ năm 1954. Lực lượng đồn trú Pháp tại Điện Biên Phủ đã nằm trong một thung lũng sâu bị bao quanh bởi những ngọn núi dưới sự kiểm soát của kẻ thù, trong khi căn cứ chiến đấu Khe Sanh nằm trên một cao nguyên được bao quanh bởi những ngọn đồi mà các trận đánh trên đồi năm 1967 đã để lại trong tay của ba ngàn Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Những người phòng thủ Pháp tại Điện Biên Phủ đã nhận được hỗ trợ không quân hoặc pháo binh tương đối ít và đã cạn kiệt đạn dược và lương thực vì những khó khăn hậu cần. Tại Khe Sanh, người Mỹ có thể sử dụng máy bay B - 52, máy bay chiến thuật, và một dàn pháo hùng hậu gồm pháo nhẹ, trung bình và nặng, và họ sở hữu một bộ khả năng tiếp tế bằng đường không rộng và sâu. Các lập luận của Westmoreland đã đủ trấn an Tổng thống Johnson đến mức ông đã gạt bỏ đề nghị từ bỏ Khe Sanh.

Westmoreland đã vạch kế hoạch cho các cuộc không kích lớn vào khu vực lân cận Khe Sanh với mật danh Niagara, báo trước một trận mưa bom. Dưới sự thúc

giục của Wheeler và Sharp, Westmoreland đã yêu cầu nhân viên của mình nghiên cứu việc sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật trong trường hợp tình hình tại Khe Sanh hoặc những nơi khác ở Quân khu I phía Bắc xấu đi. Một nhóm nhỏ bắt đầu một phân tích tối mật, nghiên cứu cách gió, địa hình, các mô hình vụ nổ, và vị trí của các vị trí của Thủy quân lục chiến sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng thiết bị hạt nhân gần cao nguyên biệt lập. Nói về nhiều nỗ lực vô ích của chính quyền nhằm truyền đạt quyết tâm thông qua vũ lực, Westmoreland sau này suy ngẫm, «Nếu các quan chức Washington quá quyết tâm ‘gửi một thông điệp’ tới Hà Nội, chắc chắn vũ khí hạt nhân chiến thuật nhỏ sẽ là một cách để nói với Hà Nội điều gì đó, giống như hai quả bom nguyên tử đã nói một cách thuyết phục với các quan chức Nhật Bản trong Thế chiến thứ II và mối đe dọa của bom nguyên tử đã khiến người Bắc Triều Tiên chấp nhận các cuộc đàm phán có ý nghĩa trong Chiến tranh Triều Tiên.»⁷⁶⁸

Giới báo chí Mỹ sớm nghe được và truyền đi những tin đồn rằng chính quyền đang cân nhắc sử dụng vũ khí hạt nhân ở Việt Nam. Johnson lo ngại rằng tin tức về phân tích bí mật của quân đội sẽ làm sợ hãi người dân Mỹ và thậm chí có thể châm ngòi cho một cuộc đối đầu hạt nhân với các đồng minh của Hà Nội, vì vậy ông đã chấm dứt nghiên cứu. Trong một thông báo công khai,

ông phủ nhận rằng Bộ Quốc phòng đã xem xét việc sử dụng vũ khí hạt nhân ở Việt Nam.⁷⁶⁹

Vào giữa tháng Một, tại Hội nghị Trung ương 14 của Đảng Cộng sản Việt Nam, Lê Duẩn đã phác thảo kỳ vọng của ông cho cuộc đấu tranh sắp tới. Cuộc tổng tấn công, ông tuyên bố, nhằm đạt được một «chiến thắng quyết định» thông qua sự kết hợp giữa chiến tranh lực lượng chủ lực và một cuộc tổng khởi nghĩa. Quân đội của chính phủ Việt Nam Cộng hòa «cực kỳ yếu», yếu đến mức «một số người của chúng ta nói rằng khi chúng ta tấn công họ, họ chỉ tan vỡ và bật khóc.» Bằng cách tấn công cả Khe Sanh và các trung tâm dân cư, Hà Nội sẽ ngăn chặn các đồng minh tập trung lực lượng của họ tại bất kỳ một nơi nào. Kế hoạch tổng thể của Bắc Việt, Lê Duẩn tiết lộ, là «kéo căng địch trên khắp chiến trường miền Nam, dồn lực lượng chủ lực của hấn đến những chiến trường có lợi cho ta và giáng cho nó những đòn nghiền nát.»

Lê Duẩn tìm cách xóa bỏ mọi nghi ngờ về triển vọng của các cuộc khởi nghĩa đô thị. «Hầu như tất cả các thành phố đều đang sôi sục và sẵn sàng nổi dậy», ông khẳng định. «Quần chúng hiện nay đã chín muồi, và họ muốn giành quyền kiểm soát chính phủ. Hàng triệu người sẵn sàng xuống đường, và quần chúng vừa mới

chờ đợi lực lượng quân sự của chúng ta hỗ trợ họ.»

Một khi lực lượng của Bắc Việt giành quyền kiểm soát Sài Gòn và các thành phố lớn khác và các vùng nông thôn trọng yếu, Lê Duẩn tiên đoán, chế độ Việt Nam Cộng hòa sẽ trượt dần vào quên lãng. Hoa Kỳ, vốn đã bị chia rẽ bởi các xung đột nội bộ, sau đó sẽ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. «Ở Hoa Kỳ, tinh thần của những kẻ hiếu chiến sẽ sụp đổ», Lê Duẩn khẳng định. «Hàng triệu người, quần chúng nhân dân, sẽ tuần hành ra đường để chống lại những kẻ hiếu chiến. Những kẻ hiếu chiến sẽ mất đi chỗ dựa của họ.»⁷⁷⁰

Các chỉ thị được ban hành cho bộ đội ở miền Nam vào đêm trước trận chiến tràn đầy sự tự tin rằng Tổng tiến công Tết Mậu Thân sẽ kích động các cuộc nổi dậy quần chúng. «Chúng tôi được bảo các thành phố giống như những con cá mang thai, chứa đầy trứng», Nguyễn Ngọc, một người lính Bắc Việt sau này trở thành nhà văn, nhớ lại. «Chúng ta chỉ cần chọc nhẹ con cá một chút, và tất cả trứng sẽ tuôn ra.» Các đơn vị tấn công dễ dàng chấp nhận dự đoán đó, ông lưu ý, bởi vì «chúng tôi tin rằng các thành phố bị áp bức bởi người Mỹ và Nam Việt Nam.»⁷⁷¹

Trước các cuộc tấn công, hàng ngàn cán bộ Cộng sản đã thâm nhập vào các thành phố lớn và các tỉnh lỵ, quận lỵ. Mang theo giấy tờ tùy thân giả và mặc quần áo của thương nhân hoặc nông dân, họ hiếm khi có thể được phân biệt với vô số người Nam Việt Nam khác đang di chuyển đến các lễ kỷ niệm gia đình. Một số buôn lậu vũ khí trên xe tải hoặc thuyền tam bản chất đầy gỗ hoặc hoa để chuyển đến những nơi ẩn náu trong nghĩa trang, nương thoát nước, nhà của những người đồng tình, hoặc chùa chiền Phật giáo. Những chiến binh vũ trang di chuyển ra khỏi các khu phức hợp đường hầm và nơi ẩn náu trong rừng trong đêm tối và hành quân về phía các trung tâm dân cư của Nam Việt Nam. Thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa có thể để tránh bị phát hiện, họ hạn chế di chuyển vào ban đêm và tránh các làng xã và các đồn bót của chính phủ. Các kỹ thuật viên thông tin liên lạc tránh gửi bất kỳ tin nhắn nào về các cuộc tấn công ngoại trừ ở các cấp mã hóa cao nhất.⁷⁷²

Theo một báo cáo chính thức của Mỹ sau sự kiện, tám mươi tư ngàn lính Cộng sản đã tham gia vào cuộc tấn công đô thị. Con số đó, tuy nhiên, không bao gồm số lượng đáng kể nhân viên đầu não, cán bộ, du kích, và lao động dân sự. Tổng số nhân sự Cộng sản tập trung về các thành phố vào cuối tháng Một có lẽ vượt quá một trăm ngàn.⁷⁷³ Hà Nội bố trí thêm lực lượng gần các thị

trần và thành phố trọng yếu, sẵn sàng tham gia vào cuộc chiến một khi chiến thắng lộ dạng.

Ở hầu hết các vùng trong nước, những kẻ tấn công đã thoát khỏi sự chú ý của chính phủ Việt Nam Cộng hòa và người Mỹ trước khi đến được mục tiêu của họ, một phần không nhỏ là do hầu hết binh lính, dân quân, và cảnh sát Nam Việt Nam đã nghỉ phép cho ngày lễ và việc tuần tra đã bị đình chỉ. Tuy nhiên, lực lượng và kế hoạch của Cộng sản đã không hoàn toàn vô hình. Một tuần trước khi cuộc tấn công đô thị bắt đầu, Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã bắt được một đại tá Cộng sản tên là Nam Đông, người đã tiết lộ các kế hoạch thực tế cho cuộc tấn công, bao gồm cả ngày bắt đầu. Các sĩ quan Việt Nam Cộng hòa nhận được thông tin này đã không chia sẻ nó với người Mỹ vì những tin đồn về các tiếp xúc của Mỹ với Cộng sản Việt Nam đã khiến họ tin rằng Hoa Kỳ đang cấu kết với Cộng sản và đã biết về cuộc tấn công này.

Trong một cuộc đột kích tại Qui Nhơn vào ngày 28 tháng 1, lực lượng chính phủ đã bắt giữ các cán bộ Cộng sản mang theo băng ghi âm với thông điệp kêu gọi người dân ủng hộ cuộc cách mạng, được cho là đã giành quyền kiểm soát Sài Gòn, Huế, và Đà Nẵng. Khi bị thẩm vấn, những người bị bắt thú nhận rằng Cộng

sản có kế hoạch tấn công Qui Nhơn và các thành phố khác trong thời gian ngừng bắn ngày lễ. Việc phát hiện này đã khiến lãnh đạo Quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Quân khu II đặt quân đội của mình trong tình trạng báo động.⁷⁷⁴

Vào những ngày cuối cùng trước lệnh ngừng bắn Tết, nhiều cuộc tuần tra và người cung cấp tin của đồng minh đã mang tin về các đơn vị Cộng sản đang hướng về các trung tâm dân cư, khởi động nhiều sự chuẩn bị vào phút chót của đồng minh. Các cuộc nghe lén vô tuyến và các thông tin khác chỉ ra các cuộc tấn công gần các khu vực đô thị của Quân khu III trong dịp Tết đã khiến Trung tướng. Frederick Weyand tăng cường phòng thủ cho Sài Gòn và các thành phố khác.⁷⁷⁵ Westmoreland trở nên vô cùng lo ngại trước những dấu hiệu của một sự vi phạm ngừng bắn sắp xảy ra đến mức ông đã gặp Thiệu để thỉnh cầu hủy bỏ lệnh ngừng bắn dịp lễ. Thiệu đồng ý hủy bỏ nó ở Quân khu I nhưng từ chối làm như vậy ở những nơi khác, với lý do rằng điều đó sẽ làm suy yếu tinh thần của Nam Việt Nam và giảm sự ủng hộ của người dân đối với chính phủ.⁷⁷⁶

Theo kế hoạch chiến dịch chính thức của Bắc Việt Nam, cuộc tấn công đô thị sẽ bắt đầu vào đêm đầu tiên của Tết Nguyên đán. Chi tiết có vẻ đơn giản đó hóa ra

lại là vấn đề lớn đầu tiên của Hà Nội. Đầu tháng 1, Cục Khí tượng Hải dương của Bắc Việt Nam đã chọn điều chỉnh lịch âm của mình, chuyển ngày năm mới lên sớm một ngày, nhưng thông tin về sự điều chỉnh này chỉ đến được các khu vực ven biển miền Trung Việt Nam trước cuối tháng. Kết quả là, quân đội Bắc Việt Nam tấn công sáu thị trấn gần bờ biển miền Trung vào đêm 29 - 30 tháng 1, sớm hơn hai mươi bốn giờ so với lực lượng Bắc Việt Nam ở phần còn lại của đất nước.⁷⁷⁷

Tại mỗi sáu địa điểm này, các đồng minh đã đẩy lùi lực lượng tấn công trong vòng vài giờ. Tin tức về các cuộc tấn công này thúc giục chính phủ Sài Gòn ra lệnh cho tất cả nhân viên trở về đơn vị ngay lập tức từ kỳ nghỉ lễ, nhưng hầu hết trong số họ không thể được liên lạc trước khi sự kiện chính bắt đầu. Các chỉ huy Mỹ thành công hơn trong việc triệu tập binh lính của họ đến các trạm nhiệm vụ. Tuy nhiên, Westmoreland không triển khai lại bất kỳ lực lượng bổ sung nào đến các trung tâm dân cư, và ông cùng các chỉ huy cấp dưới của mình vẫn không mong đợi các cuộc tấn công sẽ xảy ra ở nhiều nơi hoặc với quy mô lớn như chúng sắp xảy ra. Chỉ vài giờ trước khi Cộng sản bắt đầu nổ súng tại Sài Gòn, hai trăm sĩ quan tình báo quân sự Mỹ đang nhấm nháp cocktail tại một bữa tiệc bên hồ bơi ở thủ đô Nam Việt Nam.⁷⁷⁸

Hầu hết các cuộc tấn công đô thị còn lại bắt đầu vào đêm 30 - 31 tháng 1. Được che giấu bởi màn đêm đen kịt và tiếng pháo nổ dịp lễ, binh lính Cộng sản tấn công năm trong số sáu thành phố của Nam Việt Nam, ba mươi sáu trong số bốn mươi tư tỉnh lỵ, sáu mươi tư trong số 242 huyện lỵ và năm mươi thôn xã. Mục tiêu chính của họ là các căn cứ, trụ sở, đài phát thanh và các nhà lãnh đạo của Nam Việt Nam. Với một vài ngoại lệ đáng chú ý, họ tránh xa các cơ sở của Mỹ.

Vì lý do bảo mật hoạt động, các đơn vị tấn công Cộng sản đã không nghiên cứu các thành phố mà họ tấn công cũng như không được huấn luyện về chiến tranh đô thị. Các trụ sở Đảng Cộng sản gần đó được cho là sẽ cung cấp người dẫn đường cho các lực lượng chiến đấu, nhưng nhiều người dẫn đường không bao giờ liên lạc được với các đơn vị mà họ được giao nhiệm vụ dẫn dắt. Việc thiếu người dẫn đường khiến nhiều đơn vị đến mục tiêu dự định muộn hoặc hoàn toàn bỏ lỡ chúng.⁷⁷⁹ Các đơn vị khác bị trì hoãn do lệnh tấn công được ban hành chậm trễ. Trong một tiểu đoàn không nhận được lệnh tấn công, người chỉ huy xin nghỉ phép để kết hôn trong dịp lễ, và phó chỉ huy của anh ta uống rượu say mèm vào đêm trước cuộc tấn công, như được các sĩ quan Cộng sản phát hiện khi gặp tiểu đoàn này trong cuộc hành quân vào Sài Gòn.⁷⁸⁰

Khi làn sóng của cơn bão Cộng sản chạm vào những con đê chắn sóng là các cơ sở của chính phủ Nam Việt Nam, một số cấu trúc đã vỡ ngay lập tức. Những nơi khác có đủ số lượng người có vũ trang tại chỗ để chống đỡ cuộc tấn công ban đầu của Cộng sản, và cơ hội sống sót của họ tăng lên khi các nhân sự khác trở lại nhiệm vụ. Các cán bộ chính trị Cộng sản vội vã đi từ nhà này sang nhà khác thuyết phục người dân đứng về phía họ, trừ khi những người đó được xác định là lãnh đạo chính phủ, trong trường hợp đó họ sẽ bị giết tại chỗ.

Vào lúc 3:00 sáng, mười chín biệt động đã lái xe Renault Dauphin và xe tải hạng nhẹ Peugeot 304 đến đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn. Từ cửa sổ xe, họ nổ súng vào hai cảnh sát quân sự Mỹ đang đứng gác bên ngoài bức tường. Những cảnh sát này, Chuyên gia 4 Charles L. Daniel và Binh nhất William M. Sebast, vội chạy vào trong khuôn viên và khóa cổng ngoài. Qua máy radio, họ truyền đi mã «Tín hiệu 300», có nghĩa là đại sứ quán đang bị tấn công.

Những biệt động, mặc thường phục với băng tay đỏ, leo ra khỏi hai chiếc xe. Sử dụng chất nổ nhựa, họ cho nổ một lỗ hổng trên bức tường bảo vệ bao quanh khuôn viên đại sứ quán. Sau đó, họ ào ạt xông qua chỗ bị phá, bắn vào làn khói.

«Chúng đang vào», một trong những cảnh sát quân sự liên lạc qua radio. «Chúng đang vào ! Việt Cộng trong khuôn viên !»⁷⁸¹ Daniel và Sebast bắn hạ hai biệt động đầu tiên xông vào nhưng sau đó bị các biệt động khác tràn qua lỗ hồng giết chết.

Giờ đã kiểm soát được sân trong của khuôn viên, các biệt động bắn rocket chống tăng B - 40 vào cánh cửa kiên cố của tòa nhà chancery (tòa nhà chính của đại sứ quán). Các rocket không xuyên thủng được những tấm gỗitech dày sáu inch của cánh cửa. Mặc dù các biệt động mang theo nhiều chất nổ nhựa đủ để phá hủy cánh cửa, nhưng không ai trong số họ cố gắng sử dụng nó. Ưu tiên hàng đầu của họ không phải là vào được đại sứ quán mà là liên kết với binh lính Cộng sản và hai trăm sinh viên thân Cộng được lên lịch đến đại sứ quán làm quân tiếp ứng. Việc những kẻ tấn công không quan tâm đến việc chiếm giữ ngay lập tức tòa chancery là một điều may mắn cho những người Mỹ bên trong, những người mà quân số của họ bị áp đảo. Chỉ có hai người Mỹ hai mươi tuổi - Trung sĩ Ronald W. Harper đến từ Cambridge, Minnesota, và Hạ sĩ George B. Zahuranic đến từ Uniontown, Pennsylvania - đang canh gác tầng một của tòa chancery, và Zahuranic đã bị thương nặng ngay từ đầu.

Từ cửa sổ và mái nhà của các tòa nhà lân cận, cảnh sát quân sự Mỹ, Thủy quân lục chiến và nhân viên đại sứ quán trao đổi hỏa lực với các biệt động, những kẻ đã ẩn nấp sau những chậu cây bụi bằng bê tông lớn trong sân. Khi vài phút biến thành nhiều giờ, không có binh lính hay sinh viên Cộng sản nào khác xuất hiện. Vào lúc bình minh, Thủy quân lục chiến và cảnh sát quân sự Mỹ xông vào khuôn viên và nhanh chóng giải quyết những biệt động còn lại, bắn hạ họ trên bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận của đại sứ quán. Một cuộc lục soát hiện trường tìm thấy mười sáu biệt động chết và ba người bị thương, cũng như thi thể của năm quân nhân Mỹ và bốn nhân viên người Việt của đại sứ quán.⁷⁸²

Tiếng ồn ào của những phát súng đã thu hút một đám đông phóng viên Mỹ đến khuôn viên đại sứ quán, nơi nằm gần khu nhà ở của giới phóng viên quốc tế. Một đoàn làm tin tức người Mỹ đã ghi lại một phần hành động, và tác phẩm của họ được phát sóng tối hôm đó đến các phòng khách ở Mỹ. Các báo cáo ban đầu của báo chí tuyên bố, dựa trên những nhận xét sai lầm từ cảnh sát quân sự, rằng Cộng sản đã vào được tòa chancery.⁷⁸³ Mặc dù tình hình an ninh tại đại sứ quán không ảnh hưởng đến tình hình quân sự ở những nơi khác hoặc đến bộ máy chỉ huy và kiểm soát của Mỹ - bộ chỉ huy quân sự của Westmoreland đặt tại căn cứ không quân

Tân Sơn Nhất - cảnh tượng đó đã tạo ra ấn tượng rằng Cộng sản đang đe dọa sẽ áp đảo các lực lượng viễn chinh Mỹ tại Việt Nam.

Trên khắp các thị trấn và thành phố của Nam Việt Nam, phản ứng của cư dân trước cuộc tấn công là nhất quán đến kinh ngạc. Từ chối những lời cầu xin của các cán bộ và binh lính Cộng sản yêu cầu đứng về phía họ, người dân thay vào đó chọn cách trốn tránh, chạy đi hoặc báo cáo vị trí của những kẻ tấn công cho quân đồng minh. Ngay cả các tổ chức thanh niên vốn thường xuyên biểu tình chống lại chính phủ Sài Gòn cũng chọn đứng về phía chính phủ đó.⁷⁸⁴ Chín mươi phần trăm những người Cộng sản bị bắt làm tù binh trong cuộc tấn công sẽ nói với các nhà thẩm vấn rằng họ không nhận được sự trợ giúp nào từ dân chúng, và chỉ 2% nói rằng họ nhận được sự giúp đỡ mà không cần yêu cầu.⁷⁸⁵

Trương Văn Mẫn, phó chỉ huy một đại đội Bắc Việt Nam, đã mong đợi rằng ít nhất 60% dân số sẽ nổi dậy ủng hộ cuộc tấn công. Trên thực tế, Mẫn kể lại, «Không ai trong số họ nhiệt tình với cuộc tấn công của chúng ta, chứ đừng nói đến việc tham gia vào một cuộc tổng khởi nghĩa.» Thay vì tiếp tay cho những người cách mạng, «Người dân hoặc chạy trốn hoặc đóng cửa không cho quân Việt Cộng vào.»⁷⁸⁶

Một lý do cho hành vi của người dân là sự ghê tởm của họ đối với việc vi phạm lệnh ngừng bắn dịp lễ.⁷⁸⁷ Nhưng, như cuộc tấn công thành công của Quang Trung vào quân Thanh trong dịp Tết năm 1789 đã chứng minh, chỉ riêng việc vi phạm ngừng bắn là không đủ để làm cho toàn bộ dân chúng xa lánh. Lý do chính cho hành vi của dân chúng là sự ưa thích của họ đối với chính phủ Sài Gòn hơn là chính phủ Hà Nội. Hầu hết cư dân của các thị trấn và thành phố có người thân phục vụ trong chính phủ và không muốn thấy họ bị giết bởi các ủy viên Cộng sản. Hầu hết đã được thấm nhuần lòng căm thù đối với Chủ nghĩa Cộng sản và những người theo nó thông qua kinh nghiệm, giáo dục, hoặc cả hai.

Hành vi của họ cũng bị ảnh hưởng bởi sự nhanh nhẹn của binh lính và cảnh sát Nam Việt Nam trong việc trở lại nhiệm vụ và chống lại cuộc tấn công, mà bản thân nó được thúc đẩy bởi mong muốn bảo vệ các thành viên gia đình sống ở các thị trấn và thành phố. Bất chấp những lời kêu gọi dồn dập của Cộng sản đối với nhân viên chính phủ phản bội, không có đơn vị Nam Việt Nam nào và rất ít cá nhân gia nhập lực lượng với những kẻ tấn công. Các nhà phân tích Mỹ xác định rằng 141 trong số 149 tiểu đoàn Nam Việt Nam đã hoạt động tốt trong cuộc tấn công và 30 trong số đó chiến đấu đặc biệt xuất sắc.⁷⁸⁸

Lực lượng Nam Việt Nam và Mỹ đã sử dụng xe tăng, xe bọc thép chở quân và súng không giật chống lại lực lượng Cộng sản, những người vì lợi ích của tốc độ và tàng hình, chỉ mang theo rất ít vũ khí nặng hơn một khẩu súng máy. «Các tiểu đoàn mũi nhọn đã không thể tiến nhanh», Tướng Huỳnh Công Than, chỉ huy bảy tiểu đoàn Cộng sản tham gia tấn công Sài Gòn, kể lại, «bởi vì họ chỉ mang theo vũ khí nhỏ, nhẹ và có ít đạn dược, trong khi lực lượng địch rất đông và sử dụng những bức tường nhà dày cùng mạng lưới đường phố và ngõ hẻm chằng chịt trong các thành phố để kháng cự quyết liệt.»

789

Trong rừng rậm và núi non, lực lượng Cộng sản có thể chiến đấu từ các công sự phòng thủ đã chuẩn bị sẵn và có thể tách khỏi đối phương và trốn thoát bằng đường mòn hoặc đường hầm khi thuận tiện. Trong các thành phố, họ không có thời gian hoặc vật liệu để xây dựng công sự nhưng dù sao vẫn phải giữ vững mặt đất, và nếu họ quyết định chạy trốn, các đường thoát tiềm năng hoặc là không biết hoặc bị lực lượng địch cản trở. Những thường dân thù địch đang báo cáo vị trí và di chuyển của họ cho kẻ thù. Trong những hoàn cảnh này, những chiếc búa hỏa lực của Nam Việt Nam và Mỹ có thể giáng xuống đầu họ cho đến khi sức sống của người cuối cùng bị rút cạn.

Đối với những binh sĩ Cộng sản không cố gắng bám trụ một mảnh đất cụ thể nào, tỷ lệ sống sót chỉ tốt hơn chút ít. Hà Nội đã không cung cấp cho lực lượng của mình các kế hoạch dự phòng trong trường hợp cuộc tấn công diễn ra khác với dự kiến. Để làm như vậy, có lẽ, sẽ làm suy yếu sự tự tin nhiệt thành của cuộc tấn công. Kết quả là, lực lượng Cộng sản không biết họ có thể tập hợp ở đâu khi không đến được điểm đến dự định, hoặc làm thế nào họ có thể nhận được tiếp tế sau khi tiêu hao số đạn và lựu đạn ban đầu. Các đơn vị bị thiệt hại nặng tan rã thành các nhóm nhỏ hoặc cá nhân và chạy trốn mù quáng, để rồi bị tiêu diệt từng mảng.

Chỉ trong một vài trường hợp, Cộng sản giành được quyền kiểm soát các khu vực lớn của đô thị. Một trong số đó là Bến Tre, tỉnh lỵ của tỉnh Kiến Hòa ở Đồng bằng sông Cửu Long. Một lực lượng tấn công gồm 2.500 Việt Cộng đã tràn ngập phần lớn Bến Tre và bao vây khu liên hợp cố vấn Mỹ và trụ sở chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Quân xâm nhập đã chiếm được một số khẩu pháo howitzer 105 mm, dùng chúng bắn vào khu liên hợp cố vấn Mỹ. Thiếu chuyên môn trong việc ngắm bắn những vũ khí này, quân Cộng sản đã bắn nhiều phát đạn lệch, một số trong đó đã san phẳng những ngôi nhà dân thường gần khu liên hợp.

Hai đại đội lính chiến đấu Mỹ đã nhanh chóng tới ứng cứu Bến Tre. Do lo ngại cho tính mạng và tài sản của dân thường, tư lệnh quân đoàn Việt Nam Cộng hòa đã từ chối cho phép các đại đội này chỉ đạo không kích hoặc pháo kích vào thị trấn. Vướng vào những trận chiến đường phố đẫm máu chống lại Việt Cộng - những người đang chiến đấu từ các ngôi nhà kiên cố và các tòa nhà công cộng, binh lính Mỹ đã không thể tiếp cận được khu liên hợp của Mỹ.

Với lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa bị áp đảo về số lượng và đối mặt với các cuộc tấn công mới, tư lệnh quân đoàn Việt Nam Cộng hòa cuối cùng đã đồng ý dỡ bỏ lệnh cấm sử dụng không lực và pháo binh. Với hỏa lực được nhân lên nhờ đó, bộ binh Mỹ đã đánh bật Việt Cộng ra khỏi các cứ điểm nằm chắn đường họ và đột phá vào được khu liên hợp cố vấn. Sau đó, họ quét sạch các chiến sĩ địch ra khỏi thị trấn.

Nhà báo Peter Arnett là một trong những phóng viên có mặt tại Bến Tre để đưa tin về trận chiến. Khi thuật lại sự tàn phá giáng xuống thành phố, ông chỉ đề cập đến việc Mỹ và Việt Nam Cộng hòa sử dụng vũ khí hạng nặng, bỏ qua việc phe Cộng sản sử dụng pháo binh. Arnett báo cáo rằng một thiếu tá Mỹ đã nói với ông : «Chúng tôi phải phá hủy Bến Tre để cứu nó.»

Liệu có thực sự có ai đó nói những lời này hay không đã trở thành một vấn đề tranh cãi, một tranh cãi chưa bao giờ được giải quyết một cách thỏa đáng. Những người hoài nghi lưu ý rằng Arnett trước đó đã có danh tiếng là một kẻ giết gân, dễ phóng đại, nếu không muốn nói là bịa đặt. Danh tiếng đó sẽ được khuếch đại bởi một số sự việc sau chiến tranh, đáng chú ý nhất là phim tài liệu Tailwind năm 1998, trong đó Arnett buộc tội sai sự thật rằng Hoa Kỳ đã giết những người đào ngũ quân sự Mỹ bằng khí độc trong một cuộc đột kích năm 1970 ở Lào. Arnett càng làm dấy lên nghi ngờ về trích dẫn ở Bến Tre khi đưa ra các tường thuật mâu thuẫn về danh tính của nguồn tin, bao gồm một sự đổi ý hoàn toàn vào năm 2003 khi ông cho rằng nhận xét đó là của một người lính đang trả lời câu hỏi của vị thiếu tá.⁷⁹⁰

Bất kể sự thật về nguồn gốc của nó là gì, câu trích dẫn đã được lan truyền rộng rãi như một sự thật, và nó biến Bến Tre thành một vi mô của cuộc chiến trong mắt những kẻ chống đối cuộc chiến. Đối với những người Mỹ không quen với chiến tranh đô thị và hoài nghi về nguyên nhân của quốc gia, nó cho thấy Hoa Kỳ đã quyết tâm tiêu diệt Việt Nam Cộng hòa và người dân của nó để đạt được chiến thắng.⁷⁹¹ Ngược lại, đối với những người Mỹ đã chứng kiến sự tàn phá của các thành phố trong Thế chiến II và Chiến tranh Triều Tiên, Bến Tre

một lần nữa khẳng định rằng những người tham chiến sử dụng nhà ở dân cư làm pháo đài và không sơ tán cư dân phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại tiếp theo về tài sản và con người.

«Cách chúng tôi chọn những mục tiêu này được xác định bởi Việt Cộng», một điều phối viên không tiền tuyến của Mỹ, người chỉ đạo các cuộc không kích trong trận chiến, nhận xét. «Họ chọn chiến trường và chúng tôi thực sự không có lựa chọn nào về nơi đặt mục tiêu. Có những binh sĩ Mỹ nằm chết trên đường và sẽ còn nhiều hơn nữa nếu chúng tôi không đưa đạn dược vào thị trấn.»⁷⁹²

Nơi phe Cộng sản chiếm được nhiều đất nhất là nơi họ đã gửi nhiều quân nhất, thành phố Huế. Mặc dù lực lượng mặt đất Mỹ đã xé nát và cày xới các khu vực căn cứ của Cộng sản trong hơn hai năm, họ đã bỏ sót một khu vực căn cứ then chốt ở phía tây Huế, Thung lũng A Sầu. Đó là một sự sơ suất gây thiệt hại vô cùng lớn. Thung lũng vẫn nằm trong tay Bắc Việt kể từ khi trại Lực lượng Đặc biệt A Sầu thất thủ vào tháng 3 năm 1966, cho phép các kỹ sư và nhân viên hậu cần Bắc Việt xây dựng nó thành một kho tiếp tế và kênh vận chuyển cho các lực lượng Bắc Việt đi từ Đường mòn Hồ Chí Minh vào Nam Việt Nam.

Suốt tháng 1 năm 1968, Bắc Việt đã đưa người và vật chất qua Thung lũng A Sầu về phía Huế. Vào đêm đầu tiên của Tổng tiến công Tết Mậu Thân, tổng cộng mười nghìn binh sĩ đã có mặt tại Huế, gần như tất cả đều là lính chính quy của Quân đội Bắc Việt, trái ngược với các địa điểm tấn công khác, nơi binh lính và cán bộ xuất thân từ miền Nam tham gia với số lượng lớn. Các binh sĩ cũng được trang bị nhiều vũ khí hạng nặng và đạn được hơn bất kỳ lực lượng tấn công nào khác.⁷⁹³

Tùng là viên ngọc của các hoàng đế An Nam, Huế vào đầu năm 1968 có lẽ là thành phố xinh đẹp và được yêu thích nhất ở Nam Việt Nam. Kiến trúc của nó phản ánh một lịch sử lừng lẫy về tôn giáo và quyền lực đã qua, từ những ngôi chùa tối tăm và những lăng tẩm hoàng gia kiên cố đến những nhà thờ Pháp cao vút và những biệt thự thuộc địa đồ sộ lợp ngói đỏ. Ở trung tâm Huế là Kinh thành, một pháo đài rộng lớn được xây dựng bởi Hoàng đế Gia Long và các đồng minh châu Âu của ông vào đầu thế kỷ XIX. Kinh thành chứa Đại Nội, nơi các hoàng đế thi hành quyền lực của mình. Xung quanh khu vực rộng ba kilômét vuông này, quân đội Pháp đã dựng những bức tường thành bằng đá, dày hai mươi feet và cao ba mươi feet, vẫn còn nguyên vẹn vào tháng 1 năm 1968. Gần một nửa dân số thành phố cư trú trong những ngôi nhà san sát nhau trong các bức

tường của Kinh thành.

Trong số người Việt, Huế được cho là một đoá sen đã vươn lên khỏi bùn đất và chịu đựng được sự thay đổi thất thường của chiến tranh. Lực lượng vũ trang Bắc Việt cho đến thời điểm này phần lớn tránh xa Huế, ngay cả trong thời kỳ biến động Phật giáo năm 1966, và do đó người Nam Việt Nam thấy không cần phải giữ một số lượng lớn binh lính trong thành phố. Người Mỹ đã không đóng quân ở Huế, một phần vì sự yên bình, một phần vì tâm lý bài ngoại của cư dân và hành vi cư xử không đúng mực trước đây của quân nhân Mỹ tại các lǎng tǎm hoàng gia ở Huế. Vì lý do đó, thành phố đã không bị ảnh hưởng bởi đèn neon và các quán bar honkytonk tràn ngập Sài Gòn và các thành phố lớn khác của Nam Việt Nam.

Vào lúc 2:30 sáng ngày 31 tháng 1, một binh sĩ Bắc Việt đã bắn lên một phát pháo sáng rực rỡ để khởi động cuộc tấn công vào Huế. Bốn chiến sĩ công binh Bắc Việt, mặc quân phục Quân đội Việt Nam Cộng hòa, đã giết chết các lính gác tại cổng phía tây của Kinh thành. Dùng đèn pin ra hiệu, họ dẫn các đơn vị Bắc Việt tới cổng và vào trong. Những binh sĩ Bắc Việt khác bẻ bằng bè nylon vượt sông để đến pháo đài.⁷⁹⁴

Sở hữu cả ưu thế về số lượng và yếu tố bất ngờ, những kẻ tấn công nhanh chóng đánh bại phần lớn lực lượng đồn trú của Kinh thành. Các sĩ quan Bắc Việt phân tán binh lính của họ dọc theo các bức tường kiên cố và các tòa nhà bên trong để chuẩn bị phòng thủ. Bên trong điện Thái Hòa đồ sộ, họ thiết lập một trung tâm chỉ huy quân sự.

Quân đội Bắc Việt tràn ngập phần còn lại của Huế với tốc độ nhanh tương tự. Đến bình minh, quân Bắc Việt đã chiếm giữ hầu hết thành phố, bao gồm gần như tất cả các trụ sở chính phủ và quân sự. Vào lúc tám giờ sáng hôm đó, họ kéo lá cờ vàng sao của Mặt trận Dân tộc Giải phóng lên đỉnh cột cao tại Ngọ Môn, nơi Việt Minh đã từng kéo lá cờ vàng sao lên khi Hoàng đế Bảo Đại thoái vị vào tháng 8 năm 1945. Tất cả những gì còn lại trong tay đồng minh là khu liên hợp cổ văn Mỹ, nằm trên bờ nam sông Hương, và Mang Cá, một cứ điểm kiên cố ở góc phía bắc Kinh thành.

Mang Cá đang được sử dụng làm trụ sở của Sư đoàn 1 QLVNCH. Đêm trước cuộc tấn công, đại đội trinh sát của sư đoàn đã phát hiện hai tiểu đoàn địch đang tiến về Huế, khiến tư lệnh sư đoàn, Chuẩn tướng Ngô Quang Trưởng, phải đặt binh lính của mình trong tình trạng báo động và bố trí các trung đội tại các điểm then chốt

trong thành phố. Ông chỉ giữ lại một trung đội duy nhất, với năm mươi binh sĩ, tại trụ sở của sư đoàn. Trung đội đó, được bổ sung bởi các bác sĩ và nhân viên văn thư của sư đoàn, đã trải qua những giờ đầu tiên của trận chiến trong một cuộc chiến tuyệt vọng nhằm ngăn không cho quân Bắc Việt vào Mang Cá.

Một trong những sĩ quan giỏi nhất của Tướng Trưởng, Trung úy Trần Ngọc Huế, đã ngủ trong một khu dân cư của thành phố đêm đó, cùng với cha mẹ, vợ và con gái mới bốn tuần tuổi của họ. Sinh ra và lớn lên ở thành phố bên dòng sông Hương, Trần Ngọc Huế được đặt tên thành phố làm tên của mình. Tỉnh giấc vì tiếng rocket nổ, Trung úy Huế dẫn các thành viên trong gia đình vào một hầm trú ẩn dưới lòng đất, sau đó nhảy lên xe đạp và hướng về trụ sở đơn vị của mình.

Đơn vị tinh nhuệ mà Trần Ngọc Huế chỉ huy, Đại đội Hắc Báo, có trụ sở tại một sân bay nhỏ bên trong Kinh thành. Khi vị trung úy đang len lỏi qua các con phố của Kinh thành, anh băng qua một dòng người lính Bắc Việt, hàng trăm người, đang ục ục qua trong bóng tối. Trong bộ quần áo thường phục, anh không thu hút sự chú ý của những người lính Bắc Việt, những người chủ yếu quan tâm đến các nhóm tập trung đông người mặc quân phục. Cách duy nhất để đến được đơn vị của mình

là đi cùng hướng với quân tấn công, vì vậy anh vút xe đạp và để dòng quân Bắc Việt cuốn anh đi.

Tách khỏi hàng ngũ quân Bắc Việt mà không bị phát hiện, Trung úy Huệ lao đến sân bay của Kinh thành, nơi một số binh sĩ của anh đang phòng thủ chống lại quân Bắc Việt đang ập tới. Anh lấy một vũ khí chống tăng và bắn vào một chục lính địch ở phía bên kia cánh đồng, ba người trong số họ bị bắn tung lên không trung. Tất cả những binh lính Bắc Việt khác cố gắng vượt qua đường băng trong những giờ còn lại của đêm đều bị lính Biệt Động Quân bắn hạ.

Vào lúc bình minh, Tướng Trưởng ra lệnh cho đơn vị Biệt Động Quân đến tăng viện cho ông tại tổng hành dinh sư đoàn đang bị bao vây. Sử dụng những con hẻm nhỏ nơi Trung úy Huệ từng chơi khi còn nhỏ, đại đội Biệt Động Quân tiến về Mang Cá. Khi đến gần pháo đài, họ phát hiện ba khẩu súng máy của địch đã được bố trí sẵn để chuẩn bị tấn công. Biệt Động Quân liền tiêu diệt chúng, rồi dùng màn khói để che chắn cho đột tiến vào bên trong khu căn cứ.

Tướng Trưởng giao cho Trung úy Huệ chỉ huy việc phòng thủ Mang Cá. Trong buổi sáng hôm đó, lính Bắc Việt trèo qua những bức tường cao tám feet của pháo đài tại nhiều vị trí và đột nhập vào bệnh viện cùng sân

hành lễ. Trung úy Huệ đã tổ chức những đợt phản công mà một tài liệu của phía Bắc Việt sau này mô tả là «dữ dội», giành lại được bệnh viện và sân hành lễ, đồng thời đẩy lùi những lính Bắc Việt còn lại ra khỏi khu vực. Đại úy Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ James J. Coolican, cố vấn cho đơn vị Biệt Động Quân, sau này mô tả Trung úy Huệ là «vượt quá cả hình tượng anh hùng trên chiến trường.» Các cố vấn khác thì gọi ông là «hoàn toàn không biết sợ hãi.»⁷⁹⁵

Cú phản công tại Mang Cá mạnh đến mức khiến phía Bắc Việt bị sốc và từ bỏ mọi nỗ lực nhằm chiếm pháo đài này. Quyết định đó không chỉ đảm bảo an toàn cho tổng hành dinh Sư đoàn 1 mà còn mở đường cho một cuộc phản công nhằm tái chiếm phần còn lại của Hoàng thành.⁷⁹⁶ Việc giữ được Mang Cá cho phép quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và sau đó là quân Mỹ, có thể đưa thêm quân tiếp viện vào pháo đài mà không cần phải chiến đấu xuyên qua hoặc vượt qua những bức tường và công thành kiên cố.

Sau khi lực lượng Bắc Việt dập tắt được các hoạt động kháng cự có tổ chức của chính quyền tại các khu vực còn lại của thành phố, họ lập nên một chính quyền mới có tên gọi «Liên minh Nhân dân vì Dân chủ và Tự do.» Vì mục đích tuyên truyền, họ bổ nhiệm người

đứng đầu chính quyền này là một giáo sư nhân học văn hóa của Đại học Huế. Mục tiêu chính của chính quyền này là tiêu diệt các lãnh đạo chính quyền cũ và những «kẻ thù của cách mạng.» Với những danh sách đánh máy sẵn được các mật vụ của họ chuẩn bị từ trước trong thành phố, các cán bộ cộng sản đã tổ chức lùng bắt các viên chức chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, binh lính, giáo viên, trí thức, giáo sĩ và giáo dân Công giáo. Tất cả người nước ngoài đều bị đánh dấu để xử tử, với ngoại lệ một phần là công dân Pháp, những người sẽ được tha mạng nếu họ không phải là linh mục.⁷⁹⁷ Một số lượng lớn các nạn nhân đã bị bắn chết ngay lập tức. Những người khác bị đánh chết trong các nỗ lực moi tin.

Mục tiêu lớn khác của Hà Nội ở Quân khu I, cao nguyên Khe Sanh, lại yên ắng một cách kỳ lạ vào dịp đầu Tết Nguyên đán. Nguyên thủy, Bắc Việt đã dự định mở một cuộc tấn công ồ ạt vào Khe Sanh mười ngày trước Tết nhưng đã đổi ý vào giữa tháng Một, ngay sau khi hoàn thành việc bao vây căn cứ tác chiến của Thủy quân Lục chiến. Sức mạnh của Mỹ, những thiếu hụt hậu cần của Bắc Việt, và sự chậm trễ trong việc các đơn vị chiến đấu Bắc Việt đến nơi đã thuyết phục họ rằng kế hoạch ban đầu nhiều khả năng sẽ thất bại. «Thay vì phát động một cuộc tấn công mạnh mẽ để nhanh chóng giải phóng Khe Sanh», một sử liệu Bắc Việt giải thích,

«chúng tôi chuyển sang sử dụng các chiến thuật tấn công vây hãm, để từ từ siết chặt và giải phóng Khe Sanh.»⁷⁹⁸

Trong nửa cuối tháng Một, Quân đội Bắc Việt đã giao tranh với Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ trong một loạt các cuộc chạm súng nhỏ bên ngoài căn cứ tác chiến Khe Sanh. Thủy quân Lục chiến đã giữ vững các ngọn đồi, không cho đối phương có các vị trí để quan sát và pháo kích. Gần như chắc chắn Bắc Việt dự định tăng cường các cuộc tấn công của họ vào thời điểm Tết, nhưng Không quân Hoa Kỳ đã làm trật bánh kế hoạch của họ ngay trước khi cuộc tấn công đô thị bắt đầu.

Vào ngày 30 tháng Một, một phi đội B - 52 được điều động đến một địa điểm ở phía đông

Lào, nơi đang phát đi các thông điệp vô tuyến và tiếp nhận một số lượng lớn xe tải của Bắc Việt. Bốn mươi lăm chiếc Stratofortress, số lượng lớn nhất từng được tập hợp cho một đợt không kích duy nhất, đã trút đầy chất nổ xuống địa điểm này. Việc sụp đổ của các khu vực rộng lớn trên thung lũng đã tiết lộ sự tồn tại của những khu phức hợp ngầm khổng lồ, và tám mươi lăm vụ nổ thứ cấp xác nhận sự hiện diện của vô số kho dự trữ đạn dược. Các sĩ quan Bắc Việt bị bắt gần Khe Sanh trong những ngày tới sẽ kể với những người thẩm vấn

rằng cuộc ném bom đã tàn phá bộ máy chỉ huy và kiểm soát ở các tỉnh phía bắc Việt Nam Cộng hòa.⁷⁹⁹

Vào cuối ngày đầu tiên đầy đủ của Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân, những hy vọng của giới lãnh đạo Bắc Việt đã tan vỡ. Người dân Việt Nam Cộng hòa đã đồng loạt từ chối nổi dậy ủng hộ Chủ nghĩa Cộng sản. Các binh sĩ Việt Nam Cộng hòa đang trở lại từ kỳ nghỉ và chiến đấu cho gia đình và chính phủ của họ. Với lực lượng Cộng sản trải rộng khắp hơn một trăm thị trấn và thành phố, họ thiếu số lượng áp đảo ở bất kỳ nơi nào ngoại trừ Huế. Việc giữ vững vùng đất xa lạ trước các lực lượng thù địch với vũ khí lớn hơn và sự ủng hộ của người dân, triển vọng của họ có vẻ ảm đạm. Tại Khe Sanh, sức mạnh không quân Mỹ đã ném chiến dịch của Bắc Việt vào tình trạng hỗn loạn đến mức một lực lượng bốn mươi nghìn người đã không thể tập hợp một cuộc tấn công có ý nghĩa nào.

Sự vô ích của ngày đầu tiên đã rõ ràng với hầu hết binh lính Cộng sản. Ngay cả những nhà hùng biện xuất sắc nhất của đảng cũng thấy khó khăn để dung hòa các sự kiện trong ngày với những lời tiên tri hưng phấn đã đi trước chúng. «Trên đường hành quân xuống đồng bằng, tất cả binh lính đều tin tưởng vững chắc vào chiến thắng lớn», một người lính Cộng sản trẻ kể lại. Nhưng

không quân và pháo binh của địch đã xé nát đơn vị của anh ta trên đường đến mục tiêu, giết chết nhiều binh sĩ và chặn những người còn lại không đến được đích. «Điều này chưa bao giờ xảy ra khi chúng tôi chiến đấu trong rừng», anh ta hồi tưởng. «Tinh thần binh lính giảm sút rất nhiều.»⁸⁰⁰

Các nhà lãnh đạo Mỹ và Việt Nam Cộng hòa vẫn chưa chắc chắn về ý nghĩa của hiệp đầu của cuộc tấn công. Một số người diễn giải cuộc tấn công đô thị như một cuộc đánh lạc hướng, nhằm chuyển hướng sự chú ý khỏi cuộc chiến tranh bằng các đại đơn vị ở các tỉnh phía bắc. Cách diễn giải đó đã góp phần ngăn cản Westmoreland chuyển một số lượng lớn lực lượng Mỹ đến các trung tâm đô thị. Thực tế là quân đội Việt Nam Cộng hòa dường như đang dập tắt hầu hết các cuộc tấn công bằng chính lực lượng của họ cũng góp phần vào quyết định đó.

Chương 13 - Phản ứng

Tháng 2 năm 1968

Ước tính khoảng bốn nghìn chiến binh Cộng sản đã ẩn náu ở Sài Gòn vào sáng ngày 1 tháng Hai. Đây là con số nhiều nhất trong bất kỳ thành phố nào sáng hôm đó, ngoại trừ Huế. Khi các đơn vị quân đội và cảnh sát Việt Nam Cộng hòa tập trung lại, bảy tiểu đoàn Mỹ đã tham gia cùng họ trong nỗ lực tái chiếm thủ đô. Sử dụng vũ khí hạng nặng và chất nổ dẻo, những người phản công bắt đầu truy quét những kẻ xâm nhập từng tòa nhà một.

Cảnh sát Việt Nam Cộng hòa sàng lọc những thanh niên để bắt những người Cộng sản

cố gắng lén trốn trong vỏ bọc dân thường. Công việc của họ đã không

thu hút được nhiều sự chú ý nếu không có bức ảnh sẽ trở thành hình ảnh tai tiếng nhất của Cuộc Tổng tấn công Tết. Hai ngày sau khi cuộc tấn công bắt đầu, nhiếp ảnh gia Eddie Adams của Associated Press và một số ít nhà báo khác đã đi tìm kiếm tư liệu đáng tin tức trong một khu phố Sài Gòn nơi được báo cáo là người Việt Nam Cộng hòa đang truy quét Việt Cộng. Trong khi đi

dọc các con phố, họ tình cờ gặp một nhóm cảnh sát Việt Nam Cộng hòa đang áp giải một tù nhân mặc thường phục.

Khi các nhà báo theo dõi đoàn người, Tướng Nguyễn Ngọc Loan, người đứng đầu Cảnh sát Quốc gia Việt Nam Cộng hòa, tiến đến gần người tù. Adams tập trung máy ảnh vào hai người đàn ông và bắt đầu chụp ảnh. Phim của máy ảnh ghi lại cảnh Loan lắp đạn vào súng lục, bắn vào đầu tù nhân, và nhìn xác chết lăn xuống đất.

Loan, nhìn thấy nhiếp ảnh gia cách mình năm feet, nhận xét, «Hắn đã giết nhiều người của tôi và nhiều người của các anh.»⁸⁰¹ Người đàn ông đã chết, trên thực tế, đã xử tử gia đình của một quan chức chính phủ không lâu trước đó.

Một trong những bức ảnh do Adams chụp, trong đó tù nhân nhắm mặt trong khi đầu anh ta bị bắn bật sang một bên bởi phát súng, đã sớm được đăng lên trang nhất trên các tờ báo của những thành phố lớn nhất thế giới và những thị trấn nhỏ nhất. Nó cuối cùng đã mang về cho Adams vô số giải thưởng uy tín, bao gồm cả Giải Pulitzer. Mặc dù xử tử từng là hình phạt tiêu chuẩn cho những chiến binh cải trang dưới vỏ bọc dân thường trong suốt lịch sử chiến tranh, một số người Mỹ không

biết gì về thực tế đó và do đó dễ đi đến kết luận rằng đồng minh của Mỹ đã sa vào sự đồi bại về đạo đức. Một trong những người đầu tiên lên tiếng diễn giải này trước công chúng là Thượng nghị sĩ Robert F. Kennedy, người đã nói với CBS News, «Bức ảnh vụ hành quyết đã ở trên các trang nhất của tất cả các tờ báo trên khắp thế giới - khiến những người bạn tốt nhất và lâu đời nhất của chúng ta hỏi, nhiều hơn là sự thương tiếc thay vì tức giận, nước Mỹ đã xảy ra chuyện gì?»⁸⁰²

Bản thân Eddie Adams không đồng cảm với những người xem bức ảnh như bằng chứng về sự đồi bại của Việt Nam Cộng hòa hay Mỹ. «Tôi đã nghĩ hoàn toàn không có gì về nó», Adams nhớ lại sau này. «Ông ấy bắn hấn, vậy thì sao ? Bởi vì người ta chết trong chiến tranh chết tiệt. Và tôi chỉ tình cờ có mặt ở đó lần này. Đây không phải là một sự kiện bất thường.» Adams cũng sẽ lên án cách mà bức ảnh của ông được nhìn nhận ở Hoa Kỳ. «Nó rất thiên lệch», ông nói một cách đầy tiếc nuối. «Tôi không có bức ảnh về tên Việt Cộng đó giết chết cả gia đình kia. Nó rất có hại - một tuyên truyền hoàn hảo cho Bắc Việt.»⁸⁰³

Khi quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa tràn ra các vùng ngoại ô của Sài Gòn, họ đã giao tranh với các lực lượng Cộng sản còn sót lại và chặn những kẻ cố gắng chạy

trốn khỏi thành phố.⁸⁰⁴ Những lực lượng đó bao gồm các tiểu đoàn do Tướng Huỳnh Công Tân chỉ huy, người sau vài ngày nỗ lực không thành công để thâm nhập vào trung tâm Sài Gòn, đã được lệnh giữ các đơn vị của mình gần thủ đô để chuẩn bị cho các hoạt động tiếp theo. Trong khi chờ đợi chỉ thị tiếp theo, nhóm chỉ huy của vị tướng đã mục tiêu của một chiến dịch Mỹ. Một trận pháo kích của Mỹ, bắn ra để bảo vệ các trục thẳng khi chúng đưa một đơn vị bộ binh Mỹ vào, đã giết chết chính con trai của vị tướng.

«Tôi ngồi bên thi thể đưa con trai 17 tuổi của mình với trái tim tan nát và nói chuyện với nó như thể nó vẫn còn sống», Than nhớ lại. Ông nói với cậu bé đã không còn sự sống, «Con đã gia nhập quân đội từ khi còn nhỏ và con đã hy sinh trong một trận chiến lớn chống lại một chiến dịch càn quét của Mỹ. Hãy yên nghỉ nhé, con trai của cha. Con đã hoàn thành nhiệm vụ cho cách mạng.»⁸⁰⁵

Đến ngày 5 tháng 2, những người Cộng sản đã bị đánh đuổi khỏi hầu hết các khu phố trong vùng đại đô thị Sài Gòn. Hàng trăm xác chết của họ nằm la liệt trên các con phố và cánh đồng, bị chó và chuột rửa xương. Các cuộc giao tranh lẻ tẻ vẫn tiếp diễn xung quanh Sài Gòn, kéo dài đến tháng 3 ở các khu vực ngoại ô.

Ở mọi thị trấn và thành phố khác ngoài Huế, cuộc Tổng tiến công diễn ra theo một kiểu mẫu tương tự. Lực lượng an ninh của chính phủ, với sự giúp đỡ của người Mỹ trong một số trường hợp, đã đánh bại các binh sĩ, du kích và cán bộ chính trị Cộng sản chỉ trong vòng vài ngày. Những tàn dư của chiến tranh bị quét sạch, các đội xây dựng bắt tay vào sửa chữa những tòa nhà bị chiến tranh tàn phá, và người dân trở lại với thói quen sinh hoạt hàng ngày. Từ quan điểm của các lực lượng vũ trang đồng minh, cuộc chiến đã có một bước chuyển biến to lớn theo hướng tốt hơn.

Tuy nhiên, từ quan điểm của báo chí Mỹ, cuộc chiến đã chuyển biến theo chiều hướng xấu đi rõ rệt. Giữa các nhà báo vốn trước đây đã nghi ngờ tính chân thực của các quan chức Mỹ khi họ nói về tiến bộ quân sự, quy mô của cuộc tiến công đô thị đã chứng minh sức mạnh lâu dài của phe Cộng sản và do đó bác bỏ một lần và mãi mãi sự lạc quan chính thức. Chẳng hạn, trong một bản tin ngày 4 tháng 2, Peter Lisagor của tờ Philadelphia Inquirer khẳng định rằng «giả định êm đềm rằng chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã và đang giành được lòng tin của người dân trên thực tế đã bị bùng nổ bởi các cuộc tấn công táo bạo của Việt cộng.»⁸⁰⁶

Một số phóng viên cho rằng các cuộc tấn công đã củng cố vị thế của Việt Cộng trong dân chúng miền Nam Việt Nam và xóa sạch chút thiện cảm ít ỏi còn sót lại dành cho chính phủ Sài Gòn. Do không có các cuộc thăm dò dư luận, họ viện dẫn các nguồn tin miền Nam Việt Nam giấu tên, phần lớn lấy từ tầng lớp nhỏ những trí thức đô thị bất mãn. «Nhiều người dân miền Nam cảm thấy rằng những người Cộng sản đã ghi được những điểm cộng về chính trị và tâm lý có thể dẫn đến những hậu quả quan trọng trong những tháng tới», Stanley Karnow viết trên tờ Washington Post. «Đồng thời, xét theo ý kiến của người dân địa phương, chính quyền của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải chịu một mất mát nghiêm trọng về uy tín có thể dẫn đến tình trạng bất ổn chính trị nội bộ kiểu đã từng gây rối ở miền Nam Việt Nam trong những năm gần đây.»⁸⁰⁷

Mặc dù một phần của sự tiêu cực này là lâu dài và có thể đoán trước, Tết Mậu Thân cũng chứng kiến một số nhà báo vốn trước đây điềm tĩnh trở thành những người hoài nghi công khai về cuộc chiến. Walter Cronkite, phát thanh viên kỳ cựu của chương trình CBS Evening News, đã tường thuật một cách đau buồn từ miền Nam Việt Nam vào cuối tháng Hai rằng dự án xây dựng quốc gia của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã thoái hóa thành một mớ hỗn độn đầm máu, có thể so sánh về mức độ

tàn phá với Thế chiến thứ hai. Cronkite kết luận rằng không có hình thức leo thang nào của Mỹ, thậm chí cả việc xâm lược Bắc Việt Nam hay sử dụng vũ khí hạt nhân, có thể đảm bảo chiến thắng.

«Chúng ta đã quá thường xuyên thất vọng bởi sự lạc quan của các nhà lãnh đạo Mỹ, cả ở Việt Nam và Washington, đến mức không còn có thể tin vào những tia sáng le lói [silver linings] mà họ tìm thấy trong những đám mây đen nhất», Cronkite tuyên bố trên truyền hình quốc gia. «Nói rằng chúng ta đang sa lầy trong bế tắc dường như là kết luận thực tế duy nhất, nhưng không thỏa đáng.» Chuyển từ vai trò nhà báo sang nhà bình luận, Cronkite cho rằng Hoa Kỳ nên thương lượng để rút khỏi cuộc chiến, «không với tư cách là kẻ chiến thắng, mà là một dân tộc danh dự đã thực hiện lời cam kết bảo vệ dân chủ, và đã làm những gì tốt nhất có thể.»

⁸⁰⁸ Giống như hầu hết những người Mỹ khác kêu gọi đàm phán, Cronkite không đề cập đến việc người Bắc Việt thường xuyên từ chối đàm phán trừ những điều khoản sẽ đẩy nhanh sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam, và do đó ông đã che giấu những thiệt hại về uy tín và liên minh quốc tế của Mỹ có thể xảy ra do vội vã tìm kiếm hòa bình.

Một số nhà báo Mỹ kinh hoàng trước những gì họ cho là sự tường thuật thiên vị và thiếu hiểu biết của các đồng nghiệp. Nhà bình luận tự do và bình luận viên của đài ABC - TV Howard K. Smith đã lên án các phóng viên đồng nghiệp vì sự đưa tin một chiều về cuộc chiến và than thở về sự qua đi của cái đã từng là «một thời đại vĩ đại trong báo chí.»⁸⁰⁹ Peter Braestrup, người làm việc cho cả tờ New York Times và Washington Post ở miền Nam Việt Nam trong năm 1968, đã rất phiền muộn trước những sai sót của giới truyền thông trong việc đưa tin về Tổng tiến công Tết Mậu Thân đến mức ông đã viết một nghiên cứu dài 1.400 trang về chủ đề này. «Hiếm khi nào báo chí khủng hoảng đương đại [contemporary crisis - journalism], khi nhìn lại, lại chệch xa thực tế đến vậy», Braestrup viết trong phần kết luận của cuốn sách.⁸¹⁰

Đối với Robert Elegant của tờ Los Angeles Times, sai lầm đáng khinh nhất của giới truyền thông trong Tết Mậu Thân là sự phớt lờ có chủ ý đối với vụ thảm sát do người Bắc Việt gây ra ở Huế.⁸¹¹ Trong tháng Hai, rất ít phóng viên Mỹ đưa tin về những bằng chứng ngày càng nhiều về các tội ác của Cộng sản ở thành phố này. Báo lực đang bao trùm các nhân viên chính phủ với vị thế ngày càng thấp hơn và cả thường dân mà hành vi phạm tội duy nhất của họ chỉ là chứng kiến những hành động

tàn ác.

Một trong số ít nhà báo Mỹ đưa tin về vụ tắm máu là Don Oberdorfer của Knight Newspapers. Trong số những câu chuyện ông kể lại là câu chuyện của Phạm Văn Tường, một người kiếm sống bằng nghề lao công tại một văn phòng thông tin của chính phủ ở Huế. Khi cuộc Tổng tiến công Tết bắt đầu, ông và vợ, tám người con và ba đứa cháu trai trốn trong một hầm trú ẩn bên cạnh nhà. Vài ngày sau, một nhóm người mặc đồ ngủ đen [black pajamas] đến tìm ông và phát hiện ra cái hầm.

«Ông Phạm, ông Phạm cán bộ văn phòng thông tin, ra đây !» họ hét lên.

Phạm kéo mình ra khỏi hầm cùng với hai đứa con và hai đứa cháu trai. Những thành viên còn lại trong gia đình nghe thấy tiếng súng nổ ở bên trên. Khi họ ra khỏi hầm, họ thấy tất cả năm người đã chết.⁸¹²

Vào ngày thứ năm của cuộc chiếm đóng, quân đội Bắc Việt đã đến nhà thờ chính tòa ở Phú Cam, một quận chủ yếu là người Công giáo của Huế, từng là trung tâm thần kinh của chế độ Diệm ở Trung Kỳ (Annam). Những người lính đã nhận được lệnh «bao vây những phần tử phản động bóc lột người Công giáo và cô lập

họ» và «tiêu diệt quyền lực và ảnh hưởng của các đầu sỏ phản động» ở Phú Cam.⁸¹³ Bên trong nhà thờ, người Bắc Việt tìm thấy gần một nghìn người gồm đàn ông, phụ nữ và trẻ em, đang sợ hãi và cầu nguyện. Những người lính tách ra bốn trăm người đàn ông và con trai, một số vì đã được xác định trước, những người khác vì họ có vẻ giàu có hoặc ở độ tuổi quân dịch. Một cán bộ Cộng sản trấn an đám đông rằng những người bị giam giữ chỉ đơn giản là đến chùa Từ Đàm để học tập chính trị trong ba ngày.

Hai ngày sau khi những người đàn ông bị dẫn đi, những người Cộng sản ra lệnh cho những người phụ nữ trong nhà thờ phải cung cấp thức ăn và quần áo cho chồng và con trai của họ. Những người phụ nữ làm theo. Sau đó, cư dân báo cáo đã nhìn thấy bốn trăm người đàn ông và con trai đó đang hành quân về phía nam từ thành phố. Đó là lần cuối cùng người dân Huế nhìn thấy họ.

Vào tháng 7 năm 1969, ba người đào ngũ Cộng sản đã dẫn các lính nhảy dù Mỹ đến một địa điểm bí mật trong khu rừng hai tán cây bên ngoài Huế. Khơi một lối đi qua bụi rậm trong ánh sáng mờ ảo của khu rừng, cuối cùng họ đến được một lòng suối, cảnh tượng nơi đây khiến bao tử cồn cào. Trong một trăm thước Anh, lòng

suối lấp lánh màu trắng từ xương của bốn trăm bộ hài cốt, đã được dòng nước cuốn sạch thịt. Một cuộc kiểm tra các hộp sọ tiết lộ rằng những người đàn ông của Phú Cam đã bị bắn hoặc bị đập vỡ sọ bằng những vật tù.⁸¹⁴

Đại tá Lê Minh, chỉ huy một trong các đơn vị Quân đội Bắc Việt ở Huế, sau này đã thừa nhận rằng «đã có những người bị kết án oan trong tình thế lúc đó.» Không giống như nhiều sĩ quan Bắc Việt khác sống sót sau trận chiến, ông thừa nhận vai trò của mình trong các tội ác và bày tỏ sự hối hận. «Trách nhiệm cho sự bất công như vậy phải thuộc về ban lãnh đạo, trong đó tôi có một phần», ông thừa nhận.⁸¹⁵

Mặc dù giới lãnh đạo Cộng sản cấp cao tại Hà Nội không bao giờ bị liên đới trực tiếp đến vụ thảm sát ở Huế, nhưng tội lỗi chắc chắn đã lên cao hơn các chỉ huy tại hiện trường. Các chỉ huy quân sự Bắc Việt ở miền Nam phục vụ trong một đội quân nổi tiếng về trật tự và kỷ luật, khiến họ gần như không thể nào nghĩ đến việc giết hàng nghìn người một cách lạnh lùng mà không có sự chấp thuận từ cấp trên. Thêm bằng chứng về chỉ đạo từ các cơ quan thẩm quyền cao hơn đến từ những nỗ lực của Cộng sản nhằm hành quyết một cách có hệ thống các quan chức và người ủng hộ chính phủ ở các địa phương khác. Những người Cộng sản đã hành quyết

một số ít lãnh đạo chính phủ ở nhiều thành phố khác mà họ tấn công trong Tết Mậu Thân và đã làm như vậy với số lượng lớn hơn nếu họ giành được quyền kiểm soát những thành phố đó như ở Huế. Chẳng hạn, một báo cáo khảo sát sau trận của Bắc Việt về cuộc tấn công thất bại vào Đà Nẵng đã lưu ý rằng chỉ có «các biện pháp đối phó kịp thời của quân đội chính quyền ngụy và của lực lượng Mỹ» đã ngăn cản những người Cộng sản đạt được tất cả các mục tiêu của họ trong thành phố, bao gồm «việc tàn sát các phần tử tàn ác.»⁸¹⁶

Các nhà điều tra miền Nam Việt Nam cuối cùng đã phát hiện hài cốt của ba nghìn nạn nhân vụ thảm sát Huế trong các khu rừng và sân trường, trong các công viên rợp bóng cây và đồng muối. Thêm hai nghìn cư dân Huế biến mất không bao giờ được tìm thấy. Khi Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Thành phố Huế họp tại một căn cứ núi xa xôi sau sự kiện, các quan chức đảng báo cáo rằng riêng số người thiệt mạng là nhân viên chính phủ đã vượt quá 2.700. «Chúng ta đã triệt hạ 1.892 nhân viên hành chính, 38 cảnh sát, 790 tên ác bá, 6 đại úy, 2 trung úy, 20 thiếu úy và nhiều hạ sĩ quan», họ tuyên bố trong sự tự chúc mừng. «Huế là nơi tồn tại tinh thần phản động trong hơn mười năm. Tuy nhiên, chúng ta chỉ mất một thời gian ngắn để nhổ tận gốc rễ của nó.»⁸¹⁷

Trong khi các đảng viên [apparatchiks] đang thanh toán kẻ thù của họ, những người lính Bắc Việt ở Huế đang phải đối phó với những nỗ lực của Sư đoàn 1 QLVNCH và các đơn vị khác của Quân đội Việt Nam Cộng hòa nhằm chiếm lại thành cổ. Họ cũng phải đối mặt với một cuộc phản công từ Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ, những người được giao nhiệm vụ đẩy người Bắc Việt ra khỏi phía nam thành phố. Do thiếu thông tin về sự hiện diện của Bắc Việt ở Huế, bộ chỉ huy Thủy quân lục chiến ban đầu đánh giá thấp quy mô của nó và do đó chỉ phái ba tiểu đoàn đến Huế.

Chỉ huy của một trong những tiểu đoàn này, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Thủy quân lục chiến 5, là Trung tá Ernest C. Cheatham. Được đồng nghiệp biết đến với biệt danh «Big Ernie» (Ernie Lớn), Cheatham đã chơi bóng đá chuyên nghiệp trong những năm 1950 với vai trò là một hậu vệ tấn công [defensive tackle] cho Pittsburgh Steelers và Baltimore Colts. Cheatham nhận lệnh hành quân từ Đại tá Stanley S. Hughes, chỉ huy Trung đoàn Thủy quân lục chiến 1. «Tôi muốn anh di chuyển đến tòa nhà Đại học Huế, và sườn của anh là sông Hương, và anh sẽ có một sườn trái bị hở», Hughes nói tại một cuộc họp chỉ huy ứng biến. «Tấn công xuyên qua thành phố và quét sạch lũ Bắc Việt [NVA].» Cheatham nhìn Hughes một cách mong đợi để được làm rõ thêm, nhưng

Hughes không biết về tình hình trong thành phố nhiều hơn Cheatham.

«Nếu anh đang tìm kiếm thêm nữa, anh sẽ không có đâu», Hughes quát lên. «Lên đường !» Sau đó, với giọng ít khắc nghiệt hơn, Hughes nói thêm, «Anh làm theo bất cứ cách nào nếu anh muốn, và nếu anh gặp rắc rối từ cấp trên, tôi sẽ lo liệu.»⁸¹⁸

Phác thảo những đòn tấn công ban đầu vào Huế, các chỉ huy Thủy quân Lục chiến đã lên kế hoạch đưa thiết giáp và bộ binh tiến lên cùng một lúc, thiết giáp khai hỏa vào các vị trí của địch và yểm trợ cho các binh sĩ bộ binh Thủy quân Lục chiến, những người sẽ truy quét binh lính Bắc Việt và tiêu diệt họ bằng lựu đạn và vũ khí nhỏ. Lực lượng Mỹ đã không chiến đấu trong một trận chiến đô thị lớn như vậy kể từ trận Seoul vào tháng 9 năm 1950, khi hầu hết các Thủy quân Lục chiến ở Huế vẫn còn là trẻ sơ sinh. Ký ức thể chế về chiến đấu đô thị đã phai mờ trong thời gian gần đây, sự chú ý của Thủy quân Lục chiến đã dồn vào những khu rừng, núi và đồng lúa của Việt Nam. Do đó, ban chỉ huy Thủy quân Lục chiến đã gấp rút chuyển các sổ tay thời Chiến tranh Triều Tiên về chiến thuật chiến đấu đô thị đến các đơn vị chiến đấu. Một số Thủy quân Lục chiến không có thời gian đọc các tài liệu này cho đến khi họ tới Huế.

Khi những chiếc xe tăng Thủy quân Lục chiến đầu tiên tiến vào thành phố, chúng đã bị chào đón một cách thô bạo bởi súng không giật và rocket chống tăng của Bắc Việt. Từ các công sự phòng thủ vững chắc dọc theo một mặt trận rộng lớn gồm các tòa nhà, quân Bắc Việt có thể khai hỏa vũ khí chống tăng vào bất kỳ phương tiện nào tiếp cận họ. «Khoảnh khắc một chiếc xe tăng thò mũi ra quanh góc một tòa nhà», Trung tá Cheatham nói, «trông giống như ngày Quốc khánh Mỹ (Fourth of July).»⁸¹⁹

Bị cảnh tỉnh bởi thiệt hại nặng nề đối với xe bọc thép và phi hành đoàn của chúng, các Thủy quân Lục chiến chuyển sang một cách tiếp cận chậm hơn và có chủ đích hơn. Tập trung vào một tuyến phòng thủ của Bắc Việt tại một thời điểm, họ xác định các vị trí hỏa lực và cứ điểm của địch sau đó vạch ra kế hoạch tiêu diệt chúng. Họ tìm cách giữ thương vong của Thủy quân Lục chiến ở mức tối thiểu, nhưng sức mạnh của hệ thống phòng thủ của kẻ thù đảm bảo rằng các Thủy quân Lục chiến không thể đạt được mục tiêu của mình với cái giá thấp. Từ các vị trí ẩn náu bên trong các tòa nhà và trên mái nhà, binh lính Bắc Việt bắn vào các Thủy quân Lục chiến khi họ băng qua đường phố hoặc tìm chỗ ẩn nấp sau các bức tường. Trong nhiều trường hợp, các Thủy quân Lục chiến chịu nhiều thương vong đến mức họ

phải dừng cuộc tấn công, đưa quân tăng viện lên và tìm một điểm tấn công mới.

Những thương vong phải chịu trong các cuộc tấn công bằng qua những con đường được phòng thủ vững chắc đã khiến các Thủy quân Lục chiến tạo ra những con đường của riêng mình, như những người tiền nhiệm của họ đã làm trong Chiến tranh Triều Tiên và Thế chiến II. Họ cho xe tăng đâm xuyên vào các bức tường của các tòa nhà. Họ bắn súng không giật và bazooka vào các bức tường, hoặc phá hủy chúng bằng chất nổ dẻo C4. Các quan chức chính phủ Việt Nam Cộng hòa bắt đầu phàn nàn rằng Thủy quân Lục chiến đang gây thiệt hại quá mức cho các tòa nhà của thành phố, nhưng người Mỹ không thêm để ý đến họ.

«Tôi không có chút thương cảm nào - không phải sau khi tôi đã chứng kiến những gì xảy ra với Thủy quân Lục chiến», Trung tá Lục quân Howard L. Moon, cố vấn Mỹ cấp cao cho tỉnh trưởng Việt Nam Cộng hòa, nhận xét. «Đã có lúc thương binh và người hấp hối được đưa đến đây cứ mỗi hai hoặc ba phút một. Thủy quân Lục chiến không biết bỏ cuộc là gì. Nếu anh có thể cứu một Thủy quân Lục chiến bằng cách phá hủy một ngôi nhà để diệt Việt Cộng, thì tôi nói là phá hủy ngôi nhà đó.»⁸²⁰

Thủy quân Lục chiến đã tôn trọng một yêu cầu của Việt Nam Cộng hòa là không sử dụng hỗ trợ không quân và pháo binh trong thành phố. Vì vậy, về mặt hỏa lực, Thủy quân Lục chiến thiếu sự vượt trội thông thường của họ. Đối đầu với súng không giật, rocket chống tăng, súng cối và súng máy của Thủy quân Lục chiến là vũ khí của Bắc Việt có chất lượng tương đương. Vũ khí duy nhất của Thủy quân Lục chiến mà đối phương không có đối trọng là xe tăng, và xe tăng có giá trị hạn chế trong trận chiến này do đường phố chật hẹp và sự phong phú của vũ khí chống tăng.

Không giống như lực lượng Cộng sản đã tấn công các thị trấn và thành phố khác, các đơn vị Bắc Việt tại Huế đang ở cuối một dòng chảy ổn định gồm quân nhân, vật tư và trang thiết bị mới. Dự đoán những nỗ lực của Mỹ nhằm ngăn chặn dòng chảy vào, quân Bắc Việt đã bố trí các đơn vị lớn dọc theo các tuyến tiếp tế của họ từ Thung lũng A Sầu vào thành phố. Những cuộc tiến công của Mỹ về phía những tuyến đó đã bị cản trở bởi sức kháng cự quyết liệt từ các lực lượng có quân số vượt trội.

Người Mỹ tiếp tế cho lực lượng của họ trong thành phố thông qua một động mạch được bảo vệ tốt chạy vào thành phố từ phía đông. Các đơn vị hậu cần đưa người

và vật tư với tốc độ nhanh chóng, đưa thương vong ra ngoài một cách khẩn cấp, và đảm bảo rằng binh lính được tiếp cận các tiện nghi có thể làm giảm bớt căng thẳng của trận chiến. «Đây là một kiểu chiến tranh kỳ lạ», Trung tá Cheatham nhận xét. «Cách chúng tôi một dãy nhà, các Thủy quân Lục chiến đang bị bắn. Sáu dãy nhà phía sau chúng tôi, họ đang mua xì gà và thuốc lá tại cửa hàng PX trong doanh trại Lục quân.»⁸²¹

Vào ngày 6 tháng 2, các Thủy quân Lục chiến chuẩn bị tấn công vào một khu phức hợp vốn là trụ sở tỉnh của chính phủ Việt Nam Cộng hòa một tuần trước đó. Được bao quanh bởi một bức tường đá, nó chứa một ngôi trường lớn và một tòa nhà đá hai tầng hình chữ L, cả hai giờ đều có một ổ súng máy Bắc Việt trong mỗi cửa sổ. Đại đội Hotel của Tiểu đoàn 2/5 Thủy quân Lục chiến, vốn đã chiếm các vị trí gần khu phức hợp, đang chờ lệnh tấn công cuối cùng thì một xe tải 6x6 chở đầy lính thay thế tiến đến. Thay vì dừng lại ở tuyến đầu của Đại đội Hotel như đáng lẽ nên làm, chiếc xe tải phóng qua và lao thẳng về phía bức tường đá.

Người lái xe không nhận ra sai lầm của mình cho đến khi quân Bắc Việt nổ súng. Anh ta cho xe lùi, nhấn bàn đạp ga hết cỡ. Chiếc xe tải thoát đến nơi an toàn, nhưng trong quá trình đó nó hất văng hai người trên xe xuống

đường. Cả hai ngay lập tức bị quân Bắc Việt bắn. Hai Thủy quân Lục chiến nằm sấp trên đất, không ai trong số họ có thể đứng dậy được.

Một trong hai người đá chân để di chuyển về phía Đại đội Hotel trong khi vẫn nằm sấp. Một nhân viên quân y lao đến chỗ anh ta và thấy anh ta đang thở hổn hển. Anh ta bị một vết thương ngực hở, máu sủi bọt từ đó. Nhân viên quân y quấn ngực người lính Thủy quân Lục chiến bằng giấy bóng kính và chất anh ta lên một phương tiện để đưa đến bệnh viện quân đội gần nhất.

Người bị thương còn lại đã bò ra khỏi giữa đường đến cuối một lối vào nhà, nhưng không thể đi xa hơn nữa. Binh nhất Walter R. Kaczmarek đến từ Port Reading, New Jersey, tình nguyện giải cứu người lính Thủy quân Lục chiến bị mắc kẹt. Mười chín tuổi, Kaczmarek mới đến Việt Nam chưa đầy hai tháng. Sau khi tốt nghiệp trung học vào năm 1966, anh đã đi làm thợ học việc kim loại tám nhưng một năm sau đó quyết định nhập ngũ vào Thủy quân Lục chiến.

«Tôi muốn tham chiến», Kaczmarek sau này nói. «Tôi lớn lên ở một thị trấn nơi mọi người đều là cựu chiến binh Thế chiến Thứ hai. Ông tôi là cựu chiến binh Thế chiến Thứ nhất, và các chú của tôi là cựu chiến binh Triều Tiên. Tôi lớn lên với lòng yêu nước.» Khi nhập

ngũ, Kaczmarek đã nói với nhân viên tuyển dụng của Thủy quân Lục chiến rằng anh muốn chiến đấu ở Việt Nam. «Được rồi, con trai», người tuyển dụng đã trả lời, «tôi sẽ cho con vào một trung đội chiến đấu trước khi năm nay kết thúc.»⁸²²

Với những viên đạn Bắc Việt bay vè vè qua đường, Kaczmarek bắt đầu bò bằng bụng. Sau khi anh tiến lên chỉ vài thước, một viên đạn trúng vào bức tường gần đó và bắn một mảnh gạch vào mặt anh, ngay dưới mắt trái. Máu thấm ra trên mảnh gạch, thứ nhô ra như một mũi tên. Kaczmarek trở về trung đội của mình trong chốc lát để một đồng đội lấy mảnh gạch ra, và sau đó anh tiếp tục nhiệm vụ giải cứu.

Lần này, Kaczmarek quyết định tiếp cận con đường bằng cách lén qua một hàng rào cây. Cởi thắt lưng ba lô và trang bị khác ra, anh luồn lách vào các bụi cây, rồi phóng ra đường. Một trận mưa đạn của Bắc Việt bắn về phía Kaczmarek nhưng không làm hại anh. Kaczmarek thoát khỏi tầm nhìn của kẻ thù bằng cách lao xuống đất cạnh người lính Thủy quân Lục chiến bị thương. Người đàn ông thi thoảng vật vã, hét lên rằng anh ta bị trúng đạn vào ngực và cảm thấy đau dữ dội mỗi khi thở. Về sau xác định được xương đòn của anh ta đã bị hai phát đạn bắn vỡ.

Với giọng điệu trấn an, Kaczmarek trấn an người lính Thủy quân Lục chiến rằng mọi chuyện sẽ ổn. Sau đó, khi thời điểm có vẻ thích hợp, Kaczmarek nắm lấy cánh tay người đàn ông, bật dậy và chạy về phía hàng rào. Người bị thương hét lên rằng cánh tay anh ta sắp bị xé rời ra. Kaczmarek buông cánh tay và lướt vào hàng rào, và từ đó anh có thể kéo người lính Thủy quân Lục chiến bị thương đến nơi an toàn.

Đại đội Hotel bắt đầu cuộc tấn công vào lúc 9:50 sáng. Ngay lập tức các Thủy quân Lục chiến vấp phải hỏa lực địch dữ dội và phải dừng lại tại chỗ. Hai xe tăng M - 48 và một khẩu súng không giật 106 mm có chân máy ba chân tiến lên phía trước, trong khi các khẩu súng cối 81 mm dội một trăm quả đạn vào các vị trí của Bắc Việt. Quân Bắc Việt bắn trả lại bằng một khẩu súng không giật 75 mm và các súng phóng rocket chống tăng.

Theo lệnh của sĩ quan chỉ huy phó tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến, người Mỹ đeo mặt nạ phòng độc và bắn các viên hơi cay, thứ vừa mới được cho phép sử dụng tại Việt Nam. Họ phát động một cuộc tấn công trực diện vào những đám mây hơi cay, nhưng một cơn gió bất chợt thổi bay hơi cay đi, khiến các Thủy quân Lục chiến phải hủy bỏ cuộc tấn công vào hai tòa nhà chính. Họ chuyển hướng sự chú ý sang một tòa nhà

ngoại vi, thứ họ đã chiếm được với cái giá năm người bị thương. Bên trong họ tìm thấy mười hai xác chết Bắc Việt.

Các Thủy quân Lục chiến tạm dừng trong phần còn lại của buổi sáng và đầu buổi chiều, thi thoảng trao đổi hỏa lực với quân Bắc Việt. Vào giữa buổi chiều, các Thủy quân Lục chiến lại tiếp tục dội một loạt đạn súng cối 81 mm và đạn súng không giật 106 mm mới vào tòa nhà trụ sở chính. Chỉ huy đại đội, Đại úy George R. Christmas, thông báo cho Thiếu úy Leo Myers rằng trung đội của anh sẽ dẫn đường vào tòa nhà. Đến lượt Myers giao nhiệm vụ này cho tiểu đội do Binh nhất Alan V. McDonald chỉ huy. Những người trong tiểu đội rút thăm để xem ai sẽ đá văng cửa. Người rút được que ngán là Binh nhất Kaczmarek.

Những người lính của Thiếu úy Myers bắn khói vào đường phố để che giấu chuyển động của họ. Kaczmarek cầu nguyện Chúa cho sự sống sót, sau đó anh và phần còn lại của tiểu đội McDonald lao về phía trước trong khi các Thủy quân Lục chiến khác yểm trợ hỏa lực. Để vô hiệu hóa dây thép gai (concertina wire) mà Quân đội Nhân dân Việt Nam (NVA) đã rải xung quanh tòa nhà trụ sở, tiểu đội ném một tấm ván dài lên trên nó. Kaczmarek băng qua đầu tiên.

Các Thủy quân Lục chiến đã được lệnh tránh ném lựu đạn vào tòa nhà này vì người ta tin rằng các bức tường bên trong chỉ được làm bằng thạch cao và latô, quá yếu để chịu được các mảnh lựu đạn. Bò lên một cầu thang ngắn đến hiên trước, Kaczmarek bắn hết một băng đạn M - 16 vào ô cửa. Trong khi vẫn ở trên tay và đầu gối, anh đẩy mở cửa và chui vào sảnh.

Kaczmarek thấy những chồng sách mà quân Bắc Việt đã dùng để củng cố các bức tường. Anh không thấy bất kỳ người nào hoặc nghe thấy bất kỳ tiếng động nào. Phần còn lại của tiểu đội của anh đi vào phía sau anh trong khi anh tiếp tục quét tìm dấu hiệu của những cá nhân có ý định thù địch.

Hóa ra, quân Bắc Việt đã rút lui vào các góc ngách sâu hơn của tòa nhà. Các xạ thủ súng trường Thủy quân Lục chiến tràn vào các hành lang dài trên tầng một và tầng hai. Cuộc tiến công của họ chậm lại khi họ bắt đầu nhận được những phát bắn trả từ hậu quân Bắc Việt, và các Thủy quân Lục chiến đáp trả tương tự.

Khi Kaczmarek đang nhìn ra ngoài cửa sổ của một phòng tắm trên tầng hai, anh thấy một nhóm lính Bắc Việt đang rời khỏi tòa nhà. Họ đang đi xuống một con hẻm về phía một lối ra hẹp. Một người Mỹ với khẩu M - 60 khẩu súng máy cũng phát hiện ra nhóm người này

và xả đạn 7.62 mm vào lưng họ, hạ gục sáu người.

Sau khi tòa nhà trụ sở chính đã được dọn sạch, một trung sĩ pháo binh to con và dũng cảm tên là Frank A. Thomas phát hiện ra một loạt hồ cá nhân hình vuông dọc theo bức tường ngoài. Những người cố thủ ngoan cố trong các hồ này vẫn tiếp tục bắn súng trường và ném lựu đạn vào Thủy quân lục chiến. Cầm khẩu súng ngắn, Thomas đi đến hồ gần nhất và lôi một binh sĩ Bắc Việt ra bằng cổ áo.

«Tên này vẫn còn sống», Thomas tuyên bố.⁸²³

Hầu hết các hồ khác hóa ra đều chứa binh sĩ Bắc Việt, một số trong đó đã chết. Những ai thể hiện tinh thần chiến đấu còn sót lại đều bị bắn, trong khi số còn lại bị bắt làm tù binh.

Thủy quân lục chiến tìm thấy bằng chứng đáng kể cho thấy tòa nhà chính đã được sử dụng làm trụ sở của Trung đoàn 4 Quân đội Bắc Việt. Trong lúc vội vã rút lui, quân Bắc Việt đã bỏ lại những xấp tài liệu quan trọng và một bộ sưu tập bản đồ lớn. Việc tái chiếm tòa nhà này dường như gây ảnh hưởng xấu đến toàn bộ lực lượng Bắc Việt ở phía nam sông Hương. Từ đây trở đi, Thủy quân lục chiến phía nam sông gặp ít kháng cự hơn trong cuộc tiến công không ngừng của họ.

Ở phía bắc con sông, trong Kinh thành, tiến độ diễn ra chậm hơn đáng kể. Sư đoàn 1 ARVN và các đơn vị Nam Việt Nam khác đang tiến hành hết đợt tấn công dữ dội này đến đợt khác vào hàm của bộ binh Bắc Việt được vũ trang mạnh. Sau khi chiếm dụng hầu hết các ngôi nhà tư trong Kinh thành, quân Bắc Việt sử dụng những bức tường xây và đá dày làm khiên chắn. Quân Nam Việt Nam chỉ chiếm lại được đất đai từng chút một và với cái giá rất lớn về sinh mạng. Một số người Mỹ nghi ngờ rằng sự thiếu quyết tâm của Nam Việt Nam là nguyên nhân dẫn đến tốc độ tiến quân chậm chạp, nhưng trên thực tế, các đơn vị này được lãnh đạo bởi một số sĩ quan kiên quyết và dũng cảm nhất trong cuộc xung đột. Điều ngăn cản họ tiến nhanh như người Mỹ ở nam ngạn là sự thiếu vũ khí đủ mạnh để đục thủng các bức tường và các cứ điểm của địch.

Mười một ngày sau khi trận chiến bắt đầu, quân Nam Việt Nam miễn cưỡng yêu cầu Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ giúp đỡ trong việc trục xuất những người Bắc Việt còn lại khỏi Kinh thành. Tiểu đoàn 1, Trung đoàn Thủy quân lục chiến 5 tiến vào Kinh thành ngày 12 tháng 2 qua cổng sau dẫn vào Mang Ca. Sáng hôm sau, Thủy quân lục chiến rời trụ sở của Sư đoàn 1 ARVN theo hướng đông nam, tiến về ranh giới phân chia giữa lực lượng Bắc Việt và Nam Việt Nam bên trong Kinh

thành.

Người Mỹ dự định tấn công chính diện, với binh lính Nam Việt Nam ở sườn phải. Một số xe tăng đi cùng bộ binh Mỹ, nhưng các chỉ huy xe tăng bị cấm bắn pháo chính để hạn chế thiệt hại cho các công trình trong Kinh thành. Do một sự hiểu lầm giữa nhân sự Nam Việt Nam và Mỹ, Thủy quân lục chiến đã vô tình đụng độ quân Bắc Việt tại một con phố mà họ tưởng sẽ do lực lượng Nam Việt Nam kiểm soát. Khi đại đội Thủy quân lục chiến đầu tiên tiến đến con phố, binh lính Bắc Việt khai hỏa từ cửa sổ, ngưỡng cửa, mái nhà, ngõ hẻm và tháp Đông Ba cao trên tường thành phía đông bắc. Đại đội Thủy quân lục chiến chịu ba mươi thương vong, bao gồm tất cả sĩ quan.

Thủy quân lục chiến rút lui. Bộ chỉ huy tiểu đoàn nhất quyết rằng Thủy quân lục chiến phải tiến lên, nhưng những nỗ lực lặp đi lặp lại chỉ dẫn đến thêm thương vong và tiến triển tối thiểu. Quân Bắc Việt đã cho bố trí hỏa lực chéo bao phủ mọi con phố và ngã tư, với những xạ thủ trên tường thành và tháp Đông Ba hỗ trợ thêm.

Sáng hôm sau, Thủy quân lục chiến lại tấn công trực diện vào quân Bắc Việt, và với kết quả đáng thất vọng tương tự. Vào buổi chiều, chỉ huy tiểu đoàn Thủy quân lục chiến nhận được sự cho phép để sử dụng toàn bộ vũ

khí của Mỹ chống lại kẻ thù. Máy bay chiến đấu - ném bom phản lực đội bom và rocket vào các mục tiêu dọc theo tường thành. Pháo binh Mỹ và hỏa lực hải quân trút xuống pháo đài suốt đêm.

Ngày hôm sau, Thủy quân lục chiến tập trung cơn thịnh nộ của họ vào tháp Đông Ba. Từ công trình này, quân Bắc Việt có thể mang hỏa lực súng máy đến hầu như bất kỳ vị trí nào trong Kinh thành. Người Mỹ đã trút mọi súng phóng rocket 3.5 inch và pháo xe tăng có sẵn lên tháp, không dừng lại cho đến khi nó bị biến thành một đồng đồ nát lớn. Các xạ thủ súng trường Thủy quân lục chiến sau đó lao lên phía trước để chiếm giữ vị trí.

Thật bất ngờ cho những người lính Thủy quân lục chiến đang tiếp cận, binh lính Bắc Việt đột nhiên xuất hiện trên đỉnh đồng đồ nát để bắn vũ khí tự động. Tuy nhiên, số lượng của họ quá ít để ngăn Thủy quân lục chiến tràn lên đồng đồ nát và chẳng mấy chốc phải bỏ chạy. Các cuộc phản công của Bắc Việt sẽ giành lại vị trí này vài lần trong thời gian sau đó, nhưng quân Bắc Việt sẽ không còn giữ nó đủ lâu để vận hành nó như một bộ súng máy nữa.

Sau khi tháp Đông Ba bị đánh sập, cuộc tiến quân của Mỹ qua các con phố trong Kinh thành gia tăng đà tiến. Tuy nhiên, quân Bắc Việt vẫn kiên cường phòng thủ

các vị trí của họ trong những ngôi nhà xây và đá. Một khi người Mỹ thiết lập được chỗ đứng trong một ngôi nhà trên một dãy nhà, quân Bắc Việt rút lui về dãy nhà tiếp theo, nơi họ đã chuẩn bị sẵn một tuyến phòng thủ dày đặc. Bằng cách này, quân Bắc Việt tránh để sườn của họ bị lộ kéo dài và buộc người Mỹ phải tấn công chính diện trong suốt trận chiến.

Sức mạnh hỏa lực của Mỹ và dòng chảy bất tận của bộ binh Mỹ và Nam Việt Nam sau đó cuối cùng cũng nghiền nát quân Bắc Việt. Bảo vệ một dãy phố là đặt mình vào con đường của chiếc xe lu, và nhiều người Bắc Việt đã bị nghiền nát bên dưới, bao gồm cả chỉ huy cấp cao Bắc Việt. Đôi khi sự hủy diệt quá triệt để đến mức quân Bắc Việt phải bỏ lại xác chết của đồng đội. Người Mỹ ủi những xác chết thành đống, hoặc thiêu chúng bằng súng phun lửa để loại bỏ mùi hôi thối của xác thịt đang phân hủy.

Vào đêm ngày 16 tháng 2, chỉ huy mới của Bắc Việt trong Kinh thành đã gọi điện vô tuyến về bộ chỉ huy cấp trên để xin phép rời thành phố. Ông ta báo cáo, số người chết và bị thương đã đạt đến mức khủng khiếp. Cấp trên của ông ra lệnh cho ông ở lại Kinh thành và chiến đấu.

Sự kháng cự tiếp tục của Bắc Việt trước cuộc tiến công về phía nam của lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam trong Kinh thành đã kéo dài cuộc chiến đấu tầm gần thêm một tuần nữa. Cuối cùng, vào ngày 23 tháng 2, sau khi lực lượng Bắc Việt đã mất gần như toàn bộ Kinh thành, Bắc Việt đã ra lệnh rút lui khỏi Huế. Những binh sĩ sống sót tháo chạy nhanh chóng nhưng có trật tự, bỏ lại người chết tại chỗ.

Dù cảm giác nhẹ nhõm nào mà quân Bắc Việt có thể có được từ cuộc di tản thành công của họ cũng không kéo dài. Sau khi rời thành phố, họ bị tấn công bởi lực lượng Mỹ đã thâm nhập vào các tuyến hậu cần của Bắc Việt giữa Huế và Thung lũng A Sầu. Một sĩ quan Bắc Việt nhớ lại rằng trong cuộc rút lui về phía tây, người Mỹ «đã mở rộng các cuộc tấn công của họ ra ngoài theo mọi hướng.» Họ «đuổi theo quân ta ra đến chân đồi, đẩy lực lượng của chúng ta lên núi, chặn các đường tiếp tế của chúng ta, và phá hủy các tuyến liên lạc và kho dự trữ của chúng ta.» Lực lượng Mỹ «đã phát động các cuộc tấn công sâu vào các khu vực hậu phương của chúng ta, gây cho chúng ta rất nhiều khó khăn.»⁸²⁴

Trận chiến Huế kết thúc với 142 lính Mỹ và 421 lính Nam Việt Nam thiệt mạng. Số người bị thương là gần 1.100 người Mỹ và hơn 2.100 người Nam Việt Nam.

Thêm 80 người Mỹ nữa đã hy sinh trong chiến đấu ở vùng ngoại vi thành phố. Mặc dù thấp về mặt tuyệt đối đối với một trận chiến như vậy, những con số này đại diện cho một tỷ lệ lớn trong quân số của các đơn vị tham chiến. Ước tính của Mỹ về số quân Bắc Việt bị giết trong thành phố dao động từ 2.500 đến 5.000, và thêm 3.000 ở ngoại ô. Giao tranh đã cướp đi sinh mạng của hơn 1.000 thường dân vô tội và làm hư hại hoặc phá hủy 80% nhà cửa ở Huế, biến 115.000 cư dân thành người tị nạn. Phần lớn Kinh thành bị hư hại không thể khắc phục, mặc dù hoàng cung và một số công trình kiến trúc hoàng gia khác chỉ bị trầy xước nhẹ.⁸²⁵

Ở phía bên kia của Quân khu I, tại Khe Sanh, quân Bắc Việt dành nửa đầu tháng 2 để tái tổ chức. Họ thành lập một bộ chỉ huy mới để thay thế cái đã bị máy bay B - 52 của Mỹ xóa sổ ở Lào, và vạch ra những kế hoạch mới cho việc tấn công căn cứ chiến đấu của Mỹ. Đào các chiến hào và đường hầm tương tự như ở Điện Biên Phủ, các đoàn quân Bắc Việt tiến sát về phía căn cứ, chỉ dừng lại khi bom của Chiến dịch Niagara rơi xuống gần đó. Họ hy vọng đào được rất gần các Thủy quân lục chiến đến mức khi họ bước ra từ miệng chiến hào và đường hầm, người Mỹ sẽ không ném bom vì sợ trúng chính người của mình. Cuối cùng, một số chiến hào tiến đến trong vòng mười lăm thước Anh so với hàng rào

kèm gai của căn cứ.⁸²⁶

Việc đưa tin của giới truyền thông về Khe Sanh bị ảnh hưởng bởi phản ứng báo chí rộng rãi hơn đối với Tổng tiến công Tết Mậu Thân. Các bài báo tin tức Mỹ và những bức ảnh kèm theo mô tả lực lượng đồn trú Thủy quân lục chiến như bị vây hãm và kém hiệu quả. Trong số hai mươi lăm bức ảnh về Khe Sanh xuất hiện trên tờ New York Times, mười bức cho thấy Thủy quân lục chiến chết, bị thương, cúi mình dưới làn đạn, hoặc kiểm tra sự tàn phá do Cộng sản gây ra ; bốn bức có hình Thủy quân lục chiến trong các tình huống không chiến đấu ; và tám bức cho thấy máy bay tiếp tế của Mỹ dưới làn đạn hoặc các cuộc không kích rơi gần vành đai phòng thủ của Mỹ. Chỉ một bức cho thấy Thủy quân lục chiến đang bắn vào quân Bắc Việt.⁸²⁷

Một số nhà báo Mỹ, đặc biệt là những người có khuynh hướng xem Tổng tiến công Tết Mậu Thân là một thành công của Cộng sản, khẳng định rằng quân Bắc Việt sắp đạt được một Điện Biên Phủ thứ hai tại Khe Sanh. Trong chương trình phát sóng ngày 14 tháng 2 của CBS Evening News, Murray Fromson tuyên bố : «Tại đây, người Bắc Việt quyết định ai sống và ai chết, mỗi ngày, chiếc máy bay nào hạ cánh và chiếc nào không, và sớm hay muộn họ sẽ thực hiện bước đi quyết

định số phận của Khe Sanh.»⁸²⁸

Trong một thời gian, tình hình tại Khe Sanh trông có vẻ đáng ngại đến mức nó khiến Tổng thống Johnson, người trước đây ít quan tâm đến các trận chiến của cuộc chiến, phải chú ý. Đối với ông, những điểm tương đồng với Điện Biên Phủ là rõ ràng. Theo lệnh của Johnson, các trợ lý đã xây dựng một mô hình thu nhỏ của chiến trường trong tầng hầm Nhà Trắng. Mặc áo choàng tắm và đi dép lê, tổng thống đã dành những đêm không ngủ bên cạnh mô hình, nghiên cứu kỹ lưỡng những báo cáo chi tiết nhất từ Khe Sanh và tưởng tượng các hành động được mô tả trong đó trên mô hình.⁸²⁹

Vũ khí hạng nặng của Bắc Việt thường xuyên bắn phá các vị trí của Mỹ tại căn cứ chiến đấu và các tiền đồn trên đồi, hầu hết trong số đó không được đào sâu hoặc củng cố bằng gỗ, thép tấm, hoặc tương tự. Khi nghe thấy tiếng rocket hoặc đạn pháo đến, Thủy quân lục chiến trú ẩn trong các boongke chất đầy rác và có chuột sinh sống. Tuy nhiên, các cuộc bắn phá của Bắc Việt đã không gây thương vong nặng nề như ở Điện Biên Phủ, bởi vì người Mỹ rất giỏi trong việc xác định vị trí và tấn công vũ khí của địch một khi chúng đã khai hỏa.

Quân Bắc Việt cũng không cắt đứt được đường tiếp tế bằng đường không của Khe Sanh như họ đã làm với Điện Biên Phủ. Mỗi ngày, các hạm đội trực thăng và máy bay vận tải đã chở vài trăm tấn tiếp liệu tới đường băng của căn cứ và những ngọn đồi xung quanh. Dù dẫn đường bằng radar và dù kéo độ cao thấp cho phép một số máy bay thả trọng tải mà không cần chạm đất.

Người Mỹ cũng tỏ ra cực kỳ hiệu quả trong việc xác định vị trí của quân đội Bắc Việt xung quanh Khe Sanh. Vào tháng 1, Westmoreland đã trưng dụng các cảm biến mặt đất vốn được lên kế hoạch triển khai ở phần Lào của hàng rào McNamara và chuyển chúng tới Khe Sanh. Người Mỹ rải các thiết bị này khắp các lối tiếp cận căn cứ chiến đấu. Khi quân Bắc Việt hành quân qua, các chòm sao cảm biến truyền tín hiệu vô tuyến cho phép nhân viên tình báo Mỹ ước tính quy mô, tốc độ và hướng di chuyển của lực lượng địch. Người Mỹ sau đó có thể tính toán được vị trí của kẻ thù vào thời điểm đạn dược Mỹ trút xuống mặt đất.⁸³⁰

Một chuỗi máy bay Mỹ không ngừng nghỉ thả bom gần Khe Sanh, dựa trên các vị trí đã xác định hoặc nghi ngờ có pháo binh và bộ binh Bắc Việt. Trung bình mỗi ngày, có khoảng 350 máy bay tiêm kích, 60 chiếc B-52 và 40 máy bay trinh sát làm nhiệm vụ trong khu

vực. Trong suốt trận đánh, hơn một trăm nghìn tấn bom Mỹ đã trút xuống một khu vực rộng năm dặm vuông xung quanh căn cứ chiến đấu, biến nó thành trận oanh tạc chiến trường dữ dội nhất trong lịch sử chiến tranh. Những cánh đồng Khe Sanh, nơi những người trồng trọt Pháp đã trồng những cây cà phê xanh mượt khi trận chiến bắt đầu, đã biến thành một vùng đất hoang đầy đá núi lửa lở chỗ hố bom.

Vào một số dịp, các cuộc tấn công quy mô tiểu đoàn của Bắc Việt gần như tràn ngập các vị trí của Thủy quân lục chiến trên các ngọn đồi. Họ tới gần nhất vào đêm ngày 5 tháng 2, tại Đồi 861 - A. Được đặt tên theo độ cao của nó, ngọn đồi này đã được bố trí Thủy quân lục chiến với mục đích ngăn chặn lối tiếp cận Khe Sanh qua Thung lũng Rao Quan. Trên đỉnh đồi là đại đội Echo thuộc Trung đoàn 2/26 Thủy quân lục chiến, do Đại úy Earle Breeding chỉ huy.

Đại đội Thủy quân lục chiến tập trung trong một khu vực dài một trăm thước Anh và rộng hai mươi lăm thước Anh. Breeding đã tổ chức phòng thủ với giả định rằng kẻ thù sẽ tấn công từ phía bắc, bởi các đơn vị Thủy quân lục chiến trang bị mạnh trên các đồi khác và căn cứ chiến đấu nhìn thẳng vào các mặt phía đông, tây và nam của đồi 861 - A. Những người lính thủy đánh bộ

đặt biệt danh cho khu vực phía bắc của chu vi là «the point» (mũi nhọn).

Nhiệm vụ bảo vệ mũi nhọn thuộc về trung đội 1 của đại đội Echo, do Thiếu úy Donald E. Shanley chỉ huy. Tóc vàng mắt xanh, Shanley từng là vận động viên bơi ngựa giỏi nhất trong đội bơi hàng đầu quốc gia của trường trung học ở Winnetka, Illinois, sau đó gia nhập đội bơi của Đại học Stanford vào năm 1962. Sau khi hoàn thành chương trình đại học, Shanley đã theo học trường kinh doanh Đại học California, Berkeley, nhưng cuối năm đầu tiên, anh bỏ học để vào Trường Ứng viên Sĩ quan Thủy quân lục chiến vì muốn tham gia vào cuộc đấu tranh xã hội lớn mang tính xác định ở Việt Nam, như anh gọi.⁸³¹

Quân Bắc Việt chọn tấn công Đồi 861 - A vào một đêm khi đỉnh đồi chìm trong lớp sương mù dày đặc như nước thịt. Một trận pháo kích bằng súng cối bắt đầu lúc 4:00 sáng, tiếp theo là những loạt đạn súng phóng lựu. Cuộc bắn phá đã phá hủy một súng máy M - 60 và một súng cối 60 mm của Mỹ tại mũi nhọn. Công binh Bắc Việt dùng thủy lôi Bangalore phá nát hàng rào kẽm gai phía trước mũi nhọn, dọn đường cho một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 325C xông lên tấn công những gì còn lại của hệ thống phòng thủ của Shanley.

Khi lực lượng tấn công Bắc Việt xông vào chiến hào tiền duyên của Mỹ, họ đã trao đổi hỏa lực súng trường và lựu đạn với những người lính Thủy quân lục chiến ít hơn về số lượng. Ở những nơi không gặp kháng cự, quân Bắc Việt nhảy vào chiến hào và chạy dọc theo nó để tấn công các Thủy quân lục chiến từ sườn. Mặc dù pháo sáng Mỹ tràn ngập bầu trời, lớp sương mù bao phủ đã phân tán hầu hết các sóng ánh sáng, chỉ cho phép một ánh sáng mờ mờ lọt vào mắt các chiến binh. Tuy nhiên, các bên đối địch thường ở rất gần nhau đến mức họ có thể nhìn thấy nhau rõ ràng. Binh nhất Newton Lyle nhớ lại, «Anh thực sự có thể thấy lũ ‘Goods’ [âm chỉ quân Bắc Việt] chạy quanh trên các tuyến, cười và ném lựu đạn Chicoms vào các hầm trú ẩn, và anh có thể nghe thấy tiếng hét của các bạn, những người bạn của anh.»⁸³²

Tại các căn cứ hỏa lực Mỹ gần đó, các báo cáo về cuộc tấn công đã khiến các khẩu pháo howitzer hoạt động. Rải khắp sườn đồi 861 - A bằng kim loại cháy, pháo binh Mỹ quét ngọn đồi từ chân đồi đến một đường cách chu vi của Breeding hai trăm mét. Những người pháo thủ súng cối của Breeding bản thân cũng thả đạn xuống phía bắc ngọn đồi ở khoảng cách gần đến ba mươi lăm thước. Các vũ khí hạng nặng của Mỹ có lẽ đã hạ gục một số lượng đáng kể binh lính Bắc Việt, nhưng

chúng không thể ngăn chặn được nhóm lớn đã ở bên trong chu vi của Mỹ.

Một trong những Thủy quân lục chiến của Shanley, Hạ sĩ Thomas Eichler, lao đến khẩu súng máy ở mũi nhọn. Anh tìm thấy ba Thủy quân lục chiến bị thương nặng, một trong số đó anh vác lên lưng trước khi hướng về nơi an toàn. Khi đang đi, một người lính Bắc Việt xuất hiện từ trong sương mù phía trước anh. Đã bỏ rơi súng trường để vác người lính thủy đánh bộ bị thương, Eichler chọn chạy trốn thay vì chiến đấu. Quay người lại, anh chạy nhanh hết sức có thể với gánh nặng trên vai.

Người lính Bắc Việt nổ súng. Eichler cảm thấy tiếng đạn nện vào khi chúng bắn trúng người lính thủy đánh bộ bị thương trên lưng anh. Như Eichler sau này sẽ biết, những viên đạn đã không gây thương tích gì, vì chúng đã bị chặn lại bởi áo chống đạn của người đó.

Tận dụng lợi thế của sương mù, Eichler tránh được người lính Bắc Việt này, nhưng sau đó anh lại chạy phải một người khác, người đang bắn rocket vào những người Mỹ khác. Eichler túm lấy dây đeo từ túi đựng rocket của người này, quấn quanh cổ anh ta, và bóp cổ đến chết. Eichler đưa người lính bị thương đến nơi an toàn, sau đó giải cứu hai xạ thủ súng máy khác.

Hầu hết các Thủy quân lục chiến đang cố gắng cúi thấp trong các chiến hào và hầm trú ẩn còn do Mỹ kiểm soát, nhưng sau khi Eichler trở về với thành viên cuối cùng của tổ súng máy, anh đứng thẳng người trên chiến hào. Anh ném lựu đạn vào quân Bắc Việt và hét vào mặt họ. «Hắn là có một thiên thần của Chúa bảo vệ anh ấy», một nhân chứng nói. «Đó là một phép màu khi anh ấy không bị giết.»⁸³³

Đến lúc này, quân Bắc Việt đã hoàn toàn kiểm soát tuyến chiến hào phía trước. Cường độ chiến đấu giảm bớt khi quân Bắc Việt tạm dừng để tổ chức lại trong chiến hào và thu thập trang thiết bị của Mỹ, cùng với tạp chí, sách và các đồ lưu niệm khác. Sự tạm dừng này giúp Đại úy Breeding có thời gian điều các Thủy quân lục chiến từ các khu vực khác của chu vi đến tăng cường cho trung đội tan nát của Shanley. Shanley củng cố một tuyến phòng thủ mới dọc theo một chiến hào thứ cấp, đây là tuyến phòng thủ cuối cùng cho sở chỉ huy đại đội và kho đạn.

Chạy quanh trong sương mù, Shanley và các sĩ quan và hạ sĩ quan khác cố gắng tìm người và ra lệnh để chuẩn bị cho một cuộc phản công. Tiếng nổ của đạn pháo đôi khi lớn đến mức người ra lệnh phải úp tay qua tai người nghe và hét trực tiếp vào đó. Sau vài phút,

Shanley ra hiệu bắt đầu cuộc phản công.

Thủy quân lục chiến bắt đầu bằng cách ném lựu đạn mảnh vào tuyến chiến hào do địch chiếm giữ. Họ phải ước lượng khoảng cách thích hợp, vì sương mù che khuất mọi thứ ngoài tầm mười thước. Sau đó, trèo lên từ chiến hào của mình, người Mỹ xông thẳng vào quân Bắc Việt. Shanley dẫn đầu cuộc tấn công, bước đi mà không cúi xuống, sự thờ ơ của anh với nguy hiểm đã truyền cảm hứng cho những người khác đi theo anh.

Theo một tài liệu của Mỹ, cuộc phản công đã khiến kẻ thù bất ngờ đến mức người Mỹ bắt gặp những người lính Bắc Việt đang xem lướt những cuốn Playboy mới kiếm được. Tuy nhiên, hầu hết quân Bắc Việt đã sẵn sàng chiến đấu khi người Mỹ tấn công họ. Các chiến binh giành giật quyền kiểm soát tuyến chiến hào bằng lưỡi lê, dao, dụng cụ đào công sự và nắm đấm. Cả hai bên đều ném lựu đạn, với rủi ro đáng kể cho bản thân vì bán kính vụ nổ mười lăm thước của lựu đạn vượt quá bán kính tầm nhìn. Áo chống đạn của Thủy quân lục chiến cho họ một lợi thế rõ rệt trong cuộc đấu lựu đạn, vì họ có thể cuộn tròn và hấp thụ các mảnh vỡ trong áo trong khi quân Bắc Việt bị xuyên thủng bởi mảnh đạn.

«Khẩu M - 16 không phát huy được tác dụng lắm vì địa hình ngọn đồi chúng tôi đang ở», Đại úy Breeding nhớ lại. «Thực sự không có trường bắn nào đáng kể, và nó biến thành một cuộc chiến bằng lựu đạn.» Cuộc chiến giành giật các chiến hào «giống hệt như một bộ phim Thế chiến II», với «đấu đao, đấu lưỡi lê, đâm vào mũi người ta bằng nắm đấm và tất cả những thứ khác.»

834

Quân Bắc Việt là bên hứng chịu phần lớn thiệt hại trong cuộc hỗn chiến tầm gần. Một số Thủy quân lục chiến cho rằng kết quả một chiều là do huấn luyện và khả năng thích ứng vượt trội của Thủy quân lục chiến. Những người khác lại cho rằng quân Bắc Việt chiến đấu không tốt vì họ đã được cho dùng ma túy trước trận đánh để xóa bỏ nỗi sợ hãi, một kết luận dựa trên sự hưng phấn của họ giữa lúc giao tranh.

Nửa giờ sau khi những người lính Bắc Việt đầu tiên chọc thủng chu vi của Thủy quân lục chiến, lực lượng tấn công đã bị tổn thất nặng nề rút lui theo hướng họ đã đến. Khi quân Bắc Việt rút xuống sườn đồi, đạn pháo Mỹ đuổi theo họ. Một tiểu đoàn Bắc Việt đã được giữ lại làm lực lượng dự bị dưới đỉnh đồi, nhưng nó đã mất quá nhiều người vì các cuộc oanh tạc của Mỹ nên không cố gắng tấn công và thay vào đó rút lui lẻ tẻ cùng

với tàn quân của tiểu đoàn tấn công.

Những người lính Thủy quân lục chiến trên đồi, không biết gì về những diễn biến xa hơn mười thước, vẫn lo sợ rằng quân Bắc Việt sẽ tấn công lần nữa trước bình minh. «Chúng tôi ngồi đó và cầu nguyện cho trời sáng», Binh nhất Lyle kể lại, «vì chúng tôi biết đến lúc trời sáng, họ sẽ phải rút lui hoặc họ sẽ thực sự bị đánh toi bời vì chúng tôi có thể gọi không kích và pháo binh. Vì vậy, chúng tôi ngồi đó và cầu nguyện cho mặt trời mọc. Khoảng một tiếng rưỡi cuối cùng đó dài như một năm. Và sáng hôm sau, khi mặt trời cuối cùng cũng mọc, chúng tôi cảm ơn Chúa rằng những người trong số chúng tôi còn sống, Chúa đã để chúng tôi sống.»⁸³⁵

Tám Thủy quân lục chiến Mỹ đã thiệt mạng trên Đồi 861 - A đêm đó, hầu hết bị giết tại mũi nhọn trong những khoảnh khắc đầu tiên của trận chiến. Thủy quân lục chiến đếm được 109 thi thể Bắc Việt bên trong chu vi. Larry Jackson và một Thủy quân lục chiến khác được phân công nhiệm vụ chôn cất đã sử dụng thuốc nổ dẻo C - 4 và một cái xẻng để đào một ngôi mộ chung cho mười chín thi thể Bắc Việt. «Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình có thể ném mười chín con người vào một cái hố và cứ lấp đất lên», Jackson kể lại. Nhưng cái chết của trưởng nhóm của anh, Binh nhất Jack C. Bogard, đã

xóa đi bất kỳ sự thương cảm nào anh có thể cảm thấy với kẻ thù. «Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một Thủy quân lục chiến chết», Jackson nói. «Tôi nhớ đã giúp đưa anh ấy đến bãi đáp (LZ) để vận chuyển đi. Và tôi nhớ mình đã quỳ gối xuống, khóc như một đứa bé ba tuổi.» Jackson căm thù người Bắc Việt đến mức anh đã đi tiểu lên mười chín thi thể trước khi lấp hố. ⁸³⁶

Lo sợ phục kích và mìn của địch, Thủy quân lục chiến đã không dọn dẹp chiến trường bên ngoài chu vi của họ. Hạ sĩ Lance E. Tibbett có thể nhìn thấy khoảng một trăm lính Bắc Việt chết và bị thương trong một khe núi xuống dốc và nghe thấy một số người trong số họ kêu la đau đớn. ⁸³⁷ Đại úy Breeding đã có thể ra lệnh cho lính của mình bắn những người lính Bắc Việt bị thương này, hoặc những người lính Bắc Việt sau đó đến để giải cứu những người bị thương và thu hồi người chết, nhưng ông đã không làm vậy. ⁸³⁸

Quân Bắc Việt sẽ chỉ giành được một chiến thắng quân sự trong khu vực Khe Sanh. Nó xảy ra vào ngày 6 tháng 2 tại làng Lang Vei, cách căn cứ chiến đấu của Thủy quân lục chiến tám kilômét về phía tây nam và chỉ cách biên giới Lào hai kilômét. Lực lượng Đặc biệt của Quân đội Hoa Kỳ đã vận hành một trại tại Lang Vei từ năm 1966 và, do sự hiện diện của lực lượng Bắc Việt

lớn ở Lào lân cận, đã phát triển trại này thành một trong những pháo đài vững chắc nhất của họ. Hoa Kỳ đã chi một triệu đô la cho các công sự của nó và trang bị cho lực lượng đồn trú gồm hai mươi bốn người Mỹ và năm trăm lính bản địa một kho vũ khí lớn gồm súng cối, súng máy và súng không giật. Vào cuối tháng 1, Lực lượng Đặc biệt đã chuyển giao vũ khí chống tăng hạng nhẹ M - 72 đến trại sau khi một phi công Mỹ nhìn thấy năm xe tăng Bắc Việt gần Lang Vei, lần đầu tiên xe tăng Bắc Việt được nhìn thấy trong chiến tranh.

Thiếu tướng Rathvon Tompkins, chỉ huy Sư đoàn Thủy quân lục chiến 3, đã cam đoan với trụ sở của Westmoreland vào giữa tháng 1 rằng ông có thể bảo vệ trại Lang Vei khỏi một cuộc tấn công ồ ạt của Bắc Việt. Trong tầm bắn của Lang Vei, Thủy quân lục chiến có mười sáu khẩu howitzer 175 mm, mười sáu khẩu howitzer 155 mm và mười tám khẩu howitzer 105 mm. Nếu quân Bắc Việt tấn công trại với số lượng lớn nguy hiểm, Tompkins dự định sẽ gửi thiết giáp và bộ binh Thủy quân đến giải cứu.

Đi đầu trong cuộc tấn công của Bắc Việt vào ngày 6 tháng 2 là mười sáu xe tăng lội nước PT - 76 do Liên Xô chế tạo. Ước tính khoảng bốn trăm bộ binh và công binh Bắc Việt đi kèm theo thiết giáp trong lúc tiếp cận

Lang Vei, bộ binh sử dụng thân xe tăng bằng thép để che chắn. Trong một màn phô diễn thiết bị hạng nặng bất thường khác, quân Bắc Việt bố trí bốn khẩu howitzer 152 mm để bắn vào Lang Vei.

Trong đêm tối, quân Bắc Việt tấn công trại từ phía bắc, nam và tây cùng một lúc. Những chiếc xe tăng Bắc Việt lăn bánh qua dây kẽm gai của trại, quét tìm mục tiêu bằng đèn pha của chúng, và phá hủy các lô cốt bằng pháo chính 76 mm. Khiến cho các Lực lượng Đặc biệt Mỹ (Green Berets) và đồng đội bản địa của họ kinh hoàng, những chiếc xe tăng không hề hấn gì từ những quả mìn claymore phát nổ và hầu hết các loại vũ khí khác mà lực lượng đồn trú ném vào chúng.

Chỉ huy người Mỹ tại trại Lang Vei đã gọi điện đến căn cứ chiến đấu Khe Sanh để yêu cầu hỗ trợ pháo binh. Các sĩ quan pháo binh ở đầu dây bên kia vào lúc đó đang tổ chức ứng phó với các loại vũ khí của Bắc Việt đang bắn phá căn cứ Khe Sanh. Họ nói rằng họ cần thêm thông tin trước khi chuyển hướng các khẩu howitzer của họ về phía Lang Vei. Đối với họ, và đối với những người Mỹ còn lại, không rõ liệu một hay cả hai mục tiêu của kẻ thù chỉ là một cuộc tấn công nghi binh, nhằm thu hút sự chú ý khỏi mục tiêu thực sự.

Mười lăm phút quý giá trôi qua trước khi các sĩ quan tại căn cứ chính quyết định rằng cuộc tấn công vào Lang Vei có thể không phải là nghi binh. Đến khi những quả đạn pháo Mỹ đầu tiên rít vào Lang Vei, xe tăng và bộ binh Bắc Việt đã đột phá vào phía đông của chu vi trại. Giờ đây, những lực lượng đó đã quá gần với nhân sự thân thiện đến mức pháo binh Thủy quân lục chiến không thể mạo hiểm bắn vào họ.

Lực lượng Đặc biệt (Green Berets) đã yêu cầu Thủy quân lục chiến gửi lực lượng cứu viện, theo các kế hoạch dự phòng đã được phê duyệt trước đó. Đại tá David Lownds, chỉ huy Thủy quân lục chiến tại căn cứ chiến đấu Khe Sanh, đã từ chối. Theo cách ông nhìn nhận, sự hiện diện của lực lượng Bắc Việt lớn giữa Khe Sanh và Lang Vei khiến các tuyến đường bộ trở nên quá nguy hiểm, và những chiếc xe tăng Bắc Việt gây ra mối nguy hiểm quá nghiêm trọng đối với trực thăng. Hơn nữa, việc quân Bắc Việt tiếp tục bắn phá căn cứ Khe Sanh khiến Lownds tin rằng quân Bắc Việt có thể tấn công nó trên mặt đất bất cứ lúc nào. Thiếu tướng Tompkins và chỉ huy Thủy quân lục chiến cấp cao ở quốc gia này, Trung tướng Robert E. Cushman Jr., đều đồng tình với quyết định này.

Trong vài giờ tiếp theo, các khẩu súng không giật 106 mm và súng phóng rocket M - 72 của trại Lang Vei đã đầu tay đôi với những chiếc xe tăng Bắc Việt. Lính bản địa của lực lượng đồn trú chiến đấu dũng cảm, hơn một nửa trong số họ hy sinh khi cố gắng giữ vững trận địa. Nhưng lực lượng tấn công Bắc Việt không thể bị ngăn cản. Quân Bắc Việt đã tràn ngập căn cứ trước khi mặt trời mọc.

Tám người Mỹ trụ lại trong trung tâm tác chiến, vốn được xây dựng dưới lòng đất và bọc bê tông. Sau khi không thành công trong việc cố gắng làm sập trung tâm tác chiến bằng cách đặt một chiếc xe tăng lên trên nó, quân Bắc Việt đã đục phá lớp vỏ bê tông của nó bằng chất nổ và ném lựu đạn vào trục thông hơi của nó. Những người lính Mỹ cố thủ cho đến chiều hôm sau, khi một loạt các đợt ném bom và bắn rocket của máy bay Mỹ cho phép tất cả mọi người, trừ một người bị thương nặng, trốn thoát đến nơi an toàn.⁸³⁹

Sự thất thủ của Lang Vei diễn ra sau nhiều lời khiển trách từ Tướng Westmoreland gửi Tướng Cushman, sĩ quan đã kế nhiệm Tướng Walt làm chỉ huy Thủy quân lục chiến cấp cao tại Việt Nam. Westmoreland và nhân viên của ông trước đó đã chỉ trích Tướng Cushman vì sự thiếu chuẩn bị trong các đơn vị Thủy quân lục chiến

gần DMZ, một vấn đề thể hiện rõ nhất ở số thương vong lớn mà Thủy quân lục chiến phải chịu do không đào công sự đầy đủ. Vào cuối tháng 1, Westmoreland đã trở nên bất mãn với Cushman đến mức ông đã ra lệnh thành lập một ban chỉ huy mới ở các tỉnh phía bắc để thay thế quyền lực của Cushman.⁸⁴⁰ Phó của Westmoreland, Tướng Creighton Abrams, được dự kiến sẽ nắm quyền chỉ huy ban chỉ huy này vào ngày khai trương giữa tháng 2.

Sau khi biết tin thất bại tại Lang Vei, Westmoreland đã bay đến ban chỉ huy của Cushman, tại đây ông nhận được hai giờ báo cáo. Khi hai giờ trôi qua, theo lời kể của chính Westmoreland, ông ngày càng «sốc hơn trước những việc dường như cần phải làm ngay nhưng vẫn còn tồn đọng». Điều đặc biệt chương tai gai mắt đối với Westmoreland là sự không sẵn lòng của lãnh đạo Thủy quân lục chiến trong việc đáp ứng yêu cầu của chỉ huy Lực lượng Đặc biệt tại Lang Vei về lực lượng cứu viện. Bị thuyết phục rằng việc bỏ qua thẩm quyền của Cushman không thể đến sớm hơn, Westmoreland ra lệnh rằng từ nay ông sẽ trực tiếp ra lệnh cho các đơn vị Thủy quân lục chiến.⁸⁴¹

Cuộc tấn công lớn nhất của Cộng sản tại Khe Sanh diễn ra vào ngày 29 tháng 2. Đêm đó, một trung đoàn bộ binh Bắc Việt hành quân về phía căn cứ chiến đấu của Thủy quân lục chiến trong các đường hầm và chiến hào để tấn công vào khu vực mà họ cho là yếu nhất trong chu vi căn cứ, nơi được phòng thủ bởi một đơn vị Biệt động quân Nam Việt Nam. Các cảm biến của Mỹ đã phát hiện chuyển động của những người lính Bắc Việt từ lâu trước khi họ có thể nhìn thấy đối với lực lượng đồn trú. Thông tin thu thập được từ các cảm biến khiến Đại tá Lownds yêu cầu sử dụng những vũ khí nặng nhất chống lại hai trực tiếp cận chính. «Tôi cần một đợt oanh tạc B - 52 NGAY BÂY GIỜ !» ông hét lên qua điện thoại. «Muộn hơn hai tiếng nữa, hãy quên nó đi vì địch sẽ áp sát tôi.»⁸⁴²

Ở phía trước lực lượng tấn công là một đội công binh. Họ lướt qua bóng tối về phía dây kẽm gai phòng thủ, thứ mà họ định phá hủy bằng các bịch chất nổ. Tiếp theo là một tiểu đoàn bộ binh sẽ tràn vào theo sau các công binh. Hai tiểu đoàn còn lại theo sau, sẵn sàng đưa quân tăng viện ồ ạt đến những điểm mà tiểu đoàn đầu tiên đột phá được vào tuyến phòng thủ của Nam Việt Nam.

Nguyễn Văn Tuấn, một người lính bộ binh trong tiểu đoàn Bắc Việt đi đầu, đủ gần các công binh để nhìn thấy họ trong màn đêm đen kịt. Khi các công binh tiếp cận dây kẽm gai, những quả đạn pháo thù địch bay thẳng vào họ. «Những người công binh chết tại rìa chiến hào, vẫn nắm chặt các bịch chất nổ của họ», Tuấn nhớ lại. Độ chính xác của hỏa lực pháo binh Mỹ không còn nghi ngờ gì nữa, quân Bắc Việt đã mất đi yếu tố bất ngờ.

Tiểu đoàn của Tuấn lao lên phía trước về phía dây kẽm gai, tìm cách áp sát những người phòng thủ trước khi pháo binh có thể càn quét họ. Pháo sáng lấp đầy bầu trời, phơi bày vị trí của tiểu đoàn trước các phi công và các nhân viên điều khiển không lực tiền phương của Mỹ. «Ánh sáng chiếu rọi bãi chiến trường khi chúng tôi tấn công vào cái chết chắc chắn», Tuấn nhớ lại. «Chỉ trong chốc lát, máy bay đã ập đến, phun những dòng lửa màu cam vào các chiến hào của chúng tôi. Cuộc tấn công bị đình trệ.»

Các tổ radio của tiểu đoàn đi đầu đã cầu xin quân tăng viện từ các tiểu đoàn phía sau. Những giọng nói ở đầu dây bên kia nghe có vẻ hoảng loạn. Đạn pháo và bom của Mỹ cũng đang nổ giữa những tiểu đoàn đó. Chẳng mấy chốc, các nhân viên vô tuyến từ các tiểu đoàn khác im tiếng, thay vào đó là tiếng nhiễu rỗng tuếch trên máy

thu. Không có sự hỗ trợ từ phía sau, chỉ huy tiêu đoàn đi đầu quyết định thúc quân của mình tiến lên trong một cuộc tấn công khác.

«Cuộc tấn công thứ hai còn tồi tệ hơn nhiều», Tuấn nhớ lại. «Kẻ thù đã khoanh vùng bãi chiến trường bằng tất cả các loại vũ khí có sẵn. Chỉ khi máy bay tấn công thì pháo binh mới ngừng, và sau đó, cứ như phối hợp nhịp nhàng, cái này dừng thì cái kia bắt đầu.»⁸⁴³

Để đáp lại yêu cầu từ Lownds, một nhóm máy bay B - 52 chất đầy bom đã được chuyển hướng từ mục tiêu ban đầu đến Khe Sanh. Bay ở độ cao sáu dặm so với mặt đất, những máy bay ném bom không thể bị nhìn thấy hoặc nghe thấy từ mặt đất. Khi những chiếc B - 52 đến Khe Sanh, pháo binh Mỹ tạm dừng và khoang chứa bom của máy bay mở ra để thả các đợt trọng tải 27 tấn gồm bom 250, 500 và 750 pound. Sau khi rơi xuống trong bốn mươi lăm giây, những quả bom tạo ra các vụ nổ cuốn trôi hầu hết địa hình mà trung đoàn tấn công chiếm giữ. «Đây là lần duy nhất những đứa trẻ trên tuyến đầu nói với tôi rằng chúng thực sự nhìn thấy xác người bị ném lên không trung», Lownds sau này nói.⁸⁴⁴

Một số ít binh lính Bắc Việt đã chạm đến dây kẽm gai ngoài cùng của căn cứ chiến đấu trong cuộc tấn công thứ ba và cuối cùng. Biệt động quân Nam Việt Nam,

được hỗ trợ bởi vũ khí hạng nặng của Mỹ, đã chặn họ lại trước khi họ có thể đến gần các vị trí phòng thủ. Cuối cùng cam chịu thất bại, những gì còn lại của trung đoàn Bắc Việt rút lui.

Theo một lịch sử Bắc Việt, trung đoàn đã mất một nửa quân số của mình vào tối hôm đó.⁸⁴⁵ Con số thương vong thực tế rất có thể còn cao hơn. Đại đội của Tuấn chịu nhiều thương vong đến mức không còn đủ người để lập thành một trung đội duy nhất. Tổng số thương vong của lực lượng đồn trú trong cuộc giao tranh là một Biệt động quân bị thương.

Quân Bắc Việt bắt đầu rút lực lượng khỏi Khe Sanh sau thảm họa này. Trong số những binh lính còn ở lại, tinh thần sa sút. Lịch sử chính thức của một trong những đơn vị vây hãm chính, Sư đoàn 304 QĐNDVN, kể về một sư đoàn mà quyết tâm và kỷ luật đã bị tan vỡ bởi sự kết hợp của thương vong lớn và thành tích tối thiểu. Một tiểu đoàn đã không tuân lệnh từ ban chỉ huy trung đoàn để giải tỏa một vị trí phòng thủ kiên cố. Một tiểu đoàn khác rút khỏi vị trí được phân công mà không thông báo cho ban chỉ huy của mình. Sau khi một đại đội bị từ chối cho phép bỏ rơi một vị trí mà họ cho là nguy hiểm một cách bất thường, chính ủy của đơn vị đã triệu tập một cuộc họp chỉ bộ Đảng Cộng sản và thông

qua một nghị quyết chấp thuận việc rút lui của đơn vị. Sư đoàn 304 đã áp dụng các hình thức kỷ luật đối với 399 người, trong đó có 186 đảng viên. Lịch sử của sư đoàn còn lưu ý thêm rằng «việc thiếu một tinh thần và quyết tâm cao độ, đồng đều và kỷ luật chiến đấu trong toàn sự chia rẽ này cũng được thể hiện qua số lượng các vụ đào ngũ và tự gây thương tích.»⁸⁴⁶

Những điều hâu hàng đầu trong chính quyền Johnson - các Tham mưu trưởng Liên quân, Westmoreland, Bunker, Sharp, và Rostow - đã dành phần lớn tháng Hai thúc giục tổng thống mở một cuộc phản công chiến lược. Họ đề xuất những mục quen thuộc trong thực đơn leo thang : tăng cường ném bom miền Bắc, rải mìn cảng Hải Phòng, và các hoạt động quân sự trên bộ quy mô lớn vào Lào, Campuchia, và miền Nam Bắc Việt. Họ lập luận rằng đủ lượng công chúng Mỹ muốn có thành công quân sự ở Việt Nam để ủng hộ những sáng kiến này.⁸⁴⁷ Đầu tháng Hai, 61% người Mỹ được hỏi cho các nhà thăm dò ý kiến biết rằng họ ủng hộ leo thang quân sự, nhiều hơn một chút so với trước Tết, trong khi 23% thích giảm leo thang. Sự ủng hộ chung cho cuộc chiến đứng ở mức 74%, tăng từ 61% vào tháng Mười Hai.⁸⁴⁸

Johnson không sẵn sàng thực hiện hầu hết các biện pháp này, nhưng ông đã đồng ý tăng cường ném bom miền Bắc. Vào ngày 6 tháng 2, ông giảm bớt các hạn chế đối với Sấm Rền gần Hà Nội và Hải Phòng và cho phép tấn công vào mười bốn mục tiêu vốn bị cấm cho đến lúc đó. Ông cũng cử máy bay đi ném bom các máy bay MIG tại sân bay Phúc Yên.⁸⁴⁹

Tướng Wheeler khuyến khích Westmoreland yêu cầu tăng viện, để tạo điều kiện mở rộng chiến tranh trên bộ ra ngoài phạm vi Nam Việt Nam và buộc Johnson phải gọi lực lượng dự bị nhập ngũ.⁸⁵⁰ Trong câu trả lời ban đầu, Westmoreland nói rằng ông không cần tăng viện. Tuy nhiên, Wheeler đã trở nên quá chán ghét Johnson đến mức sẵn sàng đánh lừa tổng thống về điểm này và xin sự tham gia của Westmoreland trong việc đánh lừa. Sự thúc giục dai dẳng của Wheeler cuối cùng đã khiến Westmoreland gửi một thông điệp chính thức vào ngày 12 tháng 2 nói rằng «Tôi vô cùng cần» quân tăng viện để đẩy lùi kẻ thù.⁸⁵¹

Lời kêu cứu này, trùng hợp với những báo cáo đầy lo ngại của giới truyền thông Mỹ về tình hình ở Việt Nam, đã làm tổng thống dao động. Với một cuộc bầu cử sắp diễn ra vào tháng Mười Một, Johnson ý thức sâu sắc rằng sự nghiệp chính trị của ông sẽ kết thúc

nếu ông từ chối một yêu cầu tăng viện và rồi sau đó là một thất bại thảm khốc. Ông nhiều lần nhắc đến Tướng George McClellan và Tổng thống Abraham Lincoln, lo ngại rằng Westmoreland có thể noi gương McClellan khi cáo buộc rằng tổng thống của ông ta đã không cung cấp những gì cần thiết.⁸⁵²

Cuối tháng Hai, Johnson cử Wheeler đến Nam Việt Nam để thảo luận với Westmoreland về vấn đề tăng viện. Wheeler đã dành thời gian thăm viếng cùng Westmoreland để xây dựng một yêu cầu quân số gồm ba giai đoạn. Lượng bổ sung đầu tiên, tổng cộng 108.000 quân tăng viện, sẽ đến Nam Việt Nam trước ngày 1 tháng 5. Hai lượng bổ sung khác, tổng cộng 97.000, sẽ được chuẩn bị để triển khai sau đó trong năm và, tùy theo tình hình, sẽ hoặc là được gửi đến Việt Nam hoặc được phân về lực lượng dự bị chiến lược đã cạn kiệt của quốc gia. Hai vị tướng đã hình dung ra nhiều tình huống bất ngờ có thể cần đến 97.000 quân này, bao gồm việc mở rộng các hoạt động trên bộ của Hoa Kỳ vào Lào và Campuchia, điều mà Westmoreland tiếp tục ủng hộ.⁸⁵³

Trong báo cáo chuyển đi, Wheeler đã cố gắng thuyết phục Johnson chấp nhận yêu cầu quân số bằng cách miêu tả tình hình ở Việt Nam tồi tệ hơn nhiều so với những gì cả ông và Westmoreland thực sự tin tưởng.

Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân đã «suýt nữa thành công ở một tá nơi», Wheeler khẳng định. «Nói ngắn gọn, đó là một điều suýt soát.» Wheeler cảnh báo rằng Hoa Kỳ có thể phải đối mặt với các cuộc tấn công mới của Cộng sản và rằng nếu không có quân tăng viện của Mỹ, quốc gia này phải «chuẩn bị tinh thần chấp nhận một số thất bại.»⁸⁵⁴ Báo cáo tránh thảo luận về các hoạt động ở Lào và Campuchia cũng như lực lượng dự bị chiến lược, vì, như Westmoreland giải thích sau này, Wheeler «không thấy khả năng nào vào lúc này để thuyết phục [lãnh đạo dân sự] về việc tăng viện dựa trên các hoạt động trong tương lai.» Wheeler thà khai thác «niềm tin vào khủng hoảng của giới lãnh đạo dân sự để lấy được quân, rồi sau đó mới bàn về chiến lược mới.»⁸⁵⁵

Sau khi trở về Washington, Wheeler đến Nhà Trắng để báo cáo Tổng thống Johnson về những điều này và những phát hiện đáng ngại khác. Nếu tổng thống không cho phép bổ sung thêm 205.000 người, Wheeler nói, điều đó sẽ đẩy nhanh «sự sụp đổ của ARVN [Quân lực Việt Nam Cộng hòa].» Hoa Kỳ sẽ bị buộc phải «từ bỏ hai tỉnh phía bắc của Nam Việt Nam.»⁸⁵⁶

Đến cuối buổi báo cáo, Johnson, theo lời của Clark Clifford, «trông lo lắng như tôi chưa từng thấy.»⁸⁵⁷

Chương 14 - Điều hâu và bồ câu

Tháng 3 năm 1968

Một lần nữa Lyndon Johnson buộc phải lựa chọn giữa một số phương án khó chịu, mỗi phương án có khả năng tạo ra nhiều vấn đề như nó giải quyết. Nếu ông chấp nhận đề nghị của Tướng Wheeler về việc bổ sung thêm 205.000 quân, ông sẽ phải tăng thuế hoặc cắt giảm chi tiêu hoặc cả hai, gây tổn hại đến chương trình nghị sự trong nước của ông. Ông cũng sẽ phải gọi lực lượng dự bị nhập ngũ, điều mà ông vẫn thấy kinh tởm như mọi khi, nếu không ông sẽ để cho quân đội Hoa Kỳ không có đủ quân trong các đơn vị dự bị chiến lược thường trực, điều này sẽ chọc tức quân đội và Quốc hội và đặt quốc gia vào nguy cơ cao hơn.

Nếu Johnson không nghe theo lời khuyên của Wheeler về 205.000 quân, ông sẽ phải hứng chịu chỉ trích mới vì phớt lờ giới lãnh đạo quân sự. Số đông người Mỹ muốn trừng phạt kẻ thù vì cuộc tấn công bất ngờ đầy gian trá sẽ cảm thấy tổng thống đã làm họ thất vọng. Và, theo các tướng lĩnh, quân đội Hoa Kỳ có thể phải chịu những thất bại mà sau đó sẽ bị đổ lỗi cho tổng tư lệnh.

Trong những năm trước, Lyndon Johnson đã tìm đến Robert McNamara khi Việt Nam đã làm ông vướng vào một tình thế khó khăn như vậy. McNamara lẽ ra đã hăng hái vạch ra một kế hoạch để hạn chế rủi ro cho tổng thống và ngăn chặn sự bất mãn của phe điều hâu và bồ câu không sôi trào. Giờ đây McNamara đã ra đi, và vào vị trí của ông vừa bước vào Clark Clifford, người không sở hữu sự am hiểu tường tận về Việt Nam như người tiền nhiệm. Để bù đắp cho sự thiếu hiểu biết này, Johnson yêu cầu Clifford tổ chức một cuộc rà soát chính sách của Mỹ bởi các chuyên gia, vốn sau đó sẽ làm cơ sở cho việc trả lời đề nghị của Wheeler.

Là một người bạn lâu năm của Johnson, Clifford trong những năm qua liên tục bày tỏ sự ủng hộ đối với các chính sách Việt Nam của tổng thống, và ông được xem là một người có phần thiên điều hâu. Tuy nhiên, trong tháng Hai, Clifford đã trở nên hoài nghi về cuộc chiến, một sự thật dường như đã thoát khỏi sự chú ý của Johnson. Clifford đã chấp nhận quan điểm của giới truyền thông và một số thành phần trong cơ quan tình báo rằng Tết Mậu Thân đã cho thấy kẻ thù mạnh hơn so với những gì từng tin trước đây và do đó đã làm mất uy tín những tuyên bố về tiến bộ quân sự của Mỹ.⁸⁵⁸ Vào thời điểm niềm tin kiên định theo đuổi đến cùng của Tổng thống Johnson đang cứng rắn hơn, vị bộ trưởng

quốc phòng mới của ông lại đang trở nên mềm mỏng.

Trong việc tập hợp một lực lượng đặc nhiệm để đánh giá các lựa chọn chính sách, Clifford tạo ấn tượng là có một tâm trí cởi mở, một ấn tượng mà ông củng cố trong một bài báo *Foreign Affairs* năm 1969.⁸⁵⁹ Tuy nhiên, trong một hồi ký xuất bản năm 1991, Clifford kể một câu chuyện khác, trong đó ông đã quyết định sẵn về ít nhất một trong những vấn đề then chốt : quân tăng viện. Vào thời điểm này, ông viết, ông «đã hoàn toàn phản đối yêu cầu thêm quân.»⁸⁶⁰ Việc làm đẩy lên nghi ngờ thêm về những tuyên bố cởi mở của ông là quyết định ngay lập tức đứng về phe phái ôn hòa (bò câu) trong chính quyền Johnson và trao quyền cho họ soạn thảo một báo cáo chỉ trong vòng hai ngày và một báo cáo cuối cùng hai ngày sau đó.

Thành viên phe bò câu có ảnh hưởng nhất đến Clifford là Paul C. Warnke, trợ lý bộ trưởng quốc phòng phụ trách các vấn đề an ninh quốc tế. Theo một thành viên bò câu hàng đầu khác, Townsend Hoopes, Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân đã thuyết phục Warnke rằng chiến lược quân sự của Westmoreland là «ngu ngốc đến mức điên rồ.»⁸⁶¹ Warnke và các thành viên bò câu khác phản đối việc tăng cường quân số Mỹ, tăng cường Sấm Rền, và mở rộng chiến tranh về mặt địa lý. Những biện

pháp này, họ tin, sẽ không cho phép Hoa Kỳ để thắng cuộc chiến và sẽ không được công chúng Mỹ ủng hộ.⁸⁶²

Trong bản dự thảo sơ bộ báo cáo của mình, lực lượng đặc nhiệm bày tỏ sự phản đối việc leo thang dưới bất kỳ hình thức nào. Như một giải pháp thay thế chiến lược, họ đề xuất chuyển trọng tâm của quân đội Mỹ từ việc tiêu diệt lực lượng địch sang bảo vệ các khu vực đông dân cư.⁸⁶³ Nhưng bằng cách đi sâu vào các chi tiết cụ thể của chiến lược quân sự, họ đã chọc giận các tướng lĩnh, khiến họ phản ứng lại ngay lập tức. Trong một câu trả lời gay gắt đối với đề xuất của lực lượng đặc nhiệm, Tướng Wheeler lập luận rằng việc rút lực lượng Mỹ về các vùng đông dân sẽ mời gọi các cuộc tấn công quy mô lớn của Bắc Việt vào các thị trấn và thành phố, những nguồn lực chính yếu của chính phủ.⁸⁶⁴

Westmoreland đã đưa ra lập luận này một cách thuyết phục kể từ năm 1965, và nó đã được xác nhận thêm bởi các sự kiện Tết Mậu Thân. Tại Huế, quân đội Bắc Việt đã chứng minh rằng họ có thể gây ra sự tàn phá cho tận các vùng ven biển nếu họ có được sự tiếp cận không bị cản trở vào các vùng nông thôn giữa biên giới quốc gia và các căn cứ của nó. Trong khoảng không giữa Lào và Huế, các lực lượng Bắc Việt đã bố trí đủ các đơn vị lớn, vũ khí hạng nặng và tiếp tế để tấn công và

tràn ngập một trong những thành phố quan trọng nhất của Nam Việt Nam. Nếu quân Bắc Việt được phép thực hiện thêm nhiều cuộc tấn công như vậy, lực lượng Mỹ sẽ phải phát động các cuộc phản công mà sẽ tàn phá các thành phố mục tiêu, như Huế đã bị tàn phá. Các hoạt động khởi đầu của Cộng sản trong phần còn lại của đất nước trong Tết Mậu Thân đã nhanh chóng thất bại vì, trong số những lý do khác, quân Bắc Việt không có các khu vực tập kết lớn gần bất kỳ thành phố nào ngoài Huế nhờ vào các hoạt động của Mỹ đã đẩy các lực lượng lớn của Bắc Việt ra khỏi các khu vực căn cứ như Vạn Tường, Thung lũng Ia Drang, Đồng bằng Bồng Sơn, Thung lũng Ngan, Tam Giác Sắt, và cao nguyên Pleiku.

Sự phản đối của Wheeler buộc Clifford phải sửa đổi lớn tài liệu.

Clifford có thể đã bị thuyết phục ở một mức độ nào đó bởi các lập luận của Wheeler, mặc dù trong hồi ký của mình, ông chỉ nói rằng ông đã chấp thuận vì «chỉ sau bốn ngày ở Lầu Năm Góc, tôi chưa sẵn sàng để đương đầu với sức nặng tập thể của Rusk, các Tham mưu trưởng Liên quân, Westmoreland, và Rostow.»⁸⁶⁵ Trong bản ghi nhớ đã sửa đổi, lực lượng đặc nhiệm phần lớn tránh chủ đề về chiến lược quân sự tổng thể, vốn được cho là cần được nghiên cứu thêm.⁸⁶⁶

Cùng vào thời điểm này, Johnson đang nhận được thông tin cho thấy rằng cuộc chiến đang chuyển biến theo hướng có lợi cho Mỹ. Các đoàn quân Bắc Việt đã bị đánh đuổi khỏi Huế và đang rút lui khỏi Khe Sanh. Dữ liệu tích cực từ quân đội Mỹ về tình hình ở thành thị và nông thôn bắt đầu lấn át các báo cáo tiêu cực từ giới báo chí và CIA.

Vào ngày 7 tháng 3, tờ New York Times trích dẫn một «phát ngôn viên quân sự cấp cao» tại Sài Gòn nói rằng phe Cộng sản đã phải chịu thiệt hại khủng khiếp trong đợt tấn công và đã lãng phí năng lực của họ cho các hoạt động tấn công quy mô lớn.⁸⁶⁷ Phát ngôn viên đó chính là Westmoreland. Ông đã đưa ra nhận xét đó để truyền cảm hứng cho người Nam Việt Nam, nhưng nó có tác dụng phụ là làm giảm bớt cảm giác về một thảm họa sắp xảy ra mà Wheeler muốn sử dụng để kích động Johnson.⁸⁶⁸ Chỉ một tuyên bố duy nhất của Westmoreland có lẽ đã gây tổn hại cho đề xuất tăng quân nhiều hơn tất cả những tiếng kêu than ảm đạm trong nhiều tháng của phe bô câu. Hai ngày sau khi bài báo được in, một Wheeler chán nản thông báo cho Westmoreland rằng ông không thể tập hợp đủ sự ủng hộ ở Washington cho việc tăng viện.⁸⁶⁹ Johnson cuối cùng sẽ chỉ bổ sung thêm 13.500 quân vào tổng số quân ở Việt Nam.

Nếu như tình hình sáng sủa hơn ở Nam Việt Nam và việc không cần tăng quân làm dịu đi nỗi lo âu của Johnson, thì sự nhẹ nhõm đó đã không kéo dài lâu. Cuộc bầu cử sơ bộ tổng thống ở New Hampshire, được tổ chức vào ngày 12 tháng 3, đã cho các đối thủ của ông trong Đảng Dân chủ một cơ hội để làm tổn thương ông trước một khán đài toàn cầu. Được ghi tên trên lá phiếu của Đảng Dân chủ là một thượng nghị sĩ ít được biết đến và lập dị đến từ Minnesota, Eugene McCarthy. Tên của Lyndon Johnson không được ghi trên lá phiếu vì tổng thống chưa chính thức tuyên bố ứng cử, nhưng những người ủng hộ ông đã sắp xếp một nỗ lực vận động bầu cử bằng cách viết tay.

Tối hôm đó, các quan chức bầu cử thông báo rằng Johnson đã đánh bại McCarthy với cách biệt chỉ ba trăm phiếu. Trong giới trí thức, kết quả được diễn giải như bằng chứng cho thấy sự phản đối ngày càng tăng đối với chiến tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên, phân tích sau này sẽ tiết lộ rằng đa số cử tri bỏ phiếu cho McCarthy đã mô tả bản thân là điều hòa và không biết đến lập trường chống chiến tranh của McCarthy, người đã vận động tranh cử ở New Hampshire dựa trên sự phản đối Johnson hơn là phản đối chiến tranh. Phiếu bầu của họ là một lá phiếu phản đối Johnson vì đã từ chối sử dụng thêm sức mạnh quân sự của Mỹ ở Việt Nam.⁸⁷⁰ Nhưng

dù các cử tri nghĩ Johnson đã đi quá xa ở Việt Nam hay chưa đi đủ xa, thực tế bao trùm đối với Johnson là họ phản đối ông.

Một lưỡi dao chính trị còn sắc bén hơn sắp đâm vào Johnson, dưới hình thức một tối hậu thư từ Robert F. Kennedy. Báo chí Mỹ tràn ngập những đồn đoán rằng Thượng nghị sĩ Kennedy sẽ tham gia bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ để thách thức Johnson cho đề cử tổng thống, sử dụng chỉ trích của ông về chính sách Việt Nam của Johnson để thu hút những người tự do ly khai khỏi đương kim tổng thống. Vào ngày 14 tháng 3, Kennedy đích thân đưa ra tối hậu thư cho Bộ trưởng Quốc phòng Clifford. Ông nói với Clifford rằng Johnson phải công khai thừa nhận sự sai lầm trong những nỗ lực của mình ở Việt Nam và tổ chức một ủy ban để vạch ra một chiến lược mới. Về thành viên của ủy ban, Kennedy đề xuất chính ông và một danh sách các nhân vật quan trọng về an ninh quốc gia, hầu hết trong số họ là những người thuộc phe bỏ câu đã được biết đến. Nếu Johnson từ chối những yêu cầu này, Kennedy sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tuyên bố mình là ứng cử viên tổng thống để giải cứu nước Mỹ khỏi thảm họa.⁸⁷¹

Johnson, và có lẽ cả Kennedy, biết rằng không tổng thống nào có thể chấp nhận tự vả vào mặt mình theo cách này hoặc giao chính sách đối ngoại của mình cho một ủy ban. Tổng thống đã thắng thừng bác bỏ tối hậu thư.

Hai ngày sau, Kennedy tuyên bố ứng cử tổng thống. Là người em trai đầy sức hút của một vị tổng thống đã tử vì đạo, ông đã tạo ra một thách thức đáng gờm hơn nhiều đối với Johnson so với McCarthy. Trong khi McCarthy có thể giành được sự ủng hộ của những người tự do trong giới truyền thông và Quốc hội, thì những người tự do đó được kỳ vọng sẽ ủng hộ Kennedy nếu được lựa chọn giữa Kennedy và Lyndon Johnson.

Vào ngày 22 tháng 3, sự chú ý của Nhà Trắng chuyển hướng sang Khe Sanh một lần cuối cùng. Một số lượng pháo howitzer của Cộng sản bất thường lớn đồng loạt khai hỏa vào Khe Sanh, và các cảm biến của Mỹ phát hiện sự di chuyển của các đội hình bộ binh Bắc Việt về phía căn cứ chiến đấu. Pháo binh và máy bay ném bom B - 52 của Mỹ đã tấn công nhanh chóng và dứt khoát. Bất kỳ lực lượng Bắc Việt nào sống sót sau cuộc oanh tạc này đều không thể hoặc không muốn xông vào căn cứ. Sự kiện này đánh dấu sự kết thúc của các hoạt động tấn công nghiêm trọng tại Khe Sanh, và kết thúc giặc

mơ Điện Biên Phủ thứ hai của Hà Nội.

Trận chiến Khe Sanh đã diễn ra phần lớn như Westmoreland dự định. Lực lượng Mỹ đã làm tê liệt nhiều sư đoàn Bắc Việt với cái giá thấp cho chính họ. Ước tính của Mỹ đưa ra con số quân Bắc Việt thiệt mạng vào khoảng từ mười đến mười lăm nghìn, một đánh giá được hỗ trợ bởi các tài liệu thu được và lời khai của các nhân chứng Bắc Việt. Chưa đến năm trăm Thủy quân lục chiến Mỹ thiệt mạng trong suốt cuộc chiến.⁸⁷² Mặc dù ít người biết điều đó vào lúc này, thế giới vừa chứng kiến trận chiến đầu tiên của kỷ nguyên cảm biến và dấu hiệu đầu tiên cho thấy công nghệ mới sẽ thay đổi cuộc chiến tranh trong những thập kỷ tới.

Giao tranh ác liệt sẽ còn tiếp diễn ở các khu vực khác của Nam Việt Nam rất lâu sau khi làn sóng Cộng sản đã rút khỏi các thành phố và Khe Sanh. Để dự phòng cho nhu cầu củng cố những thành công của Tết Mậu Thân, Hà Nội đã tiếp tục gửi người xâm nhập với tốc độ nhanh, với 13.752 người vào Nam trong tháng 2 và 23.477 trong tháng 3.⁸⁷³ Khi các đơn vị Mỹ và Nam Việt Nam đẩy mạnh từ các trung tâm dân cư, họ thấy kẻ thù bất thường trong việc sẵn sàng đứng lại và chiến đấu, dẫn đến thương vong bất thường nặng nề cho cả hai phe.⁸⁷⁴

Màn thể hiện tốt một cách đáng ngạc nhiên của lực lượng vũ trang Nam Việt Nam trong

Tết Mậu Thân được tiếp nối bằng sự cải thiện thêm trong tháng 3. Những tội ác của Cộng sản ở Huế và những nơi khác đã cho người Nam Việt Nam thấy rõ những gì phe Cộng sản dự định nếu họ chiến thắng. Sự nhận thức này đã tiếp thêm sinh lực cho một số nhà lãnh đạo vốn trước đây kém cỏi và cho phép Thiệu sa thải những ai không được tiếp thêm đủ sinh lực.⁸⁷⁵ Trong tháng 3, số tử vong trong chiến đấu của Nam Việt Nam vượt quá 2.500, cao hơn nhiều so với con số của Mỹ là 1.543 và thấp hơn nhiều so với tổng số ước tính của Cộng sản là 17.371.⁸⁷⁶

Một ngoại lệ đáng kể đối với xu hướng hiếu chiến đang tiếp diễn của Cộng sản là Tiểu đoàn 48 Địa phương, theo tình báo Mỹ thì đang hoạt động ở tỉnh Quảng Ngãi trong tháng 3. Các cuộc tuần tra của Mỹ đi tìm kiếm tiểu đoàn này hiếm khi tìm thấy dấu vết của kẻ thù ngoại trừ mìn và bẫy mìn, thứ gây ra tổn thất đáng kể cho quân Mỹ. Làm tăng thêm sự thất vọng của người Mỹ là việc dân làng địa phương không sẵn sàng tiết lộ vị trí của những thiết bị chết người này.

Vô số đơn vị Mỹ đã trải qua nỗi đau đớn tương tự vào những thời điểm khác và những nơi khác ở Nam Việt Nam và đã cảm thấy sự phần nộ tương tự trước sự đồng lõa dường như của dân thường. Đôi khi, người Mỹ đã trút giận lên thường dân bằng các hành vi bạo lực từ đâm đá đến bắn súng. Nhưng kỷ luật quân đội, được các sĩ quan thực thi, thường ngăn chặn được việc trút cơn thịnh nộ bạo lực lên thường dân và đảm bảo rằng nó chưa bao giờ xảy ra trên quy mô lớn. Tuy nhiên, sự lãnh đạo cơ bản như vậy đã vắng mặt khi Tiểu đoàn 1, Trung đoàn Bộ binh 20 đi tìm kiếm Tiểu đoàn 48 Địa phương vào ngày 16 tháng 3.⁸⁷⁷

Sáng hôm đó, theo các báo cáo tình báo Mỹ, tiểu đoàn địch đóng tại các thôn Mỹ Lai 4 và Mỹ Khe 4. Trung tá Frank Barker, chỉ huy chiến dịch, đã thông báo cho các sĩ quan dưới quyền tối hôm trước rằng dân thường sẽ rời khỏi các thôn này để đi chợ hàng tuần trước 0700, trước khi người Mỹ dự định đến. Do đó, bất kỳ ai được tìm thấy trong làng, đều có thể bị coi là địch. Những người lính Mỹ, Barker nói, phải phá hủy nhà cửa, mùa màng, và gia súc, bởi vì các thôn này cung cấp lương thực cho kẻ thù và cấu thành một căn cứ địch. Ông không trực tiếp nói rằng binh lính của mình nên giết bất kỳ ai tìm thấy trong làng, và cái chết của ông trong một vụ tai nạn trực thăng vào tháng 6 năm 1968 sẽ ngăn cản

các điều tra viên sau này hỏi ông liệu ông có ý định ra lệnh tàn sát hàng loạt thường dân hay không. Một số sĩ quan có mặt sau đó nói rằng họ đã diễn giải lời của ông có nghĩa là họ được phép giết bất cứ ai họ tìm thấy, nhưng những người khác khẳng định rằng Barker đã không ngụ ý gì như vậy.

Trung đội 1 của đại đội Charlie, dưới quyền chỉ huy của Trung úy William H. Calley Jr., đổ bộ bằng trực thăng lúc 0730 sáng ngày 16 tháng 3. Các phi công trực thăng phát hiện một số ít người đàn ông Việt Nam cầm vũ khí chạy trốn và đã nổ súng vào họ. Tiếng súng rền vang khiến những người Mỹ khác tin rằng Tiểu đoàn 48 Địa phương đang có mặt và do đó, rất có thể một số lượng lớn chiến binh địch sẽ xuất hiện bất cứ lúc nào.

Việc giết hại dân thường bắt đầu bằng vụ bắn chết một vài người lớn xuất hiện trong tầm nhìn của trung đội Trung úy Calley và bị cho là thành viên hoặc người ủng hộ Tiểu đoàn 48 Địa phương. Nó có lẽ đã kết thúc ở đó nếu các sĩ quan hiện trường thông báo cho binh lính rằng họ đã tìm thấy phụ nữ và trẻ em không vũ trang và nhắc nhở họ tránh gây hại cho thường dân, như các sĩ quan Mỹ đã thường làm trong quá khứ. Thay vào đó, Calley ra lệnh cho trung đội của mình giết những nhóm lớn phụ nữ, trẻ em và đàn ông lớn tuổi mà họ tìm thấy

trong hai thôn. Hai chỉ huy trung đội khác, Trung úy Stephen Brooks và Trung úy Thomas Willingham, đã làm theo gương của Calley. Một số binh lính háo hức tham gia ; những người khác do dự và chỉ tham gia khi có lệnh ; số khác từ chối tham gia vào các vụ giết người. Người Mỹ đã giết khoảng từ 347 đến 504 thường dân và cưỡng hiếp khoảng hai mươi phụ nữ và trẻ em gái.

Warrant Officer Hugh Thompson Jr., đang bay trên cao trong một máy bay trực thăng trinh sát OH - 23 Raven, đã trông thấy cảnh tàn sát vào khoảng 9:15 sáng. Kinh hoàng trước hành vi của những người đồng hương Mỹ, anh đã hạ cánh trực thăng để giải cứu một số thường dân đã bị bắn nhưng vẫn còn sống. Khi trở về trụ sở đại đội lúc 11:00 sáng, Thompson báo cáo các vụ nổ súng hàng loạt vào thường dân vũ trang cho chỉ huy của mình, người này sau đó chuyển báo cáo lên chuỗi chỉ huy. Khi báo cáo của phi công đến tay Trung tá Barker, người chỉ huy đã ra lệnh cho các sĩ quan của mình ngừng bắn. Ngay khi các chỉ huy trung đội chuyển lệnh cho binh lính của họ, những tội ác đã chấm dứt.

Tin tức về vụ thảm sát nhanh chóng lan truyền khắp Sư đoàn Americal, sư đoàn chủ quản của tiểu đoàn Barker. Chỉ huy Sư đoàn Americal, Thiếu tướng Samuel W. Koster, đã chỉ thị cho cấp dưới điều tra vụ việc. Trong

khi hầu hết các sĩ quan được biết về cuộc điều tra không tán thành các vụ giết chóc, một số người trong số họ lo ngại rằng việc thừa nhận những gì đã xảy ra có thể làm suy yếu nỗ lực chiến tranh rộng lớn hơn của Mỹ hoặc có thể phá hủy sự nghiệp của họ hoặc của các sĩ quan ở cấp cao hơn. Trong báo cáo cuối cùng, các sĩ quan điều tra tuyên bố rằng không có thường dân nào bị cố ý giết, mặc dù khoảng hai mươi người có thể đã vô tình lọt vào làn đạn chéo giữa lực lượng Mỹ và lực lượng thù địch. Những người Mỹ khác biết về vụ thảm sát im lặng vì sợ bị trả thù bởi các nhà chức trách cấp cao hoặc sợ kẻ thù lợi dụng sự kiện này. Tội ác sẽ vẫn là bí mật trong năm tiếp theo.⁸⁷⁸

Từ ngày 29 tháng 1 đến ngày 31 tháng 3 năm 1968, lực lượng Cộng sản đã giết khoảng 3.700 quân Mỹ và 7.600 quân Nam Việt Nam.⁸⁷⁹ Khi làm như vậy, họ phải chịu tổn thất, theo ước tính của người Mỹ, là hơn 54.000 người chết.⁸⁸⁰ Hàng ngàn người khác đã đào ngũ sang phe Nam Việt Nam sau khi hy vọng về một chiến thắng nhanh chóng và vẻ vang của họ bị tan vỡ.⁸⁸¹ Tổn thất đặc biệt nặng nề trong số các cán bộ đô thị bí mật, những người đã bị lộ danh tính khi họ cố gắng tổ chức các cuộc nổi dậy của quần chúng, và các du kích và cán bộ chính trị làng, những người đã đổ xô đến các thị trấn và thành phố để tham gia vào cuộc tấn công.⁸⁸²

Khi lực lượng Nam Việt Nam bắt đầu trở lại nông thôn vào tháng 3 để khẳng định lại quyền lực của chính phủ, họ thường thấy rằng những người Cộng sản không còn ai để chống lại họ. Những người đã tổ chức các cuộc họp chính trị, chém đầu các quan chức chính phủ và kiểm soát dân cư nông thôn đã bị giết hoặc bị bắt trong các cuộc nổi dậy thất bại. Khả năng tuyển mộ thanh niên Nam Việt Nam nông thôn của Hà Nội, vốn đã suy giảm mạnh vào năm 1967, đã phải chịu một đòn giáng không thể khắc phục.⁸⁸³

Cả quy mô lẫn hàm ý của những tổn thất của Hà Nội đều không được đánh giá đầy đủ ở Washington vào cuối tháng Ba. Mặc dù nỗi sợ hãi về một thất bại khổng lồ của Mỹ đã nguôi ngoai, ít người trong Nhà Trắng nhận thấy sự khởi đầu của một bước ngoặt chiến lược ở Việt Nam. Thay vào đó, họ dự đoán sự dai dẳng của bế tắc đẫm máu, như Walter Cronkite đã mô tả. Nếu cuộc chiến tiếp tục diễn ra như trước, Lyndon Johnson biết, nó sẽ tạo thuận lợi cho Eugene McCarthy, Robert F. Kennedy, ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng hòa, và bất kỳ ai khác hứa hẹn với người dân Mỹ một cách tiếp cận mới và cải thiện đối với Việt Nam.

Như đã làm nhiều lần với McNamara, Johnson gọi điện cho Clifford vào cuối tháng Ba để thảo luận về giải

pháp tốt nhất cho tình trạng bế tắc hiện tại. «Tôi nghĩ điều chúng ta phải làm», tổng thống nói với bộ trưởng quốc phòng mới của mình, «là thoát khỏi tư thế chỉ là ứng cử viên chiến tranh mà McCarthy đã đặt chúng ta vào và Bobby đang đặt chúng ta vào, lũ trẻ đang đặt chúng ta vào và các tờ báo đang đặt chúng ta vào.» Đưa ra các nguyên tắc chiến lược chung của mình, Johnson nói, «Tay phải của chúng ta đang tấn công vào quai hàm của họ bằng một cuộc tấn công trên mặt trận chiến tranh, nhưng chúng ta cũng nên có một mặt trận hòa bình đồng thời và sử dụng cả hai nắm đấm - không chỉ một, không chiến đấu với một tay sau lưng, để chúng ta có thể nói chúng ta là ứng cử viên hòa bình - nhưng chúng ta là ứng cử viên hòa bình đích thực. Chúng ta không phải là thứ hòa bình kiểu Chamberlain - chúng ta là thứ hòa bình kiểu Churchill.»

Đối với nắm đấm hòa bình, Johnson nảy ra ý tưởng tạm dừng ném bom ở Hà Nội và Hải Phòng trong một đợt thời tiết xấu sắp tới. Nó cần phải là «một điều gì đó sẽ không làm tổn hại nghiêm trọng đến quân của chúng ta», Johnson giải thích. «Chúng ta sẽ không có được những con chim bồ câu này, nhưng chúng ta có thể trung lập hóa đất nước đến mức nó sẽ không theo họ nếu chúng ta có thể nghĩ ra một điều gì đó.»

«Vâng, đúng vậy», Clifford trả lời. «Tôi nghĩ Ngài đã chỉ đúng trọng tâm. Chúng ta đang ở trong một tư thế mà Kennedy và McCarthy là các ứng cử viên hòa bình và Tổng thống Johnson là ứng cử viên chiến tranh. Bây giờ chúng ta phải tránh xa điều đó và chúng ta có thể làm được.»⁸⁸⁴

Để hỗ trợ cho năm đầm hòa bình, Clifford đã tập hợp một nhóm «Những Người Khôn Ngoan» (Wise Men), tương tự như nhóm đã họp vào mùa thu năm 1967, vào ngày 25 và 26 tháng 3. Thể hiện sự ưa thích âm mưu giống như McNamara, Clifford đã thay đổi thành phần của nhóm để đảm bảo đa số ủng hộ cho kết quả mà ông muốn. Ông bổ sung vào nhóm năm 1967 ba cá nhân phản đối leo thang điều hậu - Arthur Goldberg, Cyrus Vance và Tướng Matthew Ridgway.

Vào ngày đầu tiên, các Nhà Khôn Ngoan đã được nghe báo cáo từ Philip Habib của Bộ Ngoại giao, Thiếu tướng William DePuy của Bộ Quốc phòng và George Carver của CIA. Người báo cáo mạnh mẽ nhất là Habib, người đã mô tả chính phủ và quân đội Nam Việt Nam một cách ảm đạm. Ông nói, người Nam Việt Nam hiện nay quá yếu, có thể mất từ năm đến mười năm nỗ lực của Mỹ để họ có thể đứng vững. Để trả lời một câu hỏi về chính sách của Mỹ, Habib khuyên rằng Hoa Kỳ nên

«ngừng ném bom và đàm phán». ⁸⁸⁵

Quan điểm của Đại sứ Bunker dường như đã không được chuyển đến các Nhà Khôn Ngoan. Bunker gần đây đã bày tỏ sự phản đối việc ngừng ném bom, cảnh báo rằng điều đó sẽ gây nguy hiểm cho tính hung hãn mới tìm thấy của các lực lượng Nam Việt Nam và «đảo ngược xu hướng ý kiến thuận lợi ở các khu vực đô thị». Trong trường hợp tạm dừng, Bunker tin rằng, người Bắc Việt «có thể kết luận rằng tình hình ở Nam Việt Nam đã bị lung lay nhiều hơn so với những gì họ probably nghĩ bây giờ và rằng ở Mỹ, quyết tâm của chúng ta đối với Việt Nam đã bị suy yếu». ⁸⁸⁶

Các Nhà Khôn Ngoan đã nghe từ Tướng Creighton Abrams, phó của Westmoreland, vào ngày hôm sau. Johnson vừa chọn Abrams thay thế Westmoreland làm chỉ huy lực lượng Mỹ tại Việt Nam. Johnson đã đưa ra quyết định này không phải vì không hài lòng với Westmoreland hoặc chiến lược của ông ta, như đã được suy đoán trên các phương tiện truyền thông, mà bởi vì ông đã lên kế hoạch từ tháng 11 để luân chuyển Westmoreland về nước sau một chuyến công tác dài bất thường. ⁸⁸⁷

Vừa bay từ Sài Gòn về, Abrams đã gặp Tổng thống Johnson và Tướng Wheeler vào sáng ngày 26 tháng 3 để chuẩn bị cho cuộc họp. Trong buổi họp, tổng thống thúc giục hai vị tướng nói với các Nhà Khôn Ngoan về những thành tích tích cực của lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam trong hai tháng qua. «Tôi muốn các anh nói với họ tất cả những điều đó là sự thật», Johnson nói. «Nếu các anh là quân nhân mà cũng ử rữ và bi quan như những dân thường thì các anh đã đầu hàng rồi.»⁸⁸⁸

Phát biểu với các Nhà Khôn Ngoan vào buổi chiều, Abrams và Wheeler khẳng định rằng người Bắc Việt đang choáng váng trước những đòn đánh của các lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam hiệu quả cao. Được hỏi về sự tiến bộ của quân đội Nam Việt Nam so với lực lượng vũ trang Hàn Quốc trong Chiến tranh Triều Tiên, Abrams trả lời, «Người Hàn Quốc cũng có vấn đề tương tự là vừa xây dựng quân đội vừa chiến đấu. Tôi sẽ nói là người Việt Nam đang làm tốt nếu không muốn nói là tốt hơn người Hàn Quốc.» Khi được hỏi liệu người Nam Việt Nam có thể bắt đầu đảm nhận nhiều hơn phần chiến tranh sau một thời gian mở rộng hay không, Abrams trả lời khẳng định. «Tôi sẽ phải bỏ việc nếu tôi không tin điều đó», ông khẳng định.⁸⁸⁹

Vào cuối cuộc họp kín, sáu trong số các Nhà Khôn Ngoan đồng tình với quan điểm rằng «chúng ta không còn có thể làm được công việc mà chúng ta đặt ra trong thời gian còn lại và chúng ta phải bắt đầu thực hiện các bước để rút lui.» Thích bản mô tả tình hình của Habib hơn của Abrams, họ kết luận rằng triển vọng ở Nam Việt Nam quá xấu đến nỗi cuộc chiến không thể xoay chuyển được trừ khi có những cam kết về thời gian và tài nguyên quá mức của Mỹ. Tuy nhiên, những thay đổi mà các Nhà Khôn Ngoan này đồng ý chỉ dừng lại ở các biện pháp mà Johnson và Clifford đã định thực hiện : giới hạn mức quân Mỹ, thực hiện lệnh ngừng ném bom và thúc đẩy đàm phán. Điều mà Hoa Kỳ nên làm nếu các cuộc đàm phán không đem lại điều gì đó tốt hơn việc đầu hàng người Bắc Việt đã không được nói ra. Bốn Nhà Khôn Ngoan giữ lập trường điều hòa, phản đối việc ngừng ném bom và thúc giục tổng thống nghe theo lời khuyên của các tướng lĩnh của mình. Họ lập luận rằng, người dân Mỹ có thể được tập hợp để ủng hộ các hoạt động quân sự tiếp theo đủ lâu để đạt được một kết quả thỏa đáng. Hai Nhà Khôn Ngoan còn lại ủng hộ một lập trường trung gian giữa phe bỏ câu và điều hòa.

Sau khi đã nhận được sự ủng hộ của đa số các Nhà Khôn Ngoan cho năm đảm hòa bình, Johnson tiếp theo đã có một bài phát biểu truyền hình đến quốc dân vào tối ngày 31. Từ Văn phòng Bầu dục, với một tấm rèm màu kem đơn giản phía sau, tổng thống nói chuyện với người dân Mỹ bằng một giọng điệu trầm tư. Ông bắt đầu bằng cách kể lại những nỗ lực trước đây của mình để đạt được hòa bình ở Việt Nam và những sự từ chối lập đi lập lại của Hà Nội. Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân là «một cuộc tấn công tàn bạo vào nhân dân, chính phủ và các đồng minh của Nam Việt Nam», ông nói, và đã không tạo ra được một cuộc nổi dậy của quần chúng hay sự sụp đổ của chính phủ Nam Việt Nam. Các cuộc tấn công tiếp theo của Bắc Việt cũng sẽ kết thúc trong thất bại.

Để khuyến khích Hà Nội đàm phán chấm dứt đổ máu vô nghĩa, tổng thống tiếp tục, ông đã quyết định ngừng các cuộc không kích Sấm Rền ngoại trừ ở các khu vực cực nam của Bắc Việt Nam. «Chúng tôi yêu cầu các cuộc đàm phán bắt đầu ngay lập tức, đó phải là những cuộc đàm phán nghiêm túc về bản chất của hòa bình», ông nói bằng giọng kéo dài Texas. «Chúng tôi cho rằng trong những cuộc đàm phán đó, Hà Nội sẽ không lợi dụng sự hạn chế của chúng ta.»

Johnson nói rõ rằng ông sẽ ủng hộ chính phủ Nam Việt Nam, mà những cải thiện gần đây của họ được ông ca ngợi. «Hoa Kỳ», tổng thống nói, «sẽ không bao giờ chấp nhận một giải pháp giả tạo cho cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ này và gọi đó là hòa bình.» Ông thề sẽ duy trì áp lực quân sự lên người Bắc Việt khi cần thiết, khẳng định rằng «nếu hòa bình không đến ngay bây giờ thông qua đàm phán, nó sẽ đến khi Hà Nội hiểu rằng quyết tâm chung của chúng ta là không thể lay chuyển và sức mạnh chung của chúng ta là bất khả chiến bại.»

Vào cuối bài phát biểu, Johnson đọc một phần bản tin teletype đã được chèn vào phút cuối mà hầu hết nhân viên của ông không biết. «Tôi đã kết luận rằng tôi không nên cho phép chức vụ Tổng thống bị lôi kéo vào những sự chia rẽ phe phái đang phát triển trong năm chính trị này», ông tuyên bố. «Với những người con trai của nước Mỹ đang ở những chiến trường xa xôi, với tương lai của nước Mỹ đang bị thách thức ngay tại đây trong nước, với những hy vọng của chúng ta và hy vọng của thế giới về hòa bình đang trong thế cân bằng mỗi ngày, tôi không tin rằng mình nên dành một giờ hay một ngày thời gian của mình cho bất kỳ mục đích phe phái cá nhân nào hay cho bất kỳ nhiệm vụ nào khác ngoài những nhiệm vụ to lớn của chức vụ này - chức vụ Tổng thống đất nước các bạn.

Do đó, tôi sẽ không tìm kiếm, và sẽ không chấp nhận, sự đề cử của đảng mình cho nhiệm kỳ khác làm Tổng thống của các bạn.»⁸⁹¹

Trong hồi ký năm 1972 của mình, Johnson sẽ viết rằng ông đã cân nhắc rút khỏi cuộc đua tranh cử tổng thống hơn một năm trước bài phát biểu ngày 31 tháng Ba của ông. Trong số những lý do mà ông liệt kê cho quyết định rút lui là những lo ngại về sức khỏe của bản thân, nghi ngờ về ảnh hưởng của mình với Quốc hội, và những khó khăn vốn có trong việc xử lý tình trạng bất ổn dân sự trong một năm bầu cử.⁸⁹² Ông cũng có thể đã bị thúc đẩy bởi sự phản đối ngày càng tăng của công chúng đối với cách điều hành chiến tranh của ông và đối với nhiệm kỳ tổng thống của ông nói chung sau Sự kiện Tết Mậu Thân. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng Một đến cuối tháng Ba, tỷ lệ phần trăm người Mỹ tán thành cách xử lý chiến tranh của Johnson đã giảm từ 39 xuống 26, và tỷ lệ những người không tán thành đã tăng từ 47 lên 63. Tỷ lệ ủng hộ chung dành cho ông đã giảm mạnh từ 48 xuống 36 phần trăm trong giai đoạn đó.⁸⁹³ Khi các cử tri Dân chủ được yêu cầu lựa chọn giữa Johnson và Robert F. Kennedy cho đề cử tổng thống của đảng Dân chủ, 52 phần trăm đã chọn Johnson và 40 phần trăm đã chọn Kennedy vào tháng 1 năm 1968, nhưng vào cuối tháng Ba chỉ có 41 phần

trăm ủng hộ Johnson trong khi 44 phần trăm ủng hộ Kennedy.⁸⁹⁴

Sự sụt giảm mạnh trong sự ủng hộ dành cho Johnson không đi kèm với một sự sụt giảm tương tự trong sự ủng hộ của công chúng Mỹ dành cho cuộc chiến. Sau làn sóng gia tăng tâm lý điều hâu vào tháng Hai, sự ủng hộ cho các biện pháp điều hâu đã giảm bớt vào tháng Ba khi Johnson bác bỏ leo thang và theo đuổi ngoại giao, nhưng không có sự gia tăng tâm lý kêu gọi Mỹ rút lui. Vào ngày 25 tháng Ba, nhà thăm dò dư luận Louis Harris báo cáo rằng một cuộc thăm dò vừa thực hiện đã phát hiện ra rằng 72 phần trăm người Mỹ tin rằng «chúng ta đúng khi cố gắng ngăn chặn những người Cộng sản mà không để quân đội Trung Quốc hay Nga tham gia vào cuộc chiến», trong khi chỉ có 13 phần trăm không đồng ý với tuyên bố đó. Harris kết luận rằng «mong muốn phổ biến của người dân Mỹ là các nhà lãnh đạo đất nước tìm cách buộc những người Cộng sản đến bàn đàm phán bằng cách sử dụng các cam kết và lực lượng quân sự hiện tại ở Việt Nam.»⁸⁹⁵

Người dân Mỹ vẫn kiên trì ủng hộ cuộc chiến vào tháng Hai và tháng Ba năm 1968 vì nhận thức lâu dài của họ rằng chủ nghĩa cộng sản quốc tế đe dọa Hoa Kỳ và vì niềm tin của họ rằng quốc gia phải đứng vững khi

bị tấn công lén lút xảo quyết. Vào dịp Tết, cũng như vào những thời điểm khủng hoảng quốc tế khác, hầu hết người Mỹ đã đoàn kết xung quanh lá cờ, tin rằng an ninh quốc gia đòi hỏi sự thống nhất toàn dân.⁸⁹⁶ Trái với những gì phe bô câu hy vọng và phe điều hâu lo sợ, những báo cáo ảm đạm và tiêu cực quá mức của giới truyền thông đã không khiến nhiều người Mỹ mất tinh thần, ngoại trừ giới tinh hoa tự do.

Đến thời điểm này, hầu hết người Mỹ đã trò chuyện với những thanh niên trở về từ chiến tranh và nhìn chung thấy họ tích cực hơn về cuộc chiến và việc tham gia của họ so với những gì các báo cáo truyền thông gợi ý. Những cựu chiến binh này đã chứng kiến chiến tranh trong tất cả sự xấu xí của nó, sự mất mát của các chi thể, những hơi thở cuối cùng của những chàng trai trẻ tuyệt vời, sự khát máu của những người lính sau cái chết của bạn bè.

Và tuy vậy, bất chấp tất cả chấn thương và nỗi đau, họ cũng tìm thấy giá trị cứu chuộc trong tình huynh đệ vũ khí và những hy sinh của việc phục vụ Tổ quốc. Khi Gallup khảo sát các cựu chiến binh trở về vào mùa xuân năm 1968, họ phát hiện ra rằng «trong khi chỉ có 26 phần trăm ban đầu muốn đến Việt Nam, thì 94 phần trăm, sau khi trở về, nói rằng họ mừng vì đã có trải

nghiệm đó.»⁸⁹⁷

Tác động của Tổng tiến công Tết Mậu Thân đối với chính sách của Mỹ là tương đối nhỏ.

Đến cuối tháng Ba, Johnson đã từ bỏ cả việc tăng quân lớn của Mỹ và việc mở rộng địa lý chiến tranh, nhưng rất khó xảy ra việc ông sẽ phê chuẩn những biện pháp như vậy nếu không có cuộc tấn công, xét về tần suất và mức độ kiên quyết ông đã chống lại chúng trước Tết. Johnson đã quyết định khởi động một lệnh ngừng ném bom phía bắc Bắc Việt Nam, nhưng đó là một biện pháp tạm thời vào thời điểm mà thời tiết xấu hầu như ngăn cản các hoạt động không quân trong khu vực đó. Như một tài liệu chính sách nội bộ của Bộ Ngoại giao giải thích, việc tạm dừng sẽ có «thời gian thử nghiệm tối đa» là bốn tuần, và «một thay đổi lớn trong tình hình quân sự có thể yêu cầu nối lại toàn bộ quy mô vào bất kỳ lúc nào.»⁸⁹⁸

Sau sự kiện Tết, Johnson đã thẳng thừng bác bỏ các yêu cầu của phe bỏ câu trong quốc hội về việc nhanh chóng rút khỏi Việt Nam và đã phê chuẩn bổ sung thêm 13.500 quân. Cam kết quân sự của Mỹ sẽ tiếp tục tăng dần cho đến cuối nhiệm kỳ tổng thống của ông, khi nó đạt đỉnh 542.000 người. Johnson cũng đã khước từ đề nghị của phe bỏ câu trong Lầu Năm

Góc về một chiến lược quân sự không thực tế là từ bỏ các vùng nông thôn của Nam Việt Nam. Chừng nào Johnson còn ở Nhà Trắng, sẽ không có một nền hòa bình kiểu Chamberlain.

Chương 15 - Làn sóng thứ hai

Tháng Tư - Tháng Sáu 1968

Trong những ngày đầu tháng Tư, thế giới hầu như không thể nói về điều gì khác ngoài bài phát biểu của Lyndon Johnson. Tùy thuộc vào lập trường chính trị và địa lý, lời nói của tổng thống đã gợi lên sự ngạc nhiên, vui mừng, tuyệt vọng, sự chỉ trích, mưu đồ, hoặc một sự kết hợp của chúng. Bài phát biểu đã bị diễn giải sai rộng rãi chủ yếu là do việc Johnson giải trình không đầy đủ về ý định và mục tiêu của mình.

Ngay sau bài phát biểu, phe bô câu Mỹ đã dành nhiều lời khen ngợi Johnson vì đã ngừng ném bom và bước ra khỏi chính trị phe phán để đạt được hòa bình. Thượng nghị sĩ J. William Fulbright gọi thông báo của Johnson là «hành động của một người yêu nước vĩ đại.» Đại sứ Liên Hợp Quốc Arthur Goldberg nói với tổng thống, «Ngài trông cao mười feet khi đứng đó mà không nghĩ đến bất kỳ cân nhắc nào khác ngoài việc gì sẽ phục vụ đất nước tốt nhất.»⁸⁹⁹

Sự hưng phấn chỉ kéo dài vốn vẹn hai mươi bốn giờ. Quốc hội đã được thông báo rằng việc ném bom sẽ tiếp tục lên đến vĩ tuyến 20, nhưng ít nghị sĩ biết vĩ tuyến 20 ở đâu, và nhiều người cho rằng nó cách xa Hà Nội,

dựa trên lời hứa của Johnson chỉ ném bom những khu vực mà quân địch các hoạt động đe dọa lực lượng Hoa Kỳ. Vị trí của tuyến này trở nên rõ ràng do kết quả của một cuộc không kích vào Thanh Hóa, ngay phía nam vĩ tuyến 20, vào ngày 1 tháng 4. Các báo cáo báo chí lưu ý rằng Thanh Hóa cách DMZ 205 dặm về phía bắc và chỉ cách Hà Nội 81 dặm về phía nam.

Tại phiên họp Thượng viện, Fulbright đã chỉ trích Johnson kịch liệt vì đã thả bom quá gần Hà Nội. Ông tuyên bố rằng việc ngừng ném bom «chẳng có ý nghĩa gì và chắc chắn không phải là một sự dụ dỗ để Bắc Việt đến bàn đàm phán.» Bằng cách lãng phí cơ hội hòa bình này, tổng thống đã không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc đi đến một cuộc chiến tranh hạt nhân toàn diện.»⁹⁰⁰ Do hậu quả của sự phản đối kịch liệt của Fulbright, Johnson đồng ý ngừng ném bom phía bắc vĩ tuyến 19, cách vĩ tuyến 20 bảy mươi dặm về phía nam.⁹⁰¹

Johnson gặp ít vấn đề hơn trong việc giành được sự ủng hộ cho lệnh ngừng ném bom từ

phía các điều hâu và những người ôn hòa ở Mỹ. Nhìn chung ủng hộ việc ném bom

Bắc Việt, họ đã được xoa dịu bởi thực tế là việc tạm

dừng

Chiến dịch Sấm Rền trên miền Bắc Việt Nam được bù đắp bằng việc tăng cường ném bom vào phần phía nam của đất nước. Vào tháng 4, khi thời tiết cải thiện, tổng số phi vụ Sấm Rền thực sự đã tăng 43 phần trăm, và con số này sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới, đạt mức cao nhất mọi thời đại là 14.382 vào tháng 7.⁹⁰²

Tại Nam Việt Nam, nhiều chính trị gia và thường dân diễn giải việc ngừng ném bom của Johnson, lời đề nghị đàm phán của ông và việc ông từ bỏ nhiệm kỳ tổng thống tiếp theo như là những bước đầu tiên hướng tới việc bỏ rơi Nam Việt Nam. Một số người quá sợ hãi sự trả thù của Cộng sản sau chiến tranh đến mức họ tìm cách tránh bị nhìn thấy nói chuyện với người Mỹ, hút thuốc lá Mỹ, hoặc uống bia Mỹ.⁹⁰³ Thiệu cảnh báo Bunker rằng có «một bầu không khí lo ngại trong nhân dân Nam Việt Nam giống với bầu không khí trước các cuộc đàm phán Geneva năm 1954 khi người ta thấy rõ rằng người Pháp sắp bỏ cuộc.» Với các cố vấn của mình, Thiệu bày tỏ nỗi sợ rằng Washington đang đàm phán với Hà Nội sau lưng Nam Việt Nam và sẽ hy sinh lợi ích của Nam Việt Nam để cải thiện quan hệ của Mỹ với Liên Xô.⁹⁰⁴

Johnson tìm cách xoa dịu mối quan tâm của Thiệu trong một bức thư cá nhân đề ngày 2 tháng 4. Bài phát biểu ngày 31 tháng 3 «không hề làm giảm bớt cam kết của chúng ta đối với mục tiêu hòa bình và quyền tự quyết của chúng ta», Johnson viết. «Chúng ta đã sẵn sàng tìm kiếm một nền hòa bình danh dự nhưng đồng thời một nước Mỹ cảnh giác sẵn sàng bảo vệ một lý tưởng cao đẹp bất kể giá nào, bất kể gánh nặng nào, bất kể sự hy sinh nào mà nhiệm vụ có thể đòi hỏi.»⁹⁰⁵

Trong những ngày sau đó, Thiệu đã sử dụng bức thư này và những cụm từ mạnh mẽ hơn từ bài phát biểu của Johnson để thuyết phục những người Nam Việt Nam khác rằng người Mỹ không chuẩn bị rút đi.⁹⁰⁶ Bunker viết thư cho vợ vào ngày 7 tháng 4 rằng những lời trấn an của Thiệu đã tỏ ra rất hiệu quả trong việc giảm bớt những lo ngại lan rộng về kế hoạch của Mỹ. «Nếu không có sự bình tĩnh và lễ thường của Thiệu», Bunker nhận xét, «chúng ta đã có thể gặp rắc rối đáng kể.»⁹⁰⁷

Tại Bắc Việt, bài phát biểu ngày 31 tháng 3 của Johnson vừa rất bất ngờ vừa rất được hoan nghênh.⁹⁰⁸ Như ở Nam Việt Nam, lời nói của ông được coi là «những tín hiệu rõ ràng rằng Hoa Kỳ đang chuẩn bị rút khỏi Việt Nam», theo lời kể lại của Bùi Tín. Sau những tổn thất nặng nề của Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu

Thân, Bùi Tín tuyên bố, «thật là vui mừng khi nghe về những diễn biến mới từ Washington.»⁹⁰⁹

Lê Duẩn ngay lập tức kết luận rằng đề nghị đàm phán của Mỹ nên được chấp nhận. Ông làm điều đó không phải để đạt được một giải pháp ngoại giao nhanh chóng, mà để thiết lập một diễn đàn ngoại giao để sử dụng một khi các lực lượng Bắc Việt đã giành được chiến thắng trên chiến trường. Ông vẫn kỳ vọng chiến thắng sẽ đến trước cuối năm, bất chấp mọi thất bại đã trải qua cho đến nay. «Trừ khi một thắng lợi quân sự lớn đạt được, không thể mong đợi gì từ cuộc đấu tranh ngoại giao», lãnh đạo Bắc Việt thông báo cho các đảng viên trung thành trong một bức thư về quyết định đàm phán. «Tranh luận ngoại giao nên được coi là một phương tiện để xác nhận thất bại của kẻ thù và chiến thắng của chúng ta.»⁹¹⁰

Vào ngày 3 tháng 4, Lê Duẩn công khai tuyên bố Hà Nội sẵn sàng tham gia đàm phán với Hoa Kỳ. Ông làm điều đó mà không hỏi ý kiến trước Hồ Chí Minh, người đang được điều trị y tế tại Trung Quốc, hoặc các lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo một quan chức cấp cao Bắc Việt, Lê Duẩn sợ rằng Hồ Chí Minh và người Trung Quốc sẽ phản đối việc chấp nhận ngay lập tức đề nghị ngoại giao của Johnson vì trước đó họ

đã yêu cầu những nhượng bộ lớn hơn từ Hoa Kỳ trước khi bắt đầu đàm phán.⁹¹¹

Khi người Trung Quốc nghe thông báo, cú sốc của họ lẫn với sự nghi ngờ rằng Lê Duẩn đang âm mưu sau lưng Trung Quốc.⁹¹² Triệu tập các quan chức Bắc Việt đến Bắc Kinh, người Trung Quốc cho biết sự không hài lòng của họ bằng những lời lẽ hết sức thẳng thừng.

«Rất nhiều người không hiểu tại sao các đồng chí Việt Nam lại vội vàng ra tuyên bố như vậy», Chu Ân Lai nói với Phạm Văn Đồng. «Nhân dân thế giới không thể không nghĩ rằng các đồng chí đang gặp một số khó khăn trong cuộc đấu tranh của mình. Việc các đồng chí thay đổi lập trường đã làm tăng số phiếu dự kiến cho Johnson, tăng giá cổ phiếu ở New York, và giảm giá vàng trên các thị trường tự do.» Chu khẳng định rằng tuyên bố ngày 31 tháng 3 của Johnson là «một âm mưu xảo quyệt và lừa dối» không phải là nỗ lực chấm dứt chiến tranh, «chỉ là một phương tiện để họ vượt qua thời điểm khó khăn.» Ngay khi Johnson đang ở trong tình thế tuyệt vọng, «tuyên bố ngày 3 tháng 4 của các đồng chí đã giải quyết khó khăn của ông ta.»⁹¹³

Sau khi chịu đựng sự mắng mỏ này, Phạm Văn Đồng rút lui, sau đó trở lại sáu ngày sau để đưa ra phản hồi của chính phủ mình. Cố gắng xua tan bất kỳ ý nghĩ

nào rằng Hà Nội đã mềm yếu, thủ tướng Bắc Việt nói với Chu rằng việc Bắc Việt triển khai quân ồ ạt vào Nam Việt Nam chứng tỏ «ý chí của chúng tôi như sắt đá, không thể lay chuyển.» Sau đó, với sự thẳng thừng của riêng mình, Phạm Văn Đồng thông báo với người Trung Quốc rằng Hà Nội có quyền tự quyết định về cuộc chiến. «Chúng tôi là những người chiến đấu chống Mỹ và đánh bại họ», ông lạnh lùng nói. «Chúng tôi nên chịu trách nhiệm cho cả hoạt động quân sự và ngoại giao.»⁹¹⁴

Việc Hà Nội công khai đồng ý đàm phán tạo ra nhiều niềm vui ở Washington cũng như sự thất vọng ở Bắc Kinh. Một trong những cố vấn của Johnson, không biết như mọi người khác ở Hoa Kỳ rằng Lê Duẩn đã loại Hồ Chí Minh ra khỏi quá trình, đã nói đùa, «Rõ ràng là thỏa mãn Hồ Chí Minh dễ hơn Fulbright.»⁹¹⁵ Chính quyền Johnson nhanh chóng thông báo cho Hà Nội rằng Averell Harriman sẵn sàng gặp các nhà ngoại giao Bắc Việt để bắt đầu các cuộc đàm phán.

Trong vài tuần tiếp theo, Hà Nội và Washington trao đổi các đề xuất về địa điểm đàm phán. Người Mỹ đưa ra mười lăm địa điểm khác nhau ở các quốc gia trung lập hoặc thân thiện với Hoa Kỳ. Người Bắc Việt, những người dường như coi trọng địa điểm và vẻ ngoài của

việc nhượng bộ về địa điểm hơn người Mỹ, chỉ đưa ra hai thành phố để phản đề : Warsaw và Phnom Penh. ⁹¹⁶

Harriman gọi điện cho Johnson vào ngày 11 tháng 4 để đề nghị chấp nhận Warsaw. «Tôi cảm thấy rất mạnh mẽ rằng Warsaw có một số lợi thế so với bất kỳ nơi nào khác», Harriman nói.

«Tôi đã bác bỏ nó thẳng thừng, dứt khoát, hoàn toàn», Johnson trả lời. Điều ảnh hưởng đến suy nghĩ của Johnson về Warsaw là các cuộc gặp giữa các nhà ngoại giao Mỹ và Trung Quốc đã diễn ra ở đó từ năm 1958, vốn đã biến thành một rạp xiếc tuyên truyền và cay độc. «Chừng nào tôi còn là Tổng thống, chúng ta sẽ không đến Warsaw nơi chúng ta đã từng đến và đàm phán trong bầu không khí như vậy. Tôi cảm thấy mạnh mẽ rằng nó phải là trung lập, có đủ thông tin liên lạc. Một số người khác có kinh nghiệm cũng cảm thấy như vậy, chẳng hạn như Ellsworth Bunker.»

Harriman trả lời, «Tôi cũng hy vọng sẽ nằm trong số những người được tham vấn.»

«Vâng, anh đã nói cho tôi biết ý kiến của anh rồi», tổng thống bật lại. Sau đó ông chọc tức Harriman thêm, cảnh báo chống lại việc cố gắng lén lút đưa quyết định qua mặt Nhà Trắng. «Tôi cũng muốn được tham vấn và

quyết định trước khi Bộ Ngoại giao quyết định.»

«Tôi sẽ tuân theo mệnh lệnh», Harriman nói.

«Tôi hy vọng như vậy.»

«Tôi phải nói với ngài rằng đây là một bước tiến lớn trong việc loại người Trung Quốc ra khỏi tình hình», Harriman tiếp tục. «Người dân ở Đông Âu muốn kết thúc xung đột này và có một dàn xếp hợp lý. Việc đàm phán ở một quốc gia thuộc Bức màn Sắt không làm tôi bận tâm.»

«Nó làm tôi bận tâm», Johnson quát. «Tôi không muốn bất kỳ phần nào của Warsaw, Tiệp Khắc, hoặc bất kỳ quốc gia Đông Âu nào khác. Tôi nghĩ nó nên ở Châu Á, trên một lãnh thổ trung lập.»

«Tôi đã giao dịch với các quốc gia này trong một thời gian dài», Harriman nài nỉ, «và tôi nghĩ phán đoán của tôi tốt hơn của Bunker.»

«Có thể vậy», tổng thống nói. «Nó có thể tốt hơn của tôi.»

«Nhưng tôi muốn có thể nói với ngài cảm giác của tôi.»

«Anh đã nói rồi, anh thấy đấy.» ⁹¹⁷

Cùng ngày hôm đó, Johnson nhận xét với một trong những người tâm phúc trong quốc hội của mình rằng Bunker là «người đàn ông khôn ngoan nhất mà chúng ta có trong toàn bộ Bộ Ngoại giao của chúng ta.»⁹¹⁸

Các hoạt động quân sự của Mỹ ở miền Nam, cũng như ném bom của Mỹ ở miền Bắc, đang gia tăng song song với việc Johnson theo đuổi một nền hòa bình thông qua đàm phán. Theo chỉ đạo của Westmoreland, người vẫn còn vài tháng tại nhiệm, lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam đã tăng nhịp độ hoạt động trong những tuần đầu tháng 4. Ở Quân đoàn III, bốn mươi hai tiểu đoàn Mỹ và ba mươi bảy tiểu đoàn Nam Việt Nam tham gia Chiến dịch Toàn Thắng, bao gồm chủ yếu là các cuộc tuần tra và phục kích của các đơn vị nhỏ. Đến cuối tháng 5, nó sẽ tuyên bố giết được 7.600 quân địch. Ở phía bắc Huế, các đơn vị lớn của Hoa Kỳ khởi động Chiến dịch Carentan II, đã gây thiệt hại nặng cho các trung đoàn 90 và 803 của Quân đội Bắc Việt.⁹¹⁹

Trong Chiến dịch Pegasus, Westmoreland đã gửi mười chín tiểu đoàn để giải vây cho Khe Sanh. Đầu tháng 4, những tiểu đoàn đó di chuyển về phía tây dọc theo Đường 9, trong khi Thủy quân lục chiến tại Khe Sanh tỏa ra vào vùng đất hoang xung quanh căn cứ. Một vài đơn vị Bắc Việt còn lại gần Khe Sanh đã cố

gắng cố thủ và bị tiêu diệt bởi hỏa lực áp đảo của Mỹ. Những đơn vị khác tháo chạy rất vội vã, bỏ lại một lượng lớn trang thiết bị và đạn dược. Những người tìm nơi ẩn náu ở Lào đã bị chặn bởi các lính dù Nam Việt Nam đã được thả xuống giữa Khe Sanh và biên giới Lào, và số còn lại bị truy đuổi bởi Sư đoàn Kỵ binh 1. Ước tính của Mỹ cho rằng tổn thất của Bắc Việt trong Chiến dịch Pegasus là 1.325 người so với tổn thất phe ta là 82 lính Mỹ và 33 lính Nam Việt Nam.⁹²⁰

Theo sau chiến dịch Pegasus là Chiến dịch Delaware, chiến dịch quy mô lớn đầu tiên của lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa tại Thung lũng A Sầu kể từ khi trại Lực lượng Đặc biệt của thung lũng bị bỏ rơi vào tháng 3 năm 1966. Các đơn vị đồng minh nhận lệnh tiêu diệt ước tính khoảng ba nghìn quân nhân Bắc Việt đang chiếm đóng thung lũng và đóng cửa hành lang thâm nhập chạy xuyên qua nó. Chiến dịch hứa hẹn những phần thưởng tiềm năng lớn, bao gồm gây thiệt hại nặng nề cho lực lượng địch và đóng cửa lâu nay cánh cổng chính của Bắc Việt dẫn đến Huế, nhưng chúng đi kèm với rủi ro cao. Chiến dịch Delaware sẽ là cuộc tấn công bằng đường không quy mô lớn đầu tiên nằm ngoài tầm bắn của pháo binh thân thiện, và hỗ trợ không quân được dự đoán là sẽ bị cản trở bởi thời tiết khắc nghiệt và hỏa lực phòng không đặc biệt dày đặc của địch. Với

thung lũng chỉ cách Lào hai dặm, quân Bắc Việt có thể nhanh chóng đưa quân tăng viện vào.

Những nguy hiểm này đã khiến Westmoreland đặt câu hỏi liệu có nên tiến hành chiến dịch hay không. Nghi ngờ của ông đã bị vượt qua bởi những đảm bảo đầy tự tin của Thiếu tướng John Tolson, người với tư cách là chỉ huy Sư đoàn Kỵ binh 1 cũng sẽ là tổng chỉ huy Chiến dịch Delaware. Tolson nhấn mạnh rằng binh lính của ông trước đây đã vượt qua những khó khăn có quy mô tương đương. Trong chiến dịch này, ông nhìn thấy một cơ hội tuyệt vời để thu hút và đập tan một kẻ thù mà nhiều lần đã có thể né tránh hỏa lực của Mỹ. «Tôi muốn nhìn thấy kẻ thù tấn công chúng ta cho một sự thay đổi», Tolson nói, «đặc biệt là các lực lượng từ Lào.»⁹²¹

Vào ngày 19 tháng 4, hai lữ đoàn thuộc Sư đoàn Kỵ binh 1 lao về phía thung lũng A Sầu bằng trực thăng, trong khi một lữ đoàn thuộc Sư đoàn Nhảy dù 101 và ba tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 3 ARVN tập trung về thung lũng bằng đường bộ. Trong những ngày trước đó, máy bay ném bom Mỹ đã bay cao trên A Sầu để đánh phá nhiều vị trí phòng không của Bắc Việt đã được phát hiện từ trên không. Tuy nhiên, như người Mỹ sắp phát hiện ra, một số lượng lớn pháo phòng không 37 mm đã

sống sót sau cuộc oanh tạc nhờ sự bảo vệ hoặc nguy trang vượt trội.

Khi hai tiểu đoàn đầu tiên được vận chuyển bằng trực thăng xuất hiện, thung lũng bùng nổ trong một làn đạn chéo chết người từ các khẩu pháo 37 mm, mỗi khẩu phóng liên tiếp những quả đạn nặng 1,5 pound. Khi trực thăng giảm tốc độ và độ cao để dỡ bỏ hành khách, chúng trở thành mục tiêu dễ dàng. Các mảnh vỡ của đạn pháo 37 mm xuyên qua thân và cửa kính trực thăng, một số chiếc trong đó đã rơi xuống đất.

Michael Ward, một nhân viên phi hành trên một trong những chiếc trực thăng, kể lại, «Ngay từ thời điểm cuộc tấn công vào Thung lũng A Sầu bắt đầu, radio đầy ắp những lời nói về máy bay bị trúng đạn và bị bắn rơi. Suốt ngày hôm đó, chúng tôi đi vào hết điểm đổ quân (LZ) này đến điểm đổ quân khác với suy nghĩ trong đầu rằng có lẽ đó là chuyến bay cuối cùng của chúng tôi trước khi bị giết. Tôi chưa bao giờ sợ hãi đến thế trong suốt cuộc đời mình. Nhưng tất cả chúng tôi đều tiếp tục tiến lên.»⁹²² Trong số các trực thăng chở hai tiểu đoàn Ky binh đầu tiên, mười chiếc bị phá hủy và hai mươi ba chiếc bị hư hại.

Các lực lượng Bắc Việt ở Thung lũng A Sầu đã dành những tuần trước đó để chuẩn bị cho một cuộc tấn công khác vào Huế. Việc khởi động Chiến dịch Delaware khiến họ gác lại ý định tấn công Huế và tập trung vào mối đe dọa đối với Thung lũng A Sầu và hành lang tiếp tế mà nó là một phần. Hà Nội ra lệnh cho các đơn vị Bắc Việt trong thung lũng phải «tiêu diệt một phần sinh lực của Mỹ và nguy, giải phóng tuyến đường vận chuyển của ta, và đập tan âm mưu cắt đứt hành lang vận chuyển chiến lược và phá hủy các cơ sở hậu cần của ta.»⁹²³

Vì những lý do không bao giờ được tiết lộ, các sĩ quan Bắc Việt trong thung lũng cuối cùng đã không thực hiện chỉ thị này. Thay vì tập trung cho các cuộc tấn công lớn, hầu hết binh lính Bắc Việt phân tán và rời khỏi thung lũng.⁹²⁴ Một số trong số họ đã mắc vào lưới kéo của Chiến dịch Delaware, trong khi những người khác trốn thoát để chiến đấu vào ngày khác.

Một đội hậu vệ Bắc Việt vẫn ở lại trong thung lũng, có lẽ để thu hút sự chú ý của người Mỹ trong khi phần còn lại của quân Bắc Việt rút đi. Vào ngày 25 tháng 4, trung đội một và ba của đại đội Delta thuộc Trung đoàn 5/7 Kỵ binh đã chạm trán với các thành phần của đội hậu vệ trên một đường sông núi nhìn xuống đáy thung lũng. Trong khi tiến quân dọc theo một con đường

quanh co qua những tảng đá lởm chởm và cây cối đổ nát, người Mỹ bắt đầu nhận hỏa lực từ thứ hóa ra là một đại đội Quân đội Bắc Việt được tăng cường. Chất lượng của các công sự phòng thủ của địch cho thấy quân Bắc Việt đã dành ít nhất vài ngày để chuẩn bị chiến đấu trên mảnh đất này. Binh lính Bắc Việt chiếm giữ các lô cốt kiên cố, cách nhau hai mươi đến ba mươi mét, được bố trí thuận lợi để yểm trợ lẫn nhau.

Chỉ huy đại đội Mỹ dẫn trung đội một và nhóm chỉ huy đại đội của mình lên một vách đá ở sườn phải của kẻ thù. Khi họ đến một yên ngựa (chỗ trũng giữa hai ngọn núi), những làn đạn của Bắc Việt ập đến từ nhiều hướng. Cúi mình xuống, người Mỹ trao đổi hỏa lực với quân Bắc Việt trong ba giờ tiếp theo. Trong thời gian đó, chỉ huy đại đội Mỹ bị thương, chỉ huy trung đội tử trận, và một nửa số lính Mỹ khác trở thành thương vong.

Khi cuộc chiến trên yên ngựa nổ ra, trung đội ba của đại đội Delta đã hành quân về phía tiếng súng. Tuy nhiên, quân Bắc Việt đã phát hiện ra động thái này và bố trí vũ khí tự động để khóa chặn con đường giữa hai lực lượng Mỹ. Những viên đạn của họ buộc trung đội ba phải dừng cuộc tiến quân.

Khi hoàng hôn buông xuống, chỉ huy đại đội Mỹ quyết định rằng các binh sĩ ở yên ngựa nên ở yên tại chỗ qua đêm. Với quá nhiều thương vong phải mang theo, trung đội một và nhóm chỉ huy sẽ thấy cực kỳ khó khăn để chiến đấu vượt qua các vị trí của địch trong bóng tối. Hơn nữa, do mất liên lạc radio với trung đội ba, chỉ huy đại đội đã không thể đưa các lực lượng khác của mình vào cuộc chiến.

Vào lúc đêm xuống, các thành viên của trung đội ba không chắc chắn về vị trí của phần còn lại của đại đội mình, và họ còn biết ít hơn về vị trí của quân Bắc Việt. Tuy nhiên, họ đoán rằng họ có thể đến gần những người Mỹ khác hơn bằng cách di chuyển xa hơn lên con đường. Trung úy nhất James M. Sprayberry, sĩ quan điều hành đại đội, quyết định dẫn một nhóm giải cứu đi theo hướng đó. Đáp lại lời kêu gọi tình nguyện của anh, mười hai người đàn ông đã bước ra.

Nhóm thu thập càng nhiều lựu đạn mà họ có thể mang theo, rồi lặng lẽ bước vào vực thẳm của màn đêm. Sau ba trăm mét, một khẩu súng máy Bắc Việt khai hỏa. Một trong những người Mỹ ngã xuống với một vết đạn ở chân. Sprayberry cho người đó quay lại cùng với hai người khác, sau đó bảo những người còn lại nằm xuống dựa vào một bờ đất cạnh đường và giữ im lặng.

Bò một mình vào giữa đường, không có gì che chắn anh khỏi tầm nhìn ngoài bóng tối của màn đêm, Sprayberry hướng về phía khẩu súng máy Bắc Việt. Anh giữ im lặng đến mức tổ súng máy Bắc Việt, dù đang trong tình trạng cảnh giác cao độ, đã không nghe thấy anh tiếp cận. Khi đến đủ gần để nhận ra lô cốt của tổ súng, anh ném vào một quả lựu đạn, giết chết họ.

Trên vách đá cạnh đường, Sprayberry phát hiện ra một loạt các hố nhện. Anh ném một quả lựu đạn vào một cái từ cách đó chỉ vài feet. Âm thanh rên rỉ vang lên từ cái hố, vì vậy anh ném vào một quả nữa, và âm thanh chấm dứt. Sprayberry đi đến hố nhện tiếp theo, và một lần nữa anh cần hai quả lựu đạn để tiêu diệt người trú ẩn.

Trung úy Sprayberry bò trở lại chỗ những tình nguyện viên còn lại, lấy một số lựu đạn từ họ, và một lần nữa hướng về phía kẻ thù. Việc anh tiếp tục tiến lên khiến quân Bắc Việt ném vài quả lựu đạn về phía anh, nhưng anh thoát khỏi thương tích. Sau đó, anh xông vào lô cốt nơi những quả lựu đạn bay ra và dập tắt nó bằng một quả lựu đạn của chính mình. Sprayberry đã thể hiện một sự «coi thường hoàn toàn sự an toàn cá nhân của mình», theo lời của một nhân chứng.

Sprayberry bảo hai tình nguyện viên, Chuyên viên Hạng tư Delbert R. Mack và Chuyên viên Hạng tư Barry P. Tranchetti, che chắn hai bên đường trong khi anh tiến xa hơn nữa. Anh phá hủy thêm ba vị trí của địch bằng lựu đạn. Vào thời điểm này, anh đã có thể thiết lập liên lạc radio với những người Mỹ bị cô lập, những người đã cung cấp thông tin về vị trí của họ. Sprayberry trấn an họ rằng anh đang trên đường đến.

Khi trung úy tiếp tục tiến lên phía trước, anh giật mình bởi một binh sĩ Bắc Việt xuất hiện từ một hố nhện và xông vào tấn công anh. Sprayberry bóp cò ba phát từ khẩu súng lục .45 của mình, giết chết người lính đó. Ngay sau đó, Sprayberry đã liên lạc được với những người sống sót của trung đội một và nhóm chỉ huy đại đội.

Triệu tập những người còn đủ sức khỏe, Sprayberry tổ chức họ thành các tổ cáng thương để đưa những người bị thương trở lại. Quân Bắc Việt cuối cùng cũng nhận ra chuyện gì đang xảy ra, và họ khai hỏa vào yên ngựa, nhưng ít hiệu quả. Sprayberry ở lại cho đến khi người cuối cùng được sơ tán. Sau đó, với Mack và Tranchetti yểm trợ, anh phá hủy thêm một ụ súng máy của địch bằng cách lén đến trong vòng hai feet và thả lựu đạn vào.

Toàn bộ thử thách kéo dài bảy tiếng rưỡi. Trong thời gian đó, Sprayberry đã giết tổng cộng mười hai lính địch. «Kỳ tích này thật đáng kinh ngạc», một người Mỹ làm chứng, bởi vì «Trung úy Sprayberry không biết chính xác trung đội đang ở đâu», và «anh đã tiêu diệt tất cả kẻ thù giữa anh và trung đội.» Sprayberry cuối cùng sẽ nhận được Huân chương Danh dự cho hành động của mình trong đêm đó.⁹²⁵

Khi quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa lùng sục Thung lũng A Sầu, họ phát hiện ra những kho chứa khổng lồ và bãi đậu xe tải. Đường dây điện dẫn ra khỏi thung lũng theo nhiều hướng đến các căn cứ vệ tinh, nơi tìm thấy thêm hàng hóa. Tổng cộng, các lực lượng được giao nhiệm vụ trong Chiến dịch Delaware đã thu giữ 2.500 vũ khí cá nhân, năm mươi chín vũ khí tập thể, ba mươi súng phun lửa, mười tám xe tải, mười hai khẩu pháo phòng không 37 mm, và ba tấn phụ tùng ô tô. Người Mỹ cũng chiếm giữ con đường đất nện mà trên bề mặt của nó quân Bắc Việt đã di chuyển tiếp tế từ Lào về phía Huế, ném vào hỗn loạn các kế hoạch gây rối mới của kẻ thù ở Huế. Theo báo cáo, 869 binh sĩ Bắc Việt đã thiệt mạng trong chiến dịch kéo dài một tháng. Các đơn vị đồng minh rút khỏi thung lũng vào tháng 5, nhưng họ tiếp tục thực hiện các cuộc tấn công vào khu vực để săn đuổi bất kỳ lực lượng địch nào tìm cách quay trở lại.⁹²⁶

Gần cuối Chiến dịch Delaware, tờ New York Times đã ngắt lịch trình thường lệ của các bài báo ngắn liên quan đến chiến tranh bằng một loạt bài gây sững sốt gồm ba phần về quân nhân da đen ở Việt Nam. Nó được viết bởi Thomas A. Johnson, một trong những phóng viên nước ngoài da đen đầu tiên của tờ báo, người vừa dành vài tháng đi khắp đất nước. Trong các bài báo, Johnson kể về những tiến bộ đáng kể trong hội nhập chủng tộc, hợp tác và bình đẳng ở Việt Nam. Những người ủng hộ hội nhập sẽ ca ngợi những phát hiện này như bằng chứng về tiềm năng tiến bộ ở Hoa Kỳ, nơi việc ban hành các đạo luật dân quyền mang tính bước ngoặt và các chương trình chống đói nghèo của Xã hội Vĩ đại của Lyndon Johnson đã không được theo sau bởi những tiến bộ tương đương trong quan hệ chủng tộc mà là bởi các cuộc bạo loạn chủng tộc, chủ nghĩa ly khai da đen và đói nghèo dai dẳng.

«Mười bốn tuần phỏng vấn những người Mỹ da đen và da trắng phục vụ ở đây tiết lộ rằng phục vụ ở Việt Nam giống như một thước phim tua nhanh về [quan hệ] chủng tộc tiến bộ trong nước», Johnson viết. «Trong nhiệm vụ chiến đấu, năng lực chiến đấu và sự đáng tin cậy nhanh chóng xóa nhòa các rào cản màu da. Việc sống sót trở nên quan trọng hơn việc duy trì các khuôn mẫu sắc tộc ở hậu phương.» Những người lính trẻ da

đen và da trắng mà ông chứng kiến đã cổ vũ lẫn nhau trong cuộc chơi của chiến tranh, thể hiện tinh thần đồng đội mạnh mẽ chỉ có thể có được khi cái giá của thất bại là cái chết.

Johnson nhận thấy Việt Nam mang lại cho người da đen «một môi trường hầu như không có sự phân biệt đối xử.» Binh lính da đen giờ đây đang làm mọi thứ mà binh lính da trắng làm và đi đến mọi nơi mà binh lính da trắng đi. Người da đen và da trắng đang cùng nhau chiến đấu và hy sinh trong những trận đánh ác liệt dọc theo biên giới của đất nước. Họ ăn ở cùng các nhà hàng tại Sài Gòn và trong cùng các phòng ăn.

«Có những báo cáo về phân biệt đối xử chủng tộc, các vụ ẩu đả vì lý do chủng tộc, và các trường hợp tự phân biệt», Johnson ghi nhận, «nhưng hầu hết những người da đen được phỏng vấn nói rằng những trường hợp này bị lu mờ rất nhiều bởi sự hợp tác chủng tộc.» Trong thời gian nghỉ nhiệm vụ, binh lính da đen thường tụ tập cho các «buổi gặp gỡ tâm tình» nơi họ có thể «có được góc nhìn của người da đen» và «tránh xa ‘kẻ thống trị’», thế nhưng ngay cả ở đây, người da đen cũng cho phép người da trắng tham dự nếu họ được coi là những người da trắng «chân chính». Thái độ của binh lính da đen đối với trải nghiệm của họ trong quân ngũ tích cực đến mức

họ tái nhập ngũ với tỷ lệ gấp ba lần người da trắng.

Theo một chiều hướng kém tích cực hơn rõ rệt, Johnson chỉ ra rằng sự tiến bộ ở Việt Nam càng làm nổi bật hơn những vấn đề còn tồn tại ở Hoa Kỳ. Tỷ lệ tái nhập ngũ cao của binh lính da đen một phần được thúc đẩy bởi nhận thức rằng người da đen được hưởng thu nhập cao hơn, con đường sự nghiệp đầy hứa hẹn hơn, và quan hệ tốt hơn với người da trắng trong quân đội so với phần còn lại của xã hội Mỹ. Những người da đen ở Việt Nam cũng e ngại việc trở về Hoa Kỳ «vào thời điểm mà những tiếng nói da đen to nhất - nếu không phải là đại diện nhất - đang kêu gào đòi phân ly chủng tộc.» Phần lớn binh lính da đen bác bỏ chủ nghĩa cấp tiến chính trị của các nhà lãnh đạo ly khai như Stokely Carmichael và H. Rap Brown nhưng tin rằng những bất bình của người da đen làm bùng lên phong trào ly khai là có thật và cần được khắc phục. Những quân nhân da đen dự đoán bạo lực giữa người da trắng và da đen ở Hoa Kỳ sẽ gia tăng trong thời gian tới, mặc dù họ có ý kiến khác nhau về việc liệu những kẻ bạo loạn có biện minh cho hành động của họ hay chỉ là «những tên côn đồ» cần phải bị «chặn đứng trước khi tất cả bọn họ làm xấu mặt chúng ta.» Không ai có thể chắc chắn bao nhiêu cựu chiến binh da đen sẽ đứng về phía những phần tử quá khích, bao nhiêu người sẽ gia nhập lực lượng cảnh

sát đang chặn đường những phần tử quá khích, hoặc bao nhiêu người sẽ đứng ngoài cuộc.⁹²⁷

Giai đoạn tiếp theo của cuộc chiến bắt đầu vào đầu tháng Năm. Cho đến Chiến dịch Delaware, Huế vẫn là một trong những mục tiêu cho cái mà quân Bắc Việt gọi là đợt tấn công thứ hai của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, dự định bắt đầu vào ngày 4 tháng 5. Đợt thứ hai sẽ tương tự như đợt tấn công đầu tiên vào Tết, với lực lượng Bắc Việt tấn công các thành phố và kích động nổi dậy quần chúng. Mặc dù Chiến dịch Delaware đã phá hỏng cuộc tấn công theo kế hoạch vào Huế, quân Bắc Việt vẫn tiến hành kế hoạch chiếm các thành phố khác, trong đó Sài Gòn là mục tiêu hàng đầu. Để chuẩn bị cho cuộc tấn công, tám trung đoàn Quân đội Bắc Việt và mười lăm tiểu đoàn pháo binh dã chiến đã hành quân từ Bắc vào Nam.⁹²⁸ Sự thâm nhập của Bắc Việt vào Nam Việt Nam trong tháng Tư vượt quá hai mươi nghìn người.⁹²⁹

Để duy trì tỷ lệ thâm nhập cao này, Quân đội Bắc Việt đang gửi những thanh niên có ít huấn luyện và kinh nghiệm hơn bao giờ hết. Một nửa số tù binh địch bị thẩm vấn vào tháng 5 năm 1968 cho biết họ đã phục vụ trong quân đội chưa đầy ba tháng, bao gồm cả thời gian di chuyển từ Bắc vào Nam, điều đó có nghĩa là

thời gian huấn luyện của họ đã bị rút ngắn từ ba tháng của những năm trước xuống còn một tháng. Việc đào tạo sĩ quan tại Trường Sĩ quan Bộ binh gần Sơn Tây đã được rút ngắn từ hai năm xuống còn tám tháng. Sự rút ngắn huấn luyện này thể hiện rõ trong hiệu suất chiến đấu giảm sút đáng kể của Bắc Việt trên chiến trường.⁹³⁰

Trong hàng ngũ sĩ quan Bắc Việt, các kế hoạch cho đợt tấn công thứ hai vấp phải nhiều hoài nghi hơn nhiều so với kế hoạch Tết. Những phương pháp đã thất bại trong lần đầu tiên giờ đây sẽ được sử dụng trong những điều kiện thậm chí còn bất lợi hơn. «Chúng tôi lo ngại rằng các mệnh lệnh không cho thấy bất kỳ thay đổi nào trong tổ chức, trang bị và chiến thuật của chúng ta cho đợt tấn công mới này», Huỳnh Công Than nhớ lại. «Bất cứ ai dù chỉ có hiểu biết cơ bản về vấn đề quân sự và bất cứ ai đã từng chỉ huy quân đội trong đợt tấn công đầu tiên vào Sài Gòn đều có thể ngay lập tức thấy được bản chất khó khăn trong nhiệm vụ của chúng ta.»

Lần này, không giống như trong Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, lực lượng Cộng sản sẽ thiếu yếu tố bất ngờ, và không có lực lượng Nam Việt Nam nào vắng mặt vì nghỉ lễ. Xung quanh Sài Gòn và các thành phố khác, người Mỹ và Nam Việt Nam đã củng cố phòng thủ dày đặc. Huỳnh Công Than lưu ý rằng trong các

trận chiến đô thị sắp tới, «bên tấn công sẽ cần vũ khí cực kỳ mạnh để có thể đánh bật lực lượng phòng thủ ra khỏi các khu vực có các tòa nhà lớn, kiên cố», thế nhưng lực lượng Cộng sản sẽ chỉ có «vũ khí bộ binh hạng nhẹ.»

Huỳnh Công Than và nhiều người khác đã chia sẻ mối quan ngại của họ với các lãnh đạo quân sự và đảng cấp cao. Mặc dù đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận, người có lá phiếu quan trọng nhất, Lê Duẩn, vẫn tin rằng một cuộc tấn công đô thị lần thứ hai sẽ mang lại chiến thắng quyết định cho Hà Nội, hoặc ít nhất là đưa họ đến gần hơn nhiều với kết quả đó. Lãnh đạo Bắc Việt đã không thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với kế hoạch để đáp lại các khiếu nại từ cấp dưới.⁹³¹

Do sự nhầm lẫn và rủi ro phát sinh từ việc lưu hành kế hoạch hạn chế trước Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, lần này người Bắc Việt phổ biến tài liệu rộng rãi hơn. Nhờ đó, họ đã giảm bớt sự nhầm lẫn và rủi ro nhưng cũng làm tăng khả năng rò rỉ thông tin kế hoạch cho kẻ thù. Sự tổn hại nghiêm trọng nhất đến từ Đại tá Trần Văn Đắc, một đại tá Bắc Việt được chỉ định chỉ huy bốn trung đoàn bộ binh Bắc Việt trong cuộc tấn công vào Sài Gòn. Sau khi cấp trên phớt lờ những phản đối của ông về kế hoạch tác chiến, ông đã đào ngũ và

cung cấp cho Nam Việt Nam tất cả chi tiết về cuộc tấn công Sài Gòn. Các điệp viên Cộng sản ở Sài Gòn đã biết về sự phản bội trước khi trận chiến nổ ra, nhưng Bộ Tổng tư lệnh Bắc Việt quyết định đã quá muộn để thay đổi thời điểm của cuộc tấn công hoặc chỉ thực hiện những điều chỉnh nhỏ đối với việc bố trí lực lượng.⁹³²

Vào ngày 3 tháng 5, đêm trước cuộc tấn công, người Bắc Việt thông báo cho người Mỹ rằng họ sẵn sàng gặp mặt để đàm phán tại Paris, một trong mười lăm địa điểm mà người Mỹ đã đề xuất. Theo quan điểm của Hà Nội, việc chỉ định địa điểm sẽ cung cấp một địa điểm nơi người Mỹ có thể ký các văn kiện đầu hàng ngay khi vũ khí của Bắc Việt giành thắng lợi trên chiến trường. Đối với người Mỹ, sự đồng ý của Hà Nội báo hiệu sự tiến triển đáng mừng trong tiến trình ngoại giao.

Những người duy nhất không hài lòng với việc chọn Paris làm địa điểm đàm phán là người Trung Quốc. Như đã xảy ra một tháng trước đó, các nhà lãnh đạo Bắc Việt đã không tham khảo ý kiến với Trung Quốc trước khi hành động này, và như trước đây, người Trung Quốc tức giận khi biết rằng họ đã bị bỏ trong bóng tối.⁹³³ Lần này, Xuân Thủy là nhà ngoại giao Bắc Việt nhận được một bài chỉ trích nặng nề từ phía Trung Quốc. «Chúng tôi cho rằng các đồng chí đã đồng ý đàm phán

quá nhanh và quá vội vàng, điều này có thể để lại cho người Mỹ ấn tượng rằng các đồng chí đang háo hức đàm phán», Chu Ân Lai giận dữ nói. «Người Mỹ, các nước chư hầu và bọn ngụy quyền có một lực lượng quân sự hơn 1.000.000, và, trước khi xương sống của chúng chưa bị bẻ gãy, hoặc trước khi năm hoặc sáu ngón tay của chúng chưa bị gãy, chúng sẽ không chấp nhận thất bại, và chúng sẽ không rời đi.»⁹³⁴

Lực lượng Bắc Việt hành quân về phía các thành phố vào đêm ngày 3 tháng 5. Bằng cách di chuyển qua rừng rậm và đầm lầy, nhiều đơn vị đã tránh bị phát hiện trên đường đến các thành phố. Tuy nhiên, ít đơn vị thoát khỏi sự chú ý một khi họ đến rìa khu vực đô thị, nơi binh lính, cảnh sát và công dân quá đông đúc để có thể bỏ lỡ họ.⁹³⁵

Trong trường hợp của Sài Gòn, hầu hết lực lượng Bắc Việt đã vướng vào các mạng lưới của lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam ở ngoại ô thành phố. Chỉ một phần nhỏ những kẻ tấn công có thể vào được trung tâm thành phố, và không ai có thể tiếp cận các cơ sở quân sự và hành chính lớn của thành phố. Các đơn vị cố gắng giữ vững trận địa đã bị đập tan bởi các lực lượng đồng minh đông đảo và được trang bị mạnh hơn, và những đơn vị cố gắng chạy trốn cũng chỉ khá hơn chút ít. Nhiều đơn

vị đã mất một nửa quân số trong những giờ đầu của cuộc tấn công. Đến ngày thứ ba của trận chiến, ít đại đội Bắc Việt nào còn có khả năng hoạt động như một đơn vị chiến đấu gắn kết.⁹³⁶

Nguyễn Thành, người chỉ huy hai trung đoàn bộ binh Bắc Việt và một tiểu đoàn pháo binh trong cuộc tấn công vào Sài Gòn, kể lại rằng quân của ông «chịu tổn thất nặng nề hơn so với đợt đầu tiên, và chúng tôi chịu thất bại lớn nhất mà tôi từng trải nghiệm trong toàn bộ sự nghiệp chỉ huy chiến đấu của mình.» Lực lượng Nam Việt Nam và Mỹ «đã chuẩn bị sẵn và đang chờ đợi chúng tôi. Họ chặn chúng tôi, đánh chúng tôi từ phía trước, và thực hiện các cuộc phản công bao vây và tấn công chúng tôi từ phía sau. Họ trút xuống chúng tôi những đợt không kích và pháo kích dữ dội, và gây tổn thất cực kỳ nặng nề cho lực lượng dưới quyền tôi.» Đến khi ông nhận được lệnh rút khỏi Sài Gòn, lực lượng của ông đã mất hầu hết sĩ quan và một nửa vũ khí. «Bộ chỉ huy của tôi bị tê liệt, không thể chiến đấu, và tinh thần của binh lính chúng tôi suy giảm khi các chiến sĩ dao động vì sợ hãi và mất niềm tin vào chiến thắng.»⁹³⁷

Quân Bắc Việt cũng gặp thất bại tương tự ở các thành phố khác mà họ tấn công. Sa lầy ở ngoại vi đô thị, họ cố gắng bám trụ lâu hơn nhiều so với mức nên làm, và

phải trả giá đắt cho điều đó.⁹³⁸ Phần còn lại của bộ máy ngầm Cộng sản đã cố gắng hỗ trợ lực lượng tấn công và, như đã xảy ra trong Tết, sự tham gia của họ đã làm lộ danh tính và cho phép chính phủ Nam Việt Nam vây bắt họ. Theo mô tả của một sử gia Bắc Việt, «lực lượng bí mật của ta cài cắm trong các thành phố và hầu hết các điệp viên và cơ sở bí mật của ta - những nơi chúng ta cất giấu vũ khí và trang thiết bị, những nơi đóng quân của bộ đội ta, những nơi chúng ta đã phát động tấn công - đã bị lộ và hầu như bị tiêu diệt và phá hủy.»⁹³⁹

Tại Đông Hà, thị trấn cực bắc của đất nước, trận chiến đã phát triển thành một cuộc tranh chấp rộng hơn nhằm kiểm soát tỉnh Quảng Trị đông bắc. Giữa lúc giao tranh giữa Sư đoàn Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ số 3 và Sư đoàn 320B NVN, Thủy quân lục chiến đón một tư lệnh sư đoàn mới, Thiếu tướng Raymond Davis. Tướng Davis mang theo năng lượng mới và ý tưởng mới. Nhận thấy kẻ thù đang vượt qua các căn cứ của Hàng rào McNamara bằng cách thâm nhập quân về phía tây của chúng, Davis chuyển từ phòng thủ vì mô các căn cứ sang tấn công phân tán vào Sư đoàn 320B NVN. Ông rút quân khỏi Hàng rào McNamara và phái họ đi tuần tra với quy mô đại đội. Một khi các cuộc tuần tra xác định được vị trí lực lượng Bắc Việt, Thủy quân lục chiến bao vây họ bằng trực thăng và xe thiết giáp, sau đó dội

xuống họ bằng vũ khí hạng nặng.

Việc thực hiện tích cực các chiến thuật này của Thủy quân lục chiến đã gây tổn thất tàn phá cho Sư đoàn 320B NVN. Theo thống kê của Mỹ, quân Bắc Việt mất hơn 3.600 người do tử trận hoặc bị bắt trong các trận đánh gần Đông Hà Tháng Năm. Tổn thất của Mỹ là 327 người chết và khoảng 1.200 người bị thương. Cuối tháng Năm, những người sống sót của Bắc Việt rút lui về phía bắc Vùng Phi Quân Sự (DMZ), và sự yên tĩnh trở lại với Quảng Trị.⁹⁴⁰

Một điểm đáng chú ý duy nhất làm phá vỡ khuôn mẫu thất bại quân sự áp đảo của Cộng sản trong tháng Năm đã diễn ra xa các thành phố bị nhắm đến bởi cuộc tấn công đợt hai. Chiến trường là Kham Đức, một trại Lực lượng Đặc biệt cách Lào mười dặm. Nằm trong một thung lũng hình bầu dục, trại được bao quanh bởi những ngọn núi dốc đứng với những tán rừng rậm rạp ba tầng ngăn không cho bất kỳ ai trên máy bay nhìn thấy các cuộc chuẩn bị quân sự bên dưới.

Quân Bắc Việt bắt đầu các cuộc tấn công thăm dò vào Kham Đức vào ngày 10 tháng Năm. Để đáp trả, một lực lượng đặc nhiệm tiểu đoàn Mỹ từ Lữ đoàn Bộ binh 196 đã bay đến trại để tăng cường cho đồn trú LLDB (CIDG) Việt Nam và các cố vấn Lực lượng Đặc

biệt Lục quân Hoa Kỳ của họ. Trong khi lực lượng đặc nhiệm tiểu đoàn đang đổ bộ, hai trung đoàn Bắc Việt tấn công một căn cứ tiền phương ở Ngok Tavak, cách Kham Đức ba dặm về phía tây nam, nơi được phòng thủ bởi 173 lính LLDB và 41 người Mỹ. Vượt trội về số lượng so với lực lượng phòng thủ hơn mười lần, quân Bắc Việt tràn vào trại và giết hại một số lượng lớn lính phòng thủ trong trận chiến giáp lá cà. Sau mười giờ, những người sống sót của căn cứ rút lui dưới sự yểm trợ của không kích vào rừng và dọn dẹp một bãi đáp, nơi bốn máy bay trực thăng CH - 46 đón họ. Sáu mươi hai binh sĩ LLDB và mười bảy người Mỹ đã không thể thoát ra.

Ngày hôm sau, toàn bộ Sư đoàn 2 Quân đội Bắc Việt tập hợp trên các sườn núi xung quanh Kham Đức. Xuất hiện từ rừng rậm với số lượng lớn, họ lao vào trại từ mọi hướng. Các đợt không kích của Mỹ ngăn quân Bắc Việt xuyên thủng được chu vi trại, nhưng quy mô của lực lượng Bắc Việt và ưu thế về địa hình mà họ nắm giữ đã thuyết phục giới lãnh đạo Mỹ rằng một cuộc phòng thủ kéo dài trại sẽ quá tốn kém. Ngay trước nửa đêm, Westmoreland ra lệnh triệt thoái khỏi Kham Đức.

Máy bay vận tải Không quân Hoa Kỳ đến vào ngày 12 tháng Năm để di tản những người phòng thủ và thân nhân của binh lính Nam Việt Nam. Để ngăn chặn bộ binh Bắc Việt và đàn áp các vũ khí phòng không của Bắc Việt, một đội hình lớn máy bay Mỹ và Nam Việt Nam đã tẩm khu vực xung quanh bằng đạn dược, từ các khu vực thượng nguồn của sườn núi đến hàng rào chu vi của trại. Bất cứ khi nào quân Bắc Việt cố gắng xông vào chu vi, máy bay Mỹ lao xuống và dội lên họ bom và thùng napalm, một số trong đó rơi cách quân ta chỉ một trăm mét. Mọi đơn vị Bắc Việt nào cố gắng chọc thủng chu vi của Mỹ đều phải rút lui sau khi chịu tổn thất thảm khốc. Thật đáng kinh ngạc, các phi hành đoàn và điều phối viên không lực đã thực hiện các cuộc không kích lớn với kỹ năng điều luyện đến mức không có một trường hợp thương vong do hỏa lực bắn nhầm nào được ghi nhận.

Vũ khí Bắc Việt chỉ bắn rơi bảy máy bay trong cuộc triệt thoái. Tổn thất nhân mạng của Mỹ và Nam Việt Nam là rất thấp, ngoại trừ một vụ rơi máy bay C - 130 trong đó hơn 150 thân nhân người Nam Việt Nam thiệt mạng. Khi trận chiến kết thúc, tổng cộng 46 lính Mỹ và 130 lính Nam Việt Nam đã chết hoặc mất tích.

Lực lượng Mỹ sẽ không quay lại Kham Đức trong hơn một năm, khiến cho bất kỳ ước tính hợp lệ nào về tổn thất của Bắc Việt đều không thể thực hiện được. Mặc dù con số chính xác quân Bắc Việt bị giết tại hoặc gần Kham Đức trong tháng 5 năm 1968 có thể không bao giờ được biết, bằng chứng cho thấy rằng con số đó rất lớn. Nhiều nhân chứng đã xác nhận việc các đơn vị Bắc Việt liên tục bị xóa sổ bởi bom và napalm vào ngày 11 và 12 tháng Năm. Trong ba ngày sau cuộc triệt thoái, các đợt oanh tạc của B - 52 vào các khu vực tập trung và các tuyến đường rút lui nghi ngờ của Bắc Việt đã gây ra 130 vụ nổ thứ cấp, gây thêm thiệt hại về nhân mạng và vật chất.⁹⁴¹

Mặc dù cuộc tấn công tháng Năm của Hà Nội đôi khi được mô tả là «Tết thu nhỏ», nhưng các cuộc chiến đấu, ở nhiều nơi, đã khốc liệt hơn so với tháng Một và tháng Hai. Số tử trận của Mỹ lên tới 2.169 trong tháng Năm, vượt qua mức đỉnh 2.124 của tháng Hai. Đây là tháng có số lính Mỹ thiệt mạng cao nhất trong bất kỳ tháng nào của cuộc chiến.⁹⁴² Phía Mỹ ước tính rằng 26.000 quân Cộng sản đã thiệt mạng trong tháng.⁹⁴³

Việc Hà Nội phát động cuộc tấn công đợt hai và cái giá đẫm máu cao do đó gây ra đã không làm chệch hướng nỗ lực theo đuổi các cuộc đàm phán hòa bình của chính

quyền Johnson. Sau khi chấp nhận đề nghị của Hà Nội chọn Paris làm địa điểm đàm phán, Johnson cử Averell Harriman đến Paris để đứng đầu phái đoàn Hoa Kỳ. Ông cũng cử Trung tướng Andrew Goodpaster, người mà tổng thống có thể tin tưởng để ngăn Harriman đi chệch khỏi các chính sách của chính quyền.

Goodpaster sẽ phải thực hiện chức năng này ngay cả trước khi ông đến Paris. Trong chuyến bay xuyên Đại Tây Dương của họ, Harriman nói với Goodpaster, «Giờ nhiệm vụ của chúng ta là chấm dứt cuộc chiến này, đạt được những điều khoản tốt nhất có thể, nhưng phải chấm dứt chiến tranh.»

«Đó không phải là hiểu biết của tôi», Goodpaster phản đối, lắc đầu. «Chúng ta không được chỉ thị phải kết thúc cuộc chiến bằng ‘các điều khoản tốt nhất có thể’.» Goodpaster nói, chỉ thị của Tổng thống Johnson quy định rằng các nhà đàm phán sẽ ‘không bằng bất cứ cách nào thỏa hiệp với việc gây áp lực tối đa lên Bắc Việt bởi quân đội Mỹ.’»⁹⁴⁴

Các cuộc gặp gỡ giữa các nhà ngoại giao Bắc Việt và Mỹ tại Paris bắt đầu vào ngày 13 tháng Năm tại khách sạn Majestic, một khách sạn Beaux - Arts tráng lệ từng là trụ sở của Đức Quốc xã tại Pháp bị chiếm đóng từ năm 1940 đến năm 1944. Thiếu những thành công quân

sự để làm cơ sở cho các yêu sách ngoại giao, các đại diện Bắc Việt tránh các vấn đề thực chất và thay vào đó tham gia vào các cuộc tranh luận về sự bội tín và xâm lược của Mỹ. Một viên chức Mỹ báo cáo, «Các đại diện Hà Nội sẵn sàng ở lại Paris và thậm chí đọc cuốn danh bạ điện thoại nếu cần để duy trì các cuộc nói chuyện không hiệu quả trong một thời gian dài.»⁹⁴⁵

Sự thiếu nghiêm túc ở Paris chẳng mấy chốc đã khiến các điều hâu Mỹ đề xuất dỡ bỏ các hạn chế đối với Chiến dịch Sấm Rền. Các Tham mưu trưởng Liên quân chỉ ra các báo cáo tình báo Mỹ cho thấy việc tạm dừng ném bom gần Hà Nội và Hải Phòng đã dẫn đến sự gia tăng mạnh hàng nhập khẩu bằng đường biển. Hải Phòng đang nhận quá nhiều lô hàng đến mức hàng hóa chất đống trên các bến cảng và đường phố. Các đội xây dựng Bắc Việt và Trung Quốc đang nhanh chóng sửa chữa các cây cầu và con đường đã bị hư hại bởi Sấm Rền, tạo điều kiện cho sự gia tăng mạnh số lượng xe tải chở hàng tiếp tế về phía nam.⁹⁴⁶

Tại một cuộc họp vào ngày 21 tháng Năm, Wheeler thúc giục Tổng thống Johnson nói lại việc ném bom ít nhất là đến vĩ tuyến 20. Clark Clifford phản đối rằng ngay cả bước hạn chế này cũng có thể gây nguy hiểm cho các cuộc đàm phán Paris. «Chúng ta đã đạt được

tiền bộ ở Paris», Clifford tuyên bố, bất chấp các báo cáo rộng rãi về tính vô ích của các cuộc nói chuyện. «Chúng ta đang chờ họ giảm leo thang. Áp lực đang đè nặng lên họ. Nếu chúng ta quay lại ném bom, chúng ta sẽ giảm bớt một phần áp lực này.»

Tổng thống Johnson thấy lập luận của Clifford không thuyết phục. «Chúng ta có thể tiếp tục giới hạn đến vĩ tuyến 19 [thay vì 20] trong bao lâu mà không bị mắc kẹt vào việc không bao giờ có thể làm bất cứ điều gì trên vĩ tuyến 19 ?» ông chất vấn. «Tôi nghĩ lực lượng của chúng ta đã đưa họ đến bàn đàm phán, không phải sự hùng biện của chúng ta vào ngày 31 tháng Ba. Tất cả những gì chúng ta đang làm bây giờ là để cho họ xây dựng lại nó.»

Clifford phản bác rằng việc mở rộng ném bom đến vĩ tuyến 20 sẽ chỉ làm giảm dòng chảy thâm nhập không quá 25 phần trăm, mà theo ông là không đáng để mạo hiểm làm suy yếu các cuộc đàm phán. Đi đến vĩ tuyến 20 «sẽ khiến cho hấn ta [Hà Nội] khó khăn hơn trong việc đi xuống một bước», Clifford nhấn mạnh. «Tôi không muốn tỏ ra cứng nhắc.»

Johnson từ chối mua ý tưởng rằng việc sử dụng vũ lực sẽ phá hỏng các cuộc đàm phán. Ông chỉ ra rằng cuộc tấn công quân sự mới nhất của Bắc Việt «đã không

làm nô tung hội nghị hòa bình.»⁹⁴⁷

Cuộc thảo luận kéo dài đến một cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia vào ngày hôm sau. «Người Bắc Việt đã thực hiện một cuộc trao đổi khá tốt», Johnson nhận xét. «Họ được tạm ngừng ném bom một phần chỉ để ngồi và nói chuyện ở Paris.»

Clifford bắn lại rằng chính sự hiện diện của các nhà ngoại giao Bắc Việt tại Paris đã là một thành công. «Điều quan trọng là chúng ta đã buộc Bắc Việt phải nói chuyện mặc dù chúng ta vẫn đang ném bom một phần của miền Bắc Việt Nam», ông nói.

«Không có bằng chứng nào cho thấy Bắc Việt sẽ đàm phán nghiêm túc», Johnson đáp. «Họ sẽ không làm gì hơn ngoài việc ở lại Paris để nói chuyện hơn là đàm phán cho đến khi Chính quyền tiếp theo nhậm chức.»⁹⁴⁸ Cách diễn giải đó được hỗ trợ bởi phân tích gần đây từ cộng đồng tình báo, vốn đã kết luận rằng Hà Nội không có ý định đạt được một giải pháp ngoại giao mà sẽ để chính quyền Nam Việt Nam tiếp tục nắm quyền.⁹⁴⁹ Tuy nhiên, sự nghi ngờ bản nắc đối với Bắc Việt không thể hoàn toàn dập tắt được sự khao khát tiến bộ ngoại giao của Johnson. Vào cuối cuộc họp, Johnson quyết định duy trì các hạn chế đối với Sấm Rền trong thời gian tới.

Trong những ngày cuối của cuộc tấn công đợt hai, Tổng thống Thiệu thành lập một nội các Nam Việt Nam mới, với Trần Văn Hương làm thủ tướng. Đại sứ quán Hoa Kỳ báo cáo rằng nội các mới bao gồm nhiều bộ trưởng giỏi nhất từ nội các trước đó cũng như một số dân sự mới có năng lực.⁹⁵⁰ Việc bổ nhiệm Hương nhận được lời khen ngợi từ các nhóm sinh viên và thanh niên, kể cả một số nhóm từ lâu đã chỉ trích chính quyền Sài Gòn, nhờ vào danh tiếng liêm chính của Hương và lịch sử ủng hộ các tổ chức thanh niên của ông.⁹⁵¹

Nói năng thẳng thắn hơn Thiệu và đứng đắn hơn Kỳ, Hương đã cho chính quyền Sài Gòn một người phát ngôn hấp dẫn nhất kể từ lần cuối cùng Hương làm thủ tướng, vào đầu năm 1965. Trong một bài phát biểu trước quốc dân vào cuối tháng Năm, Hương đưa ra những lời kêu gọi mạnh mẽ về đoàn kết dân tộc và chống tham nhũng. «Người Nam Việt Nam quyết tâm chiến đấu đến cùng», ông tuyên bố, «nếu kẻ thù làm tưởng rằng các cuộc tấn công bằng súng cối, phá hủy nhà cửa và các hành động xâm lược khác như vậy sẽ dẫn chúng đến chiến thắng.»⁹⁵²

Thiệu và Hương đẩy nhanh việc thay thế các quan chức kém hiệu quả và tham nhũng ở cấp tỉnh và huyện, trong một số trường hợp theo đề nghị của người Mỹ,

những người cung cấp cho họ danh sách các cá nhân đáng bị cách chức. Trong số mười ba tỉnh trưởng bị Thiệu sa thải vào mùa xuân, mười hai người được thay thế bởi những cá nhân mà, theo quan điểm của Đại sứ quán Mỹ, rõ ràng tốt hơn những người tiền nhiệm của họ. Các cố vấn hiện trường Mỹ báo cáo rằng những thay đổi lãnh đạo này dẫn đến hiệu suất được cải thiện của Nam Việt Nam trong việc bình định.⁹⁵³

Hương thuyết phục Thiệu rằng một số nói dối các biện pháp an ninh thời chiến sẽ hữu ích trong việc củng cố tinh thần quốc gia. Thiệu chỉ đạo mỗi chính quyền tỉnh phải thả các tù nhân bị giam giữ mà chính phủ thiếu bằng chứng về sự đồng lõa với Cộng sản. Ông dỡ bỏ kiểm duyệt báo chí và cho phép mở cửa trở lại bảy tờ báo đã bị đóng cửa trong những năm gần đây vì chỉ trích chính phủ.⁹⁵⁴

Nguyễn Cao Kỳ rất không hài lòng với việc thành lập nội các của Hương. Vào cuối tháng Năm, ông phàn nàn với Bunker rằng Thiệu đã không thông báo cho ông về kế hoạch thay đổi nhân sự nội các. Kỳ nói, người Mỹ đã nhầm khi xem nội các mới là một sự cải thiện so với nội các trước đó.

«Một số người đã tiếp cận tôi để thực hiện một cuộc đảo chính, nhưng tôi đã nói với họ rằng một cuộc đảo chính là điều không thể», Kỳ nói với Bunker. «Tôi bảo họ phải kiên nhẫn. Họ phải chờ đợi.» Trong một màn thể hiện sự thù địch chưa từng có đối với Thiệu, Kỳ gầm gừ, «Có cả ngàn cách để tiêu diệt một nhà lãnh đạo mà không cần đảo chính.»

Bunker, khiếp đảm trước ý tưởng các nhà lãnh đạo cấp cao của Nam Việt Nam tiêu diệt lẫn nhau, đã cảnh báo Kỳ rằng sự đoàn kết ở đỉnh cao của chính phủ Nam Việt Nam là điều tối quan trọng nếu đất nước muốn ngăn chặn những người Cộng sản.

«Người Mỹ ngây thơ và không hiểu phương Đông», Kỳ chế nhạo.

«Một số người trong chúng tôi thì có hiểu», Bunker đáp trả. «Ở Nhật Bản, nơi có một trong những chính phủ hiệu quả nhất thế giới, luôn tồn tại những chia rẽ nghiêm trọng nhất giữa các nhà lãnh đạo, những khác biệt về tính khí, nhân cách, quan điểm và chính sách, và sự cạnh tranh cho vị trí cao nhất. Nhưng một khi một nhà lãnh đạo được bầu, các nhà lãnh đạo cấp cao biết rằng họ phải làm việc như một đội ; họ đoàn kết và họ hỗ trợ và củng cố lẫn nhau. Đây là điều tạo nên sức mạnh lớn lao cho giới lãnh đạo Nhật Bản.»⁹⁵⁵

Vào ngày 2 tháng Sáu, trong một trận chiến với những người Cộng sản ngoan cố ở Sài Gòn, một máy bay trực thăng Mỹ đã bắn một trong các tên lửa của nó vào một trạm chỉ huy của Quân đội Nam Việt Nam, nơi có vài người ủng hộ quyền lực nhất của Kỳ đang đứng. Vụ nổ giết chết sáu người trong số họ, bao gồm chỉ huy quân sự thủ đô và cảnh sát trưởng Sài Gòn. Người Mỹ mô tả đó là một tai nạn, và không có bằng chứng nào cho thấy điều ngược lại.⁹⁵⁶ Tuy nhiên, trong số những người Nam Việt Nam có đầu óc hay nghi ngờ âm mưu, những tin đồn lan tràn rằng đó là một nỗ lực cố ý của Mỹ nhằm củng cố Thiệu và làm suy yếu Kỳ.⁹⁵⁷

Mặc dù những cái chết có thể là tai nạn, chúng thực sự dẫn đến một sự sụt giảm quyền lực mạnh mẽ và lâu dài đối với Kỳ. Thiệu đã thay thế những người đã chết bằng những người không trung thành với Kỳ và những người vượt trội hơn những người tiền nhiệm của họ về năng lực và liêm chính. Kết quả của những sự thay thế này, nhiều nhóm chính trị khác nhau đã hướng về liên minh chặt chẽ hơn với Thiệu.⁹⁵⁸

Cuối tháng đó, Thiệu thành lập Liên Minh, một tổ chức ô dù nhằm mục đích tập hợp các phe phái chính trị lớn nhất của quốc gia thành một đảng ủng hộ chính phủ mạnh mẽ lần đầu tiên kể từ Cần Lao của Diệm. Tại cuộc

hợp đầu tiên của Liên Minh, Thiệu nhấn mạnh rằng một tổ chức chính trị quốc gia vững mạnh sẽ là cần thiết khi cuộc đấu tranh với những người Cộng sản chuyển từ chiến trường sang lĩnh vực chính trị.⁹⁵⁹ Washington đủ ấn tượng với khái niệm này đến mức họ đã cho phép hỗ trợ tài chính bí mật 1.150.000 đô la cho Liên Minh, đủ để Thiệu thành lập các ủy ban đảng địa phương và đào tạo cán bộ.⁹⁶⁰

Thiệu tận dụng quyền lực ngày càng tăng của mình và làn sóng cảm tình chống Cộng sản được châm ngòi bởi Tổng tiến công Tết Mậu Thân để mở rộng chế độ nghĩa vụ quân sự quốc gia. Trong tháng Sáu, ông đã đảm bảo sự hợp tác của cơ quan lập pháp Nam Việt Nam trong việc hạ độ tuổi nhập ngũ xuống mười tám và cho phép gọi nhập ngũ những người đàn ông từ mười tám đến ba mươi tám tuổi để phục vụ cho đến khi chiến tranh kết thúc. Cơ quan lập pháp tiếp tục ra lệnh rằng nam giới từ mười sáu đến mười bảy tuổi và ba mươi chín đến năm mươi tuổi phải phục vụ trong Lực lượng Tự vệ Nhân dân, các đơn vị dân quân xã không được trả lương mà có thể kháng cự được một chút cho đến khi quân tiếp viện đến. Đến giữa tháng Tám, số lượng nam giới trong các lực lượng vũ trang và các đơn vị bán quân sự của Nam Việt Nam sẽ vượt quá con số của tháng 12 năm 1967 là 120.000 người, nâng tổng quân số của họ lên

gần một triệu.⁹⁶¹

Việc tập hợp sự ủng hộ chính trị cho chính phủ Thiệu cũng cho thấy giới tinh hoa Nam Việt Nam đang đoàn kết xung quanh các nguyên tắc và niềm tin chung, bao gồm chủ nghĩa dân tộc, chống Cộng sản, chính phủ đại diện và bảo vệ các quyền tự do dân sự. Đó là nhận thức và mối lo ngại của ít nhất một số nhà lãnh đạo ở Hà Nội. Tại một hội nghị vào ngày 5 tháng Năm kỷ niệm một trăm năm mươi năm ngày sinh của Karl Marx, nhà lý luận Đảng Cộng sản Trường Chinh tuyên bố rằng đảng cần tìm cách «chống lại các lý thuyết phản động phương Tây đang thịnh hành ở miền nam nước ta.» Ông cảnh báo, những lý thuyết đó «đang phục vụ cho chính sách xâm lược và chủ nghĩa thực dân mới của bè lũ đế quốc đứng đầu là các đế quốc Mỹ.»⁹⁶²

Tướng William C. Westmoreland bàn giao quyền chỉ huy lực lượng Mỹ tại Việt Nam cho Tướng Creighton W. Abrams vào ngày 10 tháng Sáu. Rời Sài Gòn vào ngày hôm sau, Westmoreland đến Washington để thay thế Tướng Harold K. Johnson làm tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ. Sau bốn năm chỉ huy cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam, Westmoreland đã chịu đựng rất tốt dưới áp lực. Vào thời điểm ông rời đi, tình hình quân sự ở Nam Việt Nam chưa bao giờ trông khả quan hơn, và

ông được hưởng danh tiếng mạnh mẽ trong số hầu hết các nhà lãnh đạo quân sự và chính trị của Mỹ.

Người kế nhiệm của ông cũng là một người đàn ông ấn tượng, mặc dù thuộc một kiểu khác. Creighton Abrams lớn lên ở Feeding Hills, Massachusetts, một cộng đồng nông nghiệp nhỏ dọc theo Sông Connecticut. Là niềm tự hào của thị trấn trong những năm trung học, ông đã đạt được hầu hết các vị trí cao nhất trong trường : chủ tịch lớp, đội trưởng đội bóng bầu dục bất bại, biên tập viên tờ báo của trường, diễn giả của lớp và chủ tịch hiệp hội danh dự học thuật. Khi West Point nhận ông vào học ở thời điểm thấp nhất của cuộc Đại suy thoái, ông đã chấp nhận lời đề nghị mà không do dự.

Giống như hầu hết các bạn cùng trang lứa, Abrams thấy khó khăn hơn nhiều để vượt lên dẫn đầu tại West Point. Với chiều cao năm foot, chín inch (khoảng 1m75) và nặng 165 pound (khoảng 75kg), ông quá nhỏ con cho đội bóng bầu dục. Là một sinh viên bình thường, ông tốt nghiệp thứ 185 trong số 276 sinh viên sĩ quan khóa năm 1936. Quân đội thời bình hay bủn xỉn vào cuối những năm 1930 đã biến Trung úy Abrams thành một sĩ quan trong kỵ binh cưỡi ngựa, một sự lỗi thời lẽ ra nên được loại bỏ khỏi quân đội hàng thập kỷ trước đó.

Nếu hòa bình tiếp tục, Abrams rất có thể đã sống cả sự nghiệp trong sự vô danh, giống như bao quân nhân tài năng khác đã bỏ lỡ chiến tranh. Sự bùng nổ của Thế chiến II, với lệnh động viên hàng loạt và cơn khát sĩ quan không thể nguôi ngoai, đã cho Abrams cơ hội của mình. Được thăng chức chỉ huy Tiểu đoàn Thiết giáp 37 ở độ tuổi còn trẻ, Abrams đã chứng tỏ là sĩ quan thiết giáp hung hãn và hiệu quả nhất của Mỹ trong cuộc đột phá khỏi Normandy vào mùa hè năm 1944. Ông giữ chiếc xe tăng của riêng mình ở phía trước tiểu đoàn với nắp hầm mở để có thể duy trì tầm nhìn ra chiến trường không bị cản trở, một thói quen khiến các đồng đội xe tăng dự đoán cái chết sớm của ông. Abrams yêu cầu tất cả xe tăng của mình chiến đấu với nắp hầm mở, và khi ông thấy một chiếc xe tăng đã đóng nắp hầm, ông thuyết phục phi hành đoàn tuân thủ chương trình bằng cách đe dọa sẽ hàn kín nắp hầm.

Nhờ những thành công trong cuộc đột phá Normandy, Tiểu đoàn Thiết giáp 37 đã trở thành lực lượng tiên phong cho cuộc tiến quân tiếp theo về phía Đức. Abrams dẫn đầu tiểu đoàn trong các cuộc đột kích táo bạo vào hậu phương địch, nơi họ phá hủy các phương tiện và cơ sở của Đức không hề phòng. Trong Trận Bulge, những chiếc xe tăng của ông là mũi nhọn trong việc giải vây cho đồn trú Mỹ tại Bastogne, một sự kiện đã đưa ông

vào ý thức của cả nước. Một trong những người ngưỡng mộ ông nhất là Tướng George S. Patton, người nhận xét, «Tôi được cho là người chỉ huy xe tăng giỏi nhất trong Quân đội, nhưng tôi có một người ngang hàng - Abe Abrams. Anh ấy là nhà vô địch thế giới.»

Abrams ít chần chừ về ngoại hình hơn Westmoreland, bộ đồng phục của ông nhăn nhúm theo một cách dường như chưa bao giờ ảnh hưởng đến người tiền nhiệm. Tuy nhiên, với tư cách là một nhà lãnh đạo đầy cảm hứng, ông không kém phần tài năng. Một nhà báo nhận xét rằng Abrams có thể «truyền cảm hứng hung hãn cho cả một cây thu hải đường.» Abrams công khai vun đắp hình ảnh một chiến binh nhậu bia nhai xì gà, nhưng ông cũng có trí tuệ mạnh mẽ, mà ông giữ gìn bằng cách đọc sách về lịch sử và triết học.⁹⁶³

Vấn đề cấp bách nhất mà Tướng Abrams phải đối mặt là sự dai dẳng của sức ép quân sự từ Bắc Việt Nam lên Sài Gòn. Bất chấp những thất bại thảm khốc mà quân Bắc Việt Nam phải chịu ở khu vực Sài Gòn trong đợt tấn công lần sóng thứ hai, Hà Nội tiếp tục ưu tiên cao nhất thành phố này cho Quân đội Bắc Việt Nam. Lực lượng Bắc Việt Nam đang rình rập ở ngoại ô, phát động các cuộc tấn công vào gần hơn, và bắn vũ khí vào trung tâm thành phố. Đến tuần thứ hai của tháng Sáu,

hỏa lực rocket và súng cối của Cộng sản vào Sài Gòn đã giết chết 189 thường dân và làm bị thương 614 người. Số cư dân phải rời bỏ nhà cửa kể từ đầu tháng Năm đã vượt quá 100.000 người.

Bunker cảnh báo Washington rằng việc các cuộc tấn công như vậy tiếp tục sẽ làm suy yếu tinh thần của Nam Việt Nam. Đặt cạnh việc đình chỉ Chiến dịch Sấm Rền trên bầu trời Hà Nội, chúng truyền tải ấn tượng rằng Hoa Kỳ và Nam Việt Nam yếu đuối. Bộ trưởng Thông tin Nam Việt Nam, bày tỏ sự bất bình đang trở nên phổ biến trong giới quan chức Nam Việt Nam, đề xuất rằng bất cứ khi nào quân Bắc Việt bắn một quả cối hoặc rocket vào Sài Gòn, Hoa Kỳ nên thả một quả bom xuống Hà Nội.⁹⁶⁴

Để khắc phục tình hình, Abrams điều động thêm quân đến gần Sài Gòn. Vào cuối tháng Sáu, bảy mươi bảy trong số chín mươi sáu tiểu đoàn đồng minh ở Quân đoàn III đang hoạt động tại Sài Gòn hoặc các tỉnh ngay xung quanh đó. Bằng cách bão hòa khu vực với các cuộc tuần tra trên mặt đất và trên không, các tiểu đoàn này đã chặn đứng các cuộc tấn công rocket và súng cối vào Sài Gòn.⁹⁶⁵

Sài Gòn lúc này đang hiện hữu rất nhiều trong suy nghĩ của Lê Duẩn khi ông vạch kế hoạch cho bước đi tiếp theo. Vào cuối tháng Sáu, ông bay đến Phnom Penh dưới một cái tên giả để gặp những người sẽ phải thực hiện các kế hoạch mới nhất của ông. Từ sân bay, Lê Duẩn được đưa bằng ô tô về phía đông, và sau đó ông xuống xe để đi bộ đoạn cuối cùng. Một nhóm lãnh đạo quân sự cấp cao Bắc Việt và một tá cố vấn Trung Quốc đang chờ tại một căn cứ bí mật ở Campuchia để chào đón ông.

Những phút đầu tiên được dành để thảo luận về các đợt tấn công lần sóng thứ nhất và thứ hai. Một số người tham dự phàn nàn rằng chiến lược của Bắc Việt Nam «đã không phù hợp với thực tế của tình hình.» Họ nói rằng các cuộc tấn công gần đây đã hy sinh quá nhiều để đổi lấy quá ít lợi ích. Không rõ Lê Duẩn có đang chú ý lắng nghe hay đang mơ màng, nhưng trong cả hai trường hợp, ý kiến của họ đều không ảnh hưởng đến suy nghĩ của ông.

Sau khi các nhà quân sự trình bày quan điểm của mình, Lê Duẩn nói rằng vào tháng Tám, họ sẽ thực hiện lần sóng thứ ba của tổng tiến công và nổi dậy. Nó sẽ giống hai lần sóng đầu tiên, tập trung vào các mục tiêu đô thị. Các sĩ quan Bắc Việt đồng ý tuân thủ, mặc dù họ

có ít lý do để nghĩ rằng làn sóng thứ ba có triển vọng tốt hơn các đợt trước đó. Tuy nhiên, các cố vấn Trung Quốc đã ghi nhận sự phản đối mạnh mẽ đối với kế hoạch của Lê Duẩn. Khi Lê Duẩn từ chối nhượng bộ, người Trung Quốc bỏ về giữa cuộc họp để phản đối.⁹⁶⁶

Làn sóng thứ ba sẽ tiến hành theo cách mà Lê Duẩn đã nghĩ trong đầu khi ông đến Campuchia.

Chương 16 - Đột tấn công thứ ba

Tháng 7 - Tháng 9 năm 1968

Trong những tháng đầu tiên tại nhiệm với tư cách là tư lệnh lực lượng Mỹ tại Nam Việt Nam, Tướng Creighton Abrams tỏ ra ít có xu hướng thay đổi chiến lược hoặc chiến thuật mới. Sau khi nghe các chỉ huy của mình giải thích cách họ tiến hành các hoạt động tại một hội nghị vào tháng 7, Abrams nhận xét rằng ông «không thấy lý do gì để ban hành chỉ thị mới. Chúng ta dường như đang làm những gì chúng ta nên làm.»⁹⁶⁷

Giống như Westmoreland, Abrams ra lệnh cho các chỉ huy của mình tìm kiếm và giao chiến với kẻ thù ở các khu vực xa xôi thay vì chờ chúng đến các làng mạc, thành phố và các căn cứ quân sự. «Tôi dự định đáp ứng kẻ thù trong việc tìm kiếm chiến trận và trên thực tế là dự đoán trước hấn bất cứ nơi nào có thể», Abrams thề. «Chúng ta phải dự đoán trước hấn, khóa chặt các lực lượng chủ lực của hấn càng xa càng tốt khỏi các khu vực trọng yếu của chúng ta, và đánh bại hấn một cách nhanh chóng.»⁹⁶⁸ Abrams chỉ thị cho cấp dưới tránh sử dụng thuật ngữ «tìm và diệt», nhưng chỉ vì lý do ngữ nghĩa. Thay vào đó, họ sẽ sử dụng các thuật ngữ mà Westmoreland đã đưa ra ngay trước khi ông rời đi do lo

ngại rằng thuật ngữ ban đầu đã bị hiểu sai : «các hoạt động chặn trước» và «trình sát thăm dò lực lượng.»⁹⁶⁹ Abrams nhấn mạnh giá trị của việc tiêu hao trong các hoạt động như vậy, lưu ý rằng «phần thưởng là nắm được tên này và giết càng nhiều trong số chúng càng tốt.»⁹⁷⁰

Chỉ trong một trường hợp, đó là của Thủy quân lục chiến Mỹ ở cực bắc, Abrams mới lập tức rời xa cách chiến tranh của Westmoreland. Trong những tháng cuối cùng của mình với tư cách là tư lệnh, Westmoreland đã giữ Thủy quân lục chiến tại Khe Sanh để căn cứ này có thể đóng vai trò là bàn đạp cho một cuộc xâm nhập đường bộ vào Lào, điều mà ông hy vọng sẽ diễn ra vào mùa thu năm 1968. Ông đã phê duyệt phân phối kế hoạch cho Chiến dịch El Paso, cuộc chiếm đóng Đường mòn Hồ Chí Minh, chỉ bốn ngày trước khi rời khỏi đất nước. Báo cáo khả thi đi kèm với tài liệu kế hoạch đặc biệt hứa hẹn ; nó cho rằng yêu cầu lực lượng cho chiến dịch chỉ là hai sư đoàn, Sư đoàn Kỵ binh số 1 và Sư đoàn Nhảy dù ARVN, chứ không phải ba sư đoàn như đã nêu trong kế hoạch trước đó, chứ đừng nói đến hai trăm nghìn quân mà Đại sứ Sullivan trước đó đã tuyên bố là cần thiết.⁹⁷¹

Abrams không thấy trước nhu cầu sắp xảy ra đối với Khe Sanh như một khu vực tập kết vì ông kém lạc quan hơn Westmoreland rằng Nhà Trắng sẽ phê chuẩn các hoạt động mặt đất vào Lào trong tương lai gần. Trước đây Abrams đã vận động các cấp cao hơn cho các hoạt động như vậy, và ông sẽ tiếp tục vận động cho chúng, nhưng ông không thấy cần phải duy trì một vị trí tiền đồn của Mỹ tại Khe Sanh trong thời gian chờ đợi. Giống như lãnh đạo Thủy quân lục chiến, ông tin rằng Thủy quân lục chiến gần DMZ nói chung hiệu quả hơn và ít bị tổn thương hơn khi tiến hành các hoạt động tìm và diệt so với khi ngồi trong các căn cứ cố định. Nếu và khi một cuộc xâm nhập vào Lào được phê chuẩn, lực lượng Mỹ có thể tái chiếm cao nguyên Khe Sanh và biến nó trở lại thành một căn cứ quân sự. Do đó, ngay sau khi nhậm chức, Abrams đã ra lệnh cho Thủy quân lục chiến rời khỏi Khe Sanh. Thủy quân lục chiến phá hủy các boongke của căn cứ và đốt cháy các tòa nhà của nó trước khi rút quân cuối cùng vào ngày 11 tháng 7.⁹⁷²

Trong những tháng còn lại của năm 1968, Hoa Kỳ sẽ phải phụ thuộc vào ném bom và những đội mới của Đại sứ Sullivan để làm gián đoạn giao thông của Bắc Việt Nam tại Lào. Khái niệm của Sullivan về việc ngăn chặn Bắc Việt Nam bằng cách làm lây lộn các con đường Lào đã bị mất uy tín hơn nữa vào mùa xuân, khi tình báo Mỹ

xác định rằng Bắc Việt Nam đã xây dựng những con đường mới trải nhựa chịu được mọi thời tiết dọc theo các tuyến đường thâm nhập Lào.

Với những con đường này, CIA ước tính, Bắc Việt Nam có thể chở bằng xe tải một trăm tấn ngấn mỗi ngày vào Nam Việt Nam trong suốt cả năm.⁹⁷³

Sullivan lại đưa ra một phương thuốc chữa bách bệnh khác, việc đưa các quan sát viên quốc tế vào các con đường dẫn từ Bắc Việt Nam đến Đường mòn Hồ Chí Minh. «Chúng tôi sẽ đảm bảo quan sát và kiểm soát tất cả các phương tiện duy trì và hỗ trợ Bắc Việt Nam tại Lào», Sullivan giải thích trong một bức điện gửi Washington. «Điều này có nghĩa là hệ thống tiếp tế của Bắc Việt Nam sẽ biến mất và họ sẽ phải đưa quân đội của mình về nhà.»⁹⁷⁴ Ý tưởng này sẽ không mang lại kết quả gì hơn là cuộc chiến bùn lầy.

Trong mùa hè, hệ thống hậu cần của Bắc Việt Nam tại Lào đã vận chuyển đủ trang thiết bị và vật tư để duy trì các đơn vị lớn của Quân đội Bắc Việt và tiến hành các hoạt động chiến đấu, mặc dù vẫn không đủ để họ chiến đấu thường xuyên như Hà Nội muốn. Những người thâm nhập từ miền Bắc đang đổ vào với tốc độ mười bốn nghìn người mỗi tháng. Hầu hết trong số họ gia nhập các đơn vị chiến đấu vốn đã bị hao hụt bởi các

trận đánh gần đây và được lên kế hoạch tham gia vào đợt tấn công thứ ba.⁹⁷⁵

Làn sóng nhập cư này trùng hợp với thương vong chiến trường của Quân đội Bắc Việt liên tục ở mức cao và sự sụt giảm trong việc tuyển mộ nam giới Nam Việt Nam của Cộng sản. Do đó, nó đẩy nhanh sự chiếm ưu thế của nhân sự Bắc Việt trong Lực lượng Giải phóng Nhân dân và Mặt trận Dân tộc Giải phóng, những tổ chức mà hầu hết người phương Tây vẫn gọi là «Việt Cộng» và một số người phương Tây vẫn tin là độc lập với Hà Nội. Đến cuối mùa hè, bốn mươi sáu trong số năm mươi tám trung đoàn Cộng sản tại Nam Việt Nam, bao gồm các trung đoàn «Việt Cộng», được cấu thành hoàn toàn bởi những người từ Bắc Việt Nam, và người miền Bắc chiếm đa số binh lính trong chín trung đoàn mười hai còn lại.⁹⁷⁶

Vào cuối tháng 7, các điều hâu Mỹ chộp lấy các báo cáo tình báo về việc thâm nhập ồ ạt của Bắc Việt Nam như một bằng chứng cho thấy sự cần thiết phải có những hành động quân sự mạnh mẽ hơn ngoài biên giới Nam Việt Nam. Harriman và Vance phản bác rằng các báo cáo chứng minh sự cần thiết phải mở rộng lệnh ngừng ném bom ra toàn bộ Bắc Việt Nam. Theo những dự báo đầy hy vọng của Harriman và Vance, một sự mở rộng

như vậy sẽ ngăn cản Bắc Việt Nam tấn công lần nữa và do đó sẽ cứu mạng các binh sĩ Mỹ.⁹⁷⁷

Tổng thống Johnson thông báo cho Harriman và Vance rằng ông sẽ không thay đổi việc ném bom chừng nào Bắc Việt Nam không có phản ứng tích cực trên mặt trận ngoại giao.⁹⁷⁸ Tổng thống tức giận trước những gì ông cho là một nỗ lực phối hợp của Harriman, Vance, Clifford và những người khác trong chính quyền của ông nhằm ngăn chặn Sấm Rền dựa trên logic giả tạo.⁹⁷⁹ Ông nói với Thống đốc Richard Hughes của New Jersey, «Những gì họ yêu cầu tôi làm là trở thành gã ngốc lớn nhất của thời đại chúng ta. Ngay khi Cộng sản chuẩn bị tấn công chúng ta, họ muốn tôi làm điều tôi đã làm vào dịp Tết - đi nghỉ, để cho binh lính của chúng ta chấp nhận một kỳ nghỉ Tết, và khi tôi làm vậy, và hủy bỏ việc ném bom của chúng ta, để họ tấn công tôi hết cỡ, và tôi chỉ - tôi chỉ - tôi không thể hiểu nổi.»⁹⁸⁰

Johnson đang nhận được các báo cáo từ Abrams mô tả Sấm Rền hiệu quả hơn nhiều so với những gì Harriman, Vance và Clifford đang tuyên bố. Theo các báo cáo này, việc ném bom đang phá hủy hoặc làm hư hại chín mươi xe tải Bắc Việt mỗi tuần, tương đương 15% số xe tải hướng vào Nam Việt Nam. Việc ném bom vào các điểm nghẽn ở miền nam Bắc Việt Nam, Abrams báo cáo, đã

khiến kẻ thù cắt giảm số lượng xe tải đi về phía nam và hạn chế di chuyển xe tải vào ban đêm. Sấm Rền đang trói chặt 80.000 binh lính Bắc Việt và từ 110.000 đến 200.000 lao động trong các hoạt động phòng không. Việc ngừng ném bom, Abrams dự đoán, sẽ dẫn đến việc tăng vài lần khả năng hậu cần và hoạt động chiến đấu của kẻ thù ở Quân khu I và do đó dẫn đến sự gia tăng tương ứng về thương vong của phe ta trong khu vực đó.

981

Nỗ lực ném bom gia tăng ở miền nam Bắc Việt Nam đang gây tổn hại cho kẻ thù nhiều hơn Abrams hoặc bất kỳ người Mỹ nào khác đánh giá cao. Như sẽ được tiết lộ trong các ghi chép lịch sử thời hậu chiến, việc hạn chế ném bom của Mỹ dưới vĩ tuyến 19 đã tập trung các cuộc ném bom vào các khu vực mà giao thông xe tải của Bắc Việt Nam đặc biệt dễ bị tổn thương. Mọi xe tải Bắc Việt chở hàng đến Đường mòn Hồ Chí Minh đều phải đi qua vùng panhandle (dải đất hẹp) của Bắc Việt Nam dưới vĩ tuyến 19 trước khi di chuyển về phía tây vào Lào. Chỉ có một số ít con đường trong vùng panhandle có thể chứa xe tải, và do đó tất cả xe tải phải đi qua ít nhất một trong số ít giao lộ then chốt. Với số bom thả được dưới vĩ tuyến 19 nhiều hơn trước đây rất nhiều, người Mỹ giờ đây đang khiến các điểm nghẽn này phải hứng chịu các cuộc tấn công liên tục và tàn khốc.⁹⁸²

Ban đầu, Bắc Việt vội vã đưa các vũ khí phòng không đến bảo vệ các điểm then chốt, nhưng các cuộc tấn công mạnh mẽ của máy bay Mỹ đã loại khỏi vòng chiến phần lớn số vũ khí này.⁹⁸³ Ý thức được rằng người Mỹ có thể chấm dứt các hạn chế địa lý đối với Chiến dịch Sấm Rền (Sấm Rền) bất cứ lúc nào, Bắc Việt giữ lại gần như toàn bộ tên lửa đất đối không của họ ở Hà Nội và Hải Phòng, điều này đảm bảo rằng tổn thất máy bay Mỹ trong chiến dịch dưới vĩ tuyến 19 sẽ thấp hơn nhiều so với ở khu vực Hà Nội - Hải Phòng. Lúc này, Không quân Mỹ mất ít hơn hai máy bay trên một nghìn phi vụ, so với con số hơn hai mươi trên một nghìn mà họ từng mất ở miền Bắc Việt Nam.⁹⁸⁴ Trong môi trường tương đối an toàn này, các phi công Mỹ có thể bay ở độ cao thấp hơn và ở lại gần mục tiêu của họ lâu hơn.

Theo các nguồn của Bắc Việt, chiến dịch ném bom mới đã khiến lượng hàng tiếp tế hàng tháng qua nút giao quan trọng tại Hà Tĩnh giảm từ 6.500 tấn xuống còn 1.430 tấn.⁹⁸⁵ Vào cuối mùa hè, Bắc Việt chỉ có thể vận chuyển được 20% khối lượng hàng tiếp tế theo kế hoạch để giao cho Đường mòn Hồ Chí Minh.⁹⁸⁶ Chiến dịch không kích được điều chỉnh ở miền Bắc cuối cùng đã trở thành một nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng đạn dược và lương thực trong các đơn vị Bắc Việt ở miền Nam.⁹⁸⁷

Vào tháng 7, Bộ Tổng tư lệnh Bắc Việt phổ biến các kế hoạch chi tiết cho đợt tấn công thứ ba của tổng tiến công và nổi dậy. Dự kiến bắt đầu vào ngày 17 tháng 8 và tiếp tục cho đến ngày 28 tháng 9, đợt thứ ba sẽ bao gồm các cuộc tấn công quy ước vào Sài Gòn và các trung tâm dân cư lớn khác. Sau khi nhận được các kế hoạch này, một số nhà lãnh đạo Bắc Việt ở miền Nam đã không dám bày tỏ nghi ngờ của mình, vì sợ bị buộc tội hèn nhát hoặc thiếu lập trường tư tưởng.⁹⁸⁸ Những người khác phản đối rằng triển vọng cho các cuộc tấn công đô thị tiếp theo là kém và đề nghị tập trung đợt thứ ba vào nông thôn và rừng núi thay vào đó.⁹⁸⁹ Một lần nữa, Lê Duẩn bỏ qua những cảnh báo.⁹⁹⁰

Cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới rất có thể là một trong những yếu tố trong quyết định của Lê Duẩn khi tiếp tục tiến hành bất chấp nhiều lời khuyên trái chiều. Cuộc tấn công đợt thứ ba trùng với đại hội toàn quốc của Đảng Dân chủ Mỹ, dự kiến diễn ra từ ngày 26 đến 29 tháng 8 tại Chicago.⁹⁹¹ Tấn công Sài Gòn sẽ tạo ra những bài báo về chiến sự và thương vong của Mỹ nhờ sự tập trung của các phóng viên Mỹ ở thủ đô. Những bài báo đó, đến lượt nó, có thể thổi bùng tâm trạng phản chiến ở Hoa Kỳ, khuyến khích Đảng Dân chủ đề cử một ứng cử viên không muốn tiếp tục theo đuổi chiến tranh, và tạo cơ hội tốt hơn cho ứng viên Đảng Dân chủ

trong cuộc bầu cử tổng thống chống lại ứng viên Đảng Cộng hòa, Richard Nixon, người mà Bắc Việt tin rằng sẽ nguy hiểm đối với Hà Nội hơn bất kỳ người Dân chủ nào.⁹⁹²

Bắc Việt biết Nixon là một trong những người chống Cộng sản kiên định nhất của nước Mỹ, người đã dẫn đầu các cáo buộc gián điệp chống lại Alger Hiss và tranh luận với Nikita Khrushchev về những ưu điểm của chủ nghĩa tư bản trong một nhà bếp kiểu Mỹ mẫu mực. Nỗi sợ hãi của họ về Nixon cũng được chia sẻ bởi người Liên Xô ; Moscow mong muốn đánh bại ông ta đến mức đã bí mật đề nghị cung cấp tiền và hỗ trợ khác cho Hubert Humphrey, người đã trở thành ứng cử viên dẫn đầu của Đảng Dân chủ sau vụ ám sát Robert F. Kennedy vào ngày 5 tháng 6. Đại sứ Liên Xô Anatoly Dobrynin, người mang đến lời đề nghị, kể lại rằng Humphrey lịch sự từ chối với nhận xét rằng «chỉ riêng việc Moscow có thiện chí đã là quá đủ đối với ông ta, điều mà ông ta đánh giá rất cao.»⁹⁹³

Nixon từng là người ủng hộ mạnh mẽ việc Mỹ can thiệp vào Việt Nam năm 1964 và 1965, và sau đó cho rằng việc giải cứu Nam Việt Nam đã cứu toàn bộ châu Á khỏi chủ nghĩa Cộng sản. Sau một chuyến đi đến Viễn Đông vào năm 1967, ông đã viết rằng lập trường

của Mỹ ở Việt Nam là «một nhân tố quan trọng trong sự thay đổi ở Indonesia», một quốc gia «cho đến nay là phần thưởng lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á.» Cuộc chiến đã «lôi kéo Bắc Kinh khỏi các mục tiêu tiềm năng khác như Ấn Độ, Thái Lan và Malaysia» và đã «giành được thời gian cần thiết cho các chính phủ vốn yếu kém hoặc bất ổn hoặc nghiêng về Bắc Kinh như một biện pháp phòng ngừa cho tương lai - thời gian cho phép họ cố gắng đối phó với các cuộc nổi dậy của chính mình trong khi vẫn tiến lên phía trước với sự phát triển chính trị, kinh tế và quân sự của họ.»⁹⁹⁴

Từ năm 1965 đến 1967, Nixon đã cùng các điều hâu khác yêu cầu chính quyền Johnson đánh mạnh hơn vào Bắc Việt và Đường mòn Hồ Chí Minh bằng sức mạnh không quân. Tuy nhiên, trong cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Cộng hòa, ông đã thể hiện một giọng điệu ôn hòa hơn. Khi chủ đề về chính sách Việt Nam nảy sinh, ông đã tuôn ra những điều chung chung về đạt được một nền hòa bình bảo tồn được một Nam Việt Nam không Cộng sản thông qua một giải pháp ngoại giao. Những tuyên bố như vậy thu hút những người Cộng hòa, những người tin rằng ngoại giao, được hỗ trợ bởi mối đe dọa và việc sử dụng vũ lực, có thể nhanh chóng giải quyết xung đột như đã từng xảy ra khi Eisenhower chấm dứt Chiến tranh Triều Tiên vào năm 1953.

Đồng thời, hồ sơ chống Cộng sản không khoan nhượng của Nixon đã tạo ra sự đảm bảo cho những người Cộng hòa, những người dự đoán trước những cuộc chiến đấu đầy cay đắng tiếp theo. Nixon cũng cố nhận thức đó với những bình luận trong chiến dịch vận động về sự cần thiết phải kiên trì. «Đây là một cuộc chiến chúng ta không thể thua», ông tuyên bố tại một điểm dừng chân ở New Hampshire. «Vì chúng ta chiến đấu ở Việt Nam không chỉ vì riêng Việt Nam, mà vì hòa bình ở Thái Bình Dương.» Cam kết của Mỹ đối với Nam Việt Nam là «cái nút chai trong chai của chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc ở châu Á.»⁹⁹⁵ Trong một cuộc phỏng vấn về chủ đề chiến tranh, ông khẳng định rằng «Chúng ta phải chấm dứt [cuộc chiến] với chiến thắng, nếu không nó sẽ bắt đầu lại sau vài năm nữa.» Rút khỏi Việt Nam «có thể cứu được mạng sống của những chàng trai ở độ tuổi hai mươi, nhưng không cứu được những đứa em trai của họ, những người sẽ phải chiến đấu một lần nữa.»⁹⁹⁶

Nixon kháng cự lại những nỗ lực của giới truyền thông nhằm làm lộ ra các kế hoạch cụ thể của ông về Việt Nam, vì không muốn lộ bài cho kẻ thù hoặc đưa ra các cam kết có thể trói buộc ông một khi đã nhậm chức. Khi một phóng viên hỏi liệu ông có một «kế hoạch bí mật» để kết thúc chiến tranh hay không, ông trả lời rằng

ông sẽ kết thúc chiến tranh với tư cách là tổng thống, nhưng ông không tuyên bố đã xây dựng một kế hoạch bí mật. Tuy nhiên, một báo cáo tin tức khẳng định rằng Nixon đã tuyên bố có một kế hoạch bí mật để kết thúc chiến tranh, và các cơ quan truyền thông khác tiếp tục câu chuyện này một cách kiên trì đến mức nó sớm được chấp nhận như một sự thật.⁹⁹⁷

Tuy nhiên, trong suốt chiến dịch, Nixon đã thể hiện các yếu tố của những gì sau này sẽ trở thành kế hoạch của ông, và đôi khi ông thể hiện chúng một cách công khai. Nếu được bầu, ông dự định tăng cường lực lượng vũ trang Nam Việt Nam, giữ cho cỗ máy quân sự Mỹ tiếp tục vận hành, thúc giục Moscow và Bắc Kinh gây áp lực ngoại giao lên Hà Nội, và cảnh báo Bắc Việt đàm phán kết thúc chiến tranh nhanh chóng nếu không sẽ phải đối mặt với sự tàn phá. Bằng cách xây dựng lực lượng Nam Việt Nam, ông sẽ khiến họ tham chiến nhiều hơn và giảm thiểu chi phí về sinh mạng và tiền bạc của Mỹ mà không ảnh hưởng đến nỗ lực chiến tranh.⁹⁹⁸

Riêng tư, Nixon bày tỏ sự lạc quan rằng sự kết hợp giữa các biện pháp quân sự và ngoại giao của ông sẽ buộc Bắc Việt phải bỏ cuộc trong những tháng đầu tiên ông tại nhiệm, giống như các biện pháp của Eisenhower đã buộc Bắc Triều Tiên phải nhượng bộ vào năm 1953.

⁹⁹⁹ Danh tiếng của ông như một người chống Cộng sản không khoan nhượng sẽ đe dọa Bắc Việt phải ký một thỏa thuận hòa bình. «Họ sẽ tin bất kỳ mối đe dọa sử dụng vũ lực nào mà Nixon đưa ra bởi vì đó là Nixon», ông nói với H. R. Haldeman, chánh văn phòng của mình. «Tôi gọi đó là Học thuyết Kẻ điên (Madman Theory). Tôi muốn người Bắc Việt tin rằng tôi đã đạt đến điểm mà tôi có thể làm bất cứ điều gì để ngừng chiến tranh. Chúng ta sẽ chỉ thì thầm với họ rằng, ‘vì Chúa, anh biết đấy, Nixon bị ám ảnh về Chủ nghĩa Cộng sản. Chúng tôi không thể kiềm chế được ông ta khi ông ta nổi giận - và ông ta đã đặt tay lên nút hạt nhân’ - và chính Hồ Chí Minh sẽ có mặt ở Paris trong vòng hai ngày để cầu xin hòa bình.» ¹⁰⁰⁰

Sự im lặng công khai của Nixon về các kế hoạch chính sách và việc ông chiều theo quan điểm của các khối cử tri khác nhau trong chiến dịch vận động đã phục vụ ông tốt trong việc tranh thủ toàn bộ phổ tư tưởng của cử tri Đảng Cộng hòa. Những người thách thức chính của Nixon, Thống đốc California Ronald Reagan và Thống đốc New York Nelson Rockefeller, đã thể hiện các lập trường rõ ràng hơn về Việt Nam và không giành được sự ủng hộ rộng rãi. Cả hai đều không thể sánh được với số phiếu của Nixon trong hầu hết các cuộc bầu cử sơ bộ. ¹⁰⁰¹

Đến thời điểm Đại hội Toàn quốc Đảng Cộng hòa, được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị Miami Beach từ ngày 5 đến ngày 8 tháng 8, việc đề cử Richard Nixon đã được định trước. Khi chấp nhận sự đề cử của đảng mình, Nixon chỉ cụ thể hơn một chút so với thời gian diễn ra cuộc bầu cử sơ bộ. Theo thông lệ trong dịp như vậy, ông dành nhiều thời gian để lên án đảng đối lập và tổng thống đương nhiệm của họ hơn là trình bày các giải pháp thay thế.

«Chúng ta đừng bao giờ quên rằng dù có những sai sót, nước Mỹ vẫn là một quốc gia vĩ đại», Nixon tuyên bố trong bài phát biểu nhận đề cử. «Nước Mỹ vĩ đại vì người dân của bà vĩ đại. Cùng với Winston Churchill, chúng ta nói rằng chúng ta đã không vượt qua tất cả chặng đường này, xuyên qua các thế kỷ, xuyên qua các đại dương, xuyên qua các ngọn núi, xuyên qua các đồng bằng cỏ chỉ vì chúng ta được làm bằng kẹo đường. Nước Mỹ đang gặp rắc rối ngày nay không phải vì người dân của bà đã thất bại, mà vì các nhà lãnh đạo của bà đã thất bại. Và điều nước Mỹ cần là những nhà lãnh đạo xứng tầm với sự vĩ đại của người dân bà.»

Về Việt Nam, Nixon ngâm nga, «Chưa bao giờ nhiều sức mạnh quân sự, kinh tế và ngoại giao như vậy lại được sử dụng một cách kém hiệu quả đến thế. Nếu sau

tất cả thời gian này, và tất cả sự hy sinh này, và tất cả sự hỗ trợ này, vẫn không thấy hồi kết, thì tôi nói rằng đã đến lúc người dân Mỹ chuyển sang một sự lãnh đạo mới, không bị ràng buộc bởi những sai lầm và chính sách của quá khứ. Đó là những gì chúng tôi mang đến cho nước Mỹ. Và tôi cam kết với các bạn tôi nay rằng mục tiêu chính sách đối ngoại ưu tiên hàng đầu của chính quyền tiếp theo của chúng ta sẽ là mang lại một kết thúc danh dự cho cuộc chiến ở Việt Nam.»

Ở phần khác trong bài phát biểu, Nixon kêu gọi các quốc gia khác gánh vác phần lớn hơn gánh nặng của cuộc chiến. «Ở Triều Tiên, và giờ một lần nữa ở Việt Nam, Hoa Kỳ đã cung cấp hầu hết tiền bạc, hầu hết vũ khí, hầu hết con người để giúp nhân dân các nước đó tự vệ chống lại sự xâm lược», ứng viên nói. «Giờ đây, chúng ta là một quốc gia giàu có, chúng ta là một quốc gia mạnh mẽ, chúng ta là một quốc gia đông dân, nhưng có 200 triệu người Mỹ và có hai tỷ người sống trong thế giới tự do, và tôi nói rằng đã đến lúc các quốc gia khác trong thế giới tự do phải gánh phần công bằng của mình trong gánh nặng bảo vệ hòa bình và tự do trên khắp thế giới này.»¹⁰⁰²

Vào ngày 17 tháng 8, chín ngày sau đại hội Đảng Cộng hòa và chín ngày trước đại hội Đảng Dân chủ, cuộc tấn công đợt thứ ba bắt đầu. Trái ngược với các cuộc tấn công đồng loạt trong các cuộc tấn công vào tháng Giêng và tháng Năm, các cuộc tấn công của Bắc Việt được bố trí so le về mặt địa lý, điều đó có nghĩa là một số trong số chúng sẽ khởi động trong thời gian diễn ra đại hội Đảng Dân chủ. Trong số các cuộc tấn công sơ bộ, lớn nhất diễn ra tại Thành phố Tây Ninh, do Sư đoàn 5 và Sư đoàn 9 Quân đội Bắc Việt khởi xướng.¹⁰⁰³

Đã phát hiện sự hiện diện của Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 ở tỉnh Tây Ninh vào tháng trước, lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam đã duy trì sự cảnh giác xung quanh thành phố. Ban ngày họ tuần tra các vùng phụ cận, ban đêm họ bố trí phục kích trên các con đường, lối mòn và đường thủy. Vào lúc 22:30 đêm ngày 17 tháng 8, một trung đội Mỹ phát hiện một tiểu đoàn Bắc Việt đang hành quân về phía Thành phố Tây Ninh. Người Mỹ gọi vô tuyến báo vị trí của kẻ thù, và chẳng mấy chốc pháo binh, súng cối và máy bay vũ trang Mỹ đã trút đạn lên đơn vị Bắc Việt. Bị mắc kẹt ở nơi trống trải, tiểu đoàn phải chịu tổn thất kinh hoàng, được người Mỹ ước tính là hai trăm người.

Cuộc chạm trán ban đầu này khiến các lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa khác gần thành phố chuyển vào tình trạng báo động cao. Trong số đó có 250 lính Mỹ tại Căn cứ Hỗ trợ Hỏa lực Buell II, cách thành phố bảy kilômét về phía bắc, những người sẽ phải đối mặt với cuộc tấn công quy mô lớn đầu tiên của Bắc Việt. Vào lúc 01:30, ba tiểu đoàn bộ binh Bắc Việt và một tiểu đoàn phòng không, với tổng số 1.400 binh sĩ Bắc Việt, đã cố gắng tràn ngập Buell II.

Đã hạ nòng pháo xuống song song với mặt đất, các pháo thủ của căn cứ lập tức bắn đạn Beehive (đạn tổ ong) vào những kẻ tấn công người Bắc Việt. Các đơn vị pháo binh tại các căn cứ hỏa lực Mỹ khác bao vây Buell II bằng các loạt đạn nổ mạnh, trong khi các máy bay tiêm kích - ném bom của Không quân thả bom napalm và bom 500 và 750 pound. Các tiểu đoàn Bắc Việt không bao giờ vượt qua được hàng rào kẽm gai chu vi của căn cứ hỏa lực.

Vào lúc 05:00, quân Bắc Việt vội vã rút khỏi Buell II, bỏ lại nhiều xác chết của họ. Quân Mỹ thu thập được 187 thi thể địch bên ngoài hàng rào và sau đó xác định được các ngôi mộ của số lượng nhiều hơn đáng kể. Tổng thất của Mỹ là ba người chết và hai mươi lăm người bị thương.

Máy bay Mỹ cất cánh lên bầu trời Thành phố Tây Ninh vào lúc bình minh để tìm kiếm các đơn vị Bắc Việt. Nhanh chóng tăng cường cho Lực lượng Địa phương Việt Nam Cộng hòa đang phòng thủ Tây Ninh là một lữ đoàn thuộc Sư đoàn 25 Bộ binh Mỹ, vốn đã đóng quân gần đó. Lữ đoàn Mỹ đã chặn đứng các mũi tiến công của Bắc Việt nhằm vào thành phố bằng một sự phối hợp có phương pháp giữa lực lượng mặt đất và không quân, điều này đã gây ấn tượng với ít nhất một nhân chứng người Bắc Việt. Khi thuật lại phản ứng của Mỹ trước một cuộc phục kích thất bại của Bắc Việt, nhân chứng đó kể lại : «máy bay trinh sát L - 19 và trực thăng vũ trang của địch đã có mặt tại hiện trường trong khoảng năm đến tám phút. Sau bốn mươi phút đến một giờ, pháo binh bắt đầu khai hỏa. Khoảng một đến hai giờ sau khi cuộc phục kích bắt đầu, bộ binh cơ giới và xe tăng địch đã tới nơi. Trong khoảng hai tiếng rưỡi đến ba tiếng sau cuộc phục kích, trực thăng bắt đầu đổ quân địch bên ngoài vị trí chiến đấu của chúng tôi để cùng với lực lượng tại chỗ mở một cuộc phản công.»¹⁰⁰⁴

Đại tá Duquesne Wolfe, chỉ huy cao cấp nhất của Mỹ tại Thành phố Tây Ninh, đã yêu cầu thêm lực lượng Mỹ. Abrams từ chối vì ông đã kết luận, một cách sai lầm, rằng cuộc tấn công vào Tây Ninh chỉ là một đòn nghi binh nhằm thu hút lực lượng ra khỏi Sài Gòn. Tình

trạng thiếu hụt các đơn vị Mỹ tại Thành phố Tây Ninh đã cho phép hai tiểu đoàn Bắc Việt chọc thủng các tuyến phòng thủ bên ngoài và tiến vào một số khu vực. Tuy nhiên, lữ đoàn Mỹ và Lực lượng Địa phương Việt Nam Cộng hòa chỉ cần hai ngày để đánh đuổi các tiểu đoàn Bắc Việt ra ngoài. Giao tranh tiếp tục ở ngoại ô thành phố trong một tuần nữa trước khi các sư đoàn 7 và 9 rút lui, với số quân ít hơn nhiều so với khi họ mới đến. Ước tính của Mỹ về thương vong của Bắc Việt tại Thành phố Tây Ninh vượt quá 1.500 người chết và 2.000 người bị thương.¹⁰⁰⁵

Trong trường hợp Sài Gòn, nơi Lê Duẩn hy vọng giành chiến thắng lớn nhất, phần lớn các cuộc chiến diễn ra ở vùng ngoại ô đô thị, vì Abrams đã tập trung nhiều hơn đủ lực lượng để chặn các di chuyển của Bắc Việt hướng vào trung tâm thành phố. Như vào tháng 1 và tháng 5, quân Bắc Việt chịu tổn thất nặng nề trong những cuộc chạm trán chênh lệch. Thiệt hại mà thành phố phải gánh chịu là do pháo binh Bắc Việt và một số ít biệt kích Bắc Việt len vào thành phố gây ra.¹⁰⁰⁶

Ở Đồng bằng sông Cửu Long, lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa đã phát hiện các đơn vị Bắc Việt ở rìa các tỉnh lỵ và quận lỵ, ghìm chúng tại chỗ trên những cánh đồng lúa trồng trái, và nghiền nát chúng bằng những

đòn kết hợp lập đi lập lại giữa tấn công mặt đất với không kích và pháo kích.¹⁰⁰⁷ Ở các tỉnh phía bắc, các đơn vị đồng minh nhanh chóng và dễ dàng đẩy lùi các cuộc tấn công liên tiếp của Bắc Việt vào Đà Nẵng, Ban Mê Thuột và Thành phố Quảng Ngãi. Trong khoảng thời gian từ ngày 18 tháng 8 đến ngày 29 tháng 8, phía Mỹ ước tính tổng số người chết của Bắc Việt là 8.500.

¹⁰⁰⁸

Trong khi lực lượng Mỹ đóng góp sức mạnh và sức sống đặc trưng của họ, người Mỹ cũng bị ấn tượng bởi màn thể hiện của các đồng sự Việt Nam Cộng hòa trong các trận đánh tháng Tám. Các quan sát viên Mỹ nhận xét rằng lực lượng Việt Nam Cộng hòa chiến đấu tốt hơn đáng kể so với hồi đầu năm, mà như có thể nhớ lại, họ đã chiến đấu tốt hơn so với năm 1967.¹⁰⁰⁹

Vào ngày 20 tháng 8, sự chú ý của thế giới chuyên từ đợt tấn công thứ ba của Hà Nội sang một cuộc tấn công quân sự thậm chí còn lớn hơn ở nửa bên kia thế giới. Hai mươi sư đoàn từ các quân đội của Liên Xô và các nước Khối Warszawa khác đã xâm lược Tiệp Khắc vào ngày hôm đó để lật đổ ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, những người bị lên án vì các tà thuyết của cái gọi là Mùa xuân Prague. Những sai lệch của đảng này so với Chủ nghĩa Marx - Lenin bao gồm bãi

bỏ kiểm duyệt, phân cấp quyền lực, tự do hóa kinh tế và coi thường các mệnh lệnh từ Moscow. Chính phủ Tiệp Khắc đã không chuẩn bị cho chiến tranh, và họ đã không cố gắng chống lại những kẻ xâm lược. Trong vòng hai mươi bốn giờ, lực lượng Liên Xô đã chiếm đóng toàn bộ Prague và thay thế những người cầm đầu phạm tội của Đảng Cộng sản Tiệp Khắc bằng những cá nhân được kỳ vọng sẽ tuân theo lệnh của Moscow.

Các quốc gia cộng sản trên khắp thế giới phải chịu sức ép từ Liên Xô phải hoan nghênh cuộc xâm lược như là việc giải cứu Tiệp Khắc khỏi những kẻ phản cách mạng đen tối. Họ cũng chịu sức ép tương tự từ Trung Quốc để lên án sự kiện này như một hành động của chủ nghĩa đế quốc Xô viết. Việc Liên Xô lật đổ chính phủ Tiệp Khắc đã làm dấy lên nỗi sợ hãi của Trung Quốc rằng Liên Xô có thể xâm lược các nước cộng sản khác, bao gồm các đồng minh của Trung Quốc như Albania hoặc Romania và thậm chí có thể là cả chính Trung Quốc. Giới lãnh đạo Trung Quốc kết luận, lần đầu tiên, rằng Liên Xô là mối đe dọa lớn hơn đối với Trung Quốc so với Hoa Kỳ. Trong những tuần tiếp theo, chính phủ Trung Quốc và các cơ quan truyền thông của họ đã ném nhiều lời lăng mạ vào Liên Xô hơn là vào Mỹ.¹⁰¹⁰

Bắc Việt đã đứng về phía Liên Xô một cách rõ ràng. Một tờ báo nói giọng của Đảng Cộng sản Việt Nam gọi sự can thiệp của Liên Xô là «một hành động chính đáng và cần thiết, tượng trưng cho những nguyên tắc cao quý như bảo vệ bằng mọi giá Khôi Xã hội Chủ nghĩa và Cách mạng Xã hội Chủ nghĩa.» Nó chế nhạo những nhà lãnh đạo Tiệp Khắc bị phê truất là «những người xã hội chủ nghĩa phản động» và «các trí thức lạc hậu từ chối cải cách tư tưởng của họ.»¹⁰¹¹ Đối với Liên Xô, phản ứng của Bắc Việt là một món quà trời cho. Đối với Trung Quốc, đó là một sự phản bội không thể tha thứ.

Việc Hà Nội ủng hộ sự can thiệp của Liên Xô vào một quốc gia cộng sản khác một lần nữa đặt họ đối lập hoàn toàn với Nguyên soái Tito trên vấn đề chủ nghĩa dân tộc cộng sản. Phù hợp với quan điểm lâu nay của ông rằng các quốc gia cộng sản có thể đặt mỗi quan tâm quốc gia và độc lập dân tộc lên trên sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản quốc tế, Tito lên án cuộc xâm lược của Liên Xô là vi phạm quyền chủ quyền của Tiệp Khắc. Liên đoàn Cộng sản Nam Tư của ông bày tỏ «sự phẫn nộ sâu sắc và cay đắng của toàn thể nhân dân Nam Tư và các thành viên của Liên đoàn Cộng sản trước việc chà đạp chủ quyền của một quốc gia xã hội chủ nghĩa độc lập.»¹⁰¹²

Tại Hoa Kỳ, tin tức về cuộc xâm lược Tiệp Khắc của Liên Xô đã làm lu mờ các báo cáo báo chí về đợt tấn công thứ ba của Bắc Việt và những thương vong đi kèm của Mỹ. Các nhà báo và chuyên gia nhận xét rằng hành động của Liên Xô đã gây tổn hại đáng kể cho ứng cử viên chủ hòa hàng đầu trong cuộc đua tổng thống, Eugene McCarthy. Cuộc tấn công này làm suy yếu nguyên lý cốt lõi trong chính sách đối ngoại của ông rằng Hoa Kỳ nên hòa giải với một Liên Xô vốn đã trở nên hợp lý hơn và ít bạo lực hơn. Humphrey tỏ ra tốt hơn McCarthy vì ông ít có lời khen ngợi về Liên Xô hơn, nhưng ông cũng đã nói gần đây về «một sự chuyển dịch từ các chính sách đối đầu và ngăn chặn sang các chính sách hòa giải và gắn kết hòa bình.» Ứng cử viên duy nhất rõ ràng được hưởng lợi từ cuộc khủng hoảng Tiệp Khắc là Richard Nixon vì, theo lời của biên tập viên New York Times James Reston, ông ta «vốn chống cộng hơn các nhà lãnh đạo đảng Dân chủ.»¹⁰¹³

Bản tin đầu tiên về thảm kịch Tiệp Khắc đã làm gián đoạn một cuộc họp kín của giới tinh hoa Đảng Dân chủ ở Chicago, nơi các nhà lãnh đạo đảng đang tranh luận về cương lĩnh cho đại hội toàn quốc sắp tới của họ. Những người Dân chủ chống chiến tranh, vốn chiếm một thiểu số lớn trong ủy ban soạn thảo cương lĩnh, đang chất vấn Ngoại trưởng Rusk về chủ đề Việt Nam thì ông được

trao một mảnh giấy. Đọc to từ mảnh giấy, Rusk thông báo rằng lực lượng Liên Xô đã xâm lược Tiệp Khắc. Như được John W. Finney của New York Times kể lại, tin tức này khiến những thành viên chủ hòa trong ủy ban «bối rối, cảm lạnh, và như bị cắt cánh.» Cuộc xâm lược, Finney nhận xét, dường như làm mạnh thêm tay của những người trong ủy ban soạn thảo cương lĩnh coi Việt Nam là một phần của một mô hình xâm lược lớn hơn của cộng sản.¹⁰¹⁴

Phe chống chiến tranh trong ủy ban soạn thảo cương lĩnh đã dành vài ngày tiếp theo để soạn thảo một mục về Việt Nam phản ánh quan điểm của cánh tự do nhất trong Đảng Dân chủ. Viện dẫn câu chuyện tiêu chuẩn đã trở nên phổ biến của phong trào phản chiến, các tác giả của mục cương lĩnh này cho rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng là một thực thể độc lập và do đó cuộc xung đột là một cuộc nội chiến của người Việt Nam Cộng hòa, không phải là cuộc xâm lược của Bắc Việt vào Nam Việt Nam. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, họ tuyên bố, nên đàm phán với Mặt trận Dân tộc Giải phóng để thành lập một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn, chính phủ này sẽ «đại diện rộng rãi cho những thành phần này và tất cả các thành phần khác trong xã hội Việt Nam Cộng hòa.» Mục cương lĩnh kêu gọi chấm dứt vô điều kiện mọi cuộc ném bom vào Bắc Việt và rút toàn bộ

quân Mỹ và Bắc Việt khỏi Nam Việt Nam «trong một khoảng thời gian tương đối ngắn.»¹⁰¹⁵

Rufus Phillips, một người Dân chủ từng phục vụ tại Việt Nam với tư cách là thành viên trong nhóm của Edward Lansdale vào những năm 1950 và là cố vấn trưởng của Mỹ cho chương trình áp chiến lược vào đầu những năm 1960, đã phản đối các thành viên ủy ban chống chiến tranh rằng mục cương lĩnh của họ sẽ bỏ mặc người Việt Nam Cộng hòa cho số phận bị áp đặt bởi chế độ độc tài cộng sản. Một chính phủ liên hiệp ở Sài Gòn chắc chắn sẽ đầu hàng sự thống trị của cộng sản, cho dù thông qua một cuộc đảo chính như đã xảy ra với Tiệp Khắc năm 1948 hay thông qua sự can thiệp vũ trang của một cường quốc «xã hội chủ nghĩa anh em» như vừa xảy ra ở Tiệp Khắc. Phillips nhấn mạnh, các quốc gia không cộng sản ở châu Á vẫn ủng hộ sự nghiệp của Mỹ tại Việt Nam. Những lời kêu gọi đầy nhiệt huyết của ông không có tác động gì đến các thành viên ủy ban chống chiến tranh.¹⁰¹⁶

Các thành viên ôn hòa và bảo thủ trong ủy ban soạn thảo cương lĩnh đã soạn một mục thay thế, với sự đóng góp ý kiến từ Tổng thống Johnson, người đã can thiệp vào quá trình này để đảm bảo chính sách Việt Nam của chính quyền ông được đối xử thuận lợi. Mục cương

lĩnh này nêu rằng việc ném bom chỉ nên ngừng lại nếu nó đi kèm với các hành động đáp trả tương xứng của Bắc Việt và sẽ không gây nguy hiểm đến tính mạng của binh lính Mỹ. Hai mục cương lĩnh đối chọi nhau này đã tạo tiền đề cho một cuộc đối đầu trên sàn đại hội.¹⁰¹⁷

Trong khi đề cử của Nixon tại đại hội Đảng Cộng hòa đã được xác định trước hàng tháng, kết quả của đại hội Đảng Dân chủ vẫn còn bỏ ngỏ khi các đại biểu đến Chicago vào ngày 26 tháng 8. Humphrey, ứng cử viên dẫn đầu, phải đối mặt với một đảng thậm chí còn chia rẽ về vấn đề Việt Nam hơn cả Đảng Cộng hòa. Những người Dân chủ tự do đã yêu cầu Humphrey tranh cử trên một cương lĩnh chống chiến tranh, nhưng những người ôn hòa thì yêu cầu ông ủng hộ một chính sách Việt Nam tương tự như của Johnson, và những người bảo thủ từ các bang miền Nam muốn leo thang quân sự. Eugene McCarthy, người được phe tự do của đảng yêu thích, là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với ứng cử của Humphrey.

Humphrey có thể giành được đề cử bằng cách giành được sự ủng hộ của các đại biểu ôn hòa và bảo thủ, nhưng để làm được điều đó, ông cần sự ủng hộ của tổng thống, và Johnson đã nói rõ rằng ông sẽ chỉ đưa ra sự ủng hộ đó nếu Humphrey thề sẽ vận động trên một cương

lĩnh phù hợp với các chính sách của Johnson, đặc biệt là chính sách Việt Nam của ông. Trong suốt nhiệm kỳ phó tổng thống của mình, Humphrey đã công khai ủng hộ các chính sách của chính quyền, như một phó tổng thống có nghĩa vụ phải làm. Tuy nhiên, cam kết duy trì những chính sách đó dưới một chính quyền Humphrey là một vấn đề hoàn toàn khác. Một tổng thống được cho là phải là người của chính mình, với những ý tưởng của riêng mình.

Về bản chất, Humphrey là một người theo chủ nghĩa tự do, trên cả các vấn đề đối ngoại và đối nội. Ông tán thành quan điểm tự do rằng Hoa Kỳ có thể đạt được hòa bình bằng cách áp dụng một lập trường đàm phán mềm mỏng hơn về Việt Nam so với Johnson. Ông cũng tin rằng một lập trường ngoại giao mềm mỏng hơn sẽ cho phép ông thu phục những người Dân chủ tự do, những người đã mất niềm tin vào chính sách đối ngoại của Johnson. Vì những lý do này, trong những tuần dẫn đến đại hội, Humphrey đã tỏ ra miễn cưỡng trong việc tái khẳng định chính sách Việt Nam của Johnson. Sự dao động của ông đã khiến Johnson tức giận đến mức tổng thống đã sử dụng chiến thuật bất thường là đe dọa sẽ tự mình tham gia cuộc đua tranh cử tổng thống.¹⁰¹⁸

Cuối cùng, mong muốn có được đề cử tổng thống của Humphrey đã chiến thắng những nguyên tắc ý thức hệ của ông. Vào ngày thứ ba của đại hội, Humphrey nói với Johnson rằng ông sẽ ủng hộ ông về vấn đề Việt Nam và tán thành điều khoản ủng hộ chính quyền. Muộn hơn trong ngày, với sự ủng hộ của Johnson và Humphrey, điều khoản đó đã được thông qua tại sàn đại hội với tỷ lệ 1.576 phiếu thuận và 1.041 phiếu chống. Johnson truyền đạt thông điệp tới các đại biểu ôn hòa và bảo thủ rằng ông ủng hộ Humphrey, và với tín hiệu đó, đề cử của Humphrey đã được đảm bảo.¹⁰¹⁹

Cũng trong ngày này, những người biểu tình phản chiến tập trung tại Công viên Grant của Chicago cho cuộc biểu tình được dự đoán là lớn nhất của đại hội. Sự kiện này là thành quả của nhiều tháng làm việc của David Dellinger, người đứng đầu Ủy ban Vận động Quốc gia để Chấm dứt Chiến tranh Việt Nam, và hai phó của ông, Tom Hayden và Rennie Davis. Đầu mùa hè, ủy ban của họ đã đưa ra những lời kêu gọi mạnh mẽ để nửa triệu người biểu tình vì hòa bình kéo về Chicago trong thời gian diễn ra đại hội. Trái với mong đợi của họ, chỉ có mười nghìn người xuất hiện tại Công viên Grant vào ngày 28 tháng Tám.

Một phần lớn trong số mười nghìn người đó là những người ủng hộ Eugene McCarthy, và hầu hết trong số họ không có mong muốn đặc biệt nào phải tuân theo chỉ đạo của ủy ban Dellinger. Những người khác thuộc các nhóm thanh niên ủng hộ lao động do Liên hiệp Công nhân Ô tô hậu thuẫn. Dellinger, những người ủng hộ McCarthy và các nhà hoạt động công đoàn muốn giữ các cuộc biểu tình ôn hòa, điều này khiến họ xung đột với các phần tử quá khích có mặt tại đó, bao gồm cả nhóm Yippies, tên viết tắt của các thành viên thuộc Đảng Thanh niên Quốc tế cực tả.¹⁰²⁰

Tại Công viên Grant, Dellinger chủ trì trên sân khấu với vai trò người dẫn chương trình trong khi các diễn giả trình bày về những tệ nạn của chiến tranh, chính phủ Hoa Kỳ và xã hội Mỹ. Ban đầu mọi thứ diễn ra ôn hòa, nhưng một cuộc đối đầu bạo lực đã bùng nổ khi cảnh sát cố gắng gỡ bỏ một lá cờ cách mạng màu đỏ mà một số phần tử quá khích đã treo lên cột cờ. Phản ứng lại những người biểu tình ngoan cố bằng những cây dùi cui vung vẩy, cảnh sát đã áp đảo được những phần tử quá khích thiếu tổ chức và trang bị nhẹ. Trong số những người bị thương trong cuộc hỗn chiến có Rennie Davis, đầu anh ta bị chảy máu nặng đến mức phải đưa ngay đến bệnh viện.

Sau khi các diễn giả theo lịch trình đã trình bày quan điểm của mình, Dellinger tuyên bố rằng họ sẽ diễu hành ôn hòa đến Nhà hát Quốc tế (International Amphitheater), nơi diễn ra Đại hội Dân chủ. Tom Hayden nhảy lên sân khấu, đẩy Dellinger ra một bên và giật lấy micro. «Rennie đã bị đưa đến bệnh viện, và chúng ta phải trả thù cho anh ấy !» Hayden kêu lên. «Chúng ta phải rời khỏi công viên này theo từng nhóm trên khắp thành phố và biến cỗ máy quân sự quá nóng này chống lại chính nó. Hãy đảm bảo rằng nếu máu phải chảy, thì nó sẽ chảy khắp thành phố !»¹⁰²¹

Phần lớn những người biểu tình cuối cùng đã diễu hành không phải đến Nhà hát Quốc tế mà là đến Khách sạn Hilton trên Đại lộ Michigan, nơi Humphrey và hầu hết các nhân vật Dân chủ khác đang ở qua đêm. Một số người diễu hành vẫy cờ Việt Cộng, cờ vô chính phủ đen hoặc cờ cách mạng đỏ. Những khẩu hiệu «Đ** m* LBJ !» (Chết tiệt LBJ !) vang vọng khắp các con phố thành phố, tiếp theo là những tiếng la ó «Đồ heo» (Pig) khi cảnh sát tập trung để bảo vệ các khách sạn và cửa hàng xa xỉ dọc theo Đại lộ Michigan. Các nhà lãnh đạo Đảng Dân chủ bắt lực nhìn từ cửa sổ khách sạn của họ khi đám đông tràn ra Đại lộ Michigan và ném đá, trứng và túi nước tiểu vào cảnh sát.

David Horowitz và Peter Collier, những người lúc đó là biên tập viên của tạp chí cấp tiến Ramparts, sau này đã mô tả suy nghĩ đã đẩy phong trào phản chiến vào một cơn cuồng loạn như vậy. «Việt Nam là một dung môi phổ quát - lời giải thích cho mọi điều xấu xa chúng tôi thấy và sự biện minh cho mọi hành động thái quá chúng tôi đã phạm phải», họ kể lại. «Việc đập phá cửa kính của các thương gia trên các đường phố chính của nước Mỹ dường như được biện minh bởi quan niệm rằng những người chủ tiệm tư sản nhỏ này là những bánh răng trong hệ thống bóc lột tư bản đang xóa sổ Việt Nam. Việc mơ tưởng đến cái chết của cảnh sát địa phương dường như được biện minh bởi vai trò của họ như một đội quân chiếm đóng trong các khu ổ chuột da đen của nước Mỹ, những Việt Nam thu nhỏ mà chúng tôi khao khát thấy bùng nổ trong các cuộc chiến tranh giải phóng trong nước.»¹⁰²²

Ban đầu, cảnh sát tỏ ra kiềm chế trước sự hỗn loạn này, ngay cả khi những người biểu tình hô to «Đồ heo» hoặc những lời lăng mạ cá nhân hơn. Nhưng thần kinh của cảnh sát đang trở nên căng thẳng. Nhiều cảnh sát có anh em, họ hàng hoặc con trai đang ở Việt Nam và kinh hoàng khi thấy đất nước và cuộc chiến bị chế nhạo bởi những thanh niên có đặc quyền đã từ chối phục vụ trong quân đội. Thuật ngữ «heo», ngoài việc là một từ

lóng chống cảnh sát, còn là một thuật ngữ miệt thị dành cho những người Mỹ gốc Ba Lan, một nhóm ngẫu nhiên chiếm một phần lớn trong lực lượng cảnh sát Chicago và cũng là thành viên của tầng lớp lao động da trắng, những người chiếm gần như toàn bộ lực lượng. «Những cảnh sát viên Chicago có mặt trên đường phố Chicago đều xuất thân từ các gia đình lao động chân tay», phó thị trưởng thành phố, David Stahl, sau này kể lại. «Họ không có cơ hội để học đại học. Và tôi nghĩ những sĩ quan cảnh sát Chicago đó không hiểu tại sao những đứa trẻ này, con cái của những người giàu có, lại ra đường phố và cố gắng phá hoại hệ thống.»¹⁰²³

Trên Đại lộ Michigan, sự kiểm chế của cảnh sát giảm dần khi chiều muộn. Vào đầu buổi tối, những chiếc xe buýt chở thêm cảnh sát đã đến, những người này đội những chiếc mũ bảo hiểm chắc chắn. Với viện binh có mặt, sự nhẫn nại của cảnh sát đã chấm dứt. Xông vào những người biểu tình, cảnh sát giải tán đám đông bằng dùi cui và hơi cay.

Một nhóm người biểu tình được chọn đã chống trả, đâm, đá và ném đá. Họ sớm bị dồn vào các xe tuần tra. Phần còn lại của đám đông bỏ chạy, đến Công viên Grant hoặc xuống các con phố nhỏ hoặc vào sảnh khách sạn. Đến 8:30, bạo lực đã lắng xuống. Không ai thiệt

mạng, nhưng hai trăm người đã bị thương, bao gồm năm mươi cảnh sát.¹⁰²⁴

Cảnh quay về cuộc hỗn chiến được phát sóng trên các mạng lưới truyền hình quốc gia vào tối hôm đó. Các nhà hoạt động phản chiến kỳ vọng rằng những hình ảnh sống động về cảnh cảnh sát dùng dùi cui đánh và lôi kéo người biểu tình sẽ gợi lên sự đồng cảm cho mục đích của họ. «Cả thế giới đang theo dõi», những người biểu tình đã reo hò một cách thích thú. Cả thế giới đã xem, nhưng họ không rút ra được kết luận như mong muốn. Chủ nghĩa cực đoan, chiến thuật đám đông, sự thiếu tôn trọng thẩm quyền và vẻ ngoài luộm thuộm của những người biểu tình đã xúc phạm đến tình cảm của hầu hết người Mỹ, bất kể xu hướng chính trị của họ. Todd Gitlin, một nhà hoạt động phản chiến và nhà xã hội học, nhớ lại, «Đối với đôi mắt ngây thơ của chúng tôi, thật trái với lẽ thường khi mọi người có thể xem ngay cả một phần nhỏ của cuộc tấn công được chiếu trên TV và đứng về phía cảnh sát - điều mà trên thực tế chính xác là những gì các cuộc thăm dò cho thấy. Dù cuộc chiến có trở nên không được ưa chuộng đến đâu, thì phong trào phản chiến thậm chí còn bị ghét hơn - nhóm chính trị bị ghét nhất ở Mỹ, bị ghét ngay cả bởi hầu hết những người ủng hộ rút quân ngay lập tức khỏi Việt Nam.»¹⁰²⁵

Tại các thủ đô của thế giới Cộng sản, việc ứng cử viên Humphrey chấp nhận điều khoản của chính quyền dường như gây ấn tượng lớn hơn các cuộc biểu tình phản chiến. Mặc dù không có hồ sơ nào về các cuộc thảo luận nội bộ ở Moscow hoặc Hà Nội về chủ đề này được tiết lộ, nhưng các hành động tiếp theo của Liên Xô và Bắc Việt ngụ ý sự công nhận rằng cuộc tổng tấn công đợt ba đã không thúc đẩy được mục đích phản chiến trong Đảng Dân chủ và do đó tổng thống Mỹ tiếp theo sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam Cộng hòa trong nhiều năm tới. Đầu tháng Chín, các nhà ngoại giao Liên Xô thông báo với các đồng nghiệp Mỹ của họ rằng Hà Nội đã nhận ra sự bất khả thi của chiến thắng quân sự và quan tâm đến một giải pháp chính trị.¹⁰²⁶ Như các sự kiện sắp tới sẽ cho thấy, sự quan tâm đó mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, sự nhiệt tình gia tăng của Hà Nội đối với ngoại giao không khiến họ rút ngắn cuộc tổng tấn công đợt ba. Vào ngày 10 tháng Chín, những đợt tấn công cuối cùng của chiến tranh đô thị Bắc Việt bắt đầu. Các lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa một lần nữa đánh bại các lực lượng Bắc Việt cho đến khi sự tuyệt vọng buộc họ phải rút về các khu rừng và núi non. Đến cuối tháng Chín, khi đợt ba chính thức kết thúc, tổn thất ước tính của Bắc Việt trong tháng đã lên tới 12.543 người.

1027

Mức độ tổn thất của Bắc Việt trong ba đợt tổng tấn công năm 1968, vào thời điểm đó, không rõ ràng đối với bất kỳ ai ngoại trừ một số ít quan chức Bắc Việt. Cộng đồng tình báo Mỹ kết luận rằng bất chấp những thất bại liên tiếp, các lực lượng Bắc Việt «vẫn có khả năng thực hiện một nỗ lực đáng gờm» và «có thể chịu đựng trong sáu tháng tới hoặc hơn mà không làm suy yếu nghiêm trọng vị thế của họ ở miền Nam Việt Nam.»¹⁰²⁸ Mãi đến vài thập kỷ sau, người ta mới thấy rõ rằng đánh giá này đã đánh giá thấp một cách thô bạo những thiệt hại mà các cuộc tổng tấn công đã gây ra cho năng lực và vị thế của Bắc Việt.

«Chúng tôi đã ném toàn bộ lực lượng của mình vào cuộc tổng tấn công», Lưu Văn Lôi kể lại trong một cuốn sách năm 1996. Đến cuối đợt ba, thương vong đã đạt đến tỷ lệ khủng khiếp, đến mức «chúng tôi không còn lực lượng nào» để tiến hành các hoạt động quân sự lớn.¹⁰²⁹ Các công trình lịch sử do chế độ Hà Nội xuất bản năm 2005 và 2010 xác nhận rằng phần lớn những gì còn lại của Quân đội Bắc Việt đã rút về các vùng xa xôi hoặc các nước láng giềng, nơi không thể gây ảnh hưởng quân sự hoặc chính trị đối với miền Nam Việt Nam. Hầu hết lực lượng địa phương Cộng sản sinh ra

ở miền Nam, du kích và cán bộ đã hoặc theo các lực lượng chính quy Bắc Việt rút đi, hoặc bị giết, hoặc bỏ cuộc.¹⁰³⁰ Do đã vội vã đưa quá nhiều quân Bắc Việt vào Nam trước đó trong năm, Hà Nội gần như đã cạn kiệt nguồn nhân lực, đến mức giờ đây họ phải cắt giảm mức độ thâm nhập trung bình hàng tháng từ mười sáu nghìn xuống còn ba nghìn.¹⁰³¹

Trần Bạch Đằng, một trong những quan chức Cộng sản cao cấp nhất ở miền Nam lúc bấy giờ, sau này thừa nhận rằng «chúng tôi đã mất gần như toàn bộ vùng giải phóng. Cái giá của sai lầm này là cực kỳ cao, và chúng tôi đã phải trả giá đắt cho nó, không chỉ trong nội bộ miền Nam Việt Nam, mà trên toàn Việt Nam và toàn Đông Dương.»¹⁰³² Giai đoạn sau cuộc tổng tấn công đợt ba «là một trong những khoảng thời gian khó khăn nhất đối với cuộc cách mạng miền Nam Việt Nam», lịch sử chính thức của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Bắc Việt tuyên bố. «Trong trước những vấn đề và thách thức to lớn trên chiến trường, tư thế và sức mạnh của chúng ta đã suy giảm nghiêm trọng.»¹⁰³³

Nếu Hoa Kỳ biết được mức độ nghiêm trọng trong các vấn đề của Bắc Việt Nam vào thời điểm đó, nhận thức phổ biến về cuộc chiến như một sự bế tắc kéo dài có lẽ đã giảm bớt. Hubert Humphrey khi ấy có lẽ đã

chịu ít áp lực hơn trong việc định hướng một lộ trình mới về Việt Nam, và cuộc đua tranh chức tổng thống có lẽ đã diễn ra theo một hướng khác. Trên thực tế, các thành viên phe tự do trong entourage của Humphrey và giới truyền thông đã dồn dập đưa ra các khuyến nghị ông thay đổi lập trường về chiến tranh, mà theo họ sẽ giúp ông thoát khỏi một chính sách Việt Nam đang kéo tụt sự vận động tranh cử của ông. Bằng cách áp dụng một lập trường mềm mỏng hơn trong đàm phán, nhưng không quá mềm mỏng đến mức khiến các đảng viên Dân chủ ôn hòa và bảo thủ phản ứng, ông có thể giành lại sự ủng hộ của đông đảo cử tri phe tự do vốn đã thất vọng kể từ sau sự kiện Chicago vì ông ủng hộ chính sách đối ngoại của Johnson.

Vào cuối tháng Chín, Humphrey tụt lại rất xa so với Nixon trong các cuộc thăm dò, với cách biệt 43% so với 28%, và George Wallace của Đảng Độc lập Mỹ theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở vị trí thứ ba với 21%.¹⁰³⁴ Humphrey và các trợ lý của ông đã thử nhiều mưu kế khác nhau để cải thiện tỷ lệ ủng hộ trong thăm dò, nhưng không có biện pháp nào hiệu quả, và sự rối loạn và tuyệt vọng bắt đầu bao trùm. Mary McGrory của tờ Boston Globe đã ví chiến dịch tranh cử của Humphrey với «một chuyến đi cắm trại qua đêm mà có người quên mang theo lều.»¹⁰³⁵

Liệu việc thay đổi lập trường về Việt Nam có thực sự giúp Humphrey giành được lượng lớn những người ủng hộ mới, và liệu điều đó có khiến hàng loạt cử tri ôn hòa và bảo thủ quay lưng hay không, Humphrey chỉ có thể phỏng đoán. Chắc chắn Tổng thống Johnson sẽ không hài lòng với điều đó. Nhưng dường như không có lựa chọn nào khác để cứu Humphrey thoát khỏi tình thế nguy hiểm. Vào cuối tháng, Humphrey quyết định mạo hiểm định hình lại chính sách Việt Nam của mình.

Humphrey lên kế hoạch công bố một cách tiếp cận ngoại giao mới trong một bài phát biểu tại Thành phố Salt Lake vào ngày 30 tháng Chín. Để soạn thảo bài phát biểu, Humphrey đã nhờ sự giúp đỡ của George Ball, người vừa rời khỏi vị trí đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hợp Quốc để tham gia chiến dịch tranh cử của Humphrey, và Averell Harriman, người không thấy có gì không ổn khi hỗ trợ chiến dịch của Humphrey trong khi đang giữ chức vụ trưởng đoàn đàm phán của chính phủ Hoa Kỳ tại Paris.¹⁰³⁶ Văn bản cuối cùng, được ứng cử viên phê duyệt, nêu rõ rằng nếu Humphrey được bầu, ông sẽ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, với điều kiện Hà Nội tôn trọng Khu phi quân sự (DMZ). Bài phát biểu đã bỏ qua hai điều kiện tiên quyết khác mà chính quyền Johnson đã nêu ra để ngừng ném bom : chấm dứt các cuộc tấn công của Bắc Việt Nam vào các thành phố của

Nam Việt Nam và sự tham gia của chính phủ Nam Việt Nam vào các cuộc đàm phán.

Humphrey chờ đến ngày diễn ra bài phát biểu mới thông báo nội dung cho Tổng thống Johnson. Johnson kinh hoàng khi biết Humphrey đang bỏ qua hai điều kiện tiên quyết, và ông đã cho phó tổng thống của mình biết điều đó. Từ chối lùi bước, Humphrey đã đưa ra một tuyên bố rất mơ hồ rằng hai điều kiện tiên quyết đó được ngầm hiểu trong một đoạn về việc sẽ nói lại ném bom nếu Hà Nội không đàm phán thiện chí.¹⁰³⁷

Cùng ngày hôm đó, Ball và những người khác trong đội ngũ của Humphrey đang thổi phồng một câu chuyện rất khác cho giới truyền thông. Họ khẳng định rằng Humphrey đã cam kết ngừng ném bom mà không có bất kỳ điều kiện tiên quyết nào. Mặc dù bài phát biểu của Humphrey có thể đề cập đến việc tôn trọng khu phi quân sự, nhưng đó chỉ là «bình phong trang trí» được yêu cầu bởi các nhu cầu chính trị. Ngoài ra, họ bày tỏ hy vọng rằng bài phát biểu sẽ thuyết phục các đảng viên Dân chủ chống chiến tranh rằng Humphrey đã đoạn tuyệt với tổng thống về vấn đề Việt Nam và thuyết phục Eugene McCarthy ủng hộ sự tranh cử của Humphrey.¹⁰³⁸

Vào tối ngày 30, với sự theo dõi trực tiếp của cả nước trên kênh truyền hình NBC, Humphrey đã phát biểu từ Thành phố Salt Lake. «Ưu tiên hàng đầu của tôi khi là Tổng thống sẽ là chấm dứt chiến tranh và giành lấy một nền hòa bình danh dự», phó tổng thống tuyên thệ. Ông sẵn sàng ngừng ném bom «như một mao hiểm có thể chấp nhận được để có hòa bình» nếu người Bắc Việt đồng ý tôn trọng DMZ. Sau đó, ông sẽ tìm kiếm một lệnh ngừng bắn được giám sát bởi Liên Hợp Quốc hoặc một cơ quan quốc tế khác, tiếp theo là việc rút quân lẫn nhau của tất cả quân đội Hoa Kỳ và Bắc Việt.

Humphrey thề sẽ thúc ép Nam Việt Nam gánh vác nhiều hơn gánh nặng chiến tranh vì lực lượng vũ trang Nam Việt Nam đang được cải thiện, «giống như quân đội Nam Hàn đã làm trong giai đoạn sau của chiến tranh Triều Tiên.» Để trấn an những người ôn hòa và bảo thủ, ông loại trừ khả năng Hoa Kỳ rút quân đơn phương. «Việc rút lui không chỉ gây nguy hiểm cho nền độc lập của Nam Việt Nam và sự an toàn của các quốc gia Đông Nam Á khác»,

Humphrey nói. «Mà còn là một lời mời mở cho nhiều bạo lực hơn, nhiều sự xâm lược hơn, nhiều bất ổn hơn.»

¹⁰³⁹ Dù có mong muốn thu hút cử tri phe tự do đến đâu, chiến thắng của Humphrey trước hết và trên hết sẽ phụ

thuộc vào sức hấp dẫn của ông đối với một nhóm cử tri lớn hơn vẫn ủng hộ cuộc chiến, bao gồm những đảng viên Dân chủ ôn hòa, Dân chủ bảo thủ, Cộng hòa độc lập và những người không đảng phái.

Chương 17 - Thêm dây thừng

Tháng Mười - Tháng Mười Hai 1968

Sáng ngày 1 tháng Mười, Richard Nixon tổ chức một cuộc họp báo để thảo luận về bài phát biểu mà Humphrey đã đưa ra tại Thành phố Salt Lake tối hôm trước. Khi được một phóng viên hỏi liệu ông có nghĩ bài phát biểu của Humphrey đã làm suy yếu vị thế ngoại giao của Tổng thống Johnson hay không, Nixon trả lời rằng «rất có thể» Hà Nội «có thể hiểu theo» bài phát biểu đó. Ứng cử viên Humphrey, Nixon nói, cần làm rõ liệu ông có ý định đi chệch khỏi chính sách của chính quyền về việc ngừng ném bom hay không, để ông «không khiến quốc gia nghĩ, và đặc biệt là Hà Nội nghĩ, rằng ông ta đang chơi trò hai mặt.» Việc ném bom là «quân bài chủ» của Mỹ trong đàm phán với người Bắc Việt, Nixon tuyên bố một cách trịnh trọng. «Nếu quân bài chủ đó bị một trong các ứng cử viên tổng thống đánh ra bằng cách ám chỉ rằng chúng ta vào tháng Một có thể làm điều mà các nhà đàm phán đã từ chối làm ở Paris, thì điều đó có nghĩa là mọi cơ hội để những cuộc đàm phán đó thành công sẽ tan biến.»¹⁰⁴⁰

Đó là một cú đâm khéo léo từ một chính trị gia đã thuần thục nghệ thuật vận động tranh cử tiêu cực. Tuy

nhien, phe Humphrey cũng có những bậc thầy của riêng họ. Cú đánh trả lại đến vào ngày hôm sau, nhưng không phải từ Humphrey hay một thành viên trong đội ngũ vận động tranh cử của ông theo thông lệ. Thay vào đó, nó được thực hiện bởi một quan chức chính phủ cấp cao, Averell Harriman. Khoác lên mình uy quyền của nhà đàm phán chính, Harriman, đã công khai hạ thấp cách diễn giải của Nixon về bài phát biểu tại Thành phố Salt Lake bằng cách phán xét rằng lập trường của Humphrey sẽ không gây hại cho Hoa Kỳ trong các cuộc đàm phán.¹⁰⁴¹

Liệu Harriman có thực sự tin vào tuyên bố này hay không là điều không chắc chắn. Thông qua những tương tác hàng ngày của ông với người Bắc Việt tại Paris, rất có thể ông đã nhận thấy rằng bài phát biểu của Humphrey đã làm suy yếu thế đàm phán của Mỹ, như những nhà quan sát khác cũng nhận thấy vào thời điểm này. Có khả năng Harriman đã nói không đúng sự thật để thiên vị Humphrey bởi vì ông quan tâm đến việc bầu cử của Humphrey hơn là các cuộc đàm phán về Việt Nam. Hai tháng sau, Harriman sẽ tiết lộ niềm tin của mình rằng chính sách Việt Nam ít quan trọng đối với Hoa Kỳ hơn việc «không cho phép nó bầu Nixon làm Tổng thống.»¹⁰⁴²

Những người ủng hộ Humphrey, bao gồm Ball và có lẽ cả Harriman, đã cung cấp thông tin về sự ồn ào này cho các phóng viên, những người được kỳ vọng sẽ sử dụng nó chống lại Nixon. Trong một bài phân tích về bài phát biểu tại Thành phố Salt Lake đăng trên Washington Post vào ngày 3 tháng 10, Joseph Kraft viết rằng «một cái bẫy đã được chuẩn bị cho Richard Nixon» bởi chiến dịch của Humphrey và Harriman. «Người ta dự kiến rằng ứng cử viên Đảng Cộng hòa sẽ trả lời Phó Tổng thống bằng cách đặt ra câu hỏi liệu việc tiến tới chấm dứt hoàn toàn ném bom của ông Humphrey có ảnh hưởng xấu đến các cuộc đàm phán Paris hay không», Kraft tuyên bố. «Ông Nixon đã làm đúng như dự kiến. Và các sắp xếp ngay lập tức được thực hiện để Đại sứ Harriman phủ nhận hàm ý của Nixon.»¹⁰⁴³

Bài phát biểu tại Thành phố Salt Lake và những mưu mẹo hậu trường đã mang lại cho Humphrey sự ca ngợi nhiệt liệt trong giới tự do. Tổ New York Times ca ngợi Humphrey vì ý định «rời xa những sai lầm của quá khứ» về Việt Nam. «Thật có ý nghĩa», các biên tập viên lưu ý, «khi những cựu thành viên của chính quyền Johnson đang tập hợp ủng hộ ông Humphrey bao gồm những người theo đường lối ôn hòa nổi tiếng nhất của chính quyền này.» Ban lãnh đạo tờ báo ấn tượng đến mức đã đưa ra sự ủng hộ chính thức dành cho Humphrey vào

ngày 6 tháng 10.¹⁰⁴⁴

Tuy nhiên, tác động đối với công chúng nói chung lại khiêm tốn hơn nhiều. Một cuộc thăm dò của Gallup được thực hiện từ ngày 3 đến ngày 12 tháng 10 chỉ cho thấy những chuyển biến nhỏ trong sự ưu tiên của cử tri, với Nixon giữ vững ở mức 43 phần trăm, Humphrey tăng nhẹ lên 31 phần trăm, và Wallace điều hâu giữ được 20 phần trăm.¹⁰⁴⁵

Liệu bài phát biểu của Humphrey đã làm quá ít để xoa dịu phe bò câu hay quá nhiều để kích động phe điều hâu là điều không rõ ràng ; mức tăng ba phần trăm của ông có thể chỉ là kết quả của việc thu hút những người bò câu bất mãn về với sự tranh cử của ông, nhưng cũng có thể là sự chuyển dịch sang cánh tả đã thu hút một nhóm lớn hơn những người bò câu trong khi đẩy đi một số người ôn hòa và bảo thủ.

Việc chiến dịch của Humphrey xoay chuyển bài phát biểu đặc biệt gây bức bối cho nhân vật ôn hòa hàng đầu của quốc gia. Sau khi đọc bài báo của Kraft và một số bài khác có khuynh hướng tương tự vào sáng ngày 3 tháng 10, Tổng thống Johnson đã gọi điện cho Rusk trong cơn phẫn nộ tuyệt vọng. «Vây là Averell bắt đầu bình luận về bài phát biểu», Johnson giận dữ, «và nói rằng nó không làm tổn hại các cuộc đàm phán, và giờ

thì Nixon đã bị mắc bẫy.»

«Averell có bình luận công khai về bài phát biểu không?» Rusk hỏi.

«Có, có», tổng thống nói. «Hắn ta là một tên ngốc chết tiệt. Hắn đã chơi trò chính trị.»

«Sự kết hợp của những câu chuyện này sẽ làm tổn hại các cuộc đàm phán của chúng ta», Rusk tuyên bố.

«Tất nhiên là nó gây tổn hại rồi», Johnson trả lời. «Sẽ thật khủng khiếp.» Người Bắc Việt «sẽ không làm gì cho đến sau bầu cử. Thế là hết. Nếu Humphrey đắc cử, họ sẽ ở trong tình trạng sung sướng. Nếu ông ta không đắc cử, thì họ có thể nhìn và xem họ muốn làm gì giữa tôi và Nixon. Vì vậy, theo đánh giá của tôi, chúng ta có thể quên hết mọi thứ cho đến lúc đó.»¹⁰⁴⁶

Trong một cuộc điện thoại sau đó, Johnson nói với Rusk, «Tôi nghĩ chúng ta đang gặp rắc rối nghiêm trọng. Tôi không biết chúng ta sẽ làm gì về chuyện này.» Nói về Harriman, tổng thống nói, «Tôi không nghĩ chúng ta có thể có những người làm việc cho chúng ta mà lại đi viết diễn văn vận động tranh cử và tự làm mình dính líu với những công dân tư nhân và công bố ra cả nước những bài phát biểu mà cả Ngoại trưởng lẫn Tổng thống

đều không biết gì.» Johnson sau đó vẽ ra một sự so sánh với thách thức của Tướng Douglas MacArthur đối với quyền lực của Tổng thống Truman vào năm 1951, một trong những giai đoạn tranh cãi nhất trong lịch sử nền cộng hòa Mỹ. «Tôi nghĩ đó chỉ là một vụ giống như vụ MacArthur», ông giận dữ.

Rusk đề nghị họ cân nhắc gọi Harriman về Washington.

«Tôi khá nghĩ vậy», Johnson nói. «Nếu vào cuối giai đoạn đó chúng ta có thêm bất kỳ rắc rối nào ở đây, tôi nghĩ chúng ta có thể sẽ yêu cầu Averell về.»¹⁰⁴⁷

Trước cuộc họp tiếp theo với các đại diện Bắc Việt tại Paris, Johnson chỉ thị cho Harriman và Vance bám sát ba điều kiện tiên quyết chính của chính quyền cho các cuộc đàm phán : Vùng Phi Quân sự (DMZ), các thành phố, và sự tham gia của Nam Việt Nam. Tại cuộc họp, diễn ra vào ngày 11 tháng 10 tại ngoại ô yên tĩnh Sceaux của Paris, Harriman và Vance đã làm theo chỉ thị. Khi trình bày ba điểm này với phía Bắc Việt, Harriman và Vance nhấn mạnh rằng sự tham gia của Nam Việt Nam vào các cuộc đàm phán sau khi ngừng ném bom là «hoàn toàn không thể thiếu.» Lê Đức Thọ, nhà đàm phán cấp cao của Bắc Việt, hỏi liệu sự tham gia này có phải là một điều kiện tiên quyết hay không, châm ngòi cho một cuộc tranh luận về ngữ nghĩa trong đó người

Mỹ tìm cách diễn đạt các điều kiện tiên quyết như một thứ gì đó khác hơn là các điều kiện tiên quyết, xét theo sự ác cảm lâu nay của Bắc Việt đối với việc chấp nhận các điều kiện tiên quyết.

«Đó không phải là một điều kiện hay yêu cầu có đi có lại - mà chỉ là một định nghĩa về các cuộc đàm phán nghiêm túc», Vance thông báo với Lê Đức Thọ. «Như chúng tôi đã nói, chúng tôi không nghĩ có thể có các cuộc đàm phán nghiêm túc nếu không có sự tham gia của các đại diện của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (GVN) về phía chúng tôi.»

Harriman và Vance ép Lê Đức Thọ phải nói liệu phía Bắc Việt có đồng ý để Nam Việt Nam tham gia các cuộc nói chuyện nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom hay không. Xoay chuyển câu hỏi, Thọ nói rằng ông muốn biết liệu Hoa Kỳ có ngừng ném bom nếu Hà Nội đồng ý để Nam Việt Nam tham gia hay không. Harriman và Vance trả lời rằng họ sẽ phải chuyển câu hỏi của Lê Đức Thọ về Washington, điều mà họ hứa sẽ làm.

Vào cuối cuộc họp, Lê Đức Thọ nói với những người Mỹ, «Tôi tin chắc rằng nếu các vị và chúng tôi có ý định nghiêm túc và thiện chí, thì một giải pháp hòa bình cho các vấn đề của Việt Nam có thể được tìm thấy.»

Harriman trả lời, «Chúng tôi chấp nhận điều đó theo tinh thần mà ông nêu ra và chúng tôi đáp lại cách tiếp cận của ông.» Theo một bản tường thuật của Bắc Việt về cuộc họp nhưng không có trong hồ sơ của Mỹ, Harriman sau đó đã tặng các nhà ngoại giao Bắc Việt trứng cá muối (caviar), mà ông quảng cáo như một món quà từ Thủ tướng Liên Xô Alexei Kosygin.¹⁰⁴⁸

Sau cuộc họp, Vance và Harriman thúc giục Washington đồng ý ngừng ném bom nếu Hà Nội đồng ý để Nam Việt Nam tham gia đàm phán. Nhưng trước khi Bộ Ngoại giao có thể đưa ra câu trả lời, các nhà ngoại giao Liên Xô đã can thiệp để đẩy nhanh sự việc. Vào ngày 12, đại sứ quán Liên Xô tại Paris thông báo cho Vance rằng nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, Hà Nội sẽ tham gia các cuộc đàm phán có sự tham gia của chính phủ Nam Việt Nam. Sau khi xác nhận với Liên Xô rằng thỏa thuận sẽ bao gồm các đảm bảo về DMZ và các thành phố, Nhà Trắng đã chấp thuận.¹⁰⁴⁹

Tin tức về thỏa thuận đến như một sự ngạc nhiên đáng mừng đối với hầu hết mọi người trong chính phủ Hoa Kỳ. Sự đồng ý của Bắc Việt đối với sự tham gia ngoại giao của Nam Việt Nam được coi là có lợi đến mức cho quyền lực và uy tín của chính quyền Sài Gòn mà ít người nghĩ Hà Nội sẽ nhượng bộ nó. Không ai

trong số những người Mỹ biết rằng những đợt oanh tạc gần đây của Sấm Rền đã gây tổn hại đến mức đầy Hà Nội vào cảnh tuyệt vọng, mặc dù một số người đã suy đoán điều đó. Và ban đầu cũng không ai trong số họ suy đoán được điều mà nhiều người sau này sẽ kết luận, rằng thỏa thuận vừa là một mưu đồ của Bắc Việt để được giải tỏa khỏi các cuộc ném bom, vừa là một mưu đồ của Bắc Việt và Liên Xô để gây ảnh hưởng đến cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

«Chúng tôi nghĩ quyết định của Hà Nội đồng ý để GVN tham gia các cuộc thảo luận là có ý nghĩa lớn nhất», Bunker và Abrams báo cáo từ Sài Gòn. «Nó cho thấy Hà Nội đã từ bỏ mọi hy vọng về một chiến thắng quân sự hoặc về một sự rút quân đơn phương của Hoa Kỳ bởi chính quyền tiếp theo.»¹⁰⁵⁰ Tướng Wheeler nhận xét, «Tôi nghĩ đây là biểu tượng của thất bại nhiều như việc dựng lên Bức tường Berlin. Họ đã bị đánh bại toi bời.»¹⁰⁵¹ Tại CIA, nơi hầu hết các nhà phân tích đều tin rằng Hà Nội sẽ không bao giờ đồng ý để chính phủ Sài Gòn tham gia đàm phán, sự đồng ý của Hà Nội đối với thỏa thuận đã được ca ngợi như một lợi ích chiến lược sẽ bảo vệ sự ổn định của Nam Việt Nam trong thời gian đàm phán.¹⁰⁵²

Ngay khi chính quyền Johnson sắp đạt được từ Hà Nội cả ba điều kiện tiên quyết của mình, chính trị của Đảng Dân chủ lại can thiệp vào. Nó bắt đầu với một bài báo tâng bốc George Ball trên tờ Washington Post. Trong ấn bản ngày 12 tháng 10 của tờ báo, các nhà bình luận Drew Pearson và Jack Anderson kể lại rằng trước khi Ball quyết định rời khỏi vị trí tại Liên Hợp Quốc để tham gia chiến dịch của Humphrey, ông đã bay đến Paris để tìm hiểu xem động thái này có làm suy yếu nền ngoại giao Mỹ hay không. Trong chuyến thăm của mình, Ball biết được rằng bằng cách hợp lực với Humphrey, ông thực sự sẽ giúp ích cho các cuộc đàm phán vì quan điểm của ông về vấn đề này rõ ràng là ưu việt hơn so với chính quyền Johnson. Như là bằng chứng về sự vụng về ngoại giao của chính quyền, các nhà bình luận viết, «Ít nhất hai lần, Đại sứ Averell Harriman đã ở trên bờ vực của thành công thực sự trong đàm phán với người Bắc Việt chỉ để rồi bị giật tảo tảo từ dưới chân ở Washington. Rõ ràng là hoặc Tổng thống Johnson, hoặc một số người thân cận của ông, đã không muốn nhượng bộ bất kỳ nhượng bộ nào hướng tới một lệnh ngừng bắn.»¹⁰⁵³ Bằng cách ngụ ý rằng một chính quyền Humphrey sẽ không yêu cầu những nhượng bộ giống như chính quyền Johnson, bài báo đã thông báo cho Hà Nội rằng họ có thể rút lại sự chấp nhận các điều kiện

tiên quyết của Johnson và đạt được một thỏa thuận tốt hơn từ Humphrey sau bầu cử.

Cùng ngày hôm đó, McGeorge Bundy tiếp tục làm suy yếu nền ngoại giao của chính quyền Johnson trong một bài phát biểu tại Đại học DePauw. Bundy nói với khán giả rằng Hoa Kỳ nên theo đuổi đàm phán, nhưng ngay cả khi ngoại giao là vô ích, Hoa Kỳ nên thực hiện «một sự giảm thiểu đáng kể mức độ nỗ lực quân sự của chúng ta ở đó.» Cựu cố vấn an ninh quốc gia, người trong suy nghĩ của nhiều người Việt Nam vẫn là một tiếng nói có ảnh hưởng của giới cầm quyền Mỹ và Đảng Dân chủ, ủng hộ việc ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam vô điều kiện và giảm số quân Mỹ trong một khoảng thời gian vài năm xuống còn một trăm nghìn người. Những biện pháp này, ông nói, sẽ «hơn đủ để duy trì và thực thi mục đích cơ bản của lực lượng chúng ta tại Việt Nam - mục đích ngăn chặn thất bại.»¹⁰⁵⁴

Tại cuộc họp ngoại giao tiếp theo, vào ngày 15 tháng 10, các đại diện Bắc Việt thông báo với Harriman và Vance rằng họ không chắc liệu Bộ Chính trị có tiến tới với thỏa thuận hay không, và rằng trong bất kỳ trường hợp nào thì Bộ Chính trị cũng rất khó có thể tiến hành nhanh như người Mỹ mong muốn.¹⁰⁵⁵ Họ không tiết lộ rằng các thành viên của Bộ Chính trị muốn đưa ra

thêm yêu cầu với người Mỹ ngoài những gì đã thỏa thuận vào ngày 11 tháng 10.¹⁰⁵⁶ Sự do dự của Hà Nội khiến Johnson nghi ngờ rằng bài phát biểu của Bundy đã khiến người Bắc Việt phải trả giá ngoại giao khó khăn hơn, và nghi ngờ của ông đã được xác nhận bởi các thông tin liên lạc bị đánh chặn nhận được vài ngày sau đó. Tại một cuộc họp với các nhân viên cấp cao của Bộ Quốc phòng vào ngày 17 tháng 10, Clifford nhận xét rằng «LBJ (Lyndon B. Johnson) hoàn toàn tức giận với Mac Bundy. Ông ấy nghĩ bài phát biểu của Bundy đã làm hỏng hết mọi thứ ! Chúng ta biết từ các thông tin đánh chặn rằng Hà Nội đã rất vui mừng vì Bundy !»¹⁰⁵⁷

Tuy nhiên, người Bắc Việt sẽ sớm xóa tan những lo ngại của Johnson rằng họ sẽ rút khỏi thỏa thuận. Lê Đức Thọ tin rằng những yêu cầu bổ sung được Bộ Chính trị cân nhắc đã không tính đến đúng mức sức mạnh của vị thế quân sự Mỹ, và việc khẳng khẳng đòi hỏi chúng sẽ cản trở những nỗ lực của Bắc Việt nhằm ngừng ném bom. Bay trở về Hà Nội để trình bày trực tiếp lập luận của mình, ông đã thuyết phục Bộ Chính trị từ bỏ các yêu cầu. Bộ Chính trị biện minh cho quyết định của mình trước phần còn lại của đảng bằng cách viện dẫn sự cần thiết phải thúc đẩy «mưu kế của chúng ta để gây áp lực buộc Hoa Kỳ» phải «chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.»¹⁰⁵⁸

Sau điểm dừng chân tại Hà Nội, Lê Đức Thọ đã đi đến Bắc Kinh để tham vấn với lãnh đạo Trung Quốc. Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Trần Nghị đã mắng mỏ ông vì đã nhượng bộ người Mỹ về việc Nam Việt Nam tham gia đàm phán, điều mà người Trung Quốc cho là rất có lợi cho chính phủ Sài Gòn. «Kể từ tháng Tư năm ngoái, khi các đồng chí chấp nhận việc Mỹ ngừng ném bom một phần và tiến hành đàm phán hòa bình với họ, các đồng chí đã để mất thế chủ động trong đàm phán vào tay họ», Trần Nghị gầm gừ. Bằng cách cho phép chính phủ Nam Việt Nam tham gia đàm phán, «các đồng chí lại một lần nữa thua họ», bởi vì «các đồng chí đã trao cho chính phủ bù nhìn sự công nhận hợp pháp, do đó loại bỏ địa vị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng với tư cách là đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân miền Nam. Vì vậy, người Mỹ đã giúp chế độ bù nhìn của họ giành được địa vị hợp pháp trong khi các đồng chí khiến Mặt trận đánh mất uy tín của mình.»

Phòng trường hợp vị khách của mình chưa hoàn toàn hiểu được mức độ bất bình của ông, Trần Nghị buộc tội Đảng Cộng sản Việt Nam phản bội người sáng lập của chính mình. «Các đồng chí đang hành động trái với lời dạy của Chủ tịch Hồ, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, do đó phá hủy uy tín của Chủ tịch Hồ trong lòng nhân dân Việt Nam», Trần Nghị giận dữ. Ông kết thúc

việc khiển trách bằng cách buộc tội Bắc Việt cúi đầu trước con ma cộng sản Xô Viết. «Trong một thời gian rất ngắn», ông nói, «các đồng chí đã chấp nhận những đề xuất thỏa hiệp và đầu hàng do những người xét lại Xô Viết đưa ra.»¹⁰⁵⁹

Chính phủ Trung Quốc sẽ sớm hành động dựa trên sự bất mãn của họ với Bắc Việt. Vào tháng 11, họ bắt đầu rút quân hỗ trợ Trung Quốc vốn đã có mặt tại Bắc Việt từ năm 1965. Từ đó trở đi, nam giới Bắc Việt sẽ phải tự thực hiện công việc trước đây do hơn một trăm nghìn binh sĩ Trung Quốc đảm nhiệm.¹⁰⁶⁰ Ở một đất nước mà nhân lực và chuyên môn kỹ thuật đã bị kéo căng đến giới hạn bởi chiến tranh, việc phân bổ lại lao động này sẽ cắt giảm nghiêm trọng số lượng nam giới Bắc Việt có sẵn để chiến đấu ở miền Nam.

Trước khi người Mỹ đề nghị ngừng ném bom, họ đã tìm kiếm và nhận được sự đồng ý của Thiệu. Tuy nhiên, Thiệu đã không nghĩ rằng người Bắc Việt thực sự sẽ chấp nhận các điều khoản của thỏa thuận. Mặc dù việc Hà Nội đồng ý cho sự hiện diện của chính phủ ông tại bàn đàm phán là một món lợi chiến lược, Thiệu vẫn bận tâm về thời điểm của thỏa thuận. Ông lo sợ một âm mưu của người Bắc Việt nhằm thúc đẩy việc bầu cử Humphrey, người mà Thiệu và hầu hết người Nam Việt

Nam khác tin rằng sẽ ít kiên quyết hơn Nixon trong việc đứng vững chống lại Bắc Việt.¹⁰⁶¹

Thiệu đã cố gắng trì hoãn việc ngừng ném bom bằng cách đưa ra danh sách các điều kiện tiên quyết của riêng mình cho các cuộc đàm phán. Ông yêu cầu phái đoàn Nam Việt Nam phải ngồi sau một tấm bảng có khắc dòng chữ «Chính phủ Việt Nam Cộng hòa», và Mặt trận Dân tộc Giải phóng không được phép có bảng như vậy ở phía bàn hội nghị của họ. Ông khẳng định rằng bất cứ khi nào ai đó ở phía Cộng sản tuyên bố đại diện cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng, phái đoàn Nam Việt Nam sẽ «lập lại rằng họ là một phần không thể tách rời của phái đoàn Bắc Việt, nói thay cho Bắc Việt, và rằng chúng ta không coi họ là một thực thể tách biệt với phái đoàn Bắc Việt.»¹⁰⁶²

Trong khi đó, người Bắc Việt bắt đầu đề xuất các ngày bắt đầu ngừng ném bom và cuộc họp thực chất đầu tiên. Họ muốn khoảng cách một tuần hoặc hơn giữa hai ngày này. Người Mỹ phản đề xuất rằng các ngày này không nên cách nhau quá vài ngày. Các nhà ngoại giao Liên Xô nhiều lần can thiệp với người Bắc Việt và Mỹ để tìm cách thỏa hiệp về điểm này và các điểm khác.¹⁰⁶³

Các hoạt động ngoại giao giữa các chính phủ ở Hà Nội, Sài Gòn, Washington, Moscow và Bắc Kinh càng

trở nên phức tạp hơn bởi sự can thiệp của các ứng cử viên tổng thống Mỹ vào cuối tháng Mười. Vào ngày 25 tháng 10, Nixon biết được rằng các thành viên của chính quyền Johnson đột nhiên tham gia vào một loạt các cuộc họp về việc ngừng ném bom. Như ông viết sau này trong hồi ký, ông nghi ngờ rằng Johnson đang tìm cách tiến tới hòa bình ngay trước cuộc bầu cử nhằm nỗ lực giành chiến thắng cho Humphrey.¹⁰⁶⁴ William Safire, một thành viên trong chiến dịch tranh cử của Nixon, nhớ lại rằng «Nixon cảm thấy cách duy nhất để chống lại điều này là một đòn tấn công phủ đầu.»¹⁰⁶⁵

Đòn tấn công của Nixon có hình thức là một tuyên bố công khai nêu ra vấn đề về những động cơ đen tối trong khi dường như tránh một cuộc tấn công phe phái vào Johnson. Khi mô tả các cuộc họp được báo cáo về việc ngừng ném bom, Nixon thông báo với báo chí rằng ông đã «được biết rằng đợt hoạt động sôi nổi này là một nỗ lực vô liêm sỉ, vào phút chót của Tổng thống Johnson nhằm cứu vãn sự ứng cử của ông Humphrey. Tôi không tin điều này.» Ông tiếp tục nói, «Tổng thống Johnson vô cùng quan tâm đến nửa triệu quân nhân của chúng ta, bao gồm hai con rể của ông, ở Việt Nam. Trong mọi cuộc trò chuyện tôi đã có với ông ấy, ông ấy đã nói rõ rằng ông ấy sẽ không chơi chính trị với cuộc chiến này.»¹⁰⁶⁶

Đúng như dự định, nhận xét của Nixon đã làm dấy lên làn sóng quan tâm của giới truyền thông về các cuộc đàm phán hòa bình bí mật. Với rất nhiều phóng viên điều tra xung quanh, các chi tiết về các cuộc đàm phán và những dòng chảy ngầm chính trị của chúng đã được hé lộ. Việt Nam, vốn đã lùi vào hậu trường chiến dịch sau bài phát biểu ngày 31 tháng 3 của Johnson, đã trở lại hàng đầu, và sẽ ở đó cho đến ngày bầu cử.

Vào ngày 27 tháng 10, các nhà ngoại giao Bắc Việt đã đưa ra đề nghị tốt nhất của họ cho đến nay về thời điểm bắt đầu đàm phán, đề xuất bắt đầu các cuộc đàm phán vào ngày 2 tháng 11 nếu việc ném bom được dừng vào ngày 30 tháng 10. Khoảng thời gian giữa hai ngày này đủ ngắn để ngay cả các cố vấn điều hâu của Johnson cũng đề nghị chấp nhận chúng.

«Họ đã thực hiện bước đi lớn», Rusk nói tại một cuộc họp của các quan chức chính sách đối ngoại cấp cao.

«Nếu mười bước chia cách chúng ta», Clifford xen vào, «họ đã đi tám và chúng ta đã đi hai.»

«Tôi sẽ nói là chín so với một», Rusk trả lời.

Rusk, Rostow và Taylor nói rằng họ tin rằng người Bắc Việt sẽ tôn trọng lời hứa không động đến DMZ và

các thành phố. «Tôi vốn là một người cứng rắn, thừa Tổng thống, nhưng tôi ủng hộ điều này», Taylor nói. «Họ đang bị tổn thất.»

Chỉ có bản thân Johnson bày tỏ sự hoài nghi. Ông biết rằng Thiệu và Nixon đều bị thuyết phục rằng người Bắc Việt đang cố gắng trao chiến thắng bầu cử cho Humphrey, và họ sẽ xem ông như một đồng phạm nếu ông vội vã thúc đẩy thỏa thuận trước ngày bầu cử. «Tôi vẫn nghĩ đây là một động thái chính trị nhằm ảnh hưởng đến cuộc bầu cử này», ông lầm bầm. «Ngày 2 tháng 11 là một ngày xấu, nguy hiểm. Gần như mọi người sẽ diễn giải nó có liên quan đến chiến dịch tranh cử.»¹⁰⁶⁷

Tuy nhiên, sự nhất trí của các cố vấn đã thuyết phục Johnson đồng ý với lộ trình thời gian do Hà Nội đề xuất. Bunker bắt tay làm việc với Thiệu để soạn thảo một thông báo về việc bắt đầu các cuộc đàm phán. Nhưng Thiệu vẫn quyết tâm trì hoãn việc ngừng bắn và các cuộc đàm phán, đưa ra các điều kiện tiên quyết mới để yêu cầu người Bắc Việt và những lý do mới để đẩy lùi ngày tháng.

Vấn đề này, vốn đã đủ rắc rối, lại mang một chiều kích mới vào tối ngày 27 tháng 10 khi Nhà Trắng nhận được một bức điện mã hóa được giải mã từ Đại sứ Bùi Diễm gửi cho Thiệu, có mùi âm mưu giữa chính phủ Nam

Việt Nam và chiến dịch tranh cử của Nixon. «Nhiều người bạn Cộng hòa đã liên hệ với tôi và khuyến khích chúng ta đứng vững», vị đại sứ Nam Việt Nam đã viết cho tổng thống của mình. «Họ đã báo động trước các báo cáo trên báo chí rằng ngài đã làm mềm lập trường của mình.»

Tại Nhà Trắng, báo cáo này làm dấy lên lo ngại rằng áp lực của Đảng Cộng hòa đang khiến Thiệu tiếp tục trì hoãn cho đến ngày bầu cử. Người ta nghi ngờ rằng Nixon đang hứa hẹn với Thiệu sự hỗ trợ vững chắc sau chiến thắng bầu cử của mình nếu Thiệu hành động ngay bây giờ để từ chối cho Humphrey những lợi ích từ làn sóng hòa bình trước bầu cử. Johnson quyết định nghe lén điện thoại của đại sứ quán Nam Việt Nam, ghi lại danh tính của mọi người được nhìn thấy ra vào khuôn viên đại sứ quán, và theo dõi một người tên là Anna Chennault, người bị nghi ngờ là chuyển thông tin giữa chính phủ Thiệu và đảng Cộng hòa.¹⁰⁶⁸

Sinh ra trong một gia đình nhà ngoại giao Trung Quốc, Anna Chennault là góa phụ của Claire Chennault, người đã chỉ huy Nhóm Hỗ Bay của Mỹ ở Trung Quốc trong Thế chiến II. Sau chiến tranh, bà đã di cư sang Hoa Kỳ và trở thành một trong những người Mỹ gốc Á nổi bật nhất của quốc gia này. Với tư cách là đồng chủ tịch của

Republican Women for Nixon (Phụ nữ Cộng hòa ủng hộ Nixon), bà đã giúp gây quỹ 250.000 đô la cho chiến dịch tranh cử tổng thống của Nixon. Trong một nỗ lực khác để tranh thủ thiện cảm với ứng cử viên tổng thống, bà đã tự nhận nhiệm vụ làm kênh liên lạc không chính thức giữa đại sứ quán Nam Việt Nam tại Washington và chiến dịch tranh cử của Nixon.¹⁰⁶⁹

Bùi Diêm bị thu hút bởi Chennault vì mối quan hệ của bà với giới tinh hoa của Đảng Cộng hòa. Với việc Đảng Cộng hòa sắp giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử ở các nhánh hành pháp và lập pháp, việc kết giao với những người Cộng hòa có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng vào mùa thu năm 1968. Nếu Bùi Diêm muốn trình bày vấn đề của Nam Việt Nam với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng hòa, ông có thể nhờ Chennault giới thiệu, hoặc tham dự một trong nhiều bữa tiệc cocktail bà tổ chức tại căn penthouse của mình trong tòa nhà Watergate.¹⁰⁷⁰

Như thường xảy ra với những người tìm cách lấy lòng một chiến dịch tranh cử tổng thống, Chennault không thể có được sự tiếp cận và ảnh hưởng mà bà mong muốn. Khi bà cố gắng nói chuyện với nhóm cố vấn thân cận của Nixon, bà bị từ chối và được chuyển hướng đến các cố vấn chính sách đối ngoại của chiến

dịch.¹⁰⁷¹ Melvin Laird, người mà sự ủng hộ dành cho Nixon trong chiến dịch tranh cử sẽ giúp ông giành được vị trí Bộ trưởng Quốc phòng, sau này mô tả Chennault như một người làm tự do ở rìa chiến dịch.¹⁰⁷²

Vào cuối tháng Mười, Walt Rostow thúc giục CIA cung cấp thêm thông tin về các hoạt động của Chennault. George Carver, trợ lý đặc biệt của CIA phụ trách các vấn đề Việt Nam, đã phản hồi bằng cách chất vấn quan điểm cho rằng sự phản đối của Thiệu đối với kế hoạch đàm phán của Johnson là sản phẩm của âm mưu với Nixon. Theo cách nhìn của Carver, Thiệu có rất nhiều lý do riêng để tin rằng kế hoạch ngoại giao của Nhà Trắng sẽ gây nguy hiểm cho Nam Việt Nam, và Carver nói rằng ông cũng sẽ cảm thấy như vậy nếu ở vào vị trí của Thiệu.¹⁰⁷³

Gần đây, CIA đã nhận được nhiều bằng chứng cho thấy Thiệu xem thỏa thuận ngoại giao như một mối đe dọa đối với sự tồn vong của quốc gia ông. Ông được báo cáo là lo ngại rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ chẳng được gì để đổi lấy việc từ bỏ những lợi ích quân sự và chính trị to lớn của việc ném bom. Báo cáo của CIA nêu bật mối quan ngại của Thiệu rằng việc chấp nhận ngừng ném bom dưới sức ép của Mỹ sẽ làm suy yếu chủ nghĩa dân tộc Việt Nam Cộng hòa và uy tín của chính ông.

Một số thuộc cấp quan trọng nhất của Thiệu, bao gồm Kỳ và Hương, đang cảnh báo rằng Việt Nam Cộng hòa có thể bị coi là bù nhìn của Hoa Kỳ nếu đi theo toàn bộ kế hoạch của Washington.¹⁰⁷⁴

Bản thân Thiệu đang phẫn nộ trước những gì ông cho là sức ép quá mức của Mỹ. Trong những cuộc trò chuyện riêng tư với bạn bè và người thân Việt Nam, ông thể hiện quyết tâm không lay chuyển trong việc chống lại sức ép đó, bằng những lời lẽ mang nét tương đồng nổi bật với giọng điệu thách thức của Ngô Đình Diệm vào năm 1963. Theo lời kể của một nguồn tin Việt Nam Cộng hòa của CIA, Thiệu thề rằng ông «sẽ không bao giờ nhượng bộ người Mỹ và đã sẵn sàng rời khỏi chức vụ Tổng thống nếu Mỹ cắt viện trợ tài chính cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (GVN), hoặc sẵn sàng chết nếu có một âm mưu ám sát ông.» Thiệu thà «có một cái tên được kính trọng trong lịch sử còn hơn sống nhục nhã như một con chó vâng lệnh chủ từng mệnh lệnh.»¹⁰⁷⁵

Thiệu không cần chiến dịch tranh cử của Nixon nói cho ông biết rằng việc ngừng ném bom sẽ giúp ích cho Humphrey, hay rằng một nhiệm kỳ tổng thống của Humphrey sẽ ít thuận lợi hơn cho Việt Nam Cộng hòa so với một nhiệm kỳ của Nixon. Những sự thật này từ lâu đã rõ ràng đối với hầu hết mọi quan sát viên am

hiếu ở Sài Gòn và Washington. Thiệu đã cảnh giác với Humphrey kể từ khi hai người gặp nhau vào năm trước, vào thời điểm đó Humphrey đã cảnh báo Thiệu rằng ông không nên mong đợi viện trợ của Mỹ sẽ tiếp tục ở mức độ tương tự trong những năm tới.¹⁰⁷⁶ Đến lúc này, Thiệu và các nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng hòa khác đã bị thuyết phục rằng người Bắc Việt, người Liên Xô và người Mỹ đều đang cố gắng tính toán thời điểm ngừng ném bom để kiểm phiếu bầu cho Humphrey. Trong suy nghĩ của Thiệu, việc ông trì hoãn ngừng ném bom không đồng nghĩa với can thiệp vào chính trị Mỹ, mà chỉ là từ chối một sự thúc đẩy giả tạo cho một ứng cử viên mà nếu đắc cử, có thể khiến Việt Nam Cộng hòa diệt vong.¹⁰⁷⁷

Trong khi Bunker tiếp tục những nỗ lực Sisyphus (nhọc nhằn, vô vọng) của mình để giành được sự đồng ý của Thiệu về thời điểm ngừng ném bom, Johnson sắp xếp bằng chứng để chứng minh rằng việc ngừng ném bom sẽ không gây hại cho nỗ lực chiến tranh nhằm biện minh cho bản thân và cho nhân dân Mỹ. Giới tướng lĩnh hàng đầu đang nói rằng đã đến lúc ngừng ném bom vì mưa gió mùa ở miền nam Bắc Việt sẽ ngăn cản việc ném bom hiệu quả trong ba tháng tới. Trong mùa mưa gió mùa, các cuộc không kích có thể được chuyển hướng từ Bắc Việt sang Lào và Việt Nam Cộng hòa, mà

theo quan điểm của các tướng lĩnh, sẽ là một cách sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực ném bom của Mỹ.¹⁰⁷⁸

Johnson muốn nói chuyện trực tiếp với vị tướng có ý kiến quan trọng nhất, Tướng Abrams. Ông triệu tập Abrams đến Washington để thảo luận vào giờ chót, được lên lịch vào sáng sớm ngày 29 tháng 10. Bay vào Căn cứ Không quân Andrews lúc nửa đêm, Abrams được đưa thẳng đến Nhà Trắng và hộ tống vào một cuộc họp lúc 2:30 sáng với tổng thống. Các quan chức an ninh quốc gia hàng đầu của chính quyền, ăn mặc chỉnh chu trong bộ com - lê và quân phục, ngồi tham dự.

Johnson dồn dập hỏi Abrams. «Ông có nghĩ chúng sẽ vi phạm DMZ (Khu phi quân sự) và các thành phố không?»

«Tôi nghĩ chúng sẽ tuân thủ nó ở DMZ», Abrams trả lời. «Về các thành phố, tôi không chắc. Tôi lo ngại về Sài Gòn.» Tuy nhiên, mối đe dọa đối với Sài Gòn là nhỏ. «Tôi đang nói về nửa tá rocket, hoặc một vài - hai mươi lăm đến năm mươi - biệt động vào Sài Gòn.»

«Nếu kẻ thù tôn trọng thỏa thuận của chúng ta», Johnson hỏi, «điều này sẽ là một lợi thế về quân sự chứ?»

«Vâng.»

Johnson hỏi Abrams tại sao tình hình hiện tại lại khác với tháng Tám, khi các tướng lĩnh tin rằng việc ngừng ném bom sẽ cho phép kẻ thù nhân lên khả năng quân sự của chúng. Abrams giải thích rằng kẻ thù đã rút khỏi miền bắc Việt Nam Cộng hòa và do đó kẻ thù «không thể gây rối loạn như nó đã có thể gây ra vào tháng Tám.» Ngoài ra, thời tiết gió mùa ở Bắc Việt sẽ khiến Lào trở thành một nơi ném bom sinh lợi hơn trong vài tháng tới.

Johnson tiếp tục : «Tôi sẽ đặt nhiều trọng lượng vào nhận định của ông hơn bất kỳ ai khác. Chúng ta có thể làm điều này mà không có thêm thương vong không ?»

«Vâng, chúng ta có thể», Abrams trả lời.

«Ông có do dự hay ngần ngại gì về việc ngừng ném bom không ?»

«Không, thưa Ngài.»

«Nếu ông là Tổng thống, ông có làm điều đó không?»

«Tôi không có bất kỳ băn khoăn nào về việc làm điều đó», Abrams nói. «Tôi biết đó là bước vào một vũng lầy của bình luận. Tôi thực sự nghĩ đó là điều đúng đắn nên làm. Đó là điều thích hợp nên làm.»¹⁰⁷⁹

Trước khi Abrams rời đi, Johnson đưa cho ông một bức thư, mà vị tướng đọc trong chuyến bay trở về Sài Gòn. Lá thư của tổng thống yêu cầu Abrams gây áp lực quân sự tối đa lên kẻ thù để tạo điều kiện thuận lợi cho thành công ngoại giao tại Paris. Với một mức độ lạc quan mà ông hiếm khi thể hiện trong những năm gần đây, Johnson đã kết thúc bức thư với một dự đoán táo bạo. «Với may mắn và với Abe», tổng thống viết, «chúng ta sẽ giành lấy hòa bình trong ba tháng tới - mà không mất một trận chiến hay cuộc đụng độ nào - như Tướng Winfield Scott đã làm cách đây hơn 120 năm.»

1080

Sáng hôm đó, suy nghĩ tích cực của Johnson bị sút mẻ bởi một báo cáo rằng Thiệu đã kiên quyết từ chối chấp nhận lộ trình ngừng ném bom do Hà Nội đề xuất và được Washington chấp thuận. Thiệu tuyên bố rằng chính phủ của ông cần thêm thời gian để tham vấn và chuẩn bị ngoại giao và rằng ông muốn làm rõ những nhận xét mà Harriman vừa đưa ra, bày tỏ nghi ngờ về thỏa thuận của Bắc Việt nói chuyện trực tiếp với Nam Việt Nam. ¹⁰⁸¹

Rusk thúc giục Johnson đảm bảo sự đồng ý của Thiệu về thời gian trước khi tiến hành ngừng ném bom. «Nếu chúng ta phải mất thêm một chút thời gian để xử lý

nó, tốt hơn là làm điều đó hơn là chứng minh cho mọi người thấy rằng chúng ta đã khăng khăng tiến hành bất chấp đồng minh của mình», Ngoại trưởng nói. Tiến lên phía trước mà không có người Nam Việt Nam «sẽ xác nhận trong quan điểm của mọi người rằng lý do duy nhất chúng tôi khăng khăng tiến hành trong những tình huống này là vì chính trị trong nước.»

Rostow đồng ý, nói thêm rằng Johnson nên hoãn việc ngừng ném bom lại một tuần để «loại bỏ ảnh hưởng của bầu cử.»

Tuy nhiên, Clifford phản đối bất kỳ sự trì hoãn nào. Ông ta cáo buộc người Nam Việt Nam cố tình trì hoãn vì «họ không muốn ảnh hưởng xấu đến Nixon» bằng cách đồng ý ngừng ném bom trước bầu cử. «Tôi cảm thấy không thích hợp cho chúng ta, sau khi gánh vác những gánh nặng này trong nhiều năm, lại trao việc này cho Thiệu và người của ông ta và một Chính quyền mới», Clifford nói.

Johnson thừa nhận rằng ông hiểu tại sao Sài Gòn lại chần chừ. «Thiệu và những người khác đang bỏ phiếu cho một người mà họ cho là sẽ kiên trì - Nixon», Johnson nhận xét. «Họ biết Phó Tổng thống [Humphrey] sẽ mềm mỏng hơn.»

Vào lúc này, Johnson có vẻ sẵn sàng đứng về phía Rusk và Rostow và chống lại Clifford, như ông đã ngày càng làm trong suốt cả năm. Và rồi Johnson đột nhiên nghe theo lời khuyên của Clifford thay vì Rusk và Rostow. Việc ngừng ném bom, tổng thống ra lệnh, sẽ bắt đầu trước bầu cử bất kể người Nam Việt Nam làm gì. Johnson nói rằng Bunker nên «đưa Thiệu lên núi» và cho ông ta biết rằng «chúng ta sẽ không chịu đựng việc họ phủ quyết điều này.»¹⁰⁸²

Johnson đã không giải thích, lúc đó hay sau này, điều gì đã thuyết phục ông tiến hành ngừng ném bom trước bầu cử bất chấp sự phản đối của Nam Việt Nam. Có lẽ ông lo ngại nhất về việc ngăn chặn sự can thiệp của nước ngoài vào cuộc bầu cử Mỹ và sự khuyến khích có thể có của Đảng Cộng hòa đối với sự can thiệp đó. Hoặc có lẽ ông lo lắng nhất về khả năng các cuộc đàm phán hòa bình sẽ tan biến và cùng với đó là di sản hòa bình của ông. Hoặc có lẽ, bất chấp sự bất mãn của ông với Humphrey vì sự không kiên định của ông này về Việt Nam, mục tiêu quan trọng nhất của Johnson là giúp phó tổng thống của mình đánh bại Nixon vào ngày bầu cử.

Tối hôm đó, Nhà Trắng gửi cho Bunker những chỉ dẫn chi tiết cho cuộc thảo luận trên núi. Ông ta phải nói như sau : «Nếu Tổng thống Thiệu tự biến mình thành

người chịu trách nhiệm ngăn cản các cuộc đàm phán hòa bình mà đã phải trả giá rất đắt để có được, người dân nước này sẽ không bao giờ quên người chịu trách nhiệm. Không nhà lãnh đạo Mỹ nào có thể cứu vãn vị thế của một người như vậy với nhân dân Mỹ.» Bunker cũng phải nói với Thiệu rằng nếu chính phủ Việt Nam Cộng hòa cản trở nỗ lực hòa bình, Quốc hội Hoa Kỳ «sẽ đảm nhận tình huống này và sẽ hoàn toàn làm suy yếu và rút lại sự hỗ trợ của Hoa Kỳ khỏi nỗ lực tại Việt Nam.» Thiệu sẽ được cho thêm hai mươi bốn giờ, nhưng không hơn, để thực hiện các chuẩn bị cần thiết cho việc ngừng ném bom và các cuộc đàm phán.¹⁰⁸³

Bunker, người mà đến lúc này đã hoàn toàn quen thuộc với văn hóa Việt Nam, hẳn đã lo lắng rằng giọng điệu đe dọa của thông điệp sẽ chỉ làm cứng rắn thêm sự kháng cự của Thiệu, nhưng dù vậy ông vẫn chuyển nó đến cho Thiệu vào ngày 30 tháng 10. Việc đọc lời nhắn đã làm rối loạn vị tổng thống vốn thường điềm tĩnh. Theo mô tả của Bunker, Thiệu «đã phản ứng một cách xúc động và rời rạc.» Vài tuần sau, Thiệu sẽ nói với bạn bè rằng ông xem tối hậu thư của Mỹ như một sự «phản bội» «có thể so sánh với việc Mỹ bỏ rơi Tưởng Giới Thạch.»¹⁰⁸⁴

Tuy nhiên, trong cuộc họp, Thiệu vẫn đủ bình tĩnh để kiểm chế những lời buộc tội gay gắt. «Ngài rất mạnh mẽ», ông nói với Bunker. «Ngài có thể nói với các quốc gia nhỏ những gì ngài muốn. Chúng tôi hiểu sự hy sinh của Mỹ cho Việt Nam. Tất cả người Việt đều biết cuộc sống của chúng tôi phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Hoa Kỳ. Nhưng ngài không thể ép chúng tôi làm bất cứ điều gì trái với lợi ích của chúng tôi. Cuộc đàm phán này không phải là vấn đề sống còn đối với Hoa Kỳ, nhưng nó là đối với Việt Nam.»

Bunker hỏi Thiệu liệu Việt Nam Cộng hòa có thể đồng ý ngừng ném bom vào ngày 31 tháng 10 và một cuộc họp ban đầu vào ngày 4 tháng 11 không. Thiệu trả lời rằng những ngày đó không cho ông đủ thời gian để tham vấn với các đồng nghiệp. Nếu không thực hiện các cuộc tham vấn này, Thiệu nói, ông sẽ bị «phỉ báng và cô lập.»¹⁰⁸⁵

Trong khoảng thời gian gia hạn hai mươi bốn giờ do Nhà Trắng cấp, Thiệu đã xem xét một thỏa hiệp cuối cùng của Mỹ theo đó việc ngừng ném bom sẽ bắt đầu vào ngày 1 tháng 11 và cuộc họp ban đầu sẽ diễn ra vào ngày 6 tháng 11. Nhưng khi Bunker quay lại gặp ông vào ngày hôm sau, Thiệu nói rằng ông cũng chưa sẵn sàng chấp nhận những ngày đó. Ông đề xuất rằng

Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ chỉ cần thông báo rằng các cuộc đàm phán sẽ bắt đầu «vào một thời điểm sớm ngày sau khi đạt được thỏa thuận sơ bộ về các nguyên tắc cơ bản của cuộc đàm phán.» Trước sức ép tiếp tục từ Bunker để chấp nhận lịch trình của Mỹ, Thiệu nói giận dữ, «Tôi muốn hỏi ngài một câu thẳng thắn : Để có một nền hòa bình thực sự, một nền hòa bình danh dự sau hai mươi năm chiến tranh, tại sao ngài lại vội vàng như vậy chỉ vì một hoặc hai ngày, trong khi phe Cộng sản đã mất hơn một tháng sau khi ngừng ném bom một phần vào tháng Ba vừa rồi để đến Paris và sau đó dành năm tháng để đọc cùng một bài diễn văn trong mỗi phiên họp ?» Thiệu nói tiếp, «Hội nghị này sẽ quyết định số phận quốc gia tôi. Chúng tôi cần thời gian cho việc đó. Nếu chính phủ của ngài nói ‘không’ với chúng tôi và quyết định rằng họ không còn thời gian nữa, thì tùy các ngài. Nhưng tôi có trách nhiệm của mình với quốc gia và nhân dân tôi. Tôi phải làm điều đó để có được lương tâm thanh thản.»¹⁰⁸⁶

Johnson từ chối chịu đựng thêm bất kỳ sự chậm trễ nào nữa. Dù sẽ rất đau đớn khi tiến hành mà không có sự tham gia của Nam Việt Nam, ông vẫn sẽ công bố lệnh ngừng bắn và các cuộc đàm phán sơ bộ. Ông sẽ có một bài phát biểu với thế giới vào tối ngày 31 tháng 10.¹⁰⁸⁷

Khi thông báo trước cho Thiệu về bài phát biểu của Johnson, Bunker nói, «Tổng thống yêu cầu tôi nói với ngài rằng ngài không nên nản lòng hoặc chán nản. Ông ấy sẽ nói những điều rất tốt đẹp về Việt Nam trong bài phát biểu của mình và ông ấy muốn tôi đảm bảo với ngài rằng chúng tôi dự định tiếp tục ủng hộ vững chắc đất nước và chính phủ của ngài. Chúng tôi dự định tiếp tục làm việc cùng ngài để đạt được những mục tiêu mà chúng ta đã đề ra. Tất cả chúng tôi đều tiếc rằng chúng ta không thể cùng nhau trong việc này.»

«Nếu chúng ta tham gia các cuộc đàm phán này với Mặt trận Dân tộc Giải phóng (NLF), điều đó sẽ đồng nghĩa với sự tan rã của quốc gia», Thiệu trả lời. «Nhà nước phải có sự ổn định, không phải rắc rối, không phải bất ổn ; đó là mối quan tâm nghiêm trọng nhất của chúng tôi.» Thiệu xin lỗi vì không thể cùng Tổng thống đưa ra một thông báo chung, và nói thêm, «Xin hãy đảm bảo với Tổng thống Johnson rằng tôi sẽ tiếp tục vô cùng biết ơn ông ấy và Chính phủ Hoa Kỳ.»¹⁰⁸⁸

Cả ba mạng lưới truyền hình lớn của Mỹ đều phát sóng bài phát biểu của Johnson tối hôm đó. Tổng thống bắt đầu bằng cách nêu rõ các điều kiện mà ông sẵn sàng đàm phán. Sau nhiều tháng đối thoại không có kết quả với người Bắc Việt tại Paris, Johnson kể lại, Hà Nội đã

đề nghị chấp nhận các điều kiện của ông vài ngày trước.

Sau đó, Johnson trấn an những người ôn hòa và bảo thủ rằng chương trình hòa bình của ông sẽ không gây hại cho quân đội hoặc đồng minh của Mỹ. «Tôi đã dành gần như cả ngày thứ Ba để xem xét từng chi tiết của vấn đề này với chỉ huy hiện trường của chúng ta, Tướng Abrams, người mà tôi đã ra lệnh trở về nước, và đã đến Nhà Trắng lúc 2:30 sáng và bước ngay vào cuộc họp với Tổng thống», ông nói. «Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, tất cả đều là quân nhân, đã đảm bảo với tôi - và Tướng Abrams đã khẳng định chắc chắn với tôi trong cuộc họp sớm đó lúc 2:30 sáng thứ Ba - rằng theo đánh giá quân sự của họ, hành động này nên được thực hiện ngay bây giờ, và hành động này sẽ không dẫn đến bất kỳ sự gia tăng nào về thương vong của Mỹ.»

Tổng thống thông báo mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân và pháo binh vào miền Bắc Việt Nam sẽ chấm dứt vào ngày 1 tháng 11. Các cuộc đàm phán sẽ bắt đầu vào ngày 6 tháng 11. Bỏ qua sự phản đối của Thiệu đối với kế hoạch, Johnson chỉ nói rằng các đại diện của chính phủ Nam Việt Nam «được tự do tham gia» vào các cuộc đàm phán.

Johnson tạo ra một âm hưởng lạc quan về thời gian cần thiết để đạt được một thỏa thuận hòa bình. Mặc dù «rất có thể sẽ còn những cuộc chiến đấu rất khó khăn phía trước», ông nhận xét, «chúng ta biết rằng các cuộc đàm phán có thể diễn ra nhanh chóng nếu ý định chung của các nhà đàm phán là hòa bình trên thế giới.» Trong một lời răn đe nhằm gây áp lực với người Bắc Việt và xoa dịu nhân dân Mỹ, Johnson nhắc lại các cuộc đàm phán kéo dài trong Chiến tranh Triều Tiên tại Pa mmunjom. «Thế giới nên biết rằng nhân dân Mỹ cay đắng nhớ lại các cuộc đàm phán Triều Tiên kéo dài, đau đớn từ năm 1951 đến 1953», Tổng thống tuyên bố. «Nhân dân chúng ta sẽ không chấp nhận sự chậm trễ cố ý và sự trì hoãn kéo dài một lần nữa.»¹⁰⁸⁹

Trong các phòng khách trên khắp nước Mỹ, hy vọng về một thỏa thuận hòa bình tăng vọt. Cùng với những hy vọng đó là sự ủng hộ dành cho Humphrey gia tăng. Trong khi Nixon dẫn đầu Humphrey 44 so với 36 trong một cuộc thăm dò của Gallup vào ngày 21 tháng 10, thì cuộc thăm dò được Gallup thực hiện vào ngày 2 tháng 11 cho thấy khoảng cách đã thu hẹp xuống còn 42 so với 40. Theo ý kiến của nhà thăm dò Louis Harris, sự thay đổi này là một bước ngoặt bầu cử đáng kinh ngạc nhất trong lịch sử Mỹ gần đây, một giai đoạn mà bản thân nó đã chứa đầy những sự thay đổi và tranh cãi

đáng chú ý vào phút chót. Harris kết luận rằng hầu hết những người đã đổi ý là các cử tri nữ, những người thấy Humphrey hấp dẫn hơn vì lệnh ngừng ném bom và nỗ lực thúc đẩy hòa bình.¹⁰⁹⁰

Tại Sài Gòn, sự cải thiện đột ngột trong vận may của Humphrey đã xác nhận những nghi ngờ rằng Johnson đã chọn thời điểm ngừng bắn để mang lại chiến thắng trong cuộc bầu cử cho phó tổng thống của mình. Tin rằng con số hòa bình đang đe dọa sự tồn vong của đất nước mình, Thiệu đã không ngần ngại sử dụng thủ đoạn cản trở mà người Mỹ đã cảnh báo ông một cách nghiêm trọng là nên tránh. Trong một thông cáo gửi cho báo chí quốc tế vào ngày 1 tháng 11, ông tuyên bố rằng chính phủ Nam Việt Nam không có «bất kỳ lý do đủ mạnh nào để liên kết với Chính phủ Hoa Kỳ» trong quyết định tham gia đàm phán với Bắc Việt. Trước một cuộc tập hợp của các nhà báo, ông khẳng định rằng «Nam Việt Nam không phải là một chiếc xe tải để được gắn vào một đầu máy xe lửa, nơi sẽ kéo nó đi bất cứ nơi nào nó muốn.»¹⁰⁹¹

Tiếp theo, tại một phiên họp chung của Quốc hội mà tờ New York Times mô tả là «cuồng nhiệt một cách điên loạn», Thiệu tuyên bố rằng chính phủ của ông sẽ không đàm phán tại Paris cho đến khi Hà Nội thừa nhận

rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng sẽ không tham gia với tư cách là một thực thể riêng biệt. Thiệu khẳng định rằng việc dành cho Mặt trận một phái đoàn riêng biệt với phái đoàn Bắc Việt «sẽ chỉ là một thủ đoạn khác nhằm thành lập một chính phủ liên hiệp với Cộng sản ở Nam Việt Nam.» Tiếng vỗ tay và hoan hô đã làm gián đoạn bài phát biểu của Thiệu mười lăm lần. Vào cuối bài diễn văn, như được tường thuật lại trong bản tin của tờ Times, hơn một trăm nhà lập pháp «đổ ra đường, giương cao lá cờ vàng và đỏ của Nam Việt Nam, và bắt đầu hát quốc ca.»¹⁰⁹²

Đại sứ quán Mỹ báo cáo rằng sự nhiệt tình hân hoan dành cho Thiệu đã vượt xa các chính trị gia đồng cảm trong Quốc hội. Bunker viết thư cho Washington : «Nhiều người Việt Nam đã nhận xét sau bài phát biểu tại Quốc hội ngày 1 tháng 11 của ông, Thiệu ‘thực sự đã trở thành Tổng thống của chúng ta’.» «Một số người nói, ‘Ông ấy vĩ đại hơn cả Diệm.’» Bằng cách chống lại áp lực của Mỹ, «Thiệu đã loại bỏ hình ảnh của một tổng thống do Mỹ bổ nhiệm, được Mỹ hậu thuẫn và trở thành một nhà lãnh đạo đích thực.»¹⁰⁹³

Đến ngày 2 tháng 11, sự phản đối công khai của Thiệu đối với các cuộc đàm phán đã làm giảm đáng kể những kỳ vọng về hòa bình sắp tới của Mỹ. Do đó,

nó làm giảm những lợi thế chính trị mà Humphrey đã có được từ những kỳ vọng đó.¹⁰⁹⁴ Ngoài ra, nó có thể đã chịu trách nhiệm cho việc châm ngòi những lời lẽ cay độc bùng phát từ Hồ Chí Minh vào ngày 3 tháng 11, điều này cung cấp thêm lý do để nghi ngờ rằng hòa bình đã ở trong tầm tay. Trong một thông báo trên đài phát thanh, Hồ gọi lệnh ngừng ném bom không phải là một bước tiến tới hòa bình mà là «một thắng lợi bước đầu» chống lại «cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.» Người kêu gọi nhân dân miền Bắc «thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu» để «giải phóng miền Nam.»

1095

Nếu như bà Chennault đã có lúc không còn ở trong suy nghĩ hàng đầu của Tổng thống Johnson, thì bà đã trở lại đó vào tối ngày 2 tháng 11. Tối hôm đó, FBI thông báo cho Nhà Trắng về một cuộc điện thoại từ Chennault đến đại sứ quán Nam Việt Nam bị nghe lén ở Washington. Theo báo cáo, Chennault đã nói với Bùi Diễm rằng «ông chủ của bà» đã yêu cầu bà thông báo cho đại sứ Nam Việt Nam rằng ông ta nên «giữ vững, chúng ta sẽ thắng.» Bà nói thêm rằng «ông chủ của bà» vừa gọi cho bà từ New Mexico.¹⁰⁹⁶

Ứng cử viên phó tổng thống Spiro Agnew đã ở New Mexico vào ngày Chennault gọi cho Bùi Diệm. Sau khi biết sự việc đó, Johnson suy luận rằng sự hiện diện của Agnew ở New Mexico có nghĩa là either Agnew hoặc someone connected to him là «ông chủ.» Johnson kết luận rằng cá nhân này đang khuyến khích người Nam Việt Nam tránh né các cuộc đàm phán cho đến sau bầu cử để ngăn chiến dịch của Humphrey tận dụng những hy vọng mới nổi về hòa bình. Dù Johnson có nhận ra rằng Thiệu không cần sự khuyến khích như vậy hay không thì không rõ, nhưng ít nhất Johnson đã rất tức giận trước sự xuất hiện của âm mưu thông đồng giữa một ứng cử viên tổng thống và một thế lực nước ngoài. Tổng thống ngay lập tức gọi cho người Cộng hòa mà ông tin tưởng nhất, Everett Dirksen.

«Đây là hành vi phản quốc», Johnson hét lên với thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa. «Giờ, tôi có thể xác định họ vì tôi biết ai đang làm việc này. Tôi không muốn xác định nó. Tôi nghĩ nó sẽ gây sốc cho nước Mỹ nếu một ứng cử viên chính lại đang chơi với một nguồn tin như thế về một vấn đề quan trọng như vậy. Tôi không muốn làm điều đó. Nhưng nếu họ định tung ra những thứ như thế này, họ nên biết rằng chúng ta biết họ đang làm gì.»

Dirksen nói ông sẽ nói chuyện với Nixon về vấn đề này. «Tốt hơn tôi nên liên lạc với anh ấy, tôi nghĩ vậy, và kể cho anh ấy nghe về chuyện này.»

«Anh tốt hơn nên bảo họ rằng họ nên ngừng chơi với nó», Johnson răn đe. «Anh chỉ cần nói với họ rằng người của họ đang can thiệp vào chuyện này, và nếu họ không muốn nó xuất hiện trên các trang nhất, họ tốt hơn nên dừng lại.»¹⁰⁹⁷

Dirksen chuyển lại các bình luận của Johnson cho Nixon. Ngày hôm sau, Nixon gọi cho Johnson và cam đoan với ông rằng «bất kỳ lời đồn đại nào xung quanh về việc ai đó đang cố gắng phá hoại thái độ của chính phủ Sài Gòn chắc chắn không có, hoàn toàn không có độ tin cậy nào đối với tôi.»

«Tôi rất vui khi nghe điều đó, Dick, bởi vì điều đó đang diễn ra», Johnson trả lời. «Tôi không nói rằng anh biết về nó. Tôi hy vọng là không.» Trước khi họ cúp máy, Johnson nói với Nixon, «Anh hãy đảm bảo rằng người của anh không nói với Nam Việt Nam rằng họ sẽ nhận được thỏa thuận tốt hơn từ chính phủ Hoa Kỳ so với một hội nghị.»¹⁰⁹⁸

Johnson ra lệnh điều tra các cuộc điện thoại của Agnew, nhưng ông sẽ không nhận được kết quả cho đến sau cuộc bầu cử. Cuộc điều tra sẽ không tìm thấy bằng chứng nào cho thấy Agnew đã nói chuyện với Chennault.¹⁰⁹⁹ Nhiều năm sau đó, Chennault đã cố gắng làm sáng tỏ vấn đề bằng cách nói với một nhà sử học rằng các kỹ thuật viên nghe lén hẳn đã nghe nhầm bà vì thực tế bà đã nói «New Hampshire», nơi John Mitchell, người quản lý chiến dịch của Nixon, đã ở đó vào ngày hôm đó.¹¹⁰⁰ Mitchell không phải là ông chủ của Chennault hơn gì Agnew, mặc dù có thể Chennault đã gọi ông ta là ông chủ của mình để phóng đại vai trò của bà trong chiến dịch, xét theo hồ sơ dài về việc bà mô tả sai sự kiện và phóng đại tầm quan trọng của mình. Vì lý do tương tự, cũng có thể Chennault đã hoàn toàn bịa đặt ra cuộc trò chuyện với cái gọi là ông chủ. Sự thật đầy đủ về các cuộc trò chuyện của Chennault với các quan chức chiến dịch nhiều khả năng sẽ không bao giờ được biết.

Vào giờ ăn trưa ngày 4 tháng 11, một ngày trước cuộc bầu cử, Johnson đã hội ý với Rusk và Clifford về thông tin từ vụ nghe lén. Rusk phản đối mạnh mẽ việc công bố bất kỳ thông tin nào trong số đó cho công chúng. Ông khẳng định : «Tôi không tin rằng bất kỳ Tổng thống nào có thể sử dụng bất kỳ thông tin nghe lén hoặc nghe trộm

điện thoại nào theo cách có liên quan đến chính trị.»
«Khoảnh khắc chúng ta vượt qua ranh giới đó, chúng ta đang ở trong một xã hội khác.»

Clifford đồng ý với Rusk về điểm đó và nêu thêm một điểm khác. Clifford nói : «Tôi nghĩ rằng một số yếu tố của câu chuyện có bản chất gây sốc đến mức tôi tự hỏi liệu việc tiết lộ câu chuyện cho đất nước có tốt hay không, và sau đó có thể một cá nhân nào đó sẽ được bầu.» «Nó có thể đẩy toàn bộ chính quyền của ông vào những nghi ngờ đến mức tôi nghĩ rằng sẽ gây phương hại đến lợi ích quốc gia của chúng ta.»¹¹⁰¹

Johnson quyết định giữ bí mật các hồ sơ nghe lén. Khi giải thích quyết định này với Thượng nghị sĩ George Smathers vài tuần sau đó, ông viện dẫn hai điểm do Rusk và Clifford đưa ra làm lý do chính.¹¹⁰² Ông cũng có lẽ bị ngăn cản bởi việc thiếu bằng chứng kết nối chính Nixon với các hành động của Chennault, đây là lý do khiến Humphrey chọn im lặng khi biết về các hoạt động của Chennault vào đêm trước cuộc bầu cử.¹¹⁰³

Bảy mươi ba triệu cử tri Mỹ đã đi bỏ phiếu vào ngày 5 tháng 11. Chênh lệch trong số phiếu phổ thông rất sát sao, cho thấy Humphrey vẫn giữ được một phần sự ủng hộ từ làn sóng hòa bình ngày 31 tháng 10. Nixon nhận được 43,4 phần trăm tổng số phiếu so với 42,7 phần

trăm của Humphrey. Tuy nhiên, trong đại cử tri đoàn, Nixon thắng dễ dàng, với 301 phiếu đại cử tri so với 191 của Humphrey và 46 của George Wallace.

Việt Nam đã là một yếu tố lớn trong kết quả này. Khi cử tri được hỏi vào đêm trước cuộc bầu cử rằng họ coi vấn đề nào là cấp bách nhất, hơn 40 phần trăm đã trả lời là Việt Nam. Thăm dò cho thấy cử tri tin rằng Nixon sẽ làm tốt hơn Humphrey về Việt Nam và các vấn đề then chốt khác như kinh tế và bạo loạn đô thị. Nixon giành được phiếu của một loạt những người đã bầu cho Lyndon Johnson năm 1964 nhưng sau đó đã quyết định rằng việc Johnson xử lý tội Việt Nam đòi hỏi một khởi đầu mới và một đảng phái khác. Xét về khoảng cách chiến thắng mong manh, những người ủng hộ Humphrey cho rằng ứng viên của họ đã có thể giành đủ số cử tri đó từ Nixon để thắng cử nếu Thiệu không cản trở nỗ lực vì hòa bình vào phút chót của Johnson. Quy mô của làn sóng hòa bình cuối kỳ đã mang lại độ tin cậy đáng kể cho suy đoán của họ, mặc dù tính chất sát sao của cuộc đua khiến không thể biết chắc chắn điều gì sẽ xảy ra. ¹¹⁰⁴

Không ngoa khi nói rằng kết quả có ý nghĩa ở Việt Nam nhiều như ở Hoa Kỳ. Tại Dinh Tổng thống Sài Gòn, thư ký riêng của Thiệu, Hoàng Đức Nha, vội vã

đến phòng khách riêng của Thiệu để báo tin. Khi bước vào, anh thấy Thiệu đang hút xì gà sau bữa tối. Tin tức về chiến thắng của Nixon đã giải tỏa hàng tháng căng thẳng trên vai Thiệu và lấp đầy ông một hy vọng mới cho chính phủ và đất nước của mình.

«Giờ thì ít nhất chúng ta đã mua được cho mình chút thời gian», Thiệu nói với Nha. «Khi tân Tổng thống nhậm chức, ông ta phải tìm hiểu một số điều, và chúng ta có thêm dây để chơi.»¹¹⁰⁵

Trên khắp miền Nam Việt Nam, cuộc bầu cử của Nixon là nguyên nhân để ăn mừng. Bất chấp chín năm chiến tranh, với tổn thất sinh mạng đau đớn và những đòi hỏi ngày càng mở rộng cho việc phục vụ của những người trẻ tuổi, các nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam đã thể hiện một sự phấn chấn chưa từng thấy kể từ những chiến thắng của Diệm vào các năm 1962 và 1963. «Đối với đa số người Việt Nam, từ Thiệu và Kỳ trở xuống, cuộc bầu cử của Richard Nixon là một sự kiện trấn an», Bùi Diệm nhận xét. «Họ coi vị tân tổng thống là một người chống Cộng cứng rắn. Sau những bất ổn của vài tháng qua, đã có một làn sóng tự tin rằng nguyên nhân của Việt Nam giờ đã trong tay tốt.»¹¹⁰⁶

Đối với người Bắc Việt, kết quả bầu cử cũng đáng thất vọng không kém. Theo một trong các báo cáo chính thức của họ, họ tin rằng Nixon «đại diện cho những thế lực hiếu chiến phản động và ngoan cố nhất trong giới tư bản độc quyền Hoa Kỳ.»¹¹⁰⁷ Nhà ngoại giao Bắc Việt Lưu Doanh Huỳnh nhớ lại rằng «giới lãnh đạo cấp cao Việt Nam nghĩ Nixon hiếu chiến hơn Johnson, và một số biện pháp vốn là điều cấm kỵ đối với Johnson (không leo thang không kích mạnh, không hoạt động ở Lào và Campuchia, không tấn công đê điều, không tấn công hạt nhân) có thể được Nixon thực hiện.»¹¹⁰⁸ Trương Như Tảng, một quan chức Cộng sản cấp cao ở miền Nam, mô tả phản ứng giữa các đồng chí của ông : «Đối với chúng tôi, không có nghi ngờ gì rằng Nixon sẽ chứng tỏ là một đối thủ ngoan cố, người sẽ dùng mọi cơ bắp để đạt được một giải pháp quân sự cho cuộc chiến. Từ vị Tổng thống mới này, chúng tôi có thể mong đợi sự gia tăng bạo lực và, chắc chắn, những chiến lược mới để đạt được các mục đích cũ.»¹¹⁰⁹

Cuộc bầu cử của Nixon trùng hợp với những thay đổi mạnh mẽ trong chiến lược và chiến thuật của Bắc Việt. Những thay đổi này phản ánh cả nỗi sợ của Hà Nội về Nixon lẫn sự thừa nhận rằng ba cuộc tổng tấn công năm 1968 đã đẩy Quân đội Bắc Việt đến chỗ hủy diệt. Tại một cuộc họp Bộ Chính trị vào đầu tháng 11,

Lê Duẩn đồng ý từ bỏ chiến lược tác chiến đô thị quyết định để ủng hộ một chiến lược hao mòn kéo dài. Không giống chiến lược Hà Nội theo đuổi từ 1965 đến 1967, chiến lược này sẽ chủ yếu dựa vào các chiến thuật du kích chi phí thấp hơn là các chiến thuật chính quy vốn đã dẫn đến quá nhiều thất bại lớn. Các lực lượng Bắc Việt, bao gồm cả các đơn vị quân đội chính quy lẫn các đơn vị du kích, sẽ phát động các cuộc tấn công bất ngờ nhỏ vào lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam cùng các nhà quản trị dân sự. Ngoài việc thừa nhận rằng những lựa chọn chiến lược và chiến thuật trước đây của mình đã sai lầm, Lê Duẩn cũng ngầm thừa nhận rằng lẽ ra ông nên nghe Võ Nguyên Giáp sớm hơn, người đã ủng hộ chính chiến lược này và những chiến thuật này từ đầu năm 1964.

Mục tiêu cuối cùng, như Lê Duẩn phát biểu, vẫn là «buộc người Mỹ rút càng nhanh càng tốt.» Trong số các lãnh đạo Bắc Việt, Lê Duẩn vẫn là một trong những người lạc quan nhất về thời điểm người Mỹ sẽ rút đi, nhưng ngay cả ông cũng không còn thấy trước một sự rút lui nhanh chóng, do sự cần thiết phải từ bỏ các trận đánh lớn. Thay vào đó, ông nói về việc đạt chiến thắng «trong vòng ba năm tới.» Một trong những người kém lạc quan nhất là Giáp, người nhận xét rằng «cách thức Hoa Kỳ đang hoạt động hiện nay cho thấy họ muốn rút

dần dần, từng bước một, để họ có thể củng cố và làm mạnh chế độ bù nhìn.»

Đề ý đến danh tiếng hiếu chiến của Nixon, Bộ Chính trị cảnh báo rằng một sự mở rộng chiến tranh của Mỹ có thể đang đến gần. Nó ra lệnh phát triển «một kế hoạch dự phòng để đánh bại nỗ lực có thể có của đế quốc Mỹ nhằm mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào» và chỉ đạo quân đội cùng các cơ quan liên quan khác chuẩn bị cho việc Mỹ nối lại ném bom miền Bắc Việt Nam.¹¹¹⁰ Tuy nhiên, các lãnh đạo Bắc Việt vẫn hy vọng, rằng họ có thể giữ cho miền Bắc tránh được bom đạn, bằng cách chuyển nguồn lực từ các hành động quân sự khiêu khích ở miền Nam sang tái thiết nền kinh tế kiệt quệ ở miền Bắc. Với mục đích này, họ đã thuyết phục Liên Xô vào cuối tháng 11 tăng tỷ lệ viện trợ của Liên Xô dành cho các mặt hàng phi quân sự.¹¹¹¹

Vào thời điểm này, người Mỹ và người Nam Việt Nam đã bắt đầu chuyển trọng tâm nỗ lực của chính họ sang bình định nông thôn. Sau này, các nhà bình luận sẽ cho rằng sự thay đổi này là do sự bất mãn của Tướng Abrams đối với chiến lược dựa trên hao mòn và các chiến thuật tìm - diệt của Tướng Westmoreland. Sự bất mãn của ông, người ta nói, đã thúc đẩy Abrams thay thế hao mòn và tìm - diệt bằng bình định và «dọn dẹp

và giữ vững» (clear - and - hold), cụm sau đề cập đến chiến thuật cung cấp an ninh liên tục trong một làng sau khi đã dọn sạch lực lượng địch. Thực tế có phần khác. Như đã thấy, Abrams đã nhấn mạnh các chỉ huy của mình tiếp tục các hoạt động tìm - diệt trong những tháng đầu tiên nắm quyền chỉ huy. Việc hao mòn các lực lượng địch lớn, theo quan điểm của ông cũng như của Westmoreland, là điều kiện tiên quyết thiết yếu cho bình định. Abrams chỉ ưu tiên bình định hơn hao mòn sau khi hao mòn đã tạo ra một môi trường quân sự mới.

Sau đợt tấn công làn sóng thứ ba, Abrams và Thiệu đánh giá lại các lựa chọn quân sự của họ. Cuộc rút lui của các lực lượng Bắc Việt đến các khu căn cứ xa xôi và các nơi ẩn náu bên ngoài, họ nhận ra, báo hiệu cả một sự sụt giảm mạnh trong hoạt động quân sự của địch lẫn một sự giảm mạnh những nguy hiểm mà binh lính và quan chức phe ta ở các làng phải đối mặt. Sự khan hiếm lực lượng địch đã khiến các hoạt động tìm - diệt kém hiệu quả hơn, trong khi mối đe dọa của địch giảm bớt đối với các nhóm nhỏ nhân viên phe ta đã khiến các hoạt động bình định hiệu quả hơn.¹¹¹²

Abrams chỉ thị các chỉ huy của mình tập trung vào các hoạt động bình định bằng đơn vị nhỏ ở những nơi hoàn cảnh cho phép. Nếu địch tập hợp với số lượng lớn,

lực lượng Mỹ vẫn sẽ phát động các hoạt động tìm - diệt chống lại họ.¹¹¹³ «Loại hình chiến tranh mà chúng ta có ở đây có thể so sánh với một dàn nhạc», Abrams nói trong một dịp. «Đôi khi cần nhấn mạnh vào trống hoặc kèn trumpet hoặc kèn bassoon, hoặc thậm chí sáo.»¹¹¹⁴

Không phải mọi chỉ huy quân sự đều thực hiện một sự chuyển đổi suôn sẻ từ các chiến thuật tìm - diệt sang các chiến thuật bình định ; một số bám lấy cái trước hoặc cố gắng áp dụng cái sau mà không có sự mạnh mẽ và phán đoán đúng đắn cần thiết để loại bỏ du kích trong khi đồng thời giành được sự ủng hộ của dân thường. Nhưng nhiều người đã điều chỉnh nhanh chóng với thực tế mới. Trong tháng 10, tỷ lệ dân số Nam Việt Nam sống trong các khu vực an toàn đã tăng từ 66,8 phần trăm lên 69,8 phần trăm, đánh dấu lần đầu tiên kể từ Tổng tiến công Tết Mậu Thân mà tỷ lệ này vượt qua con số tháng 1 năm 1968 là 67,2 phần trăm.¹¹¹⁵

Vào ngày 1 tháng 11, Thiệu khởi động một chiến dịch bình định mới, mà ông đặt tên là Chiến dịch Lê Lợi theo tên vị hoàng đế đã đánh đuổi nhà Minh của Trung Quốc ra khỏi Việt Nam vào thế kỷ mười lăm. Trong cách nói của Mỹ, nó là Chiến dịch Bình định Gia tốc (Accelerated Pacification Campaign). Kế hoạch chiến dịch, một sự tổng hợp của tư duy Nam Việt Nam và

Mỹ, kêu gọi hành động quân sự và chính trị được tăng cường để giành lại quyền kiểm soát một nghìn ấp trong thời gian ba tháng. Bằng cách tăng cường kiểm soát của chính phủ đối với dân số, chiến dịch sẽ vừa tước đoạt tài nguyên của địch vừa củng cố vị thế của Nam Việt Nam tại các cuộc đàm phán Paris.¹¹¹⁶

Theo kế hoạch, lực lượng Nam Việt Nam và Mỹ sẽ tràn ngập các ấp mục tiêu để loại bỏ hoặc xua đuổi lực lượng địch và các cán bộ chính trị. Tiếp theo, Lực lượng Địa phương và Dân vệ Nam Việt Nam sẽ xây dựng các đồn và tuần tra các làng để ngăn địch quay trở lại. Những lực lượng lãnh thổ này sẽ đến với những lợi thế đáng kể so với những người tiền nhiệm, bao gồm các nhóm cố vấn Mỹ mới thành lập, các khẩu súng trường M - 16 mới được rèn, và các chỉ huy mới được bổ nhiệm. Một khi an ninh được cải thiện, các quan chức chính phủ Nam Việt Nam sẽ khởi động lại các hoạt động hành chính, tổ chức bầu cử cho các chức vụ hành chính địa phương, thành lập các đơn vị năm mươi người của Lực lượng Tự vệ Nhân dân, và tổ chức các dự án phát triển kinh tế.¹¹¹⁷

Sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, Lyndon Johnson vẫn tập trung vào việc xây dựng di sản hòa giải của mình, trong khi các quan chức Mỹ hàng đầu tranh cãi với nhau

về các mục đích, cách thức và phương tiện của một thỏa thuận hòa bình. Một bên là Bunker, Rusk và Rostow, những người xem chính phủ Nam Việt Nam là một đối tác thiết yếu mà lợi ích của họ phải được xem xét ở mọi bước. Nhóm này đã thuyết phục Johnson rút lại lời hứa công khai của mình về việc bắt đầu đàm phán vào ngày 6 tháng 11 mà không có sự tham gia của Nam Việt Nam.¹¹¹⁸ Việc ép buộc Nam Việt Nam đưa người Cộng sản vào một chính phủ liên hiệp, theo ý kiến của họ, chắc chắn sẽ hủy diệt Nam Việt Nam như Thiệu tin là vậy. Bunker, Rusk, và Rostow duy trì rằng bất kỳ thỏa thuận hòa bình nào cũng phải bao gồm các biện pháp bảo vệ về các vấn đề như hoạt động chính trị của Cộng sản ở Nam Việt Nam và việc rút quân của Bắc Việt. Nếu không, như Bunker diễn đạt, «bất kỳ thỏa thuận nào cũng sẽ là một lệnh ngừng bắn tạm thời và sẽ bị một kẻ thù thực dụng và tàn bạo phá vỡ không lâu sau khi lực lượng của chúng ta rời khỏi bờ biển này.»¹¹¹⁹

Ở phía bên kia cuộc tranh luận là Clifford và Harriman. Theo cách nhìn nhận của họ, Hoa Kỳ không có nghĩa vụ phải hỗ trợ hay hợp tác với chính phủ Nam Việt Nam hiện tại. Harriman chất vấn cả tính chính danh của chính phủ này, xem thường hiến pháp của nó với lý do rằng nó «không cho phép các thành viên cộng sản hoặc những người đồng cảm với cộng sản được bỏ phiếu».

Ông lên án các luật bầu cử của nó bởi vì «bất kỳ ai đã từng làm bất cứ điều gì để giúp đỡ những người cộng sản đều bị loại khỏi danh sách ứng cử chức vụ công», một lập trường mà ông gọi là «Chủ nghĩa McCarthy ở mức tồi tệ nhất của nó». ¹¹²⁰

Clifford và Harriman sẵn sàng áp đặt một chính phủ liên hiệp lên người Nam Việt Nam mà không cần biết họ có muốn hay không. Họ cũng sẵn sàng rút quân Mỹ mà không đòi hỏi quân đội Bắc Việt Nam phải rút khỏi miền Nam hay đảm bảo các cam kết khác nhằm bảo vệ sự tồn tại của chính phủ Sài Gòn. Theo đánh giá của Clifford, «chẳng có lý do gì để cố gắng biến cả đất nước trở nên an toàn cho Thiệu». ¹¹²¹

Cả Clifford và Harriman đều không nói nhiều về những hệ lụy mà đề xuất của họ có thể gây ra cho Nam Việt Nam và người dân của nước này. Rất có thể họ sợ rằng những người Mỹ khác sẽ kinh hãi khi nghe nhắc đến việc các đồng minh trong thời chiến phải khuất phục trước bạo lực và sự chuyên chế của Cộng sản. Harriman đã cố gắng giảm nhẹ hậu quả địa chính trị của việc Cộng sản tiếp quản Nam Việt Nam bằng cách tuyên bố rằng Liên Xô sẽ ngăn chặn chủ nghĩa Cộng sản lan sang các quốc gia Đông Nam Á khác nhằm gây tổn hại cho Trung Quốc. ¹¹²² Tuy nhiên, lý thuyết đó

dựa trên một số giả định đáng ngờ : rằng Liên Xô sẽ xúi giục các chính phủ không Cộng sản chống lại các phong trào Cộng sản, rằng người Bắc Việt Nam có thể bị thuyết phục từ bỏ tham vọng nền tảng là truyền bá chủ nghĩa Cộng sản sang các nước láng giềng, và rằng các quốc gia Đông Nam Á sẽ thấy những lời hứa hẹn của một nước Mỹ đang rút lui và một Liên Xô xa xôi hấp dẫn hơn những mối đe dọa từ một Việt Nam đang lên và một Trung Quốc cuồng loạn.

Thái độ khinh miệt của Clifford đối với chính phủ Nam Việt Nam đã lộ ra trước công chúng trong một cuộc họp báo tại Lầu Năm Góc vào ngày 12 tháng 11. Trong những nhận xét chưa được Nhà Trắng thông qua, Clifford chỉ trích Thiệu vì đã rút lại sự ủng hộ đối với lệnh ngừng ném bom ngay trước cuộc bầu cử Mỹ. Ông tiếp tục nói rằng, Tổng thống Johnson đã có cơ sở chính đáng để tiến hành lệnh ngừng bắn mà không cần sự đồng ý của Nam Việt Nam. «Sau tất cả những gì chúng ta đã làm ở đất nước đó, sau sự đóng góp to lớn đã được thực hiện», Clifford nói, «tôi tin rằng Tổng thống đã hoàn toàn đúng khi không cho Sài Gòn quyền phủ quyết đối với kế hoạch này». ¹¹²³

Thiệu sững sốt. Ông nghĩ rằng, Tổng thống Johnson hẳn đã phê chuẩn những lời lẽ kích động của Clifford. «Bộ trưởng Quốc phòng Nam Việt Nam», Thiệu nói với một người tâm phúc, «không bình luận về các vấn đề chính sách quốc gia mà không kiểm tra với Tổng thống». ¹¹²⁴ Theo như lời kể lại trong chính hồi ký của Clifford, Thiệu nói với các cố vấn rằng ông sợ rằng Clifford có ý định lật đổ hoặc ám sát ông «như Ngô Đình Diệm». ¹¹²⁵

Tuy nhiên, không giống như năm 1963, Bộ Ngoại giao đã không hành động theo hướng mà những kẻ gièm pha tổng thống Nam Việt Nam mong muốn, mà thay vào đó lại nghe theo những người tôn trọng ông, cụ thể là Rusk và Bunker. Vào ngày 13 tháng 11, một phát ngôn viên Bộ Ngoại giao đã công khai lên tiếng ủng hộ của Mỹ dành cho chính phủ Nam Việt Nam về một số vấn đề có tầm quan trọng cao đối với Thiệu. ¹¹²⁶ Được khôi phục lòng tin, chính phủ Nam Việt Nam và Hoa Kỳ đã dành hai tuần tiếp theo để soạn thảo một đôi tuyên bố công khai, mỗi bên sẽ đưa ra một bản, nhằm đưa chính phủ Sài Gòn tham gia các cuộc đàm phán Paris theo những điều khoản mà cả hai bên cùng chấp nhận.

Các tuyên bố được ban hành vào ngày 26 tháng 11. Văn kiện của Mỹ có hai điểm mà phía Nam Việt Nam coi là tối quan trọng. Thứ nhất, nó nêu rõ Hoa Kỳ sẽ coi «cái gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng» là «một sản phẩm của Bắc Việt Nam và một tay sai của hành động xâm lược Hà Nội chống lại nền Cộng hòa Việt Nam». Thứ hai, Hoa Kỳ bày tỏ sự phản đối một chính phủ liên hiệp ở Nam Việt Nam bởi vì «Hoa Kỳ không tin rằng hành vi xâm lược nên được khen thưởng và sẽ không công nhận bất kỳ hình thức chính phủ nào không được người dân Nam Việt Nam tự do lựa chọn thông qua các quy trình dân chủ và hợp pháp».

Chính phủ Sài Gòn, trong tuyên bố của mình, thông báo rằng họ sẵn sàng tham gia các cuộc đàm phán Paris «để thể hiện thiện chí của nền Cộng hòa Việt Nam và để kiểm tra thiện chí của Hà Nội». Tuyên bố nêu rõ, những quan ngại của chính phủ Nam Việt Nam «đã được đáp ứng về các mặt cốt yếu» và «chủ quyền của nền Cộng hòa Việt Nam đã được tôn trọng». ¹¹²⁷

Tại Paris, các đại diện của hai miền Việt Nam ngay lập tức bước vào các cuộc đàm phán về thủ tục đàm phán. Cả Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam đều coi trọng lớn các vấn đề thủ tục mà trong mắt phương Tây dường như chỉ là những vấn đề nhỏ nhặt. Người Việt lo ngại

rằng nhượng bộ quá dễ dàng trong các vấn đề thủ tục sẽ khiến họ mất mặt và làm suy yếu vị thế đàm phán của mình. Họ cũng tin rằng thủ tục cuối cùng có thể ảnh hưởng đến nội dung.¹¹²⁸

Phái đoàn Bắc Việt Nam đưa ra một sơ đồ chỗ ngồi với bốn bàn, mỗi bàn dành cho Bắc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng, Hoa Kỳ và Nam Việt Nam. Phái đoàn Nam Việt Nam phản đối, cho rằng Hà Nội đang cố gắng sử dụng cách sắp xếp chỗ ngồi để thúc đẩy khái niệm «đàm phán bốn bên» của họ, theo đó Mặt trận Dân tộc Giải phóng được công nhận là một thực thể riêng biệt. Phía Nam Việt Nam và Mỹ tuân thủ «công thức hai bên», đặt Nam Việt Nam và Hoa Kỳ về một phía và gộp những người Cộng sản Việt Nam về phía bên kia, để chứng minh rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng là một phần không thể tách rời của chính phủ Bắc Việt Nam. Theo công thức này, phía Nam Việt Nam khẳng định đòi hai chiếc bàn dài đối diện nhau. Phía Bắc Việt Nam từ chối chấp nhận cách bố trí đó.

Để tìm kiếm một giải pháp có thể chấp nhận được cho cả Sài Gòn và Hà Nội, phía Mỹ đã nghĩ ra nhiều sơ đồ chỗ ngồi thay thế khác nhau. Trong số các đề xuất của họ có hai chiếc bàn bán nguyệt, một chiếc bàn tròn, hai bàn đối diện hai bàn, và một hình thoi bị cắt đôi

ở hai chỗ. Phía Nam Việt Nam thấy mỗi đề xuất đều không thể chấp nhận được, khẳng định rằng chỉ có hai chiếc bàn dài mới được.¹¹²⁹

Bunker, Rusk và Rostow tin rằng người Nam Việt Nam có lý do chính đáng cho việc họ quá câu nệ và cứng nhắc trong các vấn đề thủ tục. Họ sẵn sàng cho phép có thời gian để mặc cả cần thiết.¹¹³⁰ Clifford và Harriman không thể hiện sự kiên nhẫn xuyên văn hóa như vậy.

Đến giữa tháng 12, sự thiếu kiên nhẫn của Clifford với tính hay câu nệ của người Việt đã trở nên trầm trọng đến mức ông lại chọn cách trút giận trước công chúng. Trong một cuộc phỏng vấn trên chương trình Tin tức CBS Đối mặt Quốc gia (Face the Nation), Clifford đổ lỗi ngang nhau cho chính phủ Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam trong việc trì hoãn các cuộc đàm phán thông qua các tranh cãi về chi tiết thủ tục.

Hoa Kỳ, Clifford tuyên bố, đã sẵn sàng bắt đầu đàm phán vì không có phản đối gì về mặt thủ tục. Ông cũng gợi ý rằng sự vỡ mộng của Mỹ với những tranh cãi này có thể khiến nước này rút quân một cách đơn phương. «Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên duy trì 540.000 người ở đó chiến đấu trong khi chờ đợi Sài Gòn và Hà Nội đi đến một số dàn xếp chính trị», Bộ trưởng Quốc

phòng nói. «Đó không phải là nghĩa vụ của chúng ta.» Clifford cũng giảm nhẹ các vi phạm DMZ gần đây của Bắc Việt Nam, cho rằng chúng không đủ nghiêm trọng để ảnh hưởng đến đối thoại ngoại giao.¹¹³¹

Tại Sài Gòn, cuộc phỏng vấn của Clifford thậm chí còn gây ra nhiều lo ngại và phẫn nộ hơn cuộc họp báo ngày 12 tháng 11 của ông. Bằng cách đổ lỗi cho Nam Việt Nam nhiều như cho Bắc Việt Nam, ông đã tạo ấn tượng rằng Hoa Kỳ đang đóng vai trò là quan sát viên trung lập chứ không phải là đồng minh của Nam Việt Nam. Những nhận xét của ông về việc rút quân Mỹ dường như báo hiệu cho Hà Nội rằng việc mặc cả ngoại giao tiếp tục sẽ giúp họ đạt được mục tiêu chính là buộc Mỹ rút quân. Kỳ đã công khai chỉ trích dữ dội, tuyên bố rằng Clifford đã «thể hiện sự khéo léo trong việc nói sai điều vào lúc sai thời điểm». ¹¹³² Thiệu tâm sự với một sĩ quan báo chí Nam Việt Nam rằng ông «không thể xác định được logic của những tuyên bố công khai do các quan chức cấp cao Hoa Kỳ đưa ra, những điều góp phần vào nỗ lực của Bắc Việt Nam» nhằm chia rẽ Nam Việt Nam và Hoa Kỳ. ¹¹³³

Việc Clifford xem nhẹ các cuộc tấn công của Bắc Việt Nam gần khu phi quân sự đã làm suy yếu nỗ lực của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ nhằm buộc Hà Nội phải

chịu trách nhiệm về những vi phạm DMZ lặp đi lặp lại. Vào cuối tháng 11, Rusk đã thúc giục Đại sứ Liên Xô Dobrynin kiểm chế Bắc Việt Nam tại DMZ, nơi Quân đội Bắc Việt Nam đã vi phạm tổng cộng 230 lần trong tháng đầu tiên ngừng ném bom.¹¹³⁴ Để đáp lại các vi phạm này, Tướng Abrams đã tìm kiếm sự cho phép từ Nhà Trắng để đưa lực lượng Mỹ vào DMZ nhằm tiêu diệt những kẻ khiêu khích Bắc Việt Nam. Ông chỉ nhận được sự cho phép để đưa vào các trung đội tuần tra cỡ nhỏ để xác định mục tiêu cho vũ khí hạng nặng của Mỹ.

1135

Mặc dù hoạt động của Bắc Việt Nam gần DMZ có quy mô nhỏ hơn so với đầu năm, nó vẫn đang giết chết người Mỹ. Một trong số những người Mỹ đó là Johnny Liverman, một người con của vùng ngoại ô Maryland thuộc Washington, DC. Liverman đã gia nhập quân đội noi gương cha mình, Troy Liverman, người đã từng chiến đấu trong Thế chiến II. Trong mùa hè năm 1967, Johnny đã tình nguyện gia nhập Thủy quân Lục chiến mặc dù thực tế là trước đó anh đã bị thương ở sụn đầu gối nghiêm trọng đến mức có thể được miễn nghĩa vụ quân sự.

Đến Việt Nam vào tháng 1 năm 1968, Johnny Liverman bị thương vào tháng 3 và một lần nữa vào tháng 4. Vết thương thứ hai, từ một phát súng bắn vào đùi, buộc anh phải sơ tán đến Okinawa để điều trị. Anh có thể ở lại Okinawa cho đến hết nhiệm kỳ của mình, nhưng khi nghe tin một người bạn thân từ đơn vị cũ của mình đã hy sinh, anh tình nguyện trở lại Việt Nam.

«Bà nội bảo con vì cha và mẹ mà đừng trở lại Nam», Johnny viết cho cha mình. «Nhưng như cha luôn nói, ‘Một công việc đáng làm là một công việc đáng làm cho đúng’. Con đang thắng thắng với chính mình. Con phải trở lại và hoàn thành công việc.»

Vào ngày 11 tháng 12, đại đội của Johnny Liverman tham gia một trận chiến dọc theo Đồi Foxtrot gần khu phi quân sự. Anh bị thương ngay từ đầu trận chiến. Vẫn tiếp tục đấu súng với quân Bắc Việt, anh không chùn bước cho đến khi một viên đạn trúng vào đầu, kết thúc cuộc đời anh.

Troy Liverman đang quản lý ca đêm tại một cửa hàng McDonald's ở Rockville, Maryland, vào ngày 11 tháng 12 khi một sĩ quan Thủy quân Lục chiến mặc đồng phục màu xanh dương đi vào. Các sĩ quan Thủy quân Lục chiến thường xuyên lui tới cơ sở này, vì vậy ban đầu Troy không biết có chuyện gì bất ổn. Tuy nhiên, khi

viên sĩ quan hỏi tên ông, người cha lập tức biết lý do vì sao anh ta đến. «Anh nghĩ rằng mình đã từng thất vọng và gặp rắc rối trong đời», Liverman nhận xét sau này. «Nhưng tất cả đều chẳng là gì khi một người đàn ông nói với anh rằng con trai anh đã chết.»

Sau khi Johnny được an táng, Troy Liverman nghe nói rằng những người biểu tình phản chiến có ý định đọc tên con trai quá cố của ông trong các cuộc biểu tình của họ. Ông quyết định xuất hiện tại các sự kiện của họ để phản đối họ. «Họ có quyền biểu tình», Liverman tin như vậy. «Nhưng họ không có quyền sử dụng tên của nó để phá hoại lý tưởng của nó. Con trai tôi không phải là nạn nhân. Nó chết khi đang phục vụ đất nước mình.»

1136

Từ góc độ thuần túy quân sự, các cuộc chiến đấu quan trọng nhất trong hai tháng cuối năm 1968 đang diễn ra tại một nghìn ấp được nhắm mục tiêu bởi Chiến dịch Bình định Gia tốc. Các cuộc càn quét, tuần tra và phục kích tích cực của lực lượng đồng minh đã đẩy đôi phương ra khỏi những ấp này nhanh hơn dự kiến. Trong những tháng này, các binh sĩ Bắc Việt ghi lại một chuỗi dài những thất bại quân sự suy nhược dưới tay một đối thủ hoạt động hết sức mạnh mẽ. «Không một ngày nào trôi qua mà chúng ta không buộc phải chôn cất một

đồng đội khác của mình», một báo cáo của Bắc Việt từ Đồng Tháp Mười cho biết. «Kẻ thù ở khắp mọi nơi xung quanh chúng ta. Ngay cả khi chúng ta muốn rút lui, tôi cũng không biết chúng ta có thể đi đâu. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là bố trí lựu đạn gài bẫy và cố gắng bám trụ ở đây. Và những cái bẫy của chúng ta giết nhiều binh lính của chính chúng ta hơn là của kẻ thù.»¹¹³⁷

Ở một số quận, tiến bộ quân sự nhanh chóng của đồng minh là do sức kháng cự của đối phương yếu một cách bất ngờ. Một sử liệu Bắc Việt ghi nhận rằng những tổn thất nặng nề phải gánh chịu trong ba cuộc tổng tấn công năm 1968 đã «khiến lực lượng của chúng ta ở các vùng nông thôn trở nên rất mỏng, và ở một số khu vực, chúng ta thực sự không còn ai cả. Vì lý do đó, khi quân địch tiến hành các cuộc càn quét bình định, chúng hầu như không vấp phải sự chống cự nào.»¹¹³⁸ Ở Quân khu I, đối phương chống cự rất ít ở 140 ấp mục tiêu đến nổi lãnh đạo Nam Việt Nam quyết định tăng số ấp mục tiêu lên 198. Tương tự, ở Quân khu III, con số này được tăng từ 250 lên 279.¹¹³⁹

Các quan chức Nam Việt Nam và cố vấn Mỹ của họ báo cáo rằng an ninh đã được cải thiện ở tổng cộng 857 ấp trong hai tháng đầu tiên của Chiến dịch Bình định

Gia tộc.¹¹⁴⁰ Mặc dù một số báo cáo phóng đại mức độ tiến bộ, các tài liệu của Bắc Việt không để lại nghi ngờ gì rằng quyền lực của chính phủ đang lan rộng với tốc độ nhanh chóng.¹¹⁴¹ Tiến bộ thậm chí còn được nhìn thấy ở vùng thượng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi diễn ra hoạt động bình định gây tranh cãi nhất trong giai đoạn này.

Vào thời điểm Chiến dịch Bình định Gia tộc, Sư đoàn 9 Lục quân Hoa Kỳ, dưới quyền Thiếu tướng Julian J. Ewell, đã phát động Chiến dịch Speedy Express ở vùng thượng châu thổ. Sự nhấn mạnh quá mức vào số tử thi (body count) của Ewell đã khiến các sĩ quan Sư đoàn 9 thổi phồng các con số, bằng cách báo cáo những xác chết không tồn tại hoặc bao gồm cả xác của thường dân không vũ trang được tìm thấy đã chết trên chiến trường. Những hành vi này không phải là độc nhất của sư đoàn của Ewell, nhưng cả hai đều xảy ra với quy mô lớn hơn nhiều so với những nơi khác. Trong khi các lực lượng Mỹ trên toàn quốc thu hồi được một vũ khí cho mỗi ba kẻ địch bị giết, binh lính của Ewell chỉ thu hồi được một vũ khí cho mỗi mười lăm người bị giết. Sư đoàn này không bắn hạ phụ nữ và trẻ em theo kiểu Mỹ Lai, nhưng họ có xu hướng bắn bừa bãi một cách bất thường vào những người lính địch đang hòa lẫn với thường dân.¹¹⁴²

Bất kể những sai sót của họ, các hoạt động càn quét của Sư đoàn 9 quả thực đã đuổi được Cộng sản ra và cho phép tái lập an ninh và quản trị địa phương. Như các nguồn Bắc Việt sẽ chứng thực, phe Cộng sản đã mất quyền kiểm soát tất cả các khu vực đông dân cư mà họ từng nắm giữ ở vùng thượng Đồng bằng sông Cửu Long vào cuối năm 1968. «Kẻ thù thiết lập các đồn bót trong từng làng một trong số 350 ngôi làng của khu vực», một sử liệu Bắc Việt về khu vực này ghi nhận, «ngoại trừ một hoặc hai làng không có cả người lẫn đồn bót, những ngôi làng nơi ‘khỉ ho, cò gọi và cá mọc râu.’»¹¹⁴³

Trên khắp Nam Việt Nam, tiến bộ quân sự chóng mặt cho phép tái bố trí lực lượng địa phương và các nhà hành chính dân sự trước thời hạn. Các quan chức chính phủ ở các ấp mục tiêu đã tuyển mộ những thanh niên vào lực lượng vũ trang Nam Việt Nam, làm thiệt hại cho phe Bắc Việt.¹¹⁴⁴ Các Đội Tuyên truyền Vũ trang được đào tạo đặc biệt và chương trình ân xá Chiêu Hồi đã giúp đẩy số lượng đào ngũ khỏi phe Cộng sản lên mức cao chưa từng có trong hai tháng đầu của Chiến dịch Bình định Gia tộc, với 2.269 người đào ngũ trong tháng 11 và 3.148 người trong tháng 12.¹¹⁴⁵

Đối với Bắc Việt, việc nguồn cung cấp nhân lực và lương thực từ miền Nam cạn kiệt khiến nỗ lực chiến tranh ngày càng phụ thuộc vào sự xâm nhập của người và tiếp tế từ miền Bắc, và cuộc chiến xâm nhập này cũng diễn ra bất lợi cho họ trong những tháng cuối năm 1968. Bằng cách chuyển các cuộc không kích từ Bắc Việt Nam sang Lào vào đầu tháng 11, các lực lượng không quân Mỹ đã tăng tỷ lệ xuất kích hàng ngày chống lại Đường mòn Hồ Chí Minh từ 140 lên 620. Máy bay Mỹ ném bom các điểm then chốt ở đông nam Lào và rải mìn chống người và chống xe, sau đó lại ném bom chúng khi quân Bắc Việt cố gắng dọn mìn và sửa chữa đường. Các cảm biến mặt đất và trinh sát trên không của Mỹ tiếp tục theo dõi việc xây dựng các đường tránh, những con đường cũng bị máy bay tấn công với sự kiên trì tương tự.¹¹⁴⁶

Chiến dịch không kích mới đã phá hủy các giao lộ trọng yếu trên Quốc lộ 12 và Quốc lộ 20, hai con đường chuyên chở phần lớn hàng tiếp tế từ biên giới Bắc Việt đến Đường mòn Hồ Chí Minh. Với việc không có con đường nào khác có thể chịu được lưu lượng xe tải, dòng xe tải Bắc Việt tiến vào Lào buộc phải dừng lại. Theo một lời kể lại của Bắc Việt, tình hình nghiêm trọng đến mức «trái tim của những người lính dãy Trường Sơn, những người lính Đường mòn Hồ Chí Minh, dường

như ngừng đập và cả nước chìm trong lo lắng và quan ngại.»¹¹⁴⁷

Vào ngày 14 tháng 11, Ủy ban Đảng Cộng sản chịu trách nhiệm về Đường mòn Hồ Chí Minh tuyên bố rằng các điểm then chốt trên hai con đường phải được thông suốt «bằng bất cứ giá nào». Những chiếc xe tải rỗng của Bắc Việt được lái vòng qua các khu vực khác ở Lào và Bắc Việt để thu hút máy bay địch ra xa. Tuy nhiên, máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá các điểm then chốt, đảm bảo rằng các tuyến đường vẫn không thể đi qua được. Đến cuối tháng 11, nguồn cung cấp lương thực và đạn dược trong số các lực lượng Bắc Việt ở Nam Việt Nam và các vùng biên giới đã giảm xuống mức thấp đến mức nguy hiểm.¹¹⁴⁸ Một chỉ thị của Bắc Việt có ngày 29 tháng 11 thông báo cho các đơn vị rằng, «như một nhiệm vụ trước mắt», họ phải «dọn đất để trồng ngô và sản để chống đói.»¹¹⁴⁹

Bắc Việt cố gắng bù đắp cho những rắc rối ở Lào bằng cách vận chuyển tiếp tế qua Campuchia. Các cơ quan tình báo Hoa Kỳ báo cáo sự gia tăng hoạt động vận chuyển tiếp tế từ Campuchia đến các lực lượng Bắc Việt ở Nam Việt Nam, bao gồm vũ khí và đạn dược đã vào Campuchia qua cảng Sihanoukville. Vào cuối năm, các nhà lãnh đạo quân sự Hoa Kỳ lại ủng hộ việc tiến

hành các hoạt động trên bộ quy mô lớn của Hoa Kỳ ở Campuchia để tiêu diệt lực lượng và hậu cần của Bắc Việt.

«Ngày càng nhiều tiếp tế đang được tìm thấy ở Campuchia», Tướng Wheeler nói với Tổng thống Johnson. «Chúng ta sẽ phải truy quét các căn cứ an toàn ở Campuchia. Thật không thể chịu đựng nổi. Chúng ta phải làm điều gì đó về việc này.»¹¹⁵⁰

«Các chính sách về Campuchia phải được thay đổi», Tướng Abrams nói với nhân viên của mình. «Tôi cho rằng thật là tội ác khi để các đơn vị địch đậu ở đó, béo tốt lên, tái giáo dục chính trị, nhận tiếp tế, vân vân.»¹¹⁵¹ Abrams yêu cầu được cho phép đưa lực lượng của mình vào sâu tới hai mươi kilômét bên trong Campuchia, nhưng Nhà Trắng từ chối. Abrams sau đó thực hiện điều mà ông cho là lựa chọn tốt nhất tiếp theo, đó là triển khai lại Sư đoàn Kỵ binh 1 từ Quân khu I, nơi hoạt động của địch đã suy yếu, đến Quân khu III, nơi các đơn vị Bắc Việt ở cả hai bên biên giới Campuchia giờ đây đang là mối đe dọa lớn nhất đối với lực lượng đồng minh.¹¹⁵²

Trong số những binh sĩ được di chuyển do quyết định này có Đại úy Barry McCaffrey, một chỉ huy đại đội bộ binh thuộc Sư đoàn Kỵ binh 1. McCaffrey đồ bộ đại đội

của mình xuống cách biên giới Campuchia ba kilômét, nơi nhiệm vụ của họ là chặn đánh các đơn vị Bắc Việt vượt biên vào Nam Việt Nam. Những người lính Bắc Việt đi qua đường họ đã gây ấn tượng mạnh với bộ quân phục sạch sẽ, vũ khí mới sáng bóng và tác phong chuyên nghiệp quân sự. Người Mỹ hiểu rõ rằng người Bắc Việt có được những thứ này là nhờ khả năng tổ chức và tiếp tế tự do ở Campuchia. Sự khoan dung của chính phủ Hoa Kỳ đối với căn cứ an toàn Campuchia này đã khiến mọi người trong đại đội của McCaffrey phẫn nộ. «Chúng tôi bị cấm bắn xuyên biên giới», McCaffrey nhớ lại. «Khái niệm về các căn cứ an toàn là quá quái đối với tôi và tất cả chúng tôi những người hoạt động trên biên giới Campuchia.»¹¹⁵³

Sau vài tháng hoạt động gần biên giới, đại đội của McCaffrey dần dần tiến về phía Sài Gòn thông qua một loạt các cuộc tấn công bằng máy bay trực thăng vào các cứ điểm địch bị nghi ngờ. «Đó là một chuỗi các cuộc chạm trán liên tục», McCaffrey kể lại. «Những trận chiến rất ác liệt, rừng rậm rạp, một số bụi cây thấp, đồng bằng trồng trái, và rất nhiều thương vong. Người của tôi bị thương hoặc bị thương, chủ yếu là do hỏa lực súng nhỏ hoặc lựu đạn ở cự ly rất gần.»

Một ngày nọ, nhân viên vô tuyến của McCaffrey hỏi anh làm thế nào mà anh luôn giữ được vẻ bình tĩnh trong các cuộc tấn công bằng máy bay trực thăng. «Rất đơn giản», McCaffrey trả lời. «Chẳng có gì tôi có thể làm được cho đến khi chúng tôi đáp xuống đất. Vì vậy, khi bay, tôi lặp đi lặp lại vô tận những lời cầu nguyện của đạo Công giáo từ thời tiểu học.»¹¹⁵⁴

Năm 1968 kết thúc với số thương vong lớn hơn rất nhiều so với tất cả các năm trước đó. Theo thống kê của Mỹ, tổn thất của cả hai phe đều gần gấp đôi so với năm 1967. Về phía đồng minh, thương vong của Mỹ trong năm tổng cộng là 14.592 người chết và 92.820 người bị thương, của Nam Việt Nam là 27.915 người chết, 70.696 người bị thương và 2.460 người mất tích, và của các lực lượng đồng minh khác là 979 người chết và 1.997 người bị thương.¹¹⁵⁵

Ước tính của Hoa Kỳ về số quân địch bị giết trong hành động năm 1968 là con số khổng lồ 181.149.¹¹⁵⁶ Mặc dù con số đó có lẽ cao hơn con số thực tế, nhưng nó không phải là phi lý nếu xét đến lượng người xâm nhập khổng lồ từ Bắc Việt trong năm, việc tuyển mộ và cưỡng bách tòng quân người miền Nam trước Tổng tiến công Tết Mậu Thân, và sự thất bại thảm hại của ba cuộc tổng tấn công lớn. Trong năm 1968, theo dữ liệu

từ Cửa sổ Vinh, lượng người xâm nhập từ miền Bắc tổng cộng khoảng 154.000 người. Ước tính của Mỹ về việc tuyển mộ và cưỡng bách ở miền Nam đã bổ sung thêm 58.000 người nữa vào danh sách quân địch. Sức mạnh của Bắc Việt giảm trong cùng kỳ, từ 262.000 vào đầu năm xuống còn 251.000 vào cuối năm. Từ những con số này, suy ra rằng tổn thất vĩnh viễn của Bắc Việt là 222.000 người, trong đó khoảng 13.000 người đào ngũ và 14.000 người bị bắt làm tù binh, còn lại 195.000 người bị giết hoặc mất vĩnh viễn do vết thương.¹¹⁵⁷

Các nguồn của Bắc Việt xác nhận những tổn thất đặc biệt cao trong năm 1968. Ở chiến trường B2, bao gồm nửa phía nam Nam Việt Nam, thương vong của Bắc Việt năm 1968 vượt quá tổng số thương vong của các năm 1961 đến 1967 cộng lại.¹¹⁵⁸ Trong một cuộc phỏng vấn tháng 4 năm 1969 với nhà báo Ý Oriana Fallaci, Đại tướng Giáp sẽ xác nhận tính chính xác của các ước tính thương vong của Mỹ. «Người Mỹ nói rằng các ông đã mất nửa triệu người», Fallaci nói với vị tướng. Con số đó thực ra cao hơn một chút so với thống kê chính thức của Mỹ về số người chết Cộng sản vào thời điểm đó, vốn là khoảng 480.000.¹¹⁵⁹ Fallaci mong đợi Giáp lên án con số đó là một sự phóng đại điên rồ. Vì vậy, bà vô cùng kinh ngạc khi Giáp trả lời một cách thản nhiên, «Khá chính xác.»¹¹⁶⁰

Trong những tuần cuối cùng của năm 1968, những tranh cãi ở Paris về thủ tục đàm phán vẫn tiếp diễn mà không có giải pháp. Phía Bắc Việt không tỏ ra khẩn trương trong việc đạt được thỏa hiệp về các vấn đề thủ tục. Sau khi quay trở lại chiến tranh trường kỳ vào tháng 11 vì quân đội của họ bị tan nát, họ không có thành công quân sự nào đòi hỏi phải chuyển đổi ngay thành lợi ích ngoại giao, và họ không có dấu hiệu nào cho thấy họ sẵn sàng chấp nhận một nền hòa bình theo các điều khoản có thể chấp nhận được đối với Sài Gòn và Washington.

Tại một quốc gia có cơ chế để loại bỏ những lãnh đạo thảm họa, Lê Duẩn đã có thể bị lật đổ sau ba cuộc tấn công quân sự thảm khốc năm 1968, nếu không muốn nói là sớm hơn. Người thay thế ông ta có lẽ đã là một người có khuynh hướng xem xét hòa bình sau nhiều máu đổ vô ích như vậy, mặc dù cũng có khả năng người thay thế sẽ cứng rắn y như Lê Duẩn trong việc giành chiến thắng quân sự. Nhưng Lê Duẩn, thông qua mưu mô, xảo quyệt, và sự tàn nhẫn, đã ngăn cản các lực lượng đối trọng loại bỏ ông ta. Trong lúc này, ông ta có thể tiếp tục theo đuổi chiến thắng hoàn toàn ở miền Nam ngay cả khi sự ngu xuẩn của chính ông đã làm giảm đáng kể sức mạnh quân sự trong tay Bắc Việt Nam và do đó ông ta sẽ phải phụ thuộc nhiều hơn vào

các thao tác ngoại giao. ¹¹⁶¹ Người dân Bắc Việt Nam, vốn đã quen với quyền lực và gian khổ nhờ văn hóa và trải nghiệm, lại bị các nhà tuyên truyền đánh lừa về các sự kiện ở miền Nam Việt Nam, dường như được định sẵn là phải tuân theo mệnh lệnh của chính phủ miền là chính phủ đó còn nắm quyền. Họ, cũng như người dân miền Nam Việt Nam, hay người dân Hoa Kỳ, đều không biết Lê Duẩn có thể kiên trì đàn áp những người chỉ trích ông ở miền Bắc và duy trì cuộc thập tự chinh được quản lý tồi của mình ở miền Nam trong bao lâu.

Người miền Nam Việt Nam cũng chẳng vội vàng hơn các đối thủ miền Bắc của họ trong việc đạt được một giải pháp ngoại giao. Họ tin rằng thời gian đang ở về phía họ, vì họ đang trở nên mạnh hơn còn người Bắc Việt thì yếu đi. ¹¹⁶² Bằng cách đồng ý cho các nhà ngoại giao Nam Việt Nam tham gia vào các cuộc đàm phán Paris, Hà Nội đã nâng cao uy tín của chính phủ Sài Gòn và làm giảm uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Hơn nữa, trong những tháng cuối cùng nhiệm kỳ của Lyndon Johnson, tổng thống Mỹ đã dập tắt những tiếng kêu la từ phe tự do trong nội các và đảng của ông về việc rút quân Mỹ và áp đặt một chính phủ liên hiệp lên Nam Việt Nam. Thiệu và các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam khác tự tin rằng Richard Nixon, một người chống Cộng kiên cường, sẽ cung cấp sự hỗ trợ vững chắc cần

thiết để duy trì quỹ đạo thuận lợi này.

Vào cuối tháng 12, Thiệu nói với Bunker rằng ông sẽ cởi mở với việc tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng trong các cuộc bầu cử trong tương lai vì sự củng cố của chính phủ Nam Việt Nam cuối cùng sẽ cho phép nó «hấp thụ MTDTGP vào thể chế chính trị.» Sự hấp thụ này, Thiệu tin tưởng, có thể bắt đầu trong năm tới như một phần của một thỏa thuận hòa bình. Trong cuộc trò chuyện của họ, Thiệu cũng bày tỏ sự sẵn sàng chấp nhận việc rút lui một số quân Mỹ vào năm 1969, điều mà ông biết sẽ giúp duy trì sự ủng hộ của nhân dân Mỹ đối với cuộc chiến.¹¹⁶³

Các chỉ huy và cố vấn quân sự Mỹ chia sẻ sự tự tin của Thiệu rằng những cải thiện trong hiệu suất quân sự của Nam Việt Nam sẽ cho phép Hoa Kỳ giảm mức quân số mà không gây nguy hiểm cho các thành quả quân sự. Người Mỹ cho rằng những cải thiện này là do những thay đổi trong lãnh đạo, việc trang bị súng trường tấn công M - 16, và sự tự tin có được thông qua việc ngăn chặn ba cuộc tấn công của Bắc Việt.¹¹⁶⁴ Các nhà phân tích của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ nhận thấy rằng các tiểu đoàn Quân đội Nam Việt Nam đã có hiệu quả bằng 56% so với các tiểu đoàn Mỹ trong việc tiêu diệt địch trong năm 1968, so với 48% trong năm trước đó, và họ

tiêu diệt địch với tỷ lệ cao hơn 2,6 lần so với năm trước. Mức tăng năng lực này tương đương với việc bổ sung thêm 166.000 quân Mỹ.¹¹⁶⁵

Lực lượng vũ trang Nam Việt Nam đang tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng, vượt quá một triệu người tính đến cuối năm. Nếu Hoa Kỳ tuyển quân với cùng tỷ lệ dân số, lực lượng vũ trang của họ sẽ lên tới mười tám triệu người, nhiều hơn 50% so với số quân mà Hoa Kỳ đã huy động trong Thế chiến II.¹¹⁶⁶ Gần như mọi thanh niên Nam Việt Nam cầm vũ khí giờ đây đều phục vụ trong các lực lượng trung thành với chính phủ Sài Gòn, một thực tế đã xóa tan hầu hết những nghi ngờ còn lại trong số những người miền Nam về việc liệu họ có đang đối mặt với một cuộc chiến tranh xâm lược từ miền Bắc hay không. Gần như mọi người chống lại họ đều là một thanh niên Bắc Việt được đào tạo kém, thiếu các kết nối cá nhân và văn hóa với dân chúng miền Nam Việt Nam. Trong khi các chính trị gia Mỹ đang nói về việc chuyển giao gánh nặng quân sự cho người Nam Việt Nam trong tương lai, thì một sự chuyển dịch lớn đã diễn ra vào năm 1968. Trong khi năm 1967, có 1,3 binh sĩ Nam Việt Nam thiệt mạng cho mỗi lính Mỹ, thì tỷ lệ đó đã tăng vọt lên 1,9 lính Nam Việt trên một lính Mỹ vào năm 1968.¹¹⁶⁷

Trong bức điện cuối cùng của năm, Bunker nhìn thấy từ những diễn biến tích cực này lý do cho sự lạc quan to lớn về tương lai của Nam Việt Nam. «Tôi tin rằng năm 1968 sẽ đi vào lịch sử như là năm mà sức mạnh và tình yêu tự do của nhân dân Nam Việt Nam đã bị thử thách khắc nghiệt nhất và đã không bị thất bại», vị đại sứ viết. «Tôi tin chắc rằng thời thế đang nghiêng về chúng ta mạnh mẽ hơn bất kỳ thời điểm nào trong quá khứ.» Bunker dự đoán rằng «nếu chúng ta tiếp tục kiên nhẫn và tự tin vào sức mạnh của chính mình, chúng ta sẽ có được vào năm tới thứ hòa bình mà chúng ta đã tìm kiếm qua rất nhiều thử thách khắc nghiệt.»¹¹⁶⁸

Mặc dù Bunker tin rằng sự vội vàng sẽ làm suy yếu nền ngoại giao của Mỹ, thì sự vội vàng lại là mệnh lệnh trong ngày tại Washington trong những ngày tàn của chính quyền Johnson. Hy vọng của Johnson về việc chinh phục hòa bình theo cách của Winfield Scott trước khi kết thúc nhiệm kỳ tổng thống của ông, tuy nhiên, đã giảm dần theo từng ngày tranh cãi giữa các phái đoàn Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam tại Paris. Dần dần, Johnson và các phó tá của ông phải chấp nhận thực tế rằng việc tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam sẽ được để lại cho chính quyền Richard M. Nixon.

Ngay sau cuộc bầu cử, Tổng thống đắc cử Nixon đã nhận được một bản đánh giá tình báo từ Hội đồng Đánh giá Quốc gia đề cập đến triển vọng hòa bình trong bối cảnh những thay đổi to lớn của ba năm rưỡi vừa qua. Bản đánh giá giải thích rằng, khi Johnson phải đối mặt với quyết định can thiệp vào giữa năm 1965, «đã có cảnh tượng về những thành công liên tục của Việt Cộng trước các lực lượng Nam Việt Nam, những tiến bộ nhanh chóng của Trung Quốc trong lĩnh vực vũ khí hiện đại, và một liên minh Sukarno/Đảng Cộng sản Indonesia (PKI) ngày càng mạnh đang nắm quyền ở Indonesia và bắt nạt liên bang Malaysia mới thành lập và mong manh.» Kể từ thời điểm đó, «người dân Đông Nam Á đã chứng kiến Trung Quốc sa lầy trong hỗn loạn và rối ren, Sukarno bị lật đổ và PKI phải chịu sự đàn áp đẫm máu, và những người Cộng sản Việt Nam phải trả một cái giá khủng khiếp trong những năm dài chiến tranh.»

Các cơ quan đóng góp vào bản đánh giá tình báo này đã bất đồng với nhau về những hậu quả có thể xảy ra của một giải pháp ngoại giao mà nhanh chóng dẫn đến việc Bắc Việt chinh phục Nam Việt Nam. Số đông tin rằng Thái Lan sẽ không từ bỏ Hoa Kỳ để theo Trung Quốc và Việt Nam trừ khi Hoa Kỳ rút lui khỏi các cam kết với Thái Lan. Các nhà phân tích này cho rằng, đối với các nhà lãnh đạo Đông Nam Á khác, sự ủng hộ của

Mỹ dành cho Thái Lan sẽ là chỉ dấu cho ý định của Mỹ trên toàn khu vực. Những thất bại mà Trung Quốc và Bắc Việt phải gánh chịu kể từ năm 1965 và sức mạnh ngày càng tăng của các quốc gia chống Cộng ở Đông Nam Á đã làm tăng tính tin cậy cho quan điểm này.

Nhưng cũng vẫn còn tính đáng tin trong lập luận, do một số ít các nhà phân tích tình báo đưa ra, rằng các nhà lãnh đạo Đông Nam Á sẽ mất niềm tin vào các cam kết của Mỹ với Thái Lan và các nước khác sau khi chứng kiến sự bỏ rơi Nam Việt Nam của Mỹ. Chính phủ Sài Gòn đã nhận được các cam kết về người và vật chất từ Mỹ lớn hơn nhiều so với bất kỳ quốc gia nào khác, và do đó ngay cả những cam kết mới rộng lượng nhất của Mỹ với các nước châu Á khác cũng sẽ không thể xua tan những nghi ngờ về sức chịu đựng của Mỹ.¹¹⁶⁹ Hơn nữa, một Việt Nam thống nhất dưới chế độ Cộng sản sẽ là cường quốc quân sự thống trị Đông Nam Á, có khả năng bắt các nước láng giềng phải khuất phục theo ý muốn của mình thông qua đe dọa và vũ lực.

Có lẽ do thiếu thông tin về quan hệ giữa các cường quốc Cộng sản, bản đánh giá đã không đề cập đến việc rạn nứt Trung - Xô đã phát triển thành một vực thẳm rộng lớn trong ba năm rưỡi qua. Nó không nói rằng Trung Quốc và Liên Xô đã bị kéo xa nhau hơn bởi cuộc

cạnh tranh về uy tín và ảnh hưởng ở Bắc Việt Nam hay rằng Cách mạng Văn hóa và sự ác cảm của Trung Quốc với xung đột với Hoa Kỳ đã tạo ra một cái nênm giữa Bắc Kinh và Hà Nội, đến lượt nó lại thúc đẩy việc rút quân Trung Quốc khỏi Bắc Việt Nam. Người Mỹ biết rằng Liên Xô đã khai thác mối quan hệ được cải thiện của họ với Hà Nội và viện trợ tăng cường của họ để thúc giục người Bắc Việt ngồi vào bàn đàm phán ở Paris nhưng không chắc liệu người Bắc Việt có đồng ý với loại hòa bình mà Liên Xô mong muốn hay không.

Bản thân cuộc chiến đã bị đảo lộn trong khoảng thời gian giữa việc Johnson lao vào cuộc chiến trên bộ và việc ông trao lại chức vụ cho Nixon. Vào mùa hè năm 1965, Quân đội Bắc Việt Nam đã trên bờ vực tiêu diệt Quân đội Nam Việt Nam và thống nhất đất nước dưới lá cờ của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam. Sự can thiệp của lực lượng trên bộ của Mỹ, với hỏa lực và khả năng cơ động áp đảo, đã ngăn chặn cuộc tấn công của Hà Nội và buộc người Bắc Việt phải chiến đấu một cuộc chiến tiêu hao. Trong ba năm rưỡi, cả hai bênrepeatedly liên tục leo thang chiến sự để đẩy nhanh ngày chiến thắng, dẫn đến thương vong cao cho các lực lượng vũ trang của cả hai bên và cho dân thường, những người không may bị kẹt ở giữa. Vào cuối thời kỳ đó, Quân đội Bắc Việt Nam nằm trong tình trạng tan nát, và các lực lượng đại lý của

họ ở miền Nam gần như

biến mất, khiến Hà Nội gần như không còn lựa chọn nào khác ngoài việc từ bỏ các chiến dịch quy ước và quay trở lại chiến tranh du kích. Đối với người Bắc Việt, sự thay đổi trong chiến lược là một bước lùi khổng lồ vì chiến tranh du kích diễn ra trước chiến tranh quy ước trong trình tự của chiến tranh cách mạng Maoist. Một sự trở lại với chiến tranh quy ước còn cách đó nhiều năm, và những sự kiện xen giữa có thể đẩy lùi ngày đó xa hơn nữa hoặc ngăn nó không bao giờ xảy đến.

Từ tháng 8 năm 1965 đến tháng 12 năm 1968, Bắc Việt Nam đã không đạt được mục tiêu bao trùm của cả chiến lược tiêu hao mà họ theo đuổi cho đến tháng 1 năm 1968 và chiến lược chiến trận đô thị mà họ theo đuổi trong tám tháng tiếp theo, đó là việc phá vỡ ý chí của nước Mỹ. Người Bắc Việt đánh giá quá cao khả năng gây thiệt hại cho lực lượng Mỹ và đánh giá thấp khả năng chịu đựng thương vong của người dân Mỹ. Trong cùng thời kỳ này, chiến lược tiêu hao của Hoa Kỳ đã không phá vỡ được ý chí của Hà Nội. Một số người Mỹ cũng đã tính toán sai lầm tương tự về khả năng gây thương vong và sức mạnh ý chí của kẻ thù, nhưng Tổng thống Johnson, Tướng Westmoreland, và nhiều người Mỹ khác không bao giờ mong đợi việc

tiêu hao sẽ mang lại sự đầu hàng nhanh chóng của Bắc Việt. Khác xa với việc thể hiện sự kiêu ngạo về quyền lực thường được quy cho họ, họ đã nhìn thấy giới hạn quyền lực của quốc gia mình ngay từ đầu. Trên thực tế, một số người đã đánh giá quá cao những giới hạn đó bằng cách tuyên bố rằng những nỗ lực của Mỹ vượt ra ngoài lãnh thổ Nam Việt Nam không thể thay đổi được diễn biến của cuộc chiến.

Việc quân đội Mỹ tiêu hao lực lượng Bắc Việt đã khủng khiếp và đầy đau thương như hầu hết các cuộc nghiền nát của bánh răng chiến tranh, nhưng nó không phải là vô nghĩa. Việc đánh phá không ngừng của Mỹ vào Quân đội Bắc Việt đã ngăn chặn các sáng kiến quân sự của Hà Nội, làm suy giảm năng lực quân sự của họ, và giảm khả năng tiếp cận các làng mạc của Nam Việt Nam. Việc giới hạn các hoạt động trên bộ của Mỹ trong lãnh thổ Nam Việt Nam đã cho phép Hà Nội giới hạn thương vong bằng cách che giấu lực lượng của mình bên ngoài biên giới, nhưng những lực lượng đó không thể hoàn thành được nhiều việc khi họ đang ẩn náu. Vì lý do đó, Hà Nội cảm thấy bắt buộc phải sử dụng lực lượng của mình đủ thường xuyên để phơi bày họ ra trước những tác động nghiền nát của vũ khí Mỹ, đỉnh điểm là ba thất bại không lồ năm 1968.

Việc tiêu diệt các lực lượng Cộng sản bằng sức mạnh quân sự quy ước của Mỹ là một điều kiện tiên quyết cần thiết cho những tiến bộ đáng kể đạt được

từ năm 1965 đến năm 1968 hướng tới các mục tiêu chiến lược chính mà Westmoreland đã nêu ra và Johnson đã phê chuẩn ngay từ đầu, đó là củng cố chính quyền Sài Gòn và bình định các làng xã. Bằng cách buộc Bắc Việt Nam quay trở lại chiến tranh du kích vào cuối năm 1968, quân đội Hoa Kỳ đã giúp chính quyền Việt Nam Cộng hòa có thêm thời gian và không gian để tích lũy sức mạnh cần thiết nhằm giành được những nhượng bộ ngoại giao từ Hà Nội và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảm sự hiện diện quân sự của Mỹ.

Richard M. Nixon sẽ có cơ hội rút ra từ bao đạn của nước Mỹ vài mũi tên lớn mà việc sử dụng chúng luôn được các tướng lĩnh của Mỹ ủng hộ nhưng lại bị Lyndon Johnson bác bỏ. Ông ta có thể gửi quân mặt đất vào Lào và Campuchia để cắt đứt các đường tiếp tế và loại bỏ các căn cứ an toàn. Ông ta có thể nối lại việc ném bom miền Bắc với những hạn chế tối thiểu và phong tỏa các cảng của Bắc Việt Nam để siết chặt hệ thống tiếp tế của Bắc Việt. Ông ta có thể xâm lược phần phía nam của Bắc Việt Nam để phá vỡ hậu cần của Bắc Việt hoặc đổ bộ quân xa hơn về phía bắc để chiếm Hà Nội và Hải

Phòng. Chỉ riêng việc đe dọa thực hiện các biện pháp như vậy hoặc thậm chí những hành động tàn phá hơn như ném bom vào các đề điều của Bắc Việt hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân cũng có thể buộc người Bắc Việt phải cầu hòa, như người Triều Tiên đã cầu hòa vào năm 1953.

Nixon chắc chắn sẽ phải đối mặt với áp lực từ công chúng Mỹ nhằm giảm quy mô cam kết của Mỹ, như ông đã từng trong chiến dịch bầu cử. Những lời kêu gọi rút quân nhanh chóng to và the thế nhất sẽ đến từ giới trí thức, nhà báo và các tầng lớp tinh hoa khác trong xã hội, những người mà việc phản đối chiến tranh đã trở thành bắt buộc.¹¹⁷⁰ Tuy nhiên, đa số người dân Mỹ, lại thể hiện ít mong muốn rút lui vội vã, và họ sẽ càng ít có xu hướng đó hơn nếu tổng thống nỗ lực tập hợp công chúng mà Lyndon Johnson đã cố tình tránh. Nixon sẽ có thể thực hiện việc giảm dần quân số, như Thiệu đã từng hình dung, nhờ những cải thiện trong lực lượng an ninh của Nam Việt Nam.

Sự tiến triển của dư luận công chúng Mỹ về cuộc chiến, quả thực, đã trở thành một trong những khía cạnh bị hiểu sai rộng rãi nhất của cuộc chiến. Trong cuốn sách có ảnh hưởng nhất về chủ đề này, *War, Presidents, and Public Opinion*, nhà khoa học chính trị John Mueller

cho rằng sự ủng hộ của công chúng Mỹ đối với cuộc chiến đã giảm dần sau năm 1965 do thương vong của Mỹ ngày càng tăng. Mueller dựa kết luận này trên các câu trả lời mà người Mỹ đã đưa ra cho một câu hỏi được đặt ra thường xuyên trong những năm này : «Xét theo những diễn biến kể từ khi chúng ta tham chiến tại Việt Nam, ông/bà có nghĩ Hoa Kỳ đã phạm sai lầm khi gửi quân đến Việt Nam không ?» Tỷ lệ người Mỹ nói rằng đó là một sai lầm đã tăng từ 24 phần trăm vào tháng 8 năm 1965 lên 54 phần trăm vào tháng 10 năm 1968.¹¹⁷¹

Mueller đã sai khi cho rằng những người coi sự can thiệp của Mỹ là một sai lầm thì cũng phản đối cuộc chiến. Như các cuộc thăm dò trong suốt thời kỳ từ 1965 đến 1968 đã chứng minh, tỷ lệ người Mỹ muốn Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam nhỏ hơn nhiều so với tỷ lệ những người nói rằng việc gửi quân là một sai lầm. Một số lượng lớn và ngày càng tăng người Mỹ ủng hộ việc tiếp tục cuộc chiến bất chấp niềm tin của họ rằng quyết định ban đầu gửi quân là sai lầm.

Hai cuộc thăm dò dư luận được thực hiện vào cuối năm 1968 đã ghi nhận một trạng thái ý kiến của người Mỹ về Việt Nam khác biệt rõ rệt so với những gì sẽ được nhớ lại sau này. Cuộc thăm dò đầu tiên, do Louis Harris và Associates thực hiện vào tháng Chín, phát

hiện ra rằng chỉ 13 phần trăm người Mỹ muốn «rút hoàn toàn khỏi Việt Nam». Tổng cộng 43 phần trăm số người được hỏi ủng hộ việc duy trì hoặc tăng cường hành động quân sự của Mỹ, và 35 phần trăm ủng hộ việc tiếp tục cuộc chiến trong khi tăng phần chiến đấu của quân đội Nam Việt Nam.¹¹⁷²

Cuộc thăm dò thứ hai, do Trung tâm Nghiên cứu Khảo sát của Đại học Michigan thực hiện, yêu cầu người được hỏi chọn một trong ba đường lối hành động, tương ứng với lập trường của phe bỏ câu (chủ hòa), phe ôn hòa và phe điều hâu (chủ chiến). Mười chín phần trăm chọn phương án của phe bỏ câu, đó là «rút hoàn toàn khỏi Việt Nam». Ba mươi bảy phần trăm chọn phương án ôn hòa, «giữ lính của chúng ta ở Việt Nam nhưng cố gắng chấm dứt chiến đấu.» 34 phần trăm khác chọn phương án điều hâu, có nội dung : «có lập trường mạnh mẽ hơn ngay cả khi điều đó có nghĩa là xâm lược Bắc Việt Nam.»¹¹⁷³

13 phần trăm và 19 phần trăm ủng hộ rút quân trong hai cuộc thăm dò đại diện cho một sự gia tăng đáng kể nhưng tương đối khiêm tốn so với 11 phần trăm dân số đã muốn rút lui vào giữa năm 1965. Vào cuối nhiệm kỳ tổng thống của Lyndon Johnson, những người phản đối chiến tranh vẫn là một nhóm thiểu số rõ rệt, mặc dù

là một nhóm tìm kiếm và đôi khi đạt được ảnh hưởng không tương xứng với giới truyền thông và chính phủ. Cũng đáng chú ý như sự tăng trưởng chậm chạp của phe đối lập là sự gia tăng đồng thời trong sự ủng hộ. 78 phần trăm từ cuộc khảo sát đầu tiên và 71 phần trăm từ cuộc khảo sát thứ hai ủng hộ việc tiếp tục cuộc chiến vào cuối năm 1968 đã vượt quá 66 phần trăm đã tán thành cuộc chiến tranh trên bộ vào tháng 6 năm 1965.

1174

Các nhà thăm dò dư luận chưa bao giờ tiến hành các cuộc khảo sát để xác định lý do tại sao ngày càng nhiều người Mỹ tin rằng việc gửi quân Mỹ đi là một sai lầm hoặc tại sao một phần lớn trong số những người Mỹ đó lại tiếp tục ủng hộ cuộc chiến. Dựa trên những ý tưởng lưu hành ở Hoa Kỳ trong thời kỳ này, có thể yên tâm giả định rằng lý do cho rằng cuộc chiến là một sai lầm rất nhiều và đa dạng. Những cá nhân rất quan tâm đến chi phí của cuộc chiến có thể chỉ trích quyết định năm 1965 vì cuộc chiến đã chứng tỏ là dài hơn và tốn kém hơn họ mong đợi hoặc dự đoán. Những người Mỹ thích hành động quân sự dứt khoát có lý do để tin rằng chính quyền Johnson đã phạm sai lầm khi tham gia một cuộc chiến mà họ không sẵn sàng chiến đấu bằng mọi biện pháp cần thiết. Trong số những người Mỹ chú ý sát sao đến các sự kiện ở Việt Nam, một số kết luận rằng Hoa

Kỳ đã sai lầm khi nắm quyền chỉ huy cuộc chiến vì việc Mỹ hóa đã làm suy yếu sự phát triển của lực lượng vũ trang Nam Việt Nam. Đối với những người am hiểu các sự kiện quốc tế, thất bại của những người Cộng sản Indonesia mà không có ảnh hưởng rõ ràng của Mỹ có thể đã thuyết phục họ rằng sự can thiệp của Mỹ vào Đông Nam Á là không cần thiết để cứu các quân cờ domino của châu Á.

Nếu Tổng thống Johnson nỗ lực phối hợp để giải thích và biện minh cho cuộc chiến với người dân Mỹ, để «khơi dậy lòng yêu nước» như ông đã nói, ông có thể thuyết phục một số người Mỹ bất mãn này rằng quyết định của ông khi tham chiến vào năm 1965 là đúng đắn. Sự im lặng của Johnson và các phó tá của ông đã khiến người Mỹ phải dựa vào giới truyền thông để lấy thông tin, thứ cung cấp thông tin hữu ích nhưng đồng thời cũng tô đậm mặt tiêu cực và hạ thấp tầm quan trọng của những diễn biến đáng khích lệ như sự tiêu diệt hàng loạt của Quân đội Bắc Việt và sự hồi sinh của chính quyền Nam Việt Nam. Người dân Mỹ, rất đáng khen ngợi, đã vượt qua sự thoái vị của lãnh đạo tổng thống và định kiến của giới truyền thông để tự đưa ra đánh giá của riêng mình về cuộc chiến, dựa trên nhận thức của họ về chi phí và lợi ích cũng như khả năng thành công.¹¹⁷⁵

Nhận thức có thể bị bóp méo bởi sự không đầy đủ của thông tin hoặc bởi những ý tưởng định kiến của người nhận thức. Người Mỹ những năm 1960 không miễn nhiễm với những vấn đề này. Nhìn chung, tuy nhiên, người dân Mỹ nhìn chung thể hiện sự hợp lý và phán đoán đúng đắn khi đánh giá cuộc chiến. Đa số ủng hộ cuộc chiến ngay từ đầu xuất phát từ niềm tin có cơ sở rằng việc mất Nam Việt Nam sẽ làm suy yếu uy tín của Mỹ với tư cách là một đồng minh và dẫn đến những thành công của Cộng sản ở các quốc gia khác, đặc biệt là ở châu Á.¹¹⁷⁶ Sự ủng hộ của họ dao động tại một số thời điểm trong những năm tiếp theo khi những diễn biến được công bố rộng rãi dường như đã làm giảm triển vọng thành công : cuộc khủng hoảng Phật giáo, việc Johnson từ chối lắng nghe những lời kêu gọi leo thang của quân đội, và sự thiếu trao đổi thông tin từ Nhà Trắng trong những thời điểm chiến đấu ác liệt. Với sự củng cố của chính quyền Sài Gòn vào giữa năm 1966, việc ném bom miền Bắc Việt Nam gia tăng vào giữa năm 1967, và chuyến thăm trong nước của Tướng Westmoreland và Đại sứ Bunker vào tháng 11 năm 1967, sự tin tưởng của công chúng vào nỗ lực chiến tranh đã được khôi phục. Sự ủng hộ của công chúng vẫn được duy trì trong Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân khi người Mỹ nhìn chung đồng ý rằng một cuộc tấn công bất ngờ vào quân

Mỹ trong thời gian ngừng bắn dịp lễ không phải là thời điểm để chống lại một cuộc chiến.

Người Mỹ tiếp tục ủng hộ cuộc chiến cho đến cuối nhiệm kỳ tổng thống của Lyndon Johnson bởi vì họ tin rằng việc ở lại, với tất cả các vấn đề của nó, sẽ phục vụ nước Mỹ tốt hơn là rút lui. Theo đánh giá của họ, Hoa Kỳ vẫn đang tham gia vào một cuộc đấu tranh toàn cầu chống lại mối đe dọa hiện hữu của chủ nghĩa cộng sản quốc tế, và Việt Nam là một chiến trường then chốt trong cuộc đấu tranh đó. Hoa Kỳ sẽ mất uy tín với tư cách là người bảo vệ thế giới tự do nếu từ bỏ một cuộc chiến mà họ đã cam kết uy tín và nửa triệu quân của mình. Các sư đoàn bộ binh, tàu sân bay và vũ khí hạt nhân của Mỹ sẽ không còn có sức mạnh răn đe như trước nữa, và các liên minh chống Cộng do Mỹ xây dựng sẽ bị tê liệt bởi sự nghi ngờ và sợ hãi. Những người Mỹ nghi ngờ tính nghiêm trọng của mối đe dọa Cộng sản đã bị bác bỏ bởi những tội ác của Bắc Việt trong Tết Mậu Thân, bị mất uy tín bởi cuộc xâm lược Tiệp Khắc của Liên Xô, và bị cản trở bởi các đại biểu ôn hòa và bảo thủ tại Đại hội Toàn quốc của Đảng Dân chủ.

Sự bền bỉ của sự ủng hộ phổ biến dành cho cuộc chiến cũng có nền tảng từ đạo đức và văn hóa. Hàng triệu người Mỹ tiếp tục tin rằng các đặc điểm chính trị và văn

hóa độc đáo của quốc gia họ khiến nó trở thành một lực lượng vì điều tốt trên thế giới, một lực lượng mà sức mạnh lớn đi kèm với trách nhiệm lớn. Sự tham gia của những chàng trai trẻ từ mọi tầng lớp, tín ngưỡng, màu da và quận hạt đã mang lại cho hầu hết người Mỹ mối liên hệ cá nhân với cuộc chiến và do đó quan tâm hơn về những gì xảy ra trong đó. Người Mỹ biết rằng việc thiếu sự ủng hộ ở hậu phương sẽ làm nhụt chí binh lính Mỹ và củng cố quyết tâm của người Bắc Việt những kẻ đang cố giết họ. Hơn nữa, nhiều người Mỹ tin rằng, nếu Hoa Kỳ rời bỏ cuộc chiến, điều đó sẽ làm ô nhục sự hy sinh của hàng chục nghìn người Mỹ đã thiệt mạng tại Việt Nam.

Việc đa số người Mỹ vẫn ủng hộ Chiến tranh Việt Nam sau ba năm rưỡi với thương vong của Mỹ ngày càng tăng, sự lãnh đạo yếu kém của Nhà Trắng, sự đưa tin sai lệch của giới truyền thông, và sự vỡ mộng trong giới tinh hoa tự do là một minh chứng cho sự bền bỉ của văn hóa quốc gia. Văn hóa của nước Mỹ đã cung cấp thứ mà Tướng Omar Bradley gọi là sợi dây liên kết quốc gia, sự dẻo dai về mặt đạo đức để kiên trì trước nghịch cảnh và chi phí đắt đỏ. Từ bỏ một cuộc viễn chinh vì nó khó khăn và bạo lực, khuất phục trước một chế độ chuyên chế nước ngoài đã làm đổ quá nhiều máu của người Mỹ, kết thúc một cuộc chiến danh dự để đổi

lấy một nền hòa bình ô nhục, sẽ là sự phản bội tinh thần quốc gia đã biến Hoa Kỳ trở thành quốc gia hùng mạnh và nhân đức nhất thế giới.

Với tình yêu dành cho đất nước, người Mỹ đặt nhiều niềm tin vào trí tuệ tích lũy của nhân dân hơn là vào tính cách của các cá nhân được bầu vào chức vụ chính trị. Họ đã không để sự vỡ mộng với Lyndon Johnson dập tắt niềm tin của họ vào quốc gia Mỹ hay những cam kết quốc tế của nó, vẫn tin, như Theodore Roosevelt đã từng nói, rằng lòng yêu nước có nghĩa là đứng về phía đất nước, không phải đứng về phía tổng thống, ngoại trừ ở mức độ mà tổng thống đứng về phía đất nước. Những sai lầm nghiêm trọng của những người Mỹ khác, như Robert McNamara và Averell Harriman và Clark Clifford, đã không phá hỏng tình đoàn kết của họ với đồng bào của mình.

Trong bối cảnh không có sự ủy quyền của Nhà Trắng cho việc sử dụng lực lượng áp đảo ở Bắc Việt Nam hay Lào, ý chí quyết tâm của người dân Mỹ đã là tài sản mạnh mẽ nhất của nước Mỹ vào năm 1965, và nó vẫn tiếp tục như vậy cho đến cuối năm 1968. Sức mạnh bầu cử của những người Mỹ ủng hộ chiến tranh đã buộc Hubert Humphrey phản đối việc từ bỏ cuộc chiến và đã đưa Richard Nixon, một người được cho là một trong

những nhân vật chống Cộng nhiệt thành và xảo quyết nhất của thế hệ ông, vào nhậm chức. Chừng nào đa số cử tri vẫn ủng hộ cuộc chiến, các chính trị gia Mỹ sẽ vẫn cảm thấy thoải mái trong việc duy trì cam kết của Mỹ nhằm bảo vệ Việt Nam Cộng hòa. Vào thời điểm mà việc cắt giảm miễn trừ nghĩa vụ quân sự đã dẫn đến sự gia tăng trốn lính trong một số bộ phận của xã hội, sự bần bĩ trong ủng hộ của quần chúng dành cho cuộc chiến ở hầu hết các gia đình và khu phố Mỹ đảm bảo rằng quân đội Hoa Kỳ sẽ tiếp tục nhận đủ nhân lực để đáp ứng nhu cầu của họ ở Việt Nam và phần còn lại của thế giới. Những người Mỹ giàu có, trung lưu và lao động vẫn đang đáp lại tiếng gọi của quốc gia để gia nhập quân đội ngay cả khi một số đồng nghiệp của họ chế nhạo họ là «những kẻ ngốc» hay «phát xít».

Như những tuyên bố gần đây của Lyndon Johnson, Hubert Humphrey và Richard Nixon đã chứng minh, cuộc chiến tranh trước đó vẫn còn in đậm trong tâm trí của các chính trị gia Mỹ và người dân Mỹ vào cuối năm 1968. Những người Mỹ ủng hộ việc kiên trì ở Việt Nam hy vọng rằng người Bắc Việt cuối cùng sẽ từ bỏ cuộc chiến tranh xâm lược của họ, giống như người Bắc Triều Tiên đã từ bỏ cuộc chiến của họ vào năm 1953. Tổng thống đắc cử Nixon dường như có khả năng khai thác ý chí và tinh thần yêu nước của quốc gia Mỹ theo

cách mà Lyndon Johnson chưa từng làm được, điều này trong ngắn hạn đại diện cho phương thức tốt nhất để thuyết phục Hà Nội rằng họ không thể thắng cuộc chiến cho dù họ có đưa bao nhiêu thanh niên vào lò mổ của Nam Việt Nam đi chăng nữa.

Người Mỹ đã chứng kiến Hàn Quốc vượt qua những thất bại ban đầu để đảm nhận ngày càng nhiều trách nhiệm cho an ninh của chính mình trong giai đoạn cuối của Chiến tranh Triều Tiên và sau đó trong suốt thời kỳ hòa bình hậu chiến. Họ được khích lệ khi thấy Nam Việt Nam bắt đầu làm điều tương tự. Bằng cách kiên trì cùng đồng minh Nam Hàn trong lúc khó khăn, Hoa Kỳ đã phá tan cuộc xâm lược của Cộng sản và tạo dựng được một pháo đài chống Cộng mạnh mẽ ở vùng ngoại vi của Trung Quốc Cộng sản. Hoa Kỳ cũng đã ngăn chặn thành công cuộc xâm lược của Cộng sản vào Nam Việt Nam năm 1965, và việc phát triển một quốc gia chống Cộng mạnh mẽ dường như rất khả thi tại một Nam Việt Nam với những nền tảng văn hóa tương đồng, một đất nước nơi các sự kiện năm 1968 đã thổi bùng lên một sức sống mới cho chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa chống Cộng.

Lời cảm ơn

Cuốn sách này đã được hình thành trong một khoảng thời gian mười lăm năm trải qua nhiều công việc và bốn dự án sách khác, hầu hết trong số đó liên quan đến các cuộc chiến tranh của Mỹ ở Iraq, Afghanistan và những nơi khác. Trong khoảng thời gian đó, hiểu biết của tôi về chiến tranh nói chung cũng như một số đặc điểm riêng của Chiến tranh Việt Nam đã được hưởng lợi rất nhiều từ việc tiếp xúc với một số sĩ quan quân đội và sĩ quan ngoại giao xuất sắc nhất của quốc gia. Tôi phải cảm ơn họ một cách chung chung thay vì riêng lẻ do số lượng đông đảo của họ và do một số người vẫn cần được ẩn danh.

Cuốn sách này, giống như tập trước, có được nhiều giá trị là nhờ công lao của Merle Pribbenow. Các bản dịch của ông về tài liệu, hồi ký và lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho phép tôi trình bày đầy đủ hơn góc nhìn của phía Bắc Việt Nam trong cuộc chiến, đánh giá chính xác hơn tác động của các hành động của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, và giải đáp những bí ẩn lịch sử lâu đời. Cảm ơn ông một lần nữa, Merle. Elizabeth Tran Bozzi cũng đã rất chu đáo cung cấp bản dịch của một số cuốn sách bằng tiếng Việt.

Các cựu chiến binh Việt Nam đã đóng góp vào việc hoàn thành cuốn sách này bằng vô số cách không thể đếm xuể. Andy Finlayson, R. J. Del Vecchio, Paul Schmehl, Steve Sherman, Bob Turner, Bill Laurie, Mike Benge, Roger Canfield, Bob Turner, John Norton Moore, Bob Baker, Bruce Kinsey và cố Rufus Phillips đã cung cấp tài liệu lịch sử với tư cách cá nhân và với tư cách là thành viên của Tổ chức Cựu chiến binh Việt Nam vì Lịch sử Chân thực (Vietnam Veterans for Factual History), một tổ chức đã đăng tải rất nhiều tài liệu lịch sử trên trang web của mình, www.vvfh.org. James Webb, John Del Vecchio, Lewis Sorley, B. G. Burkett, Michael Lee Lanning, Phillip Jennings và Rich Botkin đã truyền cảm hứng cho tôi bằng các tác phẩm của họ và sự khuyến khích dành cho tác phẩm của tôi.

Trong những lần tôi đến Cục Lưu trữ Quốc gia, Cliff Snyder, Jeannine Swift và Richard Boylan đã truy tìm các tài liệu trong những kho lưu trữ sâu bên trong cơ sở. Jeff Hartley đã xác định vị trí các bài báo khó tìm mà tôi không thể tìm thấy ở bất cứ đâu khác. Tại Kho lưu trữ Đại học Thủy quân Lục chiến, Alisa Whitley đã không ngại khó khăn để tìm tài liệu cho tôi. Jay Veith đã cho tôi bản sao của những tài liệu quý giá bên cạnh việc xem xét bản thảo và đóng vai trò là người lắng nghe ý kiến. Luke Nichter đã chia sẻ kiến thức sâu rộng của

anh ấy về cuộc bầu cử tổng thống năm 1968 và vụ việc Anna Chennault, điều dẫn đến những sửa đổi đáng kể trong cách diễn giải ban đầu của tôi về sự kiện đó. Nick Turner đã chuyển cho tôi những bình luận quan trọng của Indonesia về cuộc biến động to lớn ở Jakarta vào tháng 10 năm 1965.

Thiếu tướng Donald R. Gardner (đã nghỉ hưu), Chuẩn tướng Thomas V. Draude (đã nghỉ hưu), Kim T. Adamson, Jerre Wilson, Nadia Schadow, Marin Strmecki, Victor Davis Hanson, Roger Hertog, Diane Sehler, Jack David và Chris Griffin đã hỗ trợ dự án này và những nỗ lực liên quan trong quá trình viết. Andrew Walworth của RealClear Media, Brett Baier của Fox News, Jonathan Towers của Towers Productions và James C. Roberts của Radio America là những đối tác tuyệt vời trong việc truyền bá nghiên cứu của tôi và của các học giả có cùng chí hướng thông qua các phương tiện truyền thông khác. Tại Encounter Books, Roger Kimball đã nhanh chóng nhìn thấy tiềm năng của dự án này và cũng nhanh chóng đưa nó qua cánh cổng xuất bản. Amanda DeMatto đã cực kỳ hữu ích và nhanh chóng trong việc quản lý quy trình biên tập và sản xuất, và Michael Totten đã biên tập bản thảo một cách khéo léo.

Tiến sĩ Larry Amn, Tiến sĩ Mark Kalthoff và Tiến sĩ Matthew Spalding, tất cả đều thuộc Đại học Hillsdale, đã chào đón tôi đến một ngôi nhà học thuật mới gần vào thời điểm kết thúc dự án này. Họ đã tạo cho tôi sự linh hoạt để đảm bảo sản phẩm cuối cùng nhận được sự đọc lại cần thiết và được rà soát kỹ lưỡng. Emily - Weston Kamon đã hỗ trợ trong giai đoạn cuối của nghiên cứu.

Kể từ khi tập một được xuất bản, gia đình tôi đã phải chịu nhiều áp lực do sự kết hợp giữa dự án này với con đường sự nghiệp không theo lối mòn của một học giả bảo thủ và một số diễn biến không lường trước được khác. Việc chúng tôi có thể vượt qua được là minh chứng cho sự kiên cường của vợ tôi, Kelli, các con của chúng tôi là Greta, Trent và Luke, cũng như sự hỗ trợ của bạn bè và gia đình, đặc biệt là bố mẹ tôi, Bert và Marjorie. Chúng tôi cũng mang ơn Chúa, nguồn gốc của mọi sức mạnh và trí tuệ.

Danh sách các chữ viết tắt

ARVN - Quân lực Việt Nam Cộng hòa

CDEC - Trung tâm Khai thác Tài liệu Phối hợp

CIA - Cơ quan Tình báo Trung ương (Hoa Kỳ)

CINCPAC - Tư lệnh Tối cao, Hạm đội Thái Bình Dương

COMUSMACV - Tư lệnh, Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam

CREST - Công cụ Tìm kiếm Hồ sơ CIA

CWIIP - Dự án Lịch sử Quốc tế Chiến tranh Lạnh

DDRS - Hệ thống Tài liệu Tham khảo Đã được Giải mật

DIA - Cơ quan Tình báo Quốc phòng

DMUSF - Triển khai Lực lượng Lớn của Hoa Kỳ

DRV - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Bắc Việt Nam)

FO - Văn phòng Đối ngoại (Anh)

FRUS - Quan hệ Đối ngoại của Hoa Kỳ

JCS - Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân

JCSM - Bản ghi nhớ của Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân

LBJL - Thư viện Lyndon B. Johnson, Austin, Texas

MACV - Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự tại Việt Nam

MCHD - Ban Lịch sử Thủy quân Lục chiến, Quantico, Virginia

MIH - Viện Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, Carlisle, Pennsylvania

NA II - Cơ quan Lưu trữ Quốc gia II, College Park, Maryland

NMCC - Trung tâm Chỉ huy Quân sự Quốc gia

NSC - Hội đồng An ninh Quốc gia

NSF - Hồ sơ An ninh Quốc gia

RG - Nhóm Hồ sơ

RVN - Việt Nam Cộng hòa (Nam Việt Nam)

SNIE - Ước tính Tình báo Quốc gia Đặc biệt

TTU - Kho lưu trữ Việt Nam Đại học Công nghệ

Texas, Lubbock, Texas

USVNR - Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam, 1945 - 1967

VC - Việt Cộng

VNCF - Hồ sơ Quốc gia Việt Nam

Ghi chú

1

xem Gary R. Hess, *Vietnam : Explaining America's Lost War*, ấn bản lần thứ 2 (Malden, Massachusetts : Wiley Blackwell, 2015) ; Michael G. Kort, *The Vietnam War Reexamined* (Cambridge : Cambridge University Press, 2018) ; Matthew Masur, «Historians and the Origins of the Vietnam War», trong Andrew Wiest, Mary Kathryn Barbier, và Glenn Robins, biên tập, *America and the Vietnam War : Re - examining the Culture and History of a Generation* (New York : Routledge, 2010), 35-53 ; Andrew Wiest và Michael J. Doidge, biên tập, *Triumph Revisited : Historians Battle for the Vietnam War* (New York : Routledge, 2010).

2

bản trong hai thập kỷ qua đã cung cấp những góc nhìn giá trị của người Việt về cuộc chiến. Christopher Goscha, *Vietnam : A New History* (New York : Basic Books, 2016) ; Ben Kierman, *Viet Nam : A History from Earliest Times to the Present* (New York : Oxford University Press, 2017) ; Lien - Hang T. Nguyen, *Hanoi's War : An International History of the War for Peace in Vietnam* (Chapel Hill : University of North Carolina Press, 2012) ; Nathalie Huynh Chau Nguyen, *South Vietnamese Soldiers : Memories of the Vietnam War and After* (Westport : Praeger, 2016) ; Heather Marie Stur, *Saigon at War : South Vietnam and the Global Sixties* (Cambridge : Cambridge University Press, 2020) ; K. W. Taylor, *A History of the Vietnamese* (Cambridge : Cambridge University Press, 2013) ; Nhu - Anh

Tran, «Contested Nationalism : Ethnic Identity and State Power in the Republic of Vietnam, 1954-1963», Viện Nghiên cứu Các Vấn đề Xã hội, 2012 ; George J. Veith, *Drawn Swords in a Distant Land : South Vietnam's Shattered Dreams* (New York : Encounter, 2021) ; Andrew Wiest, *Vietnam's Forgotten Army : Heroism and Betrayal in the ARVN* (New York : New York University Press, 2008).

3

các công trình lịch sử về Chiến tranh Việt Nam. Một số ít có đề cập rằng một số quan chức Hoa Kỳ nhận thấy các sự kiện ở Việt Nam có ảnh hưởng đến các sự kiện ở Indonesia nhưng lại cho rằng không có ảnh hưởng thực tế nào. Mark Atwood Lawrence, *The End of Ambition : The United States and the Third World in the Vietnam Era* (Princeton : Princeton University Press, 2021) ; David Milne, *America's Rasputin : Walt Rostow and the Vietnam War* (New York : Hill and Wang, 2008) ; William S. Turley, *The Second Indochina War : A Concise Political and Military History*, ấn bản lần thứ 2 (Lanham, Maryland : Rowman and Littlefield, 2009). Một số ít sử gia đã xem xét nghiêm túc ảnh hưởng của xung đột Việt Nam đối với những biến động chính trị ở Indonesia bao gồm Kort, *The Vietnam War Reexamined* ; Michael Lind, *Vietnam, The Necessary War : A Reinterpretation of America's Most Disastrous Military Conflict* (New York : Free Press, 1999) ; R. B. Smith, *An International History of the Vietnam War, 3 : The Making of a Limited War, 1965-1966* (New York : St. Martin's, 1991).

4

sử xuất sắc về quan hệ của Trung Quốc và Liên Xô với Bắc Việt Nam và Hoa Kỳ, bao gồm Ilya V. Gaiduk, *The Soviet Union and the Vietnam War* (Chicago : Ivan R. Dee, 1996) ; Evelyn Goh, *Constructing the U.S. Rapprochement with China, 1961-1974 : From «Red Menace» to «Tacit Ally»* (Cambridge : Cambridge University Press, 2005) ; Chen Jian, *Mao's China and the Cold War* (Chapel Hill : University of North Carolina Press, 2001) ; Nicholas Khoo, *Collateral Damage : Sino - Soviet Rivalry and the Termination of the Sino - Vietnamese Alliance* (New York : Columbia University Press, 2011) ; Xiaobing Li, *The Dragon in the Jungle : The Chinese Army in the Vietnam War* (New York : Oxford University Press, 2020) ; Lorenz M. Lüthi, *The Sino - Soviet Split : Cold War in the Communist World* (Princeton : Princeton University Press, 2008) ; Sergey Radchenko, *Two Suns in the Heavens : The Sino - Soviet Struggle for Supremacy, 1962-1967* (Stanford : Stanford University Press, 2009) ; Jay Taylor, *Trung Quốc và Đông Nam Á : Quan hệ của Bắc Kinh với các phong trào cách mạng, ấn bản lần thứ 2* (New York : Praeger, 1976) ; Qiang Zhai, *Trung Quốc và các cuộc chiến tranh Việt Nam, 1950-1975* (Chapel Hill : University of North Carolina Press, 2000) ; Vladislav M. Zubok, *Một đế chế thất bại : Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh từ Stalin đến Gorbachev* (Chapel Hill : University of North Carolina Press, 2007).

5

của cuộc xung đột Việt Nam đối với các quốc gia khác trong khu vực. Những người khác cho rằng các sự kiện ở Việt Nam

có ít tác động đến những quốc gia đó. Xem Robert Dallek, Người khổng lồ đầy khiếm khuyết : Lyndon Johnson và thời đại của ông, 1961-1973 (New York : Oxford University Press, 1998) ; Lloyd C. Gardner, Trả bất kỳ giá nào : Lyndon Johnson và các cuộc chiến tranh vì Việt Nam (Chicago : Ivan R. Dee, 1995) ; Herbert Y. Schandler, Nước Mỹ ở Việt Nam : Cuộc chiến không thể thắng (Lanham, Maryland : Rowman & Littlefield, 2009) ; Turley, Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

6

định. Loren Baritz, Backfire : Lịch sử về cách văn hóa Mỹ đưa chúng ta vào Việt Nam và khiến chúng ta chiến đấu theo cách chúng ta đã làm (New York : William Morrow, 1985) ; Robert Buzzanco, Bậc thầy chiến tranh : Sự bất đồng chính kiến quân sự và chính trị trong thời kỳ Việt Nam (New York : Cambridge University Press, 1996) ; Cecil B. Currey, Tự hủy hoại : Sự tan rã và suy tàn của Quân đội Hoa Kỳ trong thời kỳ Việt Nam (New York : W. W. Norton, 1981) ; Gary R. Hess, Việt Nam và Hoa Kỳ (New York : Twayne, 1990) ; John Prados, Việt Nam : Lịch sử của một cuộc chiến không thể thắng, 1945-1975 (Lawrence : University Press of Kansas, 2009) ; Lewis Sorley, Westmoreland : Vị tướng đã thua Việt Nam (Boston : Houghton Mifflin Harcourt, 2011) ; Turley, Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai ; Marilyn B. Young, Những cuộc chiến tranh Việt Nam, 1945-1990 (New York : HarperCollins, 1991).

7

land vào các hoạt động tìm - diệt ở các khu vực xa xôi là sai lầm và lãng phí. Robert B. Asprey, Chiến tranh trong bóng tối : Du kích trong lịch sử, 2 tập (New York : Doubleday, 1975) ; Andrew

F. Krepinevich, *Quân đội ở Việt Nam* (Baltimore : Johns Hopkins University Press, 1986) ; Guenter Lewy, *Nước Mỹ ở Việt Nam* (New York : Oxford University Press, 1978) ; Lind, *Việt Nam* ; John A. Nagl, *Những bài học chống nổi dậy từ Malaya và Việt Nam : Học cách ăn súp bằng dao* (Westport : Praeger, 2002). Một số ít đã nhìn nhận các hoạt động của Westmoreland ở các vùng xa xôi một cách thuận lợi hơn. Andrew J. Birtle, *Giáo lý hoạt động chống nổi dậy và ứng biến của Lục quân Hoa Kỳ, 1942-1976* (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 2006) ; Gregory A. Daddis, *Cuộc chiến của Westmoreland : Đánh giá lại chiến lược của Mỹ ở Việt Nam* (New York : Oxford University Press, 2014).

8

cao hiệu quả các hoạt động của họ, xem David L. Anderson, *Cuộc chiến tranh Việt Nam* (New York : Palgrave MacMillan, 2005) ; Buzzanco, *Bậc thầy chiến tranh* ; James William Gibson, *Cuộc chiến tranh hoàn hảo : Chiến tranh công nghệ ở Việt Nam* (Boston : Atlantic Monthly Press, 1986) ; Michael Maclear, *Cuộc chiến tranh mười nghìn ngày : Việt Nam, 1945-1975* (New York : Avon, 1981) ; Brian VanDeMark, *Con đường đến thảm họa : Một lịch sử mới về sự sa lầy của nước Mỹ vào Việt Nam* (New York : Custom House, 2018). Trong một bộ phim tài liệu và cuốn sách đồng hành được công chúng đón nhận rộng rãi, Ken Burns đã đặt nặng tầm quan trọng vào số ít các trận đánh nơi quân Mỹ chịu tổn thất nặng nề, truyền tải ấn tượng rằng các hoạt động quân sự của Mỹ tương đối kém hiệu quả. Geoffrey C. Ward và Ken Burns, *Cuộc chiến tranh Việt Nam : Một lịch sử thân mật* (New York : Alfred A. Knopf, 2017).

Nhiều sử liệu đã chấp nhận tuyên bố của nhà phân tích CIA Sam Adams rằng quân đội Mỹ cố tình đếm thiếu đối thủ như một phần của nỗ lực xuyên tạc hiệu quả của các hoạt động quân sự Hoa Kỳ. Christian Appy, Cuộc chiến tranh của giai cấp công nhân : Những người lính chiến đấu Mỹ và Việt Nam (Chapel Hill : University of North Carolina Press, 1993) ; Harold P. Ford, CIA và các nhà hoạch định chính sách Việt Nam : Ba tập, 1962-1968 (Washington, DC : Trung tâm Nghiên cứu Tình báo, 1998) ; Gibson, Cuộc chiến tranh hoàn hảo ; Jeffrey Record, Cuộc chiến tranh sai lầm : Tại sao chúng ta thua ở Việt Nam (Annapolis : Naval Institute Press, 1998) ; Neil Sheehan, Lời nói dối chói lọi : John Paul Vann và nước Mỹ ở Việt Nam (New York : Random House, 1988) ; Young, Những cuộc chiến tranh Việt Nam. Một vài sử liệu tỏ ra hoài nghi hơn về các tuyên bố của Adams. T. L. Cubbage II, «Westmoreland vs. CBS : Tình báo có bị bóp méo bởi các yêu cầu chính sách không ?» trong Tình báo và An ninh Quốc gia, 3, Số 3 (Tháng 7 năm 1988), 118-180 ; James J. Wirtz, Tổng tiến công Tết Mậu Thân : Sự thất bại tình báo trong chiến tranh (Ithaca : Cornell University Press, 1991).

9

biết mới về nhận thức của các nhà lãnh đạo Bắc Việt. Nguyen, Cuộc chiến của Hà Nội ; Taylor, Lịch sử của người Việt ; Turley, Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai ; Veith, Drawn Swords in a Distant Land.

10

quân đội Mỹ vào Lào và Campuchia, đa số đã đồng ý với chính quyền Johnson rằng điều đó sẽ không mang lại lợi ích chiến

lược. Stanley Karnow, Việt Nam : Một lịch sử, ấn bản sửa đổi lần 2 (New York : Penguin, 1997) ; Lind, Việt Nam ; Record, Cuộc chiến tranh sai lầm ; Schandler, Nước Mỹ ở Việt Nam ; Turley, Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. Những cuốn sách đầu tiên cho rằng can thiệp bằng mặt đất của Mỹ ở các quốc gia này có thể mang lại hiệu quả chiến lược được viết bởi những người trong cuộc. Norman B. Hannah, Chìa khóa của thất bại : Lào và cuộc chiến tranh Việt Nam (Lanham, Maryland : Madison Books, 1987) ; Bruce Palmer, Cuộc chiến tranh 25 năm : Vai trò quân sự của Mỹ ở Việt Nam (Lexington : University Press of Kentucky, 1984) ; Harry G. Summers Jr., Về chiến lược : Phân tích quan trọng về cuộc chiến tranh Việt Nam (Novato : Presidio Press, 1982). Các sử gia đồng tình với đánh giá của những người trong cuộc đó là Anthony James Joes, Tại sao Nam Việt Nam sụp đổ (Lanham, Maryland : Lexington Books, 2014) ; Kort, Cuộc chiến tranh Việt Nam được xem xét lại ; C. Dale Walton, Huyền thoại về thất bại không thể tránh khỏi của Hoa Kỳ ở Việt Nam (London : Frank Cass, 2002).

11

hại mà các cuộc không kích mở rộng hơn của Mỹ có thể gây ra cho Bắc Việt Nam cũng như thiệt hại thực tế đã gây ra trong những năm 1967 và 1968. Mark Clodfelter, Giới hạn của sức mạnh không quân : Cuộc ném bom của Mỹ vào Bắc Việt Nam (New York : The Free Press, 1989) ; Ronald B. Frankum Jr., Như sấm rền : Cuộc chiến tranh trên không ở Việt Nam, 1965-1975 (Lanham, Maryland : Rowman & Littlefield, 2005) ; Gibson, Cuộc chiến tranh hoàn hảo ; Max Hastings, Việt Nam : Một bi kịch sử thi, 1945-1975 (New York : Harper, 2018) ;

Mark Atwood Lawrence : Cuộc chiến tranh Việt Nam : Một lịch sử quốc tế súc tích (New York : Oxford University Press, 2008) ; Milne, America's Rasputin ; Robert A. Pape, Sức mạnh không quân và sự cưỡng chế trong chiến tranh ; Schandler, Nước Mỹ ở Việt Nam ; Sheehan, Lời nói dối chói lọi ; Earl H. Tilford, Setup : Những gì Không quân đã làm ở Việt Nam và tại sao (Maxwell Air Force Base : Nhà xuất bản Đại học Không quân, 1991) ; VanDeMark, Con đường đến thảm họa. Trong số ít các sử liệu nhìn thấy tiềm năng và thành tựu thực tế lớn hơn trong Sấm Rền có Wayne Thompson, Đến Hà Nội và trở về : USAF và Bắc Việt Nam, 1966-1973 (Washington, DC : Chương trình Lịch sử và Bảo tàng Không quân, 2000) ; Walton, Huyền thoại về thất bại không thể tránh khỏi của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

12

Phật giáo năm 1966 đã bỏ qua hoặc xem nhẹ các chiến thuật gian trá của những người Phật tử, sự cộng tác giữa những người Phật tử và Cộng sản, và những lợi ích mà chính phủ thu được từ việc dập tắt cuộc nổi loạn. Mark Philip Bradley, Việt Nam trong chiến tranh (New York : Oxford University Press, 2009) ; George McTurnan Kahin, Sự can thiệp : Cách nước Mỹ dính líu vào Việt Nam (New York : Alfred A. Knopf, 1986) ; Prados, Việt Nam ; Robert D. Schulzinger, Thời điểm cho chiến tranh : Hoa Kỳ và Việt Nam, 1941-1975 (New York : Oxford University Press, 1997) ; Robert J. Topmiller, Hoa sen được cởi trói : Phong trào hòa bình Phật giáo ở Nam Việt Nam, 1954-1966 (Lexington : University Press of Kentucky, 2002) ; Ward và Burns, Cuộc chiến tranh Việt Nam ; Young, Những cuộc chiến tranh Việt Nam.

13

Doddiss, Cuộc chiến của Westmoreland ; Gibson, Cuộc chiến tranh hoàn hảo ; David Halberstam, Những người xuất sắc và sáng suốt nhất (New York : Random House, 1992) ; Karnow, Việt Nam ; Record, Cuộc chiến tranh sai lầm ; Schulzinger, Thời điểm cho chiến tranh.

14

thất bại của Bắc Việt Nam vào năm 1968. Xem Gregory A. Daddis, Rút lui : Đánh giá lại những năm cuối cùng của nước Mỹ ở Việt Nam (New York : Oxford University Press, 2017) ; Philip B. Davidson, Việt Nam trong chiến tranh : Lịch sử, 1946-1975 (Novato, California : Presidio Press, 1988) ; Gardner, Trả bất kỳ giá nào ; Gabriel Kolko, Giải phẫu một cuộc chiến : Việt Nam, Hoa Kỳ, và Kinh nghiệm lịch sử hiện đại (New York : Pantheon, 1985) ; Edwin E. Moise, Những huyền thoại về Tết : Sự kiện bị hiểu lầm nhiều nhất của cuộc chiến tranh Việt Nam (Lawrence : University Press of Kansas, 2017); Prados, Việt Nam ; Ronald H. Spector, Sau Tết : Năm đẫm máu nhất ở Việt Nam (New York : Free Press, 1993) ; Stur, Sài Gòn trong chiến tranh. Trong số ít người nhận ra tính nghiêm trọng của những tổn thất của Bắc Việt Nam có William Duiker, Con đường Cộng sản đến quyền lực ở Việt Nam, ấn bản lần thứ 2 (Boulder : Westview, 1996) ; Ang Cheng Guan, Cuộc chiến tranh Việt Nam từ phía bên kia : Góc nhìn của những người Cộng sản Việt Nam (Abingdon : RoutledgeCurzon, 2002).

15

-

co, Bậc thầy chiến tranh ; Cecil B. Currey, Chiến thắng với bất kỳ giá nào : Thiên tài của Đại tướng Việt Nam Võ Nguyên Giáp (Washington, DC : Brassey's, 1997) ; Daddis, Rút lui ; Gardner, Trả bất kỳ giá nào ; Hastings, Việt Nam ; Karnow, Việt Nam ; A. J. Langguth, Việt Nam của chúng ta : Cuộc chiến, 1954-1975 (New York : Simon & Schuster, 2000) ; Moise, Những huyền thoại về Tết ; Prados, Việt Nam ; Schulzinger, Thời điểm cho chiến tranh ; Sheehan, Lời nói dối chói lọi ; Erik B. Villard, Các hoạt động tác chiến : Kiên trì theo đuổi, Tháng 10 năm 1967-Tháng 9 năm 1968 (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 2017) ; Turley, Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai ; Ward và Burns, Cuộc chiến tranh Việt Nam ; Wirtz, Tổng tiến công Tết Mậu Thân. Hai sử liệu ban đầu cho rằng Khe Sanh không phải là một trận đánh nghi binh. Davidson, Việt Nam trong chiến tranh ; Ronnie E. Ford, Tết 1968 : Hiểu về sự bất ngờ (London : Frank Cass, 1995).

16

Tết Mậu Thân đã đưa Johnson tới chỗ rút lui khỏi Việt Nam, xem Buzzanco, Masters of War ; Halberstam, The Best and the Brightest ; Hess, Vietnam and the United States ; Michael H. Hunt, Lyndon Johnson's War : America's Cold War Crusade in Vietnam, 1945-1968 (New York : Hill and Wang, 1996) ; Kolko, Anatomy of a War ; Maclear, The Ten Thousand Day War ; George Donelson Moss, Vietnam : An American Ordeal, 6th ed. (New York : Routledge, 2016) ; Schandler, America in Vietnam ; Spector, After Tet.

17

một vấn đề tranh luận gay gắt, và cuối cùng đã ảnh hưởng đến cách tiếp cận của quân đội Hoa Kỳ đối với các cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan. Theo quan điểm của một nhóm sử gia nổi bật, Abrams ngay lập tức chuyển hướng khỏi việc sử dụng lực lượng Hoa Kỳ trong các hoạt động «tìm và diệt» nhằm làm suy yếu đối phương ở các vùng xa xôi và chỉ đạo lực lượng Hoa Kỳ tập trung vào các hoạt động phối hợp với lực lượng Việt Nam Cộng hòa, nhằm bình định các làng xã. Luận điểm về sự thay đổi mạnh mẽ dưới thời Abrams xuất hiện nổi bật nhất trong Lewis Sorley, *A Better War : The Unexamined Victories and Final Tragedy of America's Last Years in Vietnam* (New York : Harcourt Brace, 1999) và Nagl, *Counterinsurgency Lessons from Malaya and Vietnam*. Lập luận phản bác được đưa ra trong Dale Andrade, «Westmoreland Was Right : Learning the Wrong Lessons from the Vietnam War», *Small Wars & Insurgencies*, 19, No. 2 (June 2008), 145-181 ; Birtle, *U.S. Army Counterinsurgency and Contingency Operations Doctrine, 1942-1976* ; Daddis, *Westmoreland's War* ; Villard, *Combat Operations*.

18

trong hiệu suất của Việt Nam Cộng hòa trong năm 1968, và một số thậm chí còn khẳng định rõ ràng rằng điều đó đã không xảy ra. Gregory A. Daddis, *No Sure Victory : Measuring U.S. Army Effectiveness and Progress in the Vietnam War* (New York : Oxford University Press, 2011) ; Hastings, *Vietnam* ; Hunt, *Lyndon Johnson's War* ; Kolko, *Anatomy of a War* ; Spector, *After Tet* ; Ward and Burns, *The Vietnam War*. Sự ghi nhận những cải thiện này có thể được tìm thấy trong Graham A. Cos-

mas, MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal, 1968-1973 (Washington, DC : Center of Military History, 2006) ; Lewy, America in Vietnam ; Herbert Y. Schandler, Unmaking of a President : Lyndon Johnson and Vietnam (Princeton : Princeton University Press, 1977) ; Sorley, A Better War.

19

mòn của Westmoreland là thiếu sáng tạo, thiếu hiểu biết, hoặc không thực tế trong tham vọng, xem Daddis, No Sure Victory ; Gibson, Perfect War ; Gordon M. Goldstein, Lessons in Disaster: McGeorge Bundy and the Path to War in Vietnam (New York : Times Books, 2008) ; Halberstam, The Best and the Brightest ; George C. Herring, America's Longest War : The United States and Vietnam, 1950 - 1975, 6th ed. (New York : McGraw Hill, 2019) ; Kolko, Anatomy of a War ; Dave R. Palmer, Summons of the Trumpet : U.S. - Vietnam in Perspective (Novato : Presidio Press, 1978) ; Schulzinger, A Time for War ; Sheehan, A Bright Shining Lie ; Sorley, Westmoreland ; VanDeMark, Road to Disaster ; Ward and Burns, The Vietnam War. Trong một cuốn sách sau đó, Daddis ít chỉ trích hơn về sự phụ thuộc của Westmoreland vào chiến tranh hao mòn, nhưng chủ yếu là vì ông kết luận rằng Westmoreland không ám ảnh với chiến lược hao mòn như thường được tin tưởng, hơn là vì chiến lược hao mòn có giá trị chiến lược. Daddis, Westmoreland's War. Mặc dù chiến lược hao mòn của Westmoreland được sự ủng hộ rộng rãi từ các nhà lãnh đạo cấp cao chính phủ Hoa Kỳ tại thời điểm thực hiện, chỉ có một số ít phân tích lịch sử xem nó là một phản ứng hợp lý với môi trường chiến lược. Birtle, U.S. Army Counterinsurgency and Contingency Operations Doctrine

Graham A. Cosmas, *MACV : The Joint Command in the Years of Escalation, 1962 - 1967* (Washington, DC : U.S. Army Center of Military History, 2006) ; Davidson, *Vietnam at War*.

20

hội thực sự để giải quyết hòa bình trong giai đoạn này. James G. Hershberg, *Marigold : The Lost Chance for Peace in Vietnam* (Stanford: Stanford University Press, 2012) ; Robert McNamara et al., *Argument Without End : In Search of Answers to the Vietnam Tragedy* (New York: Public Affairs, 1999) ; Prados, *Vietnam. Phổ biến hơn là kết luận rằng một giải pháp ngoại giao cho cuộc chiến là không thể giữa thời điểm lực lượng mặt đất Hoa Kỳ đến và Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân* bởi vì không bên nào vào thời điểm này sẵn sàng thỏa hiệp ở mức độ cần thiết cho một thỏa thuận hòa bình. Pierre Asselin, *Vietnam's American War : A History* (Cambridge: Cambridge University Press, 2018) ; Dallek, *Flawed Giant* ; Goscha, *Vietnam* ; Herring, *America's Longest War* ; George C. Herring et al., «Peace Proposals, Diplomacy, and War : Was an Opportunity Lost for an Early Settlement in Vietnam ?» *Journal of Cold War Studies*, 17, No. 1 (Mùa đông 2015), 153-180.

21

quân sự và chính trị của Hà Nội vào cuối năm 1968. Anderson, *The Vietnam War* ; George C. Herring, *LBJ and Vietnam : A Different Kind Of War* (Austin: University of Texas Press, 1994) ; Gardner, *Pay Any Price* ; Spector, *After Tet*. Một ngoại lệ là Arthur J. Dommen, *The Indochinese Experience of the French and the Americans : Nationalism and Communism in Cambodia, Laos, and Vietnam* (Bloomington : Indiana Univer-

sity Press, 2001).

22

của công chúng Mỹ vào cuối năm 1968 bao gồm Baritz, Backfire ; Larry Berman, Lyndon Johnson's War (New York : W. W. Norton, 1989) ; William Bundy, A Tangled Web : The Making of Foreign Policy in the Nixon Presidency (New York : Hill and Wang, 1998) ; Dallek, Flawed Giant ; Hunt, Lyndon Johnson's War ; Robert Mann, A Grand Delusion : America's Descent into Vietnam (New York : Basic Books, 2001) ; Moss, Vietnam ; John E. Mueller, War, Presidents and Public Opinion (New York : John Wiley & Sons, 1973) ; Spector, After Tet ; VanDeMark, Road to Disaster. Số ít nghi ngờ sự thông thường về vấn đề này bao gồm William C. Gibbons, The U.S. Government and the Vietnam War : Executive and Legislative Roles and Relationships, 4 (Princeton : Princeton University Press, 1995) ; William L. Lunch and Peter W. Sperlich, «American Public Opinion and the War in Vietnam», The Western Political Quarterly, 32, No. 1 (Tháng 3 năm 1979), 21-44.

23

chúng đối với cuộc chiến chưa nhận được nhiều sự chú ý từ các sử gia. Trong số ít các ngoại lệ có Colin Dueck, Hard Line : The Republican Party and U.S. Foreign Policy Since World War II (Princeton : Princeton University Press, 2010) ; Sandra Scanlon, The Pro - War Movement : Domestic Support for the Vietnam War and the Making of Modern American Conservatism (Amherst : University of Massachusetts Press, 2013). Một số ít sử gia đã tìm cách quy những thất bại của Mỹ ở Việt Nam cho những điểm yếu của văn hóa Mỹ. Appy, American Reckoning ;

Baritz, Backfire ; Record, The Wrong War.

24

phù hợp với hầu hết những gì đã được viết về chủ đề này, mặc dù mô tả về phong trào thì có tính chỉ trích hơn hầu hết. Xem, chẳng hạn, Terry H. Anderson, *The Movement and the Sixties : Protest in America from Greensboro to Wounded Knee* (New York : Oxford University Press, 1995) ; Appy, *American Reckoning* ; Charles DeBenedetti, *An American Ordeal : The Antiwar Movement of the Vietnam Era* (Syracuse, NY : Syracuse University Press, 1990) ; Melvin Small, Johnson, Nixon, and the Doves (New Brunswick : Rutgers University Press, 1989) ; Tom Wells, *The War Within : The Battle Over Vietnam* (Berkeley : University of California Press, 1994) ; Ward and Burns, *The Vietnam War*.

25

Chennault bao gồm Larry Berman, *No Peace, No Honor : Nixon, Kissinger, and Betrayal in Vietnam* (New York : The Free Press, 2001) ; Bundy, *A Tangled Web* ; Dallek, *Flawed Giant* ; Robert Dallek, *Nixon and Kissinger : Partners in Power* (New York : HarperCollins, 2007) ; John A. Farrell, *Richard Nixon : The Life* (New York : Doubleday, 2017) ; Andrew L. Johns, *The Price of Loyalty : Hubert Humphrey's Vietnam Conflict* (Lanham, Maryland : Rowman & Littlefield, 2020) ; Jeffrey Kimball, *Nixon's Vietnam War* (Lawrence : University Press of Kansas, 1998) ; Mann, *A Grand Delusion* ; VanDeMark, *Road to Disaster* ; Ward and Burns, *The Vietnam War*. Các sử liệu đánh giá đúng mức ảnh hưởng của Chennault lên Thiệu là Jonathan Aitken, *Nixon : A Life* (Washington, DC :

Regnery, 1993) ; Pierre Asselin, *A Bitter Peace* : Washington, Hanoi, and the Making of the Paris Agreement (Chapel Hill : University of North Carolina Press, 2002) ; Conrad Black, Richard M. Nixon : *A Life in Full* (New York : Public Affairs, 2007) ; Veith, *Drawn Swords in a Distant Land*.

26

đội Bắc Việt là Quân đội Nhân dân Việt Nam. Tên chính thức của Việt Cộng là Lực lượng Vũ trang Giải phóng Nhân dân, một thuật ngữ mà Bắc Việt gán cho một số đơn vị của mình như một cách để che giấu sự phụ thuộc của những đơn vị đó vào Hà Nội. Làm vấn đề phức tạp thêm là sự tồn tại của nhiều trung đoàn Quân đội Bắc Việt được nhận dạng với cùng số trung đoàn. Trung đoàn đã chiến đấu ở Vạn Tường khác biệt với một trung đoàn xa hơn về phía nam đã được xác định trong các tài liệu của Bắc Việt là cả Trung đoàn 1 và Trung đoàn 271.

27

Hit a Hot LZ», *Leatherneck*, 88, No. 9 (Tháng 9 năm 2005), 54.

28

29

the Beginning of the Blood Debt in Vietnam (Havertown, Pennsylvania : Casemate, 2004), 143.

30

hiện trong các bài báo trong những năm tới, Peter Arnett đã viết một bài báo về sự kiện này có tựa đề «Đoàn tiếp tế Thủy quân Lục chiến ị ạch tiến đến chỗ chết» (*Marine Supply Column Lumbers to Death*), trong đó tuyên bố rằng đoàn xe này «không

còn nữa» sau khi chịu cuộc tấn công của đối phương và không hề đề cập đến những tổn thất nặng nề mà phía Bắc Việt Nam phải gánh chịu. Peter Arnett, «Marine Supply Column Lumbers to Death», *Washington Post*, 20 August 1965.

31

Lehrack, *The First Battle* ; Otto Lehrack, *No Shining Armor : The Marines at War in Vietnam* (Lawrence : University Press of Kansas, 1992), 33-52 ; «Operation Starlite, 18-24 Aug, 1965», TTU, Virtual Vietnam Archive, Item 1201063060 ; Rod Andrew Jr., *The First Fight : U.S. Marines in Operation Starlite* (Quantico : Marine Corps University, 2015) ; Crumley, «Starlite» ; Nguyễn Quang Đạt và Trần Hạnh, eds., *Một Số Trận Đánh Trong Kháng Chiến Chống Pháp, Kháng Chiến Chống Mỹ, 1945-1975* (Hà Nội : Bộ Quốc phòng, 1991), Tập I, 22-45 ; Jack Shulimson and Charles M. Johnson, *U.S. Marines in Vietnam : The Landing and the Buildup, 1965* (Washington, DC : History and Museums Division, Headquarters, U.S. Marine Corps, 1978), 69-83 ; Military History Institute of Vietnam, *Victory in Vietnam : The Official History of the People's Army of Vietnam, 1954-1975*, translated by Merle L. Pribbenow (Lawrence : University Press of Kansas, 2002), 157-158 ; William M. Hammond, *Public Affairs : The Military and the Media, 1962-1968* (Washington, DC : Center of Military History, 1988), 198-199 ; Lewy, *America in Vietnam*, 54-55 ; Tom Bartlett, «Vietnam-25 Years Ago : Operation Starlite», *Leadherneck*, 73, No. 8 (August 1990), 44-49 ; Andrew Comer, «Amendment to 1976 Operation Starlite Statement», 26 November 1991, Marine Corps University Archives, A/30/B/5/2.

32

versity in the Power Elite:How it Happened, Why it Matters (Lanham, Maryland : Rowman & Littlefield, 2006), 121.

33

and Why American Public Opinion Changed Between 1960 and 1988 (Ann Arbor : University of Michigan Press, 1992), 375-376 ; Gallup, «Religion-Historical Trends», <https://news.gallup.com/poll/1690/religion.aspx>. Câu hỏi về kiếp sau không được đặt ra vào năm 1965, nhưng tỷ lệ phần trăm trả lời khẳng định trong những năm gần nhất, 1961 và 1968, lần lượt là 74 và 73 phần trăm.

34

mạnh Mỹ, xem Walter Russell Mead, Special Providence : American Foreign Policy and How It Changed the World (New York : Knopf, 2001) ; Samuel P. Huntington, Who Are We ? The Challenges to America's National Identity (New York : Simon & Schuster, 2004) ; Walter A. McDougall, Promised Land, Crusader State : The American Encounter with the World Since 1776 (Boston : Houghton Mifflin, 1997) ; Brian McAllister Linn, The Echo of Battle : The Army's Way of War (Cambridge: Harvard University Press, 2009).

35

Victor Davis Hanson, Carnage and Culture : Landmark Battles in the Rise of Western Power (New York : Doubleday, 2001) ; John Keegan, A History of Warfare (New York : Alfred A. Knopf, 1993) ; Niall Ferguson, Civilization : The West and the Rest (New York : Penguin, 2011) ; John A. Lynn, Battle : A History

of Combat and Culture (Boulder, Colorado : Westview Press, 2003).

36

the Vietnamese ; Goscha, Vietnam ; Kiernan, Viet Nam.

37

khải Lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng hòa», 17 September 1965, TTU, Virtual Vietnam Archive, Item 0240303014.

38

Doubleday, 1976), 144-145.

39

hòa», 1 September 1965, NA II, RG 407, Westmoreland vs. CBS Litigation Collection, hộp 3 ; USMACV, «Lịch sử Chỉ huy 1965», 20 April 1966, 241-242 ; Westmoreland gửi Wheeler, 17 September 1965, L.BIL, Westmoreland Papers, hộp 6.

40

khải Lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng hòa», 17 September 1965, TTU, Virtual Vietnam Archive, Item 0240303014 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1965, 263.

41

an Army : An Oral History of General William E. DePuy (Carlisle Barracks, PA : Military History Institute, 1986), 160-162 ; William E. DePuy, «Vietnam : What We Might Have Done and Why We Didn't Do It», Army, 36, No. 2 (February 1986), 22-40 ; John M. Carland, Combat Operations : Stemming the Tide, May 1965 to October 1966 (Washington, DC : U.S. Govern-

ment Printing Office, 2000), 365-366.

42

1954-1965 (New York : Cambridge University Press, 2006), 406-409.

43

muu trưởng Liên quân lập lại quan điểm của Westmoreland về khả năng đối phương sẽ tránh giao tranh quy mô lớn và về tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng Nam Việt Nam. «Một nỗ lực lớn», các Tướng lĩnh tuyên bố, «phải được thực hiện không chỉ về mặt hành động tác chiến trực tiếp để mở rộng các khu vực dưới sự kiểm soát của Hoa Kỳ/VNCH mà còn để hỗ trợ VNCH trong chương trình tái thiết nông thôn và hỗ trợ chính phủ đó trong việc thành lập các đơn vị quân sự mới và phục hồi các đơn vị đã bị hao mòn càng nhanh càng tốt.» Joint Chiefs of Staff to McNamara, JCSM 652 - 65, 27 August 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 130.

44

năng chống nổi dậy của Nam Việt Nam, Westmoreland thúc giục chính phủ Sài Gòn mở rộng và tăng cường lực lượng dân quân địa phương, các Lực lượng Địa phương và Phổ thông, và cung cấp nguồn lực cho mục đích đó. Westmoreland, History Notes, 1 September 1965, MHI, Westmoreland Papers, hộp 30; Westmoreland, History Notes, 2 September 1965, MHI, Westmoreland Papers, hộp 30 ; Chỉ thị MACV 525 - 4, «Chiến thuật và Kỹ thuật Triển khai Lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng hòa», 17 September 1965, TTU, Virtual Vietnam Archive, Item 0240303014 ; Jeffrey J. Clarke, Advice and Support : The Final

Years, 1965-1973 (Washington, DC : U.S. Government Printing Office, 1988), 112.

45

Westmoreland Papers, hộp 34 ; Westmoreland gửi Wheeler, 17 September 1965, LBJL, Westmoreland Papers, hộp 6 ; Sharp and Westmoreland, Report on the War in Vietnam, 98-99 ; Westmoreland, A Soldier Reports, 146 ; Richard A. Hunt, Pacification: The American Struggle for Vietnam's Hearts and Minds (Boulder, Colorado : Westview Press, 1995), 34 ; Shulimson and Johnson, U.S. Marines in Vietnam: The Landing and the Buildup, 58-59.

46

Westmoreland Papers, hộp 6.

47

NSC History, DMUSE, hộp 43. Báo cáo sử dụng thuật ngữ «tái thiết nông thôn» để mô tả điều mà gần đây thường được mô tả là chống nổi dậy hoặc bình định.

48

Quốc Mỹ Và Quy Luật Hoạt Động Của Mỹ - Ngụy Trên Chiến Trường B2 (Hà Nội : Ban Tổng Kết Chiến Tranh B2, 1984), 387.

49

Westmoreland Papers, hộp 34 ; Walt, Strange Country, Strange War, 29 ; Victor H. Krulak, First to Eight : An Inside View of the U.S. Marine Corps (Annapolis : Naval Institute Press, 1984), 190-192.

50

-
ding War, 1966 (Washington, DC : History and Museums Division, Headquarters, U.S. Marine Corps, 1982), 13-15 ; Jack Shulimson and Edward F. Wells, «First In, First Out : The Marine Experience in Vietnam, 1965-1971», in Charles, R. Shrader, ed. Proceedings of the 1982 International Military History Symposium (Washington, DC : U.S. Army Center of Military History, 1984), 272. Tướng Victor Krulak, chỉ huy Lực lượng Thủy quân Lục chiến Hạm đội Thái Bình Dương, là sĩ quan cấp tướng chỉ trích chiến lược và chiến thuật của Westmoreland nhiều nhất, và thề nhưng vào tháng 12 năm 1965 ngay cả ông cũng bác bỏ cái mà ông gọi là «quan điểm sai lầm rằng bình định và hành động dân sự sẽ giải quyết được vấn đề nếu các lực lượng địch chủ lực được tự do đi lang thang ở nông thôn.» Shulimson and Johnson, U.S. Marines in Vietnam : The Landing and the Buildup, 111.

51

52

U.S. Marines in Vietnam : The Landing and the Buildup, 115-116 ; Shulimson, U.S. Marines in Vietnam : An Expanding War, 13-14.

53

Landing and the Buildup, 58-59, 133-138 ; Michael E. Peterson, The Combined Action Platoons : The U.S. Marines' Other War in Vietnam (New York : Praeger, 1989), 21-27.

54

lập luận này là William R. Corson, *The Betrayal* (New York : W. W. Norton, 1968). Để xem các bài giải thích sau đó, xem Robert B. Asprey, *War in the Shadows : The Guerrilla in History*, 2 tập (New York : Doubleday, 1975) ; Douglas S. Blaufarb, *The Counterinsurgency Era : U.S. Doctrine and Performance, 1950 to the Present* (New York : Free Press, 1977) ; Andrew F. Krepinevich, *The Army in Vietnam* (Baltimore : Nhà xuất bản Đại học Johns Hopkins, 1986) ; Al Hemingway, *Our War Was Different* (Annapolis, Maryland : Nhà xuất bản Viện Hải quân, 1994) ; Michael Lind, *Vietnam, The Necessary War : A Reinterpretation of America's Most Disastrous Military Conflict* (New York : Free Press, 1999) ; John A. Nagl, *Counterinsurgency Lessons from Malaya and Vietnam : Learning to Eat Soup with a Knife* (Westport : Praeger, 2002).

55

88 ; Hemingway, *Our War Was Different*, 56, 80, 158 ; F. J. West Jr., *The Village* (New York : Harper & Row, 1972), 114-127. Ngay tại thời điểm này, lãnh đạo Bắc Việt đang cố gắng dụ người Mỹ phân tán lực lượng để khiến họ dễ bị tổn thương hơn trước các cuộc tấn công quy ước lớn. Khi thúc giục các du kích địa phương tăng cường hoạt động, Lê Đức Thọ nhận xét rằng chiến tranh du kích «buộc kẻ thù phải phân tán, hạn chế khả năng cơ động của chúng và tạo điều kiện cho lực lượng chủ lực tấn công kẻ thù.» Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, *Working Paper on the Vietnam War*, phần II Phụ lục, mục 65, TTU, Bộ sưu tập Pike, đơn vị 1, hộp 11. Tài liệu nguồn xác định sai người nói, «Anh Sáu», là Nguyễn Chí Thanh ; «Anh Sáu» là bí danh chính của Lê Đức Thọ.

56

Operations Doctrine, 1942-1976, 400.

57

Vietnam Generation Was Robbed of Its Heroes and Its History (Dallas : Verity Press, 1998), 111-138 ; Lewy, America in Vietnam 307-373 ; Eric M. Bergerud, Red Thunder, Tropic Lightning : The World of a Combat Division in Vietnam (Boulder, Colorado : Westview Press, 1993), 219-258 ; Ron Milam, Not A Gentleman's War : An Inside View of Junior Officers in the Vietnam War (Chapel Hill : Nhà xuất bản Đại học Bắc Carolina, 2009), 113-138.

58

1962-1968, 186-188 ; Shulimson và Johnson, U.S. Marines in Vietnam : The Landing and the Buildup, 62-64 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam (Christiansburg, VA : Dalley Book Service, 2001), Chương 23, 12 ; Lewy, America in Vietnam, 52-53.

59

chiến, xem Hammond, Public Affairs : The Military and the Media, 1962-1968 ; Daniel C. Hallin, The «Uncensored War»: The Media and Vietnam (Berkeley : Nhà xuất bản Đại học California, 1986) ; Clarence R. Wyatt, Paper Soldiers : The American Press and the Vietnam War (New York : W. W. Norton, 1993).

60

1964-1968, 3, 127 ; Sharp và Westmoreland, Report on the War

in Vietnam, 98-100. Vì các binh sĩ Bắc Việt ở vùng cao nguyên cũng đặt ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với Sài Gòn, Westmoreland đã phân công Sư đoàn Bộ binh 1 và Lữ đoàn Nhảy dù 173 của Quân đội Hoa Kỳ cho Quân đoàn III.

61

Autobiography (New York : Bantam, 1992), 114-120.

62

Corps Gazette, 51, Số 2 (tháng 2 năm 1967), 37-38.

63

«Monsoon Offensive in the Highlands», TTU, Bộ sưu tập Theodore Mataxis, Sr., Hộp 1 ; CIA, «The Situation in South Vietnam», 8 tháng 9 năm 1965, CREST, số tài liệu CIA - RDP79700472400180003000 102 - 8 ; J. P. Harris, Vietnam's High Ground : Armed Struggle for the Central Highlands, 1954-1965 (Lawrence : Nhà xuất bản Đại học Kansas, 2016), 293-299 ; Leftwich, «Decision at Duc Co», 35-38.

64

bố, «Quân đội Mỹ đổ vào Nam Việt Nam nhanh hơn chúng tôi dự đoán. Chúng tôi phải từ bỏ kế hoạch tấn công năm mũi nhọn vào Sài Gòn.» Võ Công Luận và Trần Hanh, biên tập, Mấy Vấn Đề về Tổng Kết Chiến Tranh và Việt Sử Quân Sự (Hà Nội : Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam và Bộ Quốc phòng, 1987), 285.

65

(Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2003), 637. Việc thu hẹp quy mô đột ngột các tham vọng trước mắt của Bắc Việt sẽ không trở nên rõ ràng với phần còn lại của thế giới trong vài

tháng, nhưng hai diễn biến vào cuối tháng 8 đã cung cấp manh mối. Một là sự thay đổi trong các tuyên bố công khai của Bắc Việt, từ những dự đoán về một chiến thắng nhanh chóng chuyển sang những dự báo về một cuộc đấu tranh kéo dài đến hai mươi lăm năm. Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 26 tháng 8 năm 1965, NA II, RG 59, Central Files, 1964-1966, hộp 2967. Diễn biến khác là sự thay đổi trong khả năng tiếp nhận đàm phán với Hoa Kỳ của Bắc Việt. Vào ngày 18 tháng 8, một phái viên Bắc Việt nói với một nhà ngoại giao Mỹ ở Paris rằng chính phủ Hà Nội sẽ đàm phán chấm dứt chiến tranh nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam và bắt đầu rút quân theo từng giai đoạn, một sự phá vỡ mạnh mẽ so với các yêu cầu trước đó về việc Mỹ rút quân ngay lập tức. Lập trường ngoại giao này dễ dãi hơn bất kỳ lập trường nào mà Bắc Việt đã đưa ra kể từ thời Diệm. Tuy nhiên, cảnh ô liu sẽ bị bẻ gãy vào đầu tháng 9 bởi các thành phần cứng rắn ở Hà Nội, những người đã bác bỏ những người ủng hộ lập trường đàm phán linh hoạt hơn. Người Bắc Việt quay trở lại các yêu cầu về các điều kiện tiên quyết ngoại giao tương đương với sự đầu hàng của Mỹ. Paris gửi Bộ Ngoại giao, 18 tháng 8 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 122 ; Paris gửi Bộ Ngoại giao, 1 tháng 9 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 133 ; Bundy gửi Johnson, FRUS, 12 tháng 9 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 139 ; George C. Herring, *The Secret Diplomacy of the Vietnam War : The Negotiating Volumes of the Pentagon Papers* (Austin : Nhà xuất bản Đại học Texas, 1983), 85.

67

Why Pleime (Pleiku : Bộ Tư lệnh, Quân đoàn II, 1966), 43-69; Harry W. O. Kinnard, «A Victory in the Ia Drang : The Triumph of a Concept», Army, 17, Số 9 (tháng 9 năm 1967), 73-77 ; William Boyle và Robert Samabria, «The Lure and the Ambush», nd, TTU, Bộ sưu tập J. D. Coleman, hộp 4 ; Time, ngày 5 tháng 11 năm 1965 ; Chu Huy Mân, Thời Sôi Động (Hà Nội: Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 2004), 424-428 ; Nguyễn Hữu An với Nguyễn Tự Dương, Chiến Trường Mới (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 2002), 29-30 ; Nguyễn Huy Toan và Phạm Quang Định, Sư Đoàn 304, Tập II (Hà Nội: Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 1990), 20-25 ; Trần Quốc Cảnh, «Trận Chiến Plei Me», Đa Hiệu, tháng 6 năm 2005 ; Đặng Vũ Hiệp, Ký Ức Tây Nguyên, 37-49 ; J. Keith Saliba, Death in the Highlands : The Siege of Special Forces Camp Plei Me (Guilford, Connecticut : Stackpole Books, 2020) ; Harold G. Moore và Joseph L. Galloway, We Were Soldiers Once... And Young (New York : Random House, 1992), 12-15 ; Harris, Vietnam's High Ground, 303-338 ; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Victory in Vietnam, 158-159.

68

ment of a Doctrine (Westport, CT : Praeger, 1994), 171-189 ; Moore và Galloway, We Were Soldiers Once... And Young, 9-11, 22-25 ; Carland, Combat Operations, 54-63.

69

Young, 47.

70

CO, 28 tháng 2 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Kho lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 1 ; Kinnard, «A Victory in the Ia Drang», 77-84 ; Carland, Combat Operations, 104-111 ; Vĩnh Lộc., Why Pleime, 73-80 ; Merle L. Pribbenow, «The Fog of War : The Vietnamese View of the Ia Drang Battle», Military Review, 81, Số 1, (Tháng 1/Tháng 2 năm 2001), 93-94 ; Nguyễn Văn Minh và những người khác, Lực Lượng Vũ Trang Nhân Dân Tây Nguyên Trong Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 1980), Chương 2 ; Đặng Vũ Hiệp, Ký Ức Tây Nguyên, 49-52 ; Harris, Vietnam's High Ground, 339-364 ; Coleman, Pleiku, 82-172 ; Bộ Tư lệnh, Sư đoàn Kỵ binh 1, «Báo cáo Hành động Sau Chiến dịch Tác chiến», 4 tháng 3 năm 1966, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1070422001 ; Moore và Galloway, Chúng Tôi Từng Là Lính... Và Trẻ Trung, 46-50.

71

Nam, Chương 23, 13 ; Carland, Chiến dịch Tác chiến, 42-43.

72

Ngăn chặn Gia tốc ở Bắc Việt Nam», 8 tháng 8 năm 1965, DDRS, 1985, 113 ; Ủy ban Tham mưu trưởng Liên quân gửi McNamara, JCSM 652 - 65, 27 tháng 8 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 130 ; Wheeler gửi McNamara, JCSM - 670 - 65, «Không kích chống Bắc Việt Nam», 2 tháng 9 năm 1965, DDRS, số tài liệu CK3100074595.

73

1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Trung Quốc, hộp 238.

74

8 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 104 ; Goodpaster, bản ghi nhớ cho hồ sơ, 20 tháng 10 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Tên, Tổng thống Eisenhower, hộp 3. Về các thành viên Quốc hội, xem U.S. News and World Report, ngày 6 tháng 12 năm 1965.

75

Nam», 15 tháng 9 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 142 (trích dẫn) ; Edward J. Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 1965-1969 (Washington, DC : Văn phòng Lịch sử Bộ trưởng Quốc phòng, 2011), 62-63 ; William C. Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam : Vai trò và Mối quan hệ của Hành pháp và Lập pháp, 4 (Princeton : Nhà xuất bản Đại học Princeton, 1995), 46-47 ; Giấy tờ Lầu Năm Góc : Lịch sử của Bộ Quốc phòng về Quá trình Ra quyết định của Hoa Kỳ về Việt Nam, Biên tập viên Thượng nghị sĩ Gravel, 1 (Boston : Beacon Press, 1972), 4, 30-32.

76

Moyer, *Triumph Forsaken*, 408, 411. Về sự dai dẳng của những quan điểm đó vào mùa thu, xem McNamara gửi Johnson, 3 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 189.

77

úng có thể có của Cộng sản đối với một Quá trình Hành động của Hoa Kỳ», 22 tháng 9 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 148. Cơ quan tình báo duy nhất phản đối ước tính này là Cục Tình báo và Nghiên cứu của Bộ Ngoại giao, nơi đã chứng minh là sai lầm nghiêm trọng trong các tranh cãi trước đây về Việt Nam như tình hình quân sự năm 1963 và ý định của kẻ thù vào giữa

năm 1965. Một SNIE được công bố vào tháng 12 kết luận rằng việc rải mìn các cảng của Bắc Việt Nam sẽ không khiến các cường quốc Cộng sản leo thang. Ước tính Tình báo Quốc gia Đặc biệt 10 - 12 - 65, «Phản ứng có thể có của Cộng sản đối với một Quá trình Hành động của Hoa Kỳ», 10 tháng 12 năm 1965, DDRS, số tài liệu CK3100118919.

78

77-80 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 63-64.

79

NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 247 ; Bộ Ngoại giao, Lịch sử Hành chính, 1, Chương 7, Mục L, Indonesia, không đề ngày, DDRS, 1994, 270 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, «Vụ việc 30 tháng 9», 22 tháng 10 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 247 ; Andrew Hall Wedeman, Gió Đông Ngớt : Chính sách Đối ngoại Trung Quốc và Nguồn gốc của Cách mạng Văn hóa (Washington, DC : Nhà xuất bản Viện Washington, 1987), 195 (trích dẫn đầu tiên), 200 (trích dẫn thứ hai).

80

81

-
donesia : Câu chuyện chưa kể (Westport, Connecticut : Praeger Security International, 2007), 135-140.

82

người Cộng sản Indonesia giữa Moscow và Bắc Kinh, 1959-1965 (The Hague : Mouton, 1973), 382-408 ; Hunter, Sukarno và Cuộc đảo chính Indonesia, 109-163 ; R. E. Elson, Suharto :

Tiểu sử Chính trị (Cambridge : Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 2001), 110-115 ; John Roosa, *Cớ cho Giết người Hàng loạt : Phong trào 30 tháng 9 và Cuộc đảo chính của Suharto ở Indonesia* (Madison, Wisconsin : Nhà xuất bản Đại học Wisconsin, 2006), 174-175.

83

Đông Nam Á (New York : Harper & Row, 1969), 100-102 ; Hunter, Sukarno và Cuộc đảo chính Indonesia, 4-7.

84

Roosa, *Cớ cho Giết người Hàng loạt*, 211 ; Elson, Suharto, 113-115.

85

Roosa, *Cớ cho Giết người Hàng loạt*, 220-221 ; Elson, Suharto, 100-103.

86

Indonesia, xem Moyar, *Triumph Forsaken*, 381-382. Một báo cáo của Bộ Ngoại giao về Indonesia được ban hành vào tháng 6 năm 1966 nêu rõ, «Mặc dù Hoa Kỳ không có bất kỳ vai trò trực tiếp nào trong việc phe chống Cộng tiếp quản bắt đầu từ tháng Mười, không nghi ngờ gì việc chúng ta đứng vững ở Việt Nam đã củng cố lòng can đảm của các nhà lãnh đạo chống Cộng... . Nếu không có sự quyết tâm rõ ràng của chúng ta, họ sẽ ít có khả năng hành động hơn rất nhiều.» Rostow gửi Johnson, 8 tháng 6 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 26, 210. Đại sứ Marshall Green khẳng định rằng «Những nỗ lực của chúng ta ở Việt Nam đã có tác động rõ rệt và thuận lợi đến các diễn biến ở Indonesia.

Tướng Suharto đã không thể phản ứng như ông ta đã làm đối với cuộc đảo chính Sukarno - Cộng sản nếu một mối đe dọa nghiêm trọng từ phương Bắc tồn tại.» Rostow gửi Johnson, «Nói chuyện với Đại sứ Marshall Green», 21 tháng 2 năm 1967, DDRS, số tài liệu CK3100423682. Một bản lịch sử của Bộ Ngoại giao cho rằng «sự hiện diện của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á đã cho phép những người không Cộng sản Indonesia tấn công Đảng Cộng sản Indonesia (PKI) mà không sợ sự can thiệp của Trung Quốc Cộng sản. Việc chúng ta đứng ở Việt Nam giữa Indonesia và Trung Quốc đã cho giới lãnh đạo mới của Indonesia sự linh hoạt hơn trong việc ứng phó với cuộc chơi quyền lực của PKI.» Bộ Ngoại giao, Lịch sử Hành chính, 1, Chương 7, Mục I, Indonesia, không đề ngày, DDRS, 1994, 270. Những người cho rằng sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam không ảnh hưởng đến sự thất bại của Sukarno và PKI đã viện dẫn nguồn có sức thuyết phục nhất là một báo cáo của CIA vào ngày 13 tháng 5 năm 1966, trong đó nêu rõ, «Chúng tôi đã tìm kiếm một cách vô ích bằng chứng cho thấy việc thể hiện quyết tâm của Hoa Kỳ ở Việt Nam đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của cuộc khủng hoảng Indonesia một cách đáng kể. Chiến dịch của Quân đội Indonesia nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản Indonesia (PKI) và hạ bệ Sukarno sau cuộc đảo chính thất bại ngày 1 tháng 10 năm 1965 dường như đã phát triển thuần túy từ một tình huống chính trị trong nước phức tạp và lâu dài.» Như cuốn sách này và cuốn trước đó đã chỉ ra, bằng chứng như vậy thực sự tồn tại. Có lẽ các tác giả của báo cáo này không có quyền truy cập vào các tài liệu liên quan do các văn phòng và cơ quan chính phủ Hoa Kỳ khác nắm giữ. Thường bị bỏ qua là những lời lẽ tiếp theo trong báo cáo này thực sự chỉ ra lập trường của

Mỹ «Có thể đã đóng một vai trò» : «Các sự kiện ở Indonesia có thể đã phát triển theo hướng khác nếu Hoa Kỳ rút khỏi Đông Nam Á, để ngỏ con đường cho ảnh hưởng của Trung Quốc Cộng sản lan rộng... Lập trường chống Bắc Kinh của quân đội và sinh viên, và ở mức độ nào đó là của các nhà lãnh đạo dân sự, có thể đã được củng cố bởi các hành động kiên quyết của Hoa Kỳ tại Việt Nam... Có khả năng - mặc dù không có bằng chứng cho điều này - rằng sự kiên định của Hoa Kỳ ở Việt Nam đã gián tiếp có ảnh hưởng nào đó đến việc định hình các sự kiện tại Indonesia. Nếu không có sự can thiệp của Hoa Kỳ, thì phần lớn Việt Nam có lẽ đã nằm trong tay Cộng sản vào ngày 1 tháng 10 năm 1965, và quyền lực của Trung Quốc Cộng sản sẽ được mở rộng và gia tăng tại Đông Nam Á. Trong hoàn cảnh đó, và nếu không có «hàng rào» lực lượng của Hoa Kỳ giữa Jakarta và Bắc Kinh, thì có thể Sukarno đã đẩy nhanh chương trình chính trị của mình đến mức các lãnh đạo quân đội - dù rất miễn cưỡng - cũng phải nhượng lại quyền lực.» - CIA Directorate of Intelligence, «Cuộc khủng hoảng Indonesia và sự kiên định của Hoa Kỳ tại Việt Nam», ngày 13 tháng 5 năm 1966, Thư viện Lyndon B. Johnson, Hồ sơ An ninh Quốc gia, Hồ sơ quốc gia - Indonesia, hộp 248.

87

hưởng đến quyết định chống lại cuộc đảo chính vì quân đội Indonesia đơn thuần chỉ đang chiến đấu để tồn tại. Xem, ví dụ, Brackman, *The Communist Collapse in Indonesia*, trang 192. Lập luận đó có thể đã thuyết phục nếu như Nasution là người lãnh đạo cuộc phản công, nhưng thực tế là Suharto - người không chiến đấu để sống còn - đã lãnh đạo, và ông hoàn toàn có thể

đã đứng về phía những kẻ âm mưu nếu ông muốn.

88

2010.

89

Đông Nam Á», Wall Street Journal, ngày 28 tháng 1 năm 2019.

90

NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2317 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, «Vụ việc ngày 30 tháng 9», ngày 22 tháng 10 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 247 ; Hunter, Sukarno and the Indonesian Coup, 30-39.

91

Archives, FO 371/180317 ; Blouin gửi McNaughton, «Tình hình Indonesia», ngày 4 tháng 10 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 26, 146 ; CIA Văn phòng Tình báo Hiện tại, «Biến động ở Indonesia», ngày 6 tháng 10 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Ronald Frankum Jr., hộp 5.

92

NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2318 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 13 tháng 11 năm 1965, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2318 ; CIA Văn phòng Tình báo Hiện tại, «Đảng Cộng sản Indonesia», ngày 29 tháng 4 năm 1966, CREST, số tài liệu CIA - RDP79T008264000600010043 - 2 ; Shaplen, Time out of Hand, 117-127 ; Elson, Suharto, 123-126 ; Geoffrey B. Robinson, The Killing Season : A History of the Indonesian Massacres, 1965-66 (Princeton : Princeton University Press, 2018) ; Jess Melvin, The Army and the Indone-

sian Genocide : Mechanics of Mass Murder (New York : Routledge, 2018).

93

Dispute, 1963-1966 (Kuala Lumpur : Oxford University Press, 1974), 312-315 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 19 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 26, 177 ; CIA Văn phòng Tình báo Hiện tại, «Thái độ của Quân đội Indonesia đối với Chủ nghĩa Cộng sản», ngày 22 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 26, 178 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 23 tháng 11 năm 1965, DDRS, số tài liệu CK3100363543 ; Giám đốc Tình báo CIA, «Triển vọng Lãnh đạo ở Indonesia», ngày 2 tháng 12 năm 1965, DDRS, số tài liệu CK100390050 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 3 tháng 12 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 248 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 19 tháng 1 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100357716.

94

LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 247 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 14 tháng 10 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 26, 155 ; Cooper gửi Bundy, «Tình hình Gạo», ngày 16 tháng 10 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Tên, hộp 2 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 1 tháng 11 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 247 ; Johnson gửi Ủy ban 303, ngày 4 tháng 11 năm 1965, NA II, RG 59, Hồ sơ Lot, Mục nhập 5408, hộp 17 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 4 tháng 11 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 247 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 1 tháng 12 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 248 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 11 tháng 12 năm 1965, DDRS, số tài liệu CK3100357672 ; Ja-

karta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 12 tháng 12 năm 1965, LBJL, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Indonesia, hộp 248 ; Jakarta gửi Bộ Ngoại giao, ngày 17 tháng 12 năm 1965, DDRS, 1976, 83H.

95

NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1965-1966, hộp 2314.

96

RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-66, hộp 2319 ; Elson, Suharto, 135 - 166 ; Green, Indonesia, 97-119.

97

Nam Khanh, «Chiến Thắng Play-me-Ia Drang (từ 19 - 20 đến 20 - 11 - 1965) : Đòn Phủ Đầu Quân Mỹ ở Tây Nguyên», Quân Đội Nhân Dân, 13 tháng 11 năm 2005 ; Bộ Tư lệnh, Sư đoàn Kỵ binh 1, «Báo cáo Hành động Sau Chiến dịch : Chiến dịch Pleiku», ngày 4 tháng 3 năm 1966, NA II, RG 472, Sử gia Chỉ huy USARV, Mục nhập UD42196, hộp 259 ; Nguyễn Văn Minh và cộng sự, Lực Lượng Vũ Trang Nhân Dân Tây Nguyên Trong Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Chương 2.

98

-
diers Still : A Journey Back to the Battlefields of Vietnam (New York : Harper, 2008), 5 (trích dẫn) ; Moore và Galloway, We Were Soldiers Once...And Young, 30-39 ; Carland, Combat Operations, 113-114 ; Moore, Báo cáo Hành động, Chiến dịch Thung lũng Ia Drang, ngày 9 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1.

99

Young, 63.

100

101

2 Kỵ Binh Bay Mỹ ở Thung Lũng Ia Drang (từ 14 đến 17 tháng 11 năm 1965)», trong Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến Thắng Plei Me : Ba Mươi Năm Sau Nhìn Lại (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1995), 99.

102

McCall, Báo cáo Hành động Sau Chỉ huy, ngày 4 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1 ; Moore, Báo cáo Hành động, Chiến dịch Thung lũng Ia Drang, ngày 9 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1 ; Melvin F. Porter, «Silver Bayonet», Báo cáo Dự án CHECO, ngày 28 tháng 2 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 1 ; Robert H. Edwards, «Hoạt động của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 7 Kỵ binh, Sư đoàn Kỵ binh 1 (Cơ động đường không), Trong Cuộc tấn công Cơ động đường không vào Landing Zone X - Ray, Thung lũng Ia Drang, Cộng hòa Việt Nam, 14-16 tháng 11 năm 1965», Trường Bộ binh Lục quân Hoa Kỳ, 1967 ; John A. Cash, «Trận đánh ở Ia Drang», trong John A. Cash và cộng sự, biên tập, Seven Firefights in Vietnam (Washington, DC : Government Printing Office, 1970). 3-40 ; Pribbenow, «The Fog of War», 94-95 ; Phạm Công Cửu, «Trung Đoàn 66 Tiêu Diệt Tiểu Đoàn 2 Kỵ Binh Bay Mỹ ở Thung Lũng Ia Drang», 98-103 ; Nguyễn Huy Toàn và Phạm Quang Định, Sư Đoàn 304, Tập II, 29-35 ; Moore và Galloway, We Were Soldiers Once... And Young, 39-201 ; Nguyễn Hữu An cùng Nguyễn Tự Dương, Chiến Trường Mới, 32-34 ; Moore và

Galloway, *We Are Soldiers Still*, 36-99 ; Harris, *Vietnam's High Ground*, 374-399.

103

Drang, ngày 9 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1. Xem thêm Bộ Tư lệnh, Sư đoàn Kỵ binh 1, «Báo cáo Hành động Sau Chiến dịch : Chiến dịch Pleiku» ; McCall, Báo cáo Hành động Sau Chỉ huy, ngày 4 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1.

104

Young, 308. Một bản tường thuật của Liên Xô viết sau chiến tranh cung cấp thêm bằng chứng về sự hiện diện của các cố vấn Trung Quốc trong quân đội Bắc Việt vào thời điểm này. Nikolay Shershney, «No One is Forgotten ; Nothing is Forgotten», *VVA Veteran*, 26, Số 4 (tháng 7/tháng 8 năm 2006), 23-26.

105

106

Young, 259.

107

Johnson, «Báo cáo Hành động Sau-Chiến dịch Silver Bayonet-12-21 tháng 11 năm 1965», ngày 24 tháng 11 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1 ; McCall, Báo cáo Hành động Sau Chỉ huy, ngày 4 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Chiến dịch Masher/Chiến dịch White Wing, hộp 1 ; Bộ Tư lệnh, Sư đoàn Kỵ binh 1, «Báo cáo Hành động Sau Chiến dịch: Chiến dịch Pleiku» ; Walter B. Tul-

ly, «Đại đội B», *Armor*, tháng 9-tháng 10 năm 1967, 13-19; Moore và Galloway, *We Were Soldiers Once... And Young*, 207-302 ; Pribbenow, «The Fog of War», 95 - 96 ; Đỗ Trung Mịch, «Trung Đoàn 66 Phát Huy Truyền Thống và Kinh Nghiệm Chiến Thắng Plei Me trong Quá Trình Chiến Đấu và Xây Dựng. (Báo Cáo của Trung Đoàn 66)», trong *Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến Thắng, Plei Me*, 155 ; Nguyễn Văn Minh và cộng sự, *Lực Lượng Vũ Trang Nhân Dân Tây Nguyên Trong Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*, Chương 2 ; Nguyễn Huy Toàn và Phạm Quang Định, *Sư Đoàn 304, Tập II*, 35-40 ; Lê Hải Triều, *Lịch sử Trung Đoàn 66-Đoàn Plei Me 1947-2007* (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2007), 39-45 ; Trần Đội, «Hồi ức về Trận Đánh Mỹ Đầu Tiên ở Tây Nguyên», trong *Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến Thắng, Plei Me*, 238-240 ; Larry Gwin, *Baptism : A Vietnam Memoir* (New York : Ivy Books, 1999), 105-159 ; Coleman, *Pleiku*, 228-249; Harris, *Vietnam's High Ground*, 408-424 ; Moore và Galloway, *We Are Soldiers Still*, 11-13, 50, 113-125.

108

vào tháng 11, Lê Duẩn tuyên bố rằng ở miền núi và rừng rậm, «sự ưu việt về vũ khí và kỹ thuật của Mỹ bị suy giảm trong khi các điểm yếu của họ dễ dàng bị lộ ra.» Lê Duẩn, *Thư vào Nam* (Hà Nội : Nhà xuất bản Ngoại ngữ, 1986), 64-65. Các nhà chiến lược Bắc Việt khác phản đối việc từ bỏ Tây Nguyên với lý do rằng nó sẽ tạo điều kiện và khuyến khích các hoạt động trên bộ của Mỹ để cắt đứt Đường mòn Hồ Chí Minh. Chu Huy Mân, *Thời Sôi Động*, 440.

109

bản bức thư của một người lính Bắc Việt tuyệt vọng trong thời kỳ này, xem Vietnam Documents and Research Notes, Số 1, «Nhật ký của một người xâm nhập», tháng 10 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Pike, Đơn vị 2, hộp 4.

110

Trẻ Trung, 266.

111

112

170-171 ; Carland, Ngăn Chặn Làn Sóng, 76-80.

113

-
ter I, 21 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập William E. LeGro, hộp 1 ; William E. LeGro, «Bản thảo The Big Red One», không rõ ngày, Bộ sưu tập William E. LeGro, hộp 1 ; Starry, Tác chiến Thiết giáp ở Việt Nam, 60-63 ; Carland, Tác chiến, 80-84 ; Nguyễn Viết Tá và các cộng sự, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến (1945-1975), Tập II (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 1993), 211-212 ; Hoàng Cầm, Chặng Đường Mười Nghìn Ngày (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2001), 145-150, 158 ; «Trận đánh Bàu Bàng - Bảng câu hỏi gửi bởi LeGro cho sách», 12 tháng 11 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập William E. LeGro, Hộp 1 ; Tracey L. Derks, «Bảo táp trên Con đường Sấm sét», Tạp chí Vietnam, 15, Số 2 (tháng 8 năm 2002), 26-32.

114

115

chấp nhận thông tin từ các nguồn khác mô tả chính xác hơn về hiệu suất của các lực lượng Cộng sản, nhưng bằng chứng hiện có không ủng hộ cách giải thích đó.

116

hound/Bushmaster II, 30 tháng 12 năm 1965, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 10 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1965, 225-226 ; Carland, Tác chiến, 88-92 ; George M. Shuffer Jr., «Kết liễu chúng bằng Hỏa lực», Tạp chí Military Review, tháng 12 năm 1967, 11-15 ; Wheeler, The Big Red One, 424-425 ; Nguyễn Quốc Dung, Sư Đoàn 9 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1990), 89-91.

117

«Báo cáo Sau Tác chiến, Chiến dịch Harvest Moon», 28 tháng 12 năm 1965, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1201062030; USMACV, «Bài học Kinh nghiệm Số 54 : Trận Kỳ Phú», 27 tháng 1 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Bud Harton, hộp 1 ; Nicholas J. Schlosser, Trong Trận chiến Kiên trì : Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ trong Chiến dịch Harvest Moon, 8 tháng 12 đến 20 tháng 12 năm 1965 (Quantico : Đại học Thủy quân lục chiến, 2017) ; Shulimson và Johnson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ ở Việt Nam : Đổ bộ và Xây dựng lực lượng, 101-111.

118

9 : 30 Năm Kháng Chiến, 1945-1975 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1996), 377-378.

119

120

121

L.B.IL, NSF, VNCF, hộp 24 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1965, 44.

122

Chiến Chống Mỹ Cứu Nước : Thắng Lợi và Bài Học (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 1995), 196 ; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến thắng Việt Nam, 170-1. Con số mười bảy nghìn nằm trong Moyar, Triumph Forsaken, 335.

123

Việt Nam (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1996) ; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến thắng Việt Nam, 156-157. Tình báo Mỹ đã nhận ra số lượng và sức mạnh của hầu hết các đơn vị này vào cuối năm 1965. Westmoreland gửi Sharp, 9 tháng 12 năm 1965, NA II, RG 59, Hồ sơ Lot, Mục 5408, hộp 2.

124

Chỉ huy 1965, 58.

125

Ứng phó của Lục quân Hoa Kỳ, 1942-1976, 372-374 ; USVNR, 5, Mục IV.C.6, 24 ; McNamara gửi Johnson, 30 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964-1968, 3, 212 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 118-119. McNamara được cho là đã khóc nức nở khi thảo luận về chiến tranh với vợ của phó tổng biên tập Washington Post Ben Bradlee tại một bữa tiệc riêng vào cuối năm 1965. Bird, The Color of Truth, 345. McNamara

phản bác ý kiến cho rằng ông đã trở nên vỡ mộng và chán nản vào thời điểm này, lưu ý rằng ông đã không lạc quan lắm vào đầu năm. Deborah Shapley, *Lời hứa và Quyền lực : Cuộc đời và Thời đại của Robert McNamara* (Boston : Little, Brown and Company, 1993), 360. Lời kể của ông đánh giá thấp mức độ mà sự tự tin của ông đã bị lung lay bởi sự gia tăng không lường trước được trong sức mạnh của Bắc Việt Nam nhưng chính xác trong khẳng định rằng ông đã nhìn thấy một cuộc xung đột kéo dài. Xem Moyar, *Chiến thắng bị lãng quên*, 408-412. Tuyên bố rằng McNamara đã bị chấn thương tâm lý vào cuối năm 1965 cũng bị làm suy yếu bởi việc McNamara tiếp tục theo đuổi leo thang từng bước và sự thao túng lạnh lùng của ông đối với các Tổng Tham mưu trưởng.

126

1965, DDRS, Số tài liệu CK3100292141 ; Lewis Sorley, *Chiến binh Danh dự : Đại tướng Harold K. Johnson và Đạo đức Chỉ huy* (Lawrence : Nhà xuất bản Đại học Kansas, 1998), 216-218 ; Birtle, *Giáo lý Tác chiến Chống nổi dậy và Hoạt động Ứng phó của Lục quân Hoa Kỳ, 1942-1976*, 389 ; Tài liệu Lầu Năm Góc, 4, 347 ; Raymond G. Davis, «Chính trị và Chiến tranh : Mười hai Quyết định Định mệnh Dẫn đến Thất bại ở Việt Nam», *Tạp chí Marine Corps Gazette*, 73, Số 8 (tháng 8 năm 1989), 75-76 ; Greene, báo cáo rút kinh nghiệm, 9 tháng 2 năm 1966, MCHC, Tài liệu Greene.

127

sau Việt Nam (New York, Charterhouse, 1973), 10.

128

nhất», Proceedings, 122, Số 5 (tháng 5 năm 1996) ; Christian Appy, Những người yêu nước : Cuộc chiến tranh Việt Nam được nhớ từ mọi phía (New York : Viking, 2003), 121-123. Không có hồ sơ nào khác về cuộc họp được tìm thấy, nhưng cuộc họp và nội dung của nó đã được xác nhận sau khi bài báo của Cooper được xuất bản bởi cả Tướng Greene và Đô đốc MacDonald. Sorley, Chiến binh Danh dự, 331. Mặc dù Cooper không xác định ngày cụ thể của cuộc họp, ông đã xác định địa điểm, tháng và thời gian trong ngày, những điểm này cùng nhau hướng đến ngày 17 tháng 11, khi có một khoảng trống trong nhật ký hàng ngày của tổng thống vào thời điểm ấn định. Nhật ký Hàng ngày của Tổng thống, 17 tháng 11 năm 1965, LBJL. Các Tổng Tham mưu trưởng cũng đưa ra những khuyến nghị tương tự cho những người khác trong tháng 11. JCS gửi McNamara, JCSM 811 - 65, 10 tháng 11 năm 1965, DDRS, Số tài liệu CK3100292141 ; điện đàm, Ball và McNamara, 23 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964 - 1968, 3, 206.

129

5 và tháng 7 năm 1965, xem Moyar, Triumph Forsaken, 360-361, 500-501. Đối với lập trường của cộng đồng tình báo vào tháng 9 năm 1965 và tuyên bố của Trung Quốc vào tháng 10 năm 1965, xem chương trước.

130

dân», Dịch vụ Quốc tế Thông tấn xã Tân Trung Quốc, 2 tháng 9 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Pike, Đơn vị 3, hộp 13 ; Robert Garson, «Lyndon B. Johnson và Bí ẩn Trung Quốc», Tạp chí Lịch sử Đương đại, 32, Số 1 (tháng 1 năm 1997), 73 ; Thomas

Kennedy Latimer, «Các nhà lãnh đạo Hà Nội và các chính sách Nam Việt Nam của họ, 1954-1968» (Luận án Tiến sĩ, Đại học Georgetown, 1972), 227.

131

132

912-913.

133

134

Đường Hồ Chí Minh Trong Kháng Chiến Chống Mỹ (Tổng cục Hậu cần, 1988), 62-64, 382 ; Nguyễn Viết Tá và các cộng sự, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, 202. Rắc rối nhất, từ quan điểm của các lực lượng chiến đấu, là tình trạng thiếu trầm trọng súng phóng lựu B - 40 và súng máy hạng nặng 12,8mm.

135

Nam, Chương 24, trang 31 ; JCS gửi McNamara, JCSM 812 - 65, «Chính sách và Hành động của Hoa Kỳ để Đối phó với Hỗ trợ của Campuchia dành cho Việt Cộng», ngày 12 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 27, trang 159 ; Westmoreland gửi Sharp, «Các Hoạt động Tác chiến Xuyên biên giới-Campuchia», ngày 9 tháng 12 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 27, trang 165.

136

khi đang tích cực tham chiến với các đơn vị PAVN/VC.» State (Bộ Ngoại giao) gửi Sài Gòn, ngày 20 tháng 11 năm 1965, DDRS, số tài liệu CK3100161913 ; Bộ Tổng Tham mưu Liên

quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 24, trang 32-33.

137

Lực lượng VC/PAVN ở Campuchia», ngày 3 tháng 12 năm 1965, FRUS, 1964 - 1968, tập 27, trang 164.

138

tháng 10 năm 1965, CREST, số tài liệu CIA - RDP82M00097R000800180009 - 5 ; Cục Tình báo CIA, «Campuchia và Việt Cộng», ngày 22 tháng 12 năm 1965, TTU, Bộ sưu tập Pike, Đơn vị 1, hộp 4.

139

Lính... Và Trẻ Trung (We Were Soldiers Once... And Young), trang 315 (trích dẫn), 342. Để biết hướng dẫn chính thức từ Washington gửi Sài Gòn về vấn đề này, xem State (Bộ Ngoại giao) gửi Sài Gòn, ngày 26 tháng 4 năm 1966, LBJL, NSF, VNCE, hộp 30.

140

29 tháng 8 năm 1965, MHI, Tài liệu Westmoreland, hộp 30 ; Bùi Diem với David Chanoff, Trong Nanh vuốt Lịch sử (In the Jaws of History) (Bloomington, Indiana : Nhà xuất bản Đại học Indiana, 1987), trang 156.

141

ứng đối với Một Diễn biến Hành động Nhất định của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á», ngày 10 tháng 9 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 28, trang 196.

142

FRUS, 1964-1968, tập 3, trang 189.

143

(The U.S. Government and the Vietnam War), tập 4, trang 106-107. McNamara và Westmoreland đã đồng ý về việc sử dụng trinh sát mặt đất bí mật ở Lào. Gần cuối năm, với mật danh Shining Brass, họ bắt đầu các nhiệm vụ này với các đội nhỏ biệt kích bản địa do các trung sĩ Lực lượng Đặc biệt Hoa Kỳ từ Nhóm Nghiên cứu và Quan sát (Studies and Observations Group) chỉ huy. Thomas L. Ahern Jr., Các Đạo quân Bí mật : CIA và Chiến tranh Thay thế ở Lào, 1961-1973 (Undercover Armies : CIA and Surrogate Warfare in Laos, 1961-1973) (Washington, DC : Trung tâm Nghiên cứu Tình báo, 2006), trang 217 ; Kenneth Conboy và Dale Andrade, Gián điệp và Biệt kích : Cách nước Mỹ đã thua Cuộc chiến Bí mật ở Bắc Việt Nam (Spies and Commandos : How America Lost the Secret War in North Vietnam) (Lawrence : Nhà xuất bản Đại học Kansas, 2000), trang 142-143 ; Richard H. Shultz Jr., Cuộc chiến tranh Bí mật Chống lại Hà Nội : Việc Kennedy và Johnson Sử dụng Gián điệp, Biệt kích và Chiến binh Bí mật ở Bắc Việt Nam (The Secret War Against Hanoi : Kennedy's and Johnson's Use of Spies, Saboteurs, and Covert Warriors in North Vietnam) (New York : HarperCollins, 1999), trang 50 ; Bộ Tổng Tham mưu Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 24, trang 27. Đại sứ Hoa Kỳ tại Lào William Sullivan cũng phản đối việc sử dụng lực lượng mặt đất của Hoa Kỳ ở Lào trong giai đoạn này, cho rằng việc đó không đáng với những thách thức quân sự và các vấn đề chính trị liên quan. Vientiane gửi State (Bộ Ngoại

giao), ngày 15 tháng 12 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 28, trang 211.

144

Phiên họp thứ Hai mươi của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, ngày 7 tháng 10 năm 1965, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2970 ; Biên bản Cuộc trò chuyện, Bữa tối của Bộ trưởng dành cho Ngoại trưởng Romania Manescu, ngày 14 tháng 10 năm 1965, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2970 ; Bundy, «Lựa chọn Chính sách và Quy trình Ra quyết định về Việt Nam», ngày 23 tháng 10 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 3, trang 181 ; Bundy, biên bản cuộc họp (memcon), ngày 24 tháng 11 1965, DDRS, số tài liệu CK3100081209 ; János Radványi, Ảo tưởng và Thực tế : Những mảnh khóc, Trò lừa bịp và Thủ thuật Ngoại giao Hơn thua ở Việt Nam (Delusion and Reality : Gambits, Hoaxes and Diplomatic One - Upmanship in Vietnam) (South Bend, Indiana : Gateway Editions, 1978), trang 54 (trích dẫn).

145

(McNamara, Clifford, and the Burdens of Vietnam), trang 64-67 ; McNamara gửi Johnson, «Diễn biến Hành động ở Việt Nam», ngày 3 tháng 11 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 3, trang 189 ; Bundy, ghi chép cuộc họp, ngày 11-12 tháng 11 năm 1965, LBJL, Tài liệu McGeorge Bundy, hộp 1.

146

-
dings on Vietnam»), ngày 14 tháng 12 năm 1965, FRUS, 1964-1968, tập 3, trang 229 ; Valenti, ghi chép cuộc họp, ngày 21 tháng 12 năm 1965, 1964-1968, tập 3, trang 238 ; Wallace M.

Greene, «Sự ngừng ném bom : Công thức cho Thất bại» («The Bombing Pause : Formula for Failure»), Tạp chí Không quân (Air Force Magazine), tập 59, số 4 (tháng 4 năm 1976), trang 36-39 ; U.S. Grant Sharp, Chiến lược cho Thất bại : Việt Nam Nhìn lại (Strategy for Defeat : Vietnam in Retrospect) (San Rafael, California : Presidio Press, 1978), trang 107-108. Trước công chúng, Johnson không để lộ bất kỳ nghi ngờ nào về Lodge. Tại một cuộc họp báo vào ngày 9 tháng 7, ông tuyên bố Lodge «nắm bắt tình hình, hiểu biết tình hình, mà không một người Mỹ nào khác có được» và «được trang bị tốt nhất, đủ điều kiện nhất, và có kinh nghiệm nhất để làm công việc này.» Các Văn kiện Công khai của các Tổng thống, 1965, trang 728-9. Xem thêm Bản tin Bộ Ngoại giao (Department of State Bulletin), ngày 2 tháng 8 năm 1965, trang 188.

147

1964-1968, tập 3, trang 231.

148

trang 330.

149

lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris (Hanoi : Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2002), trang 98-101. Hội nghị Trung ương lần thứ 12 của Đảng Cộng sản Việt Nam, được triệu tập vào cuối tháng 12, đã quyết định rằng Đảng sẽ không tham gia đàm phán hòa bình cho đến khi «ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ bị nghiền nát.» Phạm Thị Vinh, chủ biên, Văn kiện Đảng, Tập 24, trang 649. Xem thêm Nguyễn, Cuộc chiến của Hà Nội (Hanoi's War), trang 78.

150

tập 4, trang 128.

151

Chiến tranh, Tổng thống và Ý kiến Công chúng (War, Presidents and Public Opinion), trang 85.

152

tập 4, trang 90. Sau khi một ủy ban Thượng viện điều tra các nhóm phản chiến đang tổ chức các cuộc biểu tình chính trị và thực hiện các «buổi giảng dạy» (teach - ins) trong các khuôn viên trường đại học, phó chủ tịch ủy ban, Thượng nghị sĩ Dân chủ tự do Thomas J. Dodd của Connecticut, tuyên bố rằng hàng ngũ lãnh đạo của các nhóm này bị những người Cộng sản chi phối. Sđd, trang 91.

153

1964-1968, tập 3, trang 250.

154

Hội thảo Bàn tròn về Việt Nam (The Johnson Years : A Vietnam Roundtable) (Austin : Thư viện Lyndon Baines Johnson, 1993), trang 66. Đầu năm 1966, Johnson sẽ đánh lừa Quốc hội bằng cách yêu cầu 10 tỷ đô la cho chiến tranh trong năm tài chính 1967 thay vì chi phí dự kiến thực tế từ 16 đến 18 tỷ đô la. Ông coi sự lừa dối này là cần thiết để bảo vệ các chương trình Xã hội Vĩ đại (Great Society) của mình và tránh tăng thuế vốn sẽ khó thuyết phục nếu không có một cuộc vận động cổ vũ chiến tranh của tổng thống. Shapley, Lời hứa và Quyền lực (Promise and Power), trang 372-375 ; Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến

tranh Việt Nam, tập 4, trang 214-219.

155

622-651.

156

Nam - Hoa Kỳ Trước Hội nghị Pa - Ri (Hanoi : Viện Quan hệ Quốc tế, 1990), trang 121-137 ; Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, Các Cuộc Thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris, trang 121-131. Xem thêm Radványi, Áo tưởng và Thực tế, trang 125-127.

157

158

FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 3.

159

16 - 66, ngày 8 tháng 1 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 13 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, trang 68.

160

trong David M. Barrett, chủ biên, Các tài liệu Việt Nam của Lyndon B. Johnson (Lyndon B. Johnson's Vietnam Papers) (College Station : Nhà xuất bản Đại học Texas A&M, 1997), trang 310-314.

161

II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, hộp 2976 ; Saigon gửi Bộ Ngoại giao, ngày 13 tháng 1 năm 1966, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung

tâm, hộp 2978 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 30, trang 7-8.

162

FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 23 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, trang 7.

163

1966, DDRS, số tài liệu CK3100189606.

164

Lượng Lê Đức Tho - Kissinger tại Paris, trang 132 ; FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 55, chú thích 9.

165

Á», ngày 29 tháng 1 năm 1966, MCHC, Tài liệu Greene ; Smith, Ghi chép cuộc họp Hội đồng An ninh Quốc gia, ngày 29 tháng 1 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 55.

166

Việt Nam», ngày 18 tháng 1 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100260202 ; McNamara gửi Johnson, «Triển vọng Quân sự tại Nam Việt Nam», ngày 24 tháng 1 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 36.

167

168

Vận Tả Quân Sự Chiến Lược Trên Đường Hồ Chí Minh Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, ấn bản lần 2, trang 64, 382. Mức độ thâm nhập đường biển được đề cập trong chương tiếp theo.

169

thâm nhập của quân đội, mặc dù mức độ thiệt hại gây ra là không rõ ràng.

170

Mới, trang 52.

171

bản Quân đội Nhân dân, 1986), trang 72-73.

172

nhằm Tăng cường Hiệu quả của các Hoạt động Quân sự và các Kết quả Dự kiến», ngày 10 tháng 2 năm 1966, LBJL, Tài liệu Warnke, Tập McNaughton, hộp 3 ; Cosmas, MACV : Bộ Chỉ huy Liên hợp trong những năm leo thang, trang 257-258 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 32, trang 2-5. Chính phủ Hàn Quốc đã trang trải một phần khoản thiếu hụt khi đáp ứng yêu cầu từ Johnson về việc gửi thêm một sư đoàn cộng với một trung đoàn nữa đến Nam Việt Nam. Seoul gửi Bộ Ngoại giao, ngày 3 tháng 6 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 29, phần 1, trang 81.

173

năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 81.

174

175

nhằm Tăng cường Hiệu quả của các Hoạt động Quân sự và các Kết quả Dự kiến.» LBJL, Tài liệu Warnke, Tập McNaughton, hộp 3 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam,

Chương 33, trang 3.

176

về PROVN, xem Andrew J. Birtle, «PROVN, Westmoreland, và các Nhà sử học : Một sự đánh giá lại», Tạp chí Lịch sử Quân sự, 72, Số 4 (Tháng 10 năm 2008), trang 1213-1247.

177

chỉ có thể tiến triển đáng kể khi kết hợp với việc vô hiệu hóa hiệu quả các lực lượng địch chủ yếu.» Nó cũng tán thành việc phân bổ phần lớn lực lượng Hoa Kỳ của Westmoreland để đánh bại các đơn vị chủ lực của địch và phần lớn lực lượng Nam Việt Nam cho chống nổi dậy. Văn phòng Phó Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ phụ trách Hoạt động Quân sự, «Một Chương trình cho việc Bình định và Phát triển Dài hạn Việt Nam», tháng 3 năm 1966, <https://apps.dtic.mil/dtic/tr/fulltext/u2/377743.pdf>, trang 5 - 6. Hơn nữa, PROVN chỉ trích Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ vì giữ phần lớn lực lượng của họ gần bờ biển và khuyến nghị các đơn vị Thủy quân lục chiến di chuyển vào nội địa để giao chiến với địch, để cho Nam Việt Nam chịu trách nhiệm bình định các khu vực ven biển. Sđd, trang 70, 5-18.

178

bại Chính trị của Hoa Kỳ ở Việt Nam (New York : W. W. Norton, 1991), trang 284 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, trang 502-503, 507-508, 515-517.

179

FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 141 ; Leonhart gửi Johnson, ngày 30 tháng 5 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, trang 149.

180

181

1966, Westmoreland đã không hành động gì sau khi Bộ Tổng tham mưu Liên hợp Nam Việt Nam phớt lờ các khuyến nghị của ông về việc thiết lập chế độ thăng tiến tập trung và dựa trên thành tích. Clarke, Advice and Support, trang 153.

182

Việt Nam, phần II Phụ lục, mục 65, TTU, Bộ sưu tập Pike, đơn vị 1, hộp 11.

183

trang 177.

184

638 ; Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Tài liệu làm việc về Chiến tranh Việt Nam, phần II Phụ lục, mục 65, TTU, Bộ sưu tập Pike, đơn vị 1, hộp 11.

185

Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập IV, trang 80-81; Cục Tác chiến thuộc Tổng Tham mưu, Lịch Sử Cục Tác Chiến 1945-2000 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2005), trang 219-221 ; Nguyễn Việt Tá và những người khác, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, trang 215-216 ; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến thắng Việt Nam, trang 173-175.

186

187

188

Nam, trang 123 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, trang 3.

189

MACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, trang 380-381.

190

tác chiến, Rolling Stone, ngày 28 tháng 3 năm 1966, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 9 : Hoàng Cẩm, Chặng Đường Mười Nghìn Ngày, trang 163-171 ; Carl Bradfield, The Blue Spaders in Vietnam (Lakeland, Florida : Asda Publishing, 1992), trang 60-65 ; Steven Weingartner, chủ biên, Blue Spaders : Trung đoàn Bộ binh 26, 1917-1967 (Wheaton, Illinois : Cantigny First Division Foundation, 1996), trang 129-133 ; Breen, First to Fight, trang 209-214 ; Nguyễn Quốc Dũng, Sư Đoàn 9, trang 95-96. Nguồn cuối cùng trong số này, lịch sử chính thức của Sư đoàn 9, tuyên bố rằng lực lượng Mỹ đã chịu 1.200 thương vong trong trận chiến này.

191

TTU, Bộ sưu tập William E. LeGro, hộp 1 ; «Nhận xét của Chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 28 Bộ binh về Trận Lò Ke ngày 5 tháng 3 năm 1966», không đề ngày, TTU, Bộ sưu tập William E. LeGro, hộp 1 ; Brodbeck, Các hoạt động Tác chiến Báo cáo Tác chiến Sau Hành quân, Chiến dịch Cocoa Beach, ngày 3 tháng 4 năm 1966, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 10.

192

MACV), Lịch sử Chỉ huy 1966, 38, 372-374 ; Carland, Tác chiến, 185-189.

193

Vàng (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1984), 58-59.

194

195

Hành quân, Chiến dịch Masher, Chiến dịch White Wing», 28 tháng 4 năm 1966, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 1 ; Bộ Tư lệnh Lữ đoàn 2, Sư đoàn Kỵ binh 1, Báo cáo Tác chiến Sau Hành quân, Chiến dịch Masher, 16 tháng 3 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Hiệp hội Phi công Trực thăng Việt Nam, Lịch sử Đơn vị-Sư đoàn Kỵ binh 1, hộp 1 ; CIA, «Tình trạng của các Sư đoàn Bắc Việt Nam tại Quân khu II Duyên hải», 25 tháng 11 năm 1967, CREST, số tài liệu CIA - RDP79T00826A002900450001 - 5 ; Carland, Tác chiến, 202-215, 229. Một số tài liệu của Hoa Kỳ đề cập đến Trung đoàn 18 QĐNDVN, vốn là danh hiệu đơn vị gốc của Trung đoàn 12. Trung đoàn đã được đổi tên khi lần đầu tiên đến Nam Việt Nam nhằm che giấu danh tính thật của họ.

196

- Huế Trong Cuộc Chiến Tranh Chống Mỹ Cứu Nước Toàn Thắng. (Huế : Nhà xuất bản Thuận An, 1985), 109-110.

197

quân, Chiến dịch Double Eagle I và II», 15 tháng 3 năm 1966,

TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1201062031 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 19-36.

198

đã nêu cùng một điểm trong một bức điện gửi Johnson ngày 12 tháng 1. «Việc Quân đội Bắc Việt Nam tiến vào Nam Việt Nam», Lodge viết, «đã làm thay đổi bản chất của cuộc chiến. Trên thực tế, đó là một cuộc chiến mới.» Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 12 tháng 1 năm 1966, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, hộp 2978.

199

Việt Nam, Mục 1201063062 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 109-119 ; Vũ Anh Tài và những người khác, Sư Đoàn 2, Tập I (Đà Nẵng : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1989), 44-51 ; Alex Lee, Tiểu đoàn Utter : 2/7 Thủy quân lục chiến tại Việt Nam, 1965-66 (New York : Ballantine Books, 2000), 241-277.

200

«địch có thể sử dụng nó như một bàn đạp để đưa lực lượng ra tấn công hành lang chiến lược của ta [Đường mòn Hồ Chí Minh] và thống trị, kiểm soát toàn bộ khu vực nhằm ngăn chặn lực lượng ta tiến về phía trước để hoạt động trong tỉnh.» Phạm Gia Đức, Sư Đoàn 325, Tập II, 71.

201

Giữa Chúng Ta : Câu chuyện về Lòng dũng cảm ở Thung lũng A Sầu, Việt Nam (New York : Da Capo, 2018), 96-97.

202

1966, TTU, Bộ sưu tập Pike, Đơn vị 02, hộp 6 ; Báo cáo Tác chiến Sau Hành quân, Trận chiến vì A Sầu, 30 tháng 4 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Glenn Helm, hộp 3 ; Thomas R. Yarborough, Giá trị A Sầu : Các hoạt động tác chiến của Mỹ ở Thung lũng Chết, 1963-1971 (Philadelphia : Casemate, 2016), 45-61 ; Adkins và Jackson, Một Con Hổ Giữa Chúng Ta ; Sư đoàn Thủy quân lục chiến 1, «Báo cáo Thảm vắn Đặc biệt», 1 tháng 12 năm 1966, NA II, RG 472, Nhóm Lực lượng Đặc biệt 5, Hồ sơ của các Đội A, hộp 147 ; Phạm Gia Đức, Sư Đoàn 325, Tập II, 72-73 ; Richard Camp, «Giải cứu ở Thung lũng Chết», Tạp chí Vietnam, tháng 4 năm 2012, 24-33 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 56 - 64 ; John Laurence, Con Mèo Từ Huế : Một Câu chuyện Chiến tranh Việt Nam (New York : PublicAffairs, 2002), 360-368.

203

Nam, 124 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 64.

204

Lào», 2 tháng 2 năm 1966, LBJL, Hồ sơ Westmoreland, hộp 35.

205

Một cuộc chiến mở rộng, 145. Nghi ngờ rằng một hành động như vậy có thể đang được tiến hành, vào tháng 4, phía Bắc Việt Nam đã cảnh báo bộ chỉ huy mới thành lập của họ cho tỉnh Thừa Thiên và phía nam tỉnh Quảng Trị cần phải cảnh giác với «khả năng đế quốc Mỹ có thể mở rộng chiến tranh sang Trung và Nam Lào.» Mặt trận Đường 9 được lệnh phải chuẩn bị «đề

đôi phó với mọi âm mưu của địch nhằm mở rộng chiến tranh trên bộ vào Bắc Việt Nam, đặc biệt là vào Quân khu 4.» Kiều Tâm Nguyễn (chủ biên), Chiến Trường Trị - Thiên - Huế Trong Cuộc Chiến Tranh Chống Mỹ Cứu Nước Toàn Thắng, 115-116.

206

Việt Nam, Chương 35, 1-2. Lodge ủng hộ đề nghị của Westmoreland về các hoạt động tiến vào Campuchia. Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 21 tháng 4 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK2349061672.

207

FRUS, 1964-1968, 28, 217 ; Bản ghi nhớ cuộc hội đàm, 28 tháng 6 năm 1966, FRUS, 1964 - 1968, 28, 239.

208

209

NSF, VNCF, hộp 30.

210

tôi để cứu Việt Nam (New York : St. Martin's Press, 2002), 194-197.

211

212

số tài liệu CK2349125666 (trích dẫn) ; Smith gửi Johnson, 9 tháng 3 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK2349529304.

213

RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964 - 1966, hộp 2936.

214

1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 28 ; CIA, «Sự ủng hộ của Cục Tình báo Trung ương đối với việc Thủ tướng Kỳ cách chức Thiếu tướng Thi làm Tư lệnh Quân đoàn I», 10 tháng 3 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 28 ; Westmoreland gửi Wheeler, 19 tháng 3 năm 1966, LBJL, Hồ sơ Westmoreland, hộp 35 ; Nguyễn Chánh Thi, Việt Nam : Một Trời Tâm Sự (Los Alamitos, California : Xuân Thu, 1987), 339-344.

215

nước Mỹ dính líu vào Việt Nam (New York : Alfred A. Knopf, 1986), 417.

216

1968, 4, 92.

217

Ngoại giao, 12 tháng 3 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 28 ; Lodge gửi Johnson, 16 tháng 3 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 46.

218

Đà Nẵng», 16 tháng 3 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 28 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 16 tháng 3 năm 1966, NA II RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, Hộp 2935 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 16 tháng 3 năm 1966, NSF, VNCF, hộp 28 ; Ủy ban Tham mưu trưởng Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 38, 3.

219

I», 1 tháng 4 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 29 ; Charles

Mohr, «Phật tử Lên án Chính quyền ‘Thối Nát’ của Kỳ», New York Times, 16 tháng 3 năm 1966 ; Neil Sheehan, «Cửa hàng ở Đà Nẵng Đóng cửa để Phản đối», New York Times, 14 tháng 3 năm 1966.

220

VNCF, hộp 46 ; Bản báo cáo lịch sử của Tướng Westmoreland, 20 tháng 3 năm 1966, NA II, RG 407, Bộ sưu tập Vụ kiện Westmoreland vs. CBS, hộp 2. Lê Duẩn sau đó nói, «Chúng ta không khởi xướng hoặc kích động cuộc nổi dậy này của quần chúng thành phố Đà Nẵng, nhưng chúng ta biết cách khai thác sự phản đối và mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù để mở rộng và làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn này để có thể tập hợp lực lượng quần chúng, nắm quyền lãnh đạo, và kích động quần chúng đấu tranh, mặc dù thực tế là chúng ta có ít đảng viên ở đó và các tổ chức của chúng ta trong thành phố còn yếu.» Cao Hùng et al., Quảng Nam - Đà Nẵng : 30 Năm Chiến Đấu và Chiến Thắng, 1945-1975, Tập II (Hà Nội : Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân, 1988), 128. Xem thêm Lê Duẩn, Thư Vào Nam (Hà Nội : Nhà Xuất bản Sự Thật, 1985), 181-182.

221

số tài liệu CK3100432955 ; CIA, «Sự Dính líu của Việt Cộng trong Tình trạng Bất ổn Chính trị Hiện tại ở Nam Việt Nam : Đánh giá Tình hình Tính đến ngày 9 tháng 5 năm 1966», 10 tháng 5 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 31.

222

I», 1 tháng 4 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 29.

223

và các Đồng chí trong Tổ chức của Chúng ta, 16 tháng 3 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Pike, Đơn vị 05, hộp 19.

224

Chiến, Nam Trung Bộ Kháng Chiến, 1945-1975 (Hà Nội : Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995), 363-367 (trích dẫn) ; Nguyễn Văn Minh et al., Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập IV, 120-121 ; Cao Hùng et al., Quảng Nam - Đà Nẵng, Tập II, 126-128. Về sự chỉ đạo của Cộng sản đối với các cuộc rối loạn cùng thời ở Đà Lạt, xem Nguyễn Phúc Khánh et al., ed., Chung Một Bóng Cờ (về Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam) (Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 1993), 532-536.

225

Nhóm Không Cộng sản ở Nam Việt Nam trước Sự Phá hoại Chính trị của Việt Cộng», 27 tháng 5 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Cơ quan Tình báo Trung ương, hộp 10. Sự tham gia vào các nhóm thanh niên đang gia tăng mạnh vào thời điểm này, với hai trăm nghìn người Nam Việt Nam trong các hội thanh niên, một phần lớn trong số đó có tiếng nói chính trị. Nhiều, nếu không nói là hầu hết, thanh niên thuộc các hội đoàn chịu ảnh hưởng của Cộng sản không nhận thức được ảnh hưởng của Cộng sản. Văn Nguyễn - Marshall, «Hoạt động của Sinh viên trong Thời chiến : Thanh niên ở Việt Nam Cộng hòa, những năm 1960-1970», Journal of Vietnamese Studies 10, Số 2 (Xuân 2015), 51-56, 69-70 ; Stur, Sài Gòn trong Chiến tranh, 81-106. Để có phân tích đương thời về khuynh hướng chính trị của giới trí thức thành thị, xem David Marr, «Thái độ và Hoạt động Chính

trị của Giới Trí thức Trẻ Thành thị ở Nam Việt Nam», Asian Survey, 6, Số 5 (tháng 5 năm 1966), 249-263.

226

Chính trị của Phật giáo ở Nam Việt Nam», 20 tháng 4 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Cơ quan Tình báo Trung ương, hộp 10.

227

Chính trị Hiện tại ở Nam Việt Nam : Đánh giá Tình hình Tính đến ngày 9 tháng 5 năm 1966», 10 tháng 5 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 31.

228

chúng ta ở Huế», 3 tháng 4 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100429267. Maxwell Taylor khẳng định rằng «Trí Quang là một kẻ âm mưu xảo quyệt, phản trắc, người mà nếu không phải là Cộng sản, thì cũng có chung mục đích với họ.» Đã đến lúc, Taylor nói, phải nhận ra «rằng Trí Quang là một mối đe dọa vĩnh viễn, kẻ sẽ kéo xuống bất kỳ chính phủ nào mà hắn không thể kiểm soát cho những mục đích không minh bạch của mình.» Taylor, «Nhận xét về Tình hình Hiện tại ở Nam Việt Nam», ngày 4 tháng 4 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100125703. Trí Quang sau này sẽ thừa nhận rằng các yêu cầu dân chủ của Phật giáo năm 1966 là một mưu mẹo che giấu mục tiêu thực sự của Phật tử : một giải pháp thương lượng với những người Cộng sản. «Cuộc đấu tranh cho dân chủ», ông nói năm 1973, «là biểu hiện bên ngoài của cuộc đấu tranh. Vấn đề thực sự là khôi phục hòa bình và đàm phán với Mặt trận Dân tộc Giải phóng.» Topmiller, The Lotus Unleashed, 56. Để biết thêm bằng chứng về mong muốn liên minh với Mặt trận Dân tộc Giải phóng của các

Phật tử quá khích, xem Anne Blair, *There to the Bitter End : Ted Serong in Vietnam (Crows Nest : Allen & Unwin, 2001), 136.*

229

1964-1968, 4, 110.

230

NSF, VNCF, hộp 46.

231

RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 3000.

232

số tài liệu CK3100125720.

233

271.

234

số tài liệu CK3100125776.

235

Times, ngày 3 tháng 4 năm 1966.

236

số tài liệu CK3100125676 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 18 tháng 3 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK 3100432948 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 30 tháng 5 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100251766.

237

RG 59, Hồ sơ Trung tâm, hộp 2986 ; Gibbons, Chính phủ Hoa

Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, 4, 275 ; Charles Mohr, «Kỳ Dời ngày ban hành Hiến pháp», New York Times, ngày 26 tháng 3 năm 1966.

238

NSF, VNCF, hộp 29.

239

VNCF, hộp 29.

240

NSF, VNCF, hộp 46 ; Valenti, biên bản cuộc họp, 2 tháng 4 năm 1966, trong Barrett, ed., Papers của Lyndon B. Johnson, 334.

241

24 tháng 4 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 126. George Kennan lưu ý vào tháng Hai, «Dưới ánh sáng của những gì đã xảy ra gần đây ở Indonesia và trên tiểu lục địa Ấn Độ, nguy cơ của cái gọi là hiệu ứng domino... dường như với tôi là ít hơn đáng kể so với khi các quyết định chính được đưa ra dẫn đến sự dính líu hiện tại của chúng ta.» Tuy nhiên, ông nói thêm, việc Mỹ rút nhanh khỏi Việt Nam «trong hoàn cảnh hiện tại có thể là một sự tổn hại cho lợi ích của chính chúng ta, và thậm chí cho hòa bình thế giới, lớn hơn cả những gì có thể đã xảy ra do chúng ta không tham gia ngay từ đầu.» R. B. Smith, Lịch sử Quốc tế của Chiến tranh Việt Nam, 3 (New York : Nhà xuất bản St. Martin's, 1991), 185, 269. Về sự xuyên tạc lời khai của Kennan trước quốc hội trong phim tài liệu Chiến tranh Việt Nam do Ken Burns và Lynn Novick sản xuất năm 2017, xem Mark Moyar, «Một tấm gương cong», City Journal, 20 tháng 10 năm

2017.

242

Chống Chế độ ở Việt Nam», New York Times, ngày 3 tháng 4 năm 1966.

243

giáo và Quyền lực Chính trị ở Đông Nam Á (New York : Coward - McCann, 1967), 217.

244

1964-1968, 4, 110 ; Westmoreland gửi Walt, 4 tháng 4 năm 1966, LBJL, Papers của Westmoreland, hộp 8.

245

DDRS, số tài liệu CK3100189887 ; Clarke, Advice and Support, 131-132 ; Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, 4, 281-282.

246

DDRS, số tài liệu CK3100429275.

247

NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2935.

248

DDRS, số tài liệu CK3100125717 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, ngày 7 tháng 4 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 4.

249

DDRS, số tài liệu CK3100125801.

250

DDRS, số tài liệu CK3100037866.

251

York Herald Tribune, ngày 11 tháng 4 năm 1966.

252

253

254

land gửi Wheeler, ngày 15 tháng 4 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 30.

255

NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 2935 ; Bộ Ngoại giao gửi Một số Cơ quan Đại diện, ngày 14 tháng 4 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, 122.

256

số tài liệu CK3100235739 ; Blair, There to the Bitter End, 137.

257

DDRS, số tài liệu CK3100061462. Negroponte sẽ trở thành Giám đốc Tình báo Quốc gia Hoa Kỳ đầu tiên ba mươi chín năm sau đó.

258

cho thấy Tình hình đang Xấu đi tại Vùng I CT», ngày 16 tháng 4 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 30 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, ngày 6 tháng 5 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 31 ; Hammond, Public Affairs : The Military and the Media, 1962-

1968, 258-259.

259

Một cuộc chiến mở rộng, 80-81 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, 605.

260

Nam, 115-116 ; Westmoreland, A Soldier Reports, 167-168 ; Shulimson, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 139-145.

261

1966, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1201063064 ; CG FMFPAC gửi RUECEM/CMC, ngày 21 tháng 3 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Tài liệu Chiến tranh Việt Nam của Ban Lịch sử Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, Thư mục 063 ; Warren Wilkins, Grab Their Belts to Fight Them : Cuộc chiến tranh đơn vị lớn của Việt Cộng chống lại Hoa Kỳ, 1965-1966 (Annapolis, Maryland : Nhà xuất bản Học viện Hải quân, 2011), 166-171 ; Kỳ Binh 2/4, «Chi Đoàn 2/4 TOV và Cuộc Hành Quân Operation Texas (từ ngày 21 - 23 tháng 3 - 1966 tại Quảng Ngãi)», trong Kỳ Binh, Số 3 (tháng 5 năm 2005), 94-96 ; Shulimson, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 120-127.

262

của Lục quân Hoa Kỳ, 1942-1976, 378-381.

263

Army, tháng 2 năm 1967, 56-59.

264

Hậu hành động Chiến đấu, Chiến dịch Suối Nóng, ngày 30 tháng 4 năm 1966, Thư viện Thủy quân Lục chiến, Biên niên sử Chỉ huy Việt Nam, Lưu trữ và Bộ sưu tập Đặc biệt ; Bộ Tư lệnh Tiểu đoàn 3, Thủy quân Lục chiến 7, Báo cáo Hậu hành động Chiến đấu, Chiến dịch Suối Nóng, ngày 30 tháng 4 năm 1966, Thư viện Thủy quân Lục chiến, Biên niên sử Chỉ huy Việt Nam, Lưu trữ và Bộ sưu tập Đặc biệt ; Charles Krulak, «Câu chuyện về Đại úy Draude», Hiệp hội Mike 3/7 Việt Nam, http://www.mike37.org/ms_66_01.htm.

265

vice and Support, 188-190.

266

Việt Nam tại Tỉnh Hậu Nghĩa (Boulder, Colorado : Westview Press, 1991), 121-125, 148-154 ; Gregory A. Daddis, Cuộc chiến của Westmoreland : Đánh giá lại Chiến lược Hoa Kỳ tại Việt Nam (New York : Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2014), 102-105. Sư đoàn 1 Lục quân Hoa Kỳ có lẽ cũng sẽ tiến hành theo hướng tương tự với Sư đoàn 5 ARVN nếu không bị các sự kiện làm lu mờ. Vào mùa xuân, sự bùng phát của các cuộc giao tranh ác liệt ở phía bắc Sài Gòn buộc Westmoreland phải triển khai lại Sư đoàn 1 đến phần phía bắc của Quân đoàn III, Clarke, Advice and Support, 184-186.

267

của Sư đoàn 1 Kỵ binh (Cơ động đường không), ngày 1 tháng 7 năm 1965 đến ngày 31 tháng 12 năm 1966 (Albuquerque, New Mexico : Hiệp hội Sư đoàn 1 Kỵ binh, 1967), 37-38 ; Car-

land, Combat Operations, 239-243.

268

1964-1968, tập 4, 117. Xem thêm «Cuộc Nổi dậy Bên trong Cuộc chiến», Life, ngày 22 tháng 4 năm 1966, 32B.

269

JCSM - 189 - 66, ngày 26 tháng 3 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, 101 ; Taylor gửi Johnson, ngày 29 tháng 3 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, 104 ; Rostow gửi Johnson, ngày 21 tháng 4 năm 1966, LBJL, NSF, Thư gửi Tổng thống, Walt Rostow, hộp 7 ; Tom Wicker, «Thượng nghị sĩ Russell : ‘Thắng hoặc Rút lui’», New York Times, ngày 1 tháng 5 năm 1966.

270

271

Pentagon Papers, tập 4, 71-74 (trích dẫn).

272

Việt Nam,» ngày 30 tháng 3 năm 1966, Thư viện Lyndon B. Johnson (LBJL), Tài liệu Gibbons, hộp 15.

273

Việt Nam,» ngày 30 tháng 3 năm 1966, Thư viện Lyndon B. Johnson (LBJL), Tài liệu Gibbons, hộp 15.

274

275

Houston», Báo cáo Dự án CHECO, 27 tháng 7 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 2 ; Carland,

Các hoạt động Tác chiến, tr. 289-303.

276

miền Nam Việt Nam», 22 tháng 11 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 5.

277

Chính Trị, Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, tr. 65.

278

Một cuộc chiến mở rộng, tr. 145-147.

279

Nam», 19 tháng 5 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, tr. 142; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, tr. 608, 614 ; Charles Mohr, «Những câu hỏi tại Việt Nam», New York Times, 31 tháng 5 năm 1966.

280

dẫn) ; Associated Press, «Nguyễn Cao Kỳ nói Quân đội sẽ Duy trì Quyền lực ‘Ít nhất’ Một năm», 7 tháng 5 năm 1966.

281

NA II RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, Hộp 2935.

282

Kỳ đã thua cuộc chiến đầu tiên với Trung Quốc và Liên Xô như thế nào và tại sao (New York : Stein and Day, 1976), tr. 93. Theo Kỳ, Lodge đã nói với ông khi trở lại Việt Nam : «Tôi rất vui vì anh đã quyết định điều quân vào. Nếu anh không làm

vậy, anh đã làm tôi thất vọng.» Sđd, tr. 97. Không có nguồn tin Mỹ nào có sẵn xác nhận hoặc bác bỏ lời kể lại của Kỳ, nhưng nó phù hợp với những bình luận trước đó của Lodge với Kỳ.

283

VNCF, hộp 32 ; Charles Mohr, «Đường như Kiểm soát được», New York Times, 15 tháng 5 năm 1966 ; Cao Văn Viên, Lãnh đạo (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 1981), tr. 78-80.

284

1964-1968, tập 4, tr. 138 (trích dẫn đầu) ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 15 tháng 5 năm 1966, NA II RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, Hộp 2935 (trích dẫn thứ hai).

285

đề cập đến cả hai tuyên bố trong báo cáo của ông về cuộc trò chuyện. Walt gửi NMCC, 15 tháng 5 năm 1966, LBJL, NSF, VNCF, hộp 32.

286

số tài liệu CK3100071981.

287

Post, 20 tháng 5 năm 1966 ; Clarke, Cố vấn và Hỗ trợ, tr. 138 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, tr. 87.

288

Washington Post, 21 tháng 5 năm 1966 ; Schechter, Khuôn mặt mới của Đức Phật, tr. 230. Trong một trường hợp, Trí Quang

tuyên bố rằng các thành viên tổ lái trực thăng Mỹ đã bắn chết hai binh sĩ ủng hộ Phong trào Đấu tranh mà không có lý do, trong khi thực tế những binh sĩ đó đã nổ súng vào trực thăng trước. Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 17 tháng 5 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100065837. Thiện Minh, người tâm phúc thân cận của Trí Quang, nói với một đám đông ướt sũng vì mưa tại Viện Phật học về các Vấn đề Thế tục ở Sài Gòn rằng ở Đà Nẵng «có một âm mưu ám sát tất cả Phật tử.» Charles Mohr, «Phật tử Kêu gọi Johnson giúp đỡ để Bức bỏ Kỳ», New York Times, 17 tháng 5 năm 1966. Vào ngày 20 tháng 5, lực lượng Đấu tranh gửi cho Tướng Walt một bức thư thông qua một phóng viên Mỹ nói rằng hơn một nghìn người đã bị giết hoặc bị thương trong ngày hôm đó, con số này vượt xa tổng số thương vong trong chín ngày xảy ra chiến đấu đường phố Đà Nẵng. USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, tr. 611.

289

1966, TTU, Bộ sưu tập Cơ quan Tình báo Trung ương, hộp 10.

290

thông, 1962-1968, tr. 261-262 ; Leonhart gửi Johnson, 30 tháng 5 năm 1966, FRUS, 1964-1968, tập 4, tr. 149. Westmoreland sau đó nhận xét rằng cuộc khủng hoảng đã bị «thời phùng quá mức trong tâm trí của các nhà chức trách ở Washington và bởi người dân Mỹ do các báo cáo của giới truyền thông từ một nhóm phóng viên hiện trường cố gắng tạo dựng tên tuổi cho mình và để đóng một vai trò.» Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, tập 4, tr. 323.

291

RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 3000. Những bình luận này có thể một phần được gợi cảm hứng từ các bài báo của Stanley Karnow, bao gồm một bài báo về Trí Quang đã bỏ qua những cáo buộc và yêu cầu quá khích của ông ta. Stanley Karnow, «Thủ lĩnh Tôn giáo Huế Yêu cầu Mỹ Chấm dứt Hỗ trợ Kỳ», Washington Post, 30 tháng 5 năm 1966.

292

Kỳ Tiếp quản Tòa thị chính ở Đà Nẵng», New York Times, 17 tháng 5 năm 1966.

293

Kỳ», New York Times, 20 tháng 5 năm 1966.

294

tháng 5 năm 1966.

295

Hồ sơ Westmoreland, hộp 8.

296

số tài liệu CK3100065843. Kết quả thăm dò Gallup có trong The Gallup Poll : Dư luận Công chúng 1935-1971, tập 3, tr. 2007. Từ tháng 3 đến tháng 5, tỷ lệ người Mỹ được khảo sát nói rằng việc gửi quân Mỹ đến Việt Nam là một sai lầm đã tăng từ 25 lên 36, trong khi tỷ lệ nói đó không phải là sai lầm giảm từ 59 xuống 49. Mueller, Chiến tranh, Tổng thống và Dư luận Công chúng, tr. 54.

297

Năng», 21 tháng 5 năm 1966 ; Neil Sheehan, «Người của Kỳ

Ngăn cản Đàm phán», New York Times, 23 tháng 5 năm 1966; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, tr. 88 ; Westmoreland, Một người lính báo cáo, tr. 175.

298

1966, TTU, Bộ sưu tập Cơ quan Tình báo Trung ương, hộp 10; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 1 tháng 6 năm 1966, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 3000 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, tr. 614.

299

thành phố và thấy các cửa hàng đang mở cửa trở lại và công dân ulla ra đường phố. «Nếu có ai đó thất vọng vì cuộc nổi dậy của Phật giáo bị dập tắt», Critchfield đưa tin, «thì khuôn mặt vui vẻ, nhẹ nhõm của họ không cho thấy dấu hiệu nào của điều đó.» Richard Critchfield, Vở kịch dài : Sự lật đổ chính trị trong Chiến tranh Việt Nam (New York : Harcourt, Brace & World, 1968), tr. 258. Xem thêm Schechter, Khuôn mặt mới của Đức Phật, tr. 231-232.

300

số tài liệu CK3100065745.

301

Chương 38, tr. 10 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy năm 1966, tr. 615.

302

NSE, VNCE, hộp 32 ; Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, 4, 326 ; Kahin, Sự can thiệp, 429.

303

304

Tăng Trọng Chiến Dịch Chống Kỳ», New York Times, 30 tháng 5 năm 1966.

305

thông, 1962-1968, 260 ; Saigon gửi Bộ Ngoại giao, 1 tháng 6 năm 1966, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 3000.

306

Gây Ra Xung Đột Ở Sài Gòn», New York Times, 29 tháng 5 năm 1966.

307

quân lực chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 89-90 ; R. W. Apple Jr., «Kỳ Ra Lệnh Cho Thị Trưởng Huế Dẹp Lực Lượng Ly Khai», New York Times, 2 tháng 6 năm 1966.

308

Đích Của Họ Bị Nghi Ngờ», New York Times, 3 tháng 6 năm 1966 ; R. W. Apple Jr., «Chính Trị Cản Trở Cuộc Chiến Chống Việt Cộng Ở Khu Vực Phía Bắc», New York Times, 5 tháng 6 năm 1966.

309

NSE, VNCE, hộp 33 ; R. W. Apple Jr., «Phật Tử Sẽ Kêu Gọi Không Hợp Tác», New York Times, 8 tháng 6 năm 1966 ; Charles Mohr, «Lệnh Giới Nghiêm Nghiêm Ngặt Hơn Được Kỳ Áp Đặt», New York Times, 17 tháng 6 năm 1966 (trích

dẫn).

310

311

số tài liệu CK3100541832 ; Associated Press, «Quân Đội Ky Bảo Vệ Trí Quang Ở Huế», 20 tháng 6 năm 1966 ; Saigon gửi Bộ Ngoại giao, 22 tháng 6 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 160 ; Saigon gửi Bộ Ngoại giao, 23 tháng 6 năm 1966, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 3001 ; Schechter, Khuôn mặt mới của Đức Phật, 241.

312

thúc như thế nào, chỉ 6% người Mỹ được khảo sát nói rằng chiến tranh sẽ kết thúc với một thất bại hoàn toàn cho Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa. Mười bảy phần trăm dự đoán một chiến thắng hoàn toàn của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, và 54 phần trăm nhìn thấy một giải pháp hòa bình thỏa hiệp. George Gallup, «Thiếu Số Muốn Rút Khỏi Việt Nam Gia Tăng», Washington Post, 19 tháng 6 năm 1966.

313

được chỉ định của Ủy ban», 28 tháng 6 năm 1966, LBJL, NSF, Tập Tên, hộp 6.

314

Tự thân của Quân đội», trong John Schlight, biên tập, Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai : Kỷ yếu của một Hội thảo được tổ chức tại Airlie, Virginia (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 1986), 169.

315

CHECO, 8 tháng 9 năm 1966, <https://apps.dtic.mil/dtic/tr/fulltext/u2/a486950.pdf>.

316

Sams, «Chiến dịch Hawthorne», Báo cáo Dự án CHECO, 8 tháng 9 năm 1966, <https://apps.dtic.mil/dtic/tr/fulltext/u2/a486950.pdf> ; Carland, Các hoạt động Tác chiến, 276-288.

317

Thế Cấp dưới Trong Chiến Đấu», Army, tháng 8 năm 2008, 35-47 (trích dẫn) ; Samuel Zaffiri, Westmoreland : Tiểu sử của William C. Westmoreland (New York : Morrow, 1994), 164-165.

318

319

Trận Đánh Trong Kháng Chiến Chống Pháp, Kháng Chiến Chống Mỹ, 1945-1975, Tập III (Hà Nội : Bộ Quốc phòng, 1992), 167.

320

321

Bộ binh 1, Báo cáo Hậu chiến đấu, El Paso II/III, 8 tháng 12 năm 1966, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 12 ; Bộ Tư lệnh, Sư đoàn Bộ binh 1, «Trận đánh Ấp Tàu O», 5 tháng 7 năm 1967, NA II, RG 472, Nhà sử học Chỉ huy USARV, Mục UD42196, hộp 237 ; William E. DePuy, «Đại đội Thiết giáp A tại Ấp Tàu O», Army 36, Số 11 (tháng 11 năm

1986), 50-60 ; Phạm Vinh Phúc và những người khác, biên tập, Một Số Trận Đánh Trong Kháng Chiến Chống Pháp, Kháng Chiến Chống Mỹ, 1945-1975, Tập III, 157-171 ; Nguyễn Quốc Dung, Sư Đoàn 9, 103-107 ; Wheeler, The Big Red One, 437-438 ; Tracy L. Derks, «Xe thiết giáp bị phục kích tại Ấp Tàu O», Vietnam, 17, Số 3 (tháng 10 năm 2004), 26-32.

322

hùng : Tiểu đoàn Trinh sát 3 Thủy quân lục chiến tại Việt Nam, 1965-70 (New York, Ivy Books, 1996), 66-75 ; Bruce H. Norton, biên tập, Stingray (New York : Ballantine, 2000), 98-99 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 157-158 (trích dẫn). Người Bắc Việt vừa hoàn thành việc sửa đổi các vùng quân sự ở Nam Việt Nam bằng cách thêm Mặt trận B5 ở phần cực bắc của đất nước, rõ ràng là để dự đoán hoạt động chiến đấu gia tăng ở đó. Mặt trận B1 bao gồm sáu tỉnh ven biển miền Trung Việt Nam ; Mặt trận B2 bao phủ nửa phía nam của Nam Việt Nam ; Mặt trận B3 bao gồm Tây Nguyên ; Mặt trận B4, còn gọi là Quân khu Trị - Thiên hoặc Trị - Thiên - Huế, bao gồm tỉnh Quảng Trị phía nam Quốc lộ 9 và tỉnh Thừa Thiên ; và Mặt trận B5, còn được gọi là Mặt trận Route 9, gồm tỉnh Quảng Trị phía bắc Quốc lộ 9. Bùi Vinh Phương, biên tập, Từ Điển Bách Khoa Quân Sự Việt Nam (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2004), 239.

323

Chiến tranh Việt Nam của Ban Lịch sử Thủy quân lục chiến, thư mục 063 ; Shulimson, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Một cuộc chiến mở rộng, 150-156.

324

FRUS, 1964-1968, 4, 159.

325

quân trên miền Bắc Việt Nam, 1965-1966 (Washington, D.C. : Chương trình Lịch sử và Bảo tàng Không quân, 2002), 288-292; Sharp, Chiến lược cho thất bại, 117-118 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 75-76.

326

Nam», trong Patrick J. McGarvey, biên tập, Tầm nhìn Chiến thắng : Tuyển tập các tác phẩm quân sự của Cộng sản Việt Nam (Stanford : Hoover Institution, 1969), 61-71 ; Latimer, «Lãnh đạo Hà Nội và các Chính sách Nam Việt Nam của họ», 252-266; Nguyễn, Cuộc chiến của Hà Nội, 79.

327

đường Ngoại giao và Chính trị của Bắc Việt tới Tổng tiến công Tết Mậu Thân», Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam 1, số 1, 2 (tháng 2 - tháng 8 năm 2006), 22.

328

Tiến hóa Bí ẩn của Kế hoạch cho Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968», Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam, 3, Số 2 (mùa hè 2008), 6.

329

Chiến, 223-225 ; Pribbenow, «Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Sự Tiến hóa Bí ẩn của Kế hoạch cho Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968», 8-9 ; Bộ Tư lệnh và Đảng ủy Sư đoàn Bộ binh 324, Lịch Sử Sư Đoàn Bộ Binh 324 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân

đội Nhân dân, Hà Nội, 2005) (trích dẫn).

330

Chiến, 224.

331

Chiêu Hồi : Các cuộc phỏng vấn với Hội Chánh», cuộc phỏng vấn CH - 29.

332

Vinh, tháng 7 năm 1966, TTU, Kho Lưu trữ Áo Việt Nam, Mục 2361108113.

333

Phòng Không, Tập II (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1993), 103-105.

334

-
son, To Hanoi and Back, 45-47, 82-83 ; Clodfelter, The Limits of Air Power, 136-137. Con số ước tính năm mươi hai nghìn là do các nhà phân tích Mỹ đưa ra. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không bao giờ công bố số liệu của riêng họ về thương vong dân thường.

335

Times-A POW's Inspiring Story (New York : Putnam, 1990), 119.

336

Reflection (Stanford : Hoover Institution Press, 1984), 10.

337

American Prisoners of War in Southeast Asia, 1961-1973 (Annapolis : Naval Institute Press, 1999), 183.

338

American Prisoner - of - War Experience in Vietnam, 1964-1973 (New York : Reader's Digest Press, 1976), 184.

339

ở Hà Nội là Rochester và Kiley, Honor Bound, 188-200 ; Alvin Townley, Defiant : The POWs Who Endured Vietnam's Most Infamous Prison, the Women Who Fought for Them, and the One Who Never Returned (New York : Thomas Dunne, 2014), 98-109. Sự kiện này cũng được mô tả trong hồi ký của nhiều tù nhân. Xem, ví dụ, Everett Alvarez, Jr., và Anthony S. Pitch, Chained Eagle : The True Heroic Story of 8 - 1/2 Years as a POW by the First American Shot Down Over North Vietnam (New York : Dutton, 1989) ; Robinson Risner, The Passing of the Night : My Seven Years as a Prisoner of the North Vietnamese (New York : Random House, 1973).

340

Session (New York : Reader's Digest Press, 1976), 83.

341

342

Washington Post, 7 tháng 7 năm 1966.

343

344

binh Chiến tranh», Washington Post, 30 tháng 3 năm 1973.

345

và các Lãnh đạo VNDCCH», trong Wesley R. Fishel, biên tập, Vietnam : Anatomy of a Conflict (Itasca, Illinois : F. E. Peacock, 1968), 807 ; CIA - DIA, «Đánh giá về Cuộc ném bom Miền Bắc Việt Nam Tính đến ngày 11 tháng 8 năm 1966», tháng 8 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 224 ; CIA - DIA, «Đánh giá về Cuộc ném bom Miền Bắc Việt Nam tính đến ngày 12 tháng 9 năm 1966», FRUS, 1964-1968, 4, 268 ; Van Staaveren, Gradual Failure, 290-307 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 36, 5 ; Sharp, Strategy for Defeat, 118-119. Một báo cáo của CIA phát hành ngày 5 tháng 11 ghi nhận rằng Sấm Rền đã buộc đối phương chuyển hướng 70.000 quân cho các hoạt động phòng không và thêm 220.000 nhân sự toàn thời gian và 100.000 nhân sự bán thời gian cho các chương trình sửa chữa và phân tán ở miền Bắc Việt Nam và Lào. CIA, «Hiệu quả của Chương trình Sấm Rền ở Miền Bắc Việt Nam, 1 tháng 1-30 tháng 9 năm 1966», 5 tháng 11 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 292.

346

chúng Mỹ ủng hộ việc tăng cường hơn nữa các hành động quân sự. Các cuộc thăm dò Gallup được thực hiện vào tháng 8 và tháng 10 cho thấy 55 phần trăm muốn Hoa Kỳ tăng cường sức mạnh các cuộc tấn công vào Miền Bắc Việt Nam, trong khi 18 phần trăm muốn đất nước tiếp tục cuộc chiến ở mức độ hiện tại, và 18 phần trăm muốn bắt đầu rút quân Mỹ. The Gallup Poll : Public Opinion 1935-1971, 3, 2030.

347

là 54% phản ánh Rắc rối Khác ngoài Chiến tranh Việt Nam», Washington Post, 18 tháng 7 năm 1966.

348

349

Đường Hồ Chí Minh (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1994), 139 ; Đặng Phong, 5 Đường Mòn Hồ Chí Minh (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Tri Thức, 2008), 246-248. Người Campuchia mặc cả rất gay gắt, tính phí khoảng 2 đô la mỗi kilôgam đối với vũ khí và đạn dược và 1 đô la mỗi kilôgam đối với các vật tư khác. Đặng Phong, Kinh Tế Miền Nam Việt Nam Thời Kỳ 1955-1975 (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 2004), 572.

350

351

352

Đường mòn Hồ Chí Minh vào năm 1965, trong đó 2.479 tấn được chuyển đến các đơn vị chiến đấu ở Miền Nam, phần còn lại được sử dụng để vận hành đường mòn và nuôi những người thâm nhập. Nguyễn Việt Phương, Vận Tải Quân Sự Chiến Lược Trên Đường Hồ Chí Minh Trong, Kháng Chiến Chống Mỹ, ấn bản thứ 2, 382.

353

193; Sharp và Westmoreland, Report on the War in Vietnam, 115 ; USMACV, 1966 Command History, 51-52.

354

of Staff and the War in Vietnam, Chương 51, 2, 7 ; Sorley, Westmoreland, 138-139. Việc phân bổ súng M - 16 cho lực lượng Mỹ trước lực lượng Việt Nam Cộng hòa phù hợp với chính sách của Westmoreland là sử dụng lực lượng Mỹ để đối đầu với các đơn vị địch mạnh nhất. Lực lượng Việt Nam Cộng hòa nhìn chung không cần những vũ khí cá nhân tân tiến nhất để chống lại các đơn vị địa phương và du kích của đối phương. Mặc dù vũ khí tốt hơn sẽ cải thiện một phần năng lực, nhưng sẽ không đủ để bù đắp cho những thiếu sót nghiêm trọng về lãnh đạo.

355

nay.» 12 tháng 12 năm 1966, DĐRS, 1999, 263.

356

Sự Lịch Sử, Tập 1 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1995), 173. Xem thêm Nguyễn Việt Phương, Trường Sơn : Đường Hồ Chí Minh Huyền Thoại, Tập II (Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà Xuất Bản Trẻ, 2004), 15-17.

357

Chính Trị, Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 318.

358

1964-1968, 4, 208 ; Westmoreland, A Soldier Reports, 181-182.

359

360

Mới, 54.

361

Sự (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1986), 14, 22-30.

362

đội Nhân dân Việt Nam, 1945-1975, dịch bởi David W. Gaddy (Fort Meade : Cơ quan An ninh Quốc gia, 1994), 113-114.

363

Chiến đấu, El Paso II/ III, 8 tháng 12 năm 1966, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 12 ; James E. Parker Jr., Người Cuối cùng Ra đi : Câu chuyện Cá nhân về Chiến tranh Việt Nam (Camden, South Carolina : John Culler & Sons, 1996), 237-261 (trích dẫn) ; Nguyễn Quốc Dung, Sư Đoàn 9, 103-110 ; Hoàng Cầm, Chặng Đường Mười Nghìn Ngày, 191-193 ; Starry, Chiến đấu Trên Xe bọc thép ở Việt Nam, 66-72 ; Carland, Các Hoạt động Tác chiến, 319-325.

364

Nguyễn Văn Hùng, Lịch Sử Sư Đoàn 5 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội, Hà Nội, 1995), 90-93 ; Harry Smith, «Không có Thời gian cho Nỗi sợ», Wartime : Tạp chí Chính thức của Đài tưởng niệm Chiến tranh Úc, số 35 (2006).

365

Chiến đấu, Chiến dịch Paul Revere II», 25 tháng 1 năm 1967, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 1 ; Lawrence J. Hickey, «Chiến dịch Paul Revere/Sam Houston», Báo cáo Dự án CHECO, 27 tháng 7 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 2 ; Carland, Các Hoạt

động Tác chiến, 293-303.

366

Chuyển sang Thế tấn công, tháng 10 năm 1966 đến tháng 10 năm 1967 (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 1998), 77-79 ; Tài liệu và Ghi chú Nghiên cứu Việt Nam, Số 2, «Nghị quyết được Thông qua trong Hội nghị Thường kỳ của Ủy ban An Thái», 16 tháng 3 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Pike, Đơn vị 02, hộp 9 (trích dẫn).

367

đường của 10.000 Nổi đau : Sự tiêu diệt Sư đoàn 2 QĐNDVN bởi Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, 1967 (Minneapolis : Zenith, 2010), xi-xii ; Shulimson, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ ở Việt Nam : Một Cuộc chiến Mở rộng, 213-220 ; Phạm Văn Chung và những người khác, biên tập, Hai Mươi Một Năm Chiến Tranh Của Binh Chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam (1954-1975), Tập II (Santa Ana, CA : Tổng Hội TQLC/VN tại Hoa Kỳ, 2005), 110-117 (trích dẫn).

368

369

miền Nam Việt Nam phía Bắc», 22 tháng 11 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 5 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 21-22, 25 ; Shulimson, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ ở Việt Nam : Một Cuộc chiến Mở rộng, 160 ; Bộ Tham mưu Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 33, 8-9 ; Willard Pearson, Cuộc chiến ở các Tỉnh phía Bắc, 1966-1968 (Washington, DC : Bộ Lục quân, 1991), 9.

370

Chương 35, 12-15.

371

Một Cuộc chiến Mở rộng, 166.

372

Hành động Chiến dịch Hastings, 17 tháng 9 năm 1966, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1201062033 ; «Chiến dịch Hastings/Chiến dịch Lam Sơn 289», không ngày tháng. TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1201064001 ; Jack Butts, «Chiến dịch Hastings», Leatherneck, 49, Số 10 (tháng 10 năm 1966), 52-54 ; Shulimson, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ ở Việt Nam : Một Cuộc chiến Mở rộng, 161-176 ; Robert Shaplen, Con đường Từ Chiến tranh : Việt Nam 1965-1970 (New York : Harper & Row, 1970), 102-111.

373

Một Cuộc chiến Mở rộng, 177-195 ; CIA, Cục Tình báo, «Sự xây dựng lực lượng Cộng sản ở miền Nam Việt Nam phía Bắc», 22 tháng 11 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 5 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 368.

374

NSF, VNCF, hộp 34.

375

mật cho Chính phủ Quân sự ở Nam Việt Nam (Trung tâm Nghiên cứu Tình báo, 1998), 45.

376

Nam», 14 tháng 9 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 230 ; Charles Mohr, «Tỷ lệ Cử tri đi bầu Cao ở Nam Việt Nam Bất chấp Việt cộng», New York Times, ngày 12 tháng 9 năm 1966.

377

Cử tri đi bầu», Washington Post, ngày 12 tháng 9 năm 1966 ; Critchfield, Vở kịch Dài, 307-309 ; Ước tính Tình báo Quốc gia 53 - 66, «Các Vấn đề Phát triển Chính trị ở Nam Việt Nam trong Khoảng một Năm tới», 15 tháng 12 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 343.

378

379

RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1964-1966, hộp 3008.

380

triển Chính trị ở Nam Việt Nam trong Khoảng một Năm tới», 15 tháng 12 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 343 ; Kỳ, Đứa con của Phật, 229 - 234.

381

Fishel, biên tập, Việt Nam : Giải phẫu một Cuộc xung đột, 677-678 ; Uwe Siemon - Netto, Sự chiến thắng của Phi lý : Tình yêu của một Phóng viên dành cho Những người bị bỏ rơi của Việt Nam, ấn bản lần thứ 3 (Corona, California : Sách NRP, 2015), 150-151 ; Nguyễn Công Luận, Những Người Quốc gia trong các Cuộc chiến tranh Việt Nam : Hồi ký của một Nạn nhân trở thành Người lính (Bloomington : Nhà xuất bản Đại học Indiana, 2012), 298-299, 358-360 ; Philippa Schuyler, Người Tốt Chết (New York : Twin Circle Publishing, 1969), 162-174 ;

Marr, «Thái độ và Hoạt động Chính trị của các Trí thức Trẻ Đô thị ở Nam Việt Nam», 256-258 ; Bradley, Việt Nam Trong Chiến tranh, 119-123.

382

383

384

số tài liệu CK3100065779 ; Ước tính Tình báo Quốc gia 53 - 66, «Các Vấn đề Phát triển Chính trị ở Nam Việt Nam trong Khoảng một Năm tới», 15 tháng 12 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 343 ; McNamara gửi Johnson, «Các Hành động Đề xuất cho Việt Nam», 14 tháng 10 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 268 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 19 tháng 4 năm 1967, NA II, 464 ; Cao Văn Viên, Lãnh đạo, 119-122 ; Đồng Văn Khuyên, QLVNCH (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 1980), 347-361.

385

386

Việt Nam», 14 tháng 10 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 268. Sau khi nghe những tuyên bố mâu thuẫn từ các nhà phân tích tình báo, McNamara kết luận rằng việc tuyển quân của địch ở Nam Việt Nam dường như cao hơn nhiều so với con số 42.000 mà MACV đã ước tính, có lẽ lên tới 96.000. Ước tính 96.000 tân binh không xuất phát từ tin tức tình báo chắc chắn mà từ một công thức bao gồm các ước tính khác, mà bản thân chúng cũng có độ chính xác đáng ngờ. Một ước tính như vậy là tổn thất nhân sự hàng năm của địch, vốn được đưa ra là 116.000

dựa trên các báo cáo thương vong và các giả định về tổn thất không được ghi nhận của địch. Bằng cách cộng thêm ước tính thay đổi về quân số của địch là 36.000 vào số thương vong ước tính của địch và trừ đi ước tính về sự xâm nhập của địch là 56.000, việc tuyển quân của địch ở Nam Việt Nam lên tới 96.000 người. McNamara gửi Johnson, «Đề xuất Bổ sung Ngân sách Tài khóa 67 cho Đông Nam Á», 17 Tháng 11 năm 1966, LBJL, Warnke Papers, McNaughton Files, hộp 3. Các ước tính sau này của Hoa Kỳ cho thấy mức độ thâm nhập và tuyển mộ trong năm gần như ngang nhau, với 80.000 người được tuyển mộ hoặc bắt lính và 79.600 người thâm nhập trong năm 1966. Dựa trên những điều chỉnh này, tổn thất của đối phương trong năm được ước tính là 92.000 người. OASD/ISA, «North Vietnamese Infiltration into South Vietnam», 17 tháng 3 năm 1967, LBJL, NSF, VNCE, hộp 42 ; Roche gửi Rostow, 16 tháng 3 năm 1967, LBJL, NSF, Name File, hộp 7 ; Westmoreland gửi Sullivan, 1 tháng 3 năm 1967, LBJL, Gibbons Papers, hộp 25. Ước tính thay đổi về quân số địch là 36.000, được suy ra từ các ước tính về lực lượng hiện tại của địch, dường như là quá khiêm tốn ; phân tích sau này kết luận rằng lực lượng Bắc Việt Nam đã tăng từ khoảng 237.000 vào tháng 1 năm 1966 lên 290.000 vào tháng 12 năm 1966. Combined Intelligence Center Vietnam, Order of Battle Summary, tháng 9 năm 1972, 2, Records of the Military Assistance Command Vietnam, Part 2, Classified Studies from the Combined Intelligence Center Vietnam, 1965-1973, cuộn 18. Các bằng chứng hạn chế được công bố sau này bởi những người Cộng sản Việt Nam cho thấy việc tuyển mộ tại chỗ ít hơn đáng kể so với việc thâm nhập và nó đã giảm trong suốt năm 1966 do kết quả của việc kiểm soát dân chúng ngày

càng giảm sút của Cộng sản. Chẳng hạn, trong năm 1966, số lượng người thâm nhập từ Bắc Việt Nam lần đầu tiên vượt quá số lượng tân binh được tuyển mộ tại chỗ trong lực lượng Cộng sản ở vùng B2 khi 9.809 người đã thâm nhập vào khu vực B2 trong khi chỉ có 6.351 người được tuyển mộ tại chỗ. Những người tuyển mộ Cộng sản đã có thể tuyển mộ được 14.918 người trong cùng khu vực vào năm trước đó. Tổng cục Hậu cần, Tổng Kết Công Tác Hậu Cần Chiến Trường Nam Bộ - Cục Nam Trung Bộ Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, (Hà Nội : Tổng cục Hậu cần, 1986), 546. Một báo cáo bị thu giữ cho Vùng Quân sự IV của Việt Cộng nêu rõ mục tiêu tuyển mộ cho vùng này trong năm 1966 là 5.000 người nhưng chỉ có 600 người được tuyển mộ. CIA Directorate of Intelligence, «Viet Cong Manpower Problems», tháng 3 năm 1967, NA II, RG 407, Westmoreland vs. CBS Litigation Collection, hộp 10.

387

FRUS, 1964-1968, 4,240. Để biết thêm chi tiết về lý lẽ của McNamara cho việc áp đặt trần quân số, xem McNamara gửi Johnson, «Recommended FY67 Southeast Asia Supplemental Appropriation», 17 tháng 11 năm 1966, LBJL, Warnke Papers, McNaughton Files, hộp 3.

388

456-457.

389

«Infiltration Interdiction System for Vietnam», 15 tháng 9 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 233.

390

Vietnam», 14 tháng 10 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 268.

391

Phó Đại sứ William J. Porter phụ trách phối hợp tất cả sự hỗ trợ của Hoa Kỳ cho xây dựng nông thôn tại Nam Việt Nam. Trước đó, Đại sứ Lodge đã giao nhiệm vụ sửa chữa chương trình bình định cho Edward Lansdale, người đã tìm cách thúc đẩy một loạt biện pháp quan trọng, trước hết là đưa trở lại các quan chức Nam Việt Nam đã bị thanh trừng vì lòng trung thành với Diệm. Nhưng Westmoreland và Philip Habib, viên chức chính trị trưởng của Bộ Ngoại giao và là người được Lodge ưa thích, không thích cách làm việc tự do của Lansdale và đã ngăn cản Lansdale nắm quyền lực hoặc ảnh hưởng đối với các tổ chức Mỹ tham gia vào bình định. Grant, *Facing the Phoenix*, 264-266 ; Rufus Phillips, *Why Vietnam Matters : An Eyewitness Account of Lessons Not Learned* (Annapolis, Maryland : Naval Institute Press, 2008), 249-269 ; Critchfield, *The Long Charade*, 166-170 ; Gibbons, *The U.S. Government and the Vietnam War*, 4, 182-185.

392

23-29 June 1966», 1 tháng 7 năm 1966, LBJL, NSF, Files of Robert W. Komer, hộp 2 ; Komer, «Giving a New Thrust to Pacification», 7 tháng 8 năm 1966, LBJL, NSF, Files of Robert W. Komer, hộp 7 ; Komer gửi McNamara, 29 tháng 9 năm 1966, NA II, RG 59, Central Files, 1964-1966, hộp 3009.

393

‘New Model’ Pacification Program, 1966-1969», Rand Corpo-

ration, 7 tháng 5 năm 1970, 20 ; Mark Moyer, *Phoenix and the Birds of Prey : The CIA's Secret Campaign to Destroy the Viet Cong* (Annapolis, Maryland : Naval Institute Press, 1997), 48-49.

394

vọng, trơn trượt, hai mặt» và là một «đôi thủ quan liêu nguy hiểm và tàn khốc.» Phillip B. Davidson, *Secrets of the Vietnam War* (Novato, California : Presidio Press, 1990), 7.

395

-
tary McNamara's Proposal to Place the Viet - Nam Pacification/RD Program Under COMUSMACV», 2 tháng 10 năm 1966, DDRS, số tài liệu CK3100261161 ; Gibbons, *The U.S. Government and the Vietnam War*, 4, 470-471.

396

-
port (Washington, DC : U.S. Army Center of Military History, 1982), 39-41 ; Hunt, *Pacification*, 82-83 ; State gửi Sài Gòn, 12 tháng 11 năm 1966, NA II, RG 59, Central Files, 1964-1966, hộp 3013 (trích dẫn).

397

10 năm 1966, LBJL, Westmoreland Papers, hộp 9.

398

1945-1975 (Novato : Presidio Press, 1988), 392 ; McNaughton gửi McNamara, 26 tháng 10 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 284 ; *The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam*, Chương 35, 28.

399

Sấm Rền Program in North Vietnam, 1 January-30 September 1966», 5 tháng 11 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 292; Sharp, Strategy for Defeat, 122.

400

36, 11.

401

Vietnam, 1965-1972 (Annapolis, Maryland : Naval Institute Press, 1997), 58-73 ; Châu Minh Vùng và các cộng sự, Lịch Sử Sư Đoàn Không Quân 371 (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1997), 70.

402

Vietnam», 1 tháng 12 năm 2011, Woodrow Wilson Center, <http://www.wilsoncenter.org/publication/nkidp-e-dossier-no-2-north-korean-pilots-the-skies-over-vietnam>.

403

nam War», 7 tháng 7 năm 2001.

404

Nam than thở rằng «Chúng ta vẫn còn rất nhiều khó khăn trong việc đánh chặn các máy bay bay thấp, cơ động, đặc biệt là trong việc phát hiện mục tiêu địch và khóa bám, theo dõi các mục tiêu bay thấp bằng tên lửa phòng không của chúng ta. Nhiều lần lực lượng của ta bị bất ngờ và bỏ lỡ cơ hội. Trong nhiều trường hợp, tên lửa của chúng ta rơi xuống đất, gây thương vong đáng kể và thiệt hại tài sản cho dân thường.» Hồ Sĩ Hữu và các cộng sự, Lịch Sử Quân Chung Phòng Không, Tập II, 104.

405

-
ton, DC : Government Printing Office, 1978), 136-137 ; Van
Staaveren, Gradual Failure, 267-272 ; Michel, Clashes, 32-38;
Hồ Sĩ Hữu và các cộng sự, Lịch Sử Quân Chung Phòng Không,
Tập II, 103-105 ; Lê Nguyễn Ba, Lịch Sử Sư Đoàn Phòng Không
Hà Nội [Lưu Hành Nội Bộ]..(Hà Nội : Nhà in Đại học Giao
thông Vận tải, 1985), 55-100.

406

-
th Vietnam», 8 tháng 11 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 295 ;
Drea, McNamara, Clifford, and the Burdens of Vietnam, 78-79.

407

Military Actions Against North Vietnam», 9 tháng 11 năm
1966, FRUS, 1964-1968, 4, 299.

408

FRUS, 1964-1968, 4, 298.

409

11 năm 1966, trong Barrett, biên tập, Tài liệu Việt Nam của
Lyndon B. Johnson, 375.

410

Hành động, Chiến dịch Bình định Bình Định, 13 tháng 1 năm
1967, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp
1 ; Marshall, Những Cánh đồng Tre, 2-4 (trích dẫn).

411

Các vấn đề Công chúng : Quân đội và Truyền thông, 1962-
1968, 266-270. Một nhà báo người Anh từ The Economist đưa

tin vào tháng 6 năm 1967 : «Lời khai của hầu hết các phóng viên đã từng bay trên các phi vụ không kích của Mỹ là các phi công đã nỗ lực rất lớn để xác định chính xác mục tiêu của họ và đặc biệt là tránh đánh trúng thường dân. Khi ngồi trên một máy bay trinh sát Kiểm soát Không tiền tuyến di chuyển chậm chờ đợi ‘sự cho phép từ mặt đất’ từ một quan chức địa phương Việt Nam-và lo lắng hỏi phi công khi anh ta lượn vòng quanh mục tiêu Việt Cộng rằng anh ta đang chờ đợi cái gì-người ta không thể kìm lòng nghĩ rằng đại tiểu đoàn những giáo sĩ, giảng viên đại học và những nhân vật sân khấu đầy thiện chí đang tranh nhau ký tên vào những bản lên án ‘tội ác’ của Mỹ dài cả trang kia có lẽ, nói nhẹ đi, đã bị cung cấp thông tin sai lệch.» The Economist, tháng 6 năm 1967, trong Fishel, biên tập, Việt Nam: Giải phẫu một Xung đột, 647.

412

413

đoàn Kỵ binh 1, Báo cáo Tác chiến Sau Hành động, Chiến dịch Bình định Bình Định, 13 tháng 1 năm 1967, NA II, RG 550, Hồ sơ Báo cáo Chỉ huy, 1963-1972, hộp 1 ; Marshall, Những Cánh đồng Tre, 170-215 (các trích dẫn) ; John H. Hay Jr., Những Đổi mới về Chi thuật và Vật chất (Washington, DC : Bộ Lục quân, Năm 1974), 24-41 ; James T. Root Jr., «Tiểu đoàn 1, Kỵ binh 12 trong Trận Hoa Hoi», Tạp chí Vietnam, tháng 8 năm 1994 ; Hymoff, Sư đoàn Kỵ binh Không vận 1 tại Việt Nam, 114-118; Carland, Các Hoạt động Tác chiến, 262-274.

414

MACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 40-41. Khi hai tiểu đoàn thuộc

Sư đoàn 3 Quân đội Nhân dân Việt Nam mở một cuộc tấn công ở Bình Định gần cuối năm, mỗi người lính phải hành quân ra chiến trường chỉ với một nắm cơm chín. Binh lính được bảo rằng họ sẽ phải tự thu thập chuối và các thực phẩm khác trên đường trở về. Họ đói đến mức ngay cả trước khi chiến dịch bắt đầu, khi đến vị trí tấn công, các chỉ huy đã cho phép họ lục soát những cánh đồng lúa đã bị đối phương đốt để tìm nhặt những hạt gạo còn sót lại bằng cách sàng lọc qua những gốc rạ cháy đen. Nguyễn Trí Huân và những người khác, Sư Đoàn Sao Vàng, 90.

415

416

Hành động, Chiến dịch Paul Revere IV», 28 tháng 1 năm 1967, ITU, Bộ sưu tập Hiệp hội Trung đoàn Bộ binh 35, hộp 4.

417

418

Trang Nhân Dân Tây Nguyên Trong Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Chương 3. Lịch sử của Sư đoàn 325 Quân đội Nhân dân Việt Nam thừa nhận rằng «quân số của các đơn vị chúng ta đã bị giảm sút nghiêm trọng.» Phạm Gia Đức, Sư Đoàn 325, Tập II, 74-75.

419

196.

420

421

chiến Sau Hành động, Chiến dịch Attleboro, 28 tháng 4 năm 1967, NA II, RG 472, Sử gia Chỉ huy USARY, Mục nhập UD42196, hộp 237 ; Bộ Tư lệnh Lữ đoàn 2, Sư đoàn Bộ binh 25, Báo cáo Tác chiến Sau Hành động, Attleboro, 1966, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 168300010089 ; Hồ Sơn Đại và Nguyễn Văn Hùng, Lịch Sử Đoàn 5, 94-99 ; MacGarrigle, Các Hoạt động Tác chiến, 31-59 ; Zaffiri, Westmoreland, 225-226; Nguyễn Quốc Dũng, Sư Đoàn 9, 114-117 ; Nguyễn Việt Tá và những người khác, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, 253-260.

422

Nam, Chương 35, 18-19.

423

miền Nam Việt Nam», 22 tháng 11 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 5 ; Shulimson, Thủy quân Lục chiến Mỹ ở Việt Nam : Một Cuộc Chiến Mở rộng, 197-198.

424

425

Cuộc Chiến Mở rộng, 195-196 ; Westmoreland, Một Người lính Báo cáo, 198 (trích dẫn).

426

mưu Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, «Kế hoạch Chiến dịch Phối hợp 1967», 7 tháng 11 năm 1966, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 5 ; Clarke, Lời khuyên và Hỗ trợ, 179-180 ; Birtle, Giáo lý về Chống nổi dậy và Các hoạt động Ứng phó của

Lục quân Mỹ, 1942-1976, 390. Để giúp các chỉ huy Nam Việt Nam giỏi hành động, Westmoreland chỉ thị cho các cố vấn Mỹ nhấn mạnh rằng trong bình định, «việc tiêu diệt du kích và cơ sở hạ tầng VC quan trọng hơn trong việc phá vỡ nỗ lực tổng thể của kẻ thù so với việc tiêu diệt các đơn vị chủ lực.» USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 553.

427

FRUS, 1964-1968, 4, 339. Mặc dù việc thanh trừng chính trị giảm bớt sau cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1966, nó lại trỗi dậy vào tháng 11 với việc cách chức Thiếu tướng Đặng Văn Quang khỏi chức Tư lệnh Quân đoàn IV. Kỳ cách chức vị tướng này chủ yếu vì những tin đồn rằng ông ta âm mưu đảo chính, mặc dù Kỳ nói với người Mỹ rằng tham nhũng là nguyên nhân của việc bãi nhiệm. Đại sứ quán Mỹ đã thúc đẩy việc cách chức Quang với lý do tham nhũng, nhưng Westmoreland tiếc khi thấy ông ta ra đi vì sự lãnh đạo của ông đã làm cho lực lượng Nam Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long hiệu quả hơn những nơi khác. Để Kỳ và người Mỹ yên tâm, Quang đã không chống cự hoặc tìm cách kích động một cuộc đảo chính như Tướng Thi đã làm ở Quân đoàn I vào mùa xuân. Clarke, Lời khuyên và Hỗ trợ, 192-193.

428

trong các hoạt động độc lập, như Sư đoàn 7 và 9, đã thành công nhờ những chỉ huy mạnh. Sư đoàn 5 và 25 Nam Việt Nam cho thấy sự cải thiện vì họ được hợp tác với các sư đoàn Mỹ, những sĩ quan của họ cung cấp các kỹ năng kỹ thuật và động lực mà các sĩ quan Nam Việt Nam thiếu. Bởi vì đội ngũ lãnh đạo Nam Việt Nam vốn đã quá mỏng, Westmoreland đã bác bỏ các

khuyến nghị mở rộng Quân đội Nam Việt Nam trong năm 1966. Cục Tình báo CIA, «Quân đội Nam Việt Nam Ngày nay», 12 tháng 12 năm 1966, DDRS, 1999, 263 ; Sharp và Westmoreland, Báo cáo về Chiến tranh ở Việt Nam, 119-120 ; USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 469-473.

429

triển Chính trị ở Nam Việt Nam trong Khoảng Một Năm Tới», 15 tháng 12 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 343. Khả năng lãnh đạo của nhiều đơn vị dân quân và các đội Cán bộ RD (Cải cách Điền địa) vẫn chưa đạt yêu cầu. USMACV, Lịch sử Chỉ huy 1966, 118, 460-463 ; McNamara gửi Johnson, «Đề xuất Bổ sung Ngân sách Tài khóa 67 cho Đông Nam Á», 17 tháng 11 năm 1966, LBJL, Hồ sơ Warnke, Hồ sơ McNaughton, hộp 3.

430

Cộng», tháng 3 năm 1967, NA II, RG 407, Bộ sưu tập Vụ kiện Westmoreland vs. CBS, hộp 10 ; Birtle, Giáo lý về Chống nổi dậy và Các hoạt động Ứng phó của Lục quân Mỹ, 1942-1976, 394-397 ; Hunt, Bình định, 40-41, 45-47. Theo thống kê của Mỹ, tổng số người tị nạn và sơ tán đạt 980.000, tăng từ tổng số 510.000 của hai năm trước đó. Louis A. Wiesner, Nạn nhân và Những người Sống sót : Những Người Di tản và Các Nạn nhân Chiến tranh Khác ở Việt - Nam, 1954-1975 (New York : Greenwood Press, 1988), 346. Số người tị nạn và sơ tán mới là không chắc chắn vì không biết bao nhiêu trong số 510.000 người đó đã trở về nhà của họ trong năm 1966.

431

432

433

434

Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp, ngày 12 tháng 4 năm 1967, Dự án Lịch sử Chiến tranh Lạnh Quốc tế (CWIHP).

435

Chang và Jon Halliday, Mao : Câu chuyện chưa biết (New York: Alfred A. Knopf, 2005), trang 495-513 ; Taylor, Trung Quốc và Đông Nam Á, trang 51-59 ; Tổng Thụ, Cách mạng Văn hóa và Cải cách hậu Mao : Một góc nhìn lịch sử (Chicago : Nhà xuất bản Đại học Chicago, 1986), trang 52-60.

436

Cách mạng Cuối cùng của Mao (Cambridge : Belknap, 2006), trang 86-131 ; Alexander V. Pantsov cùng Steven I. Levine, Mao : Câu chuyện thật (New York : Simon & Schuster, 2012), trang 507-530 ; Ký Triều Tru, Người đứng bên phải Mao : Từ sân trường Harvard đến Quảng trường Thiên An Môn, Cuộc đời tôi trong Bộ Ngoại giao Trung Quốc (New York : Random House, 2008), trang 221-237 ; Chin Peng, Lịch sử phía tôi (Singapore : Media Masters, 2003), trang 444-446. Về tổng số người chết, xem Tổng Dũng Nghĩa, «Niên biểu các vụ thảm sát hàng loạt trong Cách mạng Văn hóa Trung Quốc (1966-1976)», SciencesPo, ngày 25 tháng 8 năm 2011.

437

trang 230.

438

trong Chiến tranh Việt Nam, 1963-1975», Tạp chí Lịch sử Quân sự, Tập 66, Số 4 (tháng 10 năm 2002), trang 1165.

439

chiến đấu giữa Việt Nam và Trung Quốc là không thể chấp nhận được», Beijing Review, 22, số 49 (7 tháng 12 năm 1979), 18 ; Gaiduk, The Soviet Union and the Vietnam War, 79 ; Zhai, China and the Vietnam Wars, 170.

440

sador to America's Six Cold War Presidents (New York : Times Books, 1995), 149-150 ; Zubok, A Failed Empire, 199.

441

Biên Niên Tiểu Sử, Tập IX (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 1996), 486. Nguyễn Khắc Huynh, một nhà ngoại giao Bắc Việt người đã tham gia sâu rộng vào các cuộc đàm phán giữa Hà Nội và Hoa Kỳ, nói rằng người Bắc Việt đã không xem xét nghiêm túc các cuộc đàm phán trong giai đoạn 1965-1967 bởi vì họ nghĩ rằng «những gì xảy ra trên chiến trường sẽ là yếu tố quyết định dứt khoát đối với những gì sẽ xảy ra trên bàn đàm phán» và trong giai đoạn này họ nghĩ rằng họ có thể thắng về quân sự. McNamara và những người khác, Argument Without End, 259. Xem thêm Ibid., 245.

442

211-274.

443

mới về sự thất bại bí ẩn của sáng kiến bí mật của Ba Lan nhằm

bắt đầu các cuộc đàm phán hòa bình Mỹ - Bắc Việt, 1966», Cold War International History Project, Working Paper số 27 (Washington, DC : Woodrow Wilson International Center for Scholars, 2000), 50.

444

445

1968, 4, 349 ; Warsaw to State, 24 tháng 12 năm 1966, FRUS, 1964-1968, 4, 351.

446

1968, 4, 350.

447

phố Hồ Chí Minh : Nhà Xuất Bản Văn Hóa, 1993), 86. Mai Văn Bộ sau đó tiết lộ rằng lãnh đạo Bắc Việt muốn thể hiện sự quan tâm đến đàm phán chỉ để tăng cường vị thế quân sự của mình, chứ không phải để đạt được một giải pháp ngoại giao, vì «những điều kiện chưa chín muồi cho các cuộc đàm phán có lợi cho chúng ta.» Ibid., 85. Một báo cáo của New York Times đưa ra một bản dịch hơi khác, nói rằng Mai Văn Bộ nói, «nếu Hoa Kỳ chấm dứt việc bắn phá một cách dứt khoát và không điều kiện, sự kiện này sẽ được [chính phủ Hà Nội] xem xét và nghiên cứu.» Richard E. Mooney, «Hanoi Envoy Hints End to Bombings Could Spur Talks», New York Times, 6 tháng 1 năm 1967. Cuối tháng đó, Phạm Văn Đồng nói với một nhà ngoại giao Liên Xô rằng Hà Nội trên thực tế không quan tâm đến ngoại giao vào thời điểm hiện tại vì họ tập trung vào các hoạt động quân sự có thể được sử dụng để giành lợi thế ngoại giao : «Chính

cuộc đấu tranh quân sự mà chúng tôi coi là chủ yếu vào lúc này, và cuộc đấu tranh ngoại giao phải hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh quân sự và chính trị.» Gaiduk, *The Soviet Union and the Vietnam War*, 100. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13 của Đảng vào cuối tháng Một, các lãnh đạo Đảng nhận xét rằng các cuộc đàm phán không nhằm mục đích chấm dứt xung đột ngay lập tức mà để mở đường cho một giải pháp ngoại giao một khi lực lượng Cộng sản đã chiến thắng một cách dứt khoát trên chiến trường. Trần Tình, ed., *Văn Kiện Đảng*, Tập 28, 1967 (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2003), 174-177 ; High - Level Military Institute, *Vietnam : The Anti - U.S. Resistance War for National Salvation, 1954-1975, Military Events* (Arlington, Virginia : Foreign Broadcast Information Service, 1982), 93.

448

Anh», *Washington Post*, 3 tháng 1 năm 1967 ; Hammond, *Public Affairs : The Military and the Media, 1962-1968*, 276-277.

449

450

People on National Security (New York : Harper & Row, 1970), 52-92 ; Hammond, *Public Affairs : The Military and the Media, 1962-1968*, 278-279 ; William V. Kennedy, *The Military and the Media : Why the Press Cannot be Trusted to Cover a War* (Westport, Connecticut : Praeger, 1993), 87-88.

451

Điểm là cơ bản», *New York Times*, 8 tháng 1 năm 1967 ; Har-

rison Salisbury, *Behind the Lines-Hanoi* (New York : Harper & Row, 1967), 192-205 ; Lưu văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, *Tiếp Xúc Bí Mật Việt Nam - Hoa Kỳ Trước Hội Nghị Pa - Ri*, 167-184. Về các thông điệp riêng tư của Salisbury về cuộc họp, xem John Colvin, *Twice Around the World : Some Memoirs of Diplomatic Life in North Vietnam and Outer Mongolia* (London : Leo Cooper, 1991), 102 ; biên bản hội đàm, 13 tháng 1 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 3.

452

Việt Nam», *New York Times*, 16 tháng 1 năm 1967.

453

454

báo», 13 tháng 1 năm 1967. Xem thêm Joseph Alsop, «Cuộc tấn công tuyên truyền của Hà Nội», *Washington Post*, 9 tháng 1 năm 1967.

455

456

Minh tiếp tục việc tranh thủ những người phương Tây cảm tình sau đó trong tháng trong các cuộc thảo luận với William Baggs và Harry S. Ashmore của Trung tâm Nghiên cứu các Thể chế Dân chủ. Xem Lưu văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, *Tiếp Xúc Bí Mật Việt Nam - Hoa Kỳ Trước Hội Nghị Pa - Ri*, 185-194 ; Harry S. Ashmore and William C. Baggs, *Mission to Hanoi : A Chronicle of Double - Dealing in High Places* (New York : G. P. Putnam's Sons, 1968), 41-51.

457

1968, 5, 30.

458

841.

459

Bắc Việt Nam có giá trị chiến lược cực kỳ quan trọng và có tác động lớn đến nhiệm vụ chiến lược giải phóng miền Nam Việt Nam của chúng ta.» Trần Tình, ed., Văn Kiện Đảng, Tập 28, 130.

460

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 40.

461

1964-1968, tập 5, trang 82.

462

1967, L.BJL, Congressional Briefings on Vietnam, hộp 1.

463

tập 4, trang 555-556 ; Rostow, ghi chú cuộc họp, ngày 17 tháng 2 năm 1967, FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 84.

464

41, trang 2-3 ; Drea, McNamara, Clifford, and the Burdens of Vietnam, trang 205-206 ; Pentagon Papers, tập 4, trang 148-149. Thời tiết xấu vào tháng 2 và tháng 3 đã cản trở việc triển khai Chiến dịch Rolling Thunder 54 ; sức mạnh đầy đủ của nó sẽ không được cảm nhận cho đến tháng 4. Sharp, «Air Opera-

tions : North Vietnam», ngày 22 tháng 6 năm 1967, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 18.

465

Kennedy, and the Feud That Defined a Decade (New York : W. W. Norton, 1997), trang 372.

466

1967, FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 95.

467

1962-1968, trang 280 ; Cosmas, MACV : The Joint Command in the Years of Escalation, trang 388 (trích dẫn).

468

sản và Giai đoạn Tiếp theo ở Việt Nam», ngày 12 tháng 4 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 42.

469

470

10 tháng 4 năm 1967, trong Odd Arne Westad, et al., 77 Cuộc Đàm thoại giữa Lãnh đạo Trung Quốc và Nước ngoài về các Cuộc Chiến tranh ở Đông Dương, 1964-1977 (Washington, DC : Woodrow Wilson International Center for Scholars, 1998), trang 101-104.

471

41, trang 5-6 ; Drea, McNamara, Clifford, and the Burdens of Vietnam, trang 207.

472

và Hệ tư tưởng trong Cuộc phòng thủ Hà Nội của Việt Nam, 1967», The Journal of Military History, tập 67, số 1. (Tháng 1 năm 2003), trang 175-176 ; Châu Minh Vung et al., Lịch Sử Sư Đoàn Không Quân 371, trang 75-77.

473

474

Escalation, trang 421.

475

Point (Washington, DC : Bộ Lục quân, 1989), trang 36-37.

476

477

Báo cáo Hành động Sau Chiến đấu, Cedar Falls, không đề ngày, NA II, RG 472, USARV Command Historian, Mục UD42196, Hộp 241 ; Bộ Tư lệnh, Lữ đoàn Dù 173, Báo cáo Hành động Sau Chiến đấu, Niagara/Cedar Falls, ngày 25 tháng 2 năm 1967, NA II, RG 472, USARV Command Historian, Mục UD42196, hộp 241 ; Joseph A. McChristian, The Role of Military Intelligence, 1965-1967 (Washington, DC : Bộ Lục quân, 1994), trang 116-125 ; Rogers, Cedar Falls-Junction City, A Turning Point, trang 15-22, 36-39, 67-73, 78, 154 ; MacGarrigle, Combat Operations, trang 95-112 ; Weingartner, ed., Blue Spaders, trang 194-202.

478

gers, Cedar Falls-Junction City, trang 97-107 ; Mommyer, Air Power in Three Wars, trang 294-299.

479

Combat Operations, trang 122-123.

480

Mounted Combat in Vietnam, trang 96-97.

481

Đánh Trong Kháng Chiến Chống Pháp, Tập I, trang 83.

482

gers, Cedar Falls-Junction City, trang 129-135 ; Wheeler, Big Red One, trang 459-461.

483

Nguyễn Quang Đát và Trần Hạnh, biên tập, Một Số Trận Đánh Trong Kháng Chiến Chống Pháp, Tập I, trang 84-93 ; Nguyễn Quốc Dung, Sư Đoàn 9, trang 130-133 ; Hoàng Cầm, Chặng Đường Mười Nghìn Ngày, trang 240-243 ; Bergerud, Red Thunder, Tropic Lightning, trang 153 - 163 ; Momyer, Air Power in Three Wars, trang 300-301 ; MacGarrigle, Combat Operations, trang 127-132 ; Christopher P. Worick, «Trận Suối Tre : Cuộc tấn công bộ binh của Việt Cộng vào một căn cứ hỏa lực kết thúc trong tắm máu khi thiết giáp tới», Armor, tập 109, số 3 (Tháng 5-6 năm 2000), trang 23-28 ; Robert L. Hemphill, «Đợt tấn công ô ạt của VC tại Căn cứ Hỗ trợ Hỏa lực Gold», Vietnam, tháng 12 năm 1998, trang 22-28.

484

Wheeler, Big Red One, trang 461-464 ; Rogers, Cedar Falls-Junction City, trang 140-148, 157 ; MacGarrigle, Combat Operations, trang 136-139.

485

486

gers, Cedar Falls-Junction City, trang 149-153.

487

trọng của Campuchia đối với Nỗ lực Chiến tranh của Cộng sản Việt Nam», ngày 26 tháng 1 năm 1967, ERUS, 1964-1968, tập 27, trang 199 ; Denny gửi Rusk, «SNIE 57-67 : Tầm quan trọng của Campuchia đối với Nỗ lực Chiến tranh của Cộng sản Việt Nam», không đề ngày, ERUS, 1964-1968, tập 27, trang 200.

488

Chiến, trang 236-237 ; Tổng cục Hậu cần, Tổng Kết Công Tác Hậu Cần Chiến Trường Nam Bộ - Cục Nam Trung Bộ Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, trang 54-56 ; Nguyễn Văn Hoàng et al., Lịch Sử A101 Đoàn 962 : Bến-Bến Tre 1961-1976 (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 2004), trang 70-75. Một lô hàng nhỏ hơn đã tới Sihanoukville vào tháng sau. Sau cuộc tấn công sang Campuchia năm 1970, tình báo Mỹ kết luận rằng các lô hàng của tháng 12 năm 1966 và tháng 2, tháng 3 năm 1967 tổng cộng 6.200 tấn. MacGarrigle, Combat Operations, trang 327-328. Với trọng tải được báo cáo là 3.000 tấn cho lô hàng tháng 12 năm 1966 và cùng một lượng cho lô hàng tháng 2 năm 1967, thì lô hàng tháng 3 năm 1967 sẽ vào khoảng 200 tấn.

489

NSF, International Meetings and Travel File, hộp 12.

490

Houston», Báo cáo Dự án CHECO, ngày 27 tháng 7 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 2 ; Warren K. Wilkins, Chín Ngày trong Tháng Năm : Các Trận đánh của Sư đoàn Bộ binh số 4 trên Biên giới Campuchia, 1967 (Norman : Nhà xuất bản Đại học Oklahoma, 2017), trang 14-24 ; MacGarrigle, Combat Operations, trang 166-177.

491

chiến về Chiến dịch Pershing», 1 tháng 5 năm 1967, ITU, Bộ sưu tập Hiệp hội Trung đoàn Bộ binh 35, hộp 4 ; Rand Vietnam Interviews, ser. Tet - VC, Số 43 ; MacGarrigle, Tác chiến, 180-192, 315-316.

492

Hoa Kỳ tại Việt Nam : Chiến đấu chống Quân đội Bắc Việt, 1967 (Washington, DC : Phòng Lịch sử và Bảo tàng, Bộ Tư lệnh Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, 1984), 10-14 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1967, 352-353 ; Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, 4, 568-569.

493

MACV, Lịch sử Chỉ huy 1967, 1090 - 1092.

494

Kỳ tại Việt Nam : Chiến đấu chống Quân đội Bắc Việt, 95.

495

tới WestPac, 2 - 12 tháng 1 năm 1967», 19 tháng 1 năm 1967, MCHC, Tài liệu Greene ; Bộ Tham mưu Liên quân và Chiến tranh Việt Nam, Chương 45, 20-21 ; Shulimson và Wells, «Vào trước, Ra trước», 274. Để biết thêm về sự xâm nhập và hậu cần

của Bắc Việt, xem Westmoreland gửi Sullivan, 1 tháng 3 năm 1967, LBJL, Tài liệu Gibbons, hộp 25.

496

MACV, Lịch sử Chỉ huy 1967, 73-74, 335-337 ; Telfer và những người khác, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam: Chiến đấu chống Quân đội Bắc Việt, 77-79 ; MacGarrigle, Tác chiến, 203-214, 255-257.

497

498

1964-1968, 5, 135. Về việc triển khai lực lượng Hoa Kỳ tới Đồng bằng sông Cửu Long, xem Rostow gửi Johnson, 25 tháng 3 năm 1967, LBJL, NSF, Hồ sơ Cuộc họp và Du lịch Quốc tế, hộp 12.

499

Lục quân Hoa Kỳ, 1942-1976, 390.

500

Truong, Sự Hợp tác và Phối hợp Tác chiến của QLVNCH và Hoa Kỳ (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 1980), 164-166 ; Bui Diem, Trong Nanh vuốt Lịch sử, 209.

501

tranh Không quân ở Đông Dương, bản sửa đổi (Boston : Beacon Press, 1972), 267-268.

502

1964-1968, 5, 110 ; Tài liệu Lầu Năm Góc, 4, 427-431.

503

Chương 43, 2-7. Con số 568.000 là tổng của mức trần trước đó là 470.000 và tổng số khoảng 98.000 quân mới.

504

nghiên cứu tình hình tại Nam Việt Nam trong vài tháng, tôi tin chắc rằng Vùng Pandhandle ở Lào phải được dọn sạch các phần tử địch và được bảo đảm an ninh trước khi chúng ta có thể mong đợi bất kỳ sự ổn định nào ở Đông Nam Á. Bộ Ngoại giao đã ít suy nghĩ về giải pháp này, vì vậy tôi đã quyết định xây dựng một kịch bản có thể được trình bày và hy vọng được chấp nhận.» Westmoreland, Báo cáo Lịch sử, 3 tháng 2 năm 1967, trong Barrett, biên tập, Tài liệu Việt Nam của Lyndon B. Johnson, 391. Xem thêm Charles F. Brower IV, «Đánh giá lại Chiến lược tại Việt Nam : ‘Chiến lược Thay thế’ của Westmoreland giai đoạn 1967-1968», Tạp chí Đại học Chiến tranh Hải quân, 44, Số 2 (Mùa xuân 1991), 20-51 ; Zaffiri, Westmoreland, 183. Trong những tháng gần đây, những người có ảnh hưởng khác, bao gồm Ky, Tướng Vien và Mike Mansfield, đã trình bày với Johnson về các hoạt động trên bộ ở Lào. David Lilienthal, Nhật ký David Lilienthal, 6 (New York : Harper & Row, 1976), 417; Carver, «Ghi chú Làm việc về Phiên họp Ngày đầu tiên của Hội nghị Guam», 20 tháng 3 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 115; Mansfield gửi Johnson, 29 tháng 4 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 151.

505

1964-1968, 5, 149.

506

thông, 1962-1968, 287-288 ; «Thăm dò Gallup Thấy Các Nhà Phê bình Dân chủ đối với Johnson đang Gia tăng», New York Times, 10 tháng 4 năm 1967.

507

Chiến tranh», New York Times, 5 tháng 4 năm 1967 ; Leroy F. Aarons, «King Thúc giục Ngừng bắn và Chấm dứt Ném bom, Lên án Vai trò của Hoa Kỳ», Washington Post, 5 tháng 4 năm 1967.

508

và Hội Lãnh đạo Cơ đốc Miền Nam (New York : William Morrow, 1986), 553-554.

509

Việt Nam», New York Times, 11 tháng 4 năm 1967.

510

moreland tại Cuộc họp AP», 25 tháng 4 năm 1967.

511

195-196.

512

thông, 1962-1968, 289.

513

Times, ngày 28 tháng 2 năm 1999 ; «220 Nhà văn Thúc giục Tiếp tục Chiến tranh», New York Times, 24 tháng 12 năm 1968.

514

Những bản tin từ Chiến tranh (Charlottesville : Nhà xuất bản Đại học Virginia, 2012), 141-142.

515

sản và Giai đoạn Tiếp theo ở Việt Nam», 12 tháng 4 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 42.

516

Chiên, 230-232.

517

518

Hoa Kỳ Và Trận Chiến Con Thiên, 1967 Đến 1968 (Quantico : Nhà xuất bản Đại học Thủy quân Lục chiến, 2016), 8.

519

Sư đoàn, Lịch Sử Sư Đoàn Bộ Binh 324 ; James P. Coan, Cồn Tiên : Đồi của những Thiên thần (Tuscaloosa : Nhà xuất bản Đại học Alabama, 2004), 65-72 ; Francis J. Kelly, Lực lượng Đặc biệt Lục quân Hoa Kỳ : 1961-1971 (Washington, DC : Bộ Lục quân, 1973), 110-113.

520

(Westminster, Maryland : Heritage Books, 2005), 14, 27.

521

những người khác, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam: Chiến đấu chống Quân đội Bắc Việt, 23-30 ; Long, Đồi Thiên Thần, 10-15.

522

năm 1967, [https://www.army.mil/e2/downloads/rv7/medaofhonor/kettles/pdf/operation malheur Báo cáo Hành quân Sau trận đánh \(AAR\).pdf](https://www.army.mil/e2/downloads/rv7/medaofhonor/kettles/pdf/operation%20malheur%20Bao%20cao%20Hanh%20quan%20Sau%20trien%20danh%20(AAR).pdf) ; MacGarrigle, Các Hoạt động Tác chiến, 233-239.

523

524

24 tháng 4 năm 1967, TTU, Kho Lưu trữ Áo Việt Nam, Mục 1201064042 ; Hành quân Union II, Hồ sơ Kế hoạch Tác chiến (OP file), 26 tháng 5 năm 1967, TTU, Kho Lưu trữ Áo Việt Nam, Mục 1201064050 ; Telfer và những người khác, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam: Chiến đấu chống Quân đội Nhân dân Việt Nam, 63-74.

525

Đầu tiên Của Khe Sanh (Quantico: Nhà xuất bản Đại học Thủy quân Lục chiến, 2017) ; Telfer và những người khác, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Chiến đấu chống Quân đội Nhân dân Việt Nam, 35-45 ; Pearson, Chiến tranh tại các Tỉnh Phía Bắc, 17-18.

526

527

528

nguyên Trung phần Nam Việt Nam, tháng Sáu-tháng Mười một 1967 (Novato, California: Nhà xuất bản Presidio, 1993), 59-82 ; Rick Atkinson, Hàng dài Màu xám (Boston: Houghton Mifflin, 1989), 232-236 ; MacGarrigle, Các Hoạt động Tác chiến,

299 - 302.

529

Đông Dương, 267-268 ; Telfer và những người khác, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Chiến đấu chống Quân đội Nhân dân Việt Nam, 83.

530

531

Chiến lược Chiến tranh Lạnh của Mỹ.(Annapolis : Nhà xuất bản Học viện Hải quân, 2013), 126-130. Ban đầu Komer đã tìm cách trở thành phó đại sứ phụ trách mọi hoạt động dân sự, chỉ báo cáo với đại sứ. Tuy nhiên, tổng thống lại cho Komer chức vụ thấp hơn một chút là phó cho Westmoreland phụ trách bình định. Khi Komer biết được cơ cấu chỉ huy mới, ông ta phàn nàn với tổng thống, «Tôi cảm thấy hơi bối rối và lúng túng về vai trò thay đổi mà ngài đang nghĩ cho tôi. Tôi đã tưởng ngài dự định cử tôi làm số 2 để điều hành toàn bộ mặt trận dân sự. Sự thay đổi kế hoạch (mà lần đầu tiên tôi đọc được một cách tình cờ ba ngày sau đó) dường như hạ cấp tôi xuống số 3 (hoặc số 4 sau Westy), và chỉ giải quyết với ‘bình định’.» Komer gửi Johnson, 18 tháng 3 năm 1967, trong Barrett, biên tập, Tài liệu Việt Nam của Lyndon B. Johnson, 402-403. Để an ủi, Komer đã có thể đảm bảo được cấp bậc đại sứ và một chiếc xe limousine Chrysler Imperial có tài xế thuộc loại thường dành cho một tướng bốn sao. Khi Komer yêu cầu chiếc xe của mình phải mang biển số của một tướng bốn sao, ông được thông báo rằng những biển số như vậy được dành riêng cho sĩ quan quân đội, nhưng sau khi ông mắng nhiếc viên sĩ quan đưa ra thông điệp

đó, ông đã nhận được một tấm biển giống với biển của thứ trưởng Lục quân. Jones, Mỏ hàn, 137. Về những lợi thế tài nguyên của việc đặt CORDS dưới quyền quân đội, Komer sau này nói, «Nếu tôi cần người, AID và Bộ Ngoại giao và CIA có thể cung cấp cho tôi người rất chậm. Có thể một tá một tháng. Quân đội có thể cho tôi hai mươi nghìn người. Nếu tôi phải có xe tải để vận chuyển đồ đạc quanh đất nước, ai có tất cả xe tải? Quân đội.» Moyar, Phượng hoàng và các Chim săn mồi, 49.

532

Bình định, 87-98 ; William Colby với James McCargar, Chiến thắng bị đánh mất : Bản tường thuật trực tiếp về sự dính líu mười sáu năm của Mỹ tại Việt Nam (Chicago : Contemporary Books, 1989), 207-208.

533

534

và Hỗ trợ, 212, 245.

535

nhiệm của các Đội Chống Khủng bố (CTT) được thành lập vào năm 1964. Để biết thêm thông tin, xem Moyar, Phượng hoàng và các Chim săn mồi.

536

253-260, 266 - 270 (trích dẫn ở trang 257).

537

6 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 197.

538

1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 43.

539

Không quân : Bắc Việt Nam», 22 tháng 6 năm 1967, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 18.

540

Những Va chạm, 60-62, 100-101 ; Nguyễn Xuân Mậu với Thế Kỳ, Bảo Vệ Bầu Trời : Hồi Ký (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1982), 129-162.

541

«Thiệt hại do Bom gây ra cho Bắc Việt Nam Tính đến Tháng 4 năm 1967», 12 tháng 5 năm 1967, LBJL, Gibbons Papers, hộp 27 ; Cục Tình báo thuộc CIA, bản ghi nhớ tình báo 0648/67, «Tình trạng Ngành Công nghiệp Điện lực Bắc Việt Nam tính đến ngày 25 tháng 5 năm 1967», 26 tháng 5 năm 1967 LBJL, NSF, VNCF, hộp 44. Người Bắc Việt Nam đã nhập khẩu ước tính khoảng hai nghìn máy phát điện diesel trong những năm gần đây, nhưng tổng công suất phát điện của chúng được cho là chỉ mười lăm nghìn đến hai mươi nghìn kilowatt. Sdd.

542

dặm quanh Hà Nội xuống còn mười dặm và vòng tròn mười dặm quanh Hải Phòng xuống còn bốn dặm ; tiến hành các cuộc tấn công mạnh vào tất cả các sân bay của Bắc Việt Nam, bao gồm Phúc Yên và Gia Lâm ; và rải mìn và ném bom các cảng của Bắc Việt Nam. Bundy gửi Rusk, «Chính sách Ném bom và Khả năng Liên lạc với Liên Xô», 19 tháng 5 năm 1967, FRUS,

1964-1968, 5, 175 ; Wheeler, JCSM - 286 - 67, «Các Hoạt động Chống lại Bắc Việt Nam», 20 tháng 5 năm 1967, LBJL, Gibbons Papers, hộp 27.

543

lại Bắc Việt Nam», 5 tháng 5 năm 1967, LBJL, Warnke Papers, McNaughton Files, hộp 2 ; Vance gửi Johnson, «Chương trình Ném bom Đề xuất Chống lại Bắc Việt Nam», 9 tháng 5 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 169 (trích dẫn). Về các ước tính tình báo, xem Cục Tình báo thuộc CIA, Bản ghi nhớ tình báo 0643/67, «Thiệt hại do Bom gây ra cho Bắc Việt Nam Tính đến Tháng 4 năm 1967», 12 tháng 5 năm 1967, LBJL, Gibbons Papers, hộp 27 ; Cục Tình báo thuộc CIA, bản ghi nhớ tình báo 0648/67, «Hiệu quả của Chương trình Sấm Rền», 23 tháng 5 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 43.

544

đầu trứng (eggheads), xem Davidson, Việt Nam Trong Chiến tranh, 338.

545

Việt Nam, Chương 43, 22.

546

Liên lạc với Liên Xô», 19 tháng 5 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 175 ; Rostow gửi Johnson, 19 tháng 5 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 176.

547

5 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 180.

548

209. Đô đốc Sharp đã gửi Wheeler một lời phản đối quyết định của McNamara, khẳng định, «Nếu chúng ta muốn kết thúc cuộc chiến này, chúng ta nên giữ áp lực lên Hà Nội và tiến vào Hải Phòng như JCS đã đề nghị.» Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và Chiến tranh tại Việt Nam, Chương 41, 12.

549

Việt Nam», 19 tháng 5 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 177.

550

quá khứ : Bi kịch và Bài học Việt Nam (New York : Times Books, 1995), 273.

551

Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, 4, 640.

552

liệu Gibbons, hộp 27 (trích dẫn đầu) ; Rostow gửi Johnson, 28 tháng 6 năm 1967, LBJL, NSF, Thư gửi Tổng thống, Walt Rostow, hộp 18 (trích dẫn thứ hai).

553

Bộ Quốc phòng ngày 19 tháng 5», 30 tháng 5 năm 1967, DDRS, Số Tài liệu CK2349143061.

554

Ellsworth Bunker : Người xử lý khủng hoảng toàn cầu, Điều hâu Việt Nam (Chapel Hill : Nhà xuất bản Đại học North Carolina, 2003), 175. Trích dẫn từ Richard Eder, «Một người Mỹ thăm lặn đến Việt Nam», New York Times, 26 tháng 3 năm

1967.

555

556

Tài liệu Gibbons, hộp 24.

557

Douglas Pike, biên tập, The Bunker Papers : Báo cáo gửi Tổng thống từ Việt Nam, 1967-1973, 1 (Berkeley : Viện Nghiên cứu Đông Á, 1990), 24-25.

558

VNCF, hộp 44 ; Blaufarb gửi Bundy, không đề ngày, FRUS, 1964-1968, 5, 211n.

559

1968, 5, 232 ; CIA gửi Bộ Ngoại giao, 19 tháng 6 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 209 (trích dẫn).

560

trị của Đại sứ Bunker tại Việt Nam», 20 tháng 6 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 211 ; Jorden gửi Rostow, «Các Đề xuất của Đại sứ Bunker», 20 tháng 6 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 212 ; CIA gửi Sài Gòn, 20 tháng 6 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 213.

561

1964-1968, 5, 226 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 1 tháng 7 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 229 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 1 tháng 7 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 230 ; Wheeler gửi

Sharp, 1 tháng 7 năm 1967, trong Barrett, biên tập, Tài liệu Việt Nam của Lyndon B. Johnson, 440.

562

giữa Quốc trưởng Thiệu và Thủ tướng Kỳ», 2 tháng 7 năm 1967, CREST, số tài liệu 0000447082 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 5 tháng 7 năm 1967, trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 1, 72-73 ; Lansdale gửi Bunker, 7 tháng 7 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 232 ; Bùi Diễm, Trong Hàm Lịch Sử, 203-204.

563

Pike, biên tập, The Bunker Papers, 1, 130.

564

Chương 45, 1.

565

lục chiến Hoa Kỳ chiến đấu tại DMZ (Novato, California : Presidio Press, 1991), 22-23.

566

567

568

2010), 313-316 ; Andrew Jr., Những trận đánh trên đồi, 54-55.

569

570

Tướng Westmoreland cho tháng 7 năm 1967», 11 tháng 8 năm

1967, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, Hộp 7 ; «Các hoạt động của Lực lượng Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam», tháng 7 năm 1967, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 1201001145 ; Telfer và nnk., Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam : Chiến đấu chống quân Bắc Việt, 95-104 ; Coan, Đồi của những thiên thần, 109-136 ; Vetter, Không bao giờ không có anh hùng, 163-164 ; Norton, biên tập, Cá đuối gai độc, 152-156 ; Long, Đồi của những thiên thần, 15 - 22 ; Nguyễn Khắc Tĩnh và nnk., Pháo binh Nhân dân Việt Nam : Những chặng đường chiến đấu, Tập II (Hà Nội : Bộ Tư lệnh Pháo binh, 1986), 133-134.

571

1967, 1099 - 1101 ; Bộ Tham mưu Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 45, 27.

572

ler, Sư đoàn Bộ binh 1, 469-472. -

573

lệnh Lục quân Hoa Kỳ tại Việt Nam, 15 tháng 8 năm 1967, <http://www.dtic.mil/dtic/tr/fulltext/u2/387328.pdf> (trích dẫn) ; Đặng Văn Nhung và nnk., Sư đoàn 7, 33-35.

574

công của Trung đoàn 165 NVA vào Tổng Lê Chơn», 14 tháng 8 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Glenn Helm, hộp 3 ; Đặng Văn Nhung và nnk., Sư đoàn 7, 36-38.

575

Mỹ Cứu nước, 1954-1975, Tập V, 29-30.

576

trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam», trong McGarvey, biên tập, *Tầm nhìn Chiến thắng*, 129 (trích dẫn) ; Latimer, «Các nhà lãnh đạo Hà Nội và Chính sách của họ đối với Nam Việt Nam», 294-296.

577

Mỹ Cứu nước, 1954-1975, Tập V, 30-31 (trích dẫn đầu và thứ hai) ; Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, 161 (trích dẫn thứ ba). Trường Chinh sau đó đã trình bày chi tiết về khái niệm tấn công các thành phố : «Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta, với thế cân bằng lực lượng nghiêng hẳn về phía đối phương về quân số, vũ khí, khả năng cơ động và hiện đại hóa, sẽ rất khó khăn cho lực lượng của ta để tiêu diệt các đơn vị cấp chiến dịch và cấp chiến lược của đạo quân viễn chinh Mỹ. Chúng ta phải tìm một cách mới, không phải cách truyền thống, để đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ bằng việc phát động một cuộc Tổng tấn công và Nổi dậy đồng loạt vào các trung tâm đầu não chính trị và quân sự của địch ở các thành phố và các tỉnh lỵ. Các cuộc tấn công của chúng ta vào các thành phố và các tỉnh lỵ sẽ là một bất ngờ lớn đối với kẻ thù, sẽ hoàn toàn làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của địch, và sẽ rung chuyển tận nền móng nước Mỹ.» Nguyễn Văn Minh và nnk., *Lịch sử Kháng chiến Chống Mỹ Cứu nước*, 1954-1975, Tập V, 41.

578

chiến, 232-236 ; Pribbenow, «Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Sự phát triển bí ẩn của Kế hoạch cho Cuộc Tổng tiến công và Nổi dậy Tết Mậu Thân 1968», 17.

579

chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam», trong Marc Jason Gilbert, biên tập, Tại sao miền Bắc thắng trong chiến tranh Việt Nam (New York : Palgrave Macmillan, 2002), 112. Một nguồn khác xác nhận sự hiện diện của vị tướng tại Hà Nội, xem Nguyễn Thị Bảo, «Những ngày cuối cùng của anh Nguyễn Chí Thanh», trong Hạ Hữu Khiêu, biên tập, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh : Nhà Chính trị Quân sự Lỗi lạc (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1997), 351. Các báo cáo ban đầu của Mỹ kết luận sai lầm rằng Thanh đã bị một quả bom Mỹ giết chết. Don Oberdorfer, Tết ! (New York : Doubleday, 1971), 42 ; Dave R. Palmer, Tiếng gọi của kèn trumpet : Việt Nam - Hoa Kỳ trong viễn cảnh (Novato, California : Presidio Press, 1978), 121.

580

trường», trong Hạ Hữu Khiêu, biên tập, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, 102-103.

581

725-726.

582

son, Đến Hà Nội và trở về, 76.

583

584

585

728-729 ; USVNR, cuốn 5, IV.c.6(b), 195-196.

586

Lầu Năm Góc, 4, 461-462.

587

tháng 5 năm 1967, USVNR, cuốn 5, IV.c.6(b), 117-123.

588

Đông Dương, 267-268.

589

1968-1969», 30 tháng 3 năm 1968, DDRS, Số Tài liệu CK2349337572.

590

RG 59, Lot Files, Entry 5408, Đông Á và Thái Bình Dương, hộp 10 ; Westmoreland gửi McNamara, «Lào», 10 tháng 7 năm 1967, LBJL, Tài liệu Gibbons, hộp 29.

591

1964-1968, 5, 237 ; Johnson, ghi chú cuộc họp, 12 tháng 7 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 238.

592

Lào», 1 tháng 5 năm 1967, LBJL, Tài liệu Warnke, Tập McNaughton, hộp 2. Cùng lúc đó, Sullivan đang bác bỏ một kiến nghị từ quốc vương Lào về hành động quân sự để chiếm lại lãnh thổ Lào từ tay Bắc Việt Nam. Dommen, Kinh nghiệm Đông Dương của người Pháp và người Mỹ, 608.

593

FRUS, 1964-1968, 28, 289.

594

FRUS, 1964-1968, 28, 302.

595

NA II, Hồ sơ Trung tâm, 1967 - 1969, hộp 2786.

596

754-759.

597

thống Eisenhower tự mình lên tiếng nghi ngờ về Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ, nói với các nghị sĩ Đảng Cộng hòa rằng «đã đến lúc Quốc hội quyết định có hay không tuyên bố tình trạng chiến tranh tồn tại với Bắc Việt Nam.» Eisenhower cũng lên tiếng ủng hộ hành động quân sự mạnh mẽ hơn. Ông khẳng định rằng để thắng, «Bạn cần tất cả sức mạnh bạn có và bạn phải sử dụng nó nhanh chóng và bí mật để đạt được yếu tố bất ngờ. Bạn không thể thắng trong một cuộc chiến tranh từng bước.» Raymond Lahr, «Chủ nghĩa từng bước không thể thắng ở Việt Nam, Ike nói», Washington Post, 22 tháng 7 năm 1967. Tổng thống Johnson bực bội với các biện pháp do Ford đề xuất, nói rằng, «Tôi sẽ không làm điều Ford nói, bởi vì chúng ta sẽ lâm vào cuộc chiến với Trung Quốc tối nay nếu chúng ta làm thế.» Johnson, «Ghi chú Cuộc họp của Tổng thống với các Nghị sĩ Dân chủ», 9 tháng 8 năm 1967, LBJL, Ghi chú của Tom Johnson về Cuộc họp, hộp 1. Các đồng minh Mỹ trong khu vực chia sẻ quan điểm của Ford về Hải Phòng. Người Hàn Quốc «sẽ phong tỏa Hải Phòng và ném bom tất cả các mục tiêu quân sự hợp pháp», Clark Clifford và Maxwell Taylor báo cáo sau chuyến thăm Seoul. «Người Hàn Quốc không bị ấn tượng bởi những rủi ro

liên quan đến việc đánh chìm các tàu mang cờ nước ngoài. Họ tin rằng bất kỳ quốc gia nào gửi hàng tiếp tế cho binh lính giết người của chúng ta đều là kẻ thù.» Clifford và Taylor, Báo cáo gửi Tổng thống, 5 tháng 8 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Ronald B. Franklin Jr., hộp 1.

598

và vai trò lãnh đạo của ông trong việc thúc đẩy Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ, xem Randall Bennett Woods, Fulbright : Tiểu sử (New York : Cambridge University Press, 1995).

599

Ghi chú của Tom Johnson về Cuộc họp, hộp 1.

600

sity of Texas Press, 2007), 556.

601

ng nghìn người sẽ tuân hành ủng hộ binh lính Việt Nam», New York Times, 3 tháng 5 năm 1967.

602

sẽ được tổ chức trên Đại lộ 5 hôm nay», New York Times, 13 tháng 5 năm 1967.

603

lính Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam», New York Times, 14 tháng 5 năm 1967.

604

Washington Post, 14 tháng 5 năm 1967.

605

Times, 14 tháng 5 năm 1967.

606

702.

607

LBJL, Ghi chú của Tom Johnson về Cuộc họp, hộp 1.

608

mưu Liên quân và Chiến tranh Việt Nam, Chương 44, 2-5.

609

sự cho phép này, cộng với việc McNamara từ chối vào phút chót không chuyển giao các báo cáo quân sự mật về chiến dịch không quân, đã thúc đẩy thêm những nghi ngờ giữa các nghị sĩ về tính chính trực của McNamara, Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 215-216.

610

Ủy ban các Lực lượng Vũ trang, Cuộc chiến không quân chống Bắc Việt Nam, Khóa 90, kỳ họp 1 (Washington, DC : Văn phòng In ấn Chính phủ, 1967), 123-515.

611

Ủy ban các Lực lượng Vũ trang, Cuộc chiến không quân chống Bắc Việt Nam, 236.

612

613

1964-1968, 5, 355.

614

1964-1968, 5, 283.

615

ép và Ngoại giao trong Xung đột Việt Nam (Berkeley : University of California Press, 1980), 180-187 ; Chester L. Cooper, Cuộc Thập tự chinh bị thất lạc : Nước Mỹ ở Việt Nam (New York : Dodd, Mead and Company, 1970), 377-378 ; Marvin Kalb và Bernard Kalb, Kissinger (Boston : Little, Brown and Company, 1974), 70-74 ; Niall Ferguson, Kissinger, 1923-1968 : Nhà lý tưởng (New York : Penguin, 2015), 754-756.

616

Nam-Hoa Kỳ trước Hội nghị Pa-ri, 214-227 ; Herring, chủ biên, Ngoại giao bí mật của Chiến tranh Việt Nam, 720-725.

617

FRUS, tập 5, trang 286 ; Herring, biên tập, Ngoại giao Bí mật của Chiến tranh Việt Nam, trang 727-729 ; Ferguson, Kissinger, trang 758-759.

618

Nam, Chương 44, trang 3 ; Helms gửi Johnson, «Dự án Kissinger», ngày 7 tháng 9 năm 1967, tài liệu CREST số CIA-RDP79B01737A001800170001-7.

619

Ủy ban Các Lực lượng Vũ trang, Chiến tranh Không quân Chống lại Bắc Việt Nam, trang 305.

620

đã ước tính rằng việc kết hợp rải mìn tại các cảng và tăng cường các cuộc không kích vào các mục tiêu giao thông ở miền Bắc Việt Nam sẽ «đe dọa khả năng của Hà Nội trong việc hỗ trợ chiến tranh», gần đây lại tuyên bố rằng những biện pháp đó nhiều lắm chỉ có thể giảm công suất vận chuyển nhập khẩu của Bắc Việt Nam xuống còn 3.900 tấn mỗi ngày. Ở mức đó, CIA kết luận, Hà Nội vẫn có thể duy trì bảy mươi lăm tấn hàng tiếp tế di chuyển hàng ngày để hỗ trợ chiến tranh ở miền Nam. CIA, «Hậu quả của việc rải mìn tại các cảng biển và các lối tiếp cận đường thủy tới Bắc Việt Nam và ném bom các đường sắt và đường bộ phía Bắc», ngày 23 tháng 5 năm 1967, CREST, tài liệu số CIA-RDP78T02095R000800030019-9.

621

ban Stennis. «Chúng tôi nói rằng họ có thể tham chiến một ngày trong ba mươi ngày», Sharp đã nói. «Tôi chắc chắn họ muốn có thể tham chiến mười lăm ngày trong ba mươi ngày.» U.S. Senate, Tiểu ban Điều tra Khả năng Sẵn sàng của Ủy ban Các Lực lượng Vũ trang, Chiến tranh Không quân Chống lại Bắc Việt Nam, trang 68.

622

Ủy ban Các Lực lượng Vũ trang, Chiến tranh Không quân Chống lại Bắc Việt Nam, trang 435 (trích dẫn đầu) ; Shapley, Lời hứa và Quyền lực, trang 432 (trích dẫn thứ hai).

623

tập 4, trang 751.

624

1989), trang 162-166.

625

binh Đáng kính, trang 285-287.

626

son Mở rộng Ném bom ở Miền Bắc», New York Times, ngày 1 tháng 9 năm 1967. -

627

sional Quarterly, 1967. -

628

tranh», New York Times, ngày 29 tháng 8 năm 1967.

629

về các Vụ Bạo loạn và Việt Nam», ngày 30 tháng 8 năm 1967, TTU, Kho lưu trữ Áo Việt Nam, Mục 0240719005.

630

trong Pike, biên tập, Các bài viết của Bunker, tập 1, trang 148-155 ; Taylor, Lịch sử người Việt, trang 600-601 ; Schaffer, Ellsworth Bunker, trang 187-188 ; Phillips, Tại sao Việt Nam quan trọng, trang 282-283.

631

Cộng hòa Thứ hai của Nam Việt Nam», Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam, tập 11, Số 1 (Mùa đông 2016), trang 26-27 ; Fishel, biên tập, Việt Nam, trang 674-676 ; Bùi Diễm, Trong Nanh vuốt Lịch sử, trang 208 ; Critchfield, Vở kịch dài, trang 356-361 ; Shaplen, Con đường từ Chiến tranh, trang 151-155 ; Blair,

Ở đó đến Bitter End, trang 156-157.

632

Gòn gửi Bộ Ngoại giao, ngày 12 tháng 10 năm 1967, trong Pike, biên tập, Các bài viết của Bunker, tập 1, trang 202.

633

Nam, Chương 45, trang 6-7.

634

1967, FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 344.

635

Kỳ tại Việt Nam : Chiến đấu chống lại người Bắc Việt, trang 135 ; Bộ Tổng Tham mưu Liên quân và Chiến tranh tại Việt Nam, Chương 45, trang 6. Các sự kiện tại Cồn Tiên cũng khiến Westmoreland lắng nghe đồng cảm hơn những phản đối đang diễn ra của Thủy quân lục chiến rằng dự án hàng rào của McNamara đang trói buộc họ vào các vị trí lộ thiên để được lợi ích nhỏ. Vào cuối tháng 9, Westmoreland chấp nhận đề nghị của lãnh đạo Thủy quân lục chiến từ bỏ việc mở rộng dải được ủi bằng máy ủi về phía tây vượt qua đầu phía đông của hàng rào McNamara. Phần còn lại của khu vực đã được lên kế hoạch ủi sẽ thay vào đó được rải mìn, cắm biển và dây kẽm gai. Sau đó, Thủy quân lục chiến tập trung vào củng cố các cứ điểm gần Quốc lộ 9 và tiến hành các hoạt động di động chống thâm nhập. Shulimson và Wells, «First In, First Out», trang 275 ; Cosmas, MACV : Bộ Tư lệnh Liên quân trong những năm leo thang, trang 426 ; Bộ Tổng Tham mưu Liên quân và Chiến tranh tại Việt Nam, Chương 45, trang 8-9 ; Westmoreland, Một người

lính báo cáo, trang 200.

636

trình, Tháng 10 năm 1967-Tháng 9 năm 1968 (Washington, DC : Trung tâm Lịch sử Quân sự Lục quân Hoa Kỳ, 2017), trang 226-228 ; MacGarrigle, Các hoạt động Chiến đấu, trang 275-283.

637

đầu, Chiến dịch Francis Marion, ngày 25 tháng 11 năm 1967, <https://apps.dtic.mil/dtic/tr/fulltext/u2/387627.pdf> ; MacGarrigle, Các hoạt động Chiến đấu, trang 309-314.

638

mặc dù con số thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn đáng kể. Con số đó là tổng từ nhiều nguồn khác nhau và do đó có thể bao gồm việc đếm trùng một số xác chết. Một nguyên nhân khác gây hoài nghi là việc chỉ phát hiện hai xác đối phương trong một cuộc tìm kiếm sau đó trên chiến trường. Tuy nhiên, tổn thất của địch trong trận chiến có khả năng cao. Các cuộc thẩm vấn sau đó của tù binh từ Trung đoàn 271 sẽ tiết lộ rằng trung đoàn đã bị tê liệt khi chiến đấu với người Mỹ trong khu vực này trong tháng 10, mặc dù ít nhất một số thiệt hại đã xảy ra vào những ngày khác. Việc thiếu bình luận về trận chiến ngày 17 tháng 10 trong các tác phẩm lịch sử Bắc Việt thời hậu chiến là một chỉ số khác cho thấy nó không diễn ra đặc biệt tốt đẹp cho phía Bắc Việt Nam. Các nguồn về Trận Suối Ong Thắng là James E. Shelton, *The Beast Was Out There : The 28th Infantry Black Lions and the Battle of Ong Thanh, Vietnam, October 1967* (Chicago : Cantigny First Division Foundation, 2002) ; MacGar-

rigle, Các hoạt động Chiến đấu, trang 353-361 ; David Maraniss, Họ hành quân vào ánh nắng : Chiến tranh và Hòa bình, Việt Nam và Mỹ, Tháng 10 năm 1967 (New York : Simon & Schuster, 2003) ; Wheeler, Big Red One, trang 474-479.

639

ring, biên tập, Ngoại giao Bí mật của Chiến tranh Việt Nam, trang 733-738 ; Ferguson, Kissinger, trang 760-762. Vào ngày 29 tháng 9, tại Hội nghị Lập pháp Quốc gia ở San Antonio, Johnson tuyên bố, «Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng mọi cuộc oanh tạc bằng không quân và hải quân đối với Bắc Việt Nam khi điều này sẽ dẫn đến các cuộc thảo luận hiệu quả kịp thời. Tất nhiên, chúng tôi cho rằng trong khi các cuộc thảo luận diễn ra, Bắc Việt Nam sẽ không lợi dụng việc ngừng hoặc hạn chế ném bom.» Công báo của các Tổng thống Hoa Kỳ : Lyndon B. Johnson, 1967, Quyển II, trang 876-881. Lời đề nghị này không có tác động đến Bắc Việt Nam hơn là [các đợt] tạm ngừng ném bom.

640

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 336.

641

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 357.

642

thống», ngày 13 tháng 10 năm 1967, LBJL, Tập Ghi chú Cuộc họp, hộp 2 ; JCSM-555-67, «Gia tăng Áp lực lên Bắc Việt Nam», ngày 17 tháng 10 năm 1967, NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2792.

643

1967 Chống lại các Tuyến đường Giao thông (LOC)», Tháng 9 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 84.

644

NSF, Files of Walt W. Rostow, hộp 7.

645

(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1967)», không ghi ngày, LBJL, NSF, VNCF, hộp 84.

646

647

«Vấn đề Hậu cần của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (PLAF)», Tháng 1 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Douglas Pike, đơn vị 5, hộp 11.

648

mạnh Không quân trong Ba cuộc Chiến tranh, trang 183-186.

649

Kẻ thù», Agence France-Presse, ngày 8 tháng 12 năm 1967 ; Carol Cohen McEldowney, Nhật ký Hà Nội, 1967 (Amherst và Boston : Nhà xuất bản Đại học Massachusetts, 2007), trang 75.

650

McEldowney, người đã đến Hà Nội vào tháng 9 năm 1967 cùng với Tom Hayden, Rennie Davis và một số nhà hoạt động phản chiến khác. Là một người cấp tiến Mỹ ngưỡng mộ chế độ Bắc Việt, tuy nhiên McEldowney lại trở nên bức bối với việc giới

hạn các người đối thoại của nhóm vào những người chỉ đọc lại tuyên truyền chính thức. McEldowney, Nhật ký Hà Nội, trang 52.

651

cáo Bệnh tật khiến Hồ Chí Minh phải nằm giường», ngày 26 tháng 11 năm 1967.

652

TTU, Kho lưu trữ Áo Việt Nam, Mục 0010204004.

653

có hồ sơ nào có sẵn chỉ ra rằng những quan sát của Colvin đã đến được với bất kỳ ai trong chính phủ Hoa Kỳ vào mùa thu năm 1967. Lời giải thích hợp lý nhất là chính phủ Anh của Thủ tướng Harold Wilson đã cố tình tránh chia sẻ chúng với Washington. Wilson có lẽ vẫn còn bức bối với Hoa Kỳ vì đã phá hỏng nỗ lực cá nhân của ông trong việc môi giới hòa bình vào tháng 2 năm 1967, và ông gần như chắc chắn muốn tránh cho người Mỹ bất kỳ sự khuyến khích nào để tăng cường một chương trình ném bom mà ông coi là một trở ngại cho hòa bình. Sau khi nỗ lực hòa bình của ông sụp đổ vào tháng 2, Wilson phàn nàn rằng ông đã «bị Washington biến thành kẻ ngốc và rằng uy tín của ông, vốn được xây dựng với nỗ lực lớn trong 20 năm qua, giờ đã bị tổn hại nặng nề.» Cooper, Bản ghi nhớ cho Hồ sơ, ngày 12 tháng 2 năm 1967, FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 63. Về quan điểm của Wilson về việc ném bom Bắc Việt Nam, xem Ray Clinton Barker, «In the Giant's Shadow : Harold Wilson and the Vietnam War, 1964-1968» (Luận án Tiến sĩ, SUNY tại Buffalo, 2003) ; Nicholas Tarling, Người Anh và

Chiến tranh Việt Nam : Cách của họ với LBJ (Singapore : NUS Press, 2017). Vào ngày 25 tháng 9, Ngoại trưởng Anh George Brown đã nhắc lại với Rusk mong muốn của chính phủ Anh rằng Hoa Kỳ xem xét lại cường độ ném bom Bắc Việt Nam vì «tác động bất lợi mà nó đang gây ra với dư luận.» Katzenbach gửi Johnson, «Cuộc họp của Ngài với Ngoại trưởng Brown», ngày 26 tháng 9 năm 1967, LBJ, NSF, Hồ sơ Quốc gia, Vương quốc Anh, hộp 211.

654

Nội : Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2004), trang 152. Lê Duẩn không nêu rõ khoảng thời gian trong đó chín trăm nghìn tấn được giao, nhưng lời nhắc đến «vài trăm nghìn» của ông gợi ý rằng nó trải dài nhiều năm. Ông cũng không làm rõ liệu ông đang đề cập đến tấn gạo xay xát hay gạo chưa xay nặng hơn.

655

«Rolling Thunder : Chiến dịch năm 1967 Chống lại các Tuyến đường Giao thông (LOC)», Tháng 9 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 84 ; và CIA-DIA, «Đánh giá về việc Ném bom Bắc Việt Nam (Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1967)», không ghi ngày, LBJL, NSF, VNCF, hộp 84.

656

thông thường này là ước tính của CIA vào tháng 9, tháng cao điểm của cuộc khủng hoảng tiếp tế Bắc Việt Nam, kết luận rằng ngay cả với việc rải mìn các cảng, Hoa Kỳ sẽ «không thể cắt đứt dòng chảy của các nguồn cung thiết yếu.» Cục Tình báo CIA, «Rolling Thunder : Chiến dịch năm 1967 Chống lại các Tuyến đường Giao thông (LOC)», Tháng 9 năm 1967, LBJL,

NSF, VNCF, hộp 84.

657

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 336 ; Xiaoming Zhang, «Chiến tranh Việt Nam, 1964-1969 : Góc nhìn Trung Quốc», Tạp chí Lịch sử Quân sự, tập 60, số 4 (Tháng 10 năm 1996), trang 755; Thompson, To Hanoi and Back, trang 84-86.

658

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 353 ; McNamara gửi Johnson, ngày 1 tháng 11 năm 1967, trong Barrett, biên tập, Hồ sơ Việt Nam của Lyndon B. Johnson, trang 515-522.

659

Ngừng Oanh tạc Bắc Việt Nam», ngày 9 tháng 10 năm 1967, DDRS, tài liệu số CK2349074218. Xem thêm Johnson, ghi chú cuộc họp, ngày 16 tháng 10 năm 1967, FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 353.

660

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 357.

661

FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 363 ; Bundy gửi Rusk, «Hàm ý của RT-58 và Chiến lược Ném bom chung của JCS», ngày 31 tháng 10 năm 1967, FRUS, 1964-1968, tập 5, trang 372.

662

Nam, Chương 44, trang 10 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, trang 220.

663

124.

664

Gardner, Trả bất kỳ giá nào, trang 403-405 ; McNamara, Nhìn lại, trang 311-314.

665

TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, Hộp 8.

666

luật năm 1967», Tạp chí Luật Quân sự, số 40 (tháng 4 năm 1968), trang 33-34.

667

Christopher Caldwell, Thời đại của Đặc quyền : Nước Mỹ kể từ thập niên 1960 (New York : Simon & Schuster, 2020) ; Tom Brokaw, BÙM ! Những tiếng nói của thập niên 1960 - Những suy ngẫm cá nhân về những năm 60 và hiện tại (New York : Random House, 2007) ; Peter Collier và David Horowitz, Thế hệ hủy diệt : Những suy nghĩ lại về thập niên 60 (New York : Summit Books, 1989).

668

tại Harvard năm 1969 (Boston : Little, Brown, 1997), trang 48.

669

Baby Boom, xem : Roger Kimball, Cuộc hành quân dài : Cách mạng văn hóa thập niên 1960 đã thay đổi nước Mỹ ra sao (San Francisco : Encounter Books, 2000) ; Thomas Wheatland, Trường phái Frankfurt lưu vong (Minneapolis : Nhà xuất bản

Đại học Minnesota, 2009) ; Paul Berman, Chuyện kể về hai không tưởng : Hành trình chính trị của thế hệ 1968 (New York: W. W. Norton, 1996) ; Carl R. Trueman, Sự trỗi dậy và chiến thắng của cái tôi hiện đại : Chứng mất trí văn hóa, chủ nghĩa cá nhân biểu cảm và con đường dẫn đến cuộc cách mạng tình dục (Wheaton, Illinois : Crossway, 2020) ; Todd Gitlin, Thập niên 60 ; Collier và Horowitz, Thế hệ hủy diệt.

670

99.

671

thông từ một cuộc đời gây tranh cãi (New York : Crown Forum, 2004), trang 84-86.

672

Student Protest (Boston : Houghton Mifflin, 1970), 61, 119-120 (trích dẫn) ; Rosenblatt, Coming Apart, 23.

673

Circumstance : The Draft, the War, and the Vietnam Generation (New York : Alfred Knopf, 1978), 6-7. Xem thêm Stephen E. Ambrose, Nixon : The Triumph of a Politician, 1962-1972 (New York : Simon & Schuster, 1989), 264-265 ; Burkett và Whitley, Stolen Valor, 53-54.

674

Daddy ?» WashingtonMonthly, 8, Số 12 (Tháng 2 năm 1977).

675

676

«America's Vietnam Casualties : Victims of a Class War ?» Operations Research 40, Số 5 (Tháng 9/Tháng 10 năm 1992), 859 ; Lind, Vietnam : The Necessary War, 107-126 ; Burkett và Whitley, Stolen Valor, 55-57 ; Arthur T. Coumbe, A History of The U.S. Army Officer Corps, 1900-1990 (Carlisle : U.S. Army War College Press, 2014), 89-104.

677

Left, the New Right, and the 1960s (Berkeley : University of California Press, 1999), 18-96 ; Scanlon, The Pro-War Movement, 63-65, 242-288.

678

ties», 856-866. Barnett, Stanley, và Shore đã phân tích dữ liệu khu phố và các thông tin nền tảng khác của một mẫu lớn những người đã tử vong để xem liệu họ có giàu có như các thành viên trung bình trong cộng đồng của mình hay thay vào đó là những cá nhân nghèo sống trong một cộng đồng giàu có và phát hiện ra rằng nhìn chung họ đại diện cho cộng đồng của mình về mặt thu nhập gia đình. Xem thêm Milan, Not A Gentleman's War, 26-27 ; Sorley, A Better War, 302-303.

679

tary (Washington : Brookings Institution, 1982), 76-78 ; Burkett và Whitley, Stolen Valor, 56-57, 452-454 ; DCAS, Active Duty Military Deaths-Race/Ethnicity Summary, 25 tháng 7 năm 2009, <https://dcas.dmdc.osd.mil/dcas/pages/Documents/RACE-OMB-WC.pdf>. Số tử vong của người gốc Tây Ban Nha được ước tính vào khoảng 5% tổng số, nhưng hầu hết trong số

họ dường như đã được bao gồm trong các danh mục da trắng hoặc da đen, vì bản thống kê chính thức chỉ liệt kê 0,6% số người thiệt mạng trong danh mục gốc Tây Ban Nha.

680

moir (New York : Atheneum, 1977), 244-251 (trích dẫn) ; Jim Hoagland, «Anti-Draft Group Leaves 992 Cards at Justice Department», Washington Post, 21 tháng 10 năm 1967.

681

861-865 (trích dẫn) ; Joseph A. Califano, The Triumph and Tragedy of Lyndon Johnson : The WhiteHouse Years (New York : Simon & Schuster, 1991), 195-197.

682

hington Post, 22 tháng 10 năm 1967.

683

under the Glorious Banner of the October Revolution», 4 tháng 11 năm 1967, TTU, United States Department of State Collection, hộp 3.

684

1964-1968, 5, 390 ; Lee Kuan Yew, From Third World to First, 456-7. Xem thêm Bundy to Rusk, 14 tháng 11 năm 1967, NA II, RG 59, Lot Files, Entry 5005, Files of Ambassador-at-Large Averell Harriman, hộp 4 ; Bundy, «Comments on DOD First Rough Draft of 19 May», 30 tháng 5 năm 1967, LBIL, Warnke Papers, McNaughton Files, hộp 5 ; Charles Mohr, «Laos, Thailand and War», New York Times, 20 tháng 10 năm 1967. Trong cuốn sách năm 1995 của mình In Retrospect, McNamara đã

viện dẫn một báo cáo của CIA được phân loại rất cao, có ngày 11 tháng 9 năm 1967, để hỗ trợ luận điểm của ông rằng rủi ro của việc Mỹ rút quân khỏi Việt Nam không cao như nhiều người nghĩ vào thời điểm đó. McNamara trích dẫn một phần về hậu quả của một «kết cục bất lợi» ở Việt Nam, trong đó nói rằng, «Có lẽ những tác động ròn sẽ không gây tổn hại vĩnh viễn đến khả năng của quốc gia này trong việc thực hiện vai trò của mình như một cường quốc thế giới.» McNamara, *In Retrospect*, 292-294. Tuy nhiên, các phần khác của tài liệu lại mâu thuẫn với cách diễn giải của McNamara. Tài liệu nói rằng «kết cục bất lợi» này không có nghĩa là «việc rút quân Mỹ vội vã hoặc những nhượng bộ chính trị to lớn tương đương với việc trao cho Hà Nội đạt được mục tiêu của họ ở miền Nam một cách thẳng thừng» mà là một giải pháp đàm phán liên quan đến quá trình chuyển đổi tương đối có trật tự sang sự cai trị của Cộng sản trong khoảng thời gian khoảng một năm. Các tác giả thừa nhận, «Tuy nhiên, có thể các sự kiện sẽ diễn ra theo cách mà kết quả - việc những người cộng sản nắm quyền - sẽ xuất hiện rất nhanh chóng và trong điều kiện sụp đổ và hỗn loạn ở phía không Cộng sản. Có thể sẽ có cảnh tượng mọi người hoảng loạn bỏ chạy khỏi đất nước, những nhóm bị cô lập kháng cự một cách tự sát, và khủng bố cùng trả thù của Cộng sản. Rõ ràng, nếu trường hợp xấu nhất này xảy ra, sự mất uy tín mà Hoa Kỳ phải gánh chịu, cái mà sẽ được nhiều người coi không chỉ là mất uy tín chính trị, mà còn là mất uy tín đạo đức, sẽ còn lớn hơn nhiều.» Xét đến nỗi sợ hãi lan rộng về những người Cộng sản vào năm 1967, cũng như cuộc tháo chạy hoảng loạn của thường dân Việt Nam Cộng hòa trước lực lượng Bắc Việt trong các cuộc tấn công năm 1972 và 1975, một sự phản bội có trật tự đối với Nam

Việt Nam dường như ít có khả năng xảy ra hơn nhiều so với một cuộc đua điên cuồng tới lối thoát. Báo cáo cũng thừa nhận rằng số phận của các quốc gia châu Á khác sẽ phụ thuộc vào cách người Thái phản ứng trước áp lực từ Hà Nội và Bắc Kinh, và «chúng ta không có cơ sở vững chắc để ước tính người Thái sẽ phản ứng như thế nào trước áp lực như vậy.» CIA, «Implications of an Unfavorable Outcome in Vietnam», 11 tháng 9 năm 1967, LBIL, VNCF, hộp 259. Chính phủ Thái Lan đang trong quá trình xây dựng lực lượng chiến đấu của mình ở Việt Nam lên mười một nghìn người, tăng từ một số lượng nhỏ bé vào đầu năm, mặc dù thực tế là họ đang chiến đấu chống lại một cuộc nổi dậy ngày càng lớn mạnh của Cộng sản trong biên giới của chính họ. Hầu hết quân đội Thái được cam kết sau khi Clark Clifford và Maxwell Taylor đến thăm Thái Lan vào tháng 7 năm 1967. Roland A. Paul, *American Military Commitments Abroad* (New Brunswick, New Jersey : Rutgers University Press, 1973), 114 ; MACV, 1967 Command History, 273-276. Clifford và Taylor đã dự đoán chính xác trong báo cáo chuyến đi của họ rằng người Thái sẽ thực hiện lời cam kết của mình. Clifford và Taylor, Report to the President, 5 tháng 8 năm 1967, TTU, Ronald B. Franklin Jr., Collection, hộp 1. Việc triển khai quân đội Thái Lan đến Việt Nam này mâu thuẫn với tuyên bố sau đó của Clifford trong hồi ký của ông rằng ông kinh hoàng khi nghe thấy trong chuyến đi Đông Nam Á vào mùa hè năm 1967 của mình rằng các đồng minh Mỹ trong khu vực «không muốn đóng góp thêm binh lính» và, «ngoại trừ Hàn Quốc, đã phản đối việc phải gửi bất kỳ binh lính nào đến Việt Nam ngay từ đầu.» Clark Clifford với Richard Holbrooke, *Counsel to the President: A Memoir* (New York : Random House, 1991), 449.

Theo lời kể lại của Taylor về chuyến đi, «Những người bạn Anglo-Saxon của chúng ta ở Úc và New Zealand dường như nghĩ rằng chiến lược chiến tranh đang được theo đuổi là khá đúng trong khi người châu Á cảm thấy rằng chúng ta đang không gây áp lực đủ mạnh lên kẻ thù ... Về chủ đề nhạy cảm của yêu cầu quân đội, không ai phản đối các nhu cầu gia tăng được nêu ra trong trình bày chiến lược của chúng tôi. Nhưng mỗi quốc gia đều có lý do chính đáng tại sao không thể mong đợi thêm nhiều từ họ. Người Thái có một mối đe dọa du kích ngày càng tăng ở vùng đông bắc của họ ; người Úc và New Zealand chỉ ra các vấn đề phòng thủ mới phát sinh từ kế hoạch rút quân của Anh khỏi Malaysia và Singapore ; người Hàn Quốc phải đối mặt với sự gia tăng thâm nhập khủng bố từ Bắc Triều Tiên.» Taylor, *Swords and Plowshares*, 376.

685

hington Post, 22 tháng 10 năm 1967 ; Joseph A. Loftus, «Guards Repulse War Protesters at the Pentagon», New York Times, 22 tháng 10 năm 1967 ; Drea, McNamara, Clifford, and the Burdens of Vietnam, 282-283.

686

15 tháng 11 năm 1967, LBJL, Gibbons Papers, hộp 32.

687

Gòn rằng «Hà Nội đã báo cáo với sự khoái trí rõ rệt và rất chi tiết về các cuộc biểu tình phản chiến hiện tại ở Mỹ.» Saigon to State, 25 tháng 10 năm 1967, trong Pike, ed., *The Bunker Papers*, 1, 222.

688

Offensive (New York : Encounter Books, 2010), 317.

689

Manning, 19 tháng 10 năm 1967, LBJL, Diary Backup, hộp 79. Rusk đã đưa ra những bình luận tương tự vào đầu tháng đó. Ông nói, «Chính quyền đã đưa ra quyết định có chủ ý không tạo ra một tâm lý chiến tranh ở Hoa Kỳ. Đã không có các chiến dịch trái phiếu chiến tranh, v.v. Quyết định được đưa ra vì quá nguy hiểm cho đất nước này nếu thực sự bị kích động. Có lẽ đây là một sai lầm ; có lẽ tốt hơn là nên thực hiện các bước để xây dựng ý thức về một quốc gia đang có chiến tranh.» Gibbons, *The U.S. Government and the Vietnam War*, 4, 906-907.

690

chuyên đi «bề ngoài là để tham vấn thêm, nhưng thực tế là cho mục đích quan hệ công chúng.» Westmoreland, *A Soldier Reports*, 230-231.

691

692

ton Post, 14 tháng 11 năm 1967 ; «Westmoreland Optimistic», Washington Post, 16 tháng 11 năm 1967 (trích dẫn đầu tiên) ; Peter Grose, «War of Attrition Called Effective by Westmoreland», New York Times, 20 tháng 11 năm 1967 (trích dẫn thứ hai và thứ ba). Dự báo này sau đó sẽ bị chỉ trích là quá lạc quan, tuy nhiên việc rút quân Mỹ và chuyển giao trách nhiệm chiến đấu cho người Nam Việt Nam thực sự sẽ bắt đầu hai mươi tháng sau tuyên bố đó.

693

New York Times, 5 tháng 12 năm 1967.

694

Washington Post, 23 tháng 12 năm 1967.

695

Washington Post, 18 tháng 12 năm 1967.

696

the Joint Chiefs of Staff», 17 tháng 11 năm 1967, MCHC, Greene Papers ; Westmoreland to JCS, 21 tháng 11 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 418n ; JCSM-663-67, 27 tháng 11 năm 1967, NA II, RG 59, Lot Files, Entry 5005, Files of Ambassador-at-Large Harriman, hộp 2.

697

NA II, RG 472, MACJ03, Historians Background Files, hộp 181 ; John M. Collins, «Going to Telepone : OPLAN El Paso, Joint Force Quarterly, Số 17 (Thu/Đông 1997-98), 118-129 ; Andrew R. Finlayson, «Operation El Paso», Vietnam Veterans forFactual History Magazine, 1, Số 2 (2018), 21-25.

698

VNCF, hộp 93. Sự lạc quan của Sullivan về việc ngăn chặn đường không ở Lào đã bị chỉ trích bởi các nhà phân tích tình báo quân sự. Sullivan to Wheeler, 1 tháng 12 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 93.

699

cấp cao bị bắt vào đầu năm 1967 đã xác nhận rằng sáu trong số

mười chiếc xe tải được gửi xuống Đường mòn Hồ Chí Minh đã bị mất. Rand Vietnam Interviews, ser. AG, Số 573.

700

1960-1968 (Washington, DC : Center for Air Force History, 1993), 238-239.

701

được các chiến trường Nam Việt Nam và thêm 8.416 tấn ở lại Lào để vận hành hệ thống thâm nhập, tổng cộng là 33.952 tấn. Nguyen Viet Phuong, Van Tai Quan Su Chien Luoc Tren Duong Ho Chi Minh Trong, KhangChien Chong My, 2nd ed., 382. Các con số của Bắc Việt về cơ bản phù hợp với những ước tính tình báo đương thời của Mỹ. Vào tháng 10 năm 1967, tình báo Mỹ ước tính mức độ thâm nhập của Bắc Việt là 85 tấn mỗi ngày, tương đương 31.025 tấn mỗi năm. Rostow to Johnson, 18 tháng 10 năm 1967, LBJL, NSF, Files of Walt W. Rostow, hộp 7.

702

-
nam», New York Times, 29 tháng 11 năm 1967. Báo chí sau đó suy đoán rằng Eisenhower đã phối hợp thông điệp của mình với Bộ Tổng tham mưu Liên quân, điều mà Eisenhower đã phản hồi rằng ông đã không nói chuyện với bất kỳ ai trong Bộ Tổng tham mưu Liên quân kể từ khi rời Nhà Trắng vào tháng 1 năm 1961. Felix Belair, «Eisenhower Urges Support for War», New York Times, 24 tháng 12 năm 1967.

703

tháng 11 năm 1967.

704

-

GINT and the Indochina War, 1945-1975 (Fort Meade : National Security Agency, 2002), 317 ; Lee Lescaze, «Dakto : The Enemy's Choice», Washington Post, 25 tháng 11 năm 1967.

705

dale, «Battle for Dak To», Project CHECO Report, 21 tháng 6 năm 1968, TTU, Vietnam Archive Collection, hộp 4 ; Headquarters, 4th Infantry Division, «Battle for Dak To», 3 tháng 1 năm 1968, TTU, Douglas Pike Collection, Unit 2, hộp 7 ; W. R. Peers, «Presentation to MACV Commanders Conference», 3 tháng 12 năm 1967, TTU, Veteran Members of the 109th Quartermaster Company Collection, hộp 1 ; Nguyen Huu An với Nguyen Tu Duong, Chien Truong, Moi, 59-78 ; Chu Huy Man, Thoi Soi Dong, 463-467 ; Nguyen Quang Dat và Tran Hanh, eds., Mot So Tran Danh Trong Khang Chien Chong Phap, Tap I, 103-122 ; Nguyen Van Minh et al., Luc Luong Vu Trang and Nhan Dan Tay Nguyen Trong Khang Chien Chong My Cuu Nuoc ; Bui Quyen, The 3rd Airborne Battalion At Ngok Wan (The Kham Zei 180 Campaign), bản thảo chưa xuất bản ; Lee Lescaze, «Dakto : The Enemy's Choice», Washington Post, 25 tháng 11 năm 1967 ; Michael A. Eggleston, Dak To and the Border Battles of Vietnam, 1967-1968 (Jefferson, North Carolina : McFarland, 2017), 28-98 ; Murphy, Dak To, 128-301 ; Allan W. Sandstrum, «Three Companies at Dak To», trong Cash et al., eds., Seven Firefights in Vietnam, 85-108 ; Atkinson, Long Gray Line, 242-253 ; Villard, Combat Operations, 152-178 ; Leonard B. Scott, «The Battle for Hill 875, Dak To, Vietnam 1967», U.S. Army War College, March 1988 ; George P. Long, «Battle for Dak To», trong Albert N. Garland, ed., A

Distant Challenge : The U.S.Infantryman in Vietnam, 1967-1972 (Nashville : Battery Press, 1983), 45-50.

706

Moi, 59-60.

707

Danh Trong KhangChien Chong Phap, Tap I, 103-122.

708

709

710

79.

711

712

Mới, 77.

713

714

Area», 16 tháng 12 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 93.

715

Veteran Members of the 109th Quartermaster Company Collection, hộp 1.

716

Area», 16 tháng 12 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 93 ;
«Operations in the Cambodia/Laos/SVN Tri-Border Area»,

n.d., LBJL, NSF, VNCF, hộp 93.

717

1964-1968, 27, 213 (trích dẫn) ; Sharp to Wheeler, 5 tháng 12 năm 1967, LBJL, NSF, VNCF, hộp 92.

718

1964-1968, 27, 216. Vào thời điểm này, cộng đồng tình báo Hoa Kỳ tiếp tục bày tỏ nghi ngờ về quan điểm của quân đội Hoa Kỳ rằng vật tiếp tế quân sự đang di chuyển qua Sihanoukville đến lực lượng Cộng sản ở Nam Việt Nam và rằng gạo của Campuchia đặc biệt có giá trị đối với nỗ lực chiến tranh của Bắc Việt. Special National Intelligence Estimate 57/1-67, «Significance of Cambodia to the

719

tháng 12 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập của Ronald B. Frankum Jr., hộp 5 ; CIA, «Campuchia và những người Cộng sản Việt Nam», ngày 29 tháng 1 năm 1968, CREST, số tài liệu CIA-RDP-85T00875R001100070006-3.

720

với miền Nam Việt Nam», trang 292-294 (trích dẫn) ; W. R. Smyser, Người Việt độc lập : Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam giữa Nga và Trung Quốc, 1956-1969 (Athens, Ohio : Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế Đại học Ohio), trang 99-100.

721

của Trung Quốc trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa (London : Kegan Paul, 1998), trang 83-86, 120 ; Radchenko, Hai mặt trời trên thiên đường, trang 166-200 ; Chen Jian, Trung Quốc thời

Mao và Chiến tranh Lạnh, trang 230-237 ; Chang và Halliday, Mao, trang 537-546 ; Li, Con rồng trong rừng, trang 144-149 ; Wedeman, Gió Đông lặng xuống, trang 269-270 ; Tsou, Cách mạng Văn hóa và Cải cách hậu Mao, trang 60-62. Trung Quốc đã trải qua tăng trưởng kinh tế âm 5,7% vào năm 1966 và âm 4,1% vào năm 1968. [https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG ?locations=CN](https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?locations=CN)

722

ký) (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2001), trang 231.

723

97-100 ; Wirtz, Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, 158-162 ; Cubbage II, «Westmoreland vs. CBS», 150-153 ; Bunker gửi Rostow, 29 tháng 8 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 297 ; Abrams gửi Wheeler, Sharp, và Westmoreland, 20 tháng 8 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman, hộp 7 ; Cosmas, MACV, 449-454.

724

Tình báo, Năm mươi năm Thông tin cho Chính sách : Ấn bản Mở rộng có chứa các Tài liệu đã được Giải mật (Washington, DC : Trung tâm Nghiên cứu Tình báo, 2002), 178-183 ; Carver gửi Bunker, «Thỏa thuận về các Con số Quân số Việt Cộng», 15 tháng 9 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 5. Các con số được thống nhất chung về nhân sự địch đã được đưa vào Bản Đánh giá Tình báo Quốc gia Đặc biệt 14.3-67, «Khả năng của những người Cộng sản Việt Nam trong Chiến đấu ở Nam Việt Nam», 13 tháng 11 năm 1967, LBJL,

Giấy tờ Gibbons, hộp 32.

725

Việt Nam», 23 tháng 1 năm 1982, Số tài liệu CREST CIA-RDP88-01070R000100040003-8.

726

bổ công khai rằng mạng lưới này «không bao giờ có ý định khẳng định, và không tin, rằng Tướng Westmoreland đã không yêu nước hoặc không trung thành khi thực hiện nhiệm vụ của mình theo cách ông ta nhìn nhận chúng.» Để biết chi tiết về vụ án, xem Renata Adler, *Reckless Disregard : Westmoreland v. CBS*, Sharon v. Time (New York : Knopf, 1986) ; Bob Brewin và Sydney Shaw, *Việt Nam ra Tòa : Westmoreland vs. CBS* (New York : Atheneum, 1987) ; Burton Benjamin, *Fair Play : CBS, Tướng Westmoreland, và Cách một Phim Tài liệu Truyền hình đã Sai sót* (New York : Harper & Row, 1988) ; Cabbage, «Westmoreland vs. CBS», 144-167 ; Don Kowet, *Vấn đề Danh dự* (New York : Macmillan, 1984) ; M. Patricia Roth, *Bồi thẩm đoàn và Vị tướng* (New York : William Morrow, 1986).

727

năm 1983, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250204001 ; Bản khai có tuyên thệ của David C. Morgan, 18 tháng 2 năm 1983, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250204001 ; Carver gửi Helms, 11 tháng 9 năm 1967, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250209002.

728

tháng 11 năm 1967 đã bao gồm các cán bộ chính trị với số

lượng xấp xỉ con số mà CIA ủng hộ và đưa tổng lực lượng chiến đấu cộng với cán bộ chính trị vào khoảng từ 298.000 đến 333.000. Bản đánh giá thừa nhận sự tồn tại của các lực lượng tự vệ và tự vệ mật nhưng không đưa ra con số cho họ vì lãnh đạo CIA đã chấp nhận lập luận của Westmoreland rằng số lượng của họ quá thiếu chính xác để đưa vào bản đánh giá. Bản Đánh giá Tình báo Quốc gia Đặc biệt 14.3-67, «Khả năng của những người Cộng sản Việt Nam trong Chiến đấu ở Nam Việt Nam», 13 tháng 11 năm 1967, LBJL, Giấy tờ Gibbons, hộp 32. Xem thêm Carver gửi Helms, 10 tháng 7 năm 1967, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0240708003 ; Thăm vấn Trực tiếp George Carver, 8 tháng 11 năm 1984, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250312001.

729

năm 1983, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250201001.

730

năm 1983, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250150001.

731

1982, TTU, Bộ sưu tập Larry Berman (Westmoreland vs. CBS), hộp 11 ; Bản khai có tuyên thệ của Walt Rostow, 6 tháng 3 năm 1984, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250201001. Burton Benjamin, một giám đốc cấp cao của CBS mà mạng lưới này yêu cầu tiến hành một cuộc điều tra nội bộ về việc sản xuất, đã kết luận rằng «Một ‘âm mưu’, theo định nghĩa được chấp nhận của từ này, đã không được chứng minh.» Ông cũng chỉ trích các nhà sản xuất vì đã bỏ qua các nhân chứng và bằng chứng mâu thuẫn với những tuyên bố của Adams và vì «việc

nuông chiều những nhân chứng thông cảm.» Benjamin, «Một Cuộc Kiểm tra.»

732

1984, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250309001.

733

Washington Post, 6 tháng 1 năm 1985.

734

năm 1983, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250150001 ;
Thẩm vấn Trực tiếp John F. Stewart, 5 tháng 11 năm 1984,
TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250309001.

735

Cuộc Chiến Tốt hơn, 48-52.

736

lượng Đối phương, Tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh
Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu Mật từ
Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18.
Tổng số cho năm lên tới 103.173.

737

quân số du kích địch đã giảm nhiều nhất bởi vì những người
Cộng sản thường sử dụng du kích để thay thế tổn thất trong các
đơn vị chính quy của họ. Westmoreland gửi RUEPJ5/NMCC,
«Lực lượng Đối phương», 4 tháng 4 năm 1968, TTU, Kho lưu
trữ ảo Việt Nam, Mục 0250209002 ; Bản khai có tuyên thệ của
James Meacham, 3 tháng 10 năm 1983, TTU, Kho lưu trữ ảo
Việt Nam, Mục 0250150001. Để biết thỏa thuận giữa CIA và

quân đội về quân số các lực lượng chính quy, du kích và quân hỗ trợ, xem Carver gửi Bunker, «Thỏa thuận về các Con số Quân số Việt Cộng», 15 tháng 9 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 5.

738

lượng Đối phương, Tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu Mật từ Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18. Lịch sử chính thức của Bắc Việt tuyên bố rằng quân số đã tăng từ 204.000 lên 278.000 trong năm. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Chiến thắng ở Việt Nam, 211. Tuy nhiên, nếu những con số đó là chính xác và các con số về tuyển quân và thâm nhập trong cùng cuốn lịch sử đó là chính xác, thì tổn thất của Cộng sản trong năm sẽ chỉ là 14.600, một con số thấp một cách vô lý.

739

1964-1968, 5, 400 ; Johnson, ghi chú cuộc họp, 21 tháng 11 năm 1967, FRUS, 1964-1968, 5, 409 ; Blair, Ở đó đến Tận cùng, 160. Các con số tổn thất địch bao gồm các cá nhân không thuộc lực lượng chiến đấu của địch, chẳng hạn như cán bộ chính trị và thường dân đang mang theo tiếp tế hoặc sơ tán thương vong cho những người Cộng sản. Các con số về địch bị giết trong hành động, đào ngũ, thương vong không do chiến đấu và tổng tổn thất được liệt kê trong MACV, Lịch sử Chỉ huy 1967, 2, 111. Con số về tù binh được lấy từ Bản Đánh giá Tình báo Quốc gia Đặc biệt 14.3-67, «Khả năng của những người Cộng sản Việt Nam trong Chiến đấu ở Nam Việt Nam», 13 tháng 11 năm 1967, LBJL, Giấy tờ Gibbons, hộp 32. Số lượng địch mất vĩnh viễn do vết thương được tính bằng cách trừ các danh mục

tôn thất khác khỏi tổng tôn thất. Tính chính xác của các con số thương vong được phân tích thêm trong Chương 16.

740

năng của những người Cộng sản Việt Nam trong Chiến đấu ở Nam Việt Nam», 13 tháng 11 năm 1967, LBJL, Giấy tờ Gibbons, hộp 32.

741

Nam, 466.

742

trường Nam Bộ-Cực Nam Trung Bộ Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, 546. Để biết chi tiết về các vấn đề tuyển quân ở tỉnh Định Tường, Đồng bằng sông Cửu Long, xem David W. P. Elliott, Cuộc chiến tranh Việt Nam : Cách mạng và Thay đổi Xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long, 1930-1975 (Armonk : M. E. Sharpe, 2003), 2, 984-988.

743

định trong những tháng cuối năm 1967, xem Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 43-255.

744

triệu lên 11,5 triệu. Các tỷ lệ phần trăm được tính toán dựa trên giả định rằng tất cả 463.000 dân tị nạn mới đăng ký đã chuyển từ các khu vực tranh chấp hoặc do Cộng sản kiểm soát sang các khu vực an toàn. Thomas C. Thayer, Cuộc chiến không Mặt trận : Kinh nghiệm của Mỹ ở Việt Nam (Boulder : Westview Press, 1985), 142-145, 227.

745

trường Nam Bộ-Cực Nam Trung Bộ Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, 547. Tại tỉnh Phú Yên, phía Bắc Việt Nam báo cáo vào giữa năm 1967 rằng số người dưới sự kiểm soát của Cộng sản trong tỉnh đã giảm từ mức cao nhất 260.000 xuống còn 20.000. Tài liệu và Ghi chú Nghiên cứu Việt Nam, Số 3, «Nhiệm vụ Chính trị trong Chiến dịch Mùa Hè 1967», 13 tháng 5 năm 1967, TTU, Bộ sưu tập Douglas Pike, Đơn vị 1, Hộp 6. Một nghị quyết được đưa ra bởi ban lãnh đạo Cộng sản ở miền Nam vào giữa năm 1967 nêu rõ rằng Mỹ và Nam Việt Nam đã «có thể chiếm một số khu vực và giành quyền kiểm soát một phần lớn hơn dân số, do đó làm trống rỗng một số khu vực bàn đạp và căn cứ của chúng ta khỏi dân thường.» Trần Tình, biên tập, Văn kiện Đảng, Tập 28, 490.

746

Bản khai có tuyên thệ của Walt Rostow, 6 tháng 3 năm 1984, TTU, Kho lưu trữ ảo Việt Nam, Mục 0250201001.

747

ra Giai đoạn Cuối của Cuộc Cách mạng đã tới», 5 tháng 1 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Douglas Pike, đơn vị 2, hộp 9.

748

Việt», không ngày tháng, FRUS, 1964-1968, 5, 440n ; Wirtz, Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, 172-179 ; Ford, Tết Mậu Thân 1968, 179-183.

749

Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 33-34. Tại một cuộc

hợp vào tháng 12, Bộ Chính trị thừa nhận rằng mặc dù cuộc tấn công sắp tới rất có thể sẽ tạo ra một chiến thắng mang tính lịch sử, nhưng cũng có thể những thành công của cuộc tấn công sẽ không hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù và có thể khiến Hoa Kỳ mở rộng chiến tranh ra Bắc Việt Nam, Lào và Campuchia. Sđd, 37-40.

750

-
fornia : Văn Nghệ, 1997), được T. Lan Trần dịch là Bóng tối Giữa Ban ngày (chưa xuất bản, 2019) ; Sophie Quinn-Judge, «Cuộc tranh luận Ý thức hệ ở DRV và Ý nghĩa của Vụ án Chống Đảng», 1967-68», Lịch sử Chiến tranh Lạnh, 5, Số 4 (Tháng 11 năm 2005), 479-500 ; Pribbenow, «Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Sự tiến hóa Bí ẩn của Kế hoạch cho Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968», 21-22 ; Huy Đức, Bên Thắng Cuộc, Tập II : Quyền Bính (Los Angeles : Osinbook, 2012), 155-160 ; Nguyễn, «Bộ Chính trị Chiến tranh», 25-32 ; Nguyễn, Cuộc chiến của Hà Nội, 91-107.

751

752

140.

753

754

755

Bên trong về Sáu Tháng Đẫm máu nhất của Chiến tranh Việt Nam (Philadelphia : Casemate, 2007), 157, 161.

756

757

Sau Tác chiến, 14 tháng 1-19 tháng 2 năm 1968, NA II, RG 472, Lữ đoàn Bộ binh 199, Báo cáo Sau Hành động, Hộp 1 ; Tonsetic, Những ngày Dừng cảm, 156-165 ; Nolan, Trận chiến vì Sài Gòn, 142-148 ; Albin F. Irzyk, Anh hùng Thầm lặng : Giải cứu Sài Gòn (Raleigh : Ivy House, 2008), 153-161 ; John C. McManus, Trung đoàn Bộ binh 7 : Chiến đấu trong Thời đại Khủng bố, Từ Chiến tranh Triều Tiên đến Hiện tại (New York : Forge, 2008), 123-126 ; Gibler, phỏng vấn với tác giả ; MacGill, phỏng vấn với tác giả ; Johnson, phỏng vấn với tác giả.

758

Wirtz, Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, 201-207 ; Ford, Tết Mậu Thân 1968, 103-104 ; Palmer, Tiếng gọi của Kèn Trumpet, 183.

759

112-118 ; Wirtz, Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, 200-223 ; Cosmas, MACV : Bộ Tư lệnh Liên hợp trong những năm Rút quân, 48-49 ; Davidson, Việt Nam trong Chiến tranh, 479-481. Thêm bằng chứng ủng hộ trọng tâm phía bắc đến từ lưu lượng vô tuyến của Cộng sản, chủ yếu nói về các hoạt động tấn công ở các tỉnh cực bắc và các tỉnh cao nguyên Pleiku và Kontum và chỉ đề cập ít ỏi đến các thị trấn và thành phố của Nam Việt Nam. Hanyok, Spartans in Darkness, 330-331. Ít nhất một phần của lưu lượng vô tuyến này đại diện cho một nỗ lực đánh lừa có chủ ý của Bắc Việt, vì Pleiku và Kontum chứng kiến ít hoạt động quân sự của Bắc Việt trong giai đoạn sau đó.

760

Việt Nam», ngày 8 tháng 4 năm 1968, http://www.foia.cia.gov/sites/default/files/document_conversions/89801/DO_C_0000097712.pdf ; Sharp và Westmoreland, Báo cáo về Chiến tranh ở Việt Nam, 135 ; Ford, Tết Mậu Thân 1968, 183-184 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 274-277 ; Daniel O. Graham, Lịch sử Truyền miệng, LBJL ; Westmoreland, Một Người lính Báo cáo, 321 (trích dẫn).

761

ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 1968 (Washington : Bộ phận Lịch sử và Bảo tàng Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ, 1997), 108 ; Sharp và Westmoreland, Báo cáo về Chiến tranh ở Việt Nam, 174 ; Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, Tóm tắt Lực lượng Đối phương, Tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu Mật từ Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18.

762

Nam, 140-145.

763

(Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1976), 94-96.

764

Huế Trong Cuộc Chiến tranh Chống Mỹ Cứu Nước Toàn Thắng, 151. Một cuốn lịch sử được ủy nhiệm bởi Bộ Chính trị giải thích rằng các cuộc tấn công lớn bắt đầu ở Khe Sanh vào tháng 1 bởi vì cuộc tấn công vào Khe Sanh là trung tâm của «tổng tiến công», bao gồm các cuộc tấn công quân sự ở vùng nông thôn và

rừng núi kết hợp với «tổng khởi nghĩa». Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh Trục thuộc Bộ Chính trị, Tổng kết Cuộc Kháng chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 69-70.

765

số bốn mươi ngàn quân ở Khe Sanh đến Huế ngay khi chiến sự nổ ra ở đó nhưng đã không làm vậy. Họ đợi đến ngày 10 tháng 2 mới di chuyển quân và sau đó gửi chỉ năm tiểu đoàn. Khi đã rõ rằng phe đồng minh có thể tập hợp đủ lực lượng để chiếm lại Huế, Bắc Việt Nam quyết định giữ lực lượng của họ ở Huế thay vì rút chúng về nơi an toàn để giam chân quân đồng minh, những người lẽ ra đã có thể đi đến Khe Sanh. Thượng tướng Trần Văn Quang, người chỉ huy lực lượng Cộng sản ở quân khu Huế, sau này tuyên bố rằng khu vực của ông được chỉ định «chỉ là một chiến trường thứ yếu» vào đầu năm 1968. Ngược lại, ông khẳng định, Bộ Tổng tư lệnh đã chọn Mặt trận B5 làm chiến trường chính phía bắc của mình trong Quân khu I, mà trong đó Khe Sanh là khu vực tác chiến chủ yếu. Do các mệnh lệnh được ban hành từ Bộ Tổng tư lệnh vào ngày 18 tháng 2, Tướng Quang kể lại, «chúng tôi phải tiếp tục giữ Huế để hỗ trợ các nỗ lực của Mặt trận B5» tại Khe Sanh. Ho Ban, ed., Hướng Tiến Công, và Nổi Dậy Tết Mậu Thân ở Trị-Thiên-Huế (năm 1968) (Hà Nội : Viện Lịch sử Quân sự, 1986), 94-111. Lịch sử chính thức của Sư đoàn 325 QĐNDVN cũng chứng thực tầm quan trọng bậc nhất của Khe Sanh và Mặt trận B5. Phạm Gia Đức, Sư Đoàn 325, Tập II, 95-96. Vào mùa hè năm 1968, Tướng Creighton Abrams nhận xét rằng nếu Bắc Việt Nam không quá ám ảnh với Khe Sanh, họ đã có thể chuyển một hoặc hai sư đoàn từ Khe Sanh đến Huế, điều này sẽ tạo ra những vấn đề to

lớn cho lực lượng Hoa Kỳ. Ông tin rằng Bắc Việt Nam có thể giữ Huế trong ba tháng nếu có sự tăng viện như vậy. Lewis Sorley, ed., *Biên niên sử Việt Nam : Các băng ghi âm của Abrams, 1968-1972* (Lubbock : Nhà xuất bản Đại học Công nghệ Texas, 2004), 33-34.

766

năm 1968, CREST, số tài liệu 02547967 ; Robert Pisor, *End of the Line : The Siege of Khe Sanh* (New York : W. W. Norton, 1982), 118-120 ; Zaffiri, *Westmoreland*, 272-275.

767

Westmoreland Papers, hộp 15 (trích dẫn) ; *Westmoreland gửi Wheeler*, 22 tháng 1 năm 1968, *DDRS*, 1986, 95 ; *The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam*, Chương 48, 22.

768

769

VNCF, hộp 66 ; *JCS gửi CINCPAC*, 11 tháng 2 năm 1968, *FRUS*, 1964-1968, 6, 51n ; *Công báo của Tổng thống*, 1968-69, 234 ; *Cosmas, MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal*, 73 ; *Thompson, To Hanoi and Back*, 125.

770

Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2004), 1-40. Xem thêm *Luận, Nationalists in the Viet Nam Wars*, 331-332. Lê Duẩn và Ban Chấp hành Trung ương đã đề nghị khả năng rằng cuộc tổng tiến công sẽ không đạt được thành công toàn diện này. Họ thừa nhận rằng Hoa Kỳ có thể phản ứng bằng cách gửi thêm quân đến Việt Nam. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp

đó, cuộc tổng tiến công chắc chắn sẽ củng cố vị thế của Hà Nội ở miền Nam. Ibid., 55-57 ; Lê Duẩn, Thư vào Nam, 96-97. Một khi chiến thắng quân sự đã đạt được, Hà Nội dự định huy động một tổ chức mặt trận ở miền Nam gọi là Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình, được cho là có ý định đóng một vai trò hàng đầu trong quá trình chuyển giao quyền lực cho Đảng Cộng sản. MACV, 1968 Command History, 75. Việc liệu lãnh đạo Bắc Việt có thực sự muốn cuộc tổng tiến công thành công hay không đã là chủ đề tranh cãi. Một số bằng chứng cho thấy Hà Nội tin rằng cuộc tổng tiến công chắc chắn thất bại và phát động nó như một phương tiện để tiêu diệt những người Cộng sản sinh ra ở miền Nam, qua đó củng cố quyền kiểm soát của miền Bắc đối với miền Nam sau chiến tranh. Các kế hoạch cho cuộc tổng tiến công táo bạo đến mức liều lĩnh và được nghĩ ra với ít sự quan tâm đến các báo cáo từ những người Cộng sản miền Nam đặt nghi vấn về sự sẵn sàng của dân chúng nổi dậy. Quân Cộng sản phân tán lực lượng của họ đến mức gần như không thể đạt được chiến thắng ở hầu hết các khu vực. Hầu hết những kẻ tấn công thiệt mạng là người miền Nam, và xung đột giữa những người Cộng sản miền Bắc và miền Nam sau này sẽ gia tăng, một phần do sự tổn thất nặng nề của miền Nam trong Tết Mậu Thân. Chưa đầy hai mươi bốn giờ sau khi hầu hết các cuộc tấn công bắt đầu, COSVN dường như đã ban hành một thông tư trong đó mô tả chính xác những thiếu sót và thất bại của cuộc tổng tiến công và nói rằng cuộc tổng tiến công sẽ không đạt được một chiến thắng nhanh chóng và quyết định. Bầy Hồng, thông tư, 1 tháng 2 năm 1968, trong McGarvey, ed., *Visions of Victory*, 252-256. Trong một khoảng thời gian ngắn như vậy, COSVN rất có thể đã không biết được tình hình chiến

đầu ở hầu hết các khu vực. Tuy nhiên, bằng chứng chống lại sự tồn tại của một âm mưu của Bắc Việt mạnh mẽ hơn. Trong nhiều thời điểm khác trong cuộc chiến, cả trước và sau, những người Cộng sản đã phải chịu tổn thất nặng nề đơn giản vì phán đoán kém. Hà Nội khá có thể phân bổ ít người miền Bắc cho cuộc tổng tiến công vì dân chúng thị trấn và thành phố sẽ nhìn nhận người miền Nam thuận lợi hơn người miền Bắc. Một số đảng viên Cộng sản cấp cao gốc miền Nam ủng hộ phát động cuộc tổng tiến công, tin rằng chiến thắng là có thể. Hơn nữa, giới lãnh đạo Bắc Việt có lẽ đủ tự tin vào quyền lực của mình nên không sợ viễn cảnh dập tắt khát vọng tự trị của miền Nam sau khi đánh bại chính quyền Sài Gòn.

771

của Đảng, đọc cho tất cả binh lính vào đêm trước trận chiến, tuyên bố, «Đây sẽ là trận chiến vĩ đại nhất từng được chiến đấu trong suốt lịch sử nước ta. Nó sẽ mang lại sự thay đổi trên toàn thế giới nhưng cũng sẽ đòi hỏi nhiều hy sinh.» Những kẻ tấn công sẽ «kiên quyết tiến lên để đánh bại hoàn toàn quân xâm lược Mỹ» và «giải phóng hoàn toàn 14.000.000 người dân miền Nam Việt Nam.» Oberdorfer, Tet !, 75.

772

Thân ở Nam Việt Nam», ngày 8 tháng 4 năm 1968, http://www.foia.cia.gov/sites/default/files/document_conversions/89801/DOC_0000097712.pdf ; Hoàng Ngọc Lung, *The General Offensives of 1968-69* (Washington, DC : U.S. Army Center of Military History, 1981), 28-29 ; MACV, *1968 Command History*, 130 ; James H. Willbanks, *The Tet Offensive : A concise History* (New York : Nhà xuất bản Đại học Columbia, 2008),

26. Theo một tài liệu của Cộng sản, «Nhiều chùa chiền trong các khu vực tạm thời bị địch kiểm soát đã trở thành những cơ sở bí mật nơi cán bộ và chiến sĩ Quân Giải phóng có thể ẩn náu và nơi họ có thể cất giấu vũ khí, qua đó có đóng góp không nhỏ vào chiến thắng đạt được bởi Cuộc Tổng tiến công và Nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân miền Nam Việt Nam. Nhiều nhà sư và ni cô đã cung cấp hỗ trợ hậu cần, cung cấp lương thực và đạn dược cho quân ta, chăm sóc thương binh của ta, chôn cất những chiến sĩ Quân Giải phóng đã hy sinh, và che giấu những chiến sĩ bị mắc kẹt trong thành phố trước khi họ có thể rút lui về vùng giải phóng.» Nguyễn Phúc Khánh et al., ed., *Chung Một Bóng Cờ*, 221.

773

774

21-23 ; Hoàng Ngọc Lung, *Intelligence* (Washington, DC : U.S. Army Center of Military History, 1982), 147-148 ; Ford, *Tet 1968*, 184-185 ; Wirtz, *The Tet Offensive*, 79, 217. Có thể Thực tế Thiệu đã biết các cuộc tấn công sắp xảy ra. Các cơ quan tình báo của ông có một số nguồn tin trong Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như Đại tá Nam Đồng hay nói, các tù nhân Qui Nhơn, và nhiều tài liệu thu được có giá trị. Nếu Thiệu có biết, ông có thể đã chọn giả vờ không biết để cho phe Cộng sản thực hiện một cuộc tổng tiến công có vẻ như tự hủy hoại. Tuy nhiên, nhiều khả năng hơn là Thiệu đã bác bỏ bằng chứng về các cuộc tấn công sắp xảy ra vì những lý do tương tự như người Mỹ. Việc ông rời khỏi Sài Gòn trong Tết Mậu Thân ủng hộ mạnh mẽ kết luận đó.

775

tiến công Tết», không đề ngày, TTU, Virtual Vietnam Archive, Mục 168300010351 ; Harry Summers Jr., «Troops to Equal Any», Vietnam, 1, Số 1 (Mùa hè 1988), 20-25.

776

moreland, Report on the War in Vietnam, 158-159 ; Hoàng Ngọc Lung, Intelligence, 145-146 ; Villard, Combat Operations, 271-272 ; Cosmas, MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal, 50-51 ; Hammond, Public Affairs : The Military and the Media, 1962-1968, 343.

777

Luận, Nationalists in the Viet Nam Wars, 333-334.

778

and the War in Vietnam, Chương 51, 3 ; Cosmas, MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal, 54-56 ; Wirtz, The Tet Offensive, 219-222.

779

bắt đầu cuộc tổng tiến công, xem Hồ Sơn Đại và Trần Phan Chân, Lịch Sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định Kháng Chiến (1945-1975) (Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1994), 481-496 ; Cao Minh et al., Quân Khu 8 : Ba Mươi Năm Kháng Chiến (1945-1975) (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1998), 618-646 ; Trương Minh Hoạch và Nguyễn Minh Phụng, Quân Khu 9, 423-444 ; Cao Hùng et al., Quảng Nam-Đà Nẵng, Tập II, 153 ; Nguyễn Hữu Nguyên, Long An : Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước (1954-1975)

(Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1994), 224 ; Mai Chí Thọ, Hồi ức Mai Chí Thọ, Tập II : Theo Bước Chân Lịch Sử (Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001), 164-167.

780

Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2006), 168.

781

Department of State Newsletter, Số 85 (tháng 5 năm 1968), 22.

782

RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2808 ; Robert J. O'Brien, «Cuộc tấn công vào Đại sứ quán Mỹ trong Tết Mậu Thân 1968: Những yếu tố biến một chiến thắng chiến thuật thành một thất bại chính trị», Luận văn Thạc sĩ, Trường Chỉ huy và Tham mưu Lục quân Hoa Kỳ, 2009 ; Dees, «Cuộc tấn công thất bại của Việt Cộng», 22-30 ; Irzyk, Unsung Heroes, 77-107 ; Mai Chí Thọ, Hồi ức Mai Chí Thọ, 165-166 ; Robbins, This Time We Win, 125-133 ; Villard, Combat Operations, 328-330 ; Oberdorfer, Tet !, 2-34 ; Hồ Sơn Đại và Trần Phan Chấn, Lịch Sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định Kháng Chiến, 485-486.

783

Television Reported and Interpreted the Crisis of Tet 1968 in Vietnam and Washington (Boulder, Colo. : Westview Press, 1977), 1, 93-104 ; Don North, «Cuộc tấn công của VC vào Đại sứ quán Mỹ», Vietnam, 12, Số 5 (tháng 2 năm 2000), 38-47, 72 ; Hammond, Public Affairs : The Military and the Media, 1962-1968, 344-345.

784

các tỉnh đối với Cuộc Tổng tiến công Tết của Việt Cộng», 7 tháng 2 năm 1968, CREST, số tài liệu 00011917 ; CIA, «Đánh giá tình hình : Phân tích thái độ của cư dân Sài Gòn sau Cuộc tấn công của Việt Cộng», 11 tháng 2 năm 1968, LBJL, NSF, VNCF, hộp 70 ; CIA, Báo cáo Tình hình Việt Nam Số 7/68, 12 tháng 2 năm 1968, LBJL, NSF, VNCF, hộp 70 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 15 tháng 2 năm 1968, LBJL, NSF, National Security Council Histories, March 31 Speech, hộp 48 ; Rand Vietnam Interviews, ser. Tet-VC, No. 2 ; Martin G. Clemis, *The Control War : The Struggle for South Vietnam, 1968-1975* (Norman : Nhà xuất bản Đại học Oklahoma, 2018), 166-168 ; Dommen, *The Indochinese Experience of the French and the Americans*, 668-669 ; Nguyễn-Marshall, «Student Activism in Time of War : Youth in the Republic of Vietnam, 1960s-1970s», 56-57.

785

chiến tranh vào giữa năm : Bất đồng ở Hà Nội», *Washington Post*, 25 tháng 2 năm 1968.

786

tường thuật của Mỹ về các trận chiến gần Tân Sơn Nhất, xem Starry, *Mounted Combat in Vietnam*, 118-123 ; Villard, *Combat Operations*, 332-343. Một trong những sĩ quan chỉ huy lực lượng Cộng sản tiến vào Sài Gòn trong Tết, Thiếu tướng Huỳnh Công Tấn, kể lại, «Chúng tôi phải tiến hành một cuộc đấu tranh thuần túy quân sự. Chúng tôi không đóng vai trò hỗ trợ cho một cuộc nổi dậy của quần chúng như chúng tôi đã nghĩ.» Huỳnh Công Tấn, *Ở Chiến Trường Long An : Hồi ức* (Hà Nội : Nhà

xuất bản Quân đội Nhân dân, 1994), 133.

787

đổ lỗi cho người Nam Việt Nam và người Mỹ. Một chương trình phát thanh của Đài Hà Nội tuyên bố rằng lực lượng Nam Việt Nam và Mỹ đã vi phạm lệnh ngừng bắn để tiến hành các cuộc tấn công vào dân thường. CIA, Central Intelligence Bulletin, 30 tháng 1 năm 1968, CREST, số tài liệu 00809273.

788

NSF, National Security Council Histories, March 31st Speech, hộp 48 ; CIA, «Hiệu suất của QLVNCH trong Cuộc Tổng tiến công Tết», 10 tháng 2 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 56n ; Keeny, ghi chú cuộc họp thứ 584 của Hội đồng An ninh Quốc gia, 4 tháng 4 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 160. Hiệu suất ấn tượng của lực lượng Nam Việt Nam đã giảm bớt cho lực lượng Hoa Kỳ sự cần thiết phải vội vã đưa quân đến nhiều tỉnh lỵ và quận lỵ và do đó cho phép họ tiếp tục truy đuổi Quân đội Bắc Việt ở những vùng xa xôi hơn. DePuy gửi Rostow, «Tác động của các hoạt động gần đây của địch đối với Chương trình Bình định», 7 tháng 2 năm 1968, LBJL, NSF, VNCF, hộp 60.

789

790

-
tional Review, 31 tháng 3 năm 2003 ; Burkett and Whitley, Stolen Valor, 120-121 ; Peter Arnett, «Cuộc chiến này không hiệu quả», Daily Mirror, 1 tháng 4 năm 2003 ; Ellen C. Cousins, «Peter Arnett : Một vài ví dụ», 19 tháng 10 năm 2004, Primos Research.

791

chí Esquire và sau đó xuất bản các quan sát của mình trong cuốn sách bán chạy nhất Dispatches, đã viết về Cuộc Tổng tiến công Tết : «‘Chúng tôi phải phá hủy Bến Tre để cứu nó.’ Đó là cách phần lớn đất nước trở lại dưới cái mà chúng tôi gọi là kiểm soát, và cách nó vẫn cơ bản bị chiếm đóng bởi Việt Cộng, và miền Bắc cho đến ngày nhiều năm sau khi không còn ai trong số chúng tôi ở đó.» Michael Herr, Dispatches (New York : Alfred A. Knopf, 1977), 74.

792

thất bại của tình báo Đồng minh», Luận văn Thạc sĩ, Đại học Bang Arizona, 1989, 174.

793

1968 Command History, 131 ; Mommyer, Air Power in Three Wars, 318 ; Vetter, Never Without Heroes, 167-174.

794

lard, The 1968 Tet Offensive Battles of Quang Tri City and Hue (Washington, DC : U.S. Army Center of Military History, 2008); George W. Smith, The Siege at Hue (Boulder, Colorado : Lynne Rienner, 1999) ; Nicholas Warr, Phase Line Green : The Battle for Hue, 1968 (Annapolis : Naval Institute Press, 1997) ; Đặng Kinh, Vì Tướng Du Kích Lừng Danh (Hà Nội : Nhà xuất bản Lao Động, 2013) ; Lê Minh Hoàng et al., Trung Đoàn 6 (Đoàn Phú Xuân) 1965-2005 (Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2005) ; Nguyễn Văn Minh et al., Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V : Tổng Tiến Công Và Nổi Dậy Năm 1968 (Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị

Quốc gia, Hà Nội, 2001) ; Phạm Văn Sơn, Cuộc Tổng Tiến Công Tết Mậu Thân 1968 của Việt Cộng (Sài Gòn : Trung tâm In ấn và Ấn phẩm QLVNCH, 1969) ; Andrew Wiest, Vietnam's Forgotten Army : Heroism and Betrayal in the ARVN (New York : Nhà xuất bản Đại học New York, 2008) ; Mark Bowden, Huế 1968 : A Turning Point of the American War in Vietnam (New York : Atlantic Monthly Press, 2017) ; Shulimson et al., U.S. Marines in Vietnam : The Defining Year ; Eric Hammel, Fire in the Streets : The Battle for Hue, Tet 1968 (Pacifica, California : Pacifica Military History, 1991) ; Oberdorfer, Tet ! ; Keith William Nolan, Battle for Hue : Tet, 1968 (Novato, California : Presidio Press, 1983).

795

796

«không thể tràn ngập và chiếm được mục tiêu then chốt, quyết định này» đã cho phép đối phương của họ «sử dụng Mang Ca như một bàn đạp để phát động các cuộc phản công dữ dội.» Lê Minh Hoàng et al., Trung Đoàn 6, 110. Theo một tài liệu Cộng sản khác, Bắc Việt muốn Mang Ca đến mức đã cử máy bay bay thấp từ Bắc Việt đến ném bom căn cứ này. Bốn chiếc máy bay không bao giờ trở về Bắc Việt. Quân Đội Nhân Dân, 6 tháng 5 năm 1995.

797

Thuật Về Trận Chiến Ở Huế, Việt Nam 1968, translated by Olga Dror (Bloomington : Nhà xuất bản Đại học Indiana, 2014); Oriana Fallaci, Nothing, and So Be It, translated by Isabel Gligly (Garden City : Doubleday, 1972), 168-169 ; Bowden, Huế

1968, 99, 167, 174-175, 299-312 ; Langguth, *Our Vietnam*, 475-477 ; Douglas Pike, *Chiến lược Khủng bố của Việt-Cộng* (Sài Gòn : Phái bộ Hoa Kỳ, 1970), 54-60 ; Phạm Văn Sơn, *Cuộc Tổng Tiến Công Tết Mậu Thân 1968 của Việt Cộng*, 271-284 ; Lewy, *America in Vietnam*, 274-275.

798

Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 40 ; Kiều Tam Nguyễn, ed, *Chiến Trường Trị-Thiên-Huế Trong Cuộc Chiến Tranh Chống Mỹ Cứu Nước Toàn Thắng*, 151-152 (trích dẫn) ; Vũ Bách et al., *Trận Đánh Ba Mươi Năm*, Tập II (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1995), 333-335 ; Nguyễn Huy Toàn và Phạm Quang Định, *Sư Đoàn 304*, Tập II, 61-71.

799

năm 1968, CREST, số tài liệu 02547967 ; Davidson, *Vietnam At War*, 563 ; Hoàng Đan et al., *Chiến Dịch Tiến Công Đường Số 9-Khe Sanh Xuân Hè 1968* (Hà Nội : Bộ Quốc phòng, 1987), 70 ; MACV, *1968 Command History*, 420 ; Westmoreland, *A Soldier Reports*, 317.

800

801

Umbrage Editions, 2008), 144.

802

803

Việt Nam và Hậu quả của nó qua Lời kể của Người Mỹ và Đông Nam Á (New York : Ballantine Books, 1985), 184-185.

Năm 1998, vào ngày Loan qua đời, Adams tuyên bố, «Anh ta là một anh hùng. Nước Mỹ nên khóc.» Dale Hopper, «Nguyen Ngoc Loan Qua đời ở tuổi 67», Washington Times, 16 tháng 7 năm 1998. Xem thêm Tran Minh Cong, «An ninh Công cộng và Cảnh sát Quốc gia», trong Tuong Vu và Sean Fear, biên tập, Việt Nam Cộng hòa, 1955-1975 : Góc nhìn Việt Nam về Xây dựng Quốc gia (Ithaca : Ấn phẩm Chương trình Đông Nam Á, 2019), 78-79.

804
133.

805

806

York Times đã viết trong một bài xã luận ngày 4 tháng 2, «Bị cuốn trôi trong cơn bão lửa tuần trước là những chồng báo cáo lạc quan ngày càng cao về tiến trình bình định, đào tạo lại Quân đội Việt Nam Cộng hòa, và tiêu diệt lực lượng chính trị và quân sự của đối phương.» «Việt cộng Phát động ‘Cuộc Cách mạng’ của họ», New York Times, 4 tháng 2 năm 1968. Khi các phát ngôn viên Mỹ và Việt Nam Cộng hòa tuyên bố rằng cuộc tổng tấn công đã dẫn đến thất bại quân sự thảm khốc cho phe Cộng sản, các nhà báo bác bỏ họ là không nắm được tình hình. Murray Marder, «Các Chuyên gia Mỹ Thừa nhận Việt cộng Đã giành được Lợi thế», Washington Post, 3 tháng 2 năm 1968 ; Braestrup, Câu chuyện Lớn, 1, 155-157. Khi ngày tháng trôi qua, và ngày càng nhiều bằng chứng cho thấy cuộc tổng tấn công của Cộng sản đã không đạt được các mục tiêu quân sự và chính trị của mình, các phóng viên suy đoán rằng vùng nông

thôn đã mất vào tay phe Cộng sản vì nhiều lực lượng bình định của Việt Nam Cộng hòa đã rời bỏ nông thôn khi bắt đầu cuộc tổng tấn công để dập tắt các cuộc tấn công đô thị. Một bài báo trên Newsweek ngày 19 tháng 2 đã tuyên bố rằng chương trình bình định «đã bị một đòn mà từ đó nó chỉ có thể phục hồi một cách chậm chạp - nếu có thể.» «Người đàn ông ở điểm nóng», Newsweek, 19 tháng 2 năm 1968, 33.

807

công của VC», Washington Post, 18 tháng 2 năm 1968.

808

1969 (New York : Thư viện nước Mỹ, 1998), 581-582.

809

42.

810

811

Báo chí và Việt Nam», Encounter, LVII, Số 2 (tháng 8 năm 1981), 73-90.

812

813

814

York : Vantage, 1976), 99 ; Thomas Taylor, Nơi Hoa Cam Nở : Cuộc chiến và Cuộc trốn thoát của Một người ở Việt Nam (New York : McGraw Hill, 1989), 142-144 ; Pike, Chiến lược Khủng bố của Việt-cộng, 49-51.

815

nhìn của Chỉ huy QGPNVN», bài thuyết trình tại Hội thảo Lần thứ Sáu của Trung tâm Việt Nam Đại học Công nghệ Texas, ngày 14 tháng 3 năm 2008.

816

tấn công Tết tại Đà Nẵng bởi các Đại diện từ Hà Nội và Kế hoạch Mới cho Cuộc tấn công Đà Nẵng», 17 tháng 2 năm 1968, CREST, số tài liệu 02797882.

817

NA II, RG 472, MACV J2, IIRS, Hộp 34.

818

Việt Nam : Năm Định đoạt, 179-180.

819

Thủy quân lục chiến Mỹ trong Trận chiến vì Huế, 31 tháng 1 đến 2 tháng 3 năm 1968 (Quantico : Nhà xuất bản Đại học Thủy quân lục chiến, 2018), 38.

820

một Cái nêo vào Các đơn vị Định», New York Times, 6 tháng 2 năm 1968.

821

Nóng nhất Thế giới với một Phóng viên Chiến tranh Đoạt giải Pulitzer (New York : Morrow, 1987), 119.

822

823

824

Thân ở Trị-Thiên-Huế, 94-111.

825

Việt Nam : Năm Định đoạt, 213 ; Villard, Các Trận đánh trong Tổng tấn công Tết 1968 ở Thành phố Quảng Trị và Huế, 78-81 ; Bộ Lục quân, «Báo cáo Sau Hành động Chiến đấu - Chiến dịch Huế», 16 tháng 8 năm 1968, NA II, RG 407, Bộ sưu tập Vụ kiện Westmoreland vs CBS, hộp 3.

826

Jones, Trận chiến Cuối cùng ở Khe Sanh : Giờ phút Vẻ vang nhất của Thủy quân lục chiến Mỹ ở Việt Nam (Boston : Da Capo, 2014) ; John Prados và Ray Stubbe, Thung lũng Quyết định : Cuộc vây hãm Khe Sanh (Boston : Houghton Mifflin, 1991) ; Eric Hammel, Khe Sanh : Cuộc vây hãm trong mây (New York : Crown, 1989) ; Pisor, Điểm cuối ; Shulimson và các cộng sự, Thủy quân lục chiến Mỹ ở Việt Nam : Năm Định đoạt ; Momyer, Sức mạnh Không quân trong Ba Cuộc chiến.

827

828

958-959.

829

York : W. W. Norton, 1989), 167-170 ; Gardner, Trả bất kỳ giá nào, 416-418.

830

Tính Cơ động Cao và Ngừng hoạt động, 1969 (Washington,

DC: Phòng Lịch sử và Bảo tàng, Bộ Tư lệnh, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ, 1988), 258-259 ; Van Staaveren, Ngăn chặn ở Nam Lào, 290-292 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 922-923.

831

832

1968, Băng Lịch sử Truyền miệng USMC #1775.

833

nhớ đến những Người anh em đã Ngã xuống của chúng ta, những người đã Chết vì Chiến trường Khe Sanh (Wauwatosa, Wisconsin : Cựu chiến binh Khe Sanh, 2005), 152-153.

834

835

1968, Băng Lịch sử Truyền miệng USMC #1775.

836

837

miệng USMC #2572.

838

839

cáo Sau Hành động : Trận chiến Lang Vei», 22 tháng 2 năm 1968, NA II, RG 572, Nhóm Lực lượng Đặc biệt số 5, Hồ sơ của các Đội A, hộp 146 ; William R. Phillips, Đêm của những Ngôi sao Bạc : Trận chiến Lang Vei (Annapolis : Nhà xuất bản Học viện Hải quân, 1997) ; Jones, Trận chiến Cuối cùng ở Khe

Sanh, 118-138 ; John A. Cash, «Trận chiến Lang Vei», trong Cash và các cộng sự, biên tập, Bảy Cuộc độ súng ở Việt Nam, 109-138 ; Edwards, «Các Hoạt động Đơn vị», 9 tháng 5 năm 1968, NA II, RG 472, Nhóm Lực lượng Đặc biệt số 5, Hồ sơ của các Đội A, hộp 146 ; Prados và Stubbe, Thung lũng Quyết định, 352-389 ; Shulimson và các cộng sự, Thủy quân lục chiến Mỹ ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 273-276 ; Pham Gia Duc, Sư đoàn 325, Tập II, 100-103.

840

-
mas, MACV : Bộ Chỉ huy Liên hợp trong những Năm Rút quân, 44-48 ; Sorley, Westmoreland, 174-176.

841

-
son và các cộng sự, Thủy quân lục chiến Mỹ ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 161-162 ; Pisor, Điểm cuối, 175-176.

842

843

Người lính Bắc Việt (Los Angeles : Corps Productions, 2005), 106-107.

844

845

(Hà Nội : Nhà xuất bản Thế giới, 2001), 177.

846

Tập II, 121-122.

847

LBJL, Lịch sử NSC, Bài phát biểu 31 tháng 3, hộp 49 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 1 tháng 3 năm 1968, NA II, RG 59, Hồ sơ Trung tâm, 1967-1969, hộp 2804 ; Ban Tham mưu Liên hợp, «Phân tích các Yêu cầu Lực lượng COMUSMACV và các Phương án», 1 tháng 3 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 96 ; Schaffer, Ellsworth Bunker, 197-199.

848

trong Braestrup, Câu chuyện Lớn, 1, 686-687 ; «Lực lượng mỏng manh», Time, 23 tháng 2 năm 1968, 16.

849

Tổng thống», 6 tháng 2 năm 1968, LBJL, Ghi chú Cuộc họp của Tom Johnson, hộp 2 ; Johnson, «Ghi chú về Cuộc họp của Tổng thống với Hội đồng An ninh Quốc gia», 7 tháng 2 năm 1968, LBJL, Ghi chú Cuộc họp của Tom Johnson, hộp 2.

850

VNCF, hộp 66 ; Wheeler gửi Westmoreland, 8 tháng 2 năm 1968, DDRS, số tài liệu CK2349001245 ; CBS News, «Những năm Johnson», 25-26 tháng 9 năm 1969, LBJL, Tập Đặc biệt, Các cuộc phỏng vấn CBS, «Tại sao tôi Chọn không Tranh cử», hộp 1.

851

hình và Yêu cầu», 12 tháng 2 năm 1968, MHI, Hồ sơ Harold K. Johnson, hộp 143.

852

đồng Cố vấn Đối ngoại Cấp cao», 10 tháng 2 năm 1968, LBJL, Ghi chú Cuộc họp của Tom Johnson, Hộp 2 ; Schandler, Sự sụp

đồ của một Tổng thống, 135.

853

Perry, Bốn Ngôi sao, 187-188 ; Cosmas, MACV : Bộ Chỉ huy Liên hợp trong những Năm Rút quân, 94-95.

854

Nam và Yêu cầu Lực lượng MACV», 27 tháng 2 năm 1968, DDRS, 1979, 383A.

855

Kim Willemson, Cuộc chiến Tội tặc : Lịch sử Truyền miệng về Chiến tranh Việt Nam (New York : New American Library, 1987), 96-97.

856

1964-1968, 6, 91.

857

858

«Trong một thời gian, chúng ta đã nghĩ và có cảm giác rằng chúng ta hiểu sức mạnh của Việt cộng và Bắc Việt. Bạn sẽ nhớ những báo cáo khá lạc quan của Tướng Westmoreland và Đại sứ Bunker năm ngoái. Thẳng thắn mà nói, đó là một cú sốc khi Việt cộng-Bắc Việt có sức mạnh lực lượng và kỹ năng để phát động cuộc tổng tấn công Tết - như họ đã làm. Họ tấn công 34 thành phố, tạo ra những bước tiến mạnh ở Sài Gòn và ở Huế. Đã có những tác động rất rõ rệt được cảm nhận ở nông thôn... . Có những nghi ngờ nghiêm trọng rằng chúng ta đã đạt được loại tiến bộ mà chúng ta hy vọng đã đạt được vào thời điểm

này.» Johnson, ghi chú cuộc họp, 4 tháng 3 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 104. Xem thêm John Acacia, Clark Clifford : Người đàn ông Khôn ngoan của Washington (Lexington : Nhà xuất bản Đại học Kentucky, 2009), 256-265. Một báo cáo của CIA gần như chắc chắn đã ảnh hưởng đến Clifford, với ngày công bố là 1 tháng 3, đã bày tỏ sự bi quan sâu sắc về triển vọng của chính phủ Việt Nam Cộng hòa và dự đoán rằng phe Cộng sản sẽ tăng cường sức mạnh quân đội đủ để bù đắp tác động của việc tăng quân Mỹ. CIA, «Những câu hỏi về Tình hình ở Việt Nam», 1 tháng 3 năm 1968, CREST, số tài liệu 03398256. Một đánh giá khác của CIA tuyên bố rằng người Bắc Việt «có thể sẽ bù đắp được những tổn thất gần đây của họ», trong khi chính phủ Việt Nam Cộng hòa rất khó có thể lấy lại vị trí trước Tết hoặc đạt được thêm các thành tựu. CIA, «Triển vọng ở Việt Nam», 26 tháng 2 năm 1968, LBJL, NSF, Lịch sử Hội đồng An ninh Quốc gia, Bài phát biểu 31 tháng 3, hộp 47. Xem thêm Cục Tình báo CIA, «Bình định trong Hậu quả của Tổng tấn công Tết ở Việt Nam», 19 tháng 3 năm 1968, LBJL, NSF, VNCF hộp 60. Bộ phận Phân tích Hệ thống của Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng, vốn có thiên hướng về phe bò câu, tuyên bố rằng «cuộc tổng tấn công hiện tại của địch dường như đã giết chết chương trình [bình định] một lần và mãi mãi.» Pentagon Papers, IV, 556. Về ảnh hưởng của truyền thông, Harry McPherson, một thành viên có ảnh hưởng khác thuộc phe bò câu, sau này thừa nhận, «Tôi gạt bỏ khả năng tiếp cận nội bộ của riêng mình với thông tin mật và bị thuyết phục nhiều hơn bởi những gì tôi thấy trên TV và trên báo.» Schandler, Sự sụp đổ của một Tổng thống, 82.

859

fairs, tháng 7 năm 1969, 609-610.

860

861

862

thắng Quân sự ở Việt Nam», 14 tháng 3 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 126 ; McPherson gửi Johnson, 18 tháng 3 năm 1968, trong Barrett, biên tập, Các tài liệu Việt Nam của Lyndon B. Johnson, 680-683 ; Alain C. Enthoven và K. Wayne Smith, Bao nhiêu là Đủ ? Định hình Chương trình Quốc phòng, 1961-1969 (New York : Harper & Row, 1971), 298-299 ; Pentagon Papers, IV, 556-569 ; Edward J. Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 1965-1969 (Washington, DC : Văn phòng Lịch sử của Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng, 2011), 223-225.

863

Chiến lược Thay thế ở Việt Nam», 1 tháng 3 năm 1968, LBJL, NSF, Lịch sử Hội đồng An ninh Quốc gia, Bài phát biểu 31 tháng 3, hộp 49.

864

865

866

1968, DDRS, 1979, 371A.

867

Sanh, là mục tiêu chính của đối phương», New York Times, ngày 7 tháng 3 năm 1968.

868

LBJL, Westmoreland Papers, hộp 16. Sau khi đọc bài báo, Wheeler khiển trách Westmoreland vì đã hạ thấp mối đe dọa của kẻ thù, mặc dù ông ta diễn đạt nó dưới dạng mối quan tâm của Clifford về việc tạo ra hy vọng sai lầm trong công chúng Mỹ hơn là mối quan tâm của chính ông về việc thuyết phục Johnson cho phép thêm quân. «Đừng hạ thấp kẻ thù», Wheeler thông báo với Westmoreland. «Đừng sa đà vào việc dự báo kế hoạch của địch hoặc kế hoạch của chúng ta. Đừng đưa ra những dự đoán về chiến thắng. Hãy bày tỏ quan điểm rằng có những trận chiến ác liệt và kẻ thù có những khả năng dự bị chưa được triển khai.» Wheeler gửi Westmoreland và Sharp, ngày 8 tháng 3 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 112.

869

LBJL, Westmoreland Papers, hộp 39.

870

người điều hâu ủng hộ McCarthy», New York Times, ngày 15 tháng 3 năm 1968 ; Peter Braestrup, «Một bình luận về Khủng hoảng Việt Nam ở Mỹ : Tết Mậu Thân 1968», trong James Titus, biên tập, The Home Front and War trong Thế kỷ Hai mươi: Kinh nghiệm của Mỹ trong viễn cảnh so sánh (Washington, DC: Government Printing Office, 1984), 200 ; Oberdorfer, Tet!, 276-77.

871

872

The Defining Year, 283 ; Prados and Stubbe, Valley of Decision, 513.

873

lượng Đồi phương (Order of Battle Summary), tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu mật từ Combined Intelligence Center Vietnam, 1965-1973, cuộn 18.

874

Staff and the War in Vietnam, Chương 52, 2-3 ; Littauer and Uphoff, biên tập. Air War in Indochina, 269.

875

1968, trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, tập 2, 393-402 ; Clarke, Advice and Support, 308-311 ; Villard, Combat Operations, 442-443 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 561-562.

876

877

ley, xem Milam, Not a Gentleman's War, 126-138, 162-165.

878

điều tra Sơ bộ về Sự kiện Mỹ Lai (Washington D.C. : Department of the Army, 1974) ; Howard Jones, My Lai : Vietnam, 1968, and the Descent into Darkness (New York : Oxford University Press, 2017) ; Michael Bilton and Kevin Sim, Four Hours in My Lai (New York : Viking, 1992) ; William Thomas Allison, My Lai : An American Atrocity in the Vietnam War

(Baltimore : Johns Hopkins University Press, 2012) ; Trent Angers, *The Forgotten Hero of My Lai : The Hugh Thompson Story* (Lafayette, Louisiana : Acadian House, 1999) ; Michael R. Belknap, *The Vietnam War on Trial : The My Lai Massacre and the Court-Martial of Lieutenant Calley* (Lawrence : University Press of Kansas, 2002).

879

880

quân địch bị tiêu diệt vào cuối tháng Hai, và 17.371 bị tiêu diệt trong tháng Ba. Tuy nhiên, một biểu đồ trong lịch sử này đưa ra con số cao hơn là 39.667 cho tháng Hai năm 1967. Lịch sử không giải thích sự khác biệt giữa con số đó và tổng số 37.000. MACV, *Lịch sử Chỉ huy 1968*, 199, 906. Tướng Trần Văn Trà, chỉ huy miền Bắc của các cuộc tấn công Tết vào Sài Gòn, sau này đã nói về những tổn thất thảm khốc với sự thẳng thắn và hối tiếc không chớp mắt. «Có những đơn vị tham chiến mà không một người lính nào trở về», ông than thở. Trần Văn Trà, «Tết : Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968», trong Jayne S. Werner và Luu Daan Huynh, biên tập, *The Vietnam War : Vietnamese and American Perspectives* (Armonk : M.E. Sharpe, 1993), 62.

881

gần Sài Gòn lúc đó, kể lại, «Khi các cuộc tấn công Tết Mậu Thân 68 được phát động, một số cán bộ và chiến sĩ của chúng ta lầm tưởng rằng chúng ta sẽ có thể nhanh chóng giải phóng Sài Gòn và sau đó là phần còn lại của miền Nam Việt Nam. Sau đó, khi địch phát động các cuộc phản công dã man, những cá nhân này trở nên sợ hãi, dao động và bắt đầu đầu hàng địch.»

Mai Chí Thọ, Hồi ức Mai Chí Thọ, 171. Xem thêm Turley, *The Second Indochina War*, 154-156.

882

đồng, Tập 5 : Kết thúc Cuộc chiến 30 Năm, dịch bởi Foreign Broadcast Information Service (Arlington, Virginia : Joint Publications Research Service, 1983), 35 ; MACV, *Lịch sử Chỉ huy 1968*, 73 ; Karnow, *Vietnam*, 547 ; Ahern, *CIA and Rural Pacification in Vietnam*, 313 ; Rand Vietnam Interviews, ser. Tet-VC, No. 43. Theo một ước tính của Mỹ, 20% số địch bị tiêu diệt không phải là binh lính hay du kích mà là cán bộ dân sự hoặc thường dân đã bị thuyết phục hoặc cưỡng ép tham gia cuộc tấn công. Villard, *Combat Operations*, 436. Việc thống kê càng phức tạp hơn bởi thực tế là một số lượng đáng kể binh lính và du kích đồng thời phục vụ với tư cách là cán bộ.

883

and the War in Vietnam, Chương 52, 45-46 ; Cosmas, *MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal*, 69-71.

884

885

York : Simon & Schuster, 1986), 698-700 ; Clifford, *Counsel to the President*, 513-514 (trích dẫn).

886

NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2805.

887

về việc chuyển Westmoreland sang vị trí Tham mưu trưởng Lục

quân vào đầu năm 1968. Cosmas, MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal, 3-4. Westmoreland muốn rời đi vì nhiệm kỳ bốn năm của ông dài hơn dự kiến và dài hơn hầu hết các nhiệm vụ thời chiến. Điện đàm, Johnson và Russell, ngày 22 tháng 3 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 150.

888

Tướng Earle Wheeler, JCS, và Tướng Creighton Abrams», ngày 26 tháng 3 năm 1968, LBJL, Tom Johnson's Notes of Meetings, hộp 2.

889

Cố vấn Chính sách Đối ngoại của ông», ngày 26 tháng 3 năm 1968, LBJL, Tom Johnson's Notes of Meetings, hộp 2.

890

1968, LBJL, Tom Johnson's Notes of Meetings, hộp 2. Nhóm sáu người bao gồm Dean Acheson, George Ball, Arthur Dean, Cyrus Vance, Douglas Dillon, và McGeorge Bundy. Bốn người điều hâu là Omar Bradley, Abe Fortas, Robert Murphy, và Maxwell Taylor. Những người ở giữa là Henry Cabot Lodge và Matthew Ridgway. Các ghi chú cuộc họp không chỉ ra lập trường của «Nhà hiền triết» (Wise Man) khác, Averell Harri-man. Trong nhóm sáu người, một số ủng hộ việc rút quân Mỹ trong một khoảng thời gian không xác định, nhưng những người khác chỉ ủng hộ một thay đổi trong chiến lược quân sự. Clifford và một số người ủng hộ ông sau này đã lan truyền một câu chuyện về giai đoạn này trong đó Johnson phật ý với Clifford và các Nhà hiền triết vì phản đối leo thang và ủng hộ ngừng ném bom. Người ta nói rằng các cuộc họp cuối tháng Ba đã gây

áp lực buộc Johnson phải chấp nhận lập trường ôn hòa của họ vào thời điểm ông đang có tư tưởng điều hòa hơn. Schandler, *Unmaking of a President*, 264 ; Harry McPherson, *A Political Education* (Boston : Little, Brown, 1972), 436-443 ; Roger Morris, *Uncertain Greatness : Henry Kissinger and American Foreign Policy* (New York : Harper & Row, 1977), 44-45 ; Clifford, *Counsel to the President*, 511-521 ; Isaacson and Thomas, *Wise Men*, 700-705. Trên thực tế, Johnson đã quyết định không gửi thêm quân, và việc ngừng ném bom phù hợp với kế hoạch «nắm đầm hòa bình» mà Johnson đã phác thảo trong cuộc điện đàm với Clifford vào ngày 20 tháng Ba.

891

Lyndon B. Johnson, 1968-69, Quyển I, 469-476.

892

the Presidency, 1963-1969 (New York : Holt, Rinehart and Winston, 1971), 425-431. Xem thêm Gittinger, biên tập, *The Johnson Years*, 77.

893

New York Times, ngày 31 tháng 3 năm 1968.

894

ton Post, ngày 24 tháng 3 năm 1968.

895

LBJ Giảm xuống 54%», Washington Post, ngày 25 tháng 3 năm 1968.

896

khi các cuộc khủng hoảng bùng phát, xem Mueller, War, Presidents, and Public Opinion ; Russett, Controlling the Sword ; Gelpi, Feaver, and Reifler, Paying the Human Costs of War.

897

lính của chúng ta như thế nào», Reader's Digest, tháng 6 năm 1968, 64. Trong một sự bác bỏ sớm đối với định kiến tiêu cực sau này về cựu chiến binh Việt Nam như là những người không phù hợp với xã hội, Gallup tuyên bố, «Họ sẽ là những công dân như thế nào ? Dựa vào mặt cắt ngang mà chúng tôi đã nói chuyện, câu trả lời là : những công dân ưu tú.»

898

NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2808. Clifford lưu ý cùng ngày rằng việc tạm ngừng «có thể dẫn đến việc chấm dứt ném bom» nếu nó «được đáp lại bằng hành động tương ứng từ phía bên kia.» Nitze, Bản ghi nhớ cho Hồ sơ, ngày 29 tháng 3 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 166.

899

900

việc hạn chế các vụ không kích là gây hiểu lầm », NewYork Times, ngày 3 tháng 4 năm 1968. Thượng nghị sĩ Mike Mansfield đã bênh vực Tổng thống. Ông chỉ ra rằng việc ném bom đã bị ngừng trên lãnh thổ nơi 90 phần trăm dân số miền Bắc Việt Nam sinh sống. «Chúng ta càng chất vấn tính trung thực của Tổng thống», Mansfield tuyên bố, «chúng ta càng làm suy yếu tay ông và vị thế của chúng ta trong việc cố gắng đạt được một giải pháp cho cuộc chiến tranh man rợ này.»

901

of Vietnam, 1965- 1969 (Washington, DC : Office of the Secretary of Defense Historical Office, 2011), 225 ; Johnson, Vantage Point, 493-495 ; Dallek, Flawed Giant, 537.

902

báo ngày 31 tháng 3 của Johnson, người Mỹ đã ủng hộ việc ném bom miền Bắc với tỷ lệ 70 trên 16. Sau khi tạm ngừng, 64 phần trăm người Mỹ tán thành việc ngừng ném bom của Johnson, chỉ có 26 phần trăm phản đối. Mueller, War, Presidents, and Public Opinion, 72-73.

903

bình làm các quan chức Mỹ lo ngại ở đó», New York Times, ngày 5 tháng 4 năm 1968 ; Bernard Weinraub, «Người Sài Gòn Sợ Mỹ Rút quân», New York Times, ngày 7 tháng 4 năm 1968.

904

Tổng thống Thiệu về Bài phát biểu Việt Nam của Tổng thống Johnson», ngày 4 tháng 4 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 32 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, ngày 6 tháng 4 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 32 (trích dẫn) ; Habib gửi Katzenbach, «Phản ứng của Việt Nam trước các động thái hòa bình», ngày 8 tháng 4 năm 1968, NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2717.

905

NSF, Head of State Correspondence File, hộp 12.

906

LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 32.

907

908

của Johnson, xem Võ Văn Sung, «Câu Chuyện Ngoại Giao 40 Năm Trước Bây Giờ Mới Kể», Vietnam Net, ngày 27 tháng 1 năm 2008, <http://www.vietnamnet.vn/chinhtri/2008/01/766176/>.

909

Perspective on the War, dịch bởi Nguyễn Ngọc Bích (Annapolis : Naval Institute Press, 2002), 65. Xem thêm Trương Như Tảng, A Viet Cong Memoir, 143.

910

NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2743.

911

mạng Hoàng Văn Hoan (Beijing : Foreign Languages Press, 1988), 332-334.

912

ngộ chiến đấu giữa Việt Nam và Trung Quốc là không thể chấp nhận được», Beijing Review, 22, Số 49 (ngày 7 tháng 12 năm 1979), 18.

913

13 tháng 4 năm 1968, CWIHP.

914

19 tháng 4 năm 1968, CWIHP.

915

916

1968, FRUS, 1964-1968, 6, 190n ; Johnson, VantagePoint, 497-503 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 50, 9-12.

917

1968, FRUS, 1964-1968, 6, 191.

918

1964-1968, 6, 193.

919

đoàn Dù 101 cho thời gian kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 1968», ngày 24 tháng 5 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Richard Detra, hộp 4 ; Sharp and Westmoreland, Report on the War in Vietnam, 166-167 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 159, 380 ; Cosmas, MACV : The Joint Command in the Years of Withdrawal, 110-111.

920

2 (tháng 7 năm 1968), 7-8, 32 ; Pearson, Cuộc chiến ở các Tỉnh Phía Bắc, 81-89 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 507-519 ; Spector, Sau Tết Mậu Thân, 123-141.

921

922

923

131-133 ; Trần Trọng Trung, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp Trong Những Năm Đế Quốc Mỹ Leo Thang Chiến Tranh (1965-

1969) (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2015), 285-286 (trích dẫn).

924

cập đến quyết định rút khỏi Thung lũng A Shau. Xét đến tính chất tương đối kém hiệu quả của các cuộc oanh tạc từ không ban đầu của Mỹ và địa hình thuận lợi cho phe phòng thủ, rất có thể quân Bắc Việt đã có thể khiến quân Mỹ tổn thất nặng nề về nhân mạng nếu họ ở lại trong thung lũng. Mặc dù nhiều đơn vị Bắc Việt lúc đó đang gặp vấn đề về tiếp tế, nhưng A Shau là một trung tâm tiếp tế và do đó có lẽ không thiếu thốn như những nơi khác. Lời giải thích hợp lý nhất là việc các đơn vị lớn của Mỹ và Nam Việt Nam đến từ nhiều hướng khác nhau đã khiến quân Bắc Việt lo sợ một cuộc bao vây mà họ không thể thoát ra được.

925

Danh dự, 11 tháng 12 năm 1969, NA II, RG 472, Hồ sơ Vụ việc Tặng thưởng Huân chương Danh dự.

926

11 tháng 7 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Richard Detra, hộp 4 ; Wiest, Vietnam's Forgotten Army, 138-143 ; Yarborough, A Shau Valor, 118-132 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 520-527 ; Pearson, Cuộc chiến ở các Tỉnh Phía Bắc, 89-92 ; Spector, Sau Tết Mậu Thân, 138-140.

927

tháng 4 năm 1968 ; «Những người da đen sống ở nước ngoài tìm thấy cơ hội rộng mở ở Châu Á», 30 tháng 4 năm 1968 ; «Người da đen ở Việt Nam lo ngại về nước Mỹ», 1 tháng 5 năm

1968, tất cả trên New York Times.

928

chiến Chống Mỹ Cứu nước, 106-107 ; Nguyễn Văn Minh và những người khác, Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 159-162 ; Trần Trọng Trung, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp Trong Những Năm Đế Quốc Mỹ Leo Thang Chiến Tranh, 284.

929

Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, Bản Tóm tắt Tình hình Lực lượng, tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu Mật từ Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18.

930

Nam, 162 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 4 tháng 7 năm 1968, trong Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 496 ; Phạm Vinh Phúc, «Trận Phục kích Đá Hàng - Vén Vén Của Trung Đoàn 88/Quân Khu Miền Đông, Ngày 25 Tháng 8 Năm 1968», trong Trần Hạnh, chủ biên, Một Số Trận Đánh Trong Kháng Chiến Chống Pháp, Kháng Chiến Chống Mỹ, 1945-1975, Tập II (Hà Nội : Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 1991), 210.

931

Một phân tích của Bắc Việt Nam từ năm 1973 đã đưa ra nhận định sau về các cuộc tấn công năm 1968 : «Chúng ta đã mắc một số sai lầm và chủ quan trong đánh giá tình hình, do đó đã đặt ra những mục tiêu không thực tế so với tình hình thực tế lúc bấy giờ, và đặc biệt sau đợt tấn công Tết Mậu Thân 1968, chúng

ta đã không xem xét lại các cuộc tấn công và rút ra bài học kịp thời để đánh giá lại tình hình và đưa ra những quyết định kịp thời nhằm thay đổi phương hướng.» Nguyễn Văn Minh và những người khác, Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 263. Xem thêm Nguyễn Việt Tá và những người khác, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, 363-364; Hồ Bàn, chủ biên, Hướng Tiến Công và Nổi Dậy Tết Mậu Thân ở Trị-Thiên-Huế, 94-111.

932

Lớn-Gia Định Kháng Chiến, 507 ; Moise, The Myths of Tet, 203.

933

Hòa giải Trung-Mỹ, 1968-1973», trong Odd Arne Westad và Sophie Quinn-Judge, chủ biên, The Third Indochina War : Conflict Between China, Vietnam and Cambodia, 1972-1979 (London : Routledge, 2006), 38 ; Taylor, China and Southeast Asia, 61.

934

Thủy, 7 tháng 5 năm 1968, CWIIHP. Xem thêm Biên bản Ghi nhớ, Chu Ân Lai và Phạm Hùng, 29 tháng 6 năm 1968, CWII-HP.

935

52, 6-7 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 561-564 ; Tonsetic, Days of Valor, 221.

936

lược», Tạp chí Lịch sử Quân sự, 26, số 2 (1988), 62 ; Huỳnh

Công Than, Ở Chiến Trường Long An, 139-142 ; Hồ Sơn Đài và Trần Phan Chánh, Lịch Sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định Kháng Chiến, 507, 517-519 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 563-590 ; Phạm Văn Sơn, Cuộc Tổng Tấn công Tết Mậu Thân 1968 của Việt Cộng, 154-247 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 52, 7. Quân Cộng sản lại tấn công Sài Gòn vào ngày 25 tháng 5 với quy mô nhỏ hơn và kết quả cũng tương tự một chiều. Nguyễn Văn Minh và những người khác, Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 175-178.

937

1972), 23.

938

Kiều Tâm Nguyên, chủ biên, Chiến Trường Trị-Thiên-Huế Trong Cuộc Chiến Tranh Chống Mỹ Cứu Nước Toàn Thắng, 156-159 ; Hồ Bàn, chủ biên, Hướng Tiến Công và Nổi Dậy Tết Mậu Thân ở Trị-Thiên-Huế, 94-111 ; Nguyễn Văn Minh và những người khác, Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 189-195 ; Lê Quốc Sản, Cuộc Đọ Sức Thần Kỳ (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1991), 538 ; Hồ Sơn Đài và Trần Phan Chánh, Lịch Sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định Kháng Chiến, 521-523.

939

Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 207.

940

về Lãnh đạo», Marine Corps Gazette, 83, số 6 (tháng 6 năm

1999), 76-84 ; Shulimson và những người khác, Thủy quân lục chiến ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 291-311 ; Spector, Sau Tết Mậu Thân, 148-156, 225-226.

941

tấn bằng Đường không khỏi Kham Duc (Căn cứ Không quân Maxwell, Alabama : Viện Nghiên cứu Sức mạnh Không quân, 1979) ; James D. McLeroy và Gregory W. Sanders, Bait : The Battle of Kham Duc Special Forces Camp (Ashland, Oregon : Hellgate, 2018) ; Bruce Davies, Trận chiến tại Ngok Tavak : Lòng Dũng cảm và Thất bại của Đồng minh ở Việt Nam (Lubbock : Nhà xuất bản Đại học Công nghệ Texas, 2009) ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 539-547 ; Lê Anh Dũng, chủ biên, Những Chặng Đường Chiến Đấu : Thượng Tướng, Anh Hùng Nguyễn Chơn (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2008), 83-87 ; «Sự kiện & Nhân chứng», Phụ trương hàng tháng Báo Quân đội Nhân dân, 15 tháng 1 năm 2018, <http://sknc.qdnd.vn/theo-dong-su-kien/phao-binh-vao-tran-500855> ; Vũ Anh Tài và những người khác, Sư Đoàn 2, Tập I, 100-107 ; Chu Huy Mân, Thời Sôi Động, 482.

942

269.

943

Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 466.

944

39-40. Vào một dịp khác, Harriman nói rằng chính trị trong nước đã buộc Hoa Kỳ phải tìm cách giải quyết nhanh chóng

cuộc chiến ngay cả khi nó làm tổn hại đến lợi ích của Mỹ. Rostow gửi Johnson, 4 tháng 5 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 33. Goodpaster sẽ chỉ ở Paris đến tháng 7, vì vậy Johnson sớm cử hai đặc vụ đáng tin cậy khác, William Jorden và Cyrus Vance, đến Paris để giám sát Harriman. Herring, LBJ and Vietnam, 166-167.

945

tháng 5 năm 1968, LBJL, NSF, NSC Meetings File, hộp 2 (trích dẫn) ; Pierre Asselin, «‘Chúng tôi không muốn một Munich’ : Chiến lược Ngoại giao của Hà Nội, 1965-1968», Lịch sử Ngoại giao, 36, số 3 (tháng 6 năm 2012), 578 ; Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, Cuộc Đàm phán Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris (Hà Nội : Thế Giới, 1996), 16-26.

946

Staff and the War in Vietnam, Chương 50, 12-13 ; Sharp, Chiến lược của Thất bại, 234-236 ; Momyer, Sức mạnh Không quân trong Ba Cuộc Chiến, 215-217 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 225-226.

947

Cố vấn Chính sách Đối ngoại», 21 tháng 5 năm 1968, LBJL, Tom Johnson Notes of Meetings, hộp 3.

948

tháng 5 năm 1968, LBJL, NSF, NSC Meetings File, hộp 2.

949

1964-1968, 6, 249.

950

RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2743.

951

Xã hội và Hứa hẹn Chính trị», TTU, Bộ sưu tập John Donnell, hộp 10.

952

RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2743.

953

Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 500-513 ; Gene Roberts, «Sài Gòn Đang Xây dựng Một Chế độ Quan trọng Hơn», New York Times, 25 tháng 7 năm 1968 ; Ahern, CIA và Bình định Nông thôn ở Nam Việt Nam, 327. Vào cuối năm, Thiệu đã cách chức hai mươi tỉnh trưởng và chín mươi một quận trưởng vì tham nhũng hoặc kém hiệu quả. Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 16 tháng 1 năm 1969, trong Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 3, 648.

954

Chính trị gia, Báo chí», Washington Post, 2 tháng 7 năm 1968 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 4 tháng 7 năm 1968, trong Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 495.

955

RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2765.

956

«Nam Việt Nam yêu cầu hỗ trợ trực thăng. Một quả tên lửa trong chuyến bay ba quả đã bay sai hướng. Nó rơi xuống khu

vực sở chỉ huy và giết chết những người chỉ đạo cuộc hành quân. Đây là một tai nạn. Thật không may.» Johnson, ghi chú cuộc họp, 4 tháng 6 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 6, 261.

957

Mỹ đã giết Sáu Quan chức Sài Gòn», New York Times, 5 tháng 6 năm 1968 ; Clarke, Advice and Support, 312-313.

958

Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 468-475 ; Bernard Weinraub, «Những vụ Sa thải ở Sài Gòn là một Thất bại đối với Kỳ», New York Times, 9 tháng 6 năm 1968. Vào thời điểm này, Thiệu cũng thay thế Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan, cảnh sát trưởng quốc gia thân Kỳ, người đã bị thương một tháng trước đó trong chiến đấu và vẫn đang nằm viện.

959

FRUS, 1964-1968, 7, 11 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 4 tháng 7 năm 1968, trong Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 493-495.

960

1968, LBJL, NSF, Files of Walt W. Rostow, hộp 2 ; FRUS, 1964-1968, 6, 343.

961

Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 480 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 15 tháng 8 năm 1968, trong Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 533 ; Clarke, Advice and Support, 314 ; Bùi Quyền, «Suy nghĩ của một Người lính Tiền tuyến», trong Tường Vũ và Sean Fear, chủ biên, The Republic of Vietnam, 1955-

1975 ; Góc nhìn Việt Nam về Xây dựng Quốc gia (Ithaca : Southeast Asia Program Publications, 2019), 85.

962

theo Con đường mà Ông đã Vạch ra», tháng 5 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Tài liệu và Ghi chú Nghiên cứu Việt-Nam, hộp 1.

963

to Vietnam and Beyond : General Creighton Abrams and the Army of His Times (New York : Simon & Schuster, 1992).

964

Pike, chủ biên, The Bunker Papers, 2, 461-467.

965

Sài Gòn», 5 tháng 7 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson, hộp 6 ; Sorley, A Better War, 25-27 ; Sorley, chủ biên, Vietnam Chronicles, 4 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 626.

966

đó cảnh báo Bắc Việt không nên tấn công các thành phố, một chiến thuật mà ông cho là do ảnh hưởng xấu của Liên Xô. Nếu Bắc Việt tiếp tục tấn công các thành phố, Chu nói, «Mỹ sẽ vui mừng vì họ có thể tập trung lực lượng để phản công, do đó gây ra sự tàn phá lớn hơn cho các bạn. Những tổn thất mà các bạn phải chịu sẽ dẫn đến chủ nghĩa bại trận ở phía các bạn.» Biên bản Ghi nhớ, Chu Ân Lai và Phạm Hùng, 29 tháng 6 năm 1968, CWIIP.

967

968

Năm Rút quân, 132. Xem thêm Ibid., 115-116, 129-130 ; Villard, Các Hoạt động Tác chiến, 592 ; The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 52, 22.

969

Năm Rút quân, 110.

970

971

Hành quân El Paso», 7 tháng 6 năm 1968, NA II, RG 472, MACJ03, Historians Background File, hộp 181 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 781.

972

MACV: Bộ Tư lệnh Liên hợp trong những Năm Rút quân, 129-130 ; Sorley, Westmoreland, 172-173. Abrams cũng ngừng xây dựng một số điểm mạnh của hàng rào McNamara gần DMZ. The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, Chương 52, 15-17 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 916-917 ; Shulimson và những người khác, Thủy quân lục chiến ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 324-327 ; Cosmas, MACV : Bộ Tư lệnh Liên hợp trong những Năm Rút quân, 116-118.

973

vực Liền kề ở Nam Việt Nam, 1967-68», tháng 5 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 28, 363 ; CIA, «Xây dựng Đường bộ và Hậu cần Mùa mưa ở Vùng eo Lào», FRUS, 1964-1968, 28, 370.

974

NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2297.

975

Tình hình Lực lượng, tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các Nghiên Cứu Phân Loại từ Trung Tâm Tình Báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18.

976

Việt Nam, Chương 52, 28.

977

1964-1968, 6, 312. Clifford ủng hộ Harriman và Vance, nhấn mạnh rằng việc ném bom không thể ngăn cản nghiêm trọng việc thâm nhập của người hoặc vật tư. Dallek, Gã Khổng Lồ Đầy Khiếm Khuyết, 568. Vào ngày 30 tháng 8, Warnke tuyên bố, «Việc ném bom của chúng ta không, và có lẽ không thể, hạn chế các hoạt động của kẻ thù ở Nam Việt Nam.» Ném bom «không làm giảm đáng kể dòng chảy vật tư và người đến Nam Việt Nam.» Warnke, «Câu hỏi về Chiến tranh Không quân ở Bắc Việt Nam», 30 tháng 8 năm 1968, LBJL, Papers of Alan Enthoven, hộp 24.

978

1964-1968, 6, 313.

979

FRUS, 1964-1968, 6, 314. Vào cuối mùa hè, sự bất bình của Johnson với quan điểm của Clifford về ném bom khiến ông từ chối cho Clifford và mọi người khác trong Bộ Quốc phòng tiếp cận các bức điện liên quan đến các cuộc đàm phán Paris. Co-

per, Cuộc Thập tự chinh Thất lạc, 415.

980

FRUS, 1964-1968, 6, 315n.

981

1968, 6, 337 ; Abrams gửi Rostow, 28 tháng 9 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 40 ; Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 54, 1-2.

982

Phòng Không, Tập II, 241, 263-264.

983

Không Quân Nhân Dân Việt Nam (1955-1977) (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1993), 190-199 ; Hồ Sĩ Hữu và những người khác, Lịch Sử Quân chủng Phòng Không, Tập II, 254-255, 264-286.

984

985

Phòng Không, Tập II, 257. Các nguồn tình báo Hoa Kỳ quan sát thấy sự sụt giảm mạnh về số lượng xe tải của Bắc Việt đến Lào từ tháng 7 đến tháng 9. Sorley, biên tập, Biên niên sử Việt Nam, 58, 73. Trong tháng 8, người Bắc Việt có thể di chuyển một số lô hàng qua các điểm tắc nghẽn bằng phà hoặc bằng mánh khéo vào ban đêm, nhưng sự xuất hiện của mùa mưa vào tháng 9 đã biến các con đường thành bùn, và lưu lượng xe tải chậm lại thành nhỏ giọt. Hồ Sĩ Hữu và những người khác, Lịch

Sử Quân Chung Phòng Không, Tập II, 285-292.

986

Đường Hồ Chí Minh Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, ấn bản lần 2, 77-79. Trong mùa thu, người Bắc Việt dành nhiều nỗ lực cho việc xây dựng một đường ống POL mới ở miền nam Bắc Việt để giảm sự phụ thuộc vào xe tải cho việc vận chuyển POL. Sorley, biên tập, Biên niên sử Việt Nam, 85 ; Nguyễn Việt Phương, Vận Tải Quân Sự Chiến Lược Trên Đường Hồ Chí Minh Trong, Kháng Chiến Chống Mỹ, ấn bản lần 2, 79.

987

Vũ Anh Tài và những người khác, Sư Đoàn 2, Tập I, 116 ; Lê Minh Hoàng và những người khác, Trung Đoàn 6, 140 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 87-88.

988

Hoạch và Nguyễn Minh Phụng, Quân Khu 9, 453. Những lo sợ đã được xác nhận khi các sĩ quan quân sự cấp cao đã bày tỏ nghi ngờ về kế hoạch tại một cuộc họp ở Tây Ninh bị đưa vào diện giám sát. Nguyễn Thành, Vượt Chết, 23-25.

989

biên tập, Lịch Sử Bộ Chỉ Huy Miền (1961-1976) (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2004), 338-340.

990

Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 208-210 ; Nguyễn Việt Tá và những người khác, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, 364.

991

nhằm ảnh hưởng đến Đại hội Toàn quốc Đảng Dân chủ thông qua cuộc tấn công đợt ba là nhận xét này từ Đại sứ Liên Xô Dobrynin vào ngày 9 tháng 9 : «Giờ đây khi Đại hội Dân chủ kết thúc, cuộc tấn công có thể giảm bớt.» Rostow gửi Johnson, 10 tháng 9 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 14, 295.

992

468-470 ; Rostow gửi Johnson, 21 tháng 9 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 25.

993

994

fairs 46, Số 1 (Tháng 10 năm 1967), 111-112.

995

York Times, 13 tháng 2 năm 1968.

996

Phải Tiếp tục Cuộc Chiến», New York Times, 18 tháng 6 năm 1968.

997

Nam, 197-198.

998

Times, 15 tháng 3 năm 1968 ; «Toàn văn Tuyên bố của Nixon gửi Tiểu ban Cương lĩnh Đảng Cộng hòa về Chiến tranh», New York Times 2 tháng 8 năm 1968 ; FRUS, 1969-1975, 1, 7.

999

thức của một Đảng viên Cộng hòa với Đảng của mình (Boston: Houghton Mifflin, 1972), 136-141 ; William Safire, Trước Khi Sụp đổ : Góc nhìn Bên trong về Nhà Trắng thời Tiền Watergate (New York : Belmont Tower, 1975), 48 ; Black, Richard M. Nixon, 516-517, 534-535 ; William Burr và Jeffrey P. Kimball, Bóng ma Hạt nhân của Nixon : Báo động Bí mật năm 1969, Ngoại giao Kê biên, và Chiến tranh Việt Nam (Lawrence : Nhà xuất bản Đại học Kansas, 2016), 50-52.

1000

York : Times Books, 1978), 82-83. Để biết bằng chứng rằng tài khoản của Haldeman phản ánh chính xác quan điểm của Nixon, xem Leonard Garment, Giai điệu Diên rồ : Từ Brooklyn và Nhạc jazz đến Nhà Trắng của Nixon, Watergate, và Hơn thế nữa... (New York : Times Books, 1997), 174 ; Kimball, Chiến tranh Việt Nam của Nixon, 76-86 ; Melvin Small, Nhiệm kỳ Tổng thống của Richard Nixon (Lawrence : Nhà xuất bản Đại học Kansas, 1999), 60-62.

1001

trị Trong nước, Đảng Cộng hòa, và Chiến tranh (Lexington : Nhà xuất bản Đại học Kentucky, 2010), 159-199 ; David F. Schmitz, Richard Nixon và Chiến tranh Việt Nam : Hồi kết của Thế kỷ Mỹ (Lanham : Rowman & Littlefield, 2014), 23-37 ; Dueck, Đường lối Cứng rắn, 144-151 ; Kimball, Chiến tranh Việt Nam của Nixon, 40-56 ; Scanlon, Phong trào Ủng hộ Chiến tranh, 72-124 ; Dallek, Nixon và Kissinger, 62-64 ; Stephen Ambrose, Nixon : Sự Chiến thắng của một Chính trị gia, 1962-1972 (New York : Simon & Schuster, 1989), 140-169.

1002

năm 1968, Niên giám Congressional Quarterly, Quốc hội khóa 90, Kỳ họp thứ 2.

1003

tập, Biên niên sử Việt Nam, 31 ; Nguyễn Việt Tá và những người khác, Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, 364-367; Phạm Vĩnh Phúc, «Trận Phục Kích Đá Hàng-Ven Vên Của Trung Đoàn 88/Quân Khu Miền Đông», 210-213.

1004

Của Trung Đoàn 88/ Quân Khu Miền Đông», 227.

1005

chiến Tây Ninh», 7 tháng 2 năm 1969, TTU, Bộ sưu tập Hiệp hội Phi công Trục thăng Việt Nam, hộp 2 ; Duquesne A. Wolfe, «Tình hình Chiến thuật, Đánh giá Tình hình và Hoạt động», 10 tháng 2 năm 1969, TTU, Bộ sưu tập Hiệp hội Phi công Trục thăng Việt Nam, hộp 2 ; Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 52, 24-25 ; Villard, Hoạt động Tác chiến, 646-655 ; Bergerud, Sấm đỏ, Sét nhiệt đới, 179-180 ; Starry, Tác chiến Thiết giáp ở Việt Nam, 131-133.

1006

Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 1954-1975, Tập V, 211-213 ; Huỳnh Công Than, Ở Chiến Trường Long An, 148-149 ; Nguyễn Hữu Nguyên, Long An, 263-265.

1007

chỉ huy Cộng sản cấp cao trong khu vực tuyên bố, «Thương vong của chúng tôi ngày càng tăng, cho đến cuối cùng khi họ

không còn đủ quân để giữ vững mặt đất, các đơn vị đã phải rút lui mà không được phép. Chính trong thời kỳ chúng tôi cố bám trụ ở ngoại ô các khu vực đô thị của kẻ thù mà lực lượng của chúng tôi chịu tổn thất to lớn.» Lê Quốc San, Cuộc Độ Súc Thần Kỳ, 275.

1008

Việt Nam, Chương 52, 25-26. Trong tháng 8, tổng số quân địch bị tiêu diệt trong hành động là 15.478. Littauer và Uphoff, biên tập, Chiến tranh Không quân ở Đông Dương, 269.

1009

Pike, biên tập, The Bunker Papers, 2, 547-549 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 4 tháng 9 năm 1968, trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 2, 556-559.

1010

Thái độ của Trung Quốc đối với Chiến tranh Việt Nam, 1968-72», Lịch sử Chiến tranh Lạnh, 5, Số 4 (Tháng 11 năm 2005), 502-503 ; Linda D. Dillon, Bruce Burton, và Walter C. Soderlund, «Kẻ thù Chính là Ai ? : Sự Chuyển dịch trong Nhận thức Chính thức của Trung Quốc về Hai Siêu cường, 1968-1969», Khảo sát Châu Á, 17, Số 5 (Tháng 5 năm 1977), 466 ; Khoo, Thiệt hại Ngẫu nhiên, 45-54.

1011

thêm Smyser, Người Việt Nam Độc lập, 103 ; Khoo, Thiệt hại Ngẫu nhiên, 49-51 ; Gaiduk, Liên Xô và Chiến tranh Việt Nam, 177. Nguyễn Thành Lê, phát ngôn viên của phái đoàn Bắc Việt tại các cuộc đàm phán Paris, ca ngợi hành động của Liên Xô

như một biện pháp nhằm «tăng cường sự đoàn kết của phe xã hội chủ nghĩa» và bảo vệ các nước xã hội chủ nghĩa «chống lại các phần tử phản động.» «Nguyễn Thành Lê Tổ chức Hội báo ở Paris», AFP, TTU, Bộ sưu tập Douglas Pike, Đơn vị 04, hộp 7.

1012

1013

của Khủng hoảng Séc», New York Times, 22 tháng 8 năm 1968 (trích dẫn đầu tiên) ; James Reston, «Liên Xô Quay ngược Đồng hồ», New York Times, 21 tháng 8 năm 1968 (trích dẫn thứ hai) ; Richard Harwood, «Cuộc xâm lược Tiệp Khắc», Washington Post, 22 tháng 8 năm 1968.

1014

lên Cương lĩnh», New York Times, 25 tháng 8 năm 1968.

1015

Hòa bình», Washington Post, 25 tháng 8 năm 1968 ; Theodore H. White, Sự Trở thành Tổng thống-1968 (New York : Atheneum, 1969), 276.

1016

1017

Nam của LBJ», Washington Post, 27 tháng 8 năm 1968 ; John W. Finney, «Điểm Cương lĩnh Việt Nam Ủng hộ Johnson về Chính sách Chiến tranh», New York Times, 27 tháng 8 năm 1968.

1018

của Lịch sử : Một Chặng đường Odyssey của Mỹ (New York : Hyperion, 1993), 203, 214 ; W. Marvin Watson với Sherwin Markman, Chủ tịch Tham mưu : Lyndon Johnson và Nhiệm kỳ Tổng thống của ông (New York : Thomas Dunne, 2004), 295-299 ; Kyle Longley, Năm 1968 của LBJ : Quyền lực, Chính trị, và Nhiệm kỳ Tổng thống trong Năm Biến động của Nước Mỹ (Cambridge : Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 2018), 205-214 ; Johns, Cái giá của Lòng trung thành, 27-96 ; Califano, Sự Chiến thắng và Bi kịch của Lyndon Johnson, 321-323.

1019

Chủ nghĩa Tự do trong thập niên 1960 (New York : Harper & Row, 1984), 418-419 ; Watson, Chủ tịch Tham mưu, 299-300 ; Longley, Năm 1968 của LBJ, 223-225 ; Dallek, Gã Khổng Lồ Đầy Khiếm Khuyết, 575.

1020

Shlaes, Xã hội Vĩ đại : Một Lịch sử Mới (New York : Harper, 2019), 294-296.

1021

1022

ủng hộ Reagan», Tạp chí Washington Post, ngày 17 tháng 3 năm 1985.

1023

1024

tình trên Đường phố», New York Times, 29 tháng 8 năm 1968;

Carl Solberg, Hubert Humphrey : Tiểu sử (New York : W. W. Norton, 1984), 362-365 ; White, Sự Trở thành Tổng thống-1968, 295-301 ; Matusow, Sự Tan rã của Nước Mỹ, 419-420.

1025

vọng, Những Ngày tháng Thịnh nộ (New York : Bantam, 1987), 335. Về dữ liệu thăm dò ý kiến liên quan đến Đại hội Toàn quốc Đảng Dân chủ, xem Louis Harris, «Các Đại hội : Nixon Được lợi, HHH Bị tổn hại», Washington Post, 3 tháng 10 năm 1968 ; Philip E. Converse, Warren E. Miller, Jerrold G. Rusk và Arthur C. Wolfe, «Tính Liên tục và Thay đổi trong Chính trị Mỹ : Các Đảng phái và Vấn đề trong Cuộc bầu cử năm 1968», Tạp chí Khoa học Chính trị Mỹ, 63, Số 4 (Tháng 12 năm 1969), 1087-1088. Sự ghê tởm với phong trào phản chiến có thể đã giúp duy trì sự ủng hộ cho cuộc chiến trong dân chúng nói chung vào thời điểm này. Đối với dữ liệu thăm dò ý kiến cho thấy sự ủng hộ tiếp tục trong tháng 9, xem Mueller, Chiến tranh, Tổng thống, và Ý kiến Công chúng, 91.

1026

1964-1968, 7, 2 ; Rostow gửi Johnson, 10 tháng 9 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 14, 295. Vào cùng thời điểm này, Harriman đang nói với Johnson rằng phái đoàn Bắc Việt tại Paris thành thật mong muốn một nền hòa bình thương lượng và sẽ lưu tâm đến việc tránh các hành động khiêu khích ở khu phi quân sự hoặc trên các thành phố Nam Việt Nam trong trường hợp ngừng ném bom. Khi Johnson nói rằng Harriman sẽ cần «dẫn dắt chính phủ trong việc yêu cầu nổi lại ném bom nếu họ vi phạm những thỏa hiệp này», Harriman hứa rằng ông sẽ ủng hộ việc nổi lại ném bom «một cách nhiệt tình.» Johnson, Điểm quan sát, 514-

515. Harriman riêng biệt thông báo với Ball, «Chúng tôi ở đây đều đồng ý rằng nếu NVN ‘lợi dụng’ Tổng thống sẽ có sự ủng hộ rộng rãi để ném bom lại. Tôi chắc chắn sẽ đề nghị điều đó.» Harriman gửi Ball, không đề ngày, FRUS, 1964-1968, 7, 49n.

1027

Bộ Kháng Chiến, Tập II, 369 ; Shulimson và những người khác, Thủy quân lục chiến ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 392-393 ; Villard, Hoạt động Tác chiến, 666-672 ; Littauer và Uphoff, biên tập, Chiến tranh Không quân ở Đông Dương, 269.

1028

Nam», 16 tháng 9 năm 1968, CREST, số tài liệu CIA-RDP79R00904A001400020004-3.

1029

Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris, 43, 66. Trần Do nhận xét rằng «trong tổng tiến công chúng ta đã dồn toàn bộ lực lượng... . Không có chiến trường nào giữ lại một lực lượng dự bị chiến dịch.» Trần Do, «Tết Mậu Thân : Trận Tập Kích Chiến lược», Tạp chí Lịch sử Quân sự, 26, Số 2 (1988), 47. Xem thêm Trần Bạch Đằng, «Mậu Thân», 62 ; Hồ Sơn Đài và Trần Phan Chánh, Lịch Sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định Kháng Chiến, 523.

1030

144-145 ; Trần Quốc Tuấn và những người khác, biên soạn, Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong Kháng chiến Chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Tập IV (Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2010), 18.

1031

Summary, Tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu phân loại từ Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18.

1032

chiến, Lịch Sử Cục Tác Chiến, 265 ; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Victory in Vietnam, 231.

1033

sử Bộ Tổng tham mưu trong Kháng chiến Chống Mỹ, Tập IV, 18.

1034

1035

1036

rằng ông «tin chắc rằng chúng ta có thể tìm ra một giải pháp» sẽ dẫn đến việc ngừng ném bom, điều mà «sẽ là cơ hội cuối cùng của chúng ta trước cuộc bầu cử và tôi cảm thấy hành động bây giờ là [Nội dung file kết thúc] [file name] : page_Page_742.jpg [Nội dung file bắt đầu] cần thiết để cho Hubert một cơ hội chiến đấu.» Harriman gửi Ball, không ghi ngày, FRUS, 1964-1968, 7, 49n. Xem thêm Johns, The Price of Loyalty, 114-115.

1037

tháng 9 năm 1968, Ấn bản kỹ thuật số Ghi âm Tổng thống [Chasing Shadows, biên tập bởi Ken Hughes] (Charlottesville : Nhà xuất bản Đại học Virginia, 2014) ; David L. DiLeo, George Ball, Việt Nam, và Sự Suy nghĩ lại về Chính sách Ngăn chặn (Chapel Hill : Nhà xuất bản Đại học Bắc Carolina, 1991), 174.

1038

Nếu Hà Nội Có Phản ứng », New York Times, 1 tháng 10 năm 1968 ; Joseph Kraft, «Bài Phát biểu Truyền hình về Việt Nam Giúp Humphrey Cất Cánh», Washington Post, 3 tháng 10 năm 1968.

1039

Tổng thống Hubert H. Humphrey Gửi Quốc gia về Việt Nam và Chính sách Đối ngoại Hoa Kỳ», 30 tháng 9 năm 1968, Minnesota Historical Society, <http://www2.mnhs.org/library/findaids/00442/pdfa/00442-02747.pdf>.

1040

Hiếu sai», New York Times, 2 tháng 10 năm 1968.

1041

Nixon rằng Humphrey Gây tổn hại cho Các cuộc Đàm phán», New York Times, 3 tháng 10 năm 1968.

1042

1964-1968, 7, 255.

1043

Giúp Humphrey Cất Cánh», Washington Post, 3 tháng 10 năm 1968. Cùng ngày, tờ Washington Post đăng một bài của Rowland Evans và Robert Novak trong đó Ball thúc đẩy lập trường tại Thành phố Salt Lake City của Humphrey bằng cách bác bỏ là không thực tế sự ác cảm của chính quyền Johnson đối với việc ngừng ném bom vô điều kiện. Ball cũng được cho là tin rằng Johnson đã có những thỏa thuận bí mật với Nam Việt Nam khiến «các nhà Cộng sản ở Hà Nội tin rằng Hoa Kỳ không mặc

cả thiện chí.» Do đó, bài báo nêu rõ, «sáng kiến ngoại giao thận trọng lúc đó đang được Harriman và các trợ lý của ông ấp ủ ở Paris đã bị nhổ bật gốc.» Rowland Evans và Robert Novak, «Việc Từ chức của George Ball được Cho là Liên quan đến Mọi quan tâm Ngầm về Các cuộc Đàm phán Paris», Washington Post, 3 tháng 10 năm 1968.

1044

tháng 10 năm 1968.

1045

New York Times, 22 tháng 10 năm 1968.

1046

năm 1968, Ấn bản kỹ thuật số Ghi âm Tổng thống.

1047

FRUS, 1964-1968, 7, 51.

1048

10 năm 1968, NA II, RG 59, Hồ sơ Lot, Mục 5005, Hồ sơ của Đại sứ thường trực Averell Harriman, hộp 7 ; Paris gửi Bộ Ngoại giao, 11 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 58 ; Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, Các cuộc Đàm phán Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris, 45-46.

1049

Policy in the Nixon Presidency (New York : Hill and Wang, 1998), 30 ; Clifford, Counsel to the President, 574-576.

1050

1964-1968, 7, 66.

1051

1964-1968, 7, 140.

1052

tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 67.

1053

sách Dưới thời Nixon», Washington Post, 12 tháng 10 năm 1968.

1054

Chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam», New York Times, 13 tháng 10 năm 1968.

1055

1964-1968, 7, 76.

1056

Tho khẳng khẳng rằng «Hoa Kỳ nên đồng ý nói chuyện với Mặt trận Giải phóng Dân tộc (NLF), và chính quyền Sài Gòn nên thay đổi chính sách» trước khi các cuộc đàm phán có thể bắt đầu. Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, Các cuộc Đàm phán Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris, 47. Hà Nội đã ra chỉ thị tương tự trước bài phát biểu của Bundy vào ngày 10 tháng 10, nhưng Johnson có thể không biết về chúng hoặc có thể kết luận rằng chúng đã bị thay thế bởi cuộc thảo luận ngày 11 tháng 10. Đào Trọng Cảnh, biên soạn, Văn kiện Đảng, Tập 29, 1968, 468-474.

1057

đàm, Johnson và Mansfield, 16 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 77. Trích dẫn từ Elsey, ghi chú cuộc họp, 17 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 83.

1058

Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris, 47-48, 52-53 ; Đào Trọng Cảnh, biên soạn, Văn kiện Đảng, Tập 29, 1968, 475-477 (trích dẫn).

1059

17 tháng 10 năm 1968, trong Westad, et al., 77 Cuộc Trò chuyện Giữa Lãnh đạo Trung Quốc và Nước ngoài về các Cuộc chiến ở Đông Dương, 138-140. Xem thêm Asselin, «‘Chúng tôi Không muốn một Munich’», 576.

1060

ral Damage, 56 ; Li, The Dragon in the Jungle, 209. Ở thời điểm đỉnh cao, lực lượng Trung Quốc ở Bắc Việt Nam tổng cộng 170.000 quân. Khoo, Collateral Damage, 31.

1061

Liên quan đến Việc Đồng ý Ngừng Ném bom», 26 tháng 10 năm 1968, LBJL, Hồ sơ Tham khảo, Chennault ; DIRNSA gửi Nhà Trắng, 30 tháng 10 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 41 ; Bùi Diễm, In the Jaws of History, 239. Bộ Chính trị Bắc Việt Nam cũng đi đến cùng kết luận về ý định của Johnson trong việc ngừng ném bom. Trong một bức điện ngày 20 tháng 10 gửi Trung ương Cục miền Nam (COSVN), nó nêu rõ Johnson có ý định ngừng ném bom và đàm phán «để giành được sự ủng hộ của cử tri Mỹ nhằm giúp Humphrey chiến thắng trong cuộc bầu cử và ca ngợi vai trò của

Johnson trong ‘con đường đến hòa bình’.» Đào Trọng Cảnh, biên soạn, Văn kiện Đảng, Tập 29, 1968, 484-487.

1062

LBJL, NSF, VNCF, hộp 124 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 21 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 96 (trích dẫn) ; Nguyễn Phú Đức, The Viet-Nam Peace Negotiations : Saigon's Side of the Story (Christiansburg, VA : Dalley Book Service, 2005), 106-109.

1063

1964-1968, 7, 101 ; Rostow gửi Johnson, 24 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 116 ; Gaiduk, The Soviet Union and the Vietnam War, 184-185.

1064

(New York : Grosset & Dunlap, 1975), 326-327.

1065

Pre-Watergate White House (New York : Belmont Tower, 1975), 85.

1066

tháng 10 năm 1968.

1067

1964-1968, 7, 129.

1068

Hoover's Trusted Lieutenant (Washington : Regnery, 1995), 396-399 ; Richard Powers, The Man Who Kept the Secrets :

Richard Helms and the CIA (New York : Knopf, 1979), 252.

1069

Times Books, 1980), 176-186 ; Black, Richard M. Nixon, 551-552 ; Solberg, Hubert Humphrey, 394.

1070

1071

1072

1968 in America (New York : Warner Books, 1997), 442-443. Chỉ một lần trong những tháng cuối của cuộc đua, vào ngày 22 tháng 10, Nixon được biết là có mặt tại một cuộc thảo luận về Chennault. Theo các ghi chú cuộc họp không đầy đủ, một trong những người tham gia nói, «Hãy để Anna Chennault tiếp tục làm việc về [vấn đề] Nam Việt Nam.» <https://assets.documentcloud.org/documents/3248783/H-R-Haldeman-s-Notes-from-Oct-22-1968.pdf>. John Farrell trích dẫn tài liệu này như bằng chứng cho thấy Nixon đã sử dụng Chennault để thuyết phục Thiệu phá hoại các cuộc đàm phán hòa bình Paris. Farrell, Richard Nixon, 342, 638. Nhưng không rõ ai là người đã đưa ra tuyên bố đó, và cũng không rõ liệu tuyên bố đó ám chỉ một âm mưu phá hoại các cuộc đàm phán hòa bình, theo dõi diễn biến ở Nam Việt Nam, hay điều gì khác.

1073

James Bowman, «A Wilderness of Mirrors», New Criterion, tháng 5 năm 2017 ; Nixon Foundation, «Misunderstanding A Monkey Wrench», 2 tháng 6 năm 2017, <https://www.nixonfoun->

dation.org/2017/06/misunderstanding-a-monkey-wrench.

1074

Hồ sơ Tham khảo, Chennault ; CIA, «Tuyên bố của Bộ trưởng Nội vụ Khiêm rằng Thủ tướng Hương là Nguyên nhân khiến Chính phủ Việt Nam Cứng rắn về Vấn đề Tham dự Các cuộc Đàm phán Paris», 14 tháng 11 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Cơ quan Tình báo Trung ương, hộp 5.

1075

1968, FRUS, 1964-1968, 7, 148n.

1076

thuật của Mỹ xác nhận mô tả này về quan điểm của Thiệu đối với Humphrey và Nixon, xem Rostow gửi Johnson, «Việc Ngừng Ném bom và Chính trị Hoa Kỳ», 29 tháng 10 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 41 ; Elsey, ghi chú cuộc họp, 2 tháng 11 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 180. Về quan điểm của những người khác ở Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Bắc Việt Nam, xem Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 15 tháng 8 năm 1968, trong Pike, biên soạn, The Bunker Papers, 2, 534 ; Rostow gửi Johnson, 21 tháng 9 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 25 ; Điện đàm, Johnson và Rusk, 3 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 50 ; Johnson, ghi chú cuộc họp, 29 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 150 ; Đào Trọng Cảnh, biên soạn, Văn kiện Đảng, Tập 29, 1968, 469-470; Bùi Diễm, In the Jaws of History, 238.

1077

trị Hoa Kỳ», 29 tháng 10 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the

President, Walt Rostow, hộp 41 ; Nguyễn Phú Đức, The Vietnam Peace Negotiations, 126-131.

1078

1964-1968, 7, 69 ; Rostow, «Cuộc họp với Tổng thống», 23 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 110.

1079

1964-1968, 7, 140.

1080

1081

131-133 ; Tom Johnson, «Ghi chú Bổ sung về Cuộc họp tại Phòng Nội các», 29 tháng 10 năm 1968, trong Barrett, biên soạn, Lyndon B. Johnson's Vietnam Papers, 820-823.

1082

FRUS, 1964-1968, 7, 147 ; Johnson, ghi chú cuộc họp, 29 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 150.

1083

FRUS, 1964-1968, 7, 151. Tài liệu không cho biết ai soạn thảo nó, nhưng nội dung và giọng điệu cho thấy Clifford đóng vai trò lớn trong việc soạn ra nó.

1084

phán Hòa bình tại các Bữa tiệc Tối riêng ngày 11 và 12 tháng 11 năm 1968», 18 tháng 11 năm 1968, LBJL, Hồ sơ Tham khảo, Chennault.

1085

biên soạn, Lyndon B. Johnson's Vietnam Papers, 839-841.

1086

1964-1968, 7, 165 (trích dẫn đầu) ; Nguyễn Phú Đức, The Vietnam Peace Negotiations, 146-153 (trích dẫn thứ hai và thứ ba).

1087

VNCF, hộp 137.

1088

1964-1968, 7, 170.

1089

Quốc gia về Quyết định Ngừng Ném bom Bắc Việt Nam», 31 tháng 10 năm 1968, Dự án Tổng thống Hoa Kỳ, <https://www.presidency.ucsb.edu/node/236813>.

1090

1091

1092

Gia Các Cuộc Đàm phán Paris Theo Kế Hoạch Hiện Tại», New York Times, 2 tháng 11 năm 1968. Xem thêm Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 3 tháng 11 năm 1968, NA II, RG 59, Central Files, 1967-69, hộp 2725 ; «Các Nhà Lãnh Đạo Nam Việt Nam Ủng Hộ Lập trường Của Thiệu», Washington Post, 3 tháng 11 năm 1968.

1093

1964-1968, 7, 200.

1094

1095

Chống Mỹ Cứu nước, 112-113 ; Lưu Văn Lợi, Năm Mươi Năm Ngoại giao Việt Nam, 1945-1995, 1 (Hà Nội : Thế Giới, 2000), 198.

1096

rence File, Chennault ; Witcover, The Year the Dream Died, 421.

1097

11 năm 1968, Presidential Recordings Digital Edition.

1098

năm 1968, Presidential Recordings Digital Edition.

1099

1100

chính thức và Quan hệ Châu Á (Lanham, Maryland : Rowman & Littlefield, 2002), 70-71. Trong hồi ký của mình, Chennault kể lại rằng Mitchell đã gọi điện cho bà ngay trước cuộc bầu cử và yêu cầu bà đảm bảo phía Nam Việt Nam hiểu rõ lập trường của Nixon, mặc dù bà không đề cập đến yêu cầu thông báo cho đại sứ Nam Việt Nam về việc cần phải «giữ vững». Chennault, The Education of Anna, 190-191.

1101

11 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 192.

1102

FRUS, 1964-1968, 7, 232.

1103

1104

1968, Định hướng sự Bất đồng, và Chia rẽ Chính phủ (Lawrence : University Press of Kansas, 2014) ; Converse et al., «Continuity and Change in American Politics», 1083-1090 ; Louis Harris, Nỗi đau Thay đổi (New York : W. W. Norton, 1973), 195-197 ; Johns, Mặt trận Thứ hai của Việt Nam, 230-236.

1105

1106

1107

Chống Mỹ Cứu nước, 121.

1108

1109

1110

1111

1112

Memos to the President, Walt Rostow, hộp 42 ; Rostow gửi Johnson, 12 tháng 12 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 252 ; MACV, Lịch sử Chỉ huy 1968, 39, 382-383 ; Shulimson et al., Thủy quân lục chiến ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 443-450.

1113

một tập trung lớn binh lính Bắc Việt ở tỉnh Quảng Nam, bảy tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ đã truy đuổi họ trong cái được gọi là Chiến dịch Sông Meade. Thủy quân lục chiến ước tính đã giết 1.023 quân Bắc Việt và bắt giữ 123, với cái giá là 108 thủy quân lục chiến thiệt mạng và 510 bị thương. James Hubert Embrey, «Định hướng lại Bình định : Chiến dịch Bình định Gia tốc năm 1968» (Luận án Tiến sĩ, Đại học Kentucky, 1997), 124 ; Spector, Sau Tết, 306-310 ; Shulimson et al., Thủy quân lục chiến ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 425-437.

1114

Tham gia của Đồng minh ở Việt Nam (Washington, DC : Department of the Army, 1985), 153.

1115

1116

2 tháng 10 năm 1968, trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 2, 588.

1117

Pike, biên tập, The Bunker Papers, 2, 614-618 ; Colby, Chiến thắng Đã mất, 254-263 ; Hunt, Bình định, 172-192. Trong năm 1968, số lượng quân Nhân dân Tự vệ và Địa phương quân tăng 91.000 người. Lực lượng Địa phương quân và Nhân dân Tự vệ đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn, trong khi các đơn vị Cán bộ RD (Rural Development - Phát triển Nông thôn) được thu nhỏ quy mô và thành viên của họ được sáp nhập vào các lực lượng địa phương. Sorley, Một Cuộc chiến Tốt hơn, 72-73 ; Blaufarb,

Thời kỳ Chống nổi dậy, 264, 273-274.

1118

cuộc thảo luận sẽ không bắt đầu vào ngày 6 tháng 11 và rằng Hoa Kỳ sẽ chỉ đơn giản «tiếp tục tham vấn với Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về vấn đề này.» Bản tin Bộ Ngoại giao, 25 tháng 11 năm 1968, 538. Xem thêm Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 30 tháng 11 năm 1968, trong Pike, biên tập, *The Bunker Papers*, 2, 622-625.

1119

FRUS, 1964-1968, 7, 214. Về quan điểm của Rusk và Rostow, xem Rostow, ghi chú cuộc họp, 14 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 67 ; Johnson, ghi chú cuộc họp, 14 tháng 10 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 68 ; Bộ Ngoại giao gửi Moscow, 26 tháng 11 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 14, 325.

1120

1964-1968, 7, 255.

1121

1964-1968, 7, 195. Tại cuộc họp này, Clifford tuyên bố rằng Thiệu «muốn cuộc chiến tiếp diễn mãi mãi» vì chính phủ của ông ta «đang ngày càng giàu có hơn.» Làm thế nào Clifford đi đến cách giải thích này về động cơ của Thiệu vẫn là một bí ẩn vì đây không phải là cách giải thích được các cơ quan tình báo Mỹ hay các quan chức Mỹ khác chia sẻ. Về việc đưa những người Cộng sản vào chính phủ Nam Việt Nam, xem Harriman, «Tổng quan Sáu tháng Cuối cùng», 14 tháng 12 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 255.

1122

12 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 255.

1123

Về việc không được Nhà Trắng thông qua, xem Rostow, «Buổi họp báo của Ngoại trưởng Clifford ngày 12 tháng 11 năm 1968», 23 tháng 11 năm 1968, LBJL, NSF, VNCF, hộp 138.

1124

Nam Việt Nam và Lý lẽ Biện minh cho Phản ứng Tiêu cực Ban đầu của Ông đối với Thông báo của Tổng thống Johnson», 19 tháng 11 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 225.

1125

1126

FRUS, 1964-1968, 7, 222.

1127

1128

NSF, VNCF, hộp 124 ; FBI gửi Nhà Trắng, 21 tháng 12 năm 1968, LBIL, Reference File, Chennault ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 23 tháng 12 năm 1968, NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2727 ; Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, Các Cuộc Đàm phán Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris, 52-53.

1129

Nam, 171-173 ; Holbrooke, biên bản ghi nhớ cuộc họp, 11 tháng 12 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 250 ; Rostow gửi Johnson, 12 tháng 12 năm 1968, FRUS, 1964-1968, 7, 252.

Các nhà ngoại giao Bắc Việt và Nam Việt Nam cũng tranh cãi về thứ tự phát biểu. Hà Nội muốn thứ tự được xác định bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên bốn tên từ một chiếc mũ. Sài Gòn muốn chỉ bốc thăm hai tên.

1130

Ngoại giao, 19 tháng 12 năm 1968, trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 3, 629-630.

1131

1968, LBIL, Clifford Papers, hộp 16. Xem thêm Robert G. Kaiser, «Clifford Thấy Vai trò Hạn chế của Mỹ trong Các Cuộc Đàm phán», Washington Post, 16 tháng 12 năm 1968 ; Drea, McNamara, Clifford, và Gánh nặng Việt Nam, 200-201.

1132

về Sự Chậm trễ trong Hội nghị», New York Times, 17 tháng 12 năm 1968.

1133

Tuyên bố của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Clifford», 21 tháng 12 năm 1968, CREST, số tài liệu 0000880869. Với một nhóm phóng viên tại Vũng Tàu, Thiệu nhận xét rằng những tuyên bố như của Clifford khuyến khích Hà Nội trở nên cứng rắn hơn trong lập trường đàm phán của mình, khiến tiến trình ngoại giao trở nên khó khăn hơn. Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, 23 tháng 12 năm 1968, NA II, RG 59, Central Files, 1967-1969, hộp 2727.

1134

FRUS, 1964-1968, 14, 325.

1135

Chương 52, 37-38. Vài ngày trước bài phát biểu của Clifford, Abrams đã cay đắng nhận xét về người Bắc Việt, «Tôi hoàn toàn nhận thức được tất cả các ‘cuộc trò chuyện’ về ‘thiện chí và ý định nghiêm túc.’ Chưa có bằng chứng nào về cả hai.» Abrams gửi Wheeler, 11 tháng 12 năm 1968, LBJL, NSF, Memos to the President, Walt Rostow, hộp 43.

1136

5 năm 2001.

1137

Người Đang Sống. (Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1993), 347.

1138

1139

1140

Chương 52, 50.

1141

Đặng Văn Nhung et al., Sư Đoàn 7, 85-86.

1142

141-144 ; Hammond, Công vụ : Quân đội và Truyền thông, 1968-1973, 238-242.

1143

(trích dẫn) ; Lê Quốc Sản, Cuộc Độ Sức Thần kỳ, 363.

1144

tuyển mộ được một số ít quân thay thế từ dân địa phương, bởi vì chúng tôi đang dần mất các vùng giải phóng có dân thường.» Nguyễn Viết Tá et al., Miền Đông Nam Bộ Kháng Chiến, Tập II, 372.

1145

Tham mưu Liên quân và Chiến tranh ở Việt Nam, Chương 52, 47.

1146

Đường không ở Nam Lào, 1968-1972 (Washington, D.C. : Chương trình Lịch sử và Bảo tàng Không quân, 2005), 98-106.

1147

Đường_Hồ Chí Minh (Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1994), 10.

1148

khát vọng (Hà Nội : Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 2009), 146-147 (trích dẫn) ; Phạm Tê, Những Năm Tháng Sôi động_What Trên Đường_Hồ Chí Minh, 11-15 ; Lưu Văn Lợi, Các Cuộc Đàm phán Lê Đức Thọ-Kissinger ở Paris, 66.

1149

trương Sản xuất Cây lương thực Phụ và Lương thực Trong vụ Đông-Xuân và Vụ lúa 1968-1969», 29 tháng 11 năm 1968, TTU, Bộ sưu tập Tài liệu và Ghi chú Nghiên cứu Việt-Nam, hộp 1.

1150

1964-1968, 7, 140. CIA tiếp tục phản đối quan điểm của quân đội rằng Campuchia là một nguồn cung cấp quan trọng cho đối phương. Nhà phân tích CIA Jim Graham đã hạ thấp tầm quan trọng của việc thâm nhập vũ khí và đạn dược từ Campuchia vào Nam Việt Nam, tuyên bố rằng hầu hết đến từ Đường mòn Hồ Chí Minh. Thomas L. Ahern Jr., Câu hỏi Hay, Câu trả lời Sai : Ước tính của CIA về Giao thông Vũ khí qua Sihanoukville, Campuchia, Trong Chiến tranh Việt Nam (Washington, DC : Trung tâm Nghiên cứu Tình báo, 2004), 15-16. Lập trường này sẽ bị mất uy tín một cách dứt khoát sau cuộc lật đổ Sihanouk vào năm 1970, điều này cho Hoa Kỳ tiếp cận với những bằng chứng áp đảo về việc Bắc Việt vận chuyển tiếp tế qua Campuchia. Ibid., xi-xii.

1151

1152

lục chiến ở Việt Nam : Năm Định đoạt, 411.

1153

1154

Người lính : Sự Hy sinh và Đóng góp của Cựu chiến binh Việt Nam Chúng ta (Nashville : Nelson Books, 2020), 214-215.

1155

Đông Dương, 269.

1156

thấp hơn nhiều, liệt kê thương vong của Cộng sản trong năm là 113.295. Trần Bạch Đằng, Lịch sử Nam Bộ Kháng Chiến, Tập

II (Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2010), 673.

1157

Nam, Tóm tắt Lực lượng Đối phương, tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu Mật từ Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18. Tổng số hàng năm không xa con số 140.000 được cung cấp trong một cuốn sử của Bắc Việt Nam. Tran Van Quang và những người khác, Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, 314. Đối với ước tính về tuyển quân và bắt lính, vốn dựa trên thông tin kém đáng tin cậy hơn, xem MACV, 1968 Lịch sử Chỉ huy, 88-89. Sự thay đổi về quân số của Bắc Việt Nam đến từ Combined Intelligence Center Vietnam, Tóm tắt Lực lượng Chiến đấu, tháng 9 năm 1972, 2, Hồ sơ của Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Việt Nam, Phần 2, Các nghiên cứu Mật từ Trung tâm Tình báo Phối hợp Việt Nam, 1965-1973, cuộn 18. Các con số chính xác về tù binh bị bắt không có sẵn ; con số 14.000 là một ước tính dựa trên tỷ lệ giữa chết và bị bắt là 13 trên 1 vào năm 1967. Ước tính Tình báo Quốc gia Đặc biệt 14.3-67, «Khả năng Chiến đấu của những người Cộng sản Việt Nam ở Nam Việt Nam», ngày 13 tháng 11 năm 1967, LBJL, Gibbons Papers, hộp 32.

1158

Cuộc Tiến Công Và Nổi Dậy Xuân 1968», Tạp Chí Lịch Sử Quân Sự, 26, Số 2 (1988), 24.

1159

cuộc chiến đến cuối năm 1968 và khoảng 45.000 trong ba tháng đầu năm 1969. Thayer, Chiến tranh không Chiến tuyến, 102 ;

Littauer và Uphoff, biên tập. Chiến tranh Không quân ở Đông Dương, 270.

1160

Washington Post, ngày 6 tháng 4 năm 1969. Các nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam được biết đến với việc sử dụng các số liệu không chính xác trong các tuyên bố công khai nhằm mục đích làm cho phe họ trông thành công hơn. Vào cuối năm 1968, Hồ Chí Minh đã tuyên bố rằng trong một năm của «những chiến thắng vẻ vang», lực lượng Cộng sản đã giết chết 165.555 quân địch, gần gấp bốn lần số tử vong thực tế của phe đồng minh. MACV, 1968 Lịch sử Chỉ huy, 2. Những người Cộng sản Việt Nam đã cung cấp thêm bằng chứng xác thực về sự gần đúng của con số thương vong của họ so với con số của Mỹ trong một tiết lộ sau chiến tranh về tổng tổn thất từ 1960 đến 1975. Trong thời gian đó, họ tuyên bố, họ mất 849.018 người chết cộng với khoảng 232.000 mất tích và 463.000 bị thương. Số thương vong dao động đáng kể từ năm này sang năm khác, nhưng một mức độ chính xác có thể được suy ra từ thực tế là 500.000 là 59 phần trăm của tổng số 849.018 và rằng 59 phần trăm số ngày của cuộc chiến đã trôi qua tại thời điểm Fallaci nói chuyện với Giáp. Con số tử trận đến từ «Chuyên đề 4 : Công Tác Tìm Kiếm, Quy Tập Hải Cốt Liệt Sỹ Từ Nay Đến Năm 2020 Và Những Năm Tiếp Theo», tải xuống ngày 1 tháng 12 năm 2017 từ trang web chính phủ Việt Nam datafile.chinhhsachquandoi.gov.vn/Quĩn%20Iy%20cha%20Xio/Chuyên%20J%204.doc. Các con số trên về mất tích và bị thương được tính toán bằng cách sử dụng tỷ lệ thương vong đã công bố của Hà Nội cho giai đoạn từ 1945 đến 1979, trong thời gian đó những người Cộng sản phải

chịu 1,1 triệu người chết, 300.000 mất tích và 600.000 bị thương. Ho Khang, biên tập, Lịch Sử Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước 1954-1975, Tập VIII : Toàn Thắng (Hà Nội : Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2008), 463.

1161

để đẩy nhanh chiến thắng, mặc dù không rõ họ tin khả năng thành công của nó là bao nhiêu. Lấy cảm hứng từ những ký ức về vụ lật đổ Ngô Đình Diệm, Bộ Chính trị đã chỉ thị COSVN (Trung ương Cục miền Nam) kích động một cuộc đảo chính ở Sài Gòn bằng cách thao túng các thành phần thân Pháp trong chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Khi đó Hà Nội có thể phát động một chiến dịch quân sự mạnh mẽ sẽ buộc Nixon phải rút toàn bộ quân Mỹ một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, kích động một cuộc đảo chính sẽ khó khăn hơn nhiều so với những năm trước, bởi vì cơ sở ngầm của Hà Nội ở Sài Gòn đã tan hoang. Đào Trọng Cảnh, biên tập, Văn Kiện Đảng, Tập 29, 1968, 549-551.

1162

trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 3, 630.

1163

FRUS, 1964-1968, 7, 265.

1164

1165

trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 2, 608 ; Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao, ngày 6 tháng 5 năm 1969, trong Pike, biên tập, The Bunker Papers, 3, 680.

1166

trong Pike, biên tập, *The Bunker Papers*, 2, 608.

1167

Đông Dương, 268-269.

1168

trong Pike, biên tập, *The Bunker Papers*, 3, 635.

1169

Sau Việt Nam», ngày 14 tháng 11 năm 1968, CREST, số tài liệu 0001166458.

1170

Zeitgeist (tinh thần thời đại) của giới trí thức khi mô tả một sự kiện anh tham dự tại Đại học Vanderbilt trong thời gian này. Trong một hội trường chật kín các giảng viên và sinh viên say mê, William Sloane Coffin, tuyên úy của Đại học Yale, đã lớn tiếng phản đối cuộc chiến. Khi một cựu chiến binh trẻ lên tiếng nói rằng anh tự hào vì đã phục vụ đất nước mình ở Việt Nam, Coffin đã «xé nát anh ta bằng lời lẽ», theo mô tả của Dorland. «Khán giả là những người Mỹ thông minh đã đứng dậy, la hét và chế nhạo người lính», Dorland kể lại. «Tôi nghĩ họ sắp lynch anh ta. Sau đó, tôi nhìn thấy đôi chân của anh. Chúng đã bị cụt đến tận đùi—bị thổi bay bởi một quả mìn của Việt Cộng. Tôi buồn nôn và tức giận ; tôi chạy ra ngoài và nôn mửa.» Dorland, *Di sản của Bất Hòa*, xi.

1171

52-57.

1172

Công chúng Ủng hộ», Washington Post, ngày 7 tháng 10 năm 1968.

1173

92 ; Lunch và Peter W. Sperlich, «Ý kiến Công chúng Mỹ và Chiến tranh ở Việt Nam», 27. Dữ liệu thô có sẵn trên trang web của Inter-university Consortium for Political and Social Research. Dữ liệu năm 1966 và 1968 đã bị đảo ngược một cách sai lầm trong Gibbons, Chính phủ Hoa Kỳ và Chiến tranh Việt Nam, 3, 143.

1174

1175

nghiệm từ Việt Nam và các cuộc chiến tranh khác, rằng ý kiến công chúng thời chiến ở Hoa Kỳ nhìn chung dựa trên đánh giá hợp lý về cuộc chiến và mối quan hệ của nó với lợi ích của Hoa Kỳ. Bruce Russett, Kiểm soát Thanh gươm : Quản trị Dân chủ về An ninh Quốc gia (Cambridge : Nhà xuất bản Đại học Harvard, 1990) ; Eric V. Larson, Thương vong và Đồng thuận : Vai trò Lịch sử của Thương vong trong Hỗ trợ Trong nước cho các Hoạt động Quân sự của Hoa Kỳ (Santa Monica : Rand, 1996) ; Christopher Gelpi, Peter D. Feaver, và Jason Reifler, Trả Giá bằng Mạng người cho Chiến tranh : Ý kiến Công chúng Mỹ và Thương vong trong các Xung đột Quân sự (Princeton : Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2009).

1176

Bắc Việt Nam được Ủng hộ Mạnh mẽ», Washington Post, ngày

22 tháng 2 năm 1965 ; Louis Harris, «Chính sách Việt Nam được Ủng hộ, Nhưng với những Lo ngại», ngày 28 tháng 6 năm 1965.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	4
Chương 1 - Quân đội nước ngoài	26
Chương 2 - Thế Đứng Domino	78
Chương 3 - Cuộc chiến tiêu hao	102
Chương 4 - Một bước lùi	169
Chương 5 - Sự trở lại của phật tử	201
Chương 6 - Đóng nắp hậu cứ	251
Chương 7 - Đại nguyên soái thực thụ	289
Chương 9 - Leo thang	381
Chương 10 - Những Tồn Thất Kỷ Lục	432
Chương 11 - Chuyển bay của samson	504
Chương 12 - Tết mật thân	588
Chương 13 - Phản ứng	632
Chương 14 - Điều hâu và bồ câu	687
Chương 15 - Làn sóng thứ hai	715
Chương 16 - Đợt tấn công thứ ba	764
Chương 17 - Thêm dây thừng	806
Lời cảm ơn	897
Danh sách các chữ viết tắt	901

